David Copperfield

Charles Dickens

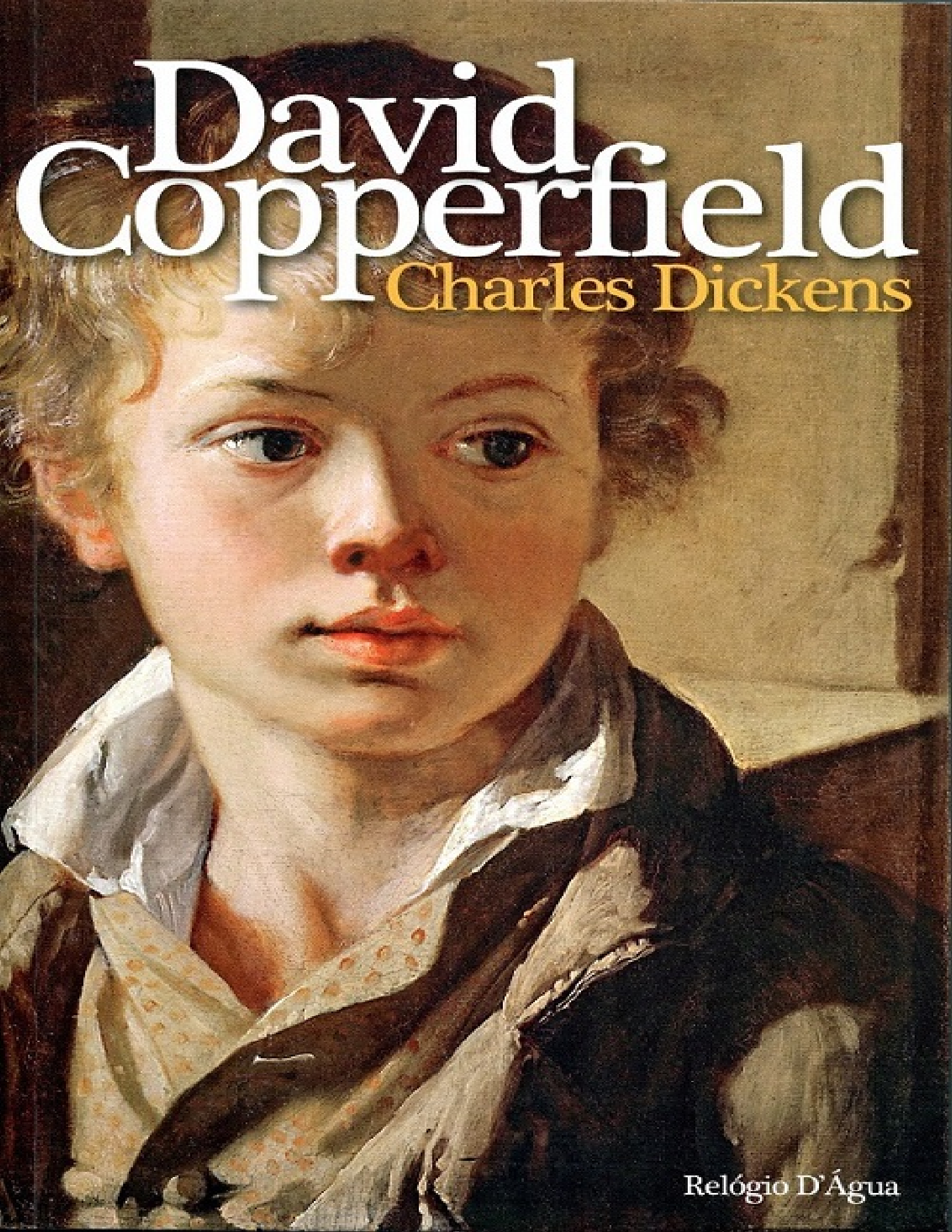

Relógio D'Água

David Copperfield

Tác giả: Charles Dickens

Dịch giả: Nhữ Thành

Nhà xuất bản: Nxb Văn học

Tập I: 722 trang, in năm 1976

Tập II: 636 trang, in năm 1977

Khổ sách: 13 x 19 cm

* * *

Chụp ảnh: lens9x

Thực hiện ebook: tamchec

Soát lỗi: thanhhaitq, tamchec

Ngày hoàn thành: 26/07/2014

Nguồn: Sách hay cùng đọc

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/

Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :

Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree

Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Mục lục

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

LỜI GIỚI THIÊU

LỜI TƯA

Chương I TÔI RA ĐỜI

Chương II TÔI QUAN SÁT

Chương III MÔT SƯ THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TÔI

Chương IV TÔI BI GHÉT BỎ

Chương V TÔI BI TỐNG KHỎI NHÀ

Chương VI TÔI MỞ RÔNG PHAM VI GIAO THIÊP

Chương VII HOC KỲ THỨ NHẤT CỦA TÔI Ở XALEM HOC HIÊU

Chương VIII NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA TÔI, MÔT BUỔI CHIỀU HANH PHÚC

Chương IX TÔI CÓ MÔT NGÀY SINH NHÂT ĐÁNG GHI NHỚ

Chương X NGƯỜI TA BỎ RƠI TÔI VÀ TÔI KIẾM KẾ SINH NHAI

Chương XI TÔI BẮT ĐẦU KIẾM KẾ SINH NHAI: TÔI KHÔNG THẤY THÍCH THÚ GÌ CẢ

Chương XII SỞ THÍCH KIẾM KẾ SINH NHAI CỦA TÔI CŨNG KHÔNG TĂNG THÊM VÀ TÔI QUYẾT ĐINH MÔT VIÊC QUAN TRONG

Chương XIII HÂU QUẢ CỦA QUYẾT ĐINH CỦA TÔI

Chương XIV CÔ TÔI QUYẾT ĐINH VỀ SỐ PHẬN TÔI

Chương XV TÔI LAI BẮT ĐẦU

Chương XVI TÔI LÀ MÔT ĐỨA TRẺ MỚI MẺ VỀ NHIỀU MĂT

Chương XVII MÔT NGƯỜI NÀO ĐÓ XUẤT HIÊN

Chương XVIII NHÌN LAI QUÁ KHỨ

Chương XIX TÔI NHÌN XUNG QUANH TÔI VÀ PHÁT HIÊN ĐƯƠC MÔT ĐIỀU

Chương XX Ở NHÀ XTIẾCPHOÓC

Chương XXI BÉ EMILI

Chương XXII MÔT VÀI CẢNH CŨ VÀ MÔT VÀI NGƯỜI MỚI

Chương XXIII NHỮNG LỜI NÓI CỦA ÔNG ĐÍCH ĐƯƠC XÁC NHÂN VÀ TÔI CHON MÔT NGHỀ

Chương XXIV HÀNH ĐÔNG BỪA BÃI ĐẦU TIÊN

Chương XXV TIÊN và QUỶ

Chương XXVI TÔI BI CẦM TÙ

Chương XXVII TOMMI TRATĐƠN

Chương XXVIII LỜI THÁCH THỨC CỦA ÔNG MICÔBƠ

Chương XXIX TÔI LAI ĐẾN NHÀ XTIẾCPHOÓC THĂM CÂU TA

Chương XXX MÔT TỔN THẤT

Chương XXXI MÔT TỔN THẤT LỚN HƠN

Chương XXXII BƯỚC ĐẦU CỦA MÔT CUỘC DU LICH DÀI

Chương XXXIII NGÂY NGẤT

Chương XXXIV CÔ TÔI LÀM TÔI SỬNG SỐT

Chương XXXV CHÁN NẢN

Chương XXXVI PHẤN KHỞI

Chương XXXVII MÔT GÁO NƯỚC LANH

Chương XXXVIII SƯ CÔNG TÁC CHẤM DỨT

Chương XXXIX UÝCHCƠPHIN VÀ HIP

Chương XL CON NGƯỜI LANG THANG

Chương XLI NHỮNG NGƯỜI CÔ CỦA ĐÔRA

Chương XLII TÀN ÁC

Chương XLIII LAI NHÌN VỀ QUÁ KHỨ

Chương XLIV CHÚNG TÔI LO VIÊC NÔI TRƠ

Chương XLV ÔNG ĐÍCH THƯC HIÊN LỜI TIÊN ĐOÁN CỦA CÔ TÔI

Chương XLVI TIN TỨC

Chương XLVII MÁCTA

Chương XLVIII VIÊC GIA ĐÌNH

Chương XLIX TÔI BI LÔI CUỐN VÀO MÔT ĐIỀU BÍ MÂT

Chương L GIẤC MƠ CỦA ÔNG PÉCGÔTI ĐƯƠC THƯC HIÊN

Chương LI MÔT CUỘC DU LICH DÀI HƠN BẮT ĐẦU

Chương LII TÔI DƯ VÀO MÔT CUỘC BÙNG NỔ

Chương LIII LẠI NHÌN LẠI QUÁ KHỨ

Chương LIV NHỮNG CÁCH THU XẾP CỦA ÔNG MICÔBƠ

Chương LV CƠN BÃO

Chương LVI VẾT THƯƠNG MỚI VÀ VẾT THƯƠNG CŨ

Chương LVII NHỮNG NGƯỜI XUẤT DƯƠNG

Chương LVIII VẮNG MẶT

Chương LIX TRỞ VỀ

Chương LX ÁCNÉT

Chương LXI NGƯỜI TA CHỈ CHO TÔI THẤY HAI TÊN TÙ ĐÁNG CHÚ Ý

Chương LXII MÔT ÁNH SÁNG CHIẾU TRÊN ĐƯỜNG ĐI CỦA TÔI

Chương LXIII MỘT NGƯỜI KHÁCH

Chương LXIV NHÌN LAI QUÁ KHỨ LẦN CUỐI CÙNG

LỜI GIỚI THIỆU

Saclơ Đickenx sinh ở Poocxi, một thành phố nhỏ trên bờ biển thuộc khu vực Poocxmao, ngày 7 tháng 2 năm 1812. Người cha, Jôn Đickenx, là một viên chức thấp ở Sở kho bạc của Bộ Hải quân, ông làm ở Poocxi đến năm 1814, sau đó chuyển sang Luân-đôn rồi sang Satham và đến năm 1822 lại trở về Luân-đôn, và những thành phố này sẽ hiện lên làm thành gần như toàn bộ khung cảnh của sự nghiệp văn học của Saclơ. Thu nhập đã ít, hai vợ chồng lại vô tư, ăn tiêu quá mức, cho nên cậu Saclơ từ bé đến lớn chỉ thấy gia đình loay hoay vật lộn trong cảnh nghèo đói, tủi nhục, nợ nần. Ấn tượng về một tuổi thơ bị hắt hủi, vùi dập, với những mơ ước tan vỡ phũ phàng và cái hiện thực cơ cực đắng cay sau này sẽ trở thành điệp khúc của bản giao hưởng mới mà Saclơ Đickenx đưa vào văn học thế giới.

Saclơ tự nhận xét về mình trong *Đêvit Copơphin*: là đứa trẻ có nhiều năng lực, có óc quan sát tốt, nhanh nhẹn, nhiệt tình, dễ cảm, dễ bị thương tổn về thể xác và tinh thần. Nhận xét ấy là đúng từng chữ một. Saclơ không được học hành gì, suốt ngày lang thang trong tất cả những xó xỉnh nghèo đói cực khổ nhất của Luân-đôn. Tình hình sinh hoạt của gia đình ngày càng sa sút, mười hai tuổi Saclơ bước vào trường đời. Cậu bé làm công ở hiệu làm xi đánh giày Oaren với số lương ít ỏi mỗi tuần là sáu hay bảy si-linh. Sau đó hai tuần, ông Jôn Đickenx bị giam vào nhà tù Macsanxi vì không trả được nợ, bà vợ và các con cũng vào sống trong tù. Cảnh sống quen thuộc với những người mắc nợ, những chủ nợ, những nhà tù nợ sẽ là đề tài sinh động không những của *Đêvit Copơphin* mà cả trong *Picuých* và *Cô bé Đôrit*. Bà mẹ của ông Jôn chết đi, để lại một ít tiền nên ông Jôn được ra khỏi tù, đó là năm 1824. Sau đó vào tháng 6, do sự xung đột giữa ông chủ xưởng làm xi và cha cậu, Saclơ rời khỏi xưởng và suốt đời mình, Đickenx sẽ nhớ mãi cái ấn tượng tàn nhẫn nhục nhã này. Đickenx được đi học trước sau chỉ vỏn vẹn ba năm, trong lúc này, ông Jôn bị Bộ Hải quân thải (vì Bộ không thể chấp nhận một viên chức đã vào tù) nhưng vẫn cấp cho ông một số tiền trợ cấp nhỏ. Tuy thời gian học ít ỏi, nhưng nhờ có sẵn một nghị lực lao động phi thường nên đến năm mười sáu tuổi ông đã là nhân viên giúp việc cho các biện hộ sỹ. Ông học tốc ký và trở thành một người tốc ký vô địch (theo lời các bạn đồng nghiệp) làm phóng viên cho một tờ báo, ghi lại những buổi tranh luận ở Quốc hội. Đó là năm 1828. Cũng vào năm ấy, Đickenx yêu Maria Bitnen, con gái ông chủ ngân hàng. Hai người hứa hôn với nhau được hai năm nhưng mối tình tan vỡ: ông chủ ngân hàng không thể nào chấp nhận một kẻ hạ lưu làm con rể của mình. Đó là lần tủi nhục thứ hai.

Năm 1830, Đickenx mười tám tuổi có được một thẻ thư viện để vào Thư viện Anh, bấy giờ lớn nhất thế giới, ông vùi đầu vào sách với một nghị lực hung bạo - như ông vẫn nói - để bổ sung những kiến thức của mình. Đồng thời, ông vẫn có đủ thì giờ để lượn phố, quan sát cuộc sống, nhìn tận mắt mọi giới, mọi hạng người, mọi hoạt động, xem mọi vở kịch - ông rất mê kịch - và làm việc say sưa! Năng lực làm việc kỳ diệu ấy kết hợp với cách làm việc có phương pháp đã đưa ông đến mọi thành công. Năm 20 tuổi, ông là phóng viên tốc ký chính thức ở Quốc hội cho tờ *Tấm gương Quốc hội*. Nhưng ông không thích Quốc hội. Cho đến hết đời mình, bao giờ ông cũng giữ thái độ khinh miệt đối với những bài diễn văn ồn ào nhưng rỗng tuếch, phù phiếm, không ích lợi gì cho xã hội. Ông tìm một diễn đàn khác.

Vào tháng 12 năm 1833, *Tạp chí Nguyệt san* xuất bản một truyện ngắn dí dỏm mang tên *Bữa ăn ở Popla Uôncơ*, và sáu tháng sau người ta bắt đầu thấy xuất hiện một bút danh mới là Bôdơ trên các tờ *Tin tức buổi sáng* và *Tin tức buổi chiều* với những bài *Những phác họa ngoài phố* và *Những phác họa về Luân-đôn*. Đickenx phác họa những cảnh sinh hoạt mà suốt đời ông đã nhìn với con mắt tò mò nghịch ngợm nhưng trào lộng, chua chát. Đickenx đang tìm đường đi cho cái thiên tài khắc họa vô song của mình.

Ông đã tìm được nó vào năm 1836. Nhà họa sĩ Xâymơ muốn xuất bản một loạt tranh hài hước miêu tả những cảnh săn bắn, thể thao, cưỡi ngựa. Bức tranh có kèm theo một văn bản. Người ta đề nghị Bôdơ viết. Bôdơ (bút danh của Đickenx lúc này) nhận, nhưng đề nghị thay đổi vài điểm: đề tài sẽ do nhà văn chọn và đó là những cuộc du lịch của một câu lạc bộ; sẽ có hai mươi bốn trang văn bản với bốn trang họa và các tập sẽ ra hàng tháng kế tiếp nhau thành một truyện dài mỗi tập giá một si-linh. Quy chế này sau đó có thay đổi đôi chút: số tranh chỉ chiếm hai trang, trái lại số trang văn bản tăng lên ba mươi hai trang. Nhưng nói chung, phần lớn sự nghiệp văn học của Đickenx, không chỉ *Picuých* và *Đêvit Copơphin* mà cả *Nicôlát Nikơnbi, Cô bé Đôrít, Cha con Đômbi, Ngôi nhà lạnh lẽo* v.v… đã ra đời với bạn đọc dưới hình thức này. Quyển Đêvit Copơphin chẳng hạn, số 1 ra ngày 1 tháng 5 năm 1849 gồm 3 chương 1, 2, 3; số 2 ra ngày 1 tháng 5 năm 1849 gồm 3 chương 4, 5, 6 v.v… và ngày 1 tháng 11 năm 1850 hai số cuối là số 19 và 20 ra mắt gồm các chương từ 58 đến 64. Kỷ luật khe khắt ấy bắt tác giả phải viết làm cho số nào cũng dài như nhau. Tác giả thường phải viết dài hơn quy định để khi in lên cắt bớt một số câu cho vừa. Trái lại có trường hợp viết ngắn hơn quy định, tác giả phải đi từ Pari về Luân-đôn để bổ sung như trong số 6 của *Cha con Đômbi*.

Tác phẩm *Picuých* ra đời thành công to lớn. Số đầu ra 400 bản, số 15 tăng lên đúng 100 lần là 4 vạn bản. Đickenx từ nay có thể rời bỏ cái nghề phóng viên tốc ký trở thành nhà văn chuyên nghiệp, ông lấy Catơrin Hogac, con gái ông chủ bút tờ *Tin tức buổi chiều*, một người rất thán phục ông. Ông trở thành nhà văn lớn nhất nước Anh. Lúc này, Đickenx 24 tuổi.

Cuộc đời của Đickenx từ đó là cuộc đời sáng tác văn học phong phú và rực rỡ. Với tiểu thuyết *"Những cuộc phiêu lưu của Olivơ Tuít"* (1838), Đickenx bước hẳn sang chủ nghĩa hiện thực phê phán, ông phác họa cuộc đời của một cậu bé bị xã hội ruồng bỏ phải sống với bọn trộm cắp, và qua đó cuộc sống những người "hạ lưu" của Luân-đôn được vẽ lên với thái độ tố cáo xã hội. Trong tiểu thuyết *"Cuộc đời và những chuyện phiêu lưu của Nicôlát Nikơnbi"* (1839) ông miêu tả những phương pháp giáo dục học sinh man rợ và vạch trần thế lực của đồng tiền. Trong *"Mactin Sazlơuýt"* (1844), viết sau khi sang Mỹ lần đầu, ông phê phán xã hội Anh và Mỹ. Từ 1843 đến 1848 xuất hiện những *Chuyện kể ngày Chúa giáng sinh*, ở đây, lần đầu tiên yếu tố cổ tích xen vào và ông kêu gọi lòng nhân từ, bác ái trong khung cảnh tàn nhẫn của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa.

Năm 1848, *"Cha con Đômbi"* ra đời, bóc trần những tội lỗi của đồng tiền tư bản. Tài năng của ông đang lên đến độ trưởng thành cao nhất. Cuộc đời nghèo khổ đã lùi lại phía sau. Nhà văn danh tiếng, giàu có và tự tin nhìn lại quá khứ và viết tiểu thuyết tự truyện về mình trong một kiệt tác. Đó là *"Đêvit Copơphin"* (1849-1850).

Những thất bại của phong trào hiến chương ở Anh, những kết quả nửa vời của cuộc cách mạng 1848 ở lục địa châu Âu, cảnh nghèo khổ đã cơ cực ngày càng cơ cực của những người công nhân, những người lao động bình thường mà ông tin chắc là đạo đức hơn, cao quý hơn bọn quý tộc và giàu có đã thúc đẩy ông từ bỏ lối tiểu thuyết phiêu lưu, vui nhộn để bước sang tiểu thuyết luận đề - xã hội. *"Ngôi nhà lạnh lẽo"* (1853) tố cáo chế độ luật pháp, *"Thời gian khổ"* tố cáo bọn tư bản công nghiệp. *"Cô bé Đôrit"* tố cáo cuộc sống tù ngục. Thái độ trào lộng nhường chỗ cho châm biếm chua chát. Thiện cảm của ông hoàn toàn dành cho những người bị chà đạp, bị khinh rẻ. Nhưng cho đến cuối đời, ông cũng vẫn không sao hiểu được cái công lý của một cuộc cách mạng của giai cấp công nhân. Những ảo tưởng mà ông tin với thái độ chân thành tội nghiệp bắt ông phải tự phác họa cho các tiểu thuyết của ông một kết thúc tươi sáng, xuất hiện dưới hình thức những nhà giàu nhân từ (!) như trong *Olivơ Tuit, Nicôlát Nikơnbi,* một thuyết bác ái toàn nhân loại, như trong *Những chuyện kể ngày Chúa giáng sinh* hay những cuộc phiêu lưu may mắn ở… bên kia đại dương như trong *Đêvit Copơphin*. Nhưng những

lầm lẫn ấy là dễ hiểu và dễ tha thứ vì con người Đickenx là con người của thời đại nữ hoàng Victoria, cái thời đại tư bản Anh hãy còn phát đạt, còn đủ sức chinh phục thế giới ("mặt trời không lặn trên đế quốc Anh") và do đó, hòa hoãn nhất thời những mâu thuẫn nội bộ và đánh lừa con người ngây thơ, dễ cảm như Đickenx.

Nhưng cuộc sống văn học không phải là cuộc sống duy nhất của ông. Bản tính hoạt động, say mê nhiều việc cùng một lúc, ông làm chủ một tờ tuần báo, hoạt động chính trị, diễn kịch, làm việc từ thiện, đi du lịch. Ngoài ra, từ năm 1858 Đickenx còn đọc những tác phẩm mình cho công chúng nghe để lấy tiền làm việc thiện. Từ đó, những việc đọc này trở thành bộ phận thường xuyên trong đời sống, nó làm cử tọa ngây ngất, làm ông càng gần với quần chúng nhưng cũng đồng thời làm cho sức khỏe của ông, vốn dĩ đã kém, lại càng sa sút nhanh chóng. Và tất cả những hoạt động ấy diễn ra trong một hoàn cảnh gia đình lục đục, vì trái ngược với Đêvit, Đickenx hoàn toàn không thấy sự yên tĩnh trong gia đình. Sau hai mươi năm sống chung trong tình trạng cãi cọ thường xuyên, vợ chồng mỗi người ở một nơi, các con cũng chia đôi (Đickenx có mười đứa con) và Đickenx phải để các con đi ra nước ngoài, đứa thì đi Úc, đứa thì đi Trung quốc, đứa thì đi lênh đênh trên đại dương để khỏi sống cuộc đời ngồi không ăn bám. Cuộc sống ấy chỉ có thể làm cho ông kiệt sức. Ông chết ngày 9 tháng 5 năm 1870 trong khi đang viết dở quyển tiểu thuyết *"Bí mật của Edin Đrut"*.

Đickenx có viết trong tờ di chúc của mình xin đừng dựng cho ông một đài kỷ niệm nào hết. Ông tin rằng mình sẽ sống trong con tim người đọc và đó là muôn vạn đài kỷ niệm. Không có gì đúng hơn. Trong văn học Anh, không có ai dân tộc hơn, quần chúng hơn Đickenx. Không có ai mà tác phẩm được chờ đợi say sưa háo hức đến thế. Một giáo sĩ kể chuyện một người bệnh được rửa tội trước khi chết, khi chép miệng lắc đầu mà nói: "Lạy chúa! Dù sao thì ngày mai chuyện *Picuých* vẫn cứ được đăng tiếp! Thực tiếc không được đọc nó". Ngay khi mới được tạo ra nhân vật của ông đã được nhận ra ngay ở trong đám đông và người xem trao đổi, thư từ với ông về nhân vật. Cô Maosơ mà chúng ta bắt gặp ở chương XXII chẳng hạn là một nhân vật có thực. Ngay sau khi được miêu tả, mọi người đều nhận ra cô, đến nỗi cô phải viết thơ cho Đickenx yêu cầu ông miêu tả cô ta kha khá một chút và cấp cho cô một kết thúc tốt. Và như ta thấy, Đickenx đã làm cô vừa lòng. Sextơctơn nói "Nghệ thuật của Đickenx là nghệ thuật tuyệt mỹ nhất; đó là cái nghệ thuật làm mọi người thích thú". Tất cả mọi người từ em bé đến ông già đều thích Đickenx, và đều hiểu được Đickenx, đều tìm thấy ở những tác phẩm của ông những người bạn mà người ta có thể tin cậy và yêu mến.

Đánh giá Đickenx, L. Cadamian nói: "Trong số các nhà tiểu thuyết Anh, Đickenx không phải là con người nghệ sĩ nhất, nhà tâm lý học tinh vi nhất, nhà hiện thực hoàn mỹ nhất, người kể chuyện quyến rũ nhất; nhưng rõ ràng ông là người dân tộc nhất, điển hình nhất và lớn nhất". Đúng thế, những người trí thức có thể thích một nhà tiểu thuyết khác hơn tùy theo sở thích riêng của họ về nghệ thuật, về tâm lý, về hiện thực hay về tài kể chuyện, nhưng nhân dân Anh hơn trăm năm nay trước sau vẫn chọn Đickenx vì ông là "dân tộc nhất, điển hình nhất và lớn nhất". Và cần phải nói thêm cái tính dân tộc ấy không phải chỉ dành riêng cho nước Anh. Ở Liên-xô, ở Pháp, ở Đức, đâu đâu tác phẩm của ông cũng được ưa thích. Chỉ nói riêng quyển *"Đêvit Copơphin"* thôi đã khiến cho nhiều tác giả viết hàng chục tiểu thuyết về tuổi thơ bị hắt hủi, về những cuộc phiêu lưu của một đứa bé. Những chuyện này ít nhiều đều dựa vào khuôn mẫu của *Đêvit*. Nó đã mở đầu cho một trào lưu văn học về thiếu niên. Nếu tham vọng lớn nhất của một nhà văn là được tin và được yêu thì trong tất cả các nhà văn, Đickenx là người đã thực hiện cái tham vọng ấy đến mức độ đầy đủ nhất.

*

Trong bài Tựa của *Đêvit Copơphin*, Đickenx viết: "không ai đọc truyện này mà có thể tin nó hơn

tôi đã tin khi viết nó ra". Với tư cách một nhà văn mà những tác phẩm đã chinh phục không phải chỉ nước Anh, mà cả châu Âu và nước Mỹ, ông thú nhận: "Trong tất cả những quyển sách của tôi, đây là quyển tôi yêu quý nhất", ông gọi *Đêvit Copơphin* là "đứa con cưng". Và hậu thế đã xác nhận nhận định ấy. *Picuých* có thể làm người ta thán phục hơn về tài trào lộng, *Olivơ Tuit, Người bạn chung* có thể làm người ta bị lôi cuốn hơn vì câu chuyện có một kết cấu tài tình. *Cô bé Đôrít*, *Thời gian khổ*[1], *Chuyện kể ngày lễ giáng sinh* có thể làm người ta thích hơn vì giá trị xã hội; *Cha con Đômbi*, *Những niềm hy vọng lớn* có thể làm người ta cảm động hơn v.v… Nhưng cái đỉnh cao nhất của sự nghiệp văn học của ông, tác phẩm chân thực nhất, con cưng của nền văn học Anh, đó là Đêvit Copơphin. Đickenx đã làm thế nào để đạt được cái kết quả kỳ diệu ấy?

Đêvit Copơphin chinh phục con người bằng tính chân thực đáng tin của nó. Cố nhiên, đây không phải một quyển tự truyện đơn thuần, một quyển hồi ký đơn thuần mà là một quyển tiểu thuyết trong đó yếu tố hư cấu là chủ đạo xen lẫn với những sự thực rút ra từ cuộc đời của bản thân tác giả. Nhưng tác giả đã khéo kết hợp cái hư với cái thực và đưa vào đấy một sự phân tích nội tâm sâu sắc và triệt để, phanh phui tất cả những tâm trạng, những ý nghĩ của mình một cách công phu, và có thể nói tàn nhẫn, làm cho người ta thấy đây đúng là sự sống kết tinh lại, đây chính là con người Đickenx.

Phần hư cấu và phần tự truyện đều biểu hiện rất rõ qua tiểu sử Đickenx. Cố nhiên Đickenx không hề mồ côi cha mẹ, không hề có bà cô mẫu nào như bà Betxi, không hề được học hành chu đáo như Đêvit, không hề có chị bảo mẫu trung thành nào như Pécgôti, không hề lấy bà vợ trẻ con như Đôra v.v… Những chi tiết tự truyện có thể thu hẹp trong bốn việc: cuộc đời của Đêvit làm lao công ở Công ty Mơcxtôn và Grinbi là sao lại mấy tháng Saclơ sống ở xưởng làm xi; cuộc sống của ông bà Micôbơ là cuộc sống của cha mẹ chàng, tình yêu say đắm của Đêvit đối với Đôra là tình yêu của Saclơ đối với Maria Bitnen. Đặc biệt cái nghị lực hung bạo của Đêvit trong việc học làm biện lý - biện hộ sỹ, học tốc ký, viết báo, viết văn nói lên quyết tâm phấn đấu và con đường văn học của Saclơ. Về một số điểm khác các nhà nghiên cứu vẫn không nhất trí. Ai là Ácnét, cô em gái, nàng tiên và sau này là vợ Đêvit? Phải chăng đây chỉ là một ước mơ vì Đickenx không tìm được hạnh phúc trong gia đình? Phải chăng nó ám chỉ cô em vợ là Joojina Hoggac? Ai là Tratdơn? Phải chăng nó nhắc gợi bóng gió tới Jôn Foocxtơ, người bạn trung thành nhất, người xuất bản các tác phẩm của ông và sau này là người viết quyển tiểu sử có uy tín nhất về ông: *Cuộc đời của Saclơ Đickenx?* Về những chi tiết này và những điều tương tự, đó là công việc của các nhà nghiên cứu. Đối với chúng ta, những độc giả của Đickenx chỉ có một điều quan trọng mà thôi: qua nhân vật Đêvit, Đickenx đã bóc trần tâm hồn mình và tính chân thực của Đêvit Copơphin là tính chân thực của tâm hồn tác giả.

Và đây là điểm mới tác giả đã đem đến cho nghệ thuật của mình. Thực vậy, trước *Đêvit Copơphin* ta có một Đickenx khác. Đickenx tiền-Đêvit là Đickenx của những bức khắc họa vô song. Hình ảnh của Micôbơ chẳng hạn là một thí dụ của lối khắc họa ấy. Lần nào ta bắt gặp ông, lập tức ta thấy cái cổ giả, cái kính tay, cái giọng nói bề trên, cái ngôn ngữ khách khí (thế nào cũng có chữ "tóm lại, nói chung"…), cái bệnh viết thư, cái thái độ chuyển nhanh chóng từ vui sang buồn, cái tâm trạng lạc quan và cả cốc rượu ngũ vị của ông ta nữa! Và không phải chỉ có ông Micôbơ. Bà Micôbơ, Uria Híp, Tratdơn, chị Pécgôti, cô Mơcxtôn v.v… tất cả các nhân vật của Đickenx đều thế cả. Con người của Đickenx là con người của những tập quán, những cử chỉ, những lời nói điển hình. Nghệ thuật tiền-Đêvit là nghệ thuật trào lộng. Nó bắt người ta cười khi nước mắt chảy, và bắt ta buồn thắt ruột nhưng vẫn phải cười. Muốn thí nghiệm điều đó ta chỉ cần đọc bất cứ chương nào, chương XIV chẳng hạn. Nghệ thuật tiền-Đêvit là nghệ thuật bố trí sự việc dồn dập, tình tiết căng thẳng, ngôn ngữ đối chọi và làm sao cho bất cứ chi tiết nào nhỏ nhất trong một chương cũng đều có quy luật nhân quả với các

chương khác làm thành một cấu trúc thực chặt chẽ như một vở kịch. Chính những ưu điểm ấy đã làm cho các tác phẩm của Đickenx lôi cuốn mọi người bắt họ phải say mê như điên như dại.

Nhưng những ưu điểm ấy cũng có nhược điểm của nó. Sự khắc họa dễ thành biếm họa, khi những đường viền quá đậm, con người quá rõ thì cái mập mờ huyền ảo cũng mất đi. Khi cái tính máy móc của cuộc sống hiện ra với trình độ chính xác của cái đèn kéo quân thì cái chiều sâu, cái con người lưu chuyển và đa dạng, cái thế giới nội tâm khó lòng khỏi bị thương tổn. Chính vì vậy mà khi Thackơri xuất hiện với *Hội chợ phù hoa* (1747-1848)[2] với một phương pháp miêu tả mới, bỏ bề ngoài, đi vào nội tâm thì cái uy tín của Đickenx tuy vẫn lừng lẫy nhưng không còn là uy tín độc nhất nữa. Không những thế, ngay lúc *Đêvit Copơphin* ra từng số một, thì Thackơri cũng cho ra từng số một quyển tiểu thuyết tự truyện của mình là *Penđennit*.

Chính trong hoàn cảnh đua tài ấy, nghệ thuật của Đickenx đã bước sang một bước chuyển quyết định. Trong khi vẫn giữ biện pháp khắc họa đối với những nhân vật mà ông căm ghét như Cô Mơcxtôn, Uria Híp, hay đối với những con người của một động cơ duy nhất, dù động cơ đó là cô con gái yêu (ông Uýchơphin), mẹ con bà chủ (chị Pécgôti), đứa cháu gái (ông Pécgôti), một dịp may hiếm có (ông Micôbơ) v.v… - nhưng ở đây, tất cả đều chan chứa cái vẻ trữ tình tươi mát ngây thơ làm cho họ trở thành đáng yêu hết sức - ông đã đưa ra những con người khác, uyển chuyển, đa dạng, mâu thuẫn đến khó hiểu, đó là cô Đactơn, Xtiếcphoóc, Emili và nhất là Đêvit. Cô Đactơn - con người đã từng được yêu chuộng, nâng niu rồi bị vứt bỏ, hắt hủi - tha thiết sống bằng một cuộc sống nội tâm bị dồn ép, bị kiềm chế gắt gao, nhưng chỉ chờ một dịp nhỏ để bùng nổ. Xtiếcphoóc, con người tài hoa, có thừa mọi khả năng để thành đạt, để có được danh vọng, nhưng lại vứt bỏ tất cả để chạy theo những ham thích mới, đi đến chỗ phá hoại hạnh phúc của người khác, làm những hành động bỉ ổi, hèn hạ nhưng vẫn là một con quái vật hấp dẫn. Câu chuyện về Emili, cô gái hồn nhiên, trong trắng, tươi mát trong tuổi thơ ngây, rồi bị quyến rũ, sa ngã và được cứu, bộc lộ một tài năng phân tích hiếm có. Nhưng Đickenx chưa bao giờ biểu hiện cái thiên tài phân tích nội tâm cho bằng khi ông tự bộc lộ mình.

Cũng như Đickenx, Đêvit là một cậu bé quan sát tinh tế, có trí nhớ thực tốt, dễ cảm, dễ bị tổn thương về tình cảm. Đickenx nhận thức sâu sắc nỗi đau khổ của một tâm hồn thơ ấu bị hắt hủi, khinh bỉ. Đêvit có nhiều mơ ước, có nhiều tham vọng cho nên càng đau đớn âm thầm khi những mơ ước ấy bị chà đạp. Đêvit là một người bạn tốt nhưng có phần ích kỷ, say mê bồng bột trong tình yêu, phần nào mù quáng trong tình bạn. Sự phân tích của Đickenx và Xtiếcphoóc, giữa Xtiếcphoóc và Đactơn, cũng như giữa Đêvit và Đôra. Đó là một sự phân tích tàn nhẫn nhưng rất hiện thực, nó làm cho ta thấy tâm hồn của Đickenx.

Nhưng tính chất chân thực, đáng tin chỉ mới là một mặt. Quan trọng hơn, tác phẩm của Đickenx bao giờ cũng rất đáng yêu và *Đêvit Copơphin* là con cưng của bạn đọc cũng là vì thế.

Nó đáng yêu trước hết bởi cái chủ đề của tác phẩm: tuổi thơ ấu của những đứa trẻ mồ côi, và nhiệm vụ của xã hội đối với họ. Cố nhiên các đứa trẻ mồ côi chiếm một vị trí quan trọng trong các tác phẩm của Đickenx. Nhưng không ở đâu ta thấy có nhiều trẻ em mồ côi như ở đây. Có những đứa mồ côi cha (như Uria Híp, Xtiếcphoóc), có những đứa mồ côi mẹ (như Đôra, Ácnét), có những đứa mồ côi cả cha lẫn mẹ (như Tratđơn, Emili, Ham, Đactan, Đêvit). Và điều đó cho phép ông nhìn vấn đề giáo dục, nghiên cứu hoàn cảnh sống của các em, đi sâu vào chủ đề gia đình ở mọi khía cạnh, mọi phương diện. Có những đứa trẻ vì được nâng niu chiều chuộng cho nên lớn lên hoặc không làm gì được (Đôra) hoặc trở thành phóng túng, liều lĩnh đi đến những hành động bỉ ổi phá tan hạnh phúc gia đình người khác cũng như hạnh phúc gia đình của mình (Xtiếcphoóc). Có những đứa trẻ vì được giáo dục theo cái lối giả dối, đạo đức giả nên lớn lên thành những tên lừa bịp, đểu cáng (Uria Híp), ông mơ

ước có một bà mẹ dịu dàng như bà Copơphin, nhưng ông muốn có một người đỡ đầu thân ái dù bên ngoài có phần nào nghiêm nghị, như Cô Bétxi. Đó cũng là ý kiến của Xtiếcphoóc khi nói "Đêvi ạ, giá hai mươi năm nay trời cho mình một người cha nghiêm nghị thì tốt quá!" (Chương XXI). Ông căm ghét lối giáo dục gia đình "cứng rắn", tàn nhẫn, lạnh lùng, mà ông gọi là "tôn giáo" của chị em ông Mơcxtôn, ông đòi hỏi đứa trẻ phải được đối xử "âu yếm", phải được thông cảm: "Một lời khuyến khích và giải thích cho tôi, thông cảm với sự dại dột trẻ con của tôi" (Chương II). Cũng vì vậy, ông đòi hỏi một trường học ở đây "trong mọi việc người ta đều đòi hỏi đến lòng trung thực và trọng danh dự của học sinh với ý nghĩ rõ ràng rằng người ta tin vào những đức tính ấy của học sinh hễ học sinh tỏ ra xứng đáng với lòng tin" (Chương XVI). Hình ảnh lý tưởng của nó là trường của Bác sĩ Xtrong, đối lập với trường học chỉ dùng roi vọt của ông Crickcơn trong đó ông hiệu trưởng là một thứ "ôn thần" đối với các học sinh ngây thơ, vô tội.

Vì yêu cầu trẻ em phải được yêu quí, tin yêu và người ta phải tìm mọi cách đảm bảo cho chúng lớn lên thành những con người hữu ích, phát huy những năng khiếu của mình cho nên Đickenx đòi hỏi nhiều ở các bậc cha mẹ. Nếu ông không chấp nhận những bà mẹ chỉ lo nuông chiều con, làm hư con như bà Xtiếcphoóc, hay những ông bố yêu con một cách bệnh hoạn, nhưng không nghĩ đến tương lai của con, suýt nữa làm hỏng cả đời con như ông Uýchơphin, thì ông lại càng không chấp nhận những bậc cha mẹ vô trách nhiệm đối với con cái. Cuộc sống ấu thơ thiếu sự săn sóc, thiếu tình yêu của ông thường xuất hiện trong các tác phẩm. Nhưng nếu như trong *Nicôlát Nikơnbi* ông phê phán bà mẹ chỉ biết nói thao thao bất tuyệt mà không biết lo đến con cái, hay trong *Cô bé Đôrit* ông phơi bày tâm trạng ích kỷ của người cha, thì không bao giờ sự phê phán ấy lại nghiêm khắc nhưng lại trìu mến cho bằng lúc ông dựng lên hình ảnh ông bà Micôbơ.

Chính phương pháp tự sự này là thành tựu cao nhất của thái độ hóm hỉnh Anh, mặc dầu nền văn học ấy đã có Atdidơn và Xuiphtơ. Sự chế nhạo xen lẫn với sự ái ngại, sự ghét bỏ xen lẫn với lòng thương. Người ta có thể đề phòng họ, sợ họ vay tiền hay mượn tên mình để vay nợ, nhưng họ là những người đáng yêu và hấp dẫn. Thackơri gọi Micôbơ "Anh chàng trọn vẹn kia, hưởng lạc, bẩn thỉu và thú tuyệt". Chính cái thái độ vừa dịu dàng trìu mến, lại vừa sắc sảo và khách quan làm cơ sở cho phong cách hóm hỉnh Anh đã cho phép Đickenx khắc họa thành công cả một loạt nhân vật từ Cô Bétxi, anh Bácкít đến anh bạn tốt là Tomat Tratdơn.

Tất cả thiện cảm, tất cả sự thán phục của ông là dành cho những con người lao động bình thường, cho chị bảo mẫu Pécgôti, cho Ham người công nhân đóng thuyền, nhất là cho ông Pécgôti người đánh cá. Chị Pécgôti là hình ảnh lý tưởng của một chị đầy tớ trung thành, tận tụy, vô tư. Đêvit xem chị như bà mẹ của mình và chị chỉ sống để chăm lo cho Đêvi, đứa con của chị. Đó là một bản tính đẹp đẽ ở chỗ quên mình. Chị quên mình vì người khác, vì mẹ Đêvit, vì Đêvit, vì Bácкít; ở chị lòng thương, sự tận tụy hy sinh, thái độ quên mình trở thành bản tính. Ham và ông Pécgôti xứng đáng với lời khen của Emili "Khi em nghĩ Chúa như thế nào, thì em nghĩ Chúa như anh Ham và như cậu (Pécgôti)". Đó là những con người giản dị, chất phác, chân thật, nhưng vô cùng cao quý. Họ cao quý trong cuộc sống, cao quý trong tình yêu, cao quý trong sự hy sinh.

Ham chết để cứu những người bị đắm tàu trong đó có Xtiếcphoóc. Ông Pécgôti suốt đời sống vì người khác. Là một người đánh cá, mình đầy "nước mặn" ông sống để giúp đỡ cưu mang những người nghèo khác như bà Gơmmít, và những đứa cháu của ông. Tâm hồn ông cởi mở, đẹp đẽ, vui sướng vì hạnh phúc của hai cháu, cho đến khi lòng ông tan nát, ông lang thang trên địa lục châu Âu "để tìm con cháu và đem nó về". Nhiều nhà phê bình đã chê trách Đickenx về điểm này, cho rằng ông đã biến ông Pécgôti thành một thứ Chúa cứu thế và như thế là quá đáng. Nhưng chúng tôi nghĩ chính đó là ưu điểm.

Đành rằng hình ảnh ông Pécgôti có mang màu sắc Kinh thánh, nhưng ai sẽ cứu vớt cả nhân loại hiện tại nếu đó không phải là cái giai cấp của Ham và ông Pécgôti, cái giai cấp mà lòng tận tụy hy sinh, quên mình cho kẻ khác là bản tính? Khi nói đến những con người mà xã hội coi thường bao giờ ông cũng biểu lộ thái độ thán phục không úp mở. Ông nói "nếu như xưa nay tôi có kính trọng thán phục một người, thì người đó là ông Pécgôti", ông thừa nhận bà Gơmmít, cái bà hay rên rỉ, đã "cho tôi một bài học" về lòng tận tụy. Ngay cả đối với Macta, "một con giun tội nghiệp đã bị tất cả thành phố giẫm lên từ đầu phố đến cuối phố" cũng là một người đáng trọng vì chính cô đã cứu Emili khi nàng sắp rơi xuống "một nơi còn kinh khủng hơn là địa ngục". Và tất cả những con người bình thường ấy đẹp đẽ cao quý biết bao so với những bọn giàu có, sang trọng nhưng ích kỷ, hèn hạ như mẹ con Xtiếcphoóc! Và cái tốt, cái xấu, phân biệt rõ rệt, yêu, ghét phân minh là đặc điểm bất biến của tiểu thuyết Đickenx, nó đã khiến cho những tác phẩm của ông tuy nói về hiện tại nhưng bao giờ cũng có cái hương vị của cổ tích.

Đêvit Copơphin là một tiểu thuyết với một tình thương trìu mến. Ở đây, lần đầu tiên nhà văn tự xưng "tôi" với bạn đọc. Ở đây chỉ có kỷ niệm và những bóng hình của quá khứ. Nhưng điều quan trọng nhất là phải tìm một hình thức kể sao cho ăn khớp, sao cho người đọc tin yêu, và chính ở đây Đickenx đã đạt đến tột đỉnh của thiên tài của mình.

Hơn một trăm năm nay các nhà nghiên cứu đã cố gắng tìm hiểu tại sao mười bốn chương đầu của quyển truyện lại có thể tươi mát, trẻ trung đến thế? Tác giả đã vận dụng nghệ thuật gì để khiến cho toàn bộ tác phẩm mãi đến ngày nay cứ lôi cuốn chúng ta, bắt chúng ta cứ hồi hộp chờ đợi rồi được hài lòng, nhưng lại khao khát mặc dù chúng ta đã đọc nó hàng chục lần chứ không phải như những độc giả đương thời phải sắp hàng từng dãy để đón mua từng số? Phải chăng đó là nhờ chỗ tác giả biết kéo chúng ta vào những hồi tưởng của mình bằng cách trình bày cái lôgích câu chuyện theo cái lôgích của sự hồi tưởng.

Đickenx nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần những chữ "hiện nay tôi còn thấy", "tôi hồi tưởng lại", "ngay bây giờ tôi còn nhớ", những chữ ấy lặp đi lặp lại suốt quyển truyện làm cho chúng ta tưởng chừng như gặp lại quá khứ của mình. Ta gặp chị Pécgôti lần đầu với hộp đồ may trên vẽ nhà thờ Xanh Pôn, và lập tức chị là bạn quen biết của ta. Gặp lần thứ hai, hộp đồ may thành vật kỷ niệm, và mỗi lần nhớ đến chị, gặp chị, tự nhiên ta lại nhớ đến hộp đồ may. Và cứ như vậy, kỷ niệm của Đêvit biến thành kỷ niệm của ta, dường như chính ta nhắc Đêvit yêu cầu anh ta cho ta biết: "Thế nào, hộp đồ may ra sao?". Và cứ như thế cái bàn tay lạnh buốt, thân hình uốn éo của Uria, cái tính ghét lừa của Cô Bétxi, cái vẻ cứng rắn của Cô Mơcxtôn. Những lời nói cũng vậy, trở thành kỷ niệm: hình như Bácкít chỉ sống để nói "Bácкít muốn", ông Uýchơphin sống để nói "động cơ", và Uria xuất hiện là để nói "tôi rất hèn kém". Một điều đáng chú ý trong khi vận dụng rất thành thạo nghệ thuật khắc họa của mình, ở đây Đickenx vẫn sử dụng nó rất vừa phải, tất cả những nét khắc họa cũng như mọi hình ảnh quá khứ đều dịu đi do chỗ xen lẫn với những cảm nghĩ của nhân vật chính. Chỉ thỉnh thoảng ông mới dùng đến lối khắc họa đậm nét như một bức phù điêu, cảnh ông Micôbơ vạch trần những mưu mô dối trá của Uria Híp (chương LII) chẳng hạn sánh ngang với hài kịch Sêcxpia, và cái cảnh đắm tàu ở chương LV đã được xem là không kém Homerơ trong Iliat. Nhưng đó là ngoại lệ, còn thường thường sự vật khách quan bao lần cũng xen lẫn với cảm nghĩ chủ quan như sự hồi tưởng yêu cầu.

Lại còn những cảnh lặp đi lặp lại của những người khác nhau. Phải chăng cần nhắc đến con số? Có bốn cảnh chết miêu tả tỉ mỉ, có hai mươi sáu cảnh khóc trong đó người khóc là người lớn, và nhất là bốn chương dành cho việc hồi tưởng quá khứ xuất hiện hài hòa sau những chặng đường quan trọng của cuộc đời Đêvi.

Phương pháp này có thể nói là vô cùng phù hợp với sự diễn biến nội tâm. Nếu như cái dòng nội tâm của chúng ta là một bản nhạc với những chủ đề đi về, với những giai điệu, những hòa âm lặp đi lặp lại, thì ở đây cũng vậy, Đickenx đưa chúng ta vào cái thế giới giao hưởng của nội cảm. Một hình ảnh hiện lên trong quá khứ, hình ảnh Xtiếcphoóc chết "gối đầu lên cánh tay" chẳng hạn. Lập tức hình ảnh ấy lại nhắc đến một hình ảnh khác cũng ở quá khứ, nhưng ở một quá khứ xa hơn: hình ảnh Xtiếcphoóc ngủ ở trường học, khi còn bé "gối đầu lên cánh tay". Rồi cái chết ấy, hình ảnh ấy lại quyện vào hiện tại: tác giả nhắc đến bạn trong khi cầm bút. Và lát sau dòng tư tưởng lại quay về quá khứ, chúng ta thấy Đêvit ngồi trên chiếc xe đưa thi hài bạn về nhà bà Xtiếcphoóc. Và cứ như vậy, quá khứ, hiện tại, hiện thực, tâm tư xô đẩy nhau, quyện vào nhau để rồi cùng biến mất nhường chỗ cho một đợt sóng mới. Phải chăng chính vì thế mà tâm tư Đêvit, kỷ niệm Đêvit, biến thành tâm tư, kỷ niệm của ta, và cái giao hưởng vang lên trong tác phẩm nghe như bản giao hưởng của cuộc đời thơ ấu và thanh xuân của chính chúng ta?

Nghệ thuật của Đickenx là nghệ thuật của sự tính toán công phu. Không muốn làm bạn đọc bực mình, chúng tôi không trình bày con số các bức thư ông Micôbơ, con số các lần bà Micôbơ nhắc đến ông cụ thân sinh v.v…[3] Đickenx chu đáo vô cùng ở trong ngôn ngữ của mình. Hân hạnh là người dịch *Đêvit Copơphin* chúng tôi thấy được rằng mỗi nhân vật đều có một tiếng địa phương riêng, có những chữ riêng, cách tự sự của Đêvit dựng trên một số chìa khóa như *little "nhỏ" old "cũ"* v.v…, và rất nhiều điều tính toán công phu khác.

Đickenx chú ý tới số phận của từng nhân vật, có thể nói của ngay cả số phận một con chó, không bao giờ ông bỏ sót một cái gì. Quả thực ông là "một ông cha trìu mến đối với những đứa con của óc tưởng tượng của mình" như ông nói trong lời Tựa. Như những bức thư của ông gửi cho người bạn thân nhất là Foocxtơ cho ta biết ông đã để hết tâm lực vào tác phẩm, viết xong chương về Ham và Xtiếcphoóc "tôi hoàn toàn kiệt sức, và nó đã làm tôi tê liệt hoàn toàn". Nghiên cứu chi ly từng câu, từng chữ, thấy tất cả cái công phu bố trí sắp xếp ấy, người ta sẽ ngơ ngác không thể hiểu được khi xét đến cách làm việc của Đickenx. Đickenx không phải là một nghệ sĩ như Tônxtôi trau chuốt tác phẩm của mình cho xong toàn bộ, dù phải viết lại đến lần thứ năm mươi. Tác phẩm ông viết từng đợt theo từng số một, viết một hơi xong một số, không xóa bỏ một chữ (không kể những xóa bỏ vì phải rút lại cho vừa số trang) và toàn bộ tác phẩm là chỉ nằm trong đầu óc của ông chứ trên trang giấy thì Đickenx không có hơn độc giả lấy một trang! Chúng ta chỉ biết sự thực là thế. Còn tại sao nó lại có thể như thế được thì chỉ có thể nói đó là cái khả năng kỳ diệu của đầu óc con người.

Một điều khác cũng rất thú vị đối với những người đã đọc toàn bộ Đickenx. Bị thu hút bởi đối tượng, gần như đây là lần duy nhất tác giả quên đưa ra quan điểm của mình để cải thiện thế giới. Những ý kiến mà người ta rút ra về giáo dục, về xã hội là do hiện thực khách quan đưa đến hay là những ý nghĩ kín đáo của bản thân nhân vật, chứ Đickenx không đứng ra lên tiếng như ở các tác phẩm khác của ông. Nhưng cũng chính nhờ thế mà người đọc đời sau không phải thấy tình trạng mâu thuẫn giữa cái hiện thực xã hội mà tác giả miêu tả với cái tư tưởng cải lương ngây thơ mà tác giả đề xướng. Tác giả có đưa ông Pécgôti, Emili, bà Gơmmít, Macta và ông bà Micôbơ qua bên kia đại dương, sang Úc, cũng như đưa ông thầy học cũ của mình sang đấy chẳng qua cũng chỉ là tìm một thứ kết luận "đại đoàn viên" trong đó mọi người sung sướng để vừa lòng bạn đọc mà thôi, chứ không có tham vọng đưa ra một lý thuyết xã hội nào. Tác giả có mỉa mai Quốc hội, tòa án thì cũng chỉ là nêu lên cái tính chất cổ hủ, lỗi thời của nó chứ không chủ trương phải thay đổi nó như thế nào. Chắc tác giả thấy rằng đây chỉ là kỷ niệm, chỉ là nơi tâm sự, chứ không phải là diễn đàn nên đã kiềm chế được cái tham vọng làm một hộ dân quan. Nhờ vậy khuynh hướng toát ra từ hiện thực và thời đại sau tìm được cái kết luận thích

hợp mà tác giả không thể nào có được vì chưa nắm được cái khoa học duy nhất đúng đắn để phân tích xã hội là chủ nghĩa xã hội khoa học. Và như bạn đọc có thể nhận thấy, *Đêvit Copơphin* không phải vì thế mà bớt hấp dẫn.

Các thế hệ qua đi, nhưng tuổi trẻ còn lại. Tuổi trẻ mơ ước, tin yêu, nó bồng bột, dễ cảm, khao khát tình bạn, mong muốn một sự hướng dẫn đúng đắn. Nó dễ vui, dễ buồn, nó giàu tưởng tượng và tin những tác phẩm nghệ thuật thỏa mãn những nhu cầu trên của nó. Và hễ tuổi trẻ còn như thế thì nó còn tìm thấy ở *Đêvit Copơphin* một người bạn, và *Đêvit Copơphin* còn sẽ được tuổi trẻ tin và đối xử trìu mến.

Nhà văn Andrê Môroa có kể lại câu chuyện: "Năm 1870 khi Đickenx mất và trong tất cả các gia đình ở Anh, ở Úc, ở Canada, ở Mỹ người ta báo cái tin chết của ông cho cả các em nhỏ như một cái tang trong gia đình, người ta kể lại rằng có một cậu bé hỏi: "Bác Đickenx chết à? Thế ông già Noen cũng sẽ chết sao?"[4]

Giới thiệu nhà tiểu thuyết "dân tộc nhất, điển hình nhất, lớn nhất" của văn học Anh với bạn đọc qua tác phẩm hoàn mỹ nhất của ông, người giới thiệu và người dịch tin rằng chắc chắn bạn đọc Việt nam sẽ thấy Đickenx gần gũi mình chẳng khác gì ông già Noen gần trẻ em Anh, và ông già Noen ấy bất tử.

NHỮ THÀNH

---

[1] Đickenx. *Thời gian khổ* Phạm Thủy Ba dịch, NXB văn học 4-1960.

[2] Thackơri. *Hội chợ phù hoa* Trần Kiêm dịch, Nxb Văn học 4-1963.

[3] Chỉ xin nêu một trường hợp: Trong Đêvit Copơphin, Uria Híp xuất hiện 14 lần trong đó tác giả nhắc đến bàn tay dài, xương xẩu 25 lần, cái thân hình uốn éo 28 lần và Uria nói chữ "hèn kém" 106 lần!

[4] Laffont Pompiani. *Từ điển các tác gia*. Mục Đickenx. Nhà xuất bản các từ điển và từ điển bách khoa. Pari 1958.

LỜI TỰA

Trong bài tựa thứ nhất tôi đã nói rằng vì lòng tôi hãy còn tràn ngập những cảm xúc khi vừa viết xong nên tôi cảm thấy khó khăn không thể tách rời ra khỏi tác phẩm để nói đến nó với tất cả thái độ bình thản mà cái danh từ trang trọng "Lời tựa" đòi hỏi. Sự quan tâm của tôi lúc bấy giờ hãy còn mới mẻ và mãnh liệt, đầu óc tôi còn bị chia sẻ giữa vui và tiếc - vui vì đã hoàn thành một công việc dài hơi, tiếc vì phải từ biệt bao người bạn đường - đến nỗi tôi sẽ làm bạn đọc bực mình nếu đưa ra những lời tâm sự riêng tây và thổ lộ những cảm xúc thầm kín.

Tôi lại biết rằng tất cả những gì tôi có thể viết về chuyện này, tôi đã cố gắng nói ở trong câu chuyện.

Chắc hẳn bạn đọc không cần biết người ta khổ tâm như thế nào khi đặt bút xuống kết thúc một công trình tưởng tượng mình đã theo đuổi hai năm trời. Bạn đọc cũng không cần biết tác giả có cảm tưởng gì trong việc vội vàng đưa một phần của mình vào cõi chết, khi anh ta thấy những đứa con của mình do óc mình sáng tạo ra, vĩnh biệt mình. Tuy vậy, tôi không còn điều gì để nói, ngoài việc thú nhận rằng, - thực ra điều này lại càng không có gì quan trọng - không ai đọc truyện này mà có thể tin nó hơn tôi đã tin khi viết nó ra.

Những lời thú nhận này, đến nay vẫn đúng, cho nên tôi chỉ cần thổ lộ thêm một lời tâm sự với bạn đọc. Trong tất cả những quyển sách của tôi, đây là quyển tôi yêu quý nhất. Người ta sẽ dễ dàng chấp nhận nếu tôi bảo rằng tôi là một người cha trìu mến đối với tất cả những đứa con do trí tưởng tượng của tôi tạo nên. Nhưng cũng như nhiều người cha trìu mến khác, trong đáy lòng tôi có một đứa con cưng. Nó tên là Đêvit Copơphin.

CUỘC ĐỜI CỦA ĐÊVIT COPƠPHIN[1]

Chương I
TÔI RA ĐỜI

Tôi có trở thành nhân vật chính của đời mình không hay một người khác sẽ chiếm mất địa vị ấy, những trang sách này sẽ có nhiệm vụ nói rõ điều đó. Để bắt đầu kể đời mình từ lúc nó bắt đầu, tôi ghi rằng tôi sinh vào ngày thứ sáu, lúc mười hai giờ đêm (người ta bảo tôi thế và tôi cũng tin thế). Người ta nói đồng hồ mới bắt đầu đánh boong boong thì cùng lúc đó tôi oe oe tiếng khóc.

Chị bảo mẫu và mấy bà hàng xóm thông thái vốn chú ý nhiều đến tôi hàng tháng trước khi chúng tôi có thể quen biết nhau thực sự, xem ngày sinh tháng đẻ của tôi, rồi đoán thế này: thứ nhất, số tôi thế nào cũng đen đủi: thứ hai, tôi sẽ có nhiều dịp thấy ma. Họ bảo bọn con trai con gái xấu số sinh vào lúc nửa đêm ngày thứ sáu thế nào cũng được trời phú cho hai đặc tính này.

Ở đây, bất tất phải nói về điểm thứ nhất, vì chẳng có gì chứng minh lời tiên đoán trên của họ là đúng hay sai sự thực hơn câu chuyện kể của tôi. Còn về lời tiên đoán thứ hai, tôi chỉ xin lưu ý rằng không biết thời tấm bé tôi đã tiêu phí hết phần di sản ấy rồi hay sao, chứ sau này tôi chẳng hề thấy ma thấy quỷ gì cả. Tuy vậy, tôi vẫn không hề phàn nàn gì về chỗ mình không được hưởng đặc quyền ấy, và hiện nay nếu có ai được hưởng ân huệ đó thì tôi cũng vui lòng xin họ cứ việc giữ lấy cái của nợ ấy cho.

Khi sinh, tôi có tràng hoa quấn cổ, và tràng hoa này được quảng cáo trên báo với một giá rẻ là mười lăm "Ghi-ni". Không hiểu lúc đó dân đi biển thiếu tiền, hay thiếu tin tưởng, nên thích thứ phao làm bằng nút chai hay sao, về điểm đó tôi không được rõ. Tôi chỉ biết một điều: chỉ độc có một người hỏi mua. Đó là ông biện hộ sỹ kiêm nghề cho vay. Ông chỉ đưa ra hai "bảng" tiền mặt, còn bao nhiêu thì giả bằng rượu anh đào chứ nhất định không giả thêm đồng nào nữa để được đảm bảo khỏi chết đuối. Kết quả là, lời rao hàng trên báo phải rút đi và thế là mất toi tiền. Bởi vì về khoản rượu anh đào, thì lúc ấy ngay cả rượu anh đào của bà mẹ yêu quý và tội nghiệp của tôi cũng còn phải đem bán… Thế rồi, mười năm sau, cái tràng hoa của tôi được treo làm giải thưởng trong một cuộc xổ số ở địa phương, có năm mươi người tham dự, mỗi người nộp một đồng "nửa Cơ rao" còn người nào trúng số lại phải giả thêm năm đồng "si-linh" nữa. Lúc ấy tôi cũng có mặt ở đấy, và tôi nhớ rằng tôi khó chịu và ngượng vô kể khi thấy một bộ phận trong người mình bị đưa ra làm cái trò ấy. Tôi nhớ tràng hoa ấy về tay một bà cụ xách rổ. Bà này uể oải lấy ở rổ ra số tiền năm "si-linh" như đã quy định, giả toàn bằng đồng "nửa pen-ni". Cuối cùng đếm thấy thiếu hai "pen-ni" rưỡi. Người ta phải hao hơi tốn sức tính đi tính lại cho bà cụ thấy chỗ thiếu, nhưng vẫn chẳng ăn thua. Quả nhiên, bà cụ này không chết đuối bao giờ. Người địa phương sẽ còn nhớ mãi điều ấy, cho đó là một sự kiện đặc biệt vì bà cụ từ trần oanh liệt trên giường, hưởng thọ chín mươi hai tuổi. Tôi nghe nói: cho đến phút cuối cùng, điều làm bà kiêu hãnh nhất là suốt đời bà chưa hề ở trên mặt nước, (không kể trường hợp đứng trên cầu); và mỗi khi uống trà (bà cụ mê nhất khoản này) bao giờ bà cụ cũng tỏ ra bực tức về bọn thủy thủ vô đạo và những bọn khác dám cả gan "lang thang" trên thế giới. Không tài nào làm bà cụ hiểu rằng sở dĩ có một số lạc thú trên đời, trong đó có cả thú uống trà, chính là do cái việc làm đáng trách đó. Lúc nào bà cụ cũng đáp lại giọng càng kiên quyết và tin tưởng hồn nhiên vào sức mạnh của câu trả lời của mình: "Thôi xin miễn chuyện lang thang cho".

Và bây giờ về phần tôi, để khỏi nói "lan man", tôi xin trở lại chuyện tôi ra đời.

Tôi sinh ở Blơnđơxtôn thuộc xứ Xăpphôc, hay như dân Xcôtlân thường nói: "ở loanh quanh đây đấy". Chưa ra đời, tôi đã là đứa trẻ không cha. Mắt cha tôi đã nhắm lại từ giã ánh sáng cõi đời này sáu

tháng trước khi tôi mở mắt chào đời. Mãi đến nay, mỗi khi nghĩ đến tình trạng cha tôi chưa bao giờ thấy mặt tôi, tôi vẫn cảm thấy là lạ thế nào. Và cái cảm giác lạ lùng này càng tăng thêm mỗi khi tôi bâng khuâng nhớ lại những cảm nghĩ ngây thơ đầu tiên về tấm bia đá trắng trên mộ cha tôi nằm ngoài nghĩa địa. Tôi nhớ tôi thường xúc động một nỗi cảm thương khó tả, khi thấy nó trằm trơ trọi ở đấy giữa đêm tối, trong lúc phòng khách nhỏ chúng tôi có đèn có lửa, ấm áp, sáng trưng, đã thế lại cửa đóng then cài chặt chẽ. Đôi khi tôi có cảm tưởng là đóng chặt chẽ đến tàn nhẫn.

Một người cô của cha tôi, và như vậy là bà cô mẫu của tôi[2], mà sau này tôi sẽ có dịp nói đến nhiều, là nhân vật quyền hành nhất trong gia đình chúng tôi. Cô là cô Trôtút hay cô Betxi như bà mẹ tội nghiệp của tôi thường gọi khi nào mẹ tôi có đủ can đảm thắng được sự sợ hãi đối với nhân vật dễ sợ này (việc này cũng họa hoằn lắm). Cô trước lấy một ông chồng trẻ hơn mình và rất đẹp trai, nhưng lại không phải "Đẹp trai là ai đẹp ông hay đánh đập cô Betxi, thậm chí có một lần vì cãi nhau về chuyện tiền nong, ông vội vã và quyết liệt suýt nữa ném cô qua cửa sổ, từ tầng gác ba xuống đất. Cái tính khí xung khắc như vậy bắt buộc cô Betxi đã phải cho đức lang quân một món tiền để tống khứ và thu xếp chuyện ly dị với sự ưng thuận của cả hai bên. Ông chồng mang vốn liếng sang Ấn-độ; và theo một câu chuyện đồn đại trong gia đình chúng tôi, có lần người ta thấy ông cưỡi voi cùng với một con *hầu*, nhưng tôi đoán đấy là một *hầu*[3] *tước* hay một *hoàng hậu* Ấn-độ. Dẫu sao, non mười năm sau, cũng có tin từ Ấn-độ về báo tin rằng ông ta đã chết. Chẳng ai biết tin ấy làm cô tôi xúc động ra sao; bởi vì ngay sau khi ly dị, cô đã lấy lại cái tên hồi con gái, mua một ngôi nhà ở một thôn xóm rất xa, bên bờ biển, sống độc thân ở đó cùng với một người đầy tớ gái, và từ đấy kiên quyết sống cuộc đời ẩn dật xa cách mọi người.

Nghe đâu cha tôi trước kia đã có lần được cô nuông chiều lắm, nhưng cô tôi giận dữ vô cùng về câu chuyện hôn nhân của cha tôi vì cô bảo mẹ tôi chỉ là một con búp bê bằng sáp[4]. Cô chưa hề gặp mẹ tôi, nhưng cô biết rằng mẹ tôi chưa đến hai mươi. Từ đó, cha tôi và cô Bétxi nết" như tục ngữ thường nói, bởi vì người ta ngờ rằng không bao giờ gặp nhau lại. Lúc lấy mẹ tôi, tuổi cha tôi gấp đôi tuổi mẹ tôi, và tạng người yếu đuối. Một năm sau, cha tôi mất, và như tôi đã nói, sáu tháng trước khi tôi ra đời.

Đấy là tình hình buổi chiều cái ngày mà tôi xin mạn phép gọi là ngày thứ sáu quan trọng và lắm việc. Dẫu sao, tôi cũng không dám khẳng định lúc đó tôi biết sự việc xảy ra như thế nào hay có nhớ được điều gì mắt thấy tai nghe về câu chuyện sau đây.

Mẹ tôi đang ngồi bên ngọn lửa, người mệt nhọc, tinh thần rất buồn nản, nhìn ánh lửa rưng rưng nước mắt, lo lắng băn khoăn cho số phận của mình và của đứa bé lạ mặt không cha: chỉ có mấy tá kim băng trong ngăn kéo tủ trên gác đón chào nó ra đời mà thôi, còn cuộc đời vẫn dửng dưng không quan tâm gì đến nó.

Như tôi vừa nói, mẹ tôi đang ngồi bên ngọn lửa, buổi chiều tháng ba sáng sủa, lộng gió ấy, lòng lo lắng buồn bã không biết có vượt qua cơn thử thách trước mắt không. Bỗng ngẩng đầu lau nước mắt, nhìn cửa sổ đối diện, mẹ tôi chợt thấy một bà lạ mặt ở ngoài vườn xăm xăm bước vào.

Chỉ liếc nhìn lần thứ hai linh tính đã báo ngay cho mẹ tôi biết đó nhất định là cô Bétxi. Ánh trời chiếu rọi qua hàng rào ngoài vườn hắt vào cái bà kỳ dị. Bà ta bệ vệ bước đến cửa lớn với cái dáng điệu cứng cỏi, cái gương mặt lạnh lùng, mà ngoài Cô Bétxi ra trên thế gian này không ai có thể có được.

Vừa bước tới nhà, cô đã có một cử chỉ khác chứng tỏ đây đúng là Cô Bétxi. Cha tôi trước đây vẫn thường nói cô chẳng mấy khi đứng như một người công giáo bình thường. Lúc này, đáng lý phải rung

chuông, thì cô lại nhằm cửa sổ mà nhòm vào và ấn đầu mũi vào cửa kính mạnh đến nỗi bà mẹ yêu quý tội nghiệp của tôi thường kể lại là mũi cô bẹp dí và trắng bệch đi một lúc.

Cô đã làm mẹ tôi sợ hãi đến nỗi xưa nay tôi vẫn tin chắc rằng tôi ra đời vào ngày thứ sáu chẳng qua là tại cái Cô Bétxi kia cả.

Mẹ tôi bối rối đứng dậy, đứng đằng sau ghế ở góc nhà. Cô Bétxi đưa mắt chậm rãi và xoi mói nhìn khắp gian phòng một lượt, chẳng khác gì cái đầu người Hồi giáo trong chiếc đồng hồ Hà-lan, cặp mắt cô bắt đầu từ phía trước mặt rồi cứ từ từ đưa quanh một vòng cho đến lúc bắt gặp mẹ tôi. Cô cau mày một cái, rồi ra hiệu cho mẹ tôi mở cửa như một người vẫn quen thói sai phái người khác. Mẹ tôi đi ra mở.

"Bà là bà Đêvit Copơphin có phải không ạ?" Cô Bétxi nói, nhấn mạnh vào những chữ sau, có lẽ muốn nói đến bộ đồ tang và tình trạng bụng mang dạ chửa của mẹ tôi.

"Vâng ạ" mẹ tôi đáp, giọng yếu ớt.

"Tôi là Cô Bétxi", bà khách nói, "Chị đã nghe nói đến cô ta chứ?"

Mẹ tôi đáp rằng đã được cái hân hạnh đó. Nhưng mẹ tôi cảm thấy bực bội vì không sao tỏ được rằng đó là một hân hạnh to lớn.

"Bây giờ chị gặp cô ta đấy" Cô Bétxi nói. Mẹ tôi cúi chào mời cô vào.

Hai người bước vào cái phòng khách nhỏ mẹ tôi vừa ngồi vì phòng khách lớn bên kia hành lang không đốt lửa, phòng này không đốt lửa kể từ ngày đám tang cha tôi. Cả hai người ngồi xuống ghế và Cô Bétxi không nói nửa lời. Mẹ tôi tự kiềm chế không nổi khóc òa lên.

"Ấy chết! ấy chết!" Cô Bétxi vội vàng bảo - "Đừng làm thế! Thôi nín đi".

Nhưng mẹ tôi vẫn không sao cầm được nước mắt, cứ khóc mãi cho đến hết cơn. Cô Bétxi bảo:

"Bỏ mũ ra cô bé, cho tôi ngắm cô nào" Mẹ tôi sợ cô ta quá, nên không dám từ chối yêu cầu kỳ quặc ấy, dù có muốn từ chối đi nữa. Mẹ tôi nghe theo, cất mũ, tay run lập cập đến nỗi làm tóc xõa cả xuống mặt (tóc mẹ tôi dày và đẹp lắm!). Cô Bétxi kêu lên.

"Trời ơi! Chỉ là một con bé con thôi".

Rõ ràng là mẹ tôi trẻ lắm, trẻ hơn cả tuổi của mình. Mẹ tôi cúi gầm mặt, như đó là lỗi của mình, thực tội nghiệp. Rồi mẹ tôi khóc nói rằng mẹ tôi rất sợ vì mình chỉ là một quả phụ trẻ con và sẽ chỉ là một bà mẹ trẻ con nếu như sống sót.

Tiếp đó, là một lúc im lặng và mẹ tôi tưởng tượng rằng Cô Bétxi đưa bàn tay dịu dàng lên vuốt mái tóc của mình, nhưng khi rụt rè nhìn lên, lòng đầy hy vọng, mẹ tôi chỉ thấy cô vẫn ngồi im lặng, gấu áo lật lên, hai tay chắp lại để trên đầu gối, chân gác trên giá để củi trước lò sưởi, cau mày nhìn ngọn lửa. Bỗng Cô Bétxi nói:

"Trời ơi! Sao lại đặt tên là Ô-lư[5] nhỉ?"

"Cô hỏi về tên nhà, phải không ạ?" Mẹ tôi hỏi!

"Sao lại gọi là ô-lư nhỉ" Cô Bétxi nói. "Gọi là nhà bếp[5] có phải hợp hơn không? Nếu một trong hai anh chị có đầu óc thực tế một chút".

"Tên đó là do anh Copơphin chọn đấy ạ", mẹ tôi đáp - "Khi mua nhà, anh ấy thích tưởng tượng rằng có nhiều quạ ở chung quanh".

Vừa lúc ấy, gió chiều thổi rào rào vào mấy cây du cao lớn và già cỗi ở cuối vườn, làm mẹ tôi và Cô Bétxi phải quay lại nhìn. Mấy cây du chạm đầu vào nhau, như những người khổng lồ đang ghé tai thầm thì những điều bí mật; và sau vài giây im lặng chúng bỗng rung chuyển dữ dội những cánh tay hung tợn, dường như những điều chúng vừa tâm sự với nhau nó kinh khủng quá làm chúng hoảng hốt. Mấy tổ quạ đã lâu đời gió mưa làm xơ xác tả tơi, ở trên cành cao chĩu xuống đu đưa như những mảnh tầu đắm trôi dạt trên mặt biển nổi giông.

"Chim chóc đâu cả rồi?" Cô Bétxi hỏi.

"Thưa con… gì ạ?" mẹ tôi đã nghĩ sang chuyện khác. "Quạ kiếc ấy mà, chúng ra sao rồi?" Cô Bétxi hỏi lại. "Từ khi chúng cháu đến đây thì chẳng có quạ kiếc gì hết." Mẹ tôi nói "Chúng cháu tưởng…, à… anh Copơphin tưởng ở đây có rất nhiều quạ. Nhưng tổ chim thì đã lâu đời lắm, còn chim chóc thì đã bỏ tổ đi từ đời nảo đời nào."

"Đúng là Đêvit Copơphin!" Cô Bétxi kêu lên, "Đêvit Copơphin không chệch đi đâu được. Phải là Đêvit Copơphin mới đặt tên nhà là "ô-lư" trong khi chẳng có mống chim nào quanh đấy, và yên trí là có chim, chỉ vì trông thấy tổ!"

"Anh Copơphin đã mất" mẹ tôi nói. "Cô lại nói, với cháu về anh ấy nặng lời như vậy…"

Tôi đoán lúc đó mẹ tôi trong phút chốc có ý tấn công cô Bétxi, con người chỉ cần một tay thôi, cũng đủ áp đảo mẹ tôi dễ dàng dù mẹ tôi có được chuẩn bị chu đáo hơn là buổi chạm trán chiều hôm đó. Nhưng ý ấy biến mất thì mẹ tôi đứng dậy và mẹ tôi lại nem nép ngồi xuống, và ngất đi.

Khi mẹ tôi tỉnh lại, hay khi Cô Bétxi đã làm mẹ tôi hồi tỉnh (đằng nào thì cũng là khi đó), mẹ tôi thấy cô đang đứng cạnh cửa sổ. Hoàng hôn tối dần, hai người chỉ còn thấy nhau mờ mờ, nhưng đó là nhờ ánh lửa ở lò sưởi. Cô Bétxi trở lại ghế ngồi dường như chỉ tình cờ ra ngắm cảnh một lát, và hỏi:

"Thế nào? Chị thấy bao giờ thì…?"

"Cháu sợ lắm", mẹ tôi lắp bắp, "cháu không biết rồi sẽ ra sao, cháu chết mất thôi, cháu chắc thế!"

"Không sao, không sao đâu. Chị uống nước trà nhé."

"Trời ơi, trời ơi! Cô bảo uống nước trà mà đỡ mệt sao?" mẹ tôi kêu lên tuyệt vọng.

"Đỡ chứ lị" Cô Bétxi nói. "Toàn là tưởng tượng cả thôi… chị gọi con bé của chị là gì?"

"Cô ạ, cháu không chắc có phải là gái không" mẹ tôi trả lời, ngây thơ.

"Chúa phù hộ đứa bé!" Cô Bétxi thốt lên, bất giác nhắc đúng câu thứ hai viết trên gói kim băng để trong ngăn kéo tủ trên gác, nhưng cô lại dùng câu này để chỉ mẹ tôi chứ không phải để chỉ tôi. "Tôi không hỏi tên cháu bé đâu. Tôi hỏi tên người ở gái của chị cơ!"

"Pécgôti", mẹ tôi nói.

"Pécgôti à?" Cô Bétxi nhắc lại hơi bực tức. "Chị rõ thực trẻ con, đời thuở nhà ai bước vào nhà thờ đạo thiên chúa mà lại mang tên là Pécgôti?"[6]

"Đấy là họ của chị ấy" mẹ tôi nói khẽ. "Anh Copơphin gọi chị ấy bằng họ, vì tên chị lại trùng với tên cháu".

Cô Bétxi mở cửa phòng khách nhỏ gọi: "Chị Pécgôti đâu? Bưng nước chè lên đây, bà chủ hơi khó ở!… Đừng có dềnh dàng đấy!"

Sau ra lệnh này, giọng hách dịch như cô là một uy quyền được thừa nhận từ khi nhà này mới được

xây dựng lên; và sau khi thò cổ ra để giáp mặt với chị Pécgôti đang cầm đèn nến ở đầu hành lang đi lại, sửng sốt nghe giọng người lạ gọi, Cô Bétxi lại đóng cửa lại rồi ngồi xuống như ban nãy, chân gác trên giá để củi trước lò sưởi, gấu váy lật lên, và hai tay chắp lại đặt trên một đầu gối.

"Chị vừa bảo không biết nó có là con gái hay không". Cô Bétxi nói. "Tôi thì chắc chắn là gái đấy. Tôi có linh cảm nhất định là con gái. Cho nên ngay từ lúc con bé này ra đời…"

"Biết đâu là con giai…" mẹ tôi đánh bạo nói xen.

"Tôi đã bảo chị tôi có linh cảm nhất định phải là con gái kia mà!" Cô Bétxi bảo. "Đừng nói trái ý tôi… Này cô bé ạ, ngay từ lúc đứa cháu gái này ra đời tôi có ý định giúp đỡ nó, làm mẹ đỡ đầu cho nó, và tôi đề nghị đặt tên nó là Betxi Trôtút Copơphin… Không thể để cho đời con bé tội nghiệp này có những điều dại dột về tình cảm. Phải giáo dục nó cẩn thận, và giữ cho nó đừng dại dột tin những kẻ không đáng tin. Thế nào tôi cũng phải quan tâm đến việc đó".

Sau mỗi câu như thế, Cô Bétxi lại quay đầu một cái, dường như nỗi đau khổ ngày xưa đang dày vò cô, và cô đang cố sức tự kìm hãm để đừng nhắc rõ hơn nữa. Hay ít nhất đó là như mẹ tôi đoán, khi quan sát cô dưới ánh lửa leo lét chập chờn, phần thì sợ Cô Bétxi quá, phần thì trong người rất khó thở, đã thế lại vừa phục tùng vừa hoảng hốt, nên không thể quan sát cho rõ ràng hay nói thế nào cho đúng.

Sau vài phút yên lặng và cái đầu cũng dần dần ngừng quay, Cô Bétxi hỏi:

"Đêvit có tốt với chị không? Vợ chồng ăn ở hòa thuận chứ?"

"Chúng cháu sống hạnh phúc lắm, anh Copơphin yêu cháu lắm" mẹ tôi đáp.

"Chắc anh nuông chị lắm phải không?" Cô hỏi lại.

Mẹ tôi vừa nói vừa nức nở:

"Vâng. Cháu sợ anh ấy đã quá nuông cháu vì anh thấy cháu cô độc, tứ cố vô thân trong cuộc đời tàn nhẫn này".

"Thôi đừng khóc nữa", Cô Bétxi bảo, "Hai người lấy nhau thật không vừa đôi phải lứa… (vả lại làm gì có cặp vợ chồng vừa đôi phải lứa kia chứ?) Vì thế nên tôi mới hỏi chị câu hỏi hồi nãy. Chị mồ côi phải không?"

"Vâng ạ."

"Và làm nghề dạy trẻ phải không?"

"Vâng, cháu dạy trẻ ở một gia đình anh Copơphin hay đến chơi. Anh Copơphin đối với cháu rất tốt, rất chú ý đến cháu, rất săn sóc cháu, cuối cùng ngỏ ý muốn lấy cháu. Cháu nhận lời. Thế là chúng cháu lấy nhau", mẹ tôi trả lời giản dị.

Cô Bétxi vẫn cau mày cúi nhìn ngọn lửa, nói mơ màng:

"Tội nghiệp con bé!… Này, thế chị có biết làm gì không?"

"Xin lỗi cô, làm gì cơ?" Mẹ tôi ấp úng. "Coi công việc gia đình."

"Cháu sợ làm không được khá lắm", mẹ tôi đáp… "Không khá như cháu muốn. Nhưng anh Copơphin đã bắt đầu dạy cháu"…

("Nó thì biết cái gì?" Cô Bétxi lẩm bẩm). "Và cháu cũng hy vọng sẽ tiến bộ vì cháu rất chăm học và anh ấy lại rất chịu khó dạy, nếu anh ấy không bất hạnh mất đi…" Đến đây mẹ tôi nghẹn ngào không nói được nữa.

“Thế rồi sao, thế rồi sao?” Cô Bétxi nói.

“Cháu ghi sổ chi tiêu đều đặn, và tối nào cũng tính toán với anh Copơphin” Mẹ tôi lại nghẹn lời, nức nở đau xót.

“Thế rồi sao, thế rồi sao? Đừng khóc nữa chứ”. Cô Bétxi nói.

“Và chắc chắn là chúng cháu không có lúc nào cãi cọ nhau về chuyện này, không kể khi anh Copơphin chê cháu viết những con 3 và con 5 giống nhau quá, hoặc những con 7 và con 9 đuôi loằng ngoằng”, mẹ tôi nói tiếp, nhưng lại ngưng lại nức nở khóc.

“Chị làm thế thì ốm mất đấy”. Cô Bétxi nói, “Chị nên biết khóc như thế không lợi cho chị và cả đứa con gái đỡ đầu của tôi. Thôi đừng khóc nữa!”

Lý lẽ này làm mẹ tôi dịu lại một phần, nhưng chủ yếu có lẽ vì mẹ tôi thấy ngày càng khó ở. Sau đó là một lúc im lặng, chỉ thỉnh thoảng nghe Cô Bétxi thốt ra tiếng “Hừm” trong khi ngồi gác chân trên giá để củi trước lò sưởi. Sau đó Cô Bétxi hỏi:

“Tôi biết Đêvit Copơphin có gửi tiền vào ngân hàng lấy lãi. Thế anh ấy có làm gì cho chị không?”.

“Anh Copơphin đã chú ý và có lòng tốt bảo đảm cho cháu được lĩnh một phần số tiền ấy”, mẹ tôi trả lời hơi ngập ngừng.

“Bao nhiêu?” Cô Bétxi hỏi.

“Dạ, mỗi năm là một trăm linh năm bảng”, mẹ tôi trả lời.

“Lẽ ra nó đã đối xử tệ hơn”. Cô Bétxi nói.

Câu này nói ra đúng lúc quá: mẹ tôi thấy sức khỏe trong người kém sút đến nỗi khi chị Pécgôti bưng khay trà và đèn nến vào, chỉ thoáng nhìn, chị đã thấy mẹ tôi ở trong tình trạng nguy kịch. Cô Bétxi đã có thể thấy điều này từ trước nếu trong phòng có đủ ánh sáng. Chị Pécgôti vội vã mang mẹ tôi lên phòng riêng trên gác, rồi lập tức sai người cháu của chị là Ham Pécgôti gọi chị hộ lý và bác sĩ. (Anh Ham được chị Pécgôti giấu ở trong nhà đã mấy hôm không cho mẹ tôi biết để làm liên lạc viên đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp).

Bác sĩ và chị hộ lý đến, cách nhau vài phút. Hai lực lượng liên minh này rất sửng sốt khi thấy một bà lạ mặt, vẻ oai vệ ngồi trước lò sưởi, mũ buộc đằng quai vào cánh tay trái, đang lấy bông nút lỗ tai. Vì chị Pécgôti không biết tí gì về Cô Bétxi, và mẹ tôi cũng chưa hề cho biết gì về cô, nên việc cô ngồi trong phòng khách là một điều hoàn toàn bí mật, và mặc dầu cô có cả một kho bông trong túi, cứ ngồi nhét bông vào lỗ tai như thế, cái vẻ trang nghiêm của cô cũng không giảm bớt đi chút nào.

Bác sĩ lên gác thăm rồi lại bước xuống. Tôi chắc ông thấy mình và bà lạ mặt xem ra phải ngồi đối diện nhau hàng giờ, nên ông cố sức tỏ ra lịch sự và nhã nhặn, ông là người hiền lành nhất trong giới nam nhi, mềm mỏng nhất trong những người nhỏ bé. Ông len lén đi ra đi vào, để choán càng ít chỗ càng hay. Ông bước cũng nhẹ nhàng, như cái hồn ma trong kịch Hamlét và còn chậm hơn cả hồn ma này nữa. Ông nghiêng cái đầu sang một bên, một phần để khiêm tốn thu nhỏ mình lại, một phần để gây cảm tình với mọi người. Nói rằng ông không thể văng tục chửi một con chó cũng vẫn chưa đủ. Ngay đối với một con chó cũng không thể văng tục chửi mắng nó nữa kia. Ông có thể nhã nhặn nói một câu, hoặc nửa câu hoặc một lời thôi… vì ông nói cũng chậm chạp như ông đi, nhưng dẫu sao ông cũng không muốn đối xử thô bạo với nó, và không một lý do nào trên đời có thể làm ông giận nó được.

Ông Silíp nghiêng nghiêng đầu về một bên, nhìn cô tôi một cách dịu dàng, khẽ cúi mình chào, vừa nói vừa khẽ sờ lên tai trái của mình ý muốn hỏi tại sao cô lại nhét bông vào tai:

“Thưa bà, bà bị nhức gì ở đấy phải không ạ?”

“Cái gì?” cô tôi hỏi lại, và rút bật cục bông ra khỏi một lỗ tai, như người ta rút cái nút chai.

Ông Silíp hoảng hốt trước cử chỉ sỗ sàng ấy của cô tôi (như ông kể lại cho mẹ tôi sau này) đến nỗi ông không mất bình tĩnh kể cũng là phúc, ông dịu dàng nhắc lại:

“Thưa bà, bà bị nhức gì phải không ạ?”

“Nói bậy!” cô tôi trả lời, và lập tức đút nút lỗ tai lại.

Sau việc đó, ông Silíp không còn biết làm gì hơn là ngồi xuống ghế và khẽ nhìn cô, trong khi cô cũng ngồi, mắt ngắm nhìn ngọn lửa, cho đến khi người ta lại gọi ông lên gác. Sau khi vắng mặt độ mười lăm phút, ông lại xuống.

Cô tôi rút bông ra khỏi cái tai gần phía ông, hỏi:

“Thế nào?”.

“Thưa bà”, ông Silíp trả lời. “Công việc vẫn… vẫn… tiến triển từ từ đấy ạ!”

“Hừ… ừm!” cô tôi nói một cách khinh bỉ, lắc đầu một cái rồi lại nhét bông vào tai như cũ.

Thực là quá đáng… quá đáng (ông Silíp nói lại với mẹ tôi sau này như vậy), ông suýt phát cáu, nói riêng về mặt thầy thuốc mà thôi, cũng đã suýt phát cáu rồi. Tuy vậy, ông lại ngồi và nhìn cô tôi trong gần hai giờ, trong khi cô vẫn ngồi nhìn ngọn lửa, mãi cho đến lúc người ta lại gọi ông lên gác. Sau khi vắng mặt lần nữa, ông lại trở xuống.

“Thế nào?” cô lại rút cục bông ra ở phía hồi nãy và hỏi.

“Thưa tốt ạ!”, ông Silíp trả lời, “công việc… vẫn tiến triển từ từ đấy ạ!”

“Ôi giời ôi!” Cô Bétxi càu nhàu khó chịu đến nỗi ông Silíp không tài nào chịu được nữa. Nhưng về sau ông ta nói: quả là bà ấy cố tình làm ông ta phát rồ lên. Ông đành đi ra, ngồi ở bậc thang, trong bóng tối, giữa ngọn gió lùa, cho đến khi người ta mời ông lên.

Ham Pécgôti người đã theo học ở trường quốc lập và là học sinh xuất sắc về môn giáo lý, cho nên có thể xem là một nhân chứng đáng tin cậy, hôm sau có kể lại: sau đó một giờ, anh vô tình nhòm qua cửa phòng khách thì bị Cô Bétxi đang đi đi lại lại rất bồn chồn bắt gặp, cô ta đã vồ lấy anh không để anh kịp trốn chạy - Lúc ấy trên gác thỉnh thoảng lại có tiếng bước chân và tiếng nói, mà anh chắc đã lọt vào tai cô dù tai cô nút bông. Chứng cớ rõ ràng là anh đã bị cô tóm làm nạn nhân và trút sự nôn nóng lên đầu anh mỗi khi tiếng động lên cao nhất. Lúc bấy giờ, cô túm cổ áo anh lôi đi xềnh xệch tưởng chừng như anh đã uống quá nhiều thuốc mê. Cô lắc cổ anh, xoa tóc rối bù, vò nát áo anh, bịt tai anh lại hình như cô đã lầm tai anh là tai cô, và xô đẩy, hành hạ anh đủ cách. Điều này một phần lại được chị Pécgôti xác nhận, chị thấy anh khi mười hai giờ rưỡi đêm ngay sau khi thoát nạn, và đã khẳng định rằng khi ấy trông anh cũng đỏ hon hỏn như tôi vậy.

Ông Silíp bản tính hiền lành cố nhiên không thể nào có ác ý với ai trong tình cảnh ấy nếu như trong một lúc nào khác ông có thể chơi khăm, ông len lén đi vào phòng khách, ngay sau khi đã rảnh tay, và nói với cô tôi giọng hết sức nhã nhặn.

“Thưa bà, tôi sung sướng được chúc mừng bà.”

“Mừng cái gì?” cô tôi bốp chát.

Ông Silíp lại luống cuống trước thái độ quá nghiêm khắc của cô tôi cho nên ông khẽ cúi chào và nhích mép cười với cô để xoa dịu. Cô tôi sốt ruột kêu lên.

“Rõ khổ cho cái ông này! Ông sao vậy? Ông câm à?”

Ông Silíp hết sức dịu dàng nói:

“Thưa bà, xin bà bình tĩnh. Thưa bà, không có gì đáng ngại nữa. Xin bà bình tĩnh”.

Cho đến nay, người ta vẫn thấy quả thật sao cô tôi lại không túm lấy ông mà lắc, và khi cái điều ông muốn nói phải bật ra. Cô nhìn ông, nhưng cách nhìn này cũng đủ làm bẩy. Ông Silíp thu tất cả can đảm, nói tiếp:

“Thưa bà, tôi sung sướng được chúc mừng bà. Thưa bà, công việc đã xong xuôi, và mẹ tròn con vuông ạ.”

Trong khoảng trên dưới năm phút đồng hồ ông Silíp ậm à ậm ừ nói được câu đó, thì cô tôi cứ nhìn ông chằm chằm.

Cô tôi khoanh tay lại, mũ vẫn buộc ở cánh tay, hỏi giọng hơi xẵng:

“Con bé có khỏe không?”

“Thưa bà,” ông Silíp trả lời “tôi mong rằng bà ấy sẽ chóng bình phục… rất chóng bình phục như ta có thể mong đợi ở một người mẹ còn trẻ hiện lâm vào cảnh ngộ gia đình buồn phiền như thế này… Thưa bà, tôi thấy bà có thể vào thăm bà ấy ngay, không có gì trở ngại hết. Như thế lại tốt cho bà ấy.”

“Nhưng còn *“Con bé”*, con bé thì ra sao?” Cô Bétxi giật giọng hỏi.

Ông Silíp nghiêng nghiêng thêm cái đầu về một bên cô, trông giống như con chim ngoan ngoãn.

“Con bé mới sinh ấy mà, nó có khỏe không?” Cô tôi hỏi.

Ông Silíp trả lời:

“Thưa bà, tôi tưởng bà đã biết rồi: cháu giai đấy ạ!”

Cô tôi chẳng nói chẳng rằng, cầm lấy mũ dương quai mũ về phía ông Silíp như người bắn súng cao su; rồi đội chụp cái mũ dúm đó lên đầu, bước ra và không bao giờ trở lại. Cô biến đi như một bà tiên phật ý hoặc như một thứ ma quỷ gì đó mà theo ức thuyết của nhân dân thì tôi có đặc quyền được trông thấy: và mãi mãi không bao giờ cô ta trở lại.

Vâng, không bao giờ nữa! Tôi nằm trong nôi, mẹ tôi nằm trên giường; còn cô Bétxi Trốtút Copơphin thì mãi mãi sẽ ở trong cái thế giới mộng ảo, mịt mù, cái thế giới ghê sợ mà tôi vừa từ giã. Và ở ngoài cửa sổ căn phòng chúng tôi, ánh sáng chiếu trên mặt đất, cái đích của những người du khách như tôi, và chiếu trên nắm đất che phủ mớ tro tàn của con người mà nếu không có ông ta tôi chẳng bao giờ có thể có mặt trên đời.

---

[1] Trong bản dịch này bạn Vũ Phan có dịch sáu chương, chúng tôi đã xem lại cẩn thận để cho thống nhất về văn với toàn bộ tiểu thuyết (N.T)

[2] Nhân vật này tên là Bétxi Trôtút Copơphin là “Bà cô mẫu” của Đêvit Copơphin, nhưng trong nguyên văn thường gọi là “Cô” Bétxi (Miss Betsey) hay “Cô” Trốtut (Miss Trotwood) chúng tôi theo nguyên văn gọi là cô.

[3] Tác giả dùng lối chơi chữ: Baboon (con khỉ), Baboo (đàn ông dòng dõi quý tộc ở Ấn-độ), Begum (phụ nữ quý tộc Ấn-độ).
Để tôn trọng lối chơi chữ của tác giả, chúng tôi tạm dịch là con hầu, hầu tước, hoàng hậu.

[4] Chỉ một phụ nữ xinh đẹp nhưng ngốc nghếch vụng về, không biết làm ăn gì.

[5] Nguyên văn: Rookery (tổ quạ khoang), cookery (sự nấu nướng).

[6] Trẻ con theo đạo được bế vào nhà thờ làm lễ đặt tên, lấy tên một vị thánh để làm tên riêng của mình. Tên và họ của chị Pécgôti là Clara Pécgôti. Cô Bétxi tưởng "Pécgôti" là tên riêng, nên lấy làm phẫn nộ vì không có vị thánh nào tên là Pécgôti cả.

Chương II
TÔI QUAN SÁT

Những hình ảnh đầu tiên hiện lên rõ rệt trước mắt tôi, khi tôi quay nhìn về quá khứ, về cái khoảng thời thơ ấu mịt mờ, đó là mẹ tôi, với bộ tóc óng ả, vóc người trẻ trung, và chị Pécgôti, chị không có vóc dáng gì nhưng có đôi mắt đen lay láy làm phần chung quanh trên gương mặt tối lại, có đôi má và đôi cánh tay chắc nịch và đỏ đến nỗi tôi lấy làm lạ tại sao chim chóc lại không đến mổ vào chị chẳng hơn sao cần gì phải mổ vào táo?

Tôi có cảm tưởng rằng tôi có thể nhớ hai người đứng cách nhau một quãng ngắn, tôi thấy họ nhỏ lại vì đang cúi mình hoặc quỳ trên sàn, còn tôi thì đang chập chững bước từ người này đến người kia. Trong trí óc tôi vẫn còn một cảm giác (mà tôi không thể nào phân biệt được với một ký ức xác thực) về ngón tay trỏ chị Pécgôti khi chìa nó ra cho tôi nắm: ngón tay bị công việc may vá làm cho nó ram ráp giống như cái bàn mài bỏ túi dùng để mài hột đậu khấu.

Điều này có thể là do tôi tưởng tượng ra cũng nên, mặc dầu tôi tin rằng trí nhớ phần đông chúng ta có thể nhớ được những thời xa xôi hơn là người ta vẫn tưởng, cũng như tôi cho rằng có trẻ em có biệt tài kỳ lạ về năng lực quan sát chính xác và tinh tế. Thực tế, tôi cho rằng phần nhiều những người lớn giỏi về mặt này, chẳng qua chỉ là đã không bỏ mất năng khiếu ấy, chứ không phải là đã nhờ tập dượt mà có được. Hơn nữa, tôi thường thấy những người này phần nào còn giữ được cái vẻ dịu dàng tươi mát, dễ vui, những đặc điểm này cũng là di sản từ tuổi thơ vẫn còn giữ được.

Khi dừng lại để nói điều này, tôi sợ có thể mang tiếng "lan man"; nhưng do đó, tôi có thể nói rằng một phần những kết luận này là dựa vào những kinh nghiệm riêng của tôi. Những điều kể ở đây sẽ làm người ta thấy rằng tôi là một đứa trẻ có óc quan sát sắc bén và khi lớn lên, lại có trí nhớ rạch ròi về thời thơ ấu của mình, và tôi dám khoe là tôi có hai đặc tính đó.

Như tôi đã nói, khi quay nhìn lại cái thời thơ ấu mịt mờ, những hình ảnh đầu tiên tôi nhớ được, nổi bật ra khỏi mớ sự vật hỗn độn, đó là mẹ tôi, và chị Pécgôti. Tôi còn nhớ gì nữa không? Thử hồi tưởng xem.

Hình ảnh hiện lên nổi khỏi đám mây mù là ngôi nhà chúng tôi,… nó không mới lạ gì đối với tôi; trái lại rất là quen thuộc, thuộc vào số những kỷ niệm xưa nhất, ở tầng dưới cùng là nhà bếp của chị Pécgôti, nhìn ra sân sau. Giữa sân là cái chuồng bồ câu dựng trên một cái cột, trong chuồng không có mống bồ câu nào; một chuồng chó lớn ở một góc nhưng không có chó; và một đàn gà vịt (tôi thấy chúng cao lớn phát khiếp) đi tung tăng, có vẻ dễ sợ, hung tợn lắm. Có một con gà trống đậu trên một cái cọc để gáy; và đôi khi tôi nhìn nó qua cửa sổ nhà bếp, thì hình như nó đặc biệt chú ý đến tôi, làm tôi run sợ, vì nó hung dữ quá chừng. Còn những con ngỗng ở ngoài hàng rào, thì mỗi khi tôi đến đó chúng lại lạch bạch chạy theo, cổ vươn dài làm tôi ban đêm cũng nằm mơ thấy chúng, chẳng khác gì một người đã bị ác thú vây quanh vẫn nằm mơ thấy sư tử vây mình.

Đây là một hành lang dài (tôi thấy nó dài dằng dặc) chạy từ nhà bếp của chị Pécgôti đến cửa ra vào. Cửa buồng kho tối om thông ra hành lang, đó là nơi ban tối đi qua thì phải chạy cho mau; vì không lường được sẽ có cái gì giữa những chậu, những chum vại, những hòm chè cũ, khi không có ai cầm một ngọn đèn leo lét đứng ở đó. Từ cửa phòng hắt ra một luồng không khí mông mốc trong đó có mùi xà phòng, mùi dưa chua, mùi hồ, mùi nến và mùi cà phê lẫn lộn. Rồi đến hai phòng khách: cái phòng khách nhỏ mà tối nào mẹ tôi và tôi cũng ngồi chơi, và chị Pécgôti khi nào chị đã làm xong công việc, và chúng tôi ngồi một mình thì chị ngồi với chúng tôi; và cái phòng khách lớn chúng tôi ngồi vào những ngày chủ nhật. Nó tráng lệ hơn, nhưng không ấm cúng bằng. Tôi thấy phòng này có vẻ buồn thảm

thế nào ấy vì chị Pécgôti đã kể với tôi (tôi không nhớ là từ lúc nào, nhưng tôi có cảm tưởng như từ bao thế kỷ rồi) về chuyện đám tang cha tôi và chuyện những người mặc áo choàng đen, đến đó để đưa đám. Một buổi tối chủ nhật ở phòng ấy, mẹ tôi đọc cho chị Pécgôti và tôi nghe chuyện ông Ladaro[1] đã chết rồi được cứu sống lại. Tôi sợ quá, đến nỗi sau đó người ta phải bế tôi ra khỏi giường, chỉ cho tôi nhìn qua cửa sổ buồng ngủ thấy cái nghĩa địa tĩnh mịch ở đó những người chết đều yên nghỉ dưới mồ, dưới ánh trăng trang trọng.

Tôi không biết ở bất cứ đâu, có thể xanh tươi như bãi cỏ ở nghĩa địa này, râm mát như cây cối của nó, yên tĩnh như những tấm mộ chí ở đây. Cừu gặm cỏ ở đấy những sáng sớm tinh mơ khi tôi dậy, quỳ trên chiếc giường nhỏ ở chiếc phòng xép trong buồng mẹ tôi để nhìn ra, ngắm cảnh. Tôi nhìn ánh mặt trời đỏ chiếu trên mặt nhật quỹ, và tôi nghĩ thầm: "Không biết nhật quỹ có vui sướng vì nó lại chỉ được giờ không nhỉ?"

Và đây là chiếc ghế dài của chúng tôi ở nhà thờ. Chỗ tựa lưng của nó cao ơi là cao! Gần đấy là cửa sổ, nhìn qua cửa là thấy được nhà chúng tôi, và chị Pécgôti trong khi dự lễ buổi sớm, cứ chốc chốc lại liếc nhìn về nhà để có thể yên trí rằng không ai vào ăn trộm và không xảy ra cháy nhà. Mắt chị Pécgôti cứ nhìn quanh nhìn quất, nhưng chị lại bực mình nếu mắt tôi cũng nhìn quanh nhìn quất như vậy, và chị cau mày lườm tôi trong khi tôi đứng trên ghế. Chị ra hiệu cho tôi phải nhìn vào ông mục sư nhưng tôi không nhìn ông ấy mãi được; tôi đã biết ông ta, lúc ông không mang cái vật trắng trắng ở mình; và tôi sợ ông sẽ lấy làm lạ tại sao tôi cứ giương mắt ra mà nhìn như thế, và có thể dừng lễ lại để hỏi, và lúc đó thì tôi sẽ phải làm thế nào? Ngáp là một điều rất xấu, nhưng tôi phải làm cái gì mới được chứ! Tôi nhìn mẹ tôi, nhưng mẹ tôi vờ làm như không trông thấy tôi. Tôi nhìn thằng bé ở gian bên cạnh, thì nó nheo mắt lại, trêu tôi. Tôi nhìn ánh nắng hắt qua cửa mở lọt vào cổng lớn và tôi thấy một "con chiên lạc đường" (tôi không nói "kẻ có tội" đâu, mà nói "con cừu non") đang do dự, không biết có nên vào nhà thờ không. Tôi cảm thấy nếu nhìn nó lâu thêm chút nữa, thì tôi phải nói to lên một lời gì, và lúc đó tôi sẽ ra sao?

Tôi ngước nhìn những tấm bài vị trên tường, và cố nhớ đến ông Bốtgiơ đã qua đời ở địa phận này, cố đoán xem tình cảm của bà Bốtgiơ ra sao, khi ông Bốtgiơ phải kéo dài tình trạng bệnh hoạn đau đớn không sao tả xiết còn các thày thuốc đều chịu không chữa nổi. Tôi tự hỏi ông Silíp có được mời đến chữa không, ông ta có chịu bó tay không, và như vậy thì ông có thích không khi mỗi tuần một lần người ta nhắc nhở việc ấy cho ông?

Mắt tôi chạy từ ông Silíp cổ đeo cà vạt diêm dúa đang nhìn lên bục giảng. Và tôi nghĩ rằng đùa nghịch ở chỗ đó thì thú quá: nó sẽ là một tòa thành trì rất tuyệt khi một thằng bé khác xông lên cầu thang để tấn công, và sẽ bị chiếc gối nhung có tua phang vào đầu. Rồi dần dần mắt tôi nhắm lại. Và sau khi có cảm tưởng nghe ông mục sư hát một bài hát ngái ngủ trong bầu không khí nóng nực, tôi không nghe thấy gì nữa, cho đến khi tôi ngã lăn xuống đất, đánh huych một cái, được chị Pécgôti bế thốc ra bán sống bán chết.

Và bây giờ tôi lại thấy bề ngoài nhà chúng tôi với những cửa sổ để ngỏ có rèm đan mắt cáo, mở toang cho không khí thơm ngát lọt vào, và những tổ quạ đã lâu đời, tả tơi, đu đưa trên những cây du ở cuối vườn trước. Bây giờ tôi đang ở vườn sau nhà, cách cái sân có chuồng bồ câu và chuồng chó trống không. Trong trí nhớ tôi, vườn ấy là cả một kho bươm bướm có hàng rào cao chung quanh, có cổng và ổ khóa, ở đây, trên cây quả mọc hàng chùm, chín mọng và ngon ngọt hơn mọi thứ quả từ xưa đến nay trong bất kỳ vườn nào, và mẹ tôi đang hái quả bỏ vào một cái lẵng, trong khi đó tôi đứng bên cạnh, len lén nuốt chửng vài quả dương mai và cố làm ra vẻ thản nhiên. Một trận gió lớn nổi dậy, và mùa hạ bỗng tan đi trong khoảnh khắc. Khi đã mệt nhoài, tôi ngồi nghỉ trên ghế bành, tôi thấy mẹ tôi vào và

dướn người lên, ngón tay quấn quấn những món tóc quăn óng ả, và không ai biết rõ hơn tôi rằng mẹ tôi hài lòng về vẻ xinh xắn của mình và tự hào vì thấy mình xinh đẹp như vậy.

Đó là những ấn tượng thuộc loại đầu tiên. Ngoài ra, tôi có cảm tưởng rằng cả hai chúng tôi đều hơi gờm chị Pécgôti và chịu sự điều khiển của chị về hầu hết mọi việc. Hai điều này thuộc vào số những ý kiến đầu tiên (nếu như có thể nói thế) mà tôi đã rút ra căn cứ vào những điều tôi trông thấy.

Một buổi tối chỉ có chị Pécgôti và tôi ngồi cạnh lò sưởi trong phòng khách. Tôi đọc cho chị Pécgôti nghe chuyện cá sấu. Chắc hẳn tôi đã đọc rành mạch quá, hay cái tâm hồn tội nghiệp ấy đã quá say mê câu chuyện, cho nên sau đó, tôi còn nhớ rằng chị chỉ hiểu mang máng đó là một thứ rau củ gì đấy. Tôi chán không muốn đọc nữa, và buồn ngủ đến chết đi được.

Nhưng vì tôi đã được phép (như một ân huệ đặc biệt) ngồi chờ cho đến khi mẹ tôi đi chơi buổi chiều ở nhà người láng giềng về, nên thà tôi chết gục tại vị trí chiến đấu, chứ không chịu vào giường ngủ. Tôi đã ở trạng thái mơ mơ màng màng, thấy chị Pécgôti phồng lên, trở thành to tướng. Tôi lấy hai ngón trỏ banh mí mắt ra, và cố kiên gan ngắm chị ngồi khâu, ngắm mẩu nến nhỏ chị dùng để chuốt chỉ (nó có vẻ cũ kỹ và tứ phía đều *nhăn nheo*) ngắm bao đựng thước đo giống như cái nhà tranh nho nhỏ, ngắm hộp đồ khâu có nắp rút ra rút vào, trên vẽ nhà thờ Xanh Pôn[2] (có cái nóc tròn mầu hồng), ngắm cái "đê" bằng đồng ở ngón tay chị, ngắm người chị mà tôi thấy thật là đáng yêu. Tôi buồn ngủ quá, đến nỗi tôi biết chỉ cần chớp mắt một cái là ngủ mất. Bỗng tôi nói "Chị Pécgôti ơi, chị đã bao giờ lấy chồng chưa?"

"Trời ơi em Đêvit!" Chị Pécgôti nói. "Tại sao em lại nghĩ đến chuyện vợ chồng như thế?" Chị trả lời giật bắn người lên làm tôi tỉnh ngủ hẳn. Chị nhìn tôi, tay ngừng khâu, cái kim vẫn nằm nghiêng ở đầu sợi chỉ căng dài.

"Chị đã bao giờ lấy chồng chưa? Chị là một người rất đẹp có phải không?" tôi hỏi.

Dĩ nhiên là tôi thấy chị đẹp theo một kiểu khác mẹ tôi, nhưng tôi vẫn coi chị là mẫu mực hoàn toàn của một trường phái đẹp khác. Trong phòng khách lớn có cái ghế đẩu bọc nhung đỏ, trên đó mẹ tôi có vẽ một bó hoa. Đối với tôi thì nền ghế đẩu và màu da chị Pécgôti chỉ là một. Ghế thì nhẵn nhụi, da chị Pécgôti thì sần sùi, nhưng cũng chẳng sao.

"Chị mà đẹp à, em Đêvi? Em ngoan quá!… không phải đâu, em ạ!… nhưng cái gì làm em nghĩ đến chuyện vợ chồng thế kia?" chị Pécgôti nói.

"Em không biết!… Này chị Pécgôti, có phải người ta không được lấy nhiều chồng một lúc có phải không?"

"Nhất định là không được!" chị Pécgôti vội vàng nói, giọng quả quyết.

"Nhưng nếu mình lấy một người, mà người ấy chết rồi, thì có thể lấy một người khác nữa, phải không chị Pécgôti?"

"Có thể được, nếu mình muốn. Đó là tùy ý mình thôi" Chị Pécgôti đáp.

"Nhưng chị Pécgôti, ý chị thì thế nào chứ?" tôi hỏi và tò mò nhìn chị, vì chị cũng đang nhìn tôi một cách tò mò thế nào ấy.

"Ý chị thì…" chị Pécgôti nói, mắt lảng đi không nhìn tôi nữa, và sau khi lưỡng lự một lát, chị lại tiếp tục khâu "chị chưa bao giờ lấy chồng, và chị cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy chồng, em Đêvi ạ. Về chuyện này thì chị chỉ biết có thế thôi!"

Tôi tưởng chị giận vì chị nói với tôi giọng cộc lốc, nhưng tôi đã lầm to: chị bỏ đồ khâu xuống một

bên (đó là chiếc bít tất của chị), rồi giang rộng hai cánh tay ra, ôm chầm lấy cái đầu tóc quăn của tôi, và ghì thật mạnh. Tôi biết chị ghì thật mạnh vì chị mập lắm, nên mỗi khi đã ăn mặc rồi mà phải cử đông một tí là vài chiếc cúc ở lưng áo đứt phựt. Và tôi nhớ trong lúc chị ôm ghì lấy tôi có hai chiếc cúc đã bắn sang đầu bên kia phòng khách.

"Nào, bây giờ em đọc cho chị nghe thêm về chuyện "Cá sấu" nữa đi" chị Pécgôti nói, vẫn chưa nhớ đúng tên cá "chị mới nghe được nửa chừng thôi."

Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao chị Pécgôti lại có vẻ ngộ nghĩnh như vậy, hay tại sao chị lại vội vã quay về câu chuyện cá sấu như vậy. Dù sao thì chúng tôi cũng trở lại chuyện những con quái vật ấy, và tôi lại tỉnh táo… "Và người ta trốn chạy, làm chúng lúng túng bằng cách chạy quanh co, điều mà chúng không làm được vì thân hình chúng nặng nề. Và người ta lội xuống nước, đuổi theo chúng như những người thổ dân, và tương vào họng chúng những mảnh gỗ nhỏ." Tóm lại, chúng tôi đã đọc hết cả chuyện cá sấu từ đầu đến cuối. Ít ra, thì tôi cũng đã làm thế. Còn về chị Pécgôti thì tôi nghi lắm, vì suốt thời gian ấy chị cứ chọc chọc cái kim vào mặt, vào tay, có vẻ nghĩ ngợi.

Chúng tôi đã đọc hết chuyện cá sấu và bắt đầu sang chuyện ngạc ngư, bỗng chuông ngoài vườn rung lên. Chúng tôi ra cửa thì thấy mẹ tôi đẹp hơn hẳn ngày thường, bên cạnh là một ông khách có bộ tóc đẹp và bộ ria đen nhánh, đó là người hôm chủ nhật vừa rồi đã ở nhà thờ cùng với chúng tôi.

Khi mẹ tôi cúi xuống ở ngưỡng cửa để bế tôi lên hôn, ông ta bảo rằng tôi là cậu bé được cưng chiều hơn cả một ông vua… hoặc nói một câu gì na ná như vậy, vì tôi biết rằng ở đây những hiểu biết sau này của tôi giúp tôi hiểu biết điều đó.

Tôi nhìn qua vai mẹ tôi mà hỏi:

"Thế là thế nào hở mẹ?"

Ông vỗ vỗ lên đầu tôi, nhưng chẳng hiểu sao tôi chẳng thích ông và chẳng ưa giọng nói trầm trầm của ông, và tôi lấy làm tức tối sợ rằng tay ông khi sờ vào tôi, lại sờ sang tay mẹ tôi, và điều này thực tế đã xảy ra. Tôi cố ẩy tay ông ra xa. Mẹ tôi trách:

"Ồ, Đêvi!"

"Chú bé ngoan lắm!" ông khách nói. "Nó tôn thờ mẹ nó thế cũng chẳng có gì lạ".

Chưa bao giờ tôi thấy sắc mặt mẹ tôi ửng đẹp bằng lúc này. Mẹ tôi mắng yêu tôi về tội vô phép, đoạn ôm tôi sát vào khăn quàng, và quay lại cám ơn ông khách đã chịu khó đưa mẹ tôi về đến nhà. Vừa nói, mẹ tôi vừa đưa tay ra, và khi ông ta nắm lấy, tôi cảm thấy hình như mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi.

Sau khi cúi xuống hôn (tôi thấy rõ lắm mà) bàn tay đeo găng nho nhỏ của mẹ tôi, ông khách bảo tôi:

"Nào chú bé xinh xắn, chúng ta tạm biệt nhau nào!"

"Chào ông" tôi nói.

"Nào chúng ta hãy trở thành những người bạn thân nhất trên đời đi", ông khách cười bảo: "Bắt tay tôi đi".

Vì tay trái mẹ tôi đang nắm bàn tay phải tôi, nên tôi đưa tay kia ra.

"Nhưng… tay này không đúng, Đêvi ạ" ông khách cười.

Mẹ tôi kéo tay phải, đưa ra đằng trước, nhưng vì lý do đã nói trên, tôi nhất định không giơ tay phải ra. Tôi cứ chìa tay trái, và ông ta thân mật bắt tay tôi, nói rằng tôi là chú bé "ngoan", rồi đi.

Trong phút này, trước khi cánh cửa đóng lại, tôi còn trông thấy ông ta ngoái lại ở giữa vườn nhìn

chúng tôi một lần cuối, với cặp mắt đen chứa đựng một điềm chẳng lành.

Chị Pécgôti đứng sừng sững ở chính giữa phòng như cái thùng ton-nô, tay cầm cây đèn nến, hỏi:

"Thưa mợ, chắc mợ vừa đi chơi tối vui lắm phải không ạ?"

"Cám ơn chị Pécgôti. Tối nay tôi đi chơi vui lắm", mẹ tôi trả lời giọng vui vẻ.

Chị Pécgôti nói bóng gió:

"Một người là lạ thì cũng là một sự thay đổi hay hay."

"Đúng thế. Một sự thay đổi thật là hay" mẹ tôi nói lại.

Chị Pécgôti vẫn đứng im ở giữa phòng không nhúc nhích và mẹ tôi lại tiếp tục hát, và tôi thiếp đi, nhưng ngủ không say lắm, vì tôi vẫn nghe tiếng hai người lầm rầm, nhưng không nghe ra là nói gì. Khi tôi hơi tỉnh dậy, sau giấc ngủ mệt mỏi ấy, tôi thấy chị Pécgôti và mẹ tôi đều khóc và đang nói với nhau.

"Người như thế không được đâu!" chị Pécgôti bảo. "Ông Copơphin không thể nào thích con người như thế. Tôi nói thế đấy và tôi thề như thế."

"Trời ơi! Chị làm tôi phát điên mất… có bao giờ lại có người con gái đáng thương, bị đầy tớ hành hạ như tôi không?"… mẹ tôi kêu lên - "Nhưng tại sao tôi lại vô lý tự gọi mình là một người "con gái"? Tôi đã lấy chồng rồi kia mà, phải không chị Pécgôti?"

"Thưa mợ, trời chứng giám cho mợ là đã có chồng rồi", chị Pécgôti trả lời.

"Thế sao chị lại dám…" mẹ tôi nói, "chị Pécgôti, chị nên biết là tôi không nói "dám" đâu nhé…, sao chị lại tàn nhẫn nỡ làm khổ tôi, nói những lời đay nghiến tôi như thế, trong khi chị biết rõ rằng ngoài những người trong nhà này ra tôi chẳng còn ai là bạn bè để trông mong cả!"

"Vì vậy tôi lại càng phải nói rằng ông ấy thì không được" chị Pécgôti nói "Không! Không thể được. Không, với bất cứ giá nào, cũng không được. Không được!" vừa nói, chị Pécgôti vừa khua vung cây đèn nến. Chị hăng hái quá, làm tôi tưởng chị suýt ném nó xuống đất.

Mẹ tôi càng khóc già và nói:

"Sao chị lại nặng lời với tôi vô lý như thế! Sao chị lại nói cứ như là câu chuyện đã định đoạt xong xuôi cả rồi? Trong khi tôi đã nói đi nói lại với cái đồ ác nghiệt là chị ấy, rằng ngoài việc chào hỏi nhau rất bình thường chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Chị bảo người ta mê tôi à! Thế thì tôi phải làm gì nào? Nếu có người đã dại dột say mê tôi, thì lỗi tại tôi à? Tôi hỏi chị, thế thì tôi phải làm gì nào? Hay là chị muốn tôi cạo trọc đầu, bôi đen mặt mũi, hay là đem vạc mặt đi, đốt lửa vào nhé, dội nước sôi vào nhé, hoặc làm cách gì tương tự như thế nhé? Chị Pécgôti, tôi dám chắc là chị muốn vậy đấy! Tôi dám chắc là như vậy chị mới hả lòng mát ruột!"

Tôi thấy chị Pécgôti có vẻ rất khổ tâm vì những lời vu vạ đó. Mẹ tôi đi đến chỗ tôi ngồi, vuốt ve tôi, và kêu:

"Con cưng của mẹ, con Đêvi bé bỏng của mẹ! Có phải người ta đã nói bóng gió trước mặt mẹ là mẹ không còn yêu hòn ngọc của mẹ, thằng bé thân yêu nhất trần đời này không?"

"Nào có ai nói bóng nói gió thế đâu?" Chị Pécgôti nói.

"Có, chị nói đấy!" mẹ tôi nói. "Chị Pécgôti ạ! Chị thừa biết chính là chị đấy! Qua lời chị vừa nói, thì còn kết luận nào khác được, cái chị tàn ác kia? Trong khi chị cũng biết rành rành như tôi rằng vì nó mà ba tháng qua tôi đành chịu không dám mua chiếc ô mới, mặc dầu chiếc ô xanh cũ của tôi đã xác xơ cả đầu đuôi, viền xung quanh thì rách mướp ra. Chị biết rõ đấy chứ, chị Pécgôti? Nào, có chối được

không nào?"

Đoạn mẹ tôi âu yếm quay lại tôi, áp má vào má tôi nói:

"Mẹ có là bà mẹ hư hỏng đối với con không, hở Đêvi? Mẹ có là bà mẹ tai quái, độc ác, ích kỷ, xấu xa không? nói thế đi con! cứ ừ đi một tiếng, con yêu quý ơi, rồi chị Pécgôti sẽ yêu con đấy. Và chị Pécgôti yêu con còn giá trị hơn gấp vạn lần mẹ yêu con đấy, Đêvi ạ! Mẹ chả yêu con gì cả, phải không?"

Đến đây, chúng tôi đều òa lên khóc. Tôi thấy hình như tôi khóc to nhất đám thì phải, và tôi chắc chắn là chúng tôi đều khóc chân tình cả. Tôi đứt cả ruột gan, và trong khi tình cảm bị thương tổn, tôi sợ tôi đã rủa chị Pécgôti là "Đồ súc vật". Tôi nhớ rằng con người chung thủy ấy đã rất khổ tâm, và trong dịp này đã mất tiệt cả cúc áo, vì người ta nghe cả một tràng cúc nổ tung bay đi như loạt đạn khi chị quỳ xuống bên ghế bành để làm lành với tôi sau khi đã làm lành với mẹ tôi.

Chúng tôi đi ngủ lòng buồn rười rượi.

Tôi cứ nấc mãi thao thức hồi lâu không ngủ được, và khi một cái nấc rất mạnh làm tôi giật bắn lên ở trên giường, thì tôi thấy mẹ tôi ngồi trên cái chăn đắp chân đang cúi xuống nhìn tôi. Sau đó, tôi ngủ trong tay mẹ tôi, và thiếp đi.

Không biết ngày chủ nhật sau tôi lại trông thấy ông khách, hay là cách đó một thời gian dài hơn, ông ta mới lại xuất hiện, tôi không nhớ. Về vấn đề thời gian tôi không có những khái niệm chính xác, chỉ biết là ông có mặt ở nhà thờ, rồi sau đó lại đưa chúng tôi về nhà. Hơn nữa, ông còn vào trong nhà để ngắm cây phong lan trứ danh của chúng tôi ở cửa sổ phòng khách. Tôi thấy hình như ông không chú ý đến nó cho lắm, nhưng trước khi ra về, ông xin mẹ tôi một bông hoa. Mẹ tôi bảo ông cứ việc chọn mà ngắt lấy, nhưng ông không chịu (tôi cũng không thể hiểu tại sao). Vì thế, mẹ tôi phải hái một bông, và đặt vào tay ông. Ông tuyên bố sẽ không bao giờ rời bỏ bông hoa ấy, và tôi nghĩ sao ông này lại đần độn đến nỗi không biết rằng chỉ một hai ngày là hoa sẽ tàn rụng hết.

Chị Pécgôti bắt đầu không ở cạnh chúng tôi vào buổi tối như trước nữa. Mẹ tôi rất nể chị, (tôi thấy còn nể hơn trước nhiều); và ba chúng tôi vẫn tử tế với nhau, nhưng chúng tôi vẫn có cái gì khang khác trước, và không thông cảm với nhau như trước nữa. Thỉnh thoảng, tôi có cảm tưởng thấy chị Pécgôti phản đối việc mẹ tôi diện những áo đẹp để trong ngăn kéo tủ, hoặc sang chơi luôn nhà người bạn láng giềng kia, nhưng dù tôi muốn, tôi vẫn không có cách nào biết được việc đó xảy ra như thế nào.

Dần dần, tôi quen nhìn ông khách ria đen. Tôi vẫn không ưa ông hơn lần đầu và vẫn ghen tức với ông như trước. Và nếu như đó là vì một lý do nào khác ngoài ác cảm bản năng của trẻ con, ngoài cái ý nghĩ mơ hồ rằng chị Pécgôti và tôi không cần có ông ta giúp vẫn có thể hiểu giá trị của mẹ tôi, và nếu lớn tuổi hơn tôi đã có thể thấy rằng đó không phải là lý do thực sự. Óc tôi không hề nghĩ ra lý do ấy, hay một lý do tưởng tượng. Có thể nói là tôi chỉ biết nhận xét, từng mảnh một; còn ghép những mảnh lại thành ra một màng lưới để bắt ai, thì việc ấy lúc này, còn ở ngoài khả năng của tôi.

Một buổi sáng mùa thu, tôi đang cùng với mẹ tôi ở vườn trước bỗng ông Mơcxtôn (bây giờ tôi biết tên ông ta là Mócxtôn) đi ngựa đến. Ông dừng ngựa chào mẹ tôi, và nói ông đến Laoơxtôp thăm mấy người bạn đang chơi du thuyền ở đó, rồi lại vui vẻ đề nghị đèo tôi ngồi lên yên, ở đằng trước ông, nếu tôi thích đi chơi.

Không khí hôm ấy trong trẻo, thú vị quá, và con ngựa đứng ở hàng rào, giẫm chân, thở phì phì nhưng cũng rất thú vị về cuộc đi chơi mà tôi đang khao khát. Tôi được dẫn lên gác để chị Pécgôti làm dáng cho. Và trong khi chờ đợi, ông Mócxtôn xuống ngựa, tay khoác giây cương; đi đi lại lại khoan

thai ở phía ngoài hàng rào dã tường vi, còn mẹ tôi cũng khoan thai đi đi lại lại ở phía trong, để tiếp chuyện ông. Tôi còn nhớ chị Pécgôti và tôi có nhìn trộm hai người qua cửa sổ nhỏ của phòng tôi. Tôi nhớ rằng trong khi đi bách bộ, họ giống như là đang ngắm nhìn hàng rào dã tường vi ngăn cách giữa hai người, và chị Pécgôti, con người tính tình hết sức phúc hậu bỗng nổi cáu và chải ngược tóc tôi hết sức mạnh.

Lát sau ông Mócxtôn và tôi ra đi, và chúng tôi phi nước kiệu trên cỏ xanh bên bờ đường. Một tay ông êm ái đỡ lấy tôi: bình thường tôi không nghĩ tôi là đứa trẻ hiếu động; thế mà tôi không thể nào yên trí ngồi yên ở đằng trước, trái lại chốc chốc lại quay đầu, ngước nhìn lên mặt ông.

Ông có một thứ mắt đen, nhưng cạn (tôi không có danh từ nào hơn để gọi một con mắt, nhìn vào không thấy gì là sâu cả), khi nào nó lơ đãng thì ánh lên một cách đặc biệt thành ra lệch hẳn đi, trông như là lác. Nhiều lần liếc nhìn ông, tôi nhận thấy vẻ mặt như thế mà hoảng sợ và lấy làm lạ không biết ông nghĩ ngợi gì mà trầm ngâm dữ thế. Nhìn gần thì tóc và ria ông còn đen và rậm hơn tôi đã tưởng. Mặt phía dưới bạnh vuông, lấm chấm đen, chứng tỏ ông có bộ râu cằm rất rậm, hàng ngày được cạo nhẵn thín, và làm tôi nhớ đến cái nghề nặn hình nhân bằng sáp đã từng được đưa vào miền phụ cận của tôi độ nửa năm trước đây. Những đặc điểm ấy cùng với cặp lông mày đều đặn, và nước da trắng đen, nâu (da với dẻ! Kỷ niệm ấy sao mà khó chịu thế!) bắt tôi phải nhận rằng ông là người rất bảnh trai mặc dầu tôi có ác cảm với ông. Tôi chắc bà mẹ yêu quý và tội nghiệp của tôi cũng nghĩ như tôi thôi.

Chúng tôi đến một khách sạn ở bờ biển, ở đó chỉ có hai người đang hút xì gà trong phòng. Mỗi người nằm dài trên ít nhất là bốn cái ghế tựa và đều mặc áo chẽn vải thô. Ở góc phòng có một đống áo vét tông, áo đi thuyền, và một cái cờ, tất cả buộc thành một bó. Khi chúng tôi vào, họ lồm cồm đứng dậy, và nói: "Thế nào, Mócxtôn! chúng tôi tưởng anh chết rồi!".

"Chưa đâu", ông Mócxtôn nói.

"Chú bé nào thế này?" một người nắm tôi hỏi.

"Đêvi đấy" ông Mócxtôn trả lời.

"Đêvi gì kia chứ…?" người ấy lại hỏi.

"Copơphin", ông Mócxtôn nói.

"Sao, cái của nợ của bà Copơphin mê hồn đấy à?" người ấy kêu lên, "của cái bà quả phụ trẻ măng và xinh đẹp đấy à?"

"Anh Kiniôn, anh cẩn thận cho", ông Mócxtôn bảo. "Có người tinh ranh lắm đấy!"

"Ai thế?" người ấy cười hỏi.

Tôi vội nhìn lên, tò mò muốn biết xem đó là ai.

"À! anh chàng Brúc ở Sepphin đấy mà!" ông Mócxtôn nói.

Tôi nhẹ hẳn mình khi biết đó chỉ là anh chàng Brúc ở Sépphin, vì lúc đầu tôi cứ ngỡ là tôi cơ đấy.

Hình như cái ông Brúc ở Sépphin kia là một nhân vật rất buồn cười, nên khi nghe nói đến thì hai người cười rộ lên, và ông Mócxtôn cũng có vẻ khoái trá lắm. Sau khi cười một lúc, cái ông tên là Kiniôn hỏi: "Thế ý kiến của anh chàng Brúc ở Sépphin đối với kế hoạch đang dự tính thế nào?"

"Tôi thấy Brúc hiện chưa hiểu gì về vấn đề này", ông Mócxtôn trả lời "Nhưng nói chung, thái độ hắn là không tán thành".

Đến đây, họ lại cười ầm lên, và ông Kiniôn bảo:

“Phải bấm chuông gọi mang rượu anh đào lên để uống chúc sức khỏe anh chàng Brúc.”

Và ông ta thực hiện ngay. Khi rượu mang lên, ông cho tôi uống một chút với một chiếc bánh bích quy và trước khi tôi uống thì ông đứng dậy nói:

“Chúc cho anh chàng Brúc ở Sépphin được một dịp bẽ mặt”.

Mọi người cạn chén vỗ tay hưởng ứng ầm ĩ và cười khoái trá làm tôi cũng phải bật cười. Thấy thế, họ lại càng cười già. Tóm lại chúng tôi rất là hoan hỉ.

Sau đó, chúng tôi dạo trên núi đá ven bờ biển, và ngồi chơi trên cỏ, lấy ống nhòm để nhìn cảnh vật (riêng tôi thì khi để ống nhòm vào mắt, tôi chẳng nhìn thấy gì, nhưng tôi cứ làm ra vẻ thấy, rồi chúng tôi lại trở về khách sạn để ăn trước cho sớm. Trong khi đi chơi, hai người đàn ông cứ hút thuốc liên miên (tôi nghĩ nếu căn cứ vào cái mùi toát ra từ hai cái áo vải thô của họ mà xét, thì chắc hẳn họ đã hút từ lúc lấy áo ở hiệu thợ may về”. Và cũng không nên quên kể lại rằng chúng tôi đã lên chơi trên một chiếc du thuyền, cả ba người kia đều xuống khoang và loay hoay với một số giấy tờ. Khi nhìn xuống qua cửa sổ bỏ ngỏ ở nóc buồng, tôi thấy họ rất bận rộn.

Trong thời gian này, họ để tôi ở trên với một người rất tử tế, có cái đầu rất to tóc đỏ, đội một cái mũ tí xíu óng ánh, mặc áo lót hay áo gi-lê có vằn, ngang trên ngực có chữ “Sơn ca” viết hoa. Tôi tưởng đó là tên bác, và vì bác ở trên tầu, không có cửa nhà quay ra phố để đề tên, nên đã phải đề tên trên ngực. Nhưng khi tôi gọi bác là ông “Sơn ca” thì bác bảo đó là tên chiếc thuyền.

Suốt ngày, tôi thấy ông Mócxtôn có vẻ trầm lặng và đúng mực hơn hai người kia. Hai người kia rất vui vẻ và vô tư. Họ nói đùa với nhau thoải mái, nhưng rất ít đùa với ông Mócxtôn. Ông ta có vẻ thành thạo và lạnh lùng hơn họ, và đối với ông ta họ cũng phần nào nể sợ, như tôi đối với ông ta vậy. Tôi nhận thấy một hai lần, khi đang nói, ông Kiniôn nhìn trộm ông Mócxtôn để xem ông ta có phật ý không; và một lần khi ông Pátnítgiơ (tức là ông kia) vui quá trớn thì ông này đạp vào chân, nháy ông phải coi chừng ông Mócxtôn đang ngồi nghiêm nghị lặng yên. Suốt hôm ấy, tôi nhớ rằng ông Mócxtôn không cười lần nào, trừ lúc pha trò về anh chàng Sépphin, và chính đó lại là câu nói đùa của ông.

Chiều đến, chúng tôi trở về nhà sớm.

Đó là một buổi chiều rất đẹp. Và mẹ tôi lại cùng ông Mócxtôn đi dạo bên hàng rào dã tường vi trong khi tôi phải vào nhà để uống trà. Khi ông đã về, mẹ tôi hỏi lại tôi về tất cả cuộc đi chơi ban ngày của tôi, về những điều mà các ông ấy đã nói và đã làm. Tôi nhắc lại những câu họ nói về mẹ tôi, và mẹ tôi cười, bảo họ là người trơ trẽn ăn nói bậy bạ, nhưng tôi biết là mẹ tôi thích lắm. Tôi hiểu điều đó rõ như là giờ đây tôi đang hiểu. Nhân dịp này, tôi hỏi xem mẹ tôi có quen ông Brúc ở Sepphin không, nhưng mẹ tôi bảo không, và đoán có lẽ đó là một nhà sản xuất dao và nĩa.

Làm sao tôi có thể nói rằng gương mặt mẹ tôi đã phai mờ (mặc dầu tôi có lý do để nhớ rằng nó đã thay đổi, và tôi biết hiện nay đã biến mất), khi ngay giờ đây nó vẫn hiện ra trước mắt rõ ràng như bất cứ mặt người nào mà tôi nhìn ở ngoài đường phố đông đúc? Làm sao tôi có thể nói rằng vẻ đẹp ngây thơ và tươi trẻ của mẹ tôi đã tàn tạ và không còn nữa, trong khi giờ đây tôi vẫn cảm thấy hơi thở của gương mặt ấy trên má tôi, như là tôi đã thấy buổi chiều hôm đó? Làm sao tôi có thể nói rằng mẹ tôi đã thay đổi, khi ký ức tôi đã làm mẹ tôi sống lại in hệt như xưa; đã thế lại còn giống cái tuổi thanh xuân tình tứ hơn tôi cũng như bất kỳ người nào khác vẫn còn giữ được cái mà họ yêu quý.

Tôi tả mẹ tôi đúng như là lúc mẹ tôi đến chúc tôi ngủ ngon sau khi chúng tôi nói chuyện với nhau và tôi đã lên giường ngủ. Mẹ tôi vui vẻ quỳ bên giường, tay đỡ lấy cằm, cười và nói:

“Đêvi, các ông ấy nói gì thế? Nhắc lại mẹ nghe! Mẹ không tin thế đâu.”

"… Mê hồn…" tôi nói.

Mẹ tôi lấy tay bịt môi tôi, không cho nói. Mẹ tôi cười bảo:

"Không phải mê hồn đâu, không thể nào là mê hồn được, Đêvi ạ. Mẹ biết đúng là không phải thế."

Tôi nhắc lại quả quyết:

"Đúng thế mà!… Bà Copơphin mê hồn…, … và xinh đẹp" nữa.

Mẹ tôi lại lấy tay bịt môi tôi, cãi:

"Không, không phải là "xinh đẹp" đâu! Không "xinh đẹp" đâu!"

Đúng thế mà! "Bà quả phụ trẻ măng và xinh đẹp!"

Mẹ tôi che mặt cười, kêu lên:

"Người đâu mà rồ dại và trơ trẽn!… Các ông ấy lố bịch lắm phải không Đêvi?" "Thưa mẹ, vâng ạ."

"Đừng nói cho chị Pécgôti biết nhé! Chị ấy có thể giận các ông ấy đấy. Chính mẹ cũng giận các ông ấy ghê lắm; nhưng mẹ thấy không nên cho chị Pécgôti biết thì hơn."

Dĩ nhiên là tôi hứa điều đó, rồi chúng tôi ôm nhau hôn đi hôn lại mãi, và chẳng mấy chốc tôi ngủ say.

Bây giờ hồi tưởng lại hồi xưa, tôi nhớ đâu việc này xảy ra cách hôm ấy một hôm, nhưng kỳ thực có lẽ vào khoảng hai tháng sau. Một hôm chị Pécgôti đề nghị với tôi một việc rất mạo hiểm và bất ngờ mà tôi kể sau đây.

Một buổi tối, chúng tôi vẫn ngồi với nhau như mọi ngày (trong khi mẹ tôi cũng đi chơi vắng như mọi ngày) cùng với chiếc bít tất, cái thước đo, và cái hộp trên nắp có cảnh nhà thờ Xanh Pôn, và quyển truyện cá sấu. Chị Pécgôti cứ nhìn tôi hoài mồm há ra như muốn bảo gì nhưng rồi lại thôi (tôi cứ ngỡ là chị ngáp, nếu không thì đã hoảng lên.. Bỗng chị nói, giọng dỗ dành:

"Em Đêvi, em có muốn đi chơi độ nửa tháng với chị ở nhà người anh ruột của chị, ở Yácmao không? Em có thích thế không?"

"Anh của chị có vui tính không chị Pécgôti" tôi hỏi dò.

Chị Pécgôti giơ tay lên, nói:

"Ồ, vui tính lắm chứ!… Rồi lại có biển nữa, có thuyền, có tầu, có người đánh cá, có bãi biển… và có thằng Am nó chơi với em nữa…" Chị Pécgôti muốn nói đến cháu Ham của chị mà tôi đã kể ở chương thứ nhất, nhưng chị biến "Ham" thành "am" là một động từ trong tiếng Anh. Nghe chị kể những thú vui này tôi sướng mê đi được, và trả lời đi thì thích lắm, nhưng không biết mẹ tôi có cho phép không.

Chị Pécgôti nhìn chằm chặp vào mặt tôi mà nói:

"Ồ, chị đánh cuộc với em một đồng "Ghi-ni" đấy, thế nào mẹ cũng cho chúng ta đi chơi. Nếu em đồng ý chị sẽ xin phép cho, ngay khi mẹ về,… Được chứ?"

"Thế nhưng trong khi chúng mình đi chơi thì mẹ làm gì? tôi nói và chống đôi khuỷu tay nhỏ xíu xuống bàn để thảo luận về điểm này,… Mẹ không thể sống một mình được."

Chị Pécgôti bỗng cúi xuống tìm tòi một cái lỗ thủng nào đó ở gót bít-tất, lỗ thủng này chắc là phải nhỏ lắm, không bõ công mạng.

“Này chị Pécgôti, chị biết đấy, mẹ không thể ở một mình được.”

Cuối cùng chị Pécgôti lại nhìn tôi, nói:

“Trời ơi!… Em không biết à? Mẹ sắp sang chơi độ nửa tháng ở nhà bà Grâypơ; ở nhà bà Grâypơ sắp có đông khách lắm đấy!”

Ồ! nếu thế tôi sẵn lòng đi chơi lắm. Tôi rất sốt ruột ngồi đợi cho đến lúc mẹ tôi chơi ở nhà bà Grâypơ về (vì mẹ tôi vừa đến chơi nhà bà này) để xem chúng tôi có được phép thực hiện dự kiến lớn lao của chúng tôi không. Mẹ tôi chấp thuận ngay tức khắc, không hề tỏ ra ngạc nhiên như tôi đã tưởng. Ngay tối hôm đó, mọi việc được thu xếp xong, cả tiền ăn ở của tôi trong thời gian đi chơi.

Thấm thoát ngày chúng tôi ra đi đã đến. Nó không lâu la gì, nên đến nhanh lắm, ngay cả đối với tôi là người sốt ruột chờ đợi nó; cứ lo lắng sợ một cuộc động đất, hoặc một cái núi lửa, hoặc một sự đảo lộn nào khác của vũ trụ có thể làm ngừng cuộc đi chơi. Chúng tôi sẽ đi bằng xe ngựa của anh xà ích, khởi hành vào buổi sáng, sau bữa điểm tâm. Tôi sẵn sàng trả bao nhiêu tiền cũng được để được phép mặc quần áo ngay từ tối hôm trước và cứ để nguyên cả mũ giầy để đi ngủ.

Giờ đây, mặc dầu nói đến chuyện này một cách coi thường tôi vẫn thấy cảm động khi nhớ rằng tôi đã hăm hở rời khỏi cái gia đình êm ấm, và nghĩ rằng lúc đó tôi không ngờ chút nào rằng mình sẽ rời nó mãi mãi.

Tôi sung sướng nhớ lại rằng khi chiếc xe anh xà ích đỗ ở cổng và mẹ tôi đứng ở đấy để hôn tôi, thì tôi thấy tràn ngập tình yêu thương cảm kích đối với mẹ tôi, đối với cái căn nhà quen thuộc mà tôi chưa rời khỏi bao giờ, nên đã òa khóc lên. Tôi sung sướng biết rằng mẹ tôi cũng khóc, và tim mẹ tôi đập sát tim tôi.

Tôi sung sướng nhớ lại khi chiếc xe của anh xà ích bắt đầu chuyển bánh, thì mẹ tôi bỗng lại chạy ra khỏi cổng, gọi anh dừng lại để hôn tôi một lần nữa. Tôi sung sướng khi nghĩ đến tình thương yêu thắm thiết của mẹ tôi lúc mẹ tôi ngẩng mặt lên để hôn tôi.

Khi chúng tôi đi rồi, bỏ lại mẹ tôi đứng ở giữa đường, thì ông Mócxtôn tiến tới chỗ mẹ tôi và có dáng điệu như trách mẹ tôi sao lại quá xúc động như vậy. Tôi thò đầu vòng quanh tấm vải bạt đằng sau xe, và tự hỏi việc gì đến ông ta kia chứ. Chị Pécgôti cũng đang ngoái lại nhìn ở phía bên kia, rồi rút đầu vào trong xe vẻ mặt hình như không bằng lòng. Tôi ngồi nhìn chị Pécgôti một lúc, mơ màng nghĩ đến trường hợp giả thiết như sau: nếu chị có nhiệm vụ đem tôi đi để vất bỏ như đứa bé con trong chuyện cổ tích, thì tôi có thể tìm ra đường về nhà bằng cách lần theo những chiếc cúc chị để rơi ở suốt dọc đường không?

---

[1] Một nhân vật trong kinh thánh, chết rồi được Giêxu cứu sống lại.

[2] Nhà thờ lớn nhất ở Luân-đôn.

Chương III
MỘT SỰ THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TÔI

Con ngựa của anh xà ích xem chừng lười nhất trên đời: Nó lê chân đi, đầu gục xuống tựa hồ như nó thích bắt những người nhận bưu điện phải mỏi mắt trông chờ. Thực vậy, thỉnh thoảng tôi có cảm tưởng rằng nó đang nghĩ như thế và cười khúc khích; nhưng anh xà ích lại bảo là nó mắc bệnh ho đấy thôi.

Anh xà ích cũng có một cách gục đầu riêng cũng như con ngựa của anh; và hai tay đặt trên hai đầu gối, anh ngả người ra đằng trước ngủ và ngủ gật trong khi vẫn đánh xe. Tôi nói là "đánh xe", nhưng tôi nẩy ra ý nghĩ rằng cỗ xe có thể đến Yácmao hoàn toàn không cần có anh, vì đã có con ngựa làm tất cả. Còn về khoản trò chuyện thì anh chẳng biết tí gì, chỉ biết huýt sáo mà thôi.

Chị Pécgôti đặt trên đầu gối một lẵng thức ăn nhiều đến nỗi dù có đến Luân-đôn bằng thứ phương tiện vận tải này cũng không ăn hết. Chúng tôi ăn nhiều, và ngủ cũng nhiều. Chị Pécgôti cứ một mực ngủ rền, tì cằm trên quai lẵng mà chị nắm khư khư, và nếu không nghe tiếng chị ngáy khò khò thì tôi sẽ không thể tin được rằng một người đàn bà chân yếu tay mềm lại có thể ngáy to đến thế.

Chúng tôi đi ngoắt ngoéo quanh co hết lên lại xuống trên những con đường nhỏ và đã phải mất nhiều thì giờ để giao một cái giát giường cho một quán rượu và đỗ lại ở nhiều nơi, đến nỗi tôi mệt phờ ra và mừng quýnh khi trông thấy Yácmao. Nơi này xem ra có vẻ ẩm ướt và lầy lội khi tôi đưa mắt nhìn cái bãi vắng mênh mông, ảm đạm ở bên kia sông; và tôi không khỏi tự hỏi thầm rằng nếu quả đất là tròn như trong sách địa lý của tôi nói thì tại sao có chỗ lại bẹt đến thế này. Nhưng tôi lại nghĩ Yácmao có thể là ở một trong hai cực và luận điểm này có thể giải thích được điều trên.

Khi chúng tôi đến gần hơn nữa, và nhìn thấy tất cả dải đất bên cạnh chạy thành một đường thẳng dài, dưới bầu trời, tôi bảo chị Pécgôti rằng nếu vài quả đồi nhô lên nữa thì phong cảnh sẽ đẹp hơn và nếu đất được tách rời khỏi biển hơn nữa và thành phố và sóng biển không lẫn lộn với nhau như bánh mì khô giầm nước, thì có lẽ sẽ đẹp hơn nhiều. Nhưng chị Pécgôti nói, giọng kiên quyết hơn mọi khi, rằng "Sự vật như thế nào thì phải bằng lòng như thế", và riêng về phần chị, chị rất kiêu hãnh được gọi là "Con cá mòi khô ở Yácmao." Khi vào đến đường phố (mà tôi thấy thực kỳ lạ), và ngửi thấy mùi cá, mùi nhựa thông, mùi giây gai, mùi hắc ín, nhìn thấy các thủy thủ đi qua đi lại, và những chiếc xe bò lăn lạch cạch trên đường đá, tôi cảm thấy rằng tôi đã nhận xét oan về một nơi náo nhiệt như thế này; và tôi nói thế với chị Pécgôti. Chị cũng rất hả dạ khi nghe tôi tỏ vẻ thích thú; và chị bảo tôi rằng nhìn chung Yácmao nổi tiếng (tôi đoán là nổi tiếng đối với những người có số phận may mắn sinh ra là "Cá mòi khô") là nơi xinh đẹp nhất trên thế giới.

"Kìa thằng Am!" chị Pécgôti kêu lên, "… Lớn trông lạ hẳn đi!"

Đúng thế, Ham đang đứng ở tiệm rượu chờ chúng tôi; anh hỏi thăm sức khỏe của tôi, như một người bạn cũ. Lúc đầu tôi có cảm tưởng không quen biết anh như anh quen biết tôi, vì anh chẳng đến nhà tôi lần nào nữa từ đêm tôi ra đời, và cố nhiên như thế là anh có ưu thế hơn tôi. Nhưng lúc anh cõng tôi lên lưng để đưa về nhà thì sự thân mật giữa chúng tôi tăng lên nhiều. Bây giờ anh là một chàng trai to lớn, khỏe mạnh, cao thước chín, to ngang, vai tròn, nhưng vẻ mặt lại nũng nịu như trẻ con và tóc hung vàng loăn xoăn làm anh trông giống hệt con cừu. Anh mặc áo vải gai, và cái quần cứng đờ đờ, đến nỗi không cần có đôi chân ở trong ống, nó cũng có thể đứng một mình. Và người ta không thể bảo rằng anh đang đội mũ; vì trông anh giống như một tòa nhà cũ trên chóp che bằng một thứ gì đen đen như nhựa vậy.

Anh Ham vừa cõng tôi vừa cắp ở tay chiếc hòm nhỏ của chúng tôi, trong khi chị Pécgôti cũng mang một hòm nhỏ khác; và chúng tôi đi vào những con đường ngổn ngang những vỏ bào, những đống cát

nho nhỏ, qua những xưởng chạy bằng hơi than, những xưởng làm thừng chão, những công trường đóng thuyền, đóng tầu, những công trường tháo tầu, sơn tầu, trang bị dụng cụ cho tầu, những lò rèn…, và vô số những nơi tương tự như vậy, cho đến khi đến cái bãi vắng ảm đạm mà tôi đã thấy từ xa. Đến đây anh Ham nói:

"Này cậu Đêvi, nhà ta kia kìa!"

Tôi nhìn khắp tứ phía, trố mắt nhìn cái bãi hoang vắng, hết về phía biển lại về phía sông, nhưng chẳng nhận ra nhà cửa đâu cả. Cách đó không xa có một chiếc thuyền gỗ đen đen hay một thứ tầu nhỏ gì đó bị bỏ, đã được kéo lên cạn, với một cái ống khói bằng sắt nhô lên, thay cho ống khói lò sưởi và đang tỏa khói một cách bình yên; ngoài ra tuyệt nhiên tôi chẳng thấy có nhà cửa gì cả.

"Cái giông giống cái tầu kia, có phải nhà ta đấy không?" tôi hỏi.

"Phải đấy cậu Đêvi ạ", anh Ham trả lời.

Dù có là lâu đài của Alađanh[1] hay trứng chim đại bàng, hoặc là bất kỳ cái gì, cũng không thể làm tôi say mê hơn cái ý nghĩ lãng mạn là sẽ được sống ở đó. Một cửa xinh xắn được đục ở thành tầu, và tầu có một cái mái với những cửa sổ tí xíu; nhưng sức hấp dẫn kỳ diệu của nó là ở chỗ nó chính là một cái tầu thật, nhất định đã từng lênh đênh trên mặt biển hàng trăm lần rồi, và trước đấy không bao giờ người ta nghĩ đến việc dùng nó làm nhà ở trên cạn. Đó là điều làm tôi ngây ngất. Nếu nó được đóng ra để làm nhà thì có thể tôi thấy là nó bé, bất tiện, trơ trọi; nhưng vì nó không phải đóng để dùng vào việc ấy, nên nó trở thành một chỗ ở tuyệt diệu. Bên trong, sạch bóng như chùi, và hết sức ngăn nắp. Có một cái bàn, một chiếc đồng hồ Hà-lan, một cái tủ có ngăn kéo trên tủ đặt một khay trà trên vẽ một bà cầm ô đi chơi với một cậu bé có dáng điệu nhà binh, đang đánh vòng. Một quyển kinh thánh đỡ cho khay khỏi đổ; vì thế khay đổ xuống thì sẽ làm tan tành bao nhiêu là tách, đĩa và một cái ấm để ở chung quanh quyển kinh thánh. Trên tường có vài bức tranh màu thông thường, đóng khung lồng kính, đề tài lấy trong kinh thánh. Từ lúc ấy, mỗi khi trông thấy những bức tranh này ở tay người bán hàng rong tôi lại thấy hiện ngay ra trước mắt toàn bộ cảnh nhà của người anh của chị Pécgôti: Abraham[2] màu đỏ sắp sửa giết Ydaắc để tế thượng đế và Đanien màu vàng bị ném vào hang sư tử màu xanh, là những bức nổi nhất trong những tranh đó. Trên cái giá lò sưởi nhỏ là bức tranh vẽ tầu Xarajan đóng ở Xơnđecian với một cái đuôi tầu tí xíu làm bằng gỗ và đính vào đấy, một công trình mỹ thuật đã kết hợp được nghệ thuật với nghề mộc, mà tôi coi như một tài sản quý báu nhất trên đời có thể có. Có vài cái móc trên xà nhà mà tôi chưa đoán ra là dùng làm gì, và vài cái hòm, vài cái hộc với những vật tiện lợi kiểu tương tự dùng làm chỗ ngồi và bổ sung thêm vào số ghế.

Tất cả những cái đó, chỉ liếc nhìn một cái là tôi thấy ngay, sau khi đã bước qua ngưỡng cửa (theo tôi nghĩ đối với trẻ con cái đó là tự nhiên). Đoạn chị Pécgôti mở một cái cửa nhỏ, dẫn tôi vào buồng ngủ của tôi. Thật là một cái buồng đầy đủ nhất, thú nhất, chưa từng thấy bao giờ. Nó ở đuôi tầu, có một cửa sổ xinh xinh trước kia là chỗ bánh lái, một cái gương soi nhỏ nhắn vừa đúng tầm cao của tôi, đóng vào tường, khung của nó làm bằng vỏ hàu và một cái giường tí xíu vừa vặn đủ chỗ để tôi nằm duỗi ở đấy; và một chùm rong biển cắm trong cái bình xanh để trên bàn. Tường quét vôi, trắng bong như sữa, và chăn đắp chân sặc sỡ làm tôi hoa cả mắt vì màu lòe loẹt. Tôi nhận ra trong cái nhà thú vị này có một điều đặc biệt là mùi cá: nó thấm vào tất cả đến nỗi khi rút khăn tay ra chùi mũi thì tôi ngửi thấy y như là nó đã gói một con tôm hùm. Khi tôi bảo nhỏ cho chị Pécgôti biết điều khám phá này, chị bảo tôi rằng anh ruột chị làm nghề bán tôm hùm, cua bể, và tôm he. Và sau đó, trong một cái chái nhỏ bằng gỗ để nồi và ấm, tôi đã thấy một đống tướng những con vật này quấn quít lấy nhau một cách kỳ lạ và luôn luôn thò càng ra cặp bất cứ cái gì chúng vớ được.

Chúng tôi được một bà rất lễ độ mặc tạp dề trắng, ra đón. Ở trên lưng anh Ham cách đây độ một phần tư dặm, tôi đã thấy bà ra đứng ở cửa, cúi chào chúng tôi. Đồng thời, lại có một cô bé hết sức xinh (ít nhất tôi cho là như thế), cổ đeo chuỗi hạt trai xanh xanh, cô ta không chịu cho tôi hôn và chạy trốn. Sau đó, khi chúng tôi đã ăn xong bữa ăn thịnh soạn có cá bơn luộc, bơ nước và khoai tây, với một miếng sườn cho riêng tôi, thì một ông lông lá, vẻ mặt hiền hậu bước vào. Vì ông gọi chị Pécgôti là "cô bé" và hôn chụt trên má chị một cái một cách thân thiết, nên tôi không do dự gì kết luận rằng (căn cứ vào tư cách xưa nay đứng đắn của chị Pécgôti) đó là anh ruột chị; và quả nhiên người ta giới thiệu cho tôi ông ấy là ông Pécgôti, chủ của ngôi nhà này.

"Chào cậu", ông Pécgôti nói: "được gặp cậu tôi thật mừng nắm[3]! Chúng tôi thì cục mịch nhưng rất sốt sắng, cậu ạ."

Tôi cám ơn ông và trả lời rằng tôi tin chắc là sẽ vui sướng được ở một nơi thú vị như thế này.

"Mẹ cậu thế lào?" ông Pécgôti hỏi "Bà có được vui vẻ khỏe mạnh khi cậu ra đi không?"

Tôi cho ông biết rằng mẹ tôi hết sức vui vẻ khỏe mạnh, và có gửi lời chào… Đây chỉ là một sự bịa đặt lịch sự của tôi thôi.

"Lói để cậu biết nà tôi xin đa tạ bà" ông Pécgôti nói - "Lày cậu, lếu cậu có thể thu xếp ở đây độ nửa tháng với em nó (ông hất hàm về phía em gái), Ham và bé Emili, thì chúng tôi sẽ rất hân hạnh."

Sau khi tiếp khách niềm nở như vậy, ông Pécgôti ra rửa ráy với cả một nồi nước nóng, tuyên bố rằng "Lước nạnh không thể lào cho bở ghét của ông được", ông ta quay vào mặt mũi sáng sủa hẳn lên, nhưng đỏ gay đến nỗi tôi không khỏi nghĩ rằng mặt ông có chỗ giống như tôm hùm, cua bể và tôm he! Khi dúng vào nước nóng thì chúng đen sì, khi ra khỏi nước nóng thì chúng đỏ chói.

Sau bữa trà, lúc cửa đã đóng và mọi vật đều ấm áp (lúc này đêm lạnh và nhiều sương), thì đối với tôi đây là một nơi ở ấm cúng nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Thật là mê hồn khi nghe tiếng gió nổi dậy ngoài khơi, khi biết sương mù đang lan tràn trên khắp bãi vắng phẳng lì và thê lương, và khi nghĩ rằng gần đây không có một ngôi nhà nào ngoài ngôi nhà này, và ngôi nhà này lại là một cái tầu. Bé Emili đã thắng được sự e thẹn, cô ngồi cạnh tôi trên cái hòm nhỏ nhất và thấp nhất, vừa đủ chỗ cho hai chúng tôi, và kê vừa khít vào góc lò sưởi. Bà Gơmmít mặc tạp dề trắng, đang đan ở phía đối diện lò sưởi. Chị Pécgôti thì bận khâu, vẫn rất thoải mái điềm nhiên với cái hộp vẽ nhà thờ Xanh Pôn và mẩu sáp, dường như những thứ này xưa nay chưa hề ở khác chỗ. Anh Ham sau khi đã dạy tôi bài học đầu tiên về đánh bài "Các-tê", đang thử nhớ lại một cách bói bài với những quân bài bẩn, và mỗi khi anh vật bài thì ngón tay cái nhờn cá của anh lại in vào các con bài. Ông Pécgôti đang ngồi hút tẩu. Tôi cảm thấy đây là giờ chuyện trò và tâm sự.

"Ông Pécgôti!" tôi gọi.

"Cái gì thế cậu?" ông Pécgôti hỏi.

"Có phải ông đặt tên con ông là Ham vì ông sống trong một cái thuyền không?"[4].

Ông Pécgôti có vẻ cho đó là một ý kiến sâu sắc, nhưng ông trả lời:

"Không cậu ạ! Tôi có đặt tên cho ló bao giờ đâu?"

"Thế ai đặt tên cho anh ấy?" tôi hỏi ông Pécgôti câu hỏi số hai của sách đạo[5].

"Cha ló đặt cho ló chứ còn ai lữa!" ông Pécgôti bảo.

"Cháu cứ tưởng ông là cha anh ấy!"

“Anh ruột tôi nà Jô mới nà cha ló”, ông Pécgôti nói.

Sau một lúc ngừng lại kính cẩn, tôi gợi:

“Ông ấy chết rồi à, có phải không ông Pécgôti?”

“Chết đuối!” ông Pécgôti nói.

Tôi rất ngạc nhiên về chỗ ông Pécgôti không phải là cha anh Ham, và bắt đầu tự hỏi không biết mình có lầm về quan hệ của ông với những người khác không. Tôi rất tò mò muốn biết và định hỏi ông Pécgôti cho ra đầu đuôi.

“Còn bé Emili” tôi nói, liếc nhìn cô bé “… Em ấy có phải là con gái ông không, ông Pécgôti?”

“Không cậu ạ. Anh rể tôi nà Tôm mới nà cha ló!”

Tôi không nhịn được nữa. Sau khi im lặng kính cẩn một lần nữa, tôi lại hỏi gợi: “Ông ấy chết rồi à, có phải không ông Pécgôti?”.

“Chết đuối”, ông Pécgôti nói.

Tôi cảm thấy thật khó lòng tiếp tục câu chuyện nhưng vẫn chưa ra manh mối nên tôi phải hỏi cho kỳ được bất kỳ bằng cách nào. Vì thế tôi lại nói:

“Ông có con không ông Pécgôti?”

“Không cậu ạ, tôi độc thân”, ông Pécgôti cười bảo.

“Độc thân à?”…, tôi sửng sốt hỏi. “Thế ai đấy ông Pécgôti?” tôi trỏ vào cái bà mặc tạp dề đang ngồi đan.

“Đó nà bà Gơmmít!” ông Pécgôti bảo.

“Bà Gơmmít à, ông Pécgôti?”

Nhưng đến đây thì Pécgôti (tôi muốn nói là chị Pécgôti của tôi) ra hiệu ráo riết cho tôi bảo đừng hỏi thêm gì nữa, nên tôi đành ngồi nhìn cả nhà đang ngồi im lặng, cho đến giờ đi ngủ. Lúc đó, ở trong buồng riêng, chị bảo cho tôi biết rằng Ham và Emili là cháu giai và cháu gái mồ côi mà ông chủ nhà của tôi đã lần lượt mang về nuôi, từ khi còn bé không nơi nương tựa, còn bà Gơmmít là vợ góa một người bạn chài đã chết trong tình cảnh rất nghèo túng. Chị Pécgôti bảo ông Pécgôti tuy nghèo, nhưng “lòng vàng dạ ngọc, thật như đếm” (đó là những ẩn dụ của chị). Chị bảo tôi biết điều duy nhất làm ông nổi khùng đến nỗi cất lời chửi rủa, chính lại là khi người ta nhắc đến lòng tốt của ông. Hễ ai nhắc đến lòng tốt của ông thì ông đấm mạnh tay phải xuống bàn (có một lần ông đã đấm toác cả bàn) và chửi một câu khủng khiếp, thề rằng ai mà còn nói đến nữa thì ông sẽ đi thẳng, nếu không sẽ bị trời “đì”. Khi tôi hỏi vặn thì hình như không có ai có một khái niệm gì về nguồn gốc của động từ “đì” ấy, nhưng họ đều cho đó là một tiếng chửi rất là nặng nề.

Tôi rất cảm kích lòng tốt của ông chủ nhà, và trong khi người khoan khoái lại thêm buồn ngủ, tôi nghe tiếng chân đàn bà đang đi ngủ trong cái buồng giống buồng của tôi nhưng ở đầu bên kia tầu, và ông Pécgôti và anh Ham đang treo hai cái võng của họ vào những móc tôi đã thấy trên xà. Trong lúc thiêm thiếp ngủ, tôi nghe tiếng gió ù ù ngoài khơi và thổi trên bãi vắng hết sức dữ dội, làm tôi ngài ngại sợ rằng đang đêm nước sẽ dâng lên. Nhưng tôi tự nhủ dẫu sao tôi cũng đang ở trong một cái tầu, và nếu xảy ra việc gì thì có một người như ông Pécgôti trên tầu cũng không phải là vô ích.

Nhưng đêm ấy cũng như sáng hôm sau vẫn bình yên vô sự. Ánh mặt trời vừa lấp lánh trên cái gương có khung vỏ hàu của tôi thì tôi đã dậy đi với bé Emili ra bờ biển nhặt đá và sỏi.

“Cậu là dân thủy thủ chính cống phải không?” tôi bảo Emili. Thực ra, tôi biết tôi không hề có ý nghĩ như vậy, nhưng để tỏ ra lịch sự tôi phải nói điều gì chứ, và vì ngay lúc ấy một chiếc buồm trắng xóa gần chúng tôi phản chiếu trong mắt long lanh của cô bé làm thành một hình ảnh rất xinh đẹp, nên tôi nghĩ đến điều đó.

“Không đâu!… Mình sợ biển lắm”. Emili lắc đầu trả lời.

Tôi ra vẻ can đảm ngạo nghễ nhìn ra biển bảo:

“Sợ gì! Mình thì chẳng sợ đâu.”

“Ờ! Nhưng biển độc ác lắm”, Emili nói. “Mình đã thấy nó rất độc ác với một số người ở đây. Mình đã thấy nó đánh một chiếc thuyền to bằng ngôi nhà chúng ta tan ra từng mảnh”.

“Chắc không phải là chiếc thuyền mà…”.

“Cậu bảo cha mình chết đuối ở đó phải không?” Emili nói.

“Không phải… Không phải chiếc thuyền ấy… Mình không thấy chiếc ấy bao giờ.”

“Cậu cũng không thấy cha à?”

“Mình cũng chẳng nhớ nữa”, bé Emili lắc đầu.

Quả là một sự giống nhau tình cờ! Tôi liền kể cho cô bé biết rằng tôi cũng thế, tôi không được thấy cha tôi. Mẹ tôi và tôi đã sống một mình, trong cảnh hạnh phúc tuyệt trần, chúng tôi hiện nay còn sống như thế, và định sống thế mãi, tôi kể rằng mộ cha tôi ở nghĩa địa, gần nhà chúng tôi, dưới bóng mát của một cái cây, nhiều buổi sáng đẹp trời tôi đã đi dạo chơi dưới cây này, nghe chim hót. Nhưng tôi cảm thấy giữa cảnh côi cút của Emili và của tôi có điểm hơi khác nhau: Cô mồ côi mẹ trước khi mồ côi cha; và không ai biết mộ cha cô ở đâu cả, chỉ biết rằng nó ở đâu đó dưới đáy biển sâu.

Trong khi đưa mắt tìm vỏ hàu và đá sỏi, Emili nói:

“Vả lại, cha cậu là một người sang trọng, mẹ cậu cũng là một người sang trọng còn cha mình là một người đánh cá, và mẹ mình là con gái một người đánh cá và cậu Đan[6] cũng là một người đánh cá!”

“Đan là ông Pécgôti, có phải không?” tôi hỏi.

“Cậu Đan ở đằng kia kìa”, Emili đáp, hất hàm về phía chiếc tàu.

“Mình hiểu rồi. Cậu ấy phải rất tốt nhỉ?”

“Tốt lắm”, Emili nói. “Nếu mình là một người sang trọng mình sẽ biếu cậu một cái áo màu xanh da trời có cúc kim cương, một cái quần bằng lụa Trung quốc, một cái áo khoác nhung đỏ, một cái mũ có hai góc, một chiếc đồng hồ vàng to tướng, một cái tẩu hút thuốc bằng bạc, và một két đầy tiền”.

Tôi bảo tôi tin chắc ông Pécgôti rất xứng đáng được nhận những của quý đó.

Nhưng phải công nhận rằng tôi khó mà hình dung ông được thoải mái trong bộ đồ cô cháu gái nhỏ biết ơn định biếu ông, và đặc biệt tôi rất ngại về khoản chiếc mũ có hai góc; nhưng tôi giữ kín những cảm nghĩ này.

Bé Emili đứng lại, ngước mắt nhìn lên bầu trời khi kể về các vật đó, tưởng chừng như đó là một hình ảnh huy hoàng.

Chúng tôi lại tiếp tục đi, nhặt vỏ trai và đá sỏi.

“Cậu có thích trở thành một bà sang trọng không?” Tôi hỏi.

Emili nhìn tôi cười, gật đầu:

"Thích lắm chứ!… Lúc đó chúng mình sẽ trở thành những người lịch sự: Mình này, và cậu mình này, và anh Ham, và bà Gơmmít. Khi trời giông bão, chúng mình không phải lo nữa… Mình nói là không phải lo cho mình nữa; còn cố nhiên là mình vẫn lo cho những người đánh cá tội nghiệp… và chúng mình sẽ giúp tiền cho họ, nếu họ gặp nạn…"

Tôi thấy đó là một cảnh tượng hết sức thích đáng và không phải không thể thực hiện được. Tôi tỏ ý thích ngắm nhìn cảnh tượng. Và bé Emili đánh bạo hỏi tôi một cách rụt rè:

"Thế bây giờ cậu có sợ biển không nào?"

Lúc đó biển rất phẳng lặng làm tôi yên tâm nhưng tôi chắc là nếu có một ngọn sóng vừa vừa xô vào, thì tôi sẽ ba chân bốn cẳng bỏ chạy và kinh hoàng nhớ đến những người thân thích của cô bé chết đuối.

Nhưng tôi vẫn trả lời: "Mình không sợ…", và nói thêm: "Cậu bảo sợ, nhưng cậu chẳng có vẻ sợ hãi gì cả". Vì khi ấy chúng tôi đang dạo chơi trên bờ đê hay con chạch bằng gỗ và cô lại đi sát bờ nên tôi sợ cô bị ngã hụt ra ngoài.

"Thế này thì mình không sợ" Bé Emili nói. "Nhưng lúc có gió to thì mình thức dậy và run sợ, nghĩ đến cậu Đan và anh Ham, mình tưởng như nghe tiếng họ kêu cứu. Vì thế mình rất muốn trở thành một người sang trọng… Nhưng đi thế này thì mình không sợ,… chẳng sợ tí nào, cậu xem này…"

Cô liền bỏ tôi, chạy dọc trên một phiến gỗ lồi ra ở chỗ chúng tôi đang đứng, lơ lửng một quãng cao trên vực nước và không có gì để bấu víu. Hình ảnh này in sâu vào ký ức tôi: Nếu tôi là họa sĩ giỏi chắc chắn bây giờ tôi cũng vẽ lại được cảnh đó giống y như hôm ấy, bé Emili đang lao mình ra phía trước, vào cõi chết (tôi nghĩ thế) mắt đăm đăm nhìn ra ngoài khơi, với cái nhìn tôi không bao giờ quên được.

Bóng người mảnh dẻ, nhẹ nhàng, táo bạo, nhanh nhẹn ấy quay lại và bình yên trở về chỗ tôi đứng. Tôi thật buồn cười về chỗ tôi đã hoảng sợ và kêu to lên một tiếng (kêu thế chỉ vô ích vì gần đấy chẳng có ai). Sau này, khi đã lớn, tôi đã nhiều lần nghĩ thầm: phải chăng trong cái hành động liều lĩnh đột ngột của tuổi thơ, trong cái nhìn dài dại, xa xăm của cô, đã có một cái gì huyền bí lôi cuốn cô một cách phũ phàng vào cảnh hiểm nguy? Phải chăng người cha cô đã chết xui cô làm thế để cho số phận cô có thể kết liễu trong ngày hôm ấy? Sau này, có một lần tôi đã tự hỏi: Nếu lúc đó cuộc đời sau này của cô hiện ra trước mắt tôi và hiện ra rõ rệt để cho một đứa trẻ có thể hiểu nó toàn vẹn và nếu sự sống của cô chỉ lệ thuộc vào một cử động của tay tôi, thì tôi có nên giơ tay ra để cứu cô không? Sau này có một lần (việc này không phải kéo dài nhưng đã có một lần xảy ra), tôi đã đặt cho tôi câu hỏi sau đây: Nếu buổi sáng hôm ấy, đầu bé Emili đã chìm nghỉm trong sóng nước trước mắt tôi, thì như thế có phải tốt hơn đối với Emili không? và tôi đã tự trả lời: phải đấy như thế còn hơn!

Nói điều này sợ quá sớm. Có lẽ tôi đã quá vội viết điều này ở đây. Nhưng thôi đã trót viết mất rồi!

Chúng tôi đi tha thẩn đã xa, mang tất cả những cái gì thấy hay hay, và thả xuống biển cẩn thận mấy con sao biển bị dạt lên bờ (đến nay tôi vẫn chưa hiểu rõ về giống này nên không biết nó nên biết ơn chúng tôi hay là ngược lại), sau đó chúng tôi trở về nhà ông Pécgôti. Chúng tôi dừng lại hôn nhau một cách ngây thơ, dưới mái hiên của khoang để tôm hùm, rồi mới bước vào nhà để ăn cơm, người trông hồng hào, hớn hở. Ông Pécgôti bảo:

"Thật như hai "con mi" vậy!" tôi hiểu rằng theo tiếng địa phương nói như thế có nghĩa là giống như "hai con họa mi", và tôi xem đó là một lời khen ngợi.

Dĩ nhiên là tôi mê bé Emili. Tôi tin chắc rằng tôi đã yêu cô bé ấy cũng chân thành, tha thiết lại còn trong trắng vô tư hơn cả tình yêu đẹp nhất của đời tôi sau này, mặc dù nó rất cao thượng, thanh khiết. Tôi tin chắc là trí tưởng tượng của tôi đã dựng nên một cái gì cao quý xung quanh cô bé tí xíu có đôi mắt biếc ấy, làm cho cô thanh cao thành một đấng thiên thần. Nếu một sớm mai nắng vàng, cô bỗng mọc đôi cánh bay đi trước mắt tôi thì tôi cũng cho đó không phải là một điều quá kỳ lạ.

Chúng tôi thường cùng nhau đi dạo như một cặp tình nhân hàng giờ trên bãi cát vắng bằng phẳng, ẩm đạm, thân thuộc ở Yácmao. Ngày nhởn nhơ trôi qua bên chúng tôi, hình như chính cả thời gian cũng không già đi mà cũng là một đứa trẻ con, lúc nào cũng nô đùa. Tôi bảo Emili rằng tôi yêu cô, tôi bảo nếu cô không nói rằng cô cũng yêu tôi thì tôi sẽ phải lấy kiếm tự tử. Cô bé trả lời rằng cô cũng yêu tôi, và tôi tin chắc là thế.

Bé Emili và tôi chẳng bận tâm gì về vấn đề địa vị chênh lệch, hay tuổi quá trẻ, hoặc một trở ngại gì khác trên đường đời chúng tôi, vì đối với chúng tôi thì không có ngày mai. Chúng tôi cũng chẳng bận tâm nghĩ rằng mình sẽ già đi hay sẽ trẻ lại. Chúng tôi làm bà Gơmmít và chị Pécgôti trầm trồ. Buổi tối khi chúng tôi thân yêu ngồi sát cánh nhau trên cái hòm con của chúng tôi, thì họ thường thì thào: "Trời ơi! Xinh quá là xinh!" Ông Pécgôti mỉm cười với chúng tôi miệng ngậm cái tẩu và anh Ham chẳng làm gì cả, cứ ngồi nhăn răng cười. Tôi chắc là họ cảm thấy vui vui khi nhìn chúng tôi, như nhìn một thứ đồ chơi đẹp hoặc cái mô hình đại hý viện nhỏ xíu của La mã.

Chẳng bao lâu tôi nhận thấy bà Gơmmít do hoàn cảnh phải sống nhờ nhà ông Pécgôti nên không phải vui vẻ như người ta tưởng. Bà hay phiền muộn và thỉnh thoảng lại than thở, làm cho người khác phải khó chịu, nhất là ở trong một cái nhà nhỏ bé như thế này. Tôi cũng rất lấy làm tiếc cho bà; nhưng có những lúc tôi nghĩ giá có một buồng kín riêng để bà rút lui vào đó cho đến khi bà trở lại vui vẻ thì có lẽ sẽ dễ chịu hơn.

Đôi khi ông Pécgôti la cà đến một tiệm rượu gọi là "Quán người hảo tâm." Tôi khám phá ra điều này khi ông bỏ đi một lúc vào tối thứ hai hay thứ ba gì đó từ hôm tôi đến đấy. Bà Gơmmít cứ ngước mắt nhìn cái đồng hồ Hà-lan, giữa khoảng tám và chín giờ, phàn nàn rằng ông đã đến "đấy" rồi, và bà đã biết ngay từ buổi sáng là ông ta sẽ đến "đấy".

Bà Gơmmít buồn rũ rượi suốt cả ngày, và buổi sáng bà đã khóc òa lúc bếp bắt đầu um khói. Mỗi khi xảy ra chuyện phiền này thì bà lại nói:

"Tôi là con người cô độc, khốn khổ - cái gì cũng làm tôi khổ".

Chị Pécgôti (đây là chị Pécgôti của tôi) nói:

"Rồi thì anh ấy sẽ bỏ… vả lại bà nên biết là chúng tôi cũng khổ tâm về chuyện này".

"Tôi còn khổ tâm hơn", bà Gơmmít nói.

Ngày hôm ấy rất lạnh, với những cơn gió rét như cắt thịt. Cái góc dành riêng cho bà Gơmmít sát lò sưởi là nơi ấm nhất, dễ chịu nhất trong nhà, và chỗ ngồi của bà chắc hẳn là chỗ tốt nhất, thế nhưng hôm đó bà chẳng thấy vừa lòng chút nào. Bà cứ phàn nàn là rét, và rét đến nỗi lưng bà bị cái chứng mà bà gọi là "nổi gai ốc". Cuối cùng bà lại nhỏ nước mắt về chuyện kia, và lại than thở rằng bà là "con người cô độc, khốn khổ, cái gì cũng làm bà khổ…".

"Tất nhiên là rét lắm", chị Pécgôti nói, "nhưng ai thì cũng rét cả".

"Tôi còn thấy rét hơn", Bà Gơmmít bảo.

Đến bữa ăn cũng thế; bà Gơmmít là người được lấy thức ăn ngay sau tôi (trước kia bà lấy đầu tiên,

nhưng khi có tôi thì tôi lấy trước vì được coi là khách quý). Cá thì nhỏ và lắm xương, khoai tây thì hơi bị cháy. Tất cả chúng tôi đều công nhận rằng điều này làm chúng tôi thất vọng, nhưng bà bảo bà còn cảm thấy thế hơn chúng tôi, lại nhỏ nước mắt và lại nói câu này một cách rất chua chát.

Vì thế vào khoảng chín giờ, lúc ông Pécgôti về, thì bà Gơmmít bất hạnh đang ngồi đan trong góc của mình có vẻ khổ sở và thảm hại lắm. Chị Pécgôti đang hăng hái khâu. Anh Ham đang vá một đôi ủng lội nước lớn; và tôi ngồi cạnh bé Emili đang đọc truyện cho họ nghe. Từ lúc uống trà đến giờ, bà Gơmmít không nói lời nào nữa (trừ một tiếng thở dài não ruột), và cũng không ngước nhìn đồng hồ nữa. Ông Pécgôti ngồi xuống bảo:

"Cả nhà thế nào? Vui vẻ chứ?".

Chúng tôi hoặc nói hoặc tỏ ra vẻ niềm nở với ông, trừ bà Gơmmít cứ ngồi đan mà lắc đầu.

"Có chuyện gì thế?"… Ông Pécgôti đập tay một cái, "thôi phấn khởi nên lào mẹ già ơi!" (ông muốn nói là "Cô bạn già" đấy).

Nhưng bà Gơmmít chẳng có vẻ phấn khởi lên chút nào. Bà rút chiếc khăn tay cũ bằng lụa đen ra lau mắt, rồi đáng lẽ bỏ vào túi thì bà lại cứ cầm tay, rồi lại lau mắt, rồi vẫn cầm ở tay để sắp sửa dùng nữa.

"Có chuyện gì không hay thế bà ơi?" Ông Pécgôti hỏi.

"Chẳng có chuyện gì cả…" bà Gơmmít trả lời. "Ông Đanien, ông vừa ở "Quán những người hảo tâm" về phải không?"

"Vâng", ông Pécgôti nói, "Tối nay tôi vừa tạt qua "Quán người hảo tâm" một nát".

"Tôi lấy làm tiếc là tôi đã bắt ông phải đến đấy!" Bà Gơmmít nói.

Ông Pécgôti cười thật thà:

"Bắt à! tôi chẳng cần ai bắt tôi đâu. Tôi thích đến đấy quá đi mất".

"Thích… à? Phải, phải ông… thích…", bà Gơmmít vừa lắc đầu vừa chùi mắt nói: "Tôi tiếc là vì tôi mà ông phải thích đến đấy".

"Vì bà à?… không phải vì bà đâu! Bà không nên nghĩ thế", ông Pécgôti nói.

"Phải, đúng thế đấy", bà Gơmmít kêu, "Tôi biết tôi là người thế lào rồi. Tôi biết tôi là con người cô độc, khốn khổ, và không những cái gì cũng nàm tôi khổ mà tôi còn nàm người khác khổ lữa. Phải, phải, tôi khó tính hơn người khác và lại tỏ điều ấy ra ngoài lữa. Đó là điều bất hạnh của tôi".

Ngồi nhìn cảnh mè nheo đó, tôi không nghĩ rằng không những đó là bất hạnh của bà Gơmmít mà còn bất hạnh cho những người khác trong nhà nữa. Nhưng ông Pécgôti không đáp lại như vậy, ông chỉ khuyên bà Gơmmít lần nữa hãy phấn khởi lên.

"Tôi có muốn tôi như thế này đâu" Bà Gơmmít nói. "Tuyệt nhiên tôi không muốn thế. Tôi biết tôi như thế nào rồi. Nỗi phiền muộn của tôi làm khổ tôi. Tôi thấy phiền muộn và khổ tâm. Tôi muốn không nghĩ đến nữa, nhưng cứ phải nghĩ. Tôi muốn trở thành sắt đá, nhưng không được. Tôi làm khổ cả nhà. Tôi không ngạc nhiên về việc đó… Cả ngày tôi đã làm khổ cô em gái của ông, và cả cậu Đêvi nữa."

Đến đây, tôi bỗng mủi lòng, rất buồn bã kêu lên.

"Không đâu, bà Gơmmít! Bà không làm thế đâu."

"Tôi làm như thế thật là không phải", bà Gơmmít nói: "Thật là một cách trả ơn không tốt. Thà tôi

vào ở nhà tế bần rồi chết ở đó cho xong. Tôi là con người cô độc, khốn khổ, và không nên đến đây để làm khổ mọi người. Nếu cái gì cũng làm tôi khổ, và chính tôi cũng làm tôi khổ, thì thà là tôi đến làm phiền nhà xứ còn hơn. Anh Đanien, tôi phải vào ở nhà tế bần mới được, và chết ở đó, không làm phiền mọi người nữa!"

Nói đến đây, bà Gơmmít bỏ vào đi ngủ. Khi bà đi rồi, ông Pécgôti vẫn không tỏ ra có ý gì khác mà chỉ thông cảm rất sâu sắc, đã quay nhìn tất cả chúng tôi một lượt, gật gật cái đầu vẻ mặt ái ngại, nói thầm:

"Bà ấy nại nhớ đến ông già rồi!"

Tôi cũng không hiểu bà Gơmmít đã tưởng nhớ đến ông già nào mãi đến lúc đưa tôi đi ngủ chị Pécgôti mới giải thích cho tôi rằng đó là ông Gơmmít đã quá cố; và hễ gặp trường hợp thế này lúc nào anh ruột chị cũng cho là vì điều ấy và lấy làm ái ngại lắm. Một lúc sau, tôi nghe tiếng ông nhắc lại với anh Ham: "Tội nghiệp! Bà ấy nại nhớ đến ông già rồi". Trong những ngày tôi còn ở đấy, mỗi lần bà Gơmmít than thở như thế (và không phải là ít), thì ông ta lại nói thế để làm cho không khí dịu lại, và lần nào cũng biểu lộ một sự thương cảm chân thành nhất.

Cứ như thế, nửa tháng trôi qua không có việc gì thay đổi trừ sự thay đổi của thủy triều, nó làm thay đổi thời giờ đi về của ông Pécgôti và công việc của anh Ham.

Khi anh rỗi, thỉnh thoảng anh đi chơi với chúng tôi, chỉ cho xem tầu nhỏ và tàu lớn, và một hai lần cho chúng tôi đi chơi thuyền. Tôi không hiểu tại sao có sự vật lại gây cho ta cả một mớ ấn tượng về một nơi nào đó, còn có những sự vật khác thì lại không thế; nhưng tôi tin là hiện tượng này thường xảy ra ở một số đông người, nhất là đối với những kỷ niệm thời thơ ấu. Đối với tôi, không bao giờ tôi nghe đến hoặc đọc đến tên Yácmao mà tôi không nhớ tới một sáng chủ nhật nọ trên bãi biển với tiếng chuông nhà thờ vang lên, bé Emili tựa trên vai tôi, anh Ham uể oải thả những hòn sỏi rơi xuống nước, và xa xa ngoài khơi mặt trời vừa mới hiện lên qua lớp sương mù dày đặc làm chúng tôi thấy những con tầu chỉ còn là những cái bóng trên mặt biển.

Cuối cùng, ngày ra về đã đến. Tôi chịu đựng được sự chia tay ông Pécgôti và bà Gơmmít, nhưng việc từ biệt bé Emili làm tôi đứt cả ruột gan. Chúng tôi khoác tay nhau đi đến tận chỗ tiệm rượu là nơi bác xà ích đỗ xe, và dọc đường tôi hứa với cô bé sẽ viết thư cho cô (Sau này tôi đã giữ đúng lời hứa, viết thư chữ to hơn là những chữ người ta thường đề trên tấm biển những nhà cho thuê). Lúc chia tay, chúng tôi vô cùng khổ sở, và trong đời nếu tôi đã có một lần trống trải trong lòng thì nhất định phải là ngày hôm ấy.

Thế là trong suốt thời gian đi chơi tôi đã bạc bẽo đối với ngôi nhà của chúng tôi và ít nhiều quên mất nó. Nhưng vừa lên đường trở về thì lương tâm non nớt của tôi bắt đầu trách móc tôi dường như đang nghiêm khắc giơ tay lên trỏ về nhà và còn tôi đang cảm thấy buồn bã vì tôi biết rằng đấy mới là tổ ấm của tôi, và mẹ tôi mới là người an ủi tôi, người bạn thân thiết của tôi.

Càng đi cái cảm xúc ấy càng ăn sâu vào lòng tôi. Càng đến gần, khi những vật đi qua càng trở nên quen thuộc, tôi càng háo hức nghĩ đến lúc về tới nhà và chạy xổ vào lòng mẹ tôi. Nhưng chị Pécgôti đáng lý phải chia sẻ nỗi vui mừng ấy với tôi, thì lại tìm cách dẹp bớt đi (dù là một cách dịu dàng thôi) và có vẻ ngượng ngập, thấp thỏm.

Mặc dầu thế, cái "ôlư" ở Blơnđơxtôn cũng phải hiện ra, một khi con ngựa của bác xà ích đã vui lòng đi tới. Tôi nhớ rõ lắm đó là một buổi chiều xám, lạnh lẽo với bầu trời u ám, sắp đổ mưa.

Cửa mở ra; và giở cười giở khóc, tôi mừng mừng tủi tủi đưa mắt tìm mẹ tôi. Nhưng không phải mẹ

tôi mà là một người đày tớ gái lạ mặt. Tôi hoảng hốt hỏi:

"Sao thế chị Pécgôti? Mẹ em chưa về nhà à?"

"Rồi, rồi, em Đêvi ạ", chị Pécgôti bảo, "Mẹ về nhà rồi hượm một tí, em Đêvi, rồi chị nói với em một điều".

Chị Pécgôti vừa rối cả ruột, vừa bước xuống xe một cách vụng về trông thật là lúng ta lúng túng; nhưng bấy giờ tôi đang lo lắng, hốt hoảng nên không còn tâm trí nào để bảo cho chị biết điều đó. Khi xuống xong, chị cầm tay tôi giắt vào nhà bếp trong khi tôi đang ngơ ngác, và đóng cửa lại.

"Chị Pécgôti, có việc gì thế?" tôi kinh hãi quá hỏi.

"Lạy Chúa, không có việc gì đâu em Đêvi ạ", chị Pécgôti làm ra bộ vui vẻ trả lời.

"Nhất định là có việc gì rồi… Mẹ em đâu?"

"Mẹ em đâu à?, em Đêvi" Chị Pécgôti nhắc lại.

"Phải! Sao mẹ em không ra cửa đón, và sao chúng mình lại phải vào đây? chị Pécgôti ơi!" Tôi giàn giụa nước mắt và thấy như là sắp ngã. Chị Pécgôti ôm lấy tôi, kêu lên "Chúa phù hộ thằng bé quý hóa. Em sao thế? Nói đi nào, em!"

"Chị Pécgôti, mẹ em cũng chết à?… Mẹ em không chết chứ?"

Chị Pécgôti kêu lớn "Không!" giọng gầm lên; rồi ngồi phịch xuống, thở hổn hển và bảo rằng tôi đã làm cho chị bị xúc động quá.

Tôi liền ôm ghì lấy chị để chị hết xúc động, hay là để làm chị trấn tĩnh lại rồi cũng ngồi trước mặt chị, nhìn chị một cách dò hỏi, lo lắng. Chị Pécgôti bảo:

"Này em, đáng lẽ chị phải nói cho em biết sớm hơn, nhưng chị chưa có dịp nào nói. Có lẽ là chị nên nói trước mới phải, nhưng chị cứ "vãn" không làm sao nói được" (trong ngôn ngữ láu táu của chị Pécgôti, từ xưa đến nay tiếng "vẫn" cứ nói thành tiếng "vãn")

Tôi càng thêm hoảng bảo:

"Chị Pécgôti, chị cứ nói đi".

Chị Pécgôti, tay run run tháo mũ, nói giọng hồi hộp:

"Em Đêvi, em có biết không: em có "cha" đấy!"

Tôi run bắn người lên, tái cả người. Hình như có một sự gì (tôi không biết như thế nào và ra làm sao) gợi đến chuyện nấm mồ trong nghĩa địa, và chuyện người chết sống lại, nó đập mạnh vào tôi như một cơn gió độc.

"Một ông cha mới", chị Pécgôti bảo. "Một ông cha mới à?" Tôi nhắc lại.

Chị Pécgôti thở dốc như đang phải nuốt một cái gì cứng lắm, rồi chìa tay ra bảo: "Nào em vào chào dượng đi."

"Em không muốn gặp ông ấy đâu."

"… Và chào mẹ nữa chứ!" Chị Pécgôti bảo.

Tôi không lẩn tránh nữa và chúng tôi đi thẳng vào phòng khách lớn, ở đó chị để mặc tôi một mình. Mẹ tôi ngồi ở một bên lò sưởi, bên kia là ông Mơcxtôn ngồi. Mẹ tôi bỏ rơi đồ đang khâu xuống, vội vàng đứng dậy, nhưng tôi thấy có vẻ sợ sệt. Ông Mơcxtôn bảo:

“Nào, em Clara nhớ đấy: phải tự chủ mình, lúc nào cũng phải tự chủ mình!… Đêvi con, mạnh khỏe chứ?”

Tôi giơ tay cho ông bắt. Sau một lúc ngập ngừng, tôi đến hôn mẹ tôi; mẹ tôi hôn tôi, vỗ lên vai tôi một cách dịu dàng rồi lại ngồi xuống khâu. Tôi không thể nhìn vào mẹ tôi, cũng không thể nhìn ông ta, tôi biết chắc là ông ta đang nhìn hai chúng tôi; và tôi quay mặt về cửa sổ, nhìn ra ngoài, vào mấy cái cây con đang cúi rạp đầu trong gió lạnh.

Sau lúc lẻn được ra ngoài, tôi lẻn ngay lên gác. Cái buồng ngủ thân thiết trước kia của tôi đã bị thay đổi, và tôi phải ngủ ở cách xa đó. Tôi lại đi xuống tìm xem còn cái gì giống trước nữa không, vì mọi cái đều có vẻ đổi thay cả. Và tôi thẫn thờ bước ra sân. Nhưng tôi vội lùi ngay lại, vì trong cái chuồng chó trống rỗng trước kia đã có một con chó to xù (mồm thì sâu hoắm, và lông đen xì xì cũng như “ông ấy” vậy), nó giận dữ khi trông thấy tôi, và nhảy xổ ra để cắn.

---

[1] Alađanh: Một nhân vật trong chuyện “Nghìn lẻ một đêm” có cái đèn thần muốn ước gì cũng được.

[2] Abraham, Idaắc, Đanien là những nhân vật trong kinh thánh.

[3] Ông Pécgôti nói tiếng địa phương miền Xăpphôc (phía đông nước Anh). Để giữ màu sắc chúng tôi dùng cách nói lẫn lộn l thành n ở một vài vùng nông thôn Bắc bộ.

[4] Theo “Kinh thánh” Chúa trời có một lần gây nên nạn hồng thủy giết tất cả loài người chỉ sống sót gia đình ông Nôê. Ông này được Chúa trời báo trước phải đóng một chiếc thuyền lớn để ở đấy. Nôê có ba người con trai, người thứ hai là Ham.

[5] Câu hỏi về cha mẹ. Đây nói về mười điều giáo huấn của Cơ đốc giáo - điều thứ hai là nói bổn phận đối với cha mẹ.

[6] Đan là tên tắt của ông Pécgôti, tên đầy đủ là Đanien Pécgôti.

Chương IV
TÔI BỊ GHÉT BỎ

Nếu căn buồng trong đó giường ngủ của tôi được dọn đến, là một vật có tri giác, có thể làm chứng, thì ngày nay tôi có thể lấy nó (không biết bây giờ có ai ngủ ở đó nhỉ?) để làm chứng rằng lúc đó tôi mang theo lên gác tấm lòng nặng trĩu. Tôi lên gác, và suốt thời gian bước trên cầu thang tôi vẫn nghe tiếng chó sủa theo ở ngoài sân. Rồi chắp hai bàn tay bé nhỏ lại, tôi ngồi xuống, nhìn khắp căn buồng với cặp mắt ngơ ngác và lạ lùng - trong khi hình như căn buồng cũng nhìn tôi như thế - và nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Tôi nghĩ đến những điều kỳ quặc nhất… đến hình dáng căn buồng, đến những lỗ nứt trên trần, đến giấy dán ở tường, đến chỗ rạn của những ô kính làm cho cảnh vật nhìn qua bị nhăn nhó, cong queo, đến chậu rửa mặt khập khiểng trên cái giá chỉ có ba chân: nó có vẻ nhăn nhó làm tôi nhớ đến bà Gơmmít lúc bà ta tưởng nhớ đến "ông già". Tôi khóc mãi, nhưng ngoài cảm giác thấy mình lạnh lùng và buồn nản, tôi chắc tôi không hề nghĩ đến lý do tại sao tôi khóc. Cuối cùng, trong lúc tuyệt vọng tôi bắt đầu nhận thấy rằng tôi yêu bé Emili tha thiết, và người ta đã chia rẽ tôi, lôi tôi về đây, là nơi xem ra không ai cần tôi, hoặc chú ý đến tôi, dù là chỉ bằng nửa cô ta thôi. Ý nghĩ đó làm tôi thắc mắc khổ cực quá đến nỗi tôi nằm co ro vào một góc cái chăn đắp chân mà khóc cho đến khi ngủ thiếp đi.

Một người nào đó lật đầu nóng rực của tôi ra và nói: "Em đây rồi" làm tôi thức dậy. Mẹ tôi và chị Pécgôti đã đến tìm tôi, và một trong hai người đã làm cái cử chỉ ấy.

"Đêvi, con sao thế?", mẹ tôi hỏi.

Tôi lấy làm lạ rằng sao mẹ tôi lại hỏi thế được và trả lời "không sao cả". Tôi còn nhớ là tôi đã quay mặt đi để giấu đôi môi run bần bật, chính nó đã trả lời mẹ tôi một cách chân thật hơn.

"Đêvi, Đêvi con" Mẹ tôi gọi.

Tôi dám chắc là lúc đó không lời nói nào của mẹ tôi làm tôi cảm động hơn bằng tiếng "con". Tôi trùm chăn che những giọt nước mắt, và lấy tay ẩy mẹ tôi ra khi mẹ tôi định bế tôi lên. Mẹ tôi bảo:

"Đấy, công lao của chị đấy, chị Pécgôti, đồ ác nghiệt! Không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi lấy làm lạ sao chị lại không bị lương tâm cắn rứt vì đã xúi bẩy con tôi ghét bỏ tôi hay ghét bỏ bất kỳ người nào thân yêu của tôi. Chị định giở trò gì thế, chị Pécgôti?"

Chị Pécgôti tội nghiệp ngước mắt và giơ tay lên trời và chỉ trả lời bằng cách nhắc lại câu kinh mà tôi thường đọc sau bữa cơm tối:

"Cầu Chúa tha tội cho bà, bà Copơphin ạ, về những lời bà vừa nói xong và mong bà đừng bao giờ phải thành tâm hối tiếc về lời nói đó".

"Thế là đủ để làm tôi phát điên lên được". Mẹ tôi kêu lên. "Vả lại, ngay vào tuần trăng mật của tôi nữa,… trong khi mà kẻ thù độc ác nhất của tôi cũng còn có thể rủ lòng thương cho tôi được hưởng chút hạnh phúc và yên ổn về tinh thần… Đêvi, đồ độc ác!… Pécgôti đồ dã man! Trời ơi!" Mẹ tôi vừa kêu vừa quay nhìn chúng tôi, hết người này đến người kia, vẻ giận dữ, bướng bỉnh: "Cuộc đời sao lại buồn chán thế này, trong khi người ta có quyền thấy nó sung sướng nhất!"

Tôi cảm thấy một bàn tay sờ vào tôi, tôi nhận ra đó không phải tay mẹ tôi, cũng không phải tay chị Pécgôti, và tôi tụt xuống đứng ở cạnh giường. Đó là bàn tay ông Mơcxtôn; ông nắm cánh tay tôi và nói:

"Gì thế em Clara?… Em quên rồi à? Phải cứng rắn em ạ."

“Em rất lấy làm tiếc, anh Etuốt ạ”, mẹ tôi nói, “Em cũng muốn cư xử cho đúng… nhưng mà em khổ quá!”

“Thế à? Thật là một tin đáng buồn… Nhất là vừa mới lấy nhau được ít lâu!” Ông ta trả lời.

“Em nói là rất khổ cho em vì bị làm phiền vào lúc này”, mẹ tôi phụng phịu, “và như thế là rất khổ… khổ quá, phải không anh?”

Ông ta kéo mẹ tôi lại, nói thầm vào tai, và hôn mẹ tôi. Khi nhìn thấy đầu mẹ tôi ngả trên vai ông và tay mẹ tôi bám vào cổ ông… tôi biết ngay, cũng như là giờ đây tôi hiểu rằng ông ta có thể nhào nặn cái bản chất mềm yếu của mẹ tôi, theo hình dáng ông muốn, và nhất định ông sẽ làm được thế. Ông Mơcxtôn bảo:

“Em ạ, em xuống nhà đi. Đêvi và anh sẽ cùng xuống.”

Sau khi nhìn mẹ tôi đi xuống và gật đầu, mỉm cười, ông ta sầm nét mặt quay lại về phía chị Pécgôti.

“Này chị kia, chị biết tên bà chủ chị chứ?”

“Thưa ông, tôi ở với mợ ấy từ lâu”, chị Pécgôti đáp, “Tất nhiên là tôi phải biết tên mợ ấy”.

“Đúng thế”, ông ta bảo,”… Nhưng khi tôi lên gác, hình như tôi nghe chị gọi bà ấy bằng một cái tên không phải là tên của bà ấy… Bà ấy đã lấy tên của tôi rồi kia mà, chị biết chứ! Chị nhớ không?”

Sau khi nhìn tôi vài lần một cách lo lắng chị Pécgôti cúi chào đi ra không đáp, tôi có cảm tưởng rằng người ta yêu cầu chị đi ra và chị không còn lý do gì để ở lại nữa. Lúc chỉ còn lại hai chúng tôi, ông đóng cửa lại và ngồi xuống ghế, giữ tôi trước mặt và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi cảm thấy mắt tôi cũng nhìn vào mắt ông, xoi thẳng chẳng kém. Bây giờ khi nhớ lại thái độ đối địch, mặt nhìn mặt của chúng tôi như vậy, hình như tôi vẫn còn thấy tim tôi đập thình thịch. Ông mím chặt đôi môi thành mỏng dính và bảo:

“Đêvi, nếu tao phải trị một con ngựa hay con chó ương bướng thì mày có biết tao sẽ làm gì không?”

“Con không biết”.

“Tao quật”.

Tôi đã trả lời ông ta bằng một giọng thì thào hổn hển, nhưng khi đứng yên lặng tôi cảm thấy hơi thở còn ngắn hơn nữa.

“Tao trị cho nó phải chùn lại, phải đau đớn. Tao tự bảo: “phải trị bằng được thằng này”. Và nếu có phải tuốt xác nó, tao cũng làm cho kỳ được… Cái gì trên mặt mày kia?”

“Dạ, bẩn đấy ạ”, tôi nói.

Ông cũng biết như tôi rằng đó là ngấn nước mắt. Nhưng giả dụ như ông có hỏi tôi đến hai mươi lần, và mỗi lần đánh tôi hai mươi roi, tôi cũng tin là thà cái thân thể nhỏ bé bị tan xương nát thịt, chứ không đời nào tôi chịu nói thật.

“Mày mới ranh con mà đã láu lắm.” Ông nói với nụ cười nghiêm khắc đặc biệt của ông, “và tao thấy mày cũng hiểu tao rồi đấy… thôi, rửa mặt cho tôi nhờ, rồi xuống với tôi”.

Ông trỏ vào cái chậu mà tôi đã nói là từa tựa bà Gơmmít, và hất hàm ra hiệu cho tôi phải tuân lệnh ngay. Tôi tin chắc, và đến bây giờ tôi cũng tin chắc như vậy, là nếu tôi chần chừ thì ông ta sẽ đấm tôi gục xuống đất, không chút hối hận.

Khi tôi đã thi hành mệnh lệnh của ông, ông dắt tôi vào phòng khách, bàn tay vẫn đặt trên cánh tay tôi và nói:

"Em Clara ạ, anh mong rằng em sẽ không bị phiền lòng nữa. Chúng ta sẽ sửa chữa ngay tính õng ẹo của thằng này".

Lạy Chúa! Lúc đó chỉ cần nói một lời âu yếm là có thể làm cho tôi sửa đổi tính nết suốt đời và có lẽ sẽ biến tôi suốt đời thành một con người khác hẳn. Một lời khuyến khích và giải thích cho tôi, thông cảm với sự dại dột trẻ con của tôi, chào hỏi tôi về nhà, làm cho tôi thấy đây là gia đình, có lẽ sẽ làm tôi vui lòng phục tùng ông chứ không phải là thù ghét ông. Hình như mẹ tôi lấy làm buồn phiền khi thấy tôi như thế, sợ sệt, ngỡ ngàng, đứng ở trong phòng, và khi tôi len lén tìm ghế ngồi thì mẹ tôi lại nhìn theo với cặp mắt còn rầu rĩ hơn, có lẽ vì tiếc rằng tôi không còn cái dáng đi tự do thoải mái của đứa trẻ. Nhưng cái lời âu yếm kia vẫn không được nói ra, và cái lúc để nói lên lời nói đó đã qua đi mất.

Ba chúng tôi cùng ngồi ăn cơm trưa. Ông ta tỏ vẻ rất say mê mẹ tôi (tôi sợ rằng dù có như thế tôi cũng không yêu ông ta hơn), và mẹ tôi cũng rất say mê ông ta. Qua câu chuyện giữa hai người, tôi hiểu được rằng một bà chị ông ta sẽ đến đây cũng vào chiều này thì sẽ tới. Tôi cũng không nhớ rõ lúc ấy hay là mãi sau này, tôi mới biết rằng ông không thực tế tham gia công việc kinh doanh nào, nhưng vẫn có dự phần và hàng năm vẫn được chia lãi với một hãng buôn rượu nho ở Luân-đôn mà gia đình ông ta vẫn có liên hệ từ bốn đời nay, và bà chị ông ta cũng được chia phần lãi như thế. Biết được việc đó vào lúc nào, vấn đề này không có gì là quan trọng cả vì tôi vẫn có thể ghi lại việc đó ở đây hoặc không ghi lại.

Sau bữa ăn chiều, khi chúng tôi ngồi cạnh lò sưởi và tôi đang nghĩ cách lẻn ra chơi với chị Pécgôti nhưng chưa dám chuồn đi vì sợ làm phật ý ông chủ thì bỗng một chiếc xe ngựa đỗ ở cổng vườn, ông đi ra đón khách, mẹ tôi đi theo sau. Tôi rụt rè đi theo mẹ tôi, chợt đến chỗ tối ở cửa phòng khách mẹ tôi quay lại, ôm lấy tôi như ngày xưa mẹ tôi vẫn làm và thầm thì dặn tôi nên yêu mến và vâng lời người cha mới. Mẹ tôi làm việc ấy vội vàng, lén lút như đó là một điều sai trái, nhưng làm âu yếm vô cùng. Rồi đưa bàn tay về phía sau, mẹ tôi nắm lấy bàn tay tôi dắt đi, cho đến khi ra ngoài vườn đến chỗ ông ta đang đứng. Lúc đó mẹ tôi buông tay tôi ra và khoác tay ông.

Cô Mơcxtôn đã đến, người trông vẻ lầm lì. Cô giống ông em như đúc, từ màu tóc nâu đến nét mặt, giọng nói. Cô có đôi lông mày rất rậm gần như là liền nhau trên cái mũi to tướng dường như là để bù cho cái nhược điểm không có ria mép của giới phụ nữ, cô đã phải có kiểu lông mày đó để thay cho ria mép. Cô đem theo hai cái hòm đen cứng nhăng nhắc, trên nắp có những đinh đồng đóng theo hình những chữ đầu của tên họ cô. Khi cô giả tiền xe, cô rút tiền ra ở một cái túi cứng làm bằng thép mà cô giam giữ trong một chiếc túi đeo ở tay cô bằng một dây xích nặng, và khi đóng vào thì nó sập lại như đớp một cái. Hồi đó tôi chưa từng thấy một người đàn bà nào "đanh thép" từ đầu đến chân như cái cô Mơcxtôn này.

Cô được kính cẩn đưa vào phòng khách với những lời chào niềm nở, và ở đó cô đã chính thức chào hỏi mẹ tôi như là một người thân thích mới vào gần. Đoạn cô nhìn tôi hỏi:

"Con trai của mợ đây phải không?" Mẹ tôi thưa: "Phải".

Cô bảo:

"Nói chung, thì tôi chẳng ưa con giai!… Chào chú, chú mạnh giỏi chứ?"

Trong cái hoàn cảnh phấn khởi như thế, tôi đã phải thưa lại rằng tôi vẫn được mạnh khỏe và cũng xin chúc cô được mạnh khỏe, nhưng tôi nói một cách uể oải làm cô phải buông ra hai tiếng:

"Mất dạy!"

Sau khi đã dằn giọng nói câu này rõ từng tiếng một cô xin phép được đưa về buồng của mình. Buồng này từ đây là chốn tôi vô cùng khiếp sợ ở đó người ta thấy hai cái hòm đen lúc nào cũng khóa chặt, và không bao giờ để ngỏ. Và ở đó (một vài lần, khi cô ra ngoài, tôi có nhìn trộm vào) có rất nhiều những giây xích và đinh nho nhỏ mà cô dùng để trang điểm những khi phải ăn mặc chỉnh tề, nó thường được treo ở trên gương soi làm thành một dãy trông đến khiếp.

Theo như tôi hiểu thì cô đến đây để ở hẳn và không định đi đâu nữa. Sáng hôm sau, cô bắt đầu "giúp đỡ mẹ tôi", suốt ngày ra ra vào vào buồng kho chứa thức ăn, sắp sắp đặt đặt, kê dọn tất cả lại. Điều đầu tiên mà tôi nhận thấy gần như là đặc biệt ở cô Mơcxtôn là luôn luôn cô băn khoăn nghi ngờ không biết bọn đầy tớ gái có giấu một anh nhân tình ở chỗ nào đó trong nhà không. Bị tư tưởng này ám ảnh cô hay đột nhập vào hầm chứa than vào những giờ bất ngờ nhất, và khi mở một cái tủ tối mò nào đó ra thì cô liền sập ngay cánh tủ vào với ý định tóm anh chàng đó. Mặc dầu người cô Mơcxtôn chẳng có tí gì là nhẹ nhỏm, nhưng về cái khoản dậy sớm thì cô đúng là một con sơn ca. Cô thức dậy trước khi bất cứ người nào trong nhà cựa quậy (và tôi vẫn tin là cô dậy sớm để lùng cái anh chàng đó) chị Pécgôti đã có ý kiến là cô ngủ chỉ nhắm có một mắt thôi. Nhưng tôi không đồng ý với điểm ấy, vì sau khi nghe nói thế, tôi đã thí nghiệm thử nhưng không thể nào ngủ theo lối ấy được.

Ngay buổi sáng đầu tiên sau khi cô đến, cô đã dậy và rung chuông từ lúc gà gáy. Khi mẹ tôi xuống để ăn điểm tâm và đang sắp pha trà, thì cô Mơcxtôn nhón mỏ chịn vào má mẹ tôi (đối với cô ta như thế là hôn đấy) và nói:

"Này mợ Clara, mợ cũng biết là chị đến đây để đỡ đần cho mợ khỏi làm mọi việc phiền toái. Mợ xinh đẹp quá và cũng vô tâm quá (mẹ tôi đỏ mặt lên nhưng vẫn cười và có vẻ thinh thích về đặc điểm này), nên không thể ép mợ làm những việc mà chị có thể làm hộ được. Mợ ạ, nếu mợ vui lòng giao cho chị các chìa khóa của mợ thì từ nay chị sẽ coi sóc tất cả những việc này giúp mợ".

Từ lúc đó trở đi, cô Mơcxtôn ngày thì "giam chặt" những chìa khóa trong bị, đêm thì đem nhét dưới gối, và mẹ tôi cũng như tôi không còn được đụng chạm đến nó nữa.

Mẹ tôi không phải chịu mất quyền hành mà không hề phản đối. Một tối, sau khi cô Mơcxtôn đã trình bày với ông em về một việc sửa sang trong nhà và ông em tỏ vẻ đồng ý, thì bỗng mẹ tôi òa lên khóc, nói rằng đáng lẽ phải hỏi ý kiến của mình nữa.

Ông Mơcxtôn nghiêm sắc mặt:

"Clara! Clara! Anh rất ngạc nhiên về em đấy!"

"Phải, cứ việc bảo là ngạc nhiên đi, anh Etuốt ạ!" Mẹ tôi kêu "Và cứ việc khuyên người khác là phải "cứng rắn" đi, nhưng giá anh ở vào hoàn cảnh ấy thì anh lại không muốn thế".

Tôi có thể nhận xét rằng tính "cứng rắn" là phẩm chất vĩ đại của cả thái độ ông Mơcxtôn lẫn thái độ cô Mơcxtôn. Nhưng thời bấy giờ nếu có ai hỏi tôi hiểu chữ "cứng rắn" là như thế nào, thì tôi đã hiểu rất rõ theo lối của tôi và tôi có thể nói rằng đó là một danh từ thay cho chữ chuyên chế, cho cái tính lầm lì, vênh váo, quỷ quyệt của cả hai con người ấy. Cái giáo điều của họ, như hiện nay tôi đã xác định được, là như sau: ông Mơcxtôn "cứng rắn" đấy nhưng trong nhà không ai được quyền "cứng rắn" như ông, ngoài ông ra không ai ở trong nhà được quyền "cứng rắn" cả, vì mọi người đều phải cúi đầu trước sự "cứng rắn" của ông ta. Cô Mơcxtôn thì lại khác.

Cô phải tỏ ra "cứng rắn" để xứng đáng với ông em, nhưng "cứng rắn" với một mức độ thấp hơn và phụ thuộc thôi. Mẹ tôi thì lại khác nữa. Mẹ tôi có quyền và có nhiệm vụ phải "cứng rắn", nhưng chỉ

“cứng rắn” trong việc chịu đựng sự “cứng rắn” của hai người kia và tin tưởng chắc chắn là trên đời này không còn có sự “cứng rắn” nào khác ngoài sự “cứng rắn” của họ.

“Thật khổ tâm là trong nhà riêng của em”. Mẹ tôi nói.

“Nhà riêng của em?” ông Mơcxtôn nhại lại, “Clara, em nói thế à?”

“Em muốn nói là nhà riêng “nhà riêng của chúng ta đấy” mẹ tôi sợ hãi lộ ra nét mặt, ấp úng. “Anh Etuốt ạ, em mong rằng anh phải hiểu ý em định nói chứ… Thật khổ tâm là trong nhà riêng của anh mà em không được lời nào góp ý kiến vào những công việc nhà, em tin chắc là trước khi chúng ta lấy nhau em vẫn trông nom việc nhà chu đáo. Có chứng cớ đấy (mẹ tôi nức nở nói): Cứ hỏi chị Pécgôti mà xem khi không ai can thiệp vào công việc của em, em có làm công việc nhà được tốt không nào!”

“Etuốt, xin chấm dứt cái trò này đi thôi”. Cô Mơcxtôn bảo: “Ngày mai, tôi sẽ đi”.

“Chị Jan Mơcxtôn”, ông em nói, “chị có im ngay không! Chị lại nói như thế là chị chưa hề hiểu tính nết tôi ra sao cả?”

Mẹ tôi bị lép vế thảm hại, sụt sùi nói tiếp:

“Tôi cam đoan là tôi không muốn ai bỏ đi. Nếu có ai phải đi khỏi đây thì tôi sẽ lấy làm khổ sở, buồn phiền lắm. Tôi có đòi hỏi nhiều nhặn gì cho cam. Tôi không phải là không biết điều đâu. Tôi chỉ muốn thỉnh thoảng người ta hỏi ý kiến tôi một tí. Tôi rất cảm ơn người ta đã đến đỡ đần cho tôi, nhưng tôi chỉ yêu cầu thỉnh thoảng cũng nên hỏi ý kiến tôi, dù chỉ một cách hình thức thôi. Anh Etuốt, em thấy rằng ngày xưa anh yêu em vì cái tính ngờ nghệch và trẻ con của em (Em chắc thế vì anh nói thế). Nhưng bây giờ hình như anh lại ghét em vì cái tính ấy, anh nghiêm khắc quá”.

“Etuốt”, cô Mơcxtôn lại nói, “Xin chấm dứt cái trò này đi thôi. Ngày mai, tôi đi khỏi đây”.

“Chị có im ngay không?” ông Mơcxtôn gầm lên. “Sao chị lại dám nói thế?”

Cô Mơcxtôn rút tuột cái khăn tay ra khỏi túi như người ta giải phóng cho một tù nhân và đưa lên mắt. Ông Mơcxtôn nhìn mẹ tôi nói tiếp:

“Clara, em làm anh ngạc nhiên, em làm anh kinh ngạc! Phải, trước đây anh thích thú khi nghĩ rằng mình lấy một người đàn bà ngây thơ, non trẻ về, rồi sẽ uốn nắn cho cô ta có một phần cái tính “cứng rắn”, “cương nghị” cần thiết. Nhưng khi mà chị Jan Mơcxtôn đã có nhã ý đến giúp anh trong việc ấy, và vì anh, chị ấy đã đảm nhận một công việc gần như là của một mụ quản gia. Khi mà chị ấy đã bị đối xử đến thế, thì…”

“Anh Etuốt, em xin anh, em xin anh!”

Mẹ tôi kêu lên “Đừng buộc tội em là vô ơn. Em dám chắc không phải là con người vô ơn đâu. Trước đây, không hề ai để tội ấy cho em cả. Em có nhiều tật xấu, nhưng không có tật ấy. Em van anh, anh Etuốt yêu quý!”

Ông ta đợi cho mẹ tôi im lặng, lại tiếp tục:

“Khi mà chị Jan Mơcxtôn bị đối xử tệ đến thế, thì chính tình cảm của anh cũng nguội lạnh đi và thay đổi”.

“Đừng nói thế, anh của em” Mẹ tôi van lơn rất thảm hại “Anh Etuốt, anh đừng nói thế! Nghe anh nói thế thì em khổ tâm lắm. Dù em có khuyết điểm nào đi nữa, em vẫn là một người dịu hiền. Em biết là em như thế. Nếu em không chắc chắn em là một người dịu hiền, thì em đã không nói ra. Anh thử hỏi chị Pécgôti xem. Em tin chị ấy cũng sẽ nói với anh rằng em là con người dịu hiền.”

"Anh không bao giờ tỏ ra mềm yếu đâu, bất cứ là ở mức độ nào" ông Mơcxtôn nói "Đừng nói nữa mà tốn hơi."

"Thôi, chúng ta làm lành với nhau đi" mẹ tôi nói "Em không thể sống trong không khí lạnh nhạt và ghét bỏ được. Em rất hối hận. Em biết là em có nhiều tính xấu; và anh Etuốt, anh thật là một người đã cố gắng đem hết lòng cương nghị của anh ra để sửa chữa cho em… Chị Jan, tôi không phản đối việc gì cả đâu. Nếu chị định bỏ ra đi thì tôi sẽ buồn khổ lắm." Mẹ tôi xúc động nghẹn lời không nói tiếp được nữa.

"Chị Jan Mơcxtôn", ông Mơcxtôn nói với chị "tôi thấy là chúng ta rất ít khi to tiếng với nhau. Cho nên việc bất thường xảy ra tối nay không phải là do lỗi tại tôi. Tôi đã bị người khác lôi kéo vào. Cũng không phải do lỗi tại chị. Chị cũng đã bị người khác lôi kéo vào. Vậy chúng ta hãy bỏ qua chuyện này đi!"

Sau những lời cao thượng đó, ông nói thêm:

"Và cái cảnh cãi cọ này thật là không tốt cho thằng bé…, Đêvi đi ngủ đi".

Thấy mẹ tôi đau khổ, tôi cũng rất buồn phiền, nước mắt giàn giụa làm tôi tìm mãi không thấy cửa, nhưng rồi tôi cũng lần mò đi ra được và lần mò trong bóng tối đi lên buồng ngủ của tôi ở trên gác, không còn tâm trí nào đến gặp chị Pécgôti để chúc chị ngủ ngon hay mượn chị cây nến. Độ một giờ sau, khi chị lên tìm tôi và làm tôi thức dậy, chị cho tôi biết rằng mẹ tôi đã vào giường nằm, trông rất thảm hại, và hai chị em ông Mơcxtôn vẫn còn ngồi lại với nhau.

Sáng hôm sau, tôi xuống nhà, sớm hơn mọi khi và dừng lại ngoài cửa phòng khách khi nghe tiếng mẹ tôi. Mẹ tôi đang thành khẩn, thiết tha van xin cô Mơcxtôn, và cô đã tha lỗi cho mẹ tôi, thế là mọi người đã làm lành hẳn với nhau. Từ đấy trở đi, bao giờ, tôi cũng thấy rằng trong bất cứ vấn đề gì mẹ tôi cũng thỉnh thị cô Mơcxtôn, hoặc tìm cách để biết chắc ý kiến của cô Mơcxtôn thế nào đã, rồi mới góp ý kiến của mình; bao giờ tôi cũng thấy rằng mỗi khi cô Mơcxtôn giận dỗi (đấy là nhược điểm của cô), cô với tay lấy cái bị, làm ra vẻ tìm chìa khóa để giả lại cho mẹ tôi, thì mẹ tôi lại vô cùng hoảng sợ.

Cái màu sắc ảm đạm trong giòng máu của anh em Mơcxtôn cũng làm cho tôn giáo của họ tối sầm lại và trở thành khắc khổ, dữ dội. Từ đấy, tôi vẫn cho rằng tính chất này là hậu quả tất yếu của tính "cứng rắn" của ông Mơcxtôn, tính cứng rắn này làm cho ông không để cho ai thoát khỏi những hình phạt khắc nghiệt đến tột độ, hễ ông có được một lý do nhỏ nhặt nhất để làm. Đến nay dù sao đi nữa, tôi vẫn nhớ rõ rằng chúng tôi đi lễ nhà thờ với những bộ mặt dễ sợ, và quang cảnh nhà thờ cũng thay đổi hẳn. Ngày chủ nhật hãi hùng kia lại cứ đến, và tôi len lén đi trước, đến cái ghế dài xưa của chúng tôi, như một tội nhân bị áp giải đến tòa án. Cô Mơcxtôn cứ đi sát theo sau tôi, mặc áo nhung đen dài trông như là bằng vải tang đen, rồi đến mẹ tôi; rồi đến người chồng của mẹ tôi. Bây giờ không có chị Pécgôti đi lễ như ngày xưa nữa. Tôi cứ nghe thấy tiếng cô Mơcxtôn ê-a đọc những câu trả lời, nhấn giọng vào những tiếng ghê gớm với một vẻ thích thú tàn ác. Mỗi khi cô đọc đến tiếng "… những kẻ có tội đáng thương" tôi cứ thấy mắt cô đảo nhìn khắp nhà thờ, y như cô đang mắng chửi tất cả những người đi lễ. Tôi cứ thỉnh thoảng liếc thấy mẹ tôi đang mấp máy đôi môi, bẽn lẽn ở giữa hai người, mỗi bên tai có một người đang lầm rầm khấn khứa như những tiếng sấm âm ì vậy. Tôi bỗng dưng giật mình tự hỏi không biết có phải vị mục sư già đáng kính của chúng tôi có thể sai nhầm chăng và hai chị em ông Mơcxtôn là đúng chăng, và các thiên thần có lẽ toàn là những vị thần phá hoại cả chăng. Mỗi khi một ngón tay tôi hay một thớ thịt trên mặt tôi đụng đậy là tôi cứ bị ngay cô Mơcxtôn cầm quyển kinh thích vào lưng làm tôi đau nhói.

Vâng, cứ mỗi khi chúng tôi ở nhà thờ đi về, là tôi thấy vài người hàng xóm nhìn mẹ tôi rồi nhìn tôi và thì thầm với nhau. Trong khi ba người khoác tay nhau đi trước, tôi thì lê gót theo sau, tôi nhìn theo cặp mắt của vài người hàng xóm và cứ tự hỏi không biết có phải bước chân mẹ tôi không còn nhẹ nhàng như trước nữa không, và mẹ tôi vì phiền muộn nên đã mất cái vẻ đẹp vui tươi rồi không. Tôi cứ tự hỏi không biết có ai trong số những người hàng xóm đó, cũng như tôi còn nhớ cảnh mẹ con tôi ngày xưa ở nhà thờ về nhà không? Và suốt cái ngày ảm đạm, thê lương đó, tôi cứ quẩn với những câu hỏi như vậy.

Thỉnh thoảng người ta đã có ý kiến gửi tôi đi trọ học. Hai chị em ông Mơcxtôn đã đưa ra ý kiến đó và cố nhiên là mẹ tôi đồng ý với họ. Nhưng họ vẫn chưa quyết định gì cả. Trong khi chờ đợi tôi vẫn học ở nhà.

Tôi làm sao quên những buổi học đó! Về danh nghĩa thì những buổi đó là do mẹ tôi điều khiển, nhưng thực tế thì chính là hai chị em ông Mơcxtôn. Họ bao giờ cũng có mặt và họ xem đấy là những dịp thuận tiện để tập cho mẹ tôi cái mà họ gọi là tính "cứng rắn", nhưng thực ra đó là cái tai họa cho cuộc đời của hai mẹ con tôi. Tôi tin là họ đã giữ tôi ở nhà nhằm mục đích ấy. Khi xưa lúc chỉ có mẹ tôi và tôi, tôi đã tỏ ra có khiếu và thích học tập. Tôi còn nhớ mang máng là tôi ngồi trên lòng mẹ tôi để học những chữ cái. Ngay đến nay khi tôi ngắm những chữ đen đậm nét trong quyển sách vỡ lòng thì những hình chữ mới khó nhận và cái điệu dễ quen của những chữ o những chữ Q và những chữ s như hiện ra trước mắt tôi như ngày xưa vậy. Và chúng không làm tôi ngại ngùng, sợ sệt chút nào. Trái lại, tôi có cảm tưởng đang đi trên một con đường đầy hoa tới chuyện cá sấu, và suốt dọc đường tôi được mẹ tôi dịu dàng khuyến khích, vuốt ve. Nhưng, còn những buổi học trịnh trọng về sau thì tôi tưởng như là một đòn thí mạng phá tan sự êm ấm của tôi, một cảnh khổ sai mệt nhọc diễn ra hàng ngày làm thành một tai họa. Những bài học vừa kéo dài, vừa nhiều, vừa căng thẳng (nhiều bài đối với tôi thật là không thể hiểu được) và nói chung làm cho tôi hoang mang và tôi tin là làm cả người mẹ tội nghiệp của tôi cũng hoang mang.

Để tôi nhớ lại việc học thường ngày ra sao nào, và gợi lại cảnh một buổi học sáng xem.

Sau khi ăn điểm tâm, tôi mang sách vở và bảng đá vào phòng khách nhỏ. Mẹ tôi ngồi sẵn sàng ở bàn viết chờ tôi, nhưng không sao sẵn sàng bằng ông Mơcxtôn đang ngồi trong ghế bành cạnh cửa sổ (mặc dầu ông giả vờ đọc một cuốn sách) hay bằng cô Mơcxtôn ngồi cạnh mẹ tôi, đang xâu chuỗi hột đeo cổ làm bằng sắt. Chỉ nhìn thấy hai người đó là tôi đã luống cuống đến nỗi những chữ mà tôi khổ công mới nhét được vào đầu bỗng nhiên biến đâu mất cả nhỉ?

Tôi đưa quyển sách đầu tiên cho mẹ tôi. Có thể là quyển ngữ pháp, có thể là quyển sử ký hay địa lý gì đó. Tôi tuyệt vọng liếc một lần cuối cùng vào trang sách trong khi trao sách cho mẹ tôi. Rồi lớn tiếng tuôn ra hàng tràng, đọc như chạy, trong khi trí nhớ còn đang minh mẫn. Tôi bỏ mất một chữ. Ông Mơcxtôn ngước mắt lên nhìn. Tôi lại bỏ mất một chữ nữa. Cô Mơcxtôn ngước mắt lên nhìn. Tôi đỏ mặt ấp úng sáu, bảy chữ gì đó rồi tắc lại. Tôi tin rằng nếu có đủ can đảm, mẹ tôi sẽ giơ sách ra cho tôi nhìn, nhưng mẹ tôi không dám, nói se sẽ: "Ồ! Đêvi con, Đêvi!" "Clara!" ông Mơcxtôn bảo, "Phải cứng rắn" với thằng bé chứ! Đừng có nói "Ồ! Đêvi con, Đêvi!" như thế là trẻ con. Phải hỏi nó có thuộc bài hay là không?"

"Nó… không thuộc bài", cô Mơcxtôn nói xen, giọng dễ sợ.

"Em cũng sợ rằng nó chưa thuộc bài", mẹ tôi nói.

"Vậy thì mợ Clara phải đưa lại quyển sách cho nó và bắt nó phải học cho thuộc chứ!" Cô Mơcxtôn đáp lại.

“Vâng, đúng thế”, mẹ tôi nói. “Em cũng định làm thế đấy, chị Jan ạ… Nào, Đêvi, bây giờ con cố học lại lần nữa; và đừng lẩm cẩm nữa nhé!”

Tôi tuân theo điều khoản thứ nhất của mẹ tôi, và cố học lại một lần nữa, nhưng về điều khoản thứ hai thì tôi không đạt được vì tôi vẫn cứ rất lẩm cẩm. Tôi đọc vấp váp trước khi đến đoạn mà trước kia tôi thuộc. Chỗ trước kia tôi đọc trơn tru thì tôi phải ngừng lại để nghĩ. Nhưng tôi lại không thể nghĩ đến bài học. Tôi cứ nghĩ về chuyện cái mũ của cô Mơcxtôn đội không biết phải mất bao nhiêu thước lưới, cái áo khoác ông Mơcxtôn mặc trong nhà không biết giá bao nhiêu và về những chuyện như thế không dính dáng gì đến tôi, mà tôi cũng không muốn dây vào đó làm gì. Ông Mơcxtôn cựa quậy tỏ ra sốt ruột, điều mà tôi đã chờ đợi từ lâu rồi. Cô Mơcxtôn cũng làm thế. Mẹ tôi len lén nhìn họ, gấp sách lại đặt xuống bên cạnh như đó là một món nợ chịu để thanh toán sau khi tôi đã làm xong những công việc khác.

Chẳng mấy chốc đã có một chồng những món nợ chịu: nó cứ to dần lên mãi như một khối tuyết đang lăn. Nó càng to lên, tôi càng thêm lẩm cẩm. Tình hình quả là tuyệt vọng, và tôi cảm thấy như đang thụt sâu xuống một cái hố ngu muội, đến nỗi tôi chẳng còn thiết vươn lên để thoát ra nữa mà cứ phó mặc mình cho số phận thôi. Tôi cứ vấp hết hố này đến hố khác trong khi đó mẹ tôi và tôi tuyệt vọng đưa mắt nhìn nhau trông đến tội nghiệp.

Nhưng việc đáng sợ nhất của những buổi học khốn khổ này xảy ra khi mẹ tôi tưởng không ai nhìn mình mấp máy môi để nhắc tôi một chữ. Cô Mơcxtôn đã chú ý rình từ lâu mà chưa biết được gì, liền đánh tiếng bằng một giọng cảnh cáo, hậm họe:

“Mợ Clara!”

Mẹ tôi giật mình, đỏ mặt, mỉm cười ngượng nghịu, ông Mơcxtôn nhỏm dậy khỏi ghế, vớ lấy quyển sách để ném vào tôi hoặc để bạt tai tôi, rồi túm lấy vai tôi đẩy tôi ra khỏi phòng.

Cả khi học bài xong, tôi vẫn còn phải chịu tai vạ tệ hơn dưới hình thức một bài tính đố kinh khủng. Bài này cốt đặt ra cho tôi và ông Mơcxtôn đọc mồm, bắt đầu như thế này: “Nếu tôi vào hiệu bán pho mát, mua năm nghìn bánh pho mát Glôsextô lớn, mỗi cái giá bốn “pen-ni” rưỡi, giả tiền ngay…” Trong khi đó tôi thấy cô Mơcxtôn khoái trá một cách kín đáo. Tôi vò đầu nghĩ ngợi về những bánh pho mát đó mà vẫn không tìm ra một kết quả nào, một tia sáng nào tận cho đến giờ ăn cơm trưa, da tôi trở thành một người Muy-lát[1] vì bụi phấn bảng báu vào hết các lỗ chân lông. Đến bữa ăn, người ta chỉ cho tôi mỗi miếng bánh mì để giúp tôi xoay cho ra chuyện những bánh pho-mát và tôi bị bỏ rơi suốt cả buổi chiều còn lại.

Dù đã lâu ngày rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ được là… sự học tập khổ sở… của tôi đại khái cứ đều đều một điệu như vậy. Nếu không có hai chị em ông Mơcxtôn thì tôi có thể tiến bộ đấy. Nhưng họ đã ảnh hưởng đến tôi, giống như hai con rắn đang thôi miên một con chim non tội nghiệp. Ngay cả khi tôi đã vượt qua cuộc thử thách buổi sáng một cách tương đối khả quan, thì tôi cũng chẳng được gì hơn ngoài bữa cơm trưa. Vì cô Mơcxtôn không thể chịu được khi thấy tôi không có bài để làm và nếu tôi cả gan tỏ vẻ ít nhiều được rỗi rãi, thì cô nói bóng làm cho ông em chú ý tới.

“Mợ Clara ạ, không có gì tốt bằng làm việc… Mợ ra cho thằng cháu một bài tập đi!”

Thế là lập tức tôi phải chúi đầu vào một công việc mới gì đó.

Ngoài ra, tôi rất ít được chơi đùa với các bạn nhỏ cùng lứa tuổi với tôi, vì cái “thần học” tối tăm của chị em ông Mơcxtôn coi trẻ con như một đàn rắn độc nhỏ (mặc dầu ngày xưa đã có một “nhi đồng” được đưa đến giữa hàng ngũ các tông đồ) và cho rằng trẻ con sẽ truyền những thói xấu cho nhau.

Cái lối giáo dục đó kéo dài đâu trong sáu tháng hoặc hơn, kết quả đã làm tôi trở thành một đứa trẻ lù đù, đần độn, bướng bỉnh. Tôi lại càng không thể khác thế được, vì tôi cảm thấy tôi càng ngày càng tách rời và xa lạ hẳn với mẹ tôi. Nếu không có một hoàn cảnh đặc biệt thì có lẽ tôi sẽ trở thành ngu muội hẳn.

Hoàn cảnh này như sau: Cha tôi xưa có để lại một ít sách trong một cái phòng nhỏ trên gác bên cạnh buồng tôi, cho nên tôi thường vào đấy và không ai trong nhà lai vãng đến đó. Từ cái phòng nhỏ đầy phúc lành ấy, bao nhiêu là nhân vật hiện lên như một đoàn quân vinh quang đến làm bầu bạn với tôi, nào là Rôđrích Randơm[2], Pirigrin Pichcơn[2], Hămfrey Clinco[2] nào là Tôm Jôn[3], Cha xứ Uâycơphin[4] nào là Đông Kisốt[5], Gin Blat[6] và Rôbinxơn Cơruxâu[7]. Họ làm cho óc tưởng tượng của tôi vẫn hoạt động, làm tôi còn hy vọng ở một cái gì khác cuộc đời tôi ở nơi này, lúc này… những quyển này cùng với chuyện "Nghìn lẻ một đêm" và "Chuyện thần tiên" chẳng làm hại gì tôi cả nếu một nhân vật nào đó có điều ác hại thì cũng chẳng ảnh hưởng đến tôi vì tôi cũng chẳng nhận ra được. Ngày nay nghĩ lại, tôi cũng lạ làm sao tôi lại có thì giờ đọc những sách đó trong khi tôi còn phải có bao nhiêu vấn đề gay go phải mò mẫm chật vật. Ngày nay tôi lấy làm lạ khi nghĩ rằng tôi đã có thể quên những nỗi đau khổ lặt vặt (đối với tôi lúc đó là những nỗi đau khổ to lớn. bằng cách đóng vai những nhân vật tôi thích trong những sách này và gán cho chị em ông Mơcxtôn vai những nhân vật phản diện. Tôi đã làm Tôm Jôn trong suốt một tuần lễ (một thứ Tôm Jôn trẻ con vô hại). Trong suốt cả một tháng, tôi yên trí là nhân vật Rôđrich Randơm. Tôi ngấu nghiến đọc một số chuyện phiêu lưu trên đất và trên biển để trên các ngăn sách hiện nay tôi không nhớ là những chuyện gì nữa và tôi nhớ lại là hàng bao nhiêu ngày tôi đã đi khắp cái khu vực trong nhà của tôi, cầm cái khuôn gỗ cốt ủng giả làm khí giới, thủ đúng vai trò thuyền trưởng gì đó trong hải quân của nhà vua Anh đang bị quân mọi bao vây nguy hiểm, và sẵn sàng chiến đấu ác liệt để bảo vệ đời mình. Thuyền trưởng không bao giờ bị để mất danh dự dù bị bạt tai bằng quyển ngữ pháp La-tinh. Đó là cá nhân tôi mất danh dự, còn Thuyền trưởng thì vẫn là Thuyền trưởng và là một anh hùng bất chấp tất cả các cuốn ngữ pháp của các thứ tiếng trên thế giới này, sinh ngữ cũng như tử ngữ.

Đó là niềm an ủi độc nhất và thường xuyên của tôi. Mỗi khi nghĩ đến điều đó trong óc tôi lại hiện ra hình ảnh một buổi chiều mùa hạ, bọn trẻ đang nô đùa ngoài nghĩa địa và tôi thì ngồi trên giường của tôi đang đọc chuyện bán sống bán chết. Mỗi vựa thóc quanh đó, mỗi hòn đá ở nhà thờ, mỗi tấc đất ở nghĩa địa đều được tôi liên hệ với những chuyện tôi tưởng như thấy Tôm Paipơ[8] leo lên gác chuông nhà thờ, tôi thấy như là Xtráp[9] lưng đeo bị đang dừng lại nghỉ ở ngoài hàng rào; và tôi tưởng như là phó đô đốc Truniôn[8] đang họp mặt với ông Píchcơn ở tiệm rượu trong làng.

Đến đây độc giả cũng hiểu rõ như tôi rằng lúc ấy tôi như thế nào khi tôi nói đến thời thơ ấu của tôi.

Một buổi sáng khi tôi mang sách vào phòng, tôi thấy mẹ tôi có vẻ lo lắng, cô Mơcxtôn thì có vẻ "cứng rắn", và ông Mơcxtôn đang buộc một cái gì ở đầu một cái roi nhỏ và mềm. Khi tôi vào, ông ngừng lại, giơ roi lên quất vào không khí. Ông Mơcxtôn bảo:

"Em Clara, anh nói cho em biết là trước kia anh cũng bị đòn luôn đấy."

"Phải rồi, đúng thế", cô Mơcxtôn nói.

Mẹ tôi ấp úng có vẻ sợ sệt:

"Hẳn thế rồi, chị Jan ạ! nhưng… nhưng chị có cho như vậy là lợi cho anh Etuốt không?"

"Clara, thế em có cho như vậy là hại cho Etuốt à."

Ông Mơcxtôn nghiêm giọng hỏi vặn lại. "Tất cả vấn đề là ở đó". Bà chị nói.

"Hẳn thế rồi, chị Jan ạ!" mẹ tôi đáp, rồi không nói thêm gì nữa!

Tôi ngờ ngợ rằng câu chuyện trao đổi đó có liên quan đến bản thân tôi và đưa mắt xem ông Mơcxtôn nhìn đâu thì bỗng ông nhìn thẳng vào mắt tôi, ông nói:

"Nào Đêvít! Hôm này mày phải cẩn thận nhiều hơn mọi ngày đấy!" (Lúc ông nói, tôi lại thấy cặp mắt ông có vẻ lang lác), ông nâng roi vụt vào không khí một lần nữa. Và sau khi đã sửa soạn như vậy xong, ông đặt roi xuống bên cạnh một cách bệ vệ và cầm lấy sách đọc.

Thật quả là một phương pháp tốt làm cho tôi tĩnh trí ngay từ đầu. Tôi cảm thấy những chữ trong bài học chạy biến đi đâu hết không phải từng chữ một, hay từng dòng một, mà là cả trang. Tôi cố nắm lấy chúng, nhưng chúng như đi giầy trượt tuyết cả (nếu tôi có thể nói như vậy) và cứ nhẹ nhàng trượt ra xa, tôi không tài nào níu lại được.

Bắt đầu đã hỏng, rồi cứ tệ đi mãi. Lúc mới vào tôi còn tưởng như là mình sẽ nổi nữa là khác vì cho rằng mình đã chuẩn bị kỹ càng. Nhưng té ra hỏng bét. Mỗi lần tôi vấp thì một quyển sách được xếp lại, hết quyển này đến quyển khác chồng thành đống, trong khi đó cô Mơcxtôn cứ hằn học rình chúng tôi. Cuối cùng khi chuyển sang bài toán "năm nghìn bánh pho-mát" (tôi còn nhớ hôm ấy ông đổi chữ "pho-mát" thành chữ "roi") thì mẹ tôi khóc òa lên.

"Kìa mợ Clara!" Cô Mơcxtôn cất giọng đe.

"Chị Jan ạ" mẹ tôi nói, "hình như em thấy khó chịu trong người".

Tôi thấy ông ta đứng dậy trịnh trọng đưa mắt ra hiệu cho bà chị, rồi nhấc lấy roi nói:

"Chị Jan ạ, chúng ta không thể mong rằng em Clara có thể chịu đựng một cách hoàn toàn cứng rắn những điều phiền muộn, rắc rối, mà thằng Đêvít này gây ra hôm nay. Vì muốn vậy phải gan dạ lắm mới được. Em Clara đã tiến bộ nhiều, kiên nghị nhiều rồi đấy, nhưng không thể đòi hỏi em quá sức… Nào, Đêvít, mày lên gác với tao".

Khi ông lôi tôi ra cửa thì mẹ tôi chạy xổ đến chỗ chúng tôi. Cô Mơcxtôn chặn lại bảo:

"Mợ Clara, mợ điên rồi à?"

Lúc đó tôi thấy mẹ tôi bịt tai lại và tôi nghe tiếng mẹ tôi khóc.

Ông thong thả, nghiêm trang áp tải tôi lên buồng của tôi trên gác - tôi tin chắc là ông rất khoái trá với cảnh thi hành pháp luật đường hoàng như thế, và khi đến nơi ông đột nhiên lấy cánh tay quặp lấy đầu tôi vặn lại. Tôi kêu với ông ta:

"Dượng! thưa dượng, xin dượng đừng đánh con! con đã cố học đấy ạ, nhưng khi có dượng và cô Mơcxtôn ở bên cạnh thì con không thể học được. Thật là con không thể học được."

"Thật mày không thể học được à?" ông nói: "Nào thử xem nào".

Ông xiết đầu tôi như trong một cái kìm, nhưng tôi cứ luồn quanh người ông, làm ông phải ngừng lại một lúc và tôi van lạy ông đừng đánh tôi. Tôi chỉ làm ông ngừng lại được một lúc thôi, vì sau đó ông đánh tôi túi bụi, và cùng khi ấy tôi ngoạm ngay được bàn tay ông túm lấy tôi, rồi nghiến răng cắn "bập" một cái. Nghĩ đến điều đó bây giờ tôi còn thấy ghê cả răng.

Lập tức ông ta nện túi bụi tựa hồ như ông ta muốn đánh tôi kỳ chết. Bao trùm tiếng chúng tôi làm rầm rầm, tôi nghe tiếng chân người chạy lên thang gác, kêu ầm ĩ. Tôi nghe thấy tiếng mẹ tôi kêu, và tiếng chị Pécgôti. Rồi ông ta đi ra; cửa khóa trái lại và tôi nằm quay lơ dưới đất, người phát sốt nóng

nhừ, tơi bời, ê ẩm và giận dữ theo cách trẻ con của tôi.

Tôi nhớ lại rất rõ là khi tôi đã bình tĩnh thì trong nhà hình như lặng lẽ một cách khác thường. Tôi nhớ lại rất rõ là khi tôi đã nguôi nguôi đau đớn và giận dữ thì tôi bắt đầu cảm thấy mình trở thành vô cùng độc ác!

Tôi ngồi lắng tai một lúc, nhưng không nghe thấy tiếng động nào. Tôi bò dậy khỏi sàn, nhìn thấy mặt tôi ở trong gương sưng vù, đỏ, và xấu xí đến nỗi làm cho tôi cũng phát sợ. Những vết roi lằn cứng và đau làm mỗi khi cử động tôi lại bật khóc.

Nhưng cũng chưa thấm vào đâu so với cái cảm tưởng tôi là kẻ phạm tội. Tôi dám chắc rằng nó đè lên ngực tôi, y như tôi là một tên trọng phạm ghê gớm nhất.

Trời bắt đầu tối và tôi đã đóng cửa sổ (đến lúc này, phần lớn thì giờ tôi vẫn cứ nằm, đầu tựa vào gióng cửa sổ, lúc khóc, lúc ngủ chập chờn, lúc buồn bã nhìn ra ngoài). Bỗng có tiếng chìa khóa vặn ở ổ khóa và cô Mơcxtôn vào, mang ít bánh mì, thịt, và sữa. Cô đặt các thức lên bàn không nói nửa lời, đồng thời nhìn tôi hầm hầm một cách vô cùng cứng rắn, rồi đi ra ngoài khóa trái cửa lại.

Trời tối đã lâu mà tôi vẫn ngồi yên một chỗ, tự hỏi không biết có ai khác vào nữa không. Cho đến khi thấy rằng tối đó chẳng có thể có ai vào nữa, tôi mới cởi quần áo, lên giường ngủ. Nằm trên giường, tôi bắt đầu lo sợ không biết tôi sẽ bị xử trí ra sao… Không biết có phải tôi đã phạm một tội ác không? Không biết tôi có sẽ bị bắt và bỏ tù không? Liệu tôi có thể bị treo cổ không?

Tôi không bao giờ quên khi thức dậy buổi sáng hôm sau, đang vui vẻ, mát mẻ lúc ban đầu, bỗng sực nghĩ đến những kỷ niệm nặng trĩu thê thảm hôm qua thì lại buồn trĩu xuống. Cô Mơcxtôn lại hiện ra trước khi tôi ra khỏi giường, và bảo tôi, nói không thừa một lời, rằng tôi được tự do đi dạo trong vườn nửa giờ không hơn; rồi cô đi ra, để cửa mở để tôi có thể sử dụng quyền đó.

Tôi ra đi dạo, và sáng nào tôi cũng đi dạo như thế, trong suốt thời kỳ tôi bị giam kéo dài trong năm ngày. Giá tôi có thể gặp mẹ tôi một mình, tôi đã quỳ xuống trước mặt và xin mẹ tôi tha lỗi. Nhưng trong suốt thời gian này, ngoài cô Mơcxtôn ra tôi không thấy ai…, trừ lúc cầu kinh buổi tối trong phòng khách: khi mọi người đã ngồi yên rồi, cô Mơcxtôn mới áp tải tôi, để tôi ngồi một mình cạnh cửa ra vào như một tên phạm pháp trẻ tuổi, rồi khi mọi người cầu kinh xong, chưa kịp đứng dậy, thì bà cai ngục của tôi lại trịnh trọng mang tôi đi. Tôi chỉ thấy mẹ tôi ngồi hết sức xa chỗ tôi, mặt cứ quay về phía khác làm tôi không bao giờ nhìn được, và ông Mơcxtôn thì tay quấn băng to tướng.

Tôi không sao tả nổi năm ngày đó kéo dài như thế nào trong ký ức tôi. Năm ngày đó tôi nhớ tưởng như hàng năm vậy. Tôi còn nhớ mãi cách tôi lắng tai theo dõi tất cả những việc xảy ra trong nhà qua những tiếng động mà tôi có thể nghe: tiếng chuông rung, tiếng cửa sập ra đóng vào, tiếng người xì xào, tiếng chân bước ở cầu thang. Tôi lắng nghe mọi tiếng cười, tiếng huýt sáo, tiếng hát bên ngoài mà trong cảnh cô độc và bị ruồng rẫy tôi thấy còn thê thảm hơn bất cứ cái gì khác… Tôi theo dõi nhịp điệu không đều của thời gian nhất là về buổi tối, và khi tôi tỉnh giấc tưởng như là đã sáng thì thấy cả nhà chưa đi ngủ, và còn cả một đêm dài đằng đẵng sắp đến với những giấc mơ mệt nhọc và những cơn ác mộng. Tôi chờ đến sáng, đến trưa, đến chiều, khi bọn trẻ con nô đùa ngoài nghĩa địa còn tôi chỉ đứng trong buồng nhìn chúng từ xa không dám thò mặt ra cửa sổ vì sợ chúng biết tôi là một thằng tù. Lại còn cái cảm tưởng lạ lùng không bao giờ nghe tiếng mình nói. Những khoảnh khắc tưởng như là vui vui khi được ăn uống, nhưng ăn xong, uống xong thì lại hết ngay… Một buổi tối trời mưa tỏa hơi mát mẻ, rồi giữa cái nhà thờ và tôi mưa ngày càng nặng hạt, cho đến khi đêm xuống lẫn lộn với mưa, hình như dìm tôi vào bóng tối, sợ hãi, hối hận… Tất cả những cái đó diễn đi diễn lại dường như theo những chu kỳ kéo dài hằng năm chứ không phải hàng ngày và in sâu vào ký ức tôi mạnh mẽ vô cùng.

Đêm cuối cùng trong thời gian tôi bị giam, một tiếng thì thào gọi tên tôi làm tôi tỉnh giấc. Tôi nhỏm dậy giơ tay sờ soạng trong bóng tối, hỏi:

"Chị Pécgôti đấy phải không?"

Không có tiếng trả lời ngay, nhưng rồi tôi lại nghe thấy gọi tên tôi bằng một giọng bí mật và ghê sợ đến nỗi tôi có thể ngất đi được nếu tôi không nghĩ ra là tiếng đó nói từ lỗ khóa lọt vào.

Tôi sờ soạng lần ra cửa, áp môi vào lỗ khóa, thì thầm: "Chị Pécgôti của em đấy có phải không?"

"Đúng rồi, em Đêvi yêu quý của chị" chị trả lời "Nhưng phải khe khẽ như chuột mới được, nếu không Mèo nó nghe đấy".

Tôi hiểu là chị muốn ám chỉ cô Mơcxtôn và hiểu lời dặn này là rất cấp thiết vì buồng cô ta ở ngay sát buồng tôi.

"Chị Pécgôti, mẹ em ra sao? Mẹ em có giận em lắm không?"

Tôi nghe tiếng chị Pécgôti khóc thút thít ở bên kia lỗ khóa trong khi tôi cũng khóc ở phía bên này và chị bảo:

"Không, không giận lắm đâu".

"Chị Pécgôti, họ định làm gì em thế? Chị có biết không?"

"Đi trường học… gần Luân-đôn" chị Pécgôti trả lời.

Tôi phải bắt chị nhắc lại lần nữa, vì lần đầu khi chị nói, tôi quên bẵng không áp tai vào lỗ khóa mà cứ áp mồm vào, thành ra chị nói vào cổ tôi làm cho tôi buồn buồn ở họng chẳng nghe gì cả.

"Bao giờ thì đi, chị Pécgôti?"

"Mai!"

"Có phải vì thế mà cô Mơcxtôn đã lấy hết quần áo của em ở ngăn kéo ra phải không?" Tôi quên không kể ở trên rằng hôm ấy cô đã lấy quần áo tôi đi!

"Đúng đấy" chị Pécgôti bảo… "Cho vào hòm rồi".

"Em có được gặp mẹ không?"

"Có…" chị Pécgôti nói"… Sáng mai…". Rồi chị Pécgôti áp sát mồm vào lỗ khóa, nói những lời sau đây, tôi dám nói là những lời cảm động nhất, nghiêm trang nhất mà một cái lỗ khóa đã chuyển đi. Chị nói phều phào từng câu ngắn:

"Em Đêvi yêu quý ơi! Vừa rồi chị không tỏ vẻ thân với em như ngày xưa. Không phải là vì chị không quý em nữa đâu; trái lại chị quý em hơn trước nhiều, con búp bê của chị. Nhưng chị cho là làm như thế thì có lợi cho em - Và cho một người khác nữa - Em Đêvi của chị, em có nghe chị nói không? Em nghe chứ?"

"Có., có., có đấy, chị Pécgôti ạ!" tôi nức nở nói.

Chị Pécgôti lại nói giọng vô cùng thương cảm:

"Em yêu quý của chị ơi! Chị muốn bảo em một điều này: là em đừng bao giờ quên chị nhé. Vì không bao giờ chị quên em đâu. Và chị sẽ hết sức chăm sóc mẹ em, Đêvi ạ, như chị đã từng chăm sóc em - Chị sẽ không rời bỏ mẹ em - Có thể một ngày kia, mẹ em sẽ sung sướng tựa cái đầu đáng thương của mẹ em… tựa đầu vào cánh tay con mụ Pécgôti ngu đần thô lỗ này - Và chị sẽ viết thư cho em, em ạ - Mặc dầu chị không giỏi giang lắm - Và chị… chị sẽ…". Đến đây chị Pécgôti hôn vào lỗ khóa vì

chị không thể nào hôn tôi được.

"Chị Pécgôti của em ơi!", tôi nói, "Em cám ơn chị, cám ơn chị, cám ơn chị lắm! Chị có hứa với em điều này không, hở chị? Là chị sẽ viết thư nói với ông Pécgôti, em bé Emili, bà Gơmmít và anh Ham rằng em không hư như họ tưởng đâu, chị bảo em gửi lời hỏi thăm tất cả… nhất là em bé Emili. Chị hứa đi chị Pécgôti nhé!"

Con người quý hóa này hứa với tôi, rồi cả hai chúng tôi cùng hôn vào lỗ khóa vô cùng trìu mến. Tôi còn nhớ là tôi đã đưa tay lên vuốt ve ổ khóa tưởng như là vuốt ve bộ mặt trung hậu của chị. Và chúng tôi từ giã nhau.

Từ đêm hôm ấy trong lòng tôi nảy nở một thứ tình cảm đối với chị Pécgôti mà tôi không sao tả rõ được. Chị không thay thế mẹ tôi (Không ai có thể thay thế được), nhưng chị choán cái chỗ trống rỗng trong tim tôi, làm nó tràn đầy. Và đối với chị, tôi đã có một thứ tình cảm mà tôi chưa từng có đối với một người nào khác. Đó là một thứ tình cảm cũng buồn cười nữa cơ: Nếu chị chết đi thì tôi không thể tưởng tượng tôi sẽ làm gì, hay sẽ đóng cái tấn bi kịch mà tôi phải đóng như thế nào.

Đến sáng, cô Mơcxtôn hiện ra như thường lệ và bảo tôi phải đi đến trường học. Điều này không làm tôi ngạc nhiên chút nào như cô tưởng. Cô cũng bảo cho tôi biết là khi mặc quần áo xong tôi phải xuống phòng khách ăn điểm tâm. Xuống đến nơi tôi thấy mẹ tôi mặt tái xanh, đôi mắt đỏ ngầu. Tôi chạy xổ vào lòng mẹ tôi và xin lỗi mẹ tôi, trong lòng vô cùng đau khổ. Mẹ tôi bảo:

"Đêvi con ơi! Sao con lại nỡ làm người mẹ thương yêu bị thương. Con phải cố ngoan lên nhé. Thế nào con cũng phải tiến bộ lên, tốt hơn lên con nhé. Mẹ tha lỗi cho con. Nhưng Đêvi ơi, mẹ rất buồn vì lòng con có những tình cảm ác độc như vậy".

Thì ra "họ" đã thuyết phục mẹ tôi rằng tôi là một đứa bé độc ác và điều đó làm cho mẹ tôi buồn khổ hơn việc tôi phải đi xa. Tôi đau đớn nhận ra thế. Tôi cố nuốt trôi bữa điểm tâm tiễn biệt, nhưng nước mắt cứ rỏ xuống miếng bánh mì phết bơ và chảy ròng ròng vào cốc nước trà của tôi. Tôi thấy thỉnh thoảng mẹ tôi nhìn tôi rồi lại liếc sang cô Mơcxtôn đang hằm hằm rình, rồi lại cúi xuống hay nhìn đi nơi khác.

Bỗng có tiếng bánh xe đỗ trước cổng và cô Mơcxtôn bảo:

"Đem hòm xiểng của Copơphin lại!"

Tôi chờ đợi được gặp chị Pécgôti đến nhưng không thấy chị. Chị và ông Mơcxtôn đều không xuất hiện. Anh xà ích quen thuộc ngày xưa đang đứng ở cổng. Hòm quần áo của tôi được mang ra chuyển lên xe.

"Mợ Clara!" cô Mơcxtôn cất giọng đe.

"Em sẵn sàng đây, chị Jan ạ!" mẹ tôi trả lời.

"Nào tạm biệt Đêvi nhé. Con đi là có lợi cho con đấy. Thôi tạm biệt con nhé! Đến nghỉ hè con lại về nhà, và hãy ngoan hơn".

"Mợ Clara!" cô Mơcxtôn nhắc.

"Thưa chị, vâng ạ, mẹ tôi vẫn ôm tôi nói… Con trai yêu quý của mẹ, mẹ tha lỗi cho con. Cầu chúa phù hộ cho con".

"Mợ Clara!" Cô Mơcxtôn nhắc lần nữa.

Cô Mơcxtôn đã có nhã ý dẫn tôi ra xe và trong khi đi, bảo tôi rằng cô mong tôi sẽ hối cải kịp thời

để khỏi đi đến chỗ hư hỏng.

Rồi tôi leo vào trong xe, và con ngựa lười biếng cất bước, kéo xe đi…

---

[1] Muy-lát: Người con của một người da đen và một người da trắng.

[2] Ba nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Tôbiát Smônitt (1721-1774).

[3] Nhân vật chính trong tác phẩm nổi tiếng cùng tên của tác giả Henri Finđinh (1707-1754).

[4] Vị cha xứ ở Uâycơphin của tác giả Olivơ Gônxmít (1728-1774).

[5] Đông Kisốt của tác giả Xecvantét được Smôniét dịch ra tiếng Anh.

[6] Gin Biát của Lơxagiơ, Smôniét dịch ra tiếng Anh.

[7] Rôbinxơn Cơruxâu của tác giả Đanien đi Fô (1661-1731).

[8] Tôm Paipơ và phó đô đốc Truniôn là những nhân vật trong chuyện Pirigrin Píchcơn.

[9] Xtráp là bạn của Rôđrích Randơm.

Chương V
TÔI BỊ TỐNG KHỎI NHÀ

Chúng tôi đi được chừng nửa dặm, và chiếc khăn tay của tôi đã ướt đầm nước mắt, bỗng anh xà ích dừng lại đột ngột.

Khi nhìn ra ngoài để xem tại sao xe dừng lại như thế, tôi rất ngạc nhiên thấy chị Pécgôti từ một bờ rào nhảy ra, leo vào trong xe. Chị giang cả hai tay ôm lấy tôi, ghì chặt vào ngực làm cho mũi tôi bị ấn bẹt đau quá, mặc dầu lúc đó tôi không cảm thấy đau, mà mãi sau tôi mới thấy mũi bị nhũn ra. Chị Pécgôti không nói một lời. Chị bỏ một tay ra, thọc tay vào cái túi đến tận khuỷu rồi rút ra những gói giấy đầy bánh ngọt nhét vào các túi tôi, và ấn một túi tiền vào tay tôi nhưng không nói một lời. Sau khi lại ghì lấy tôi lần chót bằng cả hai tay, chị xuống xe, chạy biến và tôi tin cũng như tôi vẫn tin như thế, rằng áo chị không còn chiếc cúc nào nữa. Tôi đã nhặt lấy một chiếc cúc trong số những chiếc rơi vãi xung quanh và giữ lấy trong một thời gian dài như một vật kỷ niệm quý báu.

Anh xà ích nhìn tôi, như muốn hỏi xem chị có trở lại nữa không. Tôi lắc đầu nói tôi chắc không lại "Thế thì lên đường nào!" Anh bảo con ngựa lười và con ngựa lại cất bước lên đường.

Sau khi đã khóc hết nước mắt, tôi mới bắt đầu nghĩ rằng có khóc nữa cũng vô ích nhất là tôi lại nhớ Rôđrích Randơm cũng như vị thuyền trưởng trong hải quân Hoàng gia Anh chưa bao giờ khóc trong những trường hợp thử thách. Anh xà ích thấy tôi đã quyết định như vậy, bèn đề nghị tôi trải cái khăn tay lên lưng ngựa để phơi cho khô. Tôi cảm ơn anh và nghe theo. Cái khăn tay trải lên lưng ngựa thật bé tí xíu.

Lúc đó tôi mới rỗi rãi xem xét ví tiền. Đó là một cái ví bằng da cứng có khóa bấm, đựng ba "Si-linh" sáng ngời mà chắc chị Pécgôti đã lấy thuốc đánh cho bóng loáng để làm tôi thích thú hơn. Nhưng vật đựng ở trong quý báu nhất là hai đồng nửa "Cơrao" gói chung trong một mảnh giấy trên đó chính mẹ tôi viết "Cho Đêvi, với tất cả tình thương của mẹ". Tôi xúc động quá đến nỗi tôi phải bảo anh xà ích làm ơn với lấy cho tôi cái khăn tay. Nhưng anh bảo theo ý anh thì không nên dùng nó nữa. Tôi cũng thấy anh nói thế là phải và tôi đã lau mặt bằng ống tay áo và thôi không khóc nữa. Và tôi thôi khóc hẳn, mặc dầu những xúc động vừa qua thỉnh thoảng còn làm tôi nấc lên rất mạnh. Đi được một lúc, tôi hỏi anh anh xà ích xem anh có đi suốt đến nơi không? Anh hỏi:

"Suốt đến đâu kia?"

"Đến đấy ấy mà", tôi nói.

"Đến đấy là đến đâu?", anh bảo.

"Đến gần Luân-đôn ấy mà", tôi nói.

Anh xà ích giật giây cương một cái để chỉ vào con vật của anh và nói:

"Nhưng cái con ngựa này sẽ chết quay lơ trước khi đi được nửa đường."

"Thế anh chỉ đi đến Yácmao thôi à?" tôi hỏi.

"Chỉ thế thôi, anh nói. Đến đấy tôi sẽ đưa cậu lên xe ngựa chở khách và xe ngựa sẽ đưa cậu đến cái chỗ ấy đấy".

Đối với anh xà-ích (tên anh là Bácкít) thì nói như vậy là dài đấy, vì như tôi đã nhận xét ở một chương trên, tính anh lãnh đạm không thích bắt chuyện. Cho nên tỏ lòng trân trọng với anh tôi đã biếu anh một chiếc bánh ngọt và anh nuốt ực một cái, như voi nuốt và chiếc bánh chẳng còn để lại dấu vết

gì trên bộ mặt to lớn của anh chẳng khác gì một con voi ăn bánh.

"Có phải chị ấy làm bánh đấy không?"

Anh Bácкít hỏi, người vẫn uể oải cúi về đằng trước, tựa vào bậc xe, hai tay đặt trên hai đầu gối.

"Thưa anh, anh định nói chị Pécgôti à?"

"Ừ! chị ta ấy mà!" anh Bácкít bảo.

"Vâng, chị ấy làm tất cả bánh trái và bếp núc ở nhà em đấy".

"Thật à?" anh Bácкít nói.

Anh chúm miệng như để huýt sáo, nhưng anh không huýt. Anh ngồi thừ người, nhìn tai con ngựa như thấy một cái gì mới lạ ở đó, và cứ ngồi như thế rất lâu. Một lúc sau anh bảo.

"Chị ta chắc là chưa có "nhân tình nhân ngãi"[1] gì chứ?"

"Này anh Bácкít, anh muốn hỏi "bánh có nhân" ấy à?" Vì tôi tưởng là anh muốn ăn thêm thức gì khác và bóng gió hỏi đến thứ bánh ấy.

"Nhân tình cơ!" Anh Bácкít nói "Người yêu ấy mà… không có người đàn ông nào hay đến chơi với chị ta chứ?"

"Đến chơi với chị Pécgôti à?"

"Ừ, với chị ta ấy", anh bảo.

"Không ạ. Chị chưa bao giờ có người yêu".

"Thật à?" Anh Bácкít hỏi.

Rồi anh lại chúm miệng để huýt sáo nhưng lại không huýt mà ngồi thừ nhìn tai con ngựa.

Sau khi suy nghĩ một lúc lâu, anh Bácкít nói:

"Thế chị ấy làm tất cả các thứ bánh trái này và mọi việc bếp núc đấy à?"

Tôi trả lời rằng đúng thế.

"À được, anh Bácкít bảo. Tôi bảo chú việc này nhé… có lẽ rồi chú sẽ viết thư cho chị ta chứ?"

"Nhất định là em sẽ viết cho chị", tôi trả lời.

Anh từ từ đưa mắt nhìn tôi, nói:

"Tốt lắm! nếu chú viết cho chị thì nhớ nói là anh Bácкít muốn… đấy, nhớ không?"

"Nói là anh Bácкít muốn", tôi ngây thơ nhắc lại, "chỉ nhắn có thế thôi à?"

Anh vừa nghĩ ngợi vừa nói:

"Ừ… ừ, có thế thôi; anh Bácкít muốn…!"

"Nhưng anh Bácкít, mai anh lại trở về Blơnđơxtôn kia mà!"

Nhưng anh vội lắc đầu không theo lời đề nghị đó mà vẫn yêu cầu tôi ráo riết một lần nữa, nói một cách vô cùng trịnh trọng: "Anh Bácкít muốn… phải nhắc đúng như thế." Tôi vui vẻ đảm nhiệm việc giao phó ấy. Ngay chiều hôm ấy, khi đợi xe ngựa trong hàng cơm ở Yácmao, tôi đã kiếm một tờ giấy và lọ mực, viết thư cho chị Pécgôti với lời lẽ sau: "Chị Pécgôti yêu quý. Em đã đến được bình yên vô sự. Anh Bácкít muốn… đấy. Gửi lời kính thăm mẹ yêu quý của em. Em thân của chị. *Tái bút:* Anh ấy

nói rất mong chị biết cho là anh *Bácкít muốn*... đấy".

Lúc tôi đã hứa sẽ giúp anh điều ấy thì anh Bácкít lại ngồi im thin thít như cũ. Còn tôi thì mệt nhoài do những việc gần đây vừa xảy đến nên nằm trên cái bao ở trong xe và ngủ thiếp đi. Tôi ngủ li bì cho đến khi đến Yácmao. Trong khi xe chúng tôi vào sân hàng cơm, tôi thấy thành phố hoàn toàn mới lạ làm cho tôi hết cả cái hy vọng thầm mong sẽ được gặp ở đây một người nào đó trong gia đình ông Pécgôti hay thậm chí gặp chính bé Emili.

Xe ngựa chở khách bóng loáng từ đầu đến cuối, để ở trong sân nhưng không thấy có ngựa thắng vào, và tình trạng này thì rất có thể là còn xơi nó mới lên đường đi Luân-đôn, tôi nghĩ thế và tự hỏi không biết rồi cái hòm quần áo của tôi mà anh Bácкít đã đặt xuống (anh đã đánh xe vào sân để cho xe đi vòng) nền sân ở gần càng xe sẽ ra sao đây, và tôi tự hỏi rồi cả tôi nữa sẽ ra sao đây. Bỗng một bà thò đầu ra ngoài một cái vòm cửa sổ có treo gà vịt và thịt thà, hỏi:

"Có cậu bé ở Blơnđơxtôn đấy không?" "Thưa bà, có ạ", tôi nói.

"Tên là gì?" bà ta hỏi.

"Thưa, Copơphin ạ", tôi bảo.

"Thế thì không phải rồi", bà đáp, "Không có cơm đặt trước cho cậu bé có tên như thế".

"Thưa bà thế có phải tên là Mơcxtôn không ạ?" tôi nói.

"Nếu cậu là Mơcxtôn thì sao lúc đầu lại nói tên khác?" Bà ta nói.

Tôi phải giải thích cho bà hiểu và rung chuông gọi: "Uyliam! chỉ phòng ăn cho khách". Lập tức một anh hầu bàn ở trong bếp đầu kia sân, chạy ra đón khách vào và tỏ vẻ rất ngạc nhiên khi thấy rằng ông khách chỉ là tôi mà thôi.

Đó là một cái phòng rộng, dài ở trong có treo mấy cái bản đồ lớn. Nếu những bản đồ này là những nước xa lạ thực sự và tôi bị vất vào đấy, tôi sợ tôi cũng không bỡ ngỡ hơn là lúc bấy giờ. Tôi có cảm tưởng rằng ngồi ở góc ghế gần cửa sổ lớn nhất, tay cầm mũ thế là đã tự do quá trớn rồi. Và khi anh hầu bàn trải khăn bàn cho tôi, bầy những bình dầu và dấm lên, thì tôi cảm thấy ngượng chín cả người. Anh ta mang đến cho tôi món sườn và rau, mở nắp đĩa ra làm tôi tưởng đã làm anh mất lòng gì chăng. Nhưng tôi yên tâm khi anh đặt ghế ra trước bàn cho tôi ngồi và nói rất niềm nở: "Nào, xin mời "ông tướng" đến ăn!".

Tôi cảm ơn ngồi vào bàn. Nhưng tôi vô cùng lúng túng dùng dao và nĩa làm bắn cả nước thịt vì anh cứ đứng trước mặt tôi, nhìn chằm chằm, làm tôi đỏ cả mặt mỗi khi bắt gặp đôi mắt của anh ta.

Sau khi thấy tôi ăn đến miếng sườn thứ hai, anh bảo:

"Có một cốc vại[2] bia cho chú đấy. Chú có uống bây giờ không?"

Tôi cảm ơn, nói "Có ạ". Anh ta liền rót bia ở trong bình ra một cốc vại, rồi giơ lên ánh sáng làm cho cốc bia trông thật đẹp mắt. Anh bảo:

"Tuyệt! trông nhiều không?"

"Vâng nhiều ạ." Tôi đáp, mỉm cười thích thú vì anh vui vẻ như thế.

Anh là một người mắt hấp ha hấp háy, mặt đầy trứng cá, tóc trên đầu dựng đứng. Anh đứng một tay chống nạnh, một tay giơ cao cốc bia ra trước ánh sáng, trông có vẻ thân mật lắm. Anh nói:

"Hôm qua có một ông đến đây, một ông to béo, tên là Topxoơ. Có lẽ chú biết ông ta chứ?"

“Không ạ”, tôi nói, “Em không biết”… “Mặc quần chẽn và đi ghệt ấy mà”. Anh hầu bàn lại nói “đội mũ rộng vành; áo mầu nhạt, khăn quàng cổ lốm đốm”.

“Không ạ. Em không được hân hạnh biết…” Tôi ngượng ngùng đáp.

Anh hầu bàn vừa giơ cao cốc bia trước ánh sáng vừa nói:

“Ông ta vào đây, gọi một cốc cũng thứ bia này đây, mặc dầu tớ đã bảo đừng, nhưng ông ta cứ nhất định gọi cho kỳ được thứ này…, uống xong là lăn đùng ra chết. Thứ rượu này đối với ông ta lâu năm quá: đáng lý ra không nên uống”.

Tôi rất xúc động khi nghe kể chuyện tai nạn thảm thương này, và bảo anh có lẽ tôi uống nước lã thì hơn.

“Ồ, nhưng cậu nên biết rằng…” anh hầu bàn nói, vẫn nhìn cốc bia trước ánh sáng, và nheo mắt lại để ngắm…

“Nhà hàng không ưa khách gọi thức ăn thức uống rồi lại bỏ đâu. Thế là khinh nhà hàng đấy! Nếu đằng ấy đồng ý thì tớ sẽ uống hộ cho. Tớ quen rồi; cứ quen là được thôi. Tớ tin rằng nếu tớ hất đầu ra đằng sau, uống ực một cái là chẳng sao cả. Nào đằng ấy đồng ý không nào?”

Tôi xin anh uống giúp hộ nếu không có gì nguy hiểm cho anh, nhưng nếu có thì xin dứt khoát là đừng. Thú thật, lúc anh hất đầu ra phía sau, uống ực một cái thì tôi hốt quá, sợ anh cũng chung số phận với ông Tópxôơ tội nghiệp mà bất tỉnh ngã lăn xuống thảm. Nhưng không thấy anh làm sao cả. Trái lại, tôi thấy anh càng khoan khoái hơn. Anh cầm nĩa thọc vào đĩa ăn của tôi nói:

“Món gì thế này?… Có phải sườn dê không?”

“Sườn dê đấy”, tôi bảo.

“Trời ơi!” Anh ta reo lên. “Tớ không biết là sườn dê kia đấy. Món này chính là thức giải độc rượu bia đây mà! May mắn chửa!”.

Một tay anh cầm xương sườn và tay kia tóm một củ khoai tây, rồi anh chén hết sức ngon lành, làm tôi hết sức hả hê. Sau đó, anh lại nhót lấy một miếng thịt nữa và một củ khoai nữa, và rồi lại miếng thịt nữa, củ khoai nữa. Khi đã ăn sạch, anh bưng đến chỗ tôi một cái bánh pút-đinh[3]. Rồi đặt xuống trước mặt tôi, anh có vẻ ngẫm nghĩ, tâm trí hình như lơ đãng trong giây lát.

“Cậu thấy món chả này thế nào?” Đột nhiên anh hỏi “Bánh pút-đinh đấy chứ” tôi trả lời.

“Hay quá, đúng thế” Anh ta kêu lên nhìn sát hơn nữa “À! Đằng ấy bảo là bánh pút-đinh phải không?”

“Phải, đúng thế!”

Anh tóm lấy một môi múc canh bảo:

“Hay quá! Pút-đinh là món tớ thú nhất! May mắn chưa! chén đi nào chú bé, thi xem ai chén được nhiều nào!”

Dĩ nhiên là anh hầu bàn chén nhiều. Nhiều lần anh đã động viên tôi cố mà thắng. Nhưng xét mối tương quan giữa cái môi to của anh và cái thìa nhỏ của tôi, giữa tốc độ của anh với tốc độ của tôi, giữa sự ngon miệng của anh với sự ngon miệng của tôi, ngay từ miếng đầu tôi đã bị bỏ xa và không có hy vọng gì thắng được anh. Tôi chưa từng thấy ai ăn bánh pút-đinh ngon lành đến thế. Sạch đĩa rồi, anh cả cười như vẫn còn thấy sướng miệng.

Thấy anh vui vẻ và thân mật thế, tôi liền hỏi mượn giấy bút mực để viết thư cho chị Pécgôti. Không những anh đem cho tôi ngay lập tức mà lại còn quá tử tế ghé nhòm thư xem tôi viết gì. Khi tôi viết xong anh hỏi tôi đi học ở đâu.

Tôi bảo: "ở gần Luân-đôn", vì tôi cũng chỉ biết có thế.

"Khổ chưa!" anh nói vẻ rất rầu rĩ - "Tớ thật lo cho chú!"

"Tại sao thế?" tôi hỏi anh.

"Trời ơi!" anh lắc đầu bảo: "Đó là cái trường ở đấy người ta đã đánh đến gần gãy xương sườn một cậu học trò, học trò còn bé thôi…, gãy đến hai cái xương ấy. Tớ đoán hắn vào trạc…, à để tớ nghĩ xem…, thế đằng ấy độ bao nhiêu tuổi?"

Tôi bảo anh là tôi giữa tám và chín tuổi. Anh nói:

"Thì đúng cùng với tuổi hắn rồi! - Họ đánh gãy cái xương sườn thứ nhất lúc hắn tám năm sáu tháng, đánh gãy cái thứ hai lúc hắn tám năm tám tháng. Có chết không!"

Tôi không sao giấu bản thân tôi, cũng như giấu anh hầu bàn rằng tôi đã cảm thấy việc trùng tuổi này thật khó chịu và tôi hỏi anh xem đánh như thế nào mà gãy cả xương. Câu trả lời của anh không làm tôi phấn khởi tí nào vì chỉ gồm có ba tiếng kinh khủng: "Lấy gậy nện!"

Còi xe ngựa chở khách thổi lên ở ngoài sân đã làm tôi quên khuấy câu chuyện này một cách đúng lúc, và tôi đứng dậy, vừa hãnh diện vừa sợ sệt vì có một ví tiền (tôi rút ví trong túi ra), ngập ngừng hỏi xem có phải trả gì không.

"À có món tiền giấy viết thư", anh đáp, "Đằng ấy đã bao giờ mua giấy viết thư chưa?"

Tôi không thể nhớ lại đã mua lần nào. Anh ta bảo:

"Đắt đấy, bởi vì thuế. Ba pen-ni. Ở đây chúng tớ bị đánh thuế nặng như vậy đấy. Ngoài ra, không phải trả gì nữa, trừ món trả cho người hầu bàn. Còn mực viết thì thôi, tớ chịu thiệt món ấy".

Tôi ấp úng, mặt cứ đỏ nhừ:

"Thế anh…, thế tôi phải… trả bao nhiêu…, anh làm ơn bảo tôi phải trả tiền hầu bàn như thế nào thì phải?"

"Nếu tôi không có con" anh hầu bàn nói "Và nếu con tôi không mắc bệnh đậu mùa thì tôi chẳng lấy đến sáu pen-ni đâu. Nếu tôi không phải nuôi dưỡng cha già và một em gái xinh xinh (chỗ này anh ta tỏ vẻ rất cảm động), thì tôi chẳng lấy một đồng tiền đâu. Nếu tôi có chỗ làm khấm khá và được đối xử tốt ở đây thì tôi sẽ xin tặng chút quà chứ không đến nỗi phải xin chú cho đâu. Nhưng mà ở đây, tôi phải ăn cơm thừa canh cặn, phải ngủ ở chỗ chứa than…" Nói đến đây anh òa lên khóc.

Tôi rất mủi lòng về nỗi khổ sở của anh, và thấy rằng nếu chỉ đưa một món tiền dưới chín pen-ni để tỏ ân tình, thì tàn nhẫn quá, chẳng còn tình nghĩa gì. Do đó tôi đã đưa một trong ba đồng hào sáng loáng của tôi. Anh nhận một cách vô cùng khúm núm, kính cẩn, và ngay sau đó anh lấy ngón tay cái búng nó, để xem có đúng là hào thật không.

Khi người ta đỡ tôi lên đằng sau xe, tôi hơi khó chịu thấy mọi người tưởng rằng một mình tôi đã ngốn tất cả bữa cơm chẳng cần ai ăn giúp. Tôi khám phá ra điều ấy vì nghe người đàn bà ngồi ở cái cửa sổ ra ngoài bảo anh xà ích:

"Anh Jooc ơi, chú ý cẩn thận thằng bé kia đấy, nó vỡ bụng ra mất!". Và nhìn thấy những chị đầy tớ gái loanh quanh đó, cứ ra nhìn tôi khúc khích cười, như nhìn một quái tượng trẻ tuổi. Anh hầu bàn, ông

bạn khổ sở của tôi lúc này lại vui vẻ như thường, không tỏ ra lúng túng vì chuyện đó, lại còn phụ họa vào sự thán phục của mọi người không chút ngượng nghịu. Nếu như tôi có ngờ vực gì thì điều này đã làm tôi đâm ra ngờ anh một phần; nhưng, nói chung, ngay lúc đó tôi cũng không nghi ngờ gì anh lắm vì trẻ con vẫn hay tin một cách hồn nhiên và thường tình trẻ con vẫn tin vào người lớn tuổi (những đức tính mà tôi rất buồn là trẻ con nào cũng sớm bỏ mất và thay vào đó bằng sự lõi đời).

Xin thú thật là tôi hơi cay vì tự nhiên vô cớ mình bị anh xà ích và anh coi xe đem ra làm bung xung để pha trò, bảo rằng cái xe cứ nặng ở đằng sau, và đùa rằng chở tôi bằng xe bò thì tiện hơn nhiều. Cái gọi là câu chuyện phàm ăn của tôi đến tai cả những hành khách ngồi ở ngoài, và họ cũng đùa nghịch về điều đó. Họ hỏi ở nhà trường tôi có phải trả tiền ăn cho tôi gấp hai hay ba người không, tôi có phải trả theo một mức đặc biệt hay theo mức của mọi người và nhiều câu hỏi bông đùa khác. Nhưng khổ nhất là tôi biết rằng nếu có dịp ăn uống nào thì tôi sẽ xấu hổ không dám ăn gì nữa, và sau cái bữa ăn qua loa vừa rồi, tôi sẽ phải nhịn đói một đêm, vì trong khi vội vã tôi đã bỏ quên gói bánh ngọt ở hàng cơm. Những lo ngại ấy quả nhiên thành sự thực. Khi xe dừng lại để tôi ăn bữa tối, thì mặc dầu rất thèm, tôi cũng không có can đảm ăn nữa và ngồi xuống cạnh lò sưởi nói rằng tôi không cần thức gì cả. Nhưng như vậy cũng không khỏi bị chế giễu. Một bác, cứ ngồi lo chén tì tì một hộp thức ăn suốt dọc đường đi (không kể lúc ông ta tu nước trong chai) giọng nói ồ ồ, mặt mũi sần sùi, tuyên bố rằng tôi giống con trăn ăn thật nhiều một bữa để dự trữ cho cả một thời gian dài. Sau đó, chính bác ta lại nôn mửa thốc tháo, vì chén nhiều thịt bò hầm quá.

Chúng tôi khởi hành từ Yácmao lúc ba giờ chiều và phải đến Luân-đôn lúc tám giờ sáng hôm sau. Bây giờ tiết trời vào giữa mùa hè buổi chiều rất đẹp. Mỗi khi xe qua một làng, tôi tưởng tượng xem trong các nhà như thế nào và ở đó người ta đang làm gì. Và khi bọn trẻ con đuổi theo, leo lên đằng sau bám vào lưng xe một đoạn đường, thì tôi tự hỏi không biết cha chúng có còn sống không và ở nhà chúng có được sung sướng không? Như vậy tôi có rất nhiều vấn đề để suy nghĩ, ngoài việc tôi cứ luôn luôn băn khoăn không biết cái nơi tôi sắp đến sẽ ra sao và đó là một vấn đề dễ sợ. Tôi còn nhớ là thỉnh thoảng tôi lan man nghĩ đến ngôi nhà của tôi đến chị Pécgôti và cố sức hồi tưởng mơ hồ và lẫn lộn xem ý nghĩ của tôi như thế nào và tôi là đứa trẻ như thế nào trước khi cắn ông Mơcxtôn, nhưng tôi không sao nhớ được, tôi cảm thấy hình như mình đã cắn ông ta vào cái thời tám hoánh xa lắc xa lơ nào.

Buổi tối, trời lạnh nên không dễ chịu như buổi chiều. Tôi lại bị đặt ngồi giữa hai ông (cái ông mặt sần sùi và một ông nữa) để cho khỏi ngã bật ra ngoài xe, nên khi hai ông này ngủ gục, thì tôi bị hai người chèn cứng làm cho suýt nghẹt thở. Thỉnh thoảng hai ông ép tôi đau đến nỗi tôi không nhịn được, phải kêu lên. "Ối! Hai bác làm ơn xích ra". Điều này hai bác không ưa tí nào vì nó làm cho hai bác tỉnh giấc. Đối diện tôi là một bà đứng tuổi người choàng áo lông xù to tướng ăn mặc nhiều áo quần đến nỗi trong bóng tối trông tưởng là một đụn rạ chứ không phải là một người đàn bà nữa. Bà ta mang theo một cái thúng, loay hoay mãi không biết làm thế nào mà đặt, cho đến khi bà thấy rằng có thể đặt nó ở dưới chỗ ngồi của tôi vì chân tôi ngắn. Cái thúng này làm tôi phải co quắp đau nhói đến nỗi tôi thật đến khốn khổ với nó. Nhưng nếu tôi hơi cựa quậy làm cho một cái cốc trong thúng chạm lách cách vào một cái gì khác (điều này không sao tránh được), thì bà ta đạp tôi một cái hết sức tàn nhẫn và bảo: "Này, đừng có cựa. Xương mày non nớt lắm!".

Cuối cùng mặt trời mọc, các bạn đồng hành của tôi có vẻ ngủ ngon lành hơn. Những khó khăn mà họ đã phải vật lộn suốt đêm và được biểu hiện bằng những tiếng thở những tiếng ngáy khủng khiếp, thực vượt mọi óc tưởng tượng. Mặt trời mọc càng cao, giấc ngủ của họ càng nhẹ nhàng và dần dần từng người một tỉnh giấc. Tôi nhớ lúc đó tôi rất lấy làm lạ tại sao mọi người đều giả vờ làm ra vẻ không ngủ được tí nào và rất phẫn nộ khi có ai nói ngược lại. Cho đến nay tôi vẫn rất ngạc nhiên như

vậy, vì tôi vẫn nhận thấy trong những nhược điểm của loài người, cái mà thường tình không ai muốn thú nhận (tôi cũng không hiểu tại sao) đó là việc ngủ ở trên xe ngựa.

Tôi bất tất phải dừng lại ở đây để kể rằng khi tôi nhìn thấy Luân-đôn ở đằng xa, thì thành phố này đối với tôi là một nơi kỳ lạ như thế nào, tôi đã tin như thế nào về các hành động mạo hiểm của những nhân vật yêu quý của tôi đã diễn đi diễn lại nhiều lần ở đó, và trong thâm tâm, tôi đã nghĩ mơ hồ rằng đó là một nơi đầy những điều thần kỳ và ác độc hơn mọi thành phố khác trên trái đất. Chúng tôi tiến dần đến thành phố vào đúng giờ đã định, tới hàng cơm khu phố Nhà thờ Trắng là trạm chúng tôi đến. Tôi quên, không nhớ đó là quán "Bò xanh" hay "Lợn lòi xanh", chỉ nhớ là con gì xanh ấy và hình ảnh của nó đã được sơn ở đằng sau xe ngựa.

Khi xuống xe, bác coi xe chợt nhìn tôi rồi hỏi ở cửa nhà trạm:

"Ở đây có ai ra đón một cậu bé tên ghi là Mơcxtôn, gửi từ Blơnđơxtôn, Xăpphốc đến đây chờ người ra nhận không?"

Không ai trả lời.

Tôi cúi đầu thiểu não nói:

"Thưa bác, bác làm ơn nói tên là Copơphin xem sao".

Bác đánh xe nói:

"Ở đây có ai ra đón một cậu bé tên ghi là Mơcxtôn gửi từ Blơnđơxtôn, Xăpphốc đến, nhưng cũng có tên là Copơphin đến đây chờ người ra nhận không?… Nào! Có ai không?"

Không, không có ai cả.

Tôi nhớn nhác nhìn quanh, nhưng câu hỏi đó không làm những người nào đứng cạnh đấy chú ý, trừ một người đàn ông đi ghệt chột mắt, lên tiếng gợi ý rằng nên lấy một cái vòng bằng đồng mà tròng vào cổ rồi xích tôi vào chuồng ngựa.

Người ta đem thang đến, và tôi xuống, sau cái bà trông như đụn rạ, không dám cựa quậy gì trước khi thúng bà ta được mang đi. Lúc đó, trong xe khách đã vãn, đồ đạc ngay sau đó đã hạ cả xuống, ngựa đã được tháo ra trước khi dỡ hành lý. Và bây giờ vài bác giữ ngựa đẩy quay xe lại để lấy lối đi. Nhưng vẫn không ai đến nhận cậu bé đầy bụi bậm gửi từ Blơnđơxtôn, Xăpphốc đến.

Tôi vào nhà trạm, được bác thư ký thường trực bảo vào sau quầy, ngồi trên mặt bàn cân, nơi cân hành lý, trong lòng cảm thấy còn cô độc hơn là Rôbinxơn Cruxâu vì không có ai trông thấy anh ta và biết rằng anh ta cô độc. Tôi ngồi đấy, nhìn những gói hàng, bao hàng và sổ sách thở hít mùi chuồng ngựa (sau này mỗi khi thấy mùi đó tôi lại nhớ đến buổi sáng hôm ấy), trong khi đó bao nhiêu ý nghĩ hết sức khủng khiếp diễn ra trong đầu óc tôi. Nếu không có ai đến tìm tôi thì họ sẽ cho tôi ở đây bao lâu? Họ có giữ tôi ở đây cho đến khi tôi tiêu hết bảy si-linh không? Đêm đến, tôi có được ngủ ở một trong số những hòm gỗ kia không, cùng với những đồ hàng khác và buổi sáng có được ra sân rửa mặt ở vòi nước không? Hay là đêm nào họ cũng đuổi tôi ra ngoài, để sáng hôm sau khi nhà trạm mở cửa thì tôi trở lại ngồi đợi cho đến khi có người đến nhận? Nếu đúng là như thế, và ông Mơcxtôn đã bầy ra kế hoạch này để đuổi tôi đi cho rảnh, thì tôi sẽ phải làm gì đây? Nếu người ta cho phép tôi ở đây cho đến lúc tiêu hết bảy si-linh, thì tôi cũng không thể hy vọng ở lại đây nữa khi đã bắt đầu chết đói. Vì như thế thì sẽ bất tiện và khó chịu cho các hành khách, ngoài ra, lại còn làm cho quán… "Cái gì xanh ấy" phải chịu tiền chôn cất tôi. Nếu tôi lên đường ngay tức khắc tìm cách đi bộ về nhà, thì làm sao mà lần ra được đường về, làm sao mà có sức để đi xa như thế, và dù cho có về đến nơi nữa thì ngoài chị Pécgôti ra, tôi còn trông mong vào ai được nữa? Nếu tôi đi tìm những vị có thẩm quyền ở gần đây nhất

để xin đăng vào lục quân hay thủy quân thì chắc chắn là không được nhận vì tôi còn bé quá. Những ý nghĩ này và hàng trăm ý nghĩ khác tương tự làm tôi nóng cả ruột gan, sợ hãi, hoang mang.

Tôi đang sốt ruột đến cực điểm thì một ông bước vào nói khẽ điều gì với bác thư ký. Bác lôi tôi từ bàn cân xuống, đẩy cho ông ta y như tôi là món hàng được đem cân, đem bán, giao cho khách hàng và ngã giá trả tiền.

Ra khỏi nhà trạm, nắm tay ông khách mới quen, tôi liếc nhìn trộm ông ta. Ông còn trẻ người gầy nước da vàng ủng, má hóp, cằm cũng đen như cằm ông Mơcxtôn. Nhưng ông chỉ giống điểm đó thôi, vì râu mép ông cạo nhẵn còn tóc thì màu sắt gỉ và cứng chứ không bóng, ông mặc một bộ đồ màu đen hơi tàng tàng và cứng đờ, tay áo và ống quần khí ngắn. Ông quấn một cái khăn quấn cổ trắng không được sạch cho lắm. Lúc đó cũng như hiện nay tôi vẫn không tin ông có chỉ độc cái khăn ấy ở trên người, nhưng lúc đó ông chỉ để hở ra cho người ta thấy có thế thôi - Ông hỏi:

"Em là học trò mới phải không?"

"Thưa ông, vâng ạ", tôi nói.

Không biết tôi có phải là học trò mới không? Nhưng tôi cứ cho là như thế. Ông bảo:

"Tôi là giáo sư ở Xalem học hiệu".

Tôi cúi đầu chào vô cùng thán phục. Tôi rất ngượng không dám nói với một nhà bác học giáo sư ở Xalem học hiệu về cái vật tầm thường của tôi là cái hòm. Đi khỏi sân một quãng ngắn, tôi mới có được can đảm để nói. Tôi khúm núm nói rằng hòm đó cần dùng cho tôi sau này. Chúng tôi quay trở lại. Rồi ông nói với người thư ký là sẽ bảo bác xà-ích đến lấy hòm vào buổi trưa.

Khi chúng tôi đã đi cách đó được một quãng, khoảng bằng lần trước, tôi hỏi: "Thưa thầy, xin thầy cho em hỏi là còn xa không ạ?"

"Ở phía Blắchít", ông nói.

"Thưa thầy, thế có xa không ạ?" Tôi ngập ngừng.

"Khá xa đấy", ông bảo, "Chúng ta phải đi xe ngựa… vào khoảng sáu dặm đường".

Tôi mệt lả cả người, nên nghĩ đến việc đi sáu dặm đường nữa thì ngại quá đi mất. Tôi lấy hết can đảm nói với ông là suốt đêm tôi không được ăn và nếu ông cho phép tôi mua thức gì để ăn thì tôi rất cảm ơn. Nghe nói thế, ông tỏ vẻ ngạc nhiên (hiện nay tôi còn thấy ông dừng chân lại trố mắt nhìn tôi), ông nghĩ ngợi một lúc đoạn bảo rằng ông định đến thăm một bà cụ ở gần đó, và tôi thích gì thì cứ mua, cốt nhất phải là thức ăn lành, bánh mì chẳng hạn, rồi đến nhà bà cụ ấy mà ăn, ở đó có thể có cả sữa nữa đấy.

Do đó, chúng tôi ngắm xem tủ hàng một hiệu bánh, tôi đề nghị mua hết thức này đến thức nọ, toàn là những thứ khó tiêu, nhưng đều bị ông bác hết, rồi cuối cùng chúng tôi quyết định mua một ổ bánh mì giòn trông rất ngon lành, giá là ba pen-ni. Sau đó chúng tôi mua ở hàng xén một quả trứng và một khoanh mỡ lợn sấy.

Sau khi đổi đồng si-linh thứ hai trong số ba si-linh sáng bóng của tôi để tiêu, tôi vẫn thấy còn lại vô số là tiền lẻ, do đó tôi cho Luân-đôn quả là một nơi ăn tiêu không tốn kém gì. Mua xong các thức ăn, chúng tôi lại đi, giữa những tiếng rầm rầm, tiếng ồn ào làm đầu óc mệt nhọc của tôi cứ rối tung cả lên. Chúng tôi qua một cái cầu, chắc đó là cầu Luân-đôn (chắc là ông ta bảo tôi thế, nhưng lúc đó tôi đang ngủ gà ngủ gật). Cuối cùng chúng tôi đến nơi bà già nghèo khổ ở một khu nhà làm phúc. Tôi biết vậy, vì nhìn thấy vẻ nhà tồi tàn và thấy những chữ khắc trên biển đá ở cửa vào, ghi rằng những gian nhà

này được dựng lên cho hai mươi người đàn bà nghèo ở nhờ.

Vị giáo sư ở Xalem học hiệu nâng cái then ở trong những cái cửa vào trong dãy cửa nho nhỏ, đen đen giống hệt nhau. Một phía cửa ra vào có trổ một cái cửa sổ bé có những ô kính hình quả trám, và trên cửa sổ đó lại có một cửa sổ bé ô kính hình quả trám khác. Chúng tôi vào cái nhà của một trong những bà cụ nghèo khổ này. Bà cụ đang thổi lửa, đun một thức gì trong cái xoong con. Thấy vị giáo sư vào, bà cụ ngừng tay, vẫn ôm bể thổi lửa trên đầu gối, nói điều gì tôi nghe giông giống như là "Sácli của mẹ!". Nhưng khi thấy tôi cùng vào, bà đứng dậy, xoa tay, nghiêng mình chào ngượng nghịu.

Vị giáo sư ở Xalem học hiệu hỏi: "Bà có làm ơn nấu giúp thức ăn cho cậu bé này được không?"

"Nấu à?" Bà cụ bảo, "Được, được lắm chứ."

"Hôm nay bà Phibítxơn có được khỏe không?" vị giáo sư hỏi, quay nhìn một bà cụ khác đang ngồi trong ghế lớn cạnh bếp lửa. Bà cụ này ngồi trông giống như một đống quần áo; đến nay tôi còn hú vía vì suýt nữa ngồi lầm phải bà ta. Bà cụ trước nói:

"Ờ, bà ta yếu lắm;… đang trong ngày giở trời đấy. Nếu không may tắt mất lửa thì tôi cho rằng bà cũng đến "nguội" mất, bà chẳng bao giờ hồi lại được nữa".

Trong khi hai người nhìn bà cụ ấy thì tôi cũng nhìn bà cụ. Mặc dầu trời hôm ấy ấm áp, bà có vẻ chỉ nghĩ đến ngọn lửa. Tôi có cảm tưởng bà ghen tức cả với cái xoong đặt trên bếp. Tôi có đủ lý do để biết rằng bà bực bội khi cái xoong tỏ ra tích cực trong việc luộc trứng và rán mỡ cho tôi. Vì trong khi nấu nướng, lúc không ai nhìn bà, có một lần chính mắt tôi đã buồn phiền trông thấy bà giơ quả đấm dứ tôi, ánh nắng qua cửa sổ tràn vào nhưng bà ngồi quay lưng lại, tựa vào lưng ghế rộng, chắn sát ngọn lửa dường như muốn ủ cho lửa được nóng chứ không phải là để sưởi cho mình, và chăm chú canh ngọn lửa một cách lo lắng. Khi nấu xong thức ăn cho tôi và ngọn lửa được giải phóng thì bà mừng rỡ đến nỗi phá lên cười… và tôi phải nói là tiếng cười của bà nghe chả êm ái tí nào.

Tôi ngồi vào bàn trên để ổ bánh mì, miếng trứng và khoanh thịt mỡ của tôi, ngoài ra còn có một bánh sữa, và ăn một bữa thực ngon lành. Trong khi tôi đang chén rất thích thú, thì bà cụ chủ nhà bảo vị giáo sư:

"Anh có mang theo cái sáo đấy không?"

"Có", ông đáp.

Bà cụ nài nỉ, nói:

"Anh thổi một bài đi nào."

Vị giáo sư bèn thò tay xuống dưới vạt áo, rút ra một cái sáo ba mảnh, rồi lắp vào nhau và bắt đầu thổi luôn. Tôi đã ngẫm nghĩ trong bao nhiêu năm rồi mà vẫn có cảm tưởng là trên đời này không thể có ai thổi sáo tồi hơn thế được, ông ta phát ra những tiếng thê thảm nhất trong đời tôi chưa bao giờ nghe phát ra bằng bất cứ cách nào, tự nhiên hay nhân tạo. Tôi không hiểu ông đang thổi điệu gì (tôi nghĩ là chẳng có tí nhạc điệu nào trong bài sáo của ông ta), nhưng tiếng sáo đã có tác dụng đến tôi, trước hết nó làm cho tôi nhớ lại tất cả những nỗi buồn phiền của tôi, đến nỗi tôi rưng rưng nước mắt; sau nữa nó làm tôi ăn mất cả ngon; và cuối cùng, làm tôi buồn ngủ đến nỗi không sao mở mắt ra được nữa. Đến nay khi nhớ lại kỷ niệm ấy, cặp mắt của tôi cũng bắt đầu nhắm lại và đầu tôi cũng bắt đầu gật gù. Một lần nữa, hình ảnh cái phòng nhỏ nhòa dần trước mắt tôi với cái tủ đồ ăn ở góc phòng để ngỏ với những ghế ngồi có chỗ tựa lưng vuông vuông, với cái cầu thang nhỏ dốc thẳng để đi lên phòng trên gác, và ba cái lông công bày trên mặt lò sưởi (tôi nhớ là lúc mới vào tôi đã tự hỏi không biết con công nó sẽ nghĩ gì, nếu nó biết rằng bộ cánh mồi của nó phải chịu một số phận hẩm hiu như thế). Rồi tôi gục xuống ngủ.

Tiếng sáo xa dần, thay vào đó là tiếng bánh xe ngựa chạy nổi dậy và tôi đang ngồi trong xe. Xe vấp một cái, tôi giật mình tỉnh dậy, và tiếng sáo lại trở lại, và vị giáo sư ở Xalem học hiệu đang ngồi vắt chân trầm ngâm thổi sáo trong khi bà cụ chủ nhà say sưa nhìn ông. Hình ảnh bà cụ lại mờ đi, ông cũng mờ đi, và tất cả nhòa dần, rồi không còn tiếng sáo nữa, không còn vị giáo sư nữa, không còn Đêvit Copơphin nữa, không còn gì nữa ngoài giấc ngủ nặng nề.

Tôi tưởng như mơ thấy rằng khi ông đang thổi cái sáo thảm hại đó, thì bà cụ chủ nhà mê ly thán phục cứ sán đến gần, rồi cúi xuống lưng ghế ôm cổ ông ta một cách âu yếm làm ông phải ngừng lại trong giây lát. Không biết lúc đó hay là về sau này, lúc ông lại tiếp tục thổi sáo (vì đúng thật là ông có ngừng lạ.) tôi đang nửa tỉnh nửa mê thì trông thấy và nghe thấy vẫn bà cụ đó hỏi bà cụ Phibitxơn rằng có tuyệt hay không (hỏi về tiếng sáo). Bà Phibitxơn đáp: "Ồ, ờ hay!" và gật gù về phía ngọn lửa. Tôi chắc chắn là bà đã gắn cho ngọn lửa tất cả ưu điểm của tiếng sáo.

Tôi cảm thấy mình đã ngủ được một lúc lâu, vì giáo sư ở Xalem học hiệu mới tháo ba mảnh sáo ra, bỏ vào chỗ cũ, rồi dắt tôi đi. Chúng tôi gặp xe ngựa ở ngay gần đó và lên mui ngồi. Nhưng vì tôi buồn ngủ quá nên khi xe dừng lại ở dọc đường để lấy khách, thì họ bế tôi vào trong xe ở đó không có khách ngồi và tôi ngủ thiếp đi, cho đến khi tôi thấy xe từ từ leo lên sườn đồi dốc giữa những cành lá xanh rờn. Rồi thì xe đến nơi, dừng lại.

Chúng tôi (nghĩa là vị giáo sư và tôi) đi bộ một quãng ngắn đến Xalem học hiệu, xung quanh có tường gạch cao bao bọc và trông rất âm u. Trên một cái cửa đục ở tường có bảng đề chữ "Xalem học hiệu". Và khi chúng tôi kéo chuông thì một bộ mặt cau có thò ra ở cái lỗ đục ở cửa bịt lưới thép để xem xét chúng tôi. Khi cửa mở, tôi nhận thấy đó là mặt của một người đàn ông to béo, cổ bạnh như cổ bò mộng, có một chân gỗ, thái dương ụ lên, tóc xung quanh đầu cắt cụt ngủn.

"Học trò mới đấy!" Vị giáo sư bảo.

Người chân gỗ nhìn tôi từ đầu đến chân, nhìn cũng nhanh thôi, vì tôi chẳng to gì cho lắm, khóa cửa lại ở đằng sau, và rút chìa khóa ra. Chúng tôi đi lên phía nhà, giữa những cây cối rậm rạp, âm u. Bỗng người đó gọi cái ông đang dẫn tôi đi. "Này ông!". Chúng tôi quay lại nhìn: người ấy đang đứng ở cửa gian buồng nhỏ, nơi hắn ở, tay cầm một đôi giầy cao cổ. Hắn nói: "Anh thợ giầy có đến đây khi ông đi vắng đấy, ông Men ạ. Anh ta bảo không sao chữa được nữa… anh ta bảo đôi giầy chẳng còn mảnh nào lành cả và lấy làm lạ tại sao ông lại bảo chữa".

Vừa nói, hắn quẳng đôi giầy cho ông Men. Ông phải lùi lại vài bước để nhặt, và khi chúng tôi tiếp tục cùng đi, ông cứ ngắm nghía đôi giầy mãi (tôi thấy ông ta nhìn vô cùng rầu rĩ). Bây giờ lần đầu tiên, tôi mới nhận ra rằng ông đang đi một đôi giầy cao cổ mòn cũ lắm rồi, mà ở một chỗ tất ông lòi ra trông như một mầm cây.

Xalem học hiệu là một tòa nhà vuông bằng gạch có hai chái có vẻ trơ trọi, trống trải. Các nơi đều rất yên tĩnh, làm tôi phải hỏi ông Men xem có phải học sinh đều đi chơi cả không, ông ra vẻ ngạc nhiên vì thấy tôi không biết rằng hiện nay đang là kỳ nghỉ hè, tất cả học sinh đều về với gia đình. Ông Crích cơn hiệu trưởng, đang nghỉ mát ở bờ biển cùng với bà và cô Crích cơn, còn tôi bị gửi đến đây trong thời gian nghỉ là để trừng phạt cái tội tôi đã phạm phải, ông vừa đi vừa giải thích cho tôi rõ tất cả những điều ấy.

Ông ta đưa tôi vào một phòng học; tôi thấy nó thật là một nơi tiêu điều, tồi tàn nhất trên đời. Hiện nay, tôi vẫn còn như trông thấy nó. Đó là một gian phòng dài, có ba dãy bàn học dài, và sáu dãy ghế dài, chung quanh lởm chởm những móc để treo mũ và bảng. Những mảnh vở cũ và bài làm ngổn ngang trên mặt sàn bẩn thỉu. Những hộp để nuôi tằm cũng làm bằng thứ nguyên liệu trên rải khắp các mặt bàn.

Hai con chuột bạch khốn nạn bị chủ bỏ rơi, chạy xuôi chạy ngược trong cái lâu đài mốc meo làm bằng bìa cứng và giây thép, mắt đỏ ngầu sục sạo khắp các góc xem có cái gì ăn được không. Một con chim nhốt trong cái lồng nhỉnh hơn nó một tí, thỉnh thoảng lại nhảy trên cái then ngang cao năm phân, bay từ chỗ đứng buông xuống những tiếng lách tách ảo não nhưng không hót mà cũng không kêu. Trong phòng có mùi là lạ, thum thủm như mùi nhung ẩm, mùi táo bí hơi, mùi sách mốc. Khắp phòng vung vãi đầy mực y như nhà không có mái từ khi dựng lên và suốt cả bốn mùa trong năm bị mực xối xuống như mưa, như bão.

Trong khi ông Men bỏ tôi đứng một mình để mang đôi giầy cao cổ không vá víu gì được nữa lên gác thì tôi thong thả đi lên đầu kia lớp, vừa im lặng đi vừa nhận xét những điều kể trên. Bỗng tôi vấp vào cái biển làm bằng bìa cứng, viết rất nắn nót đặt trên bàn học trò, trên có những chữ: *"Coi chừng, nó cắn"*.

Tôi vội leo lên bàn thầy giáo, sợ rằng ở dưới gầm, ít nhất cũng phải có một con chó kếch xù. Nhưng đưa mắt lo lắng nhìn khắp nơi tôi vẫn chẳng thấy chó má nào cả. Tôi đang còn liếc tìm khắp nơi thì ông Men vào và hỏi tôi làm gì thế?

"Thưa thầy, xin lỗi thầy, con tìm con chó", tôi nói.

"Con chó à?". Ông hỏi "…chó nào?"

"Thế thưa thầy, thầy có con chó phải không ạ?"

"Thế nào… chó à?"

"Thưa thầy,… thế phải coi chừng cái gì ạ,… cái gì nó cắn ạ?"

"Không, Copơphin ạ" ông nghiêm nghị nói. "Không phải là con chó đâu, mà là một thằng bé. Copơphin, thầy được lệnh phải đeo cái biển này vào lưng em. Thầy lấy làm buồn vì phải bắt đầu làm quen với em bằng cách này, nhưng thầy bắt buộc phải làm thế".

Nói đoạn ông kéo tôi xuống đeo vào vai tôi cái biển làm cốt để đeo trên lưng như người ta đeo cái bị và từ đó về sau đi đâu tôi cũng được cái vinh hạnh mang nó đi.

Cái biển này làm tôi phải chịu những nỗi cơ cực không ai có thể tưởng tượng được. Dù người ta có trông thấy tôi hay không, tôi vẫn tưởng như họ đang đọc dòng chữ đó chỉ khi quay lại không thấy ai ở đằng sau tôi mới hú vía, vì lúc nào tôi cũng tưởng có người đứng ở sau lưng tôi. Con người chân gỗ tàn ác lại càng làm tôi thêm khổ nhục. Hắn là kẻ có thẩm quyền, nên khi thấy tôi tựa lưng vào cây, vào tường hay vào nhà, là hắn từ ở cửa gian buồng nhỏ hắn ở, cất giọng sang sảng quát:

"Này, cậu Copơphin kia nhá! quay biển ra cho mọi người trông thấy, không thì tôi mách cho đấy".

Sân chơi lát sỏi trơ trụi, quay vào phía nhà ở và nhà dưới. Tôi biết rằng những người đày tớ ở đây đều đọc cái biển đó, người làm thịt, người làm bánh, trong nhà lúc buổi sáng. Tóm lại, lúc buổi sáng khi tôi bị bắt buộc phải đi dạo quanh thì tất cả các người qua lại trong nhà đều đọc thấy rằng phải coi chừng tôi, vì tôi cắn đấy. Tôi còn nhớ là tôi bắt đầu cảm thấy mình đâm ra sợ mình tưởng mình là thằng bé rồ dại cắn người ta thật.

Ngoài sân có một cái cửa đã cũ trên đó học sinh thường quen khắc tên mình vào. Cửa đầy nhan nhản những tên khắc như thế. Tôi sợ hãi nghĩ rằng ngày nghỉ sắp hết rồi và chúng sắp trở lại trường, cho nên mỗi khi đọc một tên trong đó, tôi lại lo không biết chúng đọc câu "Coi chừng kẻo nó cắn!" thì giọng chúng sẽ như thế nào. Có một cậu học trò, tên là Xtiếcphoóc gì đó, đã khắc tên mình rất sâu, và tôi tưởng tượng cậu luôn luôn cất giọng khá to đọc dòng chữ này, rồi đến túm tóc tôi mà kéo. Có một

cậu nữa tên là Tommi Trátđơn mà tôi sợ là sẽ làm điệu giả sợ hỏi tôi, để lấy tôi ra làm trò cười. Lại còn một cậu thứ ba, là Jooc Đempơn mà tôi tưởng tượng là sẽ ngâm to câu đó lên. Co ro, bé nhỏ đứng nhìn cái cửa ấy, tôi tưởng như đang đợi các ông chủ của những tên này (ông Men bảo tôi lúc đó trường có cả thảy bốn mươi lăm học sinh) đồng thanh cất tiếng tẩy chay tôi, và mỗi người một giọng khác nhau réo lên. "Coi chừng, nó cắn!".

Ở chỗ những bàn học và những ghế dài tôi cũng cảm thấy thế.

Và khi đi vào giường ngủ, liếc nhìn những dãy giường vắng ngắt, cũng như khi đã nằm trên giường, tôi đều cảm thấy như thế. Tôi nhớ lại là suốt mấy đêm liền, tôi mê thấy được ở cạnh mẹ tôi như ngày xưa vậy, hoặc đang đến chơi nhà ông Pécgôti hoặc đang đi xe ngựa ngồi trên mui xe hoặc lại ngồi ăn với anh hầu bàn, anh bạn khốn khổ của tôi. Và trong những giấc mơ này, những người đó đều tròn xoe mắt, kêu lên khi nhận ra rằng tôi chỉ mặc độc có mỗi cái áo ngủ phong phanh và đeo cái biển đó.

Trong cuộc đời tẻ nhạt luôn luôn lo sợ là trường sắp khai giảng, đó thực là một điều đau khổ không sao chịu nổi. Ngày nào tôi cũng phải làm những bài tập dài mà ông Men ra cho, và vì không bị ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn ám ảnh nên tôi làm được không đến nỗi tồi tệ. Trước và sau khi làm bài, tôi được đi dạo dưới sự kiểm soát của người chân gỗ, như tôi đã nói trên. Tôi nhớ lại rất cụ thể cái vẻ ươn ướt chung quanh nhà, những hòn đá lát sân nứt nẻ, rêu xanh rì, một cái thùng nước đã cũ rò chảy, và những thân cây bạc mầu của vài cái cây dữ dội hình như đã bị nước mưa sũng vào nhiều hơn cả, và ít được ánh nắng mặt trời chiếu như các cây khác. Đến một giờ thì ông Men và tôi ăn cơm ở cuối phòng ăn dài kê đầy những bàn gỗ tạp và sặc mùi mỡ. Rồi chúng tôi lại làm thêm bài tập cho đến lúc uống trà, ông Men uống trong một cái tách xanh còn tôi thì trong một cái bình kẽm. Suốt ngày, cho đến bảy, tám giờ tối, ông Men ngồi ở bàn làm việc riêng của mình, trong lớp hì hục nào bút, mực, thước, nào sổ, nào giấy, làm những biên lai cho học kỳ trước (tôi đã phát hiện là ông đang làm biên lai.. Khi thu xếp xong giấy má để đi ngủ, ông lấy sáo ra thổi mãi cho đến lúc tôi hơi có cảm tưởng là cứ thổi như thế thì dần dần người ông sẽ chui cả vào miệng sáo to tướng và tan thành hơi, bốc ra ở những lỗ sáo.

Tôi hình dung hình ảnh bé nhỏ của tôi trong những gian phòng lờ mờ ánh đèn, đang ngồi dựa đầu vào tay, vừa nghe tiếng sáo âu sầu của ông Men, vừa học thuộc lòng những bài học ngày mai, tôi như thấy hình ảnh tôi gấp sách lại ngồi im nghe tiếng sáo sầu thảm của ông Men, và qua cái nhạc điệu đó nghĩ đến cảnh tượng ở gia đình tôi, lắng nghe tiếng gió thổi trên bãi cát Yácmao, và tôi cảm thấy buồn bã, bơ vơ vô cùng. Tôi thấy hình ảnh tôi lên đi ngủ ở những cái chuồng bỏ trống, và ngồi xuống khóc ở thành giường vì thiếu một lời âu yếm của chị Pécgôti. Tôi thấy hình ảnh tôi đang đi xuống lúc sáng sớm và nhìn qua cái cửa sổ dài ở cầu thang trông như một cái sẹo ghê tởm, nhìn chuông nhà trường treo ở nóc một cái chòi trên có chong chóng, nơm nớp lo sợ ngày nó rung lên gọi Xtiếcphoóc và các học sinh khác, nhưng sự lo sợ của tôi lúc này còn chưa bằng lúc người chân gỗ vặn khóa ở cửa song sắt đã gỉ và mở cho ông Críchcơn khủng khiếp vào. Trong những hình ảnh trên, tôi không thấy tôi là một nhân vật nguy hiểm lắm, nhưng trong mỗi hình ảnh đó trên lưng tôi vẫn đeo cái biển báo rằng tôi là con người nguy hiểm.

Ông Men không bao giờ nói nhiều với tôi, nhưng ông cũng không bao giờ đối xử tệ với tôi, tôi thấy chúng tôi tuy không nói chuyện với nhau, nhưng là bạn của nhau. Tôi quên không nói là thỉnh thoảng ông hay nói một mình, cười gằn, nắm tay lại rồi nghiến răng bứt tóc một cách khó hiểu. Đó là những điểm đặc biệt của ông. Đầu tiên tôi thấy sợ, nhưng rồi dần dần cũng quen đi.

---

[1] Bácкít dùng chữ "Sweethearts" (người yêu) do đó Đêvit hiểu lầm là "sweetmeats" (kẹo,

bánh). Đây cũng là lối chơi chữ của tác giả.

[2] Nguyên văn "half a pint" tức là nửa "pinto", mỗi pinto hơn một nửa lít.

[3] Nguyên văn: pudding, bánh làm bằng thịt băm, trứng, sữa trộn lẫn.

Chương VI
TÔI MỞ RỘNG PHẠM VI GIAO THIỆP

Tôi sống như vậy độ gần một tháng, bỗng thấy người chân gỗ xách chổi và xô nước bắt đầu tập tểnh đi khắp nơi. Tôi cho rằng người ta đang chuẩn bị đón ông Críchcơn và học trò. Tôi đoán không nhầm vì trước đó đã lâu, người ta mang chổi vào phòng học đuổi tôi và ông Men ra ngoài rồi mặc chúng tôi muốn sống ở đâu được thì sống, muốn xoay xở ra sao thì xoay xở.

Như thế mất đến vài ngày. Trong thời gian đó, chúng tôi luôn gặp hai ba người đàn bà trẻ từ trước đến nay chúng tôi không thấy bao giờ. Và chung quanh chúng tôi bụi mù trời đến nỗi ở Xalem học hiệu tôi cứ bị hắt hơi như là đang sống trong một hộp lớn đựng thuốc lá vụn.

Một hôm, ông Men cho tôi biết là có lẽ đến chiều thì ông Críchcơn về. Đến tối sau bữa uống trà được biết là ông đã về thật. Trước giờ đi ngủ, người chân gỗ đến tìm tôi và đưa tôi đến trình diện với ông.

Khu nhà ông Críchcơn ở có đầy đủ tiện nghi hơn nhà chúng tôi nhiều và có một khu vườn nhỏ nhìn rất vui mắt, rất đáng yêu sau cái sân chơi đầy bụi, giống như một bãi sa mạc thu nhỏ lại, đến nỗi theo tôi ngoài lạc đà ra, không một con vật nào có thể sống ở đó thoải mái. Hành lang có vẻ sang trọng làm tôi sờ sợ, vừa tiến về phía ông Críchcơn vừa run. Khi đến trước mặt ông, tôi mất hết tinh thần đến nỗi gần như không trông thấy bà Críchcơn và cô Críchcơn (cả hai đều ở đấy, trong phòng khách) mà chỉ trông thấy ông Críchcơn người to lớn ngồi trong ghế bành với dây đeo đồng hồ và đồ trang sức đeo lủng lẳng và bên cạnh là một cái chai và một cái cốc. Ông Críchcơn nói:

"À! Đây là ông tướng cần phải giũa răng phải không? Anh quay nó lại đây xem".

Người chân gỗ xoay người tôi nửa vòng để ông ta trông thấy cái biển. Sau khi để ông ta đủ thì giờ ngắm nghía tôi kỹ càng, hắn lại bắt tôi xoay nốt nửa vòng nữa để tôi nhìn thẳng vào mặt ông Críchcơn, rồi hắn đứng sừng sững cạnh ông ta. Ông Críchcơn có bộ mặt đỏ, cặp mắt nhỏ và rất sâu, những đường gân nổi đầy trên trán; mũi thì bé và cằm lại to. Phía trên trán thì hói, lơ thơ vài sợi tóc mảnh hoa râm có vẻ ươn ướt chạy dọc theo thái dương rồi bắt chéo ở trên trán. Nhưng điều làm cho tôi chú ý nhất là ông nói không ra hơi và thì thào. Sự cố gắng của ông khi nói, hay là ông thích nói theo kiểu nhỏ nhẻ đó, làm tăng thêm vẻ cáu kỉnh trên bộ mặt của ông làm cho đường gân càng nổi bật lên khi nói, và ngày nay nhớ lại thì tôi không lấy gì làm lạ vì sao đặc biệt đó lại làm cho tôi chú ý nhất.

"Thế bây giờ", ông Críchcơn nói, "anh có cần báo cáo gì về tên học trò này không?"

"Không có gì cả ạ", người chân gỗ trả lời. "Hắn không có cơ hội nào để giở trò cả".

Tôi có cảm tưởng là ông Críchcơn thất vọng nhưng bà Críchcơn và cô Críchcơn (lúc đó tôi mới nhìn thẳng vào họ lần đầu tiên và thấy cả hai người đều mảnh dẻ và lặng lẽ) thì không tỏ vẻ thất vọng gì.

"Mời ông tướng lại đây!" ông Críchcơn nói, lấy tay ra hiệu cho tôi.

"Lại đây!" Người chân gỗ nhắc lại và cũng bắt chước làm dáng điệu đó.

"Tao rất hân hạnh được quen bố dượng mày" ông ta kéo tai tôi và thều thào nói như vậy "và bố dượng mày là một người đáng quý, một người kiên nghị, ông ta biết tao và tao biết ông ta. Còn mày, mày có biết tao không?" ông Críchcơn vừa nói vừa khoái trá beo tai tôi.

"Thưa ông, chưa ạ", tôi trả lời, sợ run lên.

“Chưa à?” ông Críchcơn nhắc lại, “nhưng cũng chưa chậm lắm phải không?”

“Chưa chậm lắm phải không?” người chân gỗ nhắc lại. Sau này tôi mới rõ vì giọng hắn to nên hắn thường đóng vai thông ngôn cho ông Críchcơn với học sinh.

Tôi rất sợ và nói rằng nếu ông cho phép thì tôi cũng hy vọng là chưa chậm lắm. Trong cả thời gian này tôi thấy tai nóng bỏng như lửa đốt vì ông beo mạnh quá.

“Tao sẽ bảo mày biết tao là ai” ông Críchcơn lại thều thào nói và buông tai tôi ra sau khi đã xoắn thêm một cái rất mạnh làm cho nước mắt tôi chảy giàn giụa, ông Críchcơn nói “Tao là người Tacta!”

“Người Tacta?” Người chân gỗ nhại lại.

“Khi tao nói tao sẽ làm việc gì là tao làm” ông Críchcơn nói và khi tao bảo “ta muốn người ta làm việc gì, thì người ta phải làm việc đó”.

“Muốn người ta làm việc gì thì người ta phải làm việc đó” người chân gỗ nhắc lại.

“Tao là một người rất cương quyết.”

Ông Críchcơn nói. “Đó tao như vậy đấy. Tao làm nhiệm vụ của tao. Đấy công việc tao là như vậy. Còn gia đình riêng của tao (khi nói câu này ông ta nhìn bà Críchcơn) sẽ không phải là gia đình của riêng ta nữa, khi nó chống lại ta, ta từ nó. Còn gã ấy (lúc này ông ta nói với người chân gỗ) đã trở lại đây chưa?”

“Thưa chưa ạ.”

“Chưa à?” ông Críchcơn bảo. “Hắn thừa biết rằng ai đang ngồi đợi hắn đây. Hắn đã biết tôi đây. Hắn phải xa tôi ra. Tôi nói: hắn phải xa tôi ra” ông Críchcơn vừa nói vừa đấm tay xuống bàn và nhìn bà Críchcơn “Vì hắn biết tôi… bây giờ mày cũng bắt đầu biết tao rồi đấy anh bạn trẻ, mày có thể cút đi được rồi đây. Thôi tống cổ nó ra đi!”

Tôi rất mừng được rút lui, vì bà Críchcơn và cô Críchcơn cả hai đều lấy khăn thấm nước mắt và tôi cũng cảm thấy bất tiện cả cho họ lẫn cho tôi. Nhưng trong óc tôi còn có một điều băn khoăn nên không thể nhịn được và tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại can đảm được như vậy.

“Thưa ông, ông cho phép”.

“Mày còn muốn gì nữa?” ông Críchcơn thều thào đưa cặp mắt nẩy lửa nhìn tôi như muốn đốt cháy tôi bằng tia mắt đó.

“Thưa ông, ông cho phép” tôi lắp bắp. “Ông có thể cho phép tôi… tôi rất thành thực hối hận về việc tôi đã làm. Xin ông cho phép tôi được bỏ tấm biển này ra trước khi học sinh trở về”.

Không hiểu ông Críchcơn muốn dọa cho tôi sợ hay thực tâm hành động như vậy, nhưng bất thình lình ông ta chồm dậy khỏi ghế bành. Tôi vội vàng chuồn thẳng, không đợi người chân gỗ đưa về nữa, và đi tuột về phòng, về đến nơi không thấy ai đuổi theo, tôi liền đi nằm, vì đã đến giờ ngủ, và nằm trên giường hai tiếng đồng hồ mà vẫn còn run.

Sáng hôm sau, ông Sácpơ về. Ông Sácpơ là giáo sư chính và là cấp trên của ông Men. Ông Men cùng ăn cơm với học sinh, còn ông Sácpơ thì ăn cơm với ông Críchcơn. Ông là người nhu nhược, nhưng tôi thấy ông có vẻ tế nhị. Ông có cái mũi dài và thường hay nghiêng đầu về một bên, hình như đối với ông cái đầu như hơi quá nặng. Tóc thì mượt và quăn nhưng anh học sinh trở lại trường trước nhất bảo tôi rằng đó là bộ tóc giả (chắc là bộ tóc giả mua lại) và chiều thứ bảy nào ông Sácpơ cũng phải đi uốn lại.

Chính Tommy Trátđơn đã nói cho tôi biết điều đó. Cậu là người trở về trường trước nhất. Cậu tự giới thiệu với tôi bằng cách nói cho tôi biết tên cậu ghi ở góc phải của cửa ra vào, phía trên ổ khóa.

Tôi hỏi "Trátđơn à?" Cậu trả lời "Tớ đấy". Rồi cậu hỏi tỉ mỉ về gia đình và bản thân tôi.

Trátđơn về trước tiên thật là điều may cho tôi. Cái biển tôi đeo làm cho cậu thích thú đến nỗi việc cậu thấy tôi đeo biển không làm cho tôi lo lắng nữa về việc bị phát hiện cũng như việc che giấu vì cậu đã giới thiệu ngay tôi tất cả các học sinh lớn và bé khác khi chúng vừa về đến: Lại mà xem các cậu ơi! có cái này hay lắm?". May thay, phần lớn học sinh về, đều đã mệt lử nên cũng không làm nhộn lắm như tôi tưởng. Tuy nhiên nhiều đứa xúm lại nhảy khiêu vũ như những người da đỏ mông muội chung quanh tôi và phần lớn không đấu tranh nổi với ý nghĩ giả vờ coi tôi là con chó, vuốt ve và nịnh nọt tôi, sợ bị tôi cắn, nên quát "Nằm xuống đi!" và gọi tôi là "con Quýt". Tất nhiên điều đó làm cho tôi rất xấu hổ trước bao người lạ và làm cho tôi chảy nước mắt. Dẫu sao, như thế cũng còn khá hơn điều tôi dự đoán trước rất nhiều.

Nhưng người ta vẫn chưa coi tôi như chính thức được nhận vào trường trước khi Xtiếcphoóc đến. Tôi được dẫn đến trước anh ta như đến trước quan tòa. Anh là một học sinh xuất sắc, bảnh trai, hơn tôi ít nhất là sáu tuổi. Anh hỏi tôi ở cái nhà chái ngoài sân chơi về trường hợp phạm lỗi của tôi và nhận xét rằng đó thật là "vô liêm sỉ". Câu nói này làm tôi cứ mang ơn anh mãi.

Sau khi đã giải quyết xong công việc trên, anh kéo tôi riêng một nơi và hỏi tôi: "Này Copơphin, cậu có bao nhiêu tiền?" "Có bảy si-linh", tôi nói.

"Đáng lẽ cậu phải gửi tớ giữ cho" anh bảo tôi như thế "Cậu có thể đưa tớ nếu cậu đồng ý. Cái đó không bắt buộc đâu nếu cậu không gửi thì thôi".

Tôi vội vàng tuân theo sự gợi ý "thân mật" này và mở ví của chị Pécgôti, dốc cả số tiền vào tay anh. Anh hỏi:

"Bây giờ cậu có muốn tiêu gì không?" "Cám ơn anh, không ạ", tôi trả lời.

"Nếu cậu muốn tiêu thì cũng có thể được", anh bảo, "Cậu cứ bảo tớ nghe không?"

"Không, cám ơn anh", tôi nhắc lại.

"Chắc cậu muốn tiêu hai bay ba si-linh mua một chai rượu ngọt chốc nữa về phòng ngủ uống phải không?" Xtiếcphoóc nói. "Tớ biết cậu ở cùng phòng ngủ với tớ".

Tất nhiên ý nghĩ đó trước kia tôi không có, nhưng lúc đó tôi ngỏ ý tán thành ngay, Xtiếcphoóc bảo:

"Thế thì tốt lắm. Chắc cậu cũng đồng ý tiêu thêm độ một hay hai si-linh nữa để mua bánh ngọt hạnh nhân chứ?"

"Tôi cũng thích thế lắm". Tôi bảo.

"Và mua thêm một hay hai si-linh bánh bích quy và một si-linh hoa quả nữa chứ" Xtiếcphoóc nói: "Này Copơphin cậu đồng ý chứ?"

Thấy anh mỉm cười, tôi cũng mỉm cười nhưng không khỏi băn khoăn, Xtiếcphoóc bảo: "Chúng ta cần phải tận dụng số tiền này. Tớ sẽ hết sức giúp cậu. Tớ có thể ra ngoài lúc nào cũng được và mang lậu các thức ăn vào đây".

Nói xong anh đút tiền vào túi và thân mật bảo tôi đừng lo anh sẽ để ý làm sao công việc được trôi chảy. Anh đã giữ đúng lời hứa. Nếu cho như thế là ổn lắm rồi thì cũng không phải vì tôi ngại rằng như thế không ổn gì hết (vì tôi sợ rằng hai đồng nửa "Cờ-rao" mẹ tôi cho đã bị tiêu phí sạch mặc dầu tôi

còn giữ lại được tờ giấy gói số tiền đó, đó cũng là đã cứu vãn được một kỷ niệm quý báu). Khi chúng tôi lên phòng ngủ, anh đưa tôi xem tất cả những thức đã mua được với số tiền bảy si-linh và bày tất cả lên các giường dưới ánh sáng trăng rồi bảo:

"Đây này, Copơphin! Cậu có một tiệc thật là "chúa" nhé!"

Vào tuổi tôi, nhất là khi có anh ở bên cạnh, tôi không thể nghĩ đến việc mình phải chủ tọa bữa tiệc, chỉ nghĩ tới việc đó thôi, tay tôi cũng đã run lên. Tôi bèn xin anh làm ơn chủ tọa hộ bữa tiệc, và các học sinh trong phòng ủng hộ lời tôi yêu cầu. Anh nhận lời rồi ngồi trên cái gối của tôi và lần lượt chia phần (tôi phải nói là chia rất công bằng) và lấy một cái cốc đã mất chân của riêng anh ra để rót rượu chia cho anh em. Còn tôi, tôi ngồi bên trái anh, những đứa khác thì vây quanh chúng tôi, ngồi trên giường gần đó và ngồi cả dưới đất nữa.

Bây giờ tôi còn nhớ lại quang cảnh lúc đó rất rõ ràng: chúng tôi nói chuyện thì thào (hay nói đúng hơn, chúng nó nói, tôi nghe một cách trịnh trọng). Ánh sáng trăng chiếu qua cửa sổ vào phòng in hình cửa sổ xanh mờ lên trên mặt đất. Phần lớn chúng tôi đều ngồi trong bóng tối, trừ khi cần tìm một vật gì trên bàn thì Xtiếcphoóc nhúng một que diêm vào cái hộp đựng lân tinh, và lúc đó một thứ ánh sáng xanh lè chiếu vào chúng tôi, rồi lại tắt ngay. Một thứ tình cảm huyền bí do bóng tối, do tính chất bí mật của cuộc liên hoan, do tiếng nói thầm thì gây nên, xâm chiếm tâm hồn tôi (và tôi nghe những lời chúng nó nói với tôi, có vẻ hơi trịnh trọng, nể sợ) và làm cho tôi sung sướng thấy rất gần gũi chúng, đồng thời làm cho tôi sợ hãi (mặc dù tôi vẫn phải giả vờ cười gượng) khi Trátđơn bảo là trông thấy ma ở góc nhà.

Nghe chúng nói, tôi biết được nhiều chuyện xảy ra trong trường cũng như về những nhân vật ở trường. Tôi biết được không phải là vô cớ mà ông Críchcơn đã thích phong cho mình cái tên là "Tácta", và ông là giáo sư nghiệt nhất ngày nào ông cũng đánh tả đánh hữu xông xáo giữa đám học sinh như một người ky. bỉnh và vụt lia lịa. Xtiếcphoóc bảo là ông chỉ biết nghề đánh học sinh thôi còn thì dốt hơn cả đứa học sinh bét nhất trường. Những năm trước đây ông ta bán cây "hốt bốt" ở khu phố Xaouốt rồi chuyển sang kinh doanh nghề dạy học, sau khi bị vỡ nợ vì bán "hốt bốt" và làm khánh kiệt cả gia tài của bà Críchcơn, và còn nhiều chuyện khác tương tự như thế mà tôi cũng không hiểu tại sao chúng nó lại biết được.

Tôi còn được biết rằng người chân gỗ tên là Tungay là một tên rất độc ác trước kia cùng tham dự nghề buôn bán "hốt bốt" nhưng sau cũng chuyển sang ngành giáo dục cùng với ông Críchcơn. Hắn đã làm khá nhiều việc bất chính cho ông ta nên biết rõ bí mật của ông ta. Tôi còn được biết rằng ngoài ông Críchcơn ra, Tungay coi mọi người trong nhà trường, thầy giáo cũng như học trò, như những kẻ thù tự nhiên của hắn, và niềm vui độc nhất của hắn là tỏ ra nghiệt ngã và độc ác đối với họ. Tôi cũng được biết rằng ông Críchcơn có một cậu con giai không thân thiện với Tungay, cậu con làm việc ở trường và có hôm đã phản đối lại ông trong trường hợp nhà trường thi hành kỷ luật một cách quá độc ác, và người ta còn cho rằng anh phản đối cách ông đối xử với mẹ anh nữa.

Tôi nghe nói rằng vì thế ông Críchcơn đã đuổi anh đi và từ đó bà Críchcơn và cô Críchcơn rất buồn rầu.

Nhưng điều kỳ lạ nhất mà tôi được biết về ông Críchcơn là trong trường có một học sinh mà ông ta không dám động tới, đó là Xtiếcphoóc. Chính Xtiếcphoóc khi nghe nói thế cũng công nhận là đúng, và lên tiếng thách xem ông ta có dám làm thế không. Có lần một cậu học sinh hiền lành (không phải là tôi đâu) hỏi anh ta rằng nếu ông ta đánh anh thì anh sẽ làm gì? Anh liền có ý bật xòe một que diêm lên như để soi sáng cho câu trả lời của anh và nói là trước hết sẽ lấy chai mực giá bảy si-linh sáu pen-ni vẫn

để trên lò sưởi mà choảng vào giữa trán ông ta cho ông ta gục xuống. Chúng tôi ngồi yên một lúc trong bóng tối, nín thở.

Tôi được biết ông Sácpơ và ông Men được trả lương rất tệ, và khi nào có thịt nóng và thịt nguội để ăn bữa trưa ở bàn ông Críchcơn thì ông Sácpơ bao giờ cũng nói rằng mình thích ăn thịt nguội hơn (điều này cũng lại do chính Xtiếcphoóc người học sinh duy nhất ăn ở nhà ông Críchcơn công nhận). Tôi được biết rằng bộ tóc giả của ông Sacpơ không hợp với ông ta lắm và ông ta bất tất phải "dương dương tự đắc" như thế (có người nói là "ngạo mạn") vì người ta trông thấy rõ cả tóc thật màu đỏ của ông lòi ra ở đằng sau.

Tôi lại biết có một học sinh là con một người bán than đã đến học để bù vào tiền nhà trường đã mua than (trong quyển sách số học có một danh từ thích hợp để chỉ cái lối thu xếp này, tức là danh từ "trao đổi phẩm vật"). Tôi biết rằng rượu bia để ở bàn ăn chúng tôi là để đánh lừa các phụ huynh và món pút-đinh cũng là để bịp. Tôi biết rằng toàn thể học sinh cho cô Críchcơn say mê anh chàng Xtiếcphoóc.

Ngồi trong bóng tối này, khi nghĩ đến giọng nói dịu dàng của anh, đến bộ mặt đẹp trai, cử chỉ dễ dàng và mái tóc loăn xoăn của anh, tôi thấy rằng có thể như thế lắm. Tôi biết ông Men không phải là người xấu, nhưng ông không có một xu dính túi, và bà Men, mẹ của ông cũng nghèo chẳng khác gì ông Jốp[1] vậy.

Tôi chợt nhớ đến bữa ăn sáng hôm nào của tôi và cái câu tôi đã nghe thấy giống như là "Sacli của mẹ". Tôi rất sung sướng nhớ là tôi đã câm như hến không đem chuyện đó nói ra.

Muốn biết tất cả những chuyện ấy và nhiều chuyện khác nữa, cần phải có một thời gian dài hơn thời gian bữa tiệc. Phần lớn những khách dự tiệc đều nằm lăn quay ra sau khi chén hết sạch các thức ăn uống. Chúng tôi thì cởi một phần quần áo để đi ngủ nhưng còn ngồi lại thì thầm nói, và nghe nhau kể chuyện, rồi sau cùng đi vào giường nốt. Xtiếcphoóc bảo:

"Thôi ngủ ngon nhé Copơphin. Tớ sẽ trông nom cậu".

"Anh tốt quá! Tôi rất cảm ơn anh", tôi cảm kích đáp.

"Cậu có chị em gái gì không?" Xtiếcphoóc ngáp hỏi.

"Không ạ!"

"Thật rõ tiếc", Xtiếcphoóc nói: "Nếu có, thì tớ chắc chị cậu, em gái cậu phải là một loại phụ nữ xinh xắn e lệ, nhỏ nhắn và có đôi mắt long lanh, và tớ thích được quen cô ta. Thôi Copơphin, ngủ ngon nhé!".

"Chúc anh ngủ ngon", tôi đáp.

Sau khi đi nằm tôi vẫn còn nghĩ đến anh ta rất nhiều và tôi nhớ là còn nhổm dậy nhìn anh đang nằm ngủ dưới ánh trăng ngẩng bộ mặt tuấn tú lên, tựa cái đầu rất duyên dáng trên cánh tay. Tôi thấy anh quả là một người có uy thế lớn, vì vậy tôi cứ nghĩ ngợi mãi về anh. Trên khuôn mặt của anh, dưới ánh sáng trăng không thấy một bóng sáng nào của tương lai hiện lên. Tôi nằm mơ đi chơi suốt đêm trong vườn nhưng không thấy ở bước chân anh có một chút hình bóng nào hết.

---

[1] Tên một người trong kinh thánh rất giầu có, sau Chúa thử thách làm cho gia tài khánh kiệt nhưng vẫn tin và cầu nguyện Chúa.

Chương VII
HỌC KỲ THỨ NHẤT CỦA TÔI Ở XALEM HỌC HIỆU

Hôm sau, lớp học thật sự bắt đầu. Tôi nhớ là có một đối tượng rất sâu sắc, vì phòng học đang rầm rĩ tiếng nói, bỗng im phăng phắc khi ông Críchcơn bước vào, sau bữa ăn sáng và đứng ở bậc cửa đưa mắt nhìn chúng tôi suốt lượt, như là anh khổng lồ trong truyện cổ tích đang ngắm nghía những người bị hắn bắt.

Tungay đứng bên cạnh ông Críchcơn. Tôi cho rằng hắn không còn lý do gì để quát: "im lặng!" một cách dữ tợn như vậy nữa vì học sinh đều đã đứng im như phỗng và câm như hến cả rồi. Người ta thấy ông Críchcơn lắp bắp và nghe Tungay nói như sau:

"Các chú học sinh, giờ đây chúng ta bước vào học kỳ mới. Học kỳ này, thái độ các chú phải cẩn thận đấy. Tôi khuyên các chú học hành cho hăng hái bởi vì tôi cũng sẽ hăng hái trừng phạt. Tôi sẽ không chùn tay đâu. Tôi sẽ nện vào bạng sườn các chú và các chú dù có xoa bóp cũng không hết vết lằn đâu. Và bây giờ tất cả mọi người bắt tay vào việc nào!"

Khi nói xong lời khai mạc dễ sợ này, và khi Tungay đã tập tễnh đi ra, ông Críchcơn đến chỗ tôi ngồi, bảo tôi rằng nếu tôi nổi danh cắn giỏi thì ông cũng có tiếng cắn giỏi lắm đấy. Rồi ông giở cho tôi xem cái gậy của ông xem tôi nghĩ thế nào về "cái răng này". "Cái răng này có nhọn không hử?" "Cái răng này có to không hử?" "Nó có cắn được không hử?". Cứ hỏi mỗi câu hỏi như thế ông lại quật tôi một cái làm cho tôi đau quằn quại cả người. Như Xtiếcphoóc bảo như thế là tôi đã được làm quen với Xalem học hiệu đấy và chẳng mấy chốc mà tôi khóc sướt mướt.

Tôi không có ý nói rằng chỉ mình tôi được biệt đãi đặc biệt như thế mà thôi. Trái lại, phần lớn anh em học sinh (nhất là học sinh bé) đều được ông Críchcơn chiếu cố theo kiểu ấy trong khi ông đi vòng một lượt trong lớp. Một số học sinh trong trường quằn quại kêu khóc trước khi bắt đầu vào học; và tôi không dám kể là bao nhiêu người đã giãy giụa và kêu khóc trước khi tan học, sợ rằng mang tiếng là nói quá sự thực.

Tôi nghĩ rằng không bao giờ có thể có người nào thú cái nghề của mình như ông Críchcơn. Ông ta cảm thấy khoái trá trong việc nện học sinh giống như người đói được bữa ăn rất ngon miệng. Tôi dám chắc ông đặc biệt không sao nhịn được khi thấy một đứa trẻ bụ bẫm, và ông say mê nó quá đến nỗi đứng ngồi không yên nếu trong ngày đó không nhằm được nó mà nện. Tôi cũng là đứa trẻ bụ bẫm nên tôi biết rõ điều đó lắm.

Giờ đây, khi nghĩ đến nhân vật này tôi lại tức lộn ruột, tôi dám chắc lòng căm phẫn ấy cũng vô tư như khi tôi không bị nằm trong tay lão và biết rõ sự thật về lão.

Tôi nóng tiết lên vì biết rằng lão chỉ là đồ súc sinh vô tài không đáng được quyền giữ trách nhiệm đó chút nào, cũng như là không nên được quyền làm đô đốc thủy quân hay làm tổng chỉ huy (có lẽ là nếu làm hai chức sau thì lão sẽ đỡ làm hại hơn nhiều).

Là những nạn nhân nhỏ bé của một ôn thần tàn bạo, chúng tôi đã tỏ ra rất hèn hạ đối với lão. Ngày nay khi nghĩ đến thái độ xấu xa, khúm núm của tôi trước cái lão tầm thường và vênh váo ấy, tôi thấy tôi đã bước chân vào đời một cách quả là khốn nạn.

Giờ đây tôi lại ngồi ở bàn học, theo dõi cặp mắt ông ta… len lét theo dõi cặp mắt ông ta trong khi ông ta dùng thước kẻ một quyển vở số học cho một nạn nhân khác mà ông ta vừa đét vào ngón tay cũng bằng cái thước kẻ đó và nạn nhân của ông đang lấy khăn xoa tay cho đỡ rát. Tôi có nhiều việc làm lắm. Không phải là vì ngồi rỗi mà tôi theo dõi cặp mắt ông ta, nhưng chính là vì tôi bị cuốn hút vào

ông ta một cách bệnh hoạn, lo lắng muốn biết rồi sau ông ta sẽ làm gì đây? Có phải là sẽ đến lượt tôi phải chịu đựng hay là đến lượt đứa nào khác? Gần tôi, một dãy trẻ khác cũng chú ý theo dõi cặp mắt ông ta như tôi. Tôi cho rằng ông ta cũng biết điều đó, mặc dầu ông làm ra vẻ như không nhận thấy gì. Ông nhăn nhó kinh khủng khi kẻ quyển vở tính, và bây giờ ông nhìn thẳng vào dãy chúng tôi ngồi, chúng tôi đều cúi đầu nhìn vào sách, trong bụng nơm nớp. Một lát sau, chúng tôi lại ngẩng lên trông ông ta. Một học sinh khác phạm lỗi làm bài sai bị ông ta gọi lại gần. Thủ phạm lắp bắp xin lỗi và quả quyết xin hứa rằng mai sẽ làm khá hơn. Ông Críchcơn trước khi đánh hắn còn pha trò làm chúng tôi cũng cười… và chúng tôi cười (thật là chó má quá!)

Chúng tôi cười trong khi mặt tái mét như chàm và hồn vía lên mây xanh.

Giờ đây tôi ngồi ở bàn học, một buổi chiều hè oi ả. Tiếng vo ve rì rầm chung quanh tôi, nghe y như các học sinh đều là nhặng xanh cả. Mùi mỡ gây nồng (chúng tôi vừa ăn cơm được một hay hai giờ gì đó) làm tôi cảm thấy lợm giọng và đầu nặng như chì. Nếu được ngủ một giấc thì mất gì cũng không tiếc. Mắt tôi nhìn chăm chú vào ông Críchcơn, hấp ha hấp háy như mắt con cú con… Trong giây lát tôi ngủ thiếp đi, còn nhìn thấy hình ảnh ông lờ mờ qua giấc ngủ chập chờn đang bận kẻ các vở toán. Cho đến lúc ông len lén đến sau tôi, đánh đét vào lưng tôi thành một vết lằn đỏ làm tôi tỉnh giấc và nhìn thấy ông rõ ràng hẳn ra.

Giờ đây, tôi đang ở ngoài sân, mắt lúc nào cũng bị ông ta thôi miên, mặc dầu tôi không thể không thấy ông ta được! Ông đang ăn ở gần cửa sổ. Cửa sổ là cái vật thay thế ông và tôi đang chăm chú nhìn vào cửa sổ đó. Nếu mặt ông hiện ra ở cửa sổ, thì khuôn mặt tôi liền có vẻ van lơn, phục tòng ngay. Nếu ông nhìn qua cửa kính, thì anh học trò ngổ ngáo nhất (trừ Xtiếcphoóc) đang thét la cũng phải ngừng bặt lại và làm ra ngay ra vẻ trầm ngâm.

Một hôm, Trátđơn (đứa trẻ xấu số nhất trần đời) chẳng may ném bóng làm vỡ miếng kính ở cửa sổ đó. Đến bây giờ tôi hãy còn run, vì lúc thấy quả bóng đã nẩy lên bắn vào cái đầu thiêng liêng của ông Críchcơn.

Khổ thân cho Trátđơn! Cậu ta mặc bộ quần áo màu xanh da trời chật quá, làm cho tay chân cậu giống như là những chiếc xúc-xích Đức hay những cái bánh pút-đinh cuốn lại, và cậu là học sinh vui tính nhất lại khổ sở nhất. Lúc nào cậu cũng bị ăn đòn. Tôi nghĩ có lẽ cả học kỳ đó, không ngày nào là ngày cậu không bị nện, trừ một ngày thứ hai cậu chỉ bị nện thước vào hai bàn tay thôi (lúc nào cậu cũng định viết thư than phiền với chú cậu về việc này nhưng vẫn chưa bao giờ viết được). Sau khi gục đầu xuống bàn một lúc, cậu cố lấy lại can đảm và lại cười và trước khi ráo nước mắt cậu vẽ những bộ xương vào bảng con của cậu. Lúc đầu, tôi tự hỏi không hiểu cậu tìm được sự an ủi gì trong việc vẽ những bộ xương như thế và trong một thời gian tôi coi cậu như một nhà ẩn sĩ thích dùng những hình tượng của sự chết chóc để nhắc cho mình nhớ rằng chế độ roi vọt không thể cứ tồn tại mãi mãi. Nhưng tôi cho rằng cậu vẽ như vậy chính là vì vẽ như thế thì dễ dàng, không cần phải vẽ mặt mày gì cả.

Trátđơn rất coi trọng danh dự, và coi tinh thần đoàn kết giữa các học sinh như một nhiệm vụ thiêng liêng. Đã nhiều lần, cậu bị khổ vì cái đó, nhất là hôm Xtiếcphoóc cười ở nhà thờ làm cho người coi nhà thờ tưởng lầm là cậu và đuổi cậu ra ngoài. Tôi còn trông thấy cậu bị dẫn ra ngoài dưới con mắt khinh bỉ của các tín đồ. Không bao giờ cậu ta tố cáo đích danh thủ phạm, mặc dầu hôm sau cậu bị trừng phạt nặng nề, và bị giam giữ hàng giờ, đến nỗi lúc được thả ra, thì cậu đã vẽ xong trên quyển tự vị La-tinh cả một nghĩa địa những xương là xương. Nhưng cậu đã được hả dạ, vì Xtiếcphoóc tuyên bố rằng Trátđơn không phải là đứa mách lẻo, và chúng tôi cho rằng đó là lời khen tốt đẹp nhất, về phần tôi, tôi cũng sẽ có thể chịu đựng nhiều thử thách (mặc dầu tôi không can đảm bằng Trátđơn và ít tuổi hơn cậu) để được phần thưởng như vậy.

Một trong những việc lớn nhất mà đời tôi đã được chứng kiến là trông thấy Xtiếcphoóc đi trước chúng tôi khoác tay cô Críchcơn đến nhà thờ. Tôi không cho rằng về mặt sắc đẹp cô Críchcơn bằng bé Emili, và tôi cũng không mê cô ta, (tôi không dám mê), nhưng cô ta là một người trẻ và hấp dẫn lạ lùng, không ai lịch sự hơn. Khi thấy Xtiếcphoóc diện quần trắng, cầm cái ô của cô để che cho cô, tôi cảm thấy rất hãnh diện được quen anh, và tôi tin chắc chắn rằng cô chỉ còn cách là hiến dâng cả trái tim cho anh. Ông Sácpơ và ông Men đối với tôi là hai nhân vật quan trọng, nhưng Xtiếcphoóc so với hai ông cũng ví như mặt trời so với hai ngôi sao vậy. Xtiếcphoóc vẫn che chở cho tôi và tỏ ra là một người bạn thân rất có ích và không có một ai dám động đến con người đã được anh che chở. Anh không thể che chở cho tôi (hay nói đúng hơn anh tránh không làm điều đó) chống lại ông Críchcơn là người rất "hắc" đối với tôi. Nhưng mỗi lần tôi bị ông đối xử tàn tệ là anh nói luôn với tôi rằng tôi thiếu cái can đảm của anh, nếu anh bị thế thì anh không chịu đâu. Tôi biết anh nói thế là để động viên tôi, và tôi cho rằng anh làm thế là rất tử tế. Thái độ nghiêm khắc của ông Críchcơn có một cái lợi cho tôi (theo tôi biết thì chỉ có một cái thôi), ông thấy cái biển tôi đeo làm vướng ông khi ông đi lại sau ghế tôi ngồi và muốn nện cho tôi một gậy lúc đi qua. Vì lẽ đó nên chẳng bao lâu cái biển tôi đeo được bỏ đi, và tôi không trông thấy nó nữa.

Một trường hợp nữa xảy ra thắt chặt tình thân ái giữa tôi và Xtiếcphoóc, làm cho tôi hãnh diện và hài lòng, tuy đôi khi cũng gây những điều bất tiện. Một hôm anh hạ cố nói chuyện với tôi ở ngoài sân, tôi đánh bạo nói rằng có vật gì đấy hay có người nào đó (tôi cũng quên bẵng đi mất đó là cái gì) trông giống như một vật gì hay một người nào trong "Pirigrin Píchcơn". Ngay lúc ấy anh không nói gì, nhưng đến tối khi sắp đi ngủ, anh hỏi tôi có quyển sách đó không? Tôi trả lời không có, và nói cho anh biết trong trường hợp nào tôi đã được đọc sách ấy cũng như các sách khác mà tôi đã nói ở trên, Xtiếcphoóc hỏi tôi:

"Thế cậu còn nhớ những chuyện trong đó không?"

"Có chứ!" tôi trả lời. "Tôi có trí nhớ rất tốt và chắc rằng tôi còn nhớ hết".

"Vậy thì bây giờ Copơphin ạ, cậu kể lại cho tớ nghe đi. Buổi tối tớ không ngủ được sớm và buổi sáng thì thường tớ hay dậy sớm. Cậu sẽ lần lượt kể các chuyện đó cho tớ nghe. Chúng ta lấy đó làm một thứ chuyện "Nghìn lẻ một đêm vậy".

Tôi hết sức hãnh diện về việc này, và chúng tôi bắt đầu thực hiện ngay đêm hôm đó. Tôi cũng chưa đủ trình độ để nhận định được rằng tôi đã xuyên tạc các tác giả mà tôi thích đến mức độ nào trong khi kể lại các tác phẩm của họ, và chắc tôi sẽ không muốn biết điều đó. Nhưng tôi tin tưởng sâu sắc ở họ, và tôi kể chuyện đơn giản và nhiệt tình, và những đức tính này cũng đã đem lại kết quả tốt.

Điều trở ngại nhất là thường cứ đến tối thì tôi hay buồn ngủ, hay là tôi không được khoan khoái cho lắm, hơi khó chịu trong người khi tiếp tục kể chuyện. Trong trường hợp như vậy thì rất là gay. Nhưng cứ phải làm, vì cố nhiên không thể để cho Xtiếcphoóc thất vọng hoặc mất lòng. Buổi sáng cũng vậy, khi tôi còn mệt và đang muốn nằm thêm một giờ nữa thì đã phải trở dậy để kể một câu chuyện dài trước khi có chuông báo thức. Thật là vất vả như hoàng hậu Ba-tư Sêhêradát[1] nhưng Xtiếcphoóc thì rất thích nghe kể chuyện. Ngược lại anh giảng cho tôi những bài tính đố, những bài tập và những điều gì quá khó trong các bài tập của tôi, nên trong việc trao đổi này tôi cũng chẳng thiệt gì. Nhưng tôi cũng phải thanh minh rằng tôi làm như vậy không phải vì động cơ vụ lợi hay cá nhân, và cũng không phải tôi sợ anh mà làm. Tôi phục và mến anh, nên chỉ cần anh tán thành thì cũng là một phần thưởng đầy đủ đối với tôi rồi. Phần thưởng đó quý đến nỗi bây giờ mỗi khi nghĩ tới những chuyện vặt vãnh này tôi còn thấy cảm động. Xtiếcphoóc rất nể tôi và chính vì vậy nên một lần anh làm cho cậu Trátđơn và các bạn khác đến tội nghiệp. Bức thư mà chị Pécgôti hứa hẹn (bức thư làm cho tôi phấn khởi quá) đã đến

trước khi chỉ còn vài tuần thì hết học kỳ và thư đến cùng với bánh ngọt, cam và hai chai nước quất. Tôi đặt tất cả những bảo vật đó ở dưới chân Xtiếcphoóc và yêu cầu anh phân phát, coi việc làm đó như là nhiệm vụ của tôi. Anh bảo tôi:

"Này Copơphin ơi, bây giờ chúng mình sẽ làm thế này nhé: Chúng tớ sẽ dành cho cậu hai chai nước ngọt này để cậu nhấp giọng khi kể chuyện".

Nghe vậy, tôi đỏ bừng mặt và tôi yêu cầu không nên làm như thế, nhưng anh nói rằng anh nhận thấy tôi đôi khi khản cổ và giọng nói đôi khi khàn khàn hay như giọng vịt đực (đó là tôi dùng đúng danh từ của anh) cho nên tất cả nước quất sẽ dành cho tôi để tôi thực hiện tốt điều anh đã nói. Do đó, anh bỏ luôn vào hòm khóa lại rồi gạn dần sang một cái chai con có lông ngỗng xuyên qua nút khi thấy tôi cần uống nước giải khát. Có khi để cho vị thuốc linh nghiệm hơn, anh vắt thêm ít nước cam, cho thêm tí gừng hoặc cho viên kẹo bạc hà vào và tuy tôi không nhận định được rằng uống nước ngọt pha thêm các thức đó có ngon hơn không, hay thứ nước pha chế này có phải thứ nước bổ khỏe cho dạ dày cần phải uống buổi tối lúc đi ngủ hay buổi sáng lúc thức dậy, nhưng tôi vẫn biết ơn anh, và tôi rất cảm động về việc anh săn sóc tôi như thế.

Tôi nhớ lại hình như chúng tôi đã để hàng tháng kể chuyện Pirigrin và mất hàng tháng để kể nhiều chuyện khác nữa. Kể chuyện như vậy đã thành một thói quen và chắc rằng sẽ tiếp tục được mãi vì không sợ thiếu chuyện và nước ngọt cũng vẫn còn kéo dài như đầu đề các câu chuyện kể vậy. Cậu Trátđơn tội nghiệp (bao giờ tôi nghĩ tới cậu tôi cũng buồn cười chảy nước mắt) thường phụ họa vào câu chuyện, cậu giả vờ lăn bò ra cười như nắc nẻ khi nghe kể đến những đoạn hài hước, rồi lại giả vờ ra vẻ rất sợ hãi khi câu chuyện có tình tiết bi thảm. Thường thường những hành động đó làm cho tôi rất lúng túng. Tôi nhớ lại một trong những cách pha trò hay nhất của cậu là giả vờ không ngăn nổi sợ hãi làm hai hàm răng đánh vào nhau, mỗi khi nói đến tên viên cảnh sát trong câu chuyện Gin Biát; và tôi nhớ lại khi kể đến đoạn Gin Biát gặp tên tướng cướp ở Madrít, cậu ta giả vờ sợ hãi kinh hoàng đến nỗi ông Críchcơn đi dạo chung quanh hành lang nghe thấy tiếng và đã chiếu cố ban cho cậu một trận đòn nên thân, vì làm mất trật tự trong phòng ngủ.

Vì bị ảnh hưởng những câu chuyện kể trong bóng tối như vậy, những yếu tố mơ mộng và lãng mạn trong người tôi được phát triển; cho nên về phương diện đó việc kể chuyện đối với tôi không bổ ích cho lắm. Nhưng vì được cưng như một thứ đồ chơi ở trong phòng ngủ và vì tiếng tăm về tài kể chuyện của tôi đã lan ra trong học sinh và thu hút được sự chú ý của nhiều học sinh, mặc dầu tôi bé nhỏ nhất trường, cho nên điều đó đã động viên tôi cố gắng rất nhiều, sống trong một nhà trường mà tổ chức hoàn toàn dựa vào sự tàn nhẫn, thì dù đứng đầu tổ chức này là một thằng ngốc hay không, cũng khó lòng nói đến chuyện học tập được gì. Tôi cho rằng bọn học sinh chúng tôi nói chung là dốt, dốt nhất trên thế giới. Chúng bị quấy nhiễu và bị roi vọt quá nên không học hành gì được, không thể nào tiến hành học tập một cách có kết quả tốt được khi đời sống đầy những đau khổ, lo âu và luôn luôn bị đe dọa. Tuy vậy, lòng tự hào của tôi và sự giúp đỡ của Xtiếcphoóc phần nào cũng thúc đẩy tôi tiến lên, và mặc dầu nó không giúp tôi tránh được chút gì về mặt bị trừng phạt, nó cũng đã làm cho tôi thành một ngoại lệ đối với quy luật chung: trong thời gian ở đó tôi đã thu lượm được một ít kiến thức.

Trong sự cố gắng học tập đó, ông Men đã giúp đỡ tôi rất nhiều, ông yêu mến tôi và tôi nhớ đến ông một cách biết ơn. Điều này cũng làm cho tôi khổ tâm khi nhận thấy rằng Xtiếcphoóc luôn luôn nói xấu ông, không bỏ lỡ một dịp nào để xúc phạm những tình cảm của ông, và xúi bẩy bạn bè cũng hành động như vậy. Thái độ của anh càng làm cho tôi bực mình trong một thời gian dài, nhất là tôi lại vừa kể cho Xtiếcphoóc (tôi không thể nào giấu anh một điều bí mật thuộc về loại này, cũng như giấu anh một cái bánh ngọt hay một vật gì khác) nghe chuyện về lai lịch hai bà già mà ông Men đã đưa tôi tới thăm, và

bao giờ tôi cũng sợ rằng Xtiếcphoóc lại khơi chuyện đó ra để nhiếc móc ông ta.

Thực ra, tất cả chúng tôi chẳng ai nghĩ rằng việc tôi ăn điểm tâm buổi sáng đầu tiên hôm đó và ngủ dưới bóng những chiếc lông công, nghe tiếng sáo văng vẳng bên tai, việc một con người không nghĩa lý gì như tôi đi thăm nhà tế bần lại có những hậu quả tai hại. Nhưng cuộc đi thăm ấy đã mang lại những hậu quả bất ngờ và nghiêm trọng theo kiểu của nó.

Hôm ấy, ông Críchcơn bị mệt nằm trong buồng. Tin này cố nhiên làm cho cả trường rất vui sướng náo nức và trong giờ học buổi sáng anh em bàn tán nhiều về việc đó. Học sinh cảm thấy nhẹ nhõm và khoan khoái nên thành khó cai quản. Và mặc dầu tên Tungay đáng sợ đã xuất hiện hai ba lần với cái chân gỗ và biên tên những thủ phạm chính, điều đó cũng không làm chúng sợ chút nào vì chúng biết chắc chắn rằng hôm sau đằng nào cũng bị rầy rà cho nên tốt hơn hết là hôm nay hãy chơi đùa cho hả.

Theo nguyên tắc thì chúng tôi được nghỉ nửa ngày vì đó là ngày thứ bảy. Nhưng vì nếu làm ồn ngoài sân thì sẽ động đến ông Críchcơn; vả lại đi chơi lúc đó thì thời tiết cũng không tiện cho nên chúng tôi bị bắt vào lớp sau bữa ăn trưa, và bị bắt làm bài. Bài làm trong trường hợp này không nặng như bài ngày thường. Hôm ấy, cũng là ngày ông Sácpơ đi uốn lại bộ tóc giả; chỉ còn có ông Men (người bao giờ cũng phải làm mọi thứ khổ dịch) phải coi lớp một mình.

Nếu tôi có thể so sánh hình ảnh của một con gấu hay một con bò tót với hình ảnh của một người hiền lành như ông Men, thì tôi sẽ nói rằng buổi trưa hôm đó giữa những tiếng ồn ào lên đến cực điểm ông ta trông giống như những con vật nói trên đang bị một ngàn con chó bao vây. Hiện nay, tôi còn thấy ông đang nghiêng cái đầu đau nhừ gối lên bàn tay xương xẩu tỳ trên quyển vở để ở bàn và đang cố gắng tiếp tục cái công việc nhọc nhằn một cách thảm hại giữa những tiếng ồn ào có thể làm ngay cả ông chủ tịch Hạ-viện cũng phải chóng mặt. Có những học sinh bất thình lình bỏ chỗ ngồi ra chơi ú tim ở bốn góc sân với học sinh khác; học sinh đứa cười, đứa hát, có đứa nói chuyện, có đứa nhảy múa, có đứa hò hát, có đứa kéo lê chân, có đứa quay tròn xung quanh mình ông, nhe răng cười và nhăn mặt, nhại ông khi ông quay mặt đi, và ngay cả trước mặt ông nữa. Chúng nhại lại sự nghèo khổ của ông, chế nhạo đôi ủng, cái áo của ông, mẹ ông và tất cả cái gì của ông, mà đáng lý ra chúng phải kính trọng mới phải.

Ông Men bỗng đứng phắt dậy, quật quyển vở xuống bàn, thét lên:

"Ngồi im… cái trò gì thế này? Thật không thể chịu được. Có thể phát điên lên được đấy. Tại sao các anh lại đối xử với tôi như vậy?"

Chính ông đã dùng quyển vở của tôi để đập xuống bàn vì tôi đứng bên cạnh ông theo dõi cặp mắt ông khi ông nhìn quanh khắp phòng. Tôi thấy mọi học sinh đều dừng lại, có đứa vì ngạc nhiên, có đứa vì sợ và cũng có đứa có lẽ vì hối hận. Xtiếcphoóc ngồi ở cuối lớp, đầu bên kia phòng học dài. Anh uể oải dựa vào tường, tay đút túi, môi tròn xoe như đang huýt sáo, khi ông Men nhìn anh - ông Men nói: "im ngay, Xtiếcphoóc" Xtiếcphoóc trả lời mặt đỏ gay:

"Ông im đi thì có. Ông nói với ai thế?"

"Ngồi xuống", ông Men lại nói. Xtiếcphoóc quật lại:

"Ông ngồi xuống đi và hãy làm công việc của ông đi thì có".

Có tiếng cười khúc khích và vài tiếng vỗ tay. Nhưng ông Men tái mặt đi, đến nỗi làm cho liền sau đó không khí im bặt. Có một học sinh chạy lại phía sau ông, định bắt chước mẹ ông, nhưng phải thay đổi ý định và giả vờ sửa lại ngòi bút. Ông Men lại nói: "Xtiếcphóoc! anh tưởng rằng tôi không biết anh có ảnh hưởng đối với học sinh ở đây thế nào à?" ông để tay lên đầu tôi, tôi chắc khi làm như vậy

ông không nghĩ ngợi gì về công việc ông làm cả. "Hay anh tưởng rằng tôi không biết vừa rồi anh xúi bẩy chúng nó trêu ghẹo tôi à? Như vậy là anh nhầm". Xtiếcphoóc nói điềm nhiên:

"Tôi không mất thì giờ phải nghĩ ngợi về ông. Như vậy là tôi không bị nhầm nữa" Ông Men tiếp tục nói, giọng run lẩy bẩy: "Và khi nào anh dựa vào địa vị học trò cưng của anh ở đây để chửi một ông…" "Một cái gì… ở đâu?" Xtiếcphoóc nhại lại.

Giữa lúc đó có tiếng thét lên: "Xtiếcphóoc! Nhục nhã lắm! Bậy quá!"

Đó là Trátđơn, nhưng ông Men đã lập tức ra lệnh cho cậu câm miệng lại.

"Nhiếc móc một người gặp phải nhiều điều không may trong cuộc sống, mà người đó lại không đụng chạm gì đến anh, tôi chắc anh cũng đã khá lớn khôn để hiểu rằng mình không nên làm như vậy", ông Men nói, giọng nói ngày càng run, "làm như vậy là một hành động xấu xa và bỉ ổi. Anh muốn ngồi hay đứng thì tùy anh… Copơphin tiếp tục đi". Xtiếcphoóc vừa nói vừa tiến ra giữa lớp học:

"Copơphin cậu hãy đợi một chút đã…"

Ông Men, tôi sẽ nói với ông một điều để chấm dứt. Khi ông đã dám cả gan gọi tôi là xấu xa bỉ ổi thì ông là một thằng ăn mày vô liêm sỉ. Xưa nay ông vẫn là đồ ăn mày ông biết chưa? Nhưng khi ông làm một việc như vậy thì ông vừa là ăn mày lại vừa là đồ vô liêm sỉ.

Tôi không biết rõ rằng có phải anh sắp sửa đánh ông Men hay ông Men sắp đánh anh, hay cả hai bên đều có ý định sắp đánh lộn nhau. Nhưng tôi thấy tất cả học sinh đứng đờ như tượng đá, và thấy ông Críchcơn hiện ra ở giữa chúng tôi, có Tungay bên cạnh, bà Críchcơn và cô Críchcơn thì đứng ở cửa có vẻ hoảng hốt. Ông Men chống khuỷu tay xuống bàn, hai tay ôm lấy đầu, ngồi một lúc im lặng không nhúc nhích.

"Ông Men!" ông Críchcơn vừa nói vừa lấy tay lay ông Men, tiếng thều thào của ông hôm nay nghe rõ đến nỗi Tungay thấy không cần phải lặp lại nữa "tôi hy vọng ông chưa quên hiện nay ông đang ở đâu chứ?"

"Chưa…, thưa ông chưa", giáo sư trả lời. Ông ngẩng mặt lên gật gật cái đầu, xoa hai tay một cách rất cảm động. "Chưa, thưa ông chưa. Tôi rất nhớ hiện nay tôi ở đâu. Thưa ông, tôi…tôi… tiếc rằng ông không nhắc tôi sớm hơn một chút rằng tôi đang ở đâu ông Críchcơn ạ. Nếu ông nhắc tôi sớm một chút, thưa ông, thì… như vậy có lẽ sẽ độ lượng hơn, có lẽ đúng hơn, thưa ông, và câu đó, câu đó cũng có thể tránh cho tôi được một điều gì rồi đấy".

Ông Críchcơn nhìn thẳng vào mặt ông Men, tay dặt lên vai Tungay, chân để lên cái ghế dài gần đấy nhất, rồi thượng lên trên bàn học. Ngồi trên cái ngai ấy, sau khi nhìn thẳng vào ông Men một lần nữa, (ông Men đang gật gật cái đầu, xoa tay vào nhau và vẫn ở tình trạng xúc động vừa rồi), ông Críchcơn quay lại về phía Xtiếcphoóc và nói:

"Này, nếu ông ta không chịu hạ cố nói với tôi thì anh nói đi, có việc gì xảy ra thế?" Xtiếcphoóc tránh không trả lời ngay vào câu hỏi, nhìn thẳng vào đối thủ của mình một cách khinh bỉ, giận dữ và đứng im lặng. Tôi nhớ lại rằng ngay lúc đó tôi không thể công nhận thấy anh rất là oai vệ, còn ông Men so với anh thì vừa tầm thường lại vừa xấu xí.

"Ông định tâm nói gì mà lại dùng danh từ học trò cưng?" Xtiếcphoóc cuối cùng lên tiếng.

"Học trò cưng à?" ông Críchcơn nhắc lại, gân trán nổi lên nhanh chóng. "Ai nói đến học trò cưng?"

"Ông ấy chứ còn ai", Xtiếcphoóc nói.

Ông Críchcơn quay về phía người giúp mình hỏi với một giọng ngạo nghễ đầy bực tức:

"Thưa ông, ông định tâm nói gì khi ông dùng danh từ đó?"

Ông Men đáp, hạ thấp giọng:

"Thưa ông Críchcơn, ý tôi nói là… không một học sinh nào có thể lợi dụng địa vị học trò cưng của mình để làm mất uy tín của tôi".

"Làm mất uy tín của ông ấy à?" ông Críchcơn nói, "Trời ơi! nhưng này ông hãy nghe tôi nói đây, cái ông "mà-tôi-không-biết-là-ai" kia ơi! (vừa nói ông Críchcơn vừa khoanh tay trước ngực, tay vẫn cầm gậy, và cau mày nhiều đến nỗi gần như không nom thấy đôi mắt ti hí của ông nữa). Khi dùng danh từ "học trò cưng" đó, tôi xin hỏi rằng ông đã tỏ ra thật kính trọng đối với tôi chưa? Đối với tôi, ông nghe rõ chưa?" Ông Críchcơn nói và bất thình lình nhô đầu về phía ông Men, rồi lại kéo đầu lùi lại, "…đối với tôi là người vừa là chủ nhà trường vừa là chủ của ông nữa".

"Thưa ông", ông Men trả lời. "Tôi xin nhận rằng nói thế là không đúng, nhưng nếu tôi bình tĩnh được thì đã không nói như vậy".

Giữa lúc đó thì Xtiếcphoóc xen vào:

"Ông còn nói tôi là xấu xa và bỉ ổi nữa. Vì vậy cho nên tôi đã gọi ông là đồ ăn mày. Nếu tôi tự chủ được có lẽ tôi đã không gọi ông là đồ ăn mày, nhưng tôi đã nói thì xin chịu trách nhiệm về lời nói đó".

Tôi cũng không tự hỏi mình xem anh sẽ chịu trách nhiệm về lời nói đó như thế nào, nhưng tôi cảm thấy phục anh vì bài diễn văn can đảm đó. Nó cũng gây tác dụng với cả bọn học sinh vì mặc dầu không ai nói một câu nào, nhưng tôi thấy chúng nhốn nháo một lúc. Ông Críchcơn bảo:

"Xtiếcphóoc, tôi lấy làm lạ, mặc dầu sự thành thực của anh là đáng khen, và chắc chắn anh đã được kính phục vì sự thành thực đó,… nhưng tôi lấy làm lạ không hiểu tại sao anh đã dùng những lời như vậy để gọi một người làm việc và ăn lương ở Xalem học hiệu?" Xtiếcphoóc bật cười lên. Ông Críchcơn chỉnh luôn:

"Đấy không phải là cách trả lời câu hỏi của tôi. Tôi chờ đợi ở anh một cái gì hơn nữa, anh Xtiếcphoóc".

Trước mắt tôi, nếu ông Men so với anh chàng thanh niên đẹp trai kia trở thành tầm thường bao nhiêu, thì cũng thật là khó mà đánh giá được rằng ông Críchcơn còn tầm thường hơn đến mức độ nào nữa. Xtiếcphoóc bảo:

"Hãy để ông ta chối điều đó đã".

Ông Críchcơn thét lên.

"Chối rằng ông là ăn mày ư? Xtiếcphoóc, anh thấy ông ta đi ăn mày ở đâu mà nói như vậy?"

"Nếu ông ta không đi ăn mày thì cũng là người thân trong gia đình ông, đằng nào cũng thế thôi!" Xtiếcphoóc đáp.

Anh nhìn tôi và bàn tay của ông Men vỗ lên vai tôi một cách nhẹ nhàng. Tôi ngẩng lên nhìn, mặt đỏ ửng, trong lòng đầy hối hận, nhưng ông Men thì nhìn chăm chăm vào mặt Xtiếcphoóc. Ông vẫn tiếp tục vuốt ve vai tôi đầy vẻ thân mật, nhưng cặp mắt vẫn nhìn Xtiếcphoóc. Xtiếcphoóc nói:

"Ông Críchcơn, vì ông muốn tôi chứng minh rằng tôi nói đúng và tôi giải thích để ông rõ những điều tôi đã nói thì đây: Mẹ ông ấy sống bằng của bố thí ở nhà tế bần".

Ông Men vẫn nhìn anh và vẫn nhẹ nhàng lấy tay vuốt ve vai tôi, và hình như tôi nghe thấy ông tự

nhủ thầm: "Đúng, mình cũng nghĩ thế".

Ông Críchcơn quay mặt về phía người giúp việc mình, nhìn một cách nghiêm khắc và nói giọng lễ phép rất kiểu cách:

"Bây giờ ông đã nghe thấy anh thanh niên này nói gì rồi đấy, ông Men ạ. Vậy mong ông hãy nói rõ sự thật trước cả trường tập hợp ở đây đi".

Ông Men trả lời trong không khí im lặng như chết:

"Sự thật đã quá rõ ràng, thưa ông, tôi không cần phải thêm bớt gì nữa, điều anh ta nói là đúng sự thật".

Ông Críchcơn nghiêng đầu về một bên, trợn tròn mắt lên nhìn chung quanh lớp một vòng rồi nói:

"Vậy bây giờ ông làm ơn tuyên bố công khai hộ tôi rằng trước giờ phút này tôi đã biết sự việc đó hay chưa?"

"Tôi nghĩ rằng có lẽ ông chưa được biết một cách trực tiếp", ông Men trả lời.

"Ông nói rằng tôi chưa hề biết chứ gì?" Ông Críchcơn nói. "Tôi chưa hề biết có phải không, ông bạn?"

"Tôi nghĩ rằng có lẽ chưa bao giờ ông cho tôi là người giàu có cả", người giúp việc ông Críchcơn trả lời. "Từ trước và cả bây giờ nữa, ông đã biết địa vị của tôi ở đây như thế nào".

Ông Críchcơn nói, gân trán lại nổi lên và nổi to hơn bao giờ hết:

"Nếu như ông đã giở cái giọng ấy ra thì tôi nghĩ rằng địa vị của ông ở đây hoàn toàn không xứng đáng, và ông đã coi nơi này như trường bố thí. Ông Men ạ, chúng ta phải từ biệt nhau thôi, càng sớm càng hay".

Ông Men vừa đứng dậy vừa trả lời: "Không lúc nào thuận tiện bằng ngay lúc này".

"Vâng, tùy ý ông!" ông Críchcơn nói.

"Ông Críchcơn, tôi xin từ biệt ông và từ biệt tất cả" ông Men vừa nói vừa đưa mắt nhìn cả lớp tay vẫn nhẹ nhàng vỗ nhẹ trên vai tôi. "Jêm Xtiếcphoóc, trong khi từ biệt anh, điều mà tôi mong muốn nhất là một ngày kia anh sẽ hổ thẹn vì công việc anh đã làm hôm nay. Còn bây giờ thì tôi thích coi anh như bất cứ vật gì hơn là một người bạn của tôi, hay là bạn của bất kỳ người nào mà tôi quan tâm đến".

Một lần nữa, ông Men đặt bàn tay lên vai tôi, rồi lấy cái sáo và quyển sách ở trên bàn, để chìa khóa lên bàn cho người sẽ đến thay mình; ông cắp tài sản rồi đi ra.

Ông Crichcơn thông qua Tungay đọc một bài diễn văn cám ơn Xtiếcphoóc (một cách có lẽ quá nồng nhiệt) là đã làm cho trường Xalem giữ được tính chất độc lập và tính chất đáng kính của nó. Cuối cùng, ông kết luận bằng cách bắt tay Xtiếcphoóc, trong khi đó chúng tôi hoan hô luôn ba lần (tôi không hiểu rõ là hoan hô ai, nhưng tôi cứ coi như là hoan hô Xtiếcphoóc nên cũng tham gia nhiệt liệt, mặc dầu trong lòng rất khổ tâm).

Sau đó, ông Críchcơn đánh Tômmy Trátđơn vì thấy cậu hoan nghênh ông Men đi bằng những tiếng sụt sịt, chứ không phải bằng những tiếng hoan hô lớn; rồi cuối cùng ông trở về ghế xô-pha, hay về giường, hay là về nơi ông vừa đến.

Lúc này chỉ còn trơ lại chúng tôi đứng một mình nhìn nhau hết sức ngơ ngác. Riêng phần tôi, tôi rất hối hận và đau đớn vì vai trò của tôi trong những sự việc vừa xảy ra. Tôi đau đớn đến nỗi không có cái gì có thể khiến tôi cầm được nước mắt, nhưng vì sợ Xtiếcphoóc (tôi thấy anh luôn luôn nhìn tôi) có

thể cho như thế là không tốt với bạn bè, nói cho đúng hơn nếu tôi tỏ ra xúc cảm mạnh trước sự việc đó, anh có thể cho là tôi không kính trọng anh, căn cứ vào tuổi tôi và tuổi anh và mối cảm tình tôi vẫn có đối với anh từ trước đến nay; anh rất giận Trátđơn và nói rằng anh rất hài lòng khi thấy Trátđơn bị ăn đòn như thế.

Còn Trátđơn đã qua cái giai đoạn ngồi gục đầu xuống bàn, và đang tiêu khiển bằng cách vẽ những bộ xương người như mọi khi. Trátđơn nói cậu ta chẳng cần để ý đến điều đó và dù sao thì ông Men cũng đã bị đối xử tàn tệ.

"Mày bảo ai đối xử tàn tệ với hắn, thằng nhãi ranh kia?" Xtiếcphoóc hỏi.

"Mày chứ còn ai nữa!" Trátđơn trả lời.

"Thế tao làm gì nào?" Xtiếcphoóc hỏi. "Mày còn hỏi mày đã làm gì à?" Trátđơn vặn lại, "Mày đã phạm đến lòng tự ái của ông ta và làm ông ta mất việc". Xtiếcphoóc nhắc lại một cách mỉa mai: "Chạm lòng tự ái à! Tự ái của ông ta sẽ không bị mất đâu mà sợ, tao cam đoan với mày như vậy đó! Nhưng tự ái của ông ta không giống như tự ái của mày đâu, nhãi con ạ! Còn công việc của ông ta (đấy cũng là việc quý đấy chứ phải không?) thì có lẽ mày cho rằng tao sẽ không viết thư về nhà để bảo nhà cho ông ta ít tiền có phải không, thằng nhãi?".

Chúng tôi thấy ý định này của Xtiếcphoóc rất cao quý vì mẹ anh vừa giàu lại góa và sẽ làm bất cứ việc gì anh yêu cầu. Tất cả chúng tôi đều hết sức bằng lòng thấy Trátđơn trở về chỗ ngồi, và chúng tôi liền tâng bốc Xtiếcphoóc lên mây xanh… nhất là khi anh ta chịu hạ cố thú nhận rằng công việc anh vừa làm đó chính là vì chúng tôi, vì lợi ích chung, và anh đã làm ơn cho chúng tôi bằng hành động đầy lòng vị tha đó.

Nhưng tôi phải nói rằng tối hôm đó khi kể chuyện trong bóng tối, tôi nhiều lần có cảm giác như âm thanh của chiếc sáo cũ kỹ của ông Men cứ luôn luôn văng vẳng buồn bã bên tai và khi Xtiếcphoóc đã mệt và tôi cũng đã lên giường nằm, tôi vẫn tưởng chừng như nghe thấy tiếng sáo ông ta thổi buồn rầu day dứt đâu đấy làm tôi hết sức khổ tâm.

Tôi cũng chóng quên việc đó khi ngắm Xtiếcphoóc với điệu bộ ung dung, trong tay không có sách vở gì cả (tôi có cảm giác là anh thuộc lòng tất cả) lên phụ trách lớp một cách tài tử chờ khi tìm được giáo viên mới. Thầy giáo mới ở một trường trung học đến, và trước khi nhận thức ông ta ăn cơm ở bàn ông hiệu trưởng một ngày và được giới thiệu với Xtiếcphoóc. Xtiếcphoóc đánh giá ông ta rất cao và cho rằng ông ta là dân lịch sự! Mặc dầu tôi không hiểu thuật ngữ đó tương ứng với thuật ngữ khoa học gì, nhưng tôi rất kính trọng ông và không nghi ngờ gì học thức cao siêu của ông cả, mặc dầu ông chẳng bao giờ chịu khó chăm sóc tôi (tôi biết rằng tôi chẳng phải là nhân vật gì quan trọng) như ông Men đã làm.

Trong học kỳ đó, còn có một hiện tượng khác thường nữa xảy ra, gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc còn mãi đến tận bây giờ. Nó sở dĩ tồn tại được đến bây giờ cũng là vì nhiều lý do.

Một buổi chiều, trong khi chúng tôi đều đã mệt lử đang xấu hổ và kinh hoàng vì ông Críchcơn đánh mọi người trong khi đi dạo vòng quanh, thì Tungay vào và kêu to bằng tiếng oang oang quen thuộc: "Copơphin ra có khách".

Ông Críchcơn và hắn trao đổi với nhau vài câu về chỗ khách là ai, và tiếp khách ở đâu, còn tôi theo thói quen đứng dậy khi nghe báo tin đó, vì cảm thấy sửng sốt vì ngạc nhiên. Tôi được lệnh đi theo lối cầu thang gác sau thay áo sạch sẽ rồi mới ra phòng ăn. Tôi thi hành lệnh đó một cách vội vàng và nhanh nhẹn. Và khi tôi vừa đến cửa phòng thì nảy ra ý nghĩ, có thể mẹ tôi tới thăm (trước đó, tôi chỉ

nghĩ đến ông Mơcxtôn hay cô Mơcxtôn thôi), tôi rút tay lại không sờ vào khóa vội, và đứng dừng lại để nấc một cái trước khi vào phòng.

Thoạt tiên, tôi không trông thấy ai cả; nhưng khi cảm thấy có người đẩy cửa, tôi vội vàng nhìn sang phía đó, và rất ngạc nhiên khi thấy ông Pécgôti và Ham đang lấy mũ vẫy tôi và đang đẩy nhau vào sát tường. Tôi không nhịn được cười, nhưng cười vì rất thích thú được gặp họ chứ không phải vì bộ dạng của họ. Chúng tôi bắt tay nhau rất thân mật, rồi tôi cười mãi đến nỗi cuối cùng phải lấy khăn tay lau nước mắt.

Ông Pécgôti (tôi nhớ lại rằng trong suốt thời gian gặp gỡ không lúc nào ông ta để mồm im) tỏ ra rất ái ngại khi thấy tôi hành động như vậy và lấy khuỷu tay hích vào Ham hình như để nhắc Ham phải nói gì với tôi.

"Can đảm lên cậu Đêvi ạ!" Ham nói giọng rất ân cần.

"Cậu chóng lớn quá nhỉ!".

"Tôi lớn rồi à?" tôi vừa nói vừa lau nước mắt. Tôi thấy tôi không có lý do gì để khóc, nhưng không hiểu tại sao gặp lại những người bạn cũ tôi lại muốn khóc.

"Lớn thật!". Ham nói "Cậu Đêvi ạ! Lớn ra phết".

"Nớn ra phết" ông Pécgôti nhắc lại. Họ lại làm tôi bật cười vì cả hai đều cười, và cuối cùng cả ba cùng cười cho đến lúc tôi sợ muốn khóc. Tôi hỏi:

"Mẹ cháu có mạnh khỏe không, ông Pécgôti? Và còn chị Pécgôti yêu quý của cháu có mạnh khỏe không?"

"Mạnh nắm", ông Pécgôti trả lời.

"Còn bé Emili và bà Gơmmít?"

"Cũng… mạnh nắm", ông Pécgôtitrả lời.

Một phút im lặng trôi qua. Để phá vỡ sự im lặng, ông Pécgôti bèn móc túi lấy ra hai con tôm vĩ đại, một con cua rất lớn, và một túi vải đựng đầy tôm nhỏ, và chất vào đầy hai bàn tay của Ham. Ông Pécgôti nói:

"Biết là cậu rất thích ăn những món quà nhỏ mọn này, trong khi cậu ở nhà tôi, cho nên tôi, à chính bà già đã tự nuộc đấy. Phải chính là bà Gơmmít đấy", ông Pécgôti nói chậm rãi (và theo ý tôi thì ông cố tình nói dài về vấn đề này vì không còn câu chuyện gì khác mà nói nữa), "chính nà tự tay bà Gơmmít đã nuộc đấy, tôi cam đoan với cậu đấy".

Tôi cám ơn ông Pécgôti sau khi đã nhìn Ham đang cười một cách ngây thơ với những con cua và những con tôm mà chẳng chịu nói giúp ông chút nào, ông nói tiếp:

"Cậu thấy đấy, nhờ có gió và thủy triều lên tôi và Ham đã chèo thuyền từ Yácmao đến Grâyvơxen. Cô em tôi đã viết tên lơi lày cho tôi và dặn tôi nếu có đến Grâyvơxen thì phải đến đây hỏi thăm Đêvit, gửi nời chào mừng cậu hộ em ló, chúc cậu mạnh khỏe và lói cho cậu biết tin rằng gia đình vẫn bình yên. Bé Emili, cậu biết không, sẽ viết thư cho cô ấy khi tôi về nhà và kể nại chuyện tôi đã gặp cậu như thế nào, cậu cũng mạnh khỏe như thế nào. Và nàm như vậy thì thật nà giống như cuộc đua ngựa gỗ chạy vòng quanh vậy".

Tôi bắt buộc phải suy nghĩ một chút rồi mới hiểu nổi hình ảnh báo tin theo lối giây chuyền mà ông Pécgôti đã dùng. Tôi cảm ơn ông rất thân mật và nói - mặt hơi đỏ vì xấu hổ - rằng có lẽ bé Emili cũng

đã thay dổi nhiều so với hồi chúng tôi còn đi nhặt vỏ hến và nhặt sỏi trên bãi biển, ông Pécgôti nói:

"Cháu đang trở thành một thiếu lữ đấy. Hỏi chú lày thì biết!"

Ý ông muốn chỉ Ham, anh chàng đang tươi cười hớn hở tán thành, tay ôm bị tôm.

Ông Pécgôti nói, cặp mắt cũng sáng lên:

"Mặt em ló xinh nắm!"

"Em nó học khá lắm!" Ham nói.

"Em ló viết chữ đẹp nắm!" ông Pécgôti nói tiếp. "Chữ viết đen và rất nớn đến nỗi đứng đâu cũng nhận ra được."

Nhìn ông Pécgôti rất hào hứng khi ông nghĩ đến cô con nuôi yêu quý của mình thật thú tuyệt. Giờ đây hình ảnh của ông lại hiện ra trước mắt tôi, bộ mặt rắn rỏi, râu không hiểu tại sao cảnh đó làm tôi nhớ lâu thế!)

"Này anh Xtiếcphoóc, đừng đi vội. Đây là hai thủy thủ ở Yácmao… là những người rất tốt, rất hào hiệp của gia đình chị bảo mẫu tôi và họ từ Grâyvơxen đến thăm tôi đấy". Xtiếcphoóc vừa nói vừa quay lại:

"À, thế à? Tôi rất vui mừng được gặp. Thế nào? Hai bác đều mạnh khỏe chứ?"

Trông cử chỉ anh có vẻ tự nhiên (anh có những cử chỉ vui vẻ và dịu dàng chứ không ầm ĩ), làm cho người ta thích mê. Bây giờ tôi vẫn tin rằng vì cách đối xử, vì tính tình vui vẻ, vì giọng nói dịu dàng, vì hình dạng và bộ mặt dễ thương của anh và theo như tôi biết thêm, thì như vì anh còn có sức hấp dẫn tự nhiên nữa (chỉ có ở một số ít người thôi), nên anh lôi cuốn được người bắt họ phải nhượng bộ, không thể cưỡng lại được. Tôi thấy anh làm cho ông Pécgôti và Ham vui vẻ tiếp đón một cách rất nhiệt tình, tôi nói:

"Ông Pécgôti ạ, khi nào lá thư ông nói lúc nãy được gửi đi thì nhờ ông báo cho gia đình cháu biết hộ rằng anh Xtiếcphoóc đây rất tốt với cháu, và cháu không hiểu nếu cháu ở đây một mình mà không có anh ấy thì cháu sẽ ra sao", Xtiếcphoóc vừa nói vừa cười:

"Cậu chỉ nói bậy! Không nên báo cho gia đình biết những chuyện vớ vẩn ấy".

"Và nếu anh Xtiếcphoóc đến Noocphốc hay xắpphốc, ông Pécgôti ạ, khi cháu hãy còn ở đó cháu có thể dẫn anh ấy đi Yácmao thăm nhà ông nếu anh ấy muốn. Anh Xtiếcphoóc ạ! Anh chưa bao giờ được trông thấy một căn nhà thú như thế đâu! Nhà nằm ở trong một cái tàu thủy cơ!"

"Nhà ở trong tàu thủy à?" Xtiếcphoóc hỏi, "Thế tức là cái nhà thích hợp với một thủy thủ lão luyện đấy nhỉ?"

"Đúng đấy", Ham nói với nụ cười trên môi, "Anh nói rất đúng đấy. Anh nói có lý đấy anh bạn trẻ ạ. Cậu Đêvi ơi, anh bạn nói có lý đấy. Một thủy thủ lão luyện. ờ hay đấy! Đúng, chú tôi là một thủy thủ lão luyện".

Ông Pécgôti cũng hài lòng không kém gì cháu mình, tuy tính khiêm tốn không cho ông nhận lời khen ngợi ầm ĩ như vậy.

Ông vừa nói vừa cúi đầu dặng hắng khoái trá, và kéo hai đầu khăn quàng vào trong áo gi-lê.

"Anh bạn ạ! Xin cảm ơn anh, anh bạn ạ, xin cảm ơn. Tôi quả thực nàm hết sức trong cái nghề của mình anh bạn ạ!"

“Những người giỏi nhất cũng không thể làm hơn, ông Pécgôti ạ”, Xtiếcphoóc nói. Anh đã nhớ tên ông Pécgôti. Ông Pécgôti lắc đầu nói:

“Tôi cam đoan nà anh cũng nàm thế, mà anh nàm thì chắc nà khá nắm, hết sức khá. Tôi cảm ơn anh, anh bạn ạ! Tôi cảm ơn anh vì cử chỉ nhiệt tình của anh đối với tôi. Tôi vụng về, anh bạn ạ, nhưng tôi rất ân cần…, ít nhất nà tôi rất ân cần, mong anh biết cho. Đến thăm nhà tôi cũng không có gì nà hay nắm đâu anh bạn ạ, nhưng chúng tôi sẽ hết nòng đón tiếp nếu anh đến thăm cùng với cậu Đêvi. Tôi quả thực nà con sên (ông Pécgôti nói, ý ông muốn nói ông chậm như con sên vì sau một câu nói ông đã muốn rút lui nhưng rồi lại cứ nấn ná) Thôi chúc hai cậu mạnh khỏe và hạnh phúc”.

Ham cũng nói lời chúc ấy và chúng tôi từ giã nhau hết sức thân mật. Tối hôm đó, tôi suýt nói cho Xtiếcphoóc nghe về chuyện bé Emili xinh đẹp nhưng tôi lại thấy ngượng ngượng khi nói đến tên cô ta, và tôi lại sợ anh cười. Tôi nhớ lại rằng tôi suy nghĩ nhiều và tôi thắc mắc về câu chuyện ông Pécgôti (nói rằng cô ta đang trở thành một thiếu nữ) nhưng sau tôi cho rằng tôi như vậy là vô lý.

Chúng tôi mang cua, ốc, tôm hay “những món quà nhỏ mọn” như ông Pécgôti đã gọi một cách khiêm tốn, về phòng ngủ, không ai trông thấy cả và tối hôm đó chúng tôi chén một bữa tối thịnh soạn. Nhưng Trátđơn thì không lấy gì làm sung sướng về bữa ăn đó lắm. Cậu đen đến nỗi ngay cả đến cả bữa ăn tối bình thường cũng không hưởng được như người ta. Suốt đêm đó cậu bị ốm (bị nằm liệt không dậy được vì ăn cua) và sau khi đã uống thuốc nước màu đen và những thuốc viên màu xanh, theo liều lượng mà thằng Đempơn (bố Đempơn là bác sĩ) bảo là có thể đủ sức mạnh để giết một con ngựa, cậu còn bị đòn và phải phạt chép sáu chương Tân ước bằng tiếng Hy-lạp vì không chịu thú tội.

Thời gian còn lại của học kỳ trong ký ức tôi là cả một mớ rối bòng bong về cuộc đấu tranh vật lộn hằng ngày trong đời sống chúng tôi. Mùa hạ hết dần và thời tiết thay đổi; những sáng mai giá lạnh, bỗng nghe tiếng chuông thức dậy; những đêm tối âm u lạnh lẽo, buốt tận đến xương. Và tiếng chuông lại rung báo hiệu giờ ngủ; lớp học buổi chiều thiếu ánh sáng và ít được sưởi ấm; và lớp học buổi sáng chỉ là một bộ máy lớn làm cho người ta run sợ; thịt bò hầm ăn xen kẻ với thịt bò rán, thịt cừu hầm xen kẻ với thịt cừu quay; những mẩu bánh phết bơ, những cuốn sách quăn góc, những bảng đá rạn vỡ, những quyển vở thấm nước mắt, những ngọn roi, những trận đòn bằng thước kẻ, những mái tóc bị cắt, những buổi chủ nhật giời mưa, những bánh pút-đinh mỡ bò, tất cả bao phủ bởi một bầu không khí đầy mực bẩn.

Tuy vậy, tôi còn nhớ lại rằng ý nghĩ xa xăm về nghỉ hè lúc đầu xuất hiện như một chấm nhỏ xa lắc xa lơ, im lìm trong một thời gian dài vô tận. Những chấm nhỏ đó xích lại dần và to lên dần. Tôi còn nhớ chúng tôi đã tính như thế nào, hết tính tháng lại tính tuần lễ, rồi đến tính ngày, rồi lại lo cho gia đình không hỏi han gì đến; và khi được Xtiếcphoóc nói cho biết gia đình đã xin cho tôi về nghỉ hè và tôi sắp được về nhà, thì tôi lại lo rằng mình sẽ bị gãy chân và không về được. Tôi còn nhớ lại ngày cuối cùng ra trường đã tới, sau khi đã chờ hết tuần nọ qua tuần kia, rồi đến tuần này, ngày kia, ngày mai, hôm nay… và chiều hôm nay… là tôi đã ngồi trên xe thư Yácmao về nhà.

Ngồi trên chiếc xe ngựa Yácmao, tôi ngủ vật vờ và thấy tất cả những việc đó một cách lộn xộn và mỗi khi bừng mắt dậy, phong cảnh tôi thấy qua cửa sổ xe ngựa, không còn là cảnh sân trường Xalem nữa, và tiếng động ở bên tai tôi không phải là tiếng ông Críchcơn đánh Trátđơn, mà là tiếng roi anh xà ích quất ngựa.

---

[1] Nhân vật trong “Nghìn lẻ một đêm” đã kể lại cho nhà vua nghe toàn bộ chuyện này.

Chương VIII
NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA TÔI, MỘT BUỔI CHIỀU HẠNH PHÚC

Chúng tôi đến quán trọ trước lúc mặt trời mọc. Chiếc xe trạm đang dừng ở đấy (đây không phải là quán trọ anh hầu bàn trước kia của tôi ở). Người ta đưa tôi lên gác vào một căn phòng nhỏ xinh xắn ở ngoài cửa đề mấy chữ "Cá heo". Tôi nhớ bấy giờ tôi rất lạnh, mặc dầu đã uống một cốc trà nóng sôi người ta mang đến cho tôi ở tầng dưới trước một ngọn lửa lớn. Tôi rất vui mừng được nằm trong cái giường của con cá heo, được kéo cái chăn của con cá heo lên quấn kín mít cả đầu và tôi ngủ thẳng một mạch.

Anh Bácкít, người xà ích, có nhiệm vụ đánh thức tôi dậy lúc chín giờ sáng. Tôi dậy lúc tám giờ, đầu óc hơi choáng váng vì giấc ngủ đêm qua ngắn ngủi và trước giờ đã định để sẵn sàng chờ anh đến. Anh tiếp tôi cũng hệt như trước, tựa hồ như chúng tôi chỉ mới xa cách nhau không đầy năm phút và tôi chỉ vào khách sạn để đổi một đồng sáu pen-ni hay làm một việc gì đại khái như vậy.

Khi tôi cùng với gói hành lý đã lên xe, và anh xà ích đã ngồi vào chỗ thì con ngựa lười biếng kia lại kéo tất cả chúng tôi đi theo cái bước đi quen thuộc của nó.

"Này anh Bácкít, trông anh đẹp trai lắm!" tôi nói và nghĩ thầm rằng anh biết được điều đó thì sẽ thú lắm đấy.

Anh Bácкít lấy ống áo lau má rồi lại nhìn vào ống áo, hình như anh muốn tìm xem ở trên ống áo có dính chút nhan sắc nào của anh đấy không. Nhưng anh không cảm ơn gì tôi về lời khen ấy. Tôi nói:

"Anh Bácкít ạ, em đã làm cái việc anh nhờ em giúp đấy mà. Em viết thư cho chị Pécgôti rồi!"

"Thế à?" Anh Bácкít nói.

Anh Bácкít có vẻ càu nhàu và trả lời một cách lạnh lùng. Tôi ngần ngại một lát rồi hỏi:

"Anh Bácкít! Làm như thế được chứ?"

"Không được", anh Bácкít đáp.

"Viết thư như thế không được sao?"

"Em viết thư như thế là tốt", anh Bácкít nói, "Nhưng câu chuyện cũng chỉ đến đấy là chấm dứt thôi".

Tôi không hiểu anh muốn nói gì, nên cứ hỏi vặn mãi.

"Như thế là chấm dứt phải không anh Bácкít?"

Anh ta liếc mắt nhìn tôi và cắt nghĩa: "Chẳng ăn thua cóc gì! Người ta không trả lời".

Tôi mở to đôi mắt, điều này quả thực mới lạ đối với tôi:

"Như thế là phải có thư trả lời sao?"

Anh Bácкít lại đưa mắt thẫn thờ nhìn tôi:

"Khi một người đàn ông nói anh ta muốn… như thế tức là anh ta mong thư trả lời".

"Thế rồi thế nào anh Bácкít?"

Anh Bácкít lại đưa mắt nhìn đôi tai con ngựa của anh và nói:

"Như thế là anh đàn ông cứ đợi thư trả lời mãi cho đến nay".

"Anh Báckít có bảo chị như thế không?"

Anh Báckít, suy nghĩ về điều đó và càu nhàu:

"Không! Anh không có lý do gì lại đến nói với cô ta điều đó. Anh chưa hề nói với cô ta được sáu chữ. Nói với cô ta điều đó không phải là việc của anh".

"Anh Báckít, anh có muốn em nói giúp anh không?" Tôi ngần ngại hỏi anh.

Anh Báckít lại nhìn tôi một cách chậm chạp và nói:

"Nếu em vui lòng thì em nói giúp với cô ấy rằng Báckít mong cô trả lời. Em bảo cô ấy tên là gì nhỉ?"

"Anh hỏi tên chị ấy à?"

"Phải", anh Báckít gật đầu.

"Tên chị ấy là Pécgôti".

"Đó là tên thánh hay tên họ?"

"Không, đó không phải là tên thánh. Tên thánh của chị là Clara".

"Thế à?" anh Báckít hỏi.

Anh xem ra suy nghĩ nhiều về chi tiết này. Anh ngồi mơ màng và huýt sáo khe khẽ một mình một lát. Cuối cùng, anh quay trở lại câu chuyện.

"Bây giờ em nói thế này nhé! Chị Pécgôti ơi! Anh Báckít đang chờ chị trả lời đấy". Có lẽ chị ấy sẽ hỏi: "Trả lời cái gì chứ?" Em nói: "trả lời điều anh nói với chị ấy mà!". Chị ta sẽ nói: "Nói cái gì chứ?"

Em sẽ nói: "Báckít muốn… đấy".

Anh Báckít gợi ý cho tôi hết sức khéo léo như vậy và kèm theo đó, anh lấy cùi tay thúc vào tôi làm cho hông của tôi ê ẩm.

Đoạn anh lại cúi mình trên lưng ngựa như mọi ngày và không hề nhắc gì đến việc đó, chỉ trừ trường hợp xảy ra độ gần nửa giờ sau, khi anh lấy trong túi áo ra một viên phấn rồi viết vào cái diềm ở phía trong xe hai chữ "Clara Pécgôti", có lẽ để cho dễ nhớ.

Lúc bấy giờ tôi cảm thấy một cảm giác thực lạ lùng: trở về nhà trong khi ngôi nhà không còn là nhà của tôi, và thấy rằng tất cả mọi vật nhìn đến đều nhắc cho tôi nghĩ đến ngôi nhà cũ sung sướng ngày xưa chỉ còn là một giấc mơ, không bao giờ dám mơ thấy lại! Trên đường về, lòng buồn rầu, bâng khuâng nhớ lại những ngày xưa khi mẹ tôi, Pécgôti và tôi chỉ là một người, không có ai xen lẫn vào giữa chúng tôi, và tôi không biết nên vui vì được trở về hay nên ở xa còn hơn để quên tất cả và để sống cạnh Xtiếcphoóc. Nhưng nó đã kia rồi! Tôi đã về đến nhà, những cây du già trụi lá đang hoa tay trong bầu không khí giá lạnh mùa đông trong khi ngọn gió đánh tan tác những tổ quạ ngày xưa.

Anh xà ích đặt hòm của tôi ở cổng vườn rồi bỏ đi. Tôi đi theo con đường nhỏ về đến nhà, mắt nhớn nha nhớn nhác nhìn tất cả các cửa sổ, vì mỗi bước đi lại sợ trông thấy bộ mặt dễ sợ của ông Mơcxtôn hay cô Mơcxtôn ở cửa sổ ló ra. Nhưng không có cái đầu nào lộ ra, và, về đến nhà vào lúc xẩm tối, không cần gõ cửa vì đã biết cách mở cửa, tôi rón rén bước nhẹ nhàng vào nhà.

Biết bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ đã sống dậy trong lòng tôi khi nghe giọng nói mẹ tôi vang lên từ

căn phòng khách cũ của chúng tôi, lúc tôi bước vào phòng áo. Mẹ tôi hát khe khẽ. Cố nhiên tôi đã nghe mẹ tôi hát như vậy khi tôi còn là một đứa trẻ nằm trên cánh tay mẹ tôi. Điệu hát đối với tôi mới mẻ nhưng nó thân mật quá, nên nó tràn ngập tim tôi, như một người bạn thân trở về sau một thời gian lâu ngày vắng mặt.

Nghe mẹ tôi hát thì thầm một cách tư lự và cô độc như vậy, tôi đoán rằng mẹ tôi đang ngồi một mình, và tôi rón rén bước vào phòng. Mẹ tôi đang ngồi bên cạnh lửa cho đứa bé bú và lấy bàn tay nhỏ nhắn của nó áp vào cổ mẹ tôi. Mẹ tôi nhìn nó mà hát. Thế là tôi chỉ đoán sai có một nửa, vì mẹ tôi không ngồi với ai ngoài nó. Tôi gọi mẹ tôi, mẹ tôi giật mình kêu rú lên. Nhưng nhìn thấy tôi, mẹ tôi gọi tôi là thằng bé Đêvi, đứa con yêu quý của người. Rồi mẹ tôi đến trước mặt tôi, quỳ xuống đất, hôn tôi, kéo đầu tôi vào lòng bên cạnh đứa bé nhỏ đang nằm gọn gàng ở đấy và áp bàn tay đứa bé lên môi tôi.

Ước gì tôi được chết! Tôi tiếc rằng không được chết ngay lúc đó với cái cảm giác êm đềm kia tràn ngập con tim! Nếu được thế thì tôi gần thiên đường hơn bao giờ hết. Mẹ tôi vuốt ve tôi và nói:

"Em con đây này. Đêvi đứa con xinh đẹp của mẹ! Đứa con tội nghiệp của mẹ!"

Và mẹ tôi lại hôn tôi lần nữa, hai tay bá lấy cổ tôi. Mẹ tôi đang làm thế thì chị Pécgôti chạy vào, ngồi phệt xuống đất bên cạnh chúng tôi và biểu lộ tình cảm thân yêu điên cuồng đối với mẹ con tôi suốt mười lăm phút.

Xem ra người ta không ngờ tôi lại về sớm như vậy, bởi vì anh xà ích về quá sớm so với mọi ngày. Hình như ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn đi thăm ở quanh đấy và đến khuya mới về. Tôi không bao giờ dám mơ ước điều đó. Tôi không thể tin rằng ba người chúng tôi có thể gặp lại nhau một lần nữa mà không bị quấy nhiễu và trong giây lát tôi có cảm tưởng rằng cái thời xa xưa đã trở về.

Chúng tôi cùng ăn bên ngọn lửa. Chị Pécgôti muốn phục vụ chúng tôi. Tôi lại được ăn cái đĩa cũ của tôi, trên đấy có sơn một chiếc tàu chiến màu nâu có đủ tất cả các buồm. Pécgôti đã cất nó đi cẩn thận trong khi tôi đi vắng, bởi vì chị nói rằng dù người ta cho chị một trăm bảng Anh, chị cũng không muốn nhìn nó vỡ. Tôi lại dùng cái chén cũ của tôi mang tên tôi và bộ đồ muỗng nĩa nhỏ xíu thân thiết của tôi với một con dao không cắt được nữa.

Trong bữa ăn, tôi thấy lúc này là thời cơ thuận tiện để nói cho chị Pécgôti nghe về anh Bácкít, nhưng tôi chưa nói hết điều cần nói thì chị đã cười ồ và lấy tạp dề che mặt. Mẹ tôi nói:

"Chị Pécgôti có việc gì thế?"

Chị Pécgôti lại càng cười rộ lên, lấy tạp dề áp vào mặt trong khi mẹ tôi tìm cách kéo nó xuống, trông chị thật giống như con người đút đầu vào bị. Mẹ tôi cười và nói:

"Chị làm gì thế? Sao chị ngốc thế?"

"Cái anh phải gió! Anh ta muốn lấy tôi!" Chị Pécgôti kêu lên.

"Thế thì xứng đôi vừa lứa chứ gì nữa", mẹ tôi nói.

"Ồ! Tôi chẳng biết quái gì về việc đó. Bà đừng nói điều đó với tôi nữa. Dù anh ta có tốt như vàng tôi cũng không lấy anh ta đâu. Tôi không lấy anh ta, không lấy ai hết".

"Đã thế tại sao chị không nói với anh ta? Cái chị này mới lạ chứ!", mẹ tôi hỏi.

Chị Pécgôti kéo tạp dề xuống một chút và trả lời:

"Nói với anh ta à? Anh ta có bao giờ hé môi nói việc đó đâu? Anh ta giữ mồm giữ miệng như thế là khôn đấy, chứ nếu anh ta liều mạng nói thì tôi vả vào mặt".

Tôi thấy chị mặt đỏ bừng, tôi chưa bao giờ thấy chị hay ai mặt đỏ như vậy, chị không che mặt nữa chỉ trừ khi lấy tạp dề để che trận cười dữ dội. Sau hai, ba lần như vậy chị lại ngồi ăn.

Tôi thấy mẹ tôi mỉm cười khi nhìn chị Pécgôti, nhưng mặt mẹ tôi bây giờ đượm vẻ lo buồn và nghiêm nghị. Ngay từ giây phút đầu, tôi đã thấy người thay đổi. Gương mặt người vẫn rất xinh nhưng phiền muộn và quá yếu đuối. Hai bàn tay mẹ tôi gầy và trắng đến nỗi tôi có cảm tưởng nó gần như trong suốt. Nhưng trong cử chỉ của mẹ tôi lại biểu lộ thêm một vẻ thay đổi khác mà tôi muốn nói. Mẹ tôi đã thành ra lo lắng và hốt hoảng. Cuối cùng mẹ tôi đưa bàn tay ra đặt nó âu yếm trên bàn tay người đầy tớ gái quen thuộc và nói:

"Chị Pécgôti, thế chị không lấy chồng à?"

"Thưa bà, lạy Chúa, tôi không lấy chồng" chị Pécgôti trả lời, mở to đôi mắt.

"Không lấy chồng bây giờ thôi chứ?" mẹ tôi hỏi dịu dàng.

"Không bao giờ lấy chồng cả", chị Pécgôti nói to.

Mẹ tôi cầm lấy tay chị và nói:

"Chị đừng bỏ tôi, chị Pécgôti ạ. Chị cứ ở với tôi, có lẽ không phải ở lại lâu lắm đâu. Nếu không có chị thì tôi sẽ ra sao?"

"Tôi mà lại bỏ đi à?" chị Pécgôti kêu to. "Cho tôi tất cả vàng bạc trên thế gian này tôi cũng không bỏ bà đâu, Nhưng tại sao cái đầu óc nhỏ bé này lại điên dại nghĩ đến điều đó mới được chứ?"

Chị Pécgôti lâu nay vẫn quen thỉnh thoảng nói với mẹ tôi như nói với một đứa trẻ con. Mẹ tôi nói rằng mẹ tôi cảm ơn và chị Pécgôti nói tiếp theo lối nói của chị:

"Tôi mà lại bỏ bà đi à? Ồ! Pécgôti mà lại bỏ bà à? Để xem bao giờ nào? Không, không bao giờ". Chị Pécgôti vừa nói vừa lắc đầu và khoanh tay. "Bà đừng lo gì hết bà ạ. Có những con mèo sẽ vừa lòng nếu như tôi bỏ đi, nhưng tôi không làm như thế đâu. Tôi cứ để cho chúng tức tối vì tôi sẽ ở với bà cho đến khi tôi chỉ còn là một mụ già lẩm cẩm nói năng lảm nhảm. Và khi tôi nặng tai quá, què quặt quá, mù lòa quá, nói phều phào vì không có răng, khi nào tôi không làm được việc gì nữa, ngay cả việc chịu mắng chửi cũng không làm được, thì tôi sẽ đến tìm em Đêvi của tôi và nhờ nó nuôi".

"Chị Pécgôti ạ", tôi nói, "em sẽ rất vui mừng được đón chị và em sẽ tiếp chị như một bà hoàng".

"Chúa phù hộ em, vì em có lòng tốt. Chị cũng tin chắc như thế".

Và chị liền hôn tôi trước để cảm ơn lòng hiếu khách của tôi. Sau đó, chị lại lấy tạp dề che mặt và cười rũ rượi về cái anh Bácкít. Rồi chị bế em tôi ra khỏi nôi và ru. Rồi chị dọn dẹp đồ ăn để rồi lại xuất hiện với một cái mũ khác, với cái hộp kim chỉ, cái thước và cái mẫu nến của chị in hệt như ngày xưa.

Chúng tôi ngồi cạnh lửa, nói chuyện say sưa. Tôi kể cho hai người nghe ông Críchcơn là ông thầy độc ác như thế nào và hai người rất thương hại cho tôi. Tôi kể cho hai người nghe Xtiếcphoóc tốt như thế nào, che chở tôi như thế nào, và chị Pécgôti tuyên bố sẵn sàng đi bộ hai mươi dặm để thăm anh. Em tôi thức dậy, tôi bế nó và ru nó âu yếm. Khi nó ngủ lại, tôi lại ngồi cạnh mẹ tôi theo cái thói quen ngày xưa nay đã bỏ bẵng một thời gian dài, hai tay ôm lấy lưng, áp cái gò má đỏ hồng vào vai mẹ tôi, và một lần nữa, tôi cảm thấy mớ tóc xinh xắn của người xõa trên đầu tôi - tôi nhớ tôi thường so sánh nó với đôi cánh của thiên thần - và cảm thấy rằng tôi thực là hạnh phúc.

Trong khi tôi ngồi như thế mắt đăm đăm nhìn những hình ảnh trong bếp than hồng đỏ rực, tôi hầu như tưởng rằng mình chưa bao giờ rời khỏi nhà này, rằng ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn đều chỉ là

những hình ảnh sẽ biến đi khi ngọn lửa hạ xuống; và trong tất cả những điều tôi nhớ lại không có gì là thực cả trừ mẹ tôi, chị Pécgôti và tôi.

Chị Pécgôti đang ngồi vá một chiếc tất chân và chị vá mải miết lúc còn nhìn thấy nó. Sau đó, chị luồn tay trái xỏ vào tất chân, như xỏ vào một cái găng tay, tay phải cầm kim sẵn sàng chích một cái mỗi khi ngọn lửa bừng sáng lên. Tôi không thể tưởng tượng được những thứ tất tiếc kia mà chị cứ vá liên miên là của ai, ở đâu lại có nhiều tất cần vá như thế. Từ khi còn nhỏ bé, tôi đã có cảm tưởng rằng bao giờ cũng chỉ thấy chị làm có mỗi việc kim chỉ này mà thôi, ngoài ra không làm việc gì khác.

Tính chị Pécgôti đôi khi đột nhiên tò mò muốn biết những vấn đề đột ngột nhất. Chị hỏi:

"Tôi muốn biết… tôi muốn biết bà cô mẫu của Đêvit bây giờ ra sao rồi?"

Mẹ tôi tỉnh dậy khỏi giấc mơ nói:

"Trời ơi, cái chị Pécgôti này! Chị nói gì mà ngớ ngẩn thế?".

"Thưa bà thật đấy mà! Tôi muốn biết điều đó", chị Pécgôti đáp.

"Tại sao chị lại có thể đột nhiên nghĩ đến cái bà ấy?" mẹ tôi hỏi, "chị chẳng còn ai để nghĩ đến nữa hay sao?"

"Tôi thực không hiểu làm sao lại như thế", chị Pécgôti nói, "Có lẽ vì tôi ngốc thì phải, đầu não tôi không thể nào muốn nghĩ đến ai cũng được. Họ cứ vào trong đầu óc tôi rồi đi ra hoàn toàn tự do theo ý muốn của họ. Tôi muốn biết bây giờ bà ta như thế nào rồi?"

"Cái chị này rõ thật ngớ ngẩn", mẹ tôi đáp. "Người ta tưởng đâu rằng chị muốn bà ta đến đây lần thứ hai".

"Lạy trời điều đó đừng xảy ra!" Chị Pécgôti nói.

"Đã thế thì còn nói đến những chuyện xúi quẩy ấy làm gì, thế mới là dễ thương chứ", mẹ tôi nói. "Có lẽ cô Bétxi đang ở cấm cung trong cái nhà nhỏ nhắn của cô ven bờ biển và cô sẽ ở đấy mãi. Dù thế nào đi nữa, có lẽ chẳng bao giờ cô lại đến quấy rầy chúng ta".

"Chuyện! Cái đó chưa có gì chắc chắn cả. Tôi muốn biết nếu cô ta chết đi cô có để lại cái gì cho em Đêvi không", chị Pécgôti nói.

"Cầu Chúa tha lỗi cho chị", mẹ tôi nói. "Cái chị này điên thực! Chị biết rằng cô ta thấy đứa con trai yêu quí của tôi ra đời thì đã nổi giận rồi cơ mà!"

"Tôi cho rằng bây giờ cô ta đã tha thứ cho nó", chị Pécgôti gợi ý.

"Chị bảo tại sao cô ta sẵn sàng tha thứ cho nó nào?" mẹ tôi nói hơi xẵng.

"Tôi muốn nói rằng bây giờ nó đã có em", chị Pécgôti nói.

Mẹ tôi liền khóc òa và nói rằng không hiểu tại sao chị Pécgôti dám cả gan nói với mẹ tôi một điều như vậy.

"Chị làm như thể cái thằng bé thơ ngây tội nghiệp đang nằm trong nôi này đã làm hại đến chị, hay đến một người nào khác. Người đâu mà hay ghen như thế! Thôi. Chị đi lấy anh xà ích Bácкít đi còn hơn. Tại sao chị lại không đi cơ chứ?"

"Tôi mà đi thì cô Mơcxtôn sẽ bằng lòng lắm đấy!" Chị Pécgôti nói.

"Người đâu mà tính khí khó chịu thế", mẹ tôi đáp. Chị cứ ghen với cô Mơcxtôn thực rõ buồn cười. Thế chị muốn giữ lấy tất cả chìa khóa phải không, chắc là chị muốn phân phát các thức ăn thì phải.

Nếu chị nghĩ như thế thì tôi cũng chẳng lấy gì làm lạ. Chị biết rằng cô ta làm thế là hoàn toàn xuất phát từ lòng tốt và vì thiện chí! Chị Pécgôti chị biết điều đó, chị biết rõ điều đó lắm chứ!"

Chị Pécgôti lẩm bẩm điều gì hình như nói "Ma bắt cái lòng tốt của cô ta đi", và nói bóng gió, "kể thực cô ta cũng tốt bụng quá đi đấy".

"Tôi hiểu ý chị muốn ám chỉ gì rồi" mẹ tôi nói. "Người đâu mà cau có đến khó chịu! Tôi hiểu chị lắm. Chị Pécgôti ạ chị cũng biết rõ điều đó và đáng lý mặt chị phải đỏ như gấc. Nhưng thôi, mỗi lúc ta chỉ nên nói về một việc nào thôi. Hiện nay ta đang bàn về cô Mơcxtôn và tôi không cho chị nói lảng sang chuyện khác đâu. Chị Pécgôti ạ, chẳng phải chị vẫn thường nghe cô ta nói đi nói lại rằng tôi là một người quá ngờ nghệch và quá…"

"Quá xinh đẹp!" chị Pécgôti nói thêm.

Mẹ tôi cười và đáp:

"Này nếu cô ta điên đến nỗi nói như vậy, thì đó có phải là lỗi của tôi đâu?"

"Chẳng có ai nói đó là lỗi của bà hết", chị Pécgôti đáp.

"Tôi hy vọng rằng không phải như thế" mẹ tôi nói "Chị vẫn thường nghe đấy chứ. Cô ta thường nói đi nói lại rằng cô ta làm như vậy là để cho tôi tránh khỏi nhiều điều lo lắng không hợp với tôi. Riêng bản thân tôi, tôi cũng không biết tôi có thể làm được không. Chị cũng thấy đấy chứ, từ sáng sớm cô ta đã dậy, đi đi lại lại không biết mệt cho đến tối để làm đủ mọi thứ, để lục lọi khắp nơi, từ cái hầm đựng than đến cái tủ đồ ăn và tất cả những nơi khác không thú vị gì cho lắm. Ấy thế mà chị còn muốn nói bóng nói gió rằng đó không phải là một thứ tinh thần tận tụy!"

"Tôi không nói bóng nói gió gì hết."

"Có, chị Pécgôti ạ", mẹ tôi đáp. "Ngoài công việc của chị, chị không làm việc gì khác. Cả ngày chị cứ lo nói bóng nói gió. Chị cho thế là sướng lắm đấy và khi nào chị nói đến những ý định tốt của ông Mơcxtôn".

"Ồ! Tôi không bao giờ nói đến điều đó", chị Pécgôti nói.

"Không, nhưng chị nói bóng nói gió", mẹ tôi đáp. "Đúng như điều tôi vừa nói lúc nãy, tật xấu của chị là ở đấy. Chị cứ muốn nói bóng nói gió. Lúc nãy tôi vừa nói rằng tôi hiểu chị và chị cũng hiểu rằng đó là đúng. Khi chị nói đến những ý định tốt của ông Mơcxtôn và chị có cái thái độ khinh họ (bởi vì tôi tin chắc rằng trong thâm tâm chị thực sự khinh họ, chị Pécgôti ạ) chị cũng phải tin chắc như tôi rằng những ý nghĩ kia là tốt và những ý nghĩ ấy thúc đẩy anh ấy trong tất cả những việc anh ấy làm. Nếu như anh ấy hơi nghiêm khắc với một người nào đó (chị Pécgôti ạ, chị hiểu điều đó lắm và Đêvi cũng vậy chắc chắn cũng hiểu rằng tôi không nói đến một người nào có mặt ở đây) thì đó chỉ vì anh ấy tin chắc rằng điều anh ấy làm là vì lợi ích của người ấy. Cố nhiên anh yêu người ấy vì anh yêu tôi và anh làm là chỉ vì lợi ích của người ấy mà thôi. Anh có năng lực nhận xét hơn tôi bởi vì tôi là một người yếu đuối, trẻ con và nhẹ dạ; trái lại anh ấy là người kiên quyết, nghiêm nghị và trang trọng. Anh ta đã khổ tâm nhiều vì tôi". Mẹ tôi vừa nói vừa khóc sướt mướt vì bản tính của mẹ tôi rất dịu dàng. "Tôi biết ơn anh ấy và rất phục tùng anh ấy, ngay cả ở trong ý nghĩ và khi nào tôi không nghĩ như vậy thì tôi tự dằn vặt, tôi tự trách móc, tôi nghi ngờ cả con tim của tôi và tôi không biết nên làm gì".

Chị Pécgôti im lặng nhìn ngọn lửa, cằm áp vào cái tất chị đang vá. Mẹ tôi đổi giọng:

"Thôi chị Pécgôti ạ. Chúng ta đừng giận nhau nữa nhé, bởi vì nếu như thế thì tôi không thể chịu nổi. Chị là người bạn trung thành của tôi nếu như trên đời này tôi có một người bạn. Khi tôi nói rằng chị

buồn cười hay khó chịu, hay một điều gì tương tự như thế thì tôi chỉ muốn nói rằng chị là người bạn trung thành của tôi, từ buổi chiều anh Copơphin đưa tôi đến đây lần đầu tiên và chị ra cổng đón".

Chị Pécgôti liền biểu lộ ngay tình cảm của mình đối với những lời tâm sự ấy và ký ngay cái hòa ước hữu nghị bằng cách ra sức ôm ghì lấy tôi. Tôi tin rằng trong lúc ấy thỉnh thoảng tôi cũng thoáng biết tính chất chính của câu chuyện vừa trao đổi, nhưng bây giờ thì tôi tin chắc rằng việc này là do con người quí hóa kia cố ý gây ra và tham dự vào đấy để cho mẹ tôi có thể lấy cái kết luận ngắn ngủi và mâu thuẫn mà mẹ tôi vừa nói để tự an ủi.

Kế hoạch của chị đã thành công rực rỡ và tôi nhớ rằng mẹ tôi sau lúc ấy có vẻ khoan khoái hơn trước và chị Pécgôti cũng ít chăm chú nhìn mẹ tôi hơn.

Sau bữa ăn tối, sau khi đốt lửa lên và sửa lại ngọn nến, tôi đọc cho chị Pécgôti một chương trong quyển sách cá sấu để nhớ lại ngày xưa (chị lấy nó ở trong túi áo ra và tôi tự hỏi có phải chị giữ nó trong túi áo từ khi tôi ra đi không). Chúng tôi nói chuyện về Xalem học hiệu, điều này lại khiến tôi quay trở về Xtiếcphoóc là đầu đề tôi thú nhất. Chúng tôi rất sung sướng.

Đêm hôm ấy là cái đêm cuối cùng chúng tôi sống như vậy và từ đó về sau nó vĩnh viễn chấm dứt chương này trong quyển sách đời của tôi và tôi sẽ không bao giờ quên nó nữa.

Lúc gần mười giờ đêm thì nghe tiếng bánh xe. Tất cả chúng tôi đứng dậy. Mẹ tôi nói vội vã rằng bấy giờ đã khuya lắm, ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn muốn trẻ con đi ngủ sớm, cho nên tôi nên đi ngủ thì hơn. Tôi hôn mẹ tôi và lập tức cầm nến đi về phòng trước khi họ vào. Khi tôi bước từng bước vào cái phòng ngủ mà trước đây tôi đã bị giam giữ, trí óc ngây thơ của tôi cảm thấy hình như họ đưa vào nhà một cơn gió lạnh thổi tan tất cả cái bầu không khí thân mật êm ấm trong nhà như một ngọn gió thổi một cái lông chim.

Sáng hôm sau, tôi cảm thấy khó chịu khi xuống ăn sáng, vì từ hôm tôi đã phạm cái tội đáng nhớ ấy thì chưa bao giờ tôi nhìn ông Mơcxtôn. Nhưng bây giờ không có cách nào tránh nên tôi đành phải bước xuống. Sau khi hai ba lần đi được nửa đường rồi lại rón rén về phòng, cuối cùng tôi phải bước vào phòng khách, ông Mơcxtôn đang đứng trước ngọn lửa lưng quay vào ngọn lửa trong lúc ấy cô Mơcxtôn đang nấu trà. Ông chăm chú nhìn tôi khi bước vào nhưng không có chút gì chứng tỏ ông nhận được tôi.

Sau một lúc lúng túng tôi bước đến và nói với ông ta "Con xin lỗi dượng, con rất hối hận về điều đã làm và mong rằng dượng sẽ tha lỗi cho con".

"Tao rất vui lòng thấy mày đã hối hận", ông đáp.

Ông đưa cho tôi cái bàn tay mà tôi đã cắn để bắt tay tôi. Tôi không thể tự cấm mình không nhìn thấy cái dấu đỏ ở trên bàn tay, nhưng nó cũng không đỏ bằng mặt của tôi lúc tôi nhìn thấy cái vẻ đe dọa trên khuôn mặt của ông. Tôi nói với cô Mơcxtôn:

"Cô mạnh khỏe chứ?"

Cô Mơcxtôn thở dài và nói:

"Trời ơi!", và đưa cho tôi cái thìa uống trà, chứ không đưa tay ra bắt, "Mày nghỉ hè bao lâu?"

"Thưa cô một tháng ạ!"

"Kể từ hôm nào!"

"Thưa cô kể từ hôm nay".

"Ồ! Nhưng thế cũng bớt đi được một ngày", cô Mơcxtôn nói.

Cô ta giữ một quyển lịch về ngày nghỉ nhằm mục đích ấy, mỗi buổi sáng cô ta xóa đi một ngày một cách in hệt như nhau. Cô ta làm một cách cau có cho đến khi đến con số hàng chục thì cô càng ngày càng nhiều hy vọng, và dần dần cô lại tỏ ra hí hửng nữa kia.

Chính trong ngày đầu tiên này lại là ngày tôi gặp phải điều không may là bắt cô phải kinh hoàng dữ dội mặc dầu tính cô không có cái nhược điểm ấy. Tôi bước vào phòng, cô và mẹ tôi đang ngồi ở đấy, thằng bé (nó mới vài tuần thôi) đang nằm trên đùi mẹ tôi. Tôi bế nó lên tay hết sức âu yếm nâng niu. Đột nhiên, cô Mơcxtôn thét lên một tiếng làm tôi suýt nữa buông rơi thằng bé. Mẹ tôi kêu lên.

"Chị Jan, cái gì thế?"

"Trời ơi! Cô có thấy gì không?" cô Mơcxtôn kêu lên.

"Chị Jan thấy cái gì? ở đâu?" mẹ tôi hỏi.

"Nó bế thằng bé!" Cô Mơcxtôn kêu lên, "Con chị đã bế thằng bé".

Cô ta hoảng sợ quá nên người mềm nhũn ra nhưng rồi lại cứng lại ngay và nhảy chồm về phía tôi giằng nó ra khỏi tay tôi. Sau đó cô ta ngất đi và bệnh tình trầm trọng đến nỗi người ta phải cho cô uống rượu anh đào. Khi tỉnh dậy, cô ta ra lệnh nghiêm cấm không cho tôi động đến em tôi vì bất cứ lý do nào và người mẹ tội nghiệp của tôi, (mặc dù tôi có thể thấy rằng mẹ tôi muốn khác) đã khẳng định lại lệnh cấm ấy một cách dịu dàng và nói:

"Cố nhiên chị Jan ạ, chị nói có lý."

Có một lúc khác khi cả ba người chúng tôi cùng ngồi thì cũng thằng bé ấy (tôi thành thực yêu nó vì tôi yêu mẹ tôi) lại là duyên cớ khiến cho cô Mơcxtôn nổi giận. Trong khi nó nằm trên đùi mẹ tôi, mẹ tôi nhìn vào mắt nó mà nói:

"Đêvi, con đến đây". Và mẹ tôi bắt đầu nhìn vào mắt tôi.

Tôi thấy cô Mơcxtôn đặt chuỗi ngọc cô đang xâu xuống. Mẹ tôi nói dịu dàng:

"Em thấy giống nhau như đúc, tôi thấy đúng là mắt của tôi. Giống ghê lắm!".

"Mợ nói gì thế, mợ Clara?" Cô Mơcxtôn hỏi.

Mẹ tôi ấp úng vì hơi bị giọng nghiêm khắc của cô Mơcxtôn làm cho lúng túng.

"Em thấy mắt thằng bé và mắt thằng Đêvi giống in hệt nhau".

Cô Mơcxtôn đứng dậy, giận dữ:

"Mợ Clara! Tôi thấy đôi khi mợ thực đến ngớ ngẩn".

"Chị Jan, chị nói thế nào?" mẹ tôi phản đối.

"Thực rõ ngớ ngẩn! Ai lại như mợ dám so sánh đứa con của em tôi với đứa con của mợ? Chúng chẳng giống nhau chút nào hết. Chúng hoàn toàn khác nhau. Chúng hoàn toàn khác nhau về tất cả mọi mặt. Tôi hy vọng rằng chúng sẽ suốt đời như vậy. Tôi không muốn ngồi đây để nghe so sánh như thế".

Nói xong cô dõng dạc bước ra và đóng sầm cửa lại.

Tóm lại, tôi không phải là người được ai nuông chiều, ngay đến cả bản thân tôi cũng vậy, bởi vì những người thực sự yêu tôi không có thể tỏ điều ấy ra; trái lại những người không yêu tôi thì lại biểu lộ điều đó lộ liễu đến nỗi tôi có cái cảm giác đau đớn là bao giờ cũng tỏ ra mất tự nhiên, vụng về và cau có.

Tôi cảm thấy tôi đã làm phiền họ cũng như họ đã làm phiền tôi. Nếu tôi bước vào trong lúc họ đang ngồi nói chuyện với nhau và mẹ tôi xem ra rất vui vẻ thì một đám mây u ám lập tức che phủ khuôn mặt của mẹ tôi ngay từ lúc tôi bước vào. Nếu ông Mơcxtôn hết sức cao hứng thì tôi sẽ làm ông cụt hứng. Nếu ông Mơcxtôn đang bực bội thì tôi lại càng làm cho ông thêm bực bội. Tôi rất biết rằng mẹ tôi bao giờ cũng là nạn nhân, rằng mẹ tôi sợ sẽ không dám nói chuyện với tôi hay tỏ ra hiền từ với tôi vì sợ làm như thế họ sẽ giận và sau đó lại được một bài giáo huấn. Tôi có cảm tưởng rằng không những mẹ tôi luôn luôn sợ mẹ tôi làm họ giận, mà lại sợ tôi làm họ giận nữa, và cứ lo lắng nhìn sắc mặt của họ mỗi khi tôi cử động một chút.

Vì vậy, tôi quyết định cố hết sức tránh họ và có nhiều giờ mùa đông năm ấy tôi ngồi trong phòng ngủ buồn rầu, mình khoác cái áo khoác nhỏ bé, đọc sách mải miết trong khi tai nghe chuông nhà thờ điểm.

Buổi chiều, đôi khi tôi đến ngồi cạnh chị Pécgôti ở nhà bếp. Ở đấy, tôi cảm thấy mình thoải mái và không sợ là mình không phải là mình. Nhưng các biện pháp này không được những người ở phòng khách tán thành. Thái độ thích hình phạt thống trị ở đây cản trở những điều đó. Người ta cho rằng tôi cần thiết đối với việc giáo dục mẹ tôi và vì tôi là một thử thách đối với mẹ tôi nên tôi không được phép vắng mặt.

Một hôm, sau bữa ăn trưa, trong khi tôi sắp sửa ra khỏi phòng như thường lệ, thì ông Mơcxtôn nói:

"Đêvit! Tao rất buồn vì thấy mày là một đứa trẻ tính tình cau có".

"Cau có như gấu", Cô Mơcxtôn nói.

Tôi đứng yên cúi gầm mặt xuống, ông Mơcxtôn nói:

"Đêvit! Tao nói cho mày biết trong mọi tật xấu thì tính cau có, bướng bỉnh là tật xấu tệ hại nhất".

Bà chị nhận xét:

"Thằng bé này là thằng bé cau có, bướng bỉnh nhất trên đời, xưa nay tôi chẳng thấy ai như nó. Nó bướng bỉnh và cứng cổ nhất. Mợ Clara, chắc mợ cũng nhận thấy điều đó?"

"Chị Jan ạ", mẹ tôi nói. "Chị tha lỗi cho em, chị có chắc chắn là chị hiểu được Đêvit không?"

"Nếu tôi không hiểu được thằng bé này hay bất kỳ một thằng bé nào khác thì đó là một điều làm tôi hổ thẹn", Cô Mơcxtôn đáp. "Tôi không tự cho mình là người sâu sắc, nhưng tôi cũng có óc nhận xét thông thường như mọi người".

"Cố nhiên óc nhận xét của chị rất là chính xác" mẹ tôi nói.

Cô Mơcxtôn nói xen vào một cách giận dữ:

"Ồ, không đâu, mợ Clara, mợ đừng nói thế!"

"Nhưng em tin chắc chắn là như thế", mẹ tôi nói tiếp "Và mọi người đều nhận thấy như thế, bản thân em cũng đã thu được nhiều điều bổ ích hay ít nhất em phải thu được nhiều điều bổ ích và không ai hiểu điều đó rõ hơn em. Vì vậy lúc này em nói với chị một cách do dự, chị Jan ạ, em nói thật với chị như vậy".

"Ừ, thì cho rằng tôi không hiểu thằng bé", cô Mơcxtôn vừa nói vừa xếp lại những sợi dây xích ở trên cổ tay. "Chúng ta hãy đồng ý như mợ muốn rằng tôi không hiểu nó một chút nào cả. Nó là quá sâu sắc đối với tôi. Nhưng có lẽ trình độ quan sát của em tôi sẽ nhìn thấy một phần trong tính cách của nó. Và tôi tin rằng em tôi đang nói điều này khi chúng ta ngắt lời một cách không lấy gì làm nhã nhặn cho

lắm".

"Clara ạ", ông Mơcxtôn nói hạ thấp giọng và nghiêm trang, "anh nghĩ rằng có những người nhận xét vô tư hơn em về vấn đề ấy".

Mẹ tôi đáp rụt rè:

"Anh Etuôt ạ, em biết rằng về bất kỳ vấn đề gì, nhận xét của anh, cũng như của chị Jan cũng sâu sắc hơn em. Em chỉ nói rằng…".

"Em vừa nói một điều chứng tỏ rằng em yếu ớt và không suy nghĩ chín chắn. Từ rày đừng làm như thế nữa Clara ạ, em phải để ý đến em", ông Mơcxtôn nói.

Đôi môi của mẹ tôi mấp máy, hình như mẹ tôi nói:

"Vâng, anh ạ". Nhưng mẹ tôi không nói gì rõ. Ông Mơcxtôn quay đầu và đưa mắt về phía tôi một cách nghiêm khắc nói:

"Này Đêvit, tao rất buồn vì thấy mày là một thằng tính khí cau có. Tao không chịu để cho cái tính cau có ấy phát triển tự do ở dưới mắt tao mà không tìm cách sửa chữa. Ông ơi ông phải cố gắng thay đổi cái tính khí kia đi; và chúng tôi, chúng tôi cũng phải cố gắng giúp ông thay đổi nó".

"Con xin lỗi dượng", tôi ấp úng, "Từ khi con trở về đây, không bao giờ con có ý tỏ ra cau có".

"Mày đừng có chối quanh", ông đáp một cách hung tợn đến nỗi tôi thấy mẹ tôi vô tình đưa bàn tay run run ra can chúng tôi. "Mày cứ cau có mà rút lui về cái phòng của mày. Đáng lý mày phải ngồi đây, thế mà mày cứ ngồi lỳ ở trong phòng. Tao nói lần cuối cùng cho mày biết, tao muốn mày phải ngồi ở đây chứ không phải ngồi ở đấy. Tao lại còn muốn mày phải biết vâng lời, Đêvit mày biết tao thế nào rồi chứ, tao muốn thế đấy".

Cô Mơcxtôn buông một tiếng cười khàn đặc ra vẻ khoái trá. Ông Mơcxtôn nói tiếp: "Tao muốn mày tỏ ra lễ phép, nhanh nhẩu và ân cần đối với tao, đối với cô Jan cũng như đối với mẹ mày. Tao không muốn thấy một thằng bé tự ý trốn khỏi phòng này như ở đây có bệnh dịch hạch. Mày ngồi xuống!".

Ông ra lệnh cho tôi như ra lệnh một con chó và tôi vâng lời như một con chó vâng lời. Ông nói tiếp:

"Lại còn một việc này nữa. Tao nhận thấy mày cứ thích bạn bè với bọn bình dân hèn hạ. Mày không được chơi bời với bọn đầy tớ. Cái nhà bếp không có giúp mày tiến bộ về nhiều mặt cần phải tiến bộ đâu. Còn về người đàn bà bênh vực mày thì tao không nói gì, vì Clara ạ", đến đây ông hạ giọng và nói với mẹ tôi. "Em còn giữ những kỷ niệm cũ và những ảo tưởng ngày xưa đã bắt rễ từ lâu nên em có thái độ yếu đuối đối với nó mà em vẫn chưa khắc phục được".

"Thực là một ảo tưởng không sao cắt nghĩa được", cô Mơcxtôn kêu lên.

Ông lại nói tiếp với tôi:

"Tao chỉ nói rằng tao không tán thành chuyện mày lân la bên cạnh con mụ Pécgôti. Đêvit! Mày phải chừa cái lối đó đi. Đêvit! Bây giờ mày đã hiểu tao như thế nào rồi và mày đã hiểu nếu không phục tùng tao từng lời một thì sẽ có hậu quả gì chứ?"

Cố nhiên là tôi hiểu… Có lẽ tôi còn hiểu hơn điều ông nói nếu xét về quyền lợi người mẹ tội nghiệp của tôi, và tôi vâng lời ông ta từng chữ một. Tôi không tìm cách lẩn tránh bên cạnh chị Pécgôti nữa; trái lại tôi ngồi trong phòng khách mệt mỏi, hết ngày này sang ngày khác cứ mong sao đêm đến và

nóng ruột đợi giờ đi ngủ.

Suốt hàng giờ tôi đã từng phải chịu một sự câu thúc thực là mệt nhọc, cứ phải ngồi giữ một thái độ không thay đổi, không dám cử động tay chân vì sợ cô Mơcxtôn sẽ than phiền bảo tôi láu táu (gặp một cớ rất nhỏ là cô nói như vậy), không dám ngước mắt nhìn vì sợ gặp phải một cái nhìn hằn học hay xoi mói sẵn sàng tìm thấy trong cái nhìn của tôi một duyên cớ để than phiền! Có gì bực bội cho bằng ngồi im lặng nghe tiếng đồng hồ kêu tích tắc, nhìn cô Mơcxtôn xâu những viên sắt tròn giả làm ngọc lóng lánh và tự hỏi có bao giờ cô ta lấy chồng không và nếu như vậy thì anh chàng bất hạnh kia sẽ là ai; ngồi đếm những hoa văn trên lò sưởi, mắt nhìn từ dưới lên trên, xem những nét vẻ quanh co và xoắn ốc của tờ giấy trên tường chạy lên đến trần! Trong những ngày đông tiết trời khó chịu đã bao lần tôi đi dạo chơi một mình trên những con đường lầy lội, đi đâu cũng nghĩ đến cái phòng khách nhỏ kia với ông Mơcxtôn, cô Mơcxtôn, như mang một gánh nặng khủng khiếp canh cánh bên lòng mà tôi đành phải chịu đựng, nó như một cơn ác mộng không có gì xua đuổi, đè nặng lên tâm trí của tôi làm cho tôi thành đần độn!

Bao nhiêu bữa cơm tôi ngồi ăn im lặng và lúng túng luôn luôn cảm thấy rằng có một đồ dao nĩa thừa ra, đó là bộ đồ dao nĩa của tôi, có một cái dạ dày thừa ra đó là dạ dày của tôi, có một cái ghế và một cái đĩa thừa ra đó là cái ghế và cái đĩa của tôi; cuối cùng có một con người thừa ra, đó là bản thân tôi!

Lại còn những buổi tối người ta đem nến đến và bắt tôi phải lo việc học tập. Vì tôi không dám đọc một cuốn sách thú vị, tôi chỉ còn biết ngồi nghiền ngẫm một quyển sách toán nào đó đã khô khan lại tàn nhẫn và các bản đo lường cũng hòa theo nhịp điệu những bài hát: "Nước Anh hãy trị vì" hay "Xua đuổi u sầu". Nó vào lỗ tai này lại ra đằng lỗ tai kia mà không chịu để cho tôi nhớ.

Tôi cứ ngồi ngáp dài ngáp ngắn và ngủ gà ngủ gật mặc dầu đã hết sức cố gắng. Sau những giấc ngủ vụng trộm, tôi bừng tỉnh dậy và người ta không đáp lại những câu hỏi mà ngẫu nhiên tôi đánh bạo hỏi.

Tôi hình như là một con số không, không ai thèm để ý đến và làm cho mọi người khó chịu. Tôi thật lấy làm khoan khoái như trút một gánh nặng khi nghe tiếng đồng hồ đánh tiếng đầu tiên báo hiệu chín giờ tối và cô Mơcxtôn ra lệnh cho tôi được phép về buồng ngủ.

Những ngày nghỉ hè kéo dài lê thê như vậy cho đến khi cô Mơcxtôn kêu lên. "Hôm nay là ngày chót!" và cho tôi chén trà cuối cùng trong thời gian nghỉ hè.

Tôi không buồn vì phải ra đi. Tôi đã rơi vào một tình trạng ngớ ngẩn. Nhưng tôi hơi vui một chút khi nghĩ đến Xtiếcphoóc, mặc dầu bóng ông Críchcơn đã hiện ra đằng sau anh ta. Rồi anh Bácкít lại hiện ra ở cổng và cô Mơcxtôn lại kêu lên đe dọa "Mợ Clara!" khi mẹ tôi cúi đầu về phía tôi để từ biệt.

Tôi hôn mẹ và đứa em nhỏ và lúc bấy giờ tôi cảm thấy rất buồn vì phải đi xa, bởi vì ở giữa chúng tôi vẫn có một hố sâu ngăn cách và ngày nào đối với chúng tôi cũng là những ngày xa cách. Mặc dầu cái hôn của mẹ tôi có thân thiết đến đâu, nó cũng không làm tôi nhớ mãi bằng việc xảy ra sau đó:

Tôi đang ngồi trên xe ngựa thì tiếng mẹ tôi gọi tôi. Tôi nhìn ra và thấy mẹ đứng một mình ở cổng vườn, hai tay giơ đứa bé lên cao cho tôi nhìn. Trời hôm ấy lạnh và không có gió, không một sợi tóc nào, không một nếp áo nào của mẹ tôi cử động trong lúc mẹ tôi nhìn tôi đăm đăm tay vẫn giơ cao đứa bé cho tôi thấy.

Và thế là tôi mất hút mẹ tôi. Sau này, tôi thấy lại mẹ tôi trong những giấc mơ ở trường cũng trong dáng điệu như thế: đứng yên lặng bên cạnh giường tôi, mắt đăm đăm nhìn tôi… hai tay giơ đứa bé lên

cao.

Chương IX
TÔI CÓ MỘT NGÀY SINH NHẬT ĐÁNG GHI NHỚ

Tôi bỏ qua không nói đến những ngày xảy ra ở nhà trường trước ngày sinh nhật của tôi vào tháng ba. Tôi không còn nhớ gì nữa trừ điểm Xtiếcphoóc lại càng đáng khen hơn bao giờ hết. Anh phải rời khỏi trường vào cuối học kỳ nếu không phải sớm hơn. Tôi thấy anh lại càng cao hứng và tự do hơn trước, và do đó, anh lại càng làm cho tôi mê. Nhưng ngoài việc đó ra thì tôi không còn nhớ gì nữa. Cái kỷ niệm lớn đánh dấu thời kỳ ấy ở trong óc tôi dường như đã nuốt mất tất cả những kỷ niệm khác nhỏ hơn và chỉ tồn tại một mình.

Thậm chí, tôi khó lòng tin rằng giữa thời gian tôi ở lại Xalem học hiệu và ngày sinh nhật ấy lại có cả một lỗ trống những hai tháng trời ròng rã. Tôi chỉ có thể hiểu rằng sự thực là như vậy, bởi vì tôi biết nó phải như thế; nếu không, tôi sẽ yên trí rằng không có khoảng cách nào cả và sự kiện sau kế tiếp liền ngay sự kiện trước.

Tôi còn nhớ rõ ràng ngày hôm ấy thời tiết như thế nào. Tôi ngửi thấy mùi sương mù bao phủ chung quanh. Tôi thấy sương giá trắng xóa hiện ra dễ sợ qua màn sương mù, tôi cảm thấy mái tóc đẫm sương của tôi dính vào hai má, tôi nhìn thấy dãy phòng học hiện ra lờ mờ, đây đó những ngọn đèn nến chiếu sáng nổ lách tách trong buổi sáng đầy sương mù và hơi thở của học sinh cuộn tròn như khói trong bầu không khí giá lạnh mỗi khi chúng thổi vào ngón tay và giẫm chân trên đất.

Chúng tôi đã ăn cơm sáng xong và vừa ở sân chơi vào, thì ông Sácpơ đến nói:

"Đêvit Copơphin! lên phòng khách!"

Tôi hy vọng ông Pécgôti sẽ đem đến cho tôi một giỏ gì đây, cho nên nghe gọi thì mừng quýnh. Trong khi nhanh nhẩu đứng dậy và mấy đứa ngồi xung quanh dặn tôi đừng có quên phần chúng khi chia các thứ quà thì ông Sácpơ nói:

"Đêvit, em còn chán thì giờ không cần gì phải vội".

Nếu tôi để ý một chút thì tôi sẽ ngạc nhiên về giọng nói ái ngại của ông, nhưng lúc bấy giờ tôi không hề để ý đến điều đó. Tôi vội vàng chạy lên phòng khách. Tôi thấy ông Críchcơn đang ngồi ăn sáng ở đấy, trước mặt là một tờ báo và một cái gậy và bà Críchcơn tay cầm một lá thư để ngỏ. Còn chẳng thấy rổ rá nào cả.

Bà Críchcơn đưa tôi đến một cái ghế xô-pha và ngồi bên cạnh tôi và nói:

"Đêvit Copơphin, bác muốn nói riêng với em một điều. Bác muốn nói với con một điều".

Cố nhiên, tôi nhìn thấy ông Críchcơn. Ông lắc đầu không nhìn tôi và lấy một miếng bánh mì nướng to tướng, phết bơ nhét vào miệng nuốt để bịt tiếng thở dài. Bà Críchcơn nói:

"Con còn nhỏ quá nên không biết rằng thế giới này thay đổi từng ngày, và con người ta trên thế giới này đi mất như thế nào. Nhưng Đêvit ạ, ai cũng phải biết điều đó, có người biết khi còn trẻ, có người biết khi đã già, lại có người suốt đời lúc nào cũng biết".

Tôi nhìn bà ta đăm đăm.

"Lúc nghỉ hè xong con rời khỏi nhà". Bà Críchcơn dừng lại một lát, "tất cả nhà có khỏe mạnh không?" Và dừng lại một lần thứ hai, "mẹ em có mạnh khỏe không?".

Mặc dầu tôi không hiểu rõ tại sao, tôi đã run bắn lên, mắt đăm đăm nhìn bà, không tìm được câu trả

lời bà ta nói:

"Bởi vì, bác đau đớn nói cho em biết rằng sáng nay bác được tin rằng mẹ em đau nặng lắm".

Một lớp sương mù bốc lên giữa bà Críchcơn và tôi và hình ảnh của bà hình như chuyển động ở trong đám sương mù này trong một lát. Rồi tôi cảm thấy những hạt nước mắt nóng ran chảy xuống má và hình ảnh của bà lại im lìm như cũ. Bà nói tiếp:

"Bệnh tình mẹ em rất trầm trọng."

Bây giờ tôi đã biết tất cả.

"Mẹ em đã mất".

Thực ra, bà không cần phải nói với tôi điều đó. Tôi đã khóc òa một cách tuyệt vọng và cảm thấy mình đã thành một đứa mồ côi ở trong cái thế giới bao la này.

Bà đối với tôi rất tử tế. Bà giữ tôi ở đấy cả ngày, đôi khi lại để tôi ở đấy một mình. Tôi khóc mãi và mệt quá nên ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy, tôi lại khóc nữa. Khi tôi không còn khóc được nữa, tôi bắt đầu suy nghĩ và lúc bấy giờ tôi cảm thấy ngực nặng trĩu và nỗi buồn của tôi làm cho tôi đau âm ỉ không có cách gì xoa dịu được.

Tuy nhiên, tư tưởng của tôi rất tản mạn, nó không tập trung vào cái tai nạn đang đè nặng lên tim tôi, mà lại đi lan man chung quanh tai nạn ấy. Tôi nghĩ đến cái nhà cửa đóng then cài của chúng tôi từ nay lặng ngắt. Tôi nghĩ đến thằng bé mà bà Críchcơn nói mấy lâu nay vẫn ốm mòn ốm mỏi và họ nghĩ rằng cũng sẽ chết. Tôi nghĩ đến ngôi mộ của ba tôi ở ngoài nghĩa địa cạnh nhà tôi, và nghĩ đến người mẹ của tôi sẽ nằm ở dưới cái cây mà tôi biết rất rõ.

Khi tôi ngồi một mình, tôi đứng lên ghế và nhìn vào gương, xem cặp mắt của tôi đỏ ngầu và mặt của tôi buồn bã như thế nào. Vài giờ sau, tôi tự hỏi không biết có phải bây giờ nước mắt của tôi chảy ra có vẻ khó khăn hay không (nhưng tôi cảm thấy thế) và lần này về nhà để đi đưa đám thì trong các tổn thất của tôi cái gì sẽ làm tôi đau xót nhất. Tôi nhớ rằng tôi có vẻ oai trong bọn học sinh, và cảnh ngộ đau buồn của tôi đã biến tôi thành quan trọng.

Nếu xưa nay có một đứa trẻ đau khổ thành thực thì đứa đó là tôi. Tuy vậy, tôi còn nhớ rằng chiều hôm ấy khi bọn học sinh đều lên lớp, còn tôi vẫn đi dạo chơi ở ngoài sân, cái vẻ quan trọng này làm cho tôi hơi thỏa mãn. Khi tôi thấy chúng nhìn trộm tôi qua cửa sổ lúc lên lớp học, tôi cảm thấy tôi có vẻ oai nên tôi lại càng làm ra vẻ buồn bã và bước đi càng chậm rãi. Hết giờ học, chúng đến nói chuyện với tôi, tôi cảm thấy vừa ý vì tôi không kiêu ngạo đối với ai và đối xử với tất cả cũng hệt như ngày trước.

Đêm hôm sau, tôi phải về nhà, nhưng không phải về xe thư mà ngồi trên một cái xe ngựa đi đêm to lớn gọi là "Chị nông dân", những người nông dân thường dùng xe này để đi những đoạn đường ngắn. Chiều hôm ấy, chúng tôi không kể chuyện và Trátđơn nhất thiết đòi nhường gối của nó cho tôi cho bằng được. Tôi không hiểu làm như thế thì có ích lợi gì cho tôi không, bởi vì tôi cũng đã có một cái gối rồi, nhưng cậu ta tội nghiệp chẳng biết có gì mà cho, trừ một tờ giấy viết thư vẽ đầy những bộ xương người mà cậu cho tôi khi chúng tôi từ biệt, để an ủi nỗi đau buồn của tôi và giúp cho tâm hồn tôi được yên tĩnh.

Chiều hôm sau, tôi rời khỏi Xalem học hiệu. Bấy giờ tôi không ngờ rằng tôi sẽ không bao giờ trở lại đấy nữa. Xe chúng tôi đi rất chậm suốt cả đêm và mãi đến chín hay mười giờ sáng mới đến Yácmao. Tôi nhìn quanh quẩn tìm anh Bácкít nhưng không thấy anh ta đâu cả; trái lại thấy một người béo mập, ngắn hơi, mặt mày vui vẻ, mặc đồ đen có những chùm giây vải đã cũ buộc thắt cái quần cụt

bó ở đầu gối, chân đi tất đen, đầu đội mũ rộng vành, vừa đi đến cửa xe vừa thở hổn hển và hỏi:

"Em Copơphin?"

"Cháu đây ạ."

"Em có muốn đi với tôi không? Tôi rất vui lòng đưa cậu về".

Ông vừa nói vừa mở rộng cửa xe. Tôi chìa tay ra cho ông bắt, trong lòng suy nghĩ không biết ông là ai. Chúng tôi đi đến một cửa hiệu ở trên một đường phố hẹp, ở trước cửa có cái biển đề *"Âumơ, bán dạ, thợ may, bán đồ làm sẵn, đồ tang v.v..."* Đó là một cửa hiệu nhỏ chật chội và nghẹt thở, đầy mọi thứ có quần làm sẵn hay chưa làm xong, kể cả một tủ kính đựng đầy những mũ là mũ bằng da hải-ly và mũ chụp. Chúng tôi bước vào một cái phòng khác nhỏ ở đằng sau, ở đây có ba cô gái trẻ tuổi đang may một đống vải màu đen chồng chất trên bàn, mụn vải rơi vung vãi dưới đất. Trong phòng có một lò lửa sáng và có mùi cờ-rếp đen, ấm làm người ta nghẹt thở - lúc bấy giờ tôi không hiểu là mùi gì, nhưng ngày nay thì tôi hiểu.

Ba cô gái có vẻ hết sức chăm chỉ và thư thái, ngẩng đầu lên nhìn tôi, rồi lại tiếp tục công việc của họ. Họ cứ ngồi may mải miết. Đồng thời ở một cái xưởng bên kia cái sân nhỏ ở ngoài cửa sổ nghe tiếng búa đều đều: cạch, cạch, cạch… Không thay đổi.

Người dẫn tôi đi hỏi một trong ba cô:

"Thế nào Mini, con làm đến đâu rồi?"

Cô ta trả lời vui vẻ, mặt không ngẩng lên:

"Gần thử được rồi đấy, ba cứ yên trí".

Ông Âumơ cất cái mũ rộng vành, ngồi xuống thở hổn hển. Ông béo quá nên phải thở một lát trước khi nói gì.

"Thế là tốt".

Mini nói vui vẻ:

"Ba biến thành cá voi rồi!"

Ông Âumơ đáp lại với vẻ trầm ngâm: "Này con ạ, không hiểu tại sao lại như thế, ba biến thành cá voi mất."

"Đó là vì ba bao giờ cũng thoải mái, trong việc gì ba cũng chỉ nhìn mặt tốt của nó mà thôi".

"Không nhìn như thế thì cũng chẳng có ích gì, con ạ" ông Âumơ nói.

"Cố nhiên là chẳng có ích gì", cô con gái đáp. "Nhờ trời chúng ta ở đây đều hết sức vui vẻ, có phải thế không ba?"

"Ba mong được như thế con ạ", ông Âu mơ nói. "Bây giờ ba đã thở được rồi, ba phải lo cho cậu học sinh này. Em Copơphin! mời em vào hiệu!"

Tôi vâng lời ông Âumơ và bước vào. Ông đưa tôi xem một tấm vải mà ông bảo là thượng hảo hạng và quá sang đối với đồ tang của một đứa mồ côi cha mẹ, rồi ông đo người tôi và ghi vào một quyển sổ. Trong khi ghi, ông bảo tôi chú ý đến hàng hóa ở trong kho, nói đến một vài kiểu áo "mới lưu hành" và một vài kiểu khác "vừa hết thời". Ông Âumơ nói:

"Chính vì các kiểu áo quần cứ thay đổi luôn như thế cho nên chúng tôi thường mất tiền. Nhưng thời thượng thì cũng như con người ta thôi. Nó đến không ai biết lúc nào và tại sao, hay đến như thế nào.

Và cũng không ai hiểu lúc nào nó đi, tại sao, và nó đi như thế nào. Theo tôi thấy thì cái gì cũng như cuộc đời, nếu như người ta đứng trên quan điểm đó mà nhìn".

Lúc bấy giờ tôi buồn quá nên không thảo luận với ông ta về mặt đó, vả chăng có lẽ sức tôi không thể làm được việc này trong bất kỳ trường hợp nào. Ông Âumơ kéo tôi quay trở lại phòng khách vừa đi vừa thở hổn hển.

Ông quay mặt về phía cái cửa dẫn đến một cầu thang gác rất dốc và gọi xuống phòng dưới:

"Đem trà và bánh mì phết bơ lên!"

Tôi đang ngồi nhìn chung quanh một lát, bâng khuâng suy nghĩ, tai lắng nghe tiếng kim khâu ở trong phòng và tiếng búa nện đằng kia sân, thì thấy khay trà đựng đồ ăn của tôi được đưa lên.

Ông Âumơ chăm chú nhìn tôi vài phút, trong lúc đó tôi đã không chú ý gì các món điểm tâm vì các đồ vật màu đen kia đã làm tôi mất ngon, và nói:

"Bác biết cháu từ lâu, chú bé ạ."

"Thưa bác thế cơ ạ?"

"Từ khi cháu sinh", ông Âumơ nói "Bác có thể nói bác biết cháu trước khi cháu sinh cơ. Bác biết ông thân cháu, ông cụ cao năm bộ chín lóng rưỡi và cái mộ ông cụ rộng hai mươi lăm bộ"[1].

Bên kia sân nghe tiếng cạch cạch… cạch cạch.

"Mộ ông hai mươi lăm bộ không kém một ly". Ông Âumơ nói vui vẻ. "Bác không nhớ đó là lời yêu cầu của ông hay lệnh của bà".

"Bác có biết em của cháu thế nào không?" Tôi hỏi, ông Âumơ lắc đầu.

Cạch, cạch,… cạch, cạch… cạch cạch!

"Nó nằm trong lòng mẹ nó!" ông nói.

"Tội nghiệp thằng bé! thế nó chết rồi ư?"

"Cháu không nên buồn phiền nhiều quá!" ông Âumơ đáp. "Phải đấy, thằng bé đã chết rồi".

Nghe tin ấy vết thương cũ của tôi lại nứt ra. Tôi bỏ bữa cơm sáng hầu như chưa đụng đến và đến một cái bàn khác ở góc phòng, gục đầu xuống bàn. Cô Mini vội vàng lo dọn bàn này vì sợ nước mắt của tôi làm ố mất đồ tang phục trên bàn. Cô là một cô gái xinh đẹp, tốt bụng; cô lấy bàn tay dịu dàng êm ái vén mớ tóc của tôi đang xõa che tất cả mắt nhưng cô rất mừng vì làm gần xong công việc và có thể đúng hẹn. Hoàn cảnh của cô với hoàn cảnh của tôi thực khác nhau xa!

Lát sau, tiếng búa ngừng đập và một chàng thanh niên đẹp trai đi qua sân và bước vào phòng. Tay anh ta cầm một cái búa, miệng ngậm toàn đinh nhỏ đến nỗi phải lấy đinh ra rồi mới nói được, ông Âumơ nói:

"À! Anh Jôram, công việc thế nào?"

"Đâu vào đấy cả, xong rồi thầy ạ".

Má Mini ửng đỏ, hai cô kia nhìn nhau mỉm cười, ông Âumơ nheo một con mắt hỏi:

"Thế nào, có phải tối qua lúc tôi ở câu lạc bộ thì anh vẫn thắp nến làm việc chứ gì?"

"Thầy nói làm việc xong con, Mini và thầy có thể đi chơi một lát" Jôram nói.

Ông Âumơ cười đến vãi ho.

"Ồ! Tôi tưởng anh sẽ gạt tôi ra ngoài".

Chàng thanh niên nói tiếp:

"Vì thầy đã bảo thế, cho nên thầy thấy đấy, con cố sức làm. Mời thầy sang xem, và cho ý kiến".

Ông Âumơ đứng dậy nói:

"Được" Và đứng lại, quay về phía tôi.

"Này cháu! Cháu có muốn xem…".

"Ba ạ, không nên" Mini gạt lời.

"Con ạ, ba nghĩ xem thì chú bé sẽ vừa lòng" ông Âumơ nói. "Nhưng con nói cũng đúng đấy".

Tôi không hiểu tại sao tôi lại biết điều họ nói đó là xem cái quan tài của bà mẹ thân yêu của tôi. Trước đây, tôi chưa bao giờ nghe tiếng đóng quan tài, và tôi chưa bao giờ thấy một cái gì mà tôi biết là một cái quan tài; nhưng nghe tiếng cạch, cạch, tôi đoán biết ngay đó là cái gì, và khi người thanh niên kia bước vào thì tôi biết chắc anh ta vừa làm gì. Khi công việc đã xong, hai cô gái - tôi không nghe nói tên họ là gì - chải áo để giũ hết mụn vải, chỉ rồi bước ra hiệu để dọn dẹp và đợi khách đến. Mini ngồi lại xếp đồ đã may riêng vào hai cái thúng. Cô quỳ xuống mà làm, đồng thời hát nhẹ nhẹ một điệu hát vui vẻ. Joram, mà tôi biết chắc là người yêu của cô, bước vào hôn trộm cô một cái trong khi cô đang làm việc (xem chừng anh không hề để ý gì đến tôi cả), anh nói rằng ông cụ của cô đang đi tìm xe ngựa và anh phải chuẩn bị nhanh cho sẵn sàng đâu vào đấy. Rồi anh lại đi ra, sau đó cô ta bỏ "đê" và kim vào túi, găm cẩn thận một cái kim có chỉ đen vào ngực áo, mặc áo khoác và đội mũ một cách đỏm dáng trước một cái gương nhỏ đặt đằng sau cửa, và tôi thấy trong tấm gương hiện lên gương mặt hân hoan. Tôi ngồi ở góc bàn, hai tay ôm lấy đầu, quan sát tất cả những điều đó và suy nghĩ miên man. Một lát sau chiếc xe ngựa đến trước cửa hiệu. Các thúng hàng được đưa đến trước, tôi được đưa lên sau, rồi đến ba người kia cùng theo lên xe. Tôi nhớ đó là một thứ xe một nửa là xe ngựa, một nửa là xe chở dương cầm, sơn màu xẫm, do một con ngựa đen đuôi dài kéo. Trong xe có chỗ ngồi rộng rãi cho tất cả chúng tôi.

Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi cảm thấy (có lẽ bây giờ thì tôi khôn hơn) một cảm giác kỳ lạ như khi tôi cùng ngồi với họ, biết rằng họ vừa làm xong công việc và thấy họ rất sung sướng được đi chơi. Tôi không giận gì họ, thực ra tôi sợ họ. Hình như tôi bị ném vào giữa những sinh vật bản tính hoàn toàn khác hẳn tôi. Họ rất cao hứng. Ông già ngồi trước đánh xe, hai người trẻ tuổi ngồi đằng sau, và mỗi khi ông nói với họ thì họ lại nghiêng mình ra phía trước, mỗi người ở mỗi bên cái má béo phị của ông và có vẻ rất nuông ông. Họ cũng muốn nói chuyện với tôi, nhưng tôi ngồi co ro buồn rầu ở một góc, bực mình vì thấy họ yêu nhau vui vẻ. Mặc dầu điều vui vẻ của họ không ồn ào, nhưng tôi cũng lấy làm lạ tại sao Chúa không trừng phạt họ vì họ vô tình đến thế.

- Vì vậy cho nên khi họ dừng lại để cho ngựa ăn, đồng thời để ăn uống và nô đùa thì tôi không sờ được vào món gì mà cứ tiếp tục nhịn đói dài. Vì vậy cho nên khi về đến nhà tôi vội vàng xuống đằng sau xe hết sức nhanh để khỏi cùng đứng với họ trước những cửa sổ trang nghiêm đang nhìn tôi với cặp mắt xưa kia sáng quắc nhưng giờ đây đã nhắm lại như mù. Tôi thật hoài công nghĩ đến việc đoán xem cái gì sẽ làm tôi khóc khi tôi trở về. Thực ra, chỉ cần nhìn qua cửa sổ phòng mẹ tôi và bên cạnh đó là cửa sổ phòng tôi trong những ngày sung sướng là tôi đã khóc!

Chị Pécgôti ôm choàng lấy tôi trước khi tôi đi đến cửa và chị kéo tôi vào nhà. Vừa nhìn thấy tôi, nỗi đau buồn của chị đã bộc lộ ra ngay: nhưng chị liền tự kiềm chế và nói khe khẽ và bước nhẹ nhàng như sợ làm phiền đến người chết. Tôi nhận thấy đã lâu nay chị không ngủ. Ban đêm chị ngồi im lặng

canh gác. Chị nói hễ bà chủ thân yêu xinh xắn yêu quí kia còn ở trên mặt đất thì chị quyết không rời bỏ bà.

Ông Mơxctôn không để ý gì đến tôi khi tôi bước vào phòng khách và thấy ông ta ở đấy. Ông ngồi bên cạnh lò lửa, khóc thút thít và trầm ngâm trên chiếc ghế bành. Cô Mơcxtôn đang ngồi ở bàn viết, trên bàn đầy thư và giấy. Cô giơ những móng tay lạnh lẽo cho tôi nắm và hỏi tôi giọng thì thào lạnh như sắt, xem tôi đã đo quần áo tang hay chưa.

"Đã" Tôi đáp.

"Mày có mang áo sơ-mi của mày về không?" Cô Mơcxtôn hỏi.

"Thưa cô cháu đã mang tất cả quần áo về nhà".

Đó là điều an ủi duy nhất mà tính cứng rắn của cô đã ban cho tôi. Tôi tin chắc rằng cô đặc biệt thích khoe cái gì mà cô gọi là tính tự chủ, tính cứng rắn, nghị lực và lương tri của cô cũng như tất cả cái danh sách quái gở những đức tính khả ố của cô trong trường hợp này. Cô đặc biệt tự hào về cái tài xử lý công việc của mình và bây giờ cô biểu lộ điều đó bằng cách quy tất cả thành bút, mực, và tuyệt nhiên không để cho cái gì làm cảm động. Suốt ngày hôm đó, từ sáng đến cũng như những ngày sau, cô vẫn ngồi ở cái bàn viết ấy điềm nhiên cạo giấy với một ngòi bút cứng rắn và hễ nói với ai là dùng cái giọng lạnh lẽo thì thầm mà không bao giờ để cho thớ thịt trên mặt nó bớt căng thẳng, hay nói một cách nhẹ nhàng, hay dùng thanh điệu êm đềm hay để một ly quần áo bị nhầu.

Ông em còn đôi khi cầm một quyển sách, nhưng không bao giờ tôi thấy ông đọc. Thỉnh thoảng ông lại giở sách ra và làm ra vẻ đọc, nhưng ông thường ngồi suốt cả giờ không giở một trang rồi lại đặt sách xuống đi bách bộ trong phòng. Tôi thường ngồi hàng giờ vòng tay nhìn ông và đếm bước chân ông đi. Ông rất ít khi nói với cô Mơcxtôn và không bao giờ nói với tôi. Ông hầu như là vật cử động duy nhất nếu không kể chiếc đồng hồ quả lắc ở trong cái nhà im vắng này.

Trong những ngày trước hôm đưa đám, tôi rất ít gặp chị Pécgôti chỉ trừ khi bước lên hay bước xuống cầu thang bao giờ tôi cũng thấy chị ngồi cạnh cái phòng trong đó có mẹ tôi và em tôi nằm, và đêm nào chị cũng đến với tôi và ngồi đầu giường trong khi tôi ngủ. Một hay hai ngày trước khi ăn sáng (tôi nhớ đó là một ngày hay hai, nhưng tôi cũng biết óc tôi lẫn lộn về cái thời gian nặng nề này và không có cái gì làm mốc để đánh dấu nó cả), chị giắt tôi vào phòng ấy. Tôi chỉ nhớ rằng ở dưới lớp vải trắng phủ trên giường và chung quanh mát mẻ sạch sẽ lạ kỳ. Tôi có cảm tưởng tất cả sự im lặng trang nghiêm ở trong nhà đều nằm ở đấy. Chị Pécgôti muốn nhẹ nhàng lật tấm vải trắng lên nhưng tôi kêu "Đừng, đừng" và tôi giữ tay chị.

Ví thử tang lễ chỉ mới khởi hành hôm qua, có lẽ tôi cũng không nhớ kỹ càng hơn. Tôi nhớ rõ bầu không khí ở trong phòng khách khi tôi bước vào cửa, ánh sáng của lửa ở trong lò sưởi, rượu nho lấp lánh ở các cốc, những hoa văn trên các cốc pha lê và các đĩa bàn, mùi thơm nhẹ nhàng của bánh ngọt, mùi quần áo của cô Mơcxtôn và của những bộ quần áo đen của chúng tôi.

Ông Silíp đang ở trong phòng, ông đến nói với tôi một cách dịu dàng.

"Em Đêvít mạnh khỏe chứ?"

Tôi không thể nói với ông rằng tôi rất mạnh khỏe.

Tôi đưa tay cho ông nắm và ông nắm lấy tay tôi. Ông Silíp mỉm cười hiền lành, trong khóe mắt có cái gì lấp lánh:

"Trời ơi! các ông bạn nhỏ của chúng ta đều lớn lên cả. Họ lớn nhanh quá đến nỗi chúng ta nhận

không ra. Có phải thế không hở cô?"

Câu nói này là nói với cô Mơcxtôn, nhưng cô không trả lời. Ông Silíp lại nói: "Thưa cô, ở đây có một tiến bộ quan trọng phải không ạ?"

Cô Mơcxtôn chỉ trả lời bằng cách cau mày và cúi mình kiểu cách, ông Silíp cụt hứng, lại kéo tôi đến ngồi ở một góc nhà và không mở miệng nữa.

Tôi để ý điều đó chỉ bởi vì tôi để ý đến mọi việc xảy ra, chứ không phải vì tôi chú ý đến tôi, hay sau khi về nhà tôi có tính hay chú ý như thế. Và bây giờ chuông bắt đầu rung, ông Âumơ và một người khác đến bảo chúng tôi chuẩn bị. Như chị Pécgôti thường nói với tôi trước đây đã lâu, những người đã từng đi đưa ba tôi đến mộ cũng sẵn sàng ở trong phòng.

Có ông Mơcxtôn, có người láng giềng của chúng tôi là ông Giaypơ, có ông Silíp và tôi. Khi chúng tôi bước ra cửa, những người khiêng quan tài và chiếc quan tài đều đã ở ngoài vườn, và họ đi trước mắt chúng ta dọc con đường nhỏ theo những cây du, đi qua cổng lớn, bước vào nghĩa địa, ở đấy tôi vẫn thường nghe chim hót trong những buổi sáng mùa hè.

Chúng tôi đứng chung quanh huyệt. Ngày hôm ấy đối với tôi có vẻ khác hẳn những ngày thường, mầu ánh sáng hôm ấy cũng khác, nó ảm đạm hơn, một vẻ im lặng trang nghiêm bao phủ chúng tôi, sự im lặng này chúng tôi đã mang từ trong nhà ra với cái vật hiện nay đang nằm dưới ba tấc đất, và trong khi chúng tôi đã cất mũ đứng yên thì tôi nghe tiếng nói của vị giáo sư, giọng nghe xa xa ở ngoài khoảng trống nhưng vẫn rõ ràng và dễ hiểu: "Chúa phán: Ta là sự hồi sinh, ta là sự sống!" Rồi tôi nghe những tiếng nức nở và tôi thấy người đầy tớ gái tốt bụng và trung thành kia mà tôi yêu hơn tất cả mọi người trên thế gian này hơi đứng tách ra ngoài đám đông, và tôi tin ngây thơ một ngày kia Chúa sẽ nói với chị:

"Con làm như thế là đúng!".

Trong đám nhỏ này có nhiều bộ mặt mà tôi biết: có những khuôn mặt tôi thấy ở nhà thờ trong khi tôi suy nghĩ lông bông, có những khuôn mặt mà mẹ tôi thấy lần đầu tiên khi người về làng này trong thời trẻ trung xinh đẹp của người. Nhưng tôi không để ý đến họ, tôi chỉ để ý đến điều đau buồn của tôi, và tuy vậy, tôi vẫn thấy và biết tất cả. Tôi còn thấy chị Mini đứng xa xa ở đằng sau đang liếc mắt đưa tình với người yêu đang đứng bên cạnh tôi.

Thế là hết, người ta lấp đất và chúng tôi quay trở về. Trước mắt chúng tôi là ngôi nhà của chúng tôi vẫn đứng sừng sững xinh đẹp quá và không mảy may thay đổi, gắn liền với con người vừa mất đi, đến nỗi những nỗi buồn từ trước không thấm gì với nỗi buồn nó gây nên lúc này. Nhưng người ta vẫn dắt tôi đi, ông Silíp nói với tôi khi chúng tôi về tới nhà, ông cho tôi uống nước và khi tôi xin phép trở về phòng thì ông chào tôi với cái vẻ dịu dàng của một người đàn bà.

Tất cả những việc ấy, tôi nhớ rõ như vừa xảy ra hôn qua. Những biến cố gần hơn đã trôi đi đến cái bờ biển mà một ngày kia tất cả những cái gì quên đi đều sẽ xuất hiện lại. Riêng biến cố này vẫn trơ trơ như một tảng đá lớn giữa đại dương.

Tôi biết rằng chị Pécgôti sẽ đến thăm tôi ở trong phòng tôi. Sự im lặng của ngày thứ bảy trong những lúc ấy (ngày hôm ấy sao mà giống ngày chủ nhật đến thế! Tôi vừa quên mất chi tiết ấy) rất thích hợp với cả hai chúng tôi. Chị ngồi cạnh tôi, trên cái giường nhỏ của tôi và chị cầm lấy tay tôi, thỉnh thoảng lại đưa bàn tay tôi lên môi mà hôn, thỉnh thoảng chị lại vuốt ve bàn tay tôi tựa hồ như muốn dỗ em tôi, trong khi đó chị dùng cách kể chuyện riêng của chị để kể lại cho tôi nghe những việc đã xảy ra. Chị Pécgôti nói:

“Đã từ lâu mẹ không bao giờ khỏe mạnh, tinh thần mẹ hoảng hốt và không vui khi đứa con của mẹ ra đời. Lúc đầu chị cũng tưởng là mẹ sẽ khỏe mạnh hơn nhưng trái lại mẹ lại càng yếu đuối và càng ngày càng suy nhược. Trước khi đứa bé ra đời, mẹ thích ngồi một mình và lúc đó mẹ khóc; nhưng từ lúc ấy mẹ thường hát cho em nó một cách nhẹ nhàng, đến nỗi có một lần nghe hát, chị tưởng nghe một giọng nói ở trên không bay lên và biến mất.”

“Chị thấy mẹ càng ngày càng nhút nhát, hình như trong những ngày cuối thì lại càng sợ sệt hơn trước! Một lời nói nặng nề đối với mẹ như là một cái tát. Nhưng đối với chị thì mẹ trước sau như một. Con bé đáng yêu của chị không bao giờ thay đổi thái độ đối với con Pécgôti ngu xuẩn này”.

Nói đến đây chị Pécgôti dừng lại và vỗ nhè nhẹ vào bàn tay tôi một lát.

“Lần cuối cùng chị thấy mẹ lại bình thường là tối hôm em về nhà, em thân yêu của chị. Ngày em ra đi mẹ nói với chị: “Tôi sẽ không bao giờ trông thấy thằng bé xinh xắn của tôi nữa. Có một cái gì nói với tôi điều đó, và tôi biết đó là sự thực”. Sau điều đó, mẹ cố gắng trấn tĩnh và nhiều lần khi họ nói với mẹ rằng mẹ dại dột và nhẹ dạ thì mẹ giả làm bộ dại dột và nhẹ dạ. Kỳ thực, cái thời đó đã qua hẳn rồi. Mẹ không bao giờ nói với chồng điều mà mẹ đã nói với chị. Mẹ không dám nói với ai trừ chị. Cho đến một đêm độ hơn một tuần lễ trước khi việc ấy xảy ra mẹ nói với chồng:

“Mình ơi em sợ rằng em chết mất”.

“Đêm hôm ấy, khi chị đưa mẹ đi ngủ, mẹ nói với chị: “Bây giờ tôi không nghĩ đến điều đó nữa, trong mấy ngày sắp đến, ông ta sẽ càng ngày càng tin điều đó, con người tội nghiệp. Nhưng rồi tất cả sẽ chấm dứt. Tôi rất mệt. Nếu như đây là giấc ngủ thì chị hãy ngồi bên cạnh tôi, trong khi tôi sắp ngủ. Chị đừng rời bỏ tôi, cầu Chúa phù hộ cho hai đứa con của tôi. Cầu Chúa phù hộ cho đứa con trai không cha của tôi!”.

“Từ lúc ấy chị không bao giờ rời mẹ. Mẹ thường nói chuyện với hai người kia ở dưới nhà bởi vì mẹ yêu họ, (mẹ không thể nào không yêu những người chung quanh). Nhưng khi họ vừa rời khỏi giường thì bao giờ mẹ cũng quay về phía chị, hầu như chỉ ở cạnh con Pécgôti thì mẹ mới có thể nghỉ yên và bao giờ mẹ cũng ngủ như vậy. Hôm cuối cùng vào lúc chiều mẹ hôn chị mà nói: “Nếu như thằng cháu của tôi cũng chết thì chị Pécgôti ạ, tôi xin chị hãy để tay tôi ôm lấy nó và cùng chôn chung”. Điều đó người ta đã làm, bởi vì con cừu con tội nghiệp kia chỉ sống hơn mẹ có một ngày. Mẹ nói “Hãy để đứa con trai yêu quí của tôi tiễn hai mẹ con tôi đến nơi an nghĩ cuối cùng, và hãy nói với nó rằng: bà mẹ của nó trong tất cả thời gian nằm ở đây, không phải chỉ cầu nguyện Chúa ban phúc cho nó một lần, mà đã cầu nguyện một ngàn lần”.

Nói đến đây chị lại im lặng một lát rồi chị vỗ nhẹ vào bàn tay tôi. Chị Pécgôti tiếp: “Khi mẹ bảo chị đưa nước cho mẹ uống thì đêm cũng đã khuya và sau khi uống nước mẹ mỉm cười một nụ cười nhẫn nại xinh đẹp lạ lùng!”

“Lúc bình minh và mặt trời lên, mẹ nói với chị rằng ông Copơphin xưa kia rất tốt và rất chu đáo đối với mẹ. Ông tỏ ra kiên nhẫn đối với mẹ; mỗi khi mẹ ngờ vực về bản thân mình thì ông thường nói rằng một con tim biết yêu còn quý hơn và mạnh hơn trí tuệ và mẹ làm cho ông rất sung sướng. Mẹ nói với chị: “Chị Pécgôti yêu quí ơi, chị hãy cúi gần tôi (vì mẹ rất yếu) chị hãy lấy tay đặt dưới cổ tôi và quay người tôi về phía chị. Hình ảnh của chị đang xa dần và tôi muốn giữ hình ảnh ấy ở gần tôi”. Chị đã làm như lời mẹ yêu cầu.

Và Đêvít em ơi, cái điều mà chị đã nói khi chúng ta xa cách nhau lần đầu tiên đã thành sự thực. Mẹ đã sung sướng gối cái đầu đáng thương lên cánh tay của con Pécgôti già và ngu xuẩn này và mẹ đã nhắm mắt qua đời như một đứa trẻ nằm ngửa.”

Câu chuyện kể của chị Pécgôti đến đây chấm dứt. Từ giây phút tôi biết mẹ tôi mất thì ấn tượng gần đây về mẹ tôi đã biến mất ở trong tâm trí tôi. Ngay từ giây phút ấy, tôi chỉ còn nhớ đến người mẹ trẻ tuổi trong những ấn tượng đầu tiên của tôi, con người thường cuộn mớ tóc quăn óng ánh vào ngón tay và thường khiêu vũ với tôi ở trong phòng khách trong bóng hoàng hôn. Câu chuyện của chị Pécgôti không những không kéo tôi về những ngày sống cuối cùng của mẹ tôi; trái lại nó càng làm cho hình ảnh đầu tiên của mẹ tôi in sâu vào trí não tôi, điều đó có lẽ kỳ lạ, nhưng thực tế là như vậy. Khi chết, mẹ tôi đã quay trở về thời niên thiếu thanh thản yên vui và làm mờ tất cả những cái khác.

Bà mẹ đang nằm dưới mộ là bà mẹ của thời thơ ấu của tôi. Đứa bé người đang bế chính là tôi ngày xưa đã từng nằm yên lặng trong lòng người, vĩnh viễn không bao giờ lên tiếng.

---

[1] Một bộ (foot) Anh bằng 30 centimet.

Chương X
NGƯỜI TA BỎ RƠI TÔI VÀ TÔI KIẾM KẾ SINH NHAI

Khi cái ngày quan trọng kia đã qua, và ánh sáng lại được tự do vào trong nhà, thì công việc cô Mơcxtôn làm đầu tiên là báo trước cho chị Pécgôti biết rằng chị sẽ bị sa thải sau một tháng. Mặt dầu chị Pécgôti không thú gì công việc đang làm, nhưng vì chị thương tôi nên tôi tin rằng chị không muốn bỏ nó để đổi lấy một công việc khác, dù tốt nhất thế gian. Chị bảo tôi rằng chúng tôi đành phải xa nhau và vì sao phải như vậy; và chúng tôi an ủi nhau một cách hết sức thành thực.

Còn về tôi, hay về tương lai của tôi thì người ta không nói một lời, cũng không có một hành động gì. Tôi dám chắc nếu họ có thể đuổi tôi ra khỏi nhà sau khi báo trước một tháng thì họ sẽ sướng lắm. Có một lần tôi đánh bạo hỏi cô Mơcxtôn xem bao giờ tôi sẽ trở về trường, thì cô trả lời lạnh lùng rằng theo ý cô có lẽ tôi không bao giờ trở lại trường nữa. Ngoài ra, người ta không nói gì với tôi nữa. Tôi hết sức nóng ruột muốn biết số phận mình rồi sẽ ra sao, và chị Pécgôti cũng thế; nhưng chị và tôi đều không biết được điều gì về việc ấy.

Tuy nhiên, trong cảnh ngộ của tôi, cũng có một điều thay đổi. Điều này tuy cũng làm cho tôi tránh khỏi nhiều điều bực bội trước mắt, nhưng nếu tôi biết suy nghĩ cẩn thận hơn, thì nó lại càng làm tôi lo lắng cho tương lai. Việc đó như sau: Sự trói buộc trước đây đối với tôi nay đã mất hẳn. Người ta không yêu cầu tôi phải ngồi lầm lì ở trong phòng khách nữa; trái lại có nhiều lần khi tôi ngồi ở đấy thì cô Mơcxtôn cau mày bảo tôi đi ra. Không những họ không cảnh cáo tôi, không cho tôi chơi bời với chị Pécgôti; trái lại miễn là tôi đừng ở cạnh ông Mơcxtôn là không bao giờ người ta tìm tôi hay hỏi xem tôi ở đâu. Lúc đầu, ngày nào tôi cũng nơm nớp sợ ông Mơcxtôn đảm nhiệm việc giáo dục tôi, hay là cô Mơcxtôn sẽ phụ trách điều đó; nhưng chẳng bao lâu tôi bắt đầu hiểu rằng những điều lo ngại kia đều vô căn cứ, và bây giờ tôi chỉ còn lo ngại một điều là bị bỏ rơi.

Tôi không thấy điều phát hiện kia lúc bấy giờ làm cho tôi đau khổ cho lắm. Tôi vẫn còn bị choáng váng bởi cái chết của mẹ tôi, và ở trong tình trạng thờ ơ đối với tất cả những việc thứ yếu. Cố nhiên bình thản hoặc cũng có khi tôi băn khoăn nghĩ đến tình trạng mình có thể không được dạy dỗ và thành một người nghèo khổ, bệ rạc sống một cuộc đời lêu lổng ở trong làng, cũng như tôi đã tự hỏi xem mình có thể thoát khỏi cảnh ngộ này bằng cách đi phiêu lưu nơi khác như những nhân vật trong tiểu thuyết không. Nhưng đó chẳng qua chỉ là những ảo tưởng thoáng qua, những giấc mộng ban ngày nghĩ đến tựa hồ như đó chỉ là những hình vẽ ở trên tường của phòng tôi, và sau khi tan đi thì cái tường lại hiện ra trơ trọi.

Một buổi chiều, khi tôi đang ngồi sưởi tay trước lò lửa ở nhà bếp, tôi thì thào một cách lo lắng với chị Pécgôti:

- "Chị Pécgôti ạ! Ông Mơcxtôn lại càng yêu em ít hơn trước. Xưa nay ông ta chẳng bao giờ yêu em mấy, nhưng lần này thậm chí ông ta không nhìn mặt em nữa nếu như ông ta có thể làm thế."

Chị Pécgôti vuốt tóc tôi, nói:

"Có lẽ ông ta buồn".

"Chị Pécgôti ạ! Em dám chắc em cũng buồn chứ! Nếu như em biết vì ông ta buồn thì em cũng chẳng nghĩ đến điều đó. Nhưng không phải thế đâu! Ồ! Không phải thế đâu!".

Chị Pécgôti ngồi im lặng một lát rồi hỏi: "Tại sao em lại biết không phải vì thế?" "Ồ, điều buồn bã của ông là một việc khác và hoàn toàn khác. Bây giờ ông ta đang ngồi với cô Mơcxtôn bên lò lửa thì ông ta buồn đấy, nhưng chị Pécgôti ạ nếu như em bước vào thì ông ta sẽ cảm thấy một cái gì khác

nữa.”

“Sẽ cảm thấy gì?” Chị Pécgôti nói.

“Sẽ nỗi giận”, tôi đáp lại và vô ý bắt chước cách cau mày nghiêm nghị của ông ta. “Nếu như ông ta chỉ buồn mà thôi thì ông ta đã không nhìn em như ông ta đã nhìn. Em chỉ buồn mà thôi và điều đó chỉ làm cho em thêm dịu dàng”.

Chị Pécgôti không nói gì trong một lát, và tôi cũng ngồi bó tay im lặng như chị. Cuối cùng chị nói:

“Em Đêvít ơi!”

“Cái gì thế hở chị Pécgôti?”

“Em ơi! Chị đã tìm mọi cách có thể được, vô luận cách nào, để có thể kiếm một việc làm hợp với chị ở đây, ở Blơnđơxtôn, nhưng không có việc nào cả em ạ?”

“Thế thì bây giờ chị định làm thế nào, chị Pécgôti?” tôi hỏi giọng lo lắng “Chị định đi kiếm ăn ở đâu?”

“Chị xem chừng đành phải trở về Yácmao và sống ở đấy thôi.”

Tôi vui vẻ một chút:

“Đáng lý chị có thể đi xa hơn”, tôi nói hơi tươi lên một chút, “nhưng thế thì gần như là em hoàn toàn mất hẳn chị. Nhưng nếu thế thì chị Pécgôti yêu quý của em ơi, thỉnh thoảng em sẽ lại gặp chị ở đấy. Chị sẽ không ở nơi góc biển chân trời chứ?” Chị Pécgôti hết sức cảm động nói to: “Trái lại, lạy Chúa! Hễ em còn ở đây, hòn ngọc của chị, thì tuần nào chị cũng đến thăm em, suốt đời như vậy. Mỗi tuần lễ một lần, suốt đời như vậy”.

Tôi cảm thấy lời hứa của chị làm cho lòng tôi trút được một gánh nặng. Nhưng không phải chỉ có thế. Chị Pécgôti tiếp tục nói:

“Này em Đêvít, như em biết, chị sắp về nhà anh chị. Trước là lại về thăm trong nửa tháng để vừa vặn có thì giờ nhìn xung quanh và để nghỉ ngơi cho lại sức. Chị nghĩ rằng bây giờ có lẽ họ không muốn thấy em trong lúc này nên họ có thể cho em cùng đi với chị”.

Ngoài cái ý muốn có một quan hệ khác với những người chung quanh tôi - không kể chị Pécgôti - thì không có kế hoạch nào bấy giờ có thể làm cho tôi vui thích bằng kế hoạch ấy. Nghĩ đến việc có chung quanh mình những gương mặt trung hậu tươi cười đón tiếp tôi, nghĩ đến việc có thể hưởng cái cảnh êm ả của buổi sáng chủ nhật đáng yêu, trong khi tiếng chuông rung, trong khi ném đá xuống nước, và nhìn những con thuyền mập mờ hiện ra qua lớp sương mù, nghĩ đến việc đi chơi thơ thẩn khắp nơi với bé Emili, trong khi kể cho cô ta nghe những điều phiền não của tôi, và tìm những điều bù đắp sự phiền não ở trong những vỏ sò và những hòn sỏi ở trên bờ biển, tôi cảm thấy êm ả trong lòng. Cố nhiên lát sau, khi nghĩ đến việc cô Mơcxtôn chưa chắc đã bằng lòng thì tôi cuống quýt lên. Nhưng chẳng bao lâu điều lo ngại này cũng được giải quyết, bởi vì cô đã đi ra lần mò khám xét lúc ban đầu ở nhà kho, trong khi tôi và chị Pécgôti đang nói chuyện và chị Pécgôti, với một sự táo bạo đã làm cho tôi kinh ngạc, đề xuất ngay vấn đề. Cô Mơcxtôn mắt vẫn nhìn vào hũ dấm, nói:

“Thằng ấy ở đấy thì sẽ chơi bời lêu lổng, và sự lêu lổng là nguồn gốc của mọi điều xấu xa. Nhưng thực ra, ở đấy hay bất kỳ ở đâu, tôi dám chắc nó cũng sẽ lêu lổng cả”.

Tôi có thể thấy rằng chị Pécgôti đã có sẵn một câu trả lời giận dữ, nhưng chỉ vì tôi nên nén giận đứng yên. Cô Mơcxtôn nói, mắt vẫn nhìn vào các cái hũ:

"Hèm! Điều quan trọng hơn cả, cái này quan trọng nhất, là đừng có quấy rầy em tôi hay làm cho em tôi bực bội. Tôi thấy tôi nên trả lời "được" thì tốt hơn".

Tôi cảm ơn cô, nhưng không chút nào để lộ sự vui vẻ, bởi vì tôi sợ điều đó sẽ làm cô rút lui ý kiến. Tôi cũng thấy ngay rằng thái độ như thế là khôn ngoan vì khi cô đưa mắt nhìn từ cái hũ dấm đến tôi, tôi thấy cặp mắt cô nhìn chua chát hầu như nó đã ngốn hết cả dấm chua ở trong vại. Nhưng dẫu sao tôi cũng xin được phép và khi hết tháng, tôi và chị Pécgôti đều sẵn sàng ra đi.

Anh Bácкít vào nhà đẩy lấy rương hòm của chị Pécgôti. Trước đấy tôi chưa bao giờ thấy anh đi qua cửa vườn, nhưng lần này thì anh bước vào nhà, và anh liếc mắt nhìn tôi trong khi anh đặt cái hòm lớn nhất lên vai và bước ra. Tôi đoán cái nhìn ấy là có ý nghĩa, nếu như người ta có thể nói đến việc tìm thấy ý nghĩa trên khuôn mặt của anh.

Chị Pécgôti cố nhiên buồn bã vì phải rời bỏ ngôi nhà của chị sau bao nhiêu năm ở đấy chị đã gặp hai tình cảm gắn bó mãnh liệt ở trong đời - tình yêu đối với tôi và đối với mẹ tôi. Chị đã đi dạo chơi ngoài nghĩa địa từ sáng sớm; và đã bước lên xe ngựa ngồi, tay cầm khăn tay đưa lên mắt.

Trong khi chị ngồi như vậy anh Bácкít không mảy may biểu lộ rằng anh còn sống. Anh vẫn ngồi ở chỗ cũ với một thái độ mọi ngày trông như một con vật độn rơm. Nhưng khi chị vừa bắt đầu nhìn chung quanh và để nói với tôi thì anh gật gật cái đầu và nhăn nhở cười mấy lần. Tôi tuyệt nhiên không hiểu anh cười với ai và tại sao lại cười như thế.

"Hôm nay đẹp trời anh Bácкít nhỉ?" tôi nói lễ phép.

"Không đến nỗi xấu", anh Bácкít nói. Tính anh rất dè dặt trong việc nói năng và ít khi để cho người ta bắt bẻ.

"Chị Pécgôti bây giờ hoàn toàn thoải mái rồi, phải không anh Bácкít?" tôi nói để làm anh vừa lòng.

"Thế à! thật không?" anh Bácкít nói.

Và sau khi nghĩ một lát anh Bácкít nheo mắt nhìn chị một cách ranh mãnh và nói:

"Cô thoải mái chứ?"

Chị Pécgôti cười và trả lời rằng "Phải đấy!"

"Có thật không, cô có chắc không?" anh Bácкít càu nhàu xích đến gần chị ở trên ghế và lấy cùi tay huých vào chị. "Thật chứ, có thoải mái chứ? Cô không khó chịu chứ? Thật không?"

Và cứ mỗi lần hỏi như thế thì anh Bácкít lại xích gần hơn và lại lấy cùi tay huých một cái. Kết quả là cuối cùng chúng tôi chen nhau ở góc trái chiếc xe và tôi bị ép đến nỗi suýt ngạt.

Khi chị Pécgôti nhắc anh Bácкít chú ý đến sự khổ sở của tôi, anh Bácкít liền để cho tôi một chỗ hở và dần dần xích ra. Nhưng tôi không thể nào không nhận thấy rằng anh đã nghĩ ra một biện pháp tuyệt diệu để biểu lộ tình cảm của mình một cách lịch sự, thú vị và sắc sảo mà không cần phải dùng đến lời nói. Rõ ràng anh cười khanh khách một lát. Rồi anh lại quay lại phía chị Pécgôti và nhắc lại "Cô thoải mái chứ, thế nào?" và lại xích về phía chúng tôi đến nỗi tôi suýt ngạt thở. Anh lại xâm lấn một lần nữa như vậy, cứ hỏi mỗi câu ấy và với cái kết quả như thế. Cuối cùng tôi đứng lên mỗi khi thấy anh xích lại gần, tôi đứng trên miếng gỗ để chân, mượn cớ là quan sát phong cảnh và tôi cảm thấy như thế rất tiện.

Anh có nhã ý cho xe dừng lại ở trước một quán rượu nhằm mục đích đãi chúng tôi uống bia và ăn thịt cừu rán. Ngay cả trong khi chị Pécgôti uống, anh lại cảm thấy muốn xích lại gần và làm cho chị

chết ngạt. Nhưng chúng tôi càng đến gần địa điểm đi chơi thì anh có nhiều việc phải làm nên chẳng còn thì giờ đâu nghĩ đến việc tán tỉnh và khi chúng tôi đến đường Yácmao thì chúng tôi bị xe xóc dữ quá chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ đến việc khác.

Ông Pécgôti và anh Ham đợi chúng tôi ở chỗ cũ. Họ niềm nở đón tôi và chị Pécgôti và bắt tay Bácкít, anh ta mũ hất ngược ra đằng sau, cười một cách ngượng ngùng, thậm chí cặp chân cũng lúng túng, tôi có cảm tưởng anh ta như người mất hồn. Mỗi người khiêng một cái hòm của chị Pécgôti và chúng tôi sắp sửa đi, bỗng anh Bácкít lấy ngón tay trỏ ra hiệu có vẻ nghiêm trang cho tôi đến đứng dưới một cái vòm cửa, và nói giọng càu nhàu.

"Này em, công việc tốt đẹp lắm!"

Tôi ngẩng lên nhìn vào mặt anh ta và cố làm ra vẻ thâm thúy lắm: "Ồ!"

Anh Bácкít gật đầu vẻ thân mật:

"Công việc không phải dừng lại ở đó, công việc tốt đẹp."

"Ờ!" tôi lại trả lời.

Ông bạn của tôi nói:

"Em biết ai muốn chứ, trước kia chỉ có Bácкít, và chỉ có Bácкít muốn mà thôi."

Tôi gật đầu tán thành, ông bạn của tôi nói tiếp:

"Bây giờ công việc tốt đẹp, anh là bạn của em. Em là người đầu tiên đã làm cho công việc thành tốt đẹp. Tốt lắm!"

Vì muốn nói năng cho rõ ràng, anh Bácкít trở thành hết sức bí mật, đến nỗi tôi có thể nhìn anh suốt một giờ mà không thấy vẻ mặt anh nói với tôi một điều gì, chẳng khác gì cái mặt của một chiếc đồng hồ đã đứng. Nhưng chị Pécgôti đã gọi tôi đi, trong khi đi đường chị hỏi tôi xem anh nói gì. Tôi bảo chị rằng anh Bácкít nói công việc rất tốt đẹp! Chị Pécgôti nói:

"Anh chàng đến trơ, nhưng kể gì việc đó. Này em Đêvít, nếu chị nghĩ đến việc lấy chồng thì em thấy thế nào?"

Tôi nghĩ ngợi một lát rồi đáp:

"Nhưng mà… em nghĩ rằng chị cũng vẫn cứ yêu em như hiện nay chứ?"

Con người quý hóa kia liền đứng phắt lại và ôm chầm lấy tôi mà hôn lấy hôn để, để tỏ rằng tình yêu của chị không hề thay đổi, làm cho những người qua đường và những người trong gia đình đều hết sức ngạc nhiên.

Sau đó chúng tôi lại lên đường, chị Pécgôti:

"Ơ kìa! Em nói gì thế?"

"Nếu như chị nghĩ đến việc lấy… anh Bácкít chẳng hạn" tôi nói.

"Phải", chị Pécgôti nói.

"Theo em thì đó là một việc rất hay. Bởi vì lúc đó chị Pécgôti ạ, chị sẽ có sẵn một cái xe và con ngựa để đến thăm em, và cố nhiên là chị đến không phải trả tiền.!"

Chị Pécgôti kêu lên:

"Thằng bé này hóm quá! Đã một tháng nay, chính chị vẫn nghĩ như vậy em ạ. Phải đấy, hòn ngọc

của chị ơi, chị lại nghĩ rằng như thế thì chị sẽ càng độc lập hơn, em biết không? Đó là chưa nói làm việc ở nhà mình bao giờ cũng thú vị hơn là làm việc ở nhà người ta. Chị cũng không biết nếu làm đầy tớ cho một người xa lạ chị có thể làm gì. Và rồi chị lại có thể luôn luôn ở gần chỗ an nghỉ của người thân xinh đẹp của chị". Chị Pécgôti nói có vẻ mơ màng "Chị lại có thể đến thăm khi nào chị muốn, và khi nào đến lượt chị, người ta có thể chôn chị không xa đứa con gái yêu quí của chị!"

Chị và tôi im lặng một lát. Chị Pécgôti nói vui vẻ:

"Nhưng nếu như em Đêvít của chị có điều gì phản đối thì chị sẽ không nghĩ đến đâu, dù cho người ta có hỏi ý kiến chị ở nhà thờ hàng chục lần và cái nhẫn cưới nằm trong túi áo chị!"

"Chị Pécgôti", tôi nói, "Chị hãy nhìn em xem em có thật sự vui mừng không, xem em có thành thực muốn điều đó không?"

Thực vậy, tôi hết sức mong muốn điều đó. Chị Pécgôti ôm ghì lấy tôi và nói:

"Này em! Ngày đêm chị vẫn nghĩ đến điều đó. Chị đã nghĩ đến mọi điều và chị hy vọng rằng chị nghĩ đúng. Nhưng chị sẽ còn nghĩ đến nữa và sẽ nói cho anh chị biết. Tạm thời, chúng ta hãy giữ kín điều đó. Đêvít ạ, anh Bácкít là một người trung hậu, rất mộc mạc. Nếu chị làm tròn bổn phận của chị đối với anh thì chị chắc rằng… nếu chị không… nếu chị không được sung sướng thì đó là lỗi ở chị."

Chị Pécgôti nói và cười vui vẻ. Việc nhắc đến anh Bácкít rất hợp cảnh và làm cho chúng tôi buồn cười và cười vang lên; vì vậy cho nên chúng tôi rất là vui vẻ khi ngôi nhà ông Pécgôti hiện ra trước mắt chúng tôi.

Ngôi nhà này vẫn y nguyên như cũ, chỉ có một điều tôi thấy hình như nó thu nhỏ lại và bà Gơmmít đợi chúng tôi ở ngoài cửa như là bà vẫn đứng ở đấy từ khi chúng tôi ra đi. Ở trong nhà, mọi vật đều y nguyên, đến cả cái độc bình xanh đựng rong biển vẫn ở trong phòng tôi như trước. Tôi đi ra ngoài xem cái nhà nhỏ, ở đấy cũng vẫn những con tôm hùm ấy, vẫn những con cua và những con tôm he ấy cứ quấn quýt lấy nhau làm thành một cục ở trong cái góc ngày xưa và cũng như xưa chúng muốn kẹp tất cả mọi vật ở trên thế giới.

Nhưng không thấy bé Emili đâu cả. Tôi hỏi ông Pécgôti xem cô ta ở đâu. Ông Pécgôti vừa đáp vừa lau mồ hôi trán vì ông vừa khiêng cái hòm của chị Pécgôti.

"Cháu nó ở trường, chốc nữa thì nó về."

Ông vừa nói vừa nhìn cái đồng hồ Hà-lan:

"Trong hai mươi phút nữa, nhiều lắm là nửa giờ; Mẹ cậu vừa mất ở nhà tất cả chúng tôi đều buồn".

Bà Gơmmít rên rỉ.

"Bà mẹ! Trấn tỉnh lên chứ!" ông Pécgôti kêu to.

"Tôi lại càng buồn hơn ai hết", bà Gơmmít nói. "Tôi là một con người cùng khổ, tứ cố vô thân, chỉ có cháu mới không làm tôi phật ý…"

Bà Gơmmít vừa rên rỉ vừa lắc đầu, bắt đầu hý hoáy thổi lửa. Ông Pécgôti đưa mắt nhìn chúng tôi trong khi bà đang bận làm việc, và giơ tay lên miệng nói khẽ:

"Lại nhớ ông già!"

Do đó tôi biết rằng tinh thần của bà Gơmmít vẫn không khá lên chút nào từ dạo tôi đến thăm lần cuối cũng.

Tất cả nơi này vẫn xinh đẹp hay ít nhất cũng phải xinh đẹp hơn bao giờ hết, thế mà nó vẫn gây cho

tôi một ấn tượng khác được. Tôi hơi cảm thấy thất vọng: có lẽ là vì bé Emili không ở nhà. Tôi biết Emili trở về nhà theo con đường nào và lát sau tôi đi dọc theo con đường nhỏ ấy để đón.

Một lát sau, xa xa xuất hiện một bóng người, và tôi nhận ra đó là Emili, vóc người vẫn nhỏ nhắn, mặc dầu đã lớn lên. Nhưng khi cô ta đến gần khi tôi thấy cặp mắt biếc của cô còn biếc hơn trước, khuôn mặt lúm đồng tiền lại càng lộng lẫy hơn xưa và tất cả người cô càng xinh xắn và đáng yêu hơn, bỗng nhiên trong lòng tôi nảy ra một tình cảm kỳ quặc, nó bắt buộc tôi giả vờ làm như không nhận ra Emili và tôi bước bên cạnh cô tựa hồ như mắt còn nhìn cái gì ở đằng xa tít. Về sau này trong đời tôi, tôi cũng làm đại khái như thế nếu như tôi không lầm.

Bé Emili không hề để ý đến điều đó. Cô nhận ra tôi rõ ràng, nhưng cô không quay lại gọi tôi, trái lại cô cười khanh khách và bỏ chạy. Điều đó bắt tôi phải chạy theo, nhưng cô chạy nhanh đến nỗi khi tôi bắt được cô thì chúng tôi đã về đến cạnh nhà.

Bé Emili nói:

"À! Anh đấy à?"

"Emili cậu nhận ra ngay mình à?" tôi nói.

"Thế còn anh, anh không nhận ra em sao?"

Tôi muốn ôm lấy cô mà hôn nhưng cô giơ tay lên đôi môi đỏ thắm nói rằng cô không còn là trẻ con nữa và bỏ chạy vào trong nhà, cười to hơn bao giờ hết.

Hình như cô thích trêu tôi và điều thay đổi này làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên. Bữa cơm chiều đã chuẩn bị xong, cái hòm của chúng tôi đã được đặt vào chỗ cũ của nó, nhưng cô không đến ngồi bên cạnh tôi mà lại ngồi bên cạnh cái bà Gơmmít hay càu nhàu kia và khi ông Pécgôti hỏi tại sao thì cô lấy tay kéo tóc xuống để che kín mặt và chỉ cười khúc khích, ông Pécgôti lấy bàn tay to lớn mình vuốt ve cô và nói:

"Con bé này ném nỉnh nắm!"

"Ồ, phải đấy, lém lắm! Đúng đấy cậu Đêvít ạ, cô ta lém lắm!" Ham nói. Và Ham nhìn cô ta mà cười một cách vừa dịu dàng vừa yêu mến, say sưa làm cho má cô đỏ bừng như gấc.

Thực vậy, tất cả mọi người đều nuông bé Emili mà nhất là ông Pécgôti. Cô mà đến áp má cô vào bộ ria mép cứng của ông thì bắt ông làm gì cũng được. Đó là ý kiến của tôi (ít nhất khi tôi thấy cô ta làm thế) và tôi cho rằng ông Pécgôti làm thế là phải. Nhưng cô là người bản tính hết sức dịu dàng và dễ thương, cô rất khéo phối hợp tính ranh mãnh với thẹn thùng nên lại càng làm tôi mê mẩn hơn bao giờ hết.

Cô lại là người rất dễ cảm nữa, vì sau bữa cơm chiều khi chúng tôi ngồi thành vòng tròn xung quanh lò lửa, ông Pécgôti châm lửa vào cái tẩu và nhắc đến việc tổn thất mà tôi vừa phải chịu thì cô nhìn tôi hết sức dịu dàng làm cho tôi cảm kích vô cùng. Ông Pécgôti lấy tay cầm những mớ tóc quăn của cô, để tóc cô chảy trên bàn tay như nước và nói:

"Đây lại là một cô bé mồ côi khác, cậu thấy không và đây", ông Pécgôti vừa đi vừa lấy sống tay đánh vào ngực Ham, "lại là một đứa bé mồ côi nữa, mặc dầu cậu ta không có vẻ trẻ con mồ côi lắm."

"Nếu như tôi có ông làm người cha đỡ đầu", tôi vừa nói vừa lắc đầu, "thì tôi nghĩ rằng tôi sẽ không cảm thấy có vẻ trẻ mồ côi lắm".

"Cậu Đêvít nói đúng đấy!" Ham ngây ngất nói "Hoan hô! Nói đúng đấy, cậu sẽ không cảm thấy như thế đâu. Hoan hô, hoan hô!"

Nói đến đây Ham lại lấy sống tay đánh trả vào ông Pécgôti trong lúc đó bé Emili đứng dậy hôn ông Pécgôti. Ông Pécgôti nói với tôi:

"Còn anh bạn của cậu thì mạnh khỏe chứ?"

"Ông hỏi Xtiếcphoóc phải không?" tôi hỏi.

"Đúng rồi, họ anh ta là thế", ông Pécgôti quay lại phía Ham, "tôi cũng nhớ một cái gì đại khái như vậy".

"Chú nói tên anh ta là Rátdơphoóc", Ham cười và nói."

"Chứ thế nào nữa?" ông Pécgôti đáp lại. "Xtia hay Rátdơ thì cũng là "lái" cả phải không à?[1]. Anh ta có mạnh khỏe không?"

"Thưa ông, khi rời khỏi trường anh ta rất khỏe mạnh."

"Bạn như thế mới là bạn chứ!" ông Pécgôti vừa nói vừa giơ cái tẩu lên. "Đó mới nà bạn nếu như cậu nói đến bạn bè. Ồ! Cầu Chúa phù hộ cho tôi sống để nhìn anh ta một cái chắc là thú lắm."

Tim tôi nóng ran vì nghe người ta khen Xtiếcphoóc.

"Anh ta đẹp trai chứ?"

"Đẹp trai chứ nị!" ông Pécgôti kêu lớn "Anh ta với cậu mà cùng đứng với nhau thì đều giống như… giống như một… tôi không biết nói giống như cái gì! Anh ta can đảm năm!"

"Chuyện!" tôi nói. "Can đảm chính là tính của anh. Anh ta dũng cảm như một con sư tử và ông phải biết anh rất thực thà, ông Pécgôti ạ".

Ông Pécgôti vừa nói vừa nhìn tôi qua làn khói của cái tẩu:

"Tôi nghĩ rằng về mặt học hành trong sách vở thì anh chẳng thua ai."

"Phải đấy!" tôi nói ngây ngất. "Anh ta biết mọi thứ, anh ta thông minh lạ."

Ông Pécgôti gật đầu có vẻ trang trọng: "Thế mới là bạn chứ!"

"Hình như không có cái gì làm cho anh lúng túng" tôi nói "Anh chỉ liếc mắt nhìn là thuộc bài. Còn chơi cầu trụ thì chẳng ai bằng anh, khi chơi cờ anh để người ta muốn lấy bao con cờ cũng được và anh ta vẫn đánh bại dễ dàng", ông Pécgôti lại gật đầu một cái, tựa hồ như muốn nói "Chuyện!".

"Anh nói hay lắm" tôi tiếp tục "đến nỗi ai anh ta cũng thuyết phục được, và tôi không biết ông sẽ nói thế nào khi nghe anh hát, ông Pécgôti ạ".

Ông Pécgôti gật đầu một cái nữa, chừng như muốn nói; "Tôi cũng tin như thế."

"Anh lại là người đẹp đẽ, cao thượng" tôi bị vấn đề tôi thích thú, lôi cuốn. "Thực là khen bao nhiêu cũng khó mà xứng với anh, tôi chắc chắn bao giờ tôi cũng biết ơn lòng tốt của anh đã che chở tôi là đứa nhỏ hơn và học lớp thấp hơn anh rất nhiều".

Tôi đang thao thao bất tuyệt, rất nhanh đột nhiên tôi đưa mắt nhìn mắt của bé Emili. Cô đang cúi đầu lên bàn, lắng tai nghe tôi hết sức chăm chú nín thở, cặp mắt biếc lấp lánh như ngọc và hai gò má ửng hồng. Cô có vẻ chăm chú và xinh đẹp một cách kỳ lạ làm cho tôi ngừng bặt và ngơ ngác, và tất cả mọi người đều chú ý nhìn cô cùng một lúc, bởi vì tôi ngừng bặt. Họ đều phá lên cười và nhìn cô. Chị Pécgôti nói:

"Emili cũng như chị đều muốn gặp Xtiếcphoóc".

Thấy mọi người đều chú ý đến mình, Emili cúi đầu mặt đỏ bừng. Một lát cô liếc mắt nhìn tôi qua mớ tóc xõa và nhìn thấy mọi người vẫn chú ý đến mình (riêng về phần tôi, tôi chắc chắn có thể nhìn cô hàng giờ) cô bỏ chạy và trốn mãi đến giờ đi ngủ mới xuất hiện.

Tôi lại nằm trong cái giường nhỏ xíu ngày xưa ở đuôi tàu, và gió vẫn rì rào trên bãi cát bằng phẳng như ngày xưa. Nhưng lần này tôi không thể không nghĩ đến và tưởng tượng rằng ngọn gió đang rền rĩ xót thương những người đã khuất. Tôi không nghĩ như ngày trước rằng ban đêm thủy triều có thể lên chiếc thuyền đi trên sông, nhưng tôi lại nghĩ rằng ban đêm. mặt biển sẽ dâng lên làm tất cái gia đình êm ấm của tôi bị chìm đắm. Tôi nhớ lại trong khi tiếng gió và tiếng nước ở bên tai tôi bắt đầu nghe yếu dần và tôi đang cầu nguyện, tôi có thêm một câu cầu nguyện ngắn rằng khi lớn lên Chúa cho tôi lấy bé Emili làm vợ, và tôi ngủ tràn đầy cả tình yêu.

Ngày trôi qua gần hệt như ngày trước, nhưng chỉ có một ngoại lệ quan trọng là tôi và bé Emili ít khi đi dạo chơi trên bờ biển. Cô phải học bài, lo đường kim mũi chỉ, và phần lớn trong ngày cô vắng mặt. Nhưng tôi cảm thấy rằng dù cho không có những điều ấy đi nữa, chúng tôi vẫn không được đi dạo chơi như trước. Mặc dù Emili táo bạo, đầy những ý nghĩ trẻ con nhưng bây giờ cô đã thành một cô thiếu nữ, hơn là điều tôi tưởng. Hình như cô đã hơn tôi một tuổi hay hơn nữa, và do đó có một khoảng cách lớn giữa chúng tôi. Tuy cô yêu tôi, nhưng cô vẫn chế nhạo tôi và làm tôi khổ sở. Khi nào tôi đi đón thì cô trốn về nhà theo một con đường khác, và khi nào tôi trở về thất vọng thì cô lại cười khanh khách ở ngoài cửa. Những giờ phút thú vị nhất là khi cô ngồi làm việc ở ngưỡng cửa còn tôi thì ngồi ở trên bực thềm bằng gỗ dưới chân cô và đọc truyện cho cô nghe. Ngay giờ đây, hồi tưởng lại tôi vẫn thấy như chưa bao giờ ánh mặt trời lại đẹp như những buổi chiều tháng tư rực rỡ kia, chưa bao giờ có một thân hình nhỏ bé ngập tràn ánh nắng như cô bé ngồi ở ngưỡng cửa chiếc tàu, chưa bao giờ tôi thấy bầu trời sắc nước đẹp như vậy, cũng như tôi chưa hề thấy những con tàu huy hoàng hơn giương buồm trôi đi trong bóng chiều vàng.

Ngay từ buổi chiều đầu tiên sau khi chúng tôi đến, anh Bácкít đã xuất hiện với cái vẻ ngơ ngác và vụng về của anh. Anh cầm ở tay một gói cam ở trong cái khăn tay. Vì anh không hề nhắc gì đến vật này, cho nên sau khi anh ra về người ta tưởng rằng anh vô tình bỏ quên, cho đến khi Ham chạy theo để trả cho anh, rồi trở về nói đấy là để biếu chị Pécgôti. Sau việc đó, chiều nào anh cũng xuất hiện vào đúng giờ ấy, bao giờ cũng cầm một gói nhỏ, nhưng anh không bao giờ nói gì về vật này và cứ chiếu lệ bỏ nó ở sau cửa hay vất nó ở đấy. Những thứ quà để tỏ tình này rất khác nhau và rất kỳ quặc. Tôi nhớ trong những món quà này có hai chân giò lợn, một cái gối to tướng cặm kim, một nửa bát táo, một đôi hoa tai bằng ngọc huyền, một ít hành Tây-ban-nha, một hộp con cờ, một con hoàng yến với cả cái lồng và một cái giò dăm-bông. Tôi nhớ anh Bácкít ve vãn một cách rất đặc biệt. Anh rất ít khi nói, chỉ ngồi canh lửa với cái dáng điệu cũng hệt như khi anh ngồi trong xe, mắt trân trân nhìn chị Pécgôti đang ngồi trước mặt. Một buổi tối, chắc là được tình yêu khuyến khích, đột nhiên anh giơ tay ra chụp lấy cái mẩu sáp ong chị dùng để cắm kim, bỏ nó vào túi gi-lê rồi mang đi. Từ đó, điều vui sướng nhất của anh là đưa cái mẩu sáp ấy ra mỗi khi chị Pécgôti cần đến. Mẩu sáp ấy dính vào áo lót của anh, và một phần đã chảy, rồi anh lại bỏ nó vào túi áo khi nào chị Pécgôti dùng xong. Hình như anh hết sức sung sướng và cảm thấy không cần phải nói câu nào. Ngay cả khi nào anh dẫn chị Pécgôti đi chơi trên bờ biển, tôi nghĩ rằng anh muốn nói chuyện thì cũng không có gì bất tiện, thế mà anh cũng chỉ thỉnh thoảng hỏi chị có mạnh khỏe không. Tôi nhớ rằng đôi khi sau khi anh đi rồi, chị Pécgôti úp tạp dề vào mặt mà cười suốt nửa tiếng đồng hồ. Thực vậy, tất cả chúng tôi ít hay nhiều đều cảm thấy thú vị, chỉ trừ bà Gơmmít, vì bà cũng được ve vãn một cách hoàn toàn tương tự, cho nên nhìn cái cảnh ấy bà lại buồn bã nhớ tới "ông già".

Cuối cùng, khi thời hạn đi thăm của tôi đã gần hết, người ta báo rằng chị Pécgôti, anh Bácкít và tôi

sẽ cùng đi chơi suốt một ngày và cô bé Emili có nhiệm vụ đi theo.

Tôi nằm thao thức suốt cả đêm trước vì suy nghĩ đến điều sung sướng là được sống cả một ngày với Emili. Từ sáng sớm, chúng tôi đã dậy, và chúng tôi chưa ăn xong bữa sáng thì xa xa đã thấy anh Bácкít đánh một cái xe ngựa về phía người yêu.

Chị Pécgôti vẫn mặc bộ đồ tang như ngày thường, sạch sẽ và đơn giản, nhưng anh Bácкít thì rực rỡ trong cái áo vét-tông màu xanh mới tinh. Anh thợ may đã khéo cắt áo cho anh ta đến nỗi anh không cần phải đeo tất tay dù thời tiết có lạnh nhất, còn cổ áo thì cao đến nỗi đẩy tóc dựng ngược ở trên đỉnh đầu. Cúc áo lấp lánh cũng hết sức lớn. Anh lại mặc cái quần dài mầu hạt dẻ và một cái áo gi-lê bằng da mềm khiến cho tôi thấy anh Bácкít thành một nhân vật đáng kính muôn phần.

Khi chúng tôi đang bận rộn ở ngoài cửa thì tôi thấy ông Pécgôti đã chuẩn bị một chiếc giầy cũ ném sau lưng chúng tôi để cầu phúc cho chúng tôi. Ông đưa chiếc giầy cho bà Gơmmít để bà làm việc đó. Bà nói:

"Để một người khác làm thì hơn. Tôi chỉ là một người nghèo khổ, tứ cố vô thân, hễ nghĩ đến những người không cô độc là tôi bực mình".

"Thôi đi bà!" ông Pécgôti nói, "Bà cầm lấy chiếc giầy và ném nó đi", "Không đâu!" Bà Gơmmít vừa càu nhàu vừa lắc đầu. "Nếu như tôi không phải là người nhiều xúc cảm thì tôi đã làm. Ông không có những xúc cảm như tôi, không có cái gì làm cho ông bực mình và ông cũng không làm cho ai trái ý. Ông nên ném thì hơn".

Nhưng lúc này chị Pécgôti đã lần lượt hôn tất cả mọi người một cách vội vàng, ngồi trên cái xe trên có hai chúng tôi. (Emili và tôi ngồi cạnh nhau trên hai cái ghế con). Chị Pécgôti nói rằng bà Gơmmít phải làm điều đó, cho nên bà đành phải làm. Nhưng tôi rất bực mình mà nói rằng bà làm cho cái cảnh ra đi vui vẻ của chúng tôi thành mất vui, bởi vì bà liền khóc, gục vào cánh tay của Ham và ngất đi, rồi bà nói rằng bà biết bà chỉ là một gánh nặng, và tốt hơn hết là đưa bà ngay đến nhà tế bần. Lúc bấy giờ tôi nghĩ rằng bà nói như thế là phải và Ham đáng lý nên làm như vậy.

Chúng tôi liền ra đi dạo chơi. Việc đầu tiên của chúng tôi là dừng xe lại trước một nhà thờ. Anh Bácкít buộc ngựa vào song hàng rào sắt của nhà thờ, rồi cùng chị Pécgôti bước vào, để tôi ngồi một mình với bé Emili trên xe. Tôi nhân dịp ấy ôm lấy người cô và đề nghị với cô rằng vì chẳng bao lâu nữa tôi phải rời cô, nên hôm nay nhất thiết chúng ta phải rất thân mật và sung sướng suốt ngày. Bé Emili bằng lòng và cho phép tôi hôn. Tôi nhớ rằng tôi đã đánh bạo nói với cô rằng mãi mãi tôi không thể yêu người nào khác và tôi sẵn sàng giết chết bất kỳ ai muốn được cô yêu.

Bé Emili rất vui sướng về việc đó. Làm ra vẻ lớn tuổi hơn tôi và khôn ngoan hơn tôi nhiều, cô tiên nữ tí hon kia gọi tôi là "anh ngốc" rồi cười xinh đến nỗi tôi cũng quên vừa bị thóa mạ với cái danh từ xấu xa kia và chỉ biết ngồi nhìn cô ngây ngất.

Anh Bácкít và chị Pécgôti ở trong nhà thờ một lúc khá lâu, nhưng cuối cùng họ cũng bước ra và chúng tôi cho xe đi trên đường ở thôn quê. Trên đường đi, anh Bácкít quay lại nheo mắt nói với tôi - quả thực trước đây tôi cũng không ngờ anh biết nheo mắt cơ đấy:

"Ở trong xe trước đây anh viết tên gì nhỉ?"

"Clara Pécgôti", tôi đáp.

"Và bây giờ nếu như chiếc xe này có một cái diềm thì anh sẽ viết chữ gì?"

"Vẫn Clara Pécgôti chứ phải không anh?"

“Clara Pécgôti Bácкít”, anh đáp lại, cười giòn giã, làm cho cả cái xe cũng chuyển động.

Thế là hai người đã thành hôn; và chính vì vậy nên họ bước vào nhà thờ. Chị Pécgôti muốn mọi việc sẽ diễn ra một cách yên lặng và muốn chỉ có người giáo sĩ ở giáo đường làm chứng hôn lễ mà thôi, ngoài ra không có người làm chứng nào khác. Chị hơi lúng túng khi nghe anh Bácкít tuyên bố việc kết hôn của hai người một cách đột ngột như vậy, và chị thấy dù có ôm ghì lấy tôi bao nhiêu cũng không đủ để tỏ rằng tình yêu của chị vẫn không hề thay đổi. Nhưng lát sau, chị trấn tĩnh và tuyên bố rằng chị sung sướng khi thấy mọi việc đều xong.

Chúng tôi dừng xe lại trước một cái quán nhỏ cạnh con đường rẽ nhỏ ở đấy người ta ngồi chờ chúng tôi và đã có sẵn một bữa cơm rất là thịnh soạn, và chúng tôi sống một ngày hết sức thỏa thích. Giá như chị Pécgôti mười năm nay ngày nào cũng kết hôn, chị cũng không thể thoải mái hơn. Đối với chị chẳng có chút gì thay đổi, chị cũng ăn hệt như trước và trước bữa cơn chiều chị cũng đi dạo mát cùng Emili trong khi anh Bácкít hút cái tẩu của anh ra vẻ triết gia và theo ý tôi, anh đang suy nghĩ một cách thú vị đến hạnh phúc của mình. Dẫu sao, hạnh phúc này cũng làm cho anh ăn thêm ngon miệng; bởi vì tôi nhớ hết sức rõ ràng rằng mặc dầu trong bữa cơm trưa anh đã ăn rất nhiều thịt lợn và rau, đồng thời lại ăn thêm một hay hai con gà con; nhưng người ta vẫn phải đưa thêm cho anh thịt mỡ nấu để nguội để anh ăn vào bữa cơm chiều và anh ăn rất nhiều không chút khó khăn.

Về sau, tôi vẫn thường nghĩ cái lễ kết hôn ấy sao mà kỳ lạ, ngây thơ đến thế! Sau khi trời tối được một lát, chúng tôi lại lên xe ngựa, đánh xe về nhà một cách thoải mái, mắt nhìn lên những ngôi sao và nói chuyện về những ngôi sao. Tôi là người thuyết minh chủ yếu và tôi mở tầm mắt cho anh Bácкít thấy những chân trời mới. Tôi nói cho họ nghe tất cả những điều tôi biết, nhưng kỳ thực tôi nói gì cũng được anh tin vì anh rất tôn kính tài năng của tôi, và nhân dịp ấy, anh nói với vợ anh rằng tôi là một thứ “thần đồng”, tôi đoán chắc anh muốn nói một thứ kỳ quan gì đấy.

Khi chúng tôi đã nói hết câu chuyện về những ngôi sao, hay nói khác đi, khi tôi đã mở mang tất cả khả năng trí tuệ của anh Bácкít thì cô bé Emili và tôi cùng đắp một cái chăn cũ làm bằng áo khoác và chúng tôi ngồi như thế trên suốt cả đoạn đường đi. Ôi! Tôi yêu cô biết bao! Tôi vẫn thường tự nghĩ thật là hạnh phúc biết bao nếu như chúng tôi được lấy nhau, được sống bất kỳ ở đâu, ở giữa ngàn cây, ở ngoài đồng, không bao giờ già hơn, không bao giờ khôn hơn, suốt đời là những đứa trẻ con dắt tay nhau dạo chơi đây đó, dưới ánh mặt trời, giữa những đồng cảnh đầy hoa và ban đêm gối đầu lên rêu để ngủ một giấc ngủ êm đềm trong trắng và êm ả cho đến khi những con chim sẻ chôn chúng tôi sau khi chúng tôi chết. Những hình ảnh này không có một chút gì của thế giới thực tế, nó trong sáng với cái ánh sáng của tuổi thơ ngây của chúng tôi và mập mờ như những ngôi sao xa tít vẫn tràn ngập đầu óc tôi trên suốt đoạn đường về. Tôi rất vui sướng khi nghĩ rằng trong ngày chị Pécgôti kết hôn lại có hai con tim ngây thơ như con tim của bé Emili và của tôi. Tôi cũng rất sung sướng rằng thần ái tình và thần sắc đẹp trong ngày lễ kết hôn mộc mạc này đã khoác những hình ảnh phiêu diêu như vậy.

Tối hôm ấy, chúng tôi lại về sớm đến cửa của chiếc tầu cũ; đến đó anh chị Bácкít từ biệt chúng tôi, ngồi sát bên nhau âu yếm đánh xe trở về nhà. Bấy giờ lần đầu tiên tôi cảm thấy mất chị Pécgôti. Tôi sẽ rất buồn bực khi đi ngủ nếu như tôi không được ở cùng một mái nhà với cô bé Emili.

Ông Pécgôti và Ham cũng hiểu lòng tôi đang nghĩ gì và họ chuẩn bị bữa cơm tối với vẻ mặt hân hoan để xua đuổi những ý nghĩ của tôi. Lần đầu và lần cuối cùng trong thời gian tôi đến thăm, bé Emili đến ngồi cạnh tôi trên cái hòm và đó là một cách tuyệt diệu để chấm dứt một ngày thần tiên.

Hôm ấy, ban đêm có thủy triều lên. Một lát, sau khi chúng tôi đi ngủ thì ông Pécgôti và Ham ra khơi đánh cá. Tôi cảm thấy mình rất dũng cảm vì tôi được ở một mình trong cái nhà cô độc này, để che

chở cho bé Emili và bà Gơmmít, tôi chỉ mong rằng có một con sư tử, một con mãng xà hay bất kỳ một loài quái vật độc ác nào tấn công chúng tôi để cho tôi tiêu diệt nó và để nổi danh. Nhưng đêm ấy, không có một con vật nào như thế đi lang thang trên bờ biển Yácmao; cho nên để đi vào đấy tôi chỉ còn cách nằm mơ đến giao long mãi cho đến sáng.

Vừa sáng thì chị Pécgôti đã đến, chị vẫn đến bên cửa sổ gọi tôi như trước, tựa hồ anh Bácкít đánh xe ngựa cùng đi là một nhân vật trong mộng không hơn không kém. Ăn sáng xong, chị đưa tôi đến xem ngôi nhà mới của chị. Đó là một cái nhà rất nhỏ và rất xinh. Trong tất cả đồ đạc trong nhà, cái gây cho tôi ấn tượng sâu sắc nhất cố nhiên là cái bàn giấy cũ ở phòng khách (nhà bếp lát gạch vuông đồng thời lại là phòng khách) bàn này làm bằng một thứ gỗ mầu sẫm, mặt bàn có thể mở ra khi đóng lại làm thành một cái bàn viết ở trong có quyển sách "Những người tử vì đạo" của Phốcxơ in khổ rất lớn. Tôi phát hiện ra quyển sách quý báu này mặc dầu hiện nay tôi không còn nhớ một chữ nào nữa và tôi lập tức vùi đầu vào quyển sách đó. Sau đó không bao giờ tôi đến thăm nơi này mà không quỳ trên một cái ghế, giở cái hộp chứa đựng cái kho tàng quý báu này rồi hai tay ôm lấy cái bàn viết tôi bắt đầu đọc ngấu nghiến quyển sách ấy một lần nữa! Tôi sợ tôi được cảm hóa chủ yếu là do bức tranh miêu tả mọi thứ hình phạt kinh khủng; nhưng từ đó về sau mãi đến nay quyển sách "Những người tử vì đạo" và cái nhà của chị Pécgôti vẫn gắn chặt vào trí não của tôi.

Ngày hôm ấy, tôi từ biệt ông Pécgôti, Ham, bà Gơmmít và bé Emili và tôi nghỉ đêm tại nhà chị Pécgôti trong một phòng nhỏ ở dưới mái (với quyển sách về cá sấu nằm trên một cái giá ở đầu giường) Chị Pécgôti nói cái phòng này là để dành cho tôi và nó sẽ được giữ nguyên vẹn như vậy.

"Em Đêvít ơi! Trong khi chị còn trẻ cũng như khi chị già hễ chị còn sống, và cái mái nhà này còn ở trên đầu chị, thì em sẽ thấy nó in hệt như em vừa thấy. Em yêu quý của chị, ngày nào chị cũng sẽ săn sóc đến nó cũng như chị đã từng săn sóc cái phòng nhỏ bé của em ngày xưa, dù em có đi Trung quốc em cũng vẫn có thể yên trí rằng phòng này vẫn giữ nguyên vẹn trong suốt thời gian em vắng mặt."

Trong thâm tâm tôi cảm kích lòng chân thành của người bảo mẫu của tôi, và tôi hết sức cảm ơn chị. Nhưng tôi không thể biểu lộ đầy đủ lòng biết ơn của tôi, bởi vì khi chị lấy tay ôm quàng lấy cổ tôi mà nói như vậy thì sáng hôm ấy tôi đã phải về nhà. Và sáng hôm ấy tôi trở về nhà cùng đi xe ngựa với chị Pécgôti và anh Bácкít. Họ để tôi ở ngoài cổng, và chúng tôi chia tay nhau không phải dễ dàng và nhẹ nhàng. Đối với tôi quả thực là một điều kỳ lạ khi tôi nhìn thấy một chiếc xe ngựa đi xa mang theo chị Pécgôti và để tôi lại một mình dưới những gốc du già, nhìn vào cái nhà trong đó không còn có một bộ mặt nào nhìn tôi một cách dịu dàng thân ái.

Và bây giờ tôi rơi vào một tình trạng bị ruồng bỏ, mà mỗi khi nghĩ đến, tôi không sao khỏi đau xót. Tôi liền rơi ngay vào tình trạng cô độc xa cách mọi sự săn sóc thân yêu, xa cách tất cả những đứa trẻ cùng trạc tuổi với tôi không còn có ai làm bạn bè ngoài những ý nghĩ buồn rầu của tôi mà đến nay hầu như không còn ngả bóng xuống trang giấy trong khi tôi đang viết.

Tôi sẽ vui sướng biết bao dù phải đến cái trường học nghiêm khắc nhất trên đời để được học một cái gì, không kể học như thế nào và học ở đâu. Nhưng không lóe lên một tia hy vọng nào! Họ ghét tôi và ruồng bỏ tôi một cách kiên quyết, âm thầm và lạnh lùng. Tôi cho lúc bấy giờ kinh tế ông Mơcxtôn cũng có phần nào eo hẹp, nhưng điều này không liên quan gì đến việc đó lắm. Ông ta không thể chịu đựng được tôi, và trong khi tìm cách gạt bỏ tôi, tôi cũng gạt bỏ luôn cái quan niệm rằng tôi có quyền đòi hỏi ở ông, và ông đã thành công.

Kể ra, tôi không bị ngược đãi trắng trợn, người ta không đánh tôi và không bắt tôi nhịn đói; nhưng những cách đối xử với tôi không lúc nào bớt căng thẳng và điều đó được thực hiện có hệ thống và thản

nhiên. Ngày lại ngày, tuần sang tuần, tháng sang tháng, tôi vẫn bị ruồng bỏ một cách lãnh đạm. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến điều này, đôi khi tôi tự hỏi: nếu như tôi ốm thì họ sẽ làm gì? Phải chăng tôi sẽ nằm trong cái phòng cô độc của tôi chết dần chết mòn, trong cái cảnh cô tịch hàng ngày, hay là có một người nào sẽ cứu thoát tôi khỏi cảnh này?

Khi ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn ở nhà thì tôi vẫn ăn cơm với họ. Khi họ đi vắng thì tôi ăn uống một mình. Nhưng lúc nào tôi cũng thơ thẩn trong nhà và ở chung quanh đấy, không được dòm ngó đến, chỉ trừ một điểm họ ghen ghét không muốn cho tôi chơi bời với ai, có lẽ họ sợ rằng nếu làm thế thì tôi sẽ than phiền. Chính vì thế, mặc dầu ông Silíp thường bảo tôi đến thăm ông (ông ta góa vợ, cách đây mấy năm ông mất một bà vợ nhỏ nhắn tóc hung, tôi chỉ nhớ mầu tóc giống như mầu hoe hoe của cái mai rùa) nhưng ít khi tôi được may mắn ở trong phòng làm việc của ông một buổi chiều để xem một quyển sách mới lạ đối với tôi với cái mùi thuốc xông nặc cả mũi, hay giữ một thứ gì đó ở trong một cái cối dưới sự coi sóc hiền từ của ông.

Cũng vì vậy, chắc chắn vì trước đây người ta vẫn ghét chị Pécgôti, cho nên ít khi người ta cho phép tôi đến thăm chị. Trung thành với lời hứa, mỗi tuần một lần, chị đến thăm tôi hay hẹn gặp tôi ở gần đấy và không bao giờ chị đến tay không. Khi nào tôi xin phép đến thăm chị ở nhà chị thì tôi vẫn thường bị cự tuyệt một cách đau đớn, người ta cũng cho phép tôi đến đấy theo những khoảng thời gian cách nhau rất xa. Bây giờ tôi mới thấy rằng anh Bácкít có phần nào hà tiện, hay như chị Pécgôti nói một cách lễ phép anh ấy "hơi khít khao". Anh giữ một số tiền lớn trong một cái hòm đặt dưới chân giường, nhưng anh nói rằng nó chỉ có áo quần mà thôi. Tất cả của cải anh đều ẩn nấp một cách khiêm tốn nhưng kiên quyết ở trong cái hòm ấy và muốn lấy ra một khoản nhỏ nhất cũng phải dùng mưu mới được, vì vậy chị Pécgôti đã phí bao nhiêu tâm lực để có một kế hoạch phức tạp đúng là một âm mưu dùng thuốc súng làm nổ quốc hội Anh để trang trải việc tiêu dùng vào mỗi ngày thứ bảy.

Trong tất cả thời gian ấy, tôi hết sức có ý thức về chỗ tất cả những mong ước của mình đều đã bị vứt bỏ, về tình trạng bị ruồng bỏ hoàn toàn của mình và chắc chắn sẽ hết sức khổ sở nếu như không có những quyển sách xưa. Nó là nguồn an ủi duy nhất của tôi: tôi rất trung thành với nó cũng như nó trung thành với tôi, và tôi đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần mà kể.

Bây giờ tôi đến gần một giai đoạn của cuộc đời tôi, mà tôi không thể nào quên được hễ tôi còn một chút trí nhớ và mỗi khi nhớ lại - thường không phải do tôi cố tình nghĩ đến - nó giống như một con ma đến ám ảnh những ngày sung sướng hơn của tôi.

Có một hôm, tôi đang lang thang đâu đấy với vẻ mặt thờ ơ, ngơ ngác do lối sống của tôi gây nên, tôi đi quanh vào một con đường nhỏ gần nhà thì gặp ông Mơcxtôn đang đi với một người khác. Tôi lúng túng đi qua bên cạnh họ, thì người kia kêu:

"Thế nào có phải Brúc đấy không?"

"Dạ không ạ", tôi đáp. "Cháu là Đêvít Copơphin".

"Nói thế không được đâu." người kia nói, "Mày là Brúc ở Sepphin. Đó là tên mày đấy".

Nghe nói thế tôi nhìn người kia một cách chăm chú hơn. Nghe tiếng cười tôi chợt nhớ ra ông ta là ông Kiniôn, tôi đã đến thăm ông ta ở Laơxtốp với ông Mơcxtôn trước đây,… nhưng điều đó không quan trọng… Tôi không cần nhắc lại lúc này. Ông Kiniôn nói:

"Brúc! Độ này mày làm gì và mày học hành ở đâu?" ông đặt tay lên vai tôi và bắt tôi quay lại để cùng đi. Tôi không biết trả lời như thế nào, đưa mắt nhìn ông Mơcxtôn có vẻ lưỡng lự. Ông Mơcxtôn nói: "Độ này nó ở nhà. Nó không học ở đâu cả. Tôi không biết dùng nó vào việc gì. Nó là một đứa khó

dạy".

Hai con mắt giả dối ấy mà tôi biết quá rõ nhìn tôi một lát. Rồi cái lông mày đen nhíu lại, và ông quay đi chỗ khác có vẻ chán ghét. Tôi thấy hình như ông Kiniôn nhìn hai chúng tôi và nói:

"À! Trời đẹp quá!".

Tiếp đó là một phút im lặng vì tôi đang nghĩ cách gì tốt nhất để thoát khỏi cái bàn tay đặt trên vai tôi để đi, thì ông ta nói: "Này Brúc, mày tinh quái lắm phải không?"

"Ồ! Anh để nó đi cho rảnh", ông Mơcxtôn nói có vẻ nóng ruột, "Anh làm phiền nó chẳng được nó cám ơn đâu". Nghe nói vậy, ông Kiniôn buông tôi ra.

Tôi liền vội vàng về nhà. Khi tôi bước vào cái vườn ở trước nhà tôi quay lại nhìn thấy ông Mơcxtôn đang dựa mình vào cái hàng rào ở nghĩa địa và ông Kiniôn đang nói chuyện với ông ta. Hai người đều nhìn tôi và tôi cảm thấy rằng họ đang nói chuyện về tôi.

Đêm hôm ấy, ông Kiniôn ngủ tại nhà tôi. Sau bữa ăn sáng, ngày hôm sau, khi tôi đã đặt lại cái ghế ngồi của tôi vào chỗ cũ và định bước ra khỏi phòng thì ông Mơcxtôn gọi tôi lại. Ông ngồi có vẻ trang trọng trước một cái bàn khác và bà chị của ông ngồi ở bàn giấy, ông Kiniôn đút tay vào túi đứng nhìn ra ngoài cửa sổ. Còn tôi đứng nhìn cả ba người, ông Mơcxtôn nói:

"Đêvít! Đối với người trẻ tuổi thì thế giới này là thế giới để hoạt động chứ không phải một nơi chơi bời lêu lổng".

"Như mày vẫn làm", bà chị nói thêm. "Chị Jan Mơcxtôn, chị cứ để tôi nói. Này, Đêvít! Tao nói rằng đối với người trẻ tuổi thì thế giới này là thế giới để hoạt động chứ không phải là nơi chơi bời lêu lổng. Điều đó lại càng đặc biệt đúng đối với một đứa trẻ tính khí như mày là đứa trẻ rất cần phải được dạy dỗ. Mà dạy dỗ thì không có gì ích hơn là bắt tính khí của mày phục tùng theo phép tắc của thế giới lao động, làm việc để khắc phục và trừ bỏ cái tính khí ấy đi".

"Bởi vì ở đó bướng bỉnh mấy rồi cũng nhũn" bà chị tiếp. "Tính bướng bỉnh của mày bị tiêu diệt, người ta sẽ tiêu diệt nó giúp mày".

Ông Mơcxtôn nhìn bà chị một nửa tán thành, một nửa trách móc. Và tiếp tục: "Như mày đã biết tao không giàu có gì. Dẫu sao đi nữa, bây giờ mày cũng biết điều đó. Mày đã được học hành nhiều rồi. Việc học hành tốn tiền, và dù có không tốn đi nữa tao cũng không chịu mất tiền. Tao không muốn mày ở trường học vì trường học không có ích lợi cho mày một chút nào. Cái đang chờ đợi mày đó là cuộc đấu tranh để sống ở đời. Mày bắt đầu cuộc đấu tranh ấy càng sớm càng tốt."

Tôi thoáng nghĩ rằng tôi đã bắt đầu cuộc đấu tranh kia theo cách tội nghiệp của tôi và bây giờ cuộc đấu tranh ấy đến với tôi dù muốn hay không, ông Mơcxtôn hỏi:

"Mày có khi nào nghe nói đến cửa hàng không?"

"Cái cửa hàng nào thưa dượng?" Tôi hỏi.

"Cửa hàng Mơcxtôn và Grinbi buôn rượu", ông ta đáp.

Tôi cảm thấy hình như tôi có vẻ ngần ngại bởi vì ông ta tiếp tục nói một cách vội vã:

"Mày đã từng nghe nói đến cái xưởng hay là nói đến công việc, bến tầu, hầm rượu hay là cái gì tương tự như thế không?"

"Con nhớ con có nghe nói đến việc buôn bán" (tôi có nghe mang máng về nguồn kinh tế của chị ông và của ông) "Nhưng con không biết lúc nào".

“Mày nghe nói lúc nào thì chẳng quan trọng”, ông đáp. “Ông Kiniôn là người điều khiển công việc ấy”.

Tôi cung kính nhìn ông Kiniôn nhưng ông ta vẫn đứng nhìn ra ngoài cửa sổ.

“Ông Kiniôn có ý kiến rằng ông ta thuê nhiều đứa trẻ để làm công ở trong nhà, và ông thấy không có lý do gì mà mày không được thuê với những điều kiện như vậy”.

Ông Kiniôn quay lại nửa người và nói nhỏ: “Vì, anh Mơcxtôn ạ, không có lối thoát nào khác cho nó”.

Ông Mơcxtôn không để ý đến câu nói kia vẫn tiếp tục nói với cử chỉ nóng ruột thậm chí giận dữ:

“Những điều kiện là mày có thể có đủ tiền ăn uống và có tiền tiêu vặt. Tao sẽ trả tiền ở, (điều này tao đã thu xếp rồi) cũng như tiền giặt quần áo cho mày”.

“Số tiền ấy sẽ ở trong một giới hạn mà tao sẽ tính sau”, bà chị nói.

“Người ta cũng sẽ lo đến quần áo cho mày”, ông Mơcxtôn nói, “bởi vì tạm thời mày cũng chưa có thể lo đến điều đó được. Vì vậy cho nên, Đêvít, bây giờ mày phải lên Luân-đôn với ông Kiniôn để bắt đầu tự kiếm cách sinh nhai”.

“Tóm lại, như thế là ông sẽ đủ ăn và ông sẽ làm tròn nhiệm vụ của ông”, bà chị nói.

Mặc dầu tôi biết rất rõ rằng mục đích của việc tuyên bố này là chỉ để đuổi tôi đi, nhưng tôi không nhớ rõ nó làm tôi sợ hãi hay vui mừng. Nói chung, tôi có cảm tưởng rằng tôi trong một tình trạng mê loạn, hoang mang giữa hai thái cực kia, mà không chạm đến thái cực nào cả. Vả chăng, tôi cũng không có nhiều thì giờ để suy nghĩ cho rõ ràng vì đến ngày mai ông Kiniôn đã phải ra đi.

Các bạn hãy nhìn tôi ra đi trong buổi sáng hôm sau như thế nào: đầu tôi đội cái mũ trắng rất nhỏ đã cũ, trên mũ viền đen vì để tang mẹ tôi, trên người mặc một cái áo gi-lê đen, một cái quần nhung cứng cồm cộp mà cô Mơcxtôn cho là thứ áo giáp tốt nhất cho đôi chân để chiến đấu với cuộc đời đang bắt đầu. Các bạn hãy nhìn tôi mặc như vậy với tất cả tài sản của tôi ở trên thế gian này nằm trong một cái hòm nhỏ, một đứa trẻ cô đơn tội nghiệp trên đời (Bà Gơmmít sẽ nói như vậy) ngồi trong cái xe trạm đã đưa ông Kiniôn đến Yácmao để đánh đường lên Luân-đôn ở. Kìa ngôi nhà và mái nhà thờ cứ đỏ dần ở đằng xa, cái nghĩa địa ở dưới lùm cây đã bị những vật khác che khuất, cái gác chuông của nhà thờ đánh dấu sân chơi của tôi ngày xưa biến mất vào một bầu trời từ nay trống không!

---

[1] Sfeer theo nghĩa đen là bẻ lái, rudder là cái lái.

Chương XI
TÔI BẮT ĐẦU KIẾM KẾ SINH NHAI: TÔI KHÔNG THẤY THÍCH THÚ GÌ CẢ

Ngày nay, tôi đã chán biết thế thái nhân tình rồi cho nên hầu như không còn cái gì có thể làm tôi ngạc nhiên. Ấy thế mà, ngay đến nay mỗi lần nghĩ đến cảnh mình có thể bị ruồng bỏ dễ dàng trong khi hãy còn nhỏ dại như vậy, tôi cũng vẫn sửng sốt. Một đứa trẻ, có nhiều năng lực, có óc quan sát tốt, nhanh nhẹn, nhiệt tình, dễ cảm, dễ bị thương tổn về thể xác và tinh thần như tôi, thế mà chẳng có ai rủ lòng can thiệp giúp, điều đó cũng thật kỳ lạ. Nhưng sự thực là thế, chẳng có ai can thiệp gì hết. Và mới mười tuổi đầu, tôi đã thành một lao công nhỏ làm thuê ở công ty Mơcxtôn và Grinbi.

Nhà kho của công ty Mơcxtôn Grinbi ở bờ sông Temxơ thuộc khu "Blắcfrai". Những sự cải thiện gần đây đã thay đổi bộ mặt những nơi này, nhưng đó là ngôi nhà cuối cùng ở đầu mút một con đường phố chật hẹp chạy xuống dốc theo đường vòng cho đến bờ sông, ở cuối đường có một vài bậc lên xuống là nơi người ta xuống thuyền. Đó là một ngôi nhà cũ kỹ, hư hỏng, với một cái bến riêng lúc nước lên thì bến này liền với nước, nhưng lúc nước xuống thì có thể nói nhan nhản những chuột là chuột. Các gian phòng với những bức tường lát gỗ có thể nói, đã một trăm năm nay, đầy những bụi bậm và khói nên đã đổi màu, sàn gỗ và thang gác hư hỏng; chuột xám và già kêu chuýt chóe và cắn nhau ở dưới hầm rượu; tình trạng bẩn thỉu và mục nát ngự trị ở đấy là những vật hiện ra trước mắt tôi, không phải cách đây lâu năm mà là những vật trước mắt. Tất cả hiện ra trước mắt tôi hiện nay cũng giống hệt như vào giờ phút bất hạnh khi tôi bước chân đến đấy lần đầu bàn tay nắm run lẩy bẩy ở trong bàn tay của ông Kiniôn.

Công ty Mơcxtôn và Grinbi buôn bán với nhiều hạng người, nhưng việc cung cấp rượu nho và tinh rượu cho một số tàu thủy là một bộ phận quan trọng trong công việc buôn bán. Hiện nay tôi quên không nhớ những chiếc tàu kia chủ yếu đi đâu, nhưng tôi nhớ trong số này có những chiếc đi đến tận Ấn-độ và quần đảo Ăngti. Tôi biết so kết quả của việc buôn bán này nên có rất nhiều chai không và người ta dùng một số trẻ con và người lớn vào việc kiểm nghiệm những chai này dưới ánh sáng để loại những chai nào nứt rạn, súc và rửa những chai khác. Khi nào không có chai không thì dán nhãn vào những chai đầy, vặn nút vào chai, đóng dấu xi lên trên nóc, rồi bỏ chai vào thùng. Đó là tất cả công việc của tôi và tôi là một trong số những đứa trẻ được thuê để làm việc ấy.

Tất cả có ba bốn người kể cả tôi. Nơi làm việc của tôi đặt ở một góc nhà nhỏ để cho ông Kiniôn có thể thấy tôi khi nào ông đứng lên cái thanh gỗ ngang cuối cùng dưới chiếc ghế đẩu ở trong phòng giấy. Buổi sáng đầu tiên của cái ngày tôi phải bắt đầu kiếm kế sinh nhai, người ta gọi cậu lớn tuổi nhất trong những đứa trẻ làm việc ở đấy đến phòng ấy để hướng dẫn cho tôi cách làm việc. Cậu tên là Mich Oancơ và mặc một chiếc tạp dề đã rách và đội một cái mũ giấy. Cậu cho tôi biết rằng cha cậu làm nghề chèo thuyền và đội mũ nhung đen đi trong đoàn du hành của thị trưởng thành Luân-đôn. Cậu cũng cho tôi biết rằng bạn cộng tác chính của chúng tôi sẽ là một cậu khác mà cậu giới thiệu với cái tên kỳ quái là "Khoai Bột", song tôi phát hiện ra rằng đó không phải là tên thánh của cậu mà chỉ là biệt hiệu ở trong nhà kho người ta gán cho cậu bởi vì da cậu tái mét và trắng bệt như bột. Cha của Khoai Bột ngoài nghề lái đò còn làm thêm nghề cứu hỏa và được một rạp hát lớn thuê vào việc ấy; rạp này có một người bà con trẻ tuổi của Khoai Bột, hình như là em gái Khoai Bột, đóng vai tiểu quỷ trong những vở kịch câm.

Thật không lời nào tả được nỗi buồn khổ âm thầm trong lòng tôi khi tôi rơi vào giữa những anh bạn như thế, mỗi khi tôi so sánh những người từ nay sẽ là bạn trong cuộc sống hàng ngày hiện nay với

những người bạn của tuổi thơ hạnh phúc - đó là chưa nói đến Xtiếcphoóc, Trátđơn và các bạn khác - và tôi cảm thấy mọi hy vọng của tôi muốn lớn lên thành một người có học thức và cao quý nay đều tan vỡ. Tôi còn nhớ sâu sắc không sao tả xiết cái tâm trạng về tình cảnh hoàn toàn tuyệt vọng, sự xấu hổ về cảnh ngộ của mình và niềm đau đớn của con tim thơ dại khi nghĩ rằng tất cả những điều tôi đã học và đã nhớ, tất cả những gì làm thành nguồn vui thúc đẩy óc tưởng tượng và lòng hiếu thắng của tôi sẽ ngày một mất dần mà không bao giờ trở lại. Sáng hôm ấy, mỗi khi Mích Oancơ để tôi ngồi một mình là nước mắt lại giàn giụa hòa lẫn với nước tôi dùng để súc chai và tôi khóc nức nở tưởng chừng như tim tôi cũng nứt rạn và sắp vỡ tan.

Khi đồng hồ bàn giấy điểm mười hai giờ rưỡi và mọi người đều chuẩn bị ăn trưa thì ông Kiniôn gõ gõ vào cửa sổ phòng giấy và ra hiệu cho tôi bước vào. Tôi bước vào và thấy ở đấy đã có một ông trạc tuổi trung niên, béo phị mặc áo khoác màu nâu, quần chật ống chân đi giầy, đầu chẳng có một sợt tóc (đầu ông ta to tướng và bóng loáng chẳng kém gì một quả trứng) mặt rất to quay về phía tôi. Áo quần của ông ta đã sờn, nhưng ông ta có một cái cổ áo rất diện. Tay ông cầm một chiếc gậy đẹp, trên gậy có hai quả sồi thắt tua màu xám, túi áo của ông để lộ một cái kính một mắt - vật này chỉ để diện thôi vì sau này tôi thấy ông ta ít khi dùng và mỗi khi dùng thì ông chẳng thấy gì hết. Ông Kiniôn chỉ tôi.

"Nó đấy".

"Cậu đấy à". Người lạ mặt nói với cái giọng ban ơn và muốn làm ra vẻ lịch sự rất khó tả, điều này gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. "Có phải cậu Copơphin đấy không? Cậu mạnh khỏe chứ?"

Tôi trả lời rằng tôi rất mạnh khỏe và tôi hy vọng rằng ông cũng mạnh khỏe. Thực ra, bấy giờ tôi rất khó ở nhưng vào thời kỳ ấy trong đời tôi, tính tôi không thích than phiền, cho nên khi tôi nói tôi rất mạnh khỏe và hy vọng rằng ông ta cũng thế. Người lạ mặt nói:

"Nhờ trời tôi hết sức khỏe mạnh. Tôi có nhận được một lá thư của ông Mơcxtôn nhờ cho cậu ở cái phòng đằng sau nhà tôi hiện nay còn trống". Và người lạ mặt điểm thêm một nụ cười và tỏ vẻ vồn vã thân mật: "Mà tôi rất hân hạnh được nói là thuê làm phòng ngủ"… Đến đây người lạ mặt lại giơ tay lên kéo cằm vào cổ áo sơ mi.

"Đây là ông Micôbơ", ông Kiniôn nói.

"Vâng đó là tên tôi", người lạ mặt nói.

"Ông Mơcxtôn với ông Micôbơ là chỗ quen biết", ông Kiniôn nói. "Khi nào ông Micôbơ có đơn đặt hàng thì ông đưa đến cho chúng tôi và kiếm được một ít tiền. Ông Mơcxtôn đã viết cho ông ta về vấn đề chỗ ở của cháu, và ông ta sẽ nhận cháu ở trọ."

"Địa chỉ của tôi là phố Uynxo Terâyxơ, đường Đô Thị" ông Micôbơ nói "Tóm lại…" ông Micôbơ lại nói với cái vẻ vồn vã thân mật "tôi sống ở đây".

Tôi cúi đầu chào ông. Ông Micôbơ nói: "Vì tôi thấy rằng trong thủ đô này cậu chưa đi được bao nhiêu, cho nên muốn tìm đường Đô Thị trong cái thành phố Tân Babilon, đường xá chằng chịt thế này cũng gay đấy, tóm lại" ông ta nói với cái vẻ thân mật "cậu có thể lạc đường, cho nên chiều nay tôi rất sung sướng được đến đây đưa cậu về để chỉ cho cậu biết con đường gần nhất".

Tôi thành thực cảm ơn ông bởi vì chịu khó như vậy đối với tôi là một điều rất tử tế. Ông Micôbơ hỏi:

"Đến mấy giờ, tôi sẽ…"

"Vào khoảng tám giờ", ông Kiniôn nói.

“Vậy thì tám giờ nhé!” ông Micôbơ nói, “Xin chào ông Kiniôn, tôi không muốn quấy rầy ông”.

Nói đoạn, ông Micôbơ đội mũ đi ra, tay cắp gậy. Ông đi rất thẳng và vừa bước ra khỏi phòng giấy thì miệng đã nghêu ngao một bài hát.

Bây giờ ông Kiniôn chính thức khuyên tôi phải hết lòng hết sức làm việc trong nhà nho của công ty Mơcxtôn và Grinbi với số lương tôi nhớ là sáu si-linh mỗi tuần.

Tôi không nhớ rõ đó là sáu hay bảy si-linh.

Tôi có cảm tưởng lúc đầu thì sáu và sau đó thì bảy. Ông trả ngay cho tôi tiền lương một tuần lễ (hình như ông móc tiền túi ra), và ông móc túi ra lấy sáu pen-ni đưa cho Khoai Bột bảo nó chiều hôm ấy mang hòm của tôi đến phố Uynxo Terâyxơ, hòm ấy tuy nhỏ nhưng vẫn quá nặng đối với tôi. Tôi đã thêm sáu pen-ni tiền ăn trưa gồm vỏn vẹn một cái bánh mì nhân thịt, tu một ngụm nước lã uống ở cái vòi nước bên cạnh, và tôi dùng thời giờ dành cho bữa ăn trưa để đi lang thang ngoài phố.

Buổi chiều, đúng giờ đã định, ông Micôbơ lại xuất hiện. Tôi rửa tay, rửa mặt để tỏ lòng tôn trọng đối với thái độ nhã nhặn của ông và chúng tôi cùng về nhà mình (tôi nghĩ rằng bây giờ tôi cần phải gọi như thế), trong khi đi, ông Micôbơ dặn tôi nhớ kỹ tên các phố, hình dáng những ngôi nhà ở góc phố để sáng mai ra đi có thể dễ dàng tìm đường về nhà.

Khi đến nhà ông ta ở phố Uynxơ Terâyxơ (tôi thấy nhà này, cũng bệ rạc như ông, nhưng cũng như ông nó tìm mọi cách để tỏ ra có vẻ diện), ông giới thiệu tôi với bà Micôbơ, một bà mảnh dẻ xanh xao, đã hết thời son trẻ từ lâu đang ngồi trong phòng khách nhỏ (tầng dưới nhà không có đồ đạc gì và người ta buông sáo xuống để lừa những người láng giềng) với một đứa bé đang bú. Đó là một trong hai đứa con sinh đôi, và tôi có thể nói là suốt cả thời gian tôi sống trong gia đình này có thể nói chẳng khi nào thấy cả hai đứa em sinh đôi đều không ở trên tay bà Micôbơ. Bao giờ cũng có một trong hai đứa lo giải khát.

Lại có hai đứa trẻ khác là cậu Micôbơ độ bốn tuổi và cô Micôbơ độ ba tuổi. Gia đình có thêm một người đầy tớ gái trẻ tuổi da ngăm ngăm đen có thói hay khịt mũi ầm ĩ. Trong vòng không đầy nửa giờ, chị ta cho tôi biết rằng chị là con mồ côi trước đấy ở nhà tập nghề Xanh Lúc, cạnh đấy. Phòng của tôi ở sát mái đằng sau nhà; đó là một căn phòng kín đáo, khắp nơi trên tường vẽ đầy hoa, nhưng trí tưởng tượng trẻ con của tôi lại cho đó là một thứ bánh màu xanh, đồ đạc trong phòng bày biện rất sơ sài. Bà Micôbơ bước lên thang gác để chỉ phòng cho tôi đồng thời mang theo đứa trẻ sinh đôi. Bà ngồi phệt xuống thở và nói:

“Trước khi lấy chồng, khi tôi còn sống với ông bà cụ thân sinh, tôi không bao giờ nghĩ rằng một ngày kia tôi lại phải cho người ở trọ. Nhưng bây giờ, anh Micôbơ gặp khó khăn cho nên mọi sở thích cá nhân đều phải vứt bỏ”.

“Thưa bà phải đấy”, tôi đáp.

“Hiện nay những khó khăn của anh Micôbơ xem ra đã lên đến cực điểm, tôi không hiểu anh có cách nào vượt qua không. Khi sống ở nhà ông bà cụ thân sinh, thực ra tôi khó lòng hiểu được chữ “túng bấn” là thế nào theo nghĩa bây giờ tôi vẫn dùng, nhưng kinh nghiệm dạy cho người ta biết - như ông cụ tôi thường vẫn nói”.

Tôi không nhớ rõ có phải bà Micôbơ nói ông Micôbơ trước đây làm sĩ quan ở trong thủy quân lục chiến hay đó là điều tôi tưởng tượng ra. Tôi chỉ biết cho đến nay tôi vẫn tin trước kia ông ở trong thủy quân lục chiến nhưng không hiểu tại sao. Ông làm nghề mách mối hàng cho nhiều nhà buôn, nhưng không kiếm được bao nhiêu và tôi sợ là không kiếm được gì. Bà Micôbơ nói:

“Nếu các chủ nợ không chịu để cho anh Micôbơ có thì giờ lo liệu, thì họ sẽ phải chịu hậu quả và việc này xảy ra càng sớm càng hay. Không thể nào vắt chày ra nước được! Hiện nay có bức bách đến đâu, anh Micôbơ cũng không có thể đưa ra được khoản tiền nào, không kể số tiền dùng vào việc kiện tụng.”

Tôi không bao giờ hiểu được phải chăng vì tôi sống tự lập quá sớm cho nên bà Micôbơ không để ý đến tuổi của tôi hay là vì bà bị vấn đề này ám ảnh, cho nên nếu không có ai để thổ lộ thì bà sẽ đem nói với hai đứa con sinh đôi, nhưng đó là cái điệp khúc mà bà bắt đầu và sẽ tiếp tục như vậy trong một thời gian tôi quen biết bà.

Tội nghiệp cho bà Micôbơ! Bà bảo tôi rằng bà đã làm mọi cách; và riêng tôi, tôi cũng tin thế. Trước cửa giữa treo một cái biển đồng to tướng, trên đấy khắc mấy chữ “Trường học có ký túc xá của bà Micôbơ dành cho nữ sinh”. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy một cô học trò nào học ở đấy, cũng chưa hề thấy một cô nào đến, hay có ý đến đấy, hay trong nhà có một sự chuẩn bị tối thiểu nào để đón một cô gái nào. Những người khách duy nhất mà tôi thấy, hay tôi nghe nói đến là các chủ nợ. Họ thường đến bất kể giờ giấc nào và trong số này có những người thực là hung dữ. Có một chàng mặt mày bẩn thỉu (tôi chắc anh là một thợ đóng giầy) thường lách vào hành lang từ bảy giờ sáng và nói vọng lên gác cho ông Micôbơ nghe: “Thôi đi! Chưa đi ra sao? Trả tiền đi chứ! Đừng có ẩn nấp nữa, làm trò ấy xấu lắm! Nếu tôi ở vào đia vị ông thì tôi không muốn làm một người hèn hạ. Phải trả tiền cho chúng tôi, ông nghe không? Phải trả tiền ngay ông nghe chưa!” Nhưng dù có lăng mạ như vậy cũng không được trả lời, nên anh ta nổi giận dùng đến chữ “đồ lừa gạt” rồi “đồ ăn cắp”. Và vì những danh từ này cũng không có tác dụng gì cho nên đôi khi anh ta sang bên kia đường, rồi nhằm vào cái cửa sổ của tầng thứ hai mà hét vì anh ta biết ông Micôbơ ở đấy. Trong những lúc này, ông Micôbơ thường đau xót và buồn bực đến nỗi có một lần (tôi biết vì nghe tiếng kêu thất thanh của bà vợ) ông lấy dao cạo để tự sát. Nhưng chỉ trong không đầy nửa giờ sau, ông lại đánh bóng đôi giầy hết sức cẩn thận rồi bước ra nghêu ngao một bài hát với cái vẻ trang nhã hơn bao giờ hết. Tính khí của bà Micôbơ cũng hay thay đổi như thế. Tôi nhớ có một lần bà ngất đi lúc ba giờ chiều vì người ta đến đòi tiền thuế trực thu. Nhưng đến bốn giờ chiều, tôi lại thấy bà ăn sườn dê với bánh mì và uống rượu mạch hâm nóng (sau khi đã đem cầm hai thìa trà ở nhà cầm đồ). Có một lần, tôi trở về nhà sớm hơn vào lúc sáu giờ sau khi người ta đã tịch biên gia sản, tôi thấy bà nằm (cố nhiên ở trong tay vẫn có một đứa con sinh đôi) cạnh lò sưởi bên tường, đầu tóc bơ phờ phủ cả mặt. Nhưng lại không bao giờ tôi thấy bà vui vẻ hơn buổi tối hôm ấy, khi bà ăn sươn dê trước bếp lửa ở nhà bếp và kể chuyện cho tôi nghe về ông cụ và bà cụ thân sinh cũng như về bạn bè của gia đình ông cụ thân sinh.

Tôi sống trong nhà với gia đình tất cả những lúc rảnh. Bữa ăn sáng của tôi gồm một bánh mì giá một đồng pen-ni và một đồng pen-ni sữa do tôi trả tiền. Tôi lại cắt một cái bánh mì nhỏ khác và một miếng pho mát ở trên một cái ngăn riêng của một cái tủ đồ ăn để ăn tối khi ban đêm tôi trở về. Tôi rất biết điều này làm thành một lỗ hổng trong số sáu hay bảy si-linh; tôi ở nhà kho suốt ngày và tôi phải dùng số tiền ấy để tiêu pha trong suốt cả tuần. Từ sáng thứ hai cho đến tối thứ bảy, tôi chẳng được một lời bàn, một lời khuyên, một lời an ủi, chẳng được sự giúp đỡ, sự che chở nào của bất cứ ai, điều đó cũng khó như muốn lên thiên đường vậy!

Bấy giờ tôi còn trẻ con ngây thơ và thiếu tư cách (làm sao có thể khác thế được?) không thể đảm nhiệm toàn bộ chi phí về sinh hoạt, cho nên nhiều khi, buổi sáng trên đường đi đến công ty Mơcxtôn và Grinbi tôi không sao chống lại được sức quyến rũ của những chiếc bánh ngọt tối qua bán hạ giá nửa pen-ni một chiếc ở cửa hàng bánh ngọt và tôi bỏ tiền ra mua bánh ngọt mà không nghĩ đến việc dùng số tiền ấy để ăn trưa. Những ngày ấy, tôi nhịn buổi trưa hay mua một ổ bánh mì hay một khoanh pút-đinh. Tôi nhớ có hai cửa hiệu tôi thường đến tùy theo tình hình kinh tế. Một hiệu ở trong cái sân cạnh

nhà thờ Xanh Máctanh ở đằng sau nhà thờ và bây giờ đã rời hẳn đi nơi khác. Bánh pút-đinh ở hiệu này làm bằng nho khô và là một thứ pút-đinh khá đặc biệt nhưng phải cái đắt tiền, hai pen-ni của nó cũng không lớn hơn một pen-ni của thứ pút-đinh thường. Một hiệu khác cũng khá về mặt pút-đinh là ở Xtrandơ, ở một chỗ ngày nay đã xây dựng lại. Đó là thứ pút-đinh màu tro, nặng và mềm với những hạt nho khô dẹt, dính rải rác cách nhau rất xa ở trên mặt. Mỗi ngày vào khoảng tôi ra đi thì bánh này cũng vừa nấu xong, nóng hôi hổi và có nhiều bữa ăn trưa bằng thứ bánh này. Khi nào ăn đàng hoàng và sang thì tôi chén một khúc lạp xưởng khô và một pen-ni bánh mì hay một đĩa thịt bò nấu đỏ ở cửa hàng ăn giá bốn pen-ni; hay một đĩa bánh mì phết phô-mát và uống một cốc bia mua trong quán rượu tồi tàn và cũ kỹ đối diện với chỗ làm việc của chúng tôi, gọi là quán "sư tử" hay là "sư tử" với cái gì đó nhưng tôi đã quên mất. Có một lần, tôi nhớ tôi cắp bánh mì ở tay (bánh mì này tôi đã mua từ nhà lúc sáng) quấn trong một tờ giấy trông như một quyển sách và đến một hàng thịt bò trứ danh ở gần ngõ Đruri và bảo dọn "một đĩa thịt bò nhỏ" ăn với bánh mì. Tôi không hiểu anh hầu bàn nghĩ gì khi anh thấy một chú tiểu quỷ kỳ quái như vậy bước vào một mình; nhưng ngay giờ đây tôi vẫn còn có thể thấy anh trố mắt nhìn tôi trong khi tôi ăn bữa trưa và kéo những người hầu bàn khác đến nhìn. Tôi cho anh ta một đồng nửa pen-ni tiền phong bao nhưng tôi rất mong rằng anh ta không nhận.

Chúng tôi được nghỉ nửa giờ để uống nước trà. Khi nào túi tiền kha khá, tôi thường mua một cốc cà phê pha sẵn và một khoanh bánh mì phết bơ. Khi nào không có tiền, tôi thường nhìn các đĩa thịt nai ở đường phố Phơlit hay là tôi đi lang thang đến chợ vườn tu viện nhìn những quả dứa. Tôi rất thích đi quanh quẩn ở Ađenphi bởi vì đó là một nơi thần bí với những vòm cầu âm u. Đến nay, tôi vẫn còn thấy một buổi sáng mai tôi từ một cái vòm cầu kia xuất hiện ra để đi đến một quán rượu cạnh bờ sông với một khoảng đất trống ở đằng trước, ở đấy một số người khuân vác than đang khiêu vũ và tôi ngồi trên một cái ghế dài để nhìn họ. Tôi không hiểu họ nghĩ gì về tôi.

Tôi còn trẻ con quá và nhỏ quá cho nên nhiều khi tôi vào quầy hàng một hiệu rượu không quen, uống một cốc rượu mạch hay một cốc bia để nuốt trôi thức ăn bữa trưa thì người ta ngại không muốn đưa rượu cho tôi. Tôi nhớ có một buổi chiều nóng nực tôi bước vào quầy hàng của một tiệm rượu và tôi nói với ông chủ hiệu:

"Ở đây thứ bia thượng hạng, thượng hảo hạng giá bao nhiêu?"

Đây là một trường hợp đặc biệt, tôi không hiểu trường hợp nào. Có thể hôm ấy là ngày sinh nhật của tôi. Ông chủ hiệu nói:

"Bia thượng hạng giá hai pen-ni rưỡi một cốc".

Tôi đưa tiền ra và nói:

"Vậy thì ông rót cho tôi một cốc bia thượng hạng, bọt lên cao quá cốc".

Ông chủ hiệu nhìn tôi từ đầu đến chân trong khi ông ngồi ở quầy hàng trên mặt nở một nụ cười tò mò. Ông ta không rót rượu mà quay mình nhìn sang phía bình phong và nói điều gì với bà vợ. Bà vợ ở sau bình phong bước ra, tay vẫn cầm đồ vật bà đang làm, và cùng ông theo dõi tôi. Hiện nay tôi vẫn thấy ba người chúng tôi đứng trước mắt. Ông chủ hiệu mặc áo sơ-mi, dựa vào khung cửa sổ quầy hàng; bà vợ nhìn qua cái cửa nhỏ; còn tôi thì lúng ta lúng túng đứng ngoài quầy hàng ngước mắt nhìn họ. Họ hỏi tôi nhiều câu hỏi: chẳng hạn tên tôi là gì, bao nhiêu tuổi, làm việc gì và tại sao đến đây. Đối với những điều có thể liên can đến người khác thì tôi bịa ra những câu trả lời mà tôi cho là thích hợp. Họ rót rượu cho tôi uống, mặc dầu tôi ngờ đó không phải là bia thượng hảo hạng. Đoạn bà chủ hiệu mở cửa quầy hàng, cúi xuống trả tiền lẻ lại cho tôi và hôn tôi, nửa phục và nửa thương hại, nhưng tôi tin chắc rằng hoàn toàn xuất phát từ lòng tốt của một người đàn bà.

Không, tôi không phóng đại một cách vô ý thức hay vô tâm về sự túng thiếu về kinh tế cũng như về những khó khăn trong cuộc sống của tôi. Tôi biết rằng nếu như ông Kiniôn thỉnh thoảng có cho tôi một si-linh thì tôi lại đem tiêu vào bữa ăn trưa hay lúc uống trà. Tôi biết rằng tôi làm việc từ sáng đến tối với những người lớn và những đứa trẻ bình thường ăn mặc lam lũ. Tôi biết rằng tôi đi lang thang ngoài phố ăn uống thiếu thốn và tồi tàn. Tôi biết rằng nếu không có lòng từ bi của thượng đế thì tôi rất dễ dàng biến thành một thằng bé ăn cắp hay một thằng ma-cà-bông bởi vì không có ai săn sóc gì đến tôi hết.

Tuy vậy, tôi vẫn còn có một địa vị tương đối ở công ty Mơcxtôn và Grinbi. Không kể ông Kiniôn cố gắng đối xử với tôi không phải như đối với những người khác, mặc dầu ông ta rất lơ đễnh và rất bận việc và ở trong một tình trạng bất thường như thế, tôi không bao giờ cho một người nào hay một đứa trẻ nào biết tại sao tôi lại ở đây, tôi cũng không bao giờ tỏ ra cho họ biết tôi buồn bã vì phải ở đây. Ngoài tôi ra, không ai biết rằng tôi đau khổ âm thầm và cùng cực. Như tôi đã nói ở trên, tôi không đủ sức để nói tôi đã đau khổ thế nào nhưng tôi giữ điều bí mật ấy cho riêng tôi và tôi làm công việc chu đáo. Ngay từ đầu, tôi đã biết rằng nếu tôi làm việc không thành thạo như những người khác thì thế nào cũng bị chửi bới và khinh bỉ.

Chẳng bao lâu, ít nhất tôi cũng nhanh nhẹn và thông thạo như hai đứa trẻ kia ở đấy. Mặc dầu tôi hết sức thân mật với họ, hành vi và thái độ của tôi cũng khác họ và do đó ở giữa chúng tôi vẫn có một khoảng cách. Các cậu này và những người lớn thường gọi tôi là "ông nhỏ" hay gọi là "Chú bé Xăpphôc". Có một người tên là Grêgôri coi những người khiêng hòm và một người khác tên là Típ làm nghề đánh xe, mặc một cái áo chẽn màu đỏ, đôi khi gọi tôi là "Đêvít" nhưng tôi nhớ chỉ nói trong những trường hợp rất tâm sự, trong khi tôi cố gắng đem những câu chuyện đã đọc và đang nhanh chóng mất dần trong ký ức để giải trí cho họ. Có một hôm Khoai Bột bất bình muốn chống lại vì cậu thấy tôi được biệt đãi như vậy, nhưng Mích Oancơ giải quyết ngay vấn đề trong chốc lát.

Tôi nhận thấy không còn có hy vọng gì thoát khỏi cách sống này và tôi đã hoàn toàn bị bỏ rơi. Tôi tin chắc rằng tôi không thể nào chịu yên phận dù chỉ trong một tiếng đồng hồ về cuộc sống vô cùng cực khổ này. Nhưng tôi chịu đựng nó, và tôi không bao giờ nói sự thực trong những bức thư gửi cho chị Pécgôti, một phần vì tôi yêu chị, một phần vì xấu hổ, mặc dầu chúng tôi viết cho nhau nhiều thư.

Cảnh túng bấn của ông Micôbơ lại càng làm cho tình trạng tinh thần của tôi thêm tuyệt vọng. Trong hoàn cảnh tứ cố vô thân, tôi đã trở thành rất gắn bó với gia đình này và khi lang thang tôi thường suy nghĩ miên man về những tính toán chi tiêu của ông Micôbơ, lòng nặng trĩu những món nợ của ông. Những buổi tối thứ bảy, là những tối sung sướng nhất của tôi, một phần vì được trở về nhà với sáu hay bảy si-linh trong túi, mắt dán vào các hiệu và nghĩ xem với số tiền như vậy tôi có thể mua được thứ gì, và đó là một niềm vui lớn, một phần, bởi vì tôi về nhà sớm. Lúc ấy bà Micôbơ thường thổ lộ cho tôi biết những điều tâm sự đau đớn nhất; cũng như vào buổi sáng chủ nhật khi tôi quấy các phần chè hay cà phê tôi đã mua tối qua cất trong một chiếc bình nhỏ đựng nước cạo râu và tôi ngồi ăn sáng muộn hơn. Tôi vẫn thường thấy ông Micôbơ nức nở khi bắt đầu những câu chuyện tối thứ bảy như thế để kết thúc bằng một bài hát trong đó có Nan xinh đẹp làm thành nguồn vui của chàng Jắc. Tôi đã từng thấy ông ta trở về nhà ăn tối, khóc sướt mướt và tuyên bố rằng bây giờ chỉ còn một cách là vào tù; nhưng đến khi đi ngủ lại trù tính xem muốn làm những cửa sổ nhỏ ra ngoài thì mất bao nhiêu tiền nếu như có dịp may (như ông thường vẫn nói). Và bà Micôbơ cũng in hệt như vậy.

Một tình trạng bình đẳng kỳ quái trong tình bạn đã xuất hiện, có lẽ là do cảnh ngộ chúng tôi tương tự như nhau, mặc dầu giữa chúng tôi có tình trạng chênh lệch buồn cười về tuổi. Nhưng tôi không bao giờ chịu để cho họ mời tôi ăn và uống bằng thức ăn thức uống của họ (tôi biết rằng họ xung đột với

ông hàng thịt và ông hàng bánh và bản thân họ cũng không có nhiều nhặn gì) cho đến khi bà Micôbơ xem tôi là một người hết sức thân tín. Một buổi tối bà bảo tôi:

"Cậu Copơphin ạ, tôi không muốn xem cậu là người xa lạ, vì vậy tôi không ngần ngại nói cho cậu biết rằng những khó khăn của ông Micôbơ đã đi đến chỗ nguy ngập".

Nghe nói thế, tôi cảm thấy rất đau xót và ngước mắt nhìn đôi mắt đỏ ngầu của bà Micôbơ, lòng hết sức ái ngại. Bà Micôbơ nói:

"Trừ một mẩu pho-mát Hà-lan không thích hợp với nhu cầu của bọn trẻ nhỏ thì ở trong tủ thức ăn chẳng còn miếng gì nữa. Tôi vẫn quen dùng danh từ tủ thức ăn khi tôi sống với ông bà cụ thân sinh và ở đây tôi dùng nó hầu như vô ý thức. Điều tôi muốn nói là trong nhà không còn gì ăn nữa".

"Trời ơi!" tôi nói sửng sốt.

Trong túi tôi có hai hay ba si-linh tiền lương hàng tuần còn lại - căn cứ vào đó mà xét thì hôm chúng tôi nói chuyện phải là tối thứ tư. Tôi vội vàng đưa số tiền ra, thành khẩn xin bà Micôbơ tạm vay. Nhưng bà hôn tôi, bắt tôi bỏ lại tiền vào túi và trả lời rằng bà không thể nào nghĩ đến việc đó. Bà nói:

"Không đâu, cậu Copơphin ạ, tôi tuyệt đối chẳng nghĩ đến điều đó. Nhưng cậu là người khôn sớm hơn tuổi, cậu có thể giúp tôi một việc khác nếu như cậu muốn; và tôi rất cảm ơn cậu nếu cậu giúp tôi".

Tôi yêu cầu bà Micôbơ cho biết việc đó là việc gì. Bà Micôbơ nói:

"Tôi đã tự tay mình bán đồ bát đĩa bằng bạc. Sáu thìa trà, hai bình muối, một cái cặp gắp đường và nhiều lần chính tay tôi đã vay tiền một cách bí mật. Nhưng hai cháu sinh đôi làm tôi rất bận, và đối với tôi, mỗi khi nhớ đến ông bà cụ thân sinh, thì việc bán chác này làm tôi rất khổ tâm. Trong nhà, còn một vài đồ vật có thể bán được. Anh Micôbơ không bao giờ nỡ đem đi bán và Clickét (tên cô gái ở nhà tập nghề) thì tính tình thô lỗ, tôi sợ nó tự do quá trớn nếu người ta tin cậy nó quá. Cậu Copơphin ơi, không biết tôi có thể nhờ cậu được không…"

Bây giờ tôi đã hiểu bà Micôbơ muốn gì, và tôi yêu cầu bà cứ tận dụng tôi như thế nào cũng được. Ngay từ tối hôm đó, tôi bắt đầu bán những vật dễ khiêng nhất ở trong nhà, và hầu như sáng nào tôi cũng ra đi làm công việc ấy trước khi đến công ty Mơcxtôn và Grinbi.

Ông Micôbơ có một ít sách ở trên một cái tủ áo nhỏ mà ông gọi là cái "thư viện" của ông và những vật này được mang đi trước. Tôi lần lượt mang hết quyển này đến quyển khác, đến một hàng sách ở đường Đô-thị (một phần của con đường này cạnh nhà chúng tôi lúc bấy giờ gồm toàn là hàng sách và hàng bán chịu) và họ trả bao nhiêu thì tôi bán bấy nhiêu. Chủ hiệu sách này sống trong một cái nhà nhỏ ở đằng sau hiệu, đêm nào cũng say bí tỉ và sáng nào cũng bị vợ mắng nhiếc thậm tệ. Nhiều lần, khi tôi đến đây sớm, tôi phải yết kiến ông ta bên ghế xếp, trên trán ông ta là một vết thương hay một con mắt bị thâm tím chứng tỏ đêm qua ông đã quá chén (tôi sợ rằng lúc này ông hay cãi cọ), và bàn tay run rẩy ông cố gắng tìm cho tôi những đồng si-linh cần thiết ở một trong những túi áo quần của ông đang vương vãi ở trên sàn, trong khi bà vợ tay bế một đứa bé và đi đôi giày mòn cả đế, vẫn mắng ông như tát nước. Đôi khi, ông bỏ mất tiền và bảo tôi lần khác lại đến; nhưng bà vợ bao giờ cũng có một ít tiền - tôi có thể nói rằng bà lấy tiền của chồng trong khi ông ta say - đã bí mật giải quyết xong việc buôn bán này ở cầu thang gác khi chúng tôi cùng nhau bước xuống cầu thang.

Tôi cũng bắt đầu thành một nhân vật rất quen thuộc ở hàng cầm đồ. Người làm công chủ yếu làm việc đằng sau quầy rất chú ý đến tôi và tôi nhớ ông thường bắt tôi đọc cho ông nghe hệ biến cách của một danh từ hay một tính từ la-tinh trong khi ông ta mua đồ của tôi. Sau mỗi lần việc giao dịch như

vậy, bà Micôbơ tổ chức một bữa tiệc nhỏ, thường thường là bữa ăn tối, những bữa ăn này có một hương vị đặc biệt mà tôi còn nhớ rất rõ.

Cuối cùng, những khó khăn của ông Micôbơ đã đi đến mức nguy ngập và một buổi sáng, từ sáng sớm ông ta đã bị bắt đưa đến nhà tù Tối cao Pháp-viện ở khu phố. Khi bước chân ra khỏi nhà, ông nói với tôi rằng ông đến ngày mạt vận, và tôi cũng thành thực tin rằng ông tan nát và lòng tôi cũng vậy. Nhưng sau đó, tôi lại nghe rằng người ta thấy chiều hôm ấy ông ta chơi cầu trụ[1] rất vui vẻ.

Ngày chủ nhật đầu tiên, sau khi ông Micôbơ bị đem đến đấy, tôi có nhiệm vụ đến thăm và ăn trưa với ông. Tôi phải hỏi đường đến một nơi nào đó nhưng trước khi đến đấy tôi phải đến một nơi khác, và trước khi đến cái nơi thứ hai này tôi phải đi qua một cái sân và cứ đi thẳng mãi cho đến lúc gặp người cai ngục. Tôi cứ theo những lời chỉ dẫn của ông ta mà đi cho đến cuối cùng tôi gặp người cai ngục (thực tội nghiệp cho tôi lúc bấy giờ chỉ là một đứa trẻ!). Tôi nghĩ đến việc Rôđorích Randơm xưa kia cũng ở tù vì nợ và con người chỉ có một mảnh giẻ rách che thân ở cùng với ông, rồi mắt tôi mờ đi, tim tôi đập mạnh, hình ảnh người cai ngục trôi bập bềnh trước mắt tôi.

Ông Micôbơ đang đợi tôi ở đằng sau cánh cổng, và chúng tôi bước lên phòng ông (tầng gần cuối) và chúng tôi khóc sướt mướt. Tôi nhớ ông Micôbơ trịnh trọng khuyên tôi hãy nhìn đời ông đấy mà làm gương và phải biết rằng nếu một người một năm kiếm được hai mươi bảng mà tiêu mười chín bảng, mười chín si-linh và sáu pen-ni thì anh ta sướng nhưng nếu tiêu hai mươi bảng một pen-ni thì anh ta sẽ khổ cực. Ngay sau đó, ông ta vay tôi một si-linh để mua bia đen uống, viết một cái giấy cho bà Micôbơ trả số tiền ấy rồi lại bỏ khăn tay vào túi có vẻ cao hứng.

Chúng tôi ngồi trước một ngọn lửa nhỏ với hai viên gạch đặt ở trong hàng song sắt gỉ, mỗi viên một bên để không đốt quá nhiều than, cho đến lúc một người mắc nợ khác cùng ở một phòng với ông Micôbơ ở lò bánh mì về tay cầm một miếng thịt cừu làm bữa ăn chung tiền của chúng tôi. Rồi người ta đưa tôi lên gặp "Đại úy Hốpkinx" ở phòng tầng trên với lời chào của ông Micôbơ để nói rằng tôi là người bạn trẻ của ông ta và nhờ "Đại úy Hốpkinx" cho tôi mượn một con dao và một cái nĩa.

"Đại úy Hốpkinx" đưa dao, nĩa cho tôi và gửi lời chào ông Micôbơ. Trong phòng nhỏ này có một bà rất bẩn thỉu và hai cô gái đầu bù tóc rối. Tôi nghĩ bụng đến mượn dao và nĩa của "Đại úy Hốpkinx" hơn là mượn lược của ông ta. Bản thân "Đại úy" cũng bệ rạc hết chỗ nói với bộ ria mép to tướng và một cái áo khoác rộng màu nâu, nhưng ở dưới không có áo ngắn nào nữa. Tôi thấy cái giường của ông ta được quấn tròn ở một góc phòng và tất cả cái gì gọi là bát đĩa và bình đặt ở trên một cái giá. Và tôi đoán (tại sao tôi đoán như vậy họa có trời biết!) mặc dầu hai cô gái đầu bù tóc rối là con gái "Đại úy Hốpkinx" nhưng người đàn bà bẩn thỉu thì không phải là vợ ông ta. Tôi chỉ đứng rụt rè ở ngưỡng cửa nhiều lắm không quá hai phút, nhưng tôi đi xuống với điều nhận xét ấy và tôi cũng tin chắc chắn như tin rằng con dao và cái nĩa đang nằm trong tay tôi.

Dẫu sao, bữa ăn trưa ấy cũng có một cái gì giang hồ phiêu lãng và thú vị. Tôi lại mang trả dao nĩa cho "Đại úy Hốpkinx" rất sớm vào buổi chiều và về nhà cho bà Micôbơ nghe câu chuyện đi thăm của tôi để an ủi bà. Bà ngất đi khi thấy tôi trở về, sau đó bà nấu một bình nước trứng gà để an ủi chúng tôi trong khi trò chuyện.

Tôi không hiểu đồ đạc trong nhà được bán đi để giúp gia đình này bằng cách nào và ai bán đi, tôi chỉ biết một điều là tôi không làm. Tuy vậy, tất cả đều được bán đi và chở đi trong một cái xe ba gác, chỉ để lại cái giường, cái ghế và cái bàn ở nhà bếp. Kết quả chúng tôi di chuyển với những tài sản ấy đến ở hai phòng khách của gian nhà trống ở phố Uynxơ Terâyxơ. Bà Micôbơ, bọn con và cô con gái mồ côi và tôi sống ở đấy cả ngày lẫn đêm. Tôi không có một khái niệm nào về chỗ chúng tôi ở đấy bao

lâu mặc dầu tôi có cảm tưởng đã sống một thời gian dài. Cuối cùng bà Micôbơ quyết định dời đến ở trong nhà tù vì bây giờ ông Micôbơ đã có một gian phòng riêng ở đấy. Tôi cầm chìa khóa nhà đưa đến cho ông chủ nhà và ông ta rất vui mừng được nhận chìa khóa và các giường của tôi, và người ta tìm cho tôi một phòng nhỏ ở gần "cơ quan" này. Điều này làm cho tôi rất thích, vì từ lâu tôi và gia đình Micôbơ đã thành quen biết thân thiết trong cảnh ngộ túng bấn nên không nỡ chia tay. Người ta cũng tìm cho cô gái mồ côi một chỗ rẻ tiền ở gần đấy. Chỗ ở của tôi là một gian phòng sát mái đằng sau nhà, nó yên tĩnh và có cái mái nghiêng nhìn ra quang cảnh thú vị của một công trường gỗ; và khi tôi làm chủ gian phòng này, nghĩ đến những khó khăn của ông Micôbơ bây giờ đã lên đến cực điểm, tôi tưởng rằng tôi ở thiên đường.

Suốt thời gian này, tôi vẫn làm việc ở công ty Mơcxtôn và Grinbi, làm cái việc tầm thường ấy với những người bạn tầm thường ấy trong đầu vẫn mang cái ý nghĩ không thay đổi về sự sa sút bất công của tôi như lần mới đến. Nhưng không bao giờ (và chắc chắn đó là một điều may mắn cho tôi) tôi làm quen với một ai, hay nói chuyện với một trong nhiều đứa trẻ mà ngày nào tôi cũng thấy, khi đi đến nhà kho, khi trở về nhà, hay đi lang thang ngoài phố trong giờ ăn. Tôi vẫn sống cuộc đời bất hạnh âm thầm ấy, nhưng tôi vẫn sống cô độc, bao giờ cũng chỉ tin vào mình như trước. Tôi nhớ rằng những điều thay đổi duy nhất là: thứ nhất, áo quần của tôi càng bệ rạc hơn trước; thứ hai, tôi khỏi cái gánh nặng vì phải lo lắng về ông bà Micôbơ bởi vì một số bà con bạn bè của ông đã giúp đỡ cho ông trong tình trạng gay go trước mắt, nên ở trong ngục gia đình ông sống một cuộc sống có phần sung túc hơn mấy lâu nay ở ngoài. Tôi thường ăn sáng với họ, dựa vào một sự thu xếp nào đó mà tôi quên mất chi tiết. Tôi cũng quên giờ nào thì cổng ngục mở buổi sáng cho phép tôi vào; nhưng tôi biết rằng tôi thường dậy lúc sáu giờ và nơi tôi thích chơi nhất trong khi chờ đợi là cái hốc đá ở cầu nhìn người ta đi qua đi lại, hay dựa vào lan can nhìn mặt trời chiếu lấp lánh trên nước và làm sáng rực ngọn lửa vàng chói trên đỉnh đài kỷ niệm. Cô gái mồ côi đôi khi gặp tôi ở đấy và yêu cầu tôi kể cho chị ta nghe những câu chuyện quái lạ về các bến tàu và về ngọn tháp Luân-đôn; về những câu chuyện này tôi chỉ có thể nói rằng bản thân tôi hy vọng rằng chính tôi cũng tin. Buổi chiều tôi thường trở về ngục và cùng với ông Micôbơ đi bách bộ ở sân hay đánh bài với bà Micôbơ và nghe bà kể chuyện về ông bà cụ thân sinh. Ông Mơcxtôn có biết tôi ở đâu không, tôi không thể khẳng định. Nhưng tôi không bao giờ nói những điều đó với những người ở công ty Mơcxtôn và Grinbi.

Những khó khăn của ông Micôbơ mặc dầu đã qua khỏi điểm khủng hoảng nhưng cũng còn rất gay go do một đạo luật nào đó mà tôi thường nghe nói đến nhiều.

Theo sự xét đoán của tôi hiện nay thì có lẽ là do một bản giao ước nào đó của ông ta với chủ nợ; mặc dầu đến nay tôi cũng không hiểu cho rõ đó là cái gì. Tôi nhớ rằng trước đấy tôi vẫn lẫn lộn bản này với những thứ giấy tờ quỷ quái mà người ta cho rằng có một thời rất lưu hành ở Đức[2]. Cuối cùng văn kiện này không có hiệu lực nữa, tôi thấy không rõ vì cớ gì, nhưng ít nhất thì nó cũng không còn là một trở lực đáng sợ như trước; và bà Micôbơ báo cho tôi biết "gia đình bà" đã quyết định rằng gia đình anh Micôbơ phải làm đơn để xin được tha căn cứ vào đạo luật đối với những người mắc nợ không trả được, và như thế thì theo như bà dự đoán, trong vòng sáu tuần lễ nữa ông sẽ được tự do.

Bấy giờ ông Micôbơ ngồi ở đấy nói:

"Và lúc đó, cố nhiên nhờ tôi tôi sẽ sống hoàn toàn khác hẳn, vì tôi không còn mắc nợ nữa, nếu như tóm lại tôi gặp may".

Tôi nhớ rằng lúc bấy giờ… để ứng phó với những trường hợp có thể xảy ra, để đừng bỏ qua một dịp may nào hình như ông Micôbơ có thảo một lá đơn thỉnh cầu lên Hạ viện yêu cầu sửa một điểm trong đạo luật những người tù nợ. Tôi ghi lại đây cái kỷ niệm này vì đối với tôi nó nêu rõ cách tôi kết

hợp những điều tôi đọc trong các sách ngày trước với sự thay đổi trong cuộc sống hiện nay của tôi và cách tôi xây dựng những câu chuyện với những đường phố, những người đàn ông và những người đàn bà mà tôi thấy. Nó cũng nêu rõ một số điểm chính của tính cách (mà tôi sẽ nêu bật một cách ngẫu nhiên trong khi tôi viết tự truyện của đời tôi) đã hình thành dần dần từ lúc đó như thế nào.

Trong nhà tù này có một câu lạc bộ, trong đó ông Micôbơ là một nhân vật rất có uy tín vì ông là một nhân sĩ. Ông Micôbơ đã trình bày đại ý của tờ thỉnh cầu với câu lạc bộ và câu lạc bộ nhiệt liệt tán thành. Vì vậy, ông Micôbơ (vốn là một người rất tốt bụng và tích cực đối với bất kỳ việc gì trừ những việc của bản thân ông và không bao giờ vui sướng cho bằng lúc ông làm một việc không đưa đến cho ông một lợi ích nhỏ nào) bắt đầu chuẩn bị thảo bản thỉnh cầu. Thảo xong, ông ta lại chép lại bằng chữ lớn trên một tờ giấy to tướng, trải nó trên bàn và định giờ cho đến cả câu lạc bộ và tất cả những người trong ngục đến phòng ông ta và ký tên vào đấy nếu như họ muốn.

Khi tôi được tin lễ này sắp cử hành, tôi rất nóng ruột muốn thấy tất cả lần lượt bước vào (mặc dầu tôi đã quen một phần lớn và họ cũng quen tôi) đến nỗi tôi xin nghỉ một giờ ở công ty Mơcxtôn và Grinbi và đứng ở một góc nhà để xem.

Tất cả những thành viên chính trong câu lạc bộ có thể lọt vào cái gian phòng nhỏ bé ấy đều bao quanh ông Micôbơ, trong khi ông ta đang đứng trước bản thỉnh cầu, và ông bạn già của tôi, đại úy Hốpkinx (ông ta đã tắm rửa để làm vinh dự cho ngày lễ long trọng này) đứng sát một bên để đọc nội dung bản thỉnh cầu cho tất cả những người không biết nghe rõ. Cánh cửa lớn mở rộng, toàn thể mọi người bắt đầu bước vào thành một băng dài… Nhiều người đứng đợi bên ngoài trong khi chỉ một người bước vào phòng ký tên rồi lại đi ra. Đại úy Hốpkinx lần lượt hỏi từng người: "Ông đã đọc nó chưa?" - "Chưa" - "Ông có muốn tôi đọc nó không?" Nếu người kia tỏ vẻ muốn nghe tôi - thì Đại úy Hốpkinx đọc lên sang sảng từ đầu chí cuối không bỏ sót một chữ. Đại úy sẵn lòng đọc nó hai vạn lần nếu như có hai vạn người lần lượt muốn nghe ông ta. Tôi còn nhớ cái giọng ngọt ngào của ông khi ông đọc những câu như: "Các vị đại biểu nhân dân họp tại Quốc hội". "Chúng tôi, những người viết bản thỉnh cầu này kính cẩn thỉnh cầu quý vị". "Những thần dân bất hạnh của Hoàng đế"… dường như những lời nói này là những vật ngọt ngào ở trong miệng. Trong lúc đó, ông Micôbơ đưa mắt nhìn lơ đãng lên cái tường trước mắt lắng tai nghe với cái vẻ đắc chí của một tác gia.

Trong khi ngày ngày tôi đi từ đường Nam-oác đến đường Blắcfrai, và ngược lại, và lang thang trong những giờ ăn cơm trên những con đường tối tăm mà có lẽ những hòn đá của nó đến nay vẫn còn mang dấu vết những bước chân trẻ con của tôi, đoàn người kia vẫn đi qua trước mắt tôi cùng với giọng nói của đại úy Hốpkinx và tôi ngạc nhiên tại sao mình còn nhớ nhiều như vậy? Khi tôi hồi tưởng lại cái thời u buồn nặng nề của ngày thơ ấu, tôi ngạc nhiên tại sao những câu chuyện tôi đã tưởng tượng ra về những người này lại bao phủ những kỷ niệm chính xác như một lớp sương mù? Ngày nay, tuy tôi bước đến những nơi ấy, tôi vẫn không ngạc nhiên khi nghĩ rằng trước mặt tôi có một đứa trẻ ngây thơ đang bước, và lòng đầy thương hại, tôi nhìn theo đứa trẻ ngây thơ và lãng mạn kia đã tự tạo cho mình một thế giới tưởng tượng bằng những câu chuyện kỳ quặc và những việc hèn hạ như vậy.

---

[1] cầu trụ: Trò chơi gồm chín khúc gỗ đặt đứng, người chơi đánh hòn ban vào cho đổ những khúc này.

[2] Nói đến những chuyện hoang đường về đề tài Fauxtơ ký giao kèo với quỷ sứ.

Chương XII
SỞ THÍCH KIẾM KẾ SINH NHAI CỦA TÔI CŨNG KHÔNG TĂNG THÊM VÀ TÔI QUYẾT ĐỊNH MỘT VIỆC QUAN TRỌNG

Sau một thời gian, bản thỉnh cầu của ông Micôbơ được chấp nhận và ông được tha theo đạo luật về những người mắc nợ bị phá sản, điều đó làm tôi vui sướng vô cùng. Các chủ nợ của ông cũng không phải là khắc nghiệt và bà Micôbơ cho tôi biết rằng ngay anh thợ giầy hằn học cũng tuyên bố trước tòa rằng anh không ghét bỏ gì ông, nhưng khi người ta mượn tiền anh thì anh muốn người ta trả. Anh nói anh cho rằng đó là bản tính con người.

Khi vụ này đã xong, ông Micôbơ trở về nhà ngục Tối cao Pháp-viện để thanh toán một số chi phí và làm một số thủ tục trước khi được hoàn toàn tự do. Câu lạc bộ niềm nở đón ông và tổ chức một buổi họp có hòa nhạc vào tối hôm đó để chúc mừng ông trong khi bà Micôbơ và tôi ăn thịt bê chiên ở nhà và chung quanh chúng tôi là cả gia đình đang nằm ngủ. Bà Micôbơ nói:

"Cậu Copơphin ạ, nhân dịp này tôi mời cậu uống thêm một ít bia ngũ vị để nhớ lại ông bà cụ thân sinh".

"Ông cụ, bà cụ mất cả rồi à?" Tôi hỏi sau khi đã uống cốc rượu.

"Bà cụ tôi đã từ trần", bà Micôbơ đáp, "trước khi những khó khăn của anh Micôbơ bắt đầu hay ít nhất trước khi những khó khăn đã đến tình trạng quẫn bách. Ông cụ thân sinh tôi sống để làm người bảo đảm cho anh Micôbơ nhiều lần rồi sau đó từ trần và được nhiều người thương tiếc".

Bà Micôbơ lắc đầu nhỏ một giọt nước mắt chí hiếu lên trên đứa con sinh đôi bà đang bế.

Vì tôi thấy lúc này là cơ hội thuận tiện nhất để hỏi một câu hỏi liên quan mật thiết đến tôi, nên tôi nói với bà Micôbơ:

"Bây giờ ông bà đều thoát khỏi khó khăn và được tự do vậy ông bà định làm gì? Ông bà đã quyết định chưa?"

"Gia đình tôi" (bà Micôbơ bao giờ cũng nói ba chữ này với cái vẻ trang trọng mặc dầu tôi không bao giờ hiểu được là muốn nói ai) gia đình tôi cho rằng anh Micôbơ phải rời bỏ thành Luân-đôn và đem tài năng dùng ở nhà quê. Anh Micôbơ là một người có tài cậu Copơphin ạ".

Tôi nói rằng tôi cũng tin như vậy.

"Rất có tài", bà Micôbơ lặp lại. "Gia đình tôi cho rằng nếu anh được chiếu cố một chút thì một người có tài như anh có thể làm một việc gì ở sở thuế quan. Vì gia đình tôi có thế lực ở đấy, nên họ muốn rằng anh Micôbơ sẽ về Plaimao. Họ cho rằng nhất thiết anh phải về đấy".

"Như thế để có thể sẵn sàng có phải không?" tôi gợi ý.

"Đúng thế", bà Micôbơ đáp, "để có thể sẵn sàng khi có dịp may".

"Còn bà thì cũng đi chứ?"

Những biến cố ban ngày kết hợp với những đứa con sinh đôi, nếu không phải là rượu bia ngũ vị đã làm cho thần kinh của bà Micôbơ rối loạn. Bà chảy nước mắt và trả lời.

"Tôi quyết không bao giờ rời bỏ anh Micôbơ. Anh Micôbơ lúc đầu có thể giấu tôi những khó khăn của anh, tính lạc quan của anh có thể làm cho anh tưởng lầm rằng anh có thể khắc phục được nó. Chuỗi ngọc trai và những chiếc xuyến mẹ tôi để lại, tôi đã bán đi không được nửa tiền và vật trang sức trên đầu bằng san hô là đồ cưới ba tôi cho tôi, nói trắng ra là cho không. Nhưng tôi sẽ không bao giờ rời

bỏ anh Micôbơ. Không bao giờ!" Đến đây, bà Micôbơ kêu lên lại càng cảm xúc hơn bao giờ hết "Tôi không bao giờ làm thế, đừng có đòi hỏi tôi điều đó mà vô ích".

Tôi cảm thấy hết sức khó xử, bởi vì hình như bà Micôbơ cho rằng tôi đòi hỏi bà một điều gì như thế! Và tôi ngồi nhìn bà, kinh hãi.

"Anh Micôbơ cũng có khuyết điểm. Tôi không phải nhận rằng anh giấu giếm không cho tôi biết tình hình nợ nần và tài sản của anh". Rồi bà lại nhìn vào tường mà nói tiếp: "nhưng tôi không bao giờ cởi bỏ anh Micôbơ".

Giọng bà Micôbơ bây giờ đã lên cao thành tiếng thét. Tôi hãi quá nên bỏ chạy vào phòng câu lạc bộ và báo cho ông Micôbơ biết trong khi ông ta đang chủ tọa ở một cái bàn dài và đang chỉ huy ban đồng ca hát.

"Tiến lên, ngựa ơi!
"Tiến lên nào, ngựa ơi,
"Tiến lên ngựa ơi,
"Tiến lên, tiến lên, tiến!"

Nghe nói bà Micôbơ ở trong tình trạng đáng lo ngại, ông liền khóc và đi theo tôi trong khi áo gi-lê vẫn đầy những đầu tôm và đuôi tôm ông vừa ăn xong, ông Micôbơ chạy xổ vào phòng kêu lên. "Emma yêu quý của anh có việc gì thế?"

"Em không bao giờ bỏ anh, anh Micôbơ", bà ta kêu lên.

Ông Micôbơ bế bà vào lòng và nói: "Mình ơi, tôi biết điều đó mà."

"Anh là cha các con em, anh là cha của hai đứa sinh đôi, anh là người chồng em yêu quý", bà Micôbơ vừa nói vừa giẫy giụa, "Em không bao giờ… rời bỏ anh Micôbơ".

Ông Micôbơ rất xúc động trước cách biểu lộ tình chung thủy như thế (riêng về phần tôi, tôi khóc sướt mướt), đến nỗi ông ôm lấy bà tha thiết, cầu khẩn bà nhìn lên và hãy trấn tĩnh. Nhưng ông càng bảo bà Micôbơ nhìn lên thì bà lại càng không chịu nhìn; ông càng bảo bà trấn tĩnh thì bà lại càng không chịu trấn tĩnh. Kết quả, ông Micôbơ không nén nổi lòng thương xót và ông hòa lẫn nước mắt của ông với nước mắt của bà, của tôi; cuối cùng ông nhờ tôi làm ơn khiêng cho ông một cái ghế đến cầu thang, trong khi ông bế bà lên giường. Tôi cũng rút lui để về ngủ, nhưng ông không muốn tôi làm thế trước khi chuông tiễn khách rung lên. Vì vậy, tôi ngồi ở cửa sổ cầu thang cho đến khi ông đi ra với một cái ghế khác và cùng ngồi với tôi. Tôi hỏi:

"Bà bây giờ như thế nào hở ông?"

"Rất suy nhược", ông Micôbơ lắc đầu và trả lời, "Đây là phản ứng. Hôm nay dễ sợ quá! Bây giờ chúng tôi tứ cố vô thân, không còn gì nữa".

Ông Micôbơ nắm chặt tay tôi rền rĩ rồi chảy nước mắt. Tôi cũng hết sức cảm động và thất vọng, bởi vì tôi tưởng rằng chúng tôi sẽ hoàn toàn vui sướng, nhân cái dịp vui sướng và mong đợi từ lâu. Nhưng theo tôi, ông bà Micôbơ vốn đã quá quen với những khó khăn trước đây đến nỗi khi thấy mình thoát khỏi khó khăn họ bỗng cảm thấy như mình là những người đắm tàu. Tất cả cái vẻ nhanh nhẹn của họ đều biến mất và tôi chưa bao giờ thấy họ khổ sở như vào buổi tối hôm ấy đến nỗi khi chuông rung và ông Micôbơ cùng đi với tôi đến cửa phòng, từ biệt tôi và ban phúc cho tôi, tôi cảm thấy sợ hãi không muốn để ông ngồi một mình vì vẻ mặt ông thảm hại quá. Nhưng mặc dầu chúng tôi ở trong tình trạng hỗn loạn và tuyệt vọng (một điều tôi thực không ngờ đến), tôi vẫn sợ rằng ông bà Micôbơ sẽ rời bỏ Luân-đôn và ngày biệt ly của chúng tôi đã đến gần.

Chính tối hôm ấy khi về nhà, và trong những giờ mất ngủ kế tiếp theo khi đang nằm trên giường, một ý kiến nảy ra trong óc tôi (tôi không biết nó vào đầu óc tôi lúc nào) và sau đó thành một quyết định vững chắc.

Bây giờ tôi đã quen sống với gia đình ông Micôbơ và đã thành một người thân thích đối với họ ở trong cảnh cùng khổ đến nỗi không có họ tôi cảm thấy hoàn toàn không có bạn bè. Nghĩ đến chuyện phải tìm một chỗ ở khác và phải sống một lần nữa giữa những người xa lạ, tôi cảm thấy cuộc sống tôi hiện nay lại bị phiêu bạt và kinh nghiệm đã cho tôi biết trước là thế nào. Tất cả những tình cảm tế nhị của tôi đã bị cuộc sống này làm thương tổn nặng nề, tất cả cảnh nhục nhã và đau khổ dồn chứa trong lòng tôi càng thêm thắt ruột khi tôi nghĩ đến điều đó, và tôi quyết định không thể nào chịu đựng cuộc sống này nữa.

Tôi thừa hiểu rằng nếu tôi không chủ động bỏ trốn thì tôi không có hy vọng gì thoát khỏi nơi này. Tôi ít khi nghe tin tức về cô Mơcxtôn và không bao giờ nghe tin tức về ông Mơcxtôn. Nhưng chỉ có hai hay ba gói áo quần may sẵn hay đã vá được gởi cho tôi, nhờ ông Kiniôn giao lại, và trong mỗi gói kèm thêm một mảnh giấy chỉ nói rằng cô Mơcxtôn hy vọng rằng Đêvit Copơphin sẽ nỗ lực làm việc, đem toàn tâm toàn ý vào nhiệm vụ chứ tuyệt đối không hề nhắc gì đến điểm tôi có hy vọng gì thoát khỏi cái thân phận lao công tầm thường nay đã thành số phận đã được quyết định đối với tôi.

Ngày hôm sau, trong khi lòng tôi còn bị xáo động bởi cái ý nghĩ vừa nảy sinh, tôi nhận thấy rằng bà Micôbơ nói với tôi về việc ra đi không phải không có căn cứ. Họ thuê một căn nhà trong ngôi nhà tôi ở trong thời hạn một tuần lễ rồi sau đó sẽ đi Plaimao. Ông Micôbơ đến tận phòng giấy vào buổi chiều để báo cho ông Kiniôn biết vì ông ta đi nên phải bắt buộc xa cách tôi. Ông ra sức tán dương tôi và tôi chắc rằng tôi cũng xứng đáng với lời tán dương ấy. Và ông Kiniôn gọi ông Típ là người đánh xe ngựa (ông này đã lập gia đình và có một cái phòng cho thuê), ông Típ giữ sẵn phòng này cho tôi thuê (ông có mọi lý do để nghĩ rằng cả hai chúng tôi đều tán thành bởi vì tôi không nói năng gì, mặc dầu điều quyết định của tôi đã dứt khoát).

Buổi tối, tôi sống với ông bà Micôbơ trong thời gian chúng tôi còn sống chung một nhà; và tôi cảm thấy rằng chúng tôi càng ngày càng gắn bó với nhau. Đến ngày chủ nhật cuối cùng; họ mời tôi ăn trưa. Hôm ấy, chúng tôi ăn thịt lợn, với xốt táo và bánh pút-đinh. Tối hôm trước, tôi đã mua một con ngựa gỗ lốm đốm hoa để biếu cậu bé Uynkin Micôbơ làm quà tiễn biệt vì cậu là con trai và mua một con búp-bê cho cô bé Emma. Tôi cũng biếu chị mồ côi sắp sửa thôi việc một si-linh.

Hôm ấy, chúng tôi rất vui, mặc dầu tất cả đều rất cảm động vì cảnh biệt ly sắp đến. Bà Micôbơ nói:

"Cậu Copơphin ạ, mỗi lần hồi tưởng lại cái thời anh Micôbơ gặp khó khăn thế nào tôi cũng sẽ nghĩ đến cậu. Bao giờ cậu cũng tỏ ra hết sức ân cần và chu đáo. Cậu không bao giờ là một người ở trọ. Cậu là bạn".

Ông Micôbơ nói:

"Cậu Copơphin thân mến (gần đây ông thường xuyên gọi tôi như thế) có con tim biết thương xót nỗi khổ sở của đồng loại khi họ ở trong nghịch cảnh; óc cậu biết tìm kế hoạch, và tay cậu biết… tóm lại, biết bán các đồ đạc có thể bán được".

"Lời khen này làm cho tôi rất cảm động", tôi nói "và tôi rất buồn vì phải xa nhau."

"Anh bạn nhỏ thân mến của tôi" ông Micôbơ nói, "tôi nhiều tuổi hơn cậu; là một người có một ít kinh nghiệm ở đời và… có một ít kinh nghiệm, tóm lại về những khó khăn nói chung. Hiện nay và cho

đến khi có dịp may (và điều này thì có thể nói tôi mong đợi từng giờ), tôi vẫn không có gì cho cậu ngoài những lời khuyên. Tuy vậy, những lời khuyên của tôi cũng nên theo, bởi vì tóm lại, tôi không bao giờ theo nó và tôi thành ra…" đến đây, ông Micôbơ từ nãy vẫn tươi cười hớn hở bỗng nghiêm sắc mặt và cau mày, "thành ra cái thằng khốn nạn, hèn hạ như cậu thấy".

"Ơ kìa anh Micôbơ!" bà vợ phản đối. Ông Micôbơ hầu như giấu hẳn cử chỉ của mình và lại cười như trước, nói:

"Phải đấy thằng khốn nạn, hèn hạ như cậu thấy. Lời khuyên của tôi là như sau: đừng bao giờ hoãn đến ngày mai những việc mà cậu có thể làm hôm nay. Thời gian mất đi không bao giờ lấy lại được. Phải túm lấy cổ nó".

"Đó là châm ngôn của ông cụ thân sinh tội nghiệp của tôi", bà Micôbơ nhận xét. "Này mình!" ông Micôbơ nói. "Ông cụ là một người hiếm có, và nếu tôi nói xấu ông cụ thì có trời phạt. Không bao giờ, tóm lại thấy có ai cao tuổi như thầy mà lại có đôi chân đi ủng oai vệ như thế, có thể đọc chữ sách in nhỏ xíu không cần kính như thế. Nhưng mình ạ, ông cụ đã áp dụng câu châm ngôn này vào đám cưới của chúng ta, và do đó, đám cưới tổ chức quá sớm đến nỗi không bao giờ thanh toán được những khoản chi tiêu".

Ông Micôbơ liếc mắt nhìn bà Micôbơ rồi nói thêm:

"Không phải anh hối tiếc điều đó đâu. Trái lại, mình ạ".

Sau đó ông im lặng một vài phút ra vẻ nghiêm trang:

"Một lời khuyên nữa của tôi, cậu Copơphin ạ, như cậu đã biết: thu nhập hàng năm hai mươi bảng, chi tiêu mười chín bảng, mười chín si-linh sáu pen-ni. Kết quả: hạnh phúc. Thu nhập hàng năm hai mươi bảng; chi tiêu hàng năm hai mươi bảng sáu pen-ni, kết quả, khổ sở. Đóa hoa đã tàn, chiếc lá đã khô, vị thần may mắn biến mất trong cái cảnh u ám, tóm lại người ta vĩnh viễn bị đánh gục… như tôi đây".

Và để làm cho cái gương này thêm nổi bật, ông Micôbơ uống một cốc rượu ngũ vị với cái vẻ rất thỏa mãn và thích thú và huýt một điệu nhạc học sinh.

Tôi liền cam đoan với ông ta rằng tôi sẽ ghi nhớ những châm ngôn này trong tâm khảm, mặc dầu thực ra, không cần phải làm như thế, bởi vì ảnh hưởng của nó đối với tôi cũng đã quá rõ rệt. Sáng hôm sau, tôi gặp cả gia đình ở trạm xe ngựa và trong lòng tan nát, tôi thấy họ ngồi phía ngoài ở đằng sau xe.

"Cậu Copơphin!" bà Micôbơ nói "cầu Chúa phù hộ cho cậu! Tôi không bao giờ quên tất cả những điều đó như cậu biết và tôi không bao giờ muốn, nếu tôi có thể quên."

"Cậu Copơphin, xin chúc cậu hạnh phúc và giàu có, ông Micôbơ nói. "Nếu sau này tôi có thể yên trí rằng số phận đen đủi của tôi đã là một bài học cho cậu thì tôi sẽ cảm thấy mình không phải sống một cuộc đời hoàn toàn vô dụng. Trong trường hợp nếu như có dịp may (điều này tôi cũng rất tin) thì tôi cũng sẽ hết sức sung sướng nếu có cách nào làm cho số phận của cậu khá hơn".

Trong khi bà Micôbơ ngồi với các con đằng sau xe ngựa và tôi đứng dưới đường buồn rầu nhìn họ, tôi chắc rằng đám sương mù che mắt bà đã tan đi và bà thấy tôi thực ra là đứa trẻ nhỏ bé như thế nào. Tôi nghĩ vậy, bởi vì bà vẫy tay bảo tôi trèo lên xe và với một cái vẻ âu yếm mới mẻ của một người mẹ, bà lấy tay ôm choàng lấy cổ tôi mà hôn như hôn đứa con của bà. Tôi chỉ vừa kịp bước xuống xe trước khi chiếc xe chạy và tôi hầu như không thấy họ sau những chiếc khăn tay họ vẫy.

Trong một phút, chiếc xe đã đi mất. Tôi và chị mồ côi đứng trơ trọi ở giữa đường nhìn nhau ngơ

ngác; chúng tôi bắt tay nhau từ biệt. Tôi chắc chị quay lại nhà tập nghề Xanh Lúc, còn tôi lại bắt đầu cái ngày buồn nản ở công ty Mơcxtôn và Grinbi.

Nhưng tôi không có ý định sống ở đấy những ngày buồn nản nữa. Không, tôi đã quyết định bỏ trốn… ra đi bằng cách này hay cách khác về quê người bà con duy nhất trên đời này của tôi và kể lại câu chuyện của tôi cho bà cô của tôi là cô Bétxi nghe.

Ở trên, tôi đã nói không hiểu ý nghĩa tuyệt vọng này nảy sinh trong đầu óc tôi như thế nào. Nhưng một khi nó đã ở đấy thì nó cứ nằm lì ở đấy thành một quyết tâm và trong đời tôi không bao giờ có một quyết tâm nào vững chắc hơn. Tuyệt nhiên tôi không tin rằng tôi có hy vọng gì ở đấy nhưng điều quyết định của tôi đã hoàn toàn dứt khoát và nhất định nó phải được thi hành.

Lần này lượt khác, một trăm lần như vậy từ cái tối khi ý nghĩ kia lần đầu tiên đến với tôi và làm cho tôi mất ngủ, tôi lại ôn lại câu chuyện cũ của người mẹ tội nghiệp ngày xưa tôi rất thích nghe mẹ tôi kể lại và tôi đã nhớ thuộc làu: bà cô của tôi bước vào câu chuyện ấy rồi lại bước ra, trước sau vẫn là một nhân vật dễ sợ và kinh khủng. Nhưng trong cử chỉ của bà vẫn có chi tiết nhỏ tôi thích nhắc lại và nó làm cho tôi có một tia hy vọng. Tôi không thể nào quên mẹ tôi đã từng nghĩ rằng bà cô tôi vuốt mớ tóc xinh xắn của mẹ tôi một cách dịu dàng. Mặc dầu điều đó có thể là hoàn toàn do mẹ tôi tưởng tượng ra và không có căn cứ thực tế gì cả, nhưng tôi vẫn căn cứ vào đó để tạo nên một bức tranh nhỏ, trong đó bà cô dễ sợ của tôi cảm động trước vẻ đẹp trẻ trung của mẹ tôi mà tôi còn nhớ rõ rệt và tôi yêu quý hết sức. Hình ảnh này làm cho tất cả câu chuyện thành ra dịu dàng. Rất có thể là chi tiết này sau khi đã khắc sâu vào trí não tôi đã dần dần tạo nên quyết định của tôi.

Vì tôi không biết ngay đến cả chỗ ở của cô Bétxi, nên tôi viết một bức thư dài cho chị Pécgôti, trong đó tôi nhân tiện hỏi chị xem chị có nhớ địa chỉ không. Tôi giả vờ làm như đã nghe nói đến một bà nào đó, ở một nơi nào đó, tôi viết địa chỉ một cách ngẫu nhiên rồi tôi muốn hỏi xem có phải đó là địa chỉ của cô Bétxi không. Trong bức thư này, tôi nói với chị Pécgôti rằng tôi rất cần một đồng nửa ghi-ni và vì một lý do nào đó và nếu như chị có thể cho tôi số tiền ấy cho đến khi tôi có thể trả lại, thì tôi sẽ rất cảm ơn chị và sau này tôi sẽ nói cho chị biết tôi cần nó để làm gì.

Bức thư trả lời của chị Pécgôti đến ngay và cũng như thường lệ bức thư đầy cả tinh thần tận tụy thân ái nhất chị đã bỏ một đồng nửa ghi-ni vào bức thư (tôi đoán chắc chị đã phí không biết bao nhiêu tâm lực để lấy nó ra khỏi cái hòm của anh Bácкít). Chị nói với tôi rằng cô Bétxi ở gần Đôvơ, nhưng chị không biết là ở ngay tại Đôvơ hay ở Haithơ, ở Xangâytơ, ở Phônkétxtơn. Khi tôi hỏi dò một người làm việc với tôi cho biết về những nơi này thì anh ta nói rằng những nơi này rất gần nhau, cho nên tôi cho rằng như thế cũng đủ để thực hiện ý định của tôi và tôi quyết định lên đường vào cuối tuần lễ ấy.

Vì tôi là một đứa trẻ rất trung thực và tôi không muốn làm bẩn thanh danh của mình ở công ty Mơcxtôn và Grinbi cho nên tôi cảm thấy bắt buộc phải ở lại cho đến chiều thứ bảy… và vì tôi đã nhận trước tiền lương một tuần lễ nên tôi quyết định không đến phòng giấy đến giờ mọi người lĩnh lương như thường lệ. Chính vì vậy nên tôi đã mượn một đồng nửa ghi-ni để có thể dùng vào việc chi tiêu khi đi đường. Do đó, đến ngày thứ bảy khi chúng tôi ở trong nhà kho và đợi trả lương và anh đánh xe Típ là người bao giờ cũng vào trước tiên đang vào trước tiên để lĩnh tiền lương, thì tôi nắm lấy tay Mích Oancơ và nhờ cậu ta nói lại với ông Kiniôn khi đến lượt tôi lĩnh lương rằng tôi bận về nhà để khiêng cái hòm của tôi đến nhà ông Típ. Và sau khi chào Khoai Bột lần cuối cùng, tôi bỏ chạy.

Cái hòm của tôi vẫn ở chỗ cũ của tôi bên kia sông. Tôi đã chuẩn bị một tờ địa chỉ viết trên mặt sau một tờ danh thiếp gửi hàng mà người ta đóng đinh vào các thùng rượu đề: "Ông Đêvít, để lại ở trạm xe ngựa Đôvơ cho đến khi có người đến lấy". Tôi đã giữ sẵn tờ giấy này ở trong túi để đóng vào hòm,

sau khi đã đem hòm ra khỏi nhà và trong khi về nhà, tôi đưa mắt nhìn quanh tìm một người có thể giúp tôi khuân hòm ấy đến trạm.

Có một anh chàng chân dài đứng cạnh cái "cột bia" trên đường Blắcfrai với một cái xe lừa nhỏ trống không. Trong khi đi bên cạnh, tôi bắt gặp cái nhìn của anh ta. Anh ta gọi tôi là thằng "nửa xu" và hy vọng rằng "tao sẽ nhận ra mặt nó để sửa cho nó một mẻ". Chắc hẳn anh ta nói đến cách tôi nhìn anh ta chăm chú. Tôi dừng lại trịnh trọng bảo anh ta biết rằng tôi làm như vậy không phải vì vô lễ mà chỉ vì tôi muốn hỏi xem anh ta có thể giúp tôi một việc nhỏ không.

"Việc gì!", người trẻ tuổi chân dài nói.

"Mang hộ tôi một cái hòm", tôi đáp.

"Hòm gì?" người trẻ tuổi chân dài hỏi.

Tôi bảo anh ta biết đó là cái hòm của tôi ở cuối phố đằng kia, và tôi nhờ anh đem nó đến trạm Đôvơ với sáu pen-ni tiền công.

"Nào, sáu pen-ni!" người thanh niên chân dài nói và lập tức thượng lên xe. Chiếc xe này chỉ là một cái khay gỗ có bánh không hơn không kém và chạy lạch cạch nhanh đến nỗi tôi phải cố hết sức mới theo kịp con lừa.

Thái độ khinh thường của anh ta và đặc biệt cái cách anh ta nhai rơm trong khi nói chuyện với tôi không làm cho tôi thích lắm. Nhưng dẫu sao, giá đã ngã rồi, tôi đưa anh ta lên gác, vào phòng của tôi và chúng tôi mang hòm xuống bỏ vào xe. Tôi không muốn đóng địa chỉ vào, sợ có người nào trong gia đình chủ nhà đoán được điều tôi làm và giữ tôi lại; cho nên tôi nói với người trẻ tuổi kia rằng anh ta hãy chịu khó dừng lại một phút khi anh ta đến cái tường ngoài của nhà tù Tối cao Pháp-viện. Tôi chưa dứt lời thì anh ta đã đánh xe chạy biến tựa hồ như anh ta, cái hòm của tôi và con lừa đều phát điên. Tôi vừa chạy theo anh ta vừa gọi đến đứt hơi, cho đến khi tôi bắt gặp anh ta ở chỗ đã định trước.

Mặt đỏ bừng và hoảng hốt, tôi làm đồng nửa ghi-ni rơi khỏi túi khi kéo tờ danh thiếp ra. Tôi bỏ đồng nửa ghi-ni vào miệng cho được yên ổn, và mặc dầu hai tay run lẩy bẩy, tôi vừa dóng xong địa chỉ một cách rất vừa ý, thì đột nhiên tôi thấy người trẻ tuổi chân dài kia đánh một cái thật mạnh vào cằm tôi và đồng nửa ghi-ni bay ra khỏi miệng tôi và lọt vào tay anh ta.

Người trẻ tuổi túm lấy cổ áo gi-lê của tôi, cười nhăn nhở dễ sợ:

"À! tao gọi cảnh sát! Mày muốn chạy trốn phải không? Đi đến sở cảnh sát, đồ khốn nạn! Đi đến sở cảnh sát!

"Anh làm ơn đưa lại cho tôi", tôi nói, hết sức sợ hãi. "Anh cứ để mặc tôi".

"Đi đến sở cảnh sát" người trẻ tuổi nói. "Mày muốn chứng minh là của mày thì cứ đến sở cảnh sát mà chứng minh."

"Trả hòm và tiền lại cho tôi!" tôi khóc òa, kêu lên.

"Mày đến sở cảnh sát!" người trẻ tuổi đáp và kéo tôi một cách dữ dội về phía con lừa tưởng chừng như giữa con vật này và một ông chánh án có quan hệ gì mật thiết thì phải, rồi anh ta thay đổi ý kiến nhảy tót lên cái hòm của tôi nói to lên rằng sẽ đưa thẳng đến sở cảnh sát, và quất xe chạy cạch cạch nhanh hơn bao giờ hết.

Tôi cố hết sức chạy theo nhưng không còn hơi để kêu gào cũng không dám dù có thể kêu. Ít nhất là hai mươi lần trong vòng nửa dặm tôi suýt bị xe cán. Khi thì tôi mất hút anh ta, khi thì tôi lại thấy, khi thì tôi bị roi đánh, bị mắng nhiếc, lăn tỏm xuống bùn, rồi lại chồm dậy, lại lao vào cánh tay một người

nào đó, rồi lại va đầu vào cột. Cuối cùng vừa nóng, vừa sợ, tôi tự hỏi không biết một nửa thành phố Luân-đôn có chạy ra để bắt tôi không, tôi để cho người trẻ tuổi kia mang hòm và tiền của tôi đi đâu thì đi và vừa khóc vừa thở hổn hển nhưng vẫn không bao giờ dừng lại, tôi nhắm hướng Grinich mà đi vì biết đó là đường đi đến Đôvơ, để đến nơi cô tôi, cô Bétxi ở, trên người tôi cũng không mang gì theo nhiều hơn cái đêm tôi ra đời và đã gây cho cô nhiều điều phật ý.

Chương XIII
HẬU QUẢ CỦA QUYẾT ĐỊNH CỦA TÔI

Theo như tôi biết, tôi dám nói rằng, khi tôi bỏ không đuổi theo chàng thanh niên đánh xe lừa và bắt đầu đi theo con đường đến Grinich thì tôi đã có cái cuồng vọng cứ chạy mãi một mạch cho đến Đôvơ. Nhưng một lát sau thì những ý định phân tán của tôi đều được tập trung lại ở điểm này nếu như tôi có ý định khác; bởi vì tôi dừng lại trên con đường Kentơ ở một phố đằng trước có một bể nước ở giữa có cái tượng lớn ngốc nghếch đang thổi vào một cái vỏ sò khô. Tôi ngồi ở đấy trên thềm nhà mệt lử, kiệt sức vì đã gắng sức nhiều quá và hết hơi, ngõ hầu không còn đủ sức để than khóc về cái hòm và đồng nửa ghi-ni của tôi đã mất.

Bây giờ trời đã tối. Trong khi tôi ngồi nghỉ ở đấy tôi nghe chuông đồng hồ điểm mười giờ. Nhưng cũng may, đêm ấy là đêm hè, khí trời mát mẻ. Khi tôi đã lấy lại hơi và thấy cái cảm giác nghẹt thở ở cổ họng đã mất, tôi lại đứng dậy và bước lên đường. Mặc dầu lâm vào cảnh khốn khổ, tôi vẫn không hề có ý nghĩ quay về. Giá bây giờ có bão tuyết ở trên đường Kentơ như ở Thụy sĩ chắc chắn tôi cũng không nghĩ đến việc quay về.

Nhưng toàn bộ tài sản của tôi lúc bấy giờ chỉ có ba đồng nửa pen-ni (quả thực tôi cũng lấy làm lạ tại sao nó lại còn sót lại trong túi tôi tối thứ bảy!), tình cảnh này cũng làm cho tôi bối rối không kém vì tôi tiếp tục lên đường. Tôi bắt đầu tưởng tượng một hai ngày sau người ta sẽ thấy tôi nằm chết dưới một hàng rào nào đó và biến thành một mẩu tin tức cho các tờ báo. Tôi cố bước một cách buồn khổ và hết sức nhanh cho đến khi tôi đi qua một cửa hiệu nào ở đấy có cái biển nói mua áo quần đàn ông, đàn bà theo cái giá quý hóa dành cho giẻ rách, xương và những phế phẩm ở nhà bếp. Ông chủ hiệu ngồi ở ngoài cửa mặc áo sơ-mi và đang hút thuốc. Có vô số quần áo treo lủng lẳng từ trên trần nhà thấp với chỉ có hai ngọn nến leo lét ở trong để cho biết nó là thứ gì, cho nên tôi tưởng tượng ông ta giống một người khao khát phục thù đã treo cổ bọn thù và đang hết sức hoan hỉ.

Những kinh nghiệm vừa qua của tôi với ông bà Micôbơ đã nhắc cho tôi biết đây có thể là một cách hòa hoãn tình thế trong một thời gian. Tôi bước vào con đường nhỏ cạnh đấy, cởi áo gi-lê ra, cuốn nó gọn gàng cắp dưới nách rồi quay lại hiệu:

"Này ông! Cháu muốn bán cái áo này theo giá phải chăng."

Ông Đôlôbi (Đôlôbi ít nhất là cái tên ở ngoài cửa hiệu) cầm áo gi-lê, đặt úp sấp cái tẩu xuống cửa hiệu và bước vào hiệu. Tôi theo sau. Ông lấy ngón tay khêu hai ngọn nến, trải áo gi-lê trên quầy hàng xem và ngắm một lát rồi lại giơ lên soi trước ánh đèn và cuối cùng nói:

"Cậu đòi áo gi-lê này bao nhiêu?"

"Cái đó thì ông biết rõ hơn ai hết", tôi trả lời khiêm tốn.

"Không thể đồng thời cả mua lẫn bán được", ông Đôlôbi nói, "cậu đòi cái áo gi-lê nhỏ bao nhiêu?".

Tôi lưỡng lự một lát rồi nói ngập ngừng:

"Mười tám pen-ni có được không?".

Ông Đôlôbi cuộn áo lại và trả cho tôi, nói:

"Nếu trả nó chín pen-ni thôi cũng đã cướp mất cơm con tôi rồi."

Cái lối mua bán này quả thực chẳng thú vị gì vì nó khiến cho tôi - một người hoàn toàn xa lạ - bắt

buộc phải làm một điều khó chịu là bảo ông Đôlôbi cướp cơm con ông cho tôi. Nhưng hoàn cảnh của tôi thật là quẫn bách, tôi nói tôi sẽ bán lấy chín pen-ni nếu ông ta bằng lòng. Ông Đôlôbi càu nhàu đưa cho tôi chín pen-ni, tôi chào ông và đi ra khỏi cửa hiệu, giàu hơn trước vì có thêm chín pen-ni, nhưng nghèo hơn trước vì mất một chiếc gi-lê. Nhưng khi tôi cúc cái áo chẽn lại thì điều đó cũng không quan hệ lắm.

Thực vậy, tôi cũng đoán trước chắc chắn thế nào cái áo chẽn của tôi rồi cũng bước theo chiếc gi-lê, thế nào tôi cũng phải mặc áo sơ-mi và quần dài cuốc bộ phần lớn đoạn đường cho đến Đôvơ và nếu tôi có thể đến đấy với bộ y phục ấy thì cũng còn may phúc cho tôi lắm. Nhưng óc tôi không phải cứ bận nghĩ mãi về điều đó như người ta tưởng. Ngoài ấn tượng mơ hồ rằng đoạn đường đi còn xa và anh chàng đánh xe lừa đã đối xử với tôi tàn nhẫn, tôi không cảm thấy một cách bức thiết đến những khó khăn đang chờ đợi tôi một khi tôi lại bước lên đường với chín pen-ni trong túi.

Tôi đột nhiên nghĩ đến một cách ngủ đêm và tôi sẽ đem nó ra thực hiện: đó là nằm ngoài bức tường phía sau trường học của tôi ở trong cái góc xưa kia có một đụn rơm. Tôi tưởng tượng rằng đó sẽ là một cách ở cạnh các bạn học và cái phòng ngủ trong đó trước đây tôi thường kể chuyện, mặc dầu họ không hề biết tôi nằm ở đấy và phòng ngủ không che chở gì cho tôi cả.

Ban ngày tôi đã mệt nhọc suốt ngày, và chân tay rã rời tôi mới trèo lên đến đồi Blăchit. Tôi phải lúng túng một lát mới tìm ra được Xalem học hiệu. Cuối cùng tôi đã tìm ra, và tôi thấy ở góc tường có một đụn rơm. Sau khi đã đi quanh tường một vòng, nhìn lên các cửa sổ và thấy rằng ở bên trong tối đen và im lặng, tôi nằm bên cạnh đống rơm. Tôi không bao giờ có thể quên cái cảm giác bơ vơ lần đầu tiên khi nằm xuống thấy trên đầu không có mái nhà.

Rồi tôi nằm ngủ như bao nhiêu kẻ không cửa không nhà, cửa nhà mọi người thì khóa lại và chó canh gác sủa vang không cho vào - Đêm ấy tôi nằm mơ thấy mình nằm trên chiếc giường xưa ở trường đang nói chuyện với bọn học sinh ở trong phòng và khi tỉnh dậy tôi đang ngồi miệng nói tên Xtiếcphoóc, mắt sợ hãi nhìn những ngôi sao đang lấp lánh trên đầu. Khi tôi nhớ rằng trong đêm hôm khuya khoắt này tôi đang ngồi ở đâu, một cảm giác sợ hãi, không hiểu sợ hãi cái gì, xâm chiếm lấy tôi làm cho tôi phải đứng dậy đi lang thang. Nhưng ánh sáng lấp lánh của sao nhạt dần và ở phía mặt trời mọc bầu trời rạng dần làm cho tôi yên tâm. Cặp mắt của tôi nặng trĩu và tôi lại nằm xuống ngủ mặc dầu trong khi ngủ tôi biết rằng tôi lạnh, cho đến khi ánh nắng ấm áp của mặt trời và tiếng chuông báo thức của Xalem học hiệu thức tôi dậy. Nếu tôi có thể hy vọng rằng Xtiếcphoóc còn ở đấy, thì tôi đã đi lang thang đâu đó cho đến khi cậu ta ra đi một mình; nhưng tôi biết rằng cậu từ lâu đã rời khỏi trường. Có lẽ Trátđơn vẫn còn ở đấy, nhưng điều này cũng không có gì chắc chắn và tôi cũng không tin tưởng cho lắm vào sự khôn ngoan và sự may mắn của cậu để có thể nói cho cậu biết cảnh ngộ của tôi, mặc dầu tôi rất tin ở bản tính tốt của cậu. Vì vậy, tôi lủi thủi khỏi bức tường trong khi học sinh của ông Crichcơn thức dậy và tôi đi theo con đường dài dằng dặc và bụi bặm mà trước đây trong thời gian tôi là học sinh, người ta đã cho tôi biết là con đường đi đến Đôvơ nhưng lúc tôi là học trò ông Críchcơn không bao giờ tôi lại tưởng tượng rằng một ngày kia người ta có thể thấy tôi là một lữ hành trên con đường ấy như hôm nay.

Sáng chủ nhật hôm ấy quả thực khác xa sáng chủ nhật trước kia tôi sống ở Yácmao. Đến giờ rung chuông, trong khi tôi đang cuốc bộ mệt nhọc, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ rung; tôi gặp người ta đi lễ ở nhà thờ; tôi đi qua một hay hai nhà thờ trong đó các con chiên đang làm lễ. Tiếng hát ở nhà thờ vang ra, bay lên trong ánh mặt trời và người chấp sự ngồi ở dưới bóng vòm cửa mát mẻ hay đứng ở dưới một cây tử sam, tay để lên trán trố mắt nhìn tôi đi qua. Cái vẻ bình yên và lặng lẽ của ngày chủ nhật bao trùm tất cả mọi vật, nhưng không ở trong lòng tôi. Điều khác nhau là ở đó. Người đầy bụi bặm,

đầu bù tóc rối, tôi có cảm tưởng tôi là một tên độc ác. Nếu không có cái hình ảnh êm đềm mà tôi nghĩ đến, hình ảnh bà mẹ của tôi trẻ trung xinh đẹp đang khóc bên cạnh lò sưởi và bà cô tôi thương hại người thì tôi sợ khó lòng có đủ can đảm tiếp tục đi cho đến hôm sau. Nhưng hình ảnh ấy vẫn đi trước mắt tôi và tôi bước theo.

Ngày chủ nhật hôm đó, tôi đi hai mươi ba dặm Anh, nếu tính theo đường thẳng mặc dầu không phải dễ dàng lắm vì tôi chưa quen cái lối lao động này. Khi trời chập choạng tối, tôi thấy tôi đi qua cầu Rôxétxiơ, chân đau nhức, người mệt mỏi và ăn chiếc bánh tôi đã mua để ăn đêm. Một hai ngôi nhà nhỏ, ngoài cửa treo cái biển "cho khách ngủ trọ" quyến rũ tôi; nhưng tôi sợ tiêu mất thêm mấy đồng pen-ni nữa và tôi lại càng sợ những cái nhìn độc ác của bọn đi lang thang mà tôi đã gặp hay đi vượt qua. Vì vậy tôi không tìm chỗ trọ mà ngủ ở ngoài trời. Tôi khó khăn lắm mới đến Satham. Ban đêm, nhìn nơi này đâu đâu cũng là đá vôi trông giống như cảnh trong mộng, với những chiếc cầu treo và những chiếc tàu không cột buồm và có mái trông như chiếc tầu của ông Nôê trên một con sông bùn lầy. Cuối cùng, tôi tìm đến một bãi cỏ gần một cỗ trọng pháo ở dưới là một con đường nhỏ. Tôi sung sướng vì nghe tiếng bước chân của người lính đi tuần, mặc dầu anh ta chẳng hề biết có tôi ở trên đầu cũng như các cậu cậu học sinh ở Xalem học hiệu chẳng hề biết rằng tôi nằm bên tường, và tôi ngủ một mạch cho đến sáng.

Đến sáng, tôi cảm thấy chân tê và nhức. Nghe tiếng trống và tiếng chân quân lính đi lúc tôi bước xuống để đi theo con đường dài và hẹp, đầu óc tôi choáng váng, tôi có cảm tưởng rằng họ bao vây tôi tứ phía. Tôi cảm thấy rằng hôm ấy tôi chỉ có thể đi được một quãng đường rất ngắn nếu tôi muốn giữ gìn sức lực để đi cho đến nơi đến chốn. Tôi quyết định công việc chính hôm nay là bán cái áo chẽn đi. Do đó, tôi cởi cái áo ra, để tập không mặc nó cho quen rồi tôi bắt đầu đi một vòng quan sát các hiệu bán áo quần cũ.

Chỗ tôi chọn có thể xem là một chỗ tốt để bán cái áo chẽn vì ở đấy có nhiều người buôn bán quần áo cũ và nói chung đều đang ngồi ở cửa hiệu đợi khách hàng. Nhưng vì phần lớn có trong cửa hiệu một hay hai cái áo vét-tông của sĩ quan có đủ cầu vai và các thứ phụ tùng khác. Thấy họ buôn bán sang trọng như thế, tôi cũng đâm sợ và tôi đi lang thang một hồi lâu mà vẫn không đem món hàng của tôi ra bán cho ai cả.

Tính khiêm tốn này làm cho tôi chú ý đến những cửa hiệu bán giẻ rách và đồ sắt hỏng của lính thủy và những cửa hiệu như cửa hiệu ông Đôlôbi hơn là những hiệu buôn chuyên bán đồ cũ. Cuối cùng, tôi tìm ra một cửa hiệu mà tôi cho là bở nhất, nó ở góc một con đường hẻm bẩn thỉu, cuối đường là một khoảng đất đầy gai, có một cái hàng rào bao bọc ở đấy treo những áo quần cũ của lính thủy tựa hồ như ở trong cửa hiệu tràn ra ngoài và bay phất phới cùng với những nôi trẻ em, những súng gỉ, những cái mũ bằng vải dầu và những cái khay đầy vô số chìa khóa đã gỉ đủ mọi kiểu, đến nỗi nó hầu như có thể dùng để mở tất cả mọi thứ cửa trên đời.

Tôi bước vào cửa hiệu này, trống ngực đập thình thịch. Đó là một cửa hiệu nhỏ, và thấp, cái cửa sổ nhỏ chỉ làm cho nó tối thêm chứ chẳng soi sáng được gì. Hiệu treo đầy áo quần. Sự lo sợ của tôi chẳng bớt đi được chút nào khi một cụ già xấu xí, nửa dưới của mặt đầy râu rậm mọc lộn xộn giống như là rạ trong một cái hang ở đằng sau nhảy ra túm lấy tôi. Cụ là một cụ già nhìn dễ sợ mặc áo gi-lê bằng nỉ bẩn thỉu và toát ra mùi rượu "rum" nồng nặc. Cái giường của cụ phủ một mảnh vải rách và chằng chịt, ở trong cái hang cụ vừa ra ở đấy lại có một cái cửa sổ khác nhìn ra một nơi chỉ có cây gai và một con lừa què.

"Mày muốn gì?" cụ già nhăn nhở, giọng dễ sợ và đều đều, "Trời ơi! Mắt tao và tay tao! Mày muốn gì? Trời ơi! phổi tao và gan tao! Mày muốn gì? Gu-ru!"

Nghe những lời ấy tôi hoảng quá, đặc biệt khi cụ lặp lại lời cuối cùng chẳng ai hiểu nghĩa là gì (nó là một thứ tiếng khò khè trong cổ họng) nên tôi không biết trả lời thế nào. Cụ già vẫn cứ nắm tóc tôi mà kêu:

"Mày muốn gì! Trời ơi! Mắt tao và tay tao! Mày muốn gì? Trời ơi! Phổi tao, gan tao! Mày muốn gì? Gu-ru!"

Và ông ra sức kêu lên cái tiếng cuối cùng này đến nỗi con mắt muốn nhảy ra khỏi đầu. Tôi run sợ nói:

"Cháu hỏi cụ có muốn mua cái áo ngắn này không?"

"Đưa cái áo chẽn đây xem nào", cụ già kêu lên. "Trời ơi! tim tao như lửa đốt, ồ mắt tao, tay chân tao! Đưa áo ngắn đây tao xem!"

Vừa nói, cụ rút cái bàn tay run lẩy bẩy giống như móng một con chim lớn ra khỏi tóc tôi và đeo một cái kính chả có chút gì mỹ quan đối với cặp mắt đỏ ngầu của cụ. Sau khi xem cái áo, cụ kêu lên.

"Mày bán cái áo chẽn này bao nhiêu? Ồ gu-ru!"

Tôi trấn tĩnh đáp:

"Một nửa cơ-rao".

"Ồ phổi tao và gan tao! Không đâu! Ồ mắt tao! Tay chân tao! Không đâu! Mười tám pen-ni! Gu-ru!" Mỗi khi ông ta thốt lên những tiếng này thì cặp mắt lại muốn rơi ra khỏi đầu và ông ta nói tất cả những câu này với cái giọng hoàn toàn như nhau. Tôi có thể so sánh nó giống tiếng gió, bắt đầu thì tháp, to dần lên, rồi lại dịu đi, rồi lại lên rất cao trước khi hạ thấp hơn là giống bất kỳ cái gì khác. Vì muốn chấm dứt việc buôn bán này cho xong tôi nói:

"Thôi được mười tám pen-ni cũng được".

"Ồ gan tao!", cụ già kêu lên ném cái áo chẽn lên tấm gỗ, "Mày ra khỏi cửa hiệu đi! Ồ phổi tao, mày ra khỏi cửa hiệu, ồ mắt tao, chân tay tao! Gu-ru! Mày đừng hỏi tiền tao! Chúng ta trao đổi đồ vật lấy đồ vật thôi".

Trong đời tôi chưa bao giờ tôi hoảng sợ đến thế, kể cả ngày trước cũng như sau này; nhưng tôi nói với ông một cách nhũn nhặn rằng tôi chỉ muốn có tiền chứ không cần gì hết. Và nếu như cụ muốn thì tôi sẽ ngồi đợi ở ngoài cửa chứ không muốn giục cụ phải trả tiền ngay. Và tôi ngồi ở đấy hàng giờ đến nỗi ánh sáng ban ngày thay thế ánh sáng buổi sớm, rồi ánh sáng ban ngày nhường chỗ cho bóng tối, mà tôi vẫn cứ ngồi ở đấy để đợi tiền.

Trong cái phường bán hàng ngày xưa nay không có ai say rượu và điên rồ như thế. Cụ nổi tiếng trong vùng lân cận và người ta cho rằng cụ bán linh hồn cho quỷ. Tôi biết được điều đó vì chỉ một lát sau là bọn trẻ con đến thăm. Chốc chốc chúng lại đột nhập vào cửa hiệu, kêu lên như vậy và bảo cụ phải đưa vàng ra:

"Cụ không phải nghèo đâu cụ Sáclây ạ, cụ giả vờ nghèo đấy thôi! Cho chúng tôi xin vàng của cụ nào! Cho xem một ít vàng cụ đã có được về khoản bán linh hồn cho quỷ nào? Vàng ở trong tầng lót nệm của cụ đấy mà! Cụ Sáclây, cụ thử tháo tung nó ra cho chúng tôi một ít nào!"

Chúng nói thế và nhiều đứa đưa cho cụ một con dao để cụ làm việc đó. Chúng làm cụ điên tiết lên đến nỗi một ngày cụ cứ phải nhảy xổ ra túm lấy bọn trẻ con và bọn này ù té chạy. Đôi khi, trong lúc nổi điên, cụ cho tôi cũng là một đứa trong bọn và cụ xông ra túm lấy tôi, mặt mày nhăn nhó như muốn xé nhỏ tôi ra, nhưng nhận ra tôi kịp thời, cụ lại vào ngay trong hiệu nằm dài trên giường. Tôi đoán như

thế căn cứ theo hướng giọng nói của cụ, và cách cụ gào lên hát bài: "Cái chết của Nenxôn"[1] với cái điệu giống như tiếng gió than vãn, mỗi câu thơ mở đầu bằng chữ "ồ", và xen vào giữa vô số chữ "gu-ru". Hình như tôi bị khổ như thế cũng chưa đủ, bọn trẻ cho rằng tôi và cửa hiệu này có liên quan gì đây, vì chúng thấy tôi cứ ngồi lì bên ngoài một cách kiên nhẫn, áo phong phanh, nên chúng ném đá vào tôi và hành hạ tôi suốt ngày.

Cụ nhiều lần tìm cách rủ tôi đổi cái áo lấy một vật khác. Có khi cụ đi ra với một cái cần câu, một lần khác, cụ đi ra với một cái mũ bẻ cụp một bên, một lần nữa, cụ đi ra với một cái sáo. Nhưng tôi kiên quyết chống lại mọi đề nghị ấy và vừa khóc vừa van lơn, tôi xin cụ trả tiền hay trả áo cho tôi. Cuối cùng, cụ trả cho tôi từng nửa pen-ni một và phải mất trọn hai giờ chúng tôi mới dần dần đi đến một si-linh.

"Ồ! mắt tao, tay chân tao!" ông ta đứng trong cửa hiệu ló mắt nhìn ra. Sau một hồi lâu ông nói: "Hai pen-ni nữa, mày có đi không?"

"Tôi không đi được đâu", tôi nói.

"Ồ! phổi tao gan tao, ba pen-ni mày có đi không?"

"Nếu đi được thì tôi đã đi rồi, chẳng cần đòi hỏi gì hết" tôi nói. "Nhưng tôi nhất thiết phải có số tiền ấy".

"Ồ gu-ru!" (tôi không thể nào diễn tả cách cụ ta thốt lên lời nói này khi cụ liếc mắt nhìn tôi đằng sau cái cột cửa, chỉ để lộ cái đầu già tinh quái) "Bốn pen-ni mày có đi không?"

Tôi mỏi mệt quá nên phải chấm dứt việc mua bán với đề nghị ấy và tôi lấy số tiền ra khỏi móng tay của cụ trong khi người tôi không khỏi run bắn lên. Tôi ra đi trước khi mặt trời lặn một chút, vừa đói vừa khát hơn bao giờ hết. Nhưng với ba pen-ni tôi đã ăn uống đầy đủ; và phấn khởi hơn trước, tôi khập khiễng kéo thêm bảy dặm nữa.

Cái giường của tôi tối hôm ấy lại là dưới một đụn rơm khác và tôi nằm thoải mái sau khi đã rửa đôi chân đầy chỗ sưng dưới dòng nước và cố hết sức lấy lá tươi băng hai bàn chân. Sáng hôm sau, khi tôi lại lên đường tôi thấy con đường đi qua những cánh đồng "hốt bốt" và những vườn trái. Bấy giờ đã vào lúc cuối năm, vì các vườn trái đầy cả táo chín đỏ ối. Và ở một vài nơi, những người hái "hốt bốt" đã làm việc. Tôi cho cảnh này là hết sức xinh đẹp và quyết định tối hôm ấy sẽ nằm ngủ ở giữa cánh đồng hốt bốt, tưởng tượng rằng tôi sẽ làm bạn vui chơi với những dãy sào dài với những ngọn lá xinh xắn chung quanh.

Những bọn du đãng hôm ấy tệ hơn bao giờ hết và gây cho tôi một mẻ sợ mãi đến nay vẫn còn như mới xảy ra. Có một số là những tay côn đồ có vẻ hết sức hung ác, họ quắc mắt nhìn tôi khi tôi đi qua và dừng lại gọi tôi quay lại nói chuyện với họ và lấy đá ném tôi trong lúc tôi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Tôi nhớ có một người trẻ tuổi làm nghề hàn nồi (tôi đoán thế vì thấy anh ta mang bị và có một cái hỏa lò). Bên cạnh anh ta là một người đàn bà. Anh ta quay mặt về phía tôi, trợn mắt nhìn rồi gào thét bảo tôi quay lại. Giọng anh ta dễ sợ quá nên tôi dừng chân và ngoảnh lại. Anh thợ hàn nồi nói:

"Khi tao gọi mày thì mày phải lại, nếu không tao đâm lòi ruột ra bây giờ".

Tôi thấy nên quay lại thì hơn. Trong khi tôi đến gần hai người, tôi làm ra vẻ tội nghiệp để mong được anh ta thương hại, tôi thấy vợ anh ta tím bầm ở một con mắt.

"Mày đi đâu?" Người thợ hàn giơ bàn tay đen thui nắm lấy phía trước áo sơ-mi của tôi.

"Tôi đi Đôvơ", tôi nói.

Anh ta lại nắm xoắn lấy áo sơ-mi của tôi một vòng để giữ cho tôi khỏi bỏ chạy.

"Mày ở đâu đến?".

"Tôi ở Luân-đôn đến".

"Mày làm nghề ngỗng gì? Có phải mày là thằng nhãi ăn cắp không?".

"Khô-ông", tôi nói.

"Tiên nhân mày! Mày cứ làm bộ thực thà thì tao đánh vỡ sọ ngay bây giờ!"

Anh giơ cái bàn tay còn tự do dọa muốn đánh tôi, rồi anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân.

"Mày có tiền mua một cút bia không? Có tiền thì đưa ngay đây để tao khỏi phải lấy".

Đáng lý tôi đã đưa tiền ra rồi nhưng bắt gặp cái nhìn của bà vợ. Bà ta khẽ lắc đầu và ra hiệu bằng môi: "không". Tôi nói:

"Tôi nghèo lắm", và cố gắng mỉm cười, "tôi không có tiền".

Anh thợ hàn nhìn tôi có vẻ nghiêm khắc đến nỗi tôi sợ anh ta nhìn thấy cả tiền trong túi.

"À! Mày nói cái gì thế?"

"Thưa ông", tôi lắp bắp.

"Mày nói cái gì thế? Mày mang chiếc khăn quàng bằng lụa của em tao. Đưa nó ngay cho tao". Và anh ta lập tức giằng lấy cái khăn, kéo nó ra khỏi cổ tôi rồi ném nó cho người đàn bà.

Người đàn bà cười rộ lên, làm như chị cho đó là chuyện bông đùa và ném khăn quàng trả lại cho tôi, chị lại gật đầu cũng nhẹ nhàng như trước và dùng môi ra hiệu bảo "đi đi". Nhưng trước khi tôi vâng theo lời chị ta thì anh thợ hàn đã giật cái khăn ra khỏi tay tôi một cách thô bạo và quấn lên cổ làm cho tôi ba chân bốn cẳng bỏ chạy. Đoạn anh quay lại mắng người đàn bà và đấm ngã lăn ra đất. Tôi không bao giờ quên hình ảnh của chị ngã ngửa trên nền đường cứng rắn và nằm ở đấy, mũ lăn ra một nơi, tóc trắng xóa vì lấm đầy bụi, cũng như hình ảnh của chị khi tôi đã đi được một quãng và quay lại nhìn thấy chị ngồi trên bờ đất trên đường cái, lấy một góc khăn san để lau máu trên mặt trong khi anh ta vẫn tiếp tục đi.

Biến cố này làm cho tôi hoảng sợ đến nỗi sau đó, mỗi khi tôi nhìn thấy những hạng người này đến thì tôi quay lưng đi cho đến khi họ đã đi khuất. Việc này cứ xảy ra luôn, và do đó tôi đi hết sức chậm. Nhưng trước khó khăn này cũng như trước mọi khó khăn khác trên đường đi, tôi cảm thấy được khuyến khích và nâng đỡ bởi hình ảnh tôi tưởng tượng ra về bà mẹ của tôi trong thời kỳ trẻ trung trước khi tôi ra đời. Hình ảnh ấy bao giờ cũng đi với tôi. Nó vẫn ở cạnh tôi trong đám "hốt bốt" khi tôi nằm ngủ, nó ở cạnh tôi buổi sáng khi tôi lên đường, suốt ngày nó đi trước tôi.

Từ đấy, tôi cứ liên tưởng đến nó mỗi khi nhìn thấy con đường Cantơbơri đầy ánh nắng hình như ngủ dưới ánh nắng nồng nực, với những ngôi nhà và những cái cổng cũ kỹ, với ngôi nhà thờ nghiêm trang và xám có những con quạ lượn trên các ngọn tháp. Cuối cùng tôi đi đến những dãy đồi đá vôi trơ trọi ở Đôvơ, hình ảnh này đưa lại một ít hy vọng làm tôi đỡ cảm thấy cái cảnh cô độc của thiên nhiên. Ngay cả khi tôi vừa đặt đến cái mục tiêu quan trọng đầu tiên của cuộc hành trình và thực sự bước chân vào cái thành phố sáu ngày sau khi bỏ trốn, thì hình ảnh kia vẫn không rời tôi một bước. Nhưng lạ thay, khi tôi đứng ở cái nơi bấy lâu nay, mong đợi với đôi giày rách tươm và thân hình đầy bụi, rám nắng, quần áo tả tơi, thì nó biến mất, như một giấc mơ và tôi đứng một mình tứ cố vô thân và chán nản.

Trước tiên, tôi hỏi những người thủy thủ xem họ có biết cô tôi không và mỗi người trả lời một

phách. Người thứ nhất nói với tôi rằng: "bà ta sống ở cạnh ngọn hải đăng ở mũi đất phía nam và do đó râu mép bà ta bị cháy sém". Người thứ hai nói: "bà ta đã bị buộc vào cái phao lớn ở ngoài cảng và chỉ khi nào nước thủy triều xuống thì mới thăm bà ta được". Người thứ ba nói bà ta bị giam trong nhà giam "Mextơn" vì tội bắt cóc trẻ con; người thứ tư nói trong trận gió to gần đây, người ta thấy bà cưỡi một cái chổi và bay thẳng về phía Cale. Sau đó tôi hỏi đến những người đánh xe ngựa. Những người này cũng thích bông đùa không kém và cũng không lễ phép hơn. Còn về những người bán hàng thì nhìn thấy bề ngoài của tôi, họ đã không thích rồi, nên họ thường đáp rằng họ không có gì để cho tôi, chứ không để tai nghe tôi hỏi gì. Bấy giờ, tôi cảm thấy còn khốn khổ, và bơ vơ hơn lúc nào hết từ khi tôi trốn đi. Tất cả tiền bạc của tôi đều tiêu hết nhẵn, tôi không còn có gì để bán, người đã đói, khát lại mệt nhoài, và tôi vẫn cảm thấy cách xa mục tiêu của tôi như khi tôi ở Luân-đôn.

Tôi mất cả buổi sáng cứ đi lân la hỏi dò như thế, và tôi đang ngồi trên bậc tam cấp của một cửa hàng trống rỗng ở góc phố gần chợ, còn đang băn khoăn tự hỏi có nên đi phiêu lưu đến những nơi khác mà người ta đã cho tôi biết hay không, thì bỗng một người đánh xe ngựa đánh xe đi qua để rơi một cái chăn ngựa. Trong khi đưa cái chăn cho anh ta, tôi nhận thấy mặt anh ta có vẻ hiền lành cho nên tôi đánh bạo hỏi xem anh ta có biết Trốtut ở đâu không, mặc dầu tôi hỏi câu này đã nhiều lần quá cho nên mở miệng ra thì hầu như nó đã bị nuốt mất. Anh nói:

"Trốtut à! Để anh xem. Anh cũng biết cái tên ấy. Một bà già chứ?"

"Vâng người đã già".

"Ngồi thẳng đứng" anh ta vừa nói vừa ngồi thẳng đứng.

"Đúng đấy! Có lẽ như thế thực."

"Mang một cái bị chứ! Một cái bị to tướng, người càu cạu, ăn nói thì gắt gỏng chả kể gì ai".

Nghe anh tả đúng như vậy, tôi mừng quýnh. Anh nói:

"Em muốn tìm phải không? Để anh chỉ cho". Anh giơ tay chỉ những ngọn đồi cao. Nếu em đi qua đồi mà đi thẳng mãi cho đến khi em đến mấy ngôi nhà nhìn ra biển thì chắc thế nào em cũng nghe tin tức của bà ta. Nhưng anh biết bà ta sẽ chẳng cho em gì đâu, thôi em cầm lấy một pen-ni.

Tôi cám ơn nhận món quà của anh và mua một cái bánh mì. Trong khi ăn điểm tâm, tôi đi về phía mà người bạn của tôi đã chỉ và đi một đoạn dừng xe trước khi đến những ngôi nhà như anh nói. Cuối cùng tôi thấy trước mắt tôi có mấy ngôi nhà và tôi đến gần, bước vào một cửa hiệu nhỏ (người ta thường gọi loại hiệu buôn này là hiệu tạp hóa) tôi nhờ họ làm ơn cho biết cô Trốtut ở đâu. Tôi hỏi một người đàn ông đứng sau quầy hàng đang cầm một ít gạo cho một chị con gái. Chị này cho là tôi hỏi chị nên quay lại đáp ngay:

"Em hỏi bà chủ chị cái gì thế?"

"Tôi có điều muốn nói với bà ta", tôi nói.

"Có phải là để xin tiền không?" chị kia hỏi.

"Không, cố nhiên là không".

Tôi nói vậy, nhưng đột nhiên nhớ ra rằng thực ra tôi đến chẳng có mục đích nào khác, tôi đứng yên lúng túng và cảm thấy mặt nóng bừng.

Người đầy tớ gái của cô tôi (tôi đoán như thế, căn cứ theo điều chị vừa nói) trút gạo vào một cái rá con và đi ra khỏi hiệu. Chị bảo tôi có thể đi theo nếu tôi muốn biết cô Trốtut ở đâu. Tôi không đòi hỏi gì hơn, mặc dầu lúc bấy giờ tôi xúc động và lúng túng đến nỗi hai chân cứ run lên cầm cập.

Tôi đi theo chị ta và một lát sau chúng tôi đi đến một ngôi nhà nhỏ rất sạch sẽ với những cửa sổ nhô ra thành hình bán nguyệt xinh xắn, và đằng trước là một cái sân rải sỏi trồng đầy hoa, chăm sóc cẩn thận và thơm ngào ngạt. Chị nói:

"Đây là nhà của cô Trốtut! Bây giờ em biết nhà rồi đấy nhé, chị chỉ có thể nói với em như thế mà thôi".

Nói đoạn, chị chạy biến vào trong nhà dường như để trút trách nhiệm về việc tôi xuất hiện, và chị để tôi đứng ở trước cổng vườn nhìn một cách rầu rĩ qua cổng vào cái cửa sổ phòng khách ở đấy một chiếc màn sa mỏng ở giữa hé mở và một cái bình phong lớn màu lục buộc vào cửa sổ, một cái bàn nhỏ và một cái ghế lớn làm cho tôi cảm thấy rằng lúc này cô tôi đang ngồi ở đấy với tất cả vẻ uy nghi của mình.

Đôi giày của tôi lúc bấy giờ rất thảm hại. Đế thì đã rơi từng mảnh, miếng da trên mặt giầy đã rách và hoàn toàn mất hình dáng của chiếc giầy, cái mũ của tôi (tôi cũng dùng nó để làm mũ đội ban đêm) đã nhăn nheo và nhàu nát quá đến nỗi người ta có thể so sánh nó với một cái xoong cũ mất quai bị vắt trên một đống phân mà không oan uổng chút nào. Áo sơ-mi và quần dài của tôi bị bụi bặm và mồ hôi, sương, cỏ và đất Kentơ trên đó tôi nằm ngủ làm bẩn, đã thế lại còn rách tả tơi nên cũng đủ để làm cho chim chóc trong vườn cô tôi sợ hãi trong khi tôi đứng ở ngoài cổng. Tóc tôi từ khi tôi rời khỏi Luân-đôn vẫn chưa hề được chải lần nào. Mặt mày, cổ và bàn tay tôi vốn không quen ở ngoài trời và chịu ánh nắng mặt trời nên đen như than. Tôi bị phủ đầy bụi phấn từ đầu đến chân và cũng gần trắng như người mới ở trong lò nung vôi ra. Trong tình trạng này, (tôi có ý thức rất rõ rệt về điều đó) tôi đứng chờ để ra mắt và gây ấn tượng đầu tiên cho bà cô đáng sợ của tôi.

Cửa sổ phòng khách vẫn phẳng lặng như tờ nên một lúc sau tôi kết luận rằng cô tôi không ở đấy. Tôi ngước mắt nhìn lên cái cửa sổ ở tầng hai thì thấy một người da mặt hồng hào, mặt mày vui vẻ, đầu tóc hoa râm đang nheo một con mắt nhìn tôi có vẻ kỳ quặc, gật đầu với tôi mấy cái rồi cười và bỏ đi.

Trước đấy, trong lòng tôi đã cảm thấy hoang mang, nhưng nhìn thấy cái thái độ bất ngờ này tôi lại càng hoang mang hơn, đến nỗi tôi sẵn sàng lủi đi để nghĩ cách thu xếp thế nào cho ổn nhất, thì một bà ở trong nhà bước ra, trên mũ buộc một cái khăn tay, bà đeo tất tay để làm vườn, mặc một cái tạp dề rộng túi như một người thu thuế thông hành, tay cầm một con dao lớn. Tôi nhận ra ngay đó là cô Bétxi vì cô bước ra khỏi nhà dáng người cứng rắn như con người mà bà mẹ tội nghiệp của tôi vẫn thường tả cho tôi khi cô bước vào vườn nhà "ồ lư" của chúng tôi ở Blơnđơxtôn. Cô Bétxi lắc đầu và từ xa hoa con dao:

"Đi đi! Cút đi! Trẻ con không được vào đây."

Tôi nhìn cô, tim đập mạnh. Tôi thấy cô bước dõng dạc đến một góc vườn và cúi xuống nhổ một vài cây gì đấy. Bây giờ, tuy không còn mảy may dũng khí nào nữa mà chỉ còn sự tuyệt vọng tràn đầy, tôi rón rén đến gần và lấy ngón tay chạm vào người cô tôi. Tôi bắt đầu nói:

"Thưa bà."

Cô tôi giật nảy mình và ngẩng lên nhìn.

"Thưa cô."

"Cái gì thế?" Cô Bétxi nói với cái giọng kinh ngạc xưa nay tôi chưa hề nghe giọng nào tương tự như thế.

"Thưa cô, cháu là cháu của cô."

"Trời ơi!"

Cô ngồi phệt xuống đất trên lối đi ở trong vườn.

"Cháu là Đêvít Copơphin ở Blơnđơxtôn xứ Xăpphóc. Cô đã đến đấy thăm mẹ cháu đêm cháu ra đời. Từ khi mẹ cháu mất đi cháu rất khổ cực. Họ ruồng bỏ cháu, không cho cháu học hành gì cả, bỏ rơi cháu và bắt cháu phải làm một công việc không hợp với cháu. Vì vậy nên cháu bỏ trốn để đến đây tìm cô. Lúc ra đi, người ta cướp mất tiền của cháu và từ lúc ra đi cháu vẫn đi bộ trên đường và chưa hề ngủ trên giường một lần nào."

Nói đến đây, sức tự chủ của tôi đột nhiên tiêu tan hết, và khi giơ tay chỉ cho cô tôi thấy áo quần rách rưới của tôi để cho cô tôi chứng kiến những đau khổ mà tôi đã chịu đựng, đột nhiên tôi khóc òa lên không sao kiềm chế nổi những giọt nước mắt hình như tôi đã tích lại trong suốt cả tuần.

Sự kinh ngạc đã lấn át hết tất cả những cảm giác khác trên khuôn mặt của cô tôi. Cô tôi vẫn ngồi trên đất, trố mắt nhìn tôi, nhưng thấy tôi khóc òa, cô tôi vội vàng đứng dậy, túm lấy cổ áo kéo tôi xềnh xệch vào phòng khách. Vào đến đấy, việc làm đầu tiên của cô tôi là mở một cái tủ ra lấy nhiều thứ chai đổ mỗi thứ một ít vào miệng tôi. Tôi đoán rằng cô tôi lấy các thứ chai kia một cách ngẫu nhiên vì tôi đã nếm nước dầu hồi, xốt cá thanh ngư và nước chấm rau xà lách. Sau khi đã cho tôi uống những thứ thuốc kích thích này, thấy tôi ở trong tình trạng mất tự chủ nên không thể nào nín khóc, cô tôi đặt tôi nằm trên chiếc xô-pha, đầu gối lên một cái khăn san và chiếc khăn tay ở trên đầu cô tôi thì nằm ở dưới chân tôi vì sợ tôi làm bẩn lớp vải lót. Sau đó, cô lại ngồi sau cái bình phong xanh mà tôi vừa nói ở trên, làm cho tôi không trông thấy mặt và thỉnh thoảng lại kêu lên "Chúa phù hộ chúng con!" nghe như tiếng súng liên thanh. Sau đó, một lát cô rung chuông. Người đầy tớ gái lên, cô tôi nói:

"Jannét, lên gác nói tôi gửi lời chào ông Đích và nói với ông tôi muốn nói chuyện."

Chị Jannét hơi ngạc nhiên khi thấy tôi nằm thẳng cẳng trên cái xô-pha (tôi không dám cử động vì sợ làm thế cô tôi giận) nhưng chị vẫn làm theo lời sai bảo. Cô tôi đi đi lại lại trong phòng tay chắp sau đít cho đến khi con người hồi nãy nheo một mắt nhìn tôi ở cửa sổ của tầng thứ hai tươi cười bước vào, cô tôi nói:

"Ông Đích, ông đừng giả vờ ngốc nữa đấy, bởi vì khi cần thì chẳng có ai thông minh bằng ông đâu. Điều đó ai cũng biết. Bây giờ nhất thiết ông không được giả vờ ngốc nữa đấy."

Ông kia lập tức làm ra vẻ nghiêm trọng và nhìn tôi, tôi nghĩ bụng là ông có vẻ muốn cầu khẩn tôi đừng nói gì đến chuyện xảy ra ở cửa sổ. Cô tôi nói:

"Này ông Đích, ông đã nghe tôi nói về Đêvít Copơphin chứ? Ông đừng có giả vờ làm như người không có trí nhớ đấy, vì tôi cũng như ông đều biết điều ấy rất rõ".

"Đêvít Copơphin à?" Nhìn cách ông nói tôi có cảm tưởng ông ta không nhớ gì về điều này. "Đêvít Copơphin à? Phải đấy, có chứ, Đêvít, đúng là Đêvít rồi!"

"Đây này! Đây là thằng con trai của nó đấy. Đáng lý nó sẽ giống hệt cha nó nếu nó không giống mẹ nó như đúc khuôn thế này."

"Con ông ta à? Con ông Đêvít đây à? Thực không?"

"Phải rồi! Và hắn đã làm một việc hay! Hắn đã bỏ trốn. Nếu đó là chị Bétxi Trốtut của nó thì nhất định không bỏ trốn." Cô tôi lắc đầu kiên quyết, tin chắc vào tính cách và hành vi của người con gái chưa bao giờ sinh.

"Cô tưởng nó không bỏ trốn hay sao?" Ông Đích nói.

"Trời ơi cái ông này mới lạ chứ!" cô tôi kêu lên hơi gắt gỏng "Ông nói gì thế? Tôi không biết nó không bỏ trốn hay sao? Nó đã ở với bà mẹ đỡ đầu của nó rồi và chúng tôi đã thân thiết với nhau lắm rồi. Nếu thế thì chị Bétxi Trốtut của nó còn bỏ trốn làm gì và bỏ trốn đi đâu mới được chứ?"

"Chẳng bỏ trốn đi đâu cả" ông Đích đáp.

Cô tôi nghe nói như vậy, đấu dịu.

"Này ông! Ông tinh khôn như ranh ấy, ông không được giả vờ làm anh ngốc đấy. Ông xem, đây là thằng Đêvít Copơphin, và vấn đề tôi muốn hỏi ông như sau: "Bây giờ phải đối xử với nó như thế nào?"

"Phải đối xử với nó như thế nào à?" ông Đích khe khẽ nói và gãi đầu. "Ôi! Phải đối xử với nó…!"

Cô tôi nhìn ông ta có vẻ rất nghiêm trang, ngón tay trỏ giơ lên.

"Xem nào! Ông phải cho tôi một lời khuyên rất đúng đấy".

"Để xem nào! Nếu như tôi là bà." ông Đích vừa nói vừa suy nghĩ và nhìn tôi có vẻ ngơ ngác.

"Tôi…"

Nhìn thấy tôi, hình như đột nhiên ông ta nảy ra một ý nghĩ và lập tức nói:

"Tôi sẽ nấu nước tắm cho nó".

Cô tôi quay lại nói với cái vẻ im lặng đầy tự đắc mà lúc bấy giờ tôi chưa hiểu được ngay và nói:

"Chị Jannét! Ông Đích nói đúng lắm! Nấu nước tắm cho nó!"

Mặc dầu tôi hết sức chú ý đến cuộc đối thoại này, tôi cũng không thể không quan sát cô tôi, ông Đích và Jannét trong khi họ đang nói chuyện và nhìn xem cái gian phòng này một lượt.

Cô tôi người cao lớn nét mặt nghiêm nghị nhưng không phải là khó coi. Vẻ mặt giọng nói bước chân và thái độ của cô đều có cái gì cứng rắn đủ để cắt nghĩa cái ấn tượng cô đã gây cho một con người hiền lành như mẹ tôi, nhưng xét ra không thể nói vẻ mặt của cô không xinh đẹp, tuy có phần nghiêm nghị và cứng rắn. Tôi đặc biệt chú ý thấy cô có đôi mắt rất nhanh và sáng. Tóc cô đã bạc, đường ngôi ở giữa chia thành hai phần ngay ngắn, đầu đội một cái mũ che kín đầu (thứ mũ này lúc bấy giờ người ta thường đội hơn ngày nay) hai bên có dải buộc ở dưới cằm. Áo có màu tím nhạt và hết sức gọn gàng nhưng ngắn cũn, hình như cô muốn cử động càng khỏi bị vướng víu càng tốt. Tôi nhớ lúc bấy giờ tôi cho nó giống hệt cái bộ đồ cưỡi ngựa với cái tà áo thừa bị cắt cụt hơn giống cái gì hết. Cô mang bên hông một chiếc đồng hồ vàng đàn ông (tôi đoán thế vì căn cứ vào hình dáng và cách chế tạo) với một sợi dây xích và một con dấu thích hợp, ở cổ thấy lộ một cái gì giống cái cổ sơ-mi và ở cổ tay có những cái gì giống ống tay áo sơ-mi đàn ông.

Ông Đích, như tôi đã nói, đầu tóc hoa râm và da dẻ hồng hào. Đặc điểm ông ta chỉ có thế, trừ cái đầu cúi xuống một cách kỳ quái - mà không phải do tuổi tác; nó làm tôi nhớ đến đầu học trò ông Crichcơn sau khi bị đòn, - và cặp mắt xám lồi và to lấp lánh ươn ướt một cách kỳ lạ kết hợp với cái thái độ ngơ ngác, cái vẻ phục tùng đối với cô tôi, làm cho tôi ngờ ông ta hơi điên; mặc dầu, nếu ông ta điên, thì tôi rất thắc mắc không hiểu tại sao ông ta lại ở đây. Ông ăn mặc như mọi người đàn ông thường, mang một chiếc áo vét-tông rộng màu xám, một áo gi-lê, va cái quần trắng. Trong túi nhỏ ở quần có một chiếc đồng hồ và trong túi có tiền, ông thường rung tiền kêu leng keng và ra vẻ đắc ý lắm.

Jannét là một cô gái rất xinh, da mặt tươi tắn trạc từ mười chín đến hai mươi, hết sức sạch sẽ. Mặc dầu lúc bấy giờ tôi không thấy có gì để tả nữa, nhưng ngay từ giờ tôi có thể nói rằng sau này tôi mới

phát hiện ra rằng chị là một người thuộc hạng con gái mồ côi mà cô tôi nuôi với mục đích giáo dục cho chị xa lánh đàn ông, nhưng điều sợ hãi này thường thường kết thúc bằng việc bỏ đạo để lấy anh hàng bánh mì.

Gian phòng này cũng sạch sẽ như cô tôi hay Jannét. Trong khi đặt bút xuống một lát để nghĩ đến nó, tôi đã cảm thấy không khí ở ngoài kia bay vào hòa lẫn với hương thơm của hoa, tôi thấy đồ đạc cũ kỹ lau chùi nhẵn bóng, cái ghế bành bất khả xâm phạm của cô tôi và cái bàn ở sau bức bình phong màu lục và tròn ở cái cửa sổ nhô ra hình vòng cung, cái thảm bằng len, con mèo, cái giá để ấm trà, hai con hoàng anh, đồ sứ cũ, cái bát đựng rượu ngũ vị đầy cả là hồng khô, cái tủ lớn đựng mọi thứ chai lọ và, lạ kỳ thay lại có cả cái thằng tôi nằm trên ghế xô-pha, người đầy bụi bặm đang để ý đến mọi vật nhưng chẳng ăn khớp gì với khung cảnh này cả.

Jannét đã đi nấu nước, bỗng đột nhiên tôi hoảng hốt vì thấy cô tôi giận đến nỗi toàn thân cứng đờ và không còn đủ hơi mà kêu:

"Jannét ơi! Lừa, lừa!"

Nghe gọi, Jannét vội vàng chạy lên tưởng chừng như cái nhà phát hỏa, nhảy xổ đến một bồn cỏ ở đằng trước nhà và kéo hai con lừa đã dám cả gan giẫm chân lên bồn cỏ, không kể gì đến chỗ có hai người đàn bà ngồi trên yên; trong lúc đó, cô tôi phải nhảy xổ ra khỏi nhà nắm lấy dây cương của một con lừa thứ ba do một thằng bé cưỡi và bắt cậu ta phải quay lại rời khỏi cái lãnh thổ thiêng liêng này và tát đứa trẻ vô phúc kia đã dám dẫn lừa đến vi phạm cái đất đai thần thánh.

Mãi đến giờ, tôi vẫn không hiểu pháp luật cho cô tôi quyền gì về cái bồn cỏ ấy không, nhưng cô tôi vẫn đinh ninh rằng cô có quyền, cho nên đối với cô nó chẳng thành vấn đề nữa. Điều lăng mạ duy nhất trong đời cô mà cô yêu cầu phải trả thù ngay lập tức đó là việc để một con lừa đi qua cái miếng đất thanh khiết ấy. Dù bận tâm vào công việc gì, dù câu chuyện đối thoại cô tôi đang tham dự có thú vị đến đâu, chỉ cần một con lừa xuất hiện là cái luồng tư tưởng kia lập tức thay đổi, và cô nhảy xổ ra. Những bình nước và những bình tưới nằm ở những chỗ bí mật sẵn sàng đổ xuống đầu những đứa trẻ dám xâm phạm. Đằng sau cánh cửa có gậy; bất kỳ giờ nào cũng xảy ra những cuộc đột kích và tình trạng chiến tranh diễn ra thường xuyên. Có lẽ đây là một điều kích thích thú vị cho các cậu bé cưỡi lừa, hay có lẽ những chú lừa thông minh nhất đã biết được tình hình này như thế nào, nên thích đến đây gây sự cho thỏa cái bản tính bướng bỉnh của chúng chăng. Tôi chỉ biết rằng trong lúc người ta chuẩn bị nước tắm thì đã có ba lần báo động tất cả, trong đó lần cuối là lần kịch liệt nhất. Tôi thấy cô tôi một mình tấn công một chú bé tóc hoe trạc mười lăm tuổi và đập đầu chú vào cổng vườn trước khi chú hiểu cơ sự vì sao. Những sự gián đoạn này đối với tôi lại càng buồn cười hơn, vì đúng lúc ấy cô tôi đang lo cho tôi ăn từng thìa cháo (cô yên trí rằng tôi đang chết đói nên phải bắt đầu cho ăn từng ít một); và chính trong lúc tôi đang há hốc miệng ra thì cô đã bỏ thìa vào bát, mà kêu lên "Jannét! Có lừa!" rồi xông ra tấn công.

Lần tắm này làm cho tôi hết sức dễ chịu. Tôi mới bắt đầu cảm thấy tay chân đau đớn vì nằm ở ngoài đồng và bây giờ tôi mệt mỏi và yếu đuối đến nỗi hầu như không thể tỉnh táo trong năm phút liền. Sau khi tôi tắm xong, hai người (đây là cô tôi và Jannét) cho tôi mặc sơ-mi và quần của ông Đích và quấn tôi lại trong hai tay ba cái khăn san lớn. Tôi không biết tôi giống cái gói gì nhưng tôi cảm thấy rất nóng. Tôi cũng cảm thấy rất mệt và buồn ngủ nên tôi lại nằm trên xô-pha như trước và ngủ thiếp.

Điều này có thể là một giấc mơ do hình ảnh tưởng tượng bấy lâu nay in vào tâm khảm của tôi; nhưng tôi tỉnh dậy với cảm tưởng rằng cô tôi đã đến cúi đầu vào mặt tôi, vén mớ tóc trên mặt tôi đặt đầu tôi nằm cho dễ chịu, rồi đứng ngắm tôi một hồi lâu. Tai tôi hình như nghe những tiếng: "Thằng bé

kháu khỉnh" hay "thằng bé tội nghiệp". Nhưng khi tỉnh dậy, thực không có cái gì khiến cho tôi có thể tin rằng chính cô tôi đã nói thế, vì cô tôi đang ngồi canh cánh cửa sổ lớn nhìn ra biển đằng sau cái quạt xanh cắm vào một thứ trục và đang quay tứ phía.

Sau khi tôi dậy, chúng tôi ăn trưa gồm một con gà quay và một cái bánh pút-đinh. Tôi ngồi vào bàn chẳng khác một con gà bị trói, và tay cử động rất khó khăn. Nhưng vì chính cô tôi đã gói ghém tôi lại như thế cho nên tôi không hề than phiền rằng mình bị vướng. Suốt thời gian ấy, tôi hết sức băn khoăn muốn biết cô tôi định đối xử với tôi như thế nào, nhưng cô vẫn ăn trưa hết sức yên lặng, trừ khi thỉnh thoảng nhìn thẳng vào tôi đang ngồi đối diện và nó "Chúa phù hộ chúng con!" điều này cố nhiên không làm cho tôi bớt băn khoăn chút nào.

Sau khi đã cất dọn khăn bàn, và đem rượu anh đào ra (tôi được một cốc), cô tôi lại cho gọi ông Đích đến. Ông Đích đến ngồi với chúng tôi và ngó có vẻ hết sức thông minh khi cô tôi bảo ông chú ý đến câu chuyện của tôi mà cô tôi bắt đầu kể dần dần bằng cách đặt cho tôi một số câu hỏi. Trong khi tôi kể, mắt cô đăm đăm nhìn ông Đích, tôi nghĩ rằng ông này đáng lý ngủ thiếp rồi nếu cô tôi không làm như thế, và mỗi khi ông ta sắp mỉm cười thì lại dừng lại vì thấy cô tôi cau mày. Khi tôi kể xong, cô tôi nói:

"Tại sao con bé tội nghiệp kia lại lấy chồng lần thứ hai, đó là điều tôi không thể hiểu được."

"Có lẽ cô ta yêu ông chồng thứ hai!" ông Đích nói.

"Yêu à!" cô tôi lặp lại, "ông nói gì thế? yêu để làm cái gì mới được chứ!"

Ông Đích suy nghĩ một lát, mỉm cười: "Có lẽ vì cô ta thích."

"Thích à! Thích với thú, tội nghiệp con bé gặp thằng cha căng chú kiết nào cũng tin nó, rồi để nó hành hạ cho bằng cách này hay cách khác. Tôi không hiểu nó còn muốn gì nữa chứ! Nó đã có chồng. Nó đã thấy anh chàng Đêvít Copơphin từ trần sau khi cả đời chạy theo những con búp bê bằng sáp từ khi còn ở trong nôi. Nó có con rồi thậm chí có thể nói rằng tối thứ sáu hôm ấy khi nó sinh ra cái thằng đang ngồi đây thì có hai đứa bé! Thế thì còn đòi gì nữa kia chứ?"

Ông Đích lắc đầu ngầm với tôi hình như ông ta cho lý luận kia là chắc như đinh đóng cột.

"Thậm chí nó cũng không có được đứa con như mọi người. Tại sao chị của thằng bé này, là Bétxi Trốtut lại không ra đời? Thôi, đừng nói với tôi điều đó nữa!"

Ông Đích hình như hoảng hốt lắm.

"Lại còn cái lão thầy thuốc người nhỏ nhắn kia, cái đầu nghiêng, cái lão Jenlip hay là cái tên gì tương tự, lão làm cái trò gì thế? Lão ta chỉ biết làm mỗi một việc là nói với tôi điệu bộ giống như một con chim cổ đỏ, thực đấy, hệt như một con chim cổ đỏ: "Đó là một thằng bé! Một thằng bé! cả một lũ khốn nạn!"

Cô tôi nói một tràng say sưa làm cho ông Đích hoảng hốt hết sức, và thực ra tôi cũng hoảng hốt.

"Thế rồi, hình như thế vẫn còn chưa đủ thì phải, hình như thế vẫn còn chưa đủ tai hại cho người chị của thằng này là Bétxi Trốtut, nó lại lấy chồng. Nó lấy một thằng giết người[2] (hay một người có tên gì tương tự) và người chồng hành hạ cái thằng này! Và kết quả tự nhiên (điều này chỉ có một đứa trẻ như nó mới không đoán trước được) là cái thằng này lưu lạc cầu bơ cầu bất như một thằng bán rong khi chưa đến tuổi trưởng thành".

Ông Đích nhìn tôi chăm chú xem tôi có giống như điều cô tôi miêu tả không. Cô tôi nói:

“Lại còn cái con mụ tên như bọn dị giáo, con mụ Pécgôti kia thế mà cũng đi lấy chồng được! Chắc là nó chưa thấy hết những tệ hại do hành động này gây ra cho nên nó lại đi lấy chồng như lời thằng bé này kể. Tao chỉ mong sao chồng nó - cô tôi lắc đầu - là một thứ chồng vũ phu như hạng chồng đầy rẫy trong báo chí và thằng chồng sẽ lấy cái que cời than nện cho nó một trận”.

Nghe người ta phỉ báng người bảo mẫu của tôi như vậy cũng như nghe lời chúc chị Pécgôti như thế tôi không chịu nổi. Tôi nói với cô tôi rằng cô đã lầm, tôi nói rằng chị Pécgôti thực là người đầy tớ và người bạn tốt nhất, vô tư nhất trên đời; rằng bao giờ chị cũng yêu tôi thân thiết và bao giờ chị cũng yêu quý mẹ tôi thân thiết; chị đã lấy tay đỡ lấy cái đầu mẹ tôi khi mẹ tôi hấp hối và đã được mẹ tôi hôn cái hôn cuối cùng tỏ lòng cảm kích. Trong khi tôi nhớ lại hai người, tôi cảm động nghẹn ngào và tôi khóc òa khi tôi định nói rằng nhà của chị Pécgôti là nhà của tôi và đáng lý tôi đã chạy đến nương náu ở đấy nhưng vì địa vị thấp hèn của chị nên tôi sợ gây cho chị nhiều khó khăn. Lúc tôi đang tìm cách cắt nghĩa tất cả những điều đó, thì tôi khóc òa và gục đầu xuống bàn hai tay úp lấy mặt. Cô tôi nói:

“Phải đấy! Thằng bé này bênh vực những người bênh vực nó là phải lắm… Kìa Jannét lừa, lừa!”

Tôi tin chắc rằng nếu không có những con lừa bất hạnh kia thì chúng tôi đã hiểu được nhau và cô tôi đã đặt bàn tay lên vai tôi và được khuyến khích, tôi cảm thấy có một cái gì thúc giục tôi cầu xin cô tôi che chở. Nhưng sự gián đoạn này và tình trạng hỗn loạn do trận chiến đấu bên ngoài gây ra đã tạm thời chấm dứt tất cả những ý nghĩ dịu dàng hơn và cô tôi luôn luôn tuyên bố với ông Đích rằng cô tôi kiên quyết yêu cầu pháp luật quốc gia bồi thường và trừng trị tất cả các chủ lừa ở Đôvơ đã xâm phạm vào quyền sở hữu, và việc này kéo dài cho đến bữa uống trà.

Sau khi uống trà, chúng tôi ngồi bên cửa sổ để rình những kẻ xâm lăng mới (nhìn trên vẻ mặt nghiêm trang của tôi người ta có cảm tưởng như thế) cho đến khi hoàng hôn xuống và Jannét đặt nến lên bàn cùng với bàn cờ song lục rồi kéo màn. Cô tôi nói với cái vẻ nghiêm trang, ngón tay trỏ giơ lên như lần trước:

“Bây giờ, ông Đích ạ, tôi có điều nữa muốn hỏi ông. Ông hãy nhìn đứa bé này”.

“Đứa con của Đêvít phải không?” ông Đích nói, vẻ mặt chăm chú và lúng túng.

“Đúng đấy. Bây giờ ở trong trường hợp ông ông sẽ làm gì cho nó?”

“Tôi sẽ làm gì cho đứa con của Đêvít à?” ông Đích nói.

“Phải đấy”, cô tôi nói, “cho đứa con của Đêvít”.

“Ồ, ông Đích nói, “vâng, tôi sẽ… tôi sẽ đưa nó đi ngủ.”

“Phải đấy Jannét!” cô tôi kêu với cái vẻ đắc ý khoan khoái mà tôi đã nhận thấy từ trước. “Ông Đích thấy đúng quá! giường đã chuẩn bị xong chưa, để chúng ta đưa nó lên đi ngủ”.

Jannét đáp rằng giường đã chuẩn bị xong và người ta đưa tôi lên gác một cách dịu dàng nhưng có phần nào giống như một anh tù; cô tôi đi trước và Jannét đi cuối cùng. Trường hợp duy nhất làm cho tôi có đôi chút hy vọng là khi cô tôi dừng lại ở cầu thang hỏi tại sao có cái mùi khen khét ở đây, thì Jannét đáp lại rằng chị đã đốt cái áo sơ-mi cũ của tôi trong bếp. Nhưng ở trong phòng của tôi không có thứ áo quần nào khác trừ cái đống đồ vật kỳ quái mà tôi đang mặc, cô tôi để tôi ngồi lại đấy và báo trước rằng cây nến nhỏ bé của tôi chỉ cháy đúng năm phút và tôi nghe tiếng cửa khóa ở ngoài. Tôi suy đi nghĩ lại, đoán rằng có lẽ cô tôi không thể biết gì về tôi nên ngờ rằng tôi có thói quen bỏ trốn, và do đó, đã đề phòng để giữ tôi cho chắc chắn.

Căn phòng của tôi xinh xắn ở trên tầng cao nhất nhìn ra mặt biển sáng ngời ánh trăng. Sau khi cầu

nguyện xong và cây đèn nến đã tắt, tôi nhớ rằng tôi ngồi nhìn ánh trăng trên nước, hình như tôi muốn hy vọng nhìn thấy tương lai của tôi trong đó như thấy trong một quyển sách sáng ngời, hay thấy mẹ tôi với em tôi trên trời xuống đi theo con đường sáng ngời kia để nhìn xuống tôi như người đã nhìn tôi khi tôi thấy khuôn mặt đáng yêu của người lần cuối cùng. Tôi nhớ rằng, cái cảm giác trang nghiêm khiến cho tôi mê mải ngắm nhìn cuối cùng nhường chỗ cho tình cảm biết ơn và khoan khoái khi nhìn thấy cái giường căng màn trắng, nhất là lại càng biết ơn và khoan khoái khi nằm ê ả trên giường, náu mình trong những cái khăn giải giường trắng muốt. Tôi nhớ rằng tôi nhớ đến tất cả những nơi vắng vẻ dưới bầu trời ban đêm mà tôi đã ngủ và tôi cầu mong rằng sẽ không bao giờ không cửa không nhà và sẽ không bao giờ quên những người không cửa không nhà - Tôi nhớ, tôi cảm thấy mình bập bềnh trôi đi, trôi vào trong thế giới chiêm bao trên con đường sáng ngời mơ mộng kia chạy dài trên mặt biển.

---

[1] Bài hát nổi tiếng nhất của Jôn Braham (1774-1856).

[2] Cô của Đêvít gọi nhầm Mơcxtôn thành Murderer tức là kẻ giết người.

Chương XIV
CÔ TÔI QUYẾT ĐỊNH VỀ SỐ PHẬN TÔI

Buổi sáng, khi tôi xuống nhà, tôi thấy cô tôi đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ trước bàn ăn sáng, cùi tay chống lên khay trà đến nỗi nước trong cái ấm tràn ra ngoài và làm ướt sũng tất cả khăn bàn. Vừa lúc ấy tôi bước vào làm cho những điều suy nghĩ mơ màng của cô tôi biến đi mất. Tôi biết chắc cô tôi đang suy nghĩ về tôi, và hơn bao giờ hết, tôi lo lắng muốn biết ý kiến của cô tôi về tôi như thế nào. Nhưng tôi không dám bày tỏ nỗi lo lắng của mình vì sợ cô tôi nổi giận.

Tuy nhiên, cặp mắt của tôi không dễ bị khống chế như cái lưỡi của tôi, cho nên, trong bữa ăn sáng nó cứ luôn luôn hướng về phía cô tôi. Lần nào cũng thế, tôi không thể nhìn cô tôi suốt mấy phút mà không nhận thấy rằng cô tôi cũng nhìn tôi một cách tò mò và lo lắng, hình như tôi cách cô tôi một khoảng cách mênh mông chứ không phải cô ở bên kia cái bàn tròn. Ăn sáng xong, cô tôi dựa vào lưng ghế có vẻ kiên quyết cau mày lại, vòng tay và tha hồ ngắm tôi với một vẻ chú ý căng thẳng đến nỗi tôi cảm thấy hết sức lúng túng. Vì ăn chưa xong, tôi tìm cách che giấu sự lúng túng của mình bằng cách tiếp tục ăn sáng. Nhưng con dao của tôi chạm vào đĩa làm những miếng mỡ bắn thật cao trên không trung chứ không phải là cắt nó để ăn và tôi uống nước chè mắc nghẹn, nước không chịu vào cổ họng. Cuối cùng tôi đành hoàn toàn bỏ bữa ăn và ngồi ở đấy, mặt đỏ bừng, dưới cái nhìn chăm chú của cô tôi. Sau một lúc cô tôi nói: "Này cháu!"

Tôi ngắc đầu lên cung kính nhìn cặp mắt sáng như chớp của cô tôi. Cô tôi nói:

"Cô đã viết thư cho ông ta".

"Cho…?"

"Cho ông dượng ghẻ của cháu", cô tôi nói, "Cô đã gửi cho ông ta một bức thư trong đó cô nói rằng ông ta phải chú ý đến, nếu không cô sẽ gây sự với ông ta, cô cam đoan là thế".

"Thưa cô, ông ta có biết cháu ở đâu không?"

Cô tôi gật đầu nói: "Cô đã nói cho ông ta biết".

"Như thế cháu có bị trao trả lại cho ông ta không?" tôi lo lắng hỏi.

"Cái đó cô cũng chưa biết", cô tôi nói," chúng ta hãy xem sao".

"Trời ơi!", tôi kêu lên. "Nếu như cháu phải trở về nhà ông Mơcxtôn thì không biết sau này cháu ra sao?"

"Về vấn đề đó, cô chẳng biết nói sao" cô tôi vừa nói vừa lắc đầu. "Thật cô cũng chẳng biết nói gì với cháu. Chúng ta sẽ xem sao…"

Nghe những lời nói ấy tôi mất hết can đảm, cảm thấy rất chán nản và lòng nặng trĩu. Cô tôi không hề tỏ ra chú ý đến tôi lắm. Mặc một cái tạp dề có yếm bằng vải thô mà cô tôi lấy trong tủ ra, cô thân hành rửa sạch tất cả các chén trà và đặt lại lên khay và sau khi đã gấp khăn bàn, đoạn đặt cái khay lên trên, cô rung chuông gọi Jannét bảo đem khay đi. Đoạn cô tôi quét những mẩu bánh với một cái chổi nhỏ (trước đấy đã đeo tất tay), cẩn thận đến nỗi cuối cùng trên thảm dường như không còn một chút bẩn cỏn con nào; rồi lau chùi và dọn dẹp căn phòng đã được lau chùi và dọn dẹp như li như lau. Sau khi đã làm tất cả những công việc này một cách chu đáo, cô tôi tháo tất tay, cởi tạp-dề, gấp lại và đặt chúng vào cái góc tủ mà cô tôi đã lấy ra, cầm hộp đồ may đến đặt lên bàn của mình trước cửa sổ mở rộng, rồi ngồi làm việc, đằng sau bức bình phong màu xanh. Cô tôi vừa xâu kim vừa nói với tôi:

"Cô muốn cháu lên gác hỏi thăm chú Đích và nói cô rất muốn biết quyển "Hồi ký" của chú đã tiến được bước nào chưa?"

Tôi vội vã đứng dậy để làm nhiệm vụ ấy. Cô tôi nhìn tôi bằng khóe mắt một cách chăm chú như nhìn cái kim để xâu chỉ và nói:

"Chắc cháu cho Đích là một cái tên rút ngắn lại chứ gì?"

"Hôm qua cháu vẫn có cảm tưởng rằng cái tên ấy là một cái tên rút ngắn lại", tôi thú nhận.

"Đừng tưởng chú không có một cái tên dài hơn, nếu như chú thích như vậy," cô tôi nói có vẻ kiêu kỳ, "Bablây… Ông Risa Bablây, đó là tên chính thức của chú đấy".

Tôi đang định hỏi nhỏ, trong lòng cảm thấy tôi sẽ sỗ sàng không đúng với tuổi của mình nếu tôi không nói tên ông một cách trọn vẹn, nhưng cô tôi đã nói tiếp:

"Nhưng nhất thiết không được gọi chú như thế đấy nhé! Chú không muốn nghe nói đến tên mình. Đó là một điểm đặc biệt của chú. Nhưng dẫu sao cô cũng tin chắc rằng điều đó không phải là kỳ quặc cho lắm, bởi vì chắc hẳn chú đã bị những người mang tên ấy hành hạ khổ sở, cho nên chú có ác cảm dữ dội với cái tên ấy. Đích đó là tên chú ở đây, cũng như bất kỳ ở đâu, nếu như chú có đi đâu, nhưng điều này không có gì là chắc chắn. Cháu hãy nhớ bao giờ cũng chỉ được gọi chú là chú Đích thôi nhé".

Tôi hứa vâng lời cô tôi và tôi lên gác để làm nhiệm vụ của mình. Trong khi đi tôi tự nhủ nếu như ông Đích từ lâu đã viết quyển "Hồi ký" với cái tốc độ như tôi đã thấy ông ta làm khi bước xuống cầu thang (nhìn qua cánh cửa mở rộng) chắc hẳn quyển hồi ký đã xong được nhiều. Bao giờ tôi cũng thấy ông ta làm việc chăm chỉ như vậy, cái đầu gần như úp xuống tờ giấy.

Ông bị thu hút hoàn toàn đến nỗi tôi có tha hồ thì giờ ngắm một cái diều to tướng bằng giấy đặt ở góc phòng, những cuốn bản thảo lộn xộn, nhiều bút lông ngỗng và đặc biệt một số lượng mực kinh khủng (hình như ông ta có đến hàng tá chai mực mỗi chai hai lít), trước khi ông nhận thấy sự có mặt của tôi. Ông Đích đặt bút xuống nói:

"À! Thế giới này như thế nào rồi? Chú muốn nói với cháu một điều", ông nói thêm một giọng rất khẽ, "chú không muốn cháu nói với ai nhưng…" đến đây ông ra hiệu bảo tôi đến gần và ghé môi vào sát lỗ tai của tôi mà nói: "Cái thế giới này điên rồi. Điên như ở một nhà thương điên, cậu bé ạ!" Ông Đích nói trong khi hít thuốc trong một hộp thuốc lá hình tròn để trên bàn và cười khanh khách ra vẻ khoái trá lắm.

Tôi làm nhiệm vụ của tôi, không dám tỏ ý kiến của mình về vấn đề này. Ông Đích nói:

"Này nhé, cháu hãy gửi lời chào cô Trốtut và nói rằng… Chú cho rằng chú đã bắt đầu." Ông Đích nói, đưa tay vuốt những mớ tóc hoa râm trong khi ngước mắt nhìn có vẻ ái ngại về phía tập bản thảo "Cháu có đi học chứ?"

"Thưa chú", tôi đáp, "cháu có đi học ít lâu ạ".

"Cháu có nhớ năm nào", ông Đích nói, tay cầm lại cái bút mắt nhìn tôi chăm chú để ghi, "năm nào vua Saclơ I bị chặt đầu không?"

Tôi nói với ông ta, theo tôi biến cố này đã xảy ra vào năm một nghìn sáu trăm bốn mươi chín.

"Đúng thế!" ông Đích nói lấy ngòi bút gãi gãi lỗ tai đưa mắt nhìn tôi ra vẻ ngờ vực "Các quyển sách đều nói thế, nhưng chú không hiểu một việc như vậy làm sao có thể xảy ra được. Bởi vì nếu như việc này xảy ra lâu như thế, làm thế nào những người chung quanh ông ta lại có thể phạm điều sai lầm là đem nhồi vào đầu óc chú một phần những điều rối rắm trong đầu óc ông ta sau khi nó đã bị chặt?"

Tôi rất ngạc nhiên về câu hỏi ấy nhưng tôi không thể nào trả lời một điều gì về chuyện này. Ông Đích bâng khuâng nhìn những tờ giấy của mình. Rồi lại đưa tay lên vuốt tóc và nói:

"Thực là lạ, nhưng chú không làm hiểu được điều đó. Nhưng thôi, kệ xác nó, kệ xác nó!" Ông nói vui vẻ, trút bỏ những điều suy nghĩ "Ta còn chán thì giờ để nghĩ đến điều đó. Cháu hãy gửi lời chào cô Trốtut và bảo cô rằng công việc của chú tiến hành rất tốt đẹp".

Tôi định đi xuống bỗng ông khiến tôi lưu ý đến cái diều, ông hỏi tôi:

"Cháu thấy cái diều này thế nào?"

Tôi trả lời "nó đẹp lắm". Tôi nghĩ rằng nó phải cao đến hai mét. Ông Đích trả lời: "Chú làm đấy, cả hai chú cháu ta sẽ thả. Cháu có thấy cái này không?" ông chỉ cho tôi cái diều đầy những chữ viết rất khít nhau và cẩn thận. Những chữ này viết rõ đến nỗi khi liếc mắt nhìn tôi có cảm tưởng còn thấy một hai chỗ nhắc đến cái đầu vua Saclơ I, Ông Đích nói:

"Chú có khối dây và khi nào cái diều lên thật cao thì nó mang những sự kiện đi xa. Đó là cách chú phổ biến những sự kiện đấy. Chú không biết chúng có thể xuống những nơi nào. Cái đó tùy hoàn cảnh, tùy sức gió v.v… Nhưng dẫu sao chú vẫn cố gắng."

Ông có một gương mặt hiền lành dễ thương, với cái vẻ đáng kính đến nỗi tuy bên ngoài ông tỏ ra mạnh khỏe và chắc chắn, nhưng tôi không khỏi tự hỏi không biết ông ta có đùa tôi một cách vô hại không. Tôi bèn cười khanh khách, và ông cũng cười, và chúng tôi chia tay một cách thân mật vô cùng. Khi bước xuống, cô tôi hỏi:

"Thế nào cháu, sáng nay ông Đích như thế nào?"

Tôi nói với cô tôi rằng ông gửi lời chào và công việc ông tiến hành tốt đẹp. Cô tôi hỏi:

"Cháu thấy chú ấy thế nào?"

Tôi thoáng có ý định trốn tránh câu hỏi ấy bằng cách nói rằng ông là một người rất dễ thương, nhưng cô tôi không phải là hạng người để cho người ta đánh lừa, bởi vì cô tôi đặt túi đồ may lên gối, chắp hai tay lên trên và nói.

"Cứ nói đi, chị Bétxi Trốtut của cháu chắc chắn sẽ không ngần ngại nói ý nghĩ của mình về bất cứ điều gì. Cháu hãy tỏ ra hết sức giống chị và cứ nói thực đi."

"Có phải… cháu hỏi cô bởi vì cháu không rõ… có phải đầu óc chú hơi nghểnh ngãng không?" Tôi nói hơi ấp úng bởi vì tôi cảm thấy mình bước vào một nơi nguy hiểm.

"Làm gì có!" cô tôi nói. "Nếu như trên đời có một cái gì không bị rối loạn, thì đó là đầu óc của chú Đích" cô tôi nói giọng kiên quyết và khẳng định.

Tôi không có cách nào hơn là lặp lại những lời rụt rè của tôi: "À! thế à!"

"Có người cho chú là điên", cô tôi nói. "Cô cảm thấy một thích thú ích kỷ khi nói rằng người ta cho chú là điên bởi vì nếu như không thế cô đã không được cái đặc quyền làm quen với chú và nghe những lời khuyên của chú, ít nhất là mươi năm nay và hơn thế nữa… thực ra, thì từ ngày mà chị Bétxi Trốtut của cháu đã làm cho cô thất vọng.

"Lâu đến thế cơ à?" Tôi nói.

"Thực rõ buồn cười, họ dám cả gan cho chú là điên", cô tôi nói tiếp. "Chú Đích một phần là bà con họ hàng xa với cô, không cần phải nói chi tiết về điều đó. Nhưng nếu như không có cô thì anh ruột chú đã giam chú suốt đời… chỉ có thế".

Tôi sợ mình đã tỏ ra đạo đức giả, nhưng khi thấy rằng cô tôi tỏ ra phẫn nộ về vấn đề ấy, tôi cũng cố gắng làm ra vẻ phẫn nộ.

"Thằng cha ngốc nghếch hợm hĩnh!" cô tôi nói. "Bởi vì ông anh cũng hơi kỳ quặc (tuy vẫn chưa kỳ quặc bằng nhiều người khác), không muốn người ta thấy chú Đích ở trong nhà mình nên đã đưa chú đến một thứ nhà tế bần của tư nhân; tuy vậy mồ ma ông cụ thân sinh đã ân cần giao chú Đích cho lão và xem chú Đích gần như là một người bình thường, ông cụ chắc hẳn là một người thông thái mới nghĩ như vậy. Chắc hẳn chỉ có lão là điên mà thôi".

Một lần nữa cô tôi có vẻ hoàn toàn kiên quyết, nên tôi cũng cố làm ra vẻ kiên quyết. Cô tôi nói:

"Vì vậy nên cô đã can thiệp và cô đề nghị với lão. Cô nói với lão: "Em của anh là một người đầu óc lành mạnh, còn lành mạnh hơn anh nhiều và anh trước đây cũng như sau này sẽ không bao giờ được như vậy, ta có thể hy vọng như thế. Anh hãy để anh ta hưởng số tiền thu nhập của anh ta và để anh ta đến ở nhà tôi. Tôi không sợ anh ta đâu. Tôi không tự phụ đâu nhưng tôi sẵn sàng chăm sóc anh ta. Và tôi sẽ không ngược đãi anh ta như những người khác đã làm (không kể những người ở nhà tế bần)" "Sau khi đã bàn bạc chán" cô tôi nói, "người ta mới trao chú cho tôi và từ lúc ấy đến nay chú vẫn sống ở đây. Chú là con người hiền lành và dễ thương nhất trên đời - nhất là về những lời khuyên! Nhưng cô là người duy nhất đánh giá được đầu óc của con người này".

Cô tôi vuốt áo và lắc đầu với một cử chỉ dường như thân hành đứng ra thách thức tất cả thế giới.

"Chú có một cô em yêu quý", cô tôi nói "một người đàn bà hào hiệp, rất tối đối với chú. Nhưng cô ta đã làm như tất cả mọi người… Cô đã lấy chồng và người chồng đã làm như tất cả mọi người khác… hẳn đã làm cho cô khổ sở… Những biến cố này đã tác động mạnh tới đầu óc Đích (tuy chưa làm cho chú hóa điên!) đến nỗi, cộng với việc sợ ông anh và thái độ độc ác của người kia, chú ốm. Việc này xảy ra trước khi chú bắt đầu đến đây nhưng ngay cả bây giờ kỷ niệm này cũng vẫn làm cho chú khổ sở. Chú có nói gì với cháu về vua Sáclơ đệ nhất không?"

"Thưa cô, có ạ".

"Ồ!", cô tôi nói, vừa nói vừa gãi mũi có vẻ hơi bực mình "Đó là cách nói bóng gió của chú. Dĩ nhiên trong đầu óc chú khi nhớ đến bệnh của mình chú liên tưởng đến những sự xáo trộn to lớn và những sự xung đột mãnh liệt và đó là cách nói ẩn dụ và so sánh chú vẫn dùng, cháu muốn gọi nó là cái gì cũng được, vả lại tại sao chú lại không làm như vậy, nếu như chú thích?"

"Cố nhiên là thế", tôi đáp.

"Cháu ạ! Nhưng nói như vậy không phải là cách nói thực tiễn, cũng không phải cách nói của mọi người. Cô biết thế cho nên vẫn nhắc nhở chú đừng nhắc đến nó trong Hồi ký."

"Thưa cô có phải chú đang viết quyển Hồi ký về đời mình không ạ?"

"Đúng đấy cháu ạ!" cô tôi vừa nói lại vừa gãi mũi một lần nữa. "Chú viết hồi ký về đời một ông thủ tướng hay một vị hầu tước nào đấy nhưng dù sao đi nữa ông này cũng sẽ trả tiền về việc người ta viết hồi ký những việc làm của mình. Theo ý cô, một ngày kia quyển hồi ký này sẽ đệ trình. Chú vẫn chưa có thể viết mà không đưa lối diễn đạt riêng của chú vào, nhưng cái đó không quan trọng: Nó làm chú có công việc để làm."

Thực vậy, sau này tôi nhận thấy rằng đã hơn mười năm nay ông Đích cố gắng không cho vua Sáclơ i lọt vào quyển hồi ký; nhưng ông vua này cứ luôn luôn lọt vào và vẫn còn nằm lì ở đấy. Cô tôi nói:

"Cô nhắc lại rằng, không có ai ngoài cô biết giá trị đầu óc con người ấy, con người dễ thương và

hiền lành nhất trên đời. Cố nhiên thỉnh thoảng chú cũng muốn thả diều. Điều đó quan hệ gì. Franklin cũng thả diều. Ông ta là một người Quâycơ hay một người đại khái như thế. Còn về cái khoản thả diều thì một người Quâycơ còn lố bịch hơn bất kỳ một người nào khác.

Nếu như tôi có thể giả thiết rằng cô tôi đã kể lại những chi tiết này để giáo dục tôi hay để tỏ ra tin cậy tôi thì tôi sẽ rất hân hạnh và tôi sẽ thấy biểu hiện thái độ tin cậy như vậy là một triệu chứng tốt. Nhưng tôi khó lòng không nhận thấy sở dĩ cô tôi giải thích như vậy, chủ yếu là vì câu hỏi này hiện lên trong óc cô tôi, chứ không phải vì có quan tâm đến tôi; cô nói chuyện với tôi về việc đó chẳng qua chỉ vì không có người nào khác.

Đồng thời, tôi phải nói rằng lòng nhân từ của cô trong việc bênh vực cá nhân tội nghiệp và vô hại là ông Đích không những làm con tim thơ dại của tôi nảy ra một ít hy vọng riêng ích kỷ về phần mình, mà còn khiến cho nó có những tình cảm nồng nhiệt và vị tha đối với cô. Tôi cảm thấy tôi bắt đầu hiểu rằng, mặc dầu cô có những cử chỉ kỳ quặc và những tính khí lạ lùng, nhưng lại có những đức tính đáng được kính trọng và tin cậy. Mặc dầu hôm ấy cô cũng đột ngột như hôm qua và cứ chốc chốc xông ra đuổi đánh những con lừa và tỏ ra vô cùng phẫn nộ khi một người trẻ tuổi đi qua trước nhà liếc mắt về phía chị Jannét đang đứng ở cửa sổ (đó là một điều làm tổn hại nhiều nhất tới danh giá của cô) tuy vậy, tôi có cảm tưởng rằng tôi kính trọng cô hơn và bớt sợ cô hơn trước.

Nỗi lo sợ của tôi trong thời gian tất yếu xảy ra trước khi cô nhận được thơ ông Mơcxtôn trả lời đã lên đến tột bực. Nhưng tôi cố gắng che giấu nó và cố gắng hết sức để làm cho cô và ông Đích vui lòng.

Tôi và ông Đích phải ra ngoài thả cái diều to tướng trong khi tôi không có bộ áo quần nào khác ngoài những thứ áo quần chẳng lịch sự tí nào mà tôi đã mặc ngày đầu tiên. Điều đó bắt buộc tôi phải ở lì trong nhà trừ phi sau khi trời đã tối được một giờ, bởi vì lúc ấy cô tôi dẫn tôi đi bách bộ một cách long trọng trên bờ biển dốc trước giờ đi ngủ để bảo vệ sức khỏe.

Cuối cùng thư trả lời của ông Mơcxtôn đến và tôi hết sức hoảng hốt khi cô tôi cho biết rằng ngày hôm sau ông ta sẽ thân hành đến nói chuyện với cô. Sáng ngày hôm sau, trong khi vẫn bị gói ghém trong thứ y phục kỳ quái ấy, tôi ngồi đếm từng giờ, lòng bị xâu xé giữa những tia hy vọng mong manh với những mối lo càng ngày càng lớn đến nỗi mặt nóng bừng và đỏ ửng, tôi ngồi đợi cái bộ mặt ủ dột làm tôi hoảng sợ. Nhưng vì ông chưa đến, nên thỉnh thoảng tôi lại cứ rùng mình.

Cô tôi hơi oai vệ và nghiêm khắc hơn ngày thường, nhưng tôi cũng không nhìn thấy cô tỏ ra vẻ chuẩn bị đón ông khách mà tôi hết sức sợ hãi. Cô vẫn ngồi cạnh cửa sổ làm việc và tôi ngồi bên cạnh cho đến lúc đã xế chiều. Tôi nghĩ miên man đến mọi hậu quả có thể xảy ra khi ông Mơcxtôn đến thăm. Bữa ăn trưa bị hoãn lại vô thời hạn. Thấy đã muộn, cô bảo dọn ăn. Bỗng nhiên cô ra lệnh báo động có lừa đến. Và trời ơi! Kinh hoảng quá! Tôi thấy cô Mơcxtôn đang ngồi trên cái yên ngựa đàn bà kiên quyết cho lừa đi qua cái bồn cỏ thiêng liêng và dừng lại ở đằng trước nhà, đưa mắt nhìn quanh.

"Bà đi đi!" cô đứng trước cửa sổ kêu lên vừa kêu vừa lắc đầu và hoa nắm tay, "bà không có phận sự gì ở đây cả! Thế nào! dám xâm phạm nhà cửa người ta à, cút đi, đồ láo xược!"

Trước thái độ bình tĩnh của cô Mơcxtôn cứ đứng nhìn quanh nhìn quẩn, cô tôi phát cáu đến nỗi tôi đoán rằng cô tôi sửng sốt trong giây lát nên không thể nào nhảy xổ ra tấn công như ngày thường. Nhân cơ hội ấy, tôi nói cho cô biết đó là Mơcxtôn, và con người đàn ông lúc nãy đã đến cạnh cái bà xâm phạm kia (vì con đường rất dốc nên ông ta tụt lại sau) chính là ông Mơcxtôn đấy.

"Ai thì cũng thế thôi" cô vừa nói vừa lắc đầu hoa tay, những cử chỉ chẳng tỏ ra niềm nở chút nào: "Tao không cho phép bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của tao, tao không chịu được. Cút đi! Jannét đuổi ông ta đi! Kéo ông ta đi!"

Và nấp mình sau lưng cô, tôi thấy một cảnh chiến đấu vội vàng. Con lừa đuổi thăng bốn vó ra bốn phía, kháng cự lại tất cả mọi người, Jannét nắm cương để kéo nó quay lại, ông Mơcxtôn tìm cách làm cho nó tiến lên. Cô Mơcxtôn lấy cái ô đánh vào người Jannét và mấy thằng nhãi đến nhìn trận chiến đấu cứ trương gân trương cổ ra mà hét. Đột nhiên, cô tôi nhận ra trong số này có thằng nhãi con tai ác vốn là một trong những kẻ thù sinh tử của cô mặc dầu nó không đến mười ba tuổi, nên cô nhảy xổ ra chiến trường túm lấy nó và bắt nó làm tù binh. Cô tôi kéo nó vào vườn, cái áo chẽn của nó bị chùm lên cả đầu và hai gót chân nó kéo lê dưới đất. Cô vừa kéo vừa kêu Jannét chạy đi tìm cảnh sát và tòa án để bắt xử và thi hành ngay tại trận, trong khi vẫn giữ chặt lấy nó ở đấy. Tuy nhiên giai đoạn này không kéo dài được lâu, vì thằng lưu manh này lại rất thạo cái mánh khóe lẩn tránh, một thứ nghệ thuật mà cô tôi không hề nghĩ đến, nên chỉ trong chốc lát là nó chạy trốn được, vừa chạy vừa reo, để lại dấu giày đinh của nó trên các bồn hoa và dẫn con lừa đi, dương dương tự đắc.

Trong giai đoạn cuối cùng của trận chiến đấu này, cô Mơcxtôn đã bước xuống lừa, cô cùng đứng với ông em ở dưới thềm đợi cho cô tôi có thì giờ rảnh để tiếp. Nhưng hơi bực mình về cuộc chiến đấu này, cô đi bên cạnh họ hết sức trang trọng rồi bước vào nhà hầu như không hề biết rằng họ đang đợi ở đấy, cho đến khi Jannét đến báo.

"Thưa cô cháu có nên rút lui không?" tôi vừa hỏi vừa run.

"Không! cố nhiên là không!" Cô tôi nói.

Nói xong cô đẩy tôi vào một góc bên cạnh cô và lấy một cái ghế chặn lại, tựa hồ như đó là một nhà tù hay một cái vành móng ngựa. Tôi vẫn ngồi ở cái vị trí như thế suốt cả một cuộc hội đàm, và đứng đấy tôi thấy ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn bước vào phòng. Cô tôi nói:

"Trước hết, tôi không biết là phải nói chuyện với ai, nhưng tôi không cho phép ai được cưỡi lừa đi qua bồn cỏ. Bất kỳ ai cũng thế, tôi không cho ai làm thế cả".

"Luật lệ của cô quả là phiền phức cho những người lạ", cô Mơcxtôn nói.

"Thật không?" Cô tôi nói.

Ông Mơcxtôn hình như sợ chiến sự lại tái diễn nên ông vội vàng nói xen vào: "Thưa cô Trốtut."

"Xin lỗi ông!" Cô nói đưa mắt nhìn ông một cách sắc sảo, "Có phải ông là cái ông Mơcxtôn đã lấy bà vợ của người cháu của tôi đã qua đời là Đêvít Copơphin ở nhà ồ lư ở Blơnđơxtôn không? Thực ra tại sao lại gọi là ồ-lư nhỉ? Tôi vẫn không rõ."

"Chính tôi", ông Mơcxtôn nói.

"Xin ông tha lỗi", cô tôi nói, "tôi muốn nói với ông rằng lẽ ra ông nên để con bé tội nghiệp được yên thân thì tốt hơn nhiều!"

Cô Mơcxtôn ngẩng đầu lên.

"Tôi rất đồng ý với cô Trốtut về nhận xét ấy, vì theo tôi thấy, cô Clara tội nghệp của chúng ta chỉ là một đứa trẻ con về tất cả những điều căn bản ở trên đời".

"Thưa cô", cô tôi đáp, "quả là một điều an ủi cho tôi và cô là những người đã đứng tuổi khi không còn phải sợ rằng sức hấp dẫn của chúng ta sẽ là một điều bất hạnh cho chúng ta và cũng không sợ ai nói về chúng ta như thế."

"Dĩ nhiên!" Cô Mơcxtôn đáp lại. Nhưng tôi thấy cô ta nói thế chẳng vui lòng và niềm nở tí nào, "lẽ ra em tôi không nên kết hôn với cô ta thì hơn nhiều. Xưa nay tôi vẫn nghĩ thế".

“Cố nhiên tôi vẫn tin rằng cô nghĩ như vậy”, cô tôi nói và rung chuông gọi chị Jannét, “Jannét, chị lên bảo ông Đích tôi gửi lời chào và mời ông xuống.”

Trong khi chờ đợi ông đến, cô tôi ngồi thẳng tắp nhìn vào tường vẻ mặt nghiêm nghị. Khi ông đến, cô tôi giới thiệu:

“Đây là ông Đích, một ông bạn già thân”. Và cô tôi lên giọng để cho ông cảnh giác vì ông đang cắn ngón tay trỏ có vẻ ngốc nghếch. “Tôi rất tin ở nhận xét của ông ta”.

Ông Đích nghe lời nói bóng gió ấy liền rút ngón tay ra khỏi miệng và đứng thẳng ở giữa nhóm lộ vẻ trang trọng và chú ý. Cô tôi nghiêng đầu về phía ông Mơcxtôn và ông nói tiếp:

“Thưa cô, nhận được thư cô, tôi thấy để tỏ ra công bình với tôi hơn, và có thể để tỏ lòng kính trọng cô hơn.”

“Rất cảm ơn,” cô tôi vừa nói vừa quan sát ông chăm chú. “Xin ông đừng bận tâm về tôi”.

“Tôi phải thân hành đến trả lời trực tiếp, dù cho đường xa cách trở diệu vợi đến thế nào, chứ không trả lời bằng thư về thằng bé bất hạnh này là đứa đã chạy trốn bạn bè và công việc…”

“Và bộ tịch thì” bà chị nói xen, và làm cho mọi người chú ý đến bộ quần áo khó tả của tôi “đến là xấu hổ nhục nhã!”

“Chị Jan!”, ông em nói, “xin chị đừng ngắt lời tôi. Đứa bé bất hạnh này, thưa cô, đã gây nhiều buồn phiền và rầy rà trong gia đình chúng tôi, khi bà vợ thân yêu của tôi còn sống và từ khi nhà tôi mất. Nó là đứa trẻ cau có, đầu óc bướng bỉnh, ngang ngạnh, tính khí hung dữ, bản chất ngỗ ngược và bất trị. Chị tôi và tôi đã cố hết sức chữa những thói hư tật xấu của nó, nhưng đâu lại hoàn đấy. Và tôi đã nhận thấy (hai người chúng tôi đã nhận thấy, vì tôi phải nói rằng chị tôi được hoàn toàn tin cậy) rằng nên để cho cô nghe lời tuyên bố trịnh trọng và vô tư của chúng tôi.”

“Tôi chẳng cần phải chứng thực gì thêm để khẳng định lời em tôi đã nói”, cô Mơcxtôn nói. “Tôi chỉ xin mạn phép nói thêm rằng trong tất cả những đứa trẻ trên thế gian này nó là đứa trẻ hư hỏng nhất”.

“Nói thế cũng hơi quá”, cô tôi trả lời.

“Không quá đâu”, cô Mơcxtôn nói, “sự thực là thế”.

“Ghê nhỉ!” Cô tôi hỏi: “Còn ông, ông thấy thế nào?”

“Tôi có ý kiến riêng của tôi về vấn đề giáo dục của nó”, ông Mơcxtôn nói tiếp, nét mặt càng ngày càng sa sầm, trong khi cô tôi và ông ta nhìn càng sát mặt nhau hơn, điều đó căn cứ một phần theo những điều tôi biết do nhận xét của tôi và sự hiểu biết của tôi. “Tôi chỉ chịu trách nhiệm trước tôi, tôi làm việc là có căn cứ và không cần phải nói thêm gì nữa. Tôi chỉ cần nói rằng tôi đã giao thằng bé này cho một người bạn giám sát, làm một nghề vinh dự; nhưng hắn không thích, hắn bỏ trốn chạy lang thang như một thằng ma-cà-bông khắp cả thôn quê. Hắn đến đây ăn mặc rách rưới nhờ cô che chở. Cô Trốtut ạ tôi muốn nói trắng với cô không úp mở gì hết, để cho cô thấy kết quả cụ thể của sự giúp đỡ mà cô có thể đưa đến cho hắn”.

“Nhưng trước hết ta hãy nói đến cái nghề vinh dự kia đã”. Cô tôi nói: “Nếu nó là con đẻ của ông thì ông có để nó làm như thế không?”

Cô Mơcxtôn nói xen vào:

“Nếu nó là con trai em tôi thì tính khí nó chắc đã khác hẳn rồi”.

“Hay là nếu như người mẹ tội nghiệp của nó còn sống thì nó có được làm cái nghề vinh dự ấy không?” Cô tôi nói.

Ông Mơcxtôn nghiêng đầu nói:

“Tôi tin rằng Clara sẽ không bao giờ phản đối điều mà chúng tôi, chị Jan Mơcxtôn và tôi cho là tốt nhất”.

Cô Mơcxtôn xác nhận điều đó bằng một lời lẩm bẩm nghe rất rõ. Cô tôi nói:

“Hèm! Con bé tội nghiệp”.

Ông Đích từ nãy đến giờ vẫn cứ mải lo lúc lắc túi tiền, lúc bấy giờ lại càng lúc lắc mạnh đến nỗi cô tôi cảm thấy cần phải đưa mắt bắt ông ta ngồi yên trước khi nói.

“Thế tiền lời hàng năm của con bé tội nghiệp kia cũng mất luôn khi nó chết hay sao?”

“Vâng… mất luôn khi chết”, ông Mơcxtôn trả lời.

“Và tài sản nhỏ bé của nó, cái nhà và cái vườn, cái Ô-lư, Ô-liếc gì đấy mà chẳng có quạ kiếc gì cả, không phải là để lại cho đứa con bà ta à?”

“Tất cả những cái đó đã được người chồng cũ để lại cho nhà tôi vô điều kiện…”

Ông Mơcxtôn bắt đầu nói thì cô tôi ngắt lời một cách hết sức bực bội và giận dữ:

“Trời ơi! Đúng là như thế rồi. Để lại vô điều kiện! Tôi chẳng thấy Đêvít Copơphin nghĩ trước đến một thứ điều kiện nào hết, mặc dầu tình hình đã rõ như ban ngày, cố nhiên là gia tài để lại cho vợ không có điều kiện gì hết. Nhưng khi con bé tái giá, khi nó phạm cái sai lầm thảm hại là lấy ông, tôi xin nói thẳng không úp mở gì, chẳng có ma nào nói một lời giúp thằng bé này hay sao?”

“Mồ ma nhà tôi yêu người chồng thứ hai thưa cô”, ông Mơcxtôn nói, “và hoàn toàn tin ở ông ta”.

“Mồ ma nhà ông, thưa ông”, cô tôi lắc đầu, “là một con bé không hiểu nhân tình thế thái, bất hạnh nhất trên đời. Nó như thế đấy. Và bây giờ ông muốn nói gì nữa”.

“Cô Trốtut, chỉ thế này thôi.” ông ta đáp lại. “Tôi đến đây là để đem thằng Đêvít về. Đem nó về không có điều kiện gì hết. Để đối xử với nó như thế nào thì mặc xác tôi, để xử trí với nó như thế nào thì thây kệ tôi. Tôi không đến đây để hứa hẹn, cũng không phải để cam kết, với bất kỳ ai. Có thể là cô đã khuyến khích nó bỏ trốn và nghe theo lời kêu ca của nó. Thái độ của cô, tôi phải nói rằng không phải là thái độ hòa giải chút nào cả, và nó bắt tôi phải nói như vậy. Vậy thì bây giờ tôi phải báo trước cho cô biết rằng, nếu cô đã ủng hộ nó một lần thì cô phải ủng hộ nó đến cùng, nếu cô đã xen vào giữa nó và tôi, thì sự can thiệp của cô phải là vĩnh viễn. Tôi không đùa đâu và đừng có đùa với tôi. Lần này tôi đến đây là để đem nó đi và đó là lần cuối. Nó có muốn đi với tôi không? Nếu nó không muốn, hay là nếu cô bảo với tôi rằng nó không muốn, thì thưa cô, vì bất cứ lý do gì tôi cũng mặc, cánh cửa nhà tôi vĩnh viễn đóng lại không cho nó vào và tôi cho rằng đương nhiên cô sẽ mở cửa đón nó”.

Cô tôi lắng nghe bài diễn văn này với cái vẻ chăm chú hết sức, người ngồi thẳng tắp hơn bao giờ hết, hai tay vòng lại trên đầu gối và mắt nhìn một cách dữ tợn vào người nói. Khi ông ta nói xong, cô quay mắt như ra lệnh cho cô Mơcxtôn nhưng vẫn không hề thay đổi dáng điệu và nói với cô ta:

“Còn cô, cô có gì nói thêm nữa không?”

“Thưa cô”, cô Mơcxtôn nói, “Thực quả tất cả những điều tôi muốn nói đã được em tôi nói đầy đủ rồi. Tất cả những sự thực mà tôi biết đã được em tôi trình bày rõ rệt quá rồi, đến nỗi tôi chỉ còn biết cảm ơn sự nhã nhặn… sự nhã nhặn hết sức quý hóa của cô”.

Cô Mơcxtôn nói một cách mỉa mai nhưng chẳng hề gây ảnh hưởng gì đối với cô tôi, cũng như nó chẳng hề gây ảnh hưởng gì đối với khẩu súng lớn ở Sátham mà tôi đã nằm ngủ bên cạnh.

"Còn thằng bé này", cô tôi nói, "mày nói gì, mày có muốn đi không hở Đêvít?"

Tôi đáp lại rằng "không" và tôi van lạy cô tôi đừng để tôi đi. Tôi nói rằng ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn chẳng bao giờ yêu tôi cả, rằng họ không bao giờ đối tốt với tôi, tôi biết rõ rằng họ đã làm cho bà mẹ tội nghiệp của tôi rất khổ sở về tôi, và chị Pécgôti cũng biết điều đó. Tôi nói rằng chỉ nhìn tuổi của tôi thì người ta không thể tin rằng tôi đã khổ sở đến thế. Tôi xin và cầu khẩn cô tôi (tôi không nhớ tôi nói như thế nào nhưng tôi nhớ rằng những lời nói làm tôi rất cảm động) che chở và bảo vệ tôi vì tình yêu đối với cha tôi. Cô tôi nói:

"Ông Đích suy nghĩ, ngần ngại, rồi vẻ mặt của ông sáng bừng lên và ông nói:

"Đo và cắt ngay cho nó một bộ quần áo".

Cô tôi đắc chí:

"Ông Đích! Cho tôi được bắt tay ông, kiến thức của ông thật là vô giá".

Rồi sau khi bắt tay ông Đích nồng nhiệt, cô tôi kéo tôi về phía cô và nói với ông Mơcxtôn:

"Ông muốn đi thì khi nào thì tùy ý, tôi giữ thằng bé này, tôi chịu mọi may rủi. Nếu đúng như lời ông nói, thì ít nhất tôi cũng có thể làm như ông đã làm. Nhưng tôi chẳng tin ông chút nào hết".

Ông Mơcxtôn nhún vai đứng dậy.

"Thưa cô… nếu cô là đàn ông".

"Ồ nói bậy! im đi!" Cô tôi nói.

Cô Mơcxtôn đứng dậy:

"Thực nhã nhặn quá thể! Thế này là quá lắm!"

"Ông tưởng", cô tôi giả vờ không nghe lời nói của bà chị và vẫn tiếp tục nói ông em, đồng thời lắc đầu một cách đầy ý nghĩa, "ông tưởng tôi không biết con bé khổ sở tội nghiệp lầm đường lạc lối đã bị ông bắt nó phải sống như thế nào sao? Ông tưởng rằng tôi không biết cái ngày rủi ro kia đối với con bé hiền lành, khi ông xuất hiện trên đường đời của nó lần đầu tiên mỉm cười liếc mắt đưa tình sao? Lúc bấy giờ tôi đánh cuộc rằng ông có vẻ hiền lành như cắn cục cơm không vỡ".

"Tôi chưa hề nghe ai nói nhã nhặn như thế bao giờ." Cô Mơcxtôn nói.

"Ông tưởng rằng tôi không hiểu ông rất rõ mặc dầu tôi không thấy ông bao giờ sao?" cô tôi nói tiếp. "Bây giờ được thấy ông và được nghe ông nói (tôi xin nói thẳng với ông rằng đó không chút nào là một điều vui thú cho tôi.) ôi! Lạy Chúa! Trước kia có ai hiền lành và mềm mỏng cho bằng ông Mơcxtôn. Con bé tội nghiệp ngây thơ chưa hề thấy ai như thế. Ông ta dịu hiền tột bực! Ông ta nuông chiều thằng bé, ông ta say mê nó. Ông ta sẽ là một ông bố thứ hai của thằng bé và họ sẽ sống cùng nhau vui sướng trong một cái vườn hồng chứ gì nữa? Thôi ông đi đi cho tôi nhờ! Ông đi đi!" cô tôi nói.

"Tôi chưa bao giờ nghe ai nói thế bao giờ". Cô Mơcxtôn kêu lên.

"Thế rồi một khi ông đã nắm chắc được đứa bé dại dột kia (Chúa tha lỗi cho tôi, vì đã gọi như thế đối với một người nay đã ở một nơi mà ông chẳng vội vàng gì đến đó) hình như ông chưa cho như thế đã là khổ cho mẹ con nó lắm rồi, nên ông mới bắt đầu huấn luyện cho nó chứ gì? Ông bắt đầu bằng cách bắt nó phải phục tùng, ông bỏ nó vào lồng, ông làm cho nó chết dần chết mòn bằng cách bắt nó phải hát theo điệu hát của ông. Đúng chưa nào?".

"Quả thực là điên rồ hay là say rượu mới nói như thế". Cô Mơcxtôn nói trong cảnh tuyệt vọng vì không thể nào làm cho cô tôi hướng mũi về phía mình và tôi ngờ rằng cô ta say.

Cô Bétxi không hề chú ý đến việc cô Mơcxtôn ngắt lời mình, vẫn tiếp tục nói với ông Mơcxtôn:

"Ông Mơcxtôn", cô tôi vẫy ngón tay trỏ về phía ông, "ông đã biến thành một tên bạo quân đối với con bé ngây thơ kia và ông đã làm cho con tim nó tan nát. Nó là một đứa bé dễ thương, tôi biết như thế và tôi biết điều đó từ lâu trước khi ông thấy nó, thế mà ông lại đã chọn chỗ nhược điểm nhất của nó để đánh những đòn chí mạng làm cho nó chết. Sự thực là thế đấy, tôi xin nói cho ông rõ, dù ông thấy thích hay không cũng mặc. Và ông và những kẻ là công cụ của ông có thể tận dụng kinh nghiệm ấy".

Cô Mơcxtôn ngắt lời:

"Cô cho phép tôi hỏi cô dùng cái danh từ kỳ quặc mà tôi không quen nghe: "Công cụ của em tôi" để ám chỉ ai đấy?"

Cô Bétxi vẫn giả vờ không nghe gì và vẫn cứ trơ trơ:

"Như tôi đã nói với ông, rõ rệt là đã nhiều năm trước khi ông thấy nó (và tại sao tạo hóa lại xếp đặt một cách huyền bí để cho ông không thấy nó thì quả là điều lý trí con người không thể hiểu được), rõ ràng là con bé tội nghiệp hiền lành kia trước sau gì cũng tái giá. Nhưng tôi hy vọng rằng việc này sẽ không đưa đến những kết quả tai hại như thế. Đó là lúc nó đã sinh thằng bé này, thưa ông Mơcxtôn, cái thằng bé tội nghiệp mà về sau thỉnh thoảng ông lại đem ra hành hạ để làm cho mẹ nó khổ sở. Nó là một cái kỷ niệm không thú vị, nên nhìn thấy nó là ông khó chịu. Khốn nạn! Ông cau mày làm gì", cô tôi tiếp tục, "ông không cau mày tôi cũng thừa biết là đúng".

Trong suốt thời gian này, ông Mơcxtôn đứng ở gần cửa nhìn cô tôi chăm chú miệng mỉm cười nhưng đôi lông mày đen cau nhíu lại. Bấy giờ tôi nhận thấy rằng trong khi đang cố mỉm cười, mặt ông ta đột nhiên tái mét và có vẻ thở hổn hển, như một người vừa chạy xong. Cô tôi nói:

"Xin chào ông! Và từ biệt". Và đột nhiên quay về phía bà chị, cô tôi nói: "Chào cả cô nữa. Nếu tôi còn thấy cô cưỡi lừa đi qua bồn cỏ nhà tôi thì thế nào tôi sẽ vứt mũ ném xuống đất và lấy chân mà chà. Tôi không nói đùa đâu!"

Phải có một họa sĩ, và một họa sĩ tài giỏi mới có thể diễn tả được bộ mặt của cô tôi trong khi cô tôi phát biểu cái tư tưởng hết sức đột ngột ấy, cũng như bộ mặt của cô Mơcxtôn khi nghe nói. Nhưng giọng nói của cô tôi cũng hung tợn chẳng kém gì nội dung câu nói, cho nên cô Mơcxtôn chẳng nói chẳng rằng, len lén nắm lấy tay em và vênh váo bước ra khỏi nhà. Cô tôi vẫn đứng ở cửa sổ nhìn họ đi. Tôi biết chắc cô tôi sẵn sàng thực hiện điều hăm dọa nếu con lừa lại xuất hiện. Nhưng vì không ai tìm cách thách thức cô tôi, nên gương mặt cô tôi tươi dần và có vẻ đáng yêu đến nỗi tôi đánh bạo ôm hôn cô và cảm ơn. Tôi làm điều đó rất thật tình lấy hai tay bá lấy cổ tôi. Đoạn tôi bắt tay ông Đích và ông bắt tay tôi ríu rít, và chào mừng kết quả may mắn này của các biến cố bằng những tràng cười ròn rã. Cô tôi nói với ông Đích:

"Ông với tôi sẽ cũng bảo lĩnh thằng bé này".

"Tôi rất sung sướng được làm người bảo lĩnh cho đứa con của Đêvít", ông Đích nói.

"Tốt lắm", cô tôi nói, "công việc như thế là xong. Tôi đang nghĩ đến một việc ông Đích ạ. Tôi có thể gọi nó là Trốtut được không?"

"Cố nhiên cứ gọi nó là Trốtut chứ" ông Đích nói "Trốtut con Đêvít".

"Ông nói Trốtut Copơphin chứ?" Cô tôi hỏi.

“Cố nhiên. Vâng Trốtut Copơphin”, ông Đích nói, hơi sửng sốt.

Cô tôi rất lấy làm khoái chí về ý nghĩ này đến nỗi cô thân hành viết bằng mực giặt không phai vào những áo quần may sẵn mà chiều ý người ta mua cho tôi hai chữ “Trốtut Copơphin” trước khi tôi mặc vào người, và người ta đã quyết định tất cả những quần áo khác cắt may theo người (cả một mớ áo quần đặt may chiều hôm ấy) cũng sẽ mang nhãn ấy.

Và thế là tôi bắt đầu một cuộc đời mới với một cái tên mới và giữa những sự việc hầu hết đều mới mẻ đối với tôi. Bây giờ một khi tình trạng ngờ vực đã qua, tôi cảm thấy trong bao nhiêu ngày như mình sống trong giấc chiêm bao. Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi có hai người đỡ đầu kỳ quặc là ông Đích và cô tôi. Tôi không nghĩ gì rõ rệt về phần tôi. Có hai việc hiện ra rõ rệt nhất ở trong óc tôi, đó là cuộc đời ở Blơnđơxtôn nay đột nhiên đã thành xa lơ xa lắc - hình như nó nằm trong đám sương mù, một nơi nào xa tít và một tấm màn đã vĩnh viễn rơi xuống cuộc đời của tôi ở Công ty Mơcxtôn và Grinbi. Từ bấy giờ không ai vén tấm màn này lên nữa. Ngay trong khi kể lại ở đây, tôi cũng vén nó lên một chốc một cách ngại ngùng và vui vẻ buông nó xuống. Kỷ niệm của cuộc đời ấy làm cho tôi đau đớn quá, nó bắt tôi khổ sở về tâm hồn và tuyệt vọng đến nỗi tôi không bao giờ có đủ can đảm nhìn xem tôi đã phải chịu đựng nó bao lâu. Nó kéo dài một năm, hơn một năm hay ít hơn, tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng điều đó đã xảy ra và thôi không xảy ra nữa, và tôi đã nói nó rồi và không nhắc đến nó nữa.

Chương XV
TÔI LẠI BẮT ĐẦU

Chẳng bao lâu, ông Đích và tôi trở nên đôi bạn chí thân, và nhiều khi, sau công việc hàng ngày của ông đã xong, chúng tôi kéo nhau ra ngoài thả cái diều to tướng. Ngày nào trong đời ông cũng ngồi một hồi lâu để viết quyển "Hồi ký" của mình. Nhưng công việc này chẳng tiến được bước nào, dù ông có làm việc kỳ khu đến đâu, bởi vì chỉ trong chốc lát là vua Sáclơ đệ nhất lại lọt vào đầu óc ông, và thế là ông phải bỏ "Hồi ký" để viết một cái khác. Nhìn thái độ kiên nhẫn và hy vọng của ông trước những thất vọng liên tiếp, nhìn ông bất lực không sao xua đuổi vua Sáclơ đệ nhất ra khỏi quyển "Hồi ký", ở đấy ông cảm thấy mang máng rằng sự có mặt của vua Sáclơ là quái gở. Thấy ông vua kia luôn luôn xuất hiện trong tập "Hồi ký" làm cho tất cả các kết cấu của tác phẩm bị xáo trộn hết, tôi rất cảm động. Quyển "Hồi ký" này nếu viết xong thì ông Đích sẽ dùng để làm gì, sẽ gửi nó đi đâu, ông sẽ chờ đợi nó đem đến những kết quả gì? Tôi nghĩ rằng ông Đích không biết điều đó cũng được cũng như bất kỳ ai. Vả chăng, ông hoàn toàn không cần phải bận tâm về những câu hỏi như vậy, bởi vì nếu như trên đời có một điều gì chắc chắn thì đó là quyển "Hồi ký" này sẽ không bao giờ xong.

Nhìn ông Đích theo dõi cái diều khi diều đang bay trên bầu trời lồng lộng, thật là một cảnh tượng đến cảm động. Khi ngồi trong phòng, ông bảo tôi rằng ông tin cái diều sẽ truyền bá những ý kiến ông dán ở trên (vì những tờ này chính là những tờ "Hồi ký" đã vứt bỏ.) Có lẽ ý nghĩ kỳ quặc ấy thỉnh thoảng cũng đến với ông, nhưng ông đã quên bẵng điều đó mỗi khi đứng ngoài trời, mắt nhìn lên cái diều vòi vọi trên trời cao và cảm thấy sợi dây của nó đang giật giật trong tay. Lúc bây giờ vẻ mặt ông bình thản vô cùng. Buổi chiều khi đứng bên cạnh, trên sườn đồi cỏ xanh mơn mởn, và cứ nhìn ông theo dõi cái diều bay trên trời cao tít trong không khí yên lặng, trí óc non nớt của tôi có cảm tưởng rằng nó đang mang tinh thần ông lên bầu trời cao tít. Mỗi lần ông cuốn sợi dây và cái diều cứ hạ xuống dần, rời khỏi ánh sáng rực rỡ để cuối cùng rơi xuống nằm run rẩy trên mặt đất như một con vật chết, ông Đích dường như dần dần bừng tỉnh khỏi một giấc mơ, và tôi hồi tưởng thấy ông nhặt cái diều đoạn đưa mắt nhìn quanh có vẻ hốt hoảng dường như bản thân ông cũng vừa rơi tõm xuống đất đến nỗi trong thâm tâm tôi ái ngại cho ông quá.

Trong khi càng ngày càng được ông Đích yêu mến, tôi cũng được người bạn chân thành của tôi là cô tôi yêu quý không kém. Cô tôi đối xử với tôi thân mật đến nỗi sau vài tuần cô rút ngắn cái tên tôi mới chấp nhận là Trốtut thành Trốt và thậm chí khuyên tôi hãy hy vọng rằng nếu cứ ngoan ngoãn như từ trước đến giờ, thì tôi có thể được cô tôi yêu như chị Bétxi Trốtut của tôi.

Một buổi tối, khi bàn cờ song lục đã đặt lên bàn như mọi ngày để cho cô tôi và ông Đích chơi, cô tôi nói:

"Trốt ạ, không thể nào quên lãng việc học hành của cháu được".

Điều đó là điều duy nhất làm tôi băn khoăn lo lắng, cho nên khi cô tôi nhắc đến thì tôi mừng quýnh. Cô tôi nói:

"Cháu có muốn đi học ở Cantơbơri không?"

Tôi trả lời rằng tôi rất thích được đi học ở đấy, vì học ở đấy sẽ được gần cô. Cô tôi nói:

"Được, cháu có muốn đi ngay ngày mai không?"

Việc làm của cô tôi vẫn thường nhanh chóng như vậy. Tôi đã quen với điều đó nên cũng không ngạc nhiên trước đề nghị đột ngột này. Tôi đáp:

“Thưa, có ạ”.

“Thế thì tốt lắm!” Cô tôi lại nói tiếp: “Jannét, chị đi thuê chiếc xe ngựa và con ngựa xám để mười giờ sáng mai ta đi, và sắp xếp quần cho cậu Trốtut ngay tối nay.”

Nghe cô tôi ban bố những mệnh lệnh ấy, tôi sướng mê, nhưng con tim tôi lại trách rằng tôi ích kỷ khi tôi nhận thấy ảnh hưởng của nó đối với ông Đích. Ông nghĩ đến cảnh tượng sắp phải chia tay mà đâm nản, do đó đã chơi cờ tồi đến nỗi, sau khi lấy cái hộp đựng “đê”[1] gõ lên ngón tay ông mấy lần để cảnh cáo, cô tôi bèn xếp bàn cờ lại không chịu chơi với ông nữa. Nhưng khi nghe cô tôi nói rằng thỉnh thoảng ngày thứ bảy tôi sẽ được về nhà, còn ông thỉnh thoảng cũng có thể đến thăm tôi vào ngày thứ tư, thì ông bỗng tươi tỉnh hẳn lên. Ông hứa sẽ làm cho tôi một cái diều mới, kích thước to hơn nhiều so với cái diều cũ để thả chơi vào dịp ấy. Sáng hôm sau, ông lại ỉu xìu xìu và sẵn sàng cho tôi cả số tiền ông có, cả những đồng tiền vàng cũng như những đồng tiền bạc, nếu như cô tôi đã không cản lại và chỉ cho ông tặng tôi năm si-linh mà thôi. Nhưng vì ông khẩn khoản yêu cầu nên sau đó số tiền này đã được nâng lên mười si-linh. Chúng tôi chia tay bên hàng chấn song ở cửa vườn hết sức thân mật, và ông Đích chỉ bước vào nhà sau khi chiếc xe ngựa do có tôi đánh đã mang tôi đi khuất.

Cô tôi phớt tỉnh dư luận, cứ đánh con ngựa xám đi qua các đường phố thành Đôvơ một cách rất cừ, cô cũng ngồi thẳng tắp và ngất nghểu như một người đánh xe của nhà nước, đôi mắt luôn luôn để ý đến con ngựa và kiên quyết không cho nó được tự do một phút. Nhưng khi đã ra đến ngoại thành thì cô cũng để cho nó đi thong thả đôi chút. Cô cúi xuống nhìn tôi trong khi tôi đang ngồi bên cạnh, lọt thỏm trong cả một thung lũng những gối là gối, và cô hỏi tôi có sung sướng không? Tôi nói:

“Cháu sung sướng lắm cô ạ, cháu cảm ơn cô lắm.”

Cô tôi rất hài lòng, nhưng vì cả hai tay đều bận nên cô tôi lấy cái roi ngựa gõ gõ lên đầu tôi. Tôi hỏi:

“Trường ấy có to không hở cô?”

“Của đáng tội cô cũng có biết đâu. Ta hãy đến ông Uýchơphin trước đã.”

“Có phải ông ta quản lý một cái trường không ạ?” Tôi hỏi.

“Không! Ông ta coi một phòng quản lý văn khế.”

Thấy cô tôi không cho tôi biết một chi tiết nào khác về ông Uýchơphin, nên tôi cũng thôi không hỏi về chuyện ấy nữa. Chúng tôi nói những chuyện khác cho đến khi tới Cantơbơri. Hôm ấy là phiên chợ, cô tôi có dịp cho con ngựa xám len vào giữa những chiếc xe bò, những rổ rá, rau cỏ và hàng hóa của những người bán rong. Chúng tôi đi quanh co ngoặt ngoẹo sát từng ly một làm cho những người đi quanh đấy xì xào, mà những lời này không phải bao giờ cũng là khen ngợi cả, nhưng cô tôi vẫn phớt tỉnh, tiếp tục cho xe đi và tôi tin rằng cô tôi sẽ đi theo con đường mình đã chọn dù là qua một nước thù địch, cũng điềm nhiên như vậy.

Cuối cùng, chúng tôi dừng lại trước một ngôi nhà cổ kính nhô ra ngoài đường. Đó là một ngôi nhà có những cửa sổ dài và thấp đan mắt cáo còn nhô ra ngoài đường hơn nữa, và những cái cột trên đầu có những hình chạm trổ cũng nhô ra ngoài đến nỗi tôi tưởng tượng toàn bộ ngôi nhà đang chồm ra phía trước để cố nhìn những gì diễn ra trên lề đường chật hẹp. Ngôi nhà sạch như chùi. Cái búa gõ cửa bằng đồng đã quá thời ở trên cái cửa thấp và cong chạm hình hoa và quả lấp lánh như một ngôi sao; hai bậc thềm bằng đá đi xuống đến cửa ra vào trắng tinh như bọc vải mỏng, ở tất cả các gác, tất cả các mũi nhọn, tất cả các chỗ chạm trổ, tất cả những chỗ đắp lồi, tất cả các tấm kính nhỏ đều ngộ nghĩnh, cũng như tất cả các cửa kính nhỏ còn ngộ nghĩnh hơn nữa, tuy đã cũ kỹ không biết từ đời thuở nào, và

tất cả những thứ này đều sạch bóng như tuyết rơi trên đời.

Khi chiếc xe ngựa dừng lại trước cửa lớn và đôi mắt tôi dán vào ngôi nhà, tôi bỗng thấy ở cái cửa nhỏ của tầng dưới cùng (cửa này ở trong một cái tháp nhỏ tròn làm thành một góc của ngôi nhà) xuất hiện một bộ mặt xanh xao, rồi cái mặt này bỗng biến đi mất. Cánh cửa tháp, cong mở ra bộ mặt kia lại thò ra. Nó cũng vẫn xanh xao gầy gò như khi nãy, mặc dầu trên lớp da cũng có đôi chút ánh đỏ như người ta thường thấy trên lớp da của những người tóc đỏ. Bộ mặt này là của một anh chàng tóc đỏ, một anh chàng mười lăm như bây giờ tôi đoán, nhưng có vẻ già hơn nhiều, tóc cắt cụt như những đụn rạ bị cắt cụt nhất, hắn hầu như không có lông mày và đặc biệt không có lấy một sợi lông mi. Mắt hắn màu nâu và đo đỏ, trơ trẽn quá đến nỗi lúc ấy tôi đã tự hỏi là làm sao mà hắn có thể ngủ được kia chứ. Hắn gầy khẳng khiu, đôi vai rộng, mặc một bộ đồ đen chững chạc, thắt chiếc ca-vát trắng bé tí xíu, cúc áo cài lên tận sát cằm. Hai bàn tay hắn dài ngoẵng và gầy giơ xương đã khiến tôi đặc biệt chú ý khi hắn đứng cạnh con ngựa, lấy bàn tay xoa xoa lên cằm đoạn ngước mắt nhìn chúng tôi đang ngồi trên xe; cô tôi hỏi:

"Anh Ura Híp, ông Uýchơphin có nhà không?"

"Thưa cô, ông Uýchơphin có nhà đấy ạ. Mời cô quá bộ vào phòng này."

Rồi hắn giơ bàn tay dài ngoẵng chỉ căn phòng mà hắn muốn nói.

Chúng tôi xuống xe và để hắn giữ ngựa, chúng tôi bước vào một phòng khách dài và thấp trông ra đường. Khi bước vào, qua cửa sổ tôi thoáng thấy Uria Híp đang thổi vào mũi con ngựa rồi lập tức lấy tay che mũi nó, dường như hắn muốn phù phép gì đó thì phải. Trước mặt chiếc lò sưởi cao, cũ kỹ, có hai bức chân dung: bức chân dung của một người tóc hoa râm (tuy không có vẻ gì là già) có đôi lông mày đen, đang nhìn những giấy tờ được buộc lại bằng một sợi dây đỏ và bức chân dung của một bà đang nhìn tôi với nét mặt rất dịu dàng, thùy mị.

Tôi đang nhìn quanh nhìn quẩn để tìm bức chân dung của Uria Híp, thì đột nhiên ở đầu đằng kia phòng, cánh cửa mở ra và một người bước vào. Vừa thoáng thấy ông ta, tôi liền quay lại phía bức chân dung thứ nhất để hoàn toàn yên trí rằng ông ta không phải từ trong cái khung ảnh đó bước ra. Cái khung ảnh không cử động và khi ông tiến về phía ánh sáng, tôi mới thấy rằng ông già hơn mấy tuổi so với khi ông nhờ vẽ bức chân dung này. Ông nói:

"Cô Bétxi Trốtut, mời cô vào. Tôi đang bận một lát, mong cô thứ lỗi cho; chắc cô hiểu động cơ gì làm tôi bận tâm như vậy. Tôi chỉ có một động cơ trên đời."

Cô Bétxi cảm ơn ông và chúng tôi bước vào phòng làm việc của ông. Phòng này bầy biện như mọi bàn giấy, đầy những sổ sách, giấy tờ, những chiếc hộp bằng sắt tây v.v… Căn phòng nhìn ra vườn và có một két sắt ăn sâu vào trong tường, đứng trên lò sưởi, khiến tôi phải tự hỏi, những anh nạo ống khói làm thế nào để có thể đi quanh cái két sắt ấy mà làm việc được. Ông Uýchơphin (chỉ trong chốc lát tôi đã biết ông là một luật sư và ông quản lý ruộng đất cho một điền chủ giàu có trong quận) nói:

"Thế nào cô Trốtut, ngọn gió nào đã đưa cô đến đây thế? Một ngọn gió tốt lành đấy chứ?"

"Phải", cô tôi đáp, "tôi đến đây không phải vì chuyện kiện cáo gì đâu."

"Thế lại càng hay cô ạ", ông Uýchơphin nói, "đến vì bất kỳ chuyện gì cũng vẫn hơn là chuyện ấy".

Lúc này, tóc ông đã bạc phơ, nhưng lông mày vẫn đen. Khuôn mặt ông trông rất dễ thương, và theo con mắt của tôi, thì rất đẹp. Nước da của ông có cái vẻ hồng hào mà từ lâu, nhờ chị Pécgôti dạy, tôi đã biết màu da đó là do uống rượu poóc-tô mà có. Tôi có cảm tưởng rằng rượu poóc-tô đã có ảnh hưởng ngay cả trong giọng nói của ông và sự phát phì đang chớm nở ở ông chắc cũng do nguyên nhân ấy thôi,

ông mặc một bộ đồ màu lam rất diêm dúa, một chiếc gi-lê kẻ sọc, một chiếc quần bằng lụa Thượng hải, còn chiếc sơ-mi xinh xắn gấp nếp như tổ ong của ông cũng như cái khăn quàng cổ bằng vải gai mịn cũng có cái vẻ dịu dàng và trắng muốt đặc biệt làm cho trí tưởng tượng miên man của tôi nhớ đến những chiếc lông tơ trên cổ những con thiên nga. Cô tôi nói:

"Đây là thằng cháu của tôi."

"Thế mà tôi không biết cô có cậu cháu kia đấy, cô Trốtut ạ", ông Uýchơphin nói.

"Đúng hơn, nó là thằng cháu gọi tôi bằng bà", cô tôi nói vậy.

"Tôi cũng không biết cô có một cậu cháu như thế, tôi cam đoan thế", ông Uýchơphin nói.

"Tôi đã nhận nó làm cháu", cô tôi vừa nói vừa xoa tay dường như muốn bảo rằng việc ông ta biết hay không đối với cô tôi thì cũng chẳng can hệ gì cả, "và tôi đưa nó đến đây là để cho vào học một trường, ở đấy nó sẽ được học hành cẩn thận và được đối đãi tử tế. Ông cho biết ở đâu có một cái trường như vậy, và cho biết mọi điều cần thiết về vấn đề này."

"Trước khi có thể khuyên cô thực đúng đắn, tôi phải hỏi cái câu hỏi thường ngày mới được. Cô làm việc này vì động cơ gì?" Ông Uýchơphin hỏi.

"Rõ khỉ, người đâu mà lại ăn nói thế?" Cô tôi nói to: - "Cứ luôn luôn lo đi tìm động cơ bí ẩn trong khi động cơ thực tế sờ sờ trước mắt! Thì để cho thằng bé thành con người có ích và được sung sướng, chứ còn động cơ nào nữa?"

Ông Uýchơphin lắc đầu nở một nụ cười ngờ vực.

"Tôi nghĩ rằng thế nào cũng có một động cơ gì đi kèm theo."

"Động cơ với động kiếc!" Cô tôi đáp. "Ông cho rằng ông có một động cơ duy nhất và đơn giản trong tất cả những việc ông làm. Chắc hẳn ông không cho mình là con người trung thực duy nhất trên trái đất này chứ?"

"Phải đấy, tôi thì chỉ có một động cơ duy nhất trong đời thôi cô ạ", ông trả lời, mỉm cười. "Những người khác họ có hàng chục, hàng tá, hàng trăm, chứ tôi chỉ có một động cơ duy nhất. Sự khác nhau là ở đấy! Nhưng thôi, nói thế này thì lạc đề mất. Cô hỏi trường nào là tốt nhất à? Dù động cơ của cô là thế nào đi nữa, cô cũng muốn cái trường tốt nhất chứ gì?"

Cô tôi gật đầu tán thành, ông Uýchơphin nói, có vẻ nghĩ ngợi:

"Thằng cháu của cô hiện nay không thể vào cái trường tốt nhất của thành phố chúng ta với tính cách là học sinh ký túc."

"Thế thì nó vẫn có thể trọ ở chỗ khác chứ?" Cô tôi gợi ý.

Ông Uýchơphin cho là có thể được. Sau khi bàn bạc một lát, ông ta đề nghĩ sẽ đưa cô tôi đến trường để thân hành nhìn tận mắt và nhận xét; đồng thời đưa cô tôi đến hai hay ba nhà, ở đấy ông cho là tôi có thể ở trọ được. Cô tôi đồng ý, chúng tôi sắp ra đi, bỗng ông ta dừng lại nói:

"Ông bạn nhỏ của chúng ta có thể có một động cơ để chống lại những sự sắp xếp của chúng ta. Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên mang cậu ấy đi thì hơn."

Cô tôi có vẻ sẵn sàng phản đối lại điều đó, nhưng để cho công việc trôi chảy, tôi nói rằng tôi sẵn lòng ở nhà một mình nếu như hai người muốn, đoạn tôi quay vào phòng giấy của ông Uýchơphin và tôi lại ngồi trên chiếc ghế lúc nãy đã ngồi để chờ hai người về.

Chiếc ghế này đặt đối diện với một hành lang hẹp dẫn đến một căn phòng nhỏ hình tròn, ở đó tôi đã

thấy bộ mặt xanh xao của Uria Híp ló ra ngoài. Sau khi dẫn ngựa vào chuồng gần đấy, Uria đã quay lại làm việc trước một bàn giấy, trên đó có một cái khung bằng đồng để giữ giấy tờ và có tập bản thảo mà hắn đang chép lại. Đầu hắn quay về phía tôi, lúc đầu tôi tưởng rằng tập bản thảo ngăn cách chúng tôi không cho hắn nhìn thấy tôi, nhưng khi nhìn lại chăm chú hơn về hướng này, tôi bực mình nhận thấy cặp mắt mất ngủ của hắn chốc chốc lại hiện ra trên tờ giấy như hai ngôi sao đỏ lén lút nhìn tôi, ít nhất là một phút một lần, trong khi ngòi bút vẫn chạy, hay giả vờ chạy, nhanh nhẹn như thường. Tôi đã nhiều lần tìm cách thoát khỏi cái nhìn ấy (chẳng hạn đứng lên một cái ghế để nhìn một tấm bản đồ ở bên kia phòng, hay cúi đầu mê mải xem những cột báo của một tờ báo ở Kentơ), nhưng cặp mắt hắn vẫn thu hút tôi và mỗi khi mắt tôi hướng về phía hai ngôi sao đỏ kia là thế nào cũng thấy chòng chọc mọc lên hoặc lặn ngay trong lúc đó.

Cuối cùng, may mắn làm sao, cô tôi và ông Uýchơphin trở về sau khi vắng mặt một hồi lâu. Họ không thu được kết quả hoàn toàn như tôi mong muốn bởi vì nếu như trường học có những ưu điểm không thể chối cãi, thì cô tôi vẫn không bằng lòng cho tôi ở trọ ở bất kỳ nhà nào mà người ta đề nghị cho tôi đến ở.

"Rõ tiếc!" Cô tôi nói, "Cô không biết làm thế nào cả, Trốt ạ".

"Quả là đáng tiếc", ông Uýchơphin nói - "Nhưng tôi sẽ nói có thể làm gì, cô ạ."

"Việc gì thế?" Cô tôi hỏi.

"Bây giờ tạm thời hãy cứ để em nó ở đây. Em có vẻ hiền lành. Em sẽ không quấy rầy tôi gì đâu. Ở nhà này mà học hành thì rất tốt: nó cũng yên tĩnh như một tu viện và cũng rộng rãi gần như thế. Cứ để em nó ở đây."

Đề nghị này dĩ nhiên làm cho cô tôi rất vừa ý, tuy cô tôi ngần ngại sợ phiền nên chưa dám nhận, về phần tôi cũng thế. Ông Uýchơphin nói:

"Thôi, thế này vậy nhé, đây là cách để thoát ra khỏi tình trạng bế tắc này, chỉ là sự thu xếp tạm thời, cô có hiểu không? Nếu như thế này vẫn không ổn, nếu như điều này bất tiện cho cô và tôi thì thay tôi cũng dễ thôi. Trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ có thời giờ tìm một nơi tốt hơn cho em. Bây giờ tốt nhất là cứ để em nó ở đây."

"Tôi rất cảm ơn ông", cô tôi nói, "và cháu nó cũng vậy, nhưng mà…"

"Thôi đi, tôi hiểu cô muốn nói gì rồi", ông Uýchơphin nói. "Tôi không muốn cô mang ơn mang huệ gì đâu, cô ạ. Cô cứ trả tiền trọ cho em nếu cô muốn, tôi không kỳ kèo về giá cả đâu - Nhưng nếu cô muốn thì cô cứ trả".

"Nếu thế thì được", cô tôi nói. "Tuy vậy điều đó cũng không làm giảm ơn huệ ông đối với tôi, tôi rất sung sướng được để cháu nó ở lại đây."

"Bây giờ mời cô đến đây xem cô nội trợ tí xíu của tôi", ông Uýchơphin nói.

Chúng tôi đi lên một chiếc cầu thang cổ đẹp tuyệt trần, chỗ tay vịn rộng đến nỗi chúng tôi có thể đi trên đó cũng dễ dàng như đi trên cầu thang vậy. Chúng tôi tới một phòng khách cổ kính được chiếu sáng lờ mờ bởi ba bốn cánh cửa ngộ nghĩnh mà tôi đã thấy từ khi đứng ngoài đường ngước mắt nhìn lên. Dưới những cửa sổ này có những chiếc ghế dài cũ bằng gỗ sồi, hình như cũng làm bằng một thứ gỗ với chiếc sân sáng bóng loáng và những dầm cột to tướng ở trần. Đấy là một căn phòng bày biện xinh xắn có một chiếc đàn dương cầm có những bàn ghế màu sắc tươi mát được bọc bằng vải hoa xanh, đỏ. Phòng này dường như chỉ gồm toàn những chỗ lồi ra thụt vào, và cứ ở trong mỗi góc, mỗi chỗ lồi ra thụt vào như vậy lại có một thứ đồ đạc kỳ quặc, chẳng hạn như cái bàn con, cái tủ đựng thức ăn, cái tủ

sách, cái ghế, hay không biết bao nhiêu thứ khác khiến tôi nghĩ rằng không có góc nào thú vị cho bằng, cho đến khi tôi nhìn cái góc tiếp theo thì thấy nó thú vị chẳng kém nếu không phải là thú vị hơn. Tất cả mọi vật ở đây đều có cái vẻ sạch sẽ và êm ả mà người ta thấy ở phía ngoài ngôi nhà.

Ông Uýchơphin gõ vào một cánh cửa ở một góc tường lát gỗ, và một cô gái nhỏ vào trạc tuổi tôi liền nhanh nhẹn bước ra, đến ôm hôn ông ta. Trên gương mặt cô tôi nhận thấy ngay những nét dịu dàng thùy mị của người đàn bà mà tôi đã nhìn thấy chân dung ở tầng dưới. Tôi tưởng tượng rằng dường như bức chân dung đã thành người đàn bà, còn trái lại người mẫu thì vẫn là trẻ con. Mặc dầu gương mặt cô bé rất vui vẻ, tươi tắn, trên gương mặt cũng như toàn bộ con người cô toát ra ấn tượng về một cái gì êm dịu làm người ta liên tưởng đến sự nghỉ ngơi, lòng nhân từ và sự yên tĩnh, điều mà, tôi chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ quên.

Ông Uýchơphin giới thiệu với chúng tôi đấy là cô nội trợ tí hon của ông, cô bé Ácnét. Nghe giọng ông khi nói câu ấy và cử chỉ ông nắm tay cô bé, tôi đoán biết ngay động cơ duy nhất của ông là cái gì.

Cô có một cái làn tí xíu đựng đồ lặt vặt buộc lủng lẳng vào thắt lưng, ở đấy có những chiếc chìa khóa, trông đứng đắn và nghiêm chỉnh ra vẻ người nội trợ của ngôi nhà cổ kính này lắm. Khi ông nói về tôi, cô bé lắng nghe cha với vẻ mặt dễ thương và khi ông vừa dứt lời, cô liền đề nghị cô tôi lên xem phòng của tôi; chúng tôi theo cô bước lên. Đó là một căn phòng cổ kính, xinh tuyệt, với những cột bằng gỗ sồi, những tấm kính hình thoi và cái tay vịn to tướng của cầu thang đưa lên mãi đến đấy.

Tôi không nhớ lúc còn nhỏ tôi có thấy một cái cửa kính ghép ở trong nhà thờ lúc nào hay ở đâu. Tôi cũng không nhớ nó miêu tả đề tài gì. Nhưng tôi nhớ, khi thấy cô ta quay lại dưới ánh sáng trang nghiêm của cái cầu thang cổ kính và đứng trên cao đợi chúng tôi, tôi bỗng nghĩ đến cái hình ảnh ấy và trong óc tôi, ánh sáng dịu dàng của nó vĩnh viễn gắn chặt với con người của cô Ácnét Uýchơphin.

Cô tôi cũng sung sướng như tôi về chỗ ăn ở của tôi đã thu xếp xong và chúng tôi rất hài lòng, vui sướng trở về phòng khách. Vì cô tôi không muốn nghe nói đến việc ở lại ăn trưa, sợ phải đánh con ngựa xám về nhà khi về tối (vả lại ông Uýchơphin cũng thừa hiểu tính tình của cô tôi nên không thảo luận gì với cô tôi) cho nên người ta mời cô tôi ăn lót dạ ở ngay phòng khách, còn Ácnét trở lại với cô giáo của cô, và ông Uýchơphin lại bước vào phòng giấy của mình. Thế là chỉ còn lại chúng tôi và chúng tôi có thể từ biệt nhau không chút ngượng ngùng.

Cô tôi nói với tôi rằng ông Uýchơphin sẽ lo liệu tất cả cho tôi và tôi sẽ không thiếu thốn gì hết. Đoạn cô tôi nói với tôi những lời hết sức âu yếm và cho tôi những lời khuyên nhủ quý báu nhất. Cô tôi kết luận:

"Trốt, cháu phải cố gắng làm vinh dự cho cô, cho ông Đích cũng như cho cháu, và cầu Chúa phù hộ cháu!"

Tôi rất cảm động, chỉ biết cám ơn cô rối rít và nhờ cô chuyển lời chào thân mật đến ông Đích. Cô tôi nói:

"Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được làm những điều hèn hạ, đừng bao giờ nói dối, đừng bao giờ tàn nhẫn. Cháu tránh ba thói xấu ấy Trốt ạ, và thế là cô có thể tin tưởng ở cháu."

Tôi hứa sẽ không phụ lòng tốt và không quên những lời căn dặn của cô tôi. Cô tôi nói:

"Con ngựa đang ở ngoài cửa, cô đi đây. Cháu cứ ở đấy."

Nói đoạn, cô tôi vội vàng hôn tôi, bước ra khỏi phòng và đóng cửa lại. Lúc đầu tôi sửng sốt thấy cuộc từ biệt đột ngột quá nên sợ có điều gì làm phật ý cô tôi chăng, nhưng khi nhìn ra đường thấy cô tôi rầu rĩ bước lên xe và đánh xe đi không ngước mắt lên, tôi hiểu cô tôi hơn và không có ý nghĩ bất

công đối với cô tôi nữa.

Đến năm giờ chiều (giờ ăn chiều của ông Uýchơphin), tôi đã có đủ can đảm như cũ và sẵn sàng ngồi lại bàn ăn. Chỉ có dao nĩa cho hai chúng tôi mà thôi, nhưng Ácnét vẫn đợi ở trong phòng khách trước bữa ăn và cùng cha cô vào phòng khách và ngồi trước mặt cha cô. Tôi tự hỏi không có cô không biết ông có ăn được không?

Sau bữa ăn, chúng tôi lên phòng khách và ở đấy trong một góc nhà ấm cúng, Ácnét đã sắp sẵn cho cha những chiếc cốc và một bình rượu poóctô. Tôi có ý nghĩ rằng nếu như một bàn tay nào khác đặt rượu ở đây cho ông uống, ông sẽ cảm thấy hương vị của rượu không giống như hương vị thường ngày.

Ông ngồi uống rượu poóctô (ông uống khá nhiều suốt hai tiếng đồng hồ trong khi Ácnét chơi dương cầm, làm việc và nói chuyện với chúng tôi. Thường thường ông Uýchơphin tỏ ra vui vẻ và sôi nổi, nhưng đôi khi, đôi mắt ông đăm đăm nhìn cô và ông bỗng trở nên mơ màng, trầm lặng. Cô con gái nhận thấy ngay điều đó, và bao giờ cũng làm cho ông ra khỏi tình trạng thờ thẫn bằng một câu hỏi hay một cái vuốt ve. Thế là ông rời khỏi giấc mơ, và lại uống rượu nữa.

Ácnét pha trà và cùng uống với chúng tôi, và sau lúc uống trà, thời gian cũng trôi qua như sau bữa ăn chiều cho đến khi cô đi ngủ. Cha cô ôm hôn cô và khi cô đã đi khỏi, ông sai mang đến vào phòng làm việc. Sau đó tôi cũng đi ngủ.

Nhưng đến tối, tôi cũng xuống cầu thang ra cửa, bước ra ngoài đường một đoạn để nhìn lại lần nữa ngôi nhà cũ kỹ và ngôi nhà thờ xam xám, nhớ lại cái ngày tôi đã đi qua thành phố cổ kính này trong cuộc hành trình của mình, khi đó tôi đã đi qua ngôi nhà hiện nay tôi đang ở mà không hay biết. Khi trở lại, tôi thấy Uria Híp đang đóng cửa phòng làm việc và, vì cảm thấy hàm ân đối với tất cả mọi người, nên tôi bước vào nói chuyện với hắn, và khi chia tay, tôi đã bắt tay hắn. Trời! bàn tay hắn ướt nhờn nhợt và lạnh làm sao! Sờ vào nó cũng dễ sợ như lúc nhìn! Sau đó, tôi xoa tay cho ấm lại và để xóa bỏ cái cảm giác đáng kinh sợ ấy đi.

Bàn tay ấy khó chịu đến nỗi khi bước lên phòng, tôi cảm thấy lành lạnh vì nhớ lại sự ẩm ướt của bàn tay hắn. Khi nhô người ra cửa sổ và nhìn một trong những bức chạm ở trên đầu một cái cột đang nghiêng mặt nhìn tôi, tôi có cảm tưởng rằng đó chính là Uria Híp đã tìm được cách leo lên đến tận đấy và tôi vội vàng đóng sầm cửa lại.

---

[1] Vật lồng ở ngón tay để khâu và thêu.

Chương XVI
TÔI LÀ MỘT ĐỨA TRẺ MỚI MẺ VỀ NHIỀU MẶT

Hôm sau, ăn sáng xong, tôi lại trở lại cuộc đời học sinh. Cùng với ông Uýchơphin, tôi đến nơi sau này tôi sẽ theo học; đó là một ngôi nhà trang nghiêm ở cuối một cái sân, nó có cái vẻ thông thái dường như rất thích hợp với những con quạ khoang và những con quạ lạc đàn từ trên các tháp ở nhà thờ bay xuống để đi đi lại lại ra vẻ thông thái trên nền cỏ của cái sân này. Tôi được giới thiệu với ông thầy mới của tôi là bác sĩ Xtrong.

Tôi có cảm tưởng rằng bác sĩ Xtrong cũng han gỉ như những thanh sắt lớn làm chấn song ở hàng rào quanh ngôi nhà. Ông cũng cứng đờ gần như vậy và cũng nặng trĩu như những cái vại lớn bằng đá đặt cạnh hàng chấn song cách nhau đều đặn trên bức tường gạch đỏ xung quanh sân giống như những cái "trụ" đặt đấy để cho thần thời gian chơi cầu trụ. Ông đang ở trong thư viện (đây tôi muốn nói đến bác sĩ Xtrong), quần áo không được chải kỹ cho lắm, đầu tóc bơ phờ, cái quần ngắn lôi thôi, đôi ghệt dài hở cúc và đôi giày há mõm như những hang đá ở trước lò sưởi. Ông đưa đôi mắt đục lờ về phía tôi (con mắt ấy làm tôi nhớ đến mắt một con ngựa già mù từ lâu đã bị lãng quên trước đây vẫn ăn cỏ ở nghĩa địa Blơnđơxtôn và đi lang thang thất thểu giữa những ngôi mộ). Ông bảo tôi rằng ông rất vui lòng được gặp tôi, đoạn ông giơ tay cho tôi bắt, nhưng tôi không biết làm gì với bàn tay ấy vì nó cứng đờ như khúc gỗ.

Có một cô rất xinh đang làm việc cạnh bác sĩ Xtrong. Ông gọi người ấy là Anni và tôi đoán rằng đó là con gái ông. Cô làm cho tôi hết lúng túng vì cô quỳ xuống xỏ giầy cho ông và cài cúc lại đôi ghệt, cô làm việc này rất nhanh nhẹn và vui vẻ. Khi cô ta đã làm xong và chúng tôi sắp sửa đến lớp học, tôi ngạc nhiên quá vì nghe ông Uýchơphin gọi người thiếu phụ này là "bà Xtrong" khi từ biệt bà ta; và tôi tự hỏi không biết đó là cô con dâu của bác sĩ hay là vợ của ông ta? Vừa lúc đó, bác sĩ Xtrong vô tình đã giải thích cho tôi rõ. Ông dừng lại ở một hành lang, đặt một tay lên vai tôi nói:

"Nhân tiện tôi hỏi ông điều này, ông Uýchơphin, ông đã tìm thấy việc làm gì thích hợp cho ông anh của nhà tôi chưa?"

"Chưa ạ", ông Uýchơphin đáp, "vẫn chưa tìm được".

"Mong ông tìm chong chóng cho, ông ạ" - bác sĩ Xtrong nói, "bởi vì Jắc Manđơn túng bấn và ngồi không; hai việc xấu xa này đôi khi còn gây ra những điều tệ hại hơn nữa. Bác sĩ Oát[1] nói gì nhỉ?" - Bác sĩ Xtrong đưa mắt nhìn tôi và gật gật cái đầu như để đánh nhịp cho lời trích dẫn: "Quỷ sa tăng bao giờ cũng tìm được những việc xấu xa cho những bàn tay rỗi rãi!"

"Ồ, bác sĩ ạ", ông Uýchơphin đáp, "nếu như bác sĩ Oát thạo đời, thì ông ta có thể đã viết đúng đắn như vậy rằng: "Quỷ sa tăng bao giờ cũng tìm được những việc hư hỏng cho những bàn tay bận rộn". Bọn bận rộn cũng làm khá nhiều việc bậy bạ ở trên đời này, ông có thể tin chắc như vậy. Một hai thế kỷ nay, những tay hoạt động nhất đã làm gì để có được tiền tài và quyền lực? Chẳng phải là làm những việc bậy bạ đó sao?"

Bác sĩ Xtrong lấy tay xoa cằm có vẻ tư lự, nói:

"Jắc Manđơn chẳng bao giờ bận rộn cho lắm để có được của cải hay quyền lực".

"Có lẽ thế thực", ông Uýchơphin nói: "Ông vừa kéo tôi trở lại vấn đề, tôi xin lỗi đã đi lạc đề. Không, tôi vẫn chưa làm sao giải quyết số phận của Jắc Manđơn được, tôi nghĩ rằng… (ông ta nói câu này hơi lưỡng lự một chút) tôi hiểu động cơ của ông và điều đó làm cho câu chuyện càng khó khăn hơn".

"Động cơ của tôi ấy à?" Bác sĩ Xtrong nói - "Đấy là tôi muốn tìm một hoàn cảnh thích hợp cho ông anh họ và cũng là một người bạn cũ của Anni."

"Phải, tôi biết lắm", ông Uýchơphin nói, "ở đây hay ở nước ngoài?"

"Ồ!" bác sĩ đáp, có vẻ ngạc nhiên, "tại sao ông Uýchơphin lại nhấn mạnh mấy chữ "ở đây hay ở nước ngoài" đến thế?"

"Có phải ông nói hay ở nước ngoài không?", ông Uýchơphin nói.

"Cố nhiên," bác sĩ đáp, "cố nhiên, điều đó chẳng quan trọng".

"Điều đó không quan trọng ư? Ông không có chủ định riêng hay sao?" ông Uýchơphin hỏi.

"Không!" bác sĩ đáp.

"Không à?" ông Uýchơphin nhắc lại vẻ sửng sốt.

"Không chút nào hết!"

"Không có động cơ nào khiến ông muốn ông ta ở nước ngoài chứ không phải là ở đây hay sao?" ông Uýchơphin hỏi.

"Không." Bác sĩ đáp.

"Tôi phải nói để ông biết rằng, cố nhiên là tôi tin ở ông", ông Uýchơphin kết luận. "Nhiệm vụ của tôi lẽ ra sẽ dễ dàng rất nhiều nếu tôi biết điều đó sớm hơn. Nhưng thú thật với ông, tôi có cảm tưởng khác."

Bác sĩ Xtrong nhìn ông ta có vẻ bối rối và ngờ vực, thái độ này bỗng chốc biến thành một nụ cười, điều đó làm cho tôi rất phấn khởi, vì nó đầy vẻ hiền từ và dịu dàng. Trong nụ cười này có cái vẻ giản dị cũng như trong tất cả cử chỉ của bác sĩ một khi người ta đã đi qua cái vẻ bên ngoài có vẻ trầm tư và suy nghĩ, và điều đó là rất hấp dẫn và đầy hứa hẹn đối với một người học trò trẻ tuổi như tôi. Trong khi vừa nhắc lại "không" và "không chút nào hết" cũng như những lời cam kết chắc chắn và ngắn ngủi khác, ông Xtrong đi trước chúng tôi, bước đi khập khiễng kỳ quặc và tôi nhận thấy ông Uýchơphin có vẻ tư lự và lắc đầu một mình, không biết rằng tôi đang nhìn ông.

Lớp học là một căn phòng khá rộng ở phía yên tĩnh nhất của ngôi nhà, trước khoảng sáu chiếc bình lớn uy nghi, và nhìn ra một cái vườn kín đáo của bác sĩ, ở đấy những quả đào đang chín trên bức tường quay về hướng nam đầy ánh nắng. Ngay đấy có hai cây trầm hương lớn trồng trong những chiếc thùng đặt trên cỏ phía dưới cửa sổ. Những chiếc lá rộng và cứng của cây này (có vẻ như là bằng sắt tây và được sơn) từ bấy giờ đối với tôi là tượng trưng của sự im lặng và cô tịch. Khoảng hai mươi lăm cậu học trò chăm chỉ cúi đầu trên sách khi chúng tôi bước vào, họ đứng lên chào bác sĩ và vẫn đứng yên khi thấy tôi và ông Uýchơphin. Bác sĩ giới thiệu: "Các bạn, đây là Trốtut Copơphin, một cậu học trò mới".

Một cậu Adam nào đó, người đầu lớp, rời khỏi ghế chào đón tôi. Với chiếc cà-vạt trắng, cậu có cái dáng của một ông mục sư trẻ tuổi nhưng rất dịu dàng và niềm nở. Cậu chỉ chỗ ngồi cho tôi và giới thiệu tôi với hai vị giáo sư một cách lịch sự làm cho tôi thoải mái hơn bất kỳ điều gì hết.

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng rằng cái thời gian tôi sống với những cậu bé như vậy, với những người bạn cùng lứa tuổi, không kể Mích Oancơ và thằng Khoai Bột, đã lâu quá nên tôi cảm thấy lạc lõng hơn bao giờ hết. Tôi nhận thấy mình đã trải qua những cảnh ngộ mà họ không thể nào quan niệm được, ở giữa họ tôi đã có được những kinh nghiệm không phù hợp với cái tuổi của tôi, với cái vẻ bên ngoài và địa vị của tôi đến nỗi tôi có cảm tưởng việc tôi đến đây như một cậu học trò nhỏ bình thường là một

hành động láo xược. Trong thời gian ở công ty Mơcxtôn và Grinbi, cho dù thời gian thực tế là bao nhiêu, tôi đã trở nên xa lạ đối với những thứ tiêu khiển và trò chơi của trẻ con đến nỗi tôi cảm thấy vụng về và không có kinh nghiệm trong những việc làm thông thường nhất của đời họ. Tất cả những điều tôi học đều đã bay và đi đâu mất vì suốt ngày đầu óc tôi còn mải bận bịu về những lo toan thấp hèn trong cuộc sống hàng ngày, đến nỗi hôm ấy sau khi người ta hỏi tôi về tình hình những hiểu biết của tôi, người ta thấy tôi không biết gì cả và tôi đã bị đưa xuống lớp thấp nhất! Nhưng nếu như tôi cảm thấy lúng túng vì thiếu sự thông thạo của trẻ con cũng như thiếu những kiến thức sách vở, tôi lại còn lúng túng hơn khi nghĩ rằng, những điều mà tôi biết còn làm tôi cách xa các bạn của tôi hơn là những điều tôi không biết! Tôi tưởng tượng không biết họ sẽ nghĩ về tôi như thế nào nếu họ biết rằng tôi quen thuộc nhà tù Tối cao Pháp-viện? Ở tôi phải chăng có cái gì bất giác có thể bộc lộ những mối liên hệ của tôi với gia đình Micôbơ (tất cả cái trò cầm cố, bán chác và những bữa ăn tối kia)? Nếu như có một vài cậu học sinh đã thấy tôi đã tốn bao nhiêu công sức mới có được vài pen-ni để mua miếng thịt mỡ, cốc bia hay những khoanh pút-đinh hàng ngày?

Những người không hề biết gì đến cuộc sống ở Luân-đôn và những đường xá ở đấy như họ, khi họ nhận thấy rằng tôi rất thành thạo (tôi xấu hổ về việc đó) về một vài khía cạnh xấu xa nhất của thành phố thì họ sẽ suy nghĩ gì về tôi? Tất cả những câu hỏi này đã làm cho tôi băn khoăn trong suốt cả ngày đầu tiên ở nhà bác sĩ Xtrong đến nỗi tôi phải lo lắng đề phòng đến từng cái nhìn và từng cử chỉ của tôi; tôi co lại mỗi khi thấy một người bạn mới lại gần tôi, và tôi đã vội vã ra về ngay lúc tan học, vì tôi sợ sẽ bị lộ tẩy khi phải trả lời những cây hỏi hay những nhận xét thân mật của các bạn.

Nhưng ngôi nhà cổ kính của ông Uýchơphin đã toát ra một ảnh hưởng mạnh mẽ đến nỗi khi gõ cửa với những quyển sách học mới tinh trong tay tôi cảm thấy những lo lắng của tôi dịu dần đi. Khi tôi bước lên căn phòng cổ kính và rộng rãi của tôi thì bóng tối trang nghiêm của cầu thang dường như đã xoa dịu những nỗi lo lắng hoài nghi và xóa nhòa quá khứ của tôi đi. Tôi ngồi trong phòng chăm chỉ học cho đến bữa cơm chiều (mãi đến ba giờ chiều chúng tôi mới tan học) và khi xuống cầu thang, tôi hy vọng sẽ trở nên một cậu bé tạm được.

Ácnét ngồi trong phòng khách đợi cha vì cha cô đang bận tiếp khách trong phòng giấy. Cô tiếp tôi với một nụ cười hiền hậu và hỏi tôi có thích trường ấy không. Tôi đáp rằng tôi hy vọng sẽ thích trường ấy, nhưng mới buổi đầu cũng còn cảm thấy bỡ ngỡ. Tôi hỏi:

"Thế cậu chưa bao giờ đến trường cả à?"

"Có chứ! Ngày nào mình cũng học".

"Ừ, nhưng cậu học ở đây, ở nhà chứ gì?"

"Ba mình không thể rời mình một bước", cô mỉm cười đáp lại và lắc đầu, "Cậu thấy đấy, ba mình cần có cô nội trợ ở nhà."

"Mình chắc rằng ba cậu yêu cậu lắm", tôi nói.

Cô gật đầu, đoạn đến gần cửa lắng nghe xem cha cô đã lên chưa để ra cầu thang đón. Nhưng thấy ông Uýchơphin chưa lên, cô lại đến gần tôi và nói, giọng bình thản:

"Mẹ mình mất khi sinh mình. Mình chỉ biết mặt mẹ qua bức chân dung dưới nhà. Hôm qua mình thấy cậu nhìn nó. Cậu có biết đấy là chân dung của mẹ mình không?"

Tôi nói có biết và nói thêm rằng sở dĩ tôi đoán như vậy vì nó giống cô như đúc. Ácnét thích thú:

"Ba mình cũng nói thế đấy! Kìa! Ba mình lên rồi."

Gương mặt bình tĩnh và tươi tắn của cô sáng bừng lên sung sướng khi cô chạy ra đón cha cô và khi hai người dắt tay nhau bước vào phòng, ông Uýchơphin thân mật chào tôi và bảo rằng tôi sẽ được sung sướng ở trường học của bác sĩ Xtrong vì ông ta là con người hiền lành nhất trên đời. Ông Uýchơphin nói:

"Có thể có những người (điều đó tôi cũng chưa chắc chắn lắm) lợi dụng lòng tốt của ông ta. Cháu Trốtut ạ, cháu chớ bao giờ làm một người như thế, dù bất kể thế nào. Ông là con người cả tin nhất trên đời, chú chưa biết đó là ưu điểm hay khuyết điểm, nhưng có một điều là cần phải để ý đến điều đó trong mọi mối quan hệ với bác sĩ trong việc lớn cũng như việc nhỏ."

Tôi có cảm giác rằng ông đang mỏi mệt và bực mình vì một việc gì đó; nhưng tôi không để ý đến điểm này lâu bởi vì ngay lúc đó, người ta bảo bữa ăn chiều đã dọn xong. Chúng tôi xuống nhà dưới, ngồi vào đúng chỗ hôm qua.

Chúng tôi vừa ngồi xuống thì Uria Híp đã thò cái đầu tóc đỏ và bàn tay khẳng khiu của hắn vào cái cửa và nói:

"Có ông Manđơn muốn nói chuyện với ông một lát". "Nhưng tôi vừa từ giã ông Manđơn đấy mà", ông chủ anh ta nói: "Vâng", Uria nói, "nhưng ông Manđơn lại quay lại và yêu cầu được nói với ông một lời."

Trong khi vẫn lấy bàn tay giữ cánh cửa mở rộng Uria đưa mắt nhìn những đĩa thức ăn lại nhìn tất cả đồ đạc trong nhà, nhưng đồng thời tôi vẫn có cảm tưởng là hắn chẳng nhìn gì hết vì hắn có vẻ như giương cặp mắt đỏ kính cẩn nhìn vào ông chủ.

"Tôi xin lỗi ông, tôi chỉ muốn nói với ông rằng sau khi nghĩ lại" (đằng sau lưng Uria có tiếng nói và cái đầu Uria bỗng biến mất, nhường chỗ cho cái đầu đang nói)… "Xin lỗi ông, tôi đã đến đây đường đột… bởi vì tôi không thể lựa chọn gì trong việc này. Tôi càng đi nước ngoài sớm thì càng hay. Cô em họ Anni của tôi nói với tôi khi chúng tôi bàn việc này rằng cô thích có bạn bè ở bên cạnh hơn là thấy bạn bè bị đày đi biệt xứ, thế mà bác sĩ già…"

"Ông nói bác sĩ Xtrong phải không ạ?"

Ông Uýchơphin ngắt lời, giọng nghiêm nghị.

"Tất nhiên là tôi nói bác sĩ Xtrong", người kia trả lời "Tôi bảo ông ta là bác sĩ già thì cũng thế thôi, ông cũng thấy thế chứ?"

"Tôi không thấy thế đâu", ông Uýchơphin trả lời.

"Thế thì bác sĩ Xtrong vậy", người kia đáp. "Tôi thấy hình như bác sĩ Xtrong cũng rất đồng ý với ông. Nhưng cứ xét thái độ của ông đối với tôi thì thấy bác sĩ đã thay đổi ý kiến. Nếu như vậy thì không cần phải nói thêm gì, chỉ có một điều là tôi đi càng sớm càng hay. Cho nên, tôi nghĩ đến việc quay lại nói với ông điều đó. Khi người ta phải nhảy xuống nước thì đứng trên bờ ngần ngừ mà làm gì?"

"Trong hoàn cảnh của ông thì càng bớt ngần ngại càng tốt, ông Manđơn ạ. Ông có thể tin chắc như vậy", ông Uýchơphin nói:

"Cám ơn ông" - người kia nói, "rất cám ơn ông, tôi không muốn làm con người há miệng chờ sung. Làm như thế không lịch sự gì cả, nếu không tôi tin chắc rằng Anni có thể dễ dàng thu xếp việc này theo sở thích của cô ấy. Theo ý tôi thì Anni chỉ cần nói với bác sĩ già một tiếng thôi".

"Có phải ông muốn nói rằng bà Xtrong chỉ cần nói với chồng một tiếng… có phải ông muốn nói như thế không?" ông Uýchơphin hỏi.

“Chứ gì nữa!” Người kia đáp.

“Anni chỉ cần nói rằng cô ta muốn một việc nào đó sẽ được làm như thế nào là điều đó sẽ được thực hiện như thế?” ông Uýchơphin hỏi, trong khi vẫn điềm nhiên ngồi ăn.

“Có gì đâu, Anni là một thiếu phụ xinh đẹp còn bác sĩ già, bác sĩ Xtrong ấy mà… không phải là một anh chàng kẻng trai cho lắm” - Jăc Manđơn cười khanh khách - “Tôi nói đây không phải cố tình làm phật ý ai đâu, ông Uýchơphin ạ. Tôi chỉ muốn nói rằng, trong một cuộc hôn nhân như vậy thì nếu có chỗ phải “bồi thường” cũng là hợp lý và đúng mà thôi.”

“Phải bồi thường cho bà vợ phải không ạ?” Ông Uýchơphin hỏi, giọng nghiêm nghị.

“Chứ gì nữa! Phải bồi thường cho bà vợ”, ông Jăc Manđơn đáp, cười khanh khách.

Nhưng nhận thấy ông Uýchơphin vẫn tiếp tục ăn với cái vẻ điềm nhiên và phớt lạnh nhất đời và thấy không có hy vọng gì có thể làm cho một thớ thịt nào trên gương mặt ông Uýchơphin bớt cau lại, ông nói thêm:

“Dẫu sao tôi cũng phải quay lại nói với ông, và xin lỗi một lần nữa vì đã đường đột vào đây, rằng tôi chỉ còn cách bán xới. Cố nhiên tôi sẽ theo những lời chỉ dẫn của ông; câu chuyện này sẽ chỉ giải quyết giữa tôi với ông mà thôi và không nên nhắc đến nó ở nhà bác sĩ.

“Ông ăn cơm chưa?” ông Uýchơphin hỏi, đoạn đưa tay chỉ bàn ăn.

“Cám ơn”, ông Manđơn nói, “tôi sẽ đến ăn ở nhà cô em họ Anni. Chào ông.”

Ông Uýchơphin không đứng dậy, đưa mắt nhìn theo có vẻ tư lự khi người kia bước ra. Theo tôi ông ta là một chàng thanh niên khá nhẹ nhõm, gương mặt tuấn tú, nói năng lưu loát có vẻ tự tin và mạnh dạn. Đó là lần đầu tiên tôi gặp ông Jăc Manđơn. Tôi cũng không ngờ rằng lại gặp ông ta sớm như thế, khi buổi sáng vừa mới nghe ông bác sĩ nói đến ông ta.

Ăn tối xong, chúng tôi lên gác và mọi việc diễn ra hệt như hôm qua. Ácnét đặt cái cốc và cái bình vào chỗ cũ. Ông Uýchơphin lại bắt đầu uống rượu, và uống khá nhiều. Ácnét chơi dương cầm cho ông nghe, ngồi cạnh ông nói chuyện và đánh vài ván cờ Đô-mi-nô với tôi. Sau đó cô pha trà, và khi tôi lấy sách ra cô liếc mắt nhìn tôi và nói cho tôi biết về nội dung những quyển sách này (đó không phải là chuyện thường, mặc dầu cô ta nói thế) và bảo tôi cách học tập tốt nhất. Khi viết những dòng này, tôi còn như thấy cô với thái độ khiêm tốn, bình tĩnh và chu đáo, tôi còn như nghe thấy giọng nói trong thanh và êm dịu của cô. Ảnh hưởng hết sức tốt đẹp của cô đối với tôi sau này, từ lúc ấy đã bắt đầu tràn ngập tim tôi. Tôi yêu bé Emili, tôi không yêu Ácnét… không yêu như Emili, nhưng tôi cảm thấy ở đâu có Ácnét là ở đấy sẽ có lòng tốt, sự yên tĩnh và sự thực, ánh sáng êm ả của cái cửa sổ bằng kính ghép mà ngày xưa tôi đã thấy trong nhà thờ bao giờ cũng rọi xuống người cô và cũng rọi xuống người tôi khi tôi ở bên cô, cũng như rọi xuống tất cả mọi vật ở chung quanh cô.

Đã đến giờ cô từ giã chúng tôi để đi ngủ, Ácnét tạm biệt chúng tôi, và tôi cũng giơ tay bắt tay ông Uýchơphin để đi ngủ. Nhưng ông giữ tôi lại và nói:

“Cháu Trôtut, cháu có muốn ở nhà chú không hay đi nơi khác?”

“Ở nhà chú”, tôi trả lời ngay.

“Cháu có chắc không?”

“Nếu như chú vui lòng, nếu như cháu được ở!”

“Nhưng cuộc sống của cha con chú ở đây chán lắm, anh bạn ạ, và chú sợ cháu cũng chán.”

“Nó không chán đối với cháu cũng như đối với Ácnét đâu chú ạ! Không chán chút nào hết.”

“Cũng như đối với Ácnét?” ông nhắc lại thong thả bước đến cái lò sưởi cao và dựa vào đấy. “Cũng như đối với Ácnét!”

Tối hôm ấy ông uống nhiều rượu lắm (phải chăng đó là do óc tưởng tượng của tôi) nên đôi mắt ông đỏ như máu. Tôi không nhìn thấy mắt ông lúc này vì ông cúi mặt xuống và lấy tay che mắt, nhưng tôi đã quan sát trước đấy một chút, ông lẩm bẩm:

“Phải đấy, chú cũng tự hỏi, em Ácnét của chú có chán vì phải ở gần chú không? Còn chú thì chú không thể nào thấy chán nếu có em nó ở bên cạnh! Nhưng đó là hai việc khác nhau, khác hẳn nhau.”

Ông có vẻ như nói trong mơ chứ không phải nói với tôi. Tôi vẫn đứng yên. Ông nói:

“Ngôi nhà này cổ và buồn, cuộc sống ở đây đơn điệu, chán ngắt, nhưng Ácnét phải ở gần chú. Khi nghĩ rằng chú có thể chết và bỏ lại đứa con yêu quý trên đời, hay nghĩ rằng đứa con yêu quý của chú có thể chết bỏ lại chú cô độc một mình thì ý nghĩa ấy như một con ma ám ảnh những giờ phút sung sướng nhất của chú, và chú chỉ biết dìm ý nghĩ ấy trong…”

Ông không nói hết câu, chậm rãi bước đến chỗ hồi nãy ông đã ngồi, với lấy bình rượu đã hết nhẵn và rót vào cốc như một cái máy, đoạn đặt bình xuống, đến gần tôi: “Ácnét còn ở đây mà ý nghĩ ấy còn làm chú đau xót như vậy thì không có em nó chú sẽ còn đau xót đến đâu? Không! Không! Chú không thể nào chịu đựng được thử thách này”.

Ông dựa vào lò sưởi, trầm ngâm một hồi lâu. Bị lôi cuốn theo những ý nghĩ u buồn, tôi tự hỏi không biết có nên quấy rầy ông bằng cách đi chỗ khác hay cứ đứng yên ở đây cho đến lúc cơn ác mộng của ông chấm dứt. Cuối cùng, ông bừng tỉnh, đưa mắt nhìn quanh phòng và mắt ông gặp mắt tôi.

“Cháu Trốtut, cháu muốn ở lại với chú chứ?” Ông nói với cái giọng thường ngày, dường như ông trả lời một câu mà tôi vừa hỏi. “Chú sung sướng lắm, cháu sẽ làm bạn với hai cha con chú. Có cháu ở đây thì sẽ rất tốt. Tốt cho chú, tốt cho Ácnét. Có lẽ tốt cho tất cả chúng ta.”

“Cháu tin chắc rằng ở đây rất tốt cho cháu, chú ạ”, tôi nói, “Cháu rất thích được ở đây.”

“Cháu là một em bé ngoan!” ông Uýchơphin nói. “Hễ cháu còn thích ở đây thì cháu cứ ở.”

Đoạn ông nắm chặt tay tôi, vỗ lên vai tôi và nói buổi tối, sau khi Ácnét đã về phòng riêng, nếu tôi làm việc hay muốn đi chơi thì tôi được tự do vào phòng làm việc của ông, nếu có ông ở đây thì sẽ ngồi thức với ông, nếu như tôi không thích ngồi một mình.

Tôi cảm ơn lòng tốt của ông. Một lát sau ông xuống gác, còn tôi cũng không mệt nên đi theo, tay cầm quyển sách để tận dụng quyền hạn của mình trong nửa tiếng đồng hồ nữa.

Nhưng khi thấy trong phòng giấy nhỏ hình tròn có ánh đèn, tôi liền cảm thấy mình bị Uria Híp lôi cuốn, hắn đã gây cho tôi một thứ hấp dẫn đặc biệt, và cuối cùng tôi lại bước vào phòng hắn. Tôi thấy Uria đang đọc một quyển sách to tướng, dày cộp, và có vẻ hết sức chăm chú, ngón tay trỏ khẳng khiu của hắn chạy theo mỗi dòng chữ hắn đọc và để lại trên trang giấy những vết ươn ướt như vết con sên (hay ít nhất là tôi tin như vậy). Tôi hỏi:

“Đêm nay anh làm việc khuya thế?” “Vâng, cậu Copơphin ạ”, Uria nói.

Tôi trèo lên chiếc ghế đẩu trước mặt hắn để có thể nói chuyện với hắn thuận tiện hơn. Tôi thấy trên bộ mặt của hắn chẳng có cái gì giống như một nụ cười, hắn chỉ làm một việc là há hốc mồm ra, tạo thành hai nếp nhăn sâu hoắm ở hai bên má để thay thế cho nụ cười. Uria nói:

“Tôi không làm việc giấy tờ”.

“Thế anh làm gì đấy?” Tôi hỏi.

“Tôi đang bổ sung những kiến thức của tôi về pháp luật. Tôi đang đọc quyển sách của ông Tít. Ông Tít này thực là một nhà văn tài giỏi, cậu Trốtut ạ!”

Chiếc ghế đẩu của tôi là một cái đài quan sát rất tốt; sau khi thốt ra câu nói say sưa ấy, tôi thấy hắn vẫn tiếp tục đọc, lấy ngón tay trỏ theo dõi từng hàng. Tôi nhận thấy mũi của hắn gầy, nhọn và đầy những nếp nhăn sâu hoắm, hai cánh mũi đang nở ra, hóp lại một cách kỳ quặc và hết sức khó chịu, chúng dường như nhấp nháy để thay thế cho đôi mắt bao giờ cũng im lìm. Sau khi quan sát hắn một lúc tôi nói:

“Chắc anh là một nhà luật học cự phách?”

“Tôi ấy à, cậu Copơphin?” Uria nói - “Ồ, làm gì có, không đâu! Tôi là một người rất *“hèn kém”*.

Ý nghĩ của tôi và bàn tay của hắn theo như tôi nhận xét không phải là một cái gì bịa đặt, bởi vì tôi nhận thấy hắn cứ xoa hai bàn tay vào nhau dường như muốn làm cho nó khô và ấm lại, ngoài ra hắn còn lén lút lấy khăn lau bàn tay. Uria Híp nói khiêm tốn:

“Tôi thấy rất rõ rằng tôi là con người *“hèn kém”* nhất trên đời, dù cho có những người khác rất *hèn kém*. Mẹ tôi cũng là một người rất *hèn kém*. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà rất *hèn kém*, cậu Trốtut ạ. Nhưng chúng tôi phải biết ơn về điều đó. Cha tôi trước đây làm một nghề rất *hèn kém*, là nghề đào huyệt.”

“Bây giờ ông cụ làm gì?” Tôi hỏi.

“Bây giờ cha tôi ở thế giới vinh quang, cậu Copơphin ạ”, Uria Híp nói tiếp. “Chúng tôi có mọi lý do để cám ơn Chúa. Được sống với ông Uýchơphin thực là may mắm cho tôi.

“Tôi hỏi Uria Híp rằng hắn ở nhà ông Uýchơphin đã lâu chưa?

“Tôi ở nhà ông ấy đã gần bốn năm, cậu Copơphin ạ.” Uria Híp vừa nói vừa gấp sách lại sau khi đã đánh dấu cẩn thận chỗ hắn đang đọc dở, “từ năm sau khi ông cụ tôi mất. Ông Uýchơphin thật tử tế với tôi, tôi rất biết ơn ông ấy vì ông sẽ miễn cho tôi không phải trả tiền giao kèo về việc học nghề. Nếu không thì mẹ con tôi vốn dĩ túng thiếu, tôi sẽ không có cách nào theo học nghề này”.

“Thế khi nào thời gian tập sự của anh chấm dứt, anh sẽ trở thành một luật gia chính thức chứ gì?” Tôi hỏi.

“Vâng, nếu được Chúa phù hộ, cậu Copơphin ạ”, Uria đáp.

“Có lẽ anh sẽ trở thành người cộng tác trong công việc của ông Uýchơphin và một mai đây - tôi nói để cho hắn thích tôi - ngôi nhà gọi là *Uýchơphin và Hip*, hay *Hip, người kế nghiệp ông Uýchơphin*.

“Ồ, không! Không! Cậu Copơphin ạ”, Uria Híp lắc đầu nói, “tôi *hèn kém* lắm, làm điều đó sao được?”

Kể ra, khi hắn ngồi một cách *hèn kém, há hốc mồm, hai má hằn hai vết nhăn sâu hoắm và nhìn trộm tôi, tôi thấy hắn rất giống cái hình ảnh khắc trên cột ở ngoài cửa sổ phòng tôi. Uria nói:*

“Ông Uýchơphin là một người hết sức quý hóa, cậu Copơphin ạ. Nếu như cậu biết ông ta từ lâu thì chắc chắn cậu sẽ biết rõ điều đó hơn là điều tôi có thể nói với cậu.”

Tôi đáp rằng tôi cũng tin như vậy, nhưng trước đây tôi chưa quen ông ta, mặc dầu ông là bạn của

cô tôi. Uria nói: "Cậu Copơphin ạ, cô của cậu thực là một người đàn bà dịu dàng."

Hắn có thói quen uốn éo một cách đặc biệt khi hắn muốn tỏ ra mình thích thú, nhưng cái lối ấy hết sức ghê tởm khiến tôi không để ý đến lời hắn khen ngợi cô tôi, mà chỉ để ý nhìn cái cổ và thân hình uốn éo như một con rắn của hắn. Uria Híp nói: "Một bà hết sức dịu dàng, cậu Copơphin ạ. Chắc bà ta rất phục cô Ácnét, có phải không cậu Copơphin?"

Tôi trả lời "có" một cách mạnh dạn, nhưng thực ra tôi chẳng biết gì về việc đó hết (cầu Chúa tha lỗi cho tôi!). Uria nói: "Tôi hy vọng rằng cậu cũng phục cô ấy, cậu Copơphin ạ. Tôi tin rằng cậu phải phục cô ấy."

"Ai cũng phải phục", tôi đáp.

"Ồ, cám ơn cậu về nhận xét ấy, cậu Copơphin ạ" Uria nói "nhận xét ấy thật rất đúng quá! Tôi là một người *hèn kém*, nhưng tôi cũng biết điều đó là rất đúng! Cám ơn cậu, cậu Copơphin ạ."

Trong khi tình cảm bị kích thích mạnh hắn uốn éo người dữ quá, rồi hắn đứng lên khỏi cái ghế đẩu và bắt đầu thu xếp để chuẩn bị về nhà. Hắn nhìn chiếc đồng hồ cũ kỹ và trơ trụi trong túi, rồi nói.

"Mẹ tôi chắc đang đợi tôi và đang lo lắng, bởi vì tuy chúng tôi rất *hèn kém* cậu Copơphin ạ, nhưng chúng tôi rất quấn quýt nhau. Nếu cậu muốn đến nhà chúng tôi vào bất kỳ buổi chiều nào và uống một chén nước trà trong ngôi nhà *hèn kém* của chúng tôi, thì mẹ tôi cũng như tôi sẽ rất tự hào được đón tiếp cậu."

Tôi đáp lại rằng tôi sẽ vui lòng đến chơi, Uria đặt quyển sách lên giá và nói:

"Cám ơn cậu Copơphin. Tôi chắc rằng cậu sẽ ở đây ít lâu có phải không cậu Copơphin?"

Tôi nói rằng tôi sẽ sống ở đây hễ tôi còn học ở trường. Uria nói:

"Ồ, thế à? Thế thì tôi chắc thế nào cuối cùng cậu cũng sẽ bước vào công việc này, cậu Copơphin ạ."

Tôi phản đối nói rằng tôi không hề có ý nghĩ gì về điều đó và cũng chẳng có ai có dự kiến bảo tôi làm việc này, nhưng Uria cứ kiên quyết đáp lại một cách dịu dàng, trả lời tất cả những lời cam đoan của tôi. "Ồ! Cậu Copơphin ạ, tôi tin chắc rằng thế nào cậu cũng sẽ làm việc này", và hắn nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cuối cùng khi đã sẵn sàng đâu đấy để rời khỏi phòng giấy, hắn hỏi tôi xem tôi có thấy bất tiện nếu hắn tắt đèn không. Tôi vừa trả lời "không" thì hắn tắt đèn ngay.

Sau khi giơ tay cho tôi bắt (trong bóng tối tôi có cảm tưởng như nắm phải một con cá), hắn khe khẽ mở cái cửa nhìn ra đường, lẻn ra rồi đóng sầm ngay lại và để tôi trở vào nhà, lần mò vất vả từng bước, làm tôi vấp phải cái ghế đẩu của hắn và ngã chúi. Chắc hẳn đó là nguyên nhân trực tiếp khiến tôi mơ thấy hắn lúc nửa đêm, tôi nằm mơ thấy hắn vứt ngôi nhà của ông Pécgôti ra biển để đi ăn cướp, trên cột buồm treo một lá cờ đen đề mấy chữ: "Quyển sách thủ tục tố tụng của Tít", và dấu hiệu ma quái ấy, hắn mang tôi và bé Emili đến biển Caraip để nhận chìm chúng tôi.

Sáng hôm sau, khi đi học, tôi đã thắng được một phần sự lúng túng của tôi. Những ngày sau đó tôi đã thắng được nhiều hơn, dần dần tôi đã tự chủ được hoàn toàn và tiến bộ đến nỗi không đầy hai tuần lễ, tôi đã cảm thấy hết sức thoải mái và sung sướng được sống giữa những người bạn mới. Tôi còn khá vụng về trong những trò chơi của họ và cũng còn kém sút họ về mặt học vấn; nhưng tôi hy vọng rằng tập quán sẽ làm cho tôi khá dần về điểm thứ nhất và việc học hành chỉ sẽ giúp tôi về điểm thứ hai. Kết quả là tôi bắt tay vào việc rất cần cù, cả trong trò chơi cũng như những việc nghiêm túc khác, và do đó tôi rất được khen. Trong một thời gian ngắn, cuộc sống của tôi ở Mơcxtôn và Grinbi trước kia đã trở

nên xa lạ đối với tôi, khiến tôi khó lòng có thể tin rằng đã từng sống cuộc sống ấy; trái lại, cuộc sống hiện tại đối với tôi trở nên quen thuộc đến nỗi tôi có cảm tưởng như đã sống cuộc sống này từ lâu.

Trường học của bác sĩ Xtrong là một trường học tuyệt diệu, hoàn toàn khác xa cái trường của ông Crichcơn, cũng như cái thiện khác xa cái ác. Nó được lãnh đạo một cách nghiêm túc và đúng đắn theo một phương pháp thông minh, ở đây, trong tất cả mọi việc, người ta đều đòi hỏi đến lòng trung thực và trọng danh dự của học sinh, với ý nghĩ rõ ràng rằng người ta tin vào những đức tính ấy của học sinh để học sinh tỏ ra xứng đáng với lòng tin. Và phương pháp ấy đã đưa đến kết quả tuyệt diệu. Tất cả chúng tôi đều ý thức rằng mình tham dự vào việc quản lý nhà trường, bênh vực danh dự và phẩm giá nhà trường. Vì vậy cho nên chẳng bao lâu chúng tôi trở nên gắn bó với trường. (Về phần tôi, tôi tin chắc đó là trường hợp của tôi, và suốt thời gian học, tôi không thấy cô cậu học trò nào lại có ý nghĩ khác). Chúng tôi học tập rất thích thú với mong muốn là làm vinh dự cho trường. Ngoài giờ học, chúng tôi chơi những trò chơi thú vị, rất tự do. Nhưng ngay trong việc này, tôi còn nhớ trong thành phố người ta vẫn có ý kiến tốt về chúng tôi và ít khi có trường hợp làm hại đến danh tiếng của bác sĩ Xtrong và học sinh của ông do thái độ hay cử chỉ của chúng tôi.

Một vài học sinh thuộc các lớp lớn ở ký túc trong nhà bác sĩ. Nhờ họ, tôi biết một vài chi tiết gián tiếp về đời bác sĩ. Chẳng hạn, tôi biết rằng ông lấy Anni, bà vợ trẻ và đẹp mà tôi gặp trong phòng giấy của ông, chưa đầy một năm, và đối với ông, đây là đám cưới vì tình vì cô chẳng có một xu dính túi, đã thế lại có cả một lô bà con nghèo (các bạn tôi thường nói thế) sẵn sàng kéo nhau vào nhà bác sĩ để đuổi ông ra khỏi nhà. Tôi cũng biết rằng thái độ trầm tư của bác sĩ có thể là do một điều suy nghĩ thường xuyên của ông, ông luôn luôn tìm tòi những từ căn Hy Lạp. Trong tình trạng ngây thơ và ngu dốt, tôi tưởng rằng bác sĩ có thú say mê gì đấy về thực vật học, tôi càng nghĩ như vậy vì ông cứ luôn luôn nhìn xuống đất khi dạo chơi, cho đến khi tôi hiểu được rằng đấy là việc tìm từ căn của những từ sẽ đưa vào một quyển từ điển mới mà ông dự định làm. Adam, chú học sinh giỏi nhất trường, vẫn sẵn có óc toán học, đã tính toán xem muốn hoàn thành quyển từ điển này, theo phương pháp và theo tốc độ làm việc của bác sĩ, thì sẽ mất bao lâu. Anh ta tính rằng quyển sách có thể hoàn thành trong một ngàn sáu trăm bốn mươi sáu năm, kể từ ngày sinh nhật của bác sĩ, tức là sinh nhật lần thứ sáu mươi hai.

Nhưng bác sĩ lại là người được tất cả trường tôn thờ, và phải là một trường gồm những đứa học trò hư hỏng lắm mới có thể có ý nghĩa khác, vì ông ta là con người nhân từ nhất trên đời, với một lòng tin mộc mạc có thể khiến cho những trái tim đá của những chiếc vại đặt trên giường cũng phải xúc động. Khi ông đi bách bộ trên sân gần trường học, và những con quạ khoang và những con quạ lạc đàn đưa mắt nhìn theo, gật gật cái đầu một cách hóm hỉnh dường như chúng hiểu rằng chúng còn thông thạo việc đời hơn ông, và lúc đó, nếu có một thằng ma-cà-bông nào dám đến gần đôi giày cọt kẹt của ông và chỉ việc làm cho ông chú ý đến một câu về câu chuyện khổ cực mà nó bịa ra tức thì nó sẽ được tiền tiêu xài trong hai ngày.

Đây là một điều mà ở trong nhà ai cũng biết: các thầy giáo và những người học sinh ưu tú tìm cách chặn những tên lưu manh này ở các góc bằng cách nhảy ra khỏi cửa sổ và đuổi chúng ra khỏi sân trước khi chúng có thể làm cho bác sĩ để ý đến sự có mặt của chúng, ở ngoài khu vực của ông và không có sự bảo vệ này thì ông như là một con cừu, tha hồ ai muốn cắt lông cũng được, ông sẽ tháo đến cả đôi ghệt của mình để cho người khác.

Thực vậy, có một câu chuyện lưu truyền trong bọn chúng tôi (tôi không bao giờ có ý nghĩ xem chuyện này ở đâu ra, nhưng từ lâu tôi vẫn tin, đến nỗi bây giờ tôi có cảm tưởng là điều đó hoàn toàn đúng): một hôm vào mùa đông tiết trời giá lạnh, quả thực ông đã biếu đôi giày cho một bà ăn mày, bà này đã gây ra một việc tai tiếng ở chung quanh bằng cách mang một đứa trẻ mới sinh, xinh xắn, đi hết

nhà này đến nhà khác mang đôi giày ấy. Mọi người nhận ra ngay đôi giày của ông vì nó cũng nổi tiếng trong vùng chẳng kém gì ngôi nhà thờ.

Câu chuyện còn được nói thêm rằng bác sĩ là người duy nhất không nhận ra đôi giày của mình! Ít lâu sau, đôi giày được bày ở cửa hàng của một người bán quần áo cũ, anh này vốn đã có tiếng không hay, anh ta đổi những đồ vật kiểu ấy để lấy rượu mạnh. Người ta thấy bác sĩ nhiều lần dừng lại ở đấy, mân mê ngắm nghía đôi giày có vẻ tán tụng lắm, dường như ông tán thưởng đôi giày này được đóng theo kiểu mới, xinh xắn, và ông cho rằng nó hơn hẳn đôi giày của mình.

Nhìn bác sĩ ở bên cạnh bà vợ trẻ trung, xinh đẹp thực là thú. Ông có một cách biểu lộ tình yêu đối với vợ rất dịu dàng và âu yếm như cha đối với con. Riêng điều này cũng đủ nói lên rằng ông là một người tốt. Tôi thường thấy hai người đi dạo chơi trong vườn, cạnh những cây đào. Đôi khi tôi có dịp quan sát họ gần hơn ở trong phòng giấy hay trong phòng khách. Tôi thấy bà vợ có vẻ săn sóc và yêu quý chồng lắm, nhưng tôi không bao giờ tin rằng bà quan tâm tha thiết đến quyển từ điển, tác phẩm mà lúc nào bác sĩ cũng mang theo một vài mảnh đồ sộ ở trong túi hay trong lần lót của chiếc mũ, và trong khi đi dạo chơi, hình như ông đã đem những trang ấy ra để giải thích cho bà vợ nghe.

Tôi thường gặp bà Xtrong vì hai lý do: trước hết, vì bà có thiện cảm với tôi buổi sáng hôm tôi được giới thiệu với bác sĩ, và kể từ ngày ấy bao giờ bà cũng tỏ ra quan tâm và tử tế đối với tôi, thứ hai là vì bà rất yêu Ácnét và thường đến chơi nhà chúng tôi. Tôi có cảm tưởng rằng giữa ông Uýchơphin và bà có một điều gì lúng túng khó hiểu (bà có vẻ sợ ông Uýchơphin) và điều này không bao giờ hết. Mỗi khi bà đến chơi nhà ông vào buổi chiều, không bao giờ bà chịu để cho ông tiễn bà mà thích chạy về nhà với tôi. Đôi khi, trong lúc chúng tôi cùng nhau vui vẻ chạy qua sân nhà thờ và nghĩ rằng sẽ không gặp bất kỳ ai thì chúng tôi bắt gặp ông Jăc Manđơn, và bao giờ ông cũng tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy chúng tôi.

Mẹ của bà Xtrong là một người tôi rất thích. Tên bà là Maclơham, nhưng bọn học sinh vẫn thường gọi bà là "vị cựu chiến binh" vì bà có tài làm tướng và rất thông thạo trong khi cầm đầu một đội quân đông đảo trong gia đình để tấn công bác sĩ. Đó là một người đàn bà nhỏ nhắn, có cặp mắt sắc, bao giờ cũng đội một cái mũ có những bông hoa với hai con bướm giả dường như đang bay phất phới trên những bông hoa giả này. Bọn chúng tôi kháo nhau một cách thán phục rằng cái mũ này làm ở Pháp và chỉ những người thợ thủ công của cái nước khéo léo ấy mới có thể làm được. Duy có một điều tôi biết chắc chắn là chiều nào cái mũ ấy cũng xuất hiện cùng lúc với bà mỗi khi bà đi dự những buổi họp thân mật, tay xách một cái làn Ấn-độ, trong đựng chiếc mũ. Mấy con bướm có đặc tính là luôn luôn run rẩy, chúng giống như hai con ong chăm chỉ, luôn luôn lợi dụng những giờ nắng ráo để bóc lột bác sĩ Xtrong.

Tôi được dịp thuận lợi để quan sát vị "cựu chiến binh" (tôi dùng từ này không có ý châm biếm gì hết) trong một buổi chiều sẽ mãi mãi in sâu trong óc tôi vì có một chuyện mà tôi sẽ kể lại đây. Buổi chiều hôm ấy ở nhà bác sĩ có một cuộc họp mặt nhân dịp ông Jăc Manđơn sắp đi Ấn-độ, ông ta đến đấy làm học sinh sĩ quan hay một cái gì tương tự, bởi vì ông Uýchơphin cuối cùng đã thu xếp xong công việc. Hôm đó, lại đồng thời là ngày sinh nhật của bác sĩ. Chúng tôi được nghỉ, buổi sáng chúng tôi đã mang quà tặng bác sĩ, người đứng đầu lớp đã đọc một bài diễn văn ngắn và chúng tôi đã hoan hô đến khản cả cổ, làm bác sĩ cũng phải chảy nước mắt. Và bây giờ đến chiều, ông Uýchơphin cùng Ácnét và tôi uống trà ở nhà bác sĩ trong không khí gia đình, ông Jăc Manđơn đã đến đây trước chúng tôi. Khi chúng tôi vào bà Xtrong mặc đồ trắng, thắt chiếc dải đỏ sẫm và đang đánh dương cầm, còn ông Xtrong đang cúi xuống phía bà vợ để giở những tờ nhạc. Lúc bà quay về phía chúng tôi, tôi cảm thấy màu da trắng hồng của bà không tươi như mọi ngày, nhưng vẫn rất đẹp… hết sức đẹp.

Khi chúng tôi đã ngồi xuống, bà mẹ của bà Xtrong nói:

"Thưa bác sĩ, tôi quên chúc mừng sinh nhật ông, mặc dầu như ông biết đấy, tôi thấy tôi không phải chỉ là những lời chúc tụng theo thường lệ. Ông cho phép tôi chúc ông có nhiều ngày sinh nhật sung sướng như ngày hôm nay".

"Tôi rất cảm ơn", bác sĩ đáp.

"Có nhiều ngày sung sướng, nhiều ngày sinh nhật sung sướng", vị cựu chiến binh nói, "không những sung sướng cho ông, mà cả cho Anni, cho Jăc Manđơn và cho nhiều người khác nữa. Tôi có cảm tưởng hôm vừa qua đây, anh Jăc ạ, anh là một cậu bé thấp hơn cậu Copơphin một cái đầu và đang ve vãn Anni đằng sau những bụi phúc bồn tử trong vườn."

"Mẹ đừng nhắc những chuyện ấy nữa, mẹ ạ", bà Xtrong nói.

"Anni rõ ngớ ngẩn", bà mẹ đáp. "Nếu bây giờ làm một bà già có chồng, nghe những chuyện như thế mà con đỏ mặt thì đến khi nào con mới hết đỏ mặt?"

"Già ư?" Jăc Manđơn kêu lên. "Anni già à? Nói gì thế?"

"Phải đấy anh Jăc ạ", vị cựu chiến binh đáp, "nó là một bà già có chồng, già vì cảnh ngộ, mặc dù nó không phải già về tuổi (bởi vì đời thuở nào lại có một cô gái hai mươi tuổi mà già về tuổi?) nhưng cô em họ anh là vợ của bác sĩ và tôi có thể dùng những lời ấy để nói với cô. Anh Jăc ạ, cô em họ anh là vợ của bác sĩ, đó là một điều tốt cho anh đấy. Anh đã tìm thấy ở bác sĩ một người bạn tốt bụng và có thế lực. Tôi dám quả quyết rằng, ông sẽ còn tốt bụng hơn nữa, nếu anh xứng đáng với lòng tốt của ông. Tôi không tự hào vớ vẩn đâu. Tôi không bao giờ ngần ngại thừa nhận rằng rõ ràng là có những người trong gia đình chúng ta cần đến một người bạn. Anh đã từng là một người trong gia đình trước khi ảnh hưởng của cô em họ anh giúp cho anh có được một người bạn".

Bác sĩ vốn là người nhân từ, khoát tay có ý muốn nói chuyện đó không có quan trọng, để cho ông Jăc Manđơn đừng nhắc nhở thêm nữa. Nhưng bà Maclơham đã rời khỏi ghế, đến ngồi cạnh bác sĩ, đặt cái quạt lên trên ống tay áo của mình, và nói:

"Không, thực đấy mà, bác sĩ ạ, ông phải tha lỗi cho tôi nếu như tôi có vẻ nhấn mạnh đến điểm này bởi vì tôi rất cảm kích. Tôi gọi điều đó là cái bệnh cố chấp của tôi, vì đó là một điều tôi rất hay để ý đến. Ông là một người hết sức tốt đối với chúng tôi. Ông quả thực là ân nhân của chúng tôi".

"Ấy chết, sao lại nói thế!" Bác sĩ nói.

"Không! Không! Tôi xin lỗi ông", vị cựu chiến binh đốp lại ngay - "Hiện nay không có ai ngoài người bạn thân thiết và tâm sự của chúng ta là ông Uýchopphin, nên tôi không thể nào yên lặng được. Nếu ông cứ làm như vậy thì tôi sẽ dùng quyền lực của một bà mẹ vợ và tôi sẽ cự lại ông. Tôi hết sức thẳng thắn và trung thực. Điều tôi nói hôm nay là điều tôi đã nói khi ông làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên (chắc ông hẳn nhớ lúc ấy tôi ngạc nhiên thế nào chứ?) khi ông hỏi Anni làm vợ. Không phải việc ông hỏi nó làm vợ là kỳ lạ đâu (nếu nói như vậy thì sẽ lố bịch), nhưng bởi vì ông đã biết người cha nghèo hèn của nó, và ông đã biết nó từ khi nó còn là con bé sáu tháng. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều này, chưa bao giờ nghĩ rằng ông sẽ lấy vợ, chỉ có thế thôi, ông biết không?"

"Đúng! Đúng!" Bác sĩ tươi tỉnh nói "Chuyện đó có quan trọng gì?"

"Nhưng đối với tôi thì lại quan trọng cơ đấy!" Vị cựu chiến binh nói, giơ cái quạt lên môi bác sĩ - "Quan trọng lắm chứ! Tôi nhắc lại những việc ấy để cho người ta có thể cãi lại, nếu như tôi nói sai. Sau đó tôi nói lại với Anni và tôi bảo nói: "Con ạ, bác sĩ Xtrong đến gặp mẹ, nói ông ấy yêu con và

ngỏ ý hỏi con làm vợ". Tôi có ép buộc gì nói không? Không! Tôi nói: "Anni, bây giờ con nói thực cho mẹ biết trái tim con có nghĩ đến ai không?" Nó khóc và nói với tôi: "Mẹ ơi, con còn trẻ lắm (và điều đó rất đúng), con chưa biết con có trái tim hay không?" Thế rồi tôi bảo nó: "Này con ạ, con có thể yên tâm, như thế tức là trái tim con chưa nghĩ đến ai. Dẫu sao, con ơi, bác sĩ Xtrong cũng đang ở trong tình trạng bối rối và ta phải trả lời cho ông ta. Không thể để ông ta ở trong tình trạng chờ đợi, lo lắng hiện nay." Anni vẫn khóc và bảo tôi:

"Mẹ ơi, nếu không có con, ông ta có khổ không? Nếu ông khổ thì con nghĩ rằng con sẽ lấy ông, bởi vì con rất tôn trọng và kính nể ông". Thế là công việc thu xếp xong. Sau đó tôi mới nói với Anni: "Anni, bác sĩ Xtrong không chỉ là chồng con, mà sẽ còn là người thay mặt cha con đã quá cố: ông sẽ thay thế người chủ gia đình chúng ta, sẽ tiêu biểu cho sự khôn ngoan và địa vị xã hội, và mẹ có thể nói, ông sẽ lo cho gia đình ta có cách sinh sống, tóm lại một chữ, ông sẽ là ân nhân của con." Lúc ấy tôi đã dùng chữ ấy và hôm nay tôi lại dùng chữ ấy. Nếu như tôi có một ưu điểm thì đó là trí nhớ của tôi trước sau như một".

Suốt trong lúc bà mẹ thuyết như vậy, cô con gái vẫn cứ ngồi yên, cặp mắt nhìn đăm đăm xuống đất, người anh họ cô đứng cạnh, cũng nhìn xuống đất. Lúc này nó mới nói hết sức dịu dàng, giọng run run:

"Mẹ ơi, mẹ nói xong chưa ạ?"

"Không, Anni ạ", vị cựu chiến binh đáp, "mẹ chưa nói xong. Con yêu quý của mẹ, vì con hỏi mẹ cho nên mẹ trả lời rằng chưa xong. Mẹ than phiền về chỗ con thật sự ít thương yêu gia đình con, nhưng than phiền với con thì cũng chẳng ăn thua gì, mẹ muốn than phiền với người chồng của con. Nào bác sĩ, bác sĩ hãy nhìn bà vợ dại dột của mình một chút."

Khi bác sĩ quay gương mặt hiền hậu với nụ cười dịu dàng và mộc mạc về phía bà vợ thì bà vợ lại cúi gằm mặt xuống hơn nữa. Tôi nhận thấy ông Uýchơphin nhìn bà Xtrong chăm chú.

Bà mẹ lắc đầu, phe phẩy cái quạt về phía con gái có vẻ bỡn cợt và nói tiếp: "Hôm trước, khi tôi có dịp nói với con bé ngốc nghếch này rằng trong gia đình ta có một hoàn cảnh mà nó phải nói đến (thậm chí theo tôi, nhiệm vụ của nó là phải nói với ông), thì nó bảo rằng nói với ông hóa ra là cầu xin ân huệ, và vì ông là người quá nhân từ nó muốn cầu xin gì cũng được, cho nên nó đã từ chối".

"Em Anni ạ", bác sĩ nói, "em nghĩ thế là sai, em làm anh mất một điều sung sướng".

"Đúng lắm, chính tôi cũng bảo nó như thế mà" - bà mẹ nói to: "Lần sau nếu tôi biết rằng nó không nói với ông một điều gì chỉ vì lý do này mà thôi thì, thưa bác sĩ tôi rất muốn nói thẳng với ông".

"Tôi rất sung sướng", bác sĩ đáp.

"Thực không?"

"Thực đấy mà!"

"Thế à? Thế thì tôi sẽ nói", vị cựu chiến binh nói: "Việc này thế là thu xếp xong".

Khi đã đạt được mục đích của mình (theo ý nghĩ của tôi) bà ta hôn cái quạt rồi cầm nó gõ gõ mấy cái nhè nhẹ lên bàn tay bác sĩ, đoạn trở lại vị trí cũ của mình hân hoan đắc thắng.

Vì những người khách khác lại đến, trong số này có hai thầy giáo và Adam nên câu chuyện trở thành chuyện chung. Dĩ nhiên người ta nói đến ông Jăc Manđơn và cuộc viễn du của ông ta, đến cái nước mà ông ta sẽ đến và tất cả những dự định của ông ta. Ông ta phải ra đi ngay sau bữa ăn chiều hôm ấy, bằng xe trạm đến Grâyvơxen, rồi xuống tàu ở đấy. Trừ phi ông ta xin phép trở về nghỉ, hay vì lý do sức khỏe của ông ta sẽ phải vắng mặt không biết bao nhiêu năm trời. Tôi nhớ tất cả mọi người

đều đồng ý rằng Ấn-độ là một nước bị người ta nói xấu, chứ nó không có cái gì đáng chê trách, chỉ trừ có dăm ba con hổ và có hơi nóng một chút trong khoảng thời gian ít mát nhất trong ngày, về phần tôi, tôi thấy ông Jăc Manđơn là một Xinbat hiện đại[2], tôi tưởng tượng ông là bạn thân của tất cả các quốc vương ở phương đông, ngồi dưới một chiếc lọng, hút thuốc bằng những cái tẩu vàng cong vút, tẩu này sẽ dài đến một dặm nếu như người ta có thể uốn cho nó thẳng ra.

Bà Xtrong hát rất hay, tôi biết điều đó vì thường nghe bà hát một mình. Không hiểu vì bà ta mất giọng hay sợ hát ở chỗ đông người, mà rõ ràng là hôm ấy bà ta không sao hát được. Có một lần bà thử song ca với ông anh họ Manđơn, nhưng bà đã không thể nào bắt giọng được. Sau đó một hồi lâu, bà thử hát một mình, thì mặc dầu bà bắt đầu rất dịu dàng, nhưng đến nửa chừng giọng bà bỗng nhiên bị tắc và đã hốt hoảng gục đầu xuống các phím đàn. Bác sĩ tốt bụng bảo thần kinh bà bị xúc động và để nâng đỡ bà, ông đề nghị đánh bài (ông ta đánh bài cũng kém như chơi kèn hai ống). Nhưng tôi thấy vị cựu chiến binh liền che chở cho ông là người cùng chơi với mình, và với tư cách ông là người mới nhập môn, bà ra lệnh cho ông phải dốc tất cả những đồng tiền của ông ở trong túi ra.

Cuộc đánh bài hôm ấy vui vẻ, không phải vì những sai lầm của bác sĩ mà nó bớt vui, bởi vì bác sĩ đã phạm vô số sai lầm mặc dầu có sự tích cực của những con bướm và sự giận dữ của chúng. Bà Xtrong từ chối không chơi vì thấy mình hơi khó ở. Còn ông anh họ Manđơn cũng từ chối vì phải lo thu xếp hành lý. Tuy vậy, sau khi thu xếp xong, ông ta cũng đến ngồi cạnh bà Xtrong, trên ghế xô-pha, để nói chuyện. Chốc chốc bà Xtrong lại liếc mắt nhìn xem cách đánh bài của bác sĩ và bảo ông nên đánh như thế nào. Mặt bà tái xanh khi cúi về phía ông ta và tôi cảm thấy ngón tay bà run run khi chỉ những con bài; nhưng tôi có cảm tưởng bác sĩ được vợ săn sóc như vậy thì sung sướng quá nên chẳng để ý đến gì hết.

Bữa ăn tối hôm ấy không hoàn toàn vui vẻ như hồi nãy. Ai cũng cảm thấy sự ly biệt này là một cái gì vướng víu và phút chia tay càng đến gần thì tình trạng ấy càng tăng thêm, ông Jăc Manđơn cố tình nói liến thoắng, nhưng không cao hứng cho lắm nên không khí càng thêm tẻ. Tôi cảm thấy vị cựu chiến binh cũng không làm cho không khí vui hơn vì bà cứ luôn luôn nhắc đến những chuyện thời thơ ấu của ông Jắc Manđơn.

Tuy vậy, tôi vẫn chắc chắn rằng bác sĩ có cảm tưởng là mình làm cho mọi người sung sướng, nên ông rất hài lòng và yên trí rằng chúng tôi đều vô cùng thích thú. Ông rót rượu vào cốc của mình, nhìn đồng hồ và nói:

"Em Anni ạ, đã đến giờ anh Jăc ra đi, chúng ta không nên giữ anh ấy lại nữa, vì như tục ngữ đã nói "thời giờ và thủy triều không chờ đợi ai" và ở đây chính là trường hợp của cả hai. Anh Jăc Manđơn ạ, anh phải đi một đoạn đường dài, đến một đất nước xa lạ. Nhưng nhiều người đã từng chịu đựng cả hai thử thách ấy, và nhiều người khác sẽ còn chịu đựng như vậy mãi mãi. Những ngọn gió mà anh phải đương đầu đã đưa hàng ngàn hàng triệu con người đến số phận may mắn, và sau đó đã đưa họ trở về đất nước, sung sướng."

"Thực là cảm động", bà Maclơham nói, "dù chúng ta đứng trên quan điểm nào, khi thấy một chàng thanh niên xinh trai mà mình đã biết từ khi con thơ ấu, phải đi đến nơi góc biển chân trời, bỏ lại tất cả những người thân thuộc và không biết những gì sẽ chờ đợi mình, chúng ta cũng phải thấy xúc động. Một chàng thanh niên phải chịu đựng những sự hy sinh như vậy", bà đưa mắt nhìn bác sĩ, "xứng đáng được nâng đỡ và che chở".

"Thời gian sẽ qua nhanh đối với anh, anh Jăc Manđơn ạ", bác sĩ nói tiếp, "và đối với chúng tôi cũng thế. Một vài người trong số chúng ta có lẽ không thể hy vọng được đón chào khi anh trở về, nếu

như sự việc cứ trôi theo nhịp độ bình thường của nó. Cách tốt nhất là hy vọng như vậy, và nó là trường hợp của tôi. Tôi sẽ không đưa ra những lời khuyên tốt đẹp để quấy rầy anh. Từ lâu anh đã có một tấm gương tốt ở trước mắt đó là cô em họ Anni của anh. Anh hãy bắt chước những đức tính của cô ấy."

Bà Maclơham quạt lia lịa và lắc đầu.

"Từ biệt anh Jăc", bác sĩ nói, đoạn đứng dậy và tất cả chúng tôi đều đứng dậy, "Tôi chúc anh thượng lộ bình an, tìm được ở đấy một tiền đồ rực rỡ và trở về nước sung sướng".

Tất cả chúng tôi đều uống rượu chúc mừng và bắt tay ông Jăc Manđơn. Sau đó, ông ta vội vã từ biệt các bà đang đứng ở đấy rồi nhanh nhẹn chạy ra cửa: ở đấy ông được bọn học sinh hoan hô nhiệt liệt ngay lúc ông bước lên xe, chả là bọn học sinh đã tập hợp quanh bồn hoa với mục đích ấy! Tôi lao mình nhập vào bọn để cho hàng ngũ đông hơn, tôi đã len đến sát cạnh chiếc xe ngựa khi nó chuyển bánh, và tôi có một ấn tượng mãnh liệt giữa cảnh huyên náo và bụi bậm bốc lên khi thấy ông Jăc Manđơn mặt mày ngơ ngác, cầm trong tay một vật gì đỏ sẫm.

Sau khi hoan hô lần thứ hai để chúc mừng bác sĩ và hoan hô lần nữa để chúc mừng bà vợ của ông, bọn học sinh giải tán và tôi lại bước vào nhà, đứng cạnh những người khách đang quây quần chung quanh bác sĩ, bàn về việc ra đi của ông Jăc Manđơn, về thái độ, tình cảm của ông ta và những chuyện khác quanh vấn đề ấy. Trong khi mọi người đang nhận xét, bà Maclơham bỗng kêu lên:

"Anni đâu rồi?"

Anni không có ở đây! Và mọi người gọi mãi cũng không thấy bà ta trả lời! Khi tất cả chúng tôi kéo nhau ra khỏi phòng để xem có chuyện gì xảy ra thì thấy bà nằm sóng sượt bất tỉnh trên đất, trong phòng áo. Lúc đầu, mọi người cũng rất lo ngại, nhưng sau những phương pháp cứu chữa thường ngày, bà đã tỉnh lại. Bác sĩ nâng đầu vợ đặt lên đầu gối mình, lấy tay vén những mớ tóc phủ trên mặt vợ, nhìn quanh và nói:

"Thực tội nghiệp cho Anni! Nhà tôi chung thủy và dịu dàng. Nhà tôi bất tỉnh như thế này là vì người bạn thân thuở nhỏ đã ra đi! Ồ, thật là tiếc, tôi rất đau lòng!"

Khi bà mở mắt, biết rằng mình đang ở đâu và thấy chúng tôi đang đứng chung quanh, bà đứng dậy với sự giúp đỡ của chồng, rồi gục đầu vào vai bác sĩ… Tôi không biết có phải là để che mặt không? Chúng tôi bước ra phòng khách, để mặc bà với bác sĩ và bà mẹ, nhưng bà nói rằng bà cảm thấy đỡ nhiều so với buổi sáng và muốn được đưa lại ngồi với chúng tôi. Vì vậy người ta đưa bà đến đặt nằm trên xô-pha, tôi thấy da bà có vẻ tái đi và bà rất yếu. Bà mẹ vuốt áo bà và nói:

"Anni con ạ, con đã mất một cái nơ của con rồi, có ai chịu khó tìm hộ cái ruy-băng… một cái ruy-băng màu đỏ sẫm?"

Đó chính là cái nơ bà mang trước ngực, chúng tôi đều tìm kiếm quanh quẩn. Riêng phần tôi thì tôi tìm khắp mọi nơi, nhưng chẳng ai tìm thấy cái nơ ấy cả. Bà mẹ hỏi:

"Con có nhớ nơi con vừa mang cái nơ ấy không?"

Tôi tự hỏi tại sao tôi lại có thể thấy bà tái xanh đến thế, và bà đỏ mặt lên khi trả lời rằng cách đây không lâu, cái nơ ấy vẫn ở đấy, nhưng theo ý bà thì không hơi đâu mà tìm nó nữa.

Tuy vậy người ta vẫn tìm lại lần nữa, nhưng chẳng có kết quả gì, Ácnét và tôi ngắm đêm sáng trăng và ông Uýchơphin luôn luôn nhìn xuống đất. Khi chúng tôi ra đến cửa, Ácnét bỗng nhớ ra cô ta đã bỏ quên cái túi thêu. Tôi liền chạy vào tìm, và cảm thấy sung sướng khi được giúp đỡ cô.

Tôi bước vào phòng ăn, nơi Ácnét bỏ quên cái túi thêu. Nhưng căn phòng vắng vẻ và tối om. Cánh

cửa này ăn thông với phòng giấy của bác sĩ và trong ấy có ánh sáng nên tôi bước vào đấy để nói tôi muốn tìm gì và xin một ngọn nến.

Bác sĩ đang ngồi trên ghế bành cạnh lò sưởi, bà vợ trẻ của ông đang ngồi trên chiếc ghế đẩu ngay sát chân ông. Bác sĩ nở một nụ cười thỏa mãn và đang cất cao giọng đọc lời giải thích hay bản trình bày trích trong cuốn từ điển không bao giờ có thể làm xong của ông, còn bà vợ thì đang ngước mắt nhìn chồng. Thực chưa bao giờ tôi thấy gương mặt bà như vậy: sắc mặt xanh xao nhưng đường nét của nó thực là thanh tú! Nó có cái dáng say sưa trong cái vẻ lơ đãng của nó, nó có cái vẻ kỳ lạ của một người vừa đi ngủ và có sắc thái mơ màng kinh khủng mà tôi không hiểu nguyên nhân từ đâu? Đôi mắt mở to, mớ tóc nâu xõa xuống thành hai làn sóng tuyệt đẹp trên đôi vai và cái áo trắng tinh bị nhăn vì thiếu cái nơ. Tôi còn nhớ rất rõ cái nhìn của bà, nhưng tôi không thể nói lúc đó nó biểu hiện cái gì! Thậm chí, tôi cũng không thể nói, đối với tôi, nó biểu hiện cái gì khi nó xuất hiện lại, mặc dù óc suy nghĩ của tôi bây giờ đã chín chắn hơn. Tôi thấy tất cả: đau xót, nhẫn nhục, xấu hổ, tự hào, tình yêu và lòng tin; trong tất cả tình cảm ấy tôi còn thấy sự hoảng sợ và tôi không hiểu là hoảng sợ cái gì.

Việc tôi bước vào và nói lý do tại sao tôi quay lại làm cho bà bừng tỉnh. Điều đó cũng làm phiền cho bác sĩ, vì tôi quay lại để đặt cây nến vào chỗ cũ trên bàn, tôi thấy bác sĩ đang vuốt đầu vợ với thái độ âu yếm của người cha và nói rằng mình thực là một người ngớ ngẩn, tàn nhẫn, đáng lý không nên để cho vợ lôi cuốn mình, bảo mình đọc từ điển, và ông muốn đưa vợ đi ngủ.

Nhưng bà vẫn khẩn khoản yêu cầu ông để bà ngồi lại đấy, giọng nói hấp tấp và thiết tha. Như thể là để bà cảm thấy mình thực sự được chồng tin cậy đêm hôm ấy (tôi nghe bà thì thầm những chữ rời rạc đại khái như vậy). Sau khi bà liếc nhìn tôi đi ra cửa và rời khỏi phòng, tôi thấy bà quay lại phía chồng, chắp tay đặt lên đầu gối ông và ngước mắt nhìn ông cũng với vẻ mặt như hồi nãy nhưng điềm tĩnh hơn, trong lúc ông lại tiếp tục đọc.

Cảnh tượng này đã gây cho tôi một ấn tượng mãnh liệt, khiến tôi còn nhớ mãi đến sau này và tôi sẽ có dịp kể lại khi cần.

---

[1] ldaăc Oat (1674 - 1778): nhà thần học và nhà thơ đã viết nhiều bài thơ có mục đích giáo dục. Lời trích dẫn ở đây là lấy trong những bài hát cho trẻ con xuất bản năm 1715, bài *Chống lại tật ngồi không*.

[2] Nhân vật của "Một ngàn lẻ một đêm" đã đi bảy cuộc phiêu lưu kỳ diệu.

Chương XVII
MỘT NGƯỜI NÀO ĐÓ XUẤT HIỆN

Từ khi bỏ trốn đi, tôi vẫn chưa có dịp nói đến chị Pécgôti, nhưng tất nhiên tôi đã viết cho chị một bức thư ngay sau khi tôi được ở Đôvơ và một bức thư khác dài hơn kể lại đầu đuôi mọi việc từ khi cô tôi đã chính thức đứng ra che chở cho tôi. Khi tôi đến trường bác sĩ Xtrong, tôi lại viết cho chị một bức thư nữa kể lại tỉ mỉ về hoàn cảnh sung sướng của tôi hiện nay và sau này.

Tôi không bao giờ cảm thấy sung sướng cho bằng khi dùng số tiền mà ông Đích đã cho tôi để gửi trả chị Pécgôti: trong bức thư sau cùng này tôi gửi một đồng vàng nửa ghi-ni để trả số tiền tôi đã vay, và cũng trong bức thư này, chứ không phải trước đây, tôi nhắc đến anh chàng trẻ tuổi đẩy xe lừa.

Nhận được những bức thư này, chị Pécgôti trả lời ngay, cũng nhanh chóng nếu không phải là cũng chính xác như một viên chức hãng buôn. Chị đã sử dụng hết tài năng diễn đạt của mình (tài năng ấy về mặt viết lách thì chẳng là bao) để kể cho tôi nghe những cảm xúc của chị về cuộc hành trình của tôi. Bốn trang giấy với những câu mở đầu lộn xộn và đầy những dấu than, kết thúc bằng những vết hoen bẩn đã tỏ ra không đủ sức làm cho chị bớt hồi hộp. Nhưng những vết hoen bẩn này đối với tôi lại còn đầy ý nghĩa hơn bài văn viết gẫy gọn nhất, vì nó tỏ cho tôi biết rằng chị Pécgôti đã khóc trên tất cả những trang giấy ấy và tôi còn có thể đòi hỏi gì nữa kia chứ?

Tôi hiểu một cách không khó khăn rằng chị vẫn chưa hoàn toàn có thiện cảm với cô tôi. Sau khi đã có thành kiến xấu trong một thời gian dài như vậy, chị vẫn chưa có đủ thì giờ thay đổi ý kiến. Chị viết rằng không ai có thể biết chắc người đời như thế nào nhưng nghĩ rằng cô Bétxi có thể khác hẳn điều người ta vẫn nghĩ về cô ấy, như vậy thì quả là một bài học về đạo đức! Chị viết như thế. Rõ ràng chị vẫn còn sợ cô Bétxi bởi vì chị gửi lời hỏi thăm cô tôi một cách rất dè dặt và rõ ràng là chị còn sợ cả tôi nữa vì chị nhận thấy rồi đây thế nào tôi cũng sẽ bỏ trốn một lần thứ hai nữa. Tôi có thể đoán được điều đó vì thấy chị cứ luôn luôn gợi ý rằng chị sẵn sàng gửi tiền cho tôi để đi xe trạm đến Yácmao, chỉ cần tôi yêu cầu chị mà thôi.

Chị cho tôi biết một tin làm tôi rất buồn, đó là đồ đạc trong ngôi nhà cũ kỹ của chúng tôi đã bị đem bán, còn ông Mơcxtôn và cô Mơcxtôn đã bỏ đi, cái nhà đã bị khóa lại để cho thuê hay để bán. Trời Phật chứng giám cho rằng tôi cũng chẳng gắn bó gì với cái nhà ấy hễ hai người kia còn ở đấy, nhưng khi nghĩ rằng ngôi nhà cũ kỹ thân yêu kia sẽ bị bỏ quên hoàn toàn… phó mặc cho cỏ mọc ngoài vườn, cho lá ướt chồng chất phủ đầy lối đi thì tôi cảm thấy đau lòng.

Trong óc tôi hình dung những ngọn gió mùa đông sẽ kêu gào chung quanh nhà, những cơn mưa lạnh sẽ đập vào những tấm kính và ánh trăng sẽ vẽ lên những bức tường của những căn phòng trống trải, những con ma để canh suốt đêm trong cảnh tịch mịch! Tôi lại nghĩ đến ngôi mộ dưới cây ở nghĩa địa, tôi cảm thấy bây giờ ngôi nhà đã chết, cũng như tất cả những gì gắn liền với cha mẹ tôi đều tan biến hết. Trong những bức thư của chị Pécgôti còn có những tin tức khác, ông Bácкít là một ông chồng rất tốt, chị nói, chỉ có hơi khít khao một chút. Nhưng trên đời ai mà chẳng có khuyết điểm này khuyết điểm nọ, và chị cũng có nhiều khuyết điểm (mặc dầu quả thực tôi không biết chị có những khuyết điểm gì) và anh ấy gửi lời thăm tôi, căn phòng nhỏ của tôi bao giờ cũng sẵn sàng chờ đón tôi. Ông Pécgôti mạnh khỏe và Ham cũng thế. Còn bà Gơmmít thì không được khỏe lắm và bé Emili không chịu gửi lời thăm tôi, nhưng cô ta nói với ông Pécgôti rằng cô có thể gửi lời thăm tôi nếu ông muốn.

Tôi nói tất cả những tin ấy với cô tôi, riêng chỉ giữ về phần tôi những lời bóng gió về bé Emili vì linh cảm của tôi cho tôi biết rằng cô tôi không thích việc đó. Trong khi tôi vẫn còn là một anh học trò mới ở trường của bác sĩ Xtrong, cô tôi có đến Cantơbơri mấy lần để thăm tôi, và bao giờ cũng đến

vào những giờ bất ngờ, hình như là để bắt chợt tôi. Nhưng nhận thấy rằng tôi chăm học, được mọi người khen, và nghe mọi người nói rằng ở trường, tôi tiến bộ rất nhanh, chẳng bao lâu, cô tôi không đến thăm như vậy nữa. Tôi gặp cô tôi cứ ba tuần một lần hay một tháng một lần vào ngày thứ bảy khi tôi rất muốn đến Đôvơ, và tôi gặp ông Đích hai tuần một lần vào ngày thứ tư. Ông đi xe trạm đến vào buổi trưa và ở lại cho đến sáng hôm sau.

Trong những trường hợp này, ông Đích bao giờ cũng mang theo một cái bàn viết bằng da đựng đủ các dụng cụ văn phòng và quyển "Hồi ký", về vấn đề này, ông có cảm tưởng rằng thời gian bây giờ đã bắt đầu gấp và thế nào cũng phải viết cho xong.

Ông Đích rất thích loại bánh ngọt thơm. Để cho những cuộc đi thăm của ông càng thêm thú vị, cô tôi ra lệnh cho tôi mở một tài khoản ở hiệu bánh ngọt, mỗi lần ông đến ăn thì chỉ được dọn cho ông một si-linh bánh ngọt thơm trong một ngày hôm đó. Ngoài ra, tất cả các hóa đơn của cái quán ông đến nghỉ đều chuyển cho cô tôi trước khi trả tiền, cho nên tôi đâm ngờ rằng ông chỉ có quyền rung túi bạc lẻng xẻng, chứ không có quyền tiêu tiền. Sau khi điều tra, tôi phát hiện thấy sự việc diễn ra như vậy là tốt và giữa ông với cô tôi đã có một sự thỏa thuận rằng ông sẽ báo cáo với cô tôi về tất cả các khoản chi tiêu. Vì ông không hề có ý nghĩ lừa dối cô tôi, trái lại bao giờ cũng muốn làm cho cô tôi vui lòng, nên ông ngần ngại không chi tiêu bừa bãi. Về điểm này cũng như về tất cả các điểm khác, ông Đích vẫn yên trí rằng cô tôi là một người đàn bà khôn ngoan và tuyệt diệu nhất trên đời như ông vẫn thường nhắc với tôi nhiều lần và bao giờ cũng nhắc bằng giọng thì thầm:

"Trốttút ạ", ông Đích tâm sự với tôi vào một ngày thứ tư có vẻ bí mật, "cháu có biết con người ẩn nấp ở cạnh nhà chúng ta và làm cho cô cháu sợ là ai không?" "Làm cho cô cháu sợ à?"

Ông Đích gật đầu:

"Trước kia chú vẫn tưởng cô cháu không sợ gì hết", ông nói, "bởi vì… (đến đây ông bắt đầu nói rất khẽ) không cần phải nhắc nữa… cô là con người thông minh và đáng phục nhất."

Sau khi đã nói với tôi như vậy, ông bước lùi một bước để xem câu nói này có gây ảnh hưởng gì đối với tôi không, đoạn ông nói tiếp:

"Người ấy đến lần đầu tiên… ờ, để nghĩ xem… năm 1649, năm vua Saclơ bị hành hình. Chú nhớ rằng cháu bảo chú đó là năm 1649 có phải không?"

"Vâng ạ".

"Chú không hiểu việc này làm sao có thể xảy ra được" ông Đích nói, lắc đầu hết sức lúng túng, "Chú không tin rằng câu chuyện xảy ra lại lâu như vậy".

"Có phải năm ấy chú đã thấy con người kia xuất hiện không?" Tôi hỏi.

"Quả thực chú không hiểu tại sao việc này lại có thể xảy ra vào năm ấy, Trốtút ạ. Có phải cháu đã thấy năm ấy ở trong quyển sử ký của cháu không?"

"Vâng".

"Cháu cho rằng những quyển sử ký không bao giờ nói dối, có phải không?" Ông Đích nói, hy vọng.

"Ồ, không! Không đâu chú ạ!" Tôi đáp, giọng kiên quyết. Lúc bấy giờ tôi còn trẻ, ngây thơ và tôi tin như vậy.

"Chú không tài nào giải thích được vấn đề này" ông Đích nói và lắc đầu "Có cái gì không đúng ở đây. Dù thế nào đi nữa thì ít hôm sau khi người ta bắt chú phải chịu đựng một phần những lo lắng của vua Saclơ thì người ấy xuất hiện lần đầu tiên. Chú cùng cô Trốtút đi dạo chơi sau khi uống nước trà,

đúng vào lúc xâm xẩm tối thì người ấy đứng đấy rồi, gần cạnh nhà chúng ta!"

"Ông ta có đi dạo không?" Tôi hỏi "Đi dạo chơi à?" ông Đích lặp lại. "Để xem… chú phải cố gắng nhớ lại một chút. Không, không, ông ta không đi dạo chơi." Muốn đi đến kết luận nhanh chóng hơn, tôi hỏi lúc ấy ông ta làm gì.

"Thế này: lúc ấy ông ta không ở đấy", ông Đích nói "cho đến khi ông ta đột nhiên xuất hiện sau lưng cô Trốtút và thì thầm với cô ấy. Cô ấy bèn quay lại và ngất đi, còn chú thì đứng ngây người nhìn con người ấy, và ông ta đã đi xa. Nhưng có một điều kỳ lạ là, từ hôm đó trở đi, người ấy vẫn ẩn nấp ở đâu đấy (ở dưới đất hay ở đâu chú cũng chẳng biết)."

"Chú chắc là từ hôm đó người ấy cứ ẩn nấp sao?" Tôi hỏi.

"Cái đó thì chắc", ông Đích đáp và lắc đầu có vẻ quan trọng, "ông ta không bao giờ xuất hiện, chỉ trừ tối qua. Tối qua chú và cô Bétxi đang dạo chơi bỗng thấy ông ta xuất hiện sau cô Bétxi, và chú đã nhận ra."

"Ông ta có làm cho cô cháu hoảng sợ nữa không?"

"Cô cháu run lẩy bẩy", ông Đích nói, bắt chước tình huống và hàm răng run lập cập, "cô cháu nắm lấy song cửa. Cô khóc, nhưng Trốtút, cháu nghe này (nói đến đây, ông kéo tôi lại sát bên người, thì thầm), tại sao cô ấy lại cho người kia tiền ở dưới trăng?"

"Có lẽ đó là người ăn mày!"

Ông Đích lắc đầu, dường như muốn bác bỏ hoàn toàn giả thuyết này, ông nhắc lại nhiều lần có vẻ tâm sự: "Không phải ăn mày đâu!", ông nói tiếp và cắt nghĩa cho tôi biết rằng sau đó, lúc đêm khuya đứng ở cửa sổ ông đã thấy cô tôi đưa tiền cho người ấy lúc đó đứng bên kia hàng rào sắt, dưới ánh trăng, rồi sau đó người ấy lại lén lút bỏ đi (ông đoán có lẽ hắn lại chui xuống đất) và biến mất trong khi cô tôi vội vàng lẻn bước vào nhà; sáng hôm sau, cô tỏ ra khác hẳn ngày thường. Và ông Đích rất lo ngại về điều đó.

Lúc mới nghe câu chuyện này, tôi vẫn hoàn toàn yên trí rằng con người lạ mặt kia chẳng qua chỉ là một sự sáng tạo trong trí tưởng tượng của ông Đích và tôi tin rằng nó giống như ông vua tội nghiệp kia đã làm cho ông băn khoăn khổ sở, nhưng sau khi nghĩ lại, tôi bắt đầu tự hỏi không biết có phải người ta cố tìm cách dọa cướp ông Đích tội nghiệp ra khỏi sự che chở của cô tôi hay không, và có lẽ cô tôi (cô tôi có nói với tôi rằng cô rất quý ông Đích) bắt buộc phải trả một số tiền để giữ cho ông ta được sống thoải mái và yên ổn. Tôi rất yêu ông Đích và lo lắng đến hạnh phúc của ông cho nên những điều lo ngại của tôi càng củng cố thêm giả thuyết kia, và trong một thời gian dài, mỗi khi đến ngày thứ tư hàng tuần là tôi đâm lo ngại, sợ không thấy ông xuất hiện bên cạnh anh xà ích trên chỗ ngồi của cỗ xe trạm. Nhưng bao giờ ông cũng đến, với mái tóc hoa râm, thái độ niềm nở, sung sướng và không bao giờ ông nhắc lại với tôi về con người đã có thể làm cho cô tôi sợ hãi ấy nữa.

Hôm thứ tư ấy là ngày sung sướng nhất trong đời ông Đích, và đối với tôi, đó cũng là ngày thú vị nhất. Chẳng bao lâu, tất cả học trò trong trường đều biết ông Đích. Ông không bao giờ tham dự tích cực vào một trò chơi nào, trừ trò thả diều, nhưng ông cũng quan tâm đến tất cả những trò giải trí của chúng tôi một cách chăm chú chẳng kém bất kỳ đứa nào trong bọn chúng tôi. Biết bao nhiêu lần tôi thấy ông chăm chú theo dõi một ván bi hay một ván đánh quay, ông ngắm nghía có vẻ hết sức quan tâm và gặp những lúc hứng thú, ông hầu như nín thở. Biết bao nhiêu lần khi chơi trò bắt thỏ hay đi săn, tôi thấy ông trèo lên một mô đất, khuyến khích tất cả những người chơi bằng cách hoan hô và cầm mũ vẫy lia lịa trên mái đầu hoa râm, quên bẵng mất cái đầu của vua Sáclơ bị hy sinh và tất cả những gì liên

quan đến chuyện đó. Trong mùa hè, ông đã đứng ở ngoài sân chơi cầu trụ hàng giờ, đó là những giờ phút hạnh phúc nhất của ông. Mùa đông, tôi đã thấy ông đứng dưới tuyết và gió rét, mũi bị lạnh tím ngắt, nhìn bọn học sinh trượt tuyết và vỗ hai bàn tay đeo đôi găng bằng len to tướng một cách sung sướng, say sưa!

Ông được mọi người chiều chuộng và tài khéo léo của ông trong những việc nhỏ thực là vô địch. Ông có thể cắt cam theo những hình thù mà không một ai trong bọn chúng tôi có thể hình dung được, ông có thể làm một chiếc tàu thủy bằng bất kỳ cái gì, ngay với cả cái xiên nướng thịt, ông có thể biến những mẩu xương thành những con cờ, cắt những chiếc xe trận của người La-mã bằng những quân bài cũ, có thể làm những bánh xe có nan hoa bằng những ống cuốn sợi, làm những chiếc lồng chim bằng những sợi dây thép cũ. Nhưng ông tài nhất là trong việc làm những đồ bằng rơm và bằng dây, tất cả chúng tôi đều tin chắc rằng ông có thể làm được tất cả những gì mà bàn tay con người có thể làm.

Danh tiếng ông Đích không chỉ bó hẹp mãi trong bọn học sinh chúng tôi. Sau một vài buổi thứ tư thì đến cả bác sĩ Xtrong cũng hỏi tôi về ông, và tôi đã kể lại tất cả những điều cô tôi đã nói với tôi. Điều đó làm cho bác sĩ thích thú đến nỗi ông yêu cầu lần sau ông Đích đến thăm thì giới thiệu ông Đích với ông. Tôi đã làm được nhiệm vụ ấy - Bác sĩ yêu cầu ông Đích mỗi khi không thấy tôi ở nhà xe trạm thì cứ đến thẳng trường và nghỉ ở đấy đợi chúng tôi học buổi sáng xong. Vì vậy cho nên chẳng bao lâu, ông Đích có thói quen cứ yên tâm đến trường. Nếu chúng tôi tan học hơi muộn một chút, và điều này thường hay xảy ra vào ngày thứ tư, thì ông thường đi dạo ngoài sân để đợi tôi. Chính ở đây ông đã làm quen với bà vợ trẻ tuổi và xinh đẹp của bác sĩ (lúc này trông bà xanh hơn trước, tôi có cảm tưởng rằng tôi cũng như mọi người đều ít gặp bà hơn, bà không vui như trước nhưng vẫn xinh đẹp như xưa). Dần dần ông càng trở nên quen thuộc cho đến sau này, ông thường vào lớp ngồi đợi. Bao giờ ông cũng ngồi ở một góc duy nhất, trên một chiếc ghế đẩy riêng, và vì vậy chiếc ghế này được gọi là "Đích", ông ngồi ở đấy, mái đầu hoa râm cúi về phía trước, chăm chú lắng nghe tất cả những gì có thể xảy ra, thành tâm kính phục cái tri thức mà ông không bao giờ có thể có được.

Ông Đích cũng có thái độ tôn kính ấy đối với bác sĩ mà ông cho là nhà triết học tế nhị nhất và hoàn toàn nhất của mọi thời đại. Trong một thời gian dài, hễ ông Đích nói với bác sĩ là bao giờ cũng cất mũ.

Ngay cả khi bác sĩ và ông đã thành một đôi bạn thân, đi chơi với nhau hàng giờ trên cái sân mà chúng tôi gọi là đường đi của bác sĩ, ông Đích chốc chốc vẫn cất mũ để tỏ lòng kính trọng sự thông thái và hiểu biết của bác sĩ. Tôi không sao hiểu được rằng bác sĩ làm thế nào để có thể đọc những đoạn trong quyển từ điển trứ danh của mình trong khi đi chơi như vậy. Có lẽ lúc đầu ông ta vẫn có cảm tưởng như là đọc cho mình nghe chăng? Dẫu sao điều đó cũng đã thành một thói quen và ông Đích trong khi lắng nghe với khuôn mặt sáng ngời vì tự hào và thích thú, trong thâm tâm vẫn tin rằng quyển từ điển này là quyển sách thú vị nhất trên đời.

Khi tôi nghĩ đến cảnh hai người đi bách bộ dưới cửa sổ lớp học chúng tôi, khi tôi nghĩ đến cảnh bác sĩ miệng nở nụ cười thỏa mãn, đang đọc tác phẩm của mình, chốc chốc lại hoa bản thảo lên hay gật gật cái đầu có vẻ trầm ngâm, còn ông Đích thì lắng nghe say mê, và cái đầu óc tội nghiệp của ông đang phiêu lưu đi đâu họa có trời biết hay đang cưỡi trên đôi cánh của những chữ hóc búa kia, tôi cho đó là một điều thú vị nhất đời mà tôi có thể thấy được. Tôi có cảm tưởng rằng họ có thể cứ đi bách bộ như thế mãi và điều đó có thể làm cho thế giới tốt đẹp hơn, dường như hàng nghìn việc mà thế giới chú ý đến, đối với nó cũng như đối với tôi, đều không quan trọng bằng việc này.

Chẳng bao lâu Ácnét đã trở thành người bạn của ông Đích, và vì ông Đích hay đến nhà nên ông làm quen với cả Uria. Tình bạn giữa tôi và ông mỗi ngày một tăng, nhưng nó vẫn được duy trì trên mối quan hệ kỳ quặc: trong khi ông Đích với thái độ săn sóc của một người đỡ đầu, thì ông lại luôn luôn

hỏi ý kiến tôi về tất cả những vấn đề nhỏ nhất đã làm cho ông ngờ vực, và bao giờ ông cũng nghe theo lời khuyên của tôi, bởi vì không những ông rất tôn trọng cái trí khôn sẵn có của tôi mà ông còn cho rằng tôi đã thừa hưởng một phần lớn những đức tính của cô tôi.

Một buổi sáng thứ năm, khi tôi theo ông Đích từ khách sạn đến trạm xe ngựa trước lúc trở về lớp học (vì chúng tôi còn phải học một giờ trước khi ăn sáng), tôi bỗng gặp Uria ở ngoài đường. Hắn nhắc tôi rằng tôi đã hứa đến uống trà với mẹ con hắn, hắn nói thêm, người uốn éo:

"Nhưng tôi không cho rằng cậu sẽ giữ lời hứa, cậu Copơphin ạ, vì chúng tôi rất *hèn kém*".

Quả thực, tôi vẫn không thể quyết định xem tôi yêu hay ghét hắn. Tôi vẫn còn đầy ngờ vực về việc đó khi tôi đứng ở ngoài đường, nhìn thẳng vào mặt hắn. Nhưng thấy hắn bảo tôi tự kiêu thì tôi cảm thấy rất bực và tôi nói rằng tôi chỉ muốn được mời đến. Uria nói:

"Ồ nếu chỉ có thế mà thôi, cậu Copơphin, và nếu không phải sự *hèn kém* của chúng tôi đã cản trở cậu, thì tối nay cậu vui lòng đến nhà chúng tôi nhé! Nhưng nếu đó là do hoàn cảnh *hèn kém* của chúng tôi thì tôi hy vọng rằng cậu sẽ không ngần ngại thừa nhận điều đó vì chúng ta đã biết rõ hoàn cảnh của nhau, cậu Copơphin ạ."

Tôi nói rằng tôi sẽ báo cáo với ông Uýchơphin, và nếu như ông bằng lòng, mà nhất định ông sẽ bằng lòng, thì thế nào tôi cũng vui lòng đến.

Thế là sáu giờ chiều hôm ấy (hôm ấy phòng giấy đóng cửa sớm), tôi bảo Uria rằng tôi đã sẵn sàng. Khi chúng tôi cùng đi, hắn nói:

"Mẹ tôi sẽ rất hân hạnh, hay ít nhất mẹ tôi sẽ hân hạnh nếu như đó không phải là một tội lỗi, cậu Copơphin ạ".

"Thế mà sáng nay anh cứ bảo là tôi tự kiêu đấy", tôi đáp.

"Ồ, không đâu, cậu Copơphin ạ" Uria đáp "Ồ! Cậu biết cho, tôi không bao giờ nghĩ thế đâu. Tôi không bao giờ dám cho cậu là tự kiêu, nếu như cậu cho rằng chúng tôi là những người quá *hèn kém* đối với cậu, bởi vì chúng tôi hết sức *hèn kém*."

"Dạo này anh có học luật nhiều không?" Tôi hỏi để chuyển sang chuyện khác.

"Ồ, cậu Copơphin ạ", hắn nói với cái vẻ khiêm tốn, "tôi đọc như thế đâu có phải là học! Thỉnh thoảng buổi chiều tôi đọc Tít một hai giờ, có thế thôi".

"Sách ấy khó lắm nhỉ?" Tôi nói.

"Đối với tôi đôi khi cũng thật hóc búa", Uria đáp "nhưng không biết đối với một người có khiếu thì thế nào".

Sau khi đánh nhịp một điệu nhạc nhè nhẹ ở trên cằm với hai ngón tay của bàn tay phải khẳng khiu trong lúc đang đi, hắn nói:

"Cậu Copơphin ạ, có những thành ngữ, những chữ La-tinh, những thuật ngữ trong quyển sách của ông Tít thực là khó đối với một độc giả hiểu biết kém cỏi như tôi".

"Anh có muốn học tiếng La-tinh không?" tôi phấn khởi hỏi "Tôi sẽ sẵn sàng dạy anh vì tôi đang học".

"Ồ! Cảm ơn cậu, cậu Copơphin ạ," hắn đáp và lắc đầu, "tôi biết rằng cậu đề nghị như vậy là rất tốt bụng đấy, nhưng tôi là người *hèn kém* quá không thể chấp nhận được."

“Anh nói vớ vẩn quá, anh Uria ạ”.

“Ồ, thật đấy mà, cậu tha lỗi cho tôi, cậu Copơphin ạ. Tôi rất cảm ơn cậu và tôi rất thích điều đó, tôi cam đoan với cậu như vậy, nhưng tôi là người *hèn kém* quá. Ngay ở địa vị *hèn kém* của tôi cũng đã có chán người chà đạp tôi dưới gót chân mà không cần tôi động chạm đến lòng tự ái của họ bằng cách muốn có học vấn nữa là. Học vấn không phải để dành cho tôi. Tốt hơn cả là một người như tôi đừng tỏ ra có tham vọng. Nếu nó muốn sống trên đời thì phải sống hèn kém, cậu Trốtút ạ”.

Tôi chưa bao giờ thấy miệng hắn mở to và những nếp nhăn trên má hắn sâu hoắm như vậy khi hắn biểu lộ những ý nghĩ ấy, hắn vừa nói vừa lắc đầu lia lịa và uốn éo thân hình khúm na khúm núm. Tôi nói:

“Tôi cho rằng anh nghĩ như thế là sai, anh Uria ạ. Tôi dám chắc tôi có thể dạy anh nhiều điều, nếu như anh muốn học”.

“Ồ, tôi không hoài nghi gì điều đó cả, cậu Copơphin ạ”, hắn đáp, “không hoài nghi chút nào hết. Nhưng vì cậu không ở địa vị *hèn kém* cho nên có lẽ cậu không nhận xét đúng về những con người hèn kém. Cám ơn cậu. Tôi không muốn làm cho những người có địa vị cao hơn tôi phật ý bằng sự hiểu biết của tôi. Tôi là con người *hèn kém* quá chừng. Đây là ngôi nhà *hèn kém* của tôi, cậu Trốtút ạ.”

Chúng tôi bước vào một gian phòng thấp, dáng cổ lổ, ăn thông ra đường và thấy bà Híp ở đấy; bà giống hệt Uria, nhưng chỉ có điều là tầm vóc nhỏ bé. Bà tiếp tôi với cái vẻ hết sức khúm núm và xin lỗi tôi về việc bà hôn anh con trai và tuyên bố rằng mặc dầu họ địa vị hèn kém, họ cũng có những tình cảm tự nhiên và hy vọng rằng điều đó sẽ không làm ai phật ý. Đó là một căn phòng tươm tất, đồng thời là phòng khách, kiêm nhà bếp, nhưng hoàn toàn không phải là một căn phòng ấm cúng. Mấy cái tách uống trà đặt trên một cái bàn và cái siêu nước đang sôi sùng sục trên bếp. Trong phòng có một cái tủ, mặt trên làm thành bàn viết để cho Uria viết hay đọc vào buổi chiều, cái cặp màu xanh của Uria nằm dưới đất, giấy má lòi ra ngoài; có những quyển sách của Uria, tất cả một lô dưới sự chỉ huy của ông Tít; trong góc có một tủ đựng bát đĩa và những đồ đạc thông thường. Tôi không nhớ có đồ vật nào đặc biệt có cái vẻ trơ trụi, khắc khổ và khô khan, nhưng nhớ là toàn bộ căn phòng đều có cái vẻ ấy.

Có lẽ một phần vì sự khiêm tốn của bà Híp mà bà Híp còn để tang, mặc dù thời gian từ khi ông Híp qua đời đến nay đã xa lơ xa lắc. Tôi nghĩ cái mũ của bà là một sự nhượng bộ nào đấy, nhưng trừ cái đó ra thì bộ tang phục của bà vẫn y hệt như những ngày đầu khi ông chồng qua đời. Bà Híp vừa pha trà vừa nói:

“Hôm nay là một ngày mà chúng ta sẽ ghi nhớ mãi, mẹ tin chắc như vậy, Uria ạ, vì cậu Copơphin đến thăm chúng ta”.

“Con đã nói rằng mẹ cũng nghĩ như vậy”, Uria nói.

“Nếu như tôi tiếc rằng cha cháu không còn sống với chúng tôi”, bà Híp nói, “thì đó là vì ông ấy không được cái diễm phúc ngồi cạnh cậu chiều nay”.

Những lời khen ấy làm tôi lúng túng, nhưng tôi cũng nhận thấy rằng tôi được đón tiếp như một người khách quý và tôi nghĩ rằng bà Híp là một người đàn bà dễ chịu. Bà Híp nói:

“Cháu Uria từ lâu vẫn mong đợi cậu đến thăm. Cháu sợ địa vị thấp hèn của chúng tôi là một sự cản trở và tôi cũng có ý nghĩ như vậy. Chúng tôi thấp hèn lắm. Trước đây chúng tôi đã thấp hèn. Hiện nay và sau này chúng tôi sẽ mãi mãi thấp hèn”.

“Tôi tin chắc rằng bà không có lý do gì để nghĩ như vậy”, tôi nói, “trừ phi bà thích”.

“Cảm ơn cậu”, bà Híp trả lời ngay, “Chúng tôi hiểu hoàn cảnh của chúng tôi và chúng tôi tự lấy làm thỏa mãn”.

Tôi nhận thấy bà Híp dần dần nhích về phía tôi, còn Uria thì dần dần ngồi trước mặt tôi và họ nhét cho tôi những món ăn ngon nhất ở trên bàn một cách cung kính Thực ra thì ở đây cũng chẳng có món gì đặc biệt ngon, nhưng tôi chú ý đến ý định của họ hơn là hành động, và tôi cảm thấy là họ rất quan tâm đến tôi. Lát sau, họ bắt đầu nói đến những người cô, những người dì, và thế là tôi cũng cho họ biết bà cô tôi, họ nói đến cha mẹ và tôi cũng nói cho họ biết cha mẹ tôi. Sau đó bà Híp bắt đầu nói đến người bố chồng, và tôi bắt đầu nói đến ông bố dượng của tôi, nhưng tôi ngừng bặt bởi vì cô tôi đã dặn là phải giữ kín điều đó. Nhưng cũng như một cái nút chai lỏng không thể nào chống cự lại được hai cái mở nút, cũng như một cái răng mới mọc không thể chống lại được hai người thợ nhổ răng, cũng như một quả cầu không thể chống lại được hai cái vợt, cũng vậy, tôi cũng không thể chống lại được Uria và bà Híp. Hai người tha hồ muốn làm gì tôi cũng được, và họ đã bắt tôi phải bộc lộ những điều mà tuyệt nhiên tôi không muốn nói ra. Họ làm việc đó thành thạo đến nỗi tôi đã đỏ bừng cả mặt khi nghĩ lại, nhất là trong tuổi trẻ ngây thơ, tôi rất sung sướng được bộc lộ tâm sự và cảm thấy mình là người chiếu cố đến hai người chủ kính nể mình.

Có một điều chắc chắn: họ rất thương nhau. Tôi cho rằng điều đó làm tôi cảm động vì đó là một điều tự nhiên của con người. Nhưng cái thái độ khôn khéo của mỗi người để làm bất kỳ điều gì người kia nói là một dấu hiệu của cái mánh khóe mà tôi vẫn không sao đối phó được. Khi không còn gì để moi về bản thân tôi (vì tôi câm như hến về cuộc đời ở Mơcxtôn và Grinbi cũng như về cuộc hành trình của tôi), họ bắt đầu hỏi đến ông Uýchơphin và Ácnét. Uria tung quả bóng cho bà Híp, bà Híp chụp lấy rồi ném cho Uria, để nó bay vài phút trên không rồi lại ném cho bà Híp; hai người cứ tiếp tục ném mãi cho nhau như vậy đến nỗi tôi không còn biết ai nắm quả bóng và tôi hoàn toàn sửng sốt. Vả chăng quả bóng cứ luôn luôn chuyền từ tay này qua tay kia. Khi thì tôi nói đến ông Uýchơphin, khi thì tôi nói đến Ácnét, khi thì tôi nói đến những đức tính của ông Uýchơphin, khi thì tôi thán phục Ácnét, khi thì tôi nói đến tầm quan trọng của việc kinh doanh và tài sản của ông Uýchơphin, khi thì tôi nói đến sinh hoạt gia đình của chúng tôi sau bữa ăn chiều, khi thì tôi nói đến thứ rượu mà ông Uýchơphin thường uống, tại sao ông ta lại uống như vậy và thấy ông ta uống nhiều thì người ta buồn, khi thì nói chuyện này, khi thì nói chuyện khác, rồi nói tất cả một lúc. Trong suốt thời gian ấy, khi không có vẻ nói luôn hay làm điều gì ngoài việc thỉnh thoảng khuyến khích họ đừng quá rụt rè về sự thấp hèn của họ và về cái vinh dự có tôi ngồi bên cạnh, dần dần tôi thấy tôi cứ dốc tuột ra những điều mà tôi không có quyền gì bộc lộ và tôi có thể nhận thấy tác dụng của những lời nói của tôi ở hai cánh mũi có nốt ruồi của Uria cứ thở phập phồng.

Tôi bắt đầu cảm thấy mình hơi khó chịu và rất muốn chấm dứt cuộc đến thăm này. Bỗng một bóng người đang đi ngoài đường qua trước cửa (cánh cửa mở rộng để cho thoáng khí vì phòng này nóng, nhất là đối với thời tiết lúc này thì càng oi bức), người này quay lại liếc nhìn vào nhà rồi bước vào, kêu to:

“Copơphin! Anh ở đây à?”

Đó là ông Micôbơ. Đúng là ông Micôbơ với chiếc kính tay, cái gậy, cái cổ sơ-mi, cái dáng điệu lịch sự và giọng nói bề trên ồ ồ, chẳng thiếu chút gì! Ông Micôbơ chìa tay nói:

“Anh bạn Copơphin thân mến, đây quả thực là một cuộc hội ngộ có thể làm cho trí óc người ta cảm thấy tính chất giây lát và bấp bênh của tất cả việc đời… tóm lại, đây là một cuộc hội ngộ kỳ lạ nhất. Tôi đang đi dạo trên đường này, lòng đang nghĩ đến cái dịp may có lẽ sẽ xuất hiện (và tôi cũng rất tin về điều đó), thì bỗng thấy xuất hiện trước mắt mình một người bạn tuy trẻ nhưng rất quý báu, gắn bó

với mình trong cái giai đoạn sóng gió nhất trong đời, tôi có thể nói, trong cái bước ngoặt của đời mình. Cậu Copơphin, thế nào anh bạn? Anh bạn mạnh khỏe chứ?"

Tôi không thể nói… quả thực tôi không thể nói rằng tôi sung sướng được gặp ông Micôbơ ở chỗ này, nhưng tôi cũng sung sướng được thấy ông, tôi niềm nở bắt tay ông và hỏi thăm tin tức, sức khỏe bà Micôbơ.

"Cảm ơn", ông Micôbơ nói, vẫn ve vẫy bàn tay như mọi ngày và kéo cái cằm vào trong cổ áo "nhà tôi mạnh khỏe lắm. Cặp sinh đôi không còn bám lấy nguồn suối của thiên nhiên để hấp thụ thức ăn của chúng nữa… tóm lại", ông Micôbơ nói, đầy vẻ tâm sự, "chúng tôi đã cai sữa cho chúng và nhà tôi hiện cùng đi đường với tôi. Nhà tôi sẽ vui mừng, anh Copơphin ạ, được gặp lại con người, về tất cả mọi mặt, đã tỏ ra xứng đáng là con người hành lễ ở cái điện thiêng liêng của tình bằng hữu."

Tôi nói nếu được gặp bà Micôbơ thì tôi thích lắm. "Anh thực là tốt bụng", ông Micôbơ nói.

Ông Micôbơ mỉm cười, lại kéo cái cằm vào, đưa mắt nhìn quanh và nói:

"Tôi đã phát hiện ra anh bạn Copơphin của tôi", ông ta lại nói tiếp, "trong khi không nói với người nào đặc biệt, không phải ở trong tình cảnh cô độc, mà đang dự bữa cơm với một quả phụ, và một người có vẻ là con trai của bà, tóm lại", ông Micôbơ nói, lại tỏ ra vẻ thân mật "đó là cậu con trai của bà. Tôi rất lấy làm hân hạnh, nếu được giới thiệu".

Trong trường hợp này tôi chẳng biết làm gì hơn là giới thiệu ông Micôbơ với Uria Híp và mẹ hắn ta nên tôi đã làm việc đó. Hai người cúi rạp trước mặt ông, ông Micôbơ ngồi trên ghế và hoa bàn tay ra vẻ lịch sự nhất đời, nói:

"Tất cả bạn bè của anh bạn Copơphin của tôi đều là những người thân của tôi".

"Chúng tôi là những người *hèn kém* quá ông ạ" - bà Híp đáp, "cháu nó và tôi đâu dám tự xem là bạn của cậu Copơphin. Cậu ấy có lòng tốt đến uống trà với chúng tôi và chúng tôi rất cảm ơn việc đến thăm của cậu ấy cũng như cảm ơn sự chiếu cố của ông."

"Thưa bà", ông Micôbơ nói, cúi rạp mình xuống chào "bà thực tử tế quá. Nào, bây giờ anh làm gì anh Copơphin? vẫn buôn rượu chứ?"

Tôi hết sức lo lắng muốn đưa ông Micôbơ đi nơi khác. Tôi đáp trong khi cầm mũ trên tay, mặt đỏ bừng - tôi tin chắc như vậy - rằng tôi là học trò của bác sĩ Xtrong.

"Học trò à?" Ông Micôbơ hỏi, nhướn đôi lông mày, "Tôi rất sung sướng được biết tin ấy - Mặc dầu một đầu óc như đầu óc ông bạn Copơphin của tôi… (câu này là để nói với Uria và bà Híp) không cần phải được vun xới nhiều như một đầu óc không hiểu đời và hiểu người như vậy, nhưng dẫu sao đây vẫn là một miếng đất mầu mỡ, ở đấy sẽ thu hoạch được những mùa màng phong phú… Tóm lại", ông Micôbơ nói, mỉm cười và lại tỏ vẻ thân mật "đây là một trí thông minh có thể nắm được tất cả các tác giả cổ điển trên đời".

Uria lấy hai bàn tay dài xoắn vào nhau một cách chậm chạp, uốn éo thân hình một cách kinh khủng để tỏ rằng hắn ta tán thành lời nhận xét này về tôi.

"Chúng ta đi thăm bà Micôbơ đi!" Tôi nói để kéo ông Micôbơ đi.

"Nếu anh chiếu cố đến chúng tôi như vậy thì tốt lắm, anh Copơphin ạ", ông Micôbơ nói và đứng dậy. "Tôi không giấu diếm gì mà nói trước mặt những người bạn của chúng ta đang đứng đây rằng tôi là một người mấy năm nay phải vật lộn, chống lại những khó khăn cấp bách về ngân sách (tôi biết ông không thể bỏ lỡ dịp để nói một câu theo kiểu này, vì ông rất thích khoe khoang những khó khăn của

mình). Đôi khi chính những khó khăn đã…, tóm lại, đánh gục tôi. Có những lúc tôi giáng cho chúng những cái tát, nhưng có những lúc chúng đã thắng tôi và tôi đành chịu thua và nói với bà Micôbơ như Catô đã nói[1]: "Platô, ông nói đúng đấy! Bây giờ tất cả đã xong rồi, tôi không còn chiến đấu được nữa!" "Nhưng trong đời tôi", ông Micôbơ nói, "không có lúc nào tôi cảm thấy thỏa mãn cho bằng khi trút những điều khó khăn bực bội của tôi (nếu như tôi có thể gọi những giấy trả nợ sau hai hay bốn tháng bằng danh từ này) vào trong lòng ông bạn Copơphin của tôi".

Ông Micôbơ kết thúc lời khen ngợi đẹp đẽ này bằng cách nói: "Chào Anh Híp! Kính chào bà Híp!" rồi bước ra với tôi với dáng điệu lịch sự nhất, gót chân nện trên lề đường, miệng nghêu ngao một bài hát ngắn.

Ông Micôbơ bước vào một khách sạn nhỏ. Ông ở một cái phòng nhỏ ở đấy. Phòng này cách cái phòng chung bởi một bức vách và sặc mùi khói thuốc lá. Tôi cho rằng nó ở ngay phía trên nhà bếp vì hình như có mùi mỡ nóng bốc lên qua khe hở dưới sàn và trên tường có nước đóng keo đang nhỏ giọt. Tôi biết rằng phòng này gần nơi uống rượu vì nghe tiếng cốc tách chạm nhau lanh canh và ngửi thấy mùi rượu, ở đấy, bà Micôbơ nằm dài trên cái xô-pha, dưới một bức tranh miêu tả một con ngựa đua, bà Micôbơ đang nằm sóng soài, cái đầu gần sát lửa, hai chân suýt nữa làm rơi rau cải đặt trên một cái bàn để bát đĩa ở góc đối diện, ông Micôbơ bước vào trước tiên và nói:

"Này em, anh xin phép giới thiệu một người học trò của bác sĩ Xtrong".

Nhân tiện, tôi nhận thấy rằng tuy ông Micôbơ hết sức lẫn lộn về tuổi và hoàn cảnh của tôi, nhưng ông vẫn luôn luôn nhớ rằng tôi là học trò bác sĩ Xtrong và đó là một điều đáng yêu.

Bà Micôbơ sửng sốt, nhưng rất sung sướng được gặp tôi. Tôi cũng rất sung sướng được thấy bà. Sau khi hai bên trao đổi những lời chào thân mật, tôi ngồi bên cạnh bà, trên cái xô-pha nhỏ. Ông nói:

"Này em, em hãy chịu khó nói cho cậu Copơphin biết tình cảnh hiện nay của chúng ta như thế nào, chắc chắn cậu muốn biết điều đó, còn trong lúc này, anh sẽ đi xem báo xem trong những lời quảng cáo có cơ hội gì may mắn không."

"Tôi tưởng rằng bà ở Plaimao", tôi nói với bà Micôbơ khi ông ta đi ra.

"Cậu Copơphin ạ", bà đáp, "chúng tôi đã đến Plaimao."

"Đến tận nơi", tôi gợi ý.

"Đúng thế", bà Micôbơ nói, "đến tận nơi. Nhưng thực ra ở trong thuế quan người ta không cần đến tài năng. Ảnh hưởng của gia đình tôi ở trong miền này tỏ ra hoàn toàn bất lực không thể tìm một việc làm cho ngành này cho một người có nhiều khả năng đặc biệt như anh Micôbơ. Nếu được làm thì anh chỉ càng làm nổi bật sự kém cỏi của những người khác. Ngoài việc đó ra", bà Micôbơ nói, "tôi không muốn giấu cậu làm gì, cậu Copơphin ạ, khi gia đình tôi ở Plaimao, thấy anh Micôbơ khá nặng gánh: cháu Uynkin và em nó đi theo, lại còn hai đứa sinh đôi và cả tôi nữa, nên họ không đón tiếp với tất cả nhiệt tình mà anh có thể chờ đợi sau khi vừa ra khỏi cảnh tù ngục. Thực ra," bà Micôbơ cúi đầu nói, "điều này chỉ nói giữa chúng ta mà thôi… người ta đón tiếp chúng tôi lạnh nhạt."

"Trời ơi!" Tôi nói.

"Đúng thế", bà Micôbơ nói, "nhìn thế thái nhân tình ở trong cái tình trạng ấy thì thật đến bực mình, cậu Copơphin ạ, nhưng người ta đón tiếp chúng tôi quả là lạnh nhạt, điều đó thì không còn nghi ngờ gì nữa. Thực vậy, chi nhánh gia đình tôi ở Plaimao tỏ ra rất khó chịu đối với anh Micôbơ sau khi chúng tôi tới đấy không đầy một tuần."

Tôi nói và tôi cũng nghĩ rằng đáng lý họ phải xấu hổ về hành động của họ. Bà Micôbơ nói tiếp:

"Ấy thế mà thực tình là như thế. Trong những hoàn cảnh như vậy, con người đầy nghị lực như anh Micôbơ biết làm gì bây giờ? Chỉ còn một lối thoát duy nhất: vay gia đình tôi một ít tiền để trở về Luân-đôn và nhất định phải về, dù ra sao thì ra."

"Thế là tất cả gia đình ta lại trở lại có phải không bà?" tôi hỏi.

"Tất cả chúng tôi đều trở lại", bà Micôbơ đáp. "Từ đó, tôi đã hỏi dò những chi nhánh khác trong gia đình tôi xem anh Micôbơ nên làm như thế nào thì tốt nhất; bởi vì tôi chủ trương thế nào anh cũng phải chọn một con đường, cậu Copơphin ạ" bà Micôbơ nói có vẻ hùng hồn "một gia đình sáu miệng ăn, không kể người đầy tớ, không thể sống bằng không khí được, cái đó là dĩ nhiên."

"Đúng thế đấy bà ạ", tôi nói.

"Ý kiến của những người khác trong gia đình tôi", bà Micôbơ nói tiếp, "là anh Micôbơ phải lập tức chuyển hướng về than đá."

"Về cái gì thưa bà?"

"Về than đá", bà Micôbơ đáp, "về nghề buôn than đá. Sau khi điều tra, anh Micôbơ đã đi đến nhận định rằng, trong nghề buôn than ở Metuây có thể có một chỗ trổ tài cho một người nhiều tài năng như anh. Thế rồi, như anh Micôbơ nói rất đúng, bước đầu tiên là phải đến tận nơi. Chúng tôi đến Metuây xem sao. Tôi nói "chúng tôi", cậu Copơphin ạ, bởi vì…" bà Micôbơ nói, giọng cảm động, "tôi không bao giờ, tôi không bao giờ xa lìa anh Micôbơ."

Tôi nói thầm tỏ vẻ tán thành và thán phục. Bà Micôbơ nói tiếp:

"Chúng tôi đã đến và đã thấy miền Metuây. Ý kiến của tôi về việc buôn than trên sông này là: có thể nó đòi hỏi phải có tài, nhưng còn một điều chắc chắn là nó đòi hỏi phải có tiền, về tài thì anh Micôbơ có, nhưng về tiền thì lại không. Chúng tôi đã nhìn thấy phần lớn miền Metuây và kết luận của cá nhân tôi là như vậy. Vì chúng tôi rất gần nơi này nên anh Micôbơ nghĩ rằng nếu không đến thăm nhà thờ một chút, thì cũng quá đáng. Thứ nhất, vì nhà thờ cũng đáng xem và chúng tôi chưa bao giờ thấy nó; và thứ hai là rất có thể có một dịp may nào đó xảy đến ở trong địa phận", bà Micôbơ nói. "Chúng tôi đã ở đây ba ngày nay. Vẫn chưa có dịp may nào cả, và chắc cậu cũng không ngạc nhiên, cậu Copơphin ạ, như một người lạ khác khi cậu biết rằng hiện nay chúng tôi đang chờ đợi một số tiền trả từ Luân-đôn gửi đến để thanh toán việc tiền nong ở khách sạn này. Khi tờ giấy ấy chưa đến", bà Micôbơ nói, giọng rất cảm động, "tôi còn phải sống xa nhà xa cửa, đây là tôi muốn nói đến cái nhà của tôi ở Pentônvin, có đồ đạc hẳn hoi, xa con trai, con gái và hai đứa bé sinh đôi của tôi".

Tôi cảm thấy hết sức ái ngại cho ông bà Micôbơ trong tình cảnh tuyệt vọng đầy lo âu như vậy và tôi cũng nói thế với ông Micôbơ lúc này vừa trở về; tôi nói thêm rằng tôi chỉ tiếc không có đủ để cho họ mượn số tiền họ cần. Câu trả lời của ông Micôbơ biểu lộ đầu óc ông ta rối loạn. Ông xiết chặt tay tôi và nói: "Cậu Copơphin ạ, cậu là một người bạn chân thành, nhưng khi sự tình đã đến lúc quẫn bách thì vẫn còn một người bạn cuối cùng, miễn là có một lưỡi dao cạo!"

Khi nghe lời nói bóng gió ghê rợn ấy, bà Micôbơ ôm choàng lấy cổ ông chồng và van lơn ông hãy bình tâm. Ông ta khóc, nhưng ngay sau đó lại bình tĩnh lại, rung chuông gọi người hầu sáng và sai làm một chiếc bánh pút-đinh có bầu dục nóng và một đĩa tôm để mai ăn sáng.

Khi tôi chia tay về, hai người thiết tha yêu cầu tôi trở lại ăn cơm với họ trước khi họ ra đi, làm tôi không tài nào từ chối. Nhưng tôi biết rằng ngày hôm sau tôi không thể đến được vì buổi tối tôi còn phải chuẩn bị nhiều, ông Micôbơ quyết định buổi sáng hôm sau sẽ đến gặp bác sĩ Xtrong (ông ta có

linh cảm rằng chỉ trong ngày hôm nay là số tiền sẽ đến với chuyến thư sắp tới), và đề nghị đến ngày kia tôi sẽ đến, nếu như tôi thấy tiện. Do đó hôm sau, đang giờ học, tôi được gọi ra gặp người quen ở phòng khách, và thấy ông Micôbơ đang ở đấy. Ông ta đến bảo rằng bữa ăn sẽ thu xếp như đã định trước. Khi tôi hỏi ông ta về khoản tiền trả nợ đã đến chưa thì ông bắt tay tôi thật chặt rồi ra về.

Chiều hôm ấy, khi nhìn ra cửa sổ, tôi ngạc nhiên và hơi khó chịu khi thấy ông Micôbơ và Uria Híp khoác tay nhau đi qua trước mặt. Uria Híp tỏ ra rất cảm động vì một người thấp hèn như hắn lại được đối xử vinh dự như thế, còn ông Micôbơ thì khoái trá tỏ vẻ che chở đối với Uria. Nhưng một điều còn làm tôi ngạc nhiên hơn là ngày hôm sau, khi tôi đến khách sạn vào đúng giờ đã hẹn, tức là bốn giờ chiều thì tôi nghe ông Micôbơ nói rằng ông ta đã cùng Uria về nhà hắn và uống rượu mạnh ở đấy. Ông Micôbơ nói:

"Tôi sẽ nói cho cậu biết một điều, cậu Copơphin ạ, anh bạn Híp của cậu là một chàng trai trẻ có thể trở nên một ông tổng biện lý. Nếu như trước đây tôi quen anh ta vào những lúc khó khăn của tôi đã đến cực điểm thì tôi chỉ có thể nói một điều là mấy lão chủ nợ của tôi đã bị tôi chơi cho khổ sở hơn nhiều".

Tôi không hiểu làm sao điều này có thể xảy ra được vì dẫu sao ông Micôbơ cũng không chịu trả gì hết, nhưng tôi không nên hỏi thì hơn. Tôi không dặn ông đừng thân mật quá với Uria Híp, cũng không hỏi ông có nói nhiều về tôi hay không, tuy tôi rất muốn nói. Tôi sợ làm phật ý ông hay ít nhất là làm phật lòng bà Micôbơ vì bà rất dễ xúc cảm, nhưng điều đó làm cho tôi rất băn khoăn cho nên sau đó tôi cứ nghĩ tới nghĩ lui mãi.

Bữa ăn hôm đó thực tuyệt diệu. Chúng tôi chén một đĩa cá ra trò, một đĩa thịt thăn bê, thịt rán, xúc xích chiên, một con chim trĩ và một chiếc bánh pút-đinh. Có cả rượu nho và bia mạnh. Sau bữa ăn, bà Micôbơ tự tay rót cho tôi một bát rượu ngũ vị nóng hổi.

Ông Micôbơ tỏ ra niềm nở khác thường. Tôi chưa bao giờ thấy ông vồ vập, hể hả như vậy. Rượu ngũ vị làm mặt ông sáng lên đến nỗi tất cả gương mặt dường như mới được quét sơn. Khi nói đến thành phố, ông tỏ vẻ đa cảm một cách vui nhộn và uống rượu chúc mừng sự phồn thịnh của thành phố, tuyên bố rằng bà Micôbơ và cá nhân ông đã sống ở đấy hết sức thoải mái, đầy đủ tiện nghi và ông sẽ không bao giờ quên những giây phút thú vị đã sống ở Cantơbơri. Sau đó, ông đề nghị uống chúc mừng sức khỏe của tôi; ông và bà Micôbơ cùng tôi ôn lại tình xưa nghĩa cũ của chúng tôi và nhắc lại cái thời buổi mà chúng tôi đã bán sạch tất cả tài sản. Sau đó tôi đề nghị uống rượu chúc mừng sức khỏe của bà Micôbơ, hay ít nhất, tôi đã nói một cách khiêm tốn: "Bà Micôbơ, bà có vui lòng cho phép tôi được uống rượu chúc mừng sức khỏe của bà không?" Thế là ông Micôbơ đọc một bài ca ngợi nhân cách bà Micôbơ, nói rằng xưa nay bà vẫn là một người dẫn đường, một nhà triết học, một người bạn của ông, và khi tôi đến tuổi thành hôn, ông ta đề nghị tôi hãy lấy một bà vợ như thế, nếu như có thể kiếm được một người đàn bà thứ hai trên thế gian này.

Rượu ngũ vị càng cạn dần thì ông Micôbơ càng tỏ ra thân mật và rôm rả. Vì tinh thần của bà Micôbơ cũng sảng khoái hơn nên chúng tôi hát bài "Từ biệt". Khi chúng tôi hát đến câu "Đây là bàn tay của tôi, hỡi người bạn thân yêu" thì tất cả chúng tôi nắm tay nhau bao quanh chiếc bàn và chúng tôi tuyên bố rằng chúng tôi sẽ uống một trận say sưa, tuy không hiểu câu đó có ý nghĩa gì, và chúng tôi đều rất cảm động.

Tóm lại, tôi chưa bao giờ thấy có người nào vồn vã và vui vẻ như ông Micôbơ trong suốt buổi chiều và tối hôm ấy, cho đến phút cuối cùng của buổi tối, khi tôi bắt tay từ biệt ông và bà vợ dễ thương của ông. Do đó, tôi không ngờ rằng sáng hôm sau tôi nhận được bức thư mà ông viết vào lúc

chín giờ rưỡi tối hôm trước, tức là mười lăm phút sau khi tôi chia tay ông:

"Anh bạn trẻ thân mến,

Số phận đã thế rồi, hỏng bét cả rồi. Che giấu những sự tàn phá của lo âu dưới cái vẻ vui nhộn hời hợt bên ngoài, chiều qua tôi không nói cho anh biết rằng không còn hy vọng gì nhận được số tiền! Trong hoàn cảnh này, cực nhục khi phải chịu đựng và cực nhục khi phải nhìn thấy nó, cực nhục khi phải kể lại, tôi phải giải quyết các khoản chi tiêu ở khách sạn này bằng cách ký một tờ giấy cam kết rằng sau khi ký nửa tháng, tôi sẽ trả số tiền ở ngôi nhà của tôi ở Pentôvin thành Luân-đôn. Khi thời hạn ấy đã hết, tiền nợ sẽ không được trả, kết quả là: phá sản. Lưỡi tầm sét sẽ giáng xuống và cái cây thế nào cũng đổ gục.

Anh Copơphin thân mến. Hãy để cho con người khốn nạn đang nói chuyện với anh lúc này được làm ngọn đèn báo trước cho anh trên bước đường đời. Chính vì nghĩ như vậy và hy vọng như vậy mà nó viết cho anh. Nếu nó có thể nghĩ rằng tấm gương của nó sẽ có ích cho anh về mặt này thì một ánh sáng yếu ớt sẽ có thể lọt vào cái ngục tối tăm buồn thảm của cuộc đời còn lại của nó, mặc dầu việc sống còn của nó hiện nay (nó không muốn nói quá đáng) thực là hết sức bấp bênh.

Anh Copơphin thân mến, đây là bức thư cuối cùng mà anh nhận được của con người bị ruồng bỏ.

Phải đi ăn xin.

Uynkin Micôbơ".

Nội dung bức thư đau đớn này làm tôi hoảng hốt, tôi tất tả chạy tới cái khách sạn nhỏ với ý định đến đấy trước khi đến trường để an ủi ông Micôbơ một đôi lời. Nhưng đi được nửa đường, tôi chợt thấy chiếc xe ngựa trạm của Luân-đôn với hai ông bà Micôbơ đang ngồi đằng sau. Ông Micôbơ điềm nhiên sung sướng không ai bằng, đang mỉm cười nghe bà Micôbơ nói chuyện, miệng ăn hạt dẻ trong một gói giấy và ở cái túi phía trong có một cái chai thò cổ ra ngoài. Vì họ không trông thấy tôi, nên tôi nghĩ đi nghĩ lại thấy tốt nhất là đừng gặp họ. Thế là lòng tôi trút bớt được một gánh nặng; tôi rẽ vào con đường hẻm là con đường đi đến trường gần nhất, và dù sao đi nữa, tôi vẫn cảm thấy nhẹ hẳn người vì họ đã đi… mặc dầu tôi vẫn rất yêu họ.

---

[1] Trong vở kịch Catô viết năm 1713, Addixơn miêu tả Catô, nhà chính trị La-mã đọc những bài đối thoại của Platôn, nhà triết học Hy-lạp và nói "Đúng là thế, Platôn, ông nói đúng".

Chương XVIII
NHÌN LẠI QUÁ KHỨ

Thời học sinh của tôi! Cuộc đời của tôi trôi đi lặng lẽ, êm đềm… nó cứ trôi đi lặng lờ, không ai thấy, không ai biết từ thời thơ ấu đến tuổi thanh niên! Bây giờ quay lại nhìn dòng nước cuồn cuộn kia, nay chỉ là một rãnh nước đã khô, đầy những lá, tôi hay hồi tưởng lại xem nó có để lại dấu vết gì nhắc lại dòng sông ngày trước hay không.

Hãy đợi xem… kìa tôi đang ngồi ở chỗ ngồi quen thuộc ở nhà thờ, là nơi sáng chủ nhật nào chúng tôi cũng đến, sau khi đã tập hợp ở trường. Mùi đất, mùi không khí không có ánh nắng xông lên trong khi cảm thấy mình sống cách biệt khỏi thế giới bên ngoài, và ngay tiếng đàn oóc-gơ ngân lên qua các hành lang và các lề đường bên cạnh với những cái vòm trắng xóa hay đen sì, đó là những cặp cánh mang tôi về quá khứ, và khiến tôi bay chập chờn qua những ngày xưa trong một giấc mơ nửa mê nửa tỉnh.

Ở trường, tôi không phải là đứa bét lớp. Chỉ trong vài tháng, tôi đã cưỡi cổ được nhiều cậu. Nhưng cậu đầu lớp, đối với tôi, vẫn là một nhân vật kỳ lạ ngự trị ở một nơi xa xôi vòi vọi, không sao vươn đến được. Ácnét bảo "không phải thế", nhưng tôi thì bảo là "đúng thế". Tôi bảo cô rằng cô không thể quan niệm được tất cả những tri thức tích lũy trong đầu óc nhân vật kỳ diệu này, nhưng tôi tin tưởng rằng ngay một người tầm thường như tôi, nếu cố gắng mãi cũng có thể dần dần lên đến địa vị của cậu. Cậu không phải là người bạn riêng và người che chở tôi một cách chính thức như xtếcphoóc ngày xưa. Nhưng tôi rất kính trọng cậu. Đặc biệt, tôi tự hỏi không biết sau này cậu sẽ thành con người như thế nào khi cậu rời khỏi trường của bác sĩ Xtrong và nhân loại sẽ làm thế nào để có thể có một địa vị mà cậu không đạt đến được.

Nhưng hình ảnh con người nào xuất hiện đây? Đó là cô Sephơt, người mà tôi yêu.

Cô Sephơt là học sinh ký túc ở trường học của các cô Néttingơn. Tôi tôn thờ cô. Đó là một cô gái nhỏ. Cô mặc áo xpen-xơ, có khuôn mặt tròn trĩnh, những mớ tóc quăn màu hung nhạt. Các nữ sinh của các cô Nettingơn cũng đến nhà thờ. Tôi không sao đọc được Kinh thánh bởi vì tôi bắt buộc phải nhìn cô Sephơt. Trong khi những người đồng ca hát lên, trí óc tôi chỉ nghe độc có tên cô, tôi đặt cô vào số những con người của hoàng tộc. Khi về nhà, ngồi trong phòng, đôi khi tôi kêu lên say sưa, ngây ngất: "Em Sephơt ơi!"

Trong một thời gian, tôi ngờ vực về những tình cảm của cô Sephol, nhưng cuối cùng số phận phù hộ chúng tôi và chúng tôi gặp nhau trong một buổi học khiêu vũ. Tôi được khiêu vũ với cô Sephơt. Tôi sờ cái găng tay của cô Sephơt và cảm thấy người nổi gai ốc từ ống tay phải của cái áo chẽn, cho đến tóc. Tôi không nói câu gì âu yếm với cô Sephol, nhưng chúng tôi hiểu nhau. Cô Sephơt và tôi sống là để lấy nhau..

Tôi tự hỏi tại sao tôi lại lén lút tặng cô Sephơt mười hai quả hồ đào của xứ Braxin? Những quả này không biểu lộ tình yêu, lại khó gói thành một gói gọn gàng, cắn vỡ ra rất khó, dù có chèn vào giữa hai cánh cửa, và khi vỡ thì lại hăng hắc. Tuy vậy tôi vẫn cảm thấy đó là một món quà thích hợp với cô Sephơt. Tôi cũng cho cô Sephơt những chiếc bánh quy mềm đầy những hạt nhân và vô số cam. Có một lần tôi hôn cô Sephơt ở phòng áo. Ngây ngất quá! Tôi cảm thấy đau đớn và phẫn nộ vô cùng khi hôm sau, tôi nghe tin đồn rằng các cô Nettingtơn đã hành hạ cô Sephơt chỉ vì cô đã coi thường họ.

Cô Sephơt là đối tượng duy nhất, hình ảnh duy nhất của đời tôi, nhưng làm sao tôi có thể đoạn tuyệt được với cô? Thực tôi không thể nào quan niệm được. Ấy thế mà giữa cô Sephơt và tôi đã xảy ra tình trạng lạnh nhạt. Tôi nghe đâu có tin đồn rằng cô Sephơt nói cô muốn tôi đừng nhìn cô đăm đăm như

vậy, và nói rằng cô thích thằng Jôn hơn. Ô! Jôn, một thằng bé chẳng có giá trị gì hết. Cái vực ngăn cách tôi và cô Sephơt ngày càng rộng. Cuối cùng, một hôm tôi gặp học trò của các cô Nettingơn đi dạo chơi ngoài đường. Cô Sephơt đi qua trước mặt tôi, nhăn mặt một cái và cười với cô bạn bên cạnh. Thôi thế là hết! Đối tượng tôn thờ của tất cả cuộc đời (đối với tôi đó là cả cuộc đời hay cũng gần như thế) đã chấm dứt. Tôi không để ý đến cô Sephơt trong buổi lễ sáng chủ nhật và cô không thuộc vào hoàng tộc nữa.

Tôi học tiến bộ và không ai làm cho tôi phải bận tâm. Lúc này tôi không lễ phép chút nào đối với các nữ sinh của các cô Nettingtơn và không có người nào làm cho tôi yêu dù cho họ có đẹp gấp hai và đẹp gấp hai mươi lần. Tôi cho những giờ học khiêu vũ là chán ngắt và tự hỏi tại sao bọn con gái không chịu khiêu vũ một mình cho rồi và để cho chúng tôi yên thân. Tôi trở nên cự phách về thơ la-tinh và không chú ý gì đến việc thắt dây giầy. Bác sĩ Xtrong tuyên bố trước mọi người rằng tôi là một học giả trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn. Ông Đích sung sướng đến điên cuồng và cô tôi gửi cho tôi một đồng ghi-ni ngay chuyến thư sau.

Hình ảnh anh hàng thịt trẻ tuổi hiện ra như hình ảnh cái đầu một chiến sĩ hiện ra trong "Macbét"[1]. Anh hàng thịt trẻ tuổi là ai? Anh ta là một tai họa cho tất cả thanh niên Cantabơri.

Có tin đồn rằng thứ mỡ bò anh ta xức tóc đã cho anh ta một sức mạnh vô biên và có thể đương đầu với bất kỳ ai. Anh ta có đôi mắt to và tròn, cái cổ bạnh ra như cổ bò, gò má sần sùi và đỏ, đầu óc khó chịu và hay chửi bới. Anh ta dùng cái lưỡi của mình chủ yếu lăng nhục học sinh của bác sĩ Xtrong. Anh tuyên bố công khai rằng nếu bọn họ muốn gì thì anh sẽ cho họ biết tay.

Anh nói rõ tên từng người, trong đó có cả tôi, anh bảo chỉ cần dùng một tay, tay kia buộc sau lưng anh cũng có thể quật ngã họ. Anh rình những học trò nhỏ nhất đi qua để nện vào giữa đầu họ một cách hèn nhát và thách thức tôi ở ngay giữa phố. Những lý do ấy đã quá đầy đủ để khiến tôi quyết định choảng nhau với anh.

Đó là một buổi chiều mùa hạ ở một nơi cỏ xanh mơn mởn cạnh một góc tường. Tôi hẹn trước với anh ta sẽ gặp nhau ở đấy. Một nhóm học sinh chọn lọc đi theo tôi, còn anh hàng thịt thì có hai anh hàng thịt khác cùng với một người chủ quán và một người nạo ống khói đi theo. Sau khi bàn bạc xong các thủ tục, anh hàng thịt và tôi đứng đối diện. Chỉ trong chốc lát, anh hàng thịt đánh cho con mắt trái tôi nẩy đom đóm. Và ngay phút sau, tôi không còn biết đâu là tường, tôi ở đâu hay bất kỳ ai ở đâu. Tôi hầu như không phân biệt được anh hàng thịt và tôi, bởi vì chúng tôi ôm chặt lấy nhau và đánh nhau túi bụi trên bãi cỏ đã bị giẫm nát. Khi thì tôi thấy anh hàng thịt máu me đầm đìa nhưng tỏ vẻ tự tin, khi thì tôi không thấy gì hết và tôi ngồi phịch xuống, thở hổn hển trên đầu gối của bạn tôi. Khi thì tôi lao như một thằng điên vào giữa anh hàng thịt, và các khớp xương ngón tay của tôi toác ra vì nện vào mặt anh ta, nhưng anh ta vẫn không hề tỏ ra nao núng.

Cuối cùng, tôi tỉnh dậy, trong đầu óc có một cảm giác kỳ quặc như vừa tỉnh một giấc mơ và tôi thấy anh hàng thịt đi ra, xung quanh có hai anh hàng thịt khác, người chủ quán và người nạo ống khói khen ngợi.

Anh ta vừa đi vừa sửa lại áo. Tôi căn cứ vào đó để kết luận một cách đúng đắn rằng anh ta đã giành thắng lợi.

Người ta đem tôi về nhà trong tình trạng thảm hại.

Người ta đặt bít-tết lên mắt tôi, lấy dấm và rượu bóp cho tôi, và tôi thấy môi tôi sưng lên thành một cục to tướng, trắng bệch và phồng lên dễ sợ. Tôi ở nhà suốt ba bốn ngày, mặt mày thảm hại đeo một

cái lưỡi trai che mắt màu xanh. Lẽ ra tôi sẽ rất bực bội nếu không có Ácnét săn sóc tôi như một người em gái, cô khuyên giải tôi, đọc sách cho tôi nghe và làm cho thời gian trôi đi êm đềm và sung sướng.

Ácnét đã được tôi tin tưởng hoàn toàn. Tôi kể cho cô nghe tất cả câu chuyện về anh hàng thịt và những lời anh ta lăng nhục tôi. Cô nghĩ rằng tôi không có cách nào khác là phải choảng nhau với anh, mặc dầu khi nghĩ đến chuyện ấy cô vẫn run sợ và thấy ghê tởm.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi đi, không ai hay không ai biết. Lúc này Adam không còn là học sinh đứng đầu trường nữa, và điều đó đã chấm dứt từ lâu. Adam đã rời khỏi trường từ lâu đến nỗi khi cậu trở lại thăm bác sĩ Xtrong thì ở trường không có mấy người, trừ tôi, nhận ra cậu nữa. Ít lâu nữa Adam sẽ được làm trạng sư và sẽ mang một bộ tóc giả.

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng cậu là một người bình dị hơn là tôi vẫn tưởng và không có vẻ oai vệ như tôi nghĩ. Cậu vẫn chưa làm thế giới điên đảo bởi vì thế giới vẫn tiếp tục diễn ra (như tôi có thể nhận thấy) chẳng khác gì khi cậu bước vào đời.

Thế rồi, một chỗ trống hiện ra và nhường chỗ cho các chiến sĩ của thi ca và lịch sử rầm rập bước qua thành những đạo quân uy nghi tưởng chừng không bao giờ hết. Thế rồi sau đó có gì? Bây giờ tôi là người đứng đầu trường. Tôi cúi xuống nhìn những hàng học sinh ở dưới tôi với cái nhìn chiếu cố của bề trên đối với những cậu học sinh, nó gợi cho tôi nhớ đến hình ảnh của tôi ngày xưa khi tôi là một cậu bé mới bước chân đến trường.

Tôi có cảm tưởng rằng cậu bé kia không phải là hình ảnh của tôi. Tôi nhớ đến cậu như một vật gì để lại trên bước đường đời, như một cái gì tôi đã gặp hơn là một con người mà trước đây chính là tôi, và tôi coi đó như là một người nào khác.

Còn cô gái nhỏ mà tôi gặp ngày đầu tiên khi đến nhà ông Uýchơphin, cô ở đâu? Cô cũng biến mất rồi! Thay thế vào đó là hình ảnh hoàn toàn giống bức chân dung như đúc (chứ không phải là cái gương mặt trẻ con) đi đi lại lại trong nhà, Ácnét, cô em gái hiền hậu của tôi, người bạn tốt, nàng tiên che chở tất cả những người chịu ảnh hưởng êm dịu, quý hóa, đầy hy sinh của cô, nay đã là một thiếu nữ.

Ngoài sự thay đổi về vóc người, hình dáng và những hiểu biết mà tôi tích lũy được trong thời gian ấy, còn có những điều thay đổi gì nữa. Tôi đeo một chiếc đồng hồ vàng có dây vàng, ngón tay út đeo một cái nhẫn và mặc một cái áo đuôi tôm tôi xức vô khối mỡ gấu, những điều này cộng với chiếc nhẫn là dấu hiệu chẳng lành. Tôi lại mê ai lần nữa chăng? Vâng.

Tôi tôn thờ cô chị cả trong các cô Lackin.

Cô chị cả Lackin không phải là một cô gái nhỏ bé gì. Cô đã là một người đàn bà cao, xinh xắn, tóc hung, mắt đen. Cô chị cả không phải là trẻ vì cô út cũng không trẻ và cô ta phải hơn cô út đến ba bốn tuổi. Có lẽ cô cả độ ba mươi. Lòng say mê của tôi đối với cô thực không bờ bến.

Cô chị cả quen các võ quan. Nghe chuyện đó tôi thực tức tối vô cùng. Tôi thấy họ nói chuyện với cô ở ngoài đường. Tôi thấy họ đi qua đường để gặp cô khi họ thấy chiếc mũ của cô đến gần (cô có một sở thích đặc biệt về mũ), theo sau là chiếc mũ của cô em. Cô cười cười, nói nói có vẻ thú chuyện đó lắm. Tôi đã bỏ mất chán thời giờ rảnh đi bách bộ để gặp cô. Nếu trong ngày tôi có thể chào cô một lần (tôi quen cô đủ để chào hỏi, vì tôi quen ông Lackin), thế là tôi đã sướng mê lên rồi. Đôi lúc cô hạ cố chào lại. Những nỗi đau khổ ê chề mà tôi phải chịu đựng đêm khiêu vũ (vì tôi biết cô sẽ khiêu vũ ở đấy với các quân nhân) đáng lý phải được bù đắp lại, nếu như trên đời này còn có công lý!

Bệnh si tình của tôi làm tôi ăn mất ngon, nó bắt tôi luôn luôn mang cái khăn quàng bằng lụa mới nhất. Tôi chỉ cảm thấy nhẹ người khi mặc bộ quần áo bảnh nhất và suốt ngày cứ lo đánh bóng đôi giày.

Như vậy tôi cảm thấy xứng đáng với cô hơn. Tất cả những gì thuộc về cô hay liên quan đến cô, đối với tôi đều quý báu. Ông Lackin (một ông già càu nhàu, cằm béo phị và một con mắt im lìm) đối với tôi là một người rất thú vị. Khi tôi không thể gặp con gái ông, tôi đến một nơi ở đấy tôi hy vọng có thể gặp ông. Nếu tôi được nói với ông: "Chào ông Lackin" thì câu ấy đã có vẻ bóng gió ghê lắm, làm cho tôi đỏ cả mặt.

Tôi cứ băn khoăn về tuổi của mình, ừ, cứ cho rằng tôi mười bảy tuổi, và tuổi mười bảy là quá trẻ so với cô chị cả đi nữa thì đã sao chưa? vả lại ít lâu nữa tôi sẽ hai mươi mốt tuổi. Tôi thường ngày đi dạo chơi quanh nhà ông Lackin vào buổi chiều, mặc dầu tôi đứt cả ruột khi nhìn thấy các võ quan bước vào nhà, hay nghe thấy họ nói chuyện trong phòng khách, ở đấy, cô chị cả chơi đàn thụ cầm. Thậm chí có hai ba lần tôi đã đi quanh nhà với dáng điệu buồn rầu, thiểu não khi tất cả nhà đã ngủ và tự hỏi không biết cô chị cả nằm ở phòng nào (và khốn khổ là tôi chọn đúng ngay phòng ông Lackin), cứ mong sao ngôi nhà phát hỏa, tất cả đám đông hoảng hốt đứng ngơ ngác, còn tôi sẽ cắp một cái thang, lao qua đám đông, áp thang vào cửa sổ của nàng, giơ hai tay bế nàng ra rồi lại xông vào lấy một vật gì nàng để quên và chết trong ngọn lửa. Nói chung tôi rất vô tư trong tình yêu, tôi nghĩ rằng nếu được tỏ ra yêng hùng trước mặt cô Lacking rồi sau đó có chết cũng thỏa chí lắm rồi. Thường thường thì như thế chứ không phải bao giờ cũng thế. Đôi khi, những hình ảnh trong sáng hơn hiện ra trước mắt tôi. Khi tôi mặc áo (trò này kéo dài hai tiếng đồng hồ) để đi dự một buổi khiêu vũ do gia đình các cô Lackin tổ chức (tôi chờ đợi ngày ấy đã ba tuần), tôi đã nuôi trong óc những hình ảnh thú vị. Tôi có cảm tưởng rằng tôi có đủ can đảm tỏ tình với cô Lackin. Tôi tưởng tượng rằng cô Lackin sẽ gục đầu vào vai tôi và nói: "Ồ, anh Copơphin, em có thể tin rằng anh nói thế chăng?" Tôi tưởng tượng ngày hôm sau ông Lackin đến thăm tôi và nói: "Anh Copơphin, em nó đã nói thực tất cả với tôi rồi. Anh trẻ nhưng không hề gì. Đây là hai vạn bảng. Chúc anh hạnh phúc." Tôi tưởng tượng cô tôi cảm động cầu Chúa ban phúc cho chúng tôi và ông Đích, bác sĩ Xtrong cũng có mặt trong lễ thành hôn.

Tôi nghĩ rằng tôi là một con người biết điều (khi quay lại nhìn quá khứ, tôi cảm thấy tôi tin rằng tôi như vậy), và tôi tin rằng tôi là một người khiêm tốn, nhưng dẫu sao tất cả những ý nghĩ ấy cũng đã nảy sinh trong óc tôi.

Tôi đến ngôi nhà thần tiên ấy, ở đấy có ánh sáng, chuyện trò, âm nhạc, hoa lá, các võ quan (tôi đau xót nhận thấy điều này) với cô chị cả đẹp lộng lẫy. Nàng mặc áo màu lam, có những bông hoa cũng màu lam cài trên mái tóc… những bông lưu ly thảo. Tóc đẹp như tóc của nàng mà còn cần phải trang điểm bằng hoa ư? Đó là cuộc hội họp lớn đầu tiên mà tôi được mời đến dự. Tôi thấy lúng ta lúng túng vì cảm thấy mình không thuộc nhóm nào hết, chẳng ai cần nói với mình, chỉ trừ ông Lackin hỏi tôi: "Các bạn học của anh có khỏe không?" ông bỏ cái trò ấy đi cho tôi nhờ bởi vì tôi không đến đây để cho người ta chửi.

Nhưng sau khi đứng đợi một lát ở khung cửa sổ nhìn nàng tiên của con tim tôi không chán mắt, nàng đến gần tôi thân ái hỏi tôi: "Anh có khiêu vũ không?" Tôi nghiêng mình chào nàng, ấp úng:

"Có, khiêu vũ với cô, cô Lackin ạ".

"Chứ không với người nào khác cả ư?" Cô Lackin hỏi.

"Tôi chẳng cảm thấy thú vị gì nếu khiêu vũ với bất kỳ người nào khác".

Cô Lackin cười và đỏ mặt (hay là tôi cho rằng nàng đỏ mặt) và nói:

"Đến lượt tới, tôi sẽ rất hân hạnh".

Giây phút đó đã đến! Hình như đây là một điệu van-xơ, cô Lackin nói, lưỡng lự, khi tôi đến trước

mặt nàng:

"Anh có khiêu vũ không? Nếu không, đại úy Bailây…"

Nhưng tôi khiêu vũ (và hôm ấy tôi khiêu vũ cũng khá nữa là khác) và đưa cô Lackin đi. Tôi kéo nàng ra khỏi tay đại úy Bailây một cách phũ phàng, chắc hẳn ông ta khổ tâm lắm đấy, nhưng tôi có cần gì, tôi cũng khổ tâm lắm kia mà! Tôi khiêu vũ với cô chị cả. Tôi chẳng còn biết tôi khiêu vũ ở đâu, giữa những người nào và trong bao lâu. Tôi chỉ biết rằng tôi trôi bập bềnh trong không trung với nàng tiên lam kia trong niềm say sưa hoan lạc tuyệt vời, cho đến khi tôi đứng một mình với nàng trong cái phòng con, ở đấy chúng tôi ngồi trên một cái xô-pha. Nàng ngắm bông hoa (một bông sơn trà màu hồng của Nhật-bản, giá một nửa cơ-rao) tôi đính trên áo. Tôi đưa hoa tặng nàng và nói:

"Tôi yêu cầu cô phải trả với giá hết sức đắt, cô Lackin ạ."

"Thế à? Bao nhiêu?" Cô Lackin hỏi.

"Một bông hoa của cô để tôi có thể giữ nó khăng khăng như một anh hà tiện giữ vàng".

"Anh quả là một anh chàng to gan", cô Lackin nói - "Đây này."

Nàng đưa cho tôi một bông hoa, không hề giận. Tôi đưa bông hoa lên môi hôn và áp nó vào tim. Cô Lackin cười, khoác tay tôi, nói:

"Bây giờ anh đưa tôi đến với đại úy Bailây".

Tôi còn đang mơ màng hồi tưởng đến giờ phút gặp gỡ tuyệt diệu ấy và điệu van-xơ của chúng tôi thì nàng lại đi về phía tôi khoác tay một người đã đứng tuổi, xấu trai, suốt buổi vẫn chơi bài "huyt" và nói: "Đây là ông bạn to gan của tôi đây! Anh Copơphin. Ông Setxơn muốn làm quen với anh."

Tôi hiểu ngay đó là một người bạn của gia đình và tôi rất hân hạnh làm quen, ông Setxơn nói:

"Tôi thấy anh có con mắt tinh đời, nó làm vinh dự cho anh. Tôi chắc anh không thích lúa mạch lắm, nhưng tôi có một đồn điền lúa mạch khá lớn. Khi nào anh vui chân đến chơi chỗ chúng tôi (ở miền Atphooc) để xem một vòng cho biết, thì tôi sẵn lòng giữ anh lâu mấy cũng được."

Tôi cảm ơn ông Setxơn rối rít và bắt tay ông. Tôi có cảm tưởng sống trong một giấc mơ hạnh phúc. Tôi lại khiêu vũ một lần nữa với nàng; và nàng nói tôi khiêu vũ giỏi lắm!

Tôi trở về nhà, bàng hoàng ngây ngất và suốt đêm cứ khiêu vũ trong một giấc mơ, cánh tay ôm lấy thân hình màu lam của nàng tiên yêu quý của tôi. Suốt mấy ngày sau tôi vẫn ngây ngất say sưa như vậy, nhưng tôi không thấy nàng ở ngoài đường cũng như ở nhà nàng khi tôi đến chơi. Tôi đành tạm an ủi mình bằng cách ngắm nghía món quà thiêng liêng là bông hoa đã héo. Một hôm, ăn trưa xong, Ácnét bảo tôi:

"Anh Trốtút, đố cậu biết ngày mai đám cưới ai đấy? Cái cô cậu vẫn thán phục ấy mà".

"Không phải cậu chứ, Ácnét?"

"Không phải mình đâu", Ácnét nói gương mặt tươi tắn ngẩng lên trong khi đang cúi đầu chép nhạc, "Ba có nghe anh ấy nói không? Không phải mình đâu! Cô Lackin chị đấy!".

Tôi chỉ còn đủ sức hỏi:

"Không phải với đại úy Bailây chứ?"

"Không, không phải với một đại úy. Cô ta lấy ông Setxơn, một chủ đồn điền lúa mạch".

Trong suốt một hay hai tuần, tôi buồn nản vô cùng. Tôi tháo chiếc nhẫn ra, mặc những quần áo xấu

nhất, không dùng đến mỡ gấu và luôn luôn than vãn về cánh hoa tàn của cô Lackin ngày xưa. Trong thời gian ấy, chán ngấy về cái lối sống này và lại bị thằng cha hàng thịt thách thức một lần nữa, tôi vứt bông hoa, đến gặp thằng cha hàng thịt và đánh bại hắn một trận oanh liệt.

Chiến thắng này cùng với việc dùng mỡ gấu một cách vừa phải là những dấu vết cuối cùng mà tôi có thể nhận lấy trên con đường đưa tôi đến tuổi mười bảy.

---

[1] Đây là tác giả nói đến hình ảnh cái đầu của một chiến sĩ hiện ra từ cái chão của bọn phù thủy ở hồi IV vở kịch "Macbet" của Sêcxpia.

Chương XIX
TÔI NHÌN XUNG QUANH TÔI VÀ PHÁT HIỆN ĐƯỢC MỘT ĐIỀU

Tôi không biết rõ trong thâm tâm tôi vui sướng hay buồn rầu khi thời gian học của mình chấm dứt và đã đến lúc rời khỏi trường của bác sĩ Xtrong. Từ trước đến nay tôi ở đấy rất sung sướng, tôi rất quý mến bác sĩ và tôi là một nhân vật lỗi lạc và cự phách ở trong cái thế giới nhỏ bé này.

Vì những lý do ấy cho nên khi ra đi tôi cũng tiếng tiếc. Nhưng lại có những lý do khác khá viển vông làm tôi sung sướng. Tôi có những ý nghĩ mơ hồ rằng mình sẽ trở nên một chàng thanh niên tự do, muốn làm gì thì làm, và một chàng thanh niên tự do muốn làm gì thì làm thế nào cũng có một tầm quan trọng đặc biệt. Khi nghĩ mơ hồ rằng một nhân vật kỳ diệu như thế sẽ phải thấy và phải làm những việc kỳ lạ, và thế nào cũng gây nên một tác dụng to lớn đối với xã hội, tôi cảm thấy rất thích thú. Những suy nghĩ viển vông ấy đã có một ảnh hưởng to lớn đối với cái đầu óc ngây thơ của tôi, đến nỗi theo cách nhận xét hiện nay của tôi, lúc ấy tôi có cảm tưởng rằng tôi đã rời khỏi trường mà không cảm thấy những niềm nhớ tiếc lẽ ra phải rất tự nhiên - sự chia ly này không gây cho tôi nhiều ấn tượng như những sự chia ly khác. Tôi cố gắng hồi tưởng lại xem lúc bấy giờ tôi có những cảm tưởng gì nhưng không nhớ được gì hết: trong ký ức của tôi, đó không phải là một sự việc quan trọng. Phải chăng cái triển vọng mở ra trước mắt tôi đã làm cho tôi choáng váng? Tôi chỉ biết rằng những kinh nghiệm thời niên thiếu không giúp cho tôi được bao nhiêu, hay không giúp được gì hết, rằng đối với tôi, cuộc sống quả giống như một quyển truyện thần tiên to lớn mà tôi chỉ mới sắp sửa đọc, hơn là giống bất kỳ cái gì khác.

Cô tôi và tôi đã nhiều lần thảo luận nghiêm túc về công việc sau này tôi sẽ phải làm. Ít nhất là đã một năm nay, tôi đã cố gắng tìm một câu trả lời thỏa mãn để trả lời cái câu hỏi mà cô tôi vẫn thường nêu ra: "Tôi muốn làm nghề gì?" Nhưng tôi nhận thấy tôi không có một sở thích gì đặc biệt để làm bất cứ nghề gì. Nếu như do một điều ngẫu hứng đột nhiên tôi thấy mình có khiếu về khoa hàng hải, tôi có thể đi trên một chiếc thuyền buồm để chỉ huy một cuộc viễn chinh, hay đi vòng quanh thế giới làm một cuộc khảo sát oanh liệt, và tôi cũng sẽ cho rằng mình hoàn toàn thích hợp với việc đó. Nhưng vì không có những cách giải quyết kỳ diệu như vậy cho nên mong muốn của tôi là làm một nghề gì không làm thiệt hại nhiều cho túi tiền của cô tôi và làm nhiệm vụ mình trong cái nghề ấy bất kỳ đó là nghề gì.

Ông Đích đã dự đều đặn những cuộc hội đàm của chúng tôi với thái độ trầm ngâm và thông thái, ông không bao giờ đưa ra một đề nghị gì hết, chỉ trừ một lần (tôi không hiểu tại sao ông ta lại có ý nghĩ như vậy) ông ta đột nhiên đề nghị tôi sẽ làm thợ chữa nồi! Cô tôi tiếp nhận đề nghị ấy một cách khó chịu đến nỗi không bao giờ ông còn dám đưa ra đề nghị thứ hai nào nữa; trái lại, sau đó bao giờ ông cũng chỉ lo nhìn chăm chú vào mặt cô tôi, tay rung túi tiền lẻng xẻng, chờ xem cô tôi đề nghị điều gì. Một buổi sáng trong thời gian lễ Thiên chúa Giáng sinh tiếp theo sau việc rời khỏi trường, cô tôi bảo tôi:

"Trốt, cô muốn nói với cháu một điều. Vì vấn đề hóc búa này vẫn còn chưa được giải quyết và vì nếu như chúng ta có thể tránh được, chúng ta không thể nào quyết định sai lầm, cho nên cô nghĩ rằng tốt hơn cả là ta nghỉ một lát cho thư thái. Trong lúc đó, cháu hãy cố gắng nhận xét vấn đề theo một quan điểm mới chứ không phải như một cậu học sinh nữa".

"Thưa cô, cháu sẽ xin cố gắng xem".

Cô tôi nói tiếp:

"Cô nảy sinh ra ý nghĩ rằng bây giờ nếu cháu thay đổi không khí một chút và thử nhìn ra ngoài đời thì có lẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩ của mình và nhận xét sẽ đúng đắn hơn. Tại sao cháu không đi du

lịch một vài hôm? Chẳng hạn trở về nơi cháu đã sống những ngày thơ ấu, đi thăm cái con mẹ kỳ quặc có cái tên man rợ nhất đời kia…"

Cô tôi vừa nói vừa gãi gãi lên mũi vì cô không bao giờ có thể tha thứ hoàn toàn cho chị Pécgôti về cái tội đã có cái tên như vậy.

"Thưa cô, được như thế thì tuyệt quá rồi còn gì!…"

"Được - cô tôi nói - nếu thế thì hay lắm, bởi vì cô cũng muốn thế. Cháu thích như vậy là tự nhiên và hợp lý thôi. Trốt ạ, cô cũng tin chắc rằng trong bất cứ việc gì, cháu cũng sẽ làm một cách tự nhiên và hợp lý".

"Thưa cô, cháu cũng mong được như vậy".

"Chị Bétxi Trốtút của cháu - cô tôi nói - sẽ là cô con gái tự nhiên và thông minh nhất trên đời. Cháu sẽ xứng đáng với chị cháu chứ?"

"Cháu hy vọng sẽ xứng đáng với cô, cô ạ. Đối với cháu như thế là đủ lắm rồi".

"Bà mẹ tội nghiệp của cháu, con bé tội nghiệp không sống đến giờ cũng là may", cô tôi vừa nói vừa nhìn tôi có vẻ tán thành, "nếu không nó sẽ kiêu hãnh về cậu con trai của nó quá, đến nỗi cái đầu nhỏ bé dại dột ấy sẽ rối loạn lên hết nếu như ở đấy vẫn còn một chút thông minh chưa đến nỗi biến thành điên rồ" (Cô tôi bao giờ cũng che giấu thái độ yếu đuối của mình đối với tôi bằng cách mắng mỏ bà mẹ tội nghiệp của tôi như thế) "Trời ơi! Trốtút! Cô thấy cháu giống mẹ cháu quá!"

"Thế là hay chứ, phải không cô?" Tôi nói.

"Nó giống hệt mẹ nó, ông Đích ạ - cô tôi nói, vẻ hùng hồn - nó giống hệt mẹ nó cái buổi trước khi mẹ nó bắt đầu giãy giụa,… Trời ơi, nó giống hệt mẹ nó, thật giống như đúc!"

"Thật thế à?" Ông Đích hỏi.

"Nó cũng giống Đêvit," cô tôi nói có vẻ kiên quyết.

"Nó rất giống Đêvit!" ông Đích phụ họa.

"Nhưng có một điều, Trốt ạ" - cô tôi nói tiếp - "cô muốn cháu là một người vững chắc, cô không nói vững chắc về mặt thể lực đâu, mà về mặt tinh thần kia (vì về mặt thể lực thì cháu đã vững chắc rồi). Cô muốn cháu là một con người vững chắc, có ý chí của mình. Một con người có ý chí kiên quyết" cô tôi vừa nói vừa vẫy cái mũ về phía tôi, nắm chặt tay lại "quyết đoán, có nghị lực. Trốt ạ, con người có nghị lực nghĩa là không để cho người ta ảnh hưởng đến mình, trừ phi vì những lý do xác đáng. Cô muốn cháu thành một người như thế. Cha cháu và mẹ cháu lẽ ra đều có thể là những người như thế, và nếu được như thế thì đã tốt biết bao nhiêu".

Tôi nói cho cô tôi biết rằng tôi hy vọng sẽ trở thành một con người như cô tôi mong muốn. Cô tôi nói:

"Để cho cháu có thể bắt đầu, trong một phạm vi nhỏ, chỉ dựa vào mình thôi và tự mình quyết định, cô sẽ để cho cháu đi chơi một mình. Có lúc cô nghĩ rằng nên để ông Đích cùng đi với cháu, nhưng sau khi nghĩ lại, cô thấy nên để ông ở nhà để săn sóc cô thì hơn".

Ông Đích trong chốc lát có vẻ hơi ỉu xìu, nhưng lát sau, nhận thấy mình được vinh dự săn sóc người đàn bà kỳ diệu nhất đời, nên gương mặt ông lại tươi như hoa. Cô tôi nói:

"Vả lại còn quyển "Hồi ký" nữa".

"À phải rồi - Ông Đích nói, có vẻ vội vã - Cháu Trốtút ạ, chú có ý định phải làm xong ngay, nhất

thiết phải làm xong ngay! Và lúc đó, cháu có biết không, nó sẽ được giới thiệu, và lúc bấy giờ thì…", ông Đích nói sau khi dừng lại một hồi lâu, "sẽ nhốn nháo cả lên cho mà xem".

Theo đúng cái kế hoạch thú vị của cô tôi, sau đó ít hôm, tôi nhận được một cái ví có khá nhiều tiền, một cái va-ly, và mọi người thân mật tiễn tôi lên đường. Khi chia tay, cô tôi cho tôi nhiều lời khuyên quý báu và vô số cái hôn. Cô tôi bảo, vì cuộc đi chơi này chủ yếu là để cho tôi quan sát và suy nghĩ, nên cô tôi đề nghị tôi hãy lưu lại Luân-đôn vài ngày, nếu tôi thích hoặc trên đường từ nhà đến Xăpphôc, hoặc trên đường về. Tóm lại, tôi được tự do muốn làm gì thì làm trong ba tuần hay một tháng, và quyền tự do của tôi không bị hạn chế bởi một điều kiện gì hết, ngoài điều kiện đã nói ở trên là hãy quan sát và suy nghĩ, và mỗi tuần phải viết cho cô tôi ba lá thư kể lại trung thực những tin tức về tôi.

Trước hết, tôi đến Cantabơri để từ giã Ácnét và ông Uýchơphin (tôi vẫn chưa bỏ căn phòng cũ của tôi ở trong nhà này) cũng như từ biệt bác sĩ Xtrong thân mến. Gặp tôi, Ácnét mừng rỡ và bảo tôi rằng từ khi tôi rời nhà ra đi, ngôi nhà không còn như trước. Tôi nói:

"Mình tin chắc rằng khi mình không ở đây, mình sẽ không còn là mình nữa. Thiếu cậu, mình có cảm tưởng như thiếu cánh tay phải. Nói như vậy vẫn chưa đủ bởi vì trong cánh tay phải không có đầu, cũng không có tim. Bất kỳ ai biết cậu, nếu hỏi ý kiến cậu thì cũng đều được cậu chỉ dẫn cả, Ácnét ạ".

"Bất kỳ ai quen biết mình cũng nuông mình, mình có cảm tưởng như vậy", cô mỉm cười trả lời.

"Không phải thế! Đó là bởi vì cậu khác mọi người, cậu tốt bụng và dịu dàng quá. Bản tính cậu rất dễ thương và bao giờ cậu cũng có lý".

"Cậu nói với mình", Ácnét nói, cười khanh khách vui vẻ trong khi vẫn làm việc, "tưởng chừng mình như là cô Lackin trước đây".

"Ơ kìa! lợi dụng lòng tin của mình như vậy là không tốt đâu đấy", tôi trả lời, mặt đỏ như gấc khi nhớ lại nàng tiên lam đã làm tôi mê mẩn. "Nhưng dầu sao, mình cũng vẫn sẽ tâm sự với cậu, Ácnét ạ. Mình không bao giờ có thể bỏ được cái thói quen ấy khi nào mình bực bội, hay mình mê ai, nếu như cậu cho phép, mình cũng sẽ nói với cậu, dù cho… là yêu đứng đắn."

"Nhưng xưa nay cậu vẫn yêu đứng đắn đấy chứ!" Ácnét nói, lại cười khanh khách.

"Ồ, khi đó mình hãy còn trẻ con, hãy còn là học sinh…", tôi nói và cười theo, mặc dầu không khỏi lúng túng. "Bây giờ thời gian đã khác rồi, và mình nghĩ rằng nay mai mình sẽ say mê một cách đứng đắn. Mình chỉ ngạc nhiên một điều là tại sao đến bây giờ cậu cũng vẫn chưa yêu đương gì cả".

Ácnét lại cười và lắc đầu.

"Ồ! Mình biết là cậu chưa yêu", tôi nói, "bởi vì nếu yêu thì cậu đã bảo mình biết rồi… hay ít nhất (vì tôi thấy mặt cô ửng đỏ) cậu đã để cho mình nhìn thấy điều đó. Nhưng theo mình biết chưa có ai xứng đáng để cậu yêu cả. Ácnét ạ, muốn được mình tán thành, người ấy phải có tính tình cao thượng và xứng đáng về tất cả mọi mặt, hơn bất kỳ người nào mà mình đã biết. Trong thời gian chờ đợi, mình sẽ chú ý nhìn tất cả những người tôn thờ cậu và mình sẽ yêu cầu rất nhiều ở người chiến thắng ấy, mình cam đoan với cậu như vậy đấy!"

Nãy giờ, chúng tôi vẫn nói chuyện với cái giọng tâm sự, nửa thật nửa đùa, đó là kết quả tự nhiên của mối quan hệ giữa chúng tôi đã bắt đầu từ khi chúng tôi mới chỉ là trẻ thơ. Nhưng đến lúc này Ácnét bỗng ngước mắt nhìn tôi và nói với một giọng khác:

"Trốtút ạ, có một điều mình muốn hỏi cậu và có lẽ trong một thời gian dài mình sẽ không có dịp

nào khác để hỏi cậu nữa. Mình muốn hỏi cậu một điều mà mình không muốn hỏi ai… Cậu có thấy sự thay đổi dần dần ở ba mình không?"

Tôi đã nhận thấy sự thay đổi ấy và nhiều lần tự hỏi không hiểu cô có nhận thấy điều đó không. Gương mặt tôi lúc ấy chắc biểu lộ điều đó, vì tôi thấy cô nhìn xuống một lúc và đôi mắt rưng rưng. Cô nói, hạ thấp giọng:

"Theo ý cậu thì sự thay đổi ấy là thế nào?"

"Ácnét ạ, mình nghĩ rằng… mình có nên nói thực không, vì mình yêu quý ba cậu lắm".

"Cậu cứ nói thực đi", cô nói.

"Mình nghĩ rằng nếu ông cụ cứ làm theo cái tập quán càng ngày càng nặng từ khi lần đầu mình đến đây thì sẽ không tốt cho ông cụ đâu. Ông cụ nhiều khi hay gắt gỏng, hay là mình tưởng tượng như vậy?"

"Không phải tưởng tượng đâu", Ácnét nói, lắc đầu.

"Tay ông cụ run run, lời nói lúng túng và cặp mắt hoang mang. Mình đã nhận thấy rằng trong những lúc ông cụ lúng túng nhất thì thể nào người ta cũng yêu cầu ông cụ làm một việc gì đấy".

"Uria yêu cầu", Ácnét nói.

"Đúng, và cái cảm tưởng rằng mình không thể giải quyết được điều đó, không hiểu điều đó, hay đã để lộ tình cảnh của mình, mặc dầu muốn che giấu, dường như làm cho ông cụ khó chịu đến nỗi hôm sau ông lại kém hơn, rồi hôm sau nữa lại kém hơn nữa, và cứ thế, ông cụ trở thành hoang mang ngơ ngác. Ácnét ạ, xin cậu đừng hoảng hốt vì những lời mình nói, mình thấy ông cụ ở trong tình trạng ấy mới buổi chiều trước đây thôi, ông cụ ngồi úp mặt xuống bàn và khóc như một đứa trẻ".

Cô dịu dàng giơ ngón tay lên môi trong khi tôi đang nói, và lát sau cô đã đón ông cụ ở cửa phòng, bám lấy vai cha. Khi hai người quay về phía tôi, tôi thấy gương mặt cô trông thực cảm động. Trong khóe mắt xinh đẹp của cô toát ra tình thương trìu mến đối với người cha, lòng biết ơn sâu sắc đối với tình thương yêu và sự săn sóc ân cần của cha; khóe mắt ấy như tha thiết van xin tôi đừng có những ý nghĩ quá khắt khe đối với ông cụ, và ngay cả trong ý nghĩ cũng hãy tỏ ra rộng lượng, ân cần - cô tỏ ra tự hào, tận tụy với cha nhưng đồng thời lại có vẻ tội nghiệp, buồn bã và tin cậy đến nỗi không lời nào của cô có thể gây cho tôi một ấn tượng mạnh hơn, hay làm cho tôi cảm động hơn.

Chúng tôi đến uống trà ở nhà bác sĩ. Chúng tôi đến đấy vào giờ thường lệ và thấy bác sĩ, bà vợ trẻ và bà mẹ vợ ngồi quanh lò sưởi trong phòng làm việc. Bác sĩ cho việc tôi ra đi cũng quan trọng như phải đi Trung-quốc, nên đã tiếp tôi như một vị khách quý, bảo bỏ thêm củi vào lò để ông có thể nhìn thấy gương mặt người học trò cũ đỏ rực lên trong ánh lửa. Bác sĩ hơ tay, nói:

"Tôi sẽ không thấy nhiều bộ mặt mới thay thế bộ mặt Trốtút. Bây giờ tôi đâm lười, tôi muốn thoải mái. Sáu tháng nữa, tôi sẽ rời bỏ tất cả những ông bạn trẻ để sống một cuộc đời yên tĩnh hơn".

"Nhưng ông chả nói như vậy từ mười năm nay là gì?" ông Uýchơphin nói.

"Nhưng lần này tôi quyết định làm thực", bác sĩ nói, "vị giáo sư chính của tôi sẽ thay thế tôi. Lần này tôi nói thật, các ông phải thu xếp giấy giao kèo cho chúng tôi và chúng ta phải bị ràng buộc chặt vào đấy và sẽ đồng cam cộng khổ".

"Và phải lo sao cho ông khỏi bị lừa nữa chứ, có phải không nào?" ông Uýchơphin nói. "Vì trong bất kỳ giấy giao kèo nào, thế nào thì ông cũng sẽ bị lừa. Được, tôi xin sẵn sàng. Trong cái nghề của tôi còn có những việc tệ hơn nhiều".

“Lúc ấy tôi sẽ chẳng phải nghĩ đến việc gì”, bác sĩ nói, miệng nở một nụ cười, “ngoài quyển từ điển và một giấy giao kèo khác là Anni”.

Khi ông Uýchơphin liếc nhìn về phía bà Xtrong (lúc ấy đang ngồi ở bàn trà cạnh Ácnét) tôi cảm thấy bà tránh cái nhìn của ông Uýchơphin với cái vẻ ngần ngại, bẽn lẽn ít thấy khiến ông Uýchơphin nhìn bà đăm đăm dường như thái độ của bà đã gợi cho ông một ý nghĩ gì.

“Tôi thấy có chuyến thư từ Ấn-độ về” ông nói, sau khi im lặng một lát.

“Đúng rồi! Có cả thư của Jăc Manđơn nữa”, bác sĩ nói.

“Thế à?”

“Khổ thân anh Jăc!” - bà Maclơham nói, lắc đầu ái ngại - Khí hậu gì mà tệ thế! Người ta bảo là cứ như là sống trên một cồn cát, dưới ngọn lửa. Anh ta nom người khỏe mạnh, nhưng thực ra thì chẳng khỏe mạnh gì đâu. Bác sĩ ạ, anh ta dấn thân ra đi liều lĩnh như vậy là do tinh thần của anh ta chứ không phải tin vào cái tạng người khỏe mạnh. Anni con ạ, mẹ tin chắc rằng thế nào con cũng phải nhớ rằng ông anh họ của con không bao giờ khỏe, anh ấy không thuộc vào hạng người có thể gọi là vững chắc, chắc con cũng biết thế” bà Maclơham nói, giọng hùng hồn, đưa mắt nhìn tất cả chúng tôi “ngay từ khi con gái tôi và anh ta còn là trẻ con, khoác tay nhau đi dạo chơi suốt ngày.”

Anni nghe mẹ hỏi, không trả lời. Ông Uýchơphin hỏi:

“Như bà nói, có phải là ông Manđơn ốm không ạ?”

“Ốm à?” Vị cựu chiến binh nói, “Thưa ông, anh ta mắc đủ mọi thứ”.

“Từ việc khỏe mạnh, có phải không ạ?” Ông Uýchơphin hỏi.

“Anh ta ấy à?” Bà Maclơham đáp, vừa lắc đầu vừa phe phẩy cái quạt, “Thưa ông, ông hỏi như vậy là chưa hiểu gì về tính khí của Jăc Manđơn cả! Anh ta ấy à? Anh ta không nói đâu. Ông có thể buộc tay chân anh ta vào chân bốn con ngựa hung dữ rồi phi ngựa chạy, nhưng anh ta cũng vẫn không hé môi.”

“Mẹ ơi!” Bà Xtrong nói.

“Anni con ạ”, bà mẹ đáp, “lần này là lần cuối cùng mẹ xin con đừng có nói xen vào lời mẹ, trừ phi là để khẳng định điều mẹ đã nói. Con cũng thừa biết như mẹ rằng, anh họ con là Manđơn sẵn lòng để cho bất kỳ bao nhiêu con ngựa hung dữ kéo mình đi (tại sao tôi lại hạn chế vào con số bốn?), tôi có thể nói bốn, tám, mười sáu, ba mươi hai con ngựa bất kham và hung dữ, nhưng vẫn còn hơn là nói một điều gì có thể làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ.”

“Những kế hoạch của ông Uýchơphin”, bác sĩ nói, giơ tay xoa mặt và nhìn chăm chú người cố vấn của mình như một kẻ thú tội. “Điều đó có nghĩa là những kế hoạch chung của chúng tôi về anh ấy. Tôi đã nói: ở nước ngoài hay ở nhà”.

“Còn tôi thì tôi nói” ông Uýchơphin nói xen vào, giọng trịnh trọng “ở nước ngoài. Chính vì tôi mà anh ấy đi ra nước ngoài đấy. Tôi chịu trách nhiệm về việc đó”.

“Thôi đi! Trách với nhiệm!” Vị cựu chiến binh nói. “Mọi việc đều thu xếp đâu đấy cả rồi, thưa ông Uýchơphin. Mọi việc đều được làm thân mật và chu đáo nhất, chúng tôi biết lắm mà. Nhưng nếu như anh chàng tội nghiệp kia không thể sống ở đấy thì mặc xác hắn. Hắn không sống được ở đấy thì hắn cứ chết ở đấy còn hơn là làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ. Tôi biết anh ta lắm”, vị cựu chiến binh vừa nói vừa quạt với cái vẻ đau khổ điềm nhiên và biết trước sự tất yếu, “và tôi biết rằng anh ta sẽ chết ở đấy còn hơn là làm đảo lộn những kế hoạch của bác sĩ”.

"Được rồi, được lắm", bác sĩ nói, vui vẻ, "tôi không phải khăng khăng bám lấy kế hoạch của mình, tôi có thể đảo lộn kế hoạch. Tôi có thể thay thế vào đấy những kế hoạch khác. Nếu anh Jăc Manđơn về nhà vì thiếu sức khỏe thì chúng ta sẽ không để cho anh ta đi nữa và chúng ta sẽ phải cố gắng tìm cho anh ấy một địa vị thích hợp hơn và sung sướng ở trong nước".

Bà Maclơham nghe lời nói cao thượng này thì cảm động đến nỗi (tôi không cần phải nói rằng bác sĩ đã làm cho bà ngạc nhiên và bà cũng không làm điều gì để khiến cho bác sĩ phải nói như vậy) bà chỉ còn có thể nói với bác sĩ rằng bác sĩ như thế mới thật là tốt, đoạn bà tiếp tục hôn các nan quạt mấy lần, và lấy quạt gõ gõ vào ngón tay. Sau đó, bà mắng yêu cô con gái vì đã không tỏ rõ lòng biết ơn khi bác sĩ đã đối xử tử tế như vậy với người bạn thân cũ chỉ cốt làm vừa lòng vợ mình. Rồi bà kể cho chúng tôi nghe một vài chi tiết về những người rất đứng đắn khác ở trong gia đình bà, mà theo ý bà, cũng nên thu xếp cho họ có công ăn việc làm xứng đáng.

Suốt thời gian ấy, cô con gái của bà là Anni vẫn không hé miệng nói một lời, hay ngước mắt lên một lần nào. Trong khi ấy, ông Uýchơphin vẫn cứ đăm đăm nhìn bà Maclơham khi bà ngồi bên cạnh con gái. Tôi có cảm tưởng rằng bác sĩ không bao giờ cho rằng người ta chú ý đến mình, và tất cả tâm trí ông là để vào Anni, vào những ý nghĩ của mình về vợ đến nỗi hình như ông quên hết mọi việc. Bác sĩ hỏi rằng ông Jăc Manđơn thực tế đã viết những gì về mình và viết cho ai.

"Đây này", bà Maclơham nói, giọng vui vẻ, tay cầm một bức thư ở giá lò sưởi trên đầu bác sĩ, "anh chàng tội nghiệp kia nói với chính bác sĩ đấy… ở chỗ nào nhỉ? À, đây rồi: "Tôi rất buồn báo tin để anh biết rằng sức khỏe của tôi đã sút đi rất nhiều, và tôi sợ sẽ bắt buộc phải trở về Anh một ít lâu, vì có thế mới có hy vọng chữa được bệnh". Thế là rõ rồi đấy nhé! Tội nghiệp anh ta! Mới có hy vọng chữa khỏi bệnh! Nhưng mà bức thư của anh ta gửi cho Anni lại còn rõ ràng hơn. Anni, con đưa cho mẹ xem bức thư ấy một lần nữa nào".

"Bây giờ hãy khoan đã mẹ ạ", bà Xtrong nói, hạ thấp giọng.

"Con ạ, về một số điểm, con thật là con người lố bịch nhất trên đời" bà mẹ đáp "và có lẽ là con người vô tình nhất đối với những đòi hỏi của gia đình mình. Mẹ nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ biết gì về bức thư ấy, nếu chính mẹ không hỏi con. Con bảo thế là tin cậy bác sĩ Xtrong à? Mẹ thật ngạc nhiên quá. Lẽ ra con phải biết điều hơn".

Bức thư được đưa ra một cách miễn cưỡng, và khi tôi chuyển bức thư cho bà Maclơham, tôi thấy bàn tay của bà Xtrong run run, tỏ ra rất ngại ngùng. Bà Maclơham vừa nói, vừa đeo kính vào mắt:

"Để xem cái đoạn này ở đâu… "kỷ niệm về những ngày xưa, em Anni thân mến và vân vân"… không phải ở chỗ này. "Ông bác sĩ già đáng yêu" - ông này là ai nhỉ? Trời ơi! Anni, ông anh họ Manđơn của con viết thư khó đọc quá chừng, mà mẹ cũng rõ thực là ngốc. Đó là bác sĩ! Nhất định thế rồi. À, đúng là đáng yêu". Đến đây, bà ta dừng lại để hôn cái quạt một lần nữa, nhằm bác sĩ mà xỉa xói khi ông đang nhìn chúng tôi với một vẻ điềm nhiên và thỏa mãn. "Bây giờ tôi tìm ra cái đoạn ấy rồi: "có lẽ em sẽ không ngạc nhiên Anni ạ, khi biết tin rằng…", ồ, cố nhiên là không, bởi vì Anni biết anh ta chẳng bao giờ thực khỏe mạnh. À, mà tôi vừa nói gì thế nhỉ"… rằng ở đây, ở cái nơi xa xôi này, anh đã phải chịu đựng nhiều như thế nào, nên anh quyết định rời bỏ nó, trong bất cứ điều kiện nào. Anh sẽ xin phép nghỉ, cáo ốm nếu có thể, sẽ xin thôi hẳn nếu không xin được phép nghỉ. Điều anh đã chịu đựng và đang chịu đựng ở đây thực là không sao chịu nổi nữa". Và nếu không có sự vồn vã của con người tốt nhất trên đời", bà Maclơham nói ve vẩy cái quạt về phía bác sĩ hồi nãy, như người ta đánh điện tín và gấp bức thư lại, "tôi cũng không thể nào chịu nổi khi nghĩ đến những điều ấy".

Ông Uýchơphin không nói một lời, mặc dầu bà Maclơham cứ nhìn chằm chằm vào mặt ông dường

như muốn yêu cầu ông bình luận về những tin này; nhưng ông vẫn ngồi câm như hến, đôi mắt dán xuống đất. Một hồi lâu, sau khi chúng tôi thôi không nói đến chuyện này và bàn sang chuyện khác, ông vẫn ngồi như thế, rất ít khi ngước mắt lên, chỉ trừ khi để nhìn bác sĩ hay bà Xtrong hay nhìn cả hai người một lát và cau mày tư lự.

Bác sĩ rất thích âm nhạc. Ácnét hát rất dịu dàng, tình cảm và bà Xtrong cũng vậy. Hai người cùng hát, cùng chơi dương cầm, và chúng tôi có một buổi hòa nhạc nhỏ. Nhưng tôi nhận thấy hai điều: trước hết, mặc dầu Anni đã điềm tĩnh lại và tỏ ra hoàn toàn tự nhiên như cũ, nhưng giữa bà và ông Uýchơphin vẫn có một cái hố sâu ngăn cách hẳn hai người, thứ hai là ông Uýchơphin xem ra có vẻ không thích thái độ thân mật giữa bà với Ácnét, và nhìn điều đó một cách lúng túng. Còn về phần tôi, tôi xin thú thực rằng kỷ niệm tôi đã thấy hôm ông Manđơn ra đi lại trở lại với một ý nghĩa nó chưa bao giờ có, và làm cho tôi băn khoăn.

Vẻ đẹp ngây thơ trên gương mặt Anni đối với tôi không còn ngây thơ như trước. Tôi hoài nghi vẻ duyên dáng tự nhiên và cử chỉ lịch sự của bà, và khi tôi thấy Ácnét ngồi bên cạnh bà, nghĩ đến tấm lòng quý hóa và chân thành của Ácnét thì tôi bắt đầu ngờ vực, cho rằng đó là một tình bạn không tương xứng.

Tuy vậy, tình bạn ấy đã làm cho bà rất sung sướng và Ácnét cũng vậy, họ đã khiến cho buổi tối hôm ấy trôi qua nhanh chóng dường như nó chỉ là một giờ. Buổi tối hôm ấy đã kết thúc bằng một câu chuyện mà tôi nhớ rất rõ: Hai người đang từ giã nhau và Ácnét đang sắp sửa ôm hôn bà Anni thì ông Uýchơphin bước xen vào giữa hai người hình như là một sự ngẫu nhiên và kéo Ácnét ra về một cách vội vàng. Tôi lại cảm thấy, dường như tất cả thời gian ngăn cách bấy lâu nay đã bị ngưỡng cửa trong cái buổi ra đi đáng ghi nhớ ấy, và khi bà Xtrong đối diện với ông Uýchơphin, tôi lại thấy hiện lên ở bà cái vẻ mặt buổi chiều hôm đó.

Tôi không thể nói rằng hình ảnh ấy đã gây cho tôi một ấn tượng như thế nào; sau này, mỗi khi nhớ lại gương mặt của bà Xtrong với vẻ đẹp ngây thơ của nó, tôi không thể nào quên được ấn tượng ấy.

Trở về nhà, ấn tượng ấy vẫn cứ ám ảnh tôi như một đám mây đen ảm đạm bao phủ ngôi nhà của bác sĩ. Lòng tôn kính của tôi đối với mái tóc hoa râm của ông đã xen lẫn lòng thương hại về sự cả tin của ông đối với những kẻ lừa dối mình và lòng căm ghét những kẻ làm ông thiệt thòi. Một nỗi đau buồn to lớn, và một nỗi bất hạnh nặng nề tuy chưa có gì rõ rệt đã bao phủ nơi tôi học hành và chơi đùa trong thời thơ ấu như một vết nhơ và làm cho nó bị một tổn thất đau đớn. Tôi không còn cảm thấy thú vị gì khi nghĩ đến những cây trầm hương già, lá to, có vẻ khắc khổ đứng lầm lì suốt một trăm năm, đến thảm cỏ phẳng lì, đến những chiếc vại bằng đá, đến cảnh bác sĩ đi dạo và tiếng các chuông nhà thờ bao trùm lên tất cả. Tôi có cảm tưởng rằng cái thánh đường tôn nghiêm, yên tĩnh trong thời thơ ấu của mình đã bị cướp phá trước mắt tôi, và cảnh yên tĩnh cũng như vinh dự của nó đã bị vứt bỏ, tung bay theo gió bốn phương.

Sáng hôm sau tôi đã rời khỏi ngôi nhà cổ kính tràn ngập ánh hưởng của Ácnét, và việc này cũng đủ làm cho tôi bận tâm suy nghĩ, cố nhiên chỉ vài hôm nữa tôi lại trở về đây, tôi lại có thể ngủ (có lẽ ngủ nhiều lần) trong gian phòng cũ của tôi, nhưng thời gian tôi sống trong ngôi nhà này đã qua, và những ngày qua giờ không còn nữa. Lòng tôi nặng trĩu khi gói ghém sách vở và quần áo còn lại để gửi đi Đôvơ, nhưng tôi không để lộ tình cảm của mình cho Uria biết. Uria tỏ vẻ sẵn sàng giúp đỡ tôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng hắn thấy tôi ra đi thì mừng lắm, và ý nghĩ này thực là bất nhẫn.

Tôi lúng ta lúng túng từ biệt Ácnét và ông cụ thân sinh, rồi làm ra vẻ điềm nhiên như người lớn, tôi lên ngồi cạnh anh xà ích trên chiếc xe ngựa đi Luân-đôn. Tôi cảm thấy tâm hồn thư thái và sẵn lòng tha

thứ mọi chuyện đến nỗi, khi đi qua phố, tôi suýt có ý định chào anh hàng thịt, kẻ thù của tôi trước đây, và vứt cho anh năm si-linh để anh ta uống rượu. Nhưng anh vẫn có vẻ rất ngổ ngáo trong khi đang đứng cạo cái thớt to tướng ở trong cửa hàng. Đã thế, mặt mày anh ta lại càng xấu xí hơn vì mất một cái răng cửa (do tôi đánh gẫy) nên tôi nghĩ rằng tốt hơn cả là mình đừng chào hỏi trước.

Tôi còn nhớ, khi ra khỏi thành phố, điều tôi chú ý nhất là làm sao cho anh xà ích thấy tôi càng già dặn càng tốt nên tôi đã ăn nói hết sức càu nhàu. Tôi thực đã khổ thân nhọc xác mới đạt được mục đích này: nhưng tôi vẫn kiên quyết làm như vậy vì tôi nghĩ rằng có làm thế mới ra vẻ người lớn. Anh xà ích hỏi:

"Ông đi suốt chứ?"

"Ừ, anh Uyliam ạ" tôi nói, giọng bề trên - (tôi vốn quen anh xà ích) "Tôi đi Luân-đôn, sau đó tôi sẽ đến tận Xăpphôc".

"Thưa ông có phải đi săn không ạ?"

Anh xà ích hỏi.

Anh ta cũng hiểu như tôi rằng vào thời gian này trong năm rất có thể là tôi đến đấy săn cá voi, nhưng điều này làm cho tôi cao hứng. Tôi nói, làm ra vẻ lưỡng lự:

"Tôi không biết có sờ đến súng hay không nữa".

"Nghe đâu chim chóc ít lắm", Uyliam nói.

"Hình như thế," tôi nói.

"Ông có phải người quận Xăpphốc không?" Uyliam hỏi. "Phải", tôi nói, ra vẻ quan trọng "tôi là người quận Xăpphốc".

"Nghe nói món bánh ngọt nhân táo ở đấy ngon tuyệt" Uyliam nói.

Thực ra tôi chẳng biết chút gì về khoản đó nhưng tôi cảm thấy cần phải bênh vực danh tiếng của quận tôi và tỏ ra mình là thổ công ở đấy tôi bèn gật đầu dường như để bảo: "Còn phải nói"!

"Lại còn ngựa ở đấy nữa", Uyliam nói - "Thực là không chê được. Ngựa ở Xăpphôc khi nó là giống ngựa tốt thì quý như vàng. Thưa ông, ông có bao giờ nuôi ngựa Xăpphôc không ạ?"

"Không", tôi nói, "tôi chưa nuôi".

"Cái ông ngồi sau tôi", Uyliam nói, "tôi dám chắc đã nuôi hàng lô ngựa như vậy."

Con người mà anh ta nói đến là một anh chàng có cái cằm nhô ra ngoài, có một con mắt lác có vẻ bất lương, đầu đội chiếc mũ trắng vành nhỏ rất hẹp mặc cái quần nâu chật đến nỗi người ta tưởng là cúc dọc theo bắp vế từ giầy lên đến háng.

Cằm của anh ta nhô ra qua vai anh xà ích, gần tôi đến nỗi hơi thở cù vào gáy tôi, và khi tôi quay lại nhìn thì anh liếc nhìn những con ngựa với con mắt không lác, ra dáng tinh ranh vô kể. Uyliam hỏi:

"Đúng không nào?"

"Đúng cái gì?" Người ngồi sau hỏi lại. "Có phải ông nuôi hàng lô ngựa Xăpphốc không?"

"Chuyện!" người kia đáp "chẳng có giống ngựa nào mà tôi không nuôi, cũng như mọi giống chó. Đối với một số người thì chó và ngựa là trò tiêu khiển. Nhưng đối với tôi thì đó là cơm gạo… nhà ở, vợ con… Việc đọc sách, viết lách, số học, thuốc là để hút và để hít, và cả việc ngủ nghê nữa cũng đều ăn nhờ ở đấy cả."

“Con người như vậy thì không thể để ngồi ở đằng sau anh xà ích được, ông nhỉ!” Uyliam nói thầm vào tai tôi trong khi vẫn cầm cương ngựa.

Tôi cho rằng nhận xét ấy có nghĩa là anh xà ích muốn người kia ngồi vào chỗ của tôi, cho nên tôi nhường chỗ cho anh ta, mặt đỏ bừng. Uyliam nói:

“Nếu như ông thấy không có gì trở ngại thì tôi cho rằng thế này sẽ tiện hơn.”

Xưa nay tôi vẫn cho việc này là thất bại đầu tiên trong đời. Khi mua vé ở trạm xe ngựa, tôi đã bảo viết bên cạnh tên tôi “chỗ ngồi của anh xà ích” và tôi đã đưa cho người giữ sổ một nửa cơ-rao. Tôi đã mặc một cái áo khoác rộng, quàng một chiếc khăn san lớn chính là để xứng đáng với cái địa vị đặc biệt ấy; tôi đã lấy làm hãnh diện về chỗ ấy và cảm thấy rằng mình làm cho cái xe ngựa cũng được thơm lây. Ấy thế mà mới đi chặng đường đầu tiên, tôi đã bị thay thế bởi một người ăn mặc bệ rạc, có một con mắt lác, chẳng có tài năng gì ngoài chỗ anh ta hôi như tổ cú, và có thể bước qua trước mặt tôi (như một con ruồi hơn là một con người) trong khi ngựa vẫn chạy nước kiệu.

Thái độ thiếu tự tin vẫn thường làm cho tôi lúng túng trong nhiều trường hợp nhỏ trong đời, trong khi nhẽ ra tôi vẫn có thể cứ phớt tỉnh; nhưng tình trạng đâu đã chấm dứt ở câu chuyện nhỏ này trên chiếc xe ngựa đi từ Cantơbơri. Tôi tìm cách che giấu nó bằng lối nói càu nhàu, nhưng vẫn không ăn thua. Trong suốt cuộc hành trình, tôi cố gắng nói một giọng khàn khàn và cảm thấy mình đã hoàn toàn kiệt sức nhưng vẫn còn trẻ khủng khiếp!

Tuy vậy, ngồi sau bốn con ngựa trong khi mình là người có học thức, ăn mặc chỉnh tề, trong túi lắm tiền và nhìn lại những nơi trước đây mình đã ngủ lại trong cuộc du lịch vất vả cũng vẫn là một việc ngộ nghĩnh và thú vị. Tôi có nhiều kỷ niệm đáng nhớ ở từng địa điểm trên đường đi. Mỗi khi cúi xuống nhìn một người đi lang thang mà chiếc xe vượt qua và thấy một khuôn mặt quen thuộc hiện ra, tôi cảm thấy hình như bàn tay đen sạm của người thợ hàn lại túm lấy ngực áo sơ-mi của tôi. Khi xe chúng tôi chạy lạch cạch qua con đường Satham chật hẹp, tôi liếc nhìn con đường nhỏ ở đấy có cửa hàng của con quỷ sứ già trước đây đã mua cái áo chẽn của tôi, và thò cổ ra cố tìm nơi trước đây tôi đã ngồi dưới ánh mặt trời, rồi ngồi dưới bóng mát để chờ lấy tiền. Cuối cùng khi chúng tôi đến cách Luân-đôn một trạm xe nữa và đi qua Xalem học hiệu, ở đấy ông Crichcơn đã thẳng cánh quật học sinh, tôi sẵn sàng dốc tất cả số tiền trong túi ra để được phép xuống nện cho ông ta một trận và giải phóng tất cả các học sinh bị giam giữ ở đấy như những con chim sẻ bị nhốt trong lồng.

Chúng tôi đến khách sạn “Chữ thập vàng” ở Sarinh Crôt. Lúc bấy giờ khách sạn này là một ngôi nhà cũ kỹ trong một khu phố chật hẹp. Một người hầu bàn đưa tôi đến phòng ăn và một chị hầu phòng đưa tôi vào cái phòng ngủ nhỏ xíu, sặc mùi xe ngựa và kín mít như cái hầm rượu. Tôi vẫn đau xót cảm thấy vì mình trẻ quá nên chẳng ai sợ hãi gì mình hết: Chị hầu phòng phớt tỉnh trước những nhận xét của tôi về bất cứ điều gì, còn anh hầu bàn thì lại còn tỏ ra suồng sã với tôi và lên giọng khuyên bảo tôi vì thấy tôi không có kinh nghiệm. Anh ta nói, giọng tâm sự:

“Thế nào, ông dùng món gì? Thường thường các vị khách trẻ thích gà, vịt; ông dùng một con gà nhé!”

Tôi bảo anh ta, giọng hết sức chững chạc, rằng tôi không thích ăn gà. Anh hầu bàn nói:

“Thế à? Các vị khách trẻ thường chán thịt bò và thịt cừu, ông ăn sườn bê nhé?”

Tôi gật đầu nhận đề nghị này vì không còn biết nói gì khác. Anh hầu bàn nói, mỉm cười vẻ mời mọc, đầu nghiêng về một bên:

“Ông có xơi khoai tây không? Thường thường những vị khách trẻ ngấy khoai tây lắm.”

Tôi dùng cái giọng nghiêm nghị nhất bảo anh ta dọn một đĩa sườn bê với khoai tây và tất cả những thứ cần thiết; và sai anh ta hỏi ở quầy hàng xem có lá thư nào gửi cho ông Trốtút Copơphin không, mặc dầu tôi biết là không có và không thể có, nhưng tôi nghĩ rằng phải làm ra vẻ có thư thì mới là người lớn.

Lát sau anh ta quay lại bảo không có thư (điều đó làm tôi rất ngạc nhiên), và bắt đầu trải khăn bàn cho tôi ăn ở một chỗ cạnh lò sưởi. Trong khi làm như vậy, anh ta hỏi tôi dùng thứ rượu gì. Nghe tôi nói "một cốc rượu anh đào", tôi có cảm tưởng anh cho rằng đây là một dịp hiếm có để trút những chỗ rượu thừa còn lại ở nhiều cốc nhỏ khác lại thành một cốc. Tôi nghĩ như vậy, bởi vì khi tôi đang đọc báo thì thấy anh ta đứng sau một cái vách thấp bằng gỗ (đó là cái phòng riêng của anh ta) loay hoay rót từ một số bình vào trong một cái cốc như một nhà hóa học hay một nhà bào chế đang pha chế theo một cái đơn gì đấy. Không những thế, khi đưa cốc rượu lên, tôi thấy nó nhạt thếch và rõ ràng có nhiều vụn bánh mì Anh hơn là người ta có thể thấy trong bất kỳ một cốc rượu ngoại quốc thuần túy nào; nhưng vì quá nhút nhát nên tôi cứ uống mà không nói gì.

Tâm hồn sảng khoái (do việc này tôi kết luận rằng đôi khi trò uống thuốc độc, trong vài giai đoạn tiến triển của nó, không phải bao giờ cũng khó chịu), tôi quyết định đi xem kịch. Tôi chọn rạp hát Côven Gacđân, và ở đấy ngồi trong một ghế lô đối diện với sân khấu, tôi xem vở Juliut Xêda[1] và vở kịch câm mới nhất. Nhìn tất cả những con người La-mã cao thượng kia sống trước mặt, đi ra đi vào để giải trí cho mình, chứ không phải là những đề bài hóc búa như ở nhà trường, tôi cảm thấy một cảm giác mới mẻ và thích thú. Nhưng sự lẫn lộn giữa cái thực và cái huyền bí của tất cả vở kịch, ảnh hưởng của thơ ca, âm nhạc, ánh sáng, khán giả, những trang trí rực rỡ và lộng lẫy thay thế nhau nhanh chóng khủng khiếp đã làm cho tôi quáng mắt đến nỗi, chúng mở ra trước mắt tôi những niềm vui sướng mênh mông, và khi bước ra ngoài đường mưa gió vào lúc mười hai giờ đêm, tôi có cảm tưởng như mình vừa từ trên mây - ở đấy tôi đã sống hàng thế kỷ một cuộc đời lãng mạn - bước xuống cuộc đời bùn lầy khốn khổ, mà ở đấy, dưới ánh đuốc, người ta cãi cọ nhau, nện giầy lộp cộp, lấy ô huých nhau để tìm lối đi trong khi xe cộ chạy rầm rập.

Tôi đi ra theo một cửa khác và đứng ngoài đường yên lặng một lát, dường như mình quả thực là một người xa lạ ở trên trái đất này. Nhưng cái trò chen chúc và xô đẩy không lịch sự chút nào mà tôi gặp phải chẳng bao lâu đã kéo tôi về thực tế và đưa tôi tới con đường trở về khách sạn.

Tôi bèn về khách sạn, và khi đến nhà, sau khi ăn sò huyết và uống rượu poóc-tô, tôi vẫn còn ngồi suy nghĩ mãi đến hơn một giờ đêm, đôi mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa trong phòng ăn.

Lòng tôi đang tràn ngập những hình ảnh về vở kịch và quá khứ của mình (vì vở kịch này giống như một tấm kính trong suốt và sáng ngời, qua đó tôi thấy cuộc đời của tôi ngày trước đã diễn ra), tôi không hiểu bóng dáng một chàng thanh niên lịch sự, xinh xắn, ăn mặc không diêm dúa nhưng rất hợp thời trang mà tôi có những lý do để nhớ lại, đã xuất hiện lúc nào trước mắt tôi. Nhưng tôi nhớ, tôi cảm thấy con người ấy ở bên cạnh tôi, tuy không biết anh ta bước vào lúc nào, trong khi tôi vẫn ngồi trầm ngâm trước ngọn lửa trong phòng ăn.

Cuối cùng, tôi đứng dậy đi ngủ, điều đó làm cho anh hầu phòng ngái ngủ thực mát ruột vì nãy giờ ở trong căn phòng nhỏ của mình, anh thấy cặp giò làm cho mình bực bội nên đang vặn nó, đánh nó, bắt nó phải chịu mọi thứ hình phạt. Khi đến cửa, tôi đi qua trước mặt con người vừa bước vào và thấy cậu ta rõ ràng. Tôi liền quay lại và nhìn lần thứ hai. Cậu ta không nhận ra tôi, nhưng tôi nhận ra ngay tức khắc.

Nếu vào một lúc khác, có lẽ tôi không dám, hay không quyết định nói chuyện ngay với cậu và sẽ

hoãn chuyện trò đến hôm sau, và như thế có thể sẽ không gặp cậu ta nữa. Nhưng lúc bấy giờ trong khi tâm hồn tôi còn say sưa về vở kịch, tôi cảm thấy nhất định phải biểu lộ lòng biết ơn về sự che chở ngày xưa. Tình yêu hồn nhiên và tươi mát ngày xưa bỗng tràn ngập tim tôi, tim tôi đập thình thình và tôi đến gần cậu ta, nói:

"Xtiếcphoóc! Anh có muốn nói chuyện với tôi không?"

Cậu nhìn tôi (hệt như xưa kia đôi lúc cậu ta vẫn thường nhìn), nhưng nhìn vẻ mặt của cậu tôi biết là cậu chưa nhận ra tôi. Tôi nói:

"Mình sợ cậu không nhận ra mình" "Trời ơi!" Cậu đột nhiên thốt lên, "Copơphin."

Tôi giơ hai tay siết chặt tay cậu và không thể buông ra. Nếu tôi không sợ xấu hổ và sợ có thể làm cậu phật ý thì tôi đã ôm lấy cổ cậu mà khóc.

"Mình chưa bao giờ, chưa bao giờ sung sướng như thế này, Xtiếcphoóc ạ! Gặp lại cậu, mình mừng quá!"

"Còn mình, được gặp cậu, mình cũng mừng lắm", cậu nói, niềm nở bắt tay tôi, "nào cậu Copơphin, ông bạn phải tự chủ chứ!"

Tuy vậy, tôi có cảm tưởng rằng cậu sung sướng thấy tôi cảm động và vui mừng như vậy khi gặp cậu.

Tôi lau nước mắt mặc dầu tôi hết sức cố gắng tự chủ mình nhưng vẫn không cầm được nước mắt và cười lúng túng, đoạn chúng tôi ngồi cạnh nhau.

"Thế tại sao cậu lại ở đây?" Xtiếcphoóc nói vỗ nhẹ vào vai tôi.

"Hôm nay mình đi xe ngựa từ Cantơbơri đến đây. Mình được một bà cô ở miền này nuôi và vừa tốt nghiệp xong. Còn cậu, tại sao cậu lại ở đây?"

"Thế này nhé, tớ là một anh chàng sinh viên Ocxphơt như người ta vẫn gọi", cậu đáp, "nghĩa là mình cứ đến Ocxphơt đều đặn để chết buồn ở đấy và lúc này mình trở về nhà mẹ mình. Cậu xinh trai quá Copơphin ạ. Cậu vẫn hệt như trước. Bây giờ nhìn lại cậu, mình thấy cậu chẳng thay đổi gì hết."

"Còn mình thì nhận ra cậu ngay lập tức", tôi nói, "Quên cậu có phải dễ đâu!" Cậu giơ tay vuốt mớ tóc quăn và nói vui vẻ:

"Phải đấy, mình đang đi làm nhiệm vụ đây. Mẹ mình sống cách Luân-đôn một ít. Vì đường xá như khỉ, và ở nhà thì cũng hơi chán cho nên tối nay mình ở đây chứ không đi luôn về nhà. Mình mới ở Luân-đôn cách đây năm sáu tiếng đồng hồ thôi, thế mà mình đã buồn ngủ và nói lảm nhảm về kịch."

"Mình cũng vừa xem kịch về", tôi nói, "ở Côven Gacđân, kịch thú vị và tuyệt quá, Xtiếcphoóc ạ".

Xtiếcphoóc cười ròn rã:

"Cậu bé Đêvi ơi!" Cậu nói và vỗ tai tôi. "Cậu quả là một bông hoa tường vi"[2], bông hoa tường vi ở ngoài vườn lúc mặt trời lên cũng không tươi hơn cậu đâu. Mình cũng vừa ở Côven Gacđân về và chưa bao giờ thấy kịch cợt dở hơn. Này, anh kia!"

Câu này là nói với anh hầu phòng đứng ở xa đang rất chú ý đến việc chúng tôi nhận được nhau. Anh hầu phòng bước đến có vẻ kính cẩn:

"Anh để ông bạn của tôi, ông Copơphin ở đâu?"

"Xin lỗi ông, ông bảo gì ạ?"

“Ông ấy ngủ ở đâu? Số phòng ông ta bao nhiêu? Anh hiểu tôi muốn nói gì chứ?” Xtiếcphoóc hỏi.

“Dạ”, anh hầu phòng nói, vẻ như xin lỗi, “ông Copơphin hiện ở phòng bốn mươi tư ạ”.

“Anh định làm cái trò khỉ gì thế”, Xtiếcphoóc nói, “khi anh để ông Copơphin ở trong cái bục trên chuồng ngựa à?”

“Dạ thưa ông, chúng tôi không biết ạ”, người hầu phòng trả lời vẫn với giọng xin lỗi. “Chúng tôi không biết ông Copơphin đặc biệt khó tính. Nếu như ông thích, chúng tôi có thể để ông ấy ở phòng bảy mươi hai, như thế sẽ ở cạnh ông”.

“Cố nhiên tôi thấy thế là hơn”, Xtiếcphoóc nói. “Anh dọn ngay đi”.

Anh hầu phòng lập tức rút lui để thay phòng, Xtiếcphoóc rất khoái về việc tôi bị đưa vào ở phòng bốn mươi tư, nên lại cười rộ, vỗ vai tôi, mời tôi ăn điểm tâm với cậu sáng hôm sau lúc mười giờ. Đó là một việc làm tôi thấy rất sung sướng và tự hào. Vì lúc ấy đã khuya, chúng tôi cầm nến và bước lên cầu thang. Lên đến đây chúng tôi bắt tay nhau niềm nở ở cửa phòng của Xtiếcphoóc, và tôi nhận thấy rằng căn phòng mới của tôi khá hơn nhiều so với căn phòng cũ vì nó không bị đóng kín và có một cái giường thênh thang to như một cái ấp. Trong giường có đủ gối cho sáu người nằm. Chẳng bao lâu, tôi ngủ thiếp đi sung sướng và nằm mơ thấy thành La-mã cổ đại, thấy Xtiếcphoóc và tình bằng hữu, cho đến khi những chiếc xe ngựa đầu tiên buổi sáng chạy rầm rập trong cái vòm dưới chân, làm cho tôi nằm mơ thấy sấm sét và thần linh.

---

[1] Vở kịch của Sêcxpia.

[2] Chơi chữ, hoa daisy (đọc: đây-di) nghe cũng na ná như đê-vi.

Chương XX
Ở NHÀ XTIẾCPHOÓC

Tám giờ sáng, khi chị hầu phòng gõ cửa và báo với tôi rằng nước cạo râu đã đặt ở ngoài hành lang, tôi cảm thấy rất khổ tâm vì không biết dùng nó làm gì và tôi nằm trên giường, mặt đỏ bừng. Ngoài ra, tôi còn ngờ rằng, khi nói câu ấy, chị ta cười, và ý nghĩ này cứ dằn vặt tôi suốt thời gian tôi mặc quần áo, và tôi nhận thấy nó đã làm cho tôi có cái vẻ lén lút và phạm tội khi tôi đi qua trước mặt chị để xuống ăn điểm tâm. Tôi cảm thấy khó chịu rằng mình trẻ hơn mình tưởng đến nỗi trong một thời gian tôi không sao dám đi trước mặt chị trong hoàn cảnh nhục nhã như thế, và khi tôi nghe tiếng chổi chị quét thì tôi đứng im trước cửa sổ, lén lút nhìn bức tranh vua Saclơ ngồi trên mình ngựa chung quanh và cả một đám xe ngựa cho thuê (dưới làn mưa bụi và trong đám sương mù nâu sẫm, ông ta chẳng có vẻ gì là vua cả), cho đến khi anh hầu bàn đến báo rằng ông khách đang đợi tôi.

Lần này tôi thấy Xtiếcphoóc không ngồi đợi tôi trong phòng ăn mà trong một căn phòng nhỏ riêng ấm cúng, treo những bức màn đỏ và lót thảm Thổ Nhĩ Kỳ. Ở đây lửa đốt sáng rực. Một bữa điểm tâm nóng hổi và ngon lành đã được dọn trên cái bàn phủ khăn sạch sẽ, và cái hình ảnh xinh xinh thu nhỏ lại của căn phòng, của ngọn lửa, của bữa điểm tâm, của Xtiếcphoóc và của tất cả mọi vật đang lấp lánh trong một chiếc gương tròn treo trên cái tủ để bát đĩa. Lúc đầu, tôi cũng hơi lúng túng vì Xtiếcphoóc ra vẻ đường hoàng lắm, lại lịch sự và hơn tôi về mọi mặt (kể cả về tuổi tác), nhưng thái độ hòa nhã và che chở của cậu chỉ trong chốc lát đã làm tôi quên hết và cảm thấy mình hoàn toàn thoải mái như ở nhà. Tôi cứ thán phục mãi sự thay đổi mà cậu đã đưa đến khách sạn "Chữ thập vàng", và cứ so sánh tâm trạng buồn bã bơ vơ của tôi hôm qua với cái cảnh ấm cúng vui vẻ sáng nay. Còn thái độ suồng sã của anh hầu bàn thì đã biến mất từ lúc nào. Anh ta phục vụ chúng tôi có thể nói cứ len lét, nơm nớp.

Khi chúng tôi ngồi một mình với nhau, Xtiếcphoóc nói:

"Nào, Copơphin, mình muốn nghe cậu kể xem bây giờ cậu đi đâu và nghe tất cả mọi chuyện về cậu. Mình có cảm tưởng rằng cậu đã thuộc về mình rồi".

Tôi đỏ bừng mặt sung sướng nhận thấy cậu vẫn chú ý đến tôi như thế. Và tôi kể cho cậu nghe về việc cô tôi đã đề nghị tôi đi chơi một chuyến như thế nào và mục đích của chuyến đi chơi, Xtiếcphoóc nói:

"Vì cậu không có gì phải vội vã, cậu hãy đến Haigây chơi với mình một hai ngày. Cậu sẽ yêu mẹ mình (bà cụ cũng hơi ồn ào và kiêu hãnh khi nói về mình nhưng cậu có thể tha thứ khuyết điểm đó cho bà cụ) và bà cụ cũng sẽ yêu cậu."

"Mình muốn biết chắc xem mình có được yêu như cậu đã có nhã ý nói không", tôi mỉm cười trả lời.

"Ồ!" Xtiếcphoóc nói. "Ai yêu mình cũng đều có quyền đòi hỏi ở bà cụ và thế nào bà cụ cũng không làm họ thất vọng."

"Nếu thế mình sẽ được bà cụ cưng cho mà xem", tôi nói.

"Chuyện!" Xtiếcphoóc nói. "Cậu cứ đến thí nghiệm xem. Bây giờ chúng mình hãy đi chơi một hai tiếng xem những điều mới lạ ở đây (có một chú mới mẻ như cậu, Copơphin ạ, để mà chỉ dẫn những điều ấy thì cũng hay đấy), sau đó chúng mình sẽ lên xe ngựa đi Haigây".

Tôi khó lòng tin rằng đây là sự thực, tôi cứ tưởng đây chỉ là một giấc mơ, và lát nữa tôi sẽ tỉnh dậy ở trong phòng bốn mươi tư hay thấy lại cái chỗ ngồi cô đơn trong phòng ăn và thái độ suồng sã của

anh hầu bàn. Sau khi viết thư cho cô, tôi kể lại việc tôi may mắn gặp người bạn cũ mà tôi thán phục và đã nhận lời mời của cậu, chúng tôi lên xe ngựa đi thăm toàn cảnh thành phố và một vài phong cảnh khác, rồi chúng tôi vào Viện bảo tàng, ở đấy, tôi không thể không thán phục trình độ kiến thức rộng rãi của Xtiếcphoóc về vô số vấn đề và cái vẻ cậu tỏ ra coi thường sự hiểu biết của mình. Tôi nói:

"Thế nào cậu cũng sẽ đỗ cao ở trường đại học, Xtiếcphoóc ạ, nếu như không phải là cậu đã đỗ rồi, và người ta sẽ có lý do để tự hào về cậu".

"Tớ mà đi thi à?" Xtiếcphoóc cười rộ.

"Tớ không thi đâu. Này Tường-vi của tớ ơi! Tớ gọi cậu là Tường-vi, cậu không giận chứ?"

"Giận cái gì!" Tôi nói.

"Cậu là tay khá đấy! Này Tường-vi", Xtiếcphoóc nói và cười rộ, "tớ thực không hề có ý định trổ tài về mặt này. Tớ đã làm khá nhiều vì mục đích của mình. Bây giờ tớ thấy tớ bắt đầu ngấy về tớ rồi đấy".

"Nhưng còn danh tiếng…" Tôi bắt đầu nói.

"Ồ, Tường-vi lãng mạn quá!" Xtiếcphoóc nói, lại cười ròn rã hơn trước, "Tại sao tớ lại phải khổ thân nhọc xác để cho một lũ ngốc há hốc miệng và giơ tay lên trời. Thôi hãy để họ làm điều đó với một thằng khác, mặc xác bố ấy kiếm danh tiếng, tớ sẵn sàng nhường đấy!"

Tôi xấu hổ thấy mình hớ như vậy và rất vui mừng được chuyển sang chuyện khác. May sao, làm điều đó không khó khăn gì, vì Xtiếcphoóc bao giờ cũng có thể chuyển từ vấn đề này sang vấn đề khác một cách thoải mái và tự nhiên mà chỉ cậu mới làm được.

Sau khi xem thành phố xong, chúng tôi trở về ăn trưa, và ngày mùa đông ngắn ngủi trôi qua nhanh chóng đến nỗi khi chiếc xe ngựa mang chúng tôi dừng trước một ngôi nhà bằng gạch cũ kỹ ở Haigây, trên một đỉnh đồi thì trời đã hoàng hôn.

Một bà đứng tuổi, mặc dầu chưa phải là già, có dáng điệu kiêu hãnh và gương mặt xinh đẹp đứng ở ngưỡng cửa khi chúng tôi xuống xe. Bà gọi Xtiếcphoóc là "Jêm của mẹ" và ôm ghì lấy cậu. Xtiếcphoóc giới thiệu tôi với bà, nói đó là mẹ cậu, và bà chào tôi rất lịch sự.

Đó là một ngôi nhà xinh xắn, xây theo kiểu cũ, rất yên tĩnh và ngăn nắp. Nhìn qua cửa sổ gian phòng mình, tôi thấy tất cả Luân-đôn ở xa xa như một đám sương mù, đây đó nổi bật lên một vài ánh đèn thấp thoáng. Khi thay quần áo, tôi chỉ có thì giờ liếc nhìn những đồ đạc đồ sộ, những bức tranh đóng khung (tôi chắc là do mẹ Xtiếcphoóc làm khi bà còn con gái) và một vài bức tranh bút chì vẽ những người đàn bà tóc rắc phấn, mặc áo chẽn bó lấy ngực hiện lên trên tường rồi lại biến đi khi ánh lửa vừa mới nhóm lên chập chờn và kêu lách tách. Vừa lúc đó, người ta gọi tôi đi ăn tối.

Trong phòng ăn còn một người đàn bà thứ hai nữa, người này thân hình mảnh dẻ, da nâu, trông không xinh nhưng có vẻ dễ coi. Người này khiến tôi chú ý, có lẽ một phần vì tôi không ngờ thấy cô, một phần vì tôi ngồi đối diện, một phần vì cô có một cái gì thực đáng chú ý. Cô tóc đen, mắt đen và sáng, dáng người thanh tú và có một vết sẹo ở môi. Đó là một cái sẹo đã cũ (đúng hơn, đó là một vết sẹo vì nó có màu và đã lành cách đây lâu lắm); vết thương trước đây chắc hẳn phải xuyên qua miệng xuống tận cằm, nhưng ngồi bên kia bàn, tôi chỉ thấy lờ mờ, trừ chỗ ở trên môi trên vì ở đấy hình dáng môi bị vết thương làm thay đổi đi. Tôi kết luận rằng cô trạc độ ba mươi và đang muốn lấy chồng. Cô cũng đã hơi tã (như một ngôi nhà cũ đã phải cho thuê mãi), tuy vậy, như tôi đã nói, cô vẫn có vẻ dễ coi. Dáng người thanh mảnh của cô dường như là kết quả của một ngọn lửa rạo rực cháy trong lòng và toát ra ở đôi mắt sâu.

Người ta giới thiệu đó là cô Đactơn, còn Xtiếcphoóc và bà cụ đều gọi cô là Rôda.

Tôi được biết rằng cô sống ở đây và là bạn của bà Xtiếcphoóc từ lâu. Tôi có cảm tưởng rằng khi muốn gì, không bao giờ cô nói thẳng, mà chỉ nói bóng, và cái lối nói ấy thu được nhiều kết quả hơn. Chẳng hạn khi bà Xtiếcphoóc tuyên bố - đây là để nói đùa thôi - rằng bà sợ cậu con sống một cuộc sống phóng đãng ở trường đại học, thì cô Đactơn nói xen vào như sau:

"Thế à? Bác biết đấy, cháu chẳng biết gì cả, cháu hỏi chẳng qua là để cho biết thôi, nhưng có phải bao giờ cũng thế không? Cháu nghĩ rằng ai cũng cho lối sống như thế là… Có phải không?"

"Đó là cách giáo dục để chuẩn bị cho người ta làm một nghề rất quan trọng, có phải chị muốn nói thế không, Rôda?" bà Xtiếcphoóc hỏi, giọng rất bình thản.

"Ồ, vâng ạ! Thực đấy ạ", cô Đactơn trả lời, "nhưng có phải thế không? Cháu muốn hiểu rõ, nếu như cháu lầm… không biết có phải thế không?"

"Không biết cái gì?" Bà Xtiếcphoóc nói. "À! Bác muốn nói rằng không phải như vậy chứ gì?" Cô Đactơn đáp. "Phải rồi, cháu rất vui mừng được biết như vậy. Bây giờ cháu biết cháu phải làm gì rồi! Hỏi có lợi thế đấy. Cháu sẽ không bao giờ để cho người ta nói trước mặt về việc chơi bời, phóng đãng và những chuyện liên quan đến lối sống ấy nữa."

"Chị làm thế là đúng", bà Xtiếcphoóc nói. "Ông giáo sư đỡ đầu Xtiếcphoóc là người trung hậu, nếu như tôi không hoàn toàn tin con thì tôi hoàn toàn tin ông ta".

"Thế à?" Cô Đactơn nói. "Trời ơi! Ông ta trung hậu à? Có thực trung hậu không?"

"Có chứ, tôi tin chắc như vậy", bà Xtiếcphoóc nói.

"Tuyệt thật!" Cô Đactơn thốt lên. "Yên tâm quá! Thực là trung hậu à? Thế thì ông ta không phải là… nhưng chắc chắn là không rồi vì ông ta rất trung hậu. Thế thì từ nay cháu sẽ sung sướng khi đánh giá ông ta. Bác không thể biết rằng khi biết chắc ông là người trung hậu thì ông được cháu đánh giá cao như thế nào".

Cô Đactơn cứ dùng cái lối bóng gió như vậy để chuồi những ý nghĩ riêng vào tất cả mọi vấn đề và chống lại những ý kiến mà cô không tán thành. Đôi khi cô làm rất tài tình, tôi phải thú nhận như vậy, mặc dầu ý ấy đối lập với Xtiếcphoóc. Một trường hợp như vậy đã xảy ra trước khi bữa ăn tối kết thúc. Vì bà Xtiếcphoóc hỏi tôi về việc tôi muốn đi Xăpphôc chơi, tôi ngẫu nhiên nói rằng tôi sẽ rất sung sướng nếu Xtiếcphoóc nhận lời cùng đi chơi với tôi. Tôi cắt nghĩa cho cậu biết tôi đi thăm chị bảo mẫu già và gia đình ông Pécgôti, tôi nhắc lại cho cậu nhớ người thủy thủ mà cậu đã thấy ở trường.

"Ồ, ông cục mịch ấy phải không? Ông đến với con trai chứ gì?" Xtiếcphoóc nói.

"Không phải con đâu! Đó là cháu gọi ông ta bằng chú đấy, nhưng ông nhận làm con nuôi, ông còn một cô cháu gái xinh lắm cơ, ông nhận cô làm con nuôi. Tóm lại, nhà ông ta (hay đúng hơn là chiếc tàu của ông bởi vì ông sống trong một chiếc tàu nằm trên đất liền) đầy những người được ông yêu quí và chiều chuộng. Nhìn gia đình ấy, cậu sẽ thích mê".

"Thế à?" Xtiếcphoóc nói. "Mình cũng nghĩ thế. Để mình xem có cách gì không. Đi chơi thế này cũng bõ công (đó là không kể cái thú được đi chơi với cậu, Tường-vi ạ), được thấy "những con người như vậy" cùng sống với nhau và dự vào cuộc sống của họ".

Tim tôi nhẩy cỡn lên vì hy vọng và sung sướng. Nhưng nghe cái giọng của cậu khi nói "những con người như vậy" thì cô Đactơn, từ nãy đến giờ vẫn nhìn chúng tôi chăm chú với đôi mắt bốc lửa, lần này lại nói xen vào:

“Ồ, có phải thế không? Anh nói cho tôi biết họ có phải thế không?” Cô ta nói.

“Họ thế nào ạ? Chị nói đến ai thế?” Xtiếcphoóc hỏi.

“Những con người như vậy”. Họ có phải là súc vật và những cục đất, họ có phải những giống thuộc một loài khác không? Tôi muốn biết lắm.”

“Thế à, giữa họ và chúng ta có một sự ngăn cách khá lớn”, Xtiếcphoóc nói, giọng lơ đãng, “họ không dễ cảm như chúng ta. Tính tế nhị của họ rất trầm lặng và họ ít giận dữ. Cố nhiên, họ hết sức đạo đức. Có người chủ trương như vậy, và tôi cam đoan với chị là tôi không muốn làm trái ý họ. Nhưng họ không phải là những người rất tế nhị (và đó là may cho họ), cũng như da của họ sần sùi và cứng nên họ không bị thương một cách dễ dàng.”

“Thế à!” Cô Đactơn nói. “Nếu thế thì tôi không biết, xưa nay tôi chưa được nghe điều gì thú vị hơn. Được biết rằng họ đau khổ, nhưng họ vẫn không nhận thấy, tôi thật thích! Đôi khi tôi rất quan tâm lo lắng đến hạng người ấy, nhưng bây giờ tôi sẽ vứt bỏ hoàn toàn những ý nghĩ đó đi. Ở tuổi nào cũng phải học. Trước đây tôi có những mối hoài nghi, nhưng những mối hoài nghi ấy bây giờ đã hết. Tôi chưa biết và bây giờ tôi biết. Hỏi người khác là có lợi như thế đấy… có phải không?”

Tôi nghĩ rằng chẳng qua là Xtiếcphoóc nói đùa hay gợi cho cô Đactơn nói, và tôi chờ cậu nói như vậy khi cô Đactơn đã đi ra và hai chúng tôi ngồi trước ngọn lửa. Nhưng cậu chỉ hỏi tôi về chỗ tôi thấy cô ta như thế nào.

“Bà ấy thông minh lắm, có phải không?” Tôi hỏi.

“Thông minh!” Xtiếcphoóc nói, “bà cho tất cả vào cối xay và nghiền tất cả như bà mài khuôn mặt và thân hình của mình đã bao năm nay. Vì lo mài giũa mãi cho nên người cứ quắt lại. Cả người bà ta là một cái mũi nhọn hoắt.”

“Trên môi có một vết sẹo kỳ quặc”, tôi nói.

Nét mặt Xtiếcphoóc sa sầm lại và cậu im lặng một lát.

“Này, thực ra” - cậu đáp - “chính mình đã gây ra đấy!”

“Có phải vì ngẫu nhiên vô tình không?”

“Không! Lúc đó mình còn là một thằng bé và bà ta đã làm cho mình phát điên lên được nên mình cầm một cái búa ném vào giữa mặt. Ồ! Lẽ ra mình phải là một đứa bé trong trắng đầy hứa hẹn.”

Tôi rất lấy làm buồn vì đã đề cập đến một câu chuyện đau xót như vậy, nhưng bây giờ có hối thì cũng đã muộn.

“Từ hôm đó, bao giờ bà cũng mang cái dấu vết ấy, như cậu đã thấy đấy”, Xtiếcphoóc nói, “và bà sẽ mang nó xuống mồ… nếu như bà chịu nằm ở dưới mồ, vì mình khó lòng tin rằng bà sẽ nằm nghỉ ở bất kỳ nơi nào. Bà là con một người anh em họ xa của ông cụ mình. Cha bà mất, mẹ mình lúc ấy góa bụa nên đưa về đây cho có bầu có bạn. Bà có hai nghìn bảng tiền vốn và mỗi năm còn được thêm một số tiền lời để cộng thêm vào số vốn ấy. Thế là bây giờ cậu biết rõ chuyện Rôda Đactơn rồi đấy nhé”.

“Chắc là bà ta mến cậu như yêu một người em”, tôi hỏi.

“Hừm!” Xtiếcphoóc đốp lại, trong khi vẫn nhìn ngọn lửa, “Có những người anh không được yêu cho lắm; lại có những tình yêu… Nhưng Copơphin ạ, chúc cậu không mắc phải những việc như vậy. Chúng ta sẽ uống rượu chúc mừng những bông tường vi ngoài vườn để khen ngợi cậu, và chúc mừng những bông hoa huệ ở ngoài thung lũng, không làm việc, không dệt vải[1]… chúc mừng mình… chúc

mừng như thế chỉ làm mình thêm xấu hổ mà thôi!”

Nụ cười buồn bã nãy giờ vẫn vương trên gương mặt cậu bỗng biến đi khi cậu nói câu ấy một cách vui vẻ, và cậu lại là anh chàng Xtiếcphoóc thực thà và hấp dẫn như xưa.

Tôi không thể nào không liếc nhìn vết sẹo của cô Đactơn với một sự chú ý chua xót khi chúng tôi bước vào phòng khách uống trà. Chỉ trong phút chốc tôi đã nhận thấy ngay rằng vết sẹo ấy là chỗ dễ cảm nhất trong tất cả khuôn mặt của cô Đactơn, và khi nào cô tái mặt thì vết sẹo này thay đổi đầu tiên và trở thành một vệt xam xám, màu chì, chạy dài suốt cả chiều dọc của nó như dấu hiệu của một thứ mực hóa học khi đưa vào lửa. Giữa cô và Xtiếcphoóc có sự tranh luận về việc ném xúc xắc để chơi song lục, lúc đó tôi thấy cô nổi giận và vết sẹo nổi bật lên như những chữ viết ngày xưa ở trên tường[2] cung điện Banthada.

Tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy bà Xtiếcphoóc tận tụy với cậu con trai. Bà cụ dường như không thể nói hay nghĩ đến vấn đề gì khác. Bà chỉ cho tôi xem bức chân dung của cậu con lúc cậu còn là một đứa bé, chân dung này lồng trong một quả tim, ở đấy có một ít tóc của cậu khi còn nhỏ. Bà chỉ cho tôi thấy chân dung của cậu hệt như lần đầu tiên tôi quen biết cậu; và bà đeo ở ngực bức chân dung cậu ta hiện nay. Bà giữ tất cả những bức thư cậu gửi cho bà trong chiếc bàn giấy nhỏ đặt cạnh cái ghế bành của bà ở góc lò sưởi; lẽ ra bà đã đọc cho tôi vài bức thư và tôi đã sung sướng được nghe, nếu như cậu không can thiệp vào bằng một giọng bông đùa để cho bà cụ từ bỏ công việc ấy.

“Em nó bảo tôi rằng hai anh em quen biết nhau ở trường ông Crichcơn”, bà Xtiếcphoóc nói trong khi tôi với bà nói chuyện ở một cái bàn, còn Xtiếcphoóc và Đactơn thì đang chơi cờ ở một bàn khác. “Tôi còn nhớ, lúc bấy giờ em nó bảo có một cậu học sinh ít tuổi hơn nó được nó yêu quý, nhưng tôi không nhớ tên anh, cái đó cũng dễ hiểu”.

“Thưa bác anh ấy rất cao thượng và tử tế đối với con trong thời gian ấy”, tôi nói, “và con cần một người bạn như thế. Nếu không có anh ấy thì con đã bị chà đạp hoàn toàn rồi”.

“Nó bao giờ cũng cao thượng và tử tế”, bà Xtiếcphoóc nói, có vẻ tự hào.

Cố nhiên là tôi hoàn toàn tán đồng. Bà cũng hiểu như vậy, bởi vì thái độ kiêu kỳ trong cử chỉ của bà đối với tôi đã bớt đi, trừ khi bà khen ngợi con mình, và khi đó thái độ của bà bao giờ cũng kiêu kỳ.

“Kể ra, đó không phải là một trường thích hợp với em nó”, bà nói, “còn xa lắm. Nhưng lúc bấy giờ có những trường hợp đặc biệt cần phải lưu tâm đến, những trường hợp còn quan trọng hơn cả việc chọn trường. Tính tình kiêu ngạo của nó làm cho nó cần phải ở một trường của một con người cảm thấy ưu thế của nó và sẵn sàng cúi mình trước nó; và ở đấy chúng tôi đã gặp một người như thế.”

Tôi biết điều đó vì tôi biết hắn. Tuy vậy tôi không khinh bỉ hắn về việc ấy; trái lại tôi cho đấy là một đức tính để chuộc lại nhiều lỗi lầm khác của hắn, hầu như tôi có thể tha thứ cho hắn phần nào vì đã không chống đối lại một con người có sức hấp dẫn mãnh liệt như Xtiếcphoóc.

“Những năng khiếu to lớn của em nó phát triển ở đấy do ý muốn đua tài và lòng tự hào có ý thức”, bà Xtiếcphoóc nói tiếp, giọng âu yếm. “Em sẽ chống mọi sự ràng buộc, nhưng nhận thấy mình là ông vua ở đấy cho nên em nó hãnh diện kiên quyết làm sao xứng đáng với địa vị của mình. Bản tính em nó như thế.”

Tôi đã họa lại lời bà với tất cả chân tình rằng cậu ta đúng là như thế.

“Vì vậy cho nên, tự ý mình, em nó không cần ai bắt buộc, chọn con đường ở đó bao giờ nó cũng có thể vượt tất cả các đối thủ, nếu như nó muốn”, bà tiếp tục. “Anh Copơphin ạ, em nó nói với tôi rằng

anh rất yêu quý nó, và hôm qua, khi nó nhận ra anh, anh đã khóc vì mừng rỡ. Tôi sẽ là một bà kiểu cách nếu tôi làm ra vẻ ngạc nhiên khi thấy em nó gây nên một cảm xúc như vậy, nhưng tôi không thể thờ ơ đối với bất kỳ ai chú ý đến giá trị của nó. Tôi rất sung sướng được gặp anh ở đây và có thể cam đoan với anh rằng nó yêu anh với một tình bạn ít thấy, và anh có thể tin vào sự che chở của nó."

Cô Đactơn chơi cờ cũng say sưa như làm bất cứ việc gì. Nếu như tôi lần đầu tiên thấy cô đang ngồi chơi cờ thì tôi sẽ tưởng tượng rằng chính vì cứ lo chơi trò này mãi, cho nên người cô mới gầy gò và cặp mắt mới mở to như vậy. Nhưng tôi lầm to bởi vì cô không bỏ sót một lời nào trong câu chuyện giữa tôi và bà cụ, và cũng không bỏ sót một cái nhìn nào của tôi trong khi tôi ngồi nghe bà Xtiếcphoóc nói. Tôi cảm thấy hết sức sung sướng trong lòng và thấy vinh dự được bà tín nhiệm, thấy mình già dặn hơn bất kỳ lúc nào kể từ khi rời Cantơbơri.

Lúc đêm đã khuya, người ta đem lên một cái khay đầy những chai và cốc. Xtiếcphoóc ngồi bên ngọn lửa, hứa với tôi rằng cậu ta sẽ suy nghĩ nghiêm túc về việc cùng đi nông thôn chơi với tôi một chuyến." Cậu nói cũng chẳng vội gì, một tuần nữa đi cũng được, và bà mẹ cậu cũng biểu lộ nhã ý hiếu khách như vậy.

Trong lúc nói chuyện, nhiều lần cậu gọi tôi là Tường-vi, điều đó một lần nữa lại làm cho cô Đactơn phải can thiệp:

"Thế nào, anh Copơphin, đấy có phải là một biệt hiệu không? Tại sao anh ấy lại đặt cho anh cái biệt hiệu ấy? Anh nói cho tôi biết… có phải… có phải vì anh ấy thấy anh trẻ và ngây thơ phải không? Tôi thực chẳng biết gì về chuyện ấy cả".

Tôi đỏ mặt đáp lại rằng tôi có cảm tưởng chính vì thế. Cô Đactơn nói:

"Ồ! Tôi rất vui sướng được biết điều đó! Tôi hỏi để cho biết, và tôi sung sướng được biết điều đó. Anh ấy cho rằng anh trẻ và ngây thơ, thế anh là bạn của anh ấy có phải không? ừ, rõ thực hay quá nhỉ!"

Lát sau cô đi ngủ và bà Xtiếcphoóc cũng rút lui. Xtiếcphoóc và tôi còn nấn ná ngồi lại bên bếp lửa nửa giờ nữa để nói chuyện về cậu Tratđơn và về tất cả những cậu học trò khác của Xalem học hiệu ngày xưa. Sau đó chúng tôi cùng lên gác.

Phòng của Xtiếcphoóc ở ngay cạnh phòng tôi, đó thật là một căn phòng đầy đủ tiện nghi, đầy những ghế bành có đệm, ghế đẩu do chính tay bà cụ làm, và chẳng thiếu một thứ gì để có thể làm cho nó hoàn hảo. Lại còn gương mặt thanh tú của bà Xtiếcphoóc trong bức chân dung treo trên tường đang cúi xuống nhìn đứa con trai yêu quí, dường như bà lo lắng sao cho ngay trong giấc ngủ của cậu con bà vẫn có thể săn sóc đến cậu.

Lúc này, tôi thấy ngọn lửa trong phòng tôi cháy khá to, và những bức màn chăng ở cửa và chung quanh giường làm cho nó có vẻ rất ấm cúng. Tôi ngồi trong một chiếc ghế bành to tướng trước bếp lửa, trầm ngâm nghĩ đến hạnh phúc của mình, và tôi còn đang tận hưởng điều đó thì bỗng thấy bức chân dung của cô Đactơn trên lò sưởi đang say sưa nhìn tôi.

Đó là một bức tranh hấp dẫn và dĩ nhiên nó có một cái nhìn hấp dẫn. Người họa sĩ không vẽ vết sẹo vào đấy, nhưng tôi vẽ thêm vào, và kìa… vết sẹo hiện ra rồi biến mất, khi thì chỉ thu hẹp ở môi trên như tôi đã thấy trong bữa ăn tối, khi thì để lộ toàn bộ diện tích của một vết thương do búa ném vào như tôi đã thấy khi cô nổi giận.

Tôi bực mình tự hỏi tại sao người ta không treo nó ở chỗ khác, bất kỳ ở đâu, mà lại treo nó ngay trong phòng tôi. Để thoát khỏi cô ta, tôi cởi quần áo rất nhanh, tắt đèn rồi nằm ngủ. Nhưng trong giấc ngủ, tôi cũng không thể quên rằng cô ta còn ở đấy, đang trố mắt nhìn: "Có phải thật thế không? Tôi

muốn biết lắm". Và khi tỉnh dậy vào ban đêm, tôi nhận thấy rằng trong giấc mơ tôi cứ lo lắng hỏi tất cả mọi người rằng có thật thế hay không, và cũng chẳng hiểu tôi nói thế để làm gì.

---

[1] Câu trong kinh thánh: Mathiơ VI, 28.

[2] Kinh thánh: Đanien V, 5. Banthada, vua Balilon trong bữa tiệc thấy một bàn tay huyền bí viết trên tường ba chữ. Nhà tiên tri Đanien giải thích thần linh báo trước vương quốc sẽ hủy diệt.

Chương XXI
BÉ EMILI

Trong ngôi nhà này có một người đầy tớ (theo như tôi hiểu thì đó là một người thường vẫn theo Xtiếcphoóc và phục vụ cậu ở trường Đại học). Bề ngoài, y có vẻ trang trọng không ai bằng. Tôi nghĩ rằng chưa bao giờ có một người ở địa vị y lại có vẻ trang trọng hơn. Y ít nói, đi rón rén, cử chỉ rất lặng lẽ, khúm núm, chăm chú, bao giờ cũng có mặt khi người ta cần đến, và không bao giờ đến gần quá khi không cần, nhưng điều đáng chú ý nhất là cái vẻ trang trọng của y. Bộ mặt của y không dễ thay đổi, y có cái cổ cứng, cái đầu bóng với lớp da căng, tóc cắt ngắn dính ở hai bên đầu, có một lối nói dịu dàng và một kiểu nói thầm đặc biệt bằng cách phát âm chữ s kéo dài rõ rệt đến nỗi dường như y dùng chữ ấy nhiều hơn bất kỳ người nào khác. Mọi đặc điểm của y đều làm cho y có vẻ trang trọng. Nếu như y có cái mũi lộn ngược lại chăng nữa thì y cũng sẽ làm cho cái nét ấy thành trang trọng. Y tạo ra quanh mình một không khí trang trọng và y hoạt động ở đấy một cách yên tâm. Hầu như không thể nào nghi ngờ y phạm bất kỳ lỗi gì vì y có vẻ trang trọng vô cùng. Không ai nghĩ đến việc cho y mặc y phục riêng của đầy tớ vì y có một vẻ rất trang trọng. Bắt y phải làm một việc thấp hèn thì dường như sẽ là một lời phỉ báng đối với tình cảm của một con người hết sức trang trọng. Và tôi nhận thấy hai người đầy tớ gái ở trong nhà cũng có ý thức về điểm này một cách tự giác, vì bao giờ họ cũng thân hành làm những việc này trong khi nói chung y vẫn ngồi đọc báo ở cạnh lửa trong nhà bếp.

Tôi chưa hề thấy ai kín đáo như vậy. Nhưng đức tính này cũng như mọi đức tính khác mà y có được, dường như chỉ càng làm cho y thêm trang trọng. Bản thân việc không ai biết họ y là gì dường như cũng góp phần vào đấy. Người ta không thể chê trách gì ở chỗ tên của y là Litimơ, như người ta thường gọi. Pie có thể bị treo cổ. Tôm có thể bị khổ sai, nhưng cái tên Litimơ thì rất trang trọng.

Phải chăng điều đó có lẽ là vì tính chất đáng kính của sự trang trọng nói chung, nhưng tôi cảm thấy tôi đặc biệt non trẻ khi đứng trước con người ấy. Tôi không thể nào đoán biết y bao nhiêu tuổi và điều này cũng như những điều khác cũng góp phần tạo nên danh tiếng của y, bởi vì dưới cái vẻ trang trọng bình thản, y có thể là năm mươi mà cũng có thể là mới ba mươi.

Litimơ bước vào phòng tôi buổi sáng trước khi tôi ngủ dậy để mang cho cái thứ nước cạo râu đáng nguyền rủa ấy và đem quần áo của tôi ra ngoài. Khi vén màn nhìn ra, tôi thấy y vẫn trơ trơ trước ngọn gió đông của tháng giêng thậm chí đến hơi thở cũng không hề tỏ ra rét. Y đặt đôi giày của tôi bên ghế, mũi chìa ra ngoài, rồi thổi vào áo tôi cho bay hết bụi, đoạn lại đặt nó xuống ghế như đặt một đứa trẻ sơ sinh.

Tôi chào y và hỏi xem mấy giờ rồi. Y rút trong túi ra một chiếc đồng hồ quả quýt kiểu đi săn rất sang, lấy ngón tay cái giữ lò xo để cho nó khỏi mở rộng, liếc mắt nhìn vào trong dường như muốn hỏi một cái vỏ sò tiên tri, đoạn đóng đồng hồ lại và nói: "Xin lỗi ông, đã tám giờ rưỡi rồi ạ. Ông Xtiếcphoóc sẽ sung sướng được biết ông ngủ có ngon giấc không ạ?"

"Cám ơn", tôi nói, "tôi ngủ ngon lắm. Còn ông Xtiếcphoóc ngủ ngon chứ?"

"Cảm ơn ông, ông Xtiếcphoóc ngủ cũng kha khá ạ".

Đây lại là một đặc điểm của y. Không bao giờ y dùng những tính từ so sánh tuyệt đối. Bao giờ y cũng dùng một lời trung bình, bình thản và lạnh lùng.

"Thưa ông, con có thể giúp ông được việc gì nữa không ạ? Chuông đồng hồ báo thức sẽ rung vào lúc chín giờ và gia đình ăn điểm tâm vào lúc chín giờ rưỡi".

"Không, cảm ơn anh".

“Dạ, chính con phải cảm ơn ông chứ ạ”.

Nói đoạn y khẽ cúi đầu khi đi qua trước giường, dường như để xin lỗi vì đã bắt bẻ tôi, đoạn ra ngoài và đóng cửa lại cũng nhẹ nhàng như sợ tôi bỏ mất một giấc ngủ ngon lành để lấy lại sức.

Buổi sáng nào cũng cái câu chuyện in hệt như vậy… không bao giờ hơn, cũng không bao giờ kém; ấy thế mà bao giờ tôi cũng vẫn thành một đứa trẻ. Dù cho tối qua tôi có vươn lên cao hơn tuổi của mình, và đã tiến tới một tuổi tác già dặn hơn nhiều nhờ ngồi cạnh Xtiếcphoóc, được nghe những lời tâm sự của bà Xtiếcphoóc, hay nói chuyện với cô Đactơn nhưng khi đứng trước con người hết sức trang trọng này thì tôi lại trở thành “một đứa trẻ” như một nhà thơ nhỏ của chúng ta đã nói trong những bài hát của mình[1].

Y đưa ngựa đến cho chúng tôi và Xtiếcphoóc là người thông thạo mọi thứ, dạy cho tôi cưỡi ngựa. Y đưa kiếm cho chúng tôi và Xtiếcphoóc dạy cho tôi những bài học đấu kiếm. Y đưa cho chúng tôi những đôi găng để đấu quyền Anh và cũng dưới sự chỉ dẫn của vị thầy này, tôi bắt đầu tiến bộ về nghệ thuật đấu quyền, Xtiếcphoóc có nhận thấy tôi là một người mới mẻ trong tất cả những môn này, điều đó đối với tôi không quan trọng gì hết, nhưng không bao giờ tôi có thể tỏ ra kém cỏi trước gã Limitơ trang trọng kia. Tôi không có lý do gì để nghĩ rằng bản thân Limitơ cũng am hiểu những nghệ thuật này (không bao giờ y khiến cho tôi giả thiết một điều tương tự dù cho chỉ khẽ rung động một sợi lông mi trang trọng của y).

Ấy thế mà mỗi khi y đứng bên cạnh trong lúc tôi tập luyện, tôi vẫn cảm thấy mình là con người mới mẻ và ít kinh nghiệm nhất trên đời.

Tôi đặc biệt khe khắt đối với con người này, vì lúc bấy giờ y gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt mạnh mẽ và cũng vì những điều xảy ra sau này.

Tuần lễ trôi qua vô cùng tuyệt diệu. Nó trôi qua nhanh như người ta có thể thấy đối với một người sống trong tình trạng ngây ngất như tôi. Nó cho tôi nhiều dịp để hiểu rõ Xtiếcphoóc hơn nữa và để thán phục cậu về muôn mặt, đến nỗi đến cuối tuần này tôi có cảm tưởng rằng đã sống với cậu một thời gian dài hơn nhiều. Thái độ táo bạo của cậu khi xem tôi như một trò chơi đối với tôi còn thú vị hơn bất kỳ một thái độ nào khác mà cậu có thể có được. Điều đó nhắc tôi nhớ lại tình bạn ngày xưa, và tôi có cảm tưởng rằng đó là kết quả tự nhiên. Nó chứng tỏ rằng cậu vẫn không thay đổi, nó làm tôi trút bỏ được mọi nỗi lo ngại mà tôi có thể có khi so sánh những khả năng của cậu với những khả năng của tôi và xét những đòi hỏi của tôi đối với tình bạn của cậu theo bất kỳ tiêu chuẩn nào. Và đặc biệt đó là một thái độ thân mật, tin cậy và âu yếm mà cậu không biểu lộ với bất kỳ người nào khác. Cũng như ở trường, cậu đã đối xử với tôi khác hẳn các bạn khác, tôi cảm thấy vui vui khi nghĩ rằng trong đời, cậu sẽ đối xử với tôi khác bất kỳ người bạn nào của cậu. Tôi nghĩ rằng tôi là người bạn thân nhất của cậu so với bất kỳ người bạn nào khác, và tim tôi cảm thấy say sưa tràn ngập tình yêu đối với cậu.

Xtiếcphoóc quyết định cùng đi nông thôn với tôi và ngày chúng tôi ra đi đã tới. Lúc đầu, cậu còn ngần ngại không biết có nên đem Litimơ đi theo không, nhưng sau cậu quyết định để y ở nhà. Con người trang trọng khi thỏa mãn về số phận của mình bất kỳ nó như thế nào; y đặt các va li của chúng tôi lên chiếc xe ngựa nhỏ sẽ đưa chúng tôi đi Luân-đôn, dường như những chiếc va li này sẽ phải xông pha hàng thế kỷ, nhận tiền thưởng của tôi cho một cách kín đáo với thái độ hết sức điềm nhiên.

Chúng tôi chia tay bà Xtiếcphoóc và cô Đactơn, tôi cảm ơn rối rít và bà cụ tận tụy tỏ ra rất ân cần đối với tôi. Vật cuối cùng mà tôi thấy là đôi mắt im lìm bất động của Litimơ, và tôi có cảm tưởng nó tràn đầy một niềm tin tưởng thầm lặng rằng tôi còn non nớt lắm.

Tôi sẽ không cố gắng miêu tả những điều tôi cảm thấy khi quay trở lại những nơi quen thuộc ngày xưa trong những hoàn cảnh thuận lợi như thế này. Chúng tôi đi xe trạm. Tôi nhớ rằng tôi rất chú ý đến vinh dự của thành phố Yácmao đến nỗi khi chúng tôi đi qua những con đường tối tăm để đến quán trọ, Xtiếcphoóc nói, trong phạm vi cậu có thể nhận thấy được, đấy cũng là một nơi ngộ nghĩnh, đáng yêu và độc đáo, thì tôi rất đắc chí. Khi chúng tôi đến, chúng tôi đi ngủ (tôi nhận thấy có một đôi giày và một đôi ghệt bẩn thỉu của ông bạn cá heo của tôi khi chúng tôi đi qua cửa), và sáng hôm sau chúng tôi ăn điểm tâm muộn, Xtiếcphoóc, tinh thần sảng khoái, đã đi dạo chơi trên bờ biển trước khi tôi dậy, và cậu bảo tôi rằng cậu đã làm quen với một nửa dân chài ở vùng này. Không những thế, cậu đã nhìn thấy một vật gì ở phía xa mà cậu quả quyết rằng đó chính là ngôi nhà của ông Pécgôti với làn khói tỏa ra từ ống khói, và cậu rất muốn bước vào đấy để thề sống thề chết rằng mình là Đêvit Copơphin, nhưng mọi người không nhận ra được vì đã lớn quá. Cậu nói:

"Tường-vi ạ, khi nào thì cậu định giới thiệu mình với cái nhà ấy đấy? Mình sẵn sàng cả rồi, cậu chuẩn bị đi".

"Được, mình nghĩ rằng chiều nay sẽ là thời gian thuận tiện nhất, Xtiếcphoóc ạ, khi mọi người đều quây quần quanh ngọn lửa. Mình muốn rằng cậu thấy cái nhà ấy khi nó hết sức ấm cúng, ồ, nơi ấy ngộ lắm!"

"Được thôi!" Xtiếcphoóc nói, "Chiều nay nhé".

"Mình sẽ không báo cho họ biết rằng mình ở đây, cậu biết không?" Tôi nói, sung sướng "Chúng mình phải đến vào lúc bất ngờ!"

"Ừ, phải thế chứ!" Xtiếcphoóc nói. "Nếu chúng mình không đến đột ngột thì mất vui, chúng mình hãy đi xem những người dân ở đây trong điều kiện tự nhiên của họ."

"Mặc dầu họ là cái "loại người" mà cậu đã nhắc đến", tôi nói.

"Ha ha! Thế nào? Cậu nhớ những cuộc đấu khẩu của mình với bà Rôda chứ gì?" Cậu kêu lên, liếc nhìn tôi tinh quái. "Trời đánh thánh vật cái bà ấy! Mình cũng sợ bà ta chết đi được. Đối với mình, bà ta như một con yêu quái ấy. Nhưng thây kệ bà ta! Nào, bây giờ cậu định làm gì nào? Cậu định đến thăm chị bảo mẫu ngày xưa của cậu chứ gì?"

"Đúng rồi!" Tôi đáp, "trước hết mình phải đến thăm chị Pécgôti đã".

"Thế à?" Xtiếcphoóc nói, đưa mắt nhìn đồng hồ, "Cứ cho là mình sẽ để mặc cậu thút thít suốt hai tiếng đồng hồ, đủ chưa nào?"

Tôi cười khanh khách, đáp lại rằng sau một thời gian như vậy thì tôi cho rằng không còn khóc được nữa, nhưng cậu cũng phải đi, vì cậu sẽ thấy rằng danh tiếng của cậu đã đến trước cậu, và cậu cũng là một nhân vật vĩ đại chẳng kém gì tôi.

"Cậu muốn mình đi đâu mình cũng đi", Xtiếcphoóc nói, "và mình sẽ làm bất kỳ điều gì cậu thích. Cậu cứ bảo mình đến đâu là trong hai giờ nữa mình sẽ đến, mặt mày như thế nào tùy cậu, cảm động hay lố bịch mình đều làm được tuốt".

Tôi cho cậu những chi tiết để cậu tìm chỗ ở của ông Báckít, xà ích ở Blơnđơxtôn và những nơi khác, sau đó tôi đi ra một mình. Không khí dễ chịu, lành mạnh, mặt đất khô ráo, biển sáng và mát mẻ, mặt trời đã tỏa ánh sáng ấm áp tưng bừng và mọi vật đều vui vẻ, rộn ràng. Bản thân tôi cũng vui vẻ, rộn ràng trong niềm vui mừng được đến đây đến nỗi tôi có thể ngăn những người đi đường để bắt tay.

Đường sá có vẻ nhỏ, cố nhiên… tôi có cảm tưởng rằng những con đường mà chúng ta chỉ thấy

trong thời thơ ấu, bao giờ cũng trở thành nhỏ hẹp khi ta đã lớn lên, nhìn lại nó. Nhưng tôi vẫn không quên bất kỳ cái gì ngoài phố, và tôi thấy không có gì thay đổi cho đến khi tôi đến trước cửa hiệu của ông Âumơ. Bây giờ cửa hiệu mang một cái biển đề *"Âumơ và Jôram"* - chứ không phải chỉ đề *"Âumơ"* như ngày xưa - nhưng những chữ *"Thợ may, bán len dạ, đồ may vá, đồ tang"* thì vẫn nguyên vẹn.

Bước chân tôi hình như đã đưa thẳng tôi đến cửa hiệu một cách tự nhiên, sau khi tôi đã đọc những chữ này từ bên kia đường. Tôi bước qua đường và nhìn vào trong hiệu. Cuối cửa hiệu có một người đàn bà xinh xắn đang cho một thằng bé nhảy trong vòng tay trong khi một đứa khác bám vào tạp dề. Tôi nhận ra ngay, không một chút khó khăn rằng đó là chị Minni và những đứa con của chị. Cánh cửa kính ở phòng khách chưa mở nhưng trong cái xưởng bên kia sân, tôi có thể nghe thấy giọng hát quen thuộc vang lên nhè nhẹ, tựa hồ như những tiếng hát này chưa bao giờ ngừng.

"Cụ Âumơ có nhà không ạ?" Tôi bước vào hỏi. "Tôi muốn gặp cụ một lát, nếu như cụ có nhà".

"Ồ, có đấy ạ, thưa anh có nhà đấy ạ", Minni nói. "Thời tiết này, cụ mắc bệnh suyễn nên đi ra không tiện. Jô, con đỡ ông ngoại ra đi con".

Thằng bé nãy giờ bám vào cái tạp dề thét lên một tiếng để gọi ông nó mạnh đến nỗi tiếng của nó làm cho nó phát thẹn và rúc đầu vào váy mẹ, trong lúc bà mẹ nhìn nó thán phục. Tôi nghe tiếng thở hổn hển nặng nề đi về phía chúng tôi, và lát sau, ông Âumơ, hơi thở còn ngắn hơn trước, nhưng không có vẻ già đi cho lắm đã đứng trước mặt tôi. Ông Âumơ nói:

"Thưa ông, ông cần gì ạ?"

"Cụ có thể bắt tay tôi nếu như cụ muốn", tôi nói và chìa tay ra. "Trước kia cụ rất tốt đối với tôi trong một hoàn cảnh mà tôi sợ chưa bộc lộ cho cụ biết rằng tôi rất cảm kích".

"Tốt à, thực không?" ông già đáp. "Tôi rất sung sướng được nghe điều đó, nhưng không nhớ vào lúc nào, ông có chắc rằng đó là tôi không?"

"Còn phải nói!"

"Tôi nghĩ rằng trí nhớ tôi hiện nay cũng ngắn như hơi thở của tôi vậy", ông Âumơ đưa mắt nhìn tôi và lắc đầu, "vì tôi không nhớ ông là ai?"

"Cụ có nhớ đã đến đón tôi ở xe ngựa, rồi sau khi tôi ăn điểm tâm ở đây, cụ đã đến Blơnđơxtôn với tôi… lúc bấy giờ cả tôi, cụ, chị Jôram và anh Jôram, lúc ấy chưa lấy chị ấy cơ".

"Trời ơi! lạy Chúa!" ông Âumơ thốt lên sau khi ho sù sụ một hồi vì quá ngạc nhiên "Đúng rồi! Minni ơi, con có nhớ không? Trời ơi đúng rồi! Một bà chứ gì?"

"Mẹ tôi đấy", tôi đáp.

"Đúng rồi!" ông Âumơ đáp, lấy ngón tay trỏ sờ vào chiếc gi lê của tôi. "Lúc ấy có cả một cậu bé nữa. Có hai người: người nhỏ nằm bên cạnh người kia. Cố nhiên đó là ở Blơnđơxtôn. Trời ơi! Thế từ dạo ấy đến nay ông ra sao?"

Tôi cảm ơn ông, nói rằng tôi vẫn mạnh và hy vọng rằng ông cũng thế.

"Ồ, chẳng có gì phải than phiền cả, ông ạ", ông Âumơ nói. "Tôi thấy hơi thở có ngắn đi, nhưng khi người ta già thì chẳng mấy khi hơi thở lại dài ra. Trời cho thế nào thì tôi chịu thế và cố gắng tận hưởng. Thế là tốt nhất có phải không ông?"

Ông Âumơ lại ho sù sụ vì phá lên cười. Cô con gái giúp ông khắc phục cơn ho. Cô đứng bên cạnh

tôi, để đứa nhỏ nhất nhảy trên quầy hàng.

"Trời ơi!" Ông Âumơ nói. "Đúng rồi! Có hai người. Này anh biết không chính trong buổi đi ngựa hôm ấy đã quyết định ngày Minni lấy Jôram. Jôram nói "Ba định đi ba!" Minni cũng nói: "Ba định ngày đi", và thế là bây giờ anh ta bước vào nghề. Anh ta đấy, còn thằng bé nhỏ nhất kia kìa!"

Chị Minni cười khúc khích lấy tay vuốt giải lụa buộc tóc ở trên thái dương trong khi ông đặt một ngón tay to tướng vào bàn tay đứa bé mà chị để cho nhảy trên quầy hàng, ông Âumơ gật đầu có vẻ suy nghĩ và nói:

"Đúng rồi, hai người! Đúng thế, và Jôram lúc ấy đang đóng một chiếc quan tài màu xám, có đinh bằng bạc, không phải bằng chừng này đâu (ông muốn nói đến đứa bé đang nhảy trên quầy hàng), nhưng lớn hơn hai in-sơ[2]. Ông có dùng gì không?"

Tôi cảm ơn ông và từ chối.

"Để tôi nhớ xem nào!" ông Âumơ nói. "Và vợ anh xà ích Bácкít, chị Pécgôti ấy mà, em gái một người đánh cá, chắc là có quan hệ gì với gia đình ông chứ? Thế nào chị ấy chẳng làm việc ở đấy?"

Tôi trả lời có, làm cho ông sướng mê. Ông Âumơ nói:

"Tôi nghĩ rằng hơi thở tôi chuyến này sẽ khá hơn cho mà xem, bởi vì ký ức của tôi tốt thế đấy. Ông ạ, ở đây chúng tôi có một người bà con trẻ tuổi của chị ấy đang học nghề, cô ấy rất giỏi công việc may vá đến nỗi… tôi cam đoan với anh, tôi tin rằng ở nước Anh không có bà hầu tước nào sánh kịp cô ta đâu".

"Có phải bé Emili không ạ?" Tôi bất giác hỏi.

"Cô ấy tên là Emili", ông Âumơ nói, "và người cô cũng nhỏ bé; ông muốn tin tôi hay không cái đó tùy ý, nhưng gương mặt cô ấy xinh đẹp đến nỗi một nửa số đàn bà trong thành phố này đâm ghen".

"Ba nói vớ vẩn lắm?" Chị Minni nói.

"Con ạ", ông Âumơ nói và nháy mắt với tôi một cái "ba không nói đấy là trường hợp của con, ba bảo rằng một nửa số đàn bà ở Yácmao, ồ… trong vòng năm dặm quanh đây, người ta ghen với cô ấy".

"Giá cô ấy cứ giữ nguyên địa vị xã hội của mình, ba ạ", Minni nói, "và làm cho người ta không có dịp nói mình, như vậy thì mọi người đã phải câm miệng rồi".

"Con bảo phải câm miệng à? Ông Âumơ nói đốp lại. "Phải câm miệng à? Con chẳng hiểu đời gì hết. Có điều gì mà người đàn bà có thể giữ kín được - tuy đáng lý không nên nói - nhất là vấn đề sắc đẹp của một người đàn bà khác?"

Tôi nghĩ rằng, sau khi đã buông ra những câu bông đùa xúc phạm giới phụ nữ như vậy, chuyến này thì ông Âumơ đi đứt. Ông ho chí tử, và hơi thở của ông làm cho ông không tài nào cố gắng kìm hãm cơn ho được khiến tôi chợt có ý nghĩ sẵn sàng chờ đợi thấy đầu của ông ta biến mất đằng sau quầy hàng, và cái quần ngắn đen tí xíu, ở đầu gối có điểm những cái nơ xinh bằng ruy băng màu sắt gỉ, cũng run lẩy bẩy trong cuộc vật lộn cuối cùng nhưng đều bất lực cả. Tuy vậy, cuối cùng ông cũng khá hơn, mặc dầu vẫn còn thở hồng hộc và ông bị kiệt sức, phải ngồi lên chiếc ghế đẩu ở quầy hàng, ông lau trán, thở khó nhọc và nói:

"Ông thấy đấy, cô ấy không thích chơi bời với ai ở đấy,… cô ấy không thân mật đặc biệt với ai trong số bạn bè quen biết, đó là không nói đến những anh chàng mê cô. Do đó, có câu chuyện đồn đại không hay rằng cô Emili muốn làm một bà sang trọng. Theo ý tôi, có chuyện đồn đại này chủ yếu là do

chỗ ngày xưa, lúc đi học, cô có nói gì đấy rằng cô nếu cô là một bà sang trọng, thì cô sẽ làm những gì cho ông cậu… anh biết không, và sẽ mua cho ông cậu những vật quí báu gì đấy".

"Cụ ạ, tôi cam đoan với cụ là cô cũng đã nói với tôi như vậy, lúc ấy chúng tôi còn trẻ con", tôi nhanh nhẩu trả lời.

Ông Âu mơ cúi đầu, xoa xoa tay lên cằm:

"Đúng rồi, và như anh thấy đấy, cô ấy chẳng cần có gì cũng có thể tỏ ra xinh đẹp hơn phần lớn những người khác mặc dầu có nhiều quần áo. Và chính cái đó làm cho cậu chuyện thành khó chịu, vả lại, tính khí cô, có thể nói, cũng hơi đồng bóng một tí", ông Âumơ nói. "Cô không hiểu thực ra mình muốn gì; cô cũng hơi được nuông chiều quá, và lúc đầu không biết tự kìm hãm bản thân mình cho lắm. Người ta chỉ có thể chê trách cô về mặt đó mà thôi, có phải không Minni?"

"Dạ, không ạ", bà Jôram nói. "Theo con thì đó là điều tệ nhất".

"Vì vậy cho nên khi cô tìm được việc làm" - ông Âumơ nói, "làm người giúp việc cho một bà già sang trọng, tính khí gắt gỏng, thì hai người không thích nhau, và cô cũng không ở đấy nữa. Cuối cùng, cô đến đây học nghề trong ba năm. Đến nay đã được gần hai năm rồi đấy và cô ấy tỏ ra là cô gái tốt nhất trên đời. Cô ấy làm việc bằng sáu người cơ. Minni, có phải cô ấy làm việc bằng sáu người không?"

"Thưa ba đúng ạ. Ba đừng bảo con nói xấu cô ấy nữa đấy nhé!"

"Tốt lắm", ông Âumơ nói, "điều đó là đúng. Và bây giờ, ông ạ" ông nói thêm sau khi xoa xoa cái cằm một lúc "để cho ông đừng bảo tôi là con người hơi thở thì ngắn nhưng hay nói dai, tôi nghĩ rằng, về chuyện này, tôi chỉ biết có thế".

Trong khi nói chuyện về Emili, ông hạ thấp giọng, cho nên tôi đoán chắc rằng cô ấy ở gần đâu đấy. Khi tôi hỏi ông Âumơ có phải thế không thì ông gật đầu và hất hàm về phía cánh cửa phòng khách. Tôi hỏi ông tôi có thể liếc nhìn vào phòng khách không và ông hoàn toàn đồng ý. Tôi nhìn qua tấm kính và thấy Emili đang ngồi làm việc. Tôi thấy cô, con người nhỏ bé hết sức xinh đẹp, có cặp mắt xanh biếc, trong suốt đã từng nhìn vào con tim bé dại của tôi, gương mặt rạng rỡ đầy vẻ tự hào đang quay lại cười với một đứa con khác của chị Minni đang ngồi chơi gần đó, cái đó cũng đủ để xác nhận những điều tôi đã nghe với ít nhiều tính chất đồng bóng e thẹn của cô ngày xưa hãy còn thấp thoáng… Nhưng tôi tin chắc rằng trong dáng điệu xinh đẹp của cô, tất cả đều làm người ta nghĩ đến đạo đức và hạnh phúc, và tất cả đều hướng về phía đạo đức và hạnh phúc.

Suốt thời gian ấy, ở đầu kia sân, tiếng cành cạch nhẹ nhàng vẫn không bao giờ chấm dứt (than ôi, đó là cái nhịp điệu không bao giờ chấm dứt!), ông Âumơ nói: "Ông có muốn vào nói chuyện với cô ấy không? Ông cứ vào nói chuyện với cô ấy đi! Ông cứ tự nhiên như ở nhà!"

Tôi bẽn lẽn quá không dám làm như vậy. Tôi sợ làm cô lúng túng và cũng sợ chính bản thân mình sẽ làm mình lúng túng. Tôi bèn hỏi xem đến mấy giờ chiều cô ấy sẽ nghỉ việc để có thể đến thăm cho thích hợp. Và sau khi từ giã ông Âumơ, cô con gái xinh xắn và những đứa cháu của ông, tôi đi thẳng đến nhà chị Pécgôti, người bạn cũ thân mến của tôi.

Kìa,… chị đang đứng trong cái nhà bếp lát gạch vuông và đang làm bữa ăn trưa. Nghe tôi gõ cửa, chị liền mở cửa và lễ phép hỏi xem tôi muốn hỏi gì. Tôi mỉm cười nhìn chị, nhưng chị vẫn không mỉm cười lại với tôi. Tôi vẫn luôn luôn viết thư cho chị, nhưng từ khi chúng tôi xa nhau đến nay cũng đã bảy năm rồi. Tôi vờ lấy giọng càu nhàu hỏi:

"Thưa bà, ông Bácкít có nhà không ạ?"

“Thưa ông, nhà tôi có nhà ạ”, chị Pécgôti đáp, nhưng nhà tôi bị đau khớp xương nên nằm trên giường”.

“Bây giờ ông ấy không đi Blơnđơxtôn nữa à?” Tôi hỏi.

“Khi nào khỏe thì nhà tôi lại đi”, chị đáp.

“Bà Bácкít, có bao giờ bà đến đấy không?”

Chị nhìn tôi chăm chú hơn và tôi nhận thấy hai bàn tay của chị đột nhiên sát lại gần nhau hơn.

“Bởi vì tôi muốn hỏi về một ngôi nhà ở đấy mà người ta gọi… gọi là gì nhỉ? À, ồ lư!” Tôi nói.

Chị bước lùi lại, giơ hai tay ra có vẻ lưỡng lự sửng sốt như muốn đẩy tôi ra.

“Chị Pécgôti!” Tôi gọi.

“Đứa em yêu quí của chị!” Chị kêu lên.

Thế rồi chúng tôi khóc òa lên và ôm chầm lấy nhau.

Tôi không có đủ can đảm để kể lể lại tất cả những điều kỳ quặc chị làm. Chị hết cười lại khóc trên vai tôi… Chị tỏ ra kiêu hãnh, vui mừng… đồng thời buồn bã vì con người xem tôi là niềm kiêu hãnh và nguồn vui đã không thể hôn tôi một cách âu yếm. Tôi không băn khoăn về chỗ sợ mình đáp lại những cảm xúc của chị thì sẽ hóa ra còn ít tuổi! Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ cười và khóc thoải mái hơn sáng hôm ấy, ngay cả đối với chị. Chị Pécgôti lấy tạp dề lau mắt, nói:

“Anh Bácкít sẽ sung sướng lắm, việc này làm cho anh ấy khỏe hơn là hàng lít thuốc bóp. Để chị lên bảo cho anh biết là em ở đây nhé. Em có lên thăm anh ấy không?”

Cố nhiên là tôi muốn lên. Nhưng chị Pécgôti không thể bước ra khỏi phòng dễ dàng như chị định vì mỗi khi chị bước đến cửa sổ và quay lại nhìn tôi thì chị lại cười và khóc trên vai tôi. Cuối cùng, để cho công việc dễ dàng hơn, tôi cũng bước lên cầu thang với chị và sau khi đứng đợi ở ngoài một lát để chị vào báo trước cho anh Bácкít, tôi bước đến trước mặt anh.

Anh hết sức phấn khởi đón tiếp tôi. Vì anh bị đau khớp xương nặng nên tôi không thể bắt tay anh, nhưng anh yêu cầu tôi nắm lấy chóp trên chiếc mũ trụp của anh, và tôi đã vui vẻ làm điều đó. Khi tôi ngồi xuống cạnh giường, anh bảo tôi rằng anh sung sướng vô cùng và có cảm tưởng như đang đưa tôi về nhà trên con đường Blơnđơxtôn như ngày trước. Vì anh nằm thẳng trên giường, lưng dán xuống chiếu và toàn thân đắp chăn, chỉ trừ cái mặt, cho nên trông anh giống hệt bức tranh của một thiên thần (theo những tranh vẽ ước lệ) và tôi có cảm tưởng anh là một vật kỳ quặc nhất trên đời. Anh Bácкít hỏi tôi, với nụ cười chậm chạp của một người bị chứng thấp khớp:

“Ở trong xe ngựa anh đã viết cái tên gì em nhỉ?”

“À, anh Bácкít! Có phải chúng ta đã bàn bạc những điều quan trọng về vấn đề đó phải không?”

“Tôi muốn và muốn đã lâu, có phải không?” Anh Bácкít nói.

“Muốn đã lâu”, tôi nói.

“Và anh không thấy hối tiếc gì về việc đó”, anh Bácкít nói. “Em có nhớ, một lần em đã nói gì với anh về việc chị ấy làm tất cả các thứ mứt táo, và tất cả mọi việc nấu nướng không?”

“Chuyện! Em rất nhớ, đúng lắm”, tôi đáp.

“Thực là đúng như sách”, anh Bácкít nói, gật gật cái mũ trụp đội trên đầu, đó là cách duy nhất của anh để nhấn mạnh những lời nói của mình - “cũng đúng như là… thuế má. Chẳng có gì đúng hơn”.

Anh Bácкít đưa mắt nhìn tôi như muốn yêu cầu tôi tán thành kết luận này của sự suy nghĩ khi anh nằm liệt giường, và tôi đã tán thành ngay. Anh Bácкít nhắc lại:

"Thật chẳng có gì đúng hơn! Một người nghèo khổ như anh nhận thấy rất rõ điều đó khi anh ta nằm liệt giường. Anh là người rất nghèo, em ạ".

"Em rất buồn khi biết điều đó, anh Bácкít ạ".

Đến đây, bàn tay phải của anh từ từ thò ra khỏi chăn và run rẩy lấy cái gậy buộc lủng lẳng ở bên giường. Sau khi dùng chiếc gậy này sờ soạng một lát (trong lúc đó, gương mặt biểu lộ nhiều vẻ hoảng hốt khác nhau) anh Bácкít chạm chiếc gậy vào một cái hòm, một đầu hòm nãy giờ tôi vẫn thấy lòi ra ngoài. Bấy giờ gương mặt của anh mới có vẻ an tâm. Anh Bácкít nói: "Quần áo cũ cả đấy".

"Ồ!" Tôi nói.

"Tiếc rằng đó không phải là tiền!" Anh Bácкít nói.

"Thật em cũng tiếc như vậy!" Tôi nói. "Nhưng đó không phải là tiền đâu!" Anh Bácкít nói, đôi mắt mở thao láo.

Tôi cũng tỏ ra là mình hoàn toàn tin thế, và anh Bácкít đưa mắt nhìn vợ có vẻ dịu dàng hơn, rồi nói:

"Clara Pécgôti Bácкít là người đàn bà tốt nhất và có ích nhất trên đời. Nhà tôi xứng đáng với mọi lời khen mà người ta có thể nói, và còn hơn thế nữa. Này em, hôm nay em hãy dọn một bữa cơm kha khá cho vị khách của chúng ta nhé, có cái gì ăn uống ngon ngon một chút, em đồng ý chứ?"

Lẽ ra tôi đã phản đối cách biểu lộ sự săn sóc tôi không cần thiết như vậy, nếu như tôi không thấy chị Pécgôti đứng bên kia giường tỏ vẻ hết sức lo lắng sợ tôi không nhận lời, cho nên tôi im lặng. Anh Bácкít nói:

"Anh có ít tiền lẻ ở đâu đấy em ạ. Nhưng anh hơi mệt. Nếu em và cậu Đêvít để cho anh ngủ một lát thì tốt quá. Khi nào anh thức dậy, anh sẽ tìm".

Chúng tôi rời khỏi phòng theo lời yêu cầu ấy. Khi chúng tôi đứng ở bên kia cánh cửa, chị Pécgôti nói cho tôi biết rằng dạo này anh ấy hơi "riết ráo" hơn mọi ngày và bao giờ cũng dùng cái "thuật" ấy trước khi đưa ra một đồng lấy trong vốn liếng của anh, và anh chịu đựng những sự đau đớn, khổ cực không thể tưởng tượng được để tự mình trườn ra khỏi giường lấy món tiền trong cái hòm tội nghiệp kia. Thật vậy, lát sau chúng tôi nghe anh thốt ra những tiếng rền rĩ nghẹn ngào hết sức kinh khủng, vì cái "thuật" này đã làm cho tất cả các khớp xương anh nhức nhối. Nhưng trong khi cặp mắt của chị Pécgôti đầy thương cảm đối với anh, chị vẫn bảo tôi rằng thái độ nhân từ ấy sẽ tốt cho sức khỏe của anh và đừng nên cản trở anh. Vì vậy nên anh rền rĩ mãi cho đến khi anh lại nằm trên giường, tôi chắc là anh đã đau đớn như bị hành hình. Sau đó anh gọi chúng tôi vào, làm ra vẻ vừa mới ngủ một giấc ngon lành và đưa ra một đồng ghi-ni ở dưới gối. Niềm thỏa mãn của anh về trò đánh lừa đã có kết quả tốt, và sự bí mật về cái hòm vẫn được giữ nguyên hình như cũng là một sự bù đắp đầy đủ cho anh sau khi đã chịu đựng tất cả những cực hình.

Tôi báo trước cho chị Pécgôti biết rằng Xtiếcphoóc sẽ đến và chỉ lát sau là cậu ta tới. Tôi tin chắc rằng chị sẽ không có chút gì phân biệt giữa một người là ân nhân của chị với người bạn tốt của anh ta và chị sẽ tiếp đón với tất cả lòng biết ơn và tận tụy. Nhưng tính vui vẻ, rôm rả của Xtiếcphoóc, những cử chỉ ân cần, vẻ lịch sự và biệt tài sẵn có của cậu để đi thẳng vào trái tim con người mà cậu muốn chinh phục và cái tài có thể thích nghi với bất kỳ người nào cậu ưa thích, tất cả những cái đó chỉ trong vòng năm phút đã làm cho chị hoàn toàn tận tụy đối với cậu. Chỉ riêng những cử chỉ cậu đối với chị

cũng đủ để chinh phục được chị, huống hồ lại còn thêm tất cả những mặt kia phối hợp, cho nên tôi tin chắc rằng chị khâm phục và trọng vọng cậu trước khi cậu rời khỏi nhà vào tối hôm ấy.

Cậu ngồi đấy với tôi để ăn trưa. Nếu tôi nói cậu vui lòng ngồi vẫn chưa diễn đạt được thái độ vui vẻ và niềm nở của cậu.

Cậu bước vào phòng anh Bácкít làm cho gian phòng này sáng lên và mát mẻ dường như cậu đem đến đây một bầu không khí trong lành. Trong bất kỳ điều gì cậu làm cũng đều không có gì là ầm ĩ, là gắng gượng, là cố ý, mà đều mang cái vẻ thanh thản không thể tả xiết, dường như không thể nào làm một cái gì khác hay làm hơn thế. Thái độ ấy thực là dễ thương, tự nhiên và thoải mái đến nỗi bây giờ, khi nhớ lại, nó vẫn còn làm tôi sửng sốt.

Chúng tôi vui đùa trong phòng khách nhỏ, ở đấy, quyển sách "Những người tử vì đạo", không ai sờ đến từ thời thơ ấu của tôi, vẫn nguyên vẹn trên chiếc bàn viết như ngày xưa, và lúc này tôi lật lại những trang vẽ những bức tranh kinh khủng, hồi tưởng lại những cảm giác ngày xưa chúng đã gợi cho tôi. Chị Pécgôti nói đến cái mà chị gọi là gian phòng của tôi, nói rằng nó sẵn sàng đón tiếp tôi tối nay và hy vọng tôi sẽ ở đấy. Tôi chưa kịp ngần ngại nhìn Xtiếcphoóc thì cậu đã hiểu tất cả tình hình. Cậu nói:

"Cố nhiên cậu cứ ngủ ở đây trong thời gian chúng mình ở đây, còn mình sẽ về ngủ ở khách sạn".

"Nhưng, bắt cậu đi xa như vậy", tôi nói, "rồi lại bắt cậu ở riêng một mình, mình cảm thấy thế nào ấy".

"Thôi đi! Cậu thuộc hạng người nào thế?" Cậu nói "Chẳng phải cảm thấy cảm thiếc gì hết!"

Và vấn đề coi như đã giải quyết!

Cậu vẫn giữ tất cả những đức tính thú vị cho đến phút chót, lúc chúng tôi ra đi vào khoảng tám giờ tối để đến chiếc tàu của ông Pécgôti. Cố nhiên những đức tính của cậu càng ngày càng biểu lộ rõ rệt hơn; vì ngay lúc bấy giờ tôi đã nghĩ (và bây giờ thì tôi không nghi ngờ gì nữa) rằng vì có ý thức về chỗ mọi người thích mình và muốn làm mọi người thích cho nên nhận xét của cậu càng thêm tế nhị, và mặc dầu tình cảm ấy rất tế nhị, cái ý thức vẫn làm cho sự cố gắng của cậu thành dễ dàng hơn. Nếu như lúc ấy có người nào bảo tôi rằng tất cả những điều ấy đối với cậu chẳng qua chỉ là một trò chơi thú vị để tìm một niềm vui chốc lát nhằm biểu lộ nghị lực của mình và lòng ham muốn vô lý để tỏ ra mình hơn người, rằng đó là một cách phung phí vô ích nhằm thu những cái mà cậu ta xem là chẳng có giá trị gì hết để rồi, phút sau vất đi ngay, tôi dám chắc… đêm hôm ấy nếu có người nào nói với tôi những lời bịa đặt như vậy thì không biết tôi sẽ giận đến mức nào.

Có lẽ điều đó chỉ càng làm tăng thêm những tình cảm lãng mạn về sự trung thành và tình bằng hữu của tôi khi tôi đi bên cạnh cậu trên bãi cát trong bóng tối mùa đông để đến chiếc tàu cũ kỹ, trong khi tiếng gió chung quanh chúng tôi thở dài còn não nuột hơn cái đêm tối khi tôi hiện ra lần đầu tiên trên ngưỡng cửa nhà ông Pécgôti.

"Đây có phải là một nơi hoang vu không, Xtiếcphoóc?"

"Trong bóng tối thì nó cũng khá ảm đạm đấy", cậu nói, "còn mặt biển thì gào thét như muốn nuốt sống chúng ta. Nơi có ánh sáng đằng xa kia có phải là chiếc tàu không đấy?"

"Đúng, nó đấy", tôi nói.

"Nếu thế thì đúng là chiếc tàu mình thấy buổi sáng nay rồi", cậu đáp. "Khi sáng, mình đã đi thẳng đến đó có lẽ vì linh tính thì phải".

Khi tới gần ánh sáng đó, chúng tôi không nói nữa mà bước rất nhẹ nhàng đến bên cửa. Tôi đặt tay lên then cửa và nói thầm với Xtiếcphoóc bảo cậu đứng sát tôi rồi tôi bước vào.

Từ lúc đứng ngoài cửa tôi đã nghe tiếng thì thào, và khi bước vào tôi nghe thấy tiếng vỗ tay - mà lạ thay đó là tiếng vỗ tay của chính bà Gơmmít, con người xưa nay vẫn rầu rĩ. Nhưng bà Gơmmmit không phải là người duy nhất đặc biệt bận rộn trong nhà. Ông Pécgôti gương mặt sáng bừng lên vì đắc chí khác thường, cười ha hả, dang rộng đôi tay sần sùi như để cho bé Emili chạy vào ôm lấy, còn Ham thì nét mặt vừa thán phục, say sưa, vừa có cái vẻ thẹn thùng, ngượng nghịu rất thích hợp với anh, đang cầm tay bé Emili, dường như để giới thiệu cô với ông Pécgôti. Bé Emili, gương mặt đỏ bừng vì thẹn nhưng sung sướng vì thấy ông Pécgôti vui vẻ. Đôi mắt có biểu lộ niềm hân hoan ấy và cô bỗng dừng lại khi chúng tôi bước vào (vì cô là người đầu tiên nhìn thấy chúng tôi) ngay lúc cô định rời khỏi tay Ham để ôm chầm lấy ông Pécgôti mà hôn. Trong cái nhìn đầu tiên, chúng tôi đã thấy tất cả, và lúc chúng tôi từ trong đêm tối lạnh lẽo bước vào gian phòng ấm áp, sáng trưng thì mọi người vẫn đang ngồi quây quần như vậy và bà Gơmmít ở cuối phòng đang vỗ tay như một người điên.

Bức tranh nhỏ bé này tan đi nhanh chóng khi chúng tôi bước vào đến nỗi người ta có thể tự hỏi xem lúc trước có nó thật không. Tôi đang đứng giữa cái gia đình ngơ ngác, đối diện với ông Pécgôti và giơ tay ra bắt tay ông thì Ham kêu lên.

"Cậu Đêvi! Cậu Đêvi!"

Lát sau, tất cả chúng tôi bắt tay nhau, tíu tít hỏi thăm sức khỏe nhau và nói rằng chúng tôi vui sướng thế nào vì được gặp lại nhau, và tất cả đều nói nhao nhao cùng một lúc. Thấy chúng tôi, ông Pécgôti kiêu hãnh và khoái trá đến nỗi ông không biết nói gì, cứ bắt tay tôi rồi lại bắt tay Xtiếcphoóc rối rít, rồi lại xoa mớ tóc rối bù trên đầu, rồi lại cười với cái vẻ đắc thắng và hân hoan đến nỗi cứ nhìn ông đã thấy vui như tết.

"Hai anh ạ, bây giờ hai anh đều nớn cả rồi, nại đến cái nhà này tối nay chứ không phải tối nào khác trong đời tôi", ông Pécgôti nói, "đó là một điều xưa nay chưa bao giờ có, tôi tin như vậy đấy - Cháu Emini, nại đây! Hòn ngọc bé bỏng của cậu, nại đây! Đây nà bạn của cậu Đêvi đấy, cháu ạ! Đây nà người mà cháu đã được nghe nói, Emini ạ. Anh ấy đến thăm cháu cùng với cậu Đêvi trong cái đêm rực rỡ nhất của đời cậu, kể từ trước đến nay cũng như từ nay về sau và sẽ không có đêm này được như thế. Hoan hô!"

Sau khi đọc bài diễn văn này một hơi, hết sức phấn chấn và vui vẻ, ông Pécgôti say sưa đặt hai bàn tay to tướng lên hai má của cô cháu gái, và hôn cháu mười hai lần, đoạn áp đầu cháu lên cái ngực rộng của mình với tấm lòng kiêu hãnh dễ thương và đầy trìu mến rồi vỗ về cô cháu như thể bàn tay ông là bàn tay của một người đàn bà. Sau đó, ông buông cô ra, và trong khi Emili chạy vào căn phòng nhỏ bé mà trước kia tôi vẫn ngủ, ông đưa mắt nhìn chúng tôi, người nóng bừng và nghẹt thở vì vui sướng vô ngần, ông Pécgôti nói: "Hai cậu đã thành người nớn rồi, nại nà những người lịch sự quá".

"Đúng thế, đúng thế!" Ham nói. "Chú nói đúng quá! Đúng thật! Cậu Đêvi… hai người lớn… đúng ơi là đúng".

"Nếu hai cậu, hai công tử của tôi", ông Pécgôti nói, "không tha nỗi cho tôi đã say sưa như thế này khi các cậu biết sự việc nà như thế nào thì tôi xin nỗi hai cậu. Cháu Emini, cháu nó biết tôi sẽ nói gì với các cậu đấy". Đến đây, niềm vui sướng của ông lại bốc lên - "Cháu nó bỏ chạy rồi… Này bà mẹ, bà chịu khó vào xem nó như thế nào nhé, một phút thôi mà!"

Bà Gơmmít gật đầu và biến mất. Ông Pécgôti nói, trong khi ngồi giữa chúng tôi bên bếp lửa.

"Nếu tối nay không phải nà cái tối tưng bừng nhất trong đời tôi, thì tôi nà một thằng ích kỷ, một con tôm… một con tôm bị nuộc… tôi chỉ có thể nói thế mà thôi". Ông hạ thấp giọng nói với Xtiếcphoóc: "Con bé Emini mà cậu thấy đấy, con bé cậu vừa thấy đỏ mặt hồi nãy đó mà…"

Xtiếcphoóc chỉ gật đầu nhưng với vẻ quan tâm thích thú và cái dáng điệu chia vui với ông Pécgôti này của cậu đã khiến ông trả lời cậu dường như cậu đã nói rồi.

"Đúng rồi, ông Pécgôti nói. Cháu nó đấy, cháu nó như thế đấy, cảm ơn cậu."

Ham gật đầu với tôi mấy lần dường như anh cũng muốn nói như thế. Ông Pécgôti nói:

"Con bé Emini của chúng tôi mà các cậu vừa thấy đấy, xưa nay ở trong nhà chúng tôi như nà một hòn ngọc (tôi nà một người ngu dốt nhưng tôi tin như vậy), được mọi người nuông chiều. Cháu nó không phải nà con tôi… tôi không có con, nhưng tôi không thể nào yêu cháu hơn thế nữa. Các cậu hiểu chứ, tôi yêu cháu vô cùng".

"Tôi rất hiểu", Xtiếcphoóc nói.

"Tôi biết nà cậu hiểu, và một nần nữa tôi cảm ơn cậu. Còn cậu Đêvi thì cậu ấy có thể nhớ trước đây cháu nó như thế nào, cậu có thể tự mình nhận xét xem cháu nó nà người như thế nào. Nhưng cả hai cậu đều không thể biết đầy đủ trước đây cháu nó như thế nào, bây giờ nó như thế nào, sau này sẽ như thế nào đối với con tim trìu mến của tôi. Cậu ạ, tôi nà một người thô nỗ - ông Pécgôti nói - tôi cũng thô nỗ như một con nhím… nhưng tôi có cảm tưởng rằng không có một người nào, có nẽ trừ phi đó nà một người đàn bà, có thể hiểu được cháu Emini đối với tôi nà một người như thế nào. Nhưng giữa chúng ta", ông hạ thấp giọng hơn nữa, "phải nói rằng người đàn bà ấy sẽ không phải nà bà Gơmmít, mặc dầu bà Gơmmít có khối đức tính".

Ông Pécgôti lại lấy hai tay gãi đầu làm cho tóc xù lên như để chuẩn bị cho điều ông sắp nói, rồi tiếp tục nói, đặt hai bàn tay lên hai đầu gối:

"Có một anh chàng nào đó đã biết cháu Emini của chúng tôi từ núc cha cháu chết đuối, và vẫn nuôn nuôn thấy cháu nó khi còn nà một đứa trẻ, rồi nà một cô gái. - Anh ta thì chẳng nịch sự gì nắm đâu, anh ta thì cũng na ná như tôi, cũng thô nỗ, chẳng thiếu gì điểm giống tôi, đặc biệt đầy nước mặn… nhưng đại khái nà một anh chàng trung thực, có con tim chân thành".

Tôi nghĩ rằng tôi chưa bao giờ thấy Ham mỉm cười hể hả với bất kỳ một cái gì như khi anh ta cười với chúng tôi lúc ấy. Ông Pécgôti nói tiếp, gương mặt bừng sáng như mặt trời vào giữa trưa:

"Thế rồi cái anh chàng quỉ quái kia nàm gì? Anh ta say cô bé Emini của chúng tôi như điếu đổ. Anh ta theo cô ta khắp nơi, trở thành một thứ đầy tớ của cô ta, ăn mất ngon, ngủ mất yên, và cuối cùng anh ta nói thẳng với tôi cái điều khổ sở. Các cậu thấy đấy! Bản thân tôi cũng chỉ muốn nà cô bé Emini của chúng ta đi nấy chồng. Dẫu sao tôi cũng chỉ muốn cháu nó nấy một con người trung thực, có quyền bảo vệ nó. Tôi không biết tôi sẽ sống đến bao giờ hay bao giờ tôi sẽ chết, nhưng tôi biết rằng nếu một buổi tối nào đó, tôi bị đắm tàu trong một cơn bão ở đây, ở Yácmao này, và tôi thấy những ánh sáng của thành phố chiếu sáng nần cuối cùng trên những ngọn sóng mà tôi không thể đương đầu nổi, tôi sẽ chìm xuống biển bình thản hơn vì nghĩ rằng: "Trên bờ kia có một con người hoàn toàn trung thành với cháu Emini của tôi (nay Chúa phù hộ cho cháu nó!) và hễ con người ấy còn sống thì Emini của tôi sẽ không bao giờ bị khổ cực".

Ông Pécgôti cảm động một cách mộc mạc, ve vẩy cánh tay phải dường như đang vẫy tay lần cuối cùng với những ánh đèn của thành phố, và sau khi gật đầu với Ham để trao đổi ý kiến vì bắt gặp đôi mắt của anh, ông lại tiếp tục nói với cái giọng như trước:

"Thế nà tôi khuyên cậu nói với Emini. Cậu ta người to nớn nhưng nhát hơn trẻ con, nên không dám hé môi. Thế nà tôi nói. Emini bảo tôi: "Anh ấy à? Con người mà cháu đã quen thân từ bao năm nay và yêu quí hết sức! Ồ, cậu ạ, cháu không bao giờ có thể nấy anh ấy đâu. Anh ấy nà một người rất tốt!" Tôi hôn cháu và tôi chỉ nói thế này: "Cháu ạ, cháu nghĩ gì thì cứ nói thẳng như thế nà tốt, cháu phải chọn đi, cháu tự do như một con chim". Thế rồi tôi đến gặp anh ta và nói: "Tôi tiếc rằng việc đó không thành, mặc dầu tôi rất muốn. Nhưng hai bên vẫn có thể như trước, và điều tôi nói với anh nà anh hãy đối xử với nó như một người đàn ông". Anh ta nói với tôi trong khi bắt tay tôi: "Tôi sẽ nàm thế".

Và anh ấy vẫn cứ tỏ ra một người xứng đáng và trọng danh dự. Suốt hai năm, và chúng tôi ở đây vẫn đối xử với nhau như trước".

Nét mặt ông Pécgôti đã thay đổi nhiều lần trong câu chuyện, bây giờ lại trả lại cái vẻ say sưa, đắc thắng hồi nãy trong khi ông đặt một bàn tay lên đầu gối tôi và bàn tay kia lên đầu gối Xtiếcphoóc (trước đấy ông đã làm cho cả hai bàn tay ướt đẫm để cho cử chỉ của mình có nhiều sức mạnh hơn) và đọc bài diễn văn như sau, khi thì quay về phía tôi, khi thì quay về phía Xtiếcphoóc:

"Đột nhiên, một buổi chiều (một buổi chiều như hôm nay chẳng hạn), bé Emini đi nàm về, và anh chàng cùng đi với cháu. Chắc các cậu sẽ bảo việc đó thì có ý nghĩa gì. Không, bởi vì anh chàng săn sóc cháu như một người anh, khi trời đã tối và cả trước khi trời tối nữa kia, bất kỳ núc nào. Nhưng cái anh chàng quái quỉ kia nại cầm nấy tay nó và reo nên với tôi vui vẻ: "Xem này, cô tay sẽ nà người vợ nhỏ bé của tôi đấy!" Và cháu nó nói, nửa mạnh dạn nửa e nệ, nửa khóc nửa cười. "Đúng đấy cậu ạ, nếu như cậu muốn!". Nếu như tôi muốn à?" Ông Pécgôti kêu lên, ngoáy tít cái đầu một cách ngây ngất say sưa khi nghĩ đến điều đó. "Nạy Chúa! Tôi không muốn sao được? Nếu như cậu bằng nòng, cháu sẽ khôn ngoan hơn. Cháu đã thay đổi ý kiến và sẽ hết sức giúp đỡ anh ấy như một người vợ nhỏ bởi vì anh ấy nà một người rất thân và rất tốt!". Và thế nà bà Gơmmít vỗ tay như xem kịch, rồi các cậu vào! Tất cả mọi bí mật chỉ có thế! Các cậu vào! Câu chuyện chỉ vừa mới xảy ra ở đây thôi, và đây nà anh chàng sẽ nấy cháu nó khi nào cháu nó học nghề xong".

Ham lảo đảo bước trước cái đòn ông Pécgôti giáng cho anh trong niềm vui tràn ngập để tỏ lòng tin cậy và tình thân thiết. Điều đó không có gì lạ. Nhưng cảm thấy phải nói một điều gì với chúng tôi, anh nói rất ngập ngừng và khó khăn:

"Cậu Đêvi ạ… lần đầu tiên khi cậu đến đây thì cô ấy cũng chẳng cao hơn cậu… Lúc ấy tôi đã nghĩ sau này lớn lên cô ấy sẽ như thế nào. Tôi đã thấy cô ấy lớn lên, các cậu ạ, như một bông hoa. Tôi sẵn sàng hy sinh đời mình cho cô ấy, cậu Đêvi ạ… Ồ! Được làm thế tôi hết sức vui lòng và sung sướng các cậu ạ. Đối với tôi cô ấy là tất cả mọi điều đòi hỏi và hơn cả những gì tôi có thể nói. Tôi tin chắc tôi yêu cô ấy chân thành, không có một người nào ở trên mặt đất, không có một người nào lênh đênh trên biển cả có thể yêu người yêu của mình hơn tôi yêu cô ấy… mặc dầu có rất nhiều người tầm thường… nhưng sẽ nói điều họ muốn nói thạo hơn tôi nhiều".

Tôi cảm thấy xúc động khi một chàng lực lưỡng như Ham đang đứng run run do cái tình cảm mạnh mẽ của anh đối với cô bé xinh xắn đã chinh phục tim anh. Tôi nhận thấy lòng tin tưởng mộc mạc của ông Pécgôti và của Ham đối với chúng tôi thực là cảm động. Tôi bị tất cả câu chuyện này làm xúc động. Những tình cảm của tôi đã bị những ký ức của tuổi thơ ảnh hưởng đến chừng nào, tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng tất cả điều này làm tôi tràn ngập niềm vui, nhưng niềm vui ấy có vẻ hết sức mong manh đến nỗi chỉ một sự thay đổi nhỏ nhặt cũng đủ biến nó thành đau buồn.

Vì vậy cho nên nếu như tôi có nhiệm vụ phải làm họ rung cảm nhất, thì tôi sẽ làm một cách rất vụng về. Nhưng đó là nhiệm vụ của Xtiếcphoóc; và cậu đã làm điều đó tài tình đến nỗi chỉ trong vòng vài

phút, chúng tôi đều đã cảm thấy hết sức sung sướng và thoải mái. Cậu nói:

"Ông Pécgôti, ông là một người hết sức tốt và xứng đáng được sung sướng như tối nay ông đã sung sướng. Nào, bắt tay nào… Bắt tay anh Ham, tôi khen ngợi anh. Bắt tay cậu cả Tường-vi nữa; ta đốt lửa lên cho nó kêu lách tách đi! Còn ông Pécgôti, nếu ông không thể làm sao thuyết phục cho cô cháu dễ thương đến đây (tôi dành cho cô ấy cái chỗ ngồi này ở xó bếp) thì tôi sẽ đi đấy! Trong một buổi tối như tối nay, có bất kỳ một chỗ trống nào bên bếp lửa, nhất là để cho chỗ trống như thế thì dù cho tôi tất cả của cải của nước Ấn-độ, tôi cũng không nghe đâu!"

Ông Pécgôti bèn đi vào cái phòng cũ của tôi để tìm bé Emili. Lúc đầu bé Emili không chịu ra. Sau đó Ham đến. Lát sau họ đưa cô ra ngồi cạnh bếp lửa, thẹn thùng, bẽn lẽn. Nhưng chỉ một lát là cô mạnh dạn hơn vì thấy Xtiếcphoóc nói với cô một cách dịu dàng và kính cẩn. Cậu có cái biệt tài tránh tất cả những gì làm cô lúng túng.

Cậu nói thao thao bất tuyệt với ông Pécgôti về những chuyện tàu bè, thủy triều và cá. Cậu nhắc lại cái thời cậu thấy ông Pécgôti ở Xalem học hiệu, cậu tỏ vẻ thú vị về chiếc tàu và tất cả những vật ở trong tàu. Cậu nói lưu loát và thoải mái đến nỗi dần dần cậu làm cho chúng tôi nói thao thao không gìn giữ nữa, thành một cuộc họp mặt thú vị, say sưa.

Thực ra tối hôm ấy Emili nói ít nhưng cô nhìn và lắng nghe, gương mặt cô tươi lên, và cô rất xinh, Xtiếcphoóc kể lại một chuyến đắm tàu kinh khủng (nhân nói chuyện với ông Pécgôti), dường như cậu thấy cá, cảnh tượng ấy đang diễn ra trước mắt, và cặp mắt của Emili cũng dán chặt vào cậu trong suốt câu chuyện, dường như cô cũng thấy cái cảnh tượng ấy diễn ra. Cậu kể cho chúng tôi một câu chuyện vui của chính cậu để bù lại câu chuyện vừa rồi, cậu nói vui vẻ hầu như đối với cậu, câu chuyện cũng mới mẻ như là đối với chúng tôi; và bé Emili cười ròn rã, khiến cho cả chiếc tàu đều vang lên tiếng cười êm dịu, và tất cả chúng tôi (cả Xtiếcphoóc nữa) đều cười vang vì thấy đồng tình với niềm vui vô tư dào dạt ấy. Cậu làm cho ông Pécgôti hát, hay đúng hơn là gào lên, "khi những ngọn gió bão bùng thổi lên, thổi lên"[3] và bản thân cậu cũng hát những bài hát thủy thủ với một giọng đầy cảm xúc và hay đến nỗi tôi dường như có thể hình dung thấy ngọn gió ảm đạm đang thổi buồn bã chung quanh nhà và thì thầm trong cái cảnh im lặng của chúng tôi.

Còn về bà Gơmmít thì cậu làm cho nạn nhân của bệnh buồn nản này đạt đến một kết quả mà trước đây không ai làm được (ông Pécgôti bảo tôi thế) từ khi ông già chết đi. Cậu làm cho bà ta không có thì giờ cảm thấy mình cực khổ, khiến hôm sau bà ta phải nói rằng bà ta đã bị ma ám.

Nhưng cậu không độc chiếm tất cả sự chú ý của mọi người, hay tất cả câu chuyện. Khi Emili đã mạnh dạn hơn và ngồi đối diện với tôi, nói với tôi trước ngọn lửa (nhưng vẫn còn bẽn lẽn) về những cuộc đi chơi lang thang trên bờ biển của chúng tôi để nhặt sỏi và sò, khi tôi hỏi cô xem cô có nhớ lúc ấy tôi tận tụy với cô như thế nào không, khi cả hai chúng tôi đỏ mặt cười ngoái nhìn lại cái thời xa xưa thú vị, nhưng bây giờ nhìn thì có vẻ xa xôi, thì cậu ngồi im lặng và chăm chú, quan sát chúng tôi một cách đầy tư lự. Lần này cô ngồi suốt cả buổi tối trên chiếc hòm trong cái góc nhỏ bé ngày xưa của cô bên cạnh bếp lửa, cạnh Ham, chỗ mà trước kia tôi vẫn ngồi. Tôi không biết phải chăng đó là cái lối của riêng cô để làm người ta đau khổ, hay cái thái độ e lệ của người con gái trước mặt chúng tôi, khiến cô ngồi dán sát vào tường, cách xa Ham; nhưng tôi nhận thấy cô cứ ngồi như vậy suốt cả buổi tối.

Tôi nhớ khi chúng tôi từ giã họ thì trời đã gần khuya. Chúng tôi có một ít bánh bích quy và cá nướng để ăn tối, và Xtiếcphoóc rút trong túi ra một chai rượu Hà lan mà chúng tôi, những người lớn (bây giờ tôi có thể nói chúng tôi là người lớn mà không thẹn) đã uống hết. Chúng tôi chia tay vui vẻ

trong khi mọi người đều đứng quanh cửa để chiếu sáng đường chúng tôi đi cho thật xa. Tôi thấy đôi mắt biếc của bé Emili lấp ló nhìn theo chúng tôi và nghe giọng nói dịu dàng của cô bảo chúng tôi đi cẩn thận, Xtiếcphoóc khoác tay tôi nói:

"Con bé mê hồn. Kể ra, cũng là một nơi đến ngộ nghĩnh và những người ngộ nghĩnh, sống với họ, mình có một cảm giác thực mới lạ".

"Chúng mình lại may mắn quá", tôi đáp, "được đến chứng kiến hạnh phúc của họ trước đám cưới nay mai. Mình chưa bao giờ thấy những người sung sướng thế. Nhìn thấy họ đến thích, và được dự vào niềm vui trung thực của họ, như chúng mình hồi nãy, cũng đến thích".

"Cu cậu cũng hơi vụng về thô lỗ so với con bé, có phải không nào?" Xtiếcphoóc hỏi.

Nãy giờ cậu vẫn tỏ ra thân mật với Ham và với mọi người cho nên nghe câu nói lạnh lùng và bất ngờ ấy tôi thấy khó chịu. Nhưng khi quay nhanh lại phía cậu, thấy nụ cười trong cặp mắt của cậu, tôi trả lời một cách an tâm:

"Xtiếcphoóc, bao giờ cậu cũng có thể bông đùa khi nói về người nghèo! Cậu có thể chiến đấu với bà Đactơn, hay tìm cách che giấu những thiện cảm đối với mình để đùa nghịch nhưng mình còn biết rõ cậu nhiều hơn nữa. Khi mình thấy cậu có thể hiểu họ hoàn toàn, cậu có thể thông cảm với một hạnh phúc như hạnh phúc của người đánh cá mộc mạc kia, hay trân trọng một tình yêu như tình yêu của chị bảo mẫu già của mình thì mình biết rằng cậu không thể thờ ơ đối với bất kỳ vui buồn, bất kỳ cảm xúc nào của họ. Và mình lại càng phục và yêu cậu gấp trăm lần. Xtiếcphoóc ạ".

Xtiếcphoóc dừng lại, nhìn tôi chăm chú và nói:

"Tường-vi, mình cho rằng cậu nói đứng đắn và cậu tốt. Nếu tất cả chúng ta đều thế thì tốt lắm nhỉ".

Lát sau, cậu vui vẻ hát bài hát của ông Pécgôti, trong khi chúng tôi rảo bước trở về Yácmao.

---

[1] Ám chỉ Mac Lêmôn, bạn của Đickenx, tác giả bài "Ước gì tôi lại là trẻ con". Danh từ "nhà thơ nhỏ" ở đây để nói đùa vì Lêmôn rất béo.

[2] Một in-sơ là 2cm54.

[3] Bài hát của Tômat Camben: "Hỡi các anh, những thủy thủ của nước Anh".

Chương XXII
MỘT VÀI CẢNH CŨ VÀ MỘT VÀI NGƯỜI MỚI

Tôi và Xtiếcphoóc sống ở vùng này hơn nửa tháng. Chúng tôi thường sống bên nhau, chẳng cần phải nói, nhưng thỉnh thoảng lại tách rời nhau vài giờ liền. Cậu có máu thủy thủ. Còn tôi, tôi chẳng để tâm đến điều đó; và khi cậu đi thuyền ra khơi với ông Pécgôti, đó là cái thú cậu ham thích nhất thì tôi thường ở trên bờ. Tôi giữ gian phòng chị Pécgôti dành cho tôi nên phải chịu một sự ràng buộc mà cậu không mắc phải. Biết chị suốt ngày săn sóc chăm nom anh Bácкít tôi không muốn trở về khuya; trái lại, Xtiếcphoóc sống ở quán nên chỉ cần theo sở thích mình. Tôi nghe nói khi tôi đã đi ngủ cậu còn tổ chức những bữa tiệc nhỏ đãi những người đánh cá ở quán "Người hảo tâm" là quán ông Pécgôti thích nhất, hay cậu mặc quần áo đánh cá ra khơi mấy đêm ròng dưới ánh trăng rồi lại trở về với nước thủy triều lên vào buổi sáng. Từ lúc này tôi đã biết cậu thích chạy theo cái bản tính xông xáo và cái đầu óc táo bạo chẳng hạn thích tìm những công việc nhọc nhằn lúc thời tiết gay go, cũng như tìm mọi thứ kích thích khác mà cậu cho là mới mẻ, vì vậy những việc ấy không làm tôi ngạc nhiên chút nào.

Một nguyên nhân khác làm chúng tôi sống xa nhau: cố nhiên tôi thích trở về Blơnđơxtôn thăm những cảnh cũ quen thuộc thời thơ ấu, còn Xtiếcphoóc sau khi đến đây một lần, cố nhiên không thích trở lại nữa. Vì vậy tôi nhớ đâu ba, bốn lần, mỗi người đi chơi theo sở thích của mình sau khi ăn điểm tâm rất sớm rồi lại gặp nhau vào bữa ăn chiều rất muộn. Trong thời gian này tôi không có một khái niệm gì về chỗ cậu dùng thì giờ như thế nào, chỉ biết đại khái là ở Yácmao cậu được mọi người thích, cậu có trăm cách tiêu khiển, trong khi người khác có thể không tìm ra cách nào.

Về phần tôi, trong những cuộc hành hương cô độc tôi hồi tưởng lại từng thước một trên con đường xưa cũ trong khi thơ thẩn cảnh cũ thân thiết xưa kia không bao giờ biết chán, chân tôi đến thăm, cũng như ký ức của tôi đã từng nghĩ đến và tần ngần thơ thẩn giữa những cảnh ấy cũng như những ý nghĩ của tôi lúc còn nhỏ vẫn thường lân la ở đấy trong khi ở xa. Tôi đã thơ thẩn hàng giờ bên ngôi mộ dưới bóng cây, nơi cha mẹ tôi yên nghỉ… ngôi mộ tôi đã nhìn từ cửa sổ khi mới chỉ là ngôi mộ của cha tôi với những mối thương cảm là lạ, và tôi đã đứng bên cạnh, trong lòng tan nát, khi nó mở ra đón mẹ tôi cùng với ba đứa con xinh xắn của người… ngôi mộ mà chị Pécgôti bấy nay vẫn săn sóc trung thành, quét dọn sạch sẽ và biến thành một cái vườn. Nó nằm hơi xa con đường của nghĩa địa, trong một góc tĩnh mịch, nhưng không quá xa nên tôi có thể đọc những cái tên ghi trên đá khi tôi đi đi lại lại và giật mình nghe tiếng chuông nhà thờ điểm giờ, vì nó giống tiếng nói của một người đã khuất. Những điều ngẫm nghĩ bâng khuâng trong những giờ phút này bao giờ cũng gắn với địa vị mai đây của tôi trong đời và những việc đặc biệt tôi sẽ phải làm. Bước chân tôi vang lên cũng hòa nhịp theo những điều suy nghĩ và luôn luôn nhắc nhở dường như tôi về quê để xây dựng những ước mơ viển vông cạnh một bà mẹ đang sống.

Ngôi nhà cũ của tôi đã thay đổi nhiều. Những tổ quạ tan tác, từ lâu vắng bặt tiếng chim nay đều biến mất, cây cối đã bị cắt và tỉa đã mất hình dáng ngày xưa. Khu vườn đã thành hoang dại và một nửa cửa sổ trong nhà đã bị đóng kín. Ngôi nhà có người ở, nhưng đó chỉ là một anh chàng tội nghiệp mắc bệnh điên, với những người săn sóc anh ta. Bao giờ anh ta cũng ngồi cạnh cái cửa sổ nhỏ bé của tôi, nhìn ra nghĩa địa, và tôi tự hỏi không biết cái đầu óc đểnh đoảng kia có bao giờ nghĩ đến cái hình ảnh đã từng luẩn quẩn trong óc tôi vào những buổi sáng hồng; khi tôi mặc quần áo ngủ, lấp ló nhìn ra ngoài, qua cái cửa sổ nhỏ bé kia, và thấy những con cừu điềm nhiên ăn cỏ dưới ánh sáng mặt trời đang lên.

Các bạn láng giềng xưa của chúng tôi, ông bà Grâypơ, đã đi Nam Mỹ, nước mưa đã xối thủng mái ngói nhà trống rỗng của họ và làm cho những bức tường bên ngoài hoe ố. Ông Silíp lại tục huyền với

một bà dáng người cao, xương xương, mũi nhọn; và hai người đã có một đứa con nhỏ gầy gò, đầu nặng trĩu mà nó không mang nổi. Nó có đôi mắt yếu đuối ngơ ngác như bao giờ cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao nó lại ra đời.

Tôi thường lang thang ở làng quê với một tâm trạng khó tả vừa buồn buồn vừa vui vui, cho đến khi mặt trời mùa đông rực đỏ lên, nhắc tôi lên đường trở về. Nhưng khi đã bỏ nơi ấy lại phía sau, và nhất là khi Xtiếcphoóc và tôi ngồi sung sướng trước bữa ăn, cạnh ngọn lửa cháy rừng rực, tôi cảm thấy khoái trá khi nghĩ rằng mình đã đến đây. Tôi cũng có cảm tưởng như vậy, mặc dầu ở một mức nhẹ hơn, khi bước vào căn phòng rất sạch sẽ của tôi vào buổi tối, tay giở những trang của quyển sách cá sấu (nó bao giờ cũng ở đấy, trên một cái bàn con). Lòng đầy biết ơn, tôi hồi tưởng thấy tôi thực tốt phúc có được một người bạn như Xtiếcphoóc, một người bạn như chị Pécgôti và một người thay thế tất cả những cái gì tôi đã mất như người cô quí hóa và nhân từ của tôi.

Con đường ngắn nhất để về Yácmao sau khi đi những đoạn đường dài như vậy, là đi qua phà. Chiếc phà đưa tôi đến một cánh đồng giữa thành phố và mặt biển, và tôi có thể đi thẳng qua cánh đồng, do đó bớt được một đoạn đường quanh khá dài trên đường cái. Ngôi nhà của ông Pécgôti lại ở cái nơi trống trải ấy, cách con đường tôi đi không đầy trăm mét, cho nên mỗi khi đi qua bao giờ tôi cũng tạt vào. Tôi có thể chắc chắn gặp Xtiếcphoóc đang ngồi chờ tôi ở đấy, và chúng tôi lại tiếp tục ra đi trong không khí giá lạnh, trong khi sương mù dâng lên về phía những ánh đèn lấp lánh của thành phố.

Buổi tối hôm ấy trời rất tối, vì tôi trở về muộn hơn mọi ngày (hôm ấy tôi đi thăm Blơnđơxtôn trước khi từ biệt vì chúng tôi sắp sửa phải về), tôi thấy một mình cậu trong nhà ông Pécgôti, ngồi trầm ngâm trước ngọn lửa. Cậu đang mải mê suy nghĩ đến nỗi hoàn toàn không biết tôi đến gần. Dù cậu có ít trầm ngâm hơn thì cậu cũng không dễ gì nghe những bước chân tôi giẫm nhẹ nhàng trên mặt đất phủ cát ở chung quanh, nhưng ngay cả việc tôi bước vào cũng không làm cho cậu bừng tỉnh. Tôi đứng sát cạnh cậu, nhìn cậu, thế mà cậu vẫn ngồi yên, vầng trán tư lự, đăm chiêu suy nghĩ. Khi tôi đặt tay lên vai cậu, cậu giật mình đánh thót một cái, làm tôi cũng giật mình theo. Cậu nói gần như giận dữ:

"Cậu đâm bổ vào người mình như một con ma oán trách người ta ấy".

"Mình cũng phải tự giới thiệu như thế nào chứ!" Tôi đáp. "Có phải mình đã lôi cậu từ trên cung trăng xuống không đấy?"

"Không!" Cậu đáp. "Không phải".

"Thế từ nơi nào xuống?" Tôi nói và ngồi cạnh cậu.

"Mình đang nhìn những hình ảnh trong ngọn lửa", cậu đáp.

"Nhưng cậu làm hỏng hết cả!" Tôi nói trong khi cậu vội vàng khơi lửa với một khúc gỗ đỏ rần rật, làm tung ra cả một đám lửa đỏ rực bay lên trên cái lò sưởi nhỏ bé, rồi bay ra ngoài kêu vù vù.

"Cậu sẽ không thấy được những hình ảnh ấy", cậu đáp. "Mình ghét cái giờ hỗn tạp này, ngày không ra ngày, đêm chẳng ra đêm. Sao cậu về muộn thế? Cậu đi đâu thế?"

"Mình đi từ biệt nơi mình vẫn thường đến chơi", tôi nói.

"Còn mình thì nãy giờ vẫn cứ ngồi ở đây", Xtiếcphoóc nói, đưa mắt nhìn quanh phòng, "nghĩ đến những con người mà chúng ta thấy vui sướng thế nào, đêm chúng ta đến đây, rồi có thể tan tác (nếu cứ xét theo cái cảnh tượng buồn tênh của ngôi nhà vào lúc này) hay chết đi, hay gặp những cảnh bất hạnh nào mình cũng không biết nữa. Đêvi ạ, giá hai mươi năm nay trời cho mình một người cha nghiêm nghị thì tốt quá!"

“Xtiếcphoóc, có việc gì thế?”

“Mình rất tiếc rằng mình không được hướng dẫn tốt hơn!” Cậu nói gần như thét. “Mình rất tiếc rằng mình không thể nào hướng dẫn cho mình tốt hơn!”

Trong cử chỉ của cậu có cái vẻ buồn bã da diết làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi không bao giờ có thể tin rằng tâm trạng cậu bỗng khác hẳn ngày thường như thế.

“Thà mình là cái ông Pécgôti nghèo khổ, thà mình là anh cháu vụng về của ông ta”, cậu vừa nói vừa đứng dậy, uể oải dựa vào lò sưởi, mặt hướng về ngọn lửa, “còn hơn là mình giàu hơn họ hai mươi lần và thông thái hơn họ hai mươi lần, nhưng lại gây cho mình những điều phiền muộn như mình đã làm trong chiếc tàu thủy quỉ quái này, trong nửa giờ vừa qua!”

Tôi sửng sốt trước sự thay đổi của cậu đến nỗi lúc đầu tôi chỉ biết im lặng nhìn: cậu đứng, bàn tay đỡ lấy đầu cúi xuống nhìn ngọn lửa, nét mặt ủ dột. Cuối cùng, tôi đem tất cả lòng chân thành cầu khẩu cậu nói cho tôi biết điều gì đã làm cậu bực mình kỳ quặc như vậy, để tôi có thể thông cảm với nỗi đau buồn của cậu, nếu như tôi không thể đưa ra những lời khuyên.

Nhưng tôi chưa nói hết, cậu đã bắt đầu cười ròn rã, lúc đầu còn cáu kỉnh, nhưng chỉ trong chốc lát lại vui vẻ ngay.

“Ồ, có quái gì đâu, Tường-vi ạ! Có gì đâu”, cậu nói, “Mình đã nói với cậu trong cái quán ở Luân-đôn rằng đôi khi mình là một anh bạn đường khó chịu ngay đối với cả chính mình. Mình là một cơn ác mộng đối với chính mình, mình nghĩ rằng mình vừa mơ thấy một cơn ác mộng. Trong những giờ buồn bã, những chuyện trẻ con bỗng hiện lên trong ký ức của mình, nhưng không biết nó ở đâu đến. Mình tưởng rằng mình là một đứa trẻ khác không để ý đến gì hết và trở thành cái mồi cho những con sư tử… đó là một cách nói cho nó oai để bảo rằng công việc hỏng bét. Mình bị xâm chiếm bởi cái mà các bà già bảo là những ảo giác. Mình sợ cả mình nữa”.

“Mình nghĩ rằng ngoài cái đó ra cậu không sợ gì nữa!” Tôi nói.

“Có lẽ thế, ấy thế mà vẫn có khá nhiều điều mình phải sợ”, cậu đáp. “Thôi! Chuyện ấy qua rồi, mình không mơ mộng lôi cuốn nữa đâu, Đêvi ạ. Nhưng mình nói thực với cậu một lần nữa, ông bạn ạ, giá mình có được (và cả những người khác chứ không phải chỉ mình) một người cha nghiêm nghị và sáng suốt thì sẽ tốt hơn nhiều”.

Gương mặt cậu bao giờ cũng gợi cảm, nhưng tôi không bao giờ thấy nó biểu hiện một thứ tình cảm thiết tha, ủ dột như khi cậu nói những câu này, đôi mắt vẫn đăm đăm nhìn vào ngọn lửa.

“Thôi ta nói sang chuyện khác”, cậu nói, khoát tay dường như cậu nhẹ nhàng tung lên trời một vật gì, “*Phải đấy, bây giờ nó đã biến mất, ta lại là con người như cũ*, như Macbet nói. Nào bây giờ đi ăn đi… nếu như mình không làm bữa tiệc *gián đoạn vì một hành động mất trật tự hết sức kỳ lạ*”[1] (theo kiểu Macbet) Tường-vi ạ”.

“Nhưng mình muốn biết họ đi đâu cả rồi?” Tôi nói.

“Có trời biết”, Xtiếcphoóc nói, “mình đi thơ thẩn trên bến phà để tìm cậu, rồi mình lại thơ thẩn vào đấy. Mình thấy nơi này vắng tanh. Điều đó làm cho mình suy nghĩ, và cậu thấy mình đang ngồi suy nghĩ đấy.

Bà Gơmmít xuất hiện, tay cầm cái rổ, làm tôi hiểu tại sao ngôi nhà trống trải như vậy. Bà vội vã chạy ra ngoài mua một thứ gì cần thiết, trước khi ông Pécgôti trở về với ngọn thủy triều, và bà đã để cửa mở vì nghĩ rằng Ham và bé Emili (đó là ngày mà cô được nghỉ về nhà sớm) sẽ về nhà trong khi bà

đi vắng, Xtiếcphoóc sau khi đã làm cho bà Gơmmít vui vẻ hơn nhiều bằng những lời chào vui vẻ, và một cái hôn tinh nghịch, vội vã khoác tay kéo tôi ra ngoài.

Cậu cũng đã tỏ ra vui vẻ hơn nhiều, chẳng kém gì bà Gơmmít, vì trên đường đi, cậu đã trở thành như mọi ngày và nói chuyện rất rôm rả. Cậu vui vẻ nói:

"Thế là từ mai chúng mình sẽ từ bỏ cuộc sống giang hồ này phải không?"

"Phải đấy, chúng mình đã quyết định như thế", tôi đáp. "Chúng mình đã giữ chỗ ở xe ngựa rồi, cậu biết chứ?"

"Phải rồi, chẳng còn cách nào khác, mình cũng nghĩ vậy", Xtiếcphoóc nói, "mình hầu như đã quên rằng trên đời này còn có những việc khác, ngoài việc đi lênh đênh trên biển ở đây. Mình mong rằng không có cái gì khác".

"Hễ cái điều mới mẻ còn có thể kéo dài", tôi nói và cười khanh khách.

"Có thể như thế", cậu đáp. "Đối với một người ngây thơ trẻ trung như cậu thì nhận xét trên của cậu là rất châm biếm. Đúng đấy, mình có thể nói mình là một người tính đồng bóng, Đêvi ạ. Mình biết mình lắm, nhưng khi cờ đến tay thì mình cũng biết phất ra trò. Mình nghĩ rằng mình đã có thể thi kỳ thi thủy thủ ở biển Yácmao với một kết quả kha khá".

"Ông Pécgôti nói cậu là một người phi thường", tôi nói.

"Một kỳ quan về hàng hải chứ gì?" Xtiếcphoóc nói cười ròn rã.

"Ông ta nói thế thực và cậu biết là ông ta có lý. Chỉ cần nhìn cậu đeo đuổi say sưa những ham thích và có thể thông thạo nó dễ dàng như thế nào là đủ rõ. Mình ngạc nhiên quá Xtiếcphoóc ạ, tại sao cậu lại chỉ vui lòng sử dụng khả năng của mình một cách không chuyên tâm như vậy?"

"Vui lòng à?" Cậu trả lời vui vẻ. "Mình không bao giờ vui lòng về cái gì hết, không kể về vẻ tươi tắn của cậu, Tường-vi ạ. Còn về chỗ thích thay đổi thì mình không bao giờ học lối tự trói buộc mình vào bất kỳ chiếc bánh xe nào, trên đó những Icxiôn[2] trong thời đại này đang quay như chong chóng. Mình bỏ mất cái nghệ thuật ấy vì tập dượt kém và bây giờ mình chẳng thiết gì đến trò ấy nữa. Cậu biết mình đã mua một chiếc thuyền ở đây chứ?"

"Cậu thật là một người kỳ lạ, Xtiếcphoóc ạ", tôi kêu lên, sửng sốt (bởi vì đó là lần đầu tiên tôi nghe cậu nói đến việc mua bán này) "khi cậu có thể không bao giờ trở lại miền này!"

"Mình không cần biết đến điều đó", cậu đáp. "Mình đã thích nơi này. Dẫu sao, (cậu kéo tôi đi nhanh) mình cũng đã mua một chiếc thuyền người ta bán, chiếc thuyền có buồm, theo như ông Pécgôti nói, và đó là sự thực. Ông Pécgôti sẽ điều khiển chiếc thuyền ấy khi mình vắng mặt".

"Bây giờ mình hiểu cậu rồi, Xtiếcphoóc ạ", tôi nói, giọng thán phục. "Cậu làm ra vẻ mua nó cho cậu nhưng thực ra cậu làm như thế để làm ơn cho ông ta. Ngay từ đầu mình đã có thể đoán được điều đó vì mình biết cậu. Xtiếcphoóc thân mến và quí hóa, mình biết diễn đạt thế nào những điều mình nghĩ về lòng rộng rãi nhân từ của cậu?"

"Thôi đi!" Xtiếcphoóc nói, mặt đỏ bừng. "Cậu nói ít cho tôi nhờ".

"Mình chẳng nói thế sao?" Tôi nói. "Chẳng phải mình đã nói rằng cậu không thờ ơ đối với niềm vui, một nỗi buồn hay một cảm xúc nào của những con tim trung thực như vậy hay sao?"

"Ừ, ừ", cậu đáp. "Cậu ca ngợi mình như thế là đủ quá rồi đấy, chúng mình đã nói khá nhiều rồi đấy".

Tôi sợ làm cậu giận nếu cứ tiếp tục nói đến vấn đề ấy khi cậu tỏ ra không có gì quan trọng, cho nên tôi rảo bước nhanh hơn.

"Chiếc thuyền ấy phải lắp buồm và sửa chữa lại", Xtiếcphoóc nói, "và mình sẽ để Litimơ ở đấy theo dõi công việc để có thể biết chắc xem nó có được sửa sang hoàn hảo không. Mình đã bảo cậu rằng Litimơ đã đến đây chưa nhỉ?"

"Chưa!"

"Ồ, nó đã đến đây sáng nay và mang theo một bức thư của mẹ mình".

Khi mắt chúng tôi gặp nhau, tôi thấy mặt cậu tái xanh, đến cả đôi môi cũng vậy, mặc dầu cậu vẫn nhìn thẳng vào tôi không chớp mắt. Tôi sợ có việc xích mích xảy ra giữa cậu và bà cụ đã khiến cho cậu ở trong tâm trạng như tôi đã thấy khi tôi bắt gặp cậu ngồi một mình bên cạnh ngọn lửa. Tôi nói xa xôi ám chỉ điều đó.

"Ồ, không đâu", cậu nói, lắc đầu cười khe khẽ, "không phải thế đâu! Nhưng mà anh đầy tớ trứ danh của mình đã đến đây". "Cũng vẫn như trước chứ?" Tôi hỏi. "Cũng vẫn như trước", Xtiếcphoóc nói, "lặng lẽ và xa xăm như Bắc cực. Nó sẽ trông nom cho đến khi chiếc thuyền được gọi bằng một cái tên mới. Hiện nay tên nó là *"Hải điểu trong bão táp"* ông Pécgôti cần quái gì đến những con Hải điểu trong bão táp? Mình sẽ đặt lại tên cho nó".

"Đặt tên gì?" Tôi hỏi.

"Cô bé Emili"

Cậu vẫn cứ tiếp tục nhìn tôi chăm chú. Tôi cho rằng cái nhìn ấy nhắc cho tôi nhớ rằng cậu không thích người ta ca ngợi thái độ ân cần của mình. Tôi không thể không biểu lộ trên nét mặt rằng điều đó đã làm cho tôi thích thú như thế nào, tôi chỉ nói mấy lời và cậu lại mỉm cười như mọi ngày, có vẻ khoan khoái. Cậu nhìn ra phía trước mặt và nói.

"Nhưng này, kìa cô bé Emili bằng xương bằng thịt đến đây!" Lại cả cậu ta cùng đi với cô ta nữa, có phải không?

Mình dám chắc cậu ta là một hiệp sĩ trung thành, cậu ta không bao giờ bỏ rơi cô ả!"

Lúc này Ham là thợ đóng thuyền. Anh đã phát huy khả năng tự nhiên của mình về nghề này cho đến khi trở thành một người thợ thành thạo. Anh mặc quần áo làm việc và có vẻ hơi thô nhưng cũng khá oai vệ, và anh là người bảo vệ xứng đáng với con người nhỏ nhắn tươi như hoa đi bên cạnh anh. Gương mặt anh có cái vẻ chân thành, trung thực, biểu lộ không giấu diếm lòng kiêu hãnh về tình yêu của mình đối với Emili, và điều này đối với tôi là vẻ đẹp cao quí nhất. Khi hai người tiến về phía chúng tôi, tôi thấy họ thật xứng đôi vừa lứa, ngay cả về mặt này.

Emili bẽn lẽn rút tay ra khỏi tay Ham khi chúng tôi dừng lại để nói chuyện với hai người, và đỏ bừng mặt khi đưa ta cho Xtiếcphoóc và tôi bắt. Khi hai người tiếp tục đi sau vài câu trao đổi, cô không nắm tay Ham như trước nữa mà bước một mình ra vẻ bẽn lẽn, ngượng ngùng. Tôi thấy cử chỉ của cô thực duyên dáng, đáng yêu, và Xtiếcphoóc hình như cũng nghĩ như vậy trong khi chúng tôi nhìn theo bóng hai người mờ dần trong ánh trăng non.

Đột nhiên chúng tôi bắt gặp một người đàn bà rõ ràng đang bước theo họ. Chúng tôi không chú ý đến việc người ấy đến gần, nhưng khi người này đi qua, tôi nhìn khuôn mặt và nhớ mang máng không biết đã thấy người này ở đâu. Người này ăn mặc sơ sài, trông táo tợn, ngơ ngác, kiêu hãnh và nghèo, nhưng lúc này dường như đã vứt tất cả mọi điều bận tâm kia cho ngọn gió thổi vù vù, và chỉ nghĩ một

điều là đi theo họ. Vì cánh đồng tối đen trước mặt đã nuốt mất hình bóng của họ và làm cho chúng tôi chỉ thấy nó chạy dài từ chúng tôi đến mặt biển hay từ chúng tôi đến bầu trời đầy mây, nên hình bóng người kia cũng biến mất như vậy, nhưng vẫn cách xa hai người một khoảng cách như trước, Xtiếcphoóc đứng yên lặng nói:

"Cái bóng đen đang đi theo người con gái kia là cái gì vậy?"

Anh nói hạ thấp giọng làm tôi thấy có vẻ lạ lùng. Tôi nói:

"Có lẽ muốn xin xỏ họ gì đấy".

"Người ăn mày không phải là cái gì mới mẻ", Xtiếcphoóc nói, "nhưng một người ăn mày lại có cái hình dáng như tối nay thì cũng lạ thực".

"Sao thế?" Tôi hỏi.

"Kể ra", cậu nói tiếp sau khi im lặng một lát, "chẳng qua chỉ vì mình đang nghĩ đến một điều gì tương tự khi bóng đen kia xuất hiện. Con mụ quỉ quái kia ở đâu ra thế nhỉ?"

"Mình nghĩ rằng ở trong bóng tối của bức tường này đi ra", tôi nói, vì lúc đó chúng tôi vừa đến một con đường chạy dọc theo một bức tường.

"Nó qua rồi!" Xtiếcphoóc đáp lại sau khi ngoái cổ lại nhìn, "và tất cả những gì rủi ro đều đi theo nó. Bây giờ ta về ăn tối đi!"

Nhưng cậu lại ngoái cổ nhìn về phía chân trời lấp lánh xa xa trên mặt biển, rồi lại nhìn lần thứ hai. Rồi cậu lại ngạc nhiên về điều đó, qua một vài câu nói nhát gừng mà cậu nói nhiều lần trên đoạn đường ngắn ngủi còn lại. Cậu hình như chỉ quên điều đó khi chúng tôi ngồi ấm áp và vui vẻ trước bữa ăn trước ánh lửa và ánh sáng những ngọn nến.

Litimơ ở đấy, và y vẫn gây cho tôi một ấn tượng như mọi ngày. Khi tôi bảo y rằng tôi chắc là bà Xtiếcphoóc và cô Đactơn vẫn mạnh khỏe thì y trả lời kính cẩn (và cố nhiên trang trọng) rằng họ cũng khá khỏe mạnh, rồi y cảm ơn tôi và chuyển cho tôi lời chúc mừng của họ. Y chỉ nói có thế, tuy vậy tôi vẫn cảm thấy hình như y nói trắng với tôi rằng: "Ông ơi, ông non nớt lắm, ông còn non nớt quá!"

Chúng tôi ăn sắp xong, bỗng y rời khỏi cái góc mà y vẫn ngồi để canh chúng tôi, hay đúng hơn (đó là cảm tưởng của tôi) để canh tôi, và bước một hai bước về phía cái bàn để nói với ông chủ:

"Xin lỗi ông, cô Maosơ đã đến đây."

"Ai?" Xtiếcphoóc hỏi hết sức ngạc nhiên.

"Thưa ông cô Maosơ ạ."

"Con mẹ ấy đến đây làm quái gì?" Xtiếcphoóc nói.

"Thưa ông hình như đây là quê của cô, cô bảo tôi rằng năm nào cô cũng đến đây vì công việc. Chiều nay tôi gặp cô ngoài đường và cô muốn biết cô có được phép vào thăm ông sau bữa ăn chiều không ạ" "Cậu có biết con người khổng lồ mình vừa nói đến không, Tường-vi?" Xtiếcphoóc hỏi.

Tôi đành phải thú nhận (tôi cảm thấy xấu hổ về sự thua kém ấy trước mặt Litimơ) rằng tôi không hề biết cô Maosơ.

"Thế thì cậu sẽ biết", Xtiếcphoóc nói, "vì cô là một trong bảy kỳ quan của thế giới… Khi cô Maosơ đến anh cứ đưa cô vào".

Tôi cảm thấy rất háo hức, tò mò muốn biết cô, nhất là vì Xtiếcphoóc cười sằng sặc khi tôi nhắc đến

cô, và dứt khoát không chịu trả lời câu hỏi nào của tôi về cô. Do đó, tôi càng chờ đợi nôn nóng. Sau khi đã cất khăn bàn độ nửa giờ, chúng tôi đang ngồi trước ngọn lửa cạnh bình rượu bỗng cánh cửa mở ra, và Litimơ vẫn thản nhiên như mọi ngày báo tin:

"Cô Maosơ đã đến".

Tôi nhìn về phía cửa nhưng chẳng thấy gì hết. Tôi cứ nhìn về phía ấy, nghĩ rằng cô Maosơ còn lâu mới xuất hiện, bỗng tôi vô cùng ngạc nhiên thấy xuất hiện một người lùn tìn tịt, lạch bạch bước quanh cái xô-pha, đứng giữa tôi và cánh cửa. Cô trạc bốn mươi hay bốn mươi lăm, đầu và mặt to tướng, đôi mắt xám ranh mãnh và hai cánh tay nhỏ bé khủng khiếp đến nỗi để có thể đặt một ngón tay lên cái mũi hếch trong khi liếc mắt ra hiệu với Xtiếcphoóc, cô phải giơ ngón tay lên rồi cúi đầu đặt mũi lên ngón tay. Cằm cô như người ta nói, có hai ngấn, béo phục phịch nuốt hẳn dây mũ, kể cả cái nơ. Cô không có cổ họng, không có thân hình, còn cặp chân thì không đáng kể đến, bởi vì mặc dầu nửa người trên, từ đầu đến thắt lưng thoáng trông thì cũng như người thường, và mặc dầu quả cô cũng có một cặp chân như mọi người, nhưng cô vẫn nhỏ bé đến nỗi cô đứng trước một cái ghế, kích thước trung bình như đứng trước một cái bàn, và cô đặt cái vật cầm ở tay lên ghế. Người đàn bà này ăn mặc xoàng xĩnh và không cầu kỳ, đặt ngón tay trỏ lên mũi một cách khó nhọc như tôi vừa tả, khi đứng đầu lúc nào cũng nghiêng về một bên, còn một con mắt tinh quái sắc sảo thì nhắm tít lại, làm thành một vẻ mặt hết sức tinh ranh… người ấy sau khi đã đưa mắt nhìn Xtiếcphoóc, tuôn ra cả một tràng:

"Thế nào, bông hoa của tôi?" Cô bắt đầu nói, giọng bông đùa, lúc lắc cái đầu to tướng về phía Xtiếcphoóc, "Ông mãnh ở đây à? Ồ chú thực tệ, xấu hổ lắm! Chú làm gì ở cái nơi xa nhà xa cửa thế này? Đúng là làm bậy bạ rồi. Ồ, chú là một tay tinh quái nhất đời, Xtiếcphoóc ạ, còn tôi cũng là một tay như vậy phải không nào? Ha! ha! ha!… Chú sẵn sàng đánh cuộc mười ăn một rằng chú sẽ không thấy tôi ở đây chứ gì nữa? Nhưng lạy Chúa, anh bạn ơi, tôi ở khắp nơi… ở đây, ở đó, ở khắp nơi, như một đồng tiền vàng mà nhà ảo thuật bỏ vào trong cái khăn tay của một công nương, về khoản khăn tay, và các cô thì chú đúng là nguồn an ủi cho bà cụ thân sinh đáng kính, có phải không, ông mãnh, chuyện này ta nói riêng với nhau và tôi không nói tên ai đâu đấy!"

Cô Maosơ tháo dây buộc mũ khi nói đến đoạn này, vứt nó ra phía sau, rồi ngồi thở hổn hển trên một chiếc ghế đẩu trước ngọn lửa, biến bàn ăn thành một vòm cây che phủ đầu cô như một nơi trú ẩn bằng gỗ đào hoa tâm.

"Ôi chao! Có trời chứng giám!" Cô nói tiếp, đặt bàn tay lên mặt đầu gối nhỏ xíu và nhìn tôi tinh quái, "ông Xtiếcphoóc ạ, tôi bồng bột quá, sự thực là thế. Sau khi leo lên cầu thang gác, tôi hít từng hơi thở cần thiết cũng khó nhọc như kéo những xô nước. Nếu chú thấy tôi nhìn ra ngoài cửa sổ ở trên nhà gác thì chú sẽ cho tôi là một người đàn bà xinh xắn, đúng không nào?"

"Bất kỳ gặp cô ở đâu tôi cũng nghĩ như vậy", Xtiếcphoóc đốp lại.

"Thôi đi, đồ yêu!" Con người nhỏ bé thét lên, cầm cái khăn tay đang lau mặt để quất cậu. "Đừng có táo tợn đấy! Tôi lấy danh dự thề với chú rằng tuần trước tôi ở nhà bà Mittơ (bà ta cừ thật! Trẻ lâu thật!) và chính ông Mittơ đã bước vào cái gian phòng ở đấy tôi đang ngồi đợi bà (ông cũng cừ thật! Trẻ lâu thật! Bộ tóc giả của ông cũng giữ được đến lâu, vì ông mang nó đã mười năm nay) ông cứ khen lấy khen để đến nỗi tôi bắt đầu nghĩ rằng mình cần phải rung chuông báo hiệu. Ha! ha! ha! Ông ta là một thằng khốn nạn hấp dẫn, nhưng ông sống chẳng theo đạo đức gì hết".

"Cô làm gì cho bà Mittơ thế?" Xtiếcphoóc hỏi.

"Đó là chuyện bí mật, ông mãnh ơi", cô đốp lại, lại vỗ vỗ lên mũi, cau mặt, và nháy mắt ra hiệu như một con yêu tinh tuyệt trần. "Chớ nghĩ đến chuyện đó! Chú muốn biết có phải tôi đã làm cho tóc

của bà ta không rụng, hay là tôi nhuộm tóc, tô điểm nước da, trang điểm đôi lông mày cho bà hay không chứ gì? Rồi chú sẽ biết, ông mãnh ạ… khi mà tôi nói cho chú biết. Chú có biết cụ cố của tôi tên gì không?"

"Không."

"Ông ta tên là Bông đùa, ông mãnh yêu quí ạ", cô Maosơ đáp, "ông cụ xuất thân từ dòng họ Bông đùa đã bao đời nay và đã để lại cho tôi tất cả những ngón đùa nghịch gia truyền".

Tôi chưa bao giờ thấy cái gì có thể sánh với cái lối nháy mắt ra hiệu của cô Maosơ, trừ thái độ tự chủ của cô. Đã thế cô lại có một cách nghe người ta nói với mình, hay chờ người ta trả lời mình rất tuyệt diệu là nghiêng đầu về một bên rất tinh quái, còn một bên mắt thì ngước lên như con ác là. Tóm lại, tôi ngồi ngẩn người và sửng sốt, trố mắt nhìn. Quả thật tôi sợ mình đã quên mất những qui tắc xã giao.

Lúc này cô đã kéo cái ghế về phía mình và đang hý hoáy ở cái xắc ra (cứ mỗi lần lấy như vậy lại thọc cái cánh tay nhỏ xíu lút đến tận vai) nào là chai nhỏ, bọt biển, lược, bàn chải, những mẫu dạ, những cặp nhỏ để uốn tóc và những dụng cụ khác rồi chất thành một đống ở trên ghế. Bỗng cô bỏ bẵng công việc này và hỏi Xtiếcphoóc khiến tôi rất lúng túng.

"Ông bạn chú là ai đấy?"

"Ông Copơphin", Xtiếcphoóc nói, "ông ta muốn biết cô đấy".

"Được! Thế thì sẽ biết! Tôi nghĩ rằng ông ta có vẻ muốn biết tôi!"

Cô đến, bước lạch bạch về phía tôi tay cầm cái xắc vừa đi vừa cười: "Da mặt như quả đào". Cô kiễng chân lên để véo má tôi trong khi tôi vẫn ngồi. "Ngon đáo để! Tôi thích ăn đào lắm! Rất sung sướng được làm quen với ông Copơphin, thực đấy mà!"

Tôi cũng nói rằng, tôi rất hân hạnh được biết cô và như thế là cả hai bên đều sung sướng.

"Lạy Chúa tôi, chúng mình lễ phép quá rồi đấy!" Cô Maosơ thốt lên, cố sức mãi để lấy bàn tay tí xíu che cái mặt to tướng nhưng không được. "Chúng mình sống trong cái thế giới ăn chơi nghịch ngợm có phải không nào?"

Câu này là để tâm sự với cả hai chúng tôi, trong khi bàn tay nhỏ xíu của cô rời khỏi mặt, và lại vùi mình vào cái xắc, ngập cả cánh tay.

"Cô muốn nói gì thế cô Maosơ?" Xtiếcphoóc hỏi.

"Ha! ha! ha! Chúng mình là một lũ nghịch ngợm đến nhộn có phải không nào, ông mãnh?" Người đàn bà tí teọ kia nói, tay sục sạo trong cái xắc, cái đầu nghiêng về một bên và con mắt ngước lên trời. "Xem đây!" (cô ta rút ra một cái gì) "mẫu móng tay của một ông hoàng Nga! Ông hoàng A-bê-xê-lăng-nhăng-lít-nhít, tôi gọi ông ta như thế, vì tên ông ta có đủ các chữ cái, lung tung bát nháo".

"Ông hoàng Nga là một khách hàng của cô có phải không?" Xtiếcphoóc hỏi.

"Tôi cũng nghĩ như thế", cô Maosơ đáp. "Tôi cắt móng tay móng chân cho ông ta. Mỗi tuần hai lần, cả móng tay móng chân."

"Ông ta trả tiền khá chứ?", Xtiếcphoóc hỏi.

"Ông ta nói giọng mũi và khi trả tiền thì trả đàng hoàng"[3], cô Maosơ đáp. "ông hoàng không phải hạng người cạo người ta sát da. Chú sẽ nói như vậy nếu chú thấy bộ râu mép của ông ta, trước kia màu đỏ nhưng nhờ nghệ thuật nên đã thành đen."

“Nhờ nghệ thuật của cô chứ gì?” Xtiếcphoóc hỏi.

Cô Maosơ nháy mắt tán thành.

“Ông ta bắt buộc phải gọi đến tôi, không thể nào làm khác được. Khí hậu làm ảnh hưởng đến màu râu của ông ta. Ở nước Nga thì đâu vào đấy lắm nhưng sang đây thì không ăn thua. Chú chưa bao giờ thấy một ông hoàng han gỉ như ông ta. Chẳng khác sắt gỉ mấy!”

“Có phải vì vậy mà cô vừa bảo ông ta là người tinh quái có phải không?”

Xtiếcphoóc hỏi.

“Ôi chao! Ông tướng tinh ranh nhất đời”, cô Maosơ nói, lắc đầu lia lịa, “Tôi bảo chúng mình nói chung là bọn bán trời không văn tự, và tôi đã đưa cho chú xem những mẫu móng tay, móng chân của ông hoàng để chứng minh cho điều chú thấy đó. Trong các tư gia lịch sự, những của này giúp cho tôi nhiều hơn là tất cả mọi tài năng của tôi gộp lại. Bao giờ tôi cũng mang nó trong người, đó là lời giới thiệu tốt nhất: Nếu cô Maosơ cắt móng tay cho ông hoàng thì cô ta phải là con người hoàn toàn! Tôi sẽ phân phát của này cho các tiểu thư, tôi chắc rằng các cô sẽ bỏ vào an bom. Ha! ha! ha! Mẹ kiếp, toàn bộ chế độ xã hội (như người ta nói khi đọc diễn văn ở quốc hội) chỉ là một hệ thống những móng tay của ông hoàng thôi!” người đàn bà nhỏ bé nhất trên đời kia nói, tìm cách khoanh hai cánh tay tí xíu và lúc lắc cái đầu to tướng.

Xtiếcphoóc cười ròn rã, và tôi cũng thế, trong lúc đó cô Maosơ vẫn cứ lắc đầu lia lịa (đầu cô nghiêng hẳn về một phía) một mắt nhìn lên trời còn mắt kia thì nhắm tít lại.

“Này, này!” Cô nói, vỗ lên hai đầu gối tí xíu và đứng dậy, “Đây không phải là công việc. Này chú Xtiếcphoóc, chúng mình đi khám phá Bắc cực và làm cho xong đi”.

Cô lấy hai, ba dụng cụ trong số những dụng cụ tí xíu, và một cái lọ nhỏ bé và hỏi (điều này làm cho tôi ngạc nhiên) xem cái bàn có chịu nổi sức nặng của cô không. Khi Xtiếcphoóc trả lời được cô kéo cái ghế lại gần bàn, nhờ tôi giúp đỡ một tay, đoạn trèo thoăn thoắt lên bàn như đó là sân khấu. Khi đã ngồi chắc chắn trên bàn, cô nói:

“Nếu người nào trong hai chú thấy mắt cá của tôi thì cứ nói đi và tôi sẽ về nhà tự tử”.

“Tôi không thấy”, Xtiếcphoóc nói.

“Tôi cũng thế”, tôi nói.

“Được! thế thì được”, cô Maosơ kêu lên, “Tôi bằng lòng sống vậy. Và bây giờ, nào ông tướng, ông tướng hãy để cho bà ngoáo ộp giết nhé!”

Câu nói này là để mời Xtiếcphoóc ngồi dưới hai bàn tay của cô và cậu ngồi như vậy lưng quay về phía bàn và mặt tươi cười quay về phía tôi, đoạn giơ đầu ra cho cô Maosơ khám, dĩ nhiên không có mục đích gì ngoài việc làm cho tôi giải trí. Cảnh cô Maosơ đứng nhìn xuống đầu cậu, ngắm nghía mớ tóc nâu và dày của cậu qua cái kính lúp lớn và tròn mà cô vừa lấy trong túi ra nom thực là kỳ lạ.

“*Chú* là tay cừ đấy! Cô Maosơ nói sau khi quan sát một lát. Một năm nữa đỉnh đầu chú sẽ trọc lốc như một tu sĩ nếu không có tay tôi. Ông bạn trẻ, nửa phút nữa tôi sẽ cho ông bạn một lớp dầu, nó sẽ giữ những mớ tóc quăn của ông bạn trong mười năm nữa”.

Nói đoạn, cô rót một ít ở trong cái lọ con lên một mảnh dạ nhỏ và sau khi đã chấm một ít thuốc ở trong chai lên những cái bàn chải nhỏ xíu, cô bắt đầu lấy hai dụng cụ này kỳ cọ và gãi dữ dội trên đỉnh đầu của Xtiếcphoóc với cái vẻ bận rộn tôi chưa bao giờ thấy, miệng vẫn nói huyên thiên.

"Cứ xem Sacli Pigrâyvơ, con trai hầu tước thì biết", cô nói, "chú biết Sacli chứ?" (cô thò đầu ra để nhìn vào giữa mặt Xtiếcphoóc).

"Có biết qua loa."

"Tay cừ đấy! Ria thế mới là ria! Còn bộ giò của Sacli, nếu nó là một bộ giò (nhưng nó lại không phải) thì không ai địch nổi. Chú có tin rằng cậu ra tìm cách phớt tôi… mặc dù thuộc hạng muốn giữ tuổi xuân không?"

"Thằng cha điên mất!" Xtiếcphoóc nói. "Chứ còn gì nữa! Tóm lại dù có điên hay không, cậu ta cũng đã tìm cách thoát khỏi tay tôi. Cô biết cậu ta làm gì không? Cậu ta vào cửa hiệu bán nước hoa hỏi mua một chai Mađagatxca."

"Mua cái gì? Có phải đồ uống không?" Xtiếcphoóc hỏi.

"Uống à?" Cô Maosơ đáp, dừng lại, tát yêu vào má Xtiếcphoóc "Để săn sóc bộ râu của mình chú biết không? Trong hiệu có một bà đã đứng tuổi, một tay hung dữ, bà ta chưa bao giờ nghe nói đến cái danh từ này. "Xin lỗi ông", bà hung dữ kia hỏi Sacli, "đó có phải là sáp môi hay không ạ?" "Sáp môi à", Sacli bảo bà ta. "Không, không. Đồ… (cái này những lỗ tai lịch sự không nghe được) bà bảo tôi dùng sáp môi để làm gì?" Bà hung dữ kia nói: "Thưa ông, tôi không muốn làm phật ý ông đâu, nhưng người ta hỏi chúng tôi thứ đó bằng vô số tên khác nhau cho nên tôi tưởng là nó". "Này ông mãnh", cô Maosơ nói tiếp trong khi vẫn cọ xát dữ dội như trước, "đây lại là một thí dụ của cái trò bông đùa thú vị mà tôi vừa nói cho chú nghe. Tôi có làm đôi chút về cái mặt ấy, có lẽ khá nhiều, có lẽ ít thôi. Ông mãnh, cái đó không quan trọng!"

"Cô muốn nói về khoản gì đấy? về khoản sáp môi ấy à?" Xtiếcphoóc nói.

"Chú đổ cái này vào cái này, chú học trò yêu quí của tôi" cô Maosơ lõi đời đáp, đưa một ngón tay sờ lên mũi, "cứ làm theo quy tắc của bí mật nhà nghề và thứ thuốc này sẽ cho chú kết quả mong muốn. Tôi nói cũng có làm qua loa về mặt này. Một bà quả phụ sang trọng gọi đó là thuốc bôi môi. Một người khác gọi đó là găng tay. Một người khác lại gọi đó là cái tua viền khăn trùm đầu. Một người khác lại gọi đó là cái quạt. Họ muốn gọi là cái gì thì tôi gọi thế. Tôi cung cấp thứ thuốc ấy cho họ và chúng tôi tôn trọng trò đùa này đối với nhau và chơi hai kịch giỏi đến nỗi chẳng bao lâu họ nghĩ đến việc bôi nó khi ngồi ở giữa phòng khách cũng như ngồi ở trước mặt tôi. Và khi nào tôi đến thăm họ, đôi khi họ bảo tôi (trong lúc đó trên mặt họ có cả một lớp dày ai cũng thấy) "mặt mày tôi thế nào, cô Maosơ? Tôi có xanh lắm không? Ha! ha! ha! Thế có ngộ không, ông bạn trẻ?"

Trong đời tôi chưa bao giờ thấy cái gì giống như cô Maosơ khi cô ta đứng lên cái bàn ăn, thưởng thức khoái trá câu chuyện mình kể, kỳ cọ dữ dội đầu Xtiếcphoóc và nháy mắt với tôi qua vai Xtiếcphoóc.

"À! Cô nói, ở miền này người ta không đòi hỏi lắm những của như thế. Điều đó làm tôi phải cuốn gói đi. Từ khi đến đây, chú Jêm ạ, tôi chẳng thấy cô nào xinh".

"Có thật không?" Xtiếcphoóc nói.

"Chả thấy một ma nào coi được", cô Maosơ đáp.

"Tôi thấy chúng mình có thể chỉ cho cô thấy một người bằng xương bằng thịt", Xtiếcphoóc nói, quay nhìn tôi. "Thế nào Tường-vi?"

"Đúng đấy", tôi nói.

"Ha! ha! ha!" Con người nhỏ bé thét lên, liếc mắt nhìn vào mặt tôi một cách ranh mãnh, rồi sau đó

lại nhìn Xtiếcphoóc "Hừm!"

Tiếng thốt ra đầu tiên nghe như một câu hỏi đặt ra cho chúng tôi, còn tiếng thứ hai như một câu hỏi chỉ đặt ra cho Xtiếcphoóc mà thôi. Cô như không tìm thấy câu trả lời cho cả hai câu hỏi của mình mà cứ tiếp tục kỳ cọ, trong khi đầu vẫn nghiêng về một bên, con mắt ngước lên, dường như tìm một câu trả lời trong không trung và chắc rằng sẽ thấy câu ấy xuất hiện ngay.

"Có phải là một cô em của chú không, chú Copơphin?" Cô nói sau một phút im lặng và không thay đổi thái độ. "Thế nào?"

"Không", Xtiếcphoóc nói. "Trước khi tôi có thể trả lời không có gì như thế cả. Trái lại ông Copơphin, nếu tôi không lầm, trước đây rất thán phục cô ta."

"Thế nào? Bây giờ chú không thán phục cô ta nữa à?" Cô Maosơ hỏi. "Người đâu mà thay đổi nhanh thế? Có phải chú là con ong đã hút nhụy tất cả các bông hoa đẹp, luôn luôn thay đổi từng giờ một, cho đến khi bướm chán ong chê không? Có phải tên cô ta là Hoa không?"

Thái độ vội vã tinh ma của cô khi tấn công tôi với câu hỏi ấy và cái nhìn xoi mói của cô làm tôi sửng sốt một lúc.

"Không, cô Maosơ ạ" tôi đáp. "Tên cô ta là Emili."

"Ha! ha! ha!" Cô kêu lên, giọng cũng hệt như trước "Hừm, tôi là đồ bép xép quá, ông Copơphin nhỉ? Có phải tôi lắm lời không?"

Giọng nói và cái nhìn của cô biểu lộ một cái gì không thú vị lắm đối với tôi về vấn đề này; cho nên tôi nói, giọng trang trọng hơn những lời mà từ nãy đến giờ tôi đã nói.

"Cô vừa xinh vừa có nết. Cô đã hứa hôn với một người hết sức xứng đáng và có giá trị, cũng ở địa vị xã hội như cô. Tôi quí cô về chỗ biết điều cũng như tôi tán thưởng vẻ đẹp của cô.

"Nói được đấy!" Xtiếcphoóc nói. "Hoan hô, hoan hô! Và bây giờ mình sẽ làm cho đầu óc hiếu kỳ của cái bà tinh quái nhỏ bé này được thỏa mãn, Tường-vi ạ, bằng cách làm cho bà ta hết chỗ đoán mò. Cô ấy hiện nay đang tập sự, hay làm một việc tương tự ở hiệu Âumơ và Jôram bán hàng may vá, đồ trang sức phụ nữ và vân vân. Cô nhớ chưa? Hiệu Âumơ và Jôram! Chuyện hứa hôn với người anh họ; tên là Ham, họ Pécgôti, nghề nghiệp: đóng thuyền, cũng ở thành phố này. Cô ở một nhà bà con tên không rõ, họ Pécgôti, nghề nghiệp đánh cá, cũng ở thành phố này… Cô là nàng tiên bé nhỏ nhất, hấp dẫn nhất và xinh đẹp nhất ở trên đời này. Tôi vô cùng tán thưởng cô ta, cũng như ông bạn của tôi. Nếu tôi không sợ phủ nhận cái tương lai của cô ta (điều này sẽ làm cho ông bạn của tôi không thích) thì tôi sẽ nói thêm rằng đối với tôi, cô xem ra bỏ phí đời mình và tôi tin chắc rằng cô có thể có một địa vị khá hơn, tôi thề rằng cô sinh ra để làm một bà sang trọng.

Cô Maosơ nghe tất cả những lời ấy (Xtiếcphoóc nói rất chậm rãi và rõ ràng) đầu nghiêng về một bên, mắt nhìn trời, dường như đang chờ đợi câu trả lời. Khi cậu ngừng lại, cô ta lại nhanh nhẩu ngay và nói liến thoắng thao thao bất tuyệt làm tôi ngạc nhiên.

"Câu chuyện chỉ có thế thôi chứ gì?" Cô thốt lên, tỉa râu mép của Xtiếcphoóc, với cái kéo nhỏ đang hí hoáy lượn quanh đầu cậu ở tất cả mọi hướng. "Hay lắm! Hay lắm! Đó là một câu chuyện khá dài và phải kết thúc như thế này: và từ đó hai người sống sung sướng. Chứ gì nữa. Ồ, đây là một trò chơi chữ. Tôi yêu *Emili* của tôi bởi vì tên nàng bắt đầu bằng E, bởi vì nàng *Êm dịu*, tôi ghét nàng, bởi vì nàng bị *Ép duyên*, tôi đưa nàng đến cái cảnh *Êm đềm* và đem nàng chạy trốn, tên nàng là Emili và nàng sống ở phương đông[4]. Ha! ha! ha! Ông Copơphin, có phải tôi lắm mồm không?"

Cô nhìn tôi với cái vẻ ranh mãnh kỳ quặc và không chờ đợi trả lời gì hết, lại tiếp tục nói luôn một hơi:

"Này, nếu như có việc gì được chuẩn bị, và thực hiện đến mức tuyệt diệu thì điều đó là do ông tướng đấy, ông Xtiếcphoóc ạ. Nếu như ở trên đời này tôi hiểu được một người nào thì người đó là chú. Chú có hiểu tôi khi tôi nói với chú điều đó không, ông mãnh? Tôi hiểu đầu óc của chú lắm", cô cúi đầu xuống, nhìn vào mặt Xtiếcphoóc, "còn bây giờ chú có thể rút lui, chú Xtiếcphoóc ạ (như người ta vẫn nói ở tòa án) và nếu như ông Copơphin ngồi vào đây thì tôi sẽ làm giúp ông".

"Cậu nghĩ thế nào, Tường-vi?" Xtiếcphoóc hỏi, phá lên cười, rời khỏi ghế. "Cậu có muốn tô điểm không?"

"Cảm ơn cô, cô Maosơ ạ, chiều nay thì không."

"Đừng nói không chứ", người đàn bà tý hon nói, đưa mắt nhìn tôi ra vẻ lõi đời, "thêm một ít lông mày nhé!"

"Cảm ơn cô", tôi đáp, "thôi để lần khác" "Anh cho nó dài thêm một phần tư lóng tay về phía thái dương nhé. Tôi có thể làm điều đó trong hai tuần lễ."

"Không, cảm ơn cô, lúc này hãy khoan" "Vậy thì làm thêm một ít râu", cô nói, giọng khẩn khoản. "Không à? Mời ông lên đoạn đầu đài cho để tôi làm cho ông một bộ ria mép. Nào!"

Tôi không khỏi đỏ bừng mặt khi từ chối điều đó, vì tôi cảm thấy câu chuyện đã đề cập đến nhược điểm của tôi. Cô Maosơ nhận thấy rằng lúc này tôi không thích chấp nhận bất kỳ sự trang điểm nào thuộc lĩnh vực nghệ thuật của cô, và trong lúc này tôi thờ ơ đối với mọi sự mơn trớn của cái lọ tí xíu mà cô giơ ra trước mặt một con mắt để cho lời nói càng thêm sức thuyết phục, nên tuyên bố với tôi rằng, một ngày khác, cô sẽ bắt tay vào việc; rồi yêu cầu tôi giúp đỡ để đưa cô rời khỏi cái vị trí cao của mình. Tôi giúp đỡ và cô nhảy xuống bàn nhanh nhẹn và bắt đầu buộc dây mũ lại ở dưới cái cằm béo phị. Xtiếcphoóc nói:

"Tiền thưởng là…"

"Năm si-linh", cô Maosơ đáp, "và như thế là hết sức rẻ đấy, ông mãnh ạ… Tôi lắm lời quá, có phải không, ông Copơphin?"

Tôi trả lời lễ phép: "Có gì đâu", nhưng tôi nghĩ quả thực cô cũng lắm lời, trong khi đó cô tung lên trời hai đồng nửa cơ-rao của Xtiếcphoóc như một anh hàng bánh ngọt tinh quái, chộp lấy rồi bỏ vào túi, và vỗ đánh đét một cái. Cô Maosơ lại đứng trước ghế và bỏ vào xắc tất cả những thứ đồ linh tinh, gồm những vật tí xíu mà cô vừa lấy ra khỏi xắc và nói:

"Đây là cái tủ. Tôi đã có đủ tất cả những cái cạm bẫy của tôi chưa? Có lẽ đủ rồi. Tôi không thích làm như cái ông Net Bitut nào đó, người ta đưa ông ta ra nhà thờ để ông ta lấy một người đàn bà (như ông ta nói) nhưng người ta lại quên mất cô dâu. Ha! ha! ha! Bố Nét thực là tên thằng khốn nạn độc ác nhưng cũng rất tức cười. Và bây giờ tôi biết tôi đang làm tim các chú tan nát đây, nhưng tôi bắt buột phải từ biệt các chú. Các chú phải đem tất cả nghị lực ra để cố gắng chịu đựng. Chào ông Copơphin. Liệu hồn đấy, ông mãnh ơi! À, kể ra tôi đã nói nhiều quá thực! Nhưng đó là do lỗi của hai ông tướng cả. Tôi tha lỗi cho các ông! Bông hoa!"[5] như người ta thường nói để chào nhau khi bắt đầu học tiếng Pháp, và nhận thấy điều đó sao mà giống tiếng họ quá, "Bông hoa"! Chào các chú gà con của tôi!"

Cô quàng xắc lên vai, lạch bạch bước ra, vừa đi vừa nói liến thoắng. Cô lạch bạch đến cửa sổ, và dừng lại ở đấy để hỏi xem cô có cần để lại cho chúng tôi một vài món tóc của cô không? "Tôi lắm lời

quá nhỉ?" Cô nói thêm để giải thích lời đề nghị ấy rồi giơ một ngón tay lên mũi, và biến mất.

Xtiếcphoóc cười sằng sặc khiến tôi cũng không thể nào nhịn cười được, tuy vậy tôi không chắc sẽ có làm thế không, nếu không bị cậu lôi cuốn. Khi chúng tôi đã cười khản cả cổ, nghĩa là sau một lúc lâu, cậu bảo tôi rằng cô Maosơ quen biết rất rộng và tỏ ra có ích cho nhiều người theo nhiều cách khác nhau. Có người đùa bỡn cô, xem như một vật kỳ quặc, cậu nói, nhưng cô quan sát tinh ranh sắc sảo chẳng kém bất kỳ người nào mà cậu biết, và tuy tay chân ngắn như vậy nhưng đầu óc thì khôn lõi. Cậu cho tôi biết rằng cô khoe cô ở đây ở đó, ở khắp nơi là đúng vì cô hay đi đến các tỉnh, và hình như bất kỳ ở đâu cô cũng tìm ra được những khách hàng mới và biết tất cả mọi người. Tôi hỏi cậu bản tính cô như thế nào… Cô có phải là một người độc ác, hay là có những thiện ý; nhưng tôi không làm sao cho cậu chú ý đến điểm này và sau khi hỏi hai ba lần, tôi không hỏi nữa hay quên không nhắc lại. Trái lại, cậu nói rất nhanh và rất nhiều về tài của cô Maosơ, về những cách kiếm ăn của cô, về chỗ cô đặt bầu giác rất khoa học, nếu như khi nào tôi có dịp cần đến cái tài này của cô.

Cô là đầu đề chính trong câu chuyện giữa chúng tôi suốt buổi tối hôm ấy và khi chúng tôi chia tay nhau để về ngủ thì Xtiếcphoóc đứng ở chỗ tay vịn cầu thang mà nói: "Bông hoa" trong khi tôi đi xuống cầu thang.

Tôi rất ngạc nhiên, khi đến nhà ông Bácкít, thấy Ham đang đi đi lại lại trước nhà và lại càng ngạc nhiên hơn khi nghe anh nói rằng bé Emili cũng ở trong nhà.

Cố nhiên tôi hỏi tại sao anh không ở trong nhà luôn mà lại bách bộ ngoài đường một mình như thế. Anh đáp, giọng lưỡng lự:

"Vì cậu thấy đấy, cậu Đêvi ạ, Emili đang nói chuyện với một người nào trong nhà."

"Tôi nghĩ rằng điều đó càng bắt anh phải ở đấy chứ, phải không anh Ham?" Tôi mỉm cười hỏi.

"Cậu Đêvi ạ, đúng đấy, theo lệ thường thì phải thế", anh đáp, "nhưng mà cậu Đêvi ạ, cậu nghe một chút", anh hạ thấp giọng, nói rất nghiêm trang "cậu ạ… đó là một người đàn bà trẻ tuổi, một người đàn bà trước đây Emili đã biết một lần và lẽ ra không nên biết nữa".

Khi nghe những lời ấy, cái bóng dáng mà tôi đã thấy đi theo hai người mấy tiếng đồng hồ trước đây, bắt đầu được soi sáng dưới một ánh sáng mới. Ham nói:

"Đó là một con giun tội nghiệp đã bị tất cả thành phố giẫm lên, từ đầu phố cho đến cuối phố… Đất ở ngoài nghĩa địa không chứa một sinh vật nào mà người ta trốn tránh ghê tởm hơn nó".

"Có phải tôi đã thấy cô ta tối nay trên bãi cát sau khi gặp hai anh chị không?"

"Và cứ đi theo chúng tôi có phải không?" Ham nói, "Có thể thế lắm, cậu Đêvi ạ. Không phải tôi thấy nó khi nó ở đấy đâu cậu ạ, nhưng vì sau đó nó lại lén lút ở dưới cửa sổ nhỏ của Emili khi nó thấy có ánh sáng và đã nói thầm: "Chị Emili, chị Emili, vì tình yêu của Chúa, xin chị nhìn tôi với trái tim của một người đàn bà. Ngày xưa tôi cũng như chị". Đó là những lời nghe ra vẻ trang trọng lắm có phải không cậu Đêvi?"

"Cố nhiên là thế, anh Ham ạ. Thế Emili đã làm gì?"

"Emili hỏi: "Macta, có phải chị đấy không? Ồ, lẽ nào lại là chị?…" Ham nói tiếp "bởi vì họ đã làm việc bên cạnh nhau đã lâu ở nhà ông Âumơ, cậu Đêvi ạ".

"Tôi nhớ ra cô ta rồi". Tôi nói, hồi tưởng lại một trong hai người con gái mà tôi đã thấy lần đầu tiên khi tôi đến đấy. Tôi không nhớ rõ cô ta cho lắm.

"Macta Enđen", Ham nói. "Cô ta hơn Emili hai hay ba tuổi, và trước đây cùng học một trường".

“Tôi chưa bao giờ nghe nói đến tên cô”, tôi nói. “Tôi không có ý muốn ngắt lời anh”.

“Về vấn đề này, cậu Đêvi ạ”, Ham trả lời, “hầu hết tất cả đều đã nói trong những chữ này: “chị Emili, chị Emili, vì tình yêu của Chúa, chị hãy nhìn tôi với trái tim một người đàn bà. Trước đây tôi cũng như chị”. Nó muốn nói với Emili. Emili không thể nào nói với nó ở đấy vì ông cậu quí hóa của cô đã về nhà, chú không muốn, không, chú không muốn”, Ham nói, say sưa, “tuy chú là con người bản tính nhân từ, dịu dàng, chú không thể nào để cho hai người ngồi cạnh nhau, dù cho người ta có cho chú tất cả mọi kho tàng cất giấu dưới đáy biển”.

Tôi thấy nhận xét ấy đúng vô cùng. Tôi hiểu ngay điều đó cũng như Ham.

“Thế rồi Emili viết mấy chữ bằng bút chì trên một mảnh giấy, đưa qua cửa sổ cho nó, bảo nó đem đến đây” Ham nói tiếp: “Emili nói: Chị hãy đưa cái này cho mợ tôi là bà Bácкít, mợ tôi vì tôi sẽ để cho chị ngồi bên bếp lửa cho đến khi chú tôi ra đi và tôi có thể tới đó”. Một lát sau, Emili bảo cho tôi biết điều tôi vừa nói với cậu, cậu Đêvi ạ, và yêu cầu tôi đưa cô ấy đến đây.

Tôi biết làm gì bây giờ? Lẽ ra Emili không nên quen biết những hạng người như thế, nhưng tôi không thể từ chối khi mắt cô ràn rụa nước mắt.”

Anh thọc tay vào túi trong cái áo chẽn đã sờn và rất cẩn thận rút ra một cái ví tiền nhỏ xíu.

“Và dù tôi có thể từ chối cô khi nước mắt cô ràn rụa, cậu Đêvi ạ,” Ham vừa nói, vừa dịu dàng đặt ví tiền trên mu bàn tay sần sùi, “tôi làm sao từ chối được khi cô đưa cho tôi cái này để mang cho nó, và biết rằng cô mang ví tiền đi để làm gì? Một đồ chơi xinh như thế này!” Ham nói, nhìn cái ví có vẻ tư lự. “Cô có ít tiền thế này, Emili yêu quí của tôi”.

Tôi nắm chặt tay anh khi anh đã cất cái ví đi (bởi vì trong lúc này đối với tôi, một cái bắt tay sẽ nói nhiều hơn tất cả những điều tôi có thể nói) và chúng tôi đi bách bộ trong một hay hai phút, không nói nửa lời. Bỗng cánh cửa mở ra, và chị Pécgôti xuất hiện, ra hiệu cho Ham bước vào. Tôi muốn tránh, nhưng chị theo tôi, khẩn khoản yêu cầu tôi cũng bước vào. Mặc dầu thế, đáng lý tôi đã tránh không bước vào căn phòng ở đấy có tất cả mọi người, nhưng họ lại ở đúng trong cái bếp lát gạch ô vuông xinh xắn mà tôi đã nhiều lần nhắc đến - Cánh cửa đưa thẳng vào gian phòng này nên tôi thấy mình đã đứng giữa mọi người, trước khi nghĩ đến việc mình nên đi đâu.

Người con gái (đúng là người mà tôi đã gặp trên bờ biển) đang ngồi bên cạnh bếp lửa. Chị đang ngồi dưới đất, đầu và một cánh tay đặt trên chiếc ghế. Nhìn tư thế của chị, tôi đoán rằng Emili vừa mới rời khỏi chiếc ghế và cái đầu tội nghiệp của Macta có lẽ vừa gối lên đầu gối của Emili. Tôi không trông rõ mặt chị bởi vì tóc chị xõa ra che kín cả mặt, hình như chị đã lấy tay mình làm cho đầu tóc rối tung. Chị Pécgôti vừa khóc. Bé Emili cũng thế. Khi chúng tôi bước vào, chẳng ai nói một lời, và trong cảnh im lặng, cái đồng hồ Hà-lan ở bên cạnh tủ đựng thức ăn dường như kêu to hơn ngày thường gấp hai lần. Emili nói trước tiên:

“Macta muốn đi Luân-đôn”, nàng nói với Ham.

“Tại sao lại đi Luân-đôn?” Ham hỏi.

Ham đứng giữa hai người, đưa mắt nhìn người con gái nằm rạp dưới đất với vẻ vừa thương hại vừa ghen tức vì người kia là chỗ quen biết với con người mà anh yêu tha thiết, và bao giờ tôi cũng nhớ một cách rõ rệt cái nhìn ấy. Hai người nói hình như người kia là một người ốm, giọng họ dịu dàng và cố nén lại, nhưng nghe rõ ràng, mặc dầu chỉ to hơn tiếng thì thầm một chút.

“Ở Luân-đôn còn hơn ở đây”, tiếng thứ ba nói to… đó là tiếng Macta, mặc dầu chị không cử động, “ở đấy không ai biết tôi cả. Ở đây ai cũng biết tôi hết”.

"Cô ta sẽ làm gì ở đấy?" Ham hỏi.

Người con gái ấy ngẩng đầu lên và quay về phía Ham với cái nhìn ủ dột, rồi lại cúi gục xuống, lấy bàn tay phải ôm cổ như một người lên cơn sốt rét, hay một người bị đạn bắn, đau khủng khiếp, đang quằn quại. Bé Emili nói:

"Chị ấy sẽ cố gắng sống lương thiện. Anh không biết chị ấy đã nói gì với chúng tôi. Anh ấy không biết, các anh ấy không biết, có phải không cô?"

Chị Pécgôti lắc đầu ái ngại. Macta nói: "Tôi sẽ cố gắng nếu như các người giúp cho tôi đi. Tôi sẽ không bao giờ có thể làm điều gì tệ hơn điều tôi đã làm ở đây. Tôi có thể làm khá hơn. Ồ…" chị nói, rùng mình khiếp sợ "hãy đưa tôi ra khỏi những đường phố này, ở đây tất cả thành phố đều biết tôi từ khi tôi còn bé."

Khi Emili giơ tay ra cho Ham, tôi thấy anh đặt vào bàn tay Emili một túi nhỏ bằng vải. Nàng cầm lấy và cứ yên chí rằng đó là ví tiền của mình, rồi bước đi một hai bước về phía trước, nhưng nhận thấy mình lầm, nàng lại bước về phía anh lúc đó đang đứng cạnh tôi và đưa cái túi lại cho anh.

"Tất cả cái đó là của em, Emili ạ", tôi nghe anh nói," Trên đời này, anh không có cái gì không phải là của em, em yêu quí. Không có cái gì làm cho anh thích thú hết, chỉ trừ có em."

Mắt Emili lại rưng rưng, nhưng nàng quay mặt đi và đến cạnh Macta. Emili cho chị bao nhiêu tiền tôi không biết. Tôi chỉ thấy nàng cúi mình trên người Macta và đặt tiền vào lòng. Nàng thì thầm một câu gì đó, hình như hỏi như thế đã đủ chưa. "Thế là đủ quá rồi", người kia nói và nắm lấy tay Emili mà hôn.

Sau đó Macta đứng dậy, quấn khăn lên cổ, lấy khăn che mặt, bước chậm rãi về phía cửa và khóc to lên. Chị dừng lại một lát trước khi bước ra, như muốn nói một điều gì, hay muốn quay lại, nhưng vẫn không thốt ra được một lời nào. Thế rồi chị bước đi, trong khi những tiếng rền rĩ rất nhỏ, dễ sợ và thảm hại vẫn thốt ra bên trong cái khăn quàng.

Khi cánh cửa đóng lại, bé Emili nhìn tất cả ba người chúng tôi có vẻ vội vàng, rồi lấy tay che mặt khóc rưng rức.

"Emili!" Ham nói, vỗ nhẹ lên vai, âu yếm. "Em đừng khóc chứ! Em đừng nên khóc như thế, em yêu quí".

"Ồ, anh Ham ạ" Nàng kêu lên, vẫn khóc một cách tội nghiệp, "em không phải là con người tốt như em muốn! Em biết đôi khi tim em không biết ơn mà lẽ ra thì nó phải biết ơn!"

"Có chứ, có chứ, nhất định em như thế. Anh biết mà!" Ham nói.

"Không phải đâu!" Bé Emili kêu lên, khóc rưng rức và lắc đầu quầy quậy "Em không phải là người tốt như em muốn, còn xa lắm!"

Rồi nàng cứ khóc mãi dường như tim nàng muốn tan vỡ.

"Em đã bắt tình yêu của anh phải chịu đựng quá nhiều thử thách. Em biết thế lắm!" Nàng khóc rưng rức. "Nhiều khi em giận dỗi anh, tính tình đồng bóng đối với anh, mà lẽ ra thì em phải khác hẳn. Không bao giờ anh đối với em như thế. Tại sao bao giờ em cũng đối với anh như thế, trong khi đáng lẽ ra em không nên nghĩ đến điều gì hết, ngoài việc phải tỏ ra biết ơn anh, và làm cho anh sung sướng".

"Em bao giờ cũng làm cho anh sung sướng", Ham nói, "em yêu quí! Nhìn thấy em là anh sung sướng rồi. Suốt ngày anh sung sướng khi nghĩ đến em."

"Ồ! Thế thì không đủ đâu!" Nàng kêu lên. "Đó là vì anh tốt, chứ không phải vì em tốt! ồ… anh yêu quí, số anh sẽ tốt hơn nếu anh yêu một người khác, một người chung thủy hơn và xứng đáng hơn em, bao giờ cũng gắn bó với anh, không lố lăng và hay thay đổi như em!"

"Tội nghiệp cho cô em bé bỏng của tôi!"

Ham nói, hạ thấp giọng. "Macta đã làm cho cô ta hoàn toàn sửng sốt".

"Cô ơi, lại đây", Emili khóc rưng rức, "cô lại đây cho cháu gục đầu vào cô. Ồ! Đêm nay cháu thực khốn khổ, cô ạ. Tôi không phải là một người đàn bà tốt nhưng lẽ ra tôi phải thế. Tôi không tốt, tôi biết lắm!"

Chị Pécgôti vội vàng bước đến cái ghế đặt trước ngọn lửa. Emili lấy tay quàng cổ chị, quỳ bên cạnh chị, ngước mắt nhìn vào mặt chị một cách say sưa.

"Mợ ơi! Cháu van mợ, mợ giúp cháu với! Anh Ham yêu quí ơi, anh giúp em với! Anh Đêvit ơi, vì những kỷ niệm ngày xưa, anh hãy giúp em với! Em muốn làm một người đàn bà tốt hơn em bây giờ. Em muốn cảm thấy mình biết ơn một nghìn lần hơn bây giờ. Em muốn cảm thấy hơn nữa hạnh phúc được làm vợ một người chồng tốt và sống một cuộc đời phẳng lặng. Ôi! Trời ơi! ôi, anh yêu quí ơi, anh yêu quí ơi!"

Nàng gục mặt vào ngực chị bảo mẫu già của tôi và thôi không rền rĩ van lơn nữa. Vẻ đau đớn và buồn khổ của nàng, nửa là của người đàn bà, nửa là của đứa trẻ, cũng như tất cả cử chỉ của nàng (và theo ý tôi, thái độ này có vẻ tự nhiên và thích hợp với sắc đẹp của nàng hơn bất kỳ thái độ nào khác) và nàng bắt đầu khóc tỉ tê trong khi chị bảo mẫu già của tôi dỗ nàng như dỗ một đứa trẻ.

Dần dần nàng trở nên bình tĩnh hơn, và chúng tôi an ủi nàng, khi thì khuyến khích, khi thì pha chút bông đùa, cho đến khi nàng ngẩng đầu lên và nói chuyện với chúng tôi. Chúng tôi cứ làm như thế cho đến khi nàng có thể mỉm cười, rồi phá lên cười và cuối cùng ngồi thẳng lên, tỏ ra hơi xấu hổ, trong khi chị Pécgôti sửa lại những mớ tóc quăn của nàng đã rối tung, lau nước mắt cho nàng làm nàng lại tươi tắn như cũ, để cho khi trở về, chú nàng khỏi ngạc nhiên tại sao cô cháu yêu lại khóc.

Tối hôm ấy, tôi thấy nàng làm một điều mà trước đây nàng chưa bao giờ làm. nàng hôn một cách ngây thơ lên má người chồng tương lai và nép người vào cái thân hình thô kệch của anh, dường như đó là chỗ dựa tốt nhất của nàng. Khi cả hai đã ra về trong ánh trăng đang mờ nhạt dần và tôi đưa mắt nhìn theo, trong óc so sánh việc họ ra đi với việc Macta ra đi, tôi thấy nàng lấy hai tay giữ chặt cánh tay của Ham và đứng sát vào người anh.

---

[1] Hai câu nói của Macbet với vợ (Macbet III, 4) sau khi con ma xuất hiện rồi sau đó biến mất.

[2] Icxiôn: Vua xứ Lapit được Dơt cho lên núi Ôlempơ, nhưng vì hỗn xược với Junô nên bị đày xuống địa ngục và bị buộc vào bánh xe quay tít.

[3] Chơi chữ: pay through the nose, nghĩa là "trả không tính toán".

[4] Chơi chữ *Emili enticing* (hấp dẫn) *engage* (hứa hôn) *eloment* (bỏ trốn) *east* (phương đông).

[5] Chơi chữ: trong nguyên bản là "Bob swore" (Bôp đã thề) để nhại chữ "Bonsoir" (bông-xoa) (chào) của Pháp.

Chương XXIII
NHỮNG LỜI NÓI CỦA ÔNG ĐÍCH ĐƯỢC XÁC NHẬN VÀ TÔI CHỌN MỘT NGHỀ

Sáng hôm sau, khi thức dậy, tôi nghĩ rất nhiều đến bé Emili và đến niềm xúc cảm nàng đã biểu lộ tối qua sau khi Macta ra đi. Tôi cảm thấy dường như tôi đã biết được những điều buồn bã và thân mật trong gia đình này là do một tấm lòng tin cậy thiêng liêng, mà nếu nói ra thì sẽ không đúng, dù là nói với Xtiếcphoóc. Tôi không bao giờ có những tình cảm dịu dàng hơn đối với bất kỳ ai cho bằng đối với cô bé xinh xắn trước đây là người bạn chơi đùa với tôi thuở nhỏ, và bao giờ tôi cũng tin và sẽ tin cho đến ngày nhắm mắt rằng thuở ấy tôi tha thiết yêu nàng. Tôi cảm thấy nếu tôi nói lại với bất kỳ người nào (dù là với Xtiếcphoóc) những tìm cảm mà nàng không thể tự dẫn lại khi con tim nàng ngẫu nhiên bộc lộ cho tôi biết, thì đó sẽ là một hành động tàn nhẫn, không xứng đáng với tôi, không xứng đáng với ánh sáng của thời thơ ấu ngây thơ trong trắng mà bao giờ tôi cũng thấy tỏa sáng quanh nàng. Do đó, tôi quyết định chôn vùi những điều bộc lộ ấy trong đáy lòng và ở đấy, những điều bộc lộ này làm cho hình ảnh của nàng có thêm một vẻ duyên dáng mới.

Trong khi chúng tôi ngồi ăn sáng, người ta đưa cho tôi một bức thư của cô tôi. Vì bức thư này bàn về những vấn đề mà Xtiếcphoóc có thể khuyên bảo tôi chẳng kém bất kỳ một người nào, và tôi biết tôi sẽ rất thích thú khi hỏi ý kiến cậu, nên tôi quyết định lấy nó làm một đầu đề bàn luận trên đường về. Trong lúc này, chỉ riêng việc từ giã tất cả các bạn của chúng tôi đã làm chúng tôi bận túi bụi. Anh Bácкít còn xa lắm mới là con người cuối cùng trong số những người tiếc về việc chúng ra đi, và tôi tin rằng thậm chí anh có thể mở hòm một lần nữa, và hy sinh một đồng ghi-ni thứ hai, nếu như món tiền ấy có thể giữ chúng tôi lại bốn mươi tám tiếng đồng hồ nữa ở Yácmao. Chị Pécgôti và tất cả gia đình chị đều buồn rầu khi chúng tôi ra đi. Tất cả gia đình hiệu *Âumơ và Jôram* đều ra tiễn chúng tôi, và có biết bao nhiêu tay thủy thủ sẵn lòng phục vụ Xtiếcphoóc khi những chiếc va-li của chúng tôi được đưa lên xe ngựa, đến nỗi nếu như chúng tôi có một số hành lý bằng số hành lý của cả một trung đoàn đi nữa, thì hầu như chúng tôi cũng không cần đến người khuân vác để mang giúp. Tóm lại, chúng tôi ra đi làm mọi người luyến tiếc, thán phục, và làm nhiều người buồn. Thấy Litimơ đứng đợi chiếc xe ngựa ra đi, tôi hỏi:

"Anh có ở đây lâu không, anh Litimơ?" "Thưa ông, không ạ", anh ta đáp, "có lẽ không lâu lắm đâu ạ".

"Hiện nay anh ta còn khó có thể nói dứt khoát được", Xtiếcphoóc nhận xét bâng quơ. "Anh ta biết mình cần phải làm gì, và anh ta sẽ làm."

"Tôi cũng tin chắc như vậy", tôi nói.

Litimơ đưa tay sờ lên mũ như để cảm ơn lời khen của tôi và tôi bỗng cảm thấy mình chỉ mới lên tám. Y lại sờ tay lên mũ lần thứ hai để chúc chúng tôi lên đường may mắn, và khi chúng tôi ra đi, y đứng bên lề đường, trông cũng bí mật và trang trọng như bất kỳ cái kim tự tháp nào ở Ai-cập.

Trong mấy phút đầu, chúng tôi không nói chuyện, vì Xtiếcphoóc lần này trầm lặng khác thường, còn tôi thì đang bận bịu, trong lòng đang tự hỏi xem khi nào tôi sẽ nhìn lại những nơi quê cũ, và trong thời gian ấy, tôi cũng như cảnh vật, có thể có những đổi thay gì? Cuối cùng, Xtiếcphoóc phút chốc bỗng trở nên vui vẻ, và rôm rả, dường như trong bất kỳ lúc nào cậu cũng có thể thay đổi tính khí theo ý mình. Cậu kéo tay tôi, nói:

"Kìa Đêvit, cậu mở miệng ra chứ! Bức thư cậu vừa nhận được lúc ăn điểm tâm nói chuyện gì thế?"

"Ồ…", tôi nói, rút bức thư ra khỏi túi, "đó là bức thư của cô mình".

"Bà cụ có nói điều gì quan trọng không?"

"Cậu ạ, bà cụ nhắc mình rằng đi chuyến này để quan sát và để suy nghĩ một chút". Tôi nói.

"Cố nhiên cậu đã làm điều đó rồi chứ?"

"Thực ra mình không thể nói rằng mình đã làm điều đó. Thú thực với cậu, mình sợ mình đã quên điều đó".

"Thế à? Vậy thì bây giờ cậu hãy quan sát chung quanh để chuộc lại cái tội lơ đãng ấy đi", Xtiếcphoóc nói. "Cậu hãy nhìn sang bên phải và cậu sẽ thấy một cánh đồng bằng phẳng với vô số đầm lầy; cậu hãy nhìn sang bên trái, và cậu cũng sẽ thấy như vậy. Nhìn phía trước, cậu sẽ thấy không có gì khác và nhìn phía sau thì cũng cái cảnh tượng ấy!"

Tôi phì cười và đáp lại rằng nhìn tất cả quang cảnh chung quanh, tôi chẳng thấy có nghề ngỗng nào thích hợp, cái này có lẽ do chỗ nó bằng phẳng quá.

"Bà cụ nói gì về vấn đề này?" Xtiếcphoóc hỏi. "Bà cụ có gợi ý gì không?"

"Có. Trong thư, bà cụ hỏi mình xem mình có muốn làm biện lý - luật sư không. Theo cậu, việc ấy thế nào?"

"Thế này nhé, mình không biết", Xtiếcphoóc đáp, giọng điềm nhiên. "Cậu có thể làm nghề ấy cũng như bất cứ nghề nào khác, mình nghĩ vậy".

Tôi lại không thể nào không phì cười lần thứ hai khi thấy cậu ta xem mọi nghề nghiệp và mọi công việc đều như nhau, và tôi bảo cậu ta như vậy.

"Biện lý - luật sư là cái gì thế, Xtiếcphoóc?", tôi hỏi.

"Mẹ kiếp, đó là một thứ luật sư của nhà thờ trong một số tòa án đã lạc hậu, ở Pháp-viện (một xó xỉnh cũ kỹ và lười biếng gần nghĩa địa Xanh Pôn) cũng đóng vai trò hệt như các luật sư ở các tòa án khác. Đó là một anh công chức mà sự tồn tại, nếu theo sự diễn biến tự nhiên của sự vật thì phải được chấm dứt cách đây độ hai trăm năm. Muốn cho cậu biết đó là cái gì thì phải nói Pháp-viện là cái gì đã. Đó là một ngôi nhà nhỏ bé, khó vào, ở đấy người ta bàn về cái gọi là luật giáo hội, và ở đấy người ta chơi mọi thứ trò với những con quỷ già cũ rích là những chứng thư cũ của quốc hội, mà ba phần tư thế giới không biết gì hết, còn phần tư kia tưởng rằng chúng được đào lên từ thời các vua Et-uốc dưới hình thức hóa thạch. Đó là một cái nhà từ rất lâu đã chiếm độc quyền về những vụ kiện liên quan đến việc di chúc, hôn thú và những cuộc cãi cọ giữa những tàu lớn và tàu nhỏ."

"Cậu đùa đấy chứ, Xtiếcphoóc?" Tôi thốt lên. "Cậu không có ý muốn nói rằng có sự liên quan gì giữa những vấn đề hàng hải với những việc của giáo hội đấy chứ?"

"Cố nhiên là không, chú bé ạ", Xtiếcphoóc đáp. "Nhưng mình muốn nói rằng những việc này đều được quản lý và giải quyết bởi một bọn như nhau cũng ở trong cái Pháp-viện ấy. Một hôm nào đó, cậu có thể đến đấy và sẽ thấy họ nói gần hết một nửa tất cả các thuật ngữ hàng hải trong cuốn tự điển của Yung, bởi vì chiếc tàu *Năngxi* đã làm chiếc *Xara - Jâynơ* đắm, hay bởi vì ông Pécgôti và các thủy thủ ở Yácmao, trong cơn bão táp đã mang neo và dây cáp đến cứu chiếc tàu *Nenxơn* chở hàng sang Ấn-độ đang bị nguy khốn, và một ngày khác, cậu sẽ lại thấy họ bù đầu bù tai trong những chứng từ của bên nguyên và bên bị về một giáo sĩ đã hành động sai, và cậu sẽ thấy ông quan tòa trong vụ hàng hải lại thành trạng sư trong vụ của nhà tu hành, hay ngược lại. Họ như những người diễn kịch: khi thì người này là quan tòa, khi thì lại là người khác, khi thì là một người thứ ba, và cứ lần lượt như thế. Nhưng

bao giờ đó cũng là một việc kinh doanh hết sức thú vị và kiếm được nhiều tiền, và là một cách diễn kịch của những người nghiệp dư, trước một đám khán giả hết sức chọn lọc".

"Thế thì trạng sư và biện lý - luật sư không phải là một người hay sao?" Tôi hỏi, hơi lúng túng. "Có phải thế không?"

"Không!" Xtiếcphoóc nói, "Trạng sư là những người thường đã thi đỗ tiến sĩ ở trường đại học… và đó là lý do chính khiến mình biết được đôi chút về việc đó. Còn các biện lý thì dùng các trạng sư. Cả hai đều được những món tiền rất hời và cả bọn làm thành một tổ chức nhỏ khá ấm cúng. Nói chung mình khuyên cậu nên nhìn Pháp-viện một cách có thiện cảm, Đêvit a. Ở đấy, các bố rất tự hào về tính chất cao quí của nghề họ, mình có thể cam đoan với cậu như thế, nếu như cậu thích điều đó".

Tôi chấp nhận lối nhìn vấn đề một cách phớt đời của Xtiếcphoóc; và trong khi nghĩ đến cái không khí trang trọng và cổ kính làm tôi liên tưởng đến cái "góc lười biếng cũ kỹ cạnh nghĩa địa Xanh Pôn", tôi cảm thấy thinh thích đề nghị của cô tôi, cô tôi cho tôi tự do quyết định và không giấu diếm tôi, rằng cô tôi mới nảy ra ý kiến ấy khi đến thăm ông biện lý của mình ở Pháp-viện, với ý định làm bản di chúc để lại gia sản cho tôi.

"Muốn nói thế nào thì nói, đó là một hành động đáng khen của bà cụ", Xtiếcphoóc nói khi tôi nhắc đến điều ấy, "và một hành động rất đáng khuyến khích, Tường-vi ạ, mình khuyên cậu nên nhìn Pháp-viện với con mắt thiện cảm".

Tôi cũng quyết định sẽ làm như vậy. Tôi bèn bảo Xtiếcphoóc rằng cô tôi đang đợi tôi ở Luân-đôn (tôi biết điều này qua bức thư của cô tôi) và cô tôi đã thuê một chỗ ở trong một khách sạn trong vòng một tuần lễ, đấy là một khách sạn tư nhân ở đường Lincôn in Phin, ở đấy có một cái cầu thang bằng đá, một cái cửa rất tiện ở mái… bởi vì cô tôi yên trí rằng ngôi nhà nào ở Luân-đôn cũng có thể bị cháy vào bất kỳ đêm nào.

Cuộc du lịch của chúng tôi kết thúc thú vị, đôi khi chúng tôi nhắc đến Pháp-viện và hình dung trước một ngày xa xôi kia khi tôi sẽ là một biện lý, còn Xtiếcphoóc thì miêu tả ngày ấy với cái vẻ ngộ nghĩnh và hóm hỉnh, làm cho cả hai chúng tôi đều vui vẻ. Khi chúng tôi kết thúc cuộc du lịch, Xtiếcphoóc về nhà, hẹn hai hôm sau sẽ đến thăm tôi, còn tôi thì đi xe ngựa đến đường Lincôn in Phin, ở đấy tôi gặp cô tôi đang ngồi đợi tôi về ăn tối.

Nếu như tôi có đi vòng quanh quả đất từ khi chia tay đến nay, thì chúng tôi cũng không thể sung sướng hơn khi lại được gặp nhau. Cô tôi khóc òa lên, ôm hôn tôi vừa cố gượng cười, vừa nói rằng nếu bà mẹ tội nghiệp của tôi còn sống, thì con bé ngốc nghếch ấy chắc chắn cũng sẽ chảy nước mắt. Tôi nói:

"Thế ông Đích ở nhà ta? Tiếc thật! À, chị Jannet cúi chào, tỏ ý chúc tôi cũng mạnh khỏe, tôi nhận thấy gương mặt của cô tôi sa sầm lại. Cô tôi nói, lấy tay xoa mũi:

"Cô rất tiếc điều đó. Từ khi cô ở đây, cô cũng không thấy yên tâm gì cả, Trôt ạ!"

Tôi chưa kịp hỏi nguyên do thì cô tôi đã nói:

"Cô tin chắc", cô tôi đặt tay lên bàn với một dáng điệu buồn bã, nhưng rất kiên quyết. "Ông Đích không phải là hạng người có thể bắt bọn lừa phải tránh xa khỏi nhà. Cô tin chắc ông ta thiếu nghị lực. Lẽ ra cô phải để Jannet ở nhà chứ không phải ông ta, vì như thế có lẽ cô sẽ yên tâm hơn. Nếu như ngày xưa có một con lừa giẫm lên bờ cỏ của cô", cô tôi nhấn mạnh, "thì việc này đã xảy ra vào lúc bốn giờ chiều hôm nay. Toàn thân cô lạnh toát, và cô biết đó là một con lừa".

Tôi tìm cách an ủi cô tôi về điều này, nhưng cô tôi gạt phăng đi. Cô tôi nói:

“Đó là một con lừa, và chính lại là con lừa có cái đuôi cụt lủn mà con mụ “giết người” kia cưỡi khi mụ đến nhà cô. Nếu như ở Đôvơ có một con lừa táo tợn, làm cho cô khó chịu hơn cả”, cô tôi nói, đập tay lên bàn, “thì chính là con lừa ấy!”.

Jannet đánh bạo gợi ý cho cô tôi rằng cô tôi lo lắng như vậy là không cần thiết, vì theo chị ta biết thì con lừa đó lúc này đang không có dịp vi phạm bờ cỏ, nhưng cô tôi vẫn không chịu nghe gì hết. Bữa ăn tối rất chu đáo, lại nóng sốt, mặc dầu căn phòng ấy để đỡ tốn tiền hơn hay để ở gần cái cửa trên mái hơn.) Bữa ăn gồm một con gà con quay bít-tếch và một ít rau. Tôi ăn tất cả các đĩa và đĩa nào cũng ngon tuyệt. Nhưng cô tôi lại có ý nghĩ riêng của mình về vấn đề thực phẩm ở Luân-đôn và chỉ ăn rất ít. Cô tôi nói:

“Cô cho rằng con gà con bất hạnh này sinh ra và được nuôi trong hầm rượu, chưa bao giờ ra ngoài trời, trừ phi lúc đứng đợi xe ngựa chở nó đi. Cô hy vọng rằng món bít-tếch cũng là thịt bò đấy, nhưng cô không tin. Theo ý cô, ở đây không có cái gì là thực cả, trừ bụi bặm”.

“Thế cô không cho rằng con gà này ở nhà quê lên hay sao?” Tôi gợi ý.

“Cố nhiên là không”, cô tôi đáp, “bọn con buôn ở Luân-đôn sẽ không cảm thấy thú vị gì nếu bán một cái gì đúng là cái họ bảo!”

Tôi không dám bác lại ý kiến ấy, nhưng tôi ăn một bữa ngon lành, và cô tôi cũng thỏa mãn khi thấy tôi ăn như vậy. Sau khi bàn ăn đã dọn dẹp xong, chị Jannet giúp cô sửa lại mái tóc, đội cái mũ chụp, mũ này kiểu đẹp hơn ngày thường (“trong trường hợp hỏa hoạn” như cô tôi thường nói) và kéo cái áo lên, gấp trên đầu gối… vì đó là những điều cô tôi vẫn làm để sưởi cho ấm trước khi đi ngủ. Tôi bèn rót - theo những qui tắc nhất định, không được vi phạm, dù chỉ vi phạm một ly - một cốc rượu trắng, nóng, hòa với ít nước và cắt dọc một khoanh thịt rán thành từng sợi nhỏ. Với những thứ này, chúng tôi ngồi cạnh nhau để tiêu khiển hết buổi chiều, và cô tôi ngồi trước mặt tôi, uống rượu nóng pha nước, lần lượt nhúng từng lát bánh nướng vào cốc rượu trước khi ăn và nhìn tôi âu yếm qua những nếp nhăn tổ ong của chiếc mũ chụp. Cô tôi bắt đầu:

“Thế nào, Trốt? Cháu nghĩ thế nào về việc làm luật sư đấy? Hay là cháu vẫn chưa bắt đầu nghĩ đến điều đó?”

“Cháu đã nghĩ nhiều đến điều đó rồi, cô ạ”, tôi nói, “và cháu đã nói chuyện nhiều về việc đó với Xtiếcphoóc. Cháu rất thích việc đó, cháu thích lắm.”

“Được”, cô tôi nói, “thế thì hay quá.”

“Cháu chỉ thấy có một điều bất tiện thôi, cô ạ.”

“Cháu cứ nói đi, có điều gì thế?” Cô tôi hỏi.

“Cháu muốn hỏi cô điều này, theo như cháu biết, nghề này chọn rất ít người, cháu không biết bước vào nghề này có mất nhiều tiền lắm không?”

“Sẽ tốn đúng một nghìn bảng”, cô tôi đáp, “để trả tiền giao kèo học nghề của cháu.”

“Cô ạ”, tôi nói, kéo cái ghế lại gần, “nếu thế thì cháu rất băn khoăn. Cô đã tiêu rất nhiều tiền để nuôi cháu ăn học, và đối với nhau, trong tất cả mọi mặt, bao giờ cô cũng đều hết sức rộng rãi. Cô là hiện thân của lòng độ lượng. Chắc chắn thế nào cũng có những nghề, trong đó cháu có thể bắt đầu cuộc đời của mình, hầu như không phải tốn kém gì, mà vẫn có hy vọng chắc chắn là sẽ tiến, nhờ quyết tâm và cố gắng. Cô có thấy đi theo cách kia là tốt hơn không? Cô có tin chắc rằng cô có thể trả một số tiền lớn như vậy và tiêu như thế là đúng không? Cháu chỉ xin cô nghĩ đến điều đó, cô là người mẹ thứ hai

của cháu. Cô có chắc như thế không?"

Cô tôi ăn nốt miếng bánh, nhìn chăm chú vào mặt tôi, đoạn đặt cái kính lên giá lò sưởi, khoanh tay đặt trên chiếc váy gấp lại và nói:

"Trốt, cháu ạ, nếu cô có một mục đích nào trên đời, thì đó là lo làm sao cho cháu trở nên một người tốt, hiểu biết lẽ phải và được sung sướng. Cô đã quyết tâm làm thế và ông Đích cũng vậy. Cô thích nói với những người quen biết về những điều ông Đích đã nói về việc này. Trí khôn của ông thực đáng phục. Nhưng ngoài cô ra, không ai biết khả năng trí tuệ của con người này cả".

Cô tôi dừng lại một lát, xiết chặt tay tôi và nói:

"Bây giờ mà nhắc lại chuyện cũ, Trốt ạ, thì cũng vô ích, trừ phi là nó có một ảnh hưởng đối với hiện tại. Có lẽ cô có thể thân mật hơn với cha cháu, có lẽ cô có thể thân mật hơn với mẹ cháu, con bé tội nghiệp, ngay cả sau khi chị cháu là Bétxi Trốtút đã làm cô thất vọng. Khi cháu đến tìm cô, như một thằng bé ma-cà-bông, mình mẩy đầu bụi bặm và mệt lử vì đi đường, có lẽ cô cũng đã nghĩ như vậy. Nhưng từ đó đến nay, Trốt ạ, cháu vẫn làm vinh dự cho cô, thành niềm kiêu hãnh và niềm vui của cô. Ngoài cháu ra, không ai có quyền gì về gia tài của cô; ít nhất…", đến đây tôi rất ngạc nhiên thấy cô tôi ngần ngại và lúng túng,"… không, không có ai ngoài cháu, có quyền gì về tài sản của cô, cháu là đứa con nuôi của cô. Cháu chỉ cần làm một đứa con thân ái đối với cô, khi cô già, chịu đựng cái tính khí đồng bóng và những sở thích của cô. Chỉ cần thế là cháu đã tốt đối với bà già, mà trong tuổi thanh xuân không được sung sướng, cũng không được thanh thản như đáng lý bà ấy phải được, và bà ấy đã chịu ơn cháu nhiều hơn là cháu đã chịu ơn bà ta".

Đó là lần đầu tiên tôi nghe cô tôi nhắc đến thời quá khứ của mình. Trong cách nói lặng lẽ, và sau đó trong cách xua đuổi những kỷ niệm quá khứ, có cái gì cao thượng làm cho tôi càng thêm kính trọng và yêu quí cô tôi nếu như có cái gì có thể làm thế. Cô tôi nói:

"Giữa cô cháu ta, chúng ta đã đồng ý về tất cả mọi điểm, và đã hoàn toàn hiểu nhau, Trốt ạ, và chúng ta không cần bàn đến điều đó nữa. Cháu hãy hôn cô đi rồi chúng ta sẽ đến Pháp-viện ngày mai, sau bữa ăn điểm tâm".

Chúng tôi còn ngồi nói chuyện một hồi lâu bên ngọn lửa trước khi đi ngủ. Tôi nằm ngủ trong cái phòng cũng cùng một tầng với cô tôi, và suốt đêm ấy, cô tôi cứ thức dậy luôn và đến gõ cửa phòng tôi, mỗi khi có tiếng xe ngựa cho thuê hay xe những người bán rau ở đằng xa, làm cho cô tôi lo lắng và hỏi: "Tôi có nghe tiếng những người cứu hỏa không?" Nhưng về sáng thì cô tôi ngủ ngon hơn, và nhờ vậy, tôi cũng được ngủ yên.

Vào khoảng giữa trưa, chúng tôi đến phòng giấy của các ông Xpenlô và Joockin - luật sư ở Pháp-viện. Cô tôi vốn sẵn có một quan niệm khái quát về Luân-đôn, cho rằng tất cả những người cô tôi thấy đều là những dân móc túi, nên trao cái ví của mình cho tôi giữ, trong đó có mười ghi-ni và một vài đồng tiền bạc.

Chúng tôi dừng lại trước của hàng đồ chơi đường phố Phơlit để nhìn những người khổng lồ ở Xanh Đơnxtan đánh chuông (chúng tôi đã chọn giờ ra đi để có thể nhìn họ làm việc này vào lúc giữa trưa), rồi chúng tôi lại tiếp tục đi đến đồi Lutgây và nghĩa địa Xanh Pôn. Chúng tôi sắp đi qua đường phố để đến nơi ấy, bỗng tôi thấy cô tôi rảo bước rất nhanh và tỏ vẻ hoảng hốt. Đồng thời, tôi nhận thấy một người, vẻ mặt dễ sợ và ăn mặc lôi thôi, trước đấy một lát đã dừng lại và trố mắt nhìn chúng tôi khi chúng tôi đi qua, và lúc này đang đi gần chúng tôi đến nỗi đi sát vào người cô tôi. Cô tôi nói thầm có vẻ hoảng sợ, xiết chặt cánh tay tôi:

“Trốt ơi, Trốt, cô bây giờ không biết phải làm gì?”

“Cô đừng sợ”, tôi nói. Chẳng có gì mà phải sợ. Cô cứ bước vào một cửa hiệu và cháu sẽ cho thằng kia xéo đi ngay.”

“Không, không cháu ạ”, cô tôi đáp, “Cháu đừng nói với hắn, cô van cháu, cô ra lệnh cho cháu đấy.”

“Trời, cô ơi! Nó chỉ là một thằng ăn mày láo xược thôi.”

“Cháu không biết nó là một người như thế nào đâu! Cháu không biết nó là ai đâu! Cháu không biết cháu nói gì!”

Trong khi đó, chúng tôi đã dừng lại dưới một vòm cửa trống, và hắn cũng dừng lại.

“Đừng nhìn hắn! Cô tôi nói khi tôi quay lại nhìn hắn có vẻ bực bội! Cháu gọi cho cô một chiếc xe ngựa và đợi cô ở nghĩa địa Xanh Pôn”.

“Đợi cô à?” Tôi nhắc lại.

“Phải, cô tôi đáp. Cô phải đến đấy một mình.”

“Với hắn à, có phải thế không cô? Với thằng ấy à?”

“Cô vẫn còn đủ trí khôn”, cô tôi đáp, “và cô bảo cháu rằng nhất thiết cô phải đi. Cháu đi gọi cho cô một chiếc xe ngựa.”

Mặc dầu tôi sửng sốt đến mức nào đi nữa, tôi vẫn hiểu rằng tôi không có quyền chống lại một mệnh lệnh kiên quyết như vậy. Tôi vội vàng bước đi vài bước và gọi một chiếc xe ngựa trống không đang đi qua. Tôi vừa kịp kéo cái bực xe xuống thì không biết bằng cách nào cô tôi đã nhảy tọt vào trong, và người kia cũng vào theo. Cô tôi ra lệnh cho tôi tránh ra với một cử chỉ tha thiết đến nỗi mặc dầu đang rất lúng túng, tôi cũng quay mặt đi ngay. Trong khi ấy tôi nghe cô tôi bảo anh xà ích:

“Anh đánh xe bất kỳ đi đâu, cứ đi thẳng.”

Và chiếc xe đi qua trước mặt tôi, vượt lên ngọn đồi.

Điều ông Đích đã nói với tôi mà tôi vẫn cho là do óc tưởng tượng của ông nghĩ ra, bây giờ lại đến với tôi. Tôi tin chắc rằng con người này chính là con người mà ông Đích đã nói với tôi một cách bí mật; mặc dầu tôi hoàn toàn không thể đoán tại sao hắn lại có ảnh hưởng to lớn đối với cô tôi như vậy. Sau khi đứng đợi nửa giờ ngoài nghĩa địa, tôi thấy chiếc xe ngựa quay lại. Anh xà ích dừng lại cạnh tôi, và cô tôi đang ngồi một mình trong xe.

Cô tôi vẫn còn chưa hoàn toàn làm chủ được những cảm xúc của mình để có thể sẵn sàng đưa tôi đến thăm nơi chúng tôi định đến. Cô tôi bảo tôi lên xe và bảo anh xà ích cho xe đi đi lại một chốc. Cô tôi chỉ nói: “Con ạ, đừng bao giờ con hỏi cô về việc đã xảy ra, cũng đừng bao giờ nhắc tới chuyện đó” cho đến khi cô tôi đã hoàn toàn bình tĩnh lại, cô tôi bảo mình đã hoàn toàn tự chủ như cũ và chúng tôi có thể xuống xe. Khi cô tôi trao cho tôi cái ví để trả tiền cho anh xà ích, tôi nhận thấy tất cả những đồng ghi-ni đều đã biến mất, chỉ còn những đồng bạc lẻ.

Chúng tôi đi đến Pháp-viện, qua một vòm cổng thấp. Chúng tôi vừa dừng bước qua cái vòm cổng thì những tiếng động của thành phố như được một phép lạ làm tan chìm vào một nơi xa xôi. Chúng tôi đi qua mấy cái sân buồn tênh và một vài con đường hẹp dẫn đến phòng giấy của ông Xpenlô và ông Joockin, phòng này có những cửa trổ ở mái chiếu sáng và trong phòng áo của cái điện thờ mà những kẻ hành hương có thể bước vào không cần gõ cửa. Có ba bốn nhân viên đang hý hoáy sao chép. Một

người trong bọn, thân hình nhỏ bé và quắt lại đang ngồi một mình, mang một mớ tóc giả màu nâu và cứng đờ, dường như mớ tóc này được làm bằng bánh ngọt thơm, đứng dậy tiếp cô tôi, và đưa chúng tôi vào phòng làm việc của ông Xpenlô. Con người khô quắt này nói:

"Thưa bà, ông Xpenlô đang ở tòa án. Hôm nay có phiên họp của tòa án giáo hội, nhưng tòa án ở gần đây thôi, tôi sẽ đi gọi ông ấy về ngay".

Trong khi chúng tôi đang đứng đợi người ta đi gọi ông Xpenlô về, tôi nhân dịp ấy nhìn quanh mọi vật trong phòng. Đồ đạc ở đây theo kiểu cũ và đầy bụi bặm, tấm dạ xanh phủ mặt bàn đã phai hết màu, nhăn nhúm và xanh xao như một cụ già nghèo khổ. Trên bàn có nhiều gói giấy, có cái thì đề là *Chứng cứ có cái* (điều này làm tôi ngạc nhiên) đề *Kháng cáo*, có cái đề *Tòa án của các Giáo sĩ*, có cái đề *Tòa án Giáo hội*, có cái đề *Tòa án Đặc quyền*, có cái đề *Tòa án Hải quân*, có cái đề *Tòa án Đại biện*. Tất cả những cái này làm cho tôi ngạc nhiên không biết tất cả có bao nhiêu tòa án, và muốn hiểu tất cả những tòa án này thì phải mất bao nhiêu thời giờ. Ngoài những gói giấy này ra, lại còn có nhiều quyển sách viết tay to tướng, ghi lại những lời làm chứng - sau khi đã tuyên thệ - được đóng chắc chắn và buộc lại với nhau thành từng tập đồ sộ, cứ mỗi vụ thì có một tập, dường như mỗi vụ là một quyển sử dày từ mười đến hai mươi tập. Tất cả trò này đều có vẻ hết sức đắt tiền - tôi nghĩ như vậy - và điều đó cho tôi một khái niệm thú vị về cái nghề của một người biện lý - luật sư. Tôi liếc mắt nhìn, với cái vẻ càng ngày càng thích thú, xem những vật này và nhiều vật khác tương tự, bỗng trong cái phòng áo bên ngoài có tiếng chân bước vội vã, và ông Xpenlô, mặc chiếc áo dài đen, viền da lông trắng toát vội vã bước vào, vừa đi vừa cất mũ.

Ông là một người nhỏ nhắn, tóc hung, đi đôi ghệt đẹp không chê được, thắt cái cà-vạt trắng muốt, cứng đờ và cái cổ sơ-mi cứng nhất trên đời. Ông mặc chiếc áo cài khuy từ cổ trả xuống trông rất gọn gàng, đỏm dáng và chắc hẳn phải mất khá nhiều thời giờ để trau chuốt bộ ria vì nó được uốn rất cẩn thận. Dây đồng hồ vàng của ông to đến nỗi tôi bỗng nảy ra ý nghĩ kỳ quặc là phải có một cánh tay bằng vàng lực lưỡng như những cánh tay người ta đặt ở cửa hiệu của những người dát vàng mới có thể kéo nó ra được, ông ăn mặc cẩn thận và cứng nhắc đến nỗi ông phải khó nhọc lắm mới cúi xuống được, và một khi ngồi xuống để nhìn giấy tờ ở bên trái thì ông bắt buộc phải cử động tất cả thân hình từ phía dưới xương sống như một thằng nộm.

Tôi được cô tôi giới thiệu trước và được ông tiếp một cách lịch sự. Ông bảo tôi:

"Thế nào, anh Copơphin, anh muốn bước vào nghề của chúng tôi à? Tôi ngẫu nhiên có nói với cô Trốtút khi tôi có dịp trò chuyện với cô hôm trước", đến đây ông lại cúi cái thân hình người nộm của mình một lần nữa, "rằng ở đây có một chỗ trống. Cô Trốtút có nhã ý nói rằng cô có một cậu cháu mà cô hết sức yêu quí và muốn tìm cho cậu ấy một địa vị cao quí. Chắc hẳn bây giờ tôi được hân hạnh tiếp cậu cháu đây."

Nói đến đây, ông ta lại chào theo kiểu người nộm một lần nữa. Tôi cúi chào tỏ ý cám ơn, nói cô tôi đã bảo tôi ở đây có một chỗ trống, và tôi nghĩ rằng tôi sẽ thích cái nghề ấy, rằng tôi nhận ngay đề nghị ấy, tuy tôi chỉ có thể dám chắc rằng tôi sẽ thích làm việc này sau khi biết nó rõ hơn, nhưng tôi cũng muốn có dịp thí nghiệm xem tôi thích cái nghề này đến đâu trước khi hoàn toàn bước vào nghề.

"Ồ, cố nhiên, cố nhiên!" ông Xpenlô nói, "ở trong nhà này bao giờ chúng tôi cũng đề nghị một tháng… một tháng chuẩn bị. Riêng về phần tôi, tôi sẽ rất sung sướng được đề nghị hai tháng, ba tháng, một thời gian vô định, nhưng thực ra có một người cộng tác là ông Joockin".

"Còn số tiền vào ngành, thưa ông, là một nghìn bảng?" tôi hỏi.

"Về số tiền vào ngành, kể cả tiền đăng ký là một nghìn bảng", ông Xpenlô nói. "Như tôi đã nói với

cô Trốtút, tôi không chú ý đến chuyện tiền nong… hiếm có người ít chú ý đến vấn đề này như tôi, tôi nghĩ thế… nhưng ông Joockin có ý kiến của ông ta. Tóm lại, ông Joockin cho rằng số tiền một nghìn bảng là rất ít".

"Thưa ông", tôi nói, vì tôi còn có ý định bớt đi cho cô tôi một số tiền, "tôi không biết đây có cái lệ, nếu có một người tập sự tỏ ra hết sức có ích và thông thạo nghề nghiệp của mình (tôi không thể không đỏ mặt vì có vẻ tự khen mình), tôi không biết đây có cái lệ, trong những năm cuối cùng của thời gian học nghề, cho anh ta…":

Ông Xpenlô hết sức cố gắng ngẩng đầu lên khỏi cái cà-vạt để lắc và trả lời, không đợi tôi nói chữ "tiền lương".

"Không. Tôi có thể bảo anh rằng tôi quan niệm về vấn đề này như thế nào, anh Copơphin ạ, nếu như tôi được tự do hành động. Nhưng ông Joockin thì kiên quyết lắm".

Tôi hết sức hoảng sợ khi nghĩ đến cái ông Joockin kinh khủng kia. Nhưng sau đó, tôi phát hiện ra rằng ông là một người hiền lành, tính tình buồn bã, và vai trò trong việc kinh doanh là đứng ở hàng thứ yếu, luôn luôn được nêu lên thành một con người cứng rắn và khắc nghiệt nhất trên đời. Nếu một nhân viên muốn tăng lương, thì ông Joockin không muốn nghe nói đến cái đề nghị ấy. Nếu một khách hàng chậm trả tiền giấy tờ thì ông Joockin kiên quyết bắt họ phải trả, và mặc dầu việc này có thể (bao giờ thì cũng thế) làm cho ông Xpenlô bực mình đến đâu, ông Joockin cũng yêu cầu phải thực hiện điều đã cam kết. Ông thần từ thiện Xpenlô nhẽ ra bao giờ cũng có con tim cởi mở, nếu như ông ta không bị con ác quỉ Joockin kìm hãm. Khi nhiều tuổi hơn, tôi thấy tôi đã có kinh nghiệm về một vài nhà khác cũng kinh doanh theo cái kiểu của Xpenlô và Joockin!

Người ta quyết định rằng tôi sẽ bắt đầu thời gian tập sự một tháng khi nào tôi thích, và cô tôi không cần ở lại Luân-đôn, cũng không cần phải quay lại khi thời hạn này đã hết, vì những điều khoản của tờ giao kèo - trong đó tôi là đối tượng - sẽ được gửi về nhà một cách dễ dàng để cô tôi ký. Khi đã thảo luận đến điểm này, ông Xpenlô đề nghị đưa tôi vào tòa án ngay để chỉ cho tôi thấy nơi ấy là như thế nào. Tôi cũng rất thích thế cho nên chúng tôi đi ra để xem, để cô tôi ngồi lại, vì cô tôi bảo không thích đến một nơi như thế và theo tôi, cô tôi nhìn mọi tòa án như là một thứ kho thuốc súng, có thể nổ tung bất kỳ lúc nào.

Ông Xpenlô đưa tôi qua một cái sân lát đá, chung quanh có những ngôi nhà gạch tôn nghiêm. Thấy tên các tiến sĩ đề ngoài cửa, tôi cho đó là chỗ ở chính thức của những trạng sư thông thái, mà Xtiếcphoóc đã nói cho tôi biết. Chúng tôi bước vào một căn phòng rộng rãi, âm thầm, ở phía tay trái, và theo ý tôi, không phải không giống một cái điện thờ. Phần cuối của căn phòng này bị tách ra toàn bộ căn phòng, và ở đấy, ở hai phía của một cái bục rất cao hình móng ngựa, trên những chiếc ghế thoải mái của phòng, ngăn theo kiểu cũ, có mấy ngài mặc áo dài đỏ mang tóc giả màu xám ngồi, và tôi biết đó là những tiến sĩ đã nói ở trên. Ngồi cúi mình trên một chiếc bàn viết giống như một bục giảng, ở nơi cao nhất của vành móng ngựa là một người đã già, mắt hấp ha hấp háy, mà chắc tôi sẽ tưởng là một con cú, nếu tôi thấy ông ta ở trong một cái lồng; nhưng người ta bảo tôi đó là quan chánh án. Trong khoảng trống giữa vành móng ngựa, và ở một mức thấp hơn (nghĩa là gần ngang mặt đất), có nhiều người đồng sự với ông Xpenlô và cũng như ông ta, họ mặc áo dài đen, viền da lông trắng, ngồi sau một cái bàn dài màu lá cây. Nhìn chung, tôi có cảm tưởng họ có những chiếc cà-vạt cứng đờ, và vẻ mặt họ kiêu kỳ; nhưng về điểm này, sau một lát tôi nhận thấy tôi đã bất công đối với họ vì khi hai hay ba người trong bọn đứng lên để trả lời một câu hỏi của ông chánh án, thì tôi chưa bao giờ thấy ai rụt rè hơn. Công chúng, được đại diện bởi một thằng bé mang khăn quàng và một con người đứng đắn, nhưng ăn mặc bệ rạc, đang vụng trộm ăn những mảnh bánh mì ông ta lấy ở túi áo ra, cái công chúng ấy đang

sưởi ở gần một cái lò sưởi giữa phòng, cảnh tượng yên tĩnh, buồn bã của nơi này chỉ bị phá vỡ bởi tiếng lửa reo lách tách và giọng nói của một trong số các tiến sĩ đang chậm rãi đi qua cả một thư viện những chứng cứ, và chốc chốc lại dừng lại để nêu lên những luận cứ. Nói chung, trong đời tôi, tôi chưa bao giờ dự một cuộc hội họp gia đình ấm cúng, ngái ngủ, cũ kỹ, yên tĩnh và đờ đẫn như thế, và tôi có cảm tưởng rằng nơi đó sẽ là một thứ thuốc ngủ êm dịu nhất cho bất kỳ ai, có lẽ trừ các bị cáo.

Rất thỏa mãn về tính chất mơ màng của nơi ở ẩn ấy, nên tôi nói với ông Xpenlô rằng lần này tôi đã nhìn được khá nhiều, và chúng tôi trở về gặp cô tôi. Lát sau, tôi và cô tôi rời khỏi Pháp-viện và tôi có cảm tưởng rằng mình rất trẻ, vì khi tôi bước ra khỏi nơi làm việc của ông Xpenlô và Joockin, tôi thấy các nhân viên lấy bút hích nhau để chỉ vào tôi.

Chúng tôi đến đường Lincôn In Phi không gặp một biến cố nào khác ngoài việc gặp một con lừa bất hạnh thắng vào cái xe của một anh bán hàng xén, và con vật ấy gợi cho cô tôi những ý nghĩ khó chịu. Chúng tôi lại nói nhiều về những dự định của tôi khi chúng tôi đã về nhà một cách yên ổn. Biết rằng cô tôi nóng ruột muốn về nhà và không bao giờ cảm thấy yên tâm ở Luân-đôn, dù chỉ nửa giờ vì hết sợ hỏa hoạn, sợ thức ăn, lại sợ bị móc túi nên tôi khẩn khoản yêu cầu cô tôi đừng lo lắng gì về phần tôi, và hãy để tôi thu xếp một mình.

"Đến mai là cô ở lại đây được một tuần, và bấy lâu cô vẫn cứ nghĩ đến điều đó, cháu ạ", cô tôi nói. "Có một căn phòng nhỏ cho thuê có đủ đồ đạc ở đường Ađenphi, Trốt ạ, và phòng ấy chắc sẽ thích hợp với cháu lắm".

Sau lời giới thiệu ngắn ngủi này, cô tôi đã rút trong túi áo ra một tờ quảng cáo mà cô tôi đã cất cẩn thận trong một tờ báo. Tờ quảng cáo nói rằng ở đường Bơckinhham, khu phố Ađenphi có một căn phòng cho thuê, có đồ đạc, nhìn ra sông Temxơ, làm thành một chỗ ở xinh xắn, rất thuận tiện cho một sinh viên trẻ tuổi của trường luật và có thể ở được ngay. Tiền thuê nhà phải chăng, và có thể chỉ thuê trong một tháng cũng được.

"Ồ, cái phòng này thực là hợp với cháu, cô ạ", tôi nói, mặt đỏ bừng khi nghĩ đến cái hân hạnh được sống trong một căn phòng.

"Thế thì cháu đến đi", cô tôi đáp, cầm ngay lấy cái mũ mà cô tôi vừa đặt xuống trước đấy một phút. "Chúng ta đến xem đi".

Thế là chúng tôi đi. Tờ quảng cáo báo cho chúng tôi biết phải hỏi bà Crơp về nơi này, và chúng tôi rung cái chuông ở tầng dưới, dường như cái chuông ấy liên lạc với bà Crơp. Chúng tôi phải rung chuông hai ba lần bà ấy mới trả lời, và cuối cùng bà ta xuất hiện. Đó là một bà béo phục phịch, mặc một cái váy bằng nỉ mỏng, với một cái áo bằng lụa Thượng-Hải.

"Bà làm ơn cho chúng tôi xem cái phòng của bà", cô tôi nói.

"Có phải cho ông này không?" Bà Crơp vừa nói vừa lấy tay lần tìm chìa khóa trong túi.

"Phải đấy, cho cháu tôi", cô tôi đáp.

"Đối với một người như ông này thì thực là tuyệt!" Bà Crơp nói.

Thế là chúng tôi bước lên cầu thang.

Căn phòng ở tầng trên cùng (đó là một điểm quan trọng đối với cô tôi, vì nó gần lối thoát ra nếu xảy ra hỏa hoạn), có lối đi vào tối om, một cái nhà bếp cũng tối om mà ở đấy dường như người ta không thấy gì hết, một phòng khách và một phòng ngủ. Đồ đạc đã phai mà hết cả, nhưng cũng khá tốt đối với tôi, và cố nhiên ở bên ngoài, dưới cửa sổ, có con sông Temxơ.

Vì tôi rất thích nơi này, nên cô tôi và bà Crơp rút vào nhà bếp để thảo luận về những điều kiện, trong khi tôi ngồi trên cái xô-pha ở phòng khách, và khó lòng nghĩ rằng số mình lại có thể được sống ở một nơi sang trọng thế này. Sau một cuộc chiến đấu một chọi một khá dài, hai người quay lại; nhìn nét mặt của bà Crơp cũng như của cô tôi, tôi vui vẻ nhận thấy rằng công việc đã thu xếp xong. Cô tôi hỏi:

"Đây có phải là đồ đạc của người khách cuối cùng không?"

"Thưa bà đúng đấy ạ", bà Crơp đáp.

"Ông ta bị làm sao thế?" Cô tôi hỏi.

Bà Crơp nổi lên một cơn ho dữ dội và giữa cơn ho, bà nói có vẻ rất khó nhọc:

"Thưa bà, ông ta ốm ở đây. Ồ, ồ, trời ơi… Ông ta chết!"

"Thế nào? Ông ta chết vì bệnh gì thế?"

"Thưa bà, ông ta chết vì uống rượu, và" bà Crơp nói, giọng tâm sự "… vì cả khói nữa!"

"Khói à? Không phải vì khói lò sưởi chứ?" Cô tôi hỏi.

"Thưa bà không ạ", bà Crơp đáp lạ, "vì… khói xì-gà và thuốc lá ạ!"

"Dẫu sao cái đó cũng không truyền nhiễm", cô tôi quay lại phía tôi và nói.

"Cố nhiên là không", tôi nói.

Tóm lại, cô tôi thấy tôi thú về cái chỗ ở này lắm cho nên thuê nó một tháng và có thể tôi sẽ ở đấy một năm khi thời hạn này đã hết. Bà Crơp phải lo việc giặt giũ và nấu ăn, còn mọi thứ cần thiết đều có sẵn; và bà Crơp vồn vã nói cho tôi biết rằng bà yêu tôi như con trai. Hai ngày nữa tôi sẽ đến ở đấy và bà Crơp nói rằng nhờ ơn trời, bây giờ bà mới tìm thấy *một người* bà có thể săn sóc.

Khi chúng tôi về khách sạn, cô tôi nói cho tôi biết rằng trong thâm tâm, cô tôi tin rằng cuộc sống mà tôi sắp sống sẽ làm cho tôi vững vàng và tự tin, đó là những đức tính mà tôi còn thiếu. Cô tôi nhắc lại điều đó nhiều lần vào ngày hôm sau, trong những lúc rỗi rãi không bận thu xếp để đưa đồ đạc, quần áo và sách vở từ nhà ông Uýchơphin đến. Tôi đã viết cho Ácnét một bức thư dài về việc dọn nhà, cũng như về thời gian nghỉ của tôi gần đây, và cô sẽ mang bức thư ấy đến vì hôm sau cô tôi sẽ rời khỏi nơi này. Để khỏi nói dài dòng những chi tiết này, tôi chỉ cần nói thêm rằng cô tôi chú ý đến tất cả những điều tôi có thể cần đến trong một tháng tập sự của tôi, rằng Xtiếcphoóc không xuất hiện trước khi cô tôi ra đi, điều đó làm cho tôi thất vọng và cô tôi cũng thế; rằng tôi tiễn cô tôi lên xe ngựa ở Đôvơ, và tôi thấy cô tôi ngồi chễm chệ, sung sướng, vì với sự giúp đỡ của Jannet, cô tôi sẽ trị thẳng tay những con lừa đi lang thang.

Sau đó chiếc xe trạm đi xa, tôi đi về phía Ađenphi, trầm ngâm suy nghĩ đến những ngày xưa, lúc tôi thường lang thang dưới những vòm cầu ngầm dưới đất, và nghĩ đến những đổi thay sung sướng đã đưa tôi lên mặt đất.

Chương XXIV
HÀNH ĐỘNG BỪA BÃI ĐẦU TIÊN

Thực là tuyệt khi được làm chủ cái dinh thự to lớn kia, và sau khi đóng cửa ngoài lại, tôi cảm thấy một cảm giác chẳng khác gì Rôbinxơn Cruxâu cảm thấy khi anh ta đã vào trong thành lũy của mình và kéo thang lên. Thực là tuyệt khi được đi thơ thẩn ngoài đường với cái chìa khóa trong túi và biết rằng mình có thể mời bất kỳ ai đến nhà, và hoàn toàn tin chắc rằng điều đó sẽ không làm phiền ai hết, nếu như nó không làm phiền mình. Thật là tuyệt khi mình được tự do tha hồ đi ra đi vào, không cần phải nói với ai một lời, và có thể rung chuông để gọi bà Crơp, hổn hển từ trong lòng đất bước lên, khi cần đến bà ấy và khi bà ta muốn đến. Tất cả những điều này thực là tuyệt… nhưng tôi phải thú nhận rằng có đôi lúc cũng đến chán.

Buổi sáng thì thật thú, nhất là những buổi sáng đẹp trời. Cuộc đời có vẻ tươi trẻ, tự do khi mặt trời lên, lại càng tươi trẻ và tự do dưới ánh mặt trời. Nhưng chiều xuống dần thì cuộc đời tôi cũng dường như đi xuống - Tôi không hiểu tại sao nó lại như vậy… nhưng ở dưới ánh nến thì ít khi nó có vẻ đẹp. Tôi thiếu một người để trò chuyện. Tôi thiếu Ácnét. Tôi cảm thấy một nỗi trống rỗng khủng khiếp khi thiếu người bạn tâm sự xinh tươi. Bà Crơp đối với tôi rất xa lạ. Tôi nghĩ đến ông chủ căn phòng này trước khi tôi đến đã chết vì rượu và thuốc lá, và tôi tiếc rằng ông ta không chịu khó sống đến giờ để đừng làm tôi băn khoăn về cái chết của ông ta.

Sau hai ngày hai đêm, tôi cảm thấy dường như đã sống ở đấy được một năm, tuy vậy tôi vẫn không già thêm được một giờ nào và vẫn bị dằn vặt cái tuổi trẻ của mình như mọi khi.

Xtiếcphoóc vẫn không đến làm cho tôi nghĩ rằng cậu ta ốm. Ngày thứ ba tôi rời khỏi Pháp-viện trước giờ để đến Haigây.

Bà Xtiếcphoóc rất vui mừng được gặp tôi, và nói rằng Xtiếcphoóc đã đi chơi với một người bạn ở trường đại học Ocxphơt để thăm một người bạn khác sống gần Xanh Anban, nhưng bà hy vọng rằng cậu sẽ trở về trong ngày mai. Tôi mê cậu ta quá đến nỗi tôi đâm ghen với những người bạn của cậu ở Ocxphơt.

Vì bà Xtiếcphoóc yêu cầu tôi ở lại ăn trưa nên tôi nhận lời và nhận thấy rằng suốt ngày chúng tôi chỉ nói chuyện về cậu. Tôi nói với bà rằng những người ở Yácmao yêu quí cậu như thế nào, và cậu là một người bạn thú vị như thế nào. Cô Đactơn luôn luôn nói bóng nói gió và đưa ra những câu hỏi bí ẩn, nhưng rất chú ý đến tất cả câu chuyện và cứ nói: "Thật thế à?" và vân vân, đến nỗi cô bắt tôi tuôn ra tất cả những điều cô muốn biết. Cái vẻ bên ngoài của cô vẫn hệt như tôi đã miêu tả khi gặp lần đầu. Ngồi nói chuyện với hai người đàn bà này thực là thú và tôi cảm thấy rất tự nhiên nên có cảm tưởng hơi mê cô Đactơn. Nhiều lúc trong buổi chiều hôm ấy, và đặt biệt khi tôi cuốc bộ về nhà, tôi nảy ra ý nghĩ rằng nếu cô ấu ở đường Bơckinhham thì sẽ là một người bạn thú vị lắm.

Sáng hôm sau, tôi đang uống cà phê và ăn bánh mì trước khi đến Pháp-viện (nhân tiện tôi có thể nói rằng tôi rất ngạc nhiên thấy bà Crơp dùng nhiều cà phê mà cà phê này vẫn rất nhạt) bỗng chính Xtiếcphoóc bước vào làm cho tôi mừng quýnh. Tôi nói:

"Xtiếcphoóc, mình đã bắt đầu tưởng rằng không còn được gặp cậu nữa".

"Mình bị chúng nó lôi đi", Xtiếcphoóc nói, "mình vừa về nhà sáng qua. Thế nào, Tường-vi? Cậu ở đây có vẻ một anh chàng độc thân già hiếm có quá."

Trong lòng kiêu hãnh, tôi chỉ cho cậu xem cái nhà, không bỏ quên cái bếp, và cậu cũng hết sức khen ngợi. Cậu nói thêm:

"Mình sẽ nói cho cậu một điều, ông bạn ạ, mình sẽ xem nơi này là chỗ trú chân của mình ở Luân-đôn, trừ phi cậu đuổi mình đi".

Nghe nói vậy, tôi sướng mê cả người và bảo cậu rằng nếu như cậu đợi đến lúc ấy thì cậu phải đợi đến lúc trời sập mất.

"Nhưng mà cậu phải chén cái gì chứ?" Tôi nói, định rung chuông. "Bà Crơp sẽ pha cho cậu cà phê mới và mình sẽ rán cho cậu một ít dăm-bông trong một cái chảo của anh chàng độc thân mà mình có ở đây".

"Không, không! Xtiếcphoóc nói. Đừng rung chuông. Mình không ăn đâu. Mình sắp đi ăn với một thằng bạn ở khách sạn Piatda ở Côven Ganđân".

"Nhưng cậu sẽ quay lại đây ăn trưa chứ?" Tôi hỏi.

"Tiếc quá, mình không sao đến được. Mình rất thích đến, nhưng mình phải ở đấy với hai thằng ấy. Sáng mai ba đứa lại đi rồi".

"Thế thì cậu kéo họ đến đây ăn trưa", tôi nói, "Cậu có cho rằng họ nhận lời không?"

"Ồ, chúng nó đến ngay thôi", Xtiếcphoóc nói, "nhưng chúng tớ quấy quả cậu quá. Cậu đến ăn với chúng tớ ở đâu đấy thì hơn".

Tôi nhất quyết không chịu nghe theo đề nghị ấy, bởi vì tôi nảy ra ý nghĩ rằng tôi phải ăn mừng nhà mới một chuyến, và không thể có dịp nào tốt hơn dịp này nữa. Căn nhà của tôi càng làm cho tôi có một niềm kiêu hãnh mới, sau khi đã được cậu khen và tôi nóng ruột muốn phát huy tất cả ưu thế mình. Vì vậy tôi bắt cậu phải nhân danh hai người bạn hứa nhất định sẽ đến và chúng tôi định giờ ăn vào sáu giờ chiều.

Khi Xtiếcphoóc đã đi, tôi rung chuông gọi bà Crơp lên và nói cho bà biết về kế hoạch táo bạo của tôi. Bà Crơp nói, trước hết dĩ nhiên ai cũng biết rằng bà không thể phục vụ trong bữa ăn, nhưng bà biết có một người trẻ tuổi, tháo vát, mà theo bà, có thể nhờ giúp với số tiền năm si-linh, và tôi cũng đồng ý. Tôi nói thế nào chúng tôi cũng phải có người ấy. Sau đó bà Crơp nói rằng cố nhiên bà không thể ở cả hai nơi một lúc (điều này tôi thấy cũng có lý) và cần phải có một cô con gái đứng ở bếp, dưới ánh nến, để luôn luôn rửa bát đĩa.

Tôi hỏi bà thuê người ấy hết bao nhiêu tiền và bà Crap nói rằng, theo bà, số tiền mười tám pen-ni cũng không tốn kém gì nhiều cho tôi. Tôi nói rằng cố nhiên là không, và thế là việc ấy thu xếp xong. Thế rồi bà Crơp nói: "Bây giờ ta bàn đến các món ăn".

Anh chàng làm ống khói, khi xây cái bếp của bà Crơp, đã tỏ ra không biết lo xa gì hết, vì ở bếp chỉ có thể nấu sườn cừu và khoai tây nghiền nát. Còn về việc nấu cá, bà Crơp nói, tôi chỉ cần liếc nhìn cái lò một chút là biết! Bà không thể nói gì hơn. Bà làm như là tôi muốn nhìn lắm! Vì có lại nhìn tôi cũng không biết thêm được gì, cho nên tôi từ chối và nói: "Thôi, không ăn cá nữa", nhưng bà Crơp lại nói: "Đừng nói thế, bây giờ có sò huyết, tại sao lại không ăn sò huyết?" Và thế là điều đó đã quyết định xong. Sau đó bà Crơp nói rằng bà đề nghị dọn những món ăn như sau: hai con gà con rán nóng và một đĩa thịt bò nấu có cả rau lấy ở hiệu làm bánh ngọt, hai đĩa bánh ngọt phụ thêm chẳng hạn, một đĩa pa-tê và một đĩa bầu dục cũng lấy ở hiệu làm bánh ngọt, một đĩa bánh nhân mứt, và nếu như tôi muốn, một đĩa mứt trái cây và cũng lại lấy ở hiệu làm bánh ngọt. Bà Crơp nói rằng làm thế thì bà sẽ rảnh tay tập trung sự chú ý vào món khoai tây và dọn pho-mát và rau cần tây như ý muốn của bà.

Tôi theo ý của bà Crơp và thân hành đi đặt các món trên ở hiệu làm bánh ngọt. Sau đó, trong khi đi ở Xtranđơ và nhìn thấy ở cửa sổ của một hiệu bán thịt bò và dăm-bông có một chất gì cưng cứng và

lấm chấm giống như cẩm thạch với cái nhãn là "Đầu bê làm theo kiểu mai rùa", tôi bước vào hiệu mua một khoanh đủ cho mười lăm người ăn - sau đó tôi nhận thấy thế - Bà Crơp khó khăn lắm mới nhận nấu cái thứ này, vì nó xọp lại chảy thành nước đến nỗi chúng tôi nhận thấy nó "chỉ gần đủ" cho bốn người, như Xtiếcphoóc nói. Sau khi đã hoàn thành công việc chuẩn bị, tôi mua một ít trái cây và đặt mua khá nhiều rượu ở hiệu rượu bán lẻ gần đấy. Khi trở về nhà lúc chiều, nhìn thấy những chai rượu xếp thành hình vuông trên sàn nhà bếp, tôi thấy nhiều quá (mặc dầu đã thiếu đi mất hai chai và điều đó làm cho bà Crơp rất bực mình), đến nỗi tôi thực sự đâm hoảng.

Một người bạn của Xtiếcphoóc tên là Granhgơ và người kia tên là Macham. Cả hai đều là những dân vui nhộn. Granhgơ lớn hơn Xtiếcphoóc một chút, còn Macham thì rất trẻ, anh ta chắc không đến hai mươi. Tôi nhận thấy bao giờ anh ta cũng nói về mình một cách phiếm định là "người ta" và ít khi hay không bao giờ dùng ngôi thứ nhất.

"Ở đây người ta sống rất thích, Copơphin ạ", Macham nói, ý muốn nói mình.

"Địa điểm cũng không đến nỗi tồi", tôi nói, "và căn phòng thì thực là tiện".

"Mình hy vọng rằng hai cậu đến đây đều ngon miệng cả chứ?" Xtiếcphoóc nói.

"Thú thực", Macham nói, "thành phố Luân-đôn hình như làm cho người ta ngon miệng. Người ta đói suốt ngày, người ta ăn suốt ngày".

Lúc đầu, tôi cũng hơi lúng túng, và cảm thấy mình còn trẻ quá không thể chủ tọa được bữa ăn nên tôi yêu cầu Xtiếcphoóc ngồi ở đầu kia bàn khi bữa ăn bắt đầu và tôi ngồi đối diện với cậu. Món gì cũng ngon, chúng tôi không bỏ quên rượu, và Xtiếcphoóc tỏ ra rất rôm rả lịch thiệp làm cho mọi việc thành thú vị và bữa tiệc của chúng tôi vui từ đầu đến cuối. Trong bữa ăn, riêng tôi, tôi không thoải mái như tôi muốn, bởi vì ghế của tôi đối diện với cánh cửa và sự chú ý của tôi bị lãng đi vì phải nhìn con người trẻ tuổi "tháo vát" kia cứ luôn luôn ra khỏi phòng, và cái bóng của anh ta, ngay sau đó, bao giờ cũng xuất hiện ở trên tường nhà bếp với một cái chai ở miệng. Cô "con gái" cũng làm cho tôi lo lắng như vậy… không phải vì cô không lo rửa bát đĩa, mà vì cô làm vỡ bát đĩa. Bởi vì tính tò mò và không tự kiềm chế mình (mặc dầu cô đã được chỉ thị hẳn hoi) ở trong nhà bếp, nên cô cứ luôn luôn lấp la lấp ló nhìn trộm chúng tôi và luôn luôn tưởng rằng mình bị phát hiện, và mỗi khi tưởng như vậy, cô ta lại rút lui và giẫm lên những cái đĩa, (mà cô ta đã cẩn thận lát lên sàn nhà) gây nên những sự phá hoại rất lớn.

Tuy nhiên, tất cả những điều bất tiện này đều là nhỏ và được quên đi một cách dễ dàng khi cái khăn bàn đã được cất đi và đồ tráng miệng được đặt lên bàn. Đến lúc này, người ta phát hiện ra rằng con người trẻ tuổi "tháo vát" kia là một chàng câm.

Tôi ngầm ra lệnh cho anh ta đến với bà Crơp, và tống luôn cô con gái xuống cái nhà ở dưới hầm, và chúng tôi tha hồ đùa bỡn vui chơi.

Tôi bắt đầu tỏ ra rôm rả và đắc chí đặc biệt. Tất cả những chuyện đã gần như bị quên lãng bỗng hiện ra trong óc tôi, khiến tôi thao thao bất tuyệt khác hẳn ngày thường. Tôi cười khanh khách khi nghe những câu pha trò của chính mình cũng như của tất cả mọi người; tôi cảnh cáo Xtiếcphoóc vì không chuyển rượu cho mọi người uống; tôi thề sẽ đến Ocxphơt; tôi tuyên bố rằng muốn tổ chức một bữa tiệc hệt như thế này mỗi tuần một lần cho đến khi có ý kiến khác, và như một thằng điên, tôi hít nhiều thuốc trong cái hộp thuốc lá của Granhgơ đến nỗi tôi phải vào nhà bếp nhảy mũi liên tiếp suốt mười phút đồng hồ.

Tôi tiếp tục chuyển rượu mỗi lúc một nhanh và luôn luôn đứng lên cầm cái mở nút chai để mở thêm

rượu nữa, mặc dầu đã lâu không ai cần uống. Tôi đề nghị uống rượu, chúc mừng sức khỏe của Xtiếcphoóc, tôi nói cậu là người bạn thân nhất của tôi, người che chở tôi trong thời thơ ấu và người bạn của tuổi thanh niên. Tôi nói tôi rất sung sướng được uống rượu chúc mừng sức khỏe của cậu. Tôi nói tôi chịu ơn cậu mà không bao giờ có thể trả hết, và thán phục cậu không sao tả xiết. Tôi kết luận rằng: "Tôi đề nghị các bạn uống rượu chúc mừng Xtiếcphoóc! Cầu Chúa phù hộ cậu! Hoan hô!" Chúng tôi cùng nhau chạm cốc ba lần để chúc mừng cậu, chạm cốc một lần thứ tư và một lần nữa để kết thúc. Tôi đánh vỡ cái cốc của tôi khi đi quanh bàn để bắt tay cậu và nói lè nhè (bằng mấy chữ "Xtiếcphoóc, cậu-là-ngôi-sao-chỉ-dẫn-đời-mình").

Tôi tiếp tục, nhưng bỗng nhiên nhận thấy có người nào đang hát: đó là Macham, anh ta hát "Khi con tim nặng trĩu u sầu". Hát xong, anh ta đề nghị chúng tôi nâng cốc, chúc sức khỏe của "các cô đào". Tôi phản đối và không thể nào chấp nhận điều đó. Tôi nói uống rượu chúc mừng như vậy không đứng đắn và trong nhà tôi, tôi chỉ cho phép người ta uống rượu chúc mừng "các tiểu thư". Tôi rất cáu đối với anh ta, theo ý tôi, chủ yếu là vì tôi thấy Xtiếcphoóc và Granhgơ cười tôi… hay cười Macham… hay cười cả hai. Macham nói không ai được phép ra lệnh cho người ta hết. Tôi bảo được. Cậu ta nói không ai được phép mắng nhiếc người ta, và tôi bảo về điểm này thì cậu nói đúng… Điều này không bao giờ xảy ra ở dưới mái nhà của tôi, ở đấy, thần thổ công là thiêng liêng và những luật hiếu khách là tuyệt đối. Cậu ta bảo, phải thú nhận rằng tôi là một anh chàng dễ thương hết sức, và nói, điều đó không xúc phạm gì đến danh dự của người ta. Tôi liền đề nghị uống chúc mừng sức khỏe của cậu ta.

Có người nào hút thuốc. Tất cả chúng tôi đều hút. Tôi cũng hút và cố gắng kìm hãm cái xu thế của mình là cứ muốn run lẩy bẩy. Xtiếcphoóc đọc một bài diễn văn về tôi, trong lúc đó tôi gần như muốn khóc vì cảm động. Tôi cảm ơn cậu và hy vọng rằng những người có mặt ở đây sẽ vui lòng ăn với tôi ngày mai… ngày kia… tất cả mọi ngày vào lúc năm giờ để có thể tận hưởng cái thú vui trong việc trò chuyện và chơi đùa suốt cả buổi tối. Tôi nhận thấy mình phải đề nghị họ uống rượu chúc mừng một người. Tôi muốn họ uống rượu chúc mừng sức khỏe của cô tôi… cô Bétxi Trốtút, con người tốt nhất trong giới phụ nữ.

Có người nào đang vươn mình ra ngoài cửa sổ phòng ngủ của tôi, và để cho trán được mát, áp trán vào tấm đá lạnh ở bao lơn và cảm thấy không khí phả vào mặt. Người đó là tôi. Tôi nói với mình, tự nhủ: "Copơphin, sao mày lại tập cái trò hút thuốc? Mày phải biết là mày không hút được!" Rồi có người nào đó đang nhìn nét mặt mình ở trong gương, vẻ mặt ngơ ngác: người đó cũng là tôi. Trong gương, tôi tái xanh, cặp mắt đờ đẫn và tóc của tôi (chỉ có tóc mà thôi chứ không phải cái gì khác) cũng có vẻ như say rượu.

Có người nào bảo tôi: "Đi xem hát đi, Copơphin". Trước mặt tôi không có phòng ngủ nào nữa, nhưng lại thấy cái bàn rung rinh, đầy những cốc, cái đèn, ở bên tay phải tôi là Granhgơ, bên tay trái là Macham và Xtiếcphoóc ngồi đối diện, cả ba đều ở trong một đám sương mù và rất xa xôi. Đi xem hát à? cố nhiên! Hay đấy! Chúng ta đi đi… Nhưng họ phải tha lỗi cho tôi nếu như tôi tiễn mọi người ra trước rồi tắt đèn… sợ xảy ra hỏa hoạn.

Trong bóng tối lộn xộn, cánh cửa đã biến mất. Tôi đang lấy tay sờ soạng những tấm màn ở cửa sổ để tìm cánh cửa, bỗng Xtiếcphoóc cười khanh khách, khoác tay tôi và đưa tôi ra. Chúng tôi theo nhau bước xuống cầu thang. Đến gần cuối cầu thang, có người nào đó ngã và lăn lông lốc xuống chân cầu thang. Có người nào khác nói đó là Copơphin. Nghe vu cáo như vậy, tôi nổi xung cho đến khi nhận thấy mình đang nằm sóng soài ở lối đi và bắt đầu nghĩ rằng lời nói ấy không phải không có căn cứ.

Đêm ấy, sương mù dày đặc và chung quanh những ngọn đèn ở ngoài đường có những quầng sáng lớn. Tôi loáng thoáng nghe người ta nói rằng trời ẩm ướt. Theo tôi thì trời giá lạnh. Xtiếcphoóc phủi

bụi cho tôi dưới một cái đèn ngoài đường, nắn lại cái mũ của tôi do một người nào đó đưa ra một cách hết sức kỳ lạ từ nơi nào mà tôi không biết vì trước đây tôi không đội mũ! Xtiếcphoóc hỏi tôi: "Cậu đỡ hẳn rồi chứ, Copơphin?" và tôi bảo cậu: "Khá quá rồi!"

Một người nào đó ngồi thấp thoáng trong sương mù ở một chỗ trông như cái chuồng chim bồ câu và một người khác đưa tiền cho anh ta; anh ta hỏi tôi có phải là một trong những vị khách trả tiền vào cửa không, và xem chừng như ngờ vực (tôi nhớ mang máng như vậy, khi thoáng nhìn anh ta) không biết có nên nhận số tiền người ta trả hộ tôi hay không. Ngay sau đó, chúng tôi ngồi rất cao trong một rạp hát nóng bức, nhìn xuống một cái pác-te rộng lớn có vẻ đầy những khói, vì những người chen chúc nhau ở đấy trông rất lờ mờ. Ở đấy cũng có một cái sân khấu lớn có vẻ rất sạch sẽ và trơn láng giống như đường cái, ở trên ấy có những người đang nói, tôi không hiểu họ nói gì, vì nghe không rõ gì cả. Đèn sáng trưng, có nhạc và có những cô con gái ở trong những ghế lô phía dưới, và tôi không còn biết gì nữa! Tất cả ngôi nhà, đối với tôi dường như đang bốc hơi, khi tôi tìm cách giữ nó lại thì nó có cái vẻ rất kỳ quặc.

Có người nào đó đề nghị, nên chúng tôi quyết định đi xuống những ghế lô ở bao lơn, ở đấy có các tiểu thư. Khi đi qua, tôi thoáng thấy một anh chàng, quần áo chỉnh tề, nằm dài trên cái ô-pha, tay cầm ống nhòm và tôi thấy đầy đủ cả cái hình dáng của tôi từ đầu đến chân ở trong một tấm gương. Sau đó, người ta đưa tôi vào một trong những ghế lô ấy và hình như tôi có nói một câu gì đó khi ngồi xuống, bởi vì những người xung quanh tôi bảo "im lặng!" với một người nào đó, và các tiểu thư liếc mắt nhìn tôi có vẻ khó chịu, và… ô kìa, đúng rồi, Ácnét đang ngồi trong cái ghế trước mặt tôi; cũng trong cái ghế lô ấy, bên cạnh là một người đàn bà và một người đàn ông mà tôi không biết là ai.

Hiện nay, tôi nhìn thấy gương mặt của cô còn rõ hơn tôi thấy cô lúc bấy giờ, tôi có thể nói như vậy, cô quay mặt về phía tôi, nhìn tôi có vẻ hết sức buồn bã và ngạc nhiên. Tôi nói, giọng lè nhè:

"Ácnét! Trời ơi! Ácnét!"

"Anh im đi, tôi van anh!" Cô đáp (tôi không hiểu tại sao) "anh đang làm cho các khán giả bực mình đấy! Nhìn lên sân khấu đi!"

Nghe cô nói, tôi cố gắng nhìn lên sân khấu và lắng nghe xem trên ấy diễn cái gì nhưng không sao làm được. Chốc chốc tôi lại nhìn nàng và thấy nàng thu mình vào một góc, để bàn tay đeo găng lên trán. Tôi nói:

"Ácnét, cậu-không-ốm-chứ?"

"Không, không. Anh không phải lo về tôi. Trốtút", cô đáp, "Hãy nghe kìa! Anh đi ngay chứ?"

"Tôi-sẽ-đi-ngay à?" Tôi lặp lại.

"Vâng".

Tôi có ý định ngu ngốc là trả lời rằng tôi sẽ đợi để đưa cô xuống cầu thang. Tôi cho rằng, bằng cách này hay cách khác, tôi đã nói như vậy, bởi vì sau khi chăm chú nhìn tôi một lát, cô có vẻ hiểu tôi, và hạ thấp giọng trả lời:

"Tôi biết rằng anh sẽ làm điều tôi yêu cầu, nếu tôi bảo anh rằng tôi nói điều ấy là đứng đắn. Anh về ngay đi, Trốtút, anh về ngay đi. Anh cứ làm thế vì tôi đi và bảo các ông bạn anh đưa anh về nhà."

Nàng đã làm cho tâm hồn tôi lúc ấy khá hơn nhiều, khiến cho dầu giận cô, tôi vẫn cảm thấy xấu hổ. Tôi nói một tiếng "ào-ô" ngắn ngủi (tôi muốn nói "chào cô") đoạn đứng dậy, đi ra. Những người khác đi theo tôi, và tôi bước ngay ra khỏi cái ghế lô để vào ngay phòng ngủ của tôi, ở đấy chỉ có một mình

Xtiếcphoóc bên cạnh tôi. Cậu giúp tôi thay quần áo, và khi thì tôi nói với cậu rằng Ácnét là người em gái của tôi, khi thì tôi khẩn khoản yêu cầu cậu đem cái mở nút chai đến để mở thêm một chai rượu nữa.

Và thế là có một anh chàng nào đó nằm sóng soài trên cái giường của tôi, suốt đêm cứ nói lảm nhảm những câu ấy và làm tất cả những cử chỉ ấy trong một giấc mơ kinh khủng… trên một cái giường bồng bềnh như mặt biển nhấp nhô không bao giờ lặng. Và kìa, trong khi cái anh chàng ấy dần dần dịu đi, dần dần trở thành tôi, tôi bắt đầu cảm thấy khô cổ và có cảm tưởng rằng lớp da bên ngoài của tôi là một tấm ván khô cứng, cái lưỡi của tôi ở dưới đáy một cái chảo trống không, đầy cáu ghét vì đã dùng lâu năm cứ nằm trên ngọn lửa riu riu, và lòng bàn tay tôi là những tấm kim khí nóng bỏng, mà không một thứ băng giá nào có thể làm nguội được.

Nhưng hôm sau, khi tôi đã bắt đầu vỡ lẽ ra, tôi cảm thấy thực đau khổ hối hận và xấu hổ. Tôi cảm thấy khủng khiếp khi nghĩ đến việc mình đã phạm một nghìn điều sai trái mà mình đã quên đi và không có gì có thể chuộc lại được… tôi hồi tưởng lại cái nhìn không sao quên được mà Ácnét đã nhìn tôi, cảm thấy bị dằn vặt đau đớn, không sau liên lạc được với nàng vì không biết (tôi thật là khổ) tại sao nàng lại ở Luân-đôn và nàng đang ở chỗ nào… tôi chán ngấy khi nhìn cái phòng mà ngày hôm qua bọn tôi đã ăn uống, đùa nghịch… đầu tôi quay cuồng… mùi thuốc lá… những cốc rượu… việc tôi không thể đi ra và thậm chí không thể đứng lên. Ôi, một ngày kinh khủng!

Chiều hôm ấy thực là một chiều buồn tẻ khi tôi ngồi bên ngọn lửa, trước mặt bát canh thịt cừu đầy những mỡ, và nghĩ rằng tôi đang đi theo con đường của người chủ trước tôi và tôi sẽ tái diễn cái số phận bi thảm của ông ta cũng như đã thừa hưởng gian phòng của ông ta; tôi gần như muốn chạy xổ về Đôvơ và thú nhận tất cả! Chiều hôm ấy, thực là một buổi chiều buồn tẻ khi bà Crơp bước vào phòng để mang bát canh thịt cừu đi và đưa ra một cái đĩa trên có pho-mát và một chiếc bầu dục để ăn điểm tâm và nói rằng tất cả bữa tiệc hôm qua chỉ còn lại bấy nhiêu; và tôi cảm thấy muốn gục đầu vào cái ngực mặc đồ lụa Thượng hải để nói một cách hối hận thành thực: "Bà Crơp ơi! Bà Crơp! Bà đừng nhắc đến những món ăn còn lại nữa, khổ tôi lắm!" Nhưng tôi không chắc rằng ngay trong cảnh ngộ ấy, bà Crơp là hạng người đàn bà để cho tôi bộc lộ tâm sự.

Chương XXV
TIÊN và QUỶ

Buổi sáng, sau cái ngày thảm hại, đầu đau, người mệt mỏi và hối hận ấy, tôi vừa định ra cửa, trong lòng còn đầy những ý nghĩ lẫn lộn về cái ngày tôi mời ăn tiệc (dường như cả một lũ khổng lồ đã túm lấy một cái đòn bẩy to tướng và bẩy cái ngày hôm kia đi xa cách đây mấy tháng), bỗng một người đưa thư hộ bước lên cầu thang, tay cầm một bức thư. Anh la cà mãi trong việc đưa thư giúp, nhưng khi thấy tôi ở đầu cầu thang, đang đưa mắt nhìn anh qua lan can thì anh chạy vù lên, thở hổn hển như chạy nhiều quá nên kiệt sức.

"Ông Trốtút Copơphin", người đưa thư nói, lấy đầu cán gậy nhỏ chạm lên mũ.

Tôi hầu như không dám nhận rằng đó là tên mình, bởi vì tôi lúng túng khi biết rằng bức thư này là của Ácnét. Tuy vậy, tôi vẫn bảo anh rằng tôi là ông T. Copơphin. Và anh cũng tin như vậy. Anh trao cho tôi bức thư, nói rằng người ta yêu cầu tôi trả lời. Tôi đóng cửa lại, để anh đứng ở chân cầu thang đợi trả lời, đoạn bước vào phòng. Tôi ở trong tình trạng bị kích động đến nỗi bắt buộc phải đặt bức thư trên bàn ăn và làm quen với cái vẻ bên ngoài của nó một lát, trước khi quyết định mở ra.

Khi mở, tôi thấy đó là một bức thư rất thân mật, không nhắc một lời nào đến cảnh tượng của tôi ở rạp hát. Tất cả bức thư như sau:

"Anh Trốtút thân mến, tôi hiện ở tại nhà một nhân viên của cha tôi là ông Oatơbrúc, ở quảng trường Eli, đường Hônbơc. Hôm nay anh có đến chơi được không, vào bất kỳ giờ nào tùy ý anh định. Người bạn bao giờ cũng thân với anh. **Ácnét**."

Tôi mất khá nhiều thì giờ mới viết được một bức thư trả lời làm cho tôi phần nào vừa ý, đến nỗi tôi không hiểu người đưa thư có thể nghĩ gì, trừ phi anh ta nghĩ rằng tôi đang học viết. Ít nhất là tôi đã viết đến sáu bức thư trả lời. Một bức thư bắt đầu bằng: *"Ácnét thân mến. Làm sao mình có thể hy vọng sẽ xóa nhòa cái ấn tượng xấu xa ở trong ký ức của cậu..."* Viết đến đó, tôi không thích nữa và xé. Tôi bắt đầu một bức thư khác: *"Sécpia đã nhận thấy, Ácnét ạ, có điều thực lạ lùng khi con người ta bỏ kẻ thù của mình vào miệng...*[1]*"*, nhưng lối viết ấy làm tôi nhớ đến Mácham, và tôi không viết nữa. Thậm chí tôi tìm cách làm thơ. Tôi bắt đầu viết một câu thơ *"Xin đừng nhớ tới hôm nào"* nhưng cái vần *"ào"* ấy lại bắt tôi nghĩ đến cuộc du hành "ồn ào" ngày mồng 5 tháng mười một[2] và trở thành một điều quái gở. Sau khi viết đi viết lại mãi, tôi viết: *"Ácnét thân mến. Cậu như thế nào thì bức thư của cậu như vậy, thực mình không biết tim lời nào tốt đẹp hơn để ca ngợi. Mình sẽ đến lúc bốn giờ chiều. Thân mến và rất buồn. T.C."*.

Viết bức thư xong, vừa trao cho người đưa thư, tôi đã muốn lấy lại ngay, nhưng cuối cùng, người đưa thư đã mang nó đi.

Nếu như ngày hôm đó cũng dễ sợ đối với một người nào khác ở Pháp-viện cũng như đối với tôi, tôi dám chắc ông ta đã vắng mặt không dự cái tòa án giáo hội cũ rích này. Mặc dầu tôi rời khỏi chỗ làm việc lúc ba giờ rưỡi chiều và đã bắt đầu thơ thẩn xung quanh chỗ hẹn sau đấy vài phút, nhưng nếu tính theo đồng hồ của nhà thờ Xanh Anđrê ở đường Hônbơc thì phải mười lăm phút sau giờ hẹn, trong cảnh tuyệt vọng, tôi mới có thể đem hết nghị lực ra để kéo dây chuông treo ở cột cửa bên trái căn nhà riêng của ông Oatơbrúc.

Việc kinh doanh của ông Oatơbrúc diễn ra ở tầng dưới, còn việc tiếp khách (việc này cũng quan trọng) diễn ra ở tầng trên của ngôi nhà. Tôi được đưa vào một phòng khách xinh xắn nhưng hơi chật, ở

đấy tôi thấy Ácnét ngồi, đang tết một cái ví.

Nàng có vẻ lặng lẽ và hiền hậu, và nhắc tôi nhớ đến những ngày học sinh vui vẻ vô tư của tôi ở Cantơbơri, và cái thằng khốn nạn, khổ sở, ngu ngốc sặc mùi thuốc là đêm hôm trước là tôi, trong khi không có ai ở đấy, cảm thấy mình xấu xa và hổ thẹn quá nên tóm lại đã cư xử như một thằng ngốc. Tôi không thể chối rằng tôi đã khóc.

Ngay cả lúc này tôi cũng không biết, nói chung, đó là thái độ khôn ngoan nhất hay là thái độ lố bịch nhất mà tôi có thể có. tôi nói, quay mặt đi phía khác:

"Nếu một người nào khác thấy mình chứ không phải là cậu thì mình sẽ không để ý. Nhưng đó lại là cậu! Mình tiếc rằng trước đấy mình không chết đi cho rồi!"

Nàng đặt bàn tay lên cánh tay tôi một lúc, bàn tay ấy không giống như bất kỳ bàn tay nào khác, và tôi cảm thấy được an ủi nhiều bởi cái cử chỉ thân mật ấy, khiến tôi không thể nào không đưa bàn tay nàng lên môi hôn, lòng đầy biết ơn. Ácnét nói, vui vẻ:

"Trốtút, cậu ngồi xuống đi. Cậu đừng khổ sở nữa. Nếu cậu không thể tin cậy mình thì cậu sẽ tin cậy ai?"

"Ồ! Ácnét!" Tôi nói. "Cậu là nàng tiên của mình."

Nàng mỉm cười buồn buồn, tôi cảm thấy như vậy, và lắc đầu.

"Đúng thế đấy Ácnét ạ, cậu là nàng tiên của mình, cậu bao giờ cũng là nàng tiên của mình".

"Nếu mình quả thật như vậy, Trốtút ạ, thì có một điều mà mình rất quan tâm".

Tôi nhìn nàng có vẻ dò hỏi nhưng tôi đã đoán được nàng muốn nói gì.

"Đó là", Ácnét nói, với cái nhìn nghiêm nghị, "mình muốn bảo cậu đề phòng con quỷ của cậu".

"Ácnét thân mến", tôi bắt đầu nói, "cậu muốn nói đến Xtiếcphoóc chứ gì?"

"Đúng thế, Trốtút ạ", nàng đáp, "Ácnét ạ, nếu thế thì cậu đối xử với anh ấy không đúng. Anh ta làm sao có thể là con quỷ của mình, hay của bất kỳ người nào khác? Anh ta xưa nay là người dẫn đường, chỗ nương tựa và người bạn của mình. Ácnét ạ, nếu cậu nhận xét anh ấy căn cứ vào điều cậu thấy ở mình tối hôm ấy, thì chẳng là oan và không xứng đáng với cậu sao?"

"Mình không xét đoán anh ta căn cứ vào điều mình thấy ở cậu tối hôm ấy!" Nàng trả lời lặng lẽ.

"Thế thì căn cứ vào cái gì?"

"Căn cứ vào rất nhiều chuyện, bản thân nó đều là những chuyện vặt, nhưng đối với mình, khi nó được gộp lại thì không phải là chuyện vặt. Mình xét đoán anh ta, một phần theo điều cậu nói với mình về anh ta, Trốtút ạ, cũng như căn cứ vào tính cách và ảnh hưởng của anh ta đối với cậu".

Trong giọng nói khiêm tốn của nàng bao giờ cũng có một cái gì dường như làm rung lên một sợi dây trong lòng tôi và sợi dây này chỉ rung lên khi nghe tiếng nói của nàng mà thôi. Giọng nói của nàng bao giờ cũng nghiêm trang; nhưng khi nào nó nghiêm trang lắm - chẳng hạn trong lúc này - thì nó run run làm cho tôi hoàn toàn bị chinh phục. Tôi ngồi nhìn nàng khi nàng cúi nhìn cái ví của mình; tôi vẫn ngồi yên lặng lắng nghe và mặc dầu tôi rất yêu Xtiếcphoóc, hình ảnh cậu ta cũng bị mờ đi do ảnh hưởng của giọng nói ấy. Ácnét ngước mắt nhìn tôi, nói:

"Mình cảm thấy quá bạo, khi một người bao giờ cũng sống cấm cung và biết rất ít về cuộc đời bên ngoài như mình lại khuyên cậu một cách chắc chắn như thế, hay thậm chí có một ý nghĩ quyết đoán như thế. Nhưng mình biết cái gì đã làm cho mình có ý nghĩ ấy Trốtút ạ, đó là vì mình rất quan tâm đến tất

cả những điều liên quan đến cậu. Chính điều đó làm cho mình thành táo bạo. Mình tin chắc rằng điều mình nói là đúng. Mình hoàn toàn tin chắc như thế. Mình có cảm tưởng rằng có một người khác chứ không phải mình đang nói với cậu khi mình báo cho cậu biết trước rằng cậu đã chơi với một ông bạn nguy hiểm".

Tôi lại nhìn nàng; tôi lại lắng nghe nàng nói sau khi nàng đã im lặng; và hình ảnh của Xtiếcphoóc, mặc dầu đã khắc sâu vào tim tôi, bỗng tối sầm lại. Sau khi ngừng một lát, Ácnét nói với tôi, với cái giọng mọi ngày:

"Mình không phải vô lý đến nỗi hy vọng rằng cậu sẽ thay đổi ngay, hay có thể thay đổi ngay cái tình cảm đã thành một niềm tin tưởng ở cậu. Cậu nên hành động vội vã như thế. Mình chỉ yêu cầu cậu một điều, Trốtút ạ, nếu như cậu nghĩ đến mình." (Nàng nói, nở một nụ cười lặng lẽ vì tôi sắp ngắt lời nàng và nàng biết tại sao tôi lại làm thế). "Mỗi khi cậu nghĩ đến mình thì cậu nghĩ đến điều mình đã nói. Cậu có tha lỗi cho mình về lời khuyên ấy không?"

"Mình sẽ tha lỗi cho cậu, Ácnét ạ", tôi đáp, "khi cậu tỏ ra công bình với Xtiếcphoóc và yêu anh ta như mình yêu".

"Còn trước thì không à?" Ácnét hỏi.

Tôi thấy một bóng đen vương trên gương mặt của nàng khi nàng nói đến tên Xtiếcphoóc; nhưng nàng lại mỉm cười ngay với tôi và chúng tôi lại tỏ ra thân mật và hoàn toàn tin cậy nhau như trước. Tôi hỏi:

"Còn cậu, Ácnét, khi nào cậu sẽ tha lỗi cho mình về việc tối hôm trước?"

"Khi nào mình nhớ đến nó", Ácnét nói.

Nàng muốn dừng lại ở đó; nhưng trong lòng tôi đầy những điều muốn nói nên không thể làm như vậy, và tôi kể lại cho nàng biết việc ấy xảy ra như thế nào, tại sao tôi lại làm cho tôi mất thể diện như vậy, và những trường hợp ngẫu nhiên như thế nào cuối cùng đã đưa đến rạp hát.

Làm như thế tôi cảm thấy như trút được một gánh nặng và biểu lộ lòng biết ơn của tôi đối với Xtiếcphoóc vì cậu đã săn sóc tôi khi tôi không thể lo lắng đến bản thân. Ácnét lặng lẽ chuyển sang chuyện khác khi tôi vừa nói xong:

"Cậu không được quên rằng bao giờ cậu cũng phải cho mình biết không những khi cậu gặp khó khăn, mà cả khi nào cậu yêu ai đấy nhé. Sau cô Lackin, đến cô nào thế, Trốtút?"

"Không có ai cả, Ácnét."

"Không có cô nào à, Trốtút?" Ácnét cười khanh khách, giơ ngón tay lên.

"Không, Ácnét ạ, mình thề với cậu đấy! Cố nhiên ở nhà bà Xtiếcphoóc có một cô rất thông minh và mình thích nói chuyện với cô ta,… Đó là cô Đactơn, nhưng mình không yêu cô ta".

Ácnét lại cười rộ khi thấy mình sâu sắc và bảo tôi rằng nếu tôi cứ trung thực bộc lộ tâm sự với nàng thì nàng sẽ làm một quyển sổ nhỏ để ghi những say mê của tôi, có đủ ngày tháng, thời gian kéo dài và thời điểm chấm dứt của từng mối tình, như cái bảng của vương triều các vua và hoàng hậu trong lịch sử Anh. Đoạn nàng hỏi tôi xem tôi đã gặp Uria chưa.

"Uria Híp à? Tôi nói, mình không gặp. "Hắn có ở Luân-đôn không?

"Ngày nào hắn cũng đến cái phòng làm việc ở dưới nhà", Ácnét đáp. "Hắn đến Luân-đôn một tuần trước mình. Mình sợ rằng hắn đang làm việc gì không hay, Trốtút ạ".

“Chắc là một việc gì khiến cậu lo ngại, có phải không, Ácnét?” Tôi hỏi. “Việc gì thế?”

Ácnét đặt cái ví sang một bên, vòng tay, đôi mắt xinh đẹp dịu dàng nhìn tôi có vẻ tư lự và nói:

“Xem chừng hắn sắp trở thành người cộng tác với ba mình.”

“Thế nào? Uria à? Cái thằng hèn hạ đê tiện ấy lại ngoi lên cao đến thế à?” Tôi thét lên, phẫn nộ, “Ácnét, cậu không phản đối gì về việc ấy sao? Cậu hãy nghĩ xem một việc như thế sẽ dẫn đến kết quả như thế nào? Cậu phải nói thực, không thể để cho ba cậu làm một việc điên rồ như vậy. Cậu phải ngăn cản điều đó, Ácnét ạ, trong khi còn đủ thì giờ.”

Trong khi vẫn đăm đăm nhìn tôi, Ácnét nghe tôi nói, lắc đầu, miệng nở một nụ cười nhợt nhạt trước vẻ nồng nhiệt của tôi, rồi đáp:

“Cậu hẳn còn nhớ câu chuyện chúng ta nói với nhau về ba lần đầu tiên chứ? Sau đấy không lâu… chỉ độ hai hay ba ngày, ba đã nói bóng gió cho mình biết điều mình nói với cậu. Nhìn ba cố gắng đấu tranh, một mặt muốn tỏ ra rằng mình tự ý quyết định, nhưng mặt khác lại không sao giấu được rằng mình bị bắt buộc, mình thật rất khổ tâm. Mình cảm thấy rất buồn”.

“Bị bắt buộc ư, Ácnét? Ai bắt buộc ông cụ?”

“Uria”, nàng đáp sau khi ngần ngừ một lát, “đã trở thành một người cần thiết cho ba. Hắn tinh ranh và khôn khéo. Hắn đã nắm được tất cả những chỗ yếu của ba, xúi bẩy nó, lợi dụng nó cho đến khi… mình muốn nói tất cả ý nghĩ của mình ở trong một câu, Trốtút ạ, cho đến khi ba đâm sợ hắn”.

Tôi thấy rõ ràng là có những điều khác nữa mà nàng có thể nói, có những điều khác nữa nàng đã biết hay đang ngờ vực. Nhưng tôi không thể làm phật lòng nàng bằng cách hỏi vặn xem đó là những điều gì, vì tôi biết rằng nàng giấu tôi điều ấy, để tha thứ cho cha mình. Tôi hiểu rằng tình hình sự việc đưa đến tình cảnh này đã bắt đầu từ lâu lắm. Đúng thế, khi nghĩ lại, tôi không thể không cảm thấy rằng đã có nhiều điều xảy ra nên mới đi đến tình cảnh này. Tôi nín lặng. Ácnét nói:

“Hắn có một uy lực rất lớn, hết sức lớn đối với ba. Ngoài mặt, hắn làm ra vẻ hèn kém và chịu ơn huệ (có lẽ đó là sự thực, mình nghĩ thế). Nhưng địa vị của hắn đã là địa vị nắm quyền lực và mình sợ rằng hắn sẽ dùng quyền lực thẳng tay”.

Tôi nói rằng hắn là một con chó và lúc đó lời nói này làm cho tôi rất đắc chí. Ácnét nói tiếp:

“Vào thời gian mình vừa nói với cậu (thời gian ba mình nói với mình), hắn đã bảo ba rằng hắn định bỏ đi, rằng hắn rất buồn, không muốn bỏ đi, nhưng ở chỗ khác hắn có tiền đồ hơn. Lúc bấy giờ ba rất tuyệt vọng và lo lắng băn khoăn như chưa bao giờ cậu hay mình thấy thế. Nhưng ba mình có vẻ an tâm hơn bằng cách giải quyết cho hắn làm người cộng tác, tuy đồng thời ba mình cảm thấy bị tổn thương và xấu hổ về việc đó.

“Còn cậu có thái độ gì khi nghe đề nghị ấy. Ácnét?”

“Mình ấy à? Trốtút, mình hy vọng rằng đã làm điều cần phải làm. Cảm thấy chắc chắn rằng ba muốn sống yên ổn thì phải có hắn, rằng cần phải hy sinh, mình đã van nài ba làm điều ấy. Mình nói rằng điều đó sẽ làm cho gánh nặng của ba nhẹ bớt… (Mình hy vọng đó sẽ là sự thực) và mình sẽ có nhiều dịp hơn nữa để luôn luôn ở cạnh ba. Trốtút ơi!” Ácnét kêu lên, giơ hai tay lên che mặt, nước mắt ràn rụa, “mình gần như cảm thấy mình là kẻ thù chứ không phải đứa con yêu quý của ba mình nữa. Bởi vì mình biết, vì tận tụy đối với mình, ba mình đã thay đổi như thế nào. Mình biết ba đã thu hẹp phạm vi đi lại và giao thiệp để tập trung tất cả tâm trí vào một mình mình. Mình biết vì mình ba đã từ bỏ nhiều điều và những ý nghĩ băn khoăn về mình, đã làm cho cuộc đời ba tối sầm lại, làm cho hơi sức và

nghị lực của ba yếu dần đi vì cứ phải hướng về một ý nghĩ duy nhất. Ước gì mình có thể cứu chữa được điều đó! Ước gì mình có thể làm cho ba mình bình phục lại sau khi vô tình đã trở thành nguyên nhân khiến cho ba mình bị suy nhược!"

Xưa nay, tôi chưa bao giờ thấy Ácnét khóc. Tôi đã thấy những giọt lệ long lanh ở khóe mắt nàng khi tôi ở trường về nhà với những thành tích mới, và lần cuối cùng, khi chúng tôi nói chuyện về ông cụ tôi đã thấy nàng quay gương mặt hiền hậu đi khi chúng tôi chia tay, nhưng tôi chưa bao giờ thấy nàng buồn phiền như vậy.

Điều đó làm cho tôi khổ tâm đến nỗi tôi chỉ có thể nói một cách ngốc nghếch và tuyệt vọng: "Mình xin cậu, Ácnét ạ! Cậu đừng khóc, cô em gái thân yêu của tôi".

Nhưng Ácnét hơn hẳn tôi về tính cách và nghị lực - như bây giờ tôi biết rõ - mặc dầu lúc bấy giờ tôi có thể không biết, cho nên tôi không cần phải van nài lâu. Cái vẻ điềm nhiên xinh đẹp làm cho nàng khác hẳn mọi người ở trong ký ức của tôi lại trở lại, dường như một đám mây đã bay khỏi bầu trời quang đãng. Ácnét nói:

"Có lẽ chúng mình không còn ở một mình như thế này được lâu, và trong khi mình còn được như vậy, cậu cho phép mình van xin cậu, Trốtút ạ, cậu hãy tỏ ra thân mật đối với Uria. Cậu đừng xua đuổi hắn. Cậu đừng bực bội (vì mình cho rằng cậu thường có cái tính như vậy) về tất cả những điểm hắn có thể làm cho cậu khó chịu. Có lẽ hắn không đáng bị đối xử như vậy, bởi vì chúng ta chưa biết điều gì chắc chắn để trách hắn. Nhưng dẫu sao, cũng xin cậu trước hết hãy nghĩ đến ba mình và mình!"

Ácnét không kịp nói thêm, vì cánh cửa phòng khách mở ra và bà Oatơbrúc, một bà to béo (hay ít nhất mặc một cái áo phùng phình, tôi không rõ, vì tôi không biết phần nào thuộc về cái áo và phần nào thuộc về bà ta) bệ vệ bước vào. Tôi nhớ mang máng đã thấy bà ở rạp hát, dường như đã thấy bà ở trong một cái đèn kéo quân ánh sáng mờ mờ. Nhưng bà thì tỏ ra biết tôi lắm và thậm chí còn ngờ rằng tôi đang say rượu.

Nhưng dần dần thấy rằng tôi không uống rượu (tôi hy vọng như thế) và thấy tôi là một chàng thanh niên khiêm tốn, bà Oatơbrúc tỏ ra dịu dàng đối với tôi hơn nhiều và hỏi tôi, thứ nhất tôi có hay đến các công viên hay không, và thứ hai, tôi có hay đến những nơi giao tế hay không. Khi tôi trả lời "không" đối với hai câu hỏi ấy, tôi có cảm tưởng rằng bà ta lại đánh giá tôi thấp đi, nhưng bà vẫn giấu ý nghĩ của mình một cách nhũn nhặn và mời tôi ngày mai đến ăn cơm. Tôi nhận lời mời và từ giã bà, định khi ra sẽ ghé thăm Uria trong phòng giấy nhưng hắn không có đấy nên tôi để lại tấm danh thiếp của tôi cho hắn.

Hôm sau, tôi đến dự bữa ăn chiều và khi cái cửa ra vào vừa mở, tôi thấy mình ngập ở trong hơi nước của những giò cừu, tôi đoán rằng tôi không phải là người khách duy nhất. Tôi nhận ra ngay anh đưa thư cho tôi tuy đã ăn mặc khác, đang giúp chị đầu bếp và đang đứng chờ ở chân cầu thang để báo tin tôi đến cho người nhà trên gác. Tôi thấy anh cố làm ra vẻ chưa bao giờ thấy tôi khi anh hỏi tên tôi một cách kín đáo, nhưng tôi rất biết anh và anh cũng rất biết tôi. Lương tâm của chúng ta làm cho chúng ta thành hèn nhát[3].

Tôi thấy ông Oatơbrúc là một người trạc tuổi trung niên, có cái cổ ngắn và một cái cổ áo sơ-mi to tướng, chỉ còn thiếu một cái mũi đen là sẽ thành một con chó ở phòng khách, ông bảo tôi rằng ông rất sung sướng được làm quen với tôi và khi tôi chào bà Oatơbrúc xong, ông trịnh trọng giới thiệu tôi với một bà rất dữ tợn mặc áo nhung đen, đội mũ nhung đen to tướng mà tôi nhớ giống như một người bà con thân thuộc của Hămlét, và bảo rằng đó là cô của ông ta.

Bà này tên là bà Henri Xpaicơ và chồng bà cũng có mặt ở đấy… một con người lạnh lẽo đến nỗi đầu ông ta tuy chưa hoa râm nhưng vẫn có vẻ bạc phơ. Người ta tỏ ra kính trọng ông bà Xpaicơ vô cùng và Ácnét cho tôi biết rằng ông Xpaicơ là luật sư của một cái gì đó hay của một người nào đó, tôi không nhớ rõ nữa, và có những quan hệ xa xôi với Ngân khố.

Trong số các tân khách, tôi nhận ra Uria Híp mặc đồ đen, vẻ rất khúm núm. Khi tôi bắt tay hắn, hắn bảo tôi rằng hắn tự hào được tôi chú ý đến và hắn quả thực biết ơn về sự chiếu cố của tôi. Tôi chỉ mong rằng hắn bớt biết ơn tôi thì hơn, vì suốt buổi tối hôm ấy hắn cứ luẩn quẩn quanh tôi để tỏ ra biết ơn, và mỗi khi tôi nói một lời nào đó với Ácnét thì nhất định thế nào cũng có hắn đằng sau chúng tôi, với cặp mắt trơ trẽn và gương mặt xương xẩu, và nhìn chúng tôi một cách dễ sợ.

Lại có những vị khách khác, tất cả đều có vẻ lạnh lùng như vừa được ướp nước đá xong rồi mới vào đây, trông họ chẳng khác gì rượu nho. Nhưng có một người làm tôi chú ý - trước khi bước vào đây - vì tôi nghe người ta giới thiệu ông ta là Trátđơn. Tôi liền hồi tưởng đến Xalem học hiệu, tôi tự hỏi không biết có phải là cậu Tômmi Trátđơn vẫn thường vẽ những bộ xương người hay không.

Tôi đưa mắt nhìn Trátđơn với một vẻ hứng thú đặc biệt. Đó là một chàng thanh niên đứng đắn ra dáng nghiêm chỉnh, cử chỉ nhún nhường, có một bộ tóc trông rất buồn cười và đôi mắt mở to. Anh ta chúi ngay vào một góc tối nên tôi cũng khó lòng nhận ra. Cuối cùng, tôi nhìn anh ta từ đầu đến chân để xem có phải cặp mắt của tôi lừa dối tôi hay đó chính là anh bạn Trátđơn tội nghiệp ngày xưa.

Tôi bước đến gần ông Oatơbrúc và nói: "Tôi có cảm tưởng được dịp may mắn gặp một người bạn cũ ở đây".

"Thế à?" Ông Oatơbrúc nói, ngạc nhiên. "Anh còn trẻ lắm, làm sao lại có thể cùng học với ông Henri Xpaicơ?"

"Ồ, tôi không nói ông ấy đâu", tôi đáp. "Tôi muốn nói đến chàng thanh niên tên là Trátđơn kia."

"Ồ! Vâng! Vâng! Thế à?" ông chủ nói, bớt hẳn hào hứng "Cũng có thể".

"Nếu như đó chính là cậu Trátđơn ấy", tôi nói, liếc mắt nhìn anh ta "thì chúng tôi đã sống với nhau ở một trường học gọi là Xalem học hiệu và anh là một người bạn tốt".

"Ồ! Đúng đấy, Trátđơn là một anh bạn tốt" - ông chủ đáp lại, gật gật cái đầu có vẻ độ lượng nhân từ - "Trátđơn tốt ra phết."

"Thực là một sự gặp gỡ ngẫu nhiên", tôi nói.

"Đúng rồi", ông chủ đáp, "thực là một sự gặp gỡ ngẫu nhiên khi Trátđơn có mặt ở đây, bởi vì ông Trátđơn chỉ mới được mời sáng hôm nay mà thôi, ghế của ông ấy trước định dành cho người anh của bà Henri Xpaicơ, nhưng ghế bỏ trống vì ông ta khó ở, ông Copơphin ạ! Ông anh của bà Henri Xpaicơ là một người lịch sự nhất đời".

Tôi nói thầm tỏ ý tán thành và như thế cũng là thân mật lắm rồi, vì tôi cũng chẳng biết tí gì về ông ta, và tôi hỏi về nghề nghiệp của Trátđơn.

"Ông Trátđơn", ông Oatơbrúc bảo, "là một thanh niên đang học luật. Phải đấy, ông ấy là một người rất tốt, chẳng có một kẻ thù nào khác… ngoài bản thân ông."

"Ông ta là kẻ thù của mình sao?" Tôi hỏi, buồn bã vì nghe tin ấy.

"Thế này…", ông Oatơbrúc đáp, dẩu môi và lúc lắc sợi dây đồng hồ ra vẻ thoải mái và hãnh diện, "tôi nói rằng ông ta thuộc hạng người tự mình cản trở bước tiến của mình. Vâng, tôi muốn nói rằng ông ấy sẽ chẳng bao giờ kiếm được năm trăm bảng một năm chẳng hạn. Một anh bạn đồng nghiệp giới thiệu

ông Trátđơn với tôi. Ồ, vâng! Vâng! Ông ta cũng là tay thành thạo trong việc lập hồ sơ, trình bày một vụ kiện cáo. Tôi đã có dịp kiếm cho Trátđơn một ít tiền trong năm, một số tiền lớn đối với ông ta. Ồ, vâng! Vâng!"

Tôi rất chú ý đến cái vẻ hết sức thoải mái và đắc chí của ông Oatơbrúc khi chốc chốc ông ta lại "vâng" một tiếng ngắn ngủi. Tiếng "vâng" ấy hấp dẫn lạ kỳ. Nó nói lên đầy đủ ý nghĩ của một con người ra đời tuy không phải với một chiếc thìa bạc trong miệng, nhưng với một cái thang và đã dùng nó để lần lượt leo lên tất cả các đỉnh cao nhất của cuộc sống và kết quả là, bây giờ, đứng trên đỉnh chiến lũy chót vót, ông liếc cặp mắt của một triết gia và của người che chở cúi nhìn những người đang lúc nhúc dưới chiến hào.

Những ý nghĩ của tôi về đề mục này vẫn đang tiếp diễn miên man thì người ta báo "Bữa ăn đã dọn", ông Oatơbrúc cùng bà cô của Hămlét bước xuống, ông Henri Xpaicơ khoác tay bà Oatơbrúc. Tôi muốn đi theo Ácnét nhưng nàng đã khoác tay một anh chàng mặt mày nhăn nhở có đôi chân nhún nhảy. Uria, Trátđơn và tôi, những người trẻ nhất trong bọn, bước xuống sau cùng. Lẽ ra tôi phải bực mình vì mất Ácnét, nhưng tôi không bực mình cho lắm bởi vì điều đó cho phép tôi có dịp giới thiệu mình với Trátđơn ở cầu thang, và cậu hân hoan đón chào tôi, trong khi Uria quằn quại thân hình với cái vẻ khoái trá và khúm núm khó chịu đến nỗi tôi muốn giơ tay qua tay vịn của cầu thang để vả vào người hắn.

Trátđơn và tôi ngồi cách nhau, hai người bị ném vào hai góc: Cậu ngồi dưới cặp mắt của một bà mặc áo nhung đỏ, còn tôi, dưới bóng của bà cô của Hămlét. Bữa ăn rất lâu và câu chuyện bàn quanh vấn đề quý tộc và huyết thống. Bà Oatơbrúc nhắc đi nhắc lại với chúng tôi rằng nếu như bà có một nhược điểm thì đó là nhược điểm về huyết thống.

Nhiều lần tôi có ý nghĩ rằng chúng tôi sẽ thoải mái hơn nhiều nếu như chúng tôi không phải lịch sự như thế. Chúng tôi lịch sự quá đến nỗi phạm vi hoạt động của chúng tôi rất hạn chế. Trong bữa tiệc có ông và bà Gơnpít nào đó, hai người có một việc gì phải thu xếp (ít nhất là ông Gơnpít) với luật lệ của ngân hàng và chúng tôi làm thành một nhóm người cách biệt như là nhóm Công báo đối với ngân hàng Anh và đối với ngân khố. Để bổ cứu việc đó, bà cô của Hămlét, với cái thói quen của gia đình là cái thói độc thoại, cứ ngồi nói một mình đầu Ngô mình Sở, đến bất kỳ câu chuyện gì được đề cập đến. Kể ra, cũng có nhiều đề mục đấy, nhưng vì chúng tôi cứ quanh quẩn với vấn đề huyết thống cho nên bà ta đã có một phạm vi rộng rãi để suy nghĩ bâng quơ chẳng kém gì người cháu của bà.

Người ta có thể tưởng rằng chúng tôi dự bữa tiệc của những con ngoáo ộp, vì câu chuyện cứ toàn nói đến máu với me.

"Tôi thú thực, tôi tán thành ý kiến của bà Oatơbrúc" ông Oatơbrúc nói, giơ cốc rượu lên trước mặt "Những việc khác, xét theo kiểu của nó đều rất tốt, nhưng về phần tôi, tôi cần có huyết thống!"

"Chuyện!" Bà cô của Hămlét nói, "chẳng có cái gì làm chúng ta thỏa mãn được đâu. Trong tất cả các thứ kia, nói chung chẳng có cái gì thật phù hợp với cái đẹp *lý tưởng*… Có những đầu óc thấp hèn (tôi hy vọng rằng không có nhiều, nhưng vẫn có), những đầu óc thích làm cái điều mà riêng tôi, tôi gọi là phủ phục trước những thần tượng. Đó là những thần tượng thực sự, quỳ lạy trước những việc người ta giúp mình, trước trí thông minh, vân vân… Nhưng những điều này là những điều mơ hồ trừu tượng. Trái lại, huyết thống thì không thế. Chúng ta thấy huyết thống ở trong hình dáng của cái mũi và chúng ta nhận ra ngay. "Đúng rồi, đó là huyết thống". Đó là một sự kiện thực tế. Chúng ta vạch nó ra được. Người ta không thể nào nghi ngờ nó".

Anh chàng có bộ mặt nhăn nhở, cặp giò nhún nhảy khi nãy, đặt vấn đề, theo ý tôi, còn khẳng định

hơn:

"Ồ! Các ông thấy đấy, mẹ kiếp," anh chàng nói, đưa mắt nhìn khắp cả bàn tiệc với một nụ cười ngốc nghếch, "không thể nào bỏ huyết thống được đâu. Phải có huyết thống. Có thể có một vài người trẻ tuổi, như các vị đã biết, có thể tỏ ra thấp kém hơn địa vị xã hội của họ về mặt giáo dục hay đạo đức, và có thể đi sai lạc một chút, như các vị biết, và gây nên những tình trạng khó khăn cho bản thân họ và cho những người khác, vân vân… và tất cả những việc như thế… Nhưng…, mẹ kiếp, khi nghĩ rằng họ có huyết thống thì người ta cảm thấy sung sướng. Riêng về phần tôi, thà bị một người có huyết thống đánh gục còn hơn là được nâng dậy bởi một người chẳng có huyết thống gì hết".

Lời tuyên bố này, với tính cách lời tổng kết vấn đề chung dưới hình thức ngắn gọn nhất, làm mọi người hoàn toàn thỏa mãn và khiến anh chàng được chú ý cho đến khi các bà rút lui. Sau đó tôi nhận thấy rằng ông Gônpít và Henri Xpaicơ, từ nãy giờ vẫn tỏ ra rất dè dặt, đã ký kết một bản liên minh tự vệ chống lại chúng tôi, kẻ thù chung, và trao đổi với nhau một câu chuyện bí mật từ đầu này bàn đến đầu kia bàn để đánh bại và lật đổ chúng tôi.

"Cái việc về bản giao kèo đầu tiên bốn ngàn năm trăm bảng đã không tiến hành như chúng ta dự định, ông Xpaicơ ạ", ông Gơnpít nói.

"Có phải ông muốn nói đến cái Đ của A không?" ông Xpaicơ nói.

"Cái C của B cơ!"

Ông Xpaicơ dướn lông mày, tỏ ra rất tư lự.

"Khi vấn đề này đã đưa lên đến hầu tước… Tôi không cần nói tên ông ta ra làm gì," ông Gơnpít nói và dừng lại ở đấy.

"Tôi hiểu rồi", ông Xpaicơ nói "N…"

Ông Gơnpít gật gật cái đầu có vẻ dễ sợ:

"Khi vấn đề đưa lên ông ta thì câu trả lời của ông ta là: "Phải đưa tiền ra, nếu không, không tha!"

"Lạy Chúa!" ông Xpaicơ kêu lên.

"Phải có tiền, nếu không thì không tha!" Ông Gônpít nhắc lại, giọng kiên quyết. "Thế rồi con người thừa kế gần nhất, ông hiểu tôi chứ?"

"K?" Ông Xpaicơ nói với cái nhìn đầy ý nghĩa.

"K đã kiên quyết từ chối không chịu ký. Người ta đến Niu Mackét để tìm ông ta, nhưng ông ta vẫn khăng khăng không chịu".

Ông Xpaicơ để cả tâm trí vào việc đó đến nỗi ông ta cũng đờ ra như đá.

"Thế là câu chuyện hiện nay dừng lại ở đó!" Ông Gơnpít nói, ngả người ra lưng ghế - "ông bạn Oatơbrúc của chúng ta sẽ tha lỗi cho tôi nếu tôi không giải thích rõ ràng về tầm quan trọng của những việc hữu quan".

Ông Oatơbrúc chỉ cảm thấy sung sướng - tôi có cảm tưởng như vậy - khi những món tiền và những cái tên vừa nói đã được gợi lên từ đầu này bàn qua đầu kia bàn. Ông ta làm ra vẻ hiểu biết lắm - (mặc dầu tôi dám chắc ông chẳng hiểu gì về câu chuyện này hơn tôi), tỏ vẻ rất tán thành thái độ dè dặt của ông bạn. Sau khi ông Xpaicơ đã được người ta tâm sự theo cái lối như vậy, dĩ nhiên ông cũng muốn ký thác cho ông bạn một điều tâm sự của riêng ông. Sau cuộc đối thoại vừa rồi lại tiếp đến câu chuyện khác, lần này đến lượt ông Gơnpít ngạc nhiên; rồi đến một câu chuyện đối thoại thứ ba và lần này lại

đến lượt ông Xpaicơ ngạc nhiên, và cứ lần lượt như vậy… Trong suốt thời gian ấy, chúng tôi - những người ngoại đạo - cứ ngồi trơ như phỗng trước tầm quan trọng to lớn của câu chuyện; và ông chủ chúng tôi nhìn chúng tôi một cách tự đắc, xem chúng tôi như nạn nhân của một niềm kinh sợ và hoảng hốt bổ ích.

Tôi rất sung sướng được lên gác với Ácnét, được nói chuyện với nàng trong một góc phòng và được giới thiệu Trátđơn với nàng. Cậu ta bẽn lẽn nhưng dễ thương và vẫn là con người tốt bụng như xưa. Vì cậu ta phải rời khỏi nơi này sớm hơn, và sáng mai cậu đã phải từ giã Luân-đôn một tháng nên tôi không thể nào nói chuyện nhiều với cậu như tôi muốn; nhưng chúng tôi đã trao đổi địa chỉ cho nhau và hứa sẽ gặp nhau khi cậu trở về Luân-đôn. Cậu tỏ ra rất thích thú khi nghe tôi nói rằng tôi quen biết Xtiếcphoóc và cậu nói về Xtiếcphoóc đầy nhiệt tình, vì vậy tôi đã bảo cậu nói cho Ácnét biết ý nghĩ của cậu về Xtiếcphoóc. Nhưng Ácnét chỉ nhìn tôi trong khi cậu nói và chỉ khẽ lắc đầu khi chỉ còn một mình tôi nhìn nàng.

Vì nàng sống giữa những người mà tôi tin rằng nàng cảm thấy không thoải mái, cho nên tôi cảm thấy gần như sung sướng khi nghe tin vài ngày nữa nàng sẽ về. Tôi buồn rầu khi nghĩ rằng chỉ sau ít hôm nữa là tôi phải từ biệt nàng. Vì vậy tôi đã nán lại, sau khi các tân khách đã ra về. Tôi nói chuyện với nàng và nghe nàng hát. Điều đó nhắc cho tôi nhớ đến cuộc đời sung sướng của tôi ở trong ngôi nhà cổ kính mà nàng đã làm cho nó đẹp lên. Tôi có thể ở lại đấy cho tới nửa đêm; nhưng vì không có lý do gì để nán lại lâu hơn khi tất cả các ngọn đèn trong phòng khách của ông Oatơbrúc đều đã tắt, tôi đành từ biệt ra về. Hơn bao giờ hết, lúc ấy tôi cảm thấy là nàng tiên của tôi và nếu như tôi nghĩ rằng khuôn mặt dịu dàng của nàng và nụ cười bình thản dường như từ một đấng xa xôi giống như một vị thiên thần chiếu xuống, thì theo ý tôi, đó vẫn là một ý nghĩ vô hại.

Tôi đã nói rằng tất cả tân khách đều ra về, nhưng tôi phải loại trừ thằng cha Uria mà tôi không thể xếp vào hạng tân khách được - vẫn cứ luôn luôn quanh quẩn cạnh chúng tôi. Hắn theo sát bên tôi khi tôi bước xuống cầu thang. Hắn theo sát bên tôi khi tôi rời khỏi ngôi nhà, chậm rãi nhét những ngón tay dài khẳng khiu vào trong những ngón dài hơn của đôi găng tay, xứng đáng được dùng làm đôi găng tay của Guy Phaocơ[4].

Tôi không thích đi cạnh Uria chút nào, nhưng vì nhớ đến lời van nài của Ácnét hôm trước, nên tôi hỏi hắn có muốn cùng tôi về phòng uống một cốc cà-phê không.

"Ồ! Cậu Copơphin", hắn nói, "tôi xin lỗi cậu; lẽ ra tôi phải gọi cậu là ông, nhưng cái chữ "cậu" cứ đến một cách tự nhiên…

Tôi không muốn rằng cậu phải tự gò ép mình khi mời một người hèng kém như tôi đến nhà cậu".

"Chẳng có gì là gò ép cả", tôi nói. "Anh có đến không?"

"Tôi rất muốn đến, rất muốn", Uria nói, người uốn éo.

"Nếu thế thì đi thôi!" Tôi nói.

Tôi không thể nào không có thái độ hơi xẵng đối với hắn, nhưng hắn tỏ ra không để ý gì đến điều đó cả.

Chúng tôi đi theo con đường gần nhất, trên đường đi không nói chuyện nhiều, còn hắn tỏ ra khúm núm với đôi găng tay xấu xí mà hắn đang đút vào ngón tay và dường như không tiến được một bước nào trong công việc khó khăn này. Khi chúng tôi về đến nhà, tôi dắt hắn lên cầu thang tối om, để cho đầu hắn khỏi va phải bất kỳ vật gì, nhưng quả thật bàn tay lạnh và ướt nhơn nhớt của hắn nằm trong tay tôi như một con cóc, đến nỗi có lúc tôi đã muốn vứt nó đi để bỏ chạy, nhưng Ácnét và lòng hiếu khách

đã thắng, và tôi dẫn hắn đến bên bếp lửa. Khi tôi đốt nến lên, hắn tỏ ra say sưa ngây ngất trước căn phòng, và khi tôi đun cà-phê trong một cái hộp sắt tây mà bà Crơp vẫn thích dùng vào việc này (chủ yếu, theo ý tôi, vì đó là một cái hộp đựng xà phòng cạo râu chứ không phải để dùng vào việc này, và như vậy, một cái đun cà phê đắt tiền có thể nằm mốc meo trong nhà bếp), hắn tỏ ra cảm động đến nỗi tôi muốn luộc cả hắn đi.

"Ồ! Cậu Copơphin, tôi muốn nói ông Copơphin", Uria nói, "cậu tiếp tôi thực là một điều tôi không bao giờ dám nghĩ tới! Nhưng dẫu sao cũng có nhiều việc đã xảy tới cho tôi mà tôi không bao giờ dám ngờ tới. Thực vậy, trong địa vị thấp hèng của tôi, tôi có cảm tưởng như trời phật đang phù hộ tôi. Cậu có nghe nói gì về một sự thay đổi trong tiền đồ của tôi không, cậu Copơphin? À quên, tôi muốn nói ông Copơphin."

Nhìn hắn ngồi trên cái xô-pha của tôi, hai đầu gối dài lòng thòng gấp lại dưới cái tách cà-phê của hắn, cái mũ và đôi găng tay đặt ở dưới đất, bên cạnh hắn, cái thìa cứ luôn luôn chạy quanh tách một cách chậm chạp, đôi mắt đỏ trơ trẽn có vẻ như đã đốt hết cả lông mi đang quay về phía tôi, nhưng không nhìn tôi, hai lỗ mũi mà tôi đã miêu tả ở trên hóp lại thành những lỗ sâu hoắm dễ sợ mỗi khi hắn hít vào rồi lại biến mất khi thở ra, và toàn thân hắn quằn quại như con rắn từ cằm đến đôi bốt, trong lòng tôi cảm thấy ghét hắn vô cùng. Tôi cảm thấy lúng túng đã mời hắn về nhà, vì lúc bấy giờ tôi còn trẻ không quen che giấu một cảm giác mà tôi cảm thấy rất sâu sắc.

"Cậu có nghe nói qua, chắc hẳn thế, về một sự thay đổi đã xảy đến trong tương lai của tôi không, cậu Copơphin - à, tôi phải gọi là ông Copơphin chứ?", Uria nói.

"Có," tôi nói, "tôi có nghe".

"À! Tôi chắc rằng cô Ácnét phải biết chuyện đó!" Hắn trả lời, giọng điềm nhiên. "Tôi rất sung sướng thấy cô Ácnét biết việc đó. Ồ! Cám ơn cậu, cám ơn cậu, à quên, ông Copơphin".

Tôi muốn ném cái xỏ giầy vào mặt hắn (cái này nằm sờ sờ trên thảm) để trừng phạt hắn đã dùng mánh khóe bắt tôi phải bộc lộ một điều gì về Ácnét, mặc dầu điều ấy hết sức vụn vặt. Nhưng tôi chỉ uống cà phê.

"Quả thật cậu là một vị tiên tri trứ danh, cậu Copơphin ạ!" Uria nói tiếp. "Trời ơi! Cậu thực là tiên tri! Cậu có nhớ có lần cậu bảo tôi rằng tôi sẽ là người cộng tác trong công việc của ông Uýchơphin và biết đâu ngôi nhà này sẽ mang tên Uýchcơphin và Híp? Cậu có thể không nhớ điều đó. Nhưng khi người ta hèn kém, cậu Copơphin ạ, người ta giữ những kỷ niệm ấy như những bảo vật".

"Tôi nhớ có nói thế", tôi nói, "mặc dầu lúc bấy giờ quả thực tôi không tin là có thể xảy ra".

"Ồ! Lúc đó ai có thể tin là có thể xảy ra, cậu Copơphin!" Uria đáp, giọng say sưa. "Tôi dám chắc rằng chính tôi cũng không tin. Tôi nhớ chính tôi đã bảo với cậu rằng tôi là người thấp hèng quá. Tôi quả thực nghĩ như vậy…".

Khi tôi nhìn hắn thì hắn đang đăm đăm nhìn ngọn lửa. Một cái cười nhăn nhở hiện lên, in sâu hoắm trên mặt hắn.

"Nhưng những con người thấp hèng nhất, cậu Copơphin ạ, cũng có thể là những công cụ có ích. Tôi rất vui sướng nghĩ rằng tôi đã là một công cụ có ích cho ông Uýchcơphin và tôi còn có thể là một công cụ như thế. Ồ, ông ta thực là một con người quý hóa, cậu Copơphin ạ! Nhưng ông không biết lo xa".

"Tôi rất buồn khi nghe điều đó", tôi nói, và không thể nào không nói thêm, giọng châm biếm: "về tất cả mọi mặt!"

"Đúng là như thế, cậu Copơphin ạ", Uria đáp, "về tất cả mọi mặt. Và nhất là về cô Ácnét. Chắc cậu không nhớ những lời hùng hồn mà cậu đã nói, nhưng cậu Copơphin ạ, tôi thì tôi nhớ, có một hôm cậu bảo tôi rằng mọi người đều phải thán phục cô ấy và tôi biết ơn cậu về câu ấy lắm! Cậu đã quên điều ấy, chắc là thế phải không, cậu Copơphin?"

"Không", tôi nói rất xẵng giọng.

"Ồ! Nghe cậu nói cậu không quên, tôi thật là mát ruột", Uria kêu lên, "khi nghĩ rằng cậu là người đầu tiên đã nhen lên cái tia lửa tham vọng ở trong lồng ngực thấp hèng của tôi và cậu không quên lời nói ấy… Ồ! Cậu tha lỗi cho tôi, cậu cho tôi một tách cà phê nữa nhé?"

Có cái gì trong giọng nói của hắn khi hắn nói đến việc nhen lên tia lửa kia, và có cái gì trong ánh mắt của hắn hướng về phía tôi khi hắn nói câu ấy, điều đó làm tôi giật nẩy mình và như thấy hắn được chiếu sáng bởi một ánh sáng rực rỡ. Hắn nhắc lại lời yêu cầu với một giọng khác hẳn làm tôi sực tỉnh và tôi lại lấy cái hộp xà phòng cạo râu để đun; nhưng trong khi đun bàn tay tôi cứ run lẩy bẩy và đột nhiên tôi cảm thấy rằng không thể nào đương đầu nổi với hắn, và cảm thấy một niềm lo lắng mơ hồ không biết rồi hắn sẽ nói điều gì đây và thế nào tôi cũng không thoát khỏi sự quan sát của hắn.

Hắn không nói gì hết. Hắn cứ thong thả quấy cà-phê, uống từng ngụm nhỏ, lấy bàn tay ghê tởm sờ nhè nhẹ lên cằm, hắn nhìn ngọn lửa, hắn nhìn xung quanh gian phòng, hắn há hốc miệng hơn là cười với tôi. Người hắn uốn éo và đu đưa với cái vẻ khúm na khúm núm rất hèn hạ. Hắn lại quấy cà-phê và uống từng ngụm nhỏ, mặc tôi nói tiếp câu chuyện. Cuối cùng, tôi nói:

"Ông Uýchcơphin giá trị hơn anh gấp năm trăm lần… hay hơn tôi như vậy" (tôi nghĩ rằng nếu câu này liên quan đến đời tôi, tôi cũng không thể nào không cắt câu này một cách vụng về thành hai đoạn) anh nói rằng ông Uýchcơphin không biết lo xa, phải không?"

"Thực đấy mà, không biết lo xa, cậu Copơphin ạ", Uria đáp, thở dài có vẻ khúm núm. "Ồ! Thật thế mà! Nhưng tôi muốn cậu cứ gọi tôi là Uria, nếu như cậu thích. Điều đó làm chúng ta nhớ đến thời xưa".

"Được! Vậy thì Uria", tôi nói, nhưng gọi tên hắn một cách khó khăn thế nào ấy.

"Rất cảm ơn", hắn trả lời say sưa. "Cảm ơn cậu Copơphin. Nghe cậu gọi Uria, tôi như nghe đến tiếng gió bấc thổi hay tiếng chuông ngày xưa. Nhưng, xin lỗi cậu. Tôi vừa nói điều gì đấy nhỉ?"

"À! Anh vừa nói về ông Uýchcơphin", tôi nói.

"Ồ! Vâng, đúng thế," Uria nói, "ông ta thực là không biết lo xa, cậu Copơphin ạ. Đây là một câu chuyện mà tôi không muốn nói với ai ngoài cậu. Ngay cả với cậu nữa tôi cũng chỉ dám nói phớt qua. Nếu có một người khác chứ không phải tôi ở vào địa vị của tôi mấy năm nay thì hắn đã cưỡi lên cổ ông Uýchơphin, (mặc dầu, cậu Copơphin ạ, ông ta là một con người đứng đắn!), cưỡi… lên cổ ông!" Uria nói, giọng rất chậm rãi, xòe bàn tay có vẻ tàn ác lên bàn và ấn ngón tay trỏ lên đấy mạnh đến nỗi cái bàn rung chuyển và cả gian phòng cũng rung chuyển theo.

Trước cảnh tượng ấy, tôi có cảm tưởng rằng dù tôi thấy hắn giẫm chân lên đầu ông Uýchcơphin, tôi cũng không thể nào căm ghét hắn hơn.

"Ồ! Lạy Chúa! Thực đấy, cậu Copơphin ạ", hắn nói, giọng dịu dàng, trái ngược hẳn với cử chỉ của ngón tay trỏ vẫn cứ đè nặng như trước, "về khoản ấy thì không phải nghi ngờ gì hết. Ông ta sẽ bị phá sản, mất thể diện và không biết còn bị những gì nữa. Ông Copơphin biết điều đó lắm. Tôi là công cụ thấp hèng đã phục vụ ông một cách thấp hèn và ông đã đưa tôi lên một địa vị cao quý mà tôi không thể nào dám mong mỏi đạt đến. Tôi đội ơn ông ta vô cùng!"

Hắn quay mặt về phía tôi khi nói xong câu này, nhưng không nhìn tôi, hắn rút ngón tay trỏ cong queo ra khỏi cái nơi hắn đã cắm vào và gãi gãi cái cằm xương xẩu ra vẻ tư lự như hắn đang cạo râu.

Tôi còn nhớ lòng tôi sôi sục căm phẫn khi tôi thấy cái mặt tinh quái của hắn càng lộ rõ dưới ánh sáng đỏ của ngọn lửa và biết rằng hắn đang chuẩn bị nói một điều gì nữa.

"Cậu Copơphin," hắn bắt đầu, "nhưng tôi sợ làm cậu mất ngủ".

"Không đâu, thường thường đến khuya tôi mới ngủ".

"Cám ơn cậu. Tôi đã leo lên khỏi địa vị thấp hèn của tôi từ khi cậu nói với tôi lần đầu tiên, điều đó là sự thực, nhưng bao giờ tôi cũng vẫn là kẻ thấp hèn. Tôi hy vọng rằng sẽ cứ vẫn thấp hèn như thế. Chắc cậu sẽ không có ý nghĩ xấu hơn về tình cảnh thấp hèn của tôi nếu như tôi bộc lộ với cậu một chút ít tâm sự, cậu Copơphin, cậu thấy thế nào?"

"Ồ, không đâu", tôi nói gượng gạo.

"Rất cảm ơn!"

Hắn rút găng tay ra, bắt đầu lau mu bàn tay.

"Cậu Copơphin ạ, cô Ácnét…"

"Cái gì thế? Uria…"

"Ồ! Được nghe cậu gọi tôi là Uria một cách hồn nhiên, thật sung sướng quá." Hắn nói to và nhổm người một cái như một con cá đang giãy giụa. "Cậu thấy cô ấy tối nay rất xinh đẹp, có phải không cậu Copơphin?"

"Tôi thấy cô ấy cũng như mọi ngày, hơn tất cả mọi người ở chung quanh về mọi mặt", tôi đáp.

"Ồ, cảm ơn cậu! Thật là đúng quá", hắn kêu lên. Cám ơn cậu lắm vì đã nói thế".

"Có gì đâu," tôi nói, giọng khinh khỉnh, "anh chẳng có lý do gì để cảm ơn tôi hết".

"Có chứ, thưa cậu", Uria nói, "điều tâm sự của tôi mà tôi đánh bạo nói với cậu chính là ở đấy! Mặc dầu tôi là kẻ thấp hèn đến đâu" (hắn lau tay còn dữ dội hơn nữa và lần lượt nhìn ngọn lửa rồi đến hai bàn tay) "mặc dầu mẹ tôi có thấp hèn đến đâu và ngôi nhà của chúng tôi nghèo nàn có thấp hèn đến đâu, hình ảnh của cô Ácnét vẫn ngự trị trong trái tim tôi đã bao năm nay (tôi đánh bạo nói cho cậu biết điều bí ẩn của tôi, cậu Copơphin ạ vì xưa nay tôi vẫn đầy thiện cảm đối với cậu, từ hôm đầu tiên tôi được dịp ngắm cậu trong chiếc xe ngựa). Cậu Copơphin ạ! tôi yêu với một tình yêu trong trắng, ngay cả mặt đất mà nàng Ácnét của tôi đã giẫm lên."

Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ điên rồ là vồ lấy thanh sắt khơi lò đang nóng đỏ kéo ra khỏi ngọn lửa và đâm qua người hắn. Ý nghĩ ấy xuyên qua người làm tôi đau nhói như bị một phát đạn; nhưng hình ảnh Ácnét bị con vật tóc đỏ kia làm ô nhục, tuy chỉ trong ý nghĩ, vẫn gắn vào trí óc tôi khi nhìn hắn đang ngồi lệch cả người (dường như cái tâm hồn hèn hạ của hắn làm cho thân hình của hắn quằn quại) và tất cả điều này làm tôi chóng mặt. Tôi dường như thấy hắn lớn lên, phình to ra trước mặt tôi, căn phòng dường như đầy tiếng vang giọng nói của hắn và tâm hồn tôi bị xâm chiếm bởi một cảm giác lạ lùng (mặc dầu có lẽ không ai không biết) rằng tất cả điều này trước đây đã xảy ra ở một thời gian vô định, và tôi biết điều hắn sắp sửa nói.

Tôi kịp thời nhìn thấy trên mặt hắn ý thức về quyền lực của hắn và điều đó đã giúp cho tôi nhiều hơn cậu những cố gắng của tôi để nhớ lại lời cầu khẩn của Ácnét. Tôi bèn hỏi hắn, giọng điềm tĩnh hơn, rằng một phút trước đây, tôi không tin rằng hắn có thể bộc lộ tình cảm của hắn về Ácnét.

"Ồ! Không, cậu Copơphin ạ!" Hắn đáp. "Cố nhiên là không. Tôi chỉ nói điều đó với cậu mà thôi. Tôi chỉ vừa mới ngoi lên khỏi địa vị thấp hèn của mình, như cậu thấy đấy. Tôi hy vọng nhiều về chỗ cô Ácnét sẽ thấy tôi có ích cho ông cụ như thế nào (vì tôi quả thực tin chắc rằng tôi rất có ích cho ông cụ, cậu ạ). Cô sẽ hiểu tôi đã dẹp được những khó khăn của ông cụ và làm cho ông cụ khỏi suy sụp. Cô rất yêu quý ông cụ, cậu Copơphin ạ! (và đức tính ấy ở một người con gái thực là đáng yêu). Và có thể, tôi nghĩ như vậy, cô để ý đến tôi vì ông cụ…".

Tôi hiểu hết mức độ sâu sắc của tất cả mưu mô của tên hèn mạt này và tôi hiểu tại sao hắn lại thổ lộ cho tôi biết.

"Nếu như cậu có lòng tốt giữ bí mật cho tôi, cậu Copơphin ạ!" Hắn nói, "và nói chung, không cản trở tôi, thì tôi sẽ xem đó là một đặc ân. Chắc cậu không muốn gây cho tôi những điều khó chịu. Tôi biết rằng cậu là một người bụng rất tốt nhưng vì cậu chỉ biết tôi ở địa vị thấp hèn (tôi phải nói là ở địa vị thấp hèn nhất, bởi vì tôi vẫn còn rất thấp hèn), cậu có thể làm hại đến tôi về việc nàng Ácnét của tôi. Tôi gọi cô là cô Ácnét của tôi như cậu thấy đấy, cậu Copơphin ạ! Có một bài hát nói rằng: "Tôi thà từ bỏ ngai vàng để gọi nàng là của tôi". Tôi hy vọng rằng một ngày kia tôi cũng sẽ nói được như vậy".

Ácnét thân yêu! Con người yêu quý mọi người và tốt với mọi người, lẽ nào số phận lại bắt nàng trở thành vợ của tên hèn mạt này?

"Hiện nay vẫn chưa có gì là gấp, cậu thấy đấy, cậu Copơphin ạ," Uria nói tiếp, với những cử chỉ uốn éo trong khi tôi ngồi trố mắt nhìn hắn, đầu óc chỉ nghĩ tới điều đó, "nàng Ácnét của tôi còn trẻ lắm, hai mẹ con tôi còn phải vươn lên nhiều nữa và phải xếp đặt nhiều việc nữa mới có thể thực hiện được điều đó. Như vậy tôi sẽ còn thì giờ dần dần làm cho nàng quen với những mong ước của tôi khi nào có dịp. Ồ! Tôi rất cảm ơn cậu đã nghe lời tâm sự này! Ồ! Cậu không thể tưởng tượng được rằng lòng tôi nhẹ nhàng như thế nào khi biết rằng cậu hiểu tình cảnh của tôi và chắc hẳn sẽ không cản trở tôi (bởi vì cậu không muốn gây khó khăn cho gia đình cô Ácnét!)."

Hắn nắm lấy tay tôi mà tôi không dám từ chối, và sau khi nắm chặt tay tôi làm tay tôi ướt đẫm, hắn giở cái đồng hồ xanh mốc của hắn ra.

"Trời!" Hắn nói, "đã hơn một giờ khuya rồi à? Thời gian trôi nhanh quá khi người ta nhắc đến thời xưa quý báu, cậu Copơphin ạ! Đã gần một giờ rưỡi rồi!"

Tôi đáp lại rằng tôi tưởng là còn khuya hơn thế nữa, không phải vì tôi thực tình tin như vậy, nhưng vì tất cả cái tài nói chuyện của tôi quả thực đã tiêu ma hết.

"Trời ơi!" Hắn nói, có vẻ nghĩ ngợi, "ngôi nhà mà hiện nay tôi ở, gần Niu Rivơ, là một thứ khách sạn gia đình và nhà chứa trọ, cậu Copơphin ạ, ở đấy người ta ngủ đã được hai giờ rồi".

"Tôi rất tiếc", tôi đáp, "ở đây chỉ có một cái giường… và tôi…"

"Ồ! Đừng nói đến chuyện giường chiếu gì nữa, cậu Copơphin ạ" hắn nói, giọng say sưa, co một chân lên. "Cậu có thấy trở ngại gì khi tôi nằm ở trước bếp lửa không?"

"Nếu đã đến tình cảnh này", tôi nói, "thì anh cứ ngủ trên giường tôi đi. Còn tôi, tôi sẽ nằm trước lò sưởi".

Để từ chối đề nghị này, hắn kêu lên một tiếng lanh lảnh vì quá ngạc nhiên và tỏ vẻ khiêm tốn đến nỗi tiếng kêu đến tai bà Crớp, tôi chắc rằng bà ta lúc này đang ngủ trong một căn phòng ở xa, gần mặt nước khi nước xuống, ở đấy giấc ngủ của bà được ru bởi tiếng kêu tích tắc của một chiếc đồng hồ bất trị mà bao giờ bà cũng viện ra làm chứng khi chúng tôi có chuyện cãi cọ về việc giờ giấc của bà; đồng

hồ này bao giờ cũng chậm ít nhất là bốn mươi lăm phút, mặc dầu sáng nào bà cũng lấy lại giờ theo những đồng hồ có uy tín nhất. Tất cả những lý do tôi đưa ra trong lúc hoảng hốt đều không có tác dụng gì đối với sự khiêm tốn của Uria và không làm sao cho hắn nằm trên giường, tôi đành phải thu xếp cho hắn nằm trước ngọn lửa một cách chu đáo nhất. Chiếc đệm của cái xô-pha (quá ngắn đối với thân hình to lớn khẳng khiu của hắn), những chiếc gối của cái xô-pha, chiếc khăn, chiếc khăn bàn, một chiếc khăn ăn sạch sẽ và một áo khoác to tướng, làm thành một cái giường cho hắn và hắn cho rằng như thế là tươm lắm rồi. Sau khi trao cho hắn một cái mũ trụp mà hắn đội ngay lên đầu, làm cho hắn có một dáng điệu kinh khủng (đến nỗi từ hôm ấy tôi không bao giờ dám đội cái mũ ấy nữa) tôi để mặc hắn nằm ngủ.

Tôi sẽ không bao giờ quên được đêm hôm ấy. Tôi sẽ không bao giờ quên tôi đã nằm trằn trọc như thế nào, cứ nghĩ đến Ácnét và cái thằng ấy, cứ nghĩ đến những điều tôi có thể làm và tôi phải làm, và tôi chỉ đi đến một kết luận duy nhất: thái độ thích hợp nhất để cho Ácnét được yên tĩnh, đó là đừng nói gì hết và giữ riêng trong lòng những điều tôi đã biết được.

Tôi vừa chợp mắt được vài phút thì gương mặt của Ácnét, với đôi mắt đầy trìu mến, và hình ảnh của cha nàng đang nhìn nàng âu yếm (như tôi vẫn thường thấy ông nhìn nàng) lại hiện ra trước mắt tôi với những nét cầu khẩn làm cho tôi hoảng sợ vẩn vơ. Khi tôi chợt thức tỉnh, ý nghĩ rằng Uria nằm ngủ ở căn phòng bên cạnh đè nặng trong đầu óc tôi như một cơn ác mộng, làm tôi sợ hãi mơ hồ, dường như có một con quỷ hèn hạ đang ở trọ trong nhà.

Không những thế, cái que cời than cũng lọt vào những ý nghĩ mơ màng của tôi mà không chịu đi đâu hết. Đầu óc mơ mơ màng màng, tôi cho rằng nó đang đỏ rực và tôi đã kéo nó ra khỏi bếp lửa và đâm qua người Uria. Ý nghĩ này ám ảnh tôi đến nỗi mặc dầu tôi biết đó là một ý nghĩ ngớ ngẩn, tôi vẫn phải lẻn vào căn phòng bên cạnh để nhìn hắn. Tôi thấy hắn nằm ở đấy, đôi chân dài vô tận, cổ họng ngáy khò khò, lỗ mũi thở phì phì và miệng há hốc như một hòm thư. Trong thực tế, hắn còn xấu hơn là cái hình ảnh của hắn trong óc tưởng tượng ốm yếu của tôi, và tuy căm ghét hắn, tôi vẫn cứ bị thu hút về phía hắn và không thể nào không nhìn hắn, cứ sau nửa giờ tôi lại phải quay lại một lần, liếc mắt nhìn hắn. Nhưng đêm dài dằng dặc vẫn cứ có vẻ nặng nề, tuyệt vọng và bầu trời âm u không hứa hẹn buổi ban mai sẽ đến!

Khi tôi thấy hắn bước xuống cầu thang gác sáng sớm hôm sau (bởi vì may phúc cho tôi hắn không ở lại ăn điểm tâm), tôi có cảm tưởng bóng đêm cùng biến mất với hắn. Khi tôi đến Pháp-viện, tôi ân cần dặn bà Crop cứ để cửa sổ mở rộng để cho phòng thoáng khí và quét sạch sự có mặt của Uria.

---

[1] Sêcxpia: *Otenlô*, hồi 2, cảnh 3.

[2] Cuộc du hành của Thị trưởng thành Luân-đôn.

[3] Câu này lấy trong lời độc thoại của Hămlét, Hồi 3, cảnh 1: "như vậy lương tâm quả thực làm cho chúng ta thành những tên hèn nhát".

[4] Guy Phaocơ là người muốn làm nổ tung thành phố Luân-đôn bằng cách chôn thuốc súng rồi châm ngòi đốt vào năm 1605. Mỗi năm ở Luân-đôn vào ngày 11 người ta đốt một hình bù nhìn của Guy Phaocơ để kỷ niệm.

Chương XXVI
TÔI BỊ CẦM TÙ

Tôi không gặp lại Uria Híp mãi cho đến ngày Ácnét rời khỏi Luân-đôn. Tôi đến trạm xe ngựa để từ giã nàng và tiễn chân nàng. Hắn cũng có mặt ở đấy, hắn trở về Cantơbơri cùng chuyến xe. Nhìn thấy cái áo khoác màu tím sẫm ngắn cũn cỡn với đôi vai nhọn hoắt, nhô lên bên cạnh chiếc ô giống như một chiếc lều con, ở chỗ ngoài cùng của hàng ghế cuối trên chiếc xe ngựa, trong khi Ácnét cố nhiên là ngồi ở phía trong, tôi cảm thấy cũng hơi thinh thích. Những cố gắng mà tôi phải chịu đựng để có thể tỏ ra thân mật đối với hắn dưới con mắt của Ácnét cũng đáng được hưởng sự đền bù nhỏ nhặt này. Ngồi ở cửa sổ của chiếc xe ngựa, cũng như ở bữa tiệc hôm nọ, hắn dường như bay lượn trên đầu chúng tôi không lúc nào nghỉ, chẳng khác gì một con diều hâu to tướng đang uống từng lời mà Ácnét và tôi trao đổi với nhau.

Tâm hồn bối rối do những lời tâm sự của hắn với tôi bên lò sưởi đêm hôm ấy gây nên, việc tôi đã nhiều lần nghĩ đến điều Ácnét nói với tôi về việc cha nàng cộng tác với Uria Híp: "Tôi đã làm điều tôi cho là phải làm. Cảm thấy chắc chắn rằng sự hy sinh này là cần thiết để cho ba tôi được yên ổn, tôi đã van nài ba tôi cứ làm như thế". Từ phút ấy, một linh cảm nặng nề đè lên tâm trí tôi rằng nàng sẽ vâng theo lời cha cũng vì những ý nghĩ như vậy, và những ý nghĩ ấy sẽ khiến cho nàng có đủ nghị lực chịu mọi sự hy sinh vì tình yêu đối với cha. Tôi biết rằng nàng yêu cha nàng lắm. Tôi biết rằng bản tính nàng có thể chịu đựng được những sự hy sinh to lớn như thế nào. Tôi biết vì đã nghe chính nàng nói, rằng nàng tự cho mình là nguyên nhân vô tội khiến cho cha nàng lầm lạc; và nàng cảm thấy mắc một món nợ đối với cha mà nàng rất thiết tha muốn trả. Tôi không cảm thấy một chút an ủi nào khi nhìn thấy nàng thực khác xa cái thằng tóc đỏ đáng ghét mặc áo khoác màu tím sẫm; bởi vì tôi nhận thấy rằng nguy cơ chủ yếu lại chính là sự khác nhau giữa lòng hy sinh của cái tâm hồn trong trắng của nàng với sự hèn mạt bẩn thỉu của Uria. Dĩ nhiên hắn biết tất cả những điều đó và hắn đã khôn ngoan tính trước tất cả.

Tuy nhiên, tôi tin chắc một điều, đó là cái viễn cảnh - dù xa xôi đi nữa - của một sự hy sinh như vậy thế nào cũng làm tiêu ma tất cả hạnh phúc của Ácnét. Thái độ của nàng làm tôi thấy rõ ràng rằng hắn vẫn còn chưa tỏa cái bóng đen của hắn xuống người nàng, và tôi có thể làm cho nàng đau khổ nếu báo cho nàng biết những điều đe dọa đang chờ đợi nàng.

Thế là chúng tôi chia tay không một lời giải thích. Nàng vẫy tay và mỉm cười với tôi ở cửa xe ngựa, còn thằng quỷ sứ của nàng thì đang uốn éo thân hình ở trong xe, dường như hắn đã đắc thắng tóm được nàng giữa những nanh vuốt của hắn.

Trong một thời gian dài tôi không sao xua đuổi được hình ảnh này của cuộc chia tay. Khi Ácnét viết thư cho tôi báo rằng nàng đã về nhà bình yên mạnh khỏe, tôi vẫn đau khổ như khi tiễn nàng ra đi. Cứ mỗi lần tôi bâng khuâng nghĩ ngợi thì câu chuyện này thế nào cũng xuất hiện làm tôi càng khó chịu. Không mấy đêm là tôi không nằm mơ thấy nó. Hình ảnh này trở thành một bộ phận của đời tôi, một bộ phận khăng khít của đời tôi chẳng khác gì cái đầu của tôi.

Tôi có rộng rãi thì giờ để ngẫm nghĩ về điều lo lắng của tôi vì Xtiếcphoóc hiện ở Ocxphơt - như cậu ta viết thư cho tôi - và khi tôi không ở Pháp-viện thì tôi sống rất cô độc. Tôi nghĩ rằng lúc bấy giờ tôi đã hơi ngờ vực Xtiếcphoóc. Tôi trả lời thư cậu rất thân mật, nhưng trong thâm tâm tôi rất sung sướng thấy rằng cậu không thể đến ngay Luân-đôn. Tôi cho rằng sự thực là tôi đang chịu ảnh hưởng của Ácnét và ảnh hưởng ấy không bị hình ảnh Xtiếcphoóc cản trở, Ácnét lại càng có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tôi vì nàng chiếm một phần to lớn trong những ý nghĩ và sự quan tâm của tôi.

Trong thời gian này, ngày tháng cứ trôi qua… Tôi đã ký giao kèo với ông Xpenlô và Joockin. Cô tôi mỗi năm gửi cho tôi chín mươi bảng (không kể tiền trọ và những món tiền tiêu vặt khác). Gian phòng của tôi thuê trước mười hai tháng, và trong khi vẫn còn cảm thấy những buổi chiều lê thê và buồn bã, tôi vẫn có thể tận hưởng cái lạc thú của những phút mơ màng và uống cà-phê (tôi hồi tưởng lại hình như đã uống hàng lít trong thời gian ấy của đời tôi.

Cũng vào thời gian ấy, tôi phát hiện ra ba điều: thứ nhất là bà Crơp bị hành hạ khổ sở bởi một cái bệnh kỳ quặc gọi là "bệnh suyễn", bệnh này biểu hiện thường thường ở chỗ cái mũi bị nóng bỏng và đòi hỏi luôn luôn phải bôi bạc hà. Thứ hai là khí hậu ở trong phòng tôi nóng đến nỗi tôi không hiểu làm sao các chai rượu của tôi cứ vỡ tung ra. Và thứ ba, là tôi cô độc trên đời và sẵn sàng nói đến điều đó ở trong những mẩu thơ Anh ngắn ngủi.

Ngày ký giao kèo thực sự không có lễ nghi gì hết trừ những miếng xan-uých và rượu anh đào mà tôi sai mang đến phòng làm việc cho các nhân viên ở đấy, và buổi tối tôi đi xem kịch một mình. Tôi đi xem vở kịch "Người xa lạ"[1] và nghĩ rằng vở kịch này rất thích hợp với những người ở Pháp-viện, tôi bị một mẻ hoảng hốt đến nỗi khi trở về nhà, tôi khó lòng nhận ra mình khi nhìn vào gương. Khi tờ giao kèo đã ký, ông Xpenlô tuyên bố sẽ vui sướng đón tiếp tôi tại ngôi nhà của ông ta ở Noocut để ghi nhớ buổi đầu của những mối quan hệ giữa chúng tôi, nếu như ngôi nhà của ông không bị xáo trộn đôi chút về chuyện cô con gái vừa mới học xong ở Pari trở về như đã dự kiến trước. Nhưng ông cho tôi biết rằng khi cô gái đã về nhà, ông hy vọng có dịp mời tôi đến chơi. Tôi biết rằng ông góa vợ và chỉ có một cô con gái, và tôi cám ơn ông.

Ông Xpenlô giữ lời hứa. Sau một hay hai tuần gì đấy, ông nhắc lại lời hứa và bảo tôi rằng nếu tôi vui lòng đến nhà ông ngày thứ bảy sắp đến và ở đấy cho đến ngày thứ hai thì ông sẽ rất sung sướng. Cố nhiên, tôi trả lời ông rằng tôi rất muốn đến và ông phải đưa tôi về nhà trên chiếc xe ngựa của ông rồi lại đưa tôi về chỗ làm việc.

Khi ngày ấy đến, túi du lịch của tôi đã trở thành một vật được các nhân viên ăn lương ở đấy sùng bái, bởi vì đối với họ, ngôi nhà ở Noocut là một bí mật thiêng liêng. Một người bảo tôi rằng anh ta nghe nói ông Xpenlô chỉ ăn với những bát đĩa bằng sứ và bằng bạc; một người khác nói bóng rằng ở bàn ăn của ông người ta uống sâm-banh luôn luôn chẳng khác gì những người khác uống bia. Người viên chức già mang tóc giả tên Tipphây, trong thời gian làm việc đã đến đấy nhiều lần và mỗi lần như vậy cụ đều đến tận phòng ăn. Cụ miêu tả phòng này là một căn phòng hết sức sang trọng, và nói rằng ở đấy cụ đã uống thứ rượu anh đào mầu nâu của Ấn-độ ngon đến nỗi người ta phải nheo cả mắt lại.

Hôm ấy chúng tôi xét một vụ đã được hoãn lại ở tòa án các giáo sĩ. Đó là việc rút phép thông công một anh bán bánh mì vì đã phản đối việc trả tiền lát đường ở trong một hội nghị của địa phận. Và bởi vì những chứng cớ viết ra đúng là dài gấp hai lần quyển Rôbinxơn Cruxâu (theo sự tính toán của tôi) cho nên khi chúng tôi làm xong việc này thì đã muộn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn rút phép thông công của anh ta trong sáu tuần lễ và bắt anh ta trả những số tiền không biết bao giờ mới hết; sau đó người biện lý - luật sư của anh ta, ông thẩm phán và các trạng sư của cả hai bên (họ đều là bà con thân thiết của nhau) đều cùng nhau rời khỏi Luân-đôn và ông Xpenlô cùng tôi lên xe ngựa ra về.

Cỗ xe ngựa này thực là xinh đẹp.

Những con ngựa cúi cổ và giơ vó lên đường như chúng biết rằng chúng thuộc về Pháp-viện. Ở Pháp-viện cũng có nhiều người ganh đua nhau về mặt ăn diện, cho nên cũng có mấy cỗ xe rất lịch sự; nhưng bao giờ tôi cũng nghĩ và sẽ còn nghĩ rằng đầu đề chủ yếu của sự ganh đua là việc dùng hồ để là quần áo mà theo ý tôi mấy ông biện lý - luật sư dùng nó nhiều đến nỗi đạt tới mức cuối cùng mà bản

tính con người có thể chịu đựng được.

Chúng tôi lên đường đi rất vui vẻ và ông Xpenlô cho tôi biết vài ý kiến về cái nghề của tôi. Ông bảo tôi rằng đó là cái nghề cao quý nhất trên đời, không thể nào lẫn lộn nó với nghề luật sư tầm thường bởi vì đó là một việc khác hẳn, khó khăn hơn nhiều, không máy móc như thế và kiếm được nhiều tiền hơn nhiều, ở Pháp-viện chúng tôi thấy cuộc sống thoải mái hơn bất kỳ ở đâu - ông nói - và điều này làm cho chúng tôi tách ra thành một tầng lớp riêng được biệt đãi. Ông bảo rằng không thể nào phủ nhận một việc rất bực mình đó là chúng tôi phải phục vụ các luật sư, nhưng dẫu sao họ cũng thuộc về một chủng tộc, hèn kém bị tất cả các biện lý có óc tự hào khinh bỉ.

Tôi hỏi ông Xpenlô xem trong nghề này ông cho việc gì là thú nhất, ông đáp lại rằng đó là khi có một vụ kiện thẳng thừng về việc tranh chấp gia tài, với một gia tài kha khá từ ba vạn đến bốn vạn bảng, và điều đó có lẽ là tốt nhất, ông ta bảo trong vụ kiện như vậy người ta có thể kiếm được khá nhiều tiền dưới hình thức những lời biện hộ ở mỗi giai đoạn của vụ kiện, rồi đến hàng núi chứng cứ hết lần này xét hỏi, lại đến lần khác xét hỏi (đây là không nói đến khống tố ở Hạ-viện rồi ở Thượng- viện); nhưng vì người ta gần như tin chắc rằng số tiền ấy trả là lấy vào gia tài cho nên lại càng tấn công nhau dữ dội và hăng hái không kể tốn kém. Nói đoạn, ông Xpenlô lên tiếng ca ngợi các Pháp-viện nói chung. Điều đáng phục nhất ở trong Pháp-viện, theo ông đó là tính chất chặt chẽ của nó, đó là một tổ chức chặt chẽ nhất thế giới. Đó là lý tưởng của tiện nghi, tất cả đều rất gọn gàng. Thí dụ anh muốn xin ly hôn, hay xin bồi thường trước tòa án các giáo sĩ. Tốt lắm! Anh đặt vấn đề trước tòa án các giáo sĩ. Anh sẽ có một trò chơi thanh nhã, vui vẻ, yên tĩnh ở trong một nhóm nhỏ như một gia đình và anh tha hồ chơi cho đến khi xong. Nếu anh không vừa ý về tòa án các giáo sĩ, thì anh sẽ làm gì? Anh sẽ đến viện khống tố của giáo hội.

Viện khống tố của giáo hội là cái gì? Cũng tòa án ấy, cũng những luật gia ấy, nhưng với một ông chánh án khác, bởi vì ở đấy, ông chánh án của tòa án các giáo sĩ có thể đến biện hộ với tính cách trạng sư trong bất kỳ buổi nào. Tốt lắm. Thế rồi cái trò chơi thanh nhã ấy tiếp tục. Anh vẫn không bằng lòng ư? Anh làm gì bây giờ? Anh đến tòa án đại biện. Các đại biện là ai?…

Họ là những trạng sư đã dự với tính cách khán giả những trò chơi thanh nhã đã diễn ra ở hai tòa án kia, đã nhìn thấy người ta đánh bài, đã bàn bạc với những con bạc, thế rồi bây giờ lại đến ngồi để xét xử làm cho mọi người đều thỏa mãn. Những kẻ bất mãn - ông Xpenlô nói với tôi, giọng trịnh trọng - tóm lại có thể nói đến tình trạng mục nát của Pháp-viện, về sự cổ hủ của nó, về sự cần thiết phải cải tổ lại Pháp-viện, nhưng khi giá tiền một tạ lúa mì lên cao nhất là khi Pháp-viện bận việc nhất, và người ta có thể đặt tay lên tim mình mà nói với tất cả thế giới "nếu anh động đến Pháp-viện tức là làm nguy hại đến nước nhà đấy!"

Tôi chăm chú lắng nghe tất cả những lời ấy, và mặc dầu thú thật, tôi không tin rằng quốc gia phải chịu ơn Pháp-viện nhiều như ông Xpenlô đã nói, nhưng tôi vẫn kính cẩn tán thành ý kiến ông. Còn về chỗ ông nói đến giá một tạ lúa mì, thì tôi khiêm tốn cảm thấy rằng tôi không đủ sức xét đến điều đó và ý nghĩ ấy đã giải quyết vấn đề một cách hoàn toàn. Ngay đến bây giờ tôi vẫn không sao giải quyết được vấn đề một tạ lúa kia. Trong suốt đời tôi, nhiều lần nó lại xuất hiện để bắt tôi phải im lặng về bất kỳ vấn đề gì. Thực tình, tôi không hiểu rõ nó liên quan với tôi như thế nào, và nó có quyền gì để làm khổ tôi như thế trong rất nhiều trường hợp; nhưng mỗi khi tôi thấy ông bạn cũ của tôi và cái tạ lúa mì bị đưa vào câu chuyện một cách vất vả (tôi nhận thấy đó là trường hợp chung) thì tôi chịu thua ngay.

Nhưng đây chỉ là chuyện phiếm mà thôi. Tôi không phải là người đụng đến Pháp-viện để làm cho nước nhà bị tiêu diệt. Tôi im lặng tỏ vẻ ngoan ngoãn tán thành tất cả những điều tôi nghe một người hơn hẳn tôi về tuổi tác và kiến thức nói. Chúng tôi nói chuyện về vở kịch "Con người xa lạ", về kịch

và về hai con ngựa cho đến khi chúng tôi đến cổng nhà ông Xpenlô.

Ngôi nhà của ông Xpenlô có một cái vườn xinh xắn và mặc dầu thời tiết này không phải là thời tiết đẹp nhất trong năm để ngắm vườn, nhưng cái vườn vẫn được gìn giữ tuyệt diệu làm cho tôi hoàn toàn ngây ngất. Có một bãi cỏ xinh xinh, những lùm cây, những con đường thẳng tắp mà tôi chỉ nhìn thấy lờ mờ trong bóng tối vì bị một vòm đan mắt cáo che phủ, trên đấy, những bông hoa và những cây con mọc lên vào mùa hạ. Tôi nghĩ thầm: "Cô Xpenlô dạo chơi ở đây một mình. Trời ơi!"

Chúng tôi bước vào ngôi nhà được chiếu sáng rực rỡ và bước vào phòng áo, ở đấy, có mọi thức: mũ, mũ lưỡi trai, áo khoác, áo du lịch, găng tay, roi ngựa và gậy. Ông Xpenlô hỏi người đầy tớ:

"Cô Đôra đâu?"

"Đôra!" Tôi nghĩ thầm, tên xinh lạ!

Chúng tôi bước vào phòng cạnh đấy, (theo tôi, đó chính là phòng ăn nổi tiếng với thứ rượu anh đào màu nâu của Ấn-độ). Và tôi nghe có tiếng nói:

"Anh Copơphin, xin giới thiệu: Đôra, con gái tôi và người bạn thân của cháu nó."

Rõ ràng đấy là giọng nói của ông Xpenlô nhưng tôi không nhận ra, và không để ý đến chỗ đó là giọng của ai. Trong nháy mắt tất cả đều đã kết thúc, số phận của tôi đã bị quyết định: Tôi bị cầm tù, tôi thành nô lệ. Tôi yêu Đôra Xpenlô đến điên cuồng.

Đối với tôi, nàng không là người trần nữa. Nàng là một nàng tiên, một thiên thần, tôi không biết nàng là gì nữa… Nàng là một bảo vật chưa ai thấy, một vật tất cả mọi người đều mong muốn có được. Trong nháy mắt, tôi bị rơi tõm vào vực thẳm của tình yêu, không còn cách nào dừng lại ở trên bờ… không tài nào nhìn xuống đáy vực hay ngoái cổ lại phía sau. Thế là tôi rơi tõm xuống, đầu xuống trước, trước khi có đủ lý trí để nói với nàng một lời.

"Còn tôi," một giọng nói rất quen thuộc vang lên khi tôi cúi đầu xuống và lẩm bẩm điều gì đó, "tôi đã gặp ông Copơphin."

Người nói không phải là Đôra, không phải. Đó là người bạn thân của nàng: cô Mơcxtôn!

Tôi không nghĩ rằng tôi rất ngạc nhiên. Như tôi có thể nhận thấy, tôi không còn có thể ngạc nhiên nữa. Trong thế giới vật chất không còn cái gì đáng làm người ta phải ngạc nhiên, ngoài Đôra Xpenlô.

"Ồ!" Tôi nói, "thế nào, cô mạnh khỏe chứ, cô Mơcxtôn? Cô mạnh khỏe chứ?"

"Mạnh khỏe lắm!" Cô ta đáp.

"Còn ông Mơcxtôn thế nào?" Tôi nói thêm.

"Em tôi vẫn tráng kiện, cảm ơn ông", cô đáp.

Tôi cảm thấy ông Xpenlô ngạc nhiên thấy chúng tôi nhận ra nhau, ông ta nói:

"Anh Copơphin ạ, tôi rất sung sướng thấy hai người đã quen biết nhau từ trước."

"Ông Copơphin và tôi", cô Mơcxtôn nói, với cái vẻ nghiêm nghị, lạnh lùng, "là chỗ quen biết cũ. Trong lúc ông ấy còn nhỏ, chúng tôi có biết nhau đôi chút. Từ dạo ấy, hoàn cảnh đã làm cho chúng tôi xa cách nhau. Tôi suýt nữa không nhận ra ông ta."

Tôi đáp lại rằng tôi sẽ nhận ra cô ta bất kỳ ở đâu. Điều đó thực rất đúng, ông Xpenlô nói:

"Cô Mơcxtôn đã có lòng tốt nhận lấy nhiệm vụ, nếu tôi có thể nói như vậy, làm người bạn tâm sự của cháu Đôra. Cháu Đôra tôi không may mồ côi mẹ, cô Mơcxtôn đã có lòng tốt làm bạn và người che

chở cho cháu."

Ý nghĩ rằng cô Mơcxtôn là một thứ công cụ, một thứ võ khí gọi là tự vệ - nhưng thực ra không phải để tự vệ mà để tấn công - thoáng hiện lên trong óc tôi. Nhưng vì tôi chỉ có những ý nghĩ thoáng qua đối với bất kỳ những cái gì không phải là Đôra nên tôi liền quay về phía nàng.

Nhìn thái độ cáu kỉnh rất đáng yêu của nàng, tôi tự nhủ nàng xem ra không thích tâm sự với người bạn và người che chở nàng. Vừa lúc ấy có tiếng chuông, ông Xpenlô bảo tôi rằng đó là tiếng chuông đầu tiên báo bữa ăn tối và kéo tôi đi thay quần áo.

Ý nghĩ mặc quần áo hay làm bất kỳ điều gì ở trong tình trạng say mê của tôi cũng đều có vẻ quá lố bịch. Tôi chỉ biết ngồi trước ngọn lửa, miệng cắn cái chìa khóa của chiếc túi du lịch, đầu óc nghĩ đến nàng Đôra đáng yêu có vẻ đẹp mê hồn, thơ ngây và đôi mắt sáng. Thân hình đâu mà xinh đẹp thế, gương mặt đáng yêu, cử chỉ thật là dễ thương, cám dỗ!

Tiếng chuông rung lần thứ hai, lát sau vang lên nhanh quá khiến tôi ăn mặc vội vàng, chứ không kịp tô vuốt cẩn thận như tôi muốn trong hoàn cảnh này, và tôi bước xuống thang gác. Ở đấy có vài người khách. Đôra nói chuyện với một cụ già tóc bạc. Mặc dầu cụ tóc bạc và mặc dầu cụ nói đến những đứa chắt của cụ, tôi vẫn đâm ghen tức điên cuồng với cụ.

Tôi ở trong một tình trạng đến buồn cười! Tôi đâm ghen với tất cả mọi người. Tôi không thể nào chịu đựng có một người nào đó quen ông Xpenlô hơn tôi. Nghe người ta nói đến những việc mà tôi không hề tham dự, tôi cảm thấy như chịu cực hình. Khi một ông rất dễ thương có cái trán hói láng bóng như gương từ đằng kia bàn hỏi tôi có phải đây là lần đầu tôi xem vườn không, tôi cảm thấy muốn trị cho ông ta hết sức phũ phàng tàn nhẫn.

Tôi không nhớ có một người nào có mặt ở đây, ngoài Đôra. Tôi không mảy may nhớ những món ăn tối hôm ấy, ngoài Đôra. Tôi cảm thấy rằng chỉ ăn Đôra mà thôi và tôi trả lại đến năm sáu đĩa mà không động đến. Tôi ngồi cạnh nàng. Tôi nói chuyện với nàng. Nàng có giọng nói nhỏ nhẻ ngọt ngào nhất đời, có giọng cười dịu dàng, vui vẻ nhất đời, có những cử chỉ nhẹ nhàng đáng yêu nhất và hấp dẫn nhất đã làm cho thằng bé tội nghiệp rơi vào tình trạng nô lệ tuyệt vọng, về mọi mặt, cái gì của nàng cũng nhỏ nhẻ. Tôi nghĩ thầm, như thế lại càng quý.

Khi nàng rời khỏi phòng ăn cùng với cô Mơcxtôn (trong số tân khách, không có người đàn bà nào khác), tôi rơi vào một tình trạng mơ mộng và chỉ bị gián đoạn bởi một nỗi lo sợ to lớn về chỗ cô Mơcxtôn sẽ nói xấu tôi trước mặt nàng. Con người đáng yêu có cái trán bóng kể cho tôi nghe một câu chuyện dài, hình như về việc làm vườn. Tôi có cảm tưởng nghe ông nhắc nhiều lần đến "anh làm vườn của tôi". Tôi làm ra vẻ rất chú ý đến ông, nhưng trong thực tế, tôi đang đi dạo với Đôra trong vườn thượng uyển.

Nỗi lo sợ bị người ta nói xấu mình với đối tượng duy nhất mình yêu say đắm của tôi lại bùng dậy khi chúng tôi bước vào phòng khách nhìn thấy vẻ mặt nghiêm khắc và lạnh lùng của cô Mơcxtôn; nhưng tôi đã trút bỏ được mối lo sợ này một cách bất ngờ.

"Anh Đêvit Copơphin", cô Mơcxtôn nói với tôi, vẫy tay ra hiệu gọi tôi đến trước một cửa sổ, "tôi muốn nói với anh một lời."

Tôi đứng một mình đối diện với cô Mơcxtôn.

"Anh Đêvit Copơphin", cô Mơcxtôn nói, "tôi không nói nhiều về những câu chuyện gia đình của chúng ta. Đó không phải là một đề tài thú vị."

"Còn xa lắm, phải không ạ", tôi đáp.

“Còn xa lắm”, cô Mơcxtôn tán thành - “Tôi không muốn làm sống lại kỷ niệm về những cuộc xung đột ngày xưa, về những sự lăng mạ ngày xưa. Tôi đã bị lăng mạ bởi một người (một người đàn bà, tôi rất tiếc phải nói như vậy, bởi vì người ấy không làm vinh dự gì cho nữ giới chúng tôi). Nhưng tôi không thể nào không nói đến mà không khinh bỉ và chán ghét. Cho nên tốt hơn là đừng nói đến người ấy”.

Lời nói bóng gió về cô tôi làm tôi cáu tiết. Nhưng tôi nói rằng tốt hơn cả là đừng nói đến người ấy, nếu như cô Mơcxtôn muốn. Tôi nói thêm rằng tôi không thể nào chịu nổi người ta nói về người ấy một cách xấc xược mà không nói rõ ý kiến của tôi.

Cô Mơcxtôn nhắm mắt lại, khinh khỉnh lắc lắc cái đầu rồi chậm chạp mở mắt ra, nói tiếp:

“Anh Đêvit Copơphin, tôi không muốn giấu anh rằng lúc anh còn nhỏ, tôi có một ý nghĩ rất xấu về anh. Có lẽ ý nghĩ ấy là sai, cũng có lẽ anh thôi không còn đáng bị nhận xét như thế nữa. Bây giờ vấn đề không phải là ở đó. Tôi thuộc về một gia đình, theo ý tôi, khá đặc biệt ở chỗ hơi cứng rắn một chút, và tôi không phải là trò chơi của hoàn cảnh, cũng không dễ thay đổi. Tôi có thể có ý kiến riêng của tôi về anh. Anh có thể có ý kiến riêng của anh về tôi”.

Đến lượt tôi, tôi nghiêng đầu. Cô nói tiếp:

“Nhưng những ý kiến của chúng ta không cần phải lại xung đột nhau ở đây. Trong hoàn cảnh hiện nay, thì ý kiến không xung đột nhau vẫn tốt hơn. Vì những điều ngẫu nhiên của cuộc sống đã kéo chúng ta lại mặt giáp mặt, và có thể lại còn làm cho chúng ta gặp nhau nhiều lần nữa, cho nên tôi có ý kiến rằng ở đây chúng ta chỉ nên xem nhau là những người quen biết xa. Những câu chuyện lục đục trong gia đình cũng là một lý do đầy đủ cho chúng ta không có những quan hệ khác, và việc người này đưa ra những nhận xét về người kia là hoàn toàn vô ích. Anh đồng ý chứ?”

“Cô Mơcxtôn”, tôi đáp, “tôi nghĩ rằng cô và ông Mơcxtôn đã đối xử rất tệ với tôi và hai người đã đối xử tàn nhẫn với mẹ tôi. Chừng nào tôi còn sống, tôi không thay đổi ý kiến về điểm đó. Nhưng tôi sẵn sàng chấp nhận điều cô đề nghị”.

Cô Mơcxtôn lại nhắm mắt lại và nghiêng đầu một cái. Đoạn giơ đầu ngón tay lạnh lùng và cứng đờ sờ vào sống bàn tay tôi; cô bỏ đi, vừa đi vừa sắp xếp lại những sợi dây chuyền nhỏ ở cổ tay và xung quanh cổ. (Tôi có cảm tưởng rằng đó vẫn là cái đồ trang sức ngày xưa và chúng vẫn ở trong tình trạnh như cũ khi tôi thấy cô lần cuối.) Mỗi khi nghĩ đến tính cách của cô Mơcxtôn, thứ trang sức này lại làm tôi liên tưởng đến những sợi dây xích treo trên cửa nhà tù: chúng báo trước cho tất cả những người đứng đợi ở ngoài những điều nhà tù đang chờ đợi họ.

Tất cả những điều tôi biết về phần còn lại của buổi tối hôm ấy, đó là tôi nghe vị hoàng hậu của trái tim tôi hát những bài tình ca thần tiên bằng tiếng Pháp, vừa hát vừa đệm với một nhạc cụ tuyệt vời, giống như một chiếc đàn ghi-ta (ý nghĩa của những bài hát này là dù có việc gì xảy đến ta vẫn cứ phải nhảy múa Ta-ra-la! Ta-ra-la!) Tôi cảm thấy ngây ngất trong tình trạng say sưa tràn đầy hạnh phúc, và tôi không uống bất kỳ thứ gì. Tôi đặc biệt ghét thứ rượu ngũ vị. Khi cô Mơcxtôn mang Đôra đi để gìn giữ, Đôra mỉm cười với tôi, giơ bàn tay nhỏ nhắn cho tôi bắt, tôi liếc nhìn vào một tấm gương và thấy mình có cái dáng điệu hết sức ngớ ngẩn và ngốc nghếch. Tôi ngủ trong tình trạng thảm hại nhất và khi tỉnh dậy thấy mình say mê điên cuồng.

Buổi sáng hôm ấy trời rất đẹp và vì còn sớm, tôi tự nhủ hãy đi dạo chơi bách bộ trên một trong những con đường có vòm đan mắt cáo che phủ và ôn lại mối tình say đắm bằng cách nhớ đến hình ảnh của nàng. Khi đi qua phòng áo, tôi thấy con chó nhỏ của nàng tên là Jíp (đó là tên tắt của Jipxi - nghĩa là người lãng tử -). Tôi dịu dàng bước đến gần bởi vì tình yêu của tôi lan rộng đến cả nó. Nhưng nó

nhe hai hàm răng, chui xuống dưới một cái ghế, gầm gừ và nhất định không chịu chấp nhận bất ký thái độ thân mật nào của tôi.

Khu vườn lạnh và cô tịch. Tôi đi bách bộ, trong lòng tự hỏi nếu tôi có trở thành vị hôn phu của cái lưu vật kỳ diệu này thì sẽ hạnh phúc biết bao. Còn về vấn đề hôn nhân và tiền bạc thì lúc bấy gì tôi vẫn ngây thơ và dại dột như thời gian tôi yêu bé Emili. Được quyền gọi nàng là "Đôra", được quyền viết thư và thờ phụng nàng, có đủ lý do để nghĩ rằng trong khi nàng sống với những người khác, nàng vẫn nghĩ đến tôi; đối với tôi, tất cả những điều đó dường như là tột đỉnh của tham vọng con người, và tôi tin rằng đó cũng là tột đỉnh của tham vọng của tôi. Không nghi ngờ gì nữa, tôi là một anh chàng ngốc nghếch dễ cảm, nhưng tình yêu của tôi trong trắng đến nỗi dù tôi bây giờ mỉm cười với những kỷ niệm ngày xưa, tôi vẫn không thấy mình có một kỷ niệm hoàn toàn đáng khinh.

Tôi đi bách bộ một lát thì gặp Đôra ở chỗ ngoặt cuối đường. Tôi còn run rẩy từ đầu đến chân khi hồi tưởng lại bước ngoặt ấy và ngòi bút ở trong tay tôi cũng run lên.

"Cô… cô… cô dậy sớm thế, cô Xpenlô?" Tôi nói.

"Ở trong nhà chán chết", nàng nói, "và cô Mơcxtôn rõ ngốc! Cô ấy bảo những điều đến vớ vẩn! Cô ấy bảo rằng phải đợi cho thoáng gió rồi hãy ra. Thoáng gió!" (đến đây nàng cười rộ, hết sức mê hồn) "Sáng chủ nhật, vì em không chơi nhạc, em phải làm một cái gì. Hôm qua em đã bảo với ba rằng thế nào em cũng phải ra vườn chơi, vả lại, đây là lúc rực rỡ nhất của cả ngày. Anh không thấy thế sao?"

Tôi đánh bạo nói bóng gió (mặc dầu không phải không ấp úng) rằng đối với tôi, thời tiết lúc này thực là rạng rỡ, mặc dầu trước đây một phút rất âm u!

"Có phải anh khen em đấy không?"

Đôra nói. "Hay quả là thời tiết đang thay đổi như thế thực?"

Tôi càng nói càng ấp úng hơn rằng điều tôi nói không phải là khen ngợi mà đó hoàn toàn là sự thực. Mặc dầu tôi không nhận thấy thời tiết có thay đổi gì hết. Sự thay đổi là ở trong những tình cảm của tôi - tôi giải thích bẽn lẽn.

Tôi chưa bao giờ thấy tóc ai quăn như tóc của nàng (tôi làm sao thấy được bởi vì không bao giờ có những mớ tóc như thế!) khi nàng lắc đầu để cho tóc xõa xuống gương mặt, che đôi gò má ửng hồng. Còn về chiếc mũ rơm với những cái dải màu lam trên làn tóc quăn ấy, nếu tôi có thể treo nó ở trong căn phòng của tôi, đường Buckinhkham, thì đó thực là một kho tàng vô giá!

"Cô vừa ở Pari về phải không?" Tôi nói.

"Vâng!" Nàng đáp. "Anh đã bao giờ đi Pari chưa?"

"Chưa".

"Ồ! Em hy vọng chẳng bao lâu nữa anh sẽ đến đấy! Anh sẽ thích nó lắm cơ".

Những dấu vết của một niềm đau đớn sâu xa xuất hiện trên gương mặt tôi. Tôi không thể nào chịu nổi khi nghe nói rằng người ta hy vọng tôi sẽ ra đi hay ý nghĩ rằng tôi có thể ra đi. Tôi nói xấu Pari, nói xấu nước Pháp. Tôi tuyên bố rằng trong hoàn cảnh hiện nay, tôi nhất định không rời khỏi nước Anh. Không có cái gì có thể khiến cho tôi làm như vậy. Tóm lại nàng lại lúc lắc những tàn tóc quăn để che mặt.

Bỗng con chó nhỏ xíu chạy lọc dọc theo lối đi và giúp chúng tôi ra khỏi cảnh lúng túng.

Nó đâm ghen với tôi một cách dữ dội và cứ nhìn tôi mà sủa. Nàng bế nó lên (trời ơi!), vuốt ve nó,

nhưng nó vẫn cứ sủa. Khi tôi tìm cách sờ đến nó thì nó không chịu để cho tôi sờ; nàng bèn đánh nó. Những nỗi đau khổ của tôi tăng lên cực điểm khi tôi thấy nàng đánh yêu lên cái mũi tẹt của nó để trừng phạt nó, trong khi nó nhắm tít đôi mắt liếm bàn tay của nàng và cứ vẫn tiếp tục gầm gừ như một cây đàn công-trơ-bát nhỏ. Cuối cùng nó im lặng (nó không thể làm khác được bởi vì Đôra đã đặt cái cằm mũm mĩm lên đầu nó). Chúng tôi đi dạo để thăm nhà ủ cây.

"Anh không thân với cô Mơcxtôn chứ?" Đôra hỏi. "Đồ yêu" (Hai chữ này là dành cho con chó. Trời ơi! Ước gì những chữ ấy là dành cho tôi)."

"Không!" Tôi đáp, "không thân chút nào hết."

"Bà ấy chán lắm", nàng nói, khẽ bĩu môi. "Em không hiểu ba em có ý nghĩ gì khi chọn một con người khó chịu như thế để làm bạn với em. Em có cần ai che chở đâu? Em tin chắc rằng em không cần ai che chở. Jip có thể che chở em hơn cô Mơcxtôn nhiều… Có phải thế không? Jip yêu quí?"

Con chó chỉ nheo một mắt có vẻ thờ ơ khi nàng hôn cái đầu của nó tròn như một quả bóng.

"Ba em bảo cô là bạn tâm sự của em, nhưng em nói thực với anh cô chẳng phải là bạn tâm sự gì hết… Có phải thế không, Jip? Chúng tôi không muốn tâm sự với những người dễ ghét như thế, cả Jip và em đều không muốn: Chúng tôi muốn tâm sự với người nào chúng tôi thích và muốn tìm những người bạn của mình chẳng cần ai tìm hộ… Có phải thế không Jip?"

Jip trả lời bằng một thứ tiếng nho nhỏ đắc chí nghe như tiếng nồi nước sôi đang réo lên. Còn đối với tôi, mỗi lời nói của nàng là một giây xích mới trói lên trên giây xích cũ.

"Thực là buồn, bởi vì em không có bà mẹ đáng yêu nên cứ phải thay thế bằng một cô gái già ủ dột và cau có, ở đâu cũng đi theo… Có phải thế không Jip? Jip đừng sợ, chúng ta sẽ không thân với bà ấy và chúng ta sẽ thu xếp để sống hết sức sung sướng không cần đến bà ấy, rồi chúng ta sẽ trêu bà ấy, sẽ làm cho bà ấy khó chịu… Có phải thế không Jip?"

Nếu như lời nói như thế cứ tiếp tục, tôi sợ rằng tôi sẽ phải quỳ xuống dưới chân nàng trên lớp sỏi (và có rất nhiều hy vọng bị lột da và bị đuổi ra khỏi nhà ngay). Nhưng may sao cái nhà ủ cây không ở xa đấy và khi nàng nói đến đấy thì chúng tôi đã tới đó.

Nhà ủ cây có cả một loạt hoa hương diệp rất đẹp. Chúng tôi dừng lại để ngắm bông này bông nọ, và tôi cũng dừng lại để ngắm những bông ấy. Đôra cười khanh khách, giơ con chó lên với dáng điệu trẻ con để cho nó ngửi những bông hoa, và nếu như cả ba chúng tôi không ở trong cõi thần tiên thì ít nhất cũng có một người là tôi. Ngay lúc này, mùi lá hương diệp vẫn làm tôi ngạc nhiên. Nửa buồn cười, nửa đứng đắn, tôi nghĩ đến sự đổi thay đột ngột đã xảy đến ở tôi, thế là tôi thấy lại một chiếc mũ rơm với những dải xanh lam, những làn tóc quăn và con chó nhỏ và đen được đôi cánh tay mảnh dẻ của nàng giơ lên về phía vô số những bông hoa và những ngọn lá xanh rờn.

Cô Mơcxtôn đã tất tả đi tìm chúng tôi.

Cô bắt gặp chúng tôi ở đấy và giơ cái gò má dễ ghét, đầy những nếp nhăn, bự phấn xức tóc cho Đôra hôn. Sau đó cô khoác tay Đôra, đoạn kéo chúng tôi đến phòng ăn một cách long trọng, như kéo chúng tôi đi theo một đám ma nhà binh.

Tôi không nhớ đã uống bao nhiêu tách nước trà chỉ vì Đôra đã pha. Nhưng tôi nhớ đinh ninh rằng đã say sưa nốc nhiều trà đến nỗi tất cả hệ thần kinh (nếu như lúc bấy giờ tôi có hệ thần kinh) đều hoàn toàn tê liệt. Lát sau, chúng tôi đi nhà thờ. Cô Mơcxtôn ngồi trên chiếc ghế dài giữa Đôra và tôi. Nhưng tôi vừa nghe Đôra hát là tất cả các con chiên đều biến mất. Có một bài giảng đạo (cố nhiên là về Đôra và dĩ nhiên tôi ngại rằng trong tất cả buổi lễ hôm ấy tôi chỉ nhớ có thế).

Ngày trôi qua êm ả. Không có khách. Một cuộc đi dạo chơi, một bữa cơm tối ở gia đình với bốn người ăn và một buổi tối trong đó tôi cùng Đôra xem những quyển sách và những bức tranh (cô Mơcxtôn tay cầm một quyển sách giảng đạo và cặp mắt mở to đang tích cực canh phòng), ôi! tối hôm ấy, trong bữa ăn, khi ông Xpenlô ngồi trước mặt tôi, trên đùi phủ chiếc khăn tay, ông khó lòng đoán được trong trí tưởng tượng của tôi, với tư cách chàng rể, tôi đang hôn ông tha thiết như thế nào, ông cũng chẳng thể nào ngờ rằng chính ông vừa tỏ ý tán thành cho phép tôi hứa hôn với Đôra và tôi cần thượng đế ban cho ông mọi điều hạnh phúc!

Sáng hôm sau chúng tôi ra đi từ sáng sớm, vì chúng tôi phải đến tòa án bộ Hải quân xét về việc thưởng cho những người cứu được một chiếc tàu bị đắm. Đây là một vụ đòi hỏi những hiểu biết chính xác về tất cả khoa hàng hải. Vì người ta không thể hy vọng rằng ở Pháp-viện chúng tôi biết nhiều chuyện như thế, nên quan chánh án đã yêu cầu hai người thành thạo ở Hội Hải vụ, vì lòng nhân đạo, đến đấy giúp chúng tôi. Tuy vậy, từ sáng sớm, Đôra đã xuất hiện ở bàn ăn điểm tâm để pha trà lần nữa và tôi bước lên xe bâng khuâng mong nhớ cất mũ chào nàng trong lúc nàng bế Jip trên tay đứng trước ngưỡng cửa.

Ngày hôm ấy tôi không chú ý gì đến bộ Hải quân và trong khi lắng nghe, vụ án đối với tôi càng ngày càng trở nên ngớ ngẩn; tôi thấy chữ *"Đôra"* được chạm vào chiếc mái chèo bằng bạc mà người ta đặt lên bàn để tượng trưng cho quyền xét xử cao cả kia và khi ông Xpenlô trở về nhà không có tôi cùng đi (tôi có một niềm hy vọng điên cuồng rằng ông sẽ mang tôi đi theo), tôi có cảm tưởng rằng tôi cũng là thủy thủ, nhưng chiếc tàu của tôi đã giương buồm ra khơi, vứt tôi lại trên một hòn đảo hoang vu. Nếu như cái tòa án cũ kỹ và ngái ngủ kia có thể thức dậy và bộc lộ dưới một hình thức cụ thể những điều mơ mộng ban ngày của tôi về Đôra thì nó sẽ nói lên sự thực của tôi.

Tôi không muốn nói đến những giấc mơ của tôi riêng hôm đó, mà của tất cả mọi ngày, hết tuần này sang tuần khác, hết quý này sang quý khác. Tôi đến Pháp-viện không phải để nghe những điều xảy ra, mà để nghĩ đến Đôra. Nếu lúc nào đó tôi nghĩ đến công việc trong khi công việc kéo dài lê thê, nhọc mệt trước mặt tôi không bao giờ chấm dứt - thì đó là để ngạc nhiên về những trường hợp kết hôn (trong khi nghĩ đến Đôra) tại sao người ta lấy nhau đôi khi lại có thể không có hạnh phúc; và khi người ta xử về những vụ di chúc, tôi lại nghĩ đến những việc đầu tiên mà tôi sẽ phải thực hiện ngay về vấn đề Đôra, nếu như số tiền này được trao cho tôi. Trong tuần đầu tiên tôi say mê Đôra, tôi mua bốn chiếc gi-lê sang trọng (không phải vì tôi… vì nó không làm cho tôi hãnh diện chút nào… mà vì Đôra). Tôi bắt đầu đeo găng da dê màu vàng nhạt đi ngoài đường, cuối cùng tôi làm cho đôi bàn chân mọc đầy những chai cứng. Nếu người ta so sánh số của những chiếc giày tôi mang lúc bấy giờ với hình dáng tự nhiên của bàn chân tôi, người ta sẽ thấy rõ ràng tâm trạng tôi đau khổ như thế nào.

Tuy vậy, mặc dầu tôi đã làm cho chân bị khập khiễng để tỏ lòng tôn kính đối với Đôra, tôi cũng vẫn cuốc bộ mỗi ngày hàng dặm để hy vọng bắt gặp nàng. Chẳng bao lâu không những trên đường Noocut ai cũng biết tôi chẳng kém gì những người đưa thư đi trên đường, mà họ còn thấy tôi xuất hiện ở khắp Luân-đôn. Tôi thơ thẩn ở các phố, ở đấy có những cửa hiệu đẹp nhất bán hàng cho phụ nữ, tôi đến cửa hàng tạp hóa như một con quỷ đau khổ, tôi cứ đi đi lại lại qua công viên mặc dầu đã kiệt sức từ lâu. Đôi khi trong những trường hợp hãn hữu, cách nhau rất lâu, tôi bắt gặp Đôra. Có lúc nàng vẫy cái găng tay ở cửa một chiếc xe ngựa; có lúc tôi gặp nàng rồi cùng nàng và cô Mơcxtôn đi một đoạn đường ngắn và nói chuyện với nàng. Trong trường hợp này, sau đó bao giờ tôi cũng hết sức khổ sở khi nghĩ rằng mình chưa nói được điều gì có thể có ích cho mình, hay nghĩ rằng nàng không biết gì đến mối tình tha thiết của tôi đối với nàng, hay nàng không để ý gì đến tôi. Có thể nói tôi cứ luôn luôn chờ đợi ông Xpenlô sẽ mời tôi đến nhà một lần nữa. Và tôi cứ luôn luôn thất vọng vì không được mời.

Bà Crớp chắc hẳn là người sâu sắc lắm bởi vì khi mối tình này chỉ mới chớm nở được vài tuần và tôi vẫn chưa có đủ can đảm để viết thư rõ ràng ngay cả cho Ácnét, tôi chỉ nói với nàng rằng tôi đến nhà ông Xpenlô. "Trong gia đình ấy - tôi nói thêm - chỉ có một cô con gái", thì ngay từ giai đoạn đầu ấy, bà đã tìm ra sự thực! Một buổi chiều, bà đến tìm tôi - trong khi tâm hồn tôi rất buồn - để nhờ tôi làm ơn cho bà (vì hôm ấy bà mắc cái bệnh mà tôi vừa nói) một ít rượu ngâm tiểu đậu khấu trộn lẫn với đại hoàng, nhỏ thêm bảy giọt nước đinh hương làm thành thức thuốc tốt nhất để chữa cái bệnh của bà, hay là nếu tôi không có thứ thuốc ấy thì rượu mạnh là thứ thuốc tốt nhất. Rượu mạnh đối với bà tuy không hợp khẩu vị bằng, nhưng vì không có thứ thuốc kia nên đó là thứ thuốc thích hợp nhất. Nhưng vì tôi chưa hề bao giờ nghe nói đến thứ thuốc thứ nhất và trong phòng tôi bao giờ cũng có thứ thuốc thứ hai, cho nên tôi cho bà một cốc rượu mạnh và bà Crớp uống ngay trước mặt tôi (để tôi khỏi nghi bà đã dùng nó vào một việc gì không thích hợp). Bà nói:

"Anh ơi! Can đảm lên. Tôi không thể nào đành tâm nhìn anh ở trong tình trạng như thế. Tôi cũng là mẹ."

Tôi không hiểu nhận xét này áp dụng vào trường hợp tôi như thế nào, nhưng tôi cố gắng mỉm cười hết sức dịu dàng với bà. Bà nói tiếp:

"Này anh, tôi xin lỗi anh. Tôi biết đó là việc gì rồi. Thế nào cũng có một cô nào đấy thôi."

"Bà Crớp!" Tôi nói to, mặt đỏ bừng.

"Lạy Chúa! Xin anh đừng nản chí", bà Crớp gật gật đầu tỏ vẻ khuyến khích, "Anh đừng thất vọng. Nếu cô ta không thích anh thì có nhiều người khác sẽ thích. Anh là chàng thanh niên sinh ra để được đàn bà cười tình, anh Copơphun ạ, và anh phải biết giá trị của anh chứ!"

Bà Crớp bao giờ cũng gọi tôi là anh Copơphun (thứ nhất, chắc hẳn vì đó không phải là tên tôi; và thứ hai như tôi có xu hướng nghĩ như vậy, bởi vì nó làm cho bà mang máng nghĩ đến một ngày giặt giũ gì đấy[2].

"Điều gì khiến cho bà nghĩ rằng có một cô gái trong câu chuyện này, bà Crơp?" Tôi hỏi.

"Anh Copơphun ạ" bà Crơp nói, giọng cảm động, "tôi cũng là một bà mẹ chứ!"

Trong vài phút, bà Crơp đặt bàn tay lên cái ngực phủ lụa Thượng hải và trấn tĩnh mình để chống lại nỗi đau đớn có thể trở lại trong khi nhấp thứ thuốc của bà. Cuối cùng, bà nói:

"Khi căn nhà này được người cô yêu quý của anh thuê cho anh, anh Copơphun ạ, tôi nghĩ rằng bây giờ tôi đã gặp một người mà tôi có thể yêu… Anh không chịu ăn, anh ạ, anh cũng không chịu uống nữa".

"Có phải bà đoán thế vì căn cứ vào đấy không, bà Crơp?" Tôi hỏi.

"Anh ạ", bà đáp, giọng nói gần như nghiêm nghị "tôi đã giặt áo quần cho nhiều người trẻ tuổi, ngoài anh. Một chàng thanh niên có thể săn sóc quá đáng đến thân hình mình và cũng có khi thờ ơ quá đáng đối với nó. Có những lúc anh ta chải tóc quá mượt, cũng có những lúc anh ta đi giày quá rộng, nhưng cũng có lúc lại đi giày quá chật. Tất cả tùy theo tính cách và bản tính của chàng thanh niên! Nhưng mỗi lần anh ta chạy theo một thái cực này hay một thái cực khác thì, thưa anh, bao giờ cũng có một cô gái thì nguyên nhân của điều ấy."

Bà Crơp lắc đầu có vẻ kiên quyết đến nỗi tôi không có cách nào cãi lại.

"Đấy, cái ông chết ở đây trước anh", bà Crớp nói. "Ông ta yêu một cô phục vụ ở tiệm rượu, ông ta mặc gi-lê chật lại tuy ông đã bị ma men làm cho người trướng lên."

“Bà Crớp, tôi xin bà đừng có so sánh người con gái trong trường hợp của tôi với một cô phục vụ ở tiệm rượu hay với bất kỳ cô nào thuộc loại như vậy.”

“Anh Copơphun ạ,” bà Crớp nói, “tôi cũng là mẹ chứ! Anh không phải lo ngại gì hết. Nếu tôi làm phiền anh thì tôi xin lỗi.

Tôi không muốn làm phiền người ta khi người ta không thích. Nhưng anh là một chàng thanh niên, anh Copơphun ạ, và tôi muốn khuyên anh một điều như sau: Anh hãy can đảm lên, đừng có thất vọng, phải hiểu giá trị của mình… Nếu anh muốn, anh hãy thử chú ý đến việc gì khác, đến việc chơi “cầu trụ” chẳng hạn, trò chơi này tốt cho sức khỏe và anh sẽ thấy có lẽ nó làm cho anh thay đổi ý kiến và nó tốt cho anh.”

Nói đoạn, bà Crớp làm ra vẻ không chú ý đến rượu mạnh - rượu mạnh đã hết nhẵn - cúi mình chào tôi một cách bệ vệ và rút lui. Khi bóng bà biến mất trong bóng tối của phòng áo, tôi có cảm tưởng rằng lời khuyên kia quả là một điều tự do quá trớn. Nhưng đồng thời tôi bằng lòng tiếp nhận lời khuyên, vì về một mặt khác, đó là một điều báo trước mà tôi phải để ý để từ nay giữ điều bí mật của mình cẩn thận hơn.

---

[1] Vở kịch của Augut Phriđrich Phôn Côtdơbuy (1761-1819).

[2] Chơi chữ: copper-full là một thùng giặt đầy.

Chương XXVII
TOMMI TRATĐƠN

Có lẽ vì những lời khuyên của bà Crớp hay chỉ vì lý do đơn giản là giữa chữ Skittơn[1] và Trátđơn có một sự liên quan nào đấy về âm thanh nên ngày hôm sau tôi nảy ra ý nghĩ đi tìm Trátđơn. Thời hạn cậu ta định đã qua từ lâu. Cậu ở một phố nhỏ gần trường Thú-y ở Camđen Taonơ. Dàn trọ ở đấy phần lớn là sinh viên (một viên chức của chúng tôi cũng ở khu phố nhỏ ấy đã bảo tôi thế), họ mua lừa sống để đem những con vật bốn chân này về thí nghiệm ở trong phòng riêng của mình. Tôi hỏi anh đường đến trường rồi tôi ra đi ngay lúc xế chiều để thăm ông bạn cũ.

Tôi nhận thấy đường phố này không đáng yêu như tôi có thể trông đợi, vì tôi yêu quý Trátđơn. Nhân dân hình như có thói vứt ra đường những vật không cần thiết, kết quả không những làm cho đường phố hôi tanh bùn lầy mà còn bẩn thỉu vì đầy những lá su hào. Rác rưởi không phải hoàn toàn thuộc về giới thực vật, vì trong khi tìm số nhà Trátđơn, chính mắt tôi đã thấy một chiếc gậy, một cái xoong đã gẫy gập, môt cái mũ đen, và một cái ô, tất cả đều đã đạt đến những trình độ thối rữa khác nhau.

Quang cảnh chung của nơi này nhắc tôi nhớ một cách mãnh liệt đến những ngày tôi sống với ông bà Micôbơ. Ngôi nhà mà tôi tìm càng nổi bật về mặt này vì nó có cái vẻ lịch sự lỗi thời rất khó tả làm cho nó khác những ngôi nhà khác (mặc dầu tất cả những ngôi nhà này đều xây theo một kiểu chung đơn điệu và giống như những bản sao đầu tiên của một đứa trẻ đang học vẽ nhà nhưng vẫn chưa vượt khỏi giai đoạn vẽ những cái gậy vụng về - làm bằng gạch và vôi vữa, và điều này làm tôi nhớ đến ông bà Micôbơ.) Tôi đến cửa cùng một lúc với người bán sữa đi bán hàng buổi chiều, và một lần nữa, điều đó lại nhắc tôi nhớ đến ông bà Micôbơ hơn bao giờ hết.

"Thế nào", người bán sữa hỏi một chị đầy tớ gái rất trẻ, "có tin tức gì về tờ giấy đòi tiền của tôi không?"

"Thì ông chủ đã bảo sẽ thu xếp ngay thôi mà," có tiếng trả lời.

"Bởi vì…" người bán sữa vẫn tiếp tục câu nói của mình như không nghe trả lời, và nghe giọng nói của anh, người ta đoán rằng anh đang giáo dục một người nào trong nhà chứ không phải giáo dục cô đầy tớ trẻ. (Ấn tượng này còn được xác nhận bởi những cái nhìn hung dữ của anh về phía cuối hành lang. "Bởi vì tờ giấy đòi tiền này đã gửi đến từ lâu lắm nên tôi bắt đầu nghĩ rằng người ta đã đánh mất nó rồi, và tôi sẽ không bao giờ nghe nói đến nó nữa. Nhưng tôi không chịu thế đâu, chị biết không?" Người bán sữa nói, vẫn tiếp tục hắt những tiếng nói của mình vào trong nhà và ném những cái nhìn tức tối về phía cuối hành lang.

Nhân tiện, tôi cũng nói thêm - thực chưa bao giờ có điều gì kỳ quặc hơn khi người ta thấy anh ta bán một thứ hàng hiền lành như sữa, nhưng cứ chỉ anh ta thì lại có vẻ hung tợn như thể anh ta là một anh hàng thịt hay hàng rượu.

Giọng nói của chị đầy tớ trẻ tuổi yếu đi nhưng nhìn đôi môi chị mấp máy tôi có cảm tưởng chị thì thầm rằng người ta sẽ lo đến việc ấy ngay lập tức.

"Tôi muốn nói với chị một điều", anh bán sữa nói, đưa mắt nhìn chằm chặp vào mặt chị và giơ tay nắm lấy cằm chị "chị có thích sữa không nào?"

"Có, thích chứ", chị đáp.

"Tốt lắm", anh hàng sữa nói, "thế thì ngày mai chị sẽ không có sữa đâu! Chị đã nghe chưa? Ngày

mai chị sẽ không có một giọt sữa nào hết!"

Tôi có cảm tưởng là nhìn chung chị lại có vẻ yên tâm kia đấy, vì nghĩ rằng hôm nay vẫn còn có sữa! Anh hàng sữa nhìn chị, gật đầu một cách dễ sợ, đoạn buông cằm chị ra và, với dáng điệu miễn cưỡng nhất, rót số lượng sữa hàng ngày vào cái bình của gia đình. Làm xong, anh ta đi ra, miệng càu nhàu và kêu lên tiếng kêu nghề nghiệp của anh ở cái cửa bên cạnh với một giọng the thé hằn học.

"Ông Trátđơn có ở đây không?" Tôi bèn hỏi.

Một giọng nói bí mật đáp lại "Có!" từ cuối hành lang. Nghe vậy, chị đầy tớ trẻ cũng nói: "Có".

"Ông chủ có nhà không?" Tôi hỏi.

Giọng nói bí mật kia lại trả lời "Có" và người đầy tớ lại lặp lại. Nghe vậy tôi bước vào nhà, và theo đúng chỉ dẫn của chị, tôi bước lên cầu thang. Khi đi qua cánh cửa phòng khách nhỏ nhìn ra sân, tôi có cảm tưởng đang bị theo dõi bởi một con mắt bí mật có lẽ cũng của con người đã nói tiếng nói bí mật kia.

Khi tôi lên đến đầu thang gác (ngôi nhà chỉ có hai tầng) Trátđơn đứng ở trên đầu cầu thang đón tôi. Cậu hân hoan khi thấy tôi và hết sức niềm nở mời tôi vào căn phòng nhỏ của cậu. Phòng này nhìn ra đường và hết sức gọn ghẽ, mặc dầu đồ đạc rất sơ sài. Đó là căn phòng duy nhất của cậu, theo như tôi thấy; bởi vì ở đấy có một cái giường đồng thời là đi-văng, và tôi nhận thấy những bàn chải đánh giày lẫn lộn giữa những quyển sách với hộp xi đánh giày (ở ngăn trên, sau một quyển tự điển). Trên bàn đầy những giấy tờ và cậu đang làm việc hăng say, mình mặc một cái áo cũ. Tôi không có cảm tưởng đã nhìn một vật gì đặc biệt, nhưng khi ngồi xuống thì tôi nhìn thấy tất cả, ngay cả ngôi nhà thờ vẽ trên bình mực bằng sứ (năng khiếu này của tôi đã phát triển trong thời gian sống với ông bà Micôbơ) Tôi chú ý đặc biệt đến cách thu xếp rất khéo léo của cậu để che cái tủ và để đặt những đôi giày, cái gương cạo râu, v.v… bởi vì chúng làm tôi nhớ đến cũng cái anh chàng Trátđơn ngày xưa đã làm những hang voi bằng giấy để nhốt ruồi và sau khi bị đối xử tàn tệ, đã tự an ủi bằng những công trình nghệ thuật đáng ghi nhớ mà tôi đã nhiều lần nhắc đến.

Trong góc phòng có một vật gì được phủ cẩn thận dưới một tấm vải trắng to tướng. Tôi không hiểu đó là cái gì.

"Trátđơn", tôi nói, bắt tay cậu lần thứ hai, "được gặp cậu, mình mừng quá!"

"Mình cũng rất mừng được gặp cậu, Copơphin ạ. Quả thực mình rất mừng. Vì mình rất sung sướng được gặp cậu khi chúng mình đã gặp nhau ở Eli Piâyxơ và mình tin chắc rằng cậu cũng vui sướng khi gặp mình nên mình đã cho cậu biết địa chỉ này chứ không phải địa chỉ nơi mình làm việc".

"Ồ!" Tôi nói, "Cậu có phòng làm việc kia à?"

"Có chứ, mình có một phần tư phòng và một hành lang với một phần tư anh nhân viên", Trátđơn đáp, "Ba bạn khác và mình đã chung nhau thuê một cái phòng làm việc (điều đó làm cho chúng mình ra vẻ dân kinh doanh tợn) và chúng mình cũng chia anh nhân viên làm bốn. Mỗi tuần mình phải trả nửa crao-nơ".

Nhìn cậu cười trong khi giải thích, tôi có cảm tưởng như gặp lại cái tâm hồn mộc mạc và thái độ vui vẻ cũng như thấy một phần cái thời bất hạnh của cậu ngày xưa, và tất cả đều đang cười với tôi.

"Không phải mình hãnh diện gì đâu, Copơphin ạ; cậu biết không", Trátđơn nói, "khi nói chung, mình không cho người ta biết địa chỉ này. Đó là vì có những người đến thăm mình nhưng có thể không thích đến đây. Còn về phần mình, mình đang vật lộn với bao khó khăn trên bước đường cho nên nếu

mình làm ra vẻ khác thì sẽ thành lố bịch ngay.”

“Có phải cậu học luật không, ông Oatơbruc bảo mình thế”, tôi hỏi.

“Phải đấy”, Trátđơn nói, xoa hai tay vào nhau một cách chậm chạp “mình đang học luật. Thực ra thì mình vừa mới ghi tên sau một thời gian trì hoãn khá lâu. Mình làm xong thời kỳ tập sự đã lâu nhưng việc trả số tiền một trăm bảng theo như giấy giao kèo đòi hỏi là một vố quá đau. Một vố quá đau!” Trátđơn nhắc lại, mặt nhăn nhó như người ta vừa nhổ mất một cái răng của cậu.

“Cậu có biết khi mình nhìn cậu trong lúc này mình không thể nào không nghĩ đến điều gì không?” Tôi hỏi.

“Không” cậu nói.

“Bộ quần áo xanh da trời mà trước kia cậu vẫn mặc ấy mà!”

“Lạy chúa, ừ nhỉ!” Trátđơn phá lên cười. “Hơi chật ở ống tay và ở chân, cậu còn nhớ chứ? Trời ơi! Thời buổi ấy sung sướng quá, cậu nhỉ?”

“Mình nghĩ rằng lão hiệu trưởng trường chúng mình có thể làm cho thời buổi ấy sung sướng hơn mà vẫn không làm hại đến đứa nào trong bọn chúng mình, mình thú thật như thế”, tôi đáp.

“Có thể lắm”, Trátđơn nói. “Nhưng, trời ơi! Chúng mình vẫn chơi đùa nhiều đấy chứ! Cậu có nhớ những buổi tối ở phòng ngủ sau khi ăn tối xong, cậu kể chuyện cho chúng mình nghe không? Ha! ha! ha! Cậu còn nhớ cái ngày mình bị đòn vì khóc thương ông Men không? Cái lão Críchcơn kia! Mình muốn gặp lại lão lắm.”

“Lão đối xử với cậu như một con vật!” Tôi nói, giọng phẫn nộ, vì thái độ vui vẻ của cậu làm tôi tưởng chừng thấy cậu vừa bị đánh hôm qua.

“Cậu nghĩ thế à?” Trátđơn nói. “Thật không? Có lẽ cậu nói đúng đấy. Nhưng tất cả chuyện đó đã qua rồi, đã qua lâu lắm rồi. Ôi chao! Cái lão Críchcơn!”

“Lúc bấy giờ cậu vẫn được ông chú nuôi đấy chứ?” Tôi hỏi.

“Cố nhiên”, Trátđơn nói. “Mình bao giờ cũng định viết thư cho ông nhưng không bao giờ viết được. Thế nào? Ha! ha! ha! Phải đấy, lúc bấy giờ mình có một ông chú, nhưng mình ra khỏi trường được ít lâu thì ông chú mất.”

“Thế ư?”

“Phải! Có một ông (gọi là gì nhỉ) một ông bán quần áo cũ, một ông bán vải đã thôi bán hàng, nhận mình làm người thừa kế. Nhưng khi mình lớn lên, thì ông không khoái mình nữa.”

Cậu có vẻ thản nhiên đến nỗi tôi tưởng cậu nói tới một việc gì khác. Tôi hỏi:

“Cậu muốn nói ông không yêu cậu nữa à?”

“Ừ! đúng thế, Copơphin ạ! Mình muốn nói thế đấy” Trátđơn nói. “Rõ đáng tiếc, nhưng ông không khoái mình chút nào. Ông bảo rằng mình hoàn toàn không như ông muốn. Thế rồi ông lấy cô đầy tớ gái”.

“Còn cậu, cậu làm gì?”

“Mình chẳng làm gì đặc biệt hết”, Trátđơn nói, “mình sống với họ, cho đến lúc bị vứt ra ngoài trường đời, cho đến lúc không may bệnh thống phong của ông lên đến dạ dày… Thế là ông chết và bà vợ lấy một anh chàng trẻ tuổi. Còn mình thì tứ cố vô thân”.

“Tóm lại, họ không để lại gì cho cậu cả à, Trátđơn?”

“Có chứ!” Trátđơn nói. “Mình được năm mươi bảng, nhưng mình không được dạy dỗ để làm nghề ngỗng gì hết và lúc đầu mình bối rối không biết nên làm gì. Cuối cùng mình bắt đầu nhờ sự giúp đỡ của người con một ông trạng sư trước đây cũng học ở Xalem học hiệu, tên là Yaolơ, cái cậu mũi lệch ấy mà! Cậu có nhớ không?”

“Không! Hắn không ở trường khi mình ở đấy. Khi mình ở đấy, mũi nào cũng thẳng!”

“Điều đó chẳng có gì quan trọng” Trátđơn nói. “Nhờ sự giúp đỡ của cậu ta, mình bắt đầu bằng cách sao chép các văn kiện về luật. Việc đó không kiếm được tiền. Sau đó mình bắt đầu lập hồ sơ cho họ, viết những bản tóm tắt và làm những việc đại loại như thế. Bởi vì mình rất gạo, Copơphin ạ, và mình đã học được cách làm những thứ của nợ ấy rất chu đáo. Thế rồi điều đó làm cho mình nẩy ra ý nghĩ ghi tên làm sinh viên luật. Và thế là tất cả số tiền còn lại về cái khoản năm mươi bảng đều mất tuốt. Nhưng Yaolơ đã giới thiệu mình với một hay hai phòng giấy (đặc biệt giới thiệu với ông Oatơbrúc) và mình cũng có khối việc. Ngoài ra, mình lại được dịp may làm quen với một ông làm việc xuất bản, ông đang lo xuất bản một bộ tự điển bách khoa, và ông giao công việc cho mình. Thế là (cậu ta liếc mắt nhìn lên bàn) trong giờ phút này mình đang làm cho ông ta. Trong cái nghề sưu tầm” Trátđơn nói, vẫn giữ cái vẻ tự tin vui vẻ về tất cả những điều cậu nói “mình không đến nỗi tồi, nhưng mình không có một chút óc sáng tạo nào hết. Mình nghĩ rằng không có chàng thanh niên nào lại kém óc sáng tạo như mình.”

Trátđơn hình như chờ đợi sự tán thành của tôi như một điều dĩ nhiên, tôi gật đầu tán thành và cậu nói tiếp cũng với cái vẻ kiên nhẫn hóm hỉnh (tôi không biết có thể gọi thế nào cho đúng hơn) như ngày xưa.

“Thế là, dần dần bằng cách sống khiêm tốn, mình đã ky cóp được một trăm bảng” Trátđơn nói “và nhờ trời mình đã trả được số tiền ấy… Nhưng điều đó quả thật…” Trátđơn nhăn mặt một cái như người ta vừa nhổ cái răng thứ hai của cậu “đó là một vố rất đau. Mình vẫn sống và tiếp tục sống bằng cái nghề mình vừa nói với cậu, mình hy vọng một ngày kia mình sẽ bắt liên lạc được với một tờ báo, và điều đó đối với mình sẽ gần như là phát tài đấy. Và bây giờ, Copơphin ạ, cậu vẫn giống hệt như ngày xưa, với gương mặt xinh xắn và mình rất mừng rỡ được gặp cậu cho nên mình sẽ không giấu giếm cậu điều gì hết. Cậu phải biết, mình đã hứa hôn.”

“Đã hứa hôn! Trời ơi! Đôra!”

“Cô là con một mục sư”, Trátđơn nói, “gia đình có mười người con… ở Đêvonsơ. Phải đấy!” (Vì cậu thấy tôi vô tình liếc mắt nhìn ảnh ở trên bình mực) “đúng là ngôi nhà thờ ấy đấy! Cậu đến chỗ này rồi rẽ quặt về bên trái, đi qua cái cổng nhỏ này” (cậu lấy ngón tay vạch đường đi ở trên bình mực) “và đúng vào nơi mình đặt ngòi bút là nhà cô ấy đấy. Cậu biết không? Đối diện với nhà thờ.”

Vẻ sung sướng của cậu khi nhắc đến những chi tiết này lúc ấy không làm tôi chú ý, vì ngay lúc ấy những ý nghĩ ích kỷ của tôi đang lo vạch cho tôi bản đồ của ngôi nhà và khu vườn của ông Xpenlô.

“Cô dễ thương lắm.” Trátđơn nói. “Cô nhiều tuổi hơn mình một chút nhưng dễ thương vô cùng. Mình đã bảo cậu rằng mình rời khỏi Luân-đôn rồi chứ? Mình đến đấy. Mình đi chân đến đấy rồi cuốc bộ về và mình đã sống ở đấy những giây phút thực tuyệt trần. Mình nghĩ rằng thời hứa hôn của chúng mình có lẽ sẽ khá dài, nhưng khẩu hiệu của chúng mình là “Chờ đợi và hy vọng” và bao giờ cũng nhắc nhau như vậy. Và đối với mình, Copơphin ạ, cô ấy sẽ chờ đợi cho đến khi sáu mươi tuổi, đến bất kỳ tuổi nào có thể tưởng tượng được”.

Trátđơn rời khỏi ghế, nở một nụ cười đắc thắng và đặt bàn tay lên tấm vải trắng mà tôi đã quan sát.

"Tuy nhiên", cậu nói, "điều đó không có nghĩa là chúng mình không bắt đầu lo đến việc gia đình. Hoàn toàn không! Chúng mình đã bắt đầu rồi đấy. Chúng mình phải tiến dần, nhưng chúng mình đã bắt đầu rồi. Đây này (cậu nói, cất tấm vải một cách kiêu hãnh và thận trọng), đây là hai đồ dùng đầu tiên. Cái bình hoa và cái giá của nó là do cô ấy mua đấy. Cậu hãy đặt nó trước cửa sổ của phòng khách" Trátđơn nói, bước lùi một bước để ngắm dễ dàng hơn "với một cái cây ở trong chậu, và thế là chu! Còn cái bàn tròn có mặt bàn bằng cẩm thạch (chu vi của nó là bảy mươi phân) là do mình mua. Cậu cần đặt một quyển sách chẳng hạn, hay một người nào đó đến thăm cậu, thăm vợ cậu, cần một chỗ để đặt tách trà, và… thế là chu. Đây là một công trình đáng phục, vững như tảng đá!"

Tôi ra sức ca ngợi những vật này và Trátđơn lại phủ tấm vải lên, cũng cẩn thận như khi cất.

"Đồ đạc thế này thì chẳng nhiều nhặn gì" Trátđơn nói "nhưng dẫu sao cũng có. Điều làm mình ngại nhất là những khăn trải bàn, những mặt gối, Copơphin ạ! Lại còn những thìa, nĩa, dao, những hộp đựng nến, những cái xiên nướng thịt và tất cả trăm thứ bà giằn khác, bởi vì những vật này rất đắt mà lại cần phải có nhiều.

Nhưng dẫu sao "hãy chờ đợi và hy vọng". Và mình cam đoan với cậu rằng cô ta dễ thương vô cùng".

"Mình tin chắc như vậy", tôi nói.

"Trong khi chờ đợi", Trátđơn nói, lại ngồi xuống ghế "mình sẽ chấm dứt bài diễn văn dài dòng nói về mình. Mình cố gắng thu xếp. Mình không kiếm được nhiều, nhưng mình cũng không tiêu nhiều. Nói chung, mình ăn với những người ở tầng dưới. Họ là những người rất dễ thương, ông bà Micôbơ rất từng trải và là những người bạn rất quý."

"Cậu Trátđơn", tôi vội thốt lên, "cậu bảo mình gì thế?"

Trátđơn nhìn tôi, có lẽ ngạc nhiên về điều tôi hỏi.

"Ông bà Micôbơ à?" Tôi nhắc lại. "Mình thân với họ lắm."

Hai tiếng gõ cửa đúng lúc đột nhiên vang lên, hai tiếng mà tôi quen biết vì trước kia đã nghe ở quảng trường Uynxo và đích là ông Micôbơ chứ không còn ai nữa đã gõ vào cánh cửa này, và hai tiếng gõ cửa này đã xua tan tất cả mọi ngờ vực trong đầu óc tôi về chỗ họ là ai: Thôi đúng là bạn cũ. Tôi bảo Trátđơn mời ông chủ nhà lên. Trátđơn làm theo lời tôi, nhô người ra khỏi tay vịn mà gọi, và ông Micôbơ vẫn không thay đổi chút nào, với cái quần chật ống, cái gậy, cái cổ cồn giả và cái kính tay hệt như xưa, bước vào phòng với cái vẻ lịch sự và trẻ trung.

"Xin lỗi ông Trátđơn" ông Micôbơ nói, cũng với cái tiếng ồ ồ trong giọng nói ngày xưa trong khi ngừng nghêu ngao khe khẽ "tôi không biết có người lạ ở trong quý phủ."

Ông Micôbơ khẽ nghiêng mình trước mặt tôi và kéo cái cổ cồn giả lên.

"Ông mạnh khỏe chứ, ông Micôbơ?" Tôi hỏi.

"Thưa ông," ông Micôbơ nói, "cảm ơn ông, tôi vẫn như *hiện trạng*".

"Thế còn bà Micôbơ?" tôi hỏi tiếp.

"Thưa ông, nhờ Chúa, nhà tôi vẫn *như hiện trạng*."

"Thế còn các cháu, ông Micôbơ?"

"Thưa ông, tôi rất vui sướng được trả lời ông rằng chúng vẫn được hưởng một sức khỏe bình

thường.”

Từ nãy đến giờ ông Micôbơ vẫn không nhận ra tôi mặc dầu đứng đối diện với tôi.

Nhưng đến đấy, thấy tôi cười, ông nhìn tôi chăm chú hơn, bước lùi một bước, cuối cùng thốt lên.

“Có thể thế ư? Tôi lại được sung sướng gặp lại Copơphin ư?”

Và ông nắm chặt hai tay tôi, hết sức thiết tha trìu mến:

“Trời ơi! Anh Trátđơn ơi!” ông Micôbơ nói, “tôi làm sao có thể nghĩ rằng anh là chỗ quen biết với ông bạn thời thanh niên của tôi, ông bạn của những ngày xưa cũ! Em ơi!” (ông ta gọi bà Micôbơ qua tay vịn cầu thang trong khi Trátđơn có vẻ rất ngạc nhiên - điều đó cũng dễ hiểu thôi - khi thấy tôi được định nghĩa như vậy) “ở trong phòng anh Trátđơn có một người mà anh rất muốn giới thiệu với em, em ạ.”

Sau đó, ông Micôbơ lại xuất hiện ngay và lại nắm tay tôi.

“Thế nào, ông bác sĩ - ông bạn quý của chúng ta - có mạnh khỏe không và tất cả những người ở Cantơbơri có mạnh khỏe không?”

“Tôi chỉ nghe những tin lành về họ,” tôi nói.

“Tôi sung sướng được nghe nói như vậy” ông Micôbơ nói “Chúng mình gặp nhau lần cuối ở Cantơbơri, ở dưới bóng (nếu tôi có thể dùng một hình ảnh bóng bẩy) của ngôi nhà thờ thiêng liêng mà Sôxơ[2] đã làm nó thành bất tử và xưa kia là nơi hẹn hò của những khách hành hương từ miền xa xôi nhất đến… Tóm lại” ông kết luận “ngay ở cạnh nhà thờ.”

Tôi trả lời ông rằng quả thực đúng như vậy. Ông Micôbơ tiếp tục nói với cái vẻ thao thao bất tuyệt mà ông có thể nói; nhưng không phải không để lộ (tôi có cảm tưởng như vậy khi nhìn cái vẻ lúng túng trên khuôn mặt) rằng ông ta nhận thấy những tiếng động ở phòng bên (hình như bà Micôbơ đang rửa tay, đang vội vã mở và đóng những ngăn kéo đã xộc xệch).

“Anh thấy chúng tôi, anh Copơphin ạ” ông Micôbơ nói với tôi, trong khi vẫn liếc mắt nhìn Trátđơn “bây giờ đã đến một bực thang có thể nói tuy nhỏ nhưng cũng là một bực thang; nhưng câu chuyện trên bước đường tôi đã gặp nhiều khó khăn và việc chiến thắng nhiều trở lực không phải là điều xa lạ với anh. Anh thường biết rằng trong đời tôi có những lúc tôi đã phải dừng lại, đợi những dịp may bất ngờ; có những lúc tôi phải bước lùi trước khi làm cái mà tôi gọi (không đến nỗi táo bạo, chắc hẳn thế) là một bước nhảy về phía trước. Giây phút hiện nay đối với tôi là một trong những giai đoạn quyết định như vậy trong cuộc đời của một con người. Anh đã thấy tôi bước lùi về phía sau để nhảy một cái về phía trước; và tôi có đủ lý do để hy vọng rằng một bước nhảy mạnh mẽ nay mai sẽ bù đắp lại cái bước thụt lùi trong chốc lát”.

Tôi đang biểu lộ nỗi thích thú của mình, bỗng bà Micôbơ bước vào, ăn mặc hơi xộc xệch hơn trước (hay ít ra lúc này bà có vẻ như vậy) đối với đôi mắt lâu nay không quen nhìn bà, nhưng dầu sao cũng đã tô điểm một chút để tiếp tôi và tay đeo đôi găng tay màu nâu.

“Em ơi!” Ông Micôbơ bảo vợ và kéo vợ về phía tôi “Đây là chàng thanh niên Copơphin, muốn nối lại *tình xưa* với em.”

Lẽ ra, ông ta phải chuẩn bị một cách dịu dàng và dần dần để đi đến lời báo tin ấy mới phải vì bà Micôbơ vốn đã yếu sẵn. Nghe tin ấy, bà choáng váng cả người cho nên ông Micôbơ phải lật đật chạy xuống cầu thang, đến cái bể cạn đựng nước mưa ở sân sau, múc lên một thau nước và đắp nước vào trán vợ. Lát sau bà ta hồi tỉnh và rất sung sướng được gặp lại tôi. Tất cả bốn người chúng tôi nói

chuyện trong nửa tiếng đồng hồ. Tôi hỏi họ những tin tức về hai đứa con sinh đôi, bà bảo tôi rằng chúng đã trở thành "người lớn"; tôi hỏi về cậu Micôbơ và cô Micôbơ mà bà miêu tả như là những người "khổng lồ", nhưng hôm ấy hai nhân vật này không xuất hiện.

Ông Micôbơ rất băn khoăn muốn giữ tôi lại ăn cơm. Tôi sẵn sàng nhận lời nếu như tôi không có cảm tưởng mình nhìn thấy trong cặp mắt bà Micôbơ một nỗi lo ngại nào đấy và thấy bà nhẩm tính về số lượng thịt nguội còn lại. Tôi bèn hẹn đến lúc khác vì nhận thấy bà Micôbơ như vừa trút được một gánh nặng, tôi chống lại mọi lời mời mọc. Nhưng tôi nói với Trátđơn và ông bà Micôbơ rằng tôi không nghĩ đến việc chia tay trước khi họ định ngày sẽ đến ăn cơm với tôi. Công việc của Trátđơn bắt cậu ta phải định một ngày hơi xa; nhưng cuối cùng chúng tôi đã tìm được ngày thích hợp cho tất cả, và tôi từ giã ra về.

Ông Micôbơ mượn cớ chỉ cho tôi con đường về ngắn hơn đường tôi đến, tiễn tôi ra tới góc phố. Ông muốn nói vài lời đặc biệt đối với một ông bạn cố tri như tôi.

"Anh Copơphin ạ", ông Micôbơ nói, "tôi không cần phải nói với anh rằng trong hoàn cảnh hiện nay riêng việc có trong nhà một tâm hồn sáng ngời (nếu như tôi được phép dùng danh từ này), như anh bạn Trátđơn của anh, thực là một niềm an ủi không thể nói hết. Trong khi tôi có những người láng giềng gần nhất là một bà giặt quần áo, bán kẹo nuga ở cửa sổ phòng khách của tôi, và một anh cảnh sát ở ngôi nhà đối diện, anh có thể tưởng tượng sự có mặt của anh Trátđơn đối với nhà tôi là một niềm an ủi như thế nào. Hiện nay, anh Copơphin ạ, tôi đang làm đại lý bán bia. Việc này không kiếm được nhiều tiền, nói khác đi, không kiếm được tiền… và những khó khăn tạm thời về mặt kinh tế là hậu quả của tình cảnh này.

Nhưng tôi sung sướng nói thêm rằng hiện nay tôi vẫn có hy vọng sẽ có một việc xảy ra ít hôm nữa thôi (tôi không thể nào nói với anh nó xảy ra như thế nào) sẽ giúp tôi giải quyết hoàn toàn những nhu cầu của tôi cũng như những nhu cầu của anh bạn Trátđơn của anh mà tôi rất quan tâm đến. Có lẽ anh không ngạc nhiên khi biết rằng sức khỏe của nhà tôi làm cho người ta có thể nghĩ rằng bà ấy sẽ có thêm một yếu tố cộng thêm vào những biểu hiện của tình yêu… Tóm lại, có thêm một đứa con nữa! Những người trong họ hàng nhà tôi đã có lòng tốt biểu hiện thái độ bất bình của họ trước tình trạng này. Tôi chỉ cần nói cho họ biết rằng tôi không thấy điều đó liên quan gì đến họ và tôi đã khinh bỉ gạt bỏ cái lối thương vay khóc mướn của họ.

Nói đoạn, ông Micôbơ bắt tay tôi lần cuối rồi chia tay.

---

[1] Skittles "cầu trụ" đọc gần giống Traddles.

[2] Sôxơ: một thi hào nổi tiếng bậc nhất của nước Anh vào thế kỷ 14, đã viết tập thơ "Những câu chuyện ở Cantơbơri", đó là tác phẩm thơ vĩ đại đầu tiên của văn học Anh.

Chương XXVIII
LỜI THÁCH THỨC CỦA ÔNG MICÔBƠ

Mãi cho đến ngày phải tiếp những ông bạn cũ tôi vừa gặp lại, chủ yếu tôi sống bằng Đôra và cà-phê. Trong tình yêu tuyệt vọng, tôi càng ngày ăn càng không biết ngon; và tôi lấy làm sung sướng về điều đó bởi vì tôi có cảm tưởng rằng ăn ngon miệng như mọi ngày sẽ là một hành động phản bội đối với Đôra. Tôi đi bộ nhiều nhưng điều đó cũng không ảnh hưởng gì tốt bởi vì tâm trạng tuyệt vọng của tôi thắng cả không khí trong lành. Vả lại, tôi tự hỏi, căn cứ vào kinh nghiệm sâu sắc tôi đã có trong giai đoạn này của cuộc đời, tôi ngờ vực về chỗ người ta có thể ăn ngon lành khi chân luôn luôn bị hành hạ bởi đôi giày quá chật. Tôi nghĩ rằng đầu và chân đều phải thoải mái yên ổn thì dạ dày mới có thể hoạt động tích cực.

Trong bữa ăn nhỏ thân mật, tôi không lặp lại những trò chuẩn bị lu bù ngày trước. Tôi chỉ mua hai con cá măng, một giò cừu nhỏ và một khúc pa-tê bồ câu. Bà Crớp phật ý phản đối khi lần đầu tiên tôi hỏi bà một cách xa xôi dè dặt xem bà có nấu được cá và thịt không. Bà trả lời với cái vẻ lòng tự ái bị động chạm.

"Không! Không! Ông không nên bảo tôi làm một việc như thế, bởi vì ông thừa hiểu tôi không thể làm điều gì một cách miễn cưỡng."

Cuối cùng, chúng tôi đi đến một bản thỏa hiệp và bà Crớp đồng ý thực hiện kỳ công ấy với điều kiện tôi ăn ở khách sạn suốt hai tuần sau.

Nhân tiện đây tôi xin phép nói rằng bà Crớp bắt tôi phải chịu những hình phạt khủng khiếp do chế độ chuyên chế của bà đối với tôi. Tôi chưa bao giờ sợ ai đến thế. Bất kỳ cái gì cũng phải kết thúc bằng một sự thỏa hiệp. Nếu tôi ngần ngừ thì thế nào bà cũng bị cái bệnh kỳ quặc kia xưa nay vẫn phục kích trong hệ thần kinh của bà và sẵn sàng lao vào tấn công những cơ quan chủ yếu của bà khi có dấu hiệu đầu tiên. Nếu tôi rung chuông có vẻ nóng ruột, sau khi đã kéo đến năm sáu lần một cách kín đáo nhưng vô hiệu, và cuối cùng bà đến (điều này không có gì chắc) thì bà xuất hiện với cái vẻ trách móc, thở hổn hển, ngồi sụp xuống một cái ghế cạnh cửa ra vào, đặt một bàn tay lên cái ngực mặc lụa Thượng hải và trở nên ốm yếu đến nỗi tôi đành phải để bà đi cho rảnh bằng bất kỳ sự hy sinh nào, bằng rượu mạnh hay bằng một thứ nào khác. Nếu tôi than phiền về chỗ bà dọn giường cho tôi vào lúc năm giờ chiều (hiện nay tôi vẫn cho cách làm ấy là bất tiện) thì bà chỉ cần giơ bàn tay chỉ cái nơi che giấu nỗi cảm xúc bị va chạm được phủ bằng lụa Thượng hải là tôi bắt buộc phải ấp úng một câu xin lỗi. Tóm lại, tôi sẽ làm bất cứ điều gì, miễn là điều ấy không đến nỗi nhục nhã, để khỏi làm bà Crớp phật ý, và bà trở thành một mối đe dọa đối với đời tôi.

Tôi mua lại một cái bàn tròn quay được để dùng vào bữa tiệc ấy chứ không thuê anh chàng trẻ tuổi nhanh nhảu như trước vì tôi đã có một thành kiến không hay đối với anh ta: một sáng chủ nhật, tôi gặp anh ở Xtranđơ, mặc cái áo gi-lê giống một cách kinh khủng cái áo gi-lê của tôi đã biến mất từ bữa ăn trước đây. Tôi vẫn thuê lại "chị con gái" nhưng ra lệnh cho chị ta chỉ được mang các đĩa thức ăn rồi rút lui đứng ở chân cầu thang, để khách khỏi nhận thấy rằng chị có thói khịt mũi và để cho chị không thể nào giẫm lên các đĩa khi rút lui.

Tôi đã chuẩn bị những thứ cần thiết để cho ông Micôbơ chế một cốc rượu ngũ vị; tôi đã mua một chai nước hoa, hai cây nến, một gói kim găm có đủ kiểu và một gối nhỏ để cắm kim mà tôi đặt trên giá rửa mặt để cho bà Micôbơ chải tóc và sau khi thân hành trải khăn bàn, tôi ngồi điềm nhiên chờ đợi kết quả.

Đến giờ đã hẹn, ba người khách của tôi cùng đến. Ông Micôbơ mang một cái cổ giả còn cao hơn

mọi ngày và buộc một dải lụa mới ở cái kính tay; bà Micôbơ với một cái mũ phủ giấy bọc hàng màu trắng và Trátđơn một tay cầm mũ một tay khoác tay bà Micôbơ. Cả ba người tỏ vẻ sung sướng về căn phòng của tôi. Khi tôi dẫn bà Micôbơ đến trước chỗ rửa mặt và bà nhìn thấy vẻ sang trọng của những vật tôi đã chuẩn bị cho bà, bà thích thú gọi ông Micôbơ vào ngắm, ông Micôbơ nói:

"Anh Copơphin ạ! Thế này là sang lắm! Lối sống này nhắc tôi nhớ đến thời tôi chưa có vợ và vẫn chưa cầu khẩn bà Micôbơ thề trước bàn thờ của hôn lễ."

"Anh ấy muốn nói rằng anh ấy chưa cầu xin tôi, anh Copơphin ạ," bà Micôbơ nói ranh mãnh. "Anh ấy không thể nói thay những người khác."

"Em ạ!" ông Micôbơ đáp, đột nhiên trở nên nghiêm trang, "anh không muốn nói thay những người khác. Anh hiểu quá rõ rằng khi những mệnh lệnh không thể lường được của Tạo hóa đã gắn bó em với anh, có thể Tạo hóa đã bắt em phải gắn bó với một con người mà số phận, sau bao nhiêu vật lộn, đã trở thành vật hy sinh của những khó khăn về kinh tế hết sức phức tạp. Anh hiểu lời nói bóng gió của em, em ạ! Anh rất lấy làm tiếc nhưng anh vẫn chịu đựng được."

"Anh Micôbơ!" Bà Micôbơ thốt lên, nước mắt ràn rụa, "em có đến nỗi để anh nói thế không? Em không bao giờ rời bỏ anh, không bao giờ *muốn* rời bỏ anh, anh Micôbơ!"

"Em ơi!" Ông Micôbơ nói với vợ, giọng cảm động. "Em tha lỗi cho anh, và anh bạn cũ, người bạn đã được thử thách là anh Copơphin chắc hẳn sẽ tha lỗi cho anh về lời nói cay đắng trong chốc lát của một tâm hồn bị thương tổn càng trở nên tức tối vì phải va chạm với một kẻ được quyền thế ưu đãi (nói khác đi với một lão làm việc thô lỗ của công ty cung cấp nước) và anh tin rằng anh bạn sẽ tha thứ cho những điều quá đáng của anh với lòng đầy thương hại chứ không trách móc anh".

Đoạn, ông Micôbơ âu yếm hôn bà Micôbơ và nắm lấy tay tôi, lời nói bóng gió đứt quãng hồi nãy làm cho tôi đoán biết rằng việc cung cấp nước cho gia đình hôm ấy đã bị cắt vì không có tiền trả cho công ty nước.

Để cho ông Micôbơ đừng nghĩ đến câu chuyện buồn bã ấy, tôi bảo ông rằng tôi muốn nhờ ông điều chế một cốc rượu ngũ vị và tôi dẫn ông đến trước những quả chanh. Cái vẻ buồn bã vừa rồi (tôi không muốn dùng chữ tuyệt vọng) bỗng biến mất. Tôi chưa bao giờ thấy một người sung sướng ở giữa mùi hương vỏ chanh, mùi đường, mùi rượu rum bốc cháy và hơi nước sôi sùng sục như ông Micôbơ vào buổi tối hôm ấy. Thực là thú vị khi nhìn gương mặt ông sáng bừng lên đằng sau làn mây mỏng của làn hơi nước thơm phức, trong khi ông ta quấy quấy, trộn cái này vào cái kia và nếm một cách say sưa, dường như không phải ông ta đang làm rượu ngũ vị mà đang làm ra vận mệnh của gia đình cho đến thời hậu thế xa xăm nhất. Còn về bà Micôbơ, tôi không hiểu đó là vì tác dụng của cái mũ, của nước hoa, của những cái kim găm, của lửa hay của những ngọn nến, nhưng khi bà vừa ở trong phòng tôi ra, bà cũng tương đối đẹp và không có con sáo nào vui hơn người đàn bà quý hóa này.

Tôi giả thiết (tôi không bao giờ dám hỏi nhưng tôi giả thiết) rằng bà Crớp sau khi chiên cá măng thì bị ốm bởi vì bữa ăn đến đó bỗng bị gián đoạn. Khi cái giò cừu được mang lên thì bên trong rất đỏ và bên ngoài thì tái nhợt; ngoài ra, nó còn được rắc một thứ bột gì lạ lùng nham nhám hình như nó đã được nhảy xuống lớp tro của cái bếp trứ danh ở lò sưởi. Nhưng chúng tôi không biết nói như thế nào về khoản nước thịt, bởi vì chị con gái đã đổ nước thịt lênh láng ở cầu thang và nó cứ nằm lì ở đấy thành một vệt dài mãi cho đến ngày những dấu chân xóa hẳn nó đi. Món patê bồ câu không dở nhưng đó là một thứ patê đánh lừa người ta bởi vì vỏ của nó giống một cái sọ kinh khủng của khoa nghiên cứu sọ người, đầy những chỗ u và chỗ lồi, còn ở dưới thì chẳng có gì hết. Tóm lại, bữa ăn là một sự thất bại khổ sở (tôi nói bữa ăn khổ sở chứ riêng tôi thì xưa nay tôi vẫn khổ sở vì Đôra) cho nên nếu

không có thái độ vui tính của các vị khách và lời gợi ý sáng suốt của ông Micôbơ thì tôi thực hết sức khổ tâm. Ông Micôbơ bảo "Anh bạn Copơphin! Trong những gia đình nội trợ khéo nhất cũng vẫn có điều không may; và trong những gia đình ở đấy thiếu cái ảnh hưởng tối cao làm cho tất cả thành thiêng liêng, làm cho tất cả được nâng lên, tôi muốn nói ảnh hưởng của người đàn bà với tính cách cao quý của người vợ, thì ta phải tin chắc rằng những điều đó nhất định sẽ xảy ra và phải chịu đựng với thái độ triết gia. Nhưng nếu như anh cho phép tôi nhận xét rằng không có món ăn nào ngon hơn là món thịt nướng, và nếu như ta có thể phân công để làm một món ăn tuyệt vời miễn là chị con gái phục vụ cho chúng tôi một cái nướng thịt thì anh sẽ thấy rằng tai hại nhỏ bé này sẽ được bù đắp rất dễ dàng".

Ở trong tủ đồ ăn có một cái nướng thịt tôi vẫn dùng để nướng khoanh mỡ của tôi mỗi bữa ăn điểm tâm. Trong nháy mắt, chúng tôi đem ra và chúng tôi bắt tay thực hiện ý kiến của ông Micôbơ. Việc phân công mà ông ta nói đến đại ý là như sau: Trátđơn cắt thịt cừu ra từng khoanh; ông Micôbơ (ông ta có thể làm mọi việc như thế này một cách tuyệt vời) bóp tiêu, muối, mù tạt và ớt, tôi lấy một cái đĩa để lật đi lật lại theo lời chỉ dẫn của ông Micôbơ, còn bà Micôbơ nấu một ít xốt cà chua với nấm ở trong một cái xoong mà bà quấy lia lịa. Khi chúng tôi đã có đủ những khoanh thịt nướng chín để bắt đầu ăn, chúng tôi ngồi vào bàn, trong khi những khoanh khác vẫn kêu xèo xèo sáng rực ở trên ngọn lửa và sự chú ý của chúng tôi bị phân tán ở giữa những miếng thịt đặt trên đĩa với những miếng thịt đang nướng.

Vì những món ăn này lạ miệng và rất ngon, đồng thời cái cảnh tượng ồn ào nó gây nên cũng như vì chúng tôi luôn luôn phải đứng lên để theo dõi rồi lại ngồi xuống để làm biến mất mỗi khi những khoanh thịt giòn tan nóng hổi rời khỏi cái nướng thịt; vì chúng tôi làm việc hăng hái, má đỏ bừng do hơi nóng của ngọn lửa, vì chúng tôi thích thú ở giữa những tiếng động và mùi thơm ngon lành, nên chúng tôi đã chén cái giò này cho đến tận xương. Tôi bỗng cảm thấy ngon miệng lạ lùng. Nói điều này tôi rất xấu hổ, nhưng quả thật trong chốc lát tôi đã quên mất Đôra. Tôi yên trí rằng ông bà Micôbơ không thể nào chén một bữa ngon hơn dù họ phải bán một cái giường để đánh chén. Trátđơn suốt thời gian ấy cười ròn rã khoái trá, vừa ăn vừa làm việc. Thực ra tất cả chúng tôi đều như thế, và tôi dám chắc rằng chưa bao giờ có một bữa ăn ngon lành hơn.

Nỗi vui sướng của chúng tôi lên đến tột độ và tất cả chúng tôi, mỗi người trong phần việc của mình đều hí hoáy làm cho loạt khoanh cuối cùng đạt đến trình độ tuyệt mỹ để cho bữa tiệc chấm dứt một cách oanh liệt.

Bỗng tôi nhận ra có người lạ mặt ở trong phòng, và cặp mắt của tôi gặp phải cặp mắt của gã Litimơ trang trọng đứng trước mặt tôi, tay cầm mũ.

"Có việc gì thế?" Tôi bất giác hỏi.

"Xin lỗi ông! Người ta bảo con vào, ông chủ con không ở đây sao?"

"Không."

"Thế ông không gặp ông ấy ạ?"

"Không; không phải ông ấy sai anh đến đây à?"

"Thưa không ạ!"

"Ông ấy có bảo anh rằng anh sẽ tìm ông ấy ở đây không?"

"Dạ! Không ạ! Nhưng con nghĩ rằng ngày mai ông ấy sẽ đến đây, nếu như hôm nay ông ấy chưa đến đây."

"Ông chủ ở Ocxphơt về à?"

“Con xin ông”, hắn trả lời kính cẩn, “ông cứ ngồi xuống cho và cho phép con làm việc này”. Nói đoạn, hắn cầm lấy cái nĩa ở trong bàn tay không kháng cự của tôi và cúi xuống nhìn cái nướng thịt. Dường như tất cả mọi sự chú ý của hắn đều tập trung vào đấy. Tôi dám chắc dù Xtiếcphoóc có đến, chúng tôi cũng không bối rối chút nào; nhưng trong chốc lát chúng tôi đã trở thành những con người hiền lành nhất trên đời trước mặt anh đầy tớ trang trọng này. Ông Micôbơ miệng đang nghêu ngao một bài hát để tỏ ra rằng mình hết sức thoải mái, bỗng buông mình rơi phịch xuống ghế, với cái cán nĩa giấu một cách vội vàng lòi ra ngoài cổ áo dường như ông muốn cầm nó để đâm vào ngực. Bà Micôbơ đeo đôi găng màu nâu làm ra vẻ buồn rầu lịch sự. Trátđơn đưa hai bàn tay bê bết những mỡ lên tóc, mớ tóc dựng đứng lên, nhìn xuống cái khăn bàn có vẻ sững sờ. Còn về phần tôi, tôi giống như một đứa trẻ ngồi ở bàn ăn của mình và khó khăn lắm mới dám liếc mắt nhìn cái hiện tượng trang trọng không biết từ nơi nào rơi xuống để làm cho nhà tôi thành ngăn nắp trật tự.

Về phần hắn, hắn đã rút thịt cừu ra khỏi lửa và nghiêm trang mời tất cả chúng tôi ăn. Tất cả chúng tôi đều ăn, nhưng chúng tôi không còn thích thú gì nữa và chỉ làm ra vẻ ăn mà thôi. Khi mỗi người trong chúng tôi đã đẩy đĩa ăn đi một nơi, hắn lặng lẽ cất các đĩa ăn và dọn pho-mát. Hắn cũng cất pho-mát đi, khi tất cả chúng tôi đã ăn xong, dọn bàn, chồng tất cả bát đĩa lên cái bàn quay, đưa cho chúng tôi những cốc rượu và tự động đẩy chiếc bàn quay vào phòng.

Tất cả những điều này đều được làm một cách thành thạo và mắt hắn không lúc nào rời khỏi công việc. Tuy vậy, hai cùi tay của hắn, khi hắn quay lưng lại tôi, dường như vẫn nhắc lại ý nghĩ mà hắn đã có về tôi rằng tôi còn rất non nớt.

“Thưa ông, con có thể làm gì nữa không ạ?”

Tôi cảm ơn hắn và nói:

“Không. Nhưng anh không ăn gì cả à?” “Ồ! Không ạ! Xin cảm ơn ông”.

“Ông Xtiếcphoóc ở Ocxphơt về à?”

“Thưa ông, ông nói gì ạ?”

“Có phải ông Xtiếcphoóc sắp ở Ocxphơt về không?”

“Con nghĩ rằng ngày mai ông chủ con có thể ở đây. Thưa ông con nghĩ rằng hôm nay ông chủ con đã đến đây rồi cơ… Nhưng thưa ông, rõ ràng là con lầm”.

“Nếu anh thấy ông ta trước tôi…” Tôi nói.

“Nếu ông tha lỗi cho, con nghĩ rằng con sẽ không thấy ông Xtiếcphoóc trước ông đâu”.

“Nếu anh gặp ông ấy, anh làm ơn bảo với ông ấy rằng tôi rất tiếc hôm nay ông ấy không đến đây bởi vì ông sẽ gặp ở đây một người bạn học cũ”.

“Thế à, thưa ông?” Hắn chào cả tôi lẫn Trátđơn và đưa mắt nhìn Trátđơn.

Hắn nhẹ nhàng bước ra cửa. Trong khi đó tôi cố gắng một cách tội nghiệp nói một điều gì một cách tự nhiên - điều mà tôi không bao giờ làm được khi nói với con người này - tôi nói:

“Này Litimơ!”

“Dạ, có gì ạ?”

“Lần trước anh có lưu lại lâu ở Yácmao không?”

“Không lâu lắm ạ”.

“Anh đã thấy chiếc tàu đóng xong rồi chứ?”

“Thưa vâng ạ! Con đã ở đấy cốt xem khi nào chiếc tàu đóng xong”.

“Tôi biết (hắn ngước mắt, kính cẩn nhìn tôi). Ông Xtiếcphoóc chắc hẳn vẫn chưa thấy chiếc tàu chứ?

“Về việc đó thì con không biết ạ. Theo ý con… nhưng con thực không biết gì ạ! Xin chào ông”.

Hắn chào tất cả mọi người một cách trang trọng, sau khi nói câu này, rồi biến mất. Các vị khách của tôi có vẻ được thở tự do hơn khi hắn đi khỏi. Bản thân tôi nhẹ cả người bởi vì ngoài việc cảm thấy lúng túng do một tình cảm kỳ quặc vì thấy mình ở trong một tình thế bất lợi khi đứng trước con người kia, lương tâm của tôi cũng làm cho tôi băn khoăn vì nó cứ thì thầm bên tai tôi rằng tôi không còn tin cậy vào ông chủ của hắn nữa. Tôi không thể nào đè nén một nỗi lo sợ mơ hồ khi nghĩ rằng có thể hắn nhận ra điều đó. Tại sao trong khi trong thực tế tôi chẳng có gì phải che giấu, bao giờ tôi cũng có ấn tượng rằng bị con người kia nhìn thấy tâm can của mình?

Ông Micôbơ kéo tôi ra khỏi những điều nghĩ ngợi xen lẫn với một nỗi lo sợ băn khoăn về chỗ sẽ thấy Xtiếcphoóc xuất hiện, bằng cách ra sức tán dương Litimơ sau khi hắn đã đi và cho hắn là một con người trang trọng bậc nhất và một người đầy tớ hết sức cừ. Nhân tiện, tôi nói thêm rằng ông Micôbơ đã được hưởng tất cả cái chào trang trọng của Litimơ và đã nhận cái chào với một thái độ ban ơn đặc biệt.

“Nhưng còn rượu ngũ vị, anh Copơphin”, ông Micôbơ vừa nếm vừa nói với tôi, “bởi vì thời gian và thủy triều không đợi chờ ai. Em ạ! Lúc này nó thơm lắm đấy. Này em, em thấy rượu thế nào?”

Bà Micôbơ tuyên bố rằng rượu ngon tuyệt trần, ông Micôbơ nói:

“Thế thì tôi sẽ uống nếu anh bạn Copơphin của tôi cho phép uống tự do, để nhớ tới những ngày đã qua, trong đó anh bạn Copơphin và tôi trẻ hơn bây giờ và chúng tôi sát cánh nhau chiến đấu để tìm một lối đi trên bước đường đời. Tôi có thể nói về anh Copơphin và về tôi bằng cách dùng một câu hát mà trước đây chúng tôi đã cùng nhau hát, rằng:

Hai chúng tôi đã chạy qua bao núi đồi

Hái những bông hoa xinh đẹp[1]

theo nghĩa bóng và đã nhiều lần như vậy. Quả thực, tôi không biết rõ (ông Micôbơ nói, cũng với cái giọng ồ ồ ngày xưa, cũng với cái vẻ khó tả muốn nói một điều gì lịch sự) những bông hoa kia là những bông hoa gì, nhưng có một điều chắc chắn là anh Copơphin và tôi sẽ hái được nhiều nếu như chúng tôi có dịp”.

Và ngay lúc đó, ông Micôbơ uống một ngụm rượu ngũ vị. Chúng tôi đều làm thế… Còn Trátđơn thì ngạc nhiên vô cùng tự hỏi không biết ở vào thời buổi tám hoánh nào ông Micôbơ và tôi đã sát cánh nhau chiến đấu trên bước đường đời.

“Hừm!” Ông Micôbơ nói, khẽ ho một cái lấy giọng và người bốc lên do ảnh hưởng của rượu ngũ vị và của ngọn lửa “Một cốc nữa, em nhé!”

Bà Micôbơ đáp lại rằng bà chỉ nên uống rất ít thôi; nhưng chúng tôi không thể cho bà làm thế, và bà phải uống một cốc rõ đầy.

“Vì chúng ta đều là người nhà, anh Copơphin ạ”, bà Micôbơ vừa nói vừa nhắp rượu ngũ vị từng ngụm nhỏ, “vì anh Trátđơn cũng là chỗ gia đình, nên tôi muốn hỏi ý kiến các anh về tương lai anh Micôbơ. về chuyện buôn lúa mì” - bà Micôbơ nói giọng giải thích - “như tôi đã nhiều lần nói với anh

Micôbơ, có lẽ là một việc làm ăn lịch sự nhưng không kiếm chác được mấy. Cứ mười lăm ngày nhận được hai si-linh và chín pen-ni về tiền mách mối hàng, thì không thể nào xem là kiếm ra tiền, mặc dù tham vọng của chúng tôi có ít đến đâu đi nữa".

Tất cả chúng tôi đều tán thành điểm ấy.

"Thế thì", bà Micôbơ nói tiếp, tự hào về chỗ mình nhìn thấy rõ vấn đề và về chỗ sự khôn ngoan của người phụ nữ đã kéo ông Micôbơ lại con đường đúng đắn mỗi khi ông muốn đi một con đường quanh co "thế thì tôi tự đặt cho tôi câu hỏi này: "Ta đã không thể nhờ cậy vào chuyện buôn bán lúa mì rồi, vậy ta có thể nhờ cậy vào cái gì? Ta có thể nhờ vào việc bán than được không? Chắc chắn là không". Theo đề nghị của gia đình, chúng tôi đã chú ý đến điều này, nhưng chúng tôi nhận thấy đó là một ý kiến hỏng bét".

Ông Micôbơ ngả người ra lưng ghế, thọc hai tay vào túi quần, nhìn chúng tôi, gật gật cái đầu dường như bảo chúng tôi rằng vấn đề đã được nêu lên rất rõ ràng.

"Hai cái khoản lúa mì và than", bà Micôbơ nói, giọng ngày càng có vẻ giải thích, "bây giờ không cần bàn đến nữa, anh Copơphin ạ!" Đương nhiên là tôi đưa mắt nhìn quanh và hỏi một con người có nhiều tài năng như anh Micôbơ có hy vọng thành đạt ở ngành nào đây? Tôi gạt bỏ câu chuyện mách mối hàng cho bất kỳ cái gì bởi vì nghề ngỗng này không đem đến cái gì chắc chắn cả. Tôi tin chắc rằng đối với một người có tính cách như anh Micôbơ thì điều thích hợp nhất là một ngành gì đem lại một thu hoạch chắc chắn".

Trátđơn và tôi thì thầm biểu lộ rằng phát hiện vĩ đại này quả thật là đúng đối với ông Micôbơ và thật là một vinh dự cho ông.

"Tôi không che giấu các anh, anh Copơphin ạ", bà Micôbơ nói, "rằng riêng tôi, từ lâu tôi vẫn cho rằng nghề làm rượu bia là nghề đặc biệt thích hợp đối với anh Micôbơ. Này các anh xem đấy Baccơlây và Packin! Các anh hãy xem Truman Hambơri và Bucxtôn![2]. Phải làm những việc có tầm to lớn như thế thì anh Micôbơ (tôi rất biết anh ấy nên có thể nói như vậy) mới có thể trỗi được; và những món tiền lời ở đấy, người ta nói, thực là lớn. Nhưng nếu như anh Micôbơ không thể bước vào những nhà này (họ không chịu trả lời những bức thư của anh khi anh muốn làm việc, dù làm những việc phụ thuộc) thì nghĩ đến những điều ấy để làm gì? Không có ít gì hết. Tôi tin chắc rằng có lẽ những cử chỉ của anh Micôbơ…"

"Hừm! Thôi đi mình!" ông Micôbơ nói xen vào.

"Này mình, mình yên lặng cho", bà Micôbơ nói, đặt bàn tay đeo găng tay nâu lên cánh tay của chồng. "Tôi tin chắc, anh Copơphin ạ, rằng những cử chỉ của anh Micôbơ làm cho anh ấy đặc biệt thích hợp trong những công việc ở ngân hàng. Tôi nghĩ rằng nếu tôi có tiền gửi ngân hàng thì những cử chỉ của anh Micôbơ với tính cách người đại diện của ngân hàng này sẽ làm cho tôi tin cậy và sẽ làm cho công việc thêm chạy. Nhưng các nhà ngân hàng không chịu sử dụng đến những khả năng của anh Micôbơ, hay họ tiếp nhận một cách khinh bỉ đề nghị xin làm việc của anh, vậy cứ nghĩ mãi đến điều này thì có ích gì không? Không có ích gì hết! Còn về việc thành lập một ngân hàng mới thì tôi biết rằng nếu một vài người trong gia đình tôi vui lòng đưa tiền cho anh Micôbơ thì họ có thể lập một doanh nghiệp như thế. Nhưng vì họ không muốn đưa tiền của họ cho anh ấy, và sự thực là thế, thì nghĩ đến điều này để làm gì? Một lần nữa tôi nhận thấy chúng ta vẫn đứng yên tại chỗ chẳng khác gì lúc đầu".

Tôi lắc đầu nói "Đúng thế". Trátđơn cũng lắc đầu nói "Đúng thế".

"Tôi phải kết luận gì đây?" Bà Micôbơ tiếp tục, cũng với cái vẻ muốn trình bày rõ ràng một sự

việc "Này anh Copơphin, tôi bị lôi cuốn đến một kết luận không sao chống lại được. Tôi có lầm không khi tôi nói rằng hiển nhiên là chúng tôi phải sống?"

Tôi trả lời "Hoàn toàn không!" và Trátđơn lặp lại "Hoàn toàn không!". Và tôi cảm thấy mình đang nói thêm một cách đĩnh đạc, rằng người ta phải sống hoặc phải chết.

"Đúng thế! Bà Micôbơ nói, "anh Copơphin ạ, sự thật là chúng tôi *không thể nào* tiếp tục sống nếu không có một dịp gì may mắn (rất khác tình cảnh chúng tôi hiện nay) xuất hiện trong thời gian gần đây. Riêng tôi, tôi tin chắc, và mấy hôm nay tôi đã nhiều lần nói với anh Micôbơ rằng người ta không thể chờ đợi dịp may cho nó xuất hiện. Có lẽ tôi lầm chăng nhưng tôi đã có ý kiến như vậy".

Trátđơn và tôi đều nhiệt liệt tán thành ý kiến ấy.

"Hay lắm!" Bà Micôbơ nói, "bây giờ tôi phải khuyên gì đây? Đây là Micôbơ… một người có nhiều khả năng và rất có tài".

"Thôi đi mình", ông Micôbơ nói.

"Tôi van mình, mình cứ để cho tôi nói. Đây là anh Micôbơ có nhiều năng lực về nhiều mặt, và rất có tài… Riêng tôi, tôi có thể nói, có thiên tài, nhưng có lẽ đó là thái độ thiên lệch của một người vợ chăng?"

Trátđơn và tôi đều nói thầm: "Không đâu".

"Và đây là anh Micôbơ không có địa vị gì, cũng không có việc gì thích hợp với anh ấy. Ai chịu trách nhiệm đây? Xã hội, cố nhiên là thế. Vì vậy tôi muốn nêu lên một trường hợp nhục nhã như vậy mà manh dạn yêu cầu xã hội phải giải quyết. Anh Copơphin ạ!" bà ta nói tiếp, giọng bốc lên, "ông Micôbơ chỉ còn cách giơ tay lên thách thức xã hội và nói đại khái: "Xem nào, ai là người nhận lời thách thức? Xin bước ra ngay".

Tôi đánh bạo hỏi bà Micôbơ làm thế nào để thách thức?

"Phải đăng quảng cáo trên tất cả các báo", bà Micôbơ nói. "Tôi cảm thấy rằng điều anh Micôbơ phải làm để tỏ ra công bình đối với bản thân, đối với gia đình, và tôi có thể nói ngay đối với cái xã hội từ trước đến nay vẫn bỏ rơi anh, là đăng quảng cáo trên tất cả các báo. Cứ miêu tả anh ấy cho đúng, có những năng lực gì và kết luận bằng cách nói: "Và bây giờ hãy dùng tôi đi, với những điều kiện có lợi và hãy trả lời, tiền bưu phí ông W.M. chịu, hòm thư… Camđen Taonơ".

"Ý kiến này của bà Micôbơ, anh Copơphin ạ", ông Micôbơ nói, kéo hai đầu cái cổ cồn giả về phía cằm và liếc nhìn tôi "chính là cái bước nhảy về phía trước mà tôi đã nói với anh khi gặp anh hôm nọ".

"Tiền đăng quảng cáo hình như cũng đắt đấy", tôi nói, giọng ngờ vực.

"Đúng thế!" Bà Micôbơ nói, cũng với cái vẻ phân bua như trước "Đúng lắm, anh Copơphin ạ! Tôi đã nói như thế với anh Micôbơ. Nhưng chính vì thế mà anh Micôbơ phải (như tôi đã nói, để tỏ ra công bình với mình, với gia đình và với xã hội) vay một số tiền nào đó bằng một tờ giấy cam đoan".

Ông Micôbơ ngả người ra lưng ghế, ve vẩy cái kính tay, ngước mắt nhìn lên trần nhà; nhưng tôi có cảm tưởng là trong lúc ấy ông vẫn liếc nhìn Trátđơn trong khi Trátđơn đang nhìn ngọn lửa.

"Nếu không một người nào trong gia đình tôi", bà Micôbơ nói, "có đủ từ tâm để nhận cái giấy ấy… Tôi nghĩ rằng có một thuật ngữ chuyên môn thích hợp hơn để diễn đạt điều tôi muốn nói".

"Chiết khấu", ông Micôbơ nói, mắt vẫn nhìn lên trần.

"Để chiếc khấu tờ giấy ấy", bà Micôbơ nói, "theo ý tôi, anh Micôbơ phải vào đô thị, mang cái

giấy ấy đến ngân khố để lấy được số tiền người ta bằng lòng trao cho anh ấy, nếu như những người ở ngân khố bắt anh Micôbơ phải chịu hy sinh nặng nề thì đó là việc giữa họ với lương tâm họ. Tôi kiên quyết xem việc đó như là việc gửi tiền vậy. Anh Copơphin ạ, tôi khuyên anh Micôbơ cũng cứ làm như thế, cứ coi việc ấy như là việc gửi tiền và thế nào cũng có lãi để kiên quyết chịu đựng mọi hy sinh".

Tôi cảm thấy (nhưng thực tôi không hiểu tại sao) thái độ này biểu hiện lòng tận tụy hy sinh của bà Micôbơ, và tôi khẽ nói một điều gì cũng đại khái như vậy. Trátđơn theo gương tôi cũng làm thế trong khi vẫn tiếp tục nhìn ngọn lửa.

"Tôi không muốn", bà Micôbơ kết luận, uống cạn cốc rượu ngũ vị và kéo khăn quàng lên vai trước khi bước vào phòng riêng của tôi, "tôi không muốn kéo dài những nhận xét này về tình hình kinh tế của anh Micôbơ. Ở cạnh bếp lửa của anh, anh Copơphin ạ, và trước mặt anh Trátđơn tuy không phải là một bạn cũ như anh, nhưng cũng hoàn toàn là người trong nhà, tôi không thể nào không nói cho các anh biết những phương pháp tôi dùng để khuyên anh Micôbơ cứ làm theo điều ấy. Tôi nghĩ rằng đã đến lúc anh Micôbơ phải nêu cao giá trị của mình, tôi muốn nói thêm, phải khẳng định giá trị của mình và hình như tôi đã đưa ra những cách để đạt đến mục đích. Tôi thừa hiểu tôi chỉ là một người đàn bà, và thường thường, trong những vấn đề như thế này, người ta thích theo ý kiến của một người đàn ông hơn. Nhưng tôi không thể nào quên rằng khi tôi sống ở nhà với bà mẹ tôi, ba tôi vẫn thường nói: "Con Emma người nhỏ lách nhách nhưng nhận xét vấn đề thì sâu sắc chẳng thua ai". Tôi biết rằng ba tôi quá thiên lệch nhưng lý trí và bổn phận của tôi không cho phép tôi ngờ vực về chỗ ba tôi - trong một chừng mực nào đó - là một người quan sát tính cách rất tinh".

Nói đoạn, không chịu nghe theo lời cầu khẩn của chúng tôi (chúng tôi yêu cầu bà ngồi đấy để cùng chúng tôi uống cạn hết chỗ rượu ngũ vị còn lại), bà Micôbơ bước vào phòng tôi. Quả thật tôi cảm thấy bà là một người đàn bà cao quí, thuộc về hạng những bà mẹ La Mã có thể làm tất cả mọi hành động anh hùng trong những lúc tổ quốc lâm nguy.

Lòng tràn đầy cảm giác kính phục như vậy, tôi khen ngợi ông Micôbơ đã có được một kho tàng vô giá. Trátđơn cũng làm thế. Ông Micôbơ lần lượt giơ tay cho chúng tôi bắt và lấy khăn tay che mặt, theo tôi khăn này đầy những dấu vết của thuốc lá để hít hơn là ông tưởng. Sau đó ông lại vui vẻ quay lại với cốc rượu ngũ vị và tỏ ra rôm rả vô cùng.

Ông hết sức hùng biện, ông cho chúng tôi biết rằng người ta sống lại ở con cái và mặc dầu bị những khó khăn kinh tế thúc ép, mọi đứa con ra đời đều được chào đón hân hoan.

Ông nói gần đây bà Micôbơ có lo ngại về điểm đó, nhưng ông đã xua tan những điều lo ngại và làm bà an tâm. Còn về gia đình bà Micôbơ, thì họ hoàn toàn không xứng đáng với bà, và ông hoàn toàn không đếm xỉa gì đến tình cảm của họ và họ có thể (tôi dùng đúng danh từ của ông) xéo đi cho được việc!

Sau đó ông Micôbơ đọc bài diễn văn ca ngợi Trátđơn. Ông tuyên bố rằng Trátđơn có những đức tính vững chắc mà chính ông (ông Micôbơ) cũng không dám khoe là có được, nhưng nhờ trời, ông vẫn biết tán thưởng, ông nói bóng, với một giọng cảm động, về cô gái xa lạ mà Trátđơn đem lòng yêu mến, và cô ta đã đáp lại tình yêu ấy bằng cách yêu Trátđơn và làm cho Trátđơn vô cùng hạnh phúc, ông Micôbơ nâng cốc chúc sức khỏe của cô ta. Tôi cũng làm thế. Và Trátđơn cảm ơn chúng tôi, bằng cách nói với cái vẻ mộc mạc và chân thành mà tôi thấy rất đáng yêu:

"Tôi cám ơn các bạn. Tôi nói thực, đó là cô gái dễ thương nhất trên đời".

Sau đó ông Micôbơ túm ngay lấy cơ hội đầu tiên để nói hết sức tế nhị và lịch sự đến những tình cảm của tôi. Trừ phi anh bạn Copơphin của ông trịnh trọng xác nhận điều ngược lại, ông tuyên bố tất

cả mọi việc đều làm ông có ấn tượng rằng anh bạn Copơphin đang yêu và đang được yêu. Tôi cảm thấy nóng cả mặt và ngượng đến chín cả người; sau khi đỏ bừng mặt, áp úng chối cãi, tôi nâng cốc rượu lên nói:

"Vậy thì tôi xin các bạn nâng cốc chúc sức khỏe của Đ…".

Câu ấy làm ông Micôbơ cảm động và thích thú đến nỗi ông chạy tuột vào phòng tôi, tay cầm một cốc rượu để cho bà Micôbơ uống chúc sức khỏe của Đ… Bà ta làm một cách nhiệt tình, từ trong phòng thét lên, giọng lanh lảnh:

"Hoan hô! Hoan hô anh bạn Copơphin thân mến! Tôi rất sung sướng! Hoan hô!"

Và vỗ vào bức tường để tỏ vẻ hoan nghênh.

Sau đó, câu chuyện của chúng tôi lại có vẻ tầm thường hơn. Ông Micôbơ bảo chúng tôi rằng ông thấy Camđen Taonơ bất tiện, và việc đầu tiên mà ông có thể làm khi những lời quảng cáo đã làm xuất hiện một dịp may mắn, đó là dọn nhà. Ông nói đến một khu nhà ở cuối đường Ocxphớt nhìn ra công viên Haiđơ Pác mà bấy lâu ông vẫn chú ý, nhưng ông vẫn chưa có thể đến đấy được bởi vì nó đòi hỏi một số đầy tớ khá đông, cố nhiên, phải có một thời kỳ quá độ, ông giải thích, trong đó ông sẽ vui lòng ở những tầng gác trên của một hãng buôn đáng kính… ở Picađili chẳng hạn. Đó sẽ là một khu phố vui vẻ nhộn nhịp đối với bà Micôbơ, và ở đấy chỉ cần thu xếp chút ít, chẳng hạn trổ một cánh cửa nhỏ ra ngoài hay làm cho mái nhà cao lên một chút là họ có thể sống ấm cúng trong trong vài năm. Dù cho tương lai của ông sau này như thế nào, và dù cho ông ở nơi nào, chúng tôi vẫn có thể tin chắc một điều, thế nào cũng có một phòng cho Trátđơn, và bộ dao nĩa cho tôi. Chúng tôi cảm ơn lòng tốt của ông. Ông xin tôi tha thứ đã nói đến những vấn đề thực tiễn có tính cách kinh doanh, và tha thứ cái xu hướng rất tự nhiên đối với một người đang lo tổ chức lại hoàn toàn cuộc sống của mình.

Bà Micôbơ lại gõ gõ vào tường để xem nước pha trà đã sôi chưa và do đó làm cho giai đoạn đặc biệt này của câu chuyện thân mật giữa chúng tôi bị gián đoạn. Bà pha trà cho chúng tôi một cách rất lịch sự; và mỗi khi tôi đến gần bà để mang các tách và bánh mì phết bơ thì bà hỏi thầm rằng Đ… tóc đen hay tóc hung, nàng người nhỏ nhắn hay cao lớn và những câu đại loại như vậy, và tôi nghĩ rằng điều đó làm tôi thích thú. Uống trà xong, ngồi trước ngọn lửa, chúng tôi bàn về mọi vấn đề linh tinh. Bà Micôbơ có nhã ý hát cho chúng tôi nghe (với giọng hát the thé và yếu mà tôi nhớ lúc còn nhỏ tôi đã xem là tột đỉnh của âm nhạc) những bài dân ca "Người trung sĩ trắng táo bạo" và "Cô bé Taphơlin". Đó là hai bài hát làm bà Micôbơ nổi tiếng khi bà sống ở nhà với cha mẹ. Ông Micôbơ tuyên bố với chúng tôi rằng lần đầu tiên, khi ông nghe bà hát bài "Người trung sĩ" ở trong nhà ông bà cụ thân sinh, bà đã làm cho ông phải chú ý đặc biệt; và khi bà hát đến bài "Cô bé Taphơlin" thì ông quyết tâm hoặc phải chinh phục cho được người đàn bà này, hoặc là vì nàng mà chết!

Vào khoảng mười, mười một giờ, bà Micôbơ đứng dậy gói chiếc mũ trụp vào cái gói giấy bao màu trắng ngà và đội mũ.

Ông Micôbơ lợi dụng lúc Trátđơn đang mặc áo khoác để dúi vào tay tôi một bức thư và nói thầm bên tai tôi bảo tôi đọc nó khi nào rảnh, về phần tôi, nhân lúc cầm một ngọn nến để soi đường cho họ xuống cầu thang - ông Micôbơ đi đầu dẫn bà Micôbơ, còn Trátđơn đang sắp sửa đội mũ đi theo họ - tôi đã giữ Trátđơn lại một lát trên đầu cầu thang.

"Này Trátđơn", tôi bảo cậu, "ông Micôbơ không muốn hại ai, con người tội nghiệp; nhưng nếu mình là cậu thì mình sẽ không cho ông ấy vay gì hết".

"Copơphin ạ!" Trátđơn đáp, mỉm cười. "Mình có gì để cho vay đâu!"

“Dẫu sao cậu cũng có cái tên của cậu chứ, cậu hiểu chứ?” Tôi nói.

“Ồ! Cậu bảo đó là một cái gì để cho mượn à?” Trátđơn nói có vẻ tư lự.

“Cố nhiên”.

“À!” Trátđơn nói. “ừ, đúng lắm! Mình rất cảm ơn cậu, Copơphin ạ. Nhưng… mình sợ đã cho ông ấy mượn cái tên của mình mất rồi”.

“Có phải để viết vào tờ giấy đi vay mà ông ấy bảo là việc gửi tiền chắc chắn chứ gì?” Tôi hỏi.

“Không”, Trátđơn nói, “không phải chuyện ấy. Mình nghĩ có lẽ đến lúc về nhà ông ta sẽ đề nghị mình điều ấy. Nhưng mình có cho ông ta mượn tên trong một việc khác”.

“Mình hy vọng việc này sẽ không làm cho cậu bực mình” tôi nói.

“Mình cũng hy vọng là không”, Trátđơn nói, “mình nghĩ là không, vì vừa mới ngày hôm kia ông ta bảo mình rằng tờ giấy vay nợ ấy đã được thanh toán rồi. Ông ta nói là: “Đã trả rồi”.

Ngay trong lúc nguy ngập ấy, ông Micôbơ ngước mắt nhìn lên chỗ chúng tôi đang đứng, nên tôi chỉ còn thì giờ nhắc lại lời cảnh cáo. Trátđơn cám ơn tôi, và bước xuống thang. Nhưng nhìn cái dáng điệu vui vẻ của Trátđơn khi ra đi, tay cầm mũ, khoác tay bà Micôbơ, tôi lo sợ không khéo cậu ta sẽ để người ta trói gô lại xách đến Ngân khố mất.

Tôi quay lại bếp lửa, trầm ngâm nghĩ ngợi, nửa vui vui nửa nghiêm trang về tính khí của ông Micôbơ và về những mối liên hệ trước đây của tôi với ông, bỗng tôi nghe thấy tiếng chân nhanh nhẹn bước lên cầu thang. Lúc đầu tôi tưởng rằng đó là Trátđơn quay lại tìm một vật nào mà bà Micôbơ đã bỏ quên; nhưng khi tiếng bước chân đến gần thì tôi nhận ra, tim tôi đập thình thình, máu dồn lên mặt, vì đó là bước chân của Xtiếcphoóc.

Bao giờ tôi cũng nghĩ đến Ácnét và không bao giờ hình ảnh nàng rời khỏi tâm trí tôi (nếu tôi có thể nói như vậy, vì ngay từ đầu, hình ảnh nàng đã nằm ở đấy). Nhưng khi Xtiếcphoóc bước vào và đứng thẳng trước mặt tôi, giơ hai tay ra, thì cái bóng tối bao phủ người cậu ta biến thành ánh sáng, và tôi thấy thẹn thùng lúng túng vì đã ngờ vực con người tôi yêu quý chân thành như vậy. Không phải vì thế mà tôi kém yêu Ácnét; bao giờ tôi cũng xem nàng là một nàng tiên hiền từ rộng lượng ở trong đời tôi. Tôi trách tôi chứ không trách nàng đã có ý nghĩ xấu về Xtiếcphoóc. Tôi sẵn sàng làm tất cả để chuộc cái lỗi ấy, nhưng tôi không biết phải làm những gì và làm như thế nào.

“Ồ kìa Tường-vi, cậu câm như hến thế à?” Xtiếcphoóc nói, cười khanh khách, thân mật bắt tay tôi và buông tay ra một cách vui vẻ “Mình lại vớ được cậu ở trong một bữa tiệc nữa kia à? Đồ rượu chè nhé! Các bố ở Pháp-viện là những dân ăn chơi nhất Luân-đôn, các bố đánh bại chúng mình, bọn sinh viên khô khan ở Ócxphơt”.

Khi ngồi cạnh tôi trên cái xô-pha do bà Micôbơ vừa bỏ trống, đôi mắt lấp lánh ánh sáng của cậu đảo một lượt khắp phòng, và nhen to lửa cho sáng bừng lên.

“Lúc đầu mình ngạc nhiên quá”, tôi nói, sau khi chào cậu với tất cả vẻ niềm nở mà tôi có thể biểu lộ, “quả thực mình không còn đủ hơi sức để chờ cậu nữa, Xtiếcphoóc ạ.”

“Tốt lắm. Hình ảnh của mình có ảnh hưởng tốt đối với những đôi mắt mệt mỏi, như người ta nói ở Xcôtlân” Xtiếcphoóc nói “và hình ảnh của cậu cũng thế, bông Tường-vi đang độ nở rộ kia. Thế nào, Lưu Linh, cậu mạnh khỏe chứ?”

“Mình mạnh khỏe lắm”, tôi nói, “mình chẳng phải tay rượu chè đâu, mặc dầu thú thực tối nay mình có mời ba người bạn”.

“Tớ đã gặp cả ba ở ngoài đường, họ hết lời ca ngợi cậu”, Xtiếcphoóc trả lời.

“Cái anh chàng mặc quần chẽn ống là ai thế?”

Tôi cố sức giới thiệu bằng vài câu một khái niệm tốt nhất mà tôi có thể nói với ông Micôbơ. Xtiếcphoóc cười khanh khách về bức chân dung tồi của tôi về con người ấy, và nói rằng đó là một người cần phải quen và thế nào cậu cũng làm quen.

“Nhưng đố cậu biết người khách thứ hai là ai đấy?” Đến lượt tôi hỏi lại cậu.

“Họa có trời biết!” Xtiếcphoóc nói. “Chắc không phải là một anh thợ cạo chớ? Mình thấy hắn ta có cái dáng thợ cạo lắm.”

“Trátđơn đấy!” Tôi nói, giọng hân hoan.

“Ai nhỉ?” Xtiếcphoóc hỏi, vẻ lơ đãng.

“Cậu không nhớ Trátđơn à? Cậu Trátđơn ở cùng phòng ngủ với chúng mình ở học hiệu Xalem ấy mà!”

“Ờ! Tướng ấy à?” Xtiếcphoóc nói, lấy cái que cời than gõ gõ vào một cục than đặt trên ngọn lửa. “Cu cậu vẫn cứ ngốc nghếch như trước à? Cậu tìm ra cái thằng quỷ ấy ở đâu đấy?”

Tôi tâng bốc Trátđơn hết lời, bởi vì tôi cảm thấy Xtiếcphoóc coi thường cậu ta. Xtiếcphoóc gạt câu chuyện ấy đi bằng cách khẽ nghiêng đầu, cậu mỉm cười bảo rằng dầu sao đi nữa cậu cũng muốn gặp ông bạn cũ Trátđơn kia; rồi cậu hỏi tôi có gì cho cậu ăn không. Trong thời gian chính của câu chuyện đối thoại ngắn ngủi này, khi cậu không nói một cách say sưa bồng bột, thì cậu vẫn cầm cái que cời than gõ gõ lên cục than. Tôi nhận thấy cậu vẫn cứ làm như vậy, trong khi tôi mang cho cậu pa-tê bồ câu và những thức ăn khác còn lại.

“Ồ! Tường-vi, bữa ăn chúa thật!” Cậu nói to, phá vỡ sự yên lặng của mình, đoạn ngồi xuống cái ghế ở cạnh bàn. “Mình phải chén ra trò vì mình vừa mới ở Yácmao đến đây”.

“Mình tưởng cậu ở Ócxphơt đến”, tôi nói.

“Đâu có”, Xtiếcphoóc nói, “mình ra biển, việc này thú vị hơn nhiều…”

“Hôm nay Litimơ đến đây hỏi thăm tin tức cậu”, tôi nói, “Nghe lời hắn nói, mình tưởng cậu ở Ocxphơt, nhưng bây giờ nghĩ lại mình nhớ rõ ràng hắn không nói như vậy”.

“Litimơ thật là ngốc hơn mình tưởng, nếu hắn đến đây hỏi cậu về mình”, cậu vừa nói vừa vui vẻ rót một cốc rượu và uống chúc sức khỏe của tôi. “Còn nếu cậu hiểu được chút gì qua những điều hắn nói, Tường-vi ạ, thì cậu khôn hơn phần lớn bọn mình đấy”.

“Đúng quá!” Tôi nói, kéo cái ghế của tôi lại gần bàn “Xtiếcphoóc, thế cậu đi Yácmao à? (tôi rất quan tâm đến tất cả các chi tiết về vấn đề này). Câu có ở đấy lâu không?”

“Không”, cậu đáp, “chơi lăng nhăng độ một tuần thôi”.

“Thế họ có mạnh khỏe không? cố nhiên, cô bé Emili vẫn chưa lấy chồng chứ?”

“Chưa, sắp rồi đấy, theo mình… độ vài tuần nữa hay đại khái như vậy. Mình không gặp họ. À, nhân tiện…” cậu nhanh nhẹn đặt con dao và cái dĩa mà cậu đang dùng xuống bàn, “mình có đem một bức thư người ta gửi cho cậu đây”.

“Thư ai thế?”

“Của chị bảo mẫu già của cậu”, cậu vừa nói vừa kéo mấy tờ giấy ra khỏi cái túi trong của áo vét-

tông - "Ông Xtiếcphoóc, khách sạn *Người hảo tâm…", cái này không phải. Cứ bình tĩnh, mình sẽ tìm ra ngay. Cái ông gì ấy ốm nặng, mình có cảm tưởng chi tiết về việc ấy".*

"Có phải anh Bácкít không?"

"Ừ!" cậu vẫn cứ lục lọi trong túi áo và nhìn những vật trong túi… "Mình xem chừng anh Bácкít tội nghiệp hết hy vọng rồi. Mình thấy ở đấy một ông bán thuốc… Ông giải phẫu hay ông cha căng chú kiết nào đấy đã đưa tiên sinh ra chào đời. Ông ta nói với mình một mớ danh từ bác học về trường hợp này, nhưng kết luận là anh xà-ích chẳng bao lâu nữa sẽ đi đoạn đường cuối cùng… Cậu thọc tay vào cái túi trong áo khoác của mình vắt ở trên ghế đằng kia xem, mình chắc cậu sẽ tìm ra bức thư. Có đấy không?"

"Đây rồi!"

"Tốt lắm!"

Đó là thư của chị Pécgôti: thư khó đọc hơn ngày thường một chút và rất ngắn. Chị báo cho tôi biết tình trạng tuyệt vọng của chồng và nói bóng gió rằng anh hơi "khít khao" hơn ngày trước, và vì vậy khó lòng săn sóc anh chu đáo hơn. Bức thư không nói gì đến chuyện chị mệt nhọc và thức đêm, mà chỉ hết sức tán dương anh Bácкít. Bức thư viết với tình thương mộc mạc, chân thành và quen thuộc mà tôi biết là thành thực, và kết luận rằng mấy chữ "Gửi lời thăm đứa con muôn đời yêu quý", tức là tôi. Trong khi tôi đang lần mò đọc thư, Xtiếcphoóc vẫn tiếp tục ăn và uống rượu.

"Kể ra, đó là một chuyện buồn", cậu nói khi tôi đọc xong bức thư, "nhưng chiều nào mặt trời cũng lặn, và giây phút nào cũng có người chết, cho nên chúng ta không nên để cho cái số phận chung của chúng ta làm chúng ta sợ hãi. Nếu như chúng ta mất tinh thần, bởi vì nghe đâu đấy bước chân của cái kẻ đến gần cửa sổ của tất cả mọi người, không trừ một ai[3] thì tất cả mọi niềm vui trên đời sẽ biến mất. Không! Chúng ta hãy tiếp tục tiến lên. Nếu cần, hãy bước một cách tàn nhẫn, còn không thì hãy bước nhẹ nhàng! Nhưng bao giờ cũng phải bước lên. Hãy vượt qua mọi trở lực để chiến thắng trong cuộc đua".

"Thắng cuộc đua nào?" Tôi hỏi.

"Thắng cuộc đua mà chúng ta đã tham dự. Phi ngựa nhanh lên thôi!"

Tôi còn nhớ khi cậu im bặt, đưa mắt nhìn tôi, gương mặt tuấn tú hơi hất về phía sau, tay nâng cốc rượu, tôi nhận thấy mặc dầu không khí tươi mát của miền biển đang in trên nét mặt, làm nó rám hồng, nhưng mặt cậu đã có những nếp nhăn.

Tôi có cảm tưởng thế nào cậu cũng đang lao vào những trò chơi hằng ngày với cái nghị lực hung bạo mà một khi bừng tỉnh, lại say mê đắm đuối. Tôi đang định trách cậu về chỗ cậu say sưa lao theo những sở thích đồng bóng lôi cuốn cậu (chẳng hạn ham thích vật lộn với sóng dữ và xông pha mưa bão), nhưng ý nghĩ của tôi lại quay trở về đầu đề chính của câu chuyện của chúng tôi, và tôi tiếp tục:

"Mình muốn nói với cậu một điều, Xtiếcphoóc ạ! Nếu như đầu óc táo tợn của cậu chịu nghe mình".

"Đó là một đầu óc hùng mạnh sẽ làm bất kỳ điều gì cậu thích!" Cậu đáp, rời khỏi bàn ăn, quay lại ngồi cạnh lửa.

"Này! Mình muốn nói với cậu điều này, Xtiếcphoóc ạ. Mình phải đến Yácmao thăm chị bảo mẫu già của mình. Không phải vì mình giúp ích được gì cho chị, hay làm cho chị được việc gì trong thực tế, nhưng vì chị yêu mình lắm nên mình tới thăm sẽ có ảnh hưởng tựa hồ như mình đã làm được hai điều kia. Chị sẽ rất vui lòng nếu mình làm thế, cho nên đó sẽ là một nâng đỡ và an ủi đối với chị. Kể

ra đó cũng chẳng phải là một cố gắng to lớn gì để tỏ lòng săn sóc một người yêu quý mình như chị. Nếu cậu ở vào địa vị mình, cậu có đi cuộc hành trình một ngày ấy không?"

Gương mặt cậu bỗng trở nên tư lự, và cậu ngồi suy nghĩ một lát trước khi trả lời, giọng khe khẽ:

"Được, cậu cứ đi đi. Cậu chẳng có thể làm điều gì có hại".

"Cậu vừa ở đấy về", tôi nói, "nếu cậu cùng đi đến đấy với mình thì chỉ vô ích, có phải không?"

"Đúng lắm!" Cậu đáp. "Tối nay mình lên đường đi Haigây. Đã lâu mình không gặp bà cụ, điều đó làm lương tâm mình cắn rứt, bởi vì được yêu như bà đã yêu thằng con phá gia chi tử cũng là một điều đặc biệt đấy. Hừm! Vớ vẩn cả!… Cậu định đến mai sẽ đi phải không?" (Cậu giơ thẳng hai tay túm lấy tôi, mỗi tay giữ lấy một vai tôi), "ừ! Mình định thế đấy".

"Tốt lắm! Thế thì ngày kia sẽ đi. Mình muốn mời cậu đến nhà mình chơi vài hôm. Mình đến rủ cậu đây, thế mà cậu lại định lao về Yácmao ư?"

"Xtiếcphoóc ạ, cậu cứ trách người ta bay đi, thực là cậu to gan quá. Chính cậu cứ luôn luôn bay đi theo một cuộc phiêu lưu điên cuồng và bí mật nào đó!"

Cậu nhìn tôi một lúc, im lặng, đoạn nói tiếp, hai tay vẫn giữ lấy vai tôi và lắc khe khẽ:

"Này nhé! Đợi đến ngày kia nhé, còn phần lớn thì giờ ngày mai cậu phải ở với tớ. Có trời biết! Bao giờ chúng mình lại gặp nhau lần nữa! Thôi, cậu cứ nói đến ngày kia cậu mới đi xem nào! Mình cần có cậu đứng giữa Rôda Đáctơn và mình để tách chúng mình ra".

"Không có mình ở đấy, hai ông bà sẽ yêu nhau đến thế kia à?"

"Ừ! Hay ghét nhau quá cũng chưa biết chừng!" Xtiếcphoóc cười ha hả, "điều đó không quan trọng. Nào! Ngày kia cậu hãy đi chứ!"

Tôi bèn quyết định đến ngày kia sẽ đi, và cậu mặc áo khoác, châm điếu xì gà rồi lên đường về nhà. Thấy vậy, tôi cũng mặc áo khoác (nhưng không đốt xì gà vì tôi đã ngấy xì gà trong một thời gian dài) và tiễn cậu ra đường cái. Con đường này đi buổi tối thì chả thú vị gì. Suốt trên đường đi, cậu cao hứng lắm và khi chúng tôi chia tay nhìn cậu đi xa với cái dáng đi đẹp đẽ và nhẹ nhõm để trở về nhà, tôi nhờ đến cái câu cậu nói: "Hãy vượt qua mọi trở lực để thắng trong cuộc đua". Và lần đầu tiên, tôi tiếc rằng cậu chưa dự vào một cuộc đua nào xứng với cậu.

Khi thay quần áo trong phòng ngủ, bỗng bức thư của ông Micôbơ rơi xuống đất. Tôi nhớ đến sự có mặt của nó và xé bức thư ra đọc. Bức thư này viết một giờ rưỡi trước bữa ăn tối. Tôi quên nhắc rằng mỗi khi lâm vào một tình trạng đặc biệt tuyệt vọng, ông Micôbơ thường có cái thói dùng những thành ngữ về luật pháp. Chắc hẳn ông nghĩ rằng điều đó cũng tương đương với việc thu xếp công việc của mình một cách chu đáo.

"Thưa ông... vì tôi không dám gọi là anh Copơphin thân mến.

"Tôi cần phải báo cho ông biết rằng kẻ ký tên dưới đây đã gục. Có lẽ ông sẽ thấy hôm nay hắn làm những cố gắng chốc lát để cho ông khỏi thấy trước tình trạng tuyệt vọng của hắn; nhưng hy vọng đã rời khỏi chân trời, và kẻ ký tên dưới đây đã gục.

"Bức thư này viết trong phạm vi cá nhân (tôi không dám nói xã hội) một người mà tâm trạng gần như là say rượu và thuộc quyền sai khiến của anh bán đồ cũ. Gã này, trên pháp luật, đã chiếm lấy chỗ ở, căn cứ vào giấy tịch ký, vì không trả được tiền trọ.

"Đồ đạc của hắn không những gồm mọi thứ đồ đạc và tài sản thuộc về kẻ ký tên dưới đây với tư

cách người ở hằng năm của ngôi nhà, mà còn gồm tất cả những đồ đạc của ông Trátđơn, khách trọ, nhân viên của hội trường Luật đáng kính. Nếu như một giọt đắng cay vẫn còn thiếu ở trong cốc rượu đầy tràn hiện nay "dâng cho" (theo câu nói của một nhà văn bất tử)[4] đôi môi của kẻ ký tên dưới đây, thì hắn sẽ tim thấy điều đó ở một tờ giấy đòi nợ, trong đó ông Tômát Trátđơn đã chịu khó làm người bảo lĩnh cho số tiền hai mươi ba bảng bốn si-linh và chín pen-ni, đã hết hạn phải trả nhưng không trả được. Kết quả là, con số những trách nhiệm liên quan đến người ký tên dưới đây, theo sự diễn biến tự nhiên, sẽ tăng thêm một vật hy sinh vô tội và người ta sẽ thấy nó xuất hiện (tính theo số chẵn) sau thời hạn không quá sáu tháng âm lịch kể từ hôm nay.

"Sau những tiền đề như thế, không cần phải nói thêm rằng tro bụi sẽ vĩnh viễn phủ lên đầu của Uynkin Micôbơ".

Tội nghiệp cho Trátđơn! Tôi biết rõ ông Micôbơ, cho nên có thể thấy trước rằng ông sẽ chịu đựng được cái đòn ấy; nhưng tối hôm ấy tôi không sao ngủ được khi nghĩ đến Trátđơn, đến cô con gái ông mục sư ở Đêvônsơ có tất cả chín chị em, con người rất dễ thương và sẽ chờ đợi Trátđơn (lời khen đến gở!) cho đến năm sáu mươi hay đến bất kỳ lúc nào!

---

[1] Một câu trích trong bài hát "Từ biệt" của Bơcxơ, bằng tiếng Xcôtlân.

[2] Bucxtôn lúc đầu làm nhân viên ở hãng bia Truman và Hambơri, ba năm sau được vào ban lãnh đạo hãng và sau đó làm nghị sĩ Quốc hội.

[3] Nhắc đến một câu thơ của Hôraxíut: "Thần chết xanh xao bước đến túp lều của người nghèo cũng như cung điện của vua chúa".

[4] Nhắc đến một câu trong "Mắcbét" của Sếcxpia.

Chương XXIX
TÔI LẠI ĐẾN NHÀ XTIẾCPHOÓC THĂM CẬU TA

Sáng hôm sau, tôi nói với ông Xpenlô xin nghỉ vài hôm, và vì tôi chưa nhận lương bổng gì cho nên tôi được ông Joóckin khắt khe đối đãi khá tử tế và không gây khó dễ. Nhân dịp ấy tôi nói giọng ấp a ấp úng trong cổ trong khi cặp mắt mờ đi, rằng tôi hy vọng cô Xpenlô vẫn khỏe mạnh, ông Xpenlô trả lời tôi chẳng cảm động gì hơn khi ông nói đến một người bình thường rằng cô vẫn mạnh khỏe và ông rất cám ơn tôi.

Với tư cách nhân viên tập sự sau này sẽ thuộc vào tầng lớp quý tộc các biện lý - luật sư, tôi được đối xử kính nể đến nỗi lúc nào tôi cũng gần như là người chủ của bản thân mình. Tuy nhiên, vì không muốn đến Haigây trước một hay hai giờ trưa, và vì sáng hôm ấy chúng tôi còn phải xét một vụ rút phép thông công khác ở tòa án dưới nhãn hiệu: "Vụ kiện do Típkin chống lại Bulốc vì hạnh phúc của linh hồn ông ta", cho nên tôi ngồi bên cạnh ông Xpenlô trong một hay hai giờ rất thú vị. Đó là vụ xung đột giữa hai nhân viên nhà thờ, một người bị cáo là đã đẩy người kia vào một cái bơm, nhưng vì chỗ tay cầm của cái bơm này nằm ở phía trong một phòng học dưới mái nhà thờ, cho nên việc xô đẩy này thuộc phạm vi nhà thờ xét xử. Đó là một vụ kiện ngộ nghĩnh, và trong khi ngồi trên xe ngựa, bên cạnh anh xà ích, đến Hai-gây, tôi vẫn nghĩ đến Pháp-viện, và nghĩ đến lời ông Xpenlô nói rằng đụng chạm đến Pháp-viện sẽ làm quốc gia tiêu diệt.

Bà Xtiếcphoóc rất sung sướng được gặp tôi, và Rôda Đáctơn cũng vậy. Tôi ngạc nhiên thú vị vì Litimơ không có đấy và việc phục vụ là do một chị hầu phòng nhỏ nhắn khiêm tốn, đội cái mũ điểm những dải màu lam, có đôi mắt dễ thương hơn nhiều và ít khó chịu hơn nhiều khi ngẫu nhiên người ta bắt gặp phải - so với đôi mắt của con người trang trọng kia. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất, ngay trước khi ở trong nhà được nửa giờ, đó là việc cô Đáctơn theo dõi tôi một cách chăm chú và hình như trong thâm tâm cô so sánh mặt tôi với mặt Xtiếcphoóc, và mặt Xtiếcphoóc với mặt tôi, và rình xem có điều gì xảy ra giữa hai chúng tôi không. Mỗi khi tôi nhìn về phía cô, thế nào tôi cũng bắt gặp cái gương mặt nồng nhiệt với đôi mắt đen dễ sợ và cái trán dô hơi hướng về phía tôi hay quay rất nhanh từ phía tôi sang phía Xtiếcphoóc, hay bao gồm cả hai người trong một cái nhìn chung. Khi thấy tôi nhìn cô, cô vẫn không hề gạt bỏ cái nhìn chằm chặp như cái nhìn của con cáo; trái lại, trong lúc ấy cô lại hướng đôi mắt sắc sảo với cái vẻ chăm chú tập trung hơn nhiều về phía tôi. Và mặc dầu biết rằng mình vô tội, và không phạm bất kỳ lỗi nào mà cô có thể ngờ vực, tôi vẫn trốn tránh đôi mắt kỳ lạ ấy và không sao chịu nổi ánh sáng háo hức của nó.

Suốt ngày hình như cô ám ảnh cả ngôi nhà. Hễ tôi nói chuyện với Xtiếcphoóc ở trong phòng của cậu là tôi nghe thấy tiếng áo sột soạt của cô ở hành lang bên ngoài. Nếu chúng tôi chơi những trò chơi quen thuộc trên bãi cỏ sau nhà là tôi thấy gương mặt của cô lang thang từ cửa sổ này đến cửa sổ khác như một luồng ánh sáng vật vờ, cho đến khi nó dừng lại trước một cửa sổ và quan sát chúng tôi. Khi bốn người chúng tôi đi dạo vào buổi chiều, bỗng bàn tay gầy gò của cô nắm lấy cánh tay tôi như một cái lò xo để giữ tôi lại về phía sau, trong khi Xtiếcphoóc và bà cụ đi ra ngoài tầm nghe, và đến lúc đó cô mới nói với tôi:

"Đã lâu anh không đến đây", cô nói. "Nghề của anh có phải thực là hấp dẫn và thích thú đến nỗi lôi cuốn hết cả tâm trí của anh không? Tôi hỏi anh điều đó bởi vì bao giờ tôi cũng muốn biết điều mà tôi chưa biết. Có thật thế không?"

Tôi trả lời cô rằng tôi yêu nghề của tôi nhưng quả thực tôi không dám nói rằng đã để hết tâm trí vào đó.

"À! Tôi rất sung sướng được biết điều đó, bởi vì bao giờ tôi cũng muốn người ta sửa chữa cho tôi, nếu tôi sai lầm", Rôda Đáctơn nói. "Có lẽ anh muốn nói rằng nghề ấy cũng hơi khô khan có phải không?"

"Đúng đấy!" Tôi đáp. "Có lẽ đôi khi cũng hơi khô khan thực".

"Ồ! Có phải vì thế mà anh cần phải nghỉ ngơi và thay đổi… tóm lại, chơi đùa có phải không? À! đúng lắm. Nhưng anh có thấy điều đó cũng hơi… thế nào nhỉ… đối với anh ấy; tôi không muốn nói đối với anh đâu".

Nhìn cô ta vội đưa mắt về phía Xtiếcphoóc đang đi, trong khi bà cụ vịn vào vai anh, tôi hiểu ngay cô muốn nói về ai.

Nhưng tôi vẫn không thể nào hiểu gì hơn ngoài điều đó. Tôi hoàn toàn ngơ ngác. Và cái vẻ ngơ ngác của tôi hiện rõ trên nét mặt.

"Này, anh có thấy… (tôi không nói rằng đó là sự thực đâu nhé, anh nên nhớ tôi chỉ muốn biết đấy thôi) có phải anh ấy hơi để tâm quá đến việc ấy phải không? Điều đó làm cho anh ấy càng ít về thăm con người yêu anh ấy một cách mù quáng. Có phải không?" Cô lại liếc mắt nhìn về phía họ, rồi lại liếc mắt nhìn tôi, cái nhìn của cô dường như đi vào đến tận những ý nghĩ sâu xa nhất của tôi.

"Cô Đáctơn", tôi đáp, "tôi xin cô, cô đừng có nghĩ rằng…"

"Tôi không nghĩ gì hết!" Cô Đáctơn nói. "Ôi! Lạy Chúa! anh đừng có cho rằng tôi nghĩ đến điều gì. Bản tính tôi không đa nghi đâu. Tôi chỉ nêu câu hỏi thế thôi. Tôi không có ý kiến gì hết. Tôi muốn có một ý kiến căn cứ vào điều anh nói. Vậy thì có phải như thế không? Này, tôi sẽ rất sung sướng nếu biết được điều đó".

"Sự thực chắc chắn không phải như vậy", tôi nói, lúng túng, "nếu cô bảo vì tôi mà Xtiếcphoóc vắng mặt ở nhà nhiều hơn trước… nếu như sự thực là như vậy. Nhưng ngay cả bây giờ tôi vẫn chưa biết về điều đó, và chính những lời nói của cô mới làm tôi nghĩ đến điều đó thôi. Đã rất lâu tôi không gặp anh ấy, mãi cho đến tối hôm qua mới gặp lại".

"Thực thế à?"

"Đúng thế, cô Đáctơn ạ, đúng thế!"

Trong khi cô trố mắt nhìn tôi, tôi thấy những đường nét kéo dài ra, tái hẳn đi,và dấu vết của vết thương ngày xưa kéo dài đến nỗi nó cắt ngang qua cái môi dưới làm thành một đường xiên chạy ngang qua khuôn mặt. Tôi cảm thấy một cảm giác rùng rợn ở trong cái nhìn ấy cũng như ở trong ánh mắt của cô khi cô nhìn chăm chú vào mắt tôi mà hỏi:

"Hiện nay anh ấy đang làm gì thế?"

Tôi lặp lại câu hỏi ấy cho tôi hơn là cho cô bởi vì tôi rất sửng sốt.

"Hiện nay anh ấy đang làm gì?" Cô nói với cái vẻ háo hức như một ngọn lửa bên trong đủ để đốt cháy người cô. "Cái thằng cha mà lúc nào tôi cũng thấy mắt của hắn có một vẻ giả dối không thể lường được mỗi khi hắn nhìn tôi, không biết hắn giúp ích gì cho anh ấy? Nếu anh là con người trung thực tôi muốn hỏi anh, tôi không muốn bảo anh phản bội bạn, tôi chỉ muốn anh cho tôi biết anh ấy làm như vậy vì tức giận, vì căm thù, vì kiêu ngạo, vì lo lắng, hay vì một sở thích đồng bóng nào đấy, hay vì tình yêu, nhưng là một cái gì mới được chứ?"

"Cô Đáctơn", tôi nói, "tôi biết nói làm sao để cho cô tin rằng theo ý tôi, tôi không thấy Xtiếcphoóc thay đổi gì hết từ khi lần đầu tiên tôi đến đây. Tôi không thấy gì hết. Tôi tin rằng không có gì hết. Quả

thực tôi không hiểu cô muốn nói gì nữa cơ".

Trong khi cô vẫn tiếp tục nhìn tôi đăm đăm không cử động, tôi thấy vết sẹo dài co lại và giật giật. Nó khiến tôi không thể nào không liên tưởng đến một nỗi đau đớn, xuất hiện trong vết sẹo tàn nhẫn này, đã kéo khóe môi của cô lên thành một thái độ đầy khinh bỉ, hay đầy thương hại xen lẫn với khinh bỉ. Cô vội vã giơ tay lên miệng (một bàn tay thật mảnh dẻ và yếu đuối đến nỗi lần đầu tiên khi tôi thấy cô giơ bàn tay lên trước ngọn lửa để che mặt, trong thâm tâm nói đã so sánh nó với thứ sứ hảo hạng). Thế rồi sau khi bảo tôi với một giọng rất nhanh, dữ tợn và tha thiết: "Anh phải thề với tôi rằng anh giữ kín điều này", cô không nói thêm một lời nào nữa.

Bà Xtiếcphoóc có vẻ đặc biệt sung sướng ở bên cạnh và ngày hôm ấy Xtiếcphoóc tỏ ra đặc biệt chăm sóc và kính cẩn đối với mẹ. Tôi thích nhìn hai người bên cạnh nhau không phải chỉ vì họ giống nhau mà bởi vì cái vẻ kiêu hãnh và sôi nổi ở cậu đã được tuổi tác và giới tính ở bà mẹ làm dịu đi, trở thành một điều trang trọng dễ thương. Đã nhiều lần nhìn hai người, tôi thấy họ sung sướng về chỗ không có sự bất đồng nào quan trọng làm hai người đối lập nhau; vì hai tính cách như tính cách của họ (đúng hơn hai sắc thái của một tính cách) còn khó đoàn kết nhau hơn là hai nhận xét của tôi mà có, mà do một câu trả lời của Rôda Đáctơn.

Ở bàn ăn, cô nói:

"Ồ! Một trong hai người phải cho tôi biết… Bởi vì suốt ngày tôi đã nghĩ đến điều này, và tôi rất muốn biết."

"Muốn biết cái gì, Rôda?" Bà Xtiếcphoóc trả lời. "Tôi xin chị, chị Rôda ạ, chị đừng làm ra vẻ bí mật nữa".

"Bí mật à? Cô ta kêu lên. "Thực thế à? Bác bảo cháu bí mật à?"

"Thế chẳng phải tôi đã van nài chị cho nó rõ ràng và tự nhiên sao?" Bà Xtiếcphoóc nói.

"Ồ! Thế chẳng phải là cách nói tự nhiên của cháu đấy ư?" cô đáp. "Nhưng quả thực hai người phải kiên nhẫn với tôi mới được, vì tôi rất muốn biết. Người ta không ai tự biết mình thực sự".

"Cái lối này ở chị đã thành một bản tính thứ hai" bà Xtiếcphoóc nói không chút cáu kỉnh "nhưng tôi nhớ có thời (chắc hẳn chị cũng phải nhớ) cử chỉ của chị khác thế này cơ, không dè dặt như bây giờ, mà cởi mở hơn".

"Cháu chắc rằng bác nói đúng" cô ta đáp "thế là những tập quán xấu đã thắng rồi đấy! Thực thế à? ít dè dặt hơn và cởi mở hơn à? Cháu tự hỏi làm thế nào cháu lại có thể dần dà thay đổi như thế được nhỉ? ừ, lạ thực đấy! Cháu phải cố sức lấy lại tính cách trước đây của mình mới được".

"Nếu thế thì tôi sẽ rất sung sướng", bà Xtiếcphoóc nói, mỉm cười.

"Ồ! Cháu muốn thế lắm chứ! Cháu phải học những bài học về thành thực với… ai bây giờ nhỉ… với Jêm nhé?"

"Chị không thể học được cách ăn nói thành thực ở đâu cho bằng ở Jêm, Rôda ạ" bà Xtiếcphoóc trả lời ngay - "Bởi vì trong tất cả những điều chị nói, bao giờ cũng có một chút gì châm biếm, ngay cả lúc vô tình nhất như lúc nãy".

"Phải! Cháu tin chắc như vậy", cô trả lời giọng tha thiết khác thường. "Nếu có một điều mà cháu tin chắc thì chính là điều đó".

Tôi có cảm tưởng rằng bà Xtiếcphoóc tiếc rằng mình đã hơi cáu, bởi vì ngay sau đấy bà nói, giọng dịu dàng:

"Này, chị Rôda ạ! Chị không bao giờ nói cho chúng tôi biết chị cần biết về cái gì?"

"Cháu muốn biết về cái gì à?" Cô trả lời, giọng điềm nhiên phớt đời. "Có gì đâu! Muốn biết xem người ta tính khí có giống nhau không đấy thôi… Nói thế có được không nhỉ?"

"Nói như thế cũng được", Xtiếcphoóc nói.

"Cảm ơn!… Nếu những người tính khí giống nhau dễ xung đột hơn những người khác, vậy thì gặp một sự xích mích quan trọng giữa hai người, chắc chắn họ sẽ bị chia rẽ bởi những tình cảm bực bội sâu sắc và mãnh liệt, có phải thế không?"

"Theo ý tôi thì có đấy", Xtiếcphoóc đáp.

"Thế à?" Cô ta đáp: "Trời ơi! Nếu giả thử (tôi muốn đưa ra bất kỳ giả thiết vô lý nhất nào) nếu như giữa bà cụ và anh có điều gì xung đột quan trọng…"

"Chị Rôda", bà Xtiếcphoóc cười vui vẻ, nói xen vào, "chị phải tìm một giả thiết khác chứ. Jêm và tôi biết rõ bổn phận đối với nhau, lạy Chúa!"

"Ừ nhỉ!" Cô Đáctơn nói, gật đầu tư lự. "Điều ấy đúng. Nhưng điều ấy có thể ngăn cản mọi xích mích không? cố nhiên, điều đó là dĩ nhiên! Ừ nhỉ! tôi nêu lên vấn đề này thực là ngốc, vì nếu biết rằng những bổn phận của hai người đối với nhau sẽ ngăn cản mọi xích mích thì sung sướng biết mấy. Tôi rất cảm ơn".

Nhân nói tới cô Đáctơn, có một chuyện nhỏ mà tôi không nên bỏ qua, vì sau này tôi còn có dịp nhắc lại khi cái quá khứ không thể cứu vãn được đã xuất hiện rõ ràng. Suốt ngày hôm ấy - nhưng chủ yếu là từ giờ phút ấy - Xtiếcphoóc đã vận dụng tất cả tài năng của mình, và làm điều đó với một thái độ tự nhiên vô cùng, để biến con người kỳ quặc kia thành một người bạn dễ thương và vui vẻ. Thành công của cậu về mặt này không làm cho tôi ngạc nhiên. Tôi cũng không ngạc nhiên về chỗ lúc đầu cô đã tìm cách kháng cự lại sức hấp dẫn của cái nghệ thuật tuyệt diệu này của cậu (hay đúng hơn - như lúc bấy giờ tôi nghĩ - của cái bản tính tuyệt diệu của cậu), vì tôi biết rằng tính cô đôi khi cau có và bướng bỉnh. Nhưng tôi thấy gương mặt và cử chỉ của cô dần dần thay đổi. Tôi thấy cô nhìn Xtiếcphoóc với cái vẻ thán phục ngày càng tăng. Tôi thấy cô ngày càng kháng cự yếu ớt nhưng bao giờ cũng có vẻ giận dữ, dường như cô tự trách mình quá yếu đuối không sao chống lại sức hấp dẫn của cậu; và cuối cùng cái nhìn của cô dịu lại, nụ cười trở nên đáng yêu và nỗi lo sợ mà cô đã gây cho tôi suốt cả ngày, cuối cùng cũng biến đi. Tất cả chúng tôi ngồi quanh bếp lửa, vừa nói vừa cười với nhau, cởi mở chẳng khác những đứa trẻ.

Phải chăng vì câu chuyện đã kéo dài, hay vì Xtiếcphoóc không chịu bỏ mất thời cơ mà cậu đã giành được - tôi không biết - nhưng có một điều là chúng tôi không lưu lại trong phòng ăn năm phút sau khi cô rời khỏi phòng.

"Bà ấy chơi thụ cầm", Xtiếcphoóc hạ thấp giọng nói với tôi ở cửa phòng khách, "và mình nghĩ rằng đã ba năm nay, ngoài mẹ mình, không ai nghe bà ấy chơi".

Cậu nói câu ấy với một nụ cười lạ lùng và nụ cười này biến mất ngay. Chúng tôi bước vào phòng khách, ở đấy cô Đáctơn đang ngồi một mình.

"Chị đừng đứng dậy chứ (nhưng cô ta đã đứng lên), Rôda ạ! Nào, ngoan nào, hát cho chúng tôi nghe một bài dân ca Ái Nhĩ Lan đi…"

"Anh thì cần gì đến dân ca Ái Nhĩ Lan?" Cô đáp.

"Cần lắm chứ! cần hơn bất kỳ cái gì khác và đây là Tường-vi, cậu ta yêu âm nhạc với tất cả tâm

hồn. Chị hãy hát cho chúng tôi nghe bài hát Ái Nhĩ Lan, chị Rôda ạ! Và tôi sẽ ngồi nghe chị hát như ngày xưa".

Cậu không đụng đến người cô, cũng không đụng đến cái ghế cô vừa rời khỏi, mà đến ngồi bên cạnh cô. Cô đứng một lát cạnh cây đàn, lưỡng lự một cách kỳ quặc, bàn tay phải sờ lên dây đàn làm những động tác như để gảy như không gảy. Cuối cùng cô ngồi xuống, đột ngột kéo cây đàn về phía mình và vừa hát vừa đệm đàn.

Tôi không biết trong cách đệm đàn và trong giọng hát của cô có cái gì khiến cho bài hát ấy là bài hát kỳ lạ nhất trên đời mà tôi đã được nghe hoặc thậm chí là đã có thể tưởng tượng được. Có cái gì dễ sợ trong cái vẻ hiện thực của nó. Người ta có cảm tưởng rằng người ta chưa bao giờ viết nó ra hay phổ nó thành nhạc, nhưng nó tuôn ra từ đáy sâu của dục vọng, và dục vọng này biểu hiện một cách kín đáo trong giọng hát trầm trầm của cô, rồi lại biến vào người cô khi cô yên lặng. Tôi đứng câm như hến khi cô nghiêng mình về phía cây đàn thụ cầm, vẫn tiếp tục lấy bàn tay phải chơi nhưng không làm cho tiếng đàn vang lên.

Một phút sau, câu chuyện này đã làm cho tôi tỉnh khỏi giấc mơ. Xtiếcphoóc đã rời khỏi ghế, đi về phía cô, lấy hai tay ôm lấy cô, cười khanh khách và nói:

"Nào, chị Rôda, từ nay về sau chúng mình phải là những người bạn thân". Nhưng cô đánh anh và đẩy anh ra với cái vẻ hung hăng của một con mèo rừng, rồi nhẩy xổ ra khỏi phòng.

"Rôda, có việc gì thế?" Bà Xtiếcphoóc bước vào phòng, hỏi.

"Chị ấy vừa là một nàng tiên được mấy phút, mẹ ạ", Xtiếcphoóc đáp, "bây giờ để bù lại, chị ấy lại chuyển sang một thái cực khác.

"Con phải cẩn thận, đừng làm chị ấy phát cáu, Jêm ạ. Con phải nhớ rằng tính khí chị ấy đã thành ra cáu gắt và tốt hơn cả là đừng làm chị ấy phật ý".

Rôda không quay lại và người ta không nói đến cô nữa cho đến khi tôi vào phòng Xtiếcphoóc để chúc anh ngủ ngon. Bấy giờ cậu chế nhạo cô và hỏi tôi có thấy ở đâu có một con người hung dữ và khó hiểu như vậy không?

Tôi tỏ vẻ hết sức sửng sốt và hỏi cậu có đoán biết cái gì đã làm cho Rôda phật ý và cáu gắt đột ngột như thế không?

"Ôi chao! Họa có trời biết", Xtiếcphoóc nói. "Bất kỳ cái gì, tùy ý cậu… hay không có gì cả. Như mình đã nói với cậu, bà mài tất cả trên một hòn đá mài, ngay đến cả con người bà ấy nữa. Rôda là một dụng cụ sắc bén mà người ta phải rất cẩn thận trong khi sử dụng. Bà ta bao giờ cũng nguy hiểm. Chúc cậu ngủ ngon".

"Xtiếcphoóc, chúc cậu ngủ ngon. Mình sẽ ra đi trước khi cậu tỉnh dậy sáng mai. Chào cậu".

Cậu không muốn để tôi đi và vẫn tiếp tục đặt hai bàn tay lên vai tôi như cậu đã làm ở nhà tôi.

"Này Tường-vi!" Cậu nói, mỉm cười,"… mặc dầu đây không phải là cái tên ông bố đỡ đầu hay bà mẹ đỡ đầu của cậu đã đặt cho cậu, nhưng mình vẫn thích đặt cho cậu cái tên ấy, mình rất tiếc rằng cậu không thể đặt cho mình cái tên ấy".

"Nhưng nếu cậu muốn, nếu mình muốn", tôi nói.

"Tường-vi, nếu như có một điều gì làm chúng ta xa cách nhau, thì cậu hãy nghĩ đến mặt tốt của mình, cậu nhé. Thôi! Chúng mình hãy ký kết bản giao kèo ấy đi. Cậu hứa chỉ nhớ đến những mặt tốt của mình, nếu như có những hoàn cảnh làm chúng mình xa nhau".

“Đối với mình, Xtiếcphoóc ạ, cậu chẳng có mặt tốt mặt xấu gì hết, bao giờ mình cũng yêu cậu và quý cậu xuất phát từ tận đáy lòng”.

Trong thâm tâm tôi cảm thấy rất hối hận khi nghĩ rằng có lúc tôi đã nghĩ đến những mặt xấu của cậu, dù đó là một ý nghĩ mơ hồ, đến nỗi suýt nữa tôi thổ lộ điều tâm sự. Và tôi chắc rằng tôi sẽ nói, mặc dầu tôi xấu hổ vì phải làm trái lòng tin cậy của Ácnét và mặc dầu tôi sợ thế nào cũng thổ lộ điều đó. Nhưng cậu ta đã nói: “Cầu Chúa phù hộ cậu… Chúc cậu ngủ ngon”, trong khi tôi còn lưỡng lự. Chúng tôi bắt tay nhau rồi đi ngủ.

Tôi tỉnh dậy khi bình minh còn mờ nhạt, và sau khi mặc quần áo hết sức nhẹ nhàng, tôi bước vào phòng cậu. Cậu đang ngủ say sưa, một cánh tay đặt dưới đầu như tôi vẫn thường thấy cậu ngủ khi ở nhà trường.

Giây phút đã đến (và giây phút ấy đã đến rất nhanh), giây phút trong đó tôi ngạc nhiên tại sao cậu có thể yên tĩnh như vậy trong khi tôi chăm chú nhìn cậu. Nhưng cậu vẫn ngủ… Hãy để cho mình nhớ đến cậu đang ngủ như vậy… như mình vẫn thường thấy cậu ngủ ở nhà trường; ngủ như vậy, cũng trong cái giờ yên lặng như thế này. Tôi rời cậu và ra đi.

… Không bao giờ nữa, cầu Chúa tha thứ cho cậu Xtiếcphoóc ạ! Không bao giờ mình còn có thể nắm bàn tay im lìm kia, lòng tràn ngập tình yêu và tình bạn. Không bao giờ, không bao giờ nữa!

Chương XXX
MỘT TỔN THẤT

Tôi tới Yácmao vào buổi chiều và đến quán trọ. Tôi biết rằng căn phòng dành cho khách của chị Pécgôti (căn phòng của tôi) ít lâu sẽ có người ở, ngay dù cho vị khách lớn kia, mà mọi người sống đều phải nhường bước, hiện nay không phải đã ở trong nhà. Do đó tôi đến quán trọ, ăn cơm ở đấy và thuê giường.

Khi tôi ra đường thì đã mười giờ. Phần lớn các cửa hàng đã đóng cửa và thành phố buồn teo. Đến cửa hiệu của Âumơ và Jôram, tôi thấy cửa sổ đã đóng nhưng cửa hiệu vẫn còn mở. Vì từ xa tôi đã có thể nhìn thấy ông Âumơ ngồi ở trong phòng, hút cái tẩu, cạnh cửa ra vào của phòng khách, nên tôi bước vào, hỏi thăm sức khỏe ông.

"Kìa, trời ơi! Anh mạnh khỏe không?" Ông Âumơ hỏi tôi. "Mời anh ngồi. Tôi hút thuốc lá, anh không thấy khó chịu chứ?"

"Không ạ", tôi nói. "Cháu thích người khác hút thuốc".

"Chứ không phải anh hút chứ?" ông Âumơ nói, cười khanh khách. "Càng tốt. Đối với một thanh niên thì đó là một tật xấu. Nào mời anh ngồi! Còn tôi, tôi hút vì mắc bệnh suyễn".

Ông Âumơ nhường chỗ cho tôi vào và kéo một cái ghế lại cho tôi ngồi, ông lại ngồi xuống, thở hổn hển có vẻ mệt nhọc lắm, hít cái tẩu một hơi dài dường như nó chứa đựng cái chất cần thiết không có nó thì ông chết mất.

"Cháu rất buồn nghe tin về anh Bácki", tôi nói.

Ông Âumơ nhìn chằm chặp vào mặt tôi và lắc đầu.

"Cụ có biết tối nay anh ấy thế nào không?" Tôi hỏi.

"Chính tôi cũng đang muốn hỏi thế", ông Âu mơ đáp "nhưng sợ sẽ đường đột. Nghề chúng tôi có chỗ bất tiện thế đấy. Người ta ốm nhưng chúng tôi không thể nào hỏi thăm sức khỏe".

Tôi không nghĩ đến điều bất tiện này, mặc dầu đã có những linh cảm trước khi bước vào, vì nghe tiếng cạch cạch quen thuộc ngày xưa. Tuy nhiên khi ông Âumơ nhắc đến điều ấy, tôi cũng thừa nhận điều đó và nói với ông như thế.

"Vâng! Vâng, anh hiểu chứ," ông Âumơ nói, gật gật cái đầu, "Chúng tôi không dám hỏi. Lạy Chúa, phần lớn người ta khó chịu và không chịu nổi cái câu "Âumơ và Jôram gửi lời thăm ông và muốn hỏi thăm sáng nay sức khỏe ông thế nào". Hay chiều nay, tùy trường hợp".

Ông Âumơ và tôi nhìn nhau gật đầu, đoạn ông Âumơ lại ra sức hít một hơi dài trong khi vẫn ngậm tẩu.

"Đó là lý do không cho phép những người làm nghề của chúng tôi quan tâm đến người khác như chúng tôi muốn. Tôi không phải mới quen biết anh Bácki một năm nay, chỉ đủ để chào khi anh ta đi qua. Tôi quen anh đã bốn mươi năm nay.

Nhưng tôi không thể nào đi hỏi: "Sức khỏe anh thế nào?"

Tôi thấy điều đó đối với ông Âu mơ cũng gay thực và tôi nói với ông ta như thế.

"Tôi cũng không ích kỷ hơn người khác, tôi nghĩ như vậy" ông Âumơ nói. "Anh hãy xem tôi đây! Tôi có thể đứt hơi bất kỳ lúc nào và trong những phút như vậy, theo như tôi biết, khó lòng người ta

không nghĩ đến mình. Tôi nói rằng điều đó không phải khó xảy ra đối với một người biết rằng nay mai mình sẽ đứt hơi chẳng khác gì một cái bể bị cắt làm đôi, đặc biệt khi người ta đã là ông ngoại rồi", ông Âumơ nói.

"Đúng thế!" Tôi nói.

"Không phải tôi than phiền về nghề nghiệp của mình đâu", ông Âumơ nói. "Không phải như vậy. Nghề nào cũng có cái vinh và cái nhục, cố nhiên. Tôi chỉ muốn rằng người ta nên có nghị lực hơn nữa".

Với vẻ mặt đắc chí rất dễ thương, ông Âumơ lặng lẽ kéo vài hơi, đoạn trở lại nhận xét đầu tiên của mình.

"Vì vậy cho nên muốn hỏi thăm về sức khỏe anh Bácкít, tôi chỉ còn cách hỏi Emili. Cô ấy biết tình cảm thực của tôi, và không sợ cũng không ngờ vực chúng tôi chẳng khác gì tất cả chúng tôi đều hiền lành như bụt vậy. Chiều nay Minni và Jôram vừa đến đấy. (Emili đến đấy giúp bà cô một chút, sau khi công việc đã xong) để hỏi thăm sức khỏe anh Bácкít. Nếu anh chịu khó đợi họ trở về, thì họ sẽ cho anh biết mọi chi tiết. Anh có uống gì không? Một cốc nước ngọt nhé! về phần tôi, bao giờ tôi cũng uống một cốc nước ngọt trước khi hút", ông Âumơ nói, giơ cốc lên. "Vì người ta bảo rằng nước này làm dịu cái hơi thở khốn khổ của tôi. Nhưng tôi cam đoan với anh", ông Âumơ nói, giọng khàn khàn, "không phải là khí quản tôi hỏng đâu! Hãy cho ba có đủ hơi thở - tôi thường nói với cháu Minni - ba sẽ tìm ra lối đi cho nó, con ạ".

Quả thực, ông không tiết kiệm hơi thở, và nhìn ông ta cười thì thực hoảng. Khi ông ta lại có thể tiếp tục nói chuyện với tôi, tôi cảm ơn ông đã mời tôi uống nước ngọt, nhưng tôi từ chối, nói rằng vừa ăn xong. Sau đó, sau khi nói tôi sẽ ngồi đợi, vì ông có lòng tốt mời tôi ngồi cho đến khi con gái con rể về, tôi hỏi ông về tin tức của bé Emili.

"Anh ạ," ông Âumơ nói, cất tẩu ra khỏi miệng để có thể gãi cằm, "tôi nói thật đấy, tôi sẽ rất sung sướng khi lễ cưới được tổ chức".

"Sao thế?" Tôi hỏi.

"Thế này nhé, bởi vì dạo này tâm trí cô ta cứ để đâu ấy", ông Âumơ nói. "Không phải cô không xinh đẹp như trước, mà còn xinh hơn… tôi cam đoan với anh là còn xinh hơn cơ. Không phải vì cô làm việc kém trước; cô có thể làm gấp sáu người và vẫn làm việc gấp sáu người. Nhưng cô có vẻ thiếu nhiệt tình. Nếu như anh hiểu điều tôi muốn nói một cách khái quát bằng cái câu" ông Âumơ nói, xoa xoa cái cằm và hút một lát rồi nói "Kéo mạnh, kéo mạnh! Anh em nào cùng nhau ta kéo, hò dô ta!"[1]. Tôi muốn nói chính cái ấy, và nội dung tôi rất tiếc, Emili đang thiếu cái đó".

Gương mặt và những cử chỉ của ông Âumơ rất gợi cảm khiến tôi phải gật đầu tỏ ý tán thành để ông hiểu rằng tôi đoán được ý nghĩ của ông. Thấy tôi hiểu nhanh như vậy, ông sung sướng, nói tiếp:

"Anh ạ! Tôi thấy chủ yếu là vì cô lưỡng lự, phân vân. Tôi đã nói nhiều với ông cậu, với chồng chưa cưới của cô sau khi làm việc; và tôi cho chủ yếu là do cô băn khoăn. Bao giờ người ta cũng phải nhớ" ông Âumơ bảo tôi, lúc lắc đầu một cách dịu dàng rằng "Emili là một cô bé hết sức dịu dàng. Có câu phương ngôn nói: "Không thể bắt mèo đi cày". Tôi thì không tin như vậy. Tôi cho rằng vẫn có thể, miễn là bắt đầu khá sớm. Cô đã làm cho một chiếc tàu cũ kỹ kia thành một tổ ấm mà những ngôi nhà bằng đá hay bằng cẩm thạch cũng không thể nào hơn được".

"Cháu cũng tin như thế", tôi nói.

"Xem con bé xinh xinh quấn lấy ông cậu", ông Âumơ nói, "thấy nó ngày càng quấn quýt ông cậu, thực rất cảm động. Anh ạ, anh có biết không, trong những trường hợp như vậy, bao giờ trong lòng cũng có một cuộc vật lộn. Tại sao lại kéo dài cuộc vật lộn, nếu không cần thiết?"

Tôi lắng tai nghe con người già cả tốt bụng kia nói và trong thâm tâm rất tán thành điều ông nói.

"Vì vậy, tôi đã bảo họ như sau", ông Âumơ nói, giọng thân mật hể hả. Tôi bảo họ: "Bây giờ đừng xem Emili bị trói buộc bởi một thời hạn nào hết. Tùy ý các ông chọn lúc nào cũng được. Cô đã giúp được nhiều việc hơn là người ta có thể tưởng, cô học nhanh hơn là người ta có thể tưởng. Âumơ và Jôram có thể cầm bút gạch một cái bỏ tất cả thời gian tập sự còn lại và khi nào các ông muốn thì lúc ấy cô sẽ tự do. Nếu sau đó, cô muốn thu xếp đôi chút, chẳng hạn làm những việc vặt cho chúng tôi ở nhà, thì sẽ rất tốt. Còn nếu không thì cũng cứ rất tốt. Dẫu sao đi nữa, chúng tôi cũng không mất gì bởi vì, anh ấy đấy", ông Âumơ nói, lấy tẩu chạm vào người tôi, "một con người hơi thở ngắn như tôi, đã là ông ngoại rồi chứ phải chơi đâu, lẽ nào lại khó dễ với một cô bé tí teo có cặp mắt biếc như cô ấy?"

"Nhất định là không rồi, cháu tin chắc như vậy"", tôi nói.

"Nhất định là không rồi! Anh nói đúng lắm. Này! Anh biết cô ta sẽ lấy ông anh họ chứ?"

"Có! Cháu biết anh ấy lắm", tôi đáp.

"Cố nhiên là biết", ông Âumơ nói. "Thế này, anh biết không, ông anh họ cô ta xem ra có một chỗ làm tốt, và cũng sung túc. Anh ta đã cảm ơn tôi một cách lịch sự, có thể nói như vậy, về đề nghị ấy (tôi phải nói rằng nói chung anh ấy đã cư xử với một thái độ khiến tôi đánh giá anh rất cao). Anh đã thuê một ngôi nhà nhỏ, ấm cúng nhất mà tôi hay anh có thể mong ước. Ngôi nhà nhỏ này bây giờ có đủ đồ đạc, chu đáo lắm cơ, xinh xắn và đầy đủ như một phòng khách của búp bê, và nếu như căn bệnh của ông Bácкít không lâm vào tình trạng hiểm nghèo như thế này - rõ tội nghiệp cho ông ta - thì tôi tin chắc rằng lúc này họ đã thành vợ thành chồng rồi. Nhưng trong tình hình này họ đã phải hoãn đám cưới lại".

"Thế còn Emili, cụ Âumơ?" Tôi hỏi. "Cô ấy có bớt đồng bóng không?"

"Anh biết không, thế này nhé", ông vừa đáp vừa gãi cái cằm béo phị, "cố nhiên người ta không thể chờ đợi điều đó. Triển vọng có một sự thay đổi và một sự xa cách hay mọi cái như thế, có thể nói, vừa gần lại vừa xa. Nếu anh Bácкít chết, người ta sẽ không bắt buộc phải hoãn đám cưới lại lâu, nhưng nếu bệnh kéo dài thì điều ấy lại sẽ là cần. Dù thế nào đi nữa, tình trạng này vẫn chưa có gì là chắc chắn, như anh biết đấy".

"Tôi biết lắm", tôi đáp.

"Do đó, Emili hơi buồn rầu và hơi bị xúc động; có lẽ nói chung, cô có vẻ ngày càng quấn lấy ông cậu và ngần ngại không muốn rời bỏ chúng tôi. Một lời nói dịu dàng của tôi đủ làm cô ấy rưng rưng nước mắt và nếu như anh được thấy cô ấy chơi với con bé của cháu Minni, thì anh sẽ không bao giờ quên được, cầu Chúa phù hộ!" Ông Âumơ nói, có vẻ tư lự, "cô ta yêu cháu nó quá!"

Gặp dịp tốt như vậy, tôi nảy ra ý nghĩ hỏi ông Âumơ - trước khi con gái và con rể của ông trở về làm gián đoạn câu chuyện của chúng tôi - xem ông có tin tức gì về Mácta không?

"Ồ!" Ông trả lời, lắc đầu có vẻ buồn bã. "Không có gì hay cả. Tôi không hiểu tại sao anh lại biết con ấy được. Nhưng anh có xét về mặt nào đi nữa thì đó cũng là một câu chuyện buồn. Tôi không bao giờ có thể nghĩ rằng con bé ấy là một đứa hư. Tôi không muốn nói đến nó trước mặt cháu Minni vì cháu nó sẽ cãi lại ngay, nhưng tôi không bao giờ tin thế. Không ai trong chúng tôi lại nghĩ thế".

Ông Âumơ đã nghe trước tôi tiếng bước chân của con gái, ông lấy cái tẩu chạm vào tay tôi và nheo

một mắt có ý báo trước. Liền sau đó, hai anh chị Jôram bước vào.

Họ báo cho tôi biết rằng bệnh tình anh Bácкít "rất trầm trọng"; anh đã mê man bất tỉnh và ông Silíp ở dưới nhà bếp, cách đây một lát trước khi ra về, đã rầu rĩ tuyên bố rằng cả trường y khoa, trường giải phẫu và hội bán thuốc, dù có được tập hợp lại cũng không giúp đỡ được gì cho anh cả. Cả hai trường thuốc và trường giải phẫu không còn làm được gì và hội bán thuốc chỉ có thể đầu độc anh mà thôi.

Nghe vậy, và nghe nói ông Pécgôti đang ở đấy, tôi quyết định đến đó ngay. Tôi chào ông Âumơ và anh chị Jôram và với cảm giác có một điều gì rất quan trọng đang diễn ra làm cho anh Bácкít thành một nhân vật khác hẳn, tôi đi đến nhà anh.

Tiếng gõ cửa nhè nhẹ của tôi được ông Pécgôti trả lời. Thấy tôi, ông không ngạc nhiên như tôi tưởng. Tôi cũng nhận thấy điều đó ở chị Pécgôti khi chị ở trên gác xuống. Tôi đã thấy nhiều trường hợp như vậy kể từ lúc ấy và tôi nghĩ rằng trong khi chờ đợi điều bất ngờ kinh khủng kia, thì mọi thay đổi khác và mọi điều bất ngờ khác đều trở thành nhỏ bé, vô nghĩa.

Tôi bắt tay ông Pécgôti và xuống bếp trong khi ông khe khẽ đóng cánh cửa lại. Bé Emili ngồi bên cạnh lửa, lấy hai tay che mặt. Ham đứng bên cạnh nàng.

Chúng tôi thì thầm, chốc chốc lại lắng tai nghe những tiếng động từ căn phòng trên gác vọng xuống. Tôi không để ý đến điều đó trong dịp tôi đi thăm lần trước, nhưng lần này tôi cảm thấy sự vắng mặt của anh Bácкít trong bếp là một điều lạ lùng đối với tôi.

"Cậu Đêvi, cậu đến đây thực quý hóa quá", ông Pécgôti nói.

"Thực đặc biệt quý hóa", Ham nói.

"Kìa cháu Emili", ông Pécgôti kêu lên, "cháu nhìn xem! Cậu Đêvi đến đây này! Cản đảm nên chứ cô bé! Cháu không nói gì với cậu Đêvi sao?"

Ngay lúc này tôi còn có thể thấy nàng run lẩy bẩy. Tôi còn có thể cảm thấy đôi bàn tay lạnh toát của nàng khi tôi chạm đến. Dấu hiệu duy nhất tỏ rằng nó còn cử động là nó rút khỏi tay tôi. Thế rồi Emili rời khỏi ghế, lách mình dần dần sang bên kia, đến gần ông cậu và lặng lẽ gục đầu, run lẩy bẩy trên ngực ông.

"Nó nà con bé dễ cảm", ông Pécgôti nói, lấy bàn tay to tướng, sần sùi, vuốt mớ tóc dày của Emili, "cháu nó không chịu được cái cảnh buồn thảm này. Cậu Đêvi ạ! Đối với những người trẻ tuổi chưa qua những thử thách, thì đó nà thường, nhất nà khi họ nhút nhát như con chim non của tôi… Đó nà thường!"

Nàng càng bám chặt lấy ông, nhưng vẫn không ngẩng đầu lên, và không nói một lời.

"Này cháu, đã khuya rồi" - ông Pécgôti nói - "anh Ham đến đây tìm cháu để đưa cháu về nhà đấy. Cháu hãy về với con người yêu quý cháu. Thế nào, Emili? Thế nào, hòn ngọc của cậu?"

Giọng nói của Emili không vang đến tai tôi, nhưng ông Pécgôti cúi đầu dường như để lắng nghe và nói:

"Cháu muốn ngồi lại với cậu à? Ai lại nói thế? ở đây với cậu, hở cháu, con búp bê của cậu? Kìa con người sắp là chồng của cháu đang đứng đấy để đưa cháu về nhà. Ồ! Ai dám tin rằng con bé nhỏ bé thế này lại ở cạnh một anh chàng quen đương đầu với phong ba bão táp như tôi", ông Pécgôti nói, quay đầu về phía Ham và tôi với một niềm kiêu hãnh vô bờ bến. "Nhưng muối ngoài biển cũng không nhiều hơn tình yêu của nó đối với tôi… con bé Emili dại dột này".

"Emili làm thế là có lý đấy, cậu Đêvi ạ!" Ham nói. "Này nhé, vì Emili muốn thế và cô hay sợ, lại dễ bị xúc động, cho nên tôi sẽ để cô ấy ở đây đến sáng mai. Tôi cũng sẽ ở lại".

“Không, không”, ông Pécgôti nói, “khi người ta có vợ như anh… hay đại khái như thế, người ta không được bỏ phí một ngày nàm việc nào. Thế mà anh không thể vừa thức đêm vừa nàm việc. Như thế không ổn. Anh cứ về nhà đi ngủ. Anh chả phải no người ta không săn sóc Emili”.

Ham nghe theo lời khuyên ấy, cầm mũ và đi ra. Ngay cả khi anh hôn nàng (tôi không bao giờ thấy anh bước đến gần nàng mà không thấy rằng tạo hóa đã ban cho anh tâm hồn của một con người cao thượng), nàng có vẻ càng quấn chặt lấy người cậu dường như muốn lẩn trốn người chồng mình đã lựa chọn. Tôi đóng cửa lại sau lưng anh, để cho tiếng động không phá vỡ cảnh yên lặng trong nhà; và khi quay lại, tôi thấy ông Pécgôti vẫn còn nói với cô cháu.

“Bây giờ cậu sẽ nên nói với cô của cháu rằng cậu Đêvi ở đây và điều đó sẽ nàm cô ấy phấn chấn nên một chút. Trong núc ấy, cháu hãy ngồi cạnh ngọn lửa, cháu nhé, và hơ hai bàn tay nhỏ bé đã nạnh cóng. Cháu chả cần gì phải sợ sệt và buồn bã như thế. Thế nào? Thôi, cháu cứ đi nên với cậu nhé? Thôi được, cháu cứ đi lên với cậu. Nếu như ông cậu của nó bị đuổi ra khỏi nhà, nang thang cầu bơ cầu bất và phải nằm ở dưới hố, cậu Đêvi ạ”, ông Pécgôti nói với tôi, nòng cũng tràn đầy kiêu hãnh như lần trước, “tôi chắc rằng cháu nó cũng theo tôi! Nhưng chẳng bao nâu nữa sẽ có một người khác, sẽ có một người khác… Emili ạ!”

Sau đó, khi tôi lên gác, đi qua cửa căn phòng nhỏ bé của tôi, trong đó tối om, tôi có cảm tưởng thấy nàng ở trong phòng đang nằm sóng soài trên đất. Nhưng tôi không biết đó có thật là nàng không hay chỉ do ảnh hưởng bóng tối thấp thoáng của căn phòng gây nên mà thôi.

Ngồi trước ngọn lửa ở bếp, tôi được dịp nghĩ đến nỗi lo sợ của bé Emili xinh đẹp khi nghĩ đến cái chết sắp đến (điều này cộng với điều ông Âu mơ đã nói với tôi là nguyên nhân khiến cho nàng có vẻ khác thường như vậy) và trước khi chị Pécgôti xuống bếp, tôi có thì giờ nhìn cái vẻ yếu ớt ấy một cách rộng lượng hơn trong khi đếm tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ và cảm thấy vẻ yên lặng trang nghiêm bao phủ quanh tôi. Chị Pécgôti ôm chầm lấy tôi, cầu Chúa ban phúc cho tôi, và cảm ơn tôi không biết bao nhiêu lần vì đã đem đến cho chị một nguồn an ủi (chị bảo thế) trong cảnh bất hạnh. Đoạn chị yêu cầu tôi lên gác, nghẹn ngào nói rằng anh Bácki t bao giờ cũng yêu tôi và quý tôi; rằng anh đã nhiều lần nói đến tôi trước khi mê man bất tỉnh; rằng nếu như anh tỉnh lại anh sẽ vui lòng thỏa dạ khi được thấy tôi, nếu như trên trần thế này có thể có điều gì làm anh vui lòng thỏa dạ.

Nhưng khi tôi nhìn thấy anh thì cái hy vọng anh sẽ tỉnh lại tỏ ra rất mong manh. Anh nằm dài, đầu và vai thò ra ngoài giường, trong một tư thế không thoải mái chút nào, nửa người nằm trên cái hòm đã gây cho anh bao lo lắng băn khoăn. Người ta bảo tôi rằng khi không thể nào lê mình khỏi giường để mở hòm và không có thể yên trí rằng nó vẫn nằm đấy bằng cách dùng chiếc đũa thần như tôi đã thấy anh làm, anh yêu cầu đặt nó trên một chiếc ghế ở đầu giường và từ hôm ấy vẫn ngày đêm ôm ghì lấy nó. Lúc này cánh tay anh vẫn đặt lên hòm. Thời gian và thế giới đang rời khỏi tay anh nhưng cái hòm vẫn nằm trơ trơ đấy; và những lời cuối cùng mà anh nói (với giọng giải thích) là: “Quần áo cũ”.

“Anh Bácki t ơi!” Chị Pécgôti nói, giọng gần như vui vẻ, cúi mình trên người anh, trong khi ông Pécgôti và tôi đứng ở chân giường. “Đây là em Đêvi, đứa con yêu quý của em… đứa con yêu quý của em, người đã xe duyên cho chúng mình, người đã giúp anh ngỏ lời với em, anh Bácki t, anh nhớ không, anh không muốn nói gì với em Đêvi sao?”

Anh vẫn im lặng và vô tri vô giác như cái hòm và thân hình vẫn trơ trơ như thế.

“Chú ấy sẽ ra đi cùng với nước thủy triều”, ông Pécgôti lấy tay che miệng nói thầm với tôi.

Nước mắt tôi ràn rụa và ông Pécgôti cũng thế, nhưng tôi vẫn nhắc lại giọng thều thào:

“Với nước thủy triều à?”

“Phải”, ông Pécgôti nói, “ở trên bờ biển người ta chỉ chết khi thủy triều đã xuống rất thấp, người ta chỉ ra đời khi thủy triều đã dâng nên khá cao và việc sinh đẻ chỉ kết thúc khi thủy triều nên thật cao. Chú ấy ra đi với nước thủy triều. Vào lúc ba giờ rưỡi nước thủy triều sẽ xuống thấp và nằm yên nửa tiếng. Nếu chú ấy sống cho đến khi thủy triều nên, thì chú ấy còn giữ vững trong thời gian thủy triều lên cao và sẽ ra đi khi nước xuống”.

Chúng tôi đứng đấy nhìn anh một hồi lâu… hàng giờ. Tôi không dám nói sự có mặt của tôi có ảnh hưởng gì huyền bí đối với anh trong tình trạng mê man ấy.

Nhưng cuối cùng, khi anh bắt đầu nói thều thào yếu ớt thì rõ ràng là anh đang nói lắp bắp về việc đánh xe cho tôi đến trường.

“Anh ấy tỉnh rồi đấy”, chị Pécgôti nói.

Ông Pécgôti sờ vào cánh tay tôi nói lắp bắp, giọng cảm động và kính cẩn:

“Thủy triều và chú ấy đều đi nhanh”.

“Anh Báckít!” Chị Pécgôti nói.

“Clara Pécgôti Báckít”, anh nói, giọng yếu ớt. “Người đàn bà tốt nhất trên đời!”

“Anh nhìn đi! Đây là em Đêvi”, chị Pécgôti nói bởi vì đôi mắt anh đã mở to.

Tôi đang định hỏi anh có nhận ra tôi không, bỗng anh cố gắng giơ cánh tay ra, nói với tôi, giọng rõ ràng miệng nở một nụ cười hồn hậu:

“Báckít muốn…”

Lúc này nước thủy triều xuống, và anh ra đi cùng nước thủy triều.

---

[1] Một câu trong quyển “Jacốp, người trung thành” (1834) của Mariat. Mariat là bạn của Đickenx”.

——HẾT QUYỂN I——

Chương XXXI
MỘT TỔN THẤT LỚN HƠN

Đối với tôi, việc nghe theo lời khẩn khoản yêu cầu của chị Pécgôti, mà nán lại cho đến khi thi hài anh xà-ích tội nghiệp đã đi xong đoạn đường cuối cùng đến Blơnđơxtôn không phải là khó. Từ lâu, chị đã dành dụm tiền mua một mảnh đất nhỏ trong nghĩa địa cũ của chúng tôi; cạnh mộ "cô con gái dễ thương của chị" (bao giờ chị cũng gọi mẹ tôi như vậy); và thi hài hai người sẽ được chôn ở đấy.

Trong khi ở cạnh chị Pécgôti và làm tất cả mọi việc có thể làm để giúp chị (kể ra chẳng có gì), tôi vẫn cảm thấy sung sướng khi nhớ lại rằng ngay bây giờ tôi cũng mong muốn được làm như thế để tỏ lòng thỏa mãn cực độ, có tính chất cá nhân và nghề nghiệp, khi xét tờ di chúc của anh Bácкít và trình bày nội dung của nó.

Tôi có thể tự hào đã có sáng kiến đề nghị tìm tòi di chúc ở trong cái hòm. Sau khi tìm kiếm một lát, người ta thấy nó trong hòm, dưới đáy một cái túi đeo ở miệng ngựa, trong túi ngoài rơm rạ còn thấy một chiếc đồng hồ vàng cũ kỹ có cả dây đeo và những con dấu mà anh Bácкít đeo vào ngày cưới, nhưng người ta không bao giờ thấy trước hôm ấy hay sau hôm ấy. Một cái nhồi thuốc lá bằng bạc hình chân người. Một quả chanh giả đầy những tách và đĩa nhỏ xíu, mà tôi ngờ rằng anh Bácкít đã mua để cho tôi khi tôi còn nhỏ nhưng sau đó anh cảm thấy không thể nào rứt ra được; tám mươi bảy ghi-ni rưỡi tiền mặt bằng đồng một ghi-ni và nửa ghi-ni; hai trăm mười bảng bằng giấy ngân phiếu hết sức sạch sẽ; một vài tờ biên nhận của ngân hàng Anh; một móng ngựa đã cũ, một đồng si-linh giả, một mảnh long não và một vỏ sò. Vì thấy vật sau này được mài cẩn thận để lộ ra bên trong những màu ngũ sắc, tôi kết luận rằng anh Bácкít đã có những ý nghĩ mơ hồ về ngọc trai, nhưng những ý nghĩ này chưa bao giờ thể hiện thành một hành động cụ thể.

Hết năm này sang năm khác, anh Bácкít ngày nào cũng mang theo cái hòm này, trong tất cả mọi cuộc hành trình để cho người ta càng không để ý, anh đã bịa ra một chủ nhân tưởng tượng là "ông Blacboi" và cái hòm này "Nhờ ông Bácкít giữ cho đến khi có người đến lấy", một câu chuyện bịa đặt mà anh đã viết rất cẩn thận ở trên nắp hòm bằng những chữ bây giờ gần như không đọc được nữa.

Tôi nhận thấy anh ky cóp trong bao năm trời không phải là vô ích. Gia tài của anh lên đến gần ba ngàn bảng. Anh cho ông Pécgôti được hưởng cho đến khi chết số tiền lời của một ngàn bảng. Khi ông ta chết, số tiền này sẽ được chia đều cho ông Pécgôti, Emili và tôi, hay thuộc những người sống sót, hay một trong ba người sống sót, với những phần đều nhau. Tất cả tài sản còn lại sau khi anh chết, anh để cho chị Pécgôti, chị trở thành người thừa kế toàn bộ và người duy nhất thực hiện những ý muốn cuối cùng trong tờ di chúc.

Tôi cảm thấy mình đúng là một ông luật sư khi đọc tờ di chúc này với cái giọng hết sức rõ ràng trang trọng và giải thích các điều khoản cho những người có liên quan bao nhiêu lần cũng được. Tôi bắt đầu nghĩ rằng Pháp-viện quan trọng hơn là tôi vẫn tưởng. Tôi quan sát tờ di chúc hết sức chăm chú, tuyên bố rằng nó hoàn toàn hợp lệ về mọi mặt, đánh dấu bút chì ở một hai chỗ ngoài lề và lấy làm ngạc nhiên tại sao mình lại thông thạo đến thế.

Trong tuần lễ trước khi cử hành đám tang, tôi lo làm những công việc phức tạp như vậy; lập danh sách tất cả tài sản chị Pécgôti được thừa kế, giúp chị thu xếp tất cả những việc này một cách ngăn nắp và đóng vai cố vấn và trọng tài của chị về mọi mặt (điều này làm cho cả hai người thích thú). Trong thời gian ấy, tôi không gặp lại bé Emili; nhưng người ta bảo tôi rằng nửa tháng sau nàng sẽ lặng lẽ đi lấy chồng.

Tôi không đưa đám với đủ lễ phục, nếu tôi có thể nói như vậy (tôi muốn nói tôi không mặc áo

choàng đen với một cái giải để làm cho chim chóc sợ hãi). Nhưng tôi đi chân đến Blơnđơxtôn lúc sáng sớm và đã ở ngoài nghĩa địa khi quan tài được đưa đến, đằng sau chỉ có chị Pécgôti và người anh của chị. Thằng điên trố mắt nhìn tôi qua cái cửa sổ nhỏ của tôi; thằng bé con ông Silíp lúc lắc cái đầu nặng trĩu và giương cặp mắt tròn xoe nhìn ông mục sư, qua vai của bà nhũ mẫu. Ông Âumơ thở hổn hển ở đầu sau. Ngoài ra, không có ai ở đấy và cảnh tượng rất là yên tĩnh.

Chúng tôi đi dạo trong nghĩa địa một tiếng đồng hồ sau khi mọi việc đã xong xuôi; và chúng tôi hái một ít lá non trên cây mọc trên mộ mẹ tôi.

Giờ đây, một nỗi lo sợ bao trùm lấy tôi. Một đám mây đang lơ lững trên cái thành phố xa xôi mà tôi đang một mình quay gót trở về. Tôi lo sợ khi phải đến gần. Tôi không thể nào chịu đựng nổi ý nghĩ về tất cả những điều đã xảy ra trong buổi chiều đáng nhớ ấy… về tất cả những gì sẽ phải xảy ra nếu tôi tiếp tục câu chuyện.

Việc tôi viết không làm các biến cố xấu thêm. Nếu bàn tay tôi bực bội dừng lại thì các biến cố cũng không vì thế mà tốt hơn. Sự việc đã xảy ra rồi. Chẳng ai có thể làm cho nó khác đi được.

Chị nhũ mẫu già của tôi phải cùng tôi đến Luân-đôn hôm sau để lo về chuyện tờ di chúc. Bé Emili hôm ấy ở lại nhà ông Âumơ. Tối hôm ấy, tất cả chúng tôi sẽ phải gặp nhau trong chiếc tàu cũ kỹ. Ham sẽ đưa Emili về theo giờ thường lệ mọi ngày. Tôi ung dung đi bộ về. Hai anh em ông Pécgôti trở về Yácmao như họ đã đến và ngồi chờ chúng tôi bên cạnh bếp lửa khi trời xẩm tối.

Tôi chia tay với họ ở cửa chấn song sắt của nghĩa địa, ở đấy một anh chàng xtráp tưởng tượng nào đó xưa kia đã ngủ với một cái đãy của Rôđơrích Randôm. Đáng lý trở về ngay thì tôi đi thêm một đoạn trên con đường đến Lâuxtốp. Sau đó, tôi quay lại đi về phía Yácmao. Tôi dừng lại ăn tối ở một quán trọ tươm tất cách bến phà (mà trước đây tôi đã nói tới) độ một hai dặm.

Khi tôi đến bến phà thì trời đã tối. Mưa lúc đó đang rơi nặng hạt và đó là một đêm dữ dội; nhưng mặt trăng vẫn xuất hiện đằng sau những đám mây, và trời không tối.

Chẳng bao lâu, tôi nhìn thấy ngôi nhà của ông Pécgôti và ánh sáng ở trong chiếu ra ngoài cửa sổ. Sau khi vất vả đi trên lớp cát, tôi đến cửa và bước vào.

Trong nhà có vẻ rất ấm cúng, ông Pécgôti đã hút cái tẩu của mình như mọi buổi chiều và mọi người đang chuẩn bị bữa ăn tối. Ánh lửa sáng trưng, tro được quét dọn sạch sẽ, chiếc hòm đã đặt sẵn để chờ bé Emili về ngồi ở chỗ mọi ngày. Chị Pécgôti lại ngồi vào chỗ ngày xưa một lần nữa dường như chưa bao giờ chị rời khỏi chỗ ấy (nếu không kể đến bộ đồ tang của chị). Chị đã quay lại cái hộp đồ may với ngôi nhà thờ Xanh Pôn trên nắp hộp, cái thước đo vẫn ở trong cái nhà nhỏ và mẩu sáp vẫn nằm yên đấy dường như chúng chưa bao giờ bị thay đổi chỗ. Bà Gơmmít vẫn sụt sịt đôi chút trong cái góc ngày xưa và do đó, vẫn có vẻ hoàn toàn tự nhiên.

"Cậu đến đầu tiên, cậu Đêvi ạ!" ông Pécgôti nói, gương mặt hân hoan "Nếu áo vét-tông ướt thì cậu cởi ra".

"Cám ơn ông", tôi nói, và đưa áo khoác cho ông treo lên "Áo quần tôi khô rang."

"Đúng thật!" ông Pécgôti nói, vừa đưa tay lên nắm vai tôi… "Khô như ngói ấy! Mời cậu ngồi. Tôi chẳng cần phải mời mọc nữa, nhưng tôi nói thế nà tự đáy nòng."

"Cảm ơn ông, tôi tin chắc như thế… Nào chị Pécgôti", tôi nói, và hôn chị "chị mạnh khỏe không, chị bạn già của em?"

"Ha! Ha! Ha!" ông Pécgôti cười khanh khách, ngồi xuống cạnh chúng tôi và xoa xoa hai tay, tỏ ra

nhẹ cả người sau điều bất hạnh vừa xảy đến và với thái độ niềm nở tự nhiên của bản tính ông, ông nói, "Trên thế gian này không có người đàn bà nào, cậu ạ, tôi đã bảo với cậu ấy, có quyền cảm thấy nương tâm mình thanh thản hơn cô ấy. Cô ấy nàm tròn bổn phận của mình đối với người đã khuất, và người đã khuất cũng biết điều đó; người đã khuất đã nàm tất cả nhưng gì đối với cô ấy, và ông ấy đã nàm tròn bổn phận mình và vân vân và thế nà đâu vào đấy cả."

Bà Gơmmít sụt sịt.

"Bà Gơmmít, hãy can đảm nên, mẹ già ơi!" Ông Pécgôti nói - (nhưng ông lắc đầu, liếc mắt ra hiệu với chúng tôi, rõ ràng ông hiểu rằng những biến cố vừa rồi đã làm bà nhớ lại "ông già") "Bà đừng rầu rĩ nữa! Hãy can đảm lên, một chút thôi mà và bà sẽ thấy rằng điều đó sẽ đến với bà một cách tự nhiên."

"Không, anh Đanien ạ, đối với tôi thì không" - bà Gơmmít đáp. "Đối với tôi không có gì là tự nhiên hết ngoài việc sống một mình, tứ cố vô thân."

"Không! Không đâu", ông Pécgôti an ủi bà.

"Có mà, có mà", bà Gơmmít nói - "tôi không sinh ra để sống với những người có tiền bạc. Đối với tôi mọi việc đều không may. Tốt hơn là tôi nên đi nơi khác."

"Ồ kìa, không có bà thì tôi biết nàm thế nào mà tiêu tiền kia chứ?…" ông Pécgôti nói, giọng trách móc nghiêm trang. "Bà nói gì thế? Chẳng phải bây giờ tôi cần đến bà hơn bao giờ hết sao?"

"Tôi biết rằng trước đây không ai cần đến tôi" - bà Gơmmít nói với cái giọng sụt sịt tội nghiệp, "vậy mà bây giờ ông lại bảo thế! Làm sao tôi có thể mong rằng người ta cần đến tôi khi tôi cô độc, tứ cố vô thân và cáu kỉnh như thế này?"

Ông Pécgôti có vẻ bực mình vì đã nói những lời làm người ta hiểu lầm một cách khó chịu như vậy, nhưng chị Pécgôti kéo tay áo ông và lắc đầu bảo ông đừng trả lời. Sau khi nhìn bà Gơmmít một lát, nét mặt rất buồn rầu, ông nhìn lên chiếc đồng hồ Hà-lan, đứng dậy gạt tàn bấc trên ngọn nến và đặt nến ở trước cửa sổ.

"Đó kìa!" Ông Pécgôti nói vui vẻ, "Bà Gơmmít! Chúng tôi như thế đấy!" (Bà Gơmmít khẽ thở dài, rên rỉ) "Ánh sáng vẫn ở chỗ mọi ngày! Bà hỏi nàm thế để nàm gì phải không? Này nhé! Đó là vì cháu bé Emili của chúng ta. Bà biết đấy, con đường không sáng nắm, cũng không vui nắm sau khi trời đã tối. Và khi tôi ở nhà vào núc cháu nó về, tôi đặt ngọn nến ở cửa sổ. Vả nại, bà phải biết điều này nhằm hai mục đích. Cháu Emili sẽ nói: "Nhà mình đây rồi!" Cháu nó cũng sẽ nói thêm: "Cậu mình đấy kìa!"… Bởi vì nếu mình ở nhà, mình đã không để ngọn nến ở đấy".

"Anh rõ đến trẻ con!" Chị Pécgôti nói, chị lại càng yêu ông Pécgôti hơn nếu chị nghĩ như vậy.

"Chuyện!" ông Pécgôti đáp, người đứng thẳng, hai chân hơi dạng ra, hai bàn tay xoa vào nhau tỏ vẻ đắc chí, đôi mắt khi thì nhìn ngọn lửa, khi thì nhìn chúng tôi "Tôi cũng chẳng hiểu, có nẽ tôi thế thực, mặc dầu nếu nhìn tôi, người ta sẽ không nói như thế".

"Chưa chắc", chị Pécgôti nói.

"Không đâu" - ông Pécgôti nói, cười khanh khách - "nhìn tôi người ta không bảo thế đâu. Nhưng nếu nghĩ nại thì biết đâu. Đối với tôi, tôi chẳng cần…, mẹ kiếp! Này, tôi bảo cậu nhé: nếu tôi mà nhìn và quan sát ngôi nhà nhỏ bé xinh xắn của cháu Emili của chúng ta, thì tôi có mà… có mà bị trời "đì" - ông Pécgôti bỗng nhiên bốc lên - "tôi không thể nói hơn được, khi sờ đến những đồ vật nhỏ bé nhất nếu tôi không có cảm tưởng đâu đó mà chính cháu nó. Tôi nâng những vật đó nên và mân mê cũng âu

yếm như đó nà cháu Emili. Đối với những chiếc mũ xinh xắn của nó cũng như đối với tất cả các vật khác, tôi đều thấy thế. Dù có cho tôi tất cả vàng bạc trên thế gian tôi vẫn không thể chịu nổi khi thấy người ta cố ý đối xửa tàn nhẫn với một vật trong những vật ấy… Không, không thể chịu nổi. Các bạn bảo tôi nà trẻ con à? Trẻ con gì mà hình thù như con nhím biển thế này!".

Ông Pécgôti nói, cười ha hả khoan khoái, kết thúc câu nói nghiêm trang.

Chị Pécgôti và tôi cũng cười nhưng không ầm ĩ bằng.

"Tôi có ý nghĩ như thế này", ông Pécgôti nói, gương mặt hân hoan sau khi đã xoa hai bàn chân vào nhau một hồi nữa, bởi vì tôi vẫn thường chơi với cháu và chúng tôi đóng vai người Thổ-nhĩ-kỳ, người Pháp, người ngoại quốc, phải đấy, nàm sư tử, nàm cá voi và mẹ kiếp… không biết nàm những thứ gì nữa… khi cháu chẳng cao hơn đầu gối của tôi. Trò chơi đó đã thành một thói quen đối với tôi, như các bạn thấy đấy. Này! Ngọn nến này chẳng hạn", ông Pécgôti nói, nhanh nhẹ giơ tay về phía ngọn nến - "tôi biết nắm, khi cháu nó nấy chồng và ra đi, tôi sẽ để ngọn nến ở chỗ ấy, cũng hệt như bây giờ. Tôi rất biết rằng khi tôi ở đây buổi chiều (tôi còn biết đi sống ở đâu cho thích hơn nữa, dù tôi có thể có mọi thứ tài sản) trong núc đó cháu nó không ở đây, hay tôi không ở nhà các cháu, tôi sẽ để ngọn nến ở cửa sổ và sẽ ngồi trước ngọn nửa, cũng nàm ra vẻ chờ đợi cháu hết như núc nãy. Thế mà bảo nà trẻ con à?", ông Pécgôti lại cười ròn rã, "trẻ con gì mà mình hình thù như con nhím biển ấy. Này! Ngay giờ phút này, khi tôi thấy ngọn nến nập nòe, tôi tự nghĩ thầm: "Nó đang nhìn! Emili đã về đấy!" Thế mà tôi bảo tôi nà trẻ con à, trẻ con đâu mà như con nhím biển thế!… Nhưng tôi nói đúng" - ông Pécgôti dừng lại, cười khanh khách, vỗ tay đôm đốp - "vì cháu nó về đây kìa!"

Chỉ có Ham về mà thôi. Từ lúc tôi bước vào nhà, mưa chắc hẳn đã rơi nặng hột hơn, vì thấy anh đội một cái mũ to tướng vành mũ bẻ xuống che kín cả mặt.

"Emili đâu rồi?" ông Pécgôti hỏi.

Ham lắc đầu ra hiệu như muốn nói rằng nàng đang ở ngoài, ông Pécgôti cầm ngọn nến ở cửa sổ, cắt ngọn bấc, đặt lên bàn và loay hoay nhen lửa lên trong khi Ham - từ nãy giờ vẫn im lìm không cử động - bảo tôi:

"Cậu Đêvi, cậu làm ơn ra ngoài này một chút để xem vật mà Emili và tôi cần đưa cho cậu xem".

Chúng tôi bước ra. Tôi vừa bước qua ngưỡng cửa chỗ anh đứng, bỗng tôi sửng sốt và hốt hoảng khi thấy mặt anh tái mét như mặt người chết. Ham đẩy mạnh tôi ra ngoài rồi đóng sập cửa lại: chỉ còn hai chúng tôi.

"Anh Ham, có việc gì thế?"

"Cậu Đê-vi ơi…"

Ôi! tim anh tan nát; anh khóc, đau đớn làm sao! Tôi sững sờ cả người trước một nỗi đau buồn như vậy. Tôi không biết lúc đó tôi nghĩ gì, hay tôi sợ hãi cái gì. Tôi chỉ còn biết nhìn anh.

"Anh Ham! Tội nghiệp con người quý hóa! Trời ơi! Anh nói cho tôi biết có việc gì thế?"

"Người yêu của tôi, cậu Đêvi ạ! Niềm kiêu hãnh và niềm hy vọng của con tim tôi… con người mà tôi sẵn sàng chết cho nàng và bây giờ tôi muốn chết cho nàng… nàng đã đi rồi!"

"Đi rồi ư?!"

"Emili đã trốn đi rồi. Ôi! Cậu Đêvi, cậu có biết nàng trốn *như thế nào* không, bởi vì tôi cần thượng đế nhân từ hãy giết nàng đi (nàng mà tôi yêu hơn tất cả mọi thứ trên đời!) còn hơn để nàng rơi vào cảnh bất hạnh và nhục nhã".

Ngay đến giờ, trong trí nhớ tôi hình ảnh gương mặt anh ngẩng đầu về phía bầu trời vẩn đục, hai tay chấp lại run rẩy, và cái thân hình quằn quại của anh, vẫn gắn chặt với cái cảnh thê lương ảm đạm kia. Trời vẫn tối đen và Ham là cái vật duy nhất có thể thấy được ở trong bức tranh này.

"Cậu là người có học thức", anh nói vội vã, "và cậu biết bây giờ nên làm như thế nào là đúng và tốt nhất. Tôi nên nói với gia đình như thế nào đây? Làm sao tôi có thể báo tin này cho chú tôi, cậu Đêvi ơi?"

Tôi thấy cánh cửa lung lay, và bất giác tôi tìm cách giữ cái then phía ngoài lại để tranh thủ một phút. Muộn quá rồi! Ông Pécgôti thò đầu ra và dù tôi có sống năm trăm năm, tôi cũng không bao giờ quên sự thay đổi trên nét mặt của ông khi ông thấy chúng tôi.

Tôi còn nhớ có một tiếng kêu vang lên, tiếng rền rĩ, những người đàn bà xúm xít quanh ông, và tất cả chúng tôi đều đứng ở trong phòng. Tôi cầm ở trong tay một tờ giấy mà Ham đã trao cho; ông Pécgôti, với cái áo gi-lê mở tung, đầu tóc bơ phờ, gương mặt và đôi môi tái nhợt, ngực máu chảy dòng dòng (hình như máu ấy chảy từ trong miệng ông ra), mắt nhìn tôi chằm chặp.

"Cậu đọc đi, cậu", ông nói với tôi, giọng trầm và run run, "Cậu nàm ơn đọc chậm cho. Không biết tôi có hiểu được không".

Trong cảnh yên lặng như tờ, tôi đọc điều dưới đây trong một bức thư đầy nước mắt:

"Khi anh đọc những dòng này, anh, con người yêu em và em không xứng đáng với tình yêu của anh ngay cả khi tâm hồn em còn ngây thơ, khi anh đọc đến dòng này thì em sẽ ở rất xa…"

"Em sẽ ở rất xa" - ông Pécgôti lặp lại, chậm rãi, "hãy dừng nại! Emili ở rất xa… Rồi thế nào?"

"Khi em rời ngôi nhà yêu quý của em, ngôi nhà yêu quý… ôi, cái nhà yêu quý của em… Sáng ngày mai."

(Bức thư viết tối hôm trước)

"đó là để không bao giờ trở lại, trừ phi anh ấy đem em trở về đây thành một bà sang trọng. Anh sẽ tìm thấy bức thư này ở chỗ em vào chiều mai, sau khi em đã đi lâu rồi. Trời ơi! Nếu như anh biết tim em tan vỡ như thế nào! Nếu như anh biết (mặc dầu em đã làm cho anh phải chịu bao nỗi khổ sở và anh không bao giờ có thể tha thứ cho em), em mong anh hiểu rằng em đau khổ như thế nào. Em thực quá xấu xa vì đã nói đến mình. Anh ơi, anh hãy tìm cách an ủi bằng ý nghĩ rằng em là một người thật xấu xa. Vì tình yêu của Chúa, anh hãy nói với cậu em rằng chưa bao giờ em yêu cậu như bây giờ. Anh hãy quên tất cả tình cảm và tất cả lòng tốt mà anh và tất cả mọi người đã có đối với em… Xin anh quên rằng, lẽ ra chúng ta phải lấy nhau. Xin anh nghĩ đến em như là em đã chết khi còn nhỏ và đã chôn ở đâu đấy. Xin anh cầu Chúa mà em đang từ bỏ thương lấy cậu em! Xin anh nói với cậu em rằng không bao giờ em yêu cậu như bây giờ. Hãy là người an ủi đối với cậu, hãy yêu một cô gái đảm đang, người ấy sẽ như em ngày xưa đối với anh và anh sẽ không biết đến một nỗi nhục nhã nào khác ngoài em ra. Cầu Chúa phù hộ tất cả! Em sẽ cầu nguyện cho tất cả mọi người. Từ biệt, vĩnh biệt cậu thân yêu. Những giọt nước mắt cuối cùng và những lời cảm ơn cuối cùng đối với cậu".

Chỉ có thế.

Ông Pécgôti đứng yên một hồi lâu sau khi tôi đã đọc xong, mắt vẫn nhìn tôi. Cuối cùng tôi đánh bạo nắm lấy tay ông, cố sức cầu khẩn ông cố gắng tự chủ. Ông đáp: "Cảm ơn cậu, cảm ơn", nhưng vẫn không cử động.

Ham nói với ông. Ông Pécgôti nhận thấy rõ ràng điều đau khổ của người cháu, nắm chặt lấy tay

Ham nhưng ngoài cái cử chỉ ấy ra, ông vẫn đứng yên và không ai dám quấy rầy ông.

Chậm chạp, cuối cùng mắt ông rời khỏi tôi, dường như ông vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ, ông đưa mắt quanh phòng. Đoạn ông nói, hạ thấp giọng.

"Thằng ấy nà ai? Tao muốn biết tên hắn ta".

Ham liếc mắt nhìn tôi và đột nhiên tôi cảm thấy một sự va chạm làm tôi bước lùi một bước.

"Có một đứa bị nghi", ông Pécgôti nói. "Nó nà thằng nào?"

"Cậu Đêvi ạ", Ham bảo tôi, giọng van lơn, "cậu hãy ra ngoài một lát để cho tôi nói với chú điều tôi cần phải nói. Cậu không nên nghe điều ấy, cậu ạ".

Tôi lại cảm thấy sự va chạm ấy một lần nữa. Tôi rơi tõm xuống ghế, tìm cách trả lời, miệng ấp úng nhưng cái lưỡi của tôi đã cứng lại và mắt tôi mờ đi.

"Tao muốn biết tên hắn!" Tôi lại nghe ông tuyên bố một lần nữa.

"Bấy lâu nay", Ham ấp úng, "thỉnh thoảng có một thằng đầy tớ lảng vảng đâu đây. Lại có một ông. Hai người liên quan với nhau."

Ông Pécgôti vẫn đứng im như trước, nhưng lần này ông đang nhìn Ham:

"Chiều qua, người ta đã thấy thằng đầy tớ ấy", Ham nói tiếp, "với cô bé tội nghiệp của chúng ta… Hắn đã lẩn quất đâu đây ít nhất đã một tuần nay. Người ta tưởng rằng hắn đã đi, nhưng hắn vẫn còn lẩn quất. Cậu Đêvi, cậu đừng ở đây, cậu đừng ở đây!"

Tôi cảm thấy cánh tay chị Pécgôti quàng lấy cổ tôi nhưng tôi không thể nào cử động được, dù cho cả ngôi nhà sắp đổ sụp lên đầu tôi.

"Sáng nay, người ta thấy một chiếc xe ngựa và những con ngựa xa lạ ở ngoại ô thành phố, trên đường đi Noócuých vào khoảng trước bình minh", Ham nói tiếp.

"Thằng đầy tớ đến đấy rồi trở về, sau đó lại quay lại. Khi hắn quay lại, Emili ở bên cạnh hắn. Người kia ngồi trong xe. Chính thằng ấy đấy."

"Vì tình yêu của Chúa", ông Pécgôti nói, bước lảo đảo về phía sau, hai tay giơ ra phía trước dường như muốn đẩy lùi điều phát hiện làm ông sợ hãi "cháu đừng nói đó là Xtiếcphoóc!"

"Cậu Đêvi ạ", Ham kêu to, giọng nghẹn ngào, "đó không phải là lỗi của cậu… Tôi không hề trách cậu… nhưng hắn tên là Xtiếcphoóc, và hắn là thằng hèn hạ, bỉ ổi!"

Ông Pécgôti không nói nửa lời, không nhỏ một giọt nước mắt, cũng không mảy may cử động cho đến khi ông dường như bừng tỉnh lại một cách đột ngột và chạy đến lấy cái áo khoác to tướng treo trên móc ở góc nhà.

"Giúp tôi mặc áo! Tôi kiệt sức rồi, không sao mặc được nữa", ông nói có vẻ nóng ruột. "Giúp tôi một chút. Tốt!" ông nói, khi một người nào đó đã giúp ông mặc áo, "Và bây giờ, đưa mũ cho tôi!"

Ham hỏi ông đi đâu.

"Tôi đi tìm con cháu tôi. Tôi đi tìm cháu Emili của tôi. Trước tiên, tôi đi đâm thủng chiếc tàu, và đánh đắm nó ở nơi đáng ný ra tôi đã phải đánh đắm thằng chủ của nó, điều đó cũng chắc chắn như tôi vẫn còn sống, nếu tôi đoán biết một chút nào về những ý nghĩ trong đầu óc hắn! Khi hắn ngồi trước mặt tôi, đối diện với tôi, nếu tôi không đánh đắm hắn thì quỷ sứ bắt tôi đi. Và tôi nàm điều đó không hối hận chút nào hết. Tôi đã bảo nà tôi đi tìm con cháu tôi mà!"

“Ở đâu?” Ham hỏi, đứng chặn cánh cửa.

“Bất kỳ ở đâu! Tôi sẽ đi khắp mọi nơi tìm con cháu của tôi. Tôi sẽ tìm con cháu tội nghiệp của tôi trong cảnh nhục nhã và đem nó về đây. Đừng ai giữ tôi nại. Tôi đã bảo nà tôi đi tìm nó mà!”

“Không, không” bà Gơmmít kêu lên, đứng giữa hai người, nước mắt ràn rụa “Không, không, anh Đanien, anh đi tìm trong tình trạng này thì không được. Sau này anh sẽ đi tìm cháu, anh bạn Đanien cô độc và tội nghiệp của tôi, và điều đó chỉ là bình thường thôi! Nhưng đừng đi trong tình trạng hiện nay. Anh ngồi xuống đi và tha thứ cho tôi về tất cả những điều khó chịu mà tôi đã gây cho anh, anh Đanien ạ. (Những đau khổ của tôi có thấm gì so với điều bất hạnh này!) Chúng ta hãy cùng nhau nhắc đi nhắc lại cái ngày cháu nó trở nên mồ côi và Ham cũng trở nên mồ côi, còn tôi là người đàn bà góa tội nghiệp, và anh đã đón tiếp tôi. Điều đó sẽ làm cho con tim tội nghiệp của anh dịu bớt nỗi buồn, anh Đanien ạ” (bà gục đầu lên vai ông) “và anh sẽ chịu đựng được nỗi đau buồn bởi vì, anh Đanien, anh biết lời hứa: “Điều mà ngươi làm cho người nhỏ nhất trong bọn họ, chính là ngươi làm cho ta”[1] và lời hứa này bao giờ cũng được thực hiện dưới mái nhà đã từng che chở chúng ta qua bao năm tháng”.

Bây giờ ông hoàn toàn thụ động và khi tôi nghe ông khóc, cảm giác bồng bột muốn quỳ xuống xin lỗi mọi người vì đã gây nên điều tuyệt vọng cũng như để nguyền rủa Xtiếcphoóc, đã nhường chỗ cho những tình cảm tốt đẹp hơn. Con tim nặng trĩu của tôi cũng nhẹ đi và tôi cũng khóc.

---

[1] Câu nói của Giê-xu trong kinh thánh.

Chương XXXII
BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT CUỘC DU LỊCH DÀI

Tôi cho rằng khi một tình cảm là tự nhiên đối với tôi, thì nó cũng là tự nhiên đối với những người khác; và vì vậy tôi không ngại viết rằng tôi chưa bao giờ yêu Xtiếcphoóc cho bằng khi những sợi dây ràng buộc tôi với cậu đã bị cắt đứt. Trong khi tuyệt vọng vì nhận thấy thái độ hèn hạ của cậu, tôi lại nghĩ nhiều hơn bao giờ hết đến tất cả những ưu điểm của cậu, tôi càng công bình hơn đối với những đức tính đáng lý có thể làm cho cậu thành con người có tính cách cao thượng và có danh tiếng, điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến khi tôi yêu quý cậu nhất. Trong khi nhận thức sâu sắc bản thân mình đã vô tình phạm vào việc bôi nhọ một gia đình trung thực, tôi vẫn nghĩ rằng nếu đứng trước mặt cậu, tôi sẽ không thể nào nói được một lời trách móc. Tôi vẫn còn yêu quý cậu lắm - mặc dầu từ nay không còn yêu mù quáng - tôi còn giữ bao kỷ niệm êm đẹp về tình cảm của tôi đối với cậu, vì vậy, tôi cảm thấy cũng yếu đuối như một đứa trẻ, tâm hồn tan nát, yếu ớt về tất cả mọi mặt, chỉ còn biết chắc một điểm là chúng tôi không bao giờ gần nhau được nữa. Ý nghĩ ấy trước đây không bao giờ nảy ra trong óc tôi. Cũng như cậu, tôi cảm thấy rằng giữa hai người thế là hết. Tôi không bao giờ biết cậu giữ một kỷ niệm như thế nào về tôi… có lẽ đó là một kỷ niệm khá mong manh, dễ xua tan khỏi ký ức, những kỷ niệm mà tôi giữ về cậu là kỷ niệm về một người bạn thân yêu, nhưng đã chết.

Đúng thế đấy, hỡi Xtiếcphoóc, con người từ lâu đã rời bỏ cái sân khấu trên đó diễn ra câu chuyện tội nghiệp này! Có lẽ nỗi đau buồn của mình có thể sẽ miễn cưỡng tố cáo cậu trước ngai vàng của Chúa đến ngày phán xử cuối cùng, nhưng mình biết rằng mình không bao giờ trách móc cậu, cũng không có những ý nghĩ giận dữ về cậu.

Tin biến cố xảy ra chẳng bao lâu đã lan khắp thành phố đến nỗi, sáng hôm sau, khi đi trên đường phố, tôi đã nghe người ta kháo nhau ở trước các ngưỡng cửa. Nhiều người trong số này tỏ ra khắt khe với nàng, vài người tỏ ra khắt khe với Xtiếcphoóc, nhưng đối với ông bố nuôi và người chồng chưa cưới thì mọi người đều nhất trí. Trong tất cả mọi người, điều nổi bật đó là lòng tôn trọng nỗi đau khổ của họ, một lòng tôn trọng đầy thương cảm và tế nhị. Những người chài lưới đứng tách ra khi thấy hai người bước chậm rãi trên bãi biển từ sáng sớm và họ làm thành những nhóm nhỏ bàn tán với nhau, lòng đầy thương cảm.

Tôi thấy hai người ở trên bãi biển, gần sát mặt biển. Tôi dễ dàng nhận thấy rằng suốt đêm hôm trước họ không chợp mắt, giá chị Pécgôti không bảo tôi trước rằng họ vẫn ngồi yên lặng như khi tôi từ giã họ cho đến khi trời đã sáng bạch. Họ có vẻ bơ phờ và tôi có cảm tưởng rằng chỉ trong một đêm, cái đầu ông Pécgôti đã cúi xuống nhiều hơn so với tất cả bao năm qua, từ khi tôi biết ông. Nhưng cả hai vẫn nghiêm trang và lặng lẽ như mặt biển, (lúc bấy giờ mặt biển không một gợn sóng, dưới bầu trời u ám, nhưng trên mặt vẫn nhô lên mạnh mẽ dường như nó đang thở trong giấc ngủ). Và ở chân trời là một giải ánh sáng màu bạc do mặt trời vô hình nhuộm nên.

"Chúng tôi đã bàn với nhau nhiều, cậu ạ", ông Pécgôti nói với tôi khi tất cả chúng tôi đã lặng lẽ đi được một đoạn ngắn, "về điều chúng tôi nên nàm và không nên nàm. Nhưng bây giờ, chúng tôi đã thấy nên nàm như thế nào".

Tôi ngẫu nhiên liếc nhìn Ham, lúc bấy giờ anh đang đưa mắt nhìn luồng ánh sáng xa xôi ở ngoài khơi và một ý nghĩ khủng khiếp nảy ra trong óc tôi tôi (không phải là vì mặt của anh tức giận, bởi vì anh không tức giận; tôi còn nhớ chỉ thấy trên gương mặt anh một quyết định dữ dội). Đó là ý nghĩ rằng nếu anh gặp Xtiếcphoóc thì anh sẽ giết.

"Nhiệm vụ của tôi ở đây đã xong rồi, cậu ạ". Ông Pécgôti nói "Tôi sẽ đi tìm đứa…" ông dừng lại,

toan nói tiếp, giọng rắn rỏi hơn, "tôi sẽ tìm cháu. Từ nay, đó nà nhiệm vụ của tôi".

Ông lắc đầu khi tôi hỏi ông sẽ tìm nàng ở đâu, và ông muốn biết hôm sau tôi có đi Luân-đôn không. Tôi trả lời rằng hôm ấy tôi chưa đi vì sợ bỏ mất một cơ hội có thể giúp ích cho ông; nhưng tôi sẵn sàng đi khi ông muốn.

"Nếu thế, đến mai tôi sẽ đi với cậu, cậu ạ, nếu như cậu thấy tiện", ông nói.

Chúng tôi lại lặng lẽ bước đi một đoạn nữa.

"Về phần Ham" - ông nói tiếp "cháu nó sẽ tiếp tục công việc hiện tại và sẽ ở với em gái tôi. Còn về chiếc tàu cũ kỹ đằng kia…"

"Ông sẽ bỏ chiếc tàu cũ kia, ông Pécgôti?" Tôi nói, giọng dịu dàng.

"Cậu Đêvi ạ" - ông đáp, "chỗ của tôi không ở đây nữa; và nếu như có một chiếc tàu đã chìm xuống cái vực tối tăm[1], thì đó nà chiếc tàu của chúng tôi. Nhưng cậu ạ, không, tôi không có ý định bỏ nó đâu. Không phải thế đâu…"

Chúng tôi lại đi một quãng nữa như trước, cho đến khi ông cắt nghĩa:

"Cậu ạ, điều tôi muốn nà ngày cũng như đêm, mùa đông cũng như mùa hạ, nó vẫn giữ nguyên cái hình dáng của nó từ khi lần đầu tiên cháu nó biết cái hình dáng ấy. Nếu như cháu nó về nại, tôi sẽ không muốn cái nhà cũ kỹ có vẻ gạt bỏ nó, cậu hiểu chứ, mà có vẻ mời nó nại gần, niếc nhìn vào trong nhà, có nẽ như một con ma bị gió dồn mưa dập, niếc nhìn qua cái cửa sổ cũ kỹ vào cái ghế cũ ở bếp nửa. Có nỗ núc bấy giờ, cậu Đêvi ạ, trông thấy trong nhà không có ai, ngoài bà Gơmmít, cháu nó sẽ có đủ can đảm nách vào trong nhà, người run run, cháu nó có thể nằm dài trên cái giường ngày xưa và gối cái đầu mỏi mệt ở nơi ngày xưa cháu đã sống vui vẻ như thế".

Mặc dầu tôi cố gắng trả lời, tôi vẫn không biết trả lời ông thế nào. Ông Pécgôti bảo tôi:

"Tất cả các buổi chiều, khi đêm đến, ngọn nến phải được đặt trước đúng cái khung kính ngày xưa, để cho khi nào cháu nó thấy ngọn nến, ngọn nến có vẻ như nói với nó: "Về đi, con ơi, về đi!" khi nào cháu nghe nó gõ cửa, Ham ạ, (nhất nà khi cháu nghe nó gõ cửa khe khẽ) khi trời xâm xẩm tối, ở cánh cửa nhà người cô của cháu, cháu chớ có đến gần. Phải nà người cô của cháu nhìn thấy đứa con của tôi đã sa ngã, chứ không phải cháu".

Ông cứ tiếp tục đi, cách chúng tôi một quãng và đi trước chúng tôi vài phút.

Trong thời gian này, tôi lại liếc mắt nhìn Ham và nhận ra rằng gương mặt của anh vẫn có cái vẻ hồi nãy, cặp mắt vẫn cứ dán vào luồng ánh sáng xa xôi. Tôi sờ cánh tay anh.

Đã hai lần, tôi gọi tên anh với cái giọng tôi có thể dùng để thức tỉnh một người đang ngủ, nhưng anh vẫn không chú ý đến tôi. Cuối cùng, khi tôi hỏi tâm trí anh bị cái gì thu hút như vậy, thì anh đáp:

"Bởi cái chạy dài trước mặt tôi Đêvi ạ, bởi cái đằng xa kia".

"Có phải anh muốn nói bởi cuộc sống trước mặt anh hay không?"

Anh chỉ bâng quơ về phía mặt biển:

"Đúng đấy, cậu Đêvi ạ, tôi không biết cắt nghĩa với cậu như thế nào, nhưng tôi có cảm tưởng rằng có thể nói sự kết thúc sẽ đến từ đằng kia…, nó đang nhìn tôi, dường như nó đang tỉnh dậy, nhưng vẫn với cái vẻ cương quyết như xưa".

"Sự kết thúc nào?" Tôi nói, bị nỗi lo sợ hồi nãy ám ảnh.

“Tôi không biết” anh nói trầm ngâm.

“Tôi nhớ lại rằng tất cả chuyện ấy đều bắt đầu ở đây… và thế rồi cái kết thúc đã đến. Nhưng đã qua rồi! Cậu Đêvi ạ”, anh nói thêm, có lẽ để trả lời thái độ của tôi - “cậu không có lý do gì phải sợ tôi hết; nhưng đầu óc tôi rối tung lên; tôi không biết tôi cảm thấy điều gì…” (những lời ấy hầu như nói rằng anh không còn là anh nữa và bụng dạ rối bời).

Thấy ông Pécgôti dừng lại để chờ, chúng tôi đến chỗ ông và không nói gì nữa. Tuy nhiên, ấn tượng về những câu nói này vẫn gắn chặt với những ý nghĩ trước đây của tôi và thỉnh thoảng vẫn còn ám ảnh tôi, cho đến khi sự kết thúc không tránh được xảy ra vào ngày đã định.

Dần dần chúng tôi đến gần chiếc tàu cũ kỹ, và bước vào. Bà Gơmmít không còn rền rĩ ở trong góc của mình, mà đang lăng xăng chuẩn bị bữa ăn sáng. Bà cầm lấy mũ ông Pécgôti, kéo chiếc ghế cho ông ngồi và nói ông, giọng an ủi và nhẹ nhàng đến nỗi ngõ hầu tôi không nhận ra bà nữa.

“Đanien, anh bạn” - bà nói - “anh phải ăn, phải uống để giữ sức khỏe vì không có cái đó thì không làm gì được. Anh thử ăn đi, ngoan nào! Và nếu như lời nói rảm rí (bà ta muốn nói “nhảm nhí”) của tôi làm cho anh bực mình thì anh cứ bảo tôi, tôi sẽ im ngay.”

Khi đã dọn bữa ăn cho chúng tôi, bà đến trước cửa sổ, ở đấy bà loay hoay vá những chiếc áo sơ-mi và những quần áo khác của ông Pécgôti, xếp chúng lại và cẩn thận đặt vào một cái túi cũ bằng vải sơn dầu như những người đi biển vẫn mang. Trong lúc ấy, bà vẫn tiếp tục nói, giọng vẫn dịu dàng như hồi nãy:

“Anh Đanien ạ! Anh phải biết vào bất cứ thời tiết nào, giờ nào, tôi cũng sẽ ở đây và tất cả đều sẽ ngăn nắp đúng như ý muốn của anh. Tôi không học hành gì, nhưng thỉnh thoảng tôi sẽ viết thư cho anh khi anh ở xa, và tôi sẽ viết thư cho cậu Đêvi. Có lẽ thỉnh thoảng, anh Đanien, anh cũng sẽ viết thư cho tôi, để cho tôi biết sức khỏe của anh trong cuộc du lịch tội nghiệp và cô độc này”.

“Bà sẽ ở đây một mình rất cô độc, tôi ngại nắm” ông Pécgôti nói.

“Không, không, anh Đanien ạ, không thế đâu”, bà đáp - “Anh đừng bận tâm về tôi. Tôi sẽ có nhiều việc làm để giữ cho anh có một *chỗ ấm* khi anh trở về và một *chỗ ấm* (bà Gơmmít muốn nói một “tổ ấm”) cho tất cả những người có thể trở về, anh Đanien ạ! Lúc đẹp trời, tôi sẽ ngồi trước cửa sổ như xưa. Nếu có ai đến gần, từ xa họ sẽ thấy bà già góa bụa này vẫn trung thành với họ.”

Trong một thời gian rất ngắn, bà Gơmmít đã thay đổi đến lạ! Bà thành một người khác hẳn. Bà tận tụy, bà cảm thấy rất nhạy điều cần nói, điều không nên nói; bà đã quên hẳn mình để nghĩ đến những người chung quanh, khiến tôi nhìn bà với cặp mắt kính phục. Hôm ấy bà đã làm bao nhiêu công việc! Có nhiều vật phải mang từ bãi biển về, và cất dấu trong cái nhà chái: mái chèo, lưới, buồm, dây thừng, những thanh gỗ dài, những bình đựng tôm hùm, những túi đựng cát và những vật khác đại loại như vậy; và mặc dầu nhiều người sẵn lòng giúp bà vì trên bờ biển không có người lao động nào có đủ hai tay mà lại không sẵn sàng đem hết sức mình để giúp ông Pécgôti và không cảm thấy mình đã được đền bù đầy đủ nếu người ta hỏi đến họ; tuy vậy, suốt cả ngày bà vẫn hì hục mang những vật quá nặng đối với bà và chạy đi chạy lại lăng xăng để làm mọi công việc không cần thiết. Còn về khoản than phiền về những nỗi bất hạnh của mình, thì xem ra bà không còn nhớ rằng mình đã chịu một nỗi bất hạnh nào. Bà giữ thái độ luôn luôn niềm nở trong khi tỏ ra thông cảm, và đó không phải là sự thay đổi ít đáng ngạc nhiên nhất ở bà. Còn về tính tình cáu kỉnh thì không cần nói đến nữa. Tôi thậm chí không nghe giọng nói của bà yếu đi, hay thấy một giọt nước mắt trào ra khóe mắt, trong suốt cả ngày cho đến lúc hoàng hôn. Khi chỉ còn lại ông Pécgôti, bà và tôi và ông Pécgôti đã ngủ thiếp đi vì ông đã hoàn toàn kiệt sức, bà khóc rưng rức và nấc lên những tiếng nghẹn ngào và nắm tay tôi kéo đến bên cửa, nói: “Cầu chúa

phù hộ cậu, cậu Đêvi ạ, mong cậu bao giờ cũng là một người bạn tốt đối với ông ta, con người tội nghiệp kia!" Thế rồi bà chạy vụt ra khỏi nhà, đi rửa mặt để có thể điềm nhiên ngồi cạnh ông, và để ông thấy bà đang làm việc khi ông thức dậy. Tóm lại, buổi tối khi tôi từ giã bà để ra về, bà là chỗ dựa và nguồn an ủi của ông Pécgôti trong tình cảnh đau buồn và tôi cứ trầm ngâm suy nghĩ đến bài học tôi học được ở bà, và về cái kinh nghiệm mới mẻ mà bà đã đem đến cho tôi.

Vào khoảng chín mười giờ, khi thẫn thờ bước qua thành phố, tôi dừng lại trước cửa nhà ông Âumơ. Ông Âumơ bị cái tin này làm choáng váng đến nỗi chị con gái ông bảo tôi rằng suốt ngày ông rất rầu rĩ, ốm yếu và đã đi ngủ mà không hút tẩu.

"Con bé giả dối, tàn nhẫn", bà Jôram nói, "nó chẳng có gì tốt cả".

"Bà đừng nói thế", tôi nói. "Bà không nghĩ thế đâu".

"Có!" Bà Jôram kêu lên, giọng giận dữ.

"Không, tôi nghĩ thế đấy," tôi nói.

Bà Jôram ngẩng đầu lên, cố gắng làm ra vẻ rất nghiêm khắc và bực bội; nhưng bà không thể thắng được con tim dịu hiền của mình nên khóc òa lên. Tôi còn trẻ, thực vậy, nhưng tôi lại càng kính mến bà trước cái vẻ thương cảm mà tôi thấy đặc biệt thích hợp với một người như bà, một người mẹ và một người vợ hiền.

"Không biết nó sẽ làm gì bây giờ?"

Minni nói. "Nó sẽ đi đâu? Sẽ ra sao? Ồ, trời ơi! Làm sao con bé lại có thể tàn nhẫn đối với mình và đối với anh ấy như vậy!"

Tôi nhớ lại ngày bà Minni là một cô gái trẻ tuổi, xinh đẹp; và tôi sung sướng thấy bà cũng hồi tưởng lại cái ngày ấy, lòng đầy cảm xúc.

"Cháu Minni của tôi" bà Jôram bảo tôi "vừa mới ngủ thôi. Ngay trong lúc ngủ cháu vẫn còn khóc, đòi cô Emili. Suốt cả ngày cháu Minni cứ khóc vì nhớ cô ta và cứ hỏi tôi năm lần bảy lượt xem cô Emili có độc ác không. Tôi biết bảo cháu thế nào bây giờ, khi Emili đã lấy cái giải quấn ở cổ cô ấy để quấn quanh cổ cháu Minni buổi chiều cuối cùng, khi cô ấy ở đây và gục đầu trên gối của Minni, ở bên cạnh cháu nó, cho đến khi cháu nó đã ngủ say! Cháu Minni hiện nay còn giữ cái giải ấy ở cổ. Có lẽ tôi không nên để lại cái giải ấy trên cổ cháu, nhưng tôi làm thế nào được? Emili đã hành động rất xấu, nhưng cô cháu nó yêu nhau lắm. Và cháu nó không biết gì hết".

Bà Jôram khổ sở đến nỗi chồng bà phải ra săn sóc bà. Tôi từ giã họ trở về nhà chị Pécgôti, lòng càng u uất hơn bao giờ hết, nếu như có thể nói như thế.

Người đàn bà quý hóa này (tôi nói đến chị Pécgôti) không hề biểu lộ một chút mệt mỏi sau nỗi đau khổ vừa xảy tới và những đêm không ngủ; chị đang ở nhà ông anh và có ý định sẽ ở đấy cho đến sáng. Trong nhà, ngoài tôi ra chỉ có một bà già vẫn làm việc ở đấy đã mấy tuần nay từ khi chị Pécgôti không có thì giờ lo lắng đến việc nhà. Vì không cần bà phục vụ, nên tôi cho bà đi ngủ, và điều đó không trái với sở thích của bà chút nào; rồi tôi ngồi một lát trước ngọn lửa ở nhà bếp để nghĩ đến tất cả những biến cố đã xảy ra.

Trong óc tôi, những biến cố ấy lẫn lộn với cái chết của anh Bácкít, và tôi cảm thấy tôi cũng đi theo với nước thủy triều đến nơi chân trời xa thẳm, cái nơi sáng hôm ấy đã thu hút cặp mắt của Ham một cách kỳ lạ. Bỗng một tiếng gõ cửa làm tôi bừng tỉnh khỏi những ý nghĩ phiêu diêu. Trên cánh cửa có một cái búa gõ cửa nhưng không phải là cái búa đã gây nên tiếng động này. Tiếng gõ cửa này là do một

bàn tay, và gõ ở dưới thấp, như đó là tay một đứa trẻ.

Tiếng gõ cửa này làm tôi giật nảy mình, chẳng khác gì đó là tiếng gõ cửa người đầy tớ của một nhân vật quan trọng. Tôi mở cửa, nhưng khi cúi xuống nhìn, tôi hoảng hốt vì chẳng thấy gì cả ngoài một chiếc ô to tướng có vẻ như đang tự di động… Nhưng chẳng bao lâu, tôi nhận ra cô Maosơ ở dưới cái ô ấy.

Lẽ ra tôi đã không sẵn sàng dành cho con người nhỏ bé này một sự đón tiếp khá ân cần, nếu như sau khi cụp ô lại (mặc dầu hết sức cố gắng, cô ta vẫn không sao cụp ô lại được) cô để lộ vẻ "láu lỉnh" trên cái khuôn mặt đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ khi gặp cô lần đầu và cũng là lần cuối. Nhưng nét mặt của cô rất nghiêm trang khi cô ngước mắt nhìn tôi, và khi tôi đã cứu cho cô khỏi mắc vào cái ô (cái ô này cồng kềnh, ngay đối với cả anh chàng khổng lồ Ailen), cô vặn đôi tay nhỏ xíu một cách đau khổ khiến tôi cảm thấy thân mật đối với cô.

"Cô Maosơ!" Tôi nói, sau khi đưa mắt nhìn một lượt khắp đường phố vắng tanh, nhưng không biết rõ ngoài cô ra, tôi còn chờ đợi thấy cái gì nữa. "Làm sao cô lại đến đây? Có việc gì thế?"

Cô giơ cánh tay ngắn ngủn ra hiệu cho tôi cụp hộ cô cái ô; đoạn chạy vội vàng trước mặt tôi, đi tuột xuống bếp. Khi đã đóng cửa lại và theo cô xuống bếp, tay vẫn cầm ô, tôi thấy cô ngồi lên góc một cái giá để than (đó là một cái giá bằng sắt, tháp, ở trên có hai thanh sắt dẹt để đặt đĩa), dưới bóng một nồi nước đang đun, người lắc lư, và lấy hai tay xát vào đầu gối như một người đang đau.

Ngạc nhiên vì thấy mình là người duy nhất tiếp một người khách đột ngột như thế, và là người duy nhất nhìn cái cử chỉ lạ lùng kia, tôi lại kêu lên.

"Cô Maosơ, cô làm ơn cho tôi biết có việc gì thế? Cô đau à?"

"Anh bạn trẻ", cô Maosơ đáp, lấy hai bàn tay áp vào nhau, đặt lên tim "tôi đau ở đây cơ, tôi đau lắm. Không ngờ cơ sự đến nỗi này, khi lẽ ra tôi có thể đoán trước và ngăn cản được điều đó, nếu như tôi không vô tâm dại dột như thế này."

Rồi cái mũ to tướng (Không cân xứng chút nào với thân hình cô) của cô lại lắc lư theo cử động của cái thân hình nhỏ xíu trong khi ở trên tường một cái mũ khổng lồ khác cũng lắc lư hòa theo một nhịp.

"Tôi rất ngạc nhiên", tôi bắt đầu nói, "thấy cô buồn bã và nghiêm trang như thế".

Nhưng cô ngắt lời tôi.

"Phải đấy, bao giờ cũng thế cả", cô kêu lên - "những anh chàng trẻ tuổi, liều lĩnh, xinh đẹp và đang độ trưởng thành bao giờ cũng ngạc nhiên khi họ thấy tình cảm tự nhiên ở một con người nhỏ bé như tôi. Họ lấy tôi làm trò chơi, dùng tôi để đùa nghịch, và họ vứt tôi khi đã chán. Thế rồi họ ngạc nhiên khi thấy tôi có nhiều tình cảm hơn một con ngựa gỗ hay một chú lính gỗ. Phải, phải, nó là như thế… Xưa nay vẫn thế".

"Đối với người khác có lẽ là như thế thật", tôi đáp, "nhưng tôi cam đoan với cô, trường hợp tôi không phải là như thế. Có lẽ tôi không nên ngạc nhiên chút nào khi thấy cô như thế này; tôi biết rất ít về cô. Tôi nghĩ thế nào thì nói như vậy, không đắn đo gì hết".

"Tôi biết làm sao bây giờ?", người đàn bà nhỏ bé đáp, đứng thẳng lên và dang tay ra để cho tôi thấy thân hình cô như thế nào. "Xem đây! Cha tôi cũng như tôi, chị tôi cũng như tôi và anh tôi cũng thế. Đã bao năm nay tôi làm việc cho anh tôi và chị tôi, và tôi làm việc vất vả, anh Copơphin ạ… suốt cả ngày. Tôi phải sống chứ? Tôi không làm hại ai. Nếu có những đứa độc ác và trơ trẽn chế nhạo tôi, thì tôi biết làm gì bây giờ nếu như không chế nhạo mình, bọn họ và bất cứ cái gì? Và nếu như đôi khi tôi

làm thế thì đó là lỗi của ai? Là lỗi của tôi ư?"

Không! Tôi nhận thấy đó không phải là lỗi của cô Maosơ.

"Nếu như tôi đến trước mặt thằng bạn đểu giả của anh với hình dáng một con lùn dễ cảm" người đàn bà nhỏ bé nói tiếp, hất đầu về phía tôi, dáng điệu nghiêm nghị, trách móc - "anh tưởng rằng tôi sẽ được hắn giúp đỡ và rũ lòng thương sao? Nếu như con Maosơ nhỏ bé (nó không chịu trách nhiệm về tầm vóc của mình, anh bạn trẻ ạ!) đến gặp hắn hay những người giống như hắn, miệng kêu ca khổ sở, thì anh tưởng là giọng nói yếu ớt của nó sẽ được chú ý đấy hẳn? Con Maosơ nhỏ bé cũng cần sống, nếu như nó là con mụ lùn chua ngoa nhất và tẻ nhạt nhất; nhưng như thế thì làm sao mà nó sống được? Không, nó sẽ không kêu xin bánh mì và bơ đến đứt hơi và chết."

Cô Maosơ lại ngồi xuống chỗ cũ, rút khăn tay và lau mắt.

"Anh có thể cám ơn tôi, nếu như anh là người tốt bụng, và tôi cũng nghĩ như vậy, khi anh biết rằng mặc dầu tự hiểu mình là người như thế nào, tôi vẫn có thể vui vẻ chịu tất cả những điều đó. Dẫu sao, bản thân tôi cũng biết ơn mình đã có thể đi được một đoạn đường ngắn trên đời này mà không phải chờ cậy ai, và đã có thể ném lại vài bong bóng xà phòng để trả lời tất cả những điều người ta ném vào giữa mặt mình, vì ngu ngốc hay vì hợm hĩnh. Nếu như tôi không bận tâm nghĩ đến tất cả những điều gì tôi thiếu, thì chỉ càng tốt cho tôi mà thôi, vì điều đó không gây thiệt hại cho ai hết. Nếu như tôi là một trò chơi cho bọn khổng lồ các anh, thì các anh hãy đối xử với tôi một cách dịu dàng."

Cô Maosơ lại nhét khăn tay vào túi, mắt vẫn nhìn tôi hết sức chăm chú, rồi nói tiếp.

"Tôi vừa thấy anh đi ngoài phố. Chắc chắn anh nghĩ rằng chân cẳng ngắn ngủn và hơi thở cũng lại ngắn ngủn như tôi thì làm sao mà tôi đi nhanh như anh được, và quả thực tôi không theo kịp anh; nhưng tôi đã đoán được anh đi đâu, và tôi đã đi theo anh. Hôm sau, tôi đã đến đây nhưng người đàn bà quý hóa ấy không ở nhà."

"Cô biết chị ấy không?" Tôi hỏi.

"Tôi biết và tôi nghe nói đến cô ấy", cô đáp - "nhờ cửa hiệu Âumơ và Jôram. Sáng nay tôi ở đây lúc bảy giờ. Anh có nhớ buổi chiều hôm tôi gặp hai người ở khách sạn, Xtiếcphoóc đã nói gì với tôi về người con gái khốn khổ kia không?"

Cái mũ to tướng mà cô Maosơ đội trên đầu và cái mũ còn to hơn đã in hình trên tường bắt đầu lắc lư khi cô hỏi tôi câu hỏi này. Tôi còn nhớ rất rõ những lời cô nhắc đến, những câu ấy đã làm tôi nhiều lần bận tâm trong ngày hôm ấy. Tôi bảo với cô như vậy.

"Quỉ tha ma bắt hắn đi", người đàn bà nhỏ bé nói, giơ ngón tay trỏ ra giữa đôi mắt sáng quắc "và giết chết tên đầy tớ khốn kiếp của hắn đi! Thế mà tôi cứ tưởng rằng anh có một tình yêu ngây thơ đối với cô ấy cơ đấy."

"Tôi ấy à?" Tôi nhắc lại.

"Ồ! Cậu bé, cậu bé quả thực là đen đủi", cô Maosơ kêu lên, hai tay vặn vào nhau, có vẻ nóng ruột, trong khi lại lắc lư trên cái giá để củi, "tại sao anh lại ca ngợi cô bé như vậy và đỏ mặt, có vẻ lúng túng?"

Tôi không thể che giấu rằng thái độ của tôi đúng là như thế, mặc dầu vì một lý do nào khác hẳn điều cô ta đoán.

"Tôi làm sao có thể biết được?" Cô ta lại rút khăn tay ra, và khẽ giẫm chân xuống đất mỗi lần cô lấy hai tay đưa khăn lên mắt, cách nhau từng khoản ngắn. "Tôi thấy hắn làm anh bực mình, đùa giỡn

anh và coi anh như là cục sáp mềm trong tay hắn. Tôi rời khỏi cái phòng được một phút thì thằng đầy tớ của hắn bảo tôi: "Chàng trẻ ngây thơ" (hắn vẫn thường gọi anh như thế và cho đến khi chết anh rất có thể gọi hắn là "lão già hư hỏng") đã quyết định tin cô ấy, rằng cô ấy là người nhẹ dạ và yêu anh; nhưng ông chủ của hắn đã kiên quyết không cho xảy ra bất kỳ điều gì tai hại (vì thương anh hơn là thương cô ấy), và vì vậy cho nên hai người đến Yácmao. Tôi chỉ còn cách tin hắn *chứ làm gì bây giờ?* Tôi thấy Xtiếcphoóc tìm cách làm cho anh dịu lại và vui lòng bằng cách khen cô ấy! Anh là ngươi đầu tiên nói đến tên cô ấy. Anh đã thú thật rằng từ lâu anh vẫn thán phục cô ấy. Anh vừa hăng hái vừa lạnh lùng, lúc thì đỏ mặt, lúc thì tái mét trong khi tôi nói với anh về cô ấy. Tôi biết nghĩ như thế nào? (tôi đã nghĩ như thế nào, thực thế) nếu như không cho rằng anh là một chàng đàng điếm trẻ tuổi về mọi mặt - trừ về khoản kinh nghiệm và có thể dẫn dắt anh (nếu như hắn thích làm như vậy) để mưu lợi cho anh. Ồ! Ồ! Ồ! Chúng sợ tôi khám phá ra sự thật", cô Maosơ kêu lên, đứng dậy bước xuống cái giá để củi và đi lăng xăng từ đầu này đến đầu kia bếp, hai cánh tay nhỏ giơ lên trời với thái độ tuyệt vọng. "Bởi vì tôi là một con bé tinh ranh (tôi cần phải như thế mới sống nổi ở đời chứ!) và chúng đã hoàn toàn lừa được tôi. Tôi đã trao một bức thư cho cô bé bất hạnh tội nghiệp kia, và tôi tin chắc rằng chính vì bức thư này mà cô ấy đã nói lần đầu tiên với Litimơ, tên này được để lại chính vì mục đích ấy!"

Tôi ngẩn người khi nghe vạch trần tất cả hành động hèn mạt ấy, đưa mắt nhìn cô Maosơ đang đi đi lại lại trong nhà bếp, cho đến khi hết hơi; lúc bấy giờ cô lại ngồi xuống cái giá để củi, lấy khăn tay lau mặt. Cô lắc đầu một lúc lâu, không làm một cử chỉ nào nữa, cũng không phá vỡ sự yên lặng.

"Những cuộc đi kiếm ăn của tôi ở các tỉnh" cuối cùng cô ta nói thêm, "chiều hôm kia đã đưa tôi đến Nóocuých, anh Copơphin ạ. Tôi ngẫu nhiên phát hiện ra rằng chúng đi lại bí mật, không có anh (đó là một điều lạ), và điều đó khiến tôi ngờ vực có một việc gì ám muội. Tôi đi xe trạm từ Luân-đôn chiều qua, đường đi qua Nóocuých và tôi đến đây sáng nay, nhưng muộn mất rồi!"

Cô Maosơ nhỏ bé tội nghiệp cảm thấy lạnh sau khi khóc và loay hoay, nên quay lại giá để củi đặt đôi bàn chân nhỏ xíu tội nghiệp ướt đẫm lên lớp tro để sưởi, rồi ngồi nhìn ngọn lửa như một con búp-bê to tướng, suy nghĩ đăm chiêu, chốc chốc lại đưa mắt nhìn ngọn lửa rồi lại nhìn tôi.

"Tôi phải ra đi" cuối cùng cô vừa đứng dậy vừa nói "Đã khuya rồi… anh có tin tôi không?"

Tôi gặp phải cái nhìn sắc sảo, sắc sảo hơn bao giờ hết khi cô hỏi tôi câu ấy, và bị thách thức đột ngột, tôi không thể trả lời "có" một cách hoàn toàn thành thực.

"Nào!" cô bảo tôi, nắm lấy bàn tay tôi đưa cho cô để giúp cô bước qua cái giá để củi và ngước mắt nhìn tôi một cách thẫn thờ. "Anh thừa biết rằng anh sẽ tin ở tôi nếu tôi là một người đàn bà hình thù mọi người chứ gì!"

Tôi cảm thấy nhận xét này có nhiều điểm đúng, và tôi thấy xấu hổ về mình.

"Anh bạn trẻ tuổi!" cô nói với tôi, gật gật cái đầu - "Xin anh hãy nghe một lời khuyên, dù cho lời khuyên ấy là của một người chỉ cao thước mốt. Xin anh chớ có nghĩ rằng những thiếu sót về cơ thể là gắn liền với những thiếu sót về đạo đức, nếu chưa có lý do xác đáng".

Bây giờ cô đã vượt khỏi trở lực do cái giá để củi gây nên, và tôi cũng thắng được những nỗi ngờ vực của mình. Tôi bảo cô rằng tôi tin rằng cô đã cho tôi những tin tức xác thực về bản thân cô, và cả hai chúng tôi đều gặp phải điều bất hạnh là trở thành công cụ của những bàn tay hèn hạ. Cô cảm ơn tôi và nói rằng tôi là một người tốt.

Cô đi đến cánh cửa, nhưng bỗng quay lại, ngón tay trỏ lại giơ lên trời, nhìn tôi có vẻ tinh quái, kêu

lên:

"Này anh, anh hãy nghe tôi theo những điều tôi đã nghe (bởi vì tai tôi lúc nào cũng mở to; và tôi không thể nào bỏ qua những khả năng mà tôi có); tôi có những lý do để ngờ rằng họ đã đi sang nước ngoài rồi. Nhưng hễ họ trở về, hễ một người trong bọn họ trở về trong khi tôi còn sống, thì tôi có nhiều hy vọng bất kỳ ai có thể nhanh chóng phát hiện ra bởi vì tôi đi luôn. Tôi biết được gì sẽ cho anh biết. Nếu tôi có thể làm gì để giúp cô bé tội nghiệp bị lừa dối kia thì tôi sẽ làm, lạy Chúa! Và đối với thằng Litimơ, đáng lý nên có một con chó săn theo dõi nó hơn là con Maosơ nhỏ bé này."

Tôi hoàn toàn tin tưởng vào nhận xét cuối cùng này khi tôi thấy cái nhìn của cô sau khi nói câu ấy.

"Anh hãy tin tôi chẳng hơn cũng chẳng kém một người hình thù như mọi người", con người nhỏ bé sờ vào cái cổ tay tôi, vẻ mặt van lơn, "nếu như có khi nào anh thấy lại tôi không như tôi hiện nay mà giống như tôi lần đầu tiên anh gặp, thì anh hãy để ý xem tôi đang ở với những người nào. Anh nên nhớ rằng tôi là một con người nhỏ bé hoàn toàn bất lực và không được ai che chở. Anh hãy nghĩ đến cuộc đời của tôi khi tôi trở về nhà, sau ngày làm việc với người anh cũng như tôi, và người chị cũng như tôi. Có lẽ lúc bấy giờ anh sẽ không nghiêm khắc lắm đối với tôi, cũng không ngạc nhiên khi tôi có thể vừa tuyệt vọng lại vừa đứng đắn. Chào anh!"

Khi tôi bắt tay cô Maosơ, ý nghĩ của tôi về cô đã khác hẳn ý nghĩ từ trước đến nay tôi vẫn có; và tôi mở cửa cho cô ra.

Giương cái ô to tướng lên và đặt nó vào tay cô ở cái vị trí cân bằng cần thiết, không phải là chuyện dễ. Nhưng cuối cùng tôi vẫn thực hiện được công việc này. Tôi thấy cái ô đi ngoài đường vừa đi vừa nhảy lũn nhũn dưới trời mưa; hoàn toàn không thể thấy một người nào ở dưới, trừ khi có một dòng nước nặng hơn những dòng nước khác do một máng xối nào đó chảy xuống làm cho cái ô bị đẩy về một phía, để lộ cô Maosơ đang ra sức giữ nó đứng lại như cũ. Sau một hai lần bước ra giúp đỡ cô (việc này tỏ ra hoàn toàn vô ích vì cái ô lại bắt đầu nhảy nhót như một con chim khổng lồ trước khi tôi đến kịp), tôi quay vào nhà nằm và ngủ cho đến sáng hôm sau.

Sáng hôm sau, ông Pécgôti và chị bảo mẫu già của tôi đến tìm tôi và chúng tôi đi đến trạm xe ngựa từ sáng sớm, ở đây bà Gơmmít và Ham đang đợi để từ biệt chúng tôi.

"Cậu Đêvi" - Ham kéo tôi ra một nơi, nói thầm trong khi ông Pécgôti đang đặt cái túi của mình giữa những hành lý". "Đời chú tôi đã hoàn toàn tan vỡ. Chú tôi không biết sẽ đi đâu, không biết cái gì sẽ chờ đợi chú. Chú sẽ đi một cuộc hành trình dằng dặc, có đôi lúc gián đoạn, trong suốt cả cuộc đời còn lại của chú, tôi cam đoan với cậu như vậy, trừ phi chú tìm được con người mà chú muốn tìm. Tôi tin chắc rằng cậu sẽ là một người bạn của chú, có phải không, cậu Đêvi?"

"Anh hãy tin tôi, nhất định là thế", tôi nói, nắm chặt tay anh một cách nhiệt tình.

"Cảm ơn, cảm ơn cậu từ đáy lòng. Còn một chuyện nữa, cậu ạ. Tôi có một chỗ làm tốt, cậu biết đấy, cậu Đêvi! Tôi không có cách nào tiêu hết số tiền bây giờ tôi kiếm ra. Tiền bạc đối với tôi không dùng làm gì nữa, trừ phi để sinh sống. Nếu cậu có thể đặt số tiền ấy ở ngân hàng để lấy lời cho chú tôi, thì tôi sẽ làm việc yên tâm hơn. Dẫu sao, về mặt làm việc, cậu ạ (anh nói giọng rất dịu dàng và kiên quyết) cậu sẽ thấy rằng tôi sẽ làm việc không ngừng như một người lớn và sẽ làm hết sức mình."

Tôi bảo anh rằng tôi cũng hoàn toàn tin chắc như vậy: và tôi nói thêm rằng thậm chí tôi còn hy vọng một ngày kia tôi sẽ thấy anh từ bỏ cuộc đời cô độc mà bây giờ anh định sống và đó là dĩ nhiên.

"Cậu ạ! Không đâu," anh vừa nói vừa lắc đầu, "tất cả điều đó đã qua rồi, đã chấm dứt rồi. Cậu ạ! Không ai có thể chiếm được cái chỗ trống ấy nữa, nhưng cậu hãy nhớ điều tôi nói với cậu về việc tiền

nong để cho bao giờ chú tôi cũng có sẵn một ít tiền."

Sau khi nhắc cho Ham biết rằng ông Pécgôti đã có một số tiền lời đều đặn, mặc dầu rất ít, do em rể ông để lại, tôi hứa sẽ để ý đến điều anh đã nói. Sau đó, chúng tôi chia tay. Ngay bây giờ, mỗi khi nghĩ đến anh tôi vẫn không thể không đau đớn hồi tưởng lại lòng can đảm, khiêm tốn và nỗi u buồn sâu sắc của anh.

Còn về bà Gơmmít, nếu tôi phải miêu tả cách bà chạy trên phố, bên cạnh chiếc xe ngựa, không nhìn thấy ai ngoài ông Pécgôti đang ngồi trên xe, rưng rưng nước mắt nhưng vẫn cố gắng kìm lại, và cách bà va phải những người đi từ đầu đường kia lại, thì thực là khó khăn vô cùng. Cho nên tốt hơn là tôi để bà ta ngồi phịch trước ngưỡng cửa một hàng bánh thở hổn hển, với chiếc mũ trên đầu không còn ra hình thù gì nữa, và một chiếc giày nằm lăn trên lề đường, cách một quãng khá xa.

Khi chúng tôi kết thúc cuộc hành trình, trước tiên chúng tôi lo tìm cho chị Pécgôti một chỗ ở, ở đấy ông Pécgôti có thể có một cái giường. Chúng tôi may mắn tìm được một căn phòng (rất sạch sẽ và rẻ tiền) ở trên gác một cửa hàng tạp hóa, cách nhà tôi chỉ hai đường phố. Khi chúng tôi đã thuê được căn phòng này, tôi mua thịt nguội ở một hiệu ăn và dẫn hai người bạn đường về nhà tôi uống trà. Tôi rất tiếc phải nói rằng việc này không được bà Crớp tán thành, trái hẳn thế. Dẫu sao, để giải thích tâm trạng của bà, cũng cần phải nói rằng chị Pécgôti đã làm cho bà rất phật ý, bởi vừa mới mười phút sau khi bước vào nhà, chị đã xắn áo tang lên và loay hoay quét dọn phòng ngủ của tôi. Bà Crớp cho hành động này là một thái độ vô lễ; và thái độ vô lễ, bà ta nói, là một việc mà không bao giờ bà có thể chấp nhận được.

Trong thời gian chúng tôi lên đường đến Luân-đôn, ông Pécgôti đã cho tôi biết một ý kiến mà tôi cũng đã chờ đợi từ trước. Ông có ý định trước tiên đến thăm bà Xtiếcphoóc. Vì thấy mình có nhiệm vụ phải giúp ông trong việc này cũng như đóng vai trò trung gian giữa hai người, để cho tình cảm của bà mẹ của Xtiếcphoóc ít bị tổn thương nhất, nên tối hôm ấy hôm tôi viết thư cho bà, với lời lẽ hết sức dịu dàng. Tôi nói cho bà biết về nỗi bất hạnh mà con bà đã gây cho ông Pécgôti và phần trách nhiệm của cá nhân tôi trong tổn thất này. Tôi bảo bà rằng ông tuy là một người địa vị xã hội rất tầm thường nhưng tính tình rất tốt và rất thẳng thắn. Và tôi hy vọng rằng bà sẽ vui lòng tiếp ông trong cảnh bất hạnh đau đớn này. Tôi báo cho bà biết chúng tôi sẽ đến lúc hai giờ chiều và tôi thân hành gửi bức thư ấy đi theo chuyến xe trạm đầu tiên, buổi sáng.

Đến giờ đã định, chúng tôi đã ở trước cửa… trước cửa ngôi nhà mà cách đây vài ngày tôi đã sống sung sướng biết bao; ở đấy tôi đã bộc lộ một cách tự do niềm hy vọng của tuổi trẻ và tình yêu nhiệt thành của con tim tôi. Nhưng ngôi nhà từ nay đối với tôi đã đóng kín và nó chỉ là một cảnh hoang tàn, đổ nát.

Litimơ không xuất hiện. Chị đầy tớ gái có nét mặt dễ chịu hơn đã thay hắn khi tôi đến thăm lần cuối, trả lời chúng tôi và đưa chúng tôi vào phòng khách. Bà Xtiếcphoóc đang ngồi ở đấy. Khi chúng tôi bước vào, Rôda Đáctơn đột nhiên xuất hiện, lặng lẽ từ một góc khác của gian phòng và đứng sau chiếc ghế dựa của bà.

Nhìn thẳng vào mặt người mẹ, tôi thấy ngay rằng cậu con đã báo tin cho bà biết về những điều cậu ta đã làm. Gương mặt bà rất xanh xao và mang dấu vết một cảm xúc rõ ràng sâu sắc hơn điều bức thư của tôi có thể gây nên và thực tế đã gây nên. Tôi thấy bà có vẻ giống cậu con hơn bao giờ hết, và tôi cảm thấy hơn là nhìn thấy rằng ông bạn Pécgôti của tôi cũng nhận ra sự giống nhau ấy.

Bà ngồi trên ghế dựa, người bệ vệ, với thái độ nghiêm khắc, lạnh lùng và dường như không có gì làm bà ta lay chuyển. Bà nhìn chằm chặp vào mặt ông Pécgôti khi ông đứng trước mặt bà và ông

nhìn… vào mặt bà cũng chằm chặp không kém. Cái nhìn sắc sảo của Rôda Đáctơn bao trùm tất cả chúng tôi. Trong mấy phút không ai nói một lời.

Bà ra hiệu cho ông Pécgôti ngồi xuống. Ông nói, hạ thấp giọng:

"Thưa bà, tôi cảm thấy ngồi ở đây không được tự nhiên. Bà cho tôi đứng".

Sau đó lại im lặng; bà Xtiếcphoóc phá vỡ sự im lặng, nói:

"Tôi rất buồn khi được tin về câu chuyện đã đưa ông tới đây. Ông muốn yêu cầu tôi điều gì?… Ông muốn tôi làm gì nào?"

Ông cắp cái mũ dưới nách, và sau khi thọc tay để lấy bức thư của Emili, ông rút bức thư ra, vuốt lại thẳng thắn và đưa cho bà.

"Bà nàm ơn đọc cái này. Đó nà bức thư của cháu tôi".

Bà ta đọc bức thư, cũng với cái vẻ bệ vệ và lạnh lùng (không mảy may bị xúc động bởi nội dung bức thư theo như tôi nghĩ) đoạn trao lại cho ông ta.

"Trừ phi anh ấy làm cho tôi thành một bà sang trọng" - ông Pécgôti nói, lấy ngón tay gạch dưới câu ấy. "tôi đến đây để hỏi, thưa bà, anh ấy có giữ lời hứa không?"

"Không" bà ta đáp.

"Tại sao lại thế?" ông Pécgôti hỏi.

"Không thể được. Nó sẽ tự làm nhục mình. Chính ông cũng thừa biết rằng địa vị cô ấy rất thấp so với địa vị của nó".

"Bà hãy nâng cháu lên", ông Pécgôti nói.

"Cô ấy dốt nát và không có giáo dục".

"Có nẽ như thế, nhưng có nẽ cũng không phải thế", ông Pécgôti nói, "theo ý tôi thì không phải như vậy. Nhưng tôi không phải nà một người nhận xét giỏi về mặt này. Xin bà dạy dỗ cháu".

"Vì ông bắt buộc tôi phải nói rõ ràng, điều mà tôi rất không muốn làm, địa vị thấp kém của cô ấy sẽ làm cho một việc như vậy không thể nào xảy ra được. Ngay dù cho ngoài điều đó không còn điều gì cản trở nữa".

"Thưa bà, bà nghe tôi nói điều này", ông đáp giọng chậm rãi và bình tĩnh. "Bà biết thế nào nà yêu con mình. Tôi cũng thế. Nếu cháu nó nà con tôi một trăm nần đi nữa, tôi cũng không thể nào yêu hơn được. Bà không biết mất con nghĩa nà thế nào. Còn tôi, tôi biết. Tất cả mọi của cải trên thế gian này đều không có giá trị gì với tôi hết (ví phỏng tôi có của cải) nếu như cầu phải chuộc nại cháu nó! Nhưng xin bà cứu cho cháu nó khỏi bị điều sỉ nhục ấy và cháu nó sẽ không bao giờ bị chúng tôi nàm nhục. Tất cả những người đã thấy cháu nó nới nên, tất cả những người đã sống với cháu nó và đối với cháu nó nà tất cả thế giới trong bao năm trời, sẽ không còn ai thấy nại gương mặt xinh xắn của cháu nữa. Chúng tôi đành nòng để cho cháu nó được yên, chúng tôi sẽ chỉ nghĩ đến cháu dường như cháu sống dưới một bầu trời khác và dưới một mặt trời khác; chúng tôi vui nòng giao phó cháu cho người chồng của cháu, và có nẽ cho những đứa cháu của cháu, và chờ đợi cái ngày mà tất cả chúng ta sẽ bình đẳng với nhau trước Thượng đế!"

Lời hùng biện mộc mạc của ông khi nói những câu ấy, không phải hoàn toàn không có tác dụng. Tuy vẫn cứ giữ cái thái độ kiêu hãnh của mình, nhưng giọng nói của bà khi trả lời đã đượm vẻ dịu dàng.

"Tôi không bào chữa gì hết, tôi không tố cáo ai, nhưng tôi rất tiếc phải nhắc lại rằng điều đó là

không thể được. Một cuộc hôn nhân như vậy nhất định sẽ phá mất tiền đồ con tôi và làm hỏng mất tương lai của nó. Nếu như có một điều gì chắc chắn, thì đó là điều này sẽ không thể xảy ra và không bao giờ xảy ra, nếu như không có một cách đền bù nào khác…"

"Trước mắt tôi" ông Pécgôti nói, ngắt lời bà với một cái nhìn rắn rỏi nhưng đã bắt đầu bốc lửa - "nà cái hình ảnh giống hệt con người đã nhìn tôi ở nhà tôi, ở bếp nửa của tôi, trên chiếc tàu của tôi… nói chung ở khắp nơi, đâu đâu cũng niềm nở và thân mật, trong khi nó hèn hạ như vậy đến nỗi tôi suýt phát điên nên khi nghĩ đến nó. Nếu như hình ảnh giống hệt cái gương mặt ấy không cháy bỏng vì xấu hổ khi nghĩ đến việc trả tiền cho tôi để bù vào việc đã phá hoại và nàm nhục đời đứa con tôi, thì cái hình ảnh ấy cũng xấu xa như thế. Thậm chí ở một bà sang trọng thì điều đó còn tệ hơn".

Trong nháy mắt, bà ta thay đổi hẳn. Mặt bà đỏ bừng vì giận dữ và bà nói với cái vẻ tàn nhẫn, hai tay ghì chặt lấy ghế dựa:

"Ông có thể đưa cái gì ra để đền bù cho tôi về cái vực thẳm mà ông đã đào ra giữa con tôi và tôi? Tình yêu của ông thấm gì với tình yêu của tôi? Sự xa cách của ông thấm gì với sự xa cách của chúng tôi?".

Cô Đáctơn nhẹ nhàng chạm vào tay bà và cúi đầu xuống nói thầm với bà, nhưng bà không chịu nghe một lời nào.

"Rôda, chị không được nói gì hết! Hãy để cho ông này nghe điều tôi nói! Con tôi xưa nay vẫn là mục đích của đời tôi. Tất cả tâm trí tôi đều hướng về nó từ lúc nó còn nhỏ, tôi đã làm thỏa mãn mọi sở thích của nó; từ lúc nó ra đời chưa bao giờ cuộc sống của nó lại tách rời cuộc sống của tôi… Thế mà bây giờ, trong chốc lát nó mê một con bé khốn nạn và trốn tránh tôi! Nó đã đáp lại lòng tin cậy của tôi bằng cách cố tình lừa dối tôi để nghe theo con ấy, và bỏ tôi để theo con ấy. Nó vin vào cái sở thích đồng bóng khốn kiếp kia để chống lại quyền của người mẹ, bắt nó phải vâng lời mẹ, phải yêu quý mẹ, kính trọng mẹ, biết ơn mẹ… cái quyền mà từng ngày từng giờ trong đời nó, lẽ ra phải trở thành những sợi dây mạnh mẽ không gì chống lại được. Ông bảo tôi không thiệt thòi gì cả sao?".

Rôda Đáctơn lại tìm cách xoa dịu bà, nhưng vẫn vô hiệu.

"Chị Rôda, tôi đã bảo chị không được nói gì hết! Nếu nó có thể vứt bỏ tất cả cuộc đời của nó để chạy theo cái vật vô nghĩa nhất, thì tôi cũng có thể hy sinh tất cả cuộc đời của tôi cho một mục đích to lớn hơn. Kệ xác nó đi đâu thì đi với những phương tiện mà tình yêu của tôi đảm bảo cho nó! Nó tưởng sẽ thắng được tôi bằng cách vắng mặt lâu dài đấy hẳn? Ngay từ giờ, nó hãy bỏ cái sở thích vớ vẩn ấy đi thì nó sẽ được đón tiếp niềm nở khi trở về. Nếu nó còn chưa từ bỏ con bé ấy thì nó đừng hòng đến gần tôi, dù sống dù chết hay đang hấp hối, tôi cũng sẽ giơ tay lên làm một cử chỉ phản kháng trừ phi sau khi đã vĩnh viễn thoát khỏi con bé ấy, nó khúm núm đến với tôi cầu xin tha lỗi. Đó là quyền của tôi. Đó là sự thừa nhận mà *tôi yêu cầu*. Đó là sự chia cách giữa chúng tôi. Như thế", bà nói tiếp nhìn ông khách với thái độ kiêu hãnh và tàn nhẫn của bà từ lúc bắt đầu nói, "như thế tôi không thiệt thòi gì cả sao?".

Thấy bà mẹ và nghe bà mẹ nói như vậy, tôi có cảm tưởng nghe và thấy cậu con trai của bà thách thức mẹ. Tôi thấy lại ở bà mẹ tất cả cái đầu óc bướng bỉnh và ngoan cố của cậu con. Tất cả những điều bấy giờ tôi hiểu được về cái nghị lực dùng không phải chỗ của cậu, bắt đầu làm cho tôi hiểu cả tính cách của bà mẹ và tôi cảm thấy về thực chất bản tính của hai người là một.

Sau đó, vẫn giữ thái độ dè dặt lúc ban đầu, bà dõng dạc tuyên bố với tôi rằng bây giờ bà có nghe nói hay bà có nói nữa cũng vô ích, và bà yêu cầu chấm dứt cuộc gặp mặt. Bà đứng dậy ra vẻ oai vệ, định rời khỏi phòng, nhưng ông Pécgôti nói cho bà biết không cần phải làm thế.

“Bà đừng sợ chúng tôi quấy rầy gì bà, tôi không có gì nói nữa. Thưa bà” - ông nói, bước về phía cửa, - “tôi đến đây không một tia hy vọng, và tôi trở về cũng vô hy vọng. Tôi đã nàm điều tôi tin và nhiệm vụ của tôi. Nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng sự có mặt của tôi ở đây sẽ đưa đến kết quả gì tốt đẹp. Ngôi nhà này đã gây cho tôi và gia đình tôi quá nhiều bất hạnh rồi, tôi không phải nà người mất trí để chờ đợi điều đó”.

Sau đó, chúng tôi bước ra, để bà đứng cạnh ghế dựa như một bức tượng mặt mày xinh đẹp và oai vệ.

Muốn đi ra, chúng tôi phải đi qua một phòng áo lát gạch vuông với những bờ cửa sổ và cái mái bằng gương, trên ấy leo một cây nho. Vào thời tiết bây giờ, lá và búp nho đang xanh mơn mởn và vì thời tiết nắng ráo nên cả hai cánh cửa kính trông ra vườn đều mở toang. Rôda Đáctơn rón rén bước đến đấy khi chúng tôi đến gần cửa và bảo tôi.

“Anh vác thằng cha ấy đến đây thực hay quá đi mất!”

Tôi không thể ngờ rằng ngay cả trên mặt cô Đáctơn lại có thể có một cơn giận và một sự khinh bỉ tập trung đến thế. Nó làm nét mặt cô sa sầm lại và đôi mắt đen lánh như ngọc huyền sáng quắc, vết sẹo do cái búa để lại hằn lên rõ rệt như mọi ngày khi nét mặt cô ở trong tình trạng kích động. Khi tôi nhận thấy vết sẹo đang run giần giật, tôi thấy cô giơ tay lên tát mạnh vào tôi. Cô nói:

“Đó là thằng cha mà anh phải bênh vực và vác tới đây đấy à? Hay thực!”

“Cô Đáctơn, cô không nên kết án tôi bất công như thế”.

“Tại sao anh gây nên sự chia rẽ giữa hai người điên kia?” Cô nói. “Anh chẳng biết họ là hai kẻ bướng bỉnh và kiêu ngạo đến điên cuồng hay sao?”

“Tôi gây nên à?” tôi hỏi lại.

“Anh gây nên - cô quật lại - Anh vác thằng cha ấy đến đây làm cái gì?”

“Ông ta đã chịu những tổn thất nặng nề, cô Đáctơn ạ” - tôi đáp. “Có thể cô không biết điều đó”.

“Tôi biết”, cô nói, đặt một bàn tay lên ngực dường như muốn kìm hãm không cho cơn bão đang lồng lộn ở trong lòng bùng ra. “Tôi biết Xtiếcphoóc là một thằng tâm địa dối trá và thối nát, hắn là kẻ phản bội. Nhưng tôi cần gì phải quan tâm đến thằng cha kia, và con cháu gái hạ lưu của nó?”

“Cô Đáctơn”, tôi đáp, “cô đã làm cho những tổn thất của ông ấy thêm nặng nề. Tổn thất như thế cũng đủ lắm rồi. Trước khi từ biệt, tôi chỉ muốn nói một điều: cô xúc phạm ông ta rất tàn nhẫn và vô lý”.

“Tôi không xúc phạm gì hắn cả” cô ta đáp. “Đó là một lũ hèn mạt hư hỏng. Gặp tay tôi, tôi đã nọc con ấy ra mà đánh”.

Ông Pécgôti đi qua không nói một lời và bước ra cửa.

“Ôi chao! xấu hổ quá cô Đáctơn ơi! xấu hổ quá”, tôi nói, phẫn nộ. “Làm sao cô lại nỡ chà đạp lên niềm đau khổ mà ông ta phải chịu đựng một cách oan ức”.

“Tôi muốn chà tất cả những bọn như thế dưới gót chân” cô đáp - “Tôi muốn phá hủy nhà nó. Tôi muốn lấy sắt nung đỏ áp vào mặt con ấy, bắt nó ăn mặc rách rưới và vứt ra ngoài đường cho nó chết đói. Nếu tôi có quyền xét xử để trừng phạt nó thì tôi sẽ ra lệnh thi hành hình phạt này. Tôi không phải chỉ ra lệnh đâu! Tôi sẽ tự tay mình làm. Tôi căm ghét nó. Để tố giác hành động hèn hạ của nó tôi sẽ đi đến bất cứ nơi nào. Nếu có thể đuổi nó cho đến khi nó xuống mồ tôi cũng sẽ làm. Nếu có một lời an ủi

có thể làm cho nó an lòng trong giờ tận số, và tôi là người duy nhất biết được lời nói ấy, thì tôi sẽ không nói ra đâu, dù có phải đổi lấy mạng mình".

Tôi hiểu rằng cái vẻ tàn nhẫn trong lời nói của cô chỉ có thể gây nên một ấn tượng mờ nhạt về cơn giận điên cuồng đang làm chủ cô. Nó toát ra từ toàn bộ con người cô, mặc dầu giọng cô không vang lên mà lại trầm hơn mọi ngày. Tôi không đủ sức miêu tả cô đúng như cái hình ảnh của cô mà tôi còn nhớ hay cái cách cô nổi giận lôi đình đến nỗi quên bẵng tất cả. Tôi đã thấy dục vọng dưới nhiều hình thức, nhưng chưa bao giờ thấy dục vọng xuất hiện với một hình thức như vậy.

Khi tôi đuổi kịp ông Pécgôti, ông đang chậm rãi bước xuống đồi, đăm chiêu tư lự. Khi tôi đến cạnh ông, ông bảo rằng bây giờ óc ông không cần nghĩ đến những điều ông đã định làm ở Luân-đôn nên ông định "đi du lịch" ngay tối hôm ấy. Tôi hỏi ông định đi đâu, thì ông chỉ đáp: "Cậu ạ! Tôi đi tìm con cháu".

Chúng tôi trở về căn nhà nhỏ của chị Pécgôti ở trên hiệu hàng xén, và ở đây tôi có dịp kể lại cho chị nghe điều ông Pécgôti đã nói với tôi. Chị bảo tôi: "Sáng nay anh chị cũng đã nói như thế với chị". Cũng như tôi, chị không biết ông định đi đâu, nhưng chị nghĩ rằng trong óc ông đã có một dự định nào đấy.

Tôi không muốn rời bỏ ông Pécgôti trong tình cảnh như vậy và ba người chúng tôi cùng ăn một đĩa patê bít-tết. Đó là một thứ món ăn đã làm cho chị nổi tiếng, và hôm ấy món patê lại có một sắc thái đặc biệt nhờ các hương vị chè, cà phê, bơ, mỡ, phomát, bánh mì mới, củi, nến, xốt cà chua và hạt dẻ ở hiệu tạp hóa ngào ngạt bốc lên. Ăn chiều xong chúng tôi ngồi cạnh cửa sổ một vài giờ, không nói chuyện nhiều. Sau đó, ông Pécgôti đứng dậy tìm cái túi sơn dầu và cái gậy rồi đặt nó lên bàn.

Ông nhận một số tiền nhỏ lấy ở số tiền mặt có sẵn của em gái (sẽ khấu trừ vào gia tài của ông) vừa vặn đủ sống trong một tháng (theo như tôi nghĩ), ông hứa sẽ cho tôi biết tin nếu có việc gì xảy đến; rồi vắt xắc lên vai, cầm mũ và gậy, ông nói với hai chúng tôi: "Từ biệt".

"Chúc em mọi điều tốt nành, cô em gái già yêu quý của anh", ông nói và hôn chị Pécgôti "và cậu Đêvi ạ, cũng chúc cậu như thế", ông nói thêm và siết chặt tay tôi. "Tôi sẽ đi tìm cháu nó ở nơi xa xôi. Nếu cháu nó trở về khi tôi vắng mặt (nhưng điều này thì ít hy vọng lắm) hay khi tôi đem cháu nó về, thì ý nghĩ của tôi và hai cậu cháu sẽ sống và chết ở nơi mà không ai có thể trách móc gì nó được. Nếu tôi gặp điều gì không may, thì xin cậu nhớ nời cuối cùng mà tôi trối nại cho cháu nó nà: "Đứa con yêu quý vẫn được tôi yêu quý như xưa không hề thay đổi, và tôi tha thứ cho nó".

Ông nói câu ấy giọng vẫn nghiêm trang, đầu trần. Sau đó ông đội mũ bước xuống cầu thang và đi ra. Chúng tôi tiễn ông ra tận cửa.

Tối hôm ấy nóng nực và bụi bặm… Bấy giờ đúng vào lúc ở trên con đường lớn rộng rãi nối liền với đường phố nhỏ bé của chúng tôi, khách đi trên hè đường tạm thời vắng bớt trong khi mặt trời hắt xuống ánh sáng đỏ rực. Ông một mình đi đến góc phố dâm mát của chúng tôi, đoạn rẽ ngoặt và bước vào ánh sáng đỏ rực và chúng tôi mất hút ông.

Mỗi khi đến giờ này trong buổi hoàng hôn, mỗi khi đang đêm tỉnh giấc, mỗi khi ngước mắt nhìn trăng sao hay nhìn mưa rơi, nghe tiếng gió thổi, tôi vẫn thường nghĩ đến hình ảnh cô độc của người hành hương tội nghiệp kia đang lang thang trên đường và nhớ đến lời dặn cuối cùng của ông: "Tôi đi tìm cháu nó ở nơi xa xôi. Nếu như tôi gặp điều gì rủi ro thì xin cậu nhớ nời cuối cùng mà tôi trối nại cho cháu nà: "Đứa con yêu quý vẫn được tôi yêu quý như xưa không hề thay đổi và tôi tha thứ cho nó".

[1] Câu này lấy trong Kinh thánh phần "Sáng thế ký".

Chương XXXIII
NGÂY NGẤT

Suốt thời gian này tôi vẫn yêu Đôra say sưa hơn bao giờ hết. Nghĩ đến nàng - đó là cách tôi làm để lẩn tránh những thất vọng và buồn bã, và điều đó cũng bù đắp lại đôi chút những tổn thất mà tôi phải chịu đựng, ngay cả việc mất một người bạn. Càng cảm thương mình hay càng cảm thương những người khác, tôi càng tìm nguồn an ủi trong hình ảnh Đôra. Thế giới này càng đầy rẫy những dối trá và rối ren thì ngôi sao Đôra lại càng chiếu sáng tưng bừng, trong trẻo. Tôi không nghĩ rằng tôi có một khái niệm gì cụ thể về chỗ Đôra từ đâu đến hay nàng có họ hàng gì với những đấng siêu phàm hay không. Nhưng tôi tin chắc rằng tôi sẽ căm phẫn và khinh bỉ gạt bỏ ý nghĩ cho rằng nàng cũng chỉ là một người trần như mọi cô gái khác.

Có thể nói lòng tôi tràn ngập hình ảnh Đôra. Nói rằng tôi yêu nàng đắm đuối, vẫn chưa đủ, tình yêu ấy còn tràn ngập cả người tôi. Nói một cách hình tượng, người ta có thể rút ở tôi ra một số lượng tình yêu to lớn đủ để làm bất kỳ ai cũng phải chết đuối; nhưng sau đó trong tôi và chung quanh tôi tình yêu vẫn cứ tràn ngập cuộc đời tôi.

Khi về nhà, điều đầu tiên tôi làm, đó là đêm đêm thơ thẩn ở Noocút và giống như câu đố đáng kính tôi còn nhớ khi còn nhỏ, tôi cứ đi "chung quanh ngôi nhà nhưng không bao giờ chạm đến nó", trong lòng vẫn nghĩ đến Đôra. Tôi nhớ câu đố khó hiểu này là chỉ mặt trăng. Dù sao, chẳng khác gì tên nô lệ của Đôra, tôi cứ lang thang chung quanh ngôi nhà và cái vườn suốt hai tiếng đồng hồ, mắt nhìn qua khe hở hàng rào, cố gắng khổ sở đặt cằm trên những cái đinh han rỉ, gửi những chiếc hôn tới những cửa sổ chiếu sáng, chốc chốc lại cầu khẩn một cách lãng mạn xin Chúa ban đêm che chở nàng Đôra của tôi… chống lại cái gì tôi cũng không biết rõ, có lẽ là chống lại hỏa hoạn. Nhưng cũng có thể là chống lại chuột bởi vì nàng rất sợ chuột.

Tình yêu tràn ngập tâm hồn tôi đến nỗi tôi thổ lộ tình yêu với chị Pécgôti chỉ là tự nhiên mà thôi. Một buổi chiều, khi thấy chị lại ngồi cạnh tôi với tất cả những đồ may vá ngày xưa, lo soát lại một lượt tất cả tủ áo của tôi, tôi đã bộc lộ điều bí ẩn ghê gớm của mình với những lời lẽ khá quanh co. Chị Pécgôti rất quan tâm tới chuyện này, nhưng tôi không thể nào khiến chị tán thành cách nhìn của tôi. Rõ ràng chị quá thiên lệch về tôi và chị không thể hiểu vì cớ gì tôi lại phải băn khoăn hay thất vọng. "Con bé có được một người yêu như thế là tốt phúc lắm rồi", chị nhận xét. "Còn về ông cụ, chị nói, lạy Chúa, ông ta còn đòi hỏi gì nữa?"

Dẫu sao, tôi cũng thấy cái áo biện hộ sỹ và cái cà vạt cứng đờ của ông Xpenlô đã gây cho chị Pécgôti một ấn tượng nào đó và làm cho chị tỏ ra kính trọng hơn đối với con người ngày càng trở thành thiêng liêng trước mắt tôi, đến nỗi tôi cảm thấy có hào quang rực rỡ toát ra từ người ông ta khi ông ngồi thẳng tắp trong phòng tòa án, giữa các hồ sơ chẳng khác gì một cây đèn biển giữa một biển giấy tờ. Ngoài ra, tôi nhớ lại khi ngồi trong phòng tòa án, tôi thường nghĩ tại sao tất cả các vị quan tòa già nua lụ khụ và tất cả các vị tiến sỹ kia lại không chú ý đến Đôra nếu như họ đã biết nàng; tại sao họ không ngây ngất đến mất trí nếu như người ta cho phép họ lấy Đôra, tại sao Đôra có thể hát và chơi cây đàn ghi ta thần kỳ kia hay đến nỗi làm tôi gần hóa điên, nhưng vẫn không quyến rũ được một cụ già lừ đừ nào rời khỏi con đường của họ, dù chỉ rời một ly. Tôi khinh bỉ tuốt, không trừ một ai. Tất cả những bọn làm vườn già cốc đế kia, con tim đã cứng lại như thế làm tôi khó chịu. Đối với tôi, Tòa án chỉ là một anh chàng ngu si lầm lạc. Phòng trạng sư cũng không êm dịu hay thơ mộng gì hơn cửa hàng một tiệm rượu.

Rất tự hào đã thân hành giải quyết công việc chị Pécgôti, tôi đã xác nhận tờ di chúc và thu xếp với

Phòng thừa kế. Sau đó tôi đưa chị đến Ngân hàng và sau một thời gian ngắn, tôi đã thu xếp chu đáo mọi việc. Để cho những công việc như thế đỡ có vẻ tòa án, chúng tôi đã đi xem những hình nhân bằng sắp ong ở đường Flit Xtrít (bây giờ sau hai mươi năm, chắc là đã bị nấu chảy) và chúng tôi đi xem cuộc triển lãm của Cô Linut[1]. Cuộc triển lãm này, như tôi nhớ, là một công trình kim chỉ đồ sộ rất thích hợp cho sự ăn năn và hối hận. Chúng tôi đi xem cái Tháp Luân-đôn và lên đến đỉnh nhà thờ Xanh pôn. Tất cả những kỳ quan này đã đem đến cho chị niềm vui thích lớn nhất trong hoàn cảnh của chị, có lẽ không kể nhà thờ Xanh Pôn, bởi vì từ lâu chị đã gắn bó với hộp đồ may, cho nên kiến trúc kia hình như cạnh tranh với cái hình vẽ trên nắp hộp và, theo chị, nó còn kém tác phẩm nghệ thuật của chị về nhiều mặt.

Sau khi công việc của chị Pécgôti - ở Pháp-viện chúng tôi gọi việc này là "việc thuần túy hình thức" (và những việc thuần túy hình thức là rất dễ và rất béo bổ) - đã được giải quyết xong, một buổi sáng tôi đưa chị đến phòng giấy để trả tiền. Cụ Típphây bảo tôi rằng ông Xpenlô đã rời khỏi phòng để giúp một người muốn xin giấy hôn thú tuyên thệ. Nhưng vì tôi biết ông sẽ về ngay bởi vì chúng tôi ở cạnh cơ quan đại lý nhà thờ (cũng như cạnh phòng của ông tổng mục sư) nên tôi bảo chị Pécgôti hãy nán đợi. Ở Pháp-viện trong công việc xác nhận các tờ di chúc, phần nào chúng tôi cũng giống như những người bán đồ tang; nói chung, chúng tôi có nhiệm vụ làm ra vẻ buồn rầu khi phải mặc cả với những khách có tang. Tình cảm tế nhị ấy cũng bắt chúng tôi phải tỏ ra hân hoan vui vẻ trước những người xin giấy hôn thú. Vì vậy, tôi báo trước cho chị Pécgôti biết chị sẽ thấy ông Xpenlô gần như đã thắng được nỗi buồn về cái chết của anh Bácкít, và thực thế, ông bước vào tươi tắn trông chẳng khác một chàng rể.

Nhưng chị Pécgôti và tôi đều không để ý gì đến ông vì chúng tôi thấy cạnh ông là ông Mócxtôn. Ông Mócxtôn thay đổi rất ít. Tóc vẫn rậm và rõ ràng vẫn đen và cặp mắt cũng vẫn làm người ta ít tin cậy như xưa. Ông Xpenlô nói:

"À! Anh Copơphin, chắc anh biết ông này chứ?"

Tôi lạnh nhạt cúi chào "ông này", còn chị Pécgôti thì chỉ hơi nghiêng đầu đáp lễ. Lúc đầu ông cũng hơi sửng sốt khi thấy cả hai chúng tôi đứng cạnh nhau, nhưng ông quyết định nhanh chóng cần phải làm gì. Ông tiến về phía tôi, và nói.

"Anh mạnh khỏe chứ?"

"Chắc ông chẳng thú gì, điều đó", tôi nói, "nhưng nếu như ông muốn biết thì tôi vẫn mạnh khỏe đấy ạ".

Chúng tôi nhìn nhau. Sau đó, ông nói với chị Pécgôti:

"Và tôi rất buồn thấy ông nhà đã qua đời".

"Ông Mócxtôn ạ", chị Pécgôti đáp, run lẩy bẩy từ đầu đến chân, "trong đời tôi, đây không phải là tổn thất đầu tiên. Song tôi vẫn sung sướng thấy rằng trong tổn thất này không có ai đáng trách… và không có ai phải chịu trách nhiệm".

"Hừm!" ông nói, "Thực là một ý nghĩ an ủi người ta. Chắc bà đã làm tròn bổn phận?"

"Tôi sung sướng có thể nghĩ rằng tôi không làm ai chết vì chán nản" chị Pécgôti đáp. "Không, ông Mócxtôn ạ, tôi không làm con người dịu dàng nào phải chết non bằng cách giằn vặt và đe dọa người ta".

Ông cau mày nhìn thẳng vào mặt chị một lát (tôi cho là ông hối hận), đoạn quay mặt về phía tôi,

miệng nói nhưng lại nhìn xuống chân tôi chứ không nhìn vào mặt tôi:

"Có lẽ không mấy khi chúng ta gặp lại nhau nữa… và như thế là tốt cho cả hai, bởi vì những cuộc gặp mặt thế này không bao giờ có thể thú vị. Tôi không mong rằng bây giờ anh có thể có thiện cảm với tôi vì trước đây bao giờ anh cũng chống lại quyền lực chính đáng của tôi, mặc dầu quyền lực ấy chỉ là để làm lợi cho anh và giáo dục anh. Giữa chúng ta có sự bất hòa…"

"Một sự bất hòa đã có từ lâu. Đúng không nào?" tôi ngắt lời.

Ông mỉm cười, ném cho tôi cái nhìn độc ác nhất có thể toát ra từ đôi mắt đen và nói:

"Sự bất hòa ấy đã làm cho con tim trẻ thơ của anh bị nhiễm độc. Nó đã làm cuộc đời mẹ anh thành u ám. Anh nói đúng. Nhưng tôi hy vọng rằng anh có thể khá hơn. Tôi hy vọng rằng anh có thể tự sửa chữa".

Đến đây, ông chấm dứt cuộc đối thoại nẫy giờ vẫn thì thầm ở một góc của phòng áo, rồi bước vào phòng của ông Xpenlô và nói to giọng mơn trớn nhất:

"Trong cái nghề của ông Xpenlô người ta đã quen với những chuyện xung đột trong gia đình và người ta biết bao giờ nó cũng gay go và phức tạp như thế nào!"

Nói đoạn, ông trả tiền giấy hôn thú. Ông Xpenlô trao cho ông tờ giấy đã xếp lại cẩn thận rồi bắt tay và lễ phép chúc mừng hai vợ chồng ông hạnh phúc. Sau đó, ông Mớcxtôn ra khỏi phòng giấy.

Nghe nói thế, lẽ ra tôi đã không thể nào giữ im lặng, nếu như không có một nhiệm vụ khó khăn không kém là bảo cho chị Pécgôti (chị nổi giận vì tôi, con người quí hóa quá) rằng đây không phải là nơi cãi cọ, và tôi xin chị cứ yên lặng. Chị bị kích thích khác thường và để thỏa hiệp, tôi vui lòng để chị ôm hôn tôi thắm thiết, vì trong óc chị nghĩ đến những điều thiệt hại chung của chúng tôi ngày trước, và tôi hết sức tự chủ mình trước mặt ông Xpenlô và các nhân viên.

Ông Xpenlô hình như không biết giữa tôi và ông Mơcxtôn có những liên hệ gì, và điều đó làm tôi sung sướng, bởi vì trong thâm tâm tôi không thể nào thừa nhận ông Mơcxtôn, khi nhớ tới cuộc đời bà mẹ tội nghiệp của tôi. Ông Xpenlô có vẻ tin (nếu như ông có nghĩ gì về điều ấy), rằng cô tôi cầm đầu chính đảng cầm quyền trong gia đình đối lập lại một chính đảng khác do một người khác cầm đầu, hay ít nhất đó là điều tôi rút ra căn cứ vào những lời nói, trong khi chúng tôi chờ đợi cụ Típphây trao giấy nhận tiền cho chị Pécgôti.

"Cô Trôtút", ông nói, "chắc là người cứng rắn và không chịu nhượng bộ trước sự chống đối. Tôi rất phục tính cách của cô và tôi khen ngợi anh, anh Copơphin, đã đứng về phía phải đứng! Những chuyện xung đột giữa bà con trong gia đình là đáng tiếc. Nhưng nó là hết sức phổ biến và điều quan trọng là phải đứng về phía phải đứng" (tôi chắc ông ta muốn nói về phía gia tài).

"Cuộc hôn nhân này tốt đẹp chứ?" ông Xpenlô nói.

Tôi bảo rằng tôi chẳng biết gì cả.

"Thế à?" ông nói, "Theo một vài lời ông Mơcxtôn để lộ (trong những trường hợp này người ta thường làm thế) và theo những điều cô Mơcxtôn nói, tôi cho rằng đây là một cuộc hôn nhân tốt đẹp".

"Ông muốn nói có tiền của có phải không ạ?" tôi hỏi.

"Phải", ông Xpenlô nói, "Theo tôi biết, cô ả có tiền lại có nhan sắc nữa, người ta bảo thế".

"Thế à? Bà vợ mới của ông Mơcxtôn có trẻ không?"

"Vừa đến tuổi trưởng thành!" ông Xpenlô nói. "Trẻ đến nỗi hình như họ chờ đợi cô đến tuổi trưởng

thành để lấy nhau".

"Cầu Chúa cứu cho cô ta!" Chị Pécgôti nói nhiệt tình và đột ngột đến nỗi cả ba chúng tôi đều sửng sốt cho đến khi cụ Típphây cầm tờ giấy đi vào.

May sao, cụ Típphây liền xuất hiện và trao tờ giấy cho ông Xpenlô xem. Ông Xpenlô rụt cằm lại vào trong cái cà vạt gãi cằm khe khẽ, xem danh sách các khoản có vẻ không tán thành (làm như tất cả những khoản này đều do ông Joóckin), đoạn trao lại cho cụ Típphây và thở dài nói.

"Phải đấy. Đúng lắm, hết sức đúng!" Anh Copơphin ạ, tôi sẽ rất sung sướng nếu có thể thu hẹp yêu cầu vào số tiền thực tế chúng tôi đã tiêu, nhưng tôi không thể tự do làm theo sở thích. Đây thực là một trường hợp khó xử trong cái nghề của tôi. Tôi có một người cộng tác là… Ông Joóckin".

Vì ông nói câu này giọng dịu dàng buồn buồn (điều này cũng gần như là không tính tiền), nên tôi thay mặt chị Pécgôti cảm ơn ông và trả tiền cho cụ Típphây bằng ngân phiếu. Sau đó chị Pécgôti trở về nhà và tôi cùng ông Xpenlô đến tòa án, ở đấy có một vụ ly dị phải xét xử theo một điều khoản tài tình (điều khoản này theo tôi bây giờ đã bị bỏ, nhưng tôi đã thấy nhiều đám cưới bị hủy bỏ căn cứ vào khoản này) và giá trị của nó là như sau: anh chồng tên là Tômát Berýamen đã có được tờ giấy hôn thú chỉ viết tên Tômát mà thôi; bỏ chữ Benjamen vì sợ anh không được hạnh phúc như ý muốn. Và trong thực tế anh không cảm thấy hạnh phúc như mình mong muốn hay cũng hơi chán bà vợ. Một hai năm sau khi cưới, anh chàng tội nghiệp này, nhờ một người bạn làm trung gian, tuyên bố rằng anh tên là Tômát Berýamen, và do đó anh chưa hề lấy vợ. Và Tòa án xác nhận điều đó làm anh rất hài lòng.

Tôi phải nói tôi cũng phần nào không thấy quyết định này là đúng và ngay cả cái tạ lúa vẫn giải quyết mọi điều kỳ quặc cũng không làm tôi băn khoăn quên những ngờ vực ấy.

Nhưng ông Xpenlô thảo luận vấn đề ấy với tôi. Ông nói:

"Anh hãy xem thế giới; nó có chỗ tốt, có chỗ xấu. Anh hãy xem luật giáo hội: nó có chỗ tốt, có chỗ xấu. Tất cả những điều đó làm thành bộ phận của một hệ thống. Tốt lắm! Anh thấy chưa?".

Tôi không có đủ can đảm gợi ý cho người cha của Đôra thấy rằng xem ra chúng ta có thể cải thiện cái thế giới này, nếu như buổi sáng chúng ta dậy sớm và xắn tay áo lên để bắt tay vào việc; nhưng tôi nói rằng, theo tôi, có thể cải thiện Pháp-viện. Ông Xpenlô trả lời rằng ông tha thiết khuyên tôi hãy gạt bỏ ý nghĩ ấy, vì nó không xứng đáng với tính cách cao thượng của tôi, nhưng ông sẽ vui lòng nghe tôi nói, theo tôi, có thể cải thiện Pháp-viện như thế nào.

Tôi liền nói đến bộ phận của Pháp-viện ở gần chúng tôi nhất, (bởi vì lúc này sau khi cuộc hôn nhân của người kia đã bị hủy bỏ, chúng tôi rời tòa án và bước chậm rãi đi qua phòng di chúc). Tôi bảo ông rằng theo tôi phòng di chúc là một thể chế kỳ quặc. Ông Xpenlô hỏi tôi nó kỳ quặc ở chỗ nào. Tôi trả lời ông với tất cả thái độ kính trọng đối với kinh nghiệm của ông (và tôi ngại tôi còn kính trọng ông hơn nữa vì ông là cha của Đôra). Tôi nói tôi thấy một điều hơi quái gở: Phòng lưu trữ chứa đựng văn bản chính thức các tờ di chúc của tất cả những người có tài sản trong tất cả địa hạt mênh mông của địa phận Cantơbơri suốt cả ba thế kỷ, nhưng nó lại là một ngôi nhà tạm bợ được xây lên không hề nhằm vào mục đích ấy (mấy ông lục sự thuê nó vì nghĩ đến lợi riêng của họ). Đó không phải là một chỗ chắc chắn bởi vì thậm chí người ta không bao giờ dám chắc sẽ không xảy ra hỏa hoạn; nơi này đầy ngập những văn kiện quan trọng, nhưng từ dưới hầm cho đến mái nhà nó chỉ là một nơi kinh doanh buôn bán của mấy ông lục sự. Các ông này chỉ lo bòn rút những số tiền lớn của công chúng mà thôi. Trái lại họ giữ các tờ di chúc công chúng trao cho họ một cách tùy tiện và bất kỳ ở đâu, chỉ nhằm một mục đích là thoát nợ mà không mất bao nhiêu tiền. Tôi nói rằng các ông lục sự bỏ vào túi một số tiền lời mỗi năm lên tới tám chín nghìn bảng (không kể đến số tiền lời của các ông lục sự giúp việc hay của các nhân

viên chính thức) nhưng lại không chịu khó dùng một số ít tiền trong số tiền ấy để tìm một nơi cất những văn kiện quan trọng mà những người thuộc mọi tầng lớp bắt buộc phải giao cho họ, dù muốn hay không. Làm thế kể ra cũng vô lý. Tất cả những vị chủ yếu của cái tòa án to lớn này đều là những người lương cao bổng hậu, trái lại trong số những người làm một công việc quan trọng ở Luân-đôn thì các nhân viên khổ sở làm việc trong căn phòng lạnh lẽo và âm u ở tầng thứ nhất lại là những người lương thấp nhất và bị đối xử kém nhất. Tình hình như thế cũng hơi bất công, ông lục sự chính ở đây có nhiệm vụ dành cho những người phải luôn luôn cần đến cơ quan của ông tất cả những chỗ ngồi cần thiết và là một người lương bổng cao nhờ địa vị ấy (ngoài ra, ông ta lại có thể là một mục sư, một người kiêm nhiều chức, làm tổng quản ở trong một nhà thờ, hay làm cái gì nữa tôi biết đâu đấy). Thế mà công chúng lại phải chịu những điều bất tiện như chúng tôi đã thấy mọi buổi chiều khi cơ quan mở cửa và chúng tôi biết những điều bất tiện ấy thực là kinh khủng. Tình hình như thế kể cũng không hay cho lắm. Tóm lại, Phòng di chúc của địa phận Camtơbơri nói chung có lẽ là một cơ quan có hại và hết sức quái gở. Nếu nó không ở tách biệt trong một góc của nghĩa địa Xanh Pôn, ít người biết đến, thì nhất định nó đã bị người ta đảo lộn hoàn toàn từ lâu rồi.

Ông Xpenlô mỉm cười khi tôi bắt đầu tỏ ra hăng hái bàn về vấn đề này, sau đó ông trả lời tôi về vấn đề này cũng như đã bàn về vấn đề trước, ông bảo tôi:

"Xét cho cùng, đó là vấn đề gì? Đó chỉ là vấn đề cảm tưởng mà thôi. Nếu như người ta có cảm tưởng rằng các tờ di chúc của họ được giữ gìn cẩn thận; và họ cho rằng rõ ràng là tổ chức này không thể nào cải thiện thì có hại gì đến ai? Chẳng hại gì đến ai hết. Còn ai được lợi? Tất cả những người ăn lương. Tốt lắm… như thế là cái tốt thắng. Có lẽ đây không phải là một tổ chức hoàn thiện… Chẳng có cái gì hoàn thiện hết, nhưng có một điều mà tôi phản đối đó là lối thọc gậy vào bánh xe. Phòng di chúc đã làm nước chúng ta nổi tiếng. Nếu thọc gậy vào bánh xe thì nước chúng ta mất hết tiếng tăm. Tôi cho rằng nguyên tắc nào thì cứ chấp nhận nó như thế, và tôi tin chắc chắn rằng Phòng di chúc sẽ tồn tại hết đời chúng ta".

Tôi tán thành ý kiến ông, tuy trong thâm tâm vẫn ngờ vực. Tuy nhiên tôi nhận thấy rằng ông nói đúng, bởi vì không những tổ chức này kéo dài mãi đến ngày nay, mà nó còn vượt qua một cuộc điều tra quan trọng của Quốc hội (không phải một cách thoải mái cho lắm) cách đây mười tám năm, khi tất cả những điều tôi phản đối đều được trình bày chi tiết và người ta nói trong các gian nhà chỉ còn đủ chỗ cho các văn kiện trong hai năm rưỡi nữa. Từ dạo ấy đến nay người ta đã dùng các tờ di chúc vào việc gì rồi? Hay là người ta đã bỏ mất đi. Hay là thỉnh thoảng người ta đem bán cho những cửa hiệu làm bơ, tôi chẳng biết gì hết. Nhưng tôi sung sướng vì tờ di chúc của tôi không nằm ở đấy và tôi hy vọng cũng còn lâu nó mới nằm ở đấy.

Tôi kể lại tất cả cuộc nói chuyện ở trong chương này theo thứ tự đương nhiên của nó. Ông Xpenlô và tôi đi đi lại lại vừa đi vừa nói chuyện và dần dần chúng tôi chuyển sang những vấn đề có tính chất chung. Và cuối cùng, ông Xpenlô bảo tôi rằng một tuần nữa sẽ ăn mừng sinh nhật của Đôra và ông sẽ sung sướng nếu tôi nhận lời dự một buổi ăn ngoài trời vào dịp ấy. Ngay lúc đó, tôi liền mất trí! Hôm sau, tôi trở thành một anh chàng nói sảng khi nhận thấy một tờ giấy gởi thư nhỏ mép cắt răng cưa viết "Được ba đồng ý… Anh nhớ đến" và tôi sống giai đoạn trung gian trong tình trạng ngớ ngẩn.

Tôi tin rằng để chuẩn bị cho biến cố sung sướng này, tôi đã phạm tất cả mọi điều quái gở có thể tưởng tượng. Tôi đỏ mặt khi hồi tưởng lại cái cà-vạt tôi đã mua. Đôi giày có thể được đặt trong một bộ sưu tập những dụng cụ tra tấn. Vào buổi chiều hôm trước, tôi đã mua và gửi xe ngựa đến Noócút một cái làn xinh xắn, mà theo tôi là ngang với một lời tỏ tình: Trong làn có những cái bánh với những chữ âu yếm nhất mà đồng tiền có thể mua được. Sáu giờ sáng, tôi đã đến chợ Côvân Gácđân, mua một

bó hoa cho Đôra. Mười giờ, tôi ngồi trên mình ngựa (tôi đã thuê một con ngựa xám xinh đẹp để dùng vào việc ấy) và đặt bó hoa trong mũ để giữ cho nó được tươi. Tôi đi nước kiệu đến Noócút.

Tôi có cảm tưởng khi thấy Đôra trong vườn và làm ra vẻ không nhìn thấy nàng, rồi đi ngựa qua ngôi nhà, băn khoăn đưa mắt tìm nàng, tôi đã phạm hai điều dại dột mà những chàng thanh niên khác cũng có thể phạm trong những trường hợp như vậy, bởi vì nó đến với tôi rất tự nhiên. Nhưng kìa! *Cuối cùng* tôi đã tìm ra ngôi nhà và xuống ngựa trước cổng sắt và kéo lê đôi giày khổ sở trên lớp cỏ để đến gặp Đôra đang ngồi trên một cái ghế dưới một gốc lila. Nàng hiện ra trước mắt tôi, trong buổi sáng đẹp trời hôm ấy giữa những con bướm, đầu đội cái mũ trắng bằng rơm và mặc cái áo dài màu thanh thiên xinh đẹp làm sao!

Có một cô con gái ở cạnh nàng…có vẻ già dặn và theo tôi độ gần hai mươi. Cô tên là Min. Đôra gọi cô là Julia và cô là bạn thân của Đôra. Cô Min sung sướng quá!

Díp ở đây và Díp cứ sủa ăng ẳng khi thấy tôi. Khi tôi đưa bó hoa; nó nghiến răng ghen tức. Kể cũng đúng thôi! Nếu nó có một ý nghĩ gì về chỗ tôi tôn thờ cô chủ của nó như thế nào thì nó ghen tức cũng phải!

"Ồ! Anh Copơphin, cảm ơn anh! Những bông hoa đáng yêu quá", Đôra nói.

Tôi đã định nói (và tôi đã ngẫm nghĩ suốt cả ba dặm cái câu hay nhất) trước khi thấy hoa ở cạnh nàng tôi cứ tưởng là hoa đẹp. Nhưng tôi không mở miệng ra được. Nàng làm tôi ngây ngất. Nhìn nàng áp hoa vào cái cằm nhỏ nhắn lúm đồng tiền, tôi mất tỉnh táo và mất cả tài ăn nói, chỉ biết say sưa ngây ngất. Tôi ngạc nhiên sao tôi không nói: "Cô Min, cô giết tôi đi nếu cô có lòng tốt. Cho tôi chết ở đây!".

Thế rồi Đôra đưa hoa của tôi cho Díp ngửi. Nhưng Díp cứ gầm gừ không chịu ngửi. Đôra lại cười khanh khách giơ hoa đến gần Díp hơn nữa bắt nó ngửi, nhưng Díp lại ngoạm lấy một nhánh hương diệp làm như thấy ở đấy có những con mèo tưởng tượng mà nó phải hành hạ. Thế rồi, Đôra đánh nó, chúm môi bảo: "Những bông hoa xinh xắn tội nghiệp của tôi", có vẻ tha thiết đến nỗi tôi tưởng chừng Díp đã cắn vào tôi. Tiếc là nó đã không làm thế!

"Anh chủ nghĩa, anh sẽ bằng lòng."

Đôra nói với tôi "khi biết rằng cô Mơcxtôn cáu kỉnh không có ở đây. Cô đi dự đám cưới ông em và sẽ không vắng mặt ít nhất là ba tuần. Thế có thú không?"

Tôi đáp lại rằng chắc chắn nàng sẽ thích và tất cả những gì nàng thích thì tôi cũng thích. Cô Min với cái vẻ khôn ngoan và độ lượng đặc biệt kẻ cả, mỉm cười khi nghe chúng tôi nói. Đôra nói:

"Xưa nay em chưa thấy ai khó chịu như cái bà ấy. Chị Julia ạ, chị không thể hình dung bà ấy cáu kỉnh khó chịu như thế nào".

"Biết chứ, tôi có thể biết" Julia nói.

"Phải rồi, chị có thể biết" Đôra đáp, đặt một tay lên tay của Julia. "Em xin lỗi không loại trừ chị ngay từ đầu".

Qua đó, tôi biết rằng cô Julia đã chịu đựng những thử thách trong một cuộc đời sóng gió, và có lẽ những thử thách ấy giải thích tại sao cử chỉ của cô lại có cái vẻ nhân từ, độ lượng, như tôi đã thấy. Trong ngày hôm đó, tôi nhận ra rằng nhận xét của tôi không phải là sai, bởi vì cô Min đã đau khổ vì một tình yêu không phải chỗ, và sau đó cô sống tách biệt khỏi thế gian với cái kinh nghiệm dễ sợ đã có được, nhưng vẫn quan tâm chiếu cố đến những hy vọng và những tình yêu trong trắng của tuổi trẻ.

Vừa lúc ấy, ông Xpenlô ở trong nhà bước ra và Đôra đến gặp cha và nói:

"Ba ơi! hoa đẹp chưa này!" và cô Min nở một nụ cười tư lự dường như muốn nói: "Các bạn, những con thiêu thân! hãy tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của các bạn trong buổi sáng mai rực rỡ của cuộc đời!"

Thế rồi, tất cả chúng tôi rời khỏi bãi cỏ bước đến cỗ xe ngựa mà người ta đang chuẩn bị.

Tôi sẽ không bao giờ có được một cuộc đi dạo chơi thú đến thế. Tôi chưa bao giờ có được một cuộc dạo chơi như thế. Trong cỗ xe chỉ có ba người, cùng với cái làn của họ, cái làn của tôi và cây ghi-ta ở trong cái hộp… Và cố nhiên cỗ xe ngựa không có mui và tôi đi ngựa đằng sau xe. Đôra quay lưng với những con ngựa và nhìn tôi.

Nàng để bó hoa bên cạnh nàng ở trên cái gối và tuyệt đối cấm Jíp không được ngồi phía ấy để đừng giẫm nát hoa. Nàng thường nâng hoa lên và ngửi mùi hương mát mẻ của chúng. Trong những lúc ấy, bốn mắt chúng tôi hầu như bao giờ cũng gặp nhau và một điều làm tôi rất ngạc nhiên là tại sao tôi không nhảy qua đầu con ngựa xám xinh đẹp để lăn vào trong xe.

Hình như hôm ấy có bụi. Thậm chí nhiều bụi, hình như thế. Tôi nhớ mang máng rằng ông Xpenlô trách tôi đã đi giữa bụi nhưng tôi không để ý gì hết. Tôi chỉ thấy hào quang tình yêu và sắc đẹp bao quanh Đôra, ngoài ra không thấy gì nữa. Đôi khi, cha nàng đứng lên hỏi tôi thấy phong cảnh thế nào. Tôi nói rằng phong cảnh mê ly và tôi tin chắc nó như vậy; nhưng đối với tôi nó chỉ gần có một mình Đôra. Mặt trời chiếu sáng Đôra, chim chóc ca ngợi Đôra, gió nam thổi tràn ngập Đôra và những bông hoa dại ở bờ rào đều là Đôra, cho đến cả những nụ hoa nhỏ xíu. Điều làm tôi phấn khởi đó là cô Min hiểu tôi. Chỉ mình cô có thể hiểu lòng tôi.

Tôi không biết chúng tôi phải đi bao lâu mới đến và ngay bây giờ tôi cũng không biết chúng tôi đến đâu, có lẽ ở đâu gần Ginphoóc thì phải, cũng có lẽ một ông phù thủy nào đó trong *Một nghìn lẻ một đêm* đã làm xuất hiện nơi ấy trong ngày hôm ấy rồi vĩnh viễn chôn vùi nó khi chúng tôi đã rời khỏi. Đó là một bãi cỏ xanh rờn, trên một ngọn đồi, cỏ non mơn mởn. Có những bóng cây mát um tùm. Có thạch thảo và một phong cảnh đẹp đẽ chạy dài tít tắp trước mắt.

Khi thấy có người chờ đợi chúng tôi ở đấy, tôi thực tức tối và nỗi ghen tức của tôi ngay đối với cả đàn bà, cũng không biết đâu là giới hạn. Còn về những dân nam giới ở trong đám ấy nhất là anh chàng đàng điếm hơn tôi độ hai ba tuổi, có bộ ria đỏ mà anh ta lấy làm tự đắc không thể chịu được là những kẻ thù sinh tử của tôi. Chúng tôi mở các làn đồ ăn ra và bắt tay vào việc dọn bữa ăn trưa. Ria đỏ ta làm ra vẻ biết làm xà lách (tôi chẳng tin điều đó chút nào) và được tất cả mọi người chú ý. Một vài cô gái rửa rau diếp cho hắn, và thái rau theo lời chỉ dẫn của hắn, trong số này có Đôra. Tôi cảm thấy rằng số mệnh đã bắt tôi phải chạm trán với thằng cha này và một trong hai người chúng tôi sẽ phải ngã gục.

Ria đỏ ta dọn món xà lách của hắn (tôi tự hỏi không hiểu làm sao khách khứa lại có thể xơi cái của ấy được chứ đối với tôi không có gì có thể bắt tôi đụng đến) rồi tự cắt cho hắn nhiệm vụ lo đến cái hầm rượu mà hắn đặt (vì hắn là một kẻ tinh khôn) trong một hốc cây. Lát sau, tôi thấy hắn ăn trưa dưới chân Đôra và ngốn gần hết cả con tôm hùm ở trong đĩa.

Tôi chỉ có một khái niệm mơ hồ về điều xảy ra trong một vài phút sau khi cái đối tượng tai hại ấy hiện ra trước mắt tôi. Tôi biết rằng tôi rất vui vẻ nhưng đó chỉ là giả dối. Tôi quấn quít lấy một cô mặc áo hồng có đôi mắt ti hí và tôi ve vãn cô ta ra mặt. Cô ta niềm nở đón tiếp sự chú ý của tôi, nhưng đó là vì tôi hay vì cô để ý đến Ria đỏ, điều đó tôi không thể biết. Mọi người uống rượu chúc mừng Đôra. Khi tôi nâng cốc tôi làm ra vẻ ngừng nói chuyện rồi ngay sau đó nói chuyện tiếp. Tôi bắt gặp đôi mắt của Đôra khi tôi chúc mừng nàng và tôi có cảm tưởng rằng cái nhìn của nàng có vẻ cầu khẩn,

nhưng nàng nhìn tôi qua đầu của Ria đỏ nên tôi vẫn lạnh lùng.

Cô gái trẻ tuổi áo hồng, có một bà mẹ áo xanh lá cây và tôi có cảm tưởng bà ta tách chúng tôi ra vì những lý do chiến lược. Dù sao, mọi người cũng tản ra khi người ta dọn những thức ăn còn lại, và tôi một mình đi bách bộ dưới những lùm cây, trong lòng tức tối điên cuồng và hối hận. Tôi đang tự hỏi không biết có nên giả vờ ốm và cưỡi con ngựa xám xinh đẹp tháo chạy hay không (tôi không biết trốn đi đâu) bỗng tôi gặp Đôra và cô Min.

"Anh Copơphin", cô Min nói với tôi, "anh buồn".

"Xin lỗi cô, không buồn chút nào ạ", tôi bào chữa.

"Và Đôra" cô Min nói, "Đôra cũng buồn".

"Ồ! Không đâu chị ạ, em không buồn chút nào hết".

"Anh Copơphin và Đôra nữa" cô Min nói với cái vẻ gần như đáng kính. Thế là đủ lắm rồi. Đừng để cho sự hiểu lầm tầm thường làm héo hon những bông hoa mùa xuân. Bởi vì hoa héo không tươi lại được, tôi nói, căn cứ vào kinh nghiệm trước đây của tôi, một quá khứ xa xôi không sao cứu vãn được. Không nên chặn những ngọn suối phun nước lấp lánh dưới ánh mặt trời chỉ vì một ý nghĩ đồng bóng, không nên dại dột nhổ cây ở ốc đảo để trồng vào sa mạc Xahara."

Tôi chỉ nhớ mang máng cô Min nói gì bởi vì người tôi nóng ran, nhưng tôi cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Đôra mà hôn và nàng để tôi hôn! Tôi hôn bàn tay cô Min và cảm thấy cả ba chúng tôi đã bay thẳng lên chín tầng mây.

Chúng tôi không đi xuống; chúng tôi ở trên đó suốt buổi chiều. Đầu tiên, chúng tôi đi bộ giữa các lùm cây. Tôi đi với cánh tay Đôra khoác thẹn thùng dưới cánh tay tôi và thượng đế biết rằng mặc dầu điều này chỉ là điên cuồng, nhưng nếu bỗng nhiên chúng tôi trở thành những con người bất tử với những cảm xúc điên rồ như vậy và cứ đi chơi mãi mãi giữa các lùm cây thì thực là sung sướng vô cùng.

Nhưng lát sau chúng tôi đã nghe những người khác cười cười nói nói, và có người kêu "Đôra đâu rồi?". Chúng tôi bèn quay lại. Và họ yêu cầu Đôra hát. Ria đỏ ta cũng muốn chạy đi tìm cây đàn ghi-ta ở trong xe nhưng Đôra bảo hắn chỉ có tôi là biết cây đàn ở đâu. Và thế là chỉ trong nháy mắt Ria đỏ ta đã bị hành hình. Và chính tôi là người chạy đi tìm cái hộp, chính tôi mở ra, chính tôi kéo cây đàn ra, chính tôi ngồi cạnh Đôra, chính tôi cầm khăn tay và đôi găng của nàng, chính tôi uống từng lời của giọng nói thân yêu hát lên, và đối với tôi nàng hát cho tôi là người yêu nàng còn các dân khác cứ việc vỗ tay đi nhưng họ không có xơ múi gì đấy hết.

Tôi sung sướng say sưa. Tôi sợ hạnh phúc của tôi lớn quá nên không phải là sự thực, và lát nữa sẽ tỉnh dậy ở con đường Bơckinham nghe bà Crơp làm những tách trà kêu lách cách để chuẩn bị bữa ăn sáng. Nhưng Đôra hát và những người khác hát. Cô Min hát một bài hát nói đến những tiếng đồng vọng từ lâu đã bị chôn vùi vào những nơi sâu kín của ký ức, (dường như cô ta đã già đến trăm tuổi) và khi buổi chiều xuống chúng tôi uống trà với cái ấm nấu nước để trên ngọn lửa như những người lãng tử và tôi vui sướng hơn bao giờ hết.

Tôi còn sung sướng hơn bao giờ hết khi bữa ăn đã xong và những người khác, kể cả kẻ thù bại trận của tôi là chàng Ria đỏ, mỗi người đi một ngả, và chúng tôi đi con đường của mình trong buổi chiều êm ả và trong ánh sáng nhạt dần, ngửi những mùi thơm bốc lên chung quanh chúng tôi. Ông Xpenlô hơi buồn ngủ sau khi đã uống rượu sâm banh (vinh dự thay mặt đất trên đó cây nho đã mọc với quả nhỏ mà người ta đã dùng để cất rượu, vinh dự thay mặt trời đã làm cho nho chín và cả người bán rượu đã pha

nước lã vào rượu). Vì ông ta ngủ say như chết trong một góc xe ngựa nên tôi cho con ngựa tiến về phía trước, đi bên cạnh và tôi nói chuyện với Đôra. Nàng khen con ngựa của tôi và vuốt ve nó (ôi! bàn tay nhỏ nhắn của nàng đặt trên lưng con ngựa trông xinh đẹp quá!) Cái khăn quàng của nàng không chịu nằm yên một chỗ nên thỉnh thoảng tôi lại vươn cánh tay để quấn nó quanh người nàng. Tôi có cảm tưởng rằng ngay Jíp cũng bắt đầu thấy những điều xảy ra và hiểu rằng nó cần phải thân với tôi.

Và cô Min khôn ngoan cũng thế, con người thực dễ thương tuy đã chán chường, vị gia trưởng nhỏ bé dù tuổi cô không đến hai mươi nhưng đã quay lưng với cuộc đời và nhất định không để cho những tiếng đồng vọng chôn vùi trong ký ức tỉnh dậy, - cô Min thật tốt bụng quá!

"Anh Copơphin", cô Min bảo tôi, "anh hãy đi về phía này của cỗ xe một lát… nếu như anh có thể dành cho tôi một phút. Tôi muốn nói chuyện với anh".

Và người ta thấy tôi ngồi trên con ngựa xám xinh đẹp, nghiêng đầu về phía cô Min một tay dựa vào cửa sổ của cỗ xe ngựa.

"Đôra sẽ đến nhà tôi vài hôm. Sáng ngày kia Đôra sẽ cùng tôi về nhà tôi. Nếu anh thích đến thăm chúng tôi, tôi chắc rằng ba tôi sẽ sung sướng được tiếp anh".

Tôi biết làm gì bây giờ, nếu như không phải cầu nguyện thầm Chúa phù hộ cô Min và giữ địa chỉ của cô Min trong góc an toàn nhất của ký ức! Tôi biết làm gì bây giờ nếu như không nói với cô Min những lời nói thiết tha và cặp mắt biết ơn rằng tôi hết sức quý sự giúp đỡ của cô và tình bạn của cô đối với tôi thực là vô giá!

Đoạn cô Min buồn bã bảo tôi trở lại chỗ cũ nói:" Quay lại với Đôra". Và tôi quay lại.

Và Đôra thò đầu ra ngoài xe để nói chuyện với tôi, và chúng tôi nói chuyện suốt cả thời gian đi đoạn đường còn lại, và tôi bắt con ngựa xám xinh đẹp đi gần bánh xe đến nỗi chân trước của nó bị trượt da và theo lời của ông chủ của nó, tôi phải bồi thường ba bảng bảy si linh (tôi trả số tiền và cho đó là hết sức ít ỏi đối với một niềm vui to lớn như thế). Trong lúc ấy, cô Min ngắm trăng và đọc thầm những câu thơ hình như nhắc lại, cái thời mặt trăng và quả đất vẫn còn là một cái gì chung.

Noócút quá gần mất mấy dặm và chúng tôi về sớm mất mấy giờ nhưng ông Xpenlô đã tỉnh dậy khi chúng tôi cách nhà một quãng. Cô Min nói.

"Anh phải về nhà nghỉ chứ. Anh Copơphin".

Tôi nhận lời, chúng tôi ăn xanuých và uống rượu, trong căn phòng chiếu sáng mặt Đôra đỏ hồng đáng yêu đến nỗi tôi không thể rời nàng nửa bước và cứ ngắm nàng như một giấc mơ cho đến khi tiếng ngáy của ông Xpenlô làm cho tôi có đủ đầu óc thực tế để từ biệt. Chúng tôi chia tay…

Tôi đi tất cả đoạn đường về đến Luân-đôn ngồi trên lưng ngựa trong khi vẫn còn cảm thấy bàn tay êm dịu của Đôra đặt lên bàn tay tôi khi từ biệt và cứ tìm cách nhớ lại từng việc nhỏ nhặt, từng lời nói của hôm ấy. Và cuối cùng, khi lên giường nằm tôi là chàng thanh niên ngốc nhất mà tình yêu đã làm cho mất trí.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, tôi kiên quyết bộc lộ tình yêu với Đôra để biết rõ số phận của mình, vấn đề bây giờ là xem tôi sẽ hạnh phúc hay bất hạnh. Theo như tôi biết, trên đời này không còn chuyện nào khác và chỉ có Đôra mới có thể trả lời vấn đề ấy. Suốt ba ngày tôi sống trong cảnh tuyệt vọng cùng cực, cứ lo dằn vặt tôi bằng mọi lời giải thích bi quan có thể nghĩ ra được về tất cả những việc đã xảy ra giữa Đôra và tôi. Cuối cùng, ăn mặc bảnh bao và tốn tiền, tôi đến nhà cô Min mang theo lời tỏ tình.

Đã bao lần tôi đi qua đi lại đường phố, rồi đi quanh khu nhà (nhận thức đau đớn rằng tôi là trả lời

đúng hơn nhiều của câu đố cổ xưa so với câu trả lời thông thường) trước khi có gan bước lên bậc thềm và gõ cửa. Và ngay sau khi đã gõ cửa, tôi vẫn lúng túng nghĩ đến việc hỏi không biết đây có phải là nhà ông Blắcbôi (bắt chước anh Bácкít tội nghiệp) để xin lỗi và rút lui.

Nhưng tôi vẫn giữ vững vị trí.

Ông Min không ở nhà, (tôi cũng không mong ông ở nhà không ai cần đến ông ta). Cô Min ở nhà. Chỉ cần cô Min là đủ.

Người ta dẫn tôi vào một căn phòng ở trên gác ở đấy có cô Min và Đôra. Jíp ở đấy. Cô Min đang chép nhạc (tôi còn nhớ rằng đó là một bài hát mới có đầu đề:

"Vĩnh biệt tình yêu", và Đôra đang vẽ hoa. Tôi cảm động quá khi nhận ra những bông hoa của tôi…chính những bông hoa mà tôi đã mua ở Côvân Gácđân! Tôi không thể nào nói rằng nó giống cho lắm hay nó có liên quan gì đến một bó hoa nào mà tôi đã được ngắm. Nhưng căn cứ vào tờ giấy bọc những bông hoa của tôi mà nàng đã sao lại một cách đúng đắn, tôi hiểu bức tranh vẽ cái gì.

Cô Min rất vui vẻ khi thấy tôi và rất tiếc rằng ông cụ không ở nhà, nhưng tôi có cảm tưởng rằng tất cả chúng tôi đều chịu đựng sự vắng mặt này một cách can đảm cô Min nói thao thao bất tuyệt trong vài phút rồi đặt bút xuống bài "Vĩnh biệt tình yêu", đoạn đứng dậy bước ra khỏi phòng.

Tôi bắt đầu tự nhủ tôi sẽ hoãn việc tỏ tình sang hôm sau.

"Em hy vọng rằng con ngựa tội nghiệp của anh không mệt khi trở về nhà vào buổi tối", Đôra nói, ngước đôi mắt xinh đẹp nhìn tôi. "Nó đi kể cũng dài đấy".

Tôi bắt đầu tự nhủ tôi phải tỏ tình ngay hôm ấy.

"Nó đi cũng dài đấy, bởi vì nó không có gì an ủi, nâng đỡ trên suốt đoạn đường đi".

"Thế nó không ăn gì sao, tội nghiệp", Đôra nói.

Tôi bắt đầu tự nhủ sẽ hoãn việc tỏ tình sang hôm sau.

"C…Ó…Ó…Ó", tôi nói, "nó được săn sóc cẩn thận tôi muốn nói rằng nó không được hưởng cái hạnh phúc vô tận như tôi đã được sống cạnh cô".

Đôra cúi đầu trên bức tranh và nói sau một phút im lặng (trong lúc này tôi đứng yên, nổi cơn sốt kinh liệt và đôi chân cứng đờ).

"Có lúc anh có vẻ không để ý đến hạnh phúc ấy."

Tôi thấy rằng bây giờ mà bước lui thì muộn quá và phải hành động ngay thôi.

"Ít nhất là anh chả quan tâm gì đến cái hạnh phúc ấy", Đôra nói, khẽ dướn đôi lông mày lên và lắc đầu, "khi anh ngồi cạnh cô Kít".

Kít, tôi cần phải nói rõ, đó là tên cô bé áo hồng có đôi mắt ti hí.

"Em không hiểu tại sao anh lại để ý đến nó, hay tại sao anh gọi đó là hạnh phúc. Nhưng cố nhiên anh không nghĩ đến điều anh nói. Cố nhiên anh hoàn toàn tự do muốn làm gì cũng được… Jíp, đồ độc ác, lại đây!".

Tôi không biết tôi đã làm điều đó như thế nào. Điều đó đã được thực hiện trong nháy mắt. Tôi cản đường không cho Jíp đến. Đôra nằm trong cánh tay tôi. Tôi hết sức hùng biện. Tôi không cần phải tìm chữ lần nào. Tôi nói rằng tôi yêu nàng, rằng không có nàng tôi sẽ chết, tôi thờ phụng nàng, trong khi đó Jíp sủa ăng ẳng như điên.

Khi Đôra cúi đầu run lẩy bẩy và khóc, tài hùng biện của tôi lại càng tăng lên. Nếu nàng muốn thấy tôi chết cho nàng, nàng chỉ phải nói một lời là tôi sẵn sàng, sống không được Đôra yêu là điều tôi không tài nào chấp nhận. Tôi không thể chịu nổi, tôi không muốn thế. Tôi nói với nàng tôi đã yêu nàng từng giờ từng phút không kể ngày đêm từ khi tôi thấy nàng lần đầu. Ngay lúc tôi nói với nàng tôi đang yêu điên cuồng. Tôi sẽ yêu nàng mãi mãi. Tôi nói rằng trước tôi những chàng si đã yêu và sau này những chàng si khác sẽ còn yêu nữa; nhưng không bao giờ một chàng si đã yêu, có thể yêu, sẽ yêu hay muốn yêu như tôi yêu Đôra. Tôi càng bốc Jíp càng sủa. Cả hai từng phút một đều trở thành điên rồ theo kiểu của mình.

Đúng thế, đúng thế! Một lát sau, tôi và Đôra ngồi trên ghế xô-pha đã hơi bình thản và Jíp đang nằm trên đầu gối của nàng nheo mắt hiền lành nhìn tôi. Đầu óc tôi được giải phóng. Tôi ở trong tình trạng ngây ngất hoàn toàn. Đôra và tôi đã hứa hôn với nhau.

Tôi giả thiết rằng chúng tôi đã có một ý niệm mơ hồ về chỗ cuộc hứa hôn sẽ kết thúc bằng đám cưới. Chúng tôi phải có những khái niệm nhất định, bởi vì Đôra nêu lên rằng chúng tôi sẽ không lấy nhau nếu không được cha nàng tán thành. Trong phút ngây ngất trẻ trung, tôi không nhớ chúng tôi có nhìn về phía trước hay ngoái lại nhìn về phía sau, hay vươn đến một cái gì ngoài giây phút hiện tại hay không. Chúng tôi phải giữ bí mật không cho ông Xpenlô biết, nhưng tôi tin chắc rằng lúc bấy giờ không bao giờ trong óc tôi nảy ra ý nghĩ rằng trong việc này có điều gì trái với danh dự.

Cô Min lại càng tư lự hơn ngày thường khi Đôra đi tìm cô, đem cô lại. Tôi có cảm tưởng rằng điều vừa xảy ra có xu hướng thức tỉnh những tiếng đồng vọng bị chôn vùi trong ký ức. Nhưng cô che chở cho chúng tôi, cam đoan sẽ giữ một tình bạn vĩnh viễn đối với chúng tôi, và nói chung, cô nói với chúng tôi như một tiếng nói vọng ra từ nhà tu kín.

Chúng tôi đã sống những ngày thật vô tư! Những ngày ấy thực hạnh phúc, thanh cao và ngớ ngẩn!

Khi tôi đo ngón tay Đôra để làm một chiếc nhẫn có những bông lưu ly thảo và khi người thợ kim hoàn thấy tôi mang cỡ ngón tay đến, đoán được ý của tôi, cười đằng sau quyển sổ bán hàng và bắt tôi trả thế nào cũng được về cái trò chơi xinh xắn với những viên đá xanh..,, những hình ảnh ấy trong ký ức tôi gắn chặt với bàn tay của Đôra đến nỗi hôm qua khi ngẫu nhiên thấy một chiếc nhẫn khác tương tự trên ngón tay con gái, bỗng nhiên tim tôi bị xáo động trong chốc lát như đau nhói.

Khi đi thơ thẩn, lòng say sưa vẽ điều bí mật của mình, lấy làm tự đắc, và tự hào đã yêu Đôra và đã được nàng yêu, tôi sung nhượng cho nhau để tránh sa mạc Xahara.

Chúng tôi khóc và giải hòa, rồi lại sung sướng đến nỗi nhà bếp với cái trục cán giấy đã biến thành một bàn thờ của tình yêu, ở đây chúng tôi bàn định một kế hoạch liên lạc qua cô Min. Theo kế hoạch này, một ngày mỗi người phải gửi ít nhất một bức thư!

Thời gian ấy vô tư quá! thời gian ngây thơ, sung sướng dại dột quá! Trong tất cả những ngày của đời tôi mà Thời gian đã nắm được, không lúc nào mà khi hồi tưởng lại tôi có thể mỉm cười và cảm động đến thế.

---

[1] Mari Linut đã thêu một trăm bức tranh nổi tiếng có bức thêu mất mười năm.

Chương XXXIV
CÔ TÔI LÀM TÔI SỬNG SỐT

Tôi viết thư cho Ácnét ngay sau khi hứa hôn với Đôra. Tôi viết cho nàng một bức thư dài trong đó tôi tìm cách nói cho nàng hiểu tôi hạnh phúc như thế nào và Đôra đáng yêu như thế nào. Tôi cầu khẩn Ácnét đừng xem tình yêu ấy là một sự say mê vớ vẩn có thể nhường chỗ cho bất kỳ sự say mê nào khác, hay có điểm gì giống những ham thích trẻ con trước đây mà chúng tôi thường chế nhạo. Tôi cam đoan với nàng rằng tình yêu của tôi là vô cùng sâu sắc và tôi hoàn toàn tin rằng chưa bao giờ có ai cảm thấy một tình yêu như thế.

Khi tôi viết thư cho Ácnét một buổi sáng đẹp trời trước cánh cửa mở rộng, kỷ niệm của đôi mắt bình thản, trong sáng và gương mặt dễ thương của nàng vẫn tràn ngập tâm hồn tôi, có thể nói, nó toát ra một ảnh hưởng êm ả đối với cảnh hối hả và xáo động mà tôi đã sống trong những ngày gần đây, và tình yêu của tôi một phần nào cũng chịu ảnh hưởng ấy đến nỗi tôi cảm động rưng rưng nước mắt. Tôi nhớ rằng, tôi ngồi yên, đầu đặt lên bàn tay, khi bức thư đã viết được một nửa, trong óc ôm ấp mơ ước tựa hồ như Ácnét là một người trong gia đình riêng của tôi. Dường như tôi và Đôra sẽ sung sướng hơn ở đâu hết nếu được ở trong ngôi nhà mà sự có mặt của Ácnét đã làm cho thành thiêng liêng đối với tôi hơn, rằng khi yêu, vui, buồn, hy vọng, thất vọng (tóm lại trong mọi cảm xúc) tim tôi bất giác quay về phía nàng và tìm thấy ở đấy nơi ẩn náu và người bạn tốt nhất của nó.

Tôi không nói gì với nàng về Xtiếcphoóc. Tôi chỉ bảo nàng rằng ở Yácmao có nhiều chuyện buồn do chỗ Emili đã bỏ trốn và biến cố này đã gây cho tôi hai vết thương cùng một lúc, do những trường hợp đã xảy ra sau đó. Tôi biết rằng nàng bao giờ cũng đoán biết sự thật rất tinh và nàng sẽ không bao giờ là người đầu tiên nói đến tên cậu.

Tôi nhận được thư trả lời bức thư này ngay chuyến xe thư sau. Đọc nó tôi có cảm tưởng nghe Ácnét nói với tôi dường như giọng nói thân mật của nàng văng vẳng bên tai. Tôi còn biết nói gì hơn nữa?

Trong khi tôi vắng mặt trong những ngày gần đây, Trátđơn đã đến nhà tôi hai, ba lần. Cậu đã gặp chị Pécgôti, và vì chị đã kể cho cậu biết (vì chị bao giờ cũng sẵn sàng nói điều ấy cho bất cứ người nào muốn biết) rằng chị là chị nhũ mẫu già của tôi, nên cậu đã đối xử rất thân mật với chị và đã ở lại nhà tôi để nói chuyện với chị về tôi. Chị Pécgôti bảo với tôi như thế, nhưng tôi rất ngại rằng câu chuyện hoàn toàn là do chị nói và nói dài dòng vì người ta khó lòng ngắt lời chị (cầu Chúa phù hộ chị!) khi chị nói đến tôi.

Điều này nhắc tôi nhớ không những tôi đợi Trátđơn một buổi chiều nào nó mà cậu đã hẹn trước và bây giờ giờ hẹn đã đến. Nó còn nhắc tôi nhớ bà Crớp đã từ bỏ tất cả mọi công việc của mình (nhưng không từ bỏ tiền công) cho đến khi chị Pécgôti xuất hiện. Bà Crớp sau khi nhiều lần cất giọng lanh lảnh nói về chị Pécgôti ở cầu thang (tôi có cảm tưởng là nói với một con quỷ vô hình nào đó, bởi vì thực ra những lúc ấy bà chỉ có một mình) đã gửi cho tôi một bức thư để trình bày những quan điểm của bà. Bà bắt đầu bằng một câu phổ biến có thể áp dụng cho mọi trường hợp của đời bà (bà nói bà cũng là một bà mẹ) rồi bà tiếp tục nói cho tôi nghe bà đã từng trải nhiều, nhưng trong đời bà, bao giờ bà cũng căm ghét bản năng bọn mật thám, bọn mách lẻo và bọn khách không mời mà đến. Bà không nhắc tên ai, bà nói. Ai muốn nhận đó là mình thì cứ việc nhận, nhưng bao giờ bà cũng khinh bọn mật thám, bọn mách lẻo và bọn khách không mời mà đến, nhất là khi họ mặc đồ tang (mấy chữ này có gạch ở dưới). Nếu người nào là nạn nhân của bọn mật thám, bọn mách lẻo và bọn khách không mời mà đến (bà vẫn không nhắc đến tên ai) thì đó là việc của họ, đó là sở thích của họ. Họ có quyền làm theo ý thích của mình cho nên họ cứ việc làm. Bà Crớp chỉ yêu cầu là bà không muốn "dính níu" vào những

bọn như thế. Vì vậy bà yêu cầu tôi hãy tha lỗi cho bà nếu bà không phục vụ gì căn nhà trên gác, cho đến ngày mọi việc trở lại như cũ và đó là điều bà mong muốn. Bà còn nói thêm rằng sáng thứ bảy nào quyển sổ của bà cũng sẽ nằm trên bàn điểm tâm, và bà yêu cầu tôi phải thanh toán ngay để làm ơn đừng gây nên mọi điều phiền phức "giắc dối" cho cả hai bên.

Sau đó, bà Crớp chỉ làm một việc là đặt những cái bẫy ở cầu thang gác, chủ yếu là những cái lọ và tìm cách lừa sao cho chị Pécgôti ngã gãy chân. Tôi cũng cảm thấy hơi cáu tiết khi phải sống trong tình trạng bị vây hãm như vậy, nhưng tôi sợ bà Crớp quá nên không biết làm thế nào.

"Copơphin" Trátđơn xuất hiện đúng giờ ở cửa phòng tôi, bất chấp những trở lực này, "cậu mạnh khỏe chứ?".

"Trátđơn ạ", tôi nói, "bây giờ được gặp cậu mình mừng quá. Mình rất tiếc mấy lần trước mình vắng mặt. Nhưng mà mình bận quá".

"Mình biết! Mình biết!", Trátđơn nói, "cố nhiên. Người yêu của cậu ở Luân-đôn phải không?".

"Cậu nói gì thế?".

"Cô ấy… mình xin lỗi nhé. Cô Đ…"

Trátđơn nói và đỏ mặt, vì cậu rất tế nhị, "ở Luân-đôn có phải không?".

"Ừ! Gần Luân-đôn".

"Cô của mình, chắc cậu còn nhớ, cô em của mình", Trátđơn nói, vẻ mặt nghiêm trang, "ở Đêvon… Gia đình có mười người. Do đó, mình không bận như cậu…theo nghĩa này".

"Mình tự hỏi làm sao cậu có thể chịu đựng nổi", tôi nói, "khi ít gặp cô ấy như vậy".

"À!" Trátđơn nói có vẻ tư lự, "Copơphin ạ. Điều đó kể cũng kỳ lạ thật, mình cho rằng đó là vì chẳng còn cách nào khác".

"Dĩ nhiên", tôi đáp, mỉm cười và không khỏi đỏ mặt. "Và bởi vì cậu là người kiên nhẫn và thủy chung lắm, Trátđơn ạ".

"Lạy Chúa!", Trátđơn nói, ngẫm nghĩ đến lời tôi nói. "Copơphin ạ, có phải mình đã gây cho cậu cái ấn tượng ấy không? Kể ra mình cũng không biết mình có những đức tính ấy cơ đấy. Nhưng cô ta hết sức dễ thương đến nỗi cô có thể truyền cho mình một phần đức tính của cô. Bây giờ khi cậu làm mình nghĩ đến điều đó, Copơphin ạ, nó không làm mình ngạc nhiên gì hết. Mình cam đoan với cậu rằng cô ấy không bao giờ nghĩ đến cô ấy mà chỉ lo chăm sóc chín người kia".

"Cô có phải là chị cả không?" Tôi hỏi.

"Ồ! không!", Trátđơn nói, "Cô chị cả là một người đẹp".

Hình như cậu thấy tôi mỉm cười khi nghe câu trả lời ngây thơ ấy nên nói thêm, một nụ cười nở trên khuôn mặt ngây thơ. Trátđơn nói:

"Nhưng cố nhiên là cả Xôphi của mình cũng đẹp… cái tên ấy đẹp chứ, phải không Copơphin?".

"Đẹp lắm", tôi nói.

"Cố nhiên, Xôphi của mình cũng đẹp và theo mình Xôphi là một trong những con gái xinh đẹp nhất xưa nay và ai cũng phải thấy thế. Nhưng khi mình nói rằng cô chị cả là một người đẹp, mình muốn nói rằng cô ta quả thực là…", đến đây cậu ta hình như lấy hai tay vẽ những đám mây chung quanh người…", một giai nhân tuyệt sắc, cậu hiểu chưa? - Trátđơn nói giọng kiên quyết.

“Thế kia à?” Tôi nói.

“Ồ! mình cam đoan với cậu”, Trátđơn nói, “thực đẹp tuyệt trần! Như cậu biết, cô ta sinh ra là để làm mọi người ngây ngất nhưng lại không có cách nào hưởng cái thú ấy vì khả năng eo hẹp. Cho nên dĩ nhiên cô ta hơi cáu kỉnh và đôi lúc hơi khắt khe. Xôphi đã làm cho cô thành vui vẻ.”

“Xôphi có phải là người trẻ nhất không?” Tôi hỏi bâng quơ.

“Không”, Trátđơn nói, lấy tay mân mê cằm. “Hai người trẻ nhất mới lên chín hay lên mười”. Xôphi dạy dỗ hai em.

“Thế chắc là con thứ hai?” Tôi hỏi một cách ngẫu nhiên.

“Không”, Trátđơn nói, “người thứ hai là Xara. Xara có một bệnh gì đấy ở xương sống, thực tội nghiệp. Bệnh này sẽ bớt dần, bác sỹ bảo thế. Trong lúc này phải để cho cô ta nằm một năm. Xôphi săn sóc cô ta. Xôphi là con thứ tư”.

“Bà cụ còn sống chứ?” Tôi hỏi.

“Ồ! vẫn còn sống”, Trátđơn nói, “bà cụ là một người đàn bà hơn người; nhưng cái xứ sở ẩm ướt này không thích hợp với cơ thể bà… kết quả bà chân tay bại liệt.”

“Trời ơi!”, tôi nói.

“Điều đó rất buồn có phải không?”, Trátđơn nói. Nhưng về mặt nội trợ thuần túy thì không nghiêm trọng như người ta tưởng,bởi vì Xôphi thay thế bà cụ. Xôphi làm nhiệm vụ bà mẹ đối với mẹ mình cũng như đối với chín chị em khác”.

Trong lòng tôi vô cùng cảm phục những đức tính của cô con gái ấy, nhưng tôi thành thực muốn làm mọi cách để cho lòng tốt của Trátđơn không bị lợi dụng đến nỗi gây tác hại cho tương lai chung của hai người và tôi hỏi về tin tức ông Micôbơ.

“Ông ta khỏe mạnh lắm, Copơphin ạ, mình cảm ơn cậu”, Trátđơn nói, “mình bây giờ không ở nhà ông ta nữa”.

“Thế à?”

“Thực thế! cậu có biết không, thực ra thì…”, Trátđơn bảo tôi và hạ thấp giọng, “ông ta đã đổi tên họ và bây giờ gọi là Moóctinơ vì những khó khăn tạm thời, và không ra khỏi nhà trước khi trời tối… Ngay cả lúc đó, ông ta cũng đeo kính. Người ta đã tịch ký nhà chúng mình vì không trả được tiền trọ. Bà Micôbơ ở trong tình trạng khủng khiếp đến nỗi mình đành phải cho mượn tên mình để viết tờ giấy vay nợ thứ hai mà chúng mình đã bàn ở đây. Cậu có thể tưởng tượng, Copơphin ạ, mình cảm thấy sung sướng như thế nào khi vấn đề được giải quyết như vậy, và bà Micôbơ lại vui vẻ như mọi ngày”.

“Hừm!”, tôi đáp.

“Không phải hạnh phúc của họ được lâu la gì”, Trátđơn nói tiếp, “bởi vì tội nghiệp không đầy một tuần lễ sau, người ta lại tịch ký lần thứ hai. Và lần này mỗi người tan tác mỗi nơi. Từ lúc ấy, mình sống trong một căn nhà có đồ đạc, còn gia đình ông Moóctinơ sống một cuộc đời hết sức cô độc. Mình hy vọng rằng cậu sẽ không bảo mình ích kỷ nếu mình nói cho cậu biết rằng ông lục sự đã mang đi một cái bàn tròn mặt cẩm thạch và cái lọ hoa cùng với giá trị của nó và Xôphi đã mua.”

“Thực là quá tệ!” Tôi nói phẫn uất.

“Đó là một… một đòn nặng đấy”, Trátđơn nói cau mặt lại như mọi ngày mỗi khi cậu nói câu ấy. “Tuy nhiên mình nói thế không phải để trách móc gì đâu, nhưng vì có một lý do. Lý do là, Copơphin ạ,

mình không thể mua lại những vật ấy lúc tịch ký. Thứ nhất là vì, người bán đồ cũ nhận thấy mình muốn giữ lại nên nâng giá trị lên kinh khủng; và thứ hai mình cũng không có tiền. Từ lúc ấy, mình vẫn theo dõi ở cửa hiệu bán đồ cũ", Trátđơn nói, khoái trá về điều bí mật của mình; "cửa hiệu ấy ở cuối đường Tôtenham Cuốcxơ, và bây giờ mình thấy cuối cùng người ta đã đem cái bàn ra bán. Mình chỉ đứng bên kia lề đường nhìn thôi, bởi vì nếu thằng cha bán hàng thấy mình thì trời ơi hắn sẽ chém không biết bao nhiêu mà kể! Bây giờ mình có tiền, mình nảy ý nghĩ có lẽ cậu sẽ không phản đối và sẽ bảo chị nhủ mẫu quý hóa của cậu đi với mình đến cửa hiệu (mình có thể chỉ cho chị ấy thấy từ góc phố gần nhất) để mua lại cho mình với giá rẻ nhất, chị ấy có thể mua được, như là để mua cho chị ấy".

Vẻ khoái trá của Trátđơn khi trình bày cho tôi nghe kế hoạch này và cái ý thức cậu ta thấy mình hết sức ranh mãnh là thuộc vào số những kỷ niệm tươi mát nhất của tôi.

Tôi bảo cậu rằng chị nhũ mẫu già sẽ rất sung sướng được giúp cậu ta và cả ba chúng tôi cùng đi đến tận nơi, nhưng với một điều kiện. Điều kiện ấy là cậu phải trịnh trọng tuyên bố không bao giờ cho ông Micôbơ mượn tên cậu để đi vay nợ hay cho mượn bất kỳ cái gì khác.

"Copơphin ạ", Trátđơn bảo tôi, "Mình cũng đã thề như vậy, bởi vì mình bắt đầu nhận thấy rằng không những mình đã hành động dại dột, mà mình lại còn hết sức bất công với Xôphi. Bởi vì mình đã thề như vậy với mình cho nên mình không sợ gì nữa, nhưng mình cũng hết sức sẵn sàng hứa với cậu. Mình đã trả khoản nợ đầu tiên rủi ro ấy. Đáng lý ông Micôbơ đã trả rồi, nếu như ông có thể trả, nhưng ông không làm được. Có một điều mình phải nói với cậu về ông Micôbơ, Copơphin ạ, và mình rất thú điều ấy. Đó là về khoản nợ thứ hai chưa đến lúc phải trả. Ông không bảo mình rằng nó đã được trả nhưng nói rằng nó sẽ được trả. Mình thấy ông ta nói thế là thẳng thắn và rất trung thực!".

Tôi không muốn làm lòng tin của ông bạn quý hóa bị nguội lạnh nên tôi cũng gật đầu.Sau khi tiếp tục câu chuyện một lát chúng tôi đi quanh đến cửa hiệu hàng xén để rủ chị Pécgôti. Trátđơn không nhận lời ở lại buổi chiều với tôi, trước hết vì cậu cứ ngay ngáy lo sợ tài sản của mình bị một người nào khác mua mất trước khi cậu có thì giờ chuộc lại, và thứ hai, là vì bao giờ cậu cũng dành buổi chiều để viết thư cho cô con gái thân yêu nhất trên đời.

Tôi không bao giờ quên cử chỉ lấp la lấp ló của cậu ở góc phố đường Tôtenham Cuốctơ, trong khi chị Pécgôti mặc cả những mặt hàng quý báu cũng như vẻ xúc động của cậu khi chị lững thững đi về phía chúng tôi sau khi đã định một giá nhưng không được chấp nhận, rồi anh bán hàng nghĩ ngợi gọi chị ta lại và chị quay vào cửa hiệu. Cuối cùng, việc mặc cả kết thúc và chị đã mua những vật này khá rẻ, và Trátđơn sung sướng điên cuồng.

"Tôi rất cảm ơn chị", Trátđơn nói khi biết rằng những vật này chiều hôm ấy sẽ đưa đến tận nhà cậu. "Nếu mình có thể xin chị cho mình một đặc ân, mình hy vọng rằng cậu sẽ không cho đó là vớ vẩn, có phải không Copơphin".

"Cố nhiên là không", tôi nói trước.

"Thế thì, nếu như chị có lòng tốt, Trátđơn nói với Pécgôti nhờ chị lại lấy ngay cái lọ hoa cho một chút, (nó là của Xôphi, Copơphin ạ) và mình cảm thấy sung sướng được tự tay mang về nhà".

Pécgôti vui vẻ đi lấy vật ấy, cho cậu, và sau khi cảm ơn chị rối rít, cậu đi ngược đường Tôtenham Cuốctơ, âu yếm siết chặt lọ hoa trong tay, vẻ mặt hân hoan hơn bao giờ hết.

Sau đó, chúng tôi lại trở về căn nhà của tôi. Vì các phố xá đối với chị Pécgôti có một sức hấp dẫn mà tôi không thấy ở một người nào khác, nên tôi bước đi ung dung, trong lòng sung sướng thấy chị cứ trố mắt nhìn vào các tủ kính và tôi đứng lại bao nhiêu lần cũng được tùy theo ý chị. Vì vậy chúng tôi

phải đi khá lâu mới đến Ađenphi.

Khi bước lên cầu thang tôi bảo chị Pécgôti để ý đến hiện tượng những cái bẫy của bà Crớp đột nhiên biến mất và lại có những dấu chân mới đến. Cả hai chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi lên trên gác thấy cửa phòng mở toang (khi ra đi chúng tôi đã đóng lạ.) và có tiếng nói ở trong.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau không hiểu tại sao và bước vào phòng khách. Tôi sửng sốt làm sao khi thấy những người tôi ít chờ đợi gặp nhất trên đời: cô tôi ở đây và cả ông Đích nữa. Cô tôi ngồi giữa hàng lô hành lý với hai con chim của cô tôi ở trước mặt và con mèo trên đầu gối chẳng khác gì một nữ Rôbinxơn Cơruxâu và đang uống trà, ông Đích có vẻ tư lự đang dựa vào cái diều to tướng giống như những cái diều mà chúng tôi vẫn thường thả ngoài trời và những hành lý khác chồng chất chung quanh ông.

"Cô ơi!", tôi kêu lên. "Trời ơi! Thật là sung sướng bất ngờ quá!".

Chúng tôi hôn nhau thân thiết và ông Đích và tôi bắt tay nhau thân mật; còn bà Crớp đang loay hoay pha trà trong khi hết sức chú ý đến chúng tôi, tuyên bố thân mật rằng bà biết ông Copơphin sẽ rất sung sướng khi được gặp những người thân.

"Này!" Cô nói với chị Pécgôti đang run lẩy bẩy trước cái dáng người bệ vệ của cô tôi, "chị mạnh khỏe chứ?"

"Chị còn nhớ cô tôi chứ chị Pécgôti?" tôi hỏi.

"Lạy Chúa, con ơi!", cô tôi kêu to, "cháu đừng gọi chị bằng cái tên như là tên một hòn đảo ở Thái bình dương. Chị ấy đã lấy chồng đã bỏ cái tên ấy và thế là hay nhất, thế tại sao cháu không gọi chị ấy bằng cái tên khác? Bây giờ chị gọi tên chị là thế nào chị p…?" Cô tôi nói chữ p… là một sự thỏa hiệp để đừng nói đến cái tên xấu xí kia.

"Thưa bà, Bácкít ạ", chị Pécgôti nói và kính cẩn chào.

"Có thế chứ", cô tôi nói," đó mới là tên người chứ. Ít nhất nó cũng không làm cho chị có cái vẻ cần phải được đặt tên thánh lại. Chị mạnh khỏe không chị Bácкít, tôi hy vọng chị mạnh khỏe chứ?"

Được khuyến khích bởi những lời nói ân cần ấy, và bởi cử chỉ của cô tôi đang giơ tay cho chị bắt, chị Bácкít bước lên một bước, nắm lấy bàn tay ấy và cúi chào tỏ lòng biết ơn.

"Tôi thấy rằng chúng ta đã già đi", cô tôi nói. "Từ trước đến giờ chúng ta chỉ gặp nhau có một lần, chắc hẳn chị còn nhớ và lần ấy thật là buồn cười!… Trốt cháu ơi! đưa cho cô một chén trà nữa".

Tôi kính cẩn đưa chén trà cho cô tôi, trong khi thân hình cô tôi vẫn ở trong trạng thái cứng đờ như mọi ngày và tôi đánh bạo trách cô tôi đã ngồi trên cái hòm.

"Cô cho phép cháu kéo cái xô-pha về phía này, hay cái ghế bành", tôi nói. "Tại sao cô lại cứ ngồi bất tiện như thế?"

"Cảm ơn, Trốt ạ", cô tôi đáp, "cô thích ngồi trên những tài sản của cô hơn". Vừa lúc ấy cô tôi nhìn chằm chặp vào mặt bà Crớp và tuyên bố bà không cần phải mất công ở đây làm gì.

"Thưa bà tôi có phải bỏ thêm ít chè trước khi đi ra không ạ?" Bà Crớp hỏi.

"Không, cảm ơn bà" cô tôi đáp.

"Bà có muốn tôi đem lại một thìa bơ nữa không ạ?" Bà Crớp nói, "hay có lẽ bà muốn nếm trứng mới? Hay tôi rán một ít dăm bông nhé? Anh Copơphin tôi không làm được gì cho bà cô yêu quý của anh sao?"

“Thưa bà không ạ”, cô tôi đáp, “tất cả sẽ đâu vào đấy thôi, cảm ơn bà”.

Bà Crớp nãy giờ vẫn cứ mỉm cười tỏ rằng tính tình mình dịu dàng, và cứ nghiêng đầu về một bên để tỏ rằng cơ thể yếu đuối, hai bàn tay cứ xoa xoa để tỏ ra mình muốn phục vụ tất cả những con người xứng đáng được phục vụ, dần dần rút ra khỏi căn phòng, mỉm cười, nghiêng đầu, xoa tay rối rít.

“Ông Đích!” Cô tôi nói, “ông biết điều tôi nói với ông về những cơ hội hèn hạ và những bọn nịnh hót những người có của chứ?”

Ông Đích (có vẻ hơi sợ hãi dường như ông ta đã quên đâu mất) vội vàng trả lời: “Có”.

“Bà Crớp là một thí dụ”, cô tôi nói, “chị Bácкít, chị làm ơn pha trà giúp và rót cho tôi một tách khác chứ cái lối pha trà của mụ ấy tôi không thích đâu”.

Tôi rất hiểu cô tôi nên biết rằng trong tâm tư cô tôi có một điều gì quan trọng và cô tôi đến như thế này là có nhiều ý nghĩa mà một người xa lạ không thể đoán được. Tôi nhận thấy cách cặp mắt cô tôi hướng về phía tôi khi cô tôi tưởng tôi chú ý đến các vật khác và có vẻ đang phân vân, tuy bên ngoài vẫn giữ vẻ bình thản và rắn rỏi.

Tôi bắt đầu tự hỏi không biết tôi có làm điều gì khiến cho cô tôi phật ý không và lương tâm tôi nhắc nhở thầm cho tôi biết rằng tôi vẫn chưa nói cho cô tôi biết về chuyện Đôra. Tôi tự hỏi không biết có thể nào vì chuyện ấy mà cô tôi đến hay không?

Vì tôi biết cô tôi chỉ nói khi nào muốn nói nên tôi ngồi bên cạnh nói chuyện với những con chim và chơi với con mèo, làm ra vẻ hết sức thoải mái. Nhưng thực ra, tôi không thoải mái chút nào, và ông Đích cũng thế, ông đang dựa vào cái diều to tướng đằng sau lưng cô tôi và tìm mọi dịp để nhìn tôi lắc đầu với vẻ mặt ủ dột và lấy ngón tay chỉ trộm cô tôi.

“Trốt ạ!” Cuối cùng cô tôi nói sau khi đã uống trà xong và vuốt lại cái áo thẳng thắn và lau mép. “Chị không cần phải đi chị Bácкít ạ. Trốt, bây giờ cháu đã cứng rắn và đã tự tin chưa?”

“Thưa cô cháu hy vọng như vậy.”

“Cháu có tin như vậy không?” Cô tôi hỏi.

“Cháu tin thế cô ạ.”

“Thế thì cháu ạ”, cô tôi nói, đưa mắt nhìn tôi chăm chú, “cháu có biết tại sao chiều nay cô thích ngồi trên những tài sản của mình không?”

Tôi lắc đầu bởi vì tôi không sao đoán được.

“Đó là vì cô chỉ có thế này nữa mà thôi”, cô tôi nói, “bởi vì cô đã phá sản rồi cháu ạ”.

Nếu ngôi nhà và tất cả chúng tôi đều đổ nhào xuống sông cùng một lúc, tôi cũng không bị kích động hơn.

“Ông Đích biết”, cô tôi nói, đặt bàn tay dịu dàng lên vai tôi, “cô phá sản rồi Trốt ạ! Tất cả những gì cô có ở trên đời đều ở trong phòng này không kể ngôi nhà nhỏ; ngay cả ngôi nhà ấy cô cũng để lại cho Janét thuê… Chị Bácкít, tôi phải tìm một cái giường cho ông này nằm tối nay. Để đỡ tốn kém có lẽ chị có thể đặt một cái gì đó ở đây cho tôi… Bất kỳ cái gì cũng được. Chỉ tối nay thôi mà. Ngày mai chúng ta sẽ bàn thêm về việc này.”

Tôi tỉnh dậy khỏi tình trạng ngơ ngác, và lo lắng cho cô tôi (tôi tin chắc như vậy) khi cô tôi ôm chầm lấy cổ tôi trong một lát và vừa khóc vừa nói rằng cô chỉ lo cho tôi mà thôi. Nhưng lát sau, cô tôi đã làm chủ được cảm xúc ấy và nói với vẻ đắc thắng hơn là tuyệt vọng:

“Chúng ta phải dũng cảm đương đầu với những bất hạnh cháu ạ, và chúng ta đừng để cho nó làm ta sợ hãi. Chúng ta phải đóng vai trò của mình đến cùng, chúng ta phải thắng sự bất hạnh, Trốt ạ.”

Chương XXXV
CHÁN NẢN

Khi vừa hoàn hồn, (tôi đã hoàn toàn mất tỉnh táo sau cái đòn quá nặng đầu tiên khi nghe cô tôi báo tin), tôi bảo ông Đích đi một vòng đến cửa hàng xén để giữ cái giường mà ông Pécgôti gần đây đã để trống. Hiệu hàng xén ở chợ Hăngơphoóc và chợ Hăngơphoóc bấy giờ là một nơi rất khác ngày nay; trước cửa hiệu có một dãy cột gỗ thấp (giống loại dãy cột trên những phong vũ biểu trước ngôi nhà với những hình đàn ông và đàn bà nhỏ xíu) và ông Đích rất thích dãy cột ấy. Vinh dự được sống trên cái kiến trúc ấy cũng có thể bù đắp nhiều điều bất tiện cho ông, tôi có thể nói như vậy - nhưng vì ông không phải chịu nhiều điều bất tiện, ngoài cái mùi lẫn lộn mà tôi đã nói và có lẽ căn phòng cũng hơi chật một chút, nên ông hết sức thích thú chỗ ở của mình. Bà Crớp đã bực bội bảo ông rằng ở đây không có đủ chỗ để cho một con mèo nhảy, nhưng ông Đích đã nhận xét đúng đắn khi ngồi ở đầu giường, hai chân xát vào nhau.

"Trốt ạ, cháu biết rằng chú không thích cho mèo nhảy. Chú không bao giờ cho mèo nhảy hết; như thế thì chú cần gì?"

Tôi tìm cách xem thử ông Đích có biết gì về những nguyên nhân gây nên sự thay đổi to lớn và đột ngột trong những công việc của cô tôi hay không. Như tôi có thể đoán trước, ông chẳng có một khái niệm nào hết. Lời giải thích duy nhất mà ông có thể nói với tôi về điểm này đó là câu sau đây mà cô tôi đã nói với ông cách đây hai hôm: "Này! Ông Đích, ông có phải thực sự là một triết gia như tôi nghĩ hay không?" Ông trả lời; "Vâng tôi hy vọng thế". Cô tôi nói "ông Đích ạ! Tôi đã phá sản rồi!", ông Đích nói, "Ồ! Thế à!". Thế rồi cô tôi khen ngợi ông không tiếc lời làm ông rất sung sướng. Sau đó hai người đến tìm tôi và trên đường đi họ ăn xanuých và uống rượu bia nâu ở trong chai.

Ông Đích có vẻ đắc chí khi ngồi ở đầu giường, hai chân xoa vào nhau kể lại tất cả điều này, đôi mắt to mở rộng, gương mặt sáng lên với một nụ cười ngơ ngác, đến nỗi tôi phát cáu (tôi rất tiếc đã nói điều này) phải giải thích cho ông biết phá sản là nghèo khổ, thiếu thốn và đói rét. Nhưng thái độ vụng về của tôi ngay sau đó đã bị trừng phạt nặng nề: tôi thấy gương mặt ông tái đi và nước mắt chảy trên gò má, ông đưa mắt nhìn tôi với một cái nhìn buồn rầu khó tả đến nỗi có thể làm một con tim cứng rắn hơn tim tôi nhiều phải cảm động. Để an ủi ông, tôi đã phải mất rất nhiều công hơn nhiều so với việc tôi đã làm để khiến ông thất vọng và tôi hiểu ngay (như lẽ ra tôi phải hiểu ngay từ đầu) rằng sở dĩ ông ta yên tâm như thế là vì ông tin tưởng vào người đàn bà khôn ngoan và tuyệt diệu nhất trên đời và tin tưởng vô hạn vào những khả năng trí tuệ của tôi. Ông cho rằng cái điều này có thể khắc phục được bất kỳ sự bất hạnh nào chưa đến nỗi hoàn toàn tuyệt vọng.

"Chúng ta phải làm gì bây giờ, Trốtút?", Ông Đích hỏi tôi, "Còn có quyền hồi ký…"

"Cố nhiên, cháu biết", tôi nói. "Nhưng điều duy nhất hiện nay chúng ta có thể làm, chú Đích ạ, là giữ một vẻ mặt vui vẻ và đừng để cho cô cháu thấy rằng chúng ta đang nghĩ đến điều đó."

Ông gật đầu tán thành hết sức nhiệt tình và yêu cầu tôi nếu thấy ông đi chệch khỏi con đường phải đi một ly thì hãy nhắc cho ông trở lại bằng một trong những phương pháp tài tình mà bao giờ tôi cũng có sẵn. Nhưng tôi rất tiếc phải nói rằng nỗi lo sợ mà tôi đã gây cho ông đã tỏ ra quá mạnh không thể nào khắc phục được dù ông đã hết sức cố gắng che giấu. Trong suốt cả buổi tối, đôi mắt của ông nhìn ngơ ngẩn vào gương mặt cô tôi với cái vẻ lo lắng buồn rầu dường như thấy cô tôi gầy đi từng phút một. Ông nhận thấy điều đó và bắt đầu phải tuân theo ý muốn của mình; nhưng riêng việc ông giữ cái đầu yên lặng trong khi đôi mắt vẫn cứ đảo đi đảo lại luôn luôn như một cái máy vẫn không cứu vãn được gì. Tôi thấy ông nhìn ổ bánh mỳ của chúng tôi trong bữa ăn tối (bánh mỳ này nhỏ) dường như để

chống lại đói khổ chúng tôi chỉ còn có cái ổ bánh mỳ ấy nữa mà thôi; và khi cô tôi giục ông ăn như mọi ngày tôi phát hiện thấy ông đang nhét trộm vào túi những mẩu bánh và những mẩu pho mát của ông (chắc hẳn để cứu chúng tôi sống lại bằng những mẩu ấy khi nào chúng tôi đã đi đến giai đoạn kiệt sức).

Cô tôi trái lại, hoàn toàn tự chủ được mình, và đó là một bài học cho tất cả chúng tôi… Ít nhất là cho tôi. Cô tôi rất ân cần đối với chị Pécgôti, chỉ trừ khi tôi vô tình gọi chị bằng cái tên ấy. Và mặc dầu tôi biết cô tôi cảm thấy mình là một người xa lạ ở Luân-đôn, cô tôi vẫn tỏ ra hết sức thoải mái. Cô sẽ nằm trên cái giường của tôi, và tôi sẽ nằm trong phòng khách để bảo vệ cho cô. Cô rất chú ý đến việc ngôi nhà ở rất gần sông Temxơ, trong trường hợp cháy nhà và tôi giả thiết rằng vị trí này quả thực đã làm cho cô tôi hài lòng.

"Trốt cháu ạ", cô tôi nói khi thấy tôi đang chuẩn bị điều chế thức uống buổi tối hằng ngày của cô, "đừng pha rượu".

"Cô không uống gì cả à?"

"Không, không uống rượu đâu cháu ạ, uống bia thôi".

"Nhưng còn rượu đây cô ạ, và bao giờ cô cũng đều chê nó với rượu".

"Hãy giữ rượu đấy để khi nào ốm đau. Không nên dùng nó bừa bãi. Trốt! Rót bia cho cô đi. Một nửa cốc."

Tôi tưởng rằng ông Đích sẽ ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Vì cô tôi kiên quyết nên tôi đi ra phố để lấy bia. Lúc bấy giờ trời đã khuya, chị Pécgôti và ông Đích nhân dịp ấy cùng đến hiệu hàng xén. Tôi rời khỏi con người tội nghiệp ở góc phố với cái diều to lớn ở trên lưng, hình ảnh nổi bật của sự khốn khổ của con người.

Cô tôi đi đi lại lại trong phòng khi tôi quay lại, và đang lấy ngón tay quấn cái nếp xung quanh cái mũ trụp để đội ban đêm. Tôi nấu bia và nướng bánh mì theo những nguyên tắc thường ngày và bất di bất dịch. Khi món ăn của cô tôi đã xong, cô tôi cũng sẵn sàng ngồi vào ăn, đầu đội chiếc mũ trụp, váy kéo lên đến gối.

"Này cháu", cô tôi nói sau khi uống một thìa, "thế này ngon hơn rượu nho nhiều. Lại không nặng bằng".

Tôi có vẻ ngờ vực, hình như thế, vì cô tôi nói thêm.

"Này cháu ạ. Nếu như tình hình chỉ bó hẹp vào chỗ chúng ta chỉ phải uống bia mà thôi, thì cũng đã khá rồi đấy".

"Cô ạ, riêng cháu, cháu cũng muốn nghĩ thế."

"Thế thì tại sao cháu lại không nghĩ hẳn như thế có được không?", cô tôi hỏi.

"Bởi vì cô với cháu là những người rất khác", tôi đáp.

"Rõ vớ vẩn, Trốt ạ!", cô tôi đáp.

Cô tôi tiếp tục uống bia nóng bằng một thìa uống trà và nhúng những khoanh bánh nướng vào bia mà ăn, trông vẫn điềm nhiên, không có vẻ gì là kiểu cách cho lắm nếu như có cố gắng.

"Trốt ạ!", cô tôi bảo. "Nói chung, cô không thích những người mới, nhưng cháu có biết không, cô cũng thích chị Bácкít của cháu đấy".

"Cháu thích nghe cô nói điều đó hơn là nhận được một trăm bảng", tôi nói.

“Thế giới này cũng kỳ quặc thực”, cô tôi vừa nói vừa lau mũi. “Làm sao chị ấy lại có thể bước vào đời với một cái tên như thế, đó là một điều cô không thể cắt nghĩa được. Chị ấy sinh ra tên là Jắcxôn, hay với một cái tên nào đại khái như vậy chẳng phải dễ nghe hơn không, cô nghĩ như thế đấy”.

“Có lẽ chị cũng nghĩ thế nhưng chị ấy biết làm thế nào”, tôi nói.

“Có lẽ cháu có lý”, cô tôi đáp một cách miễn cưỡng, nhưng không khỏi bực mình. “Nhưng bây giờ chị ấy tên là Bácкít rồi. Thế là đã là một điều an ủi nhỏ. Chi Bácкít yêu cháu lắm, Trốt ạ”.

“Chị ấy sẵn sàng làm bất cứ điều gì để chứng minh điều đó”, tôi nói.

“Sẵn sàng làm tất cả, Cô cũng nghĩ thế”, cô tôi đáp, “Con bé tội nghiệp, cầu khẩn, van nài cô cho phép nó biếu cô ít tiền - vì nó có nhiều quá! Ngốc thật!”.

Những giọt nước mắt sung sướng của cô tôi rơi xuống cốc bia nóng hổi. Cô tôi nói:

“Chị ta là con người buồn cười nhất trên đời. Ngay từ khi cô thấy nó lần đầu với con bé yêu quý tội nghiệp là mẹ cháu, cũng không có ai buồn cười như nó. Nhưng chị Bácкít cũng có những chỗ tốt!”

Cô tôi gượng cười để có dịp giơ tay lên mắt. Sau đó, cô tôi vừa ăn bánh mì vừa nói chuyện. Cô tôi thở dài, nói:

“À. lạy Chúa, cô biết tất cả rồi Trốt ạ. Chị Bácкít và cô đã nói chuyện với nhau trong khi cháu đi ra với chú Đích. Cô đã biết tất cả. Về phần cô, cô không hiểu những con bé khổ sở kia có thể hy vọng chút gì. Cô tự hỏi tại sao chúng không đập đầu vào… vào lò sưởi”. (Có lẽ cô nảy ra ý nghĩ ấy vì đang ngắm lò sưởi của tôi).

“Tội nghiệp cho Emili!”, tôi nói.

“Ồ! chẳng tội nghiệp gì hết, đừng nói với cô như thế”, cô tôi đáp lại. “Lẽ ra nó phải nghĩ đến điều đó trước khi gây nên những đau khổ như thế! Trốt, cháu hôn cô đi. Cô tiếc rằng cháu sớm có kinh nghiệm ấy như thế”.

Khi tôi cúi xuống, cô tôi đặt cái cốc lên đầu gối tôi để giữ tôi lại và nói:

“Ồ! Trốt! Trốt! Thế cháu tưởng rằng cháu yêu sao? Có thật yêu không?”

“Đâu có phải là tưởng tượng, thưa cô”, tôi kêu lên, mặt đỏ như gấc. “Cháu tôn thờ cô ta với tất cả tâm hồn!”.

“Đôra chứ gì?”, Cô tôi đáp lại. “Cháu muốn nói rằng con bé đẹp mê hồn chứ gì!”

“Cô ơi”, tôi đáp, “không ai có thể hình dung cô ấy đẹp như thế nào!”

“À, thế không ngốc chứ?” Cô tôi nói.

“Ngốc ư? thưa cô!”

Thú thực tôi tin chắc rằng chưa bao giờ tôi tự hỏi, dù chỉ trong một phút, xem nàng có ngốc hay không, cố nhiên ý nghĩ ấy làm tôi khó chịu, nhưng nó vẫn làm tôi ngạc nhiên vì nó hoàn toàn mới mẻ.

“Không dại dột chứ?” Cô tôi nói.

“Dại dột à, thưa cô?” Tôi chỉ có thể nhắc lại lời xét đoán táo bạo này cũng với cái cảm giác tương tự như khi tôi nhắc lại câu hỏi thứ nhất.

“Thôi được, cô chỉ hỏi thế thôi”, cô tôi nói. “Cô không chê bai gì nó đâu. Đúng là một cặp vợ chồng tội nghiệp! Thế rồi anh chị nghĩ rằng mình sinh ra là để lấy nhau, và sẽ sống một cuộc đời sung sướng như một bữa tiệc chẳng khác gì hai con búp bê xinh đẹp. Có phải thế không, Trốt?”

Cô tôi hỏi tôi câu ấy thân mật dễ thương, nửa đùa bỡn, nửa buồn rầu, làm tôi rất cảm động. Tôi đáp:

"Cô ơi, cháu biết bọn cháu còn trẻ và không có kinh nghiệm. Và có thể nói, chúng cháu đã nghĩ và nói nhiều điều ngớ ngẩn. Nhưng cháu tin chắc rằng chúng cháu yêu nhau tha thiết. Nếu cháu nghĩ Đôra có thể yêu một người nào khác, hay thôi không yêu cháu nữa, thì cháu không biết cháu sẽ làm gì… chắc cháu phát điên mất!"

"Ồ! Trốt" cô tôi nói, lắc đầu, mỉm cười tư lự; "thực mù quáng, mù quáng!"

"Trốt ạ, cô biết một người", cô tôi nói tiếp sau khi im lặng một lát, "mặc dầu tính tình dễ bảo, đã yêu một cách đứng đắn làm cô nhớ đến con bé tội nghiệp. Sự đứng đắn đó là điều người ấy phải tìm để nâng đỡ mình và giáo dục mình, Trốt ạ. Tình yêu đứng đắn, sâu sắc, thủy chung và trung thành".

"Cô ơi, nếu như cô biết Đôra đứng đắn như thế nào!", tôi kêu lên.

"Ồ! Trốt ơi! Mù quáng, mù quáng!".

Và không hiểu sao, tôi cảm thấy một nỗi bất hạnh mơ hồ hay một nỗi trống trải bâng quơ phủ lấy tôi như một đám mây.

Cô tôi nói:

"Tuy vậy, tôi không muốn làm hai anh chị trẻ tuổi chán nhau hay làm họ khổ sở; vì vậy, mặc dầu đây là tình yêu của trẻ con và loại tình yêu trẻ con rất nhiều khi - cháu nhớ rằng cô không nói bao giờ cũng thế đâu nhé - không đi đến đâu, nhưng chúng ta cũng sẽ bàn đến việc này nghiêm chỉnh và hy vọng rằng tình yêu này một ngày mai đây sẽ có kết quả may mắn. Chúng ta còn chán thì giờ để xem nó kết thúc ra sao!".

Nói chung, những lời này không phải là khích lệ cho lắm đối với một chàng si ngây ngất; nhưng tôi sung sướng đã bộc lộ tâm sự với cô tôi và tôi nhận thấy rằng cô tôi đã mệt. Tôi cảm ơn tha thiết cô tôi đã yêu quí tôi như vậy cũng như về tất cả mọi sự săn sóc khác đối với tôi; và sau khi âu yếm chúc tôi ngủ ngon, cô tôi cầm mũ trụp đi vào phòng ngủ của tôi.

Khi nằm xuống ngủ, tôi cảm thấy khổ sở quá! Tôi cứ nghĩ đi nghĩ lại về chỗ ông Xpenlô thấy tôi nghèo khổ; về chỗ tôi không còn là con người như tôi vẫn tưởng khi tôi tỏ tình với Đôra; về chỗ tôi phải dũng cảm nói cho Đôra biết tình hình tài sản của mình và để cho nàng được tự do nếu như nàng muốn; về chỗ tôi phải làm gì để sống trong thời gian tập sự dài dằng dặc trong lúc đó tôi không kiếm được đồng nào? Tôi phải làm gì để giúp đỡ cô tôi, trong khi chẳng tìm thấy lối thoát nào hết? Tôi nghĩ đến cái cảnh túi hết tiền, mặc cái áo bệ rạc, không tài nào mang tặng Đôra những món quà nhỏ, không thể cưỡi con ngựa xám xinh đẹp và xuất hiện với cái vẻ hào hoa! Tôi biết tôi tỏ ra xấu xa và ích kỷ vì cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn quá nhiều đến những bất hạnh của riêng mình và điều đó làm lương tâm tôi bị giằn vặt, nhưng tôi mê Đôra quá nên không sao làm khác được. Biết rằng nghĩ đến mình nhiều mà nghĩ đến cô tôi ít là tệ bạc nhưng thái độ ích kỷ của tôi đã gắn chặt với Đôra, và tôi không thể gạt bỏ Đôra vì bất cứ người nào. Tối hôm ấy, tôi khổ sở vô cùng!

Hễ chợp mắt là tôi nằm mơ thấy cảnh nghèo khổ dưới mọi trạng thái và tôi cảm thấy mình vẫn nằm mơ trong khi chưa ngủ. Khi thì tôi quần áo rách rưới đến bán diêm cho Đôra, một nửa pen-ni sáu bao. Khi thì tôi mặc áo ngủ, đi giày ủng đến sở và bị ông Xpenlô trách vì ăn mặc xoàng xĩnh như vậy mà ra trước khách hàng; khi thì tôi đói quá nhặt những mẩu bánh bích quy của cụ Típphây rơi vương vãi dưới đất (hàng ngày cụ vẫn ăn vào lúc đồng hồ nhà thờ Xanh Pôn điểm một giờ); khi thì tôi tìm mọi cách xoay xở cho có được giấy hôn thú lấy Đôra nhưng không có gì để trả ngoài chiếc găng tay của

Uria Híp đã bị tất cả Pháp-viện vứt bỏ. Và cứ thế, trong khi vẫn mang máng nhớ rằng mình đang nằm trong căn phòng của mình, tôi cứ vật vã loay hoay như một con tàu bị đắm kêu cứu giữa một biển những chăn và đệm.

Cô tôi cũng thao thức, vì chốc chốc tôi lại nghe tiếng bước chân cô tôi đi đi lại lại. Đang đêm, hai ba lần mặc áo choàng dài bằng dạ - áo này làm cho cô tôi trông cao đến hai mét - cô tôi xuất hiện trong phòng tôi như một con ma bị quấy nhiễu và đến ngồi cạnh tôi trên chiếc xô-pha tôi đang nằm. Lần thứ nhất, tôi giật mình hốt hoảng nghe cô tôi nói rằng điện Oétminxtơ phát hỏa bởi vì cô tôi nhận thấy có một ánh sáng đặc biệt ở trên trời; và cô tôi hỏi tôi nếu gió đổi chiều thì liệu lửa có lan đến đường Bớckinham không. Sau đó, nằm yên không cử động, tôi nhận thấy cô tôi ngồi cạnh tôi nói thì thầm một mình "Tội nghiệp thằng bé!" Và điều này làm tôi khổ cực gấp trăm lần vì tôi thấy cô tôi đã lo lắng vô tư đến tôi như thế, còn bản thân tôi lại ích kỷ chỉ nghĩ đến mình.

Khó lòng tin rằng một đêm dài như thế đối với tôi lại có thể là ngắn đối với bất kỳ người nào khác. Ý nghĩ này làm tôi nghĩ đi nghĩ lại đến một bữa tiệc tưởng tượng trong đó người ta khiêu vũ hết giờ này sang giờ khác cho đến khi ý nghĩ này cũng biến thành một giấc mơ và tôi nghe tiếng nhạc chơi không ngừng theo một giai điệu đơn điệu và Đôra cứ mải miết nhảy một điệu vũ duy nhất mà không để ý gì đến tôi. Con người đã chơi thụ cầm suốt đêm cứ lo lấy cái mũ trụp để đội ban đêm kích thước bình thường che cây đàn nhưng không được, và khi tôi tỉnh dậy, hay đúng hơn khi tôi không cố gắng ngủ nữa, tôi thấy cuối cùng mặt trời rực rỡ đã chiếu qua cửa sổ.

Lúc bấy giờ ở cuối con đường Xtrandơ có một bể tắm La-mã đã cũ[1] (hiện nay có thể nó vẫn còn) và tôi đã nhiều lần lao mình xuống làn nước mát lạnh của nó. Để chị Pécgôti săn sóc cô tôi, tôi lặng lẽ mặc quần áo, đoạn lao đầu vào bể tắm ấy và đi dạo một vòng đến Hamxtit. Tôi hy vọng rằng cách chữa kiên quyết này sẽ làm đầu óc tôi mát mẻ một chút; và tôi tin rằng nó có tác dụng tốt, bởi vì ngay sau đó tôi đi đến kết luận rằng điều đầu tiên tôi phải làm là tìm cách hủy bỏ bản giao kèo tập sự để lấy lại số tiền đặt cọc. Tôi ăn điểm tâm trong công viên Hamxtit và lửng thửng đến Pháp-viện, trên những con đường ẩm ướt thơm ngát mùi hương những bông hoa mùa hạ mọc trong khu vườn hay do những người bán hoa mang đến Luân-đôn bán, và tập trung chú ý đến cố gắng đầu tiên này để đương đầu với những hoàn cảnh đã đổi thay khác trước.

Tuy vậy, tôi vẫn đến sở sớm đến nỗi phải đi lang thang nửa giờ chung quanh Pháp-viện trước khi cụ Típphây (cụ bao giờ cũng đến trước) xuất hiện với cái chìa khóa. Rồi tôi ngồi trong cái góc tối om của tôi, nhìn ánh mặt trời chiếu trên những chiếc lọ đặt trên lò sưởi đối diện, bâng khuâng nghĩ đến Đôra cho đến khi ông Xpenlô đầu tóc uốn quăn bước vào.

"Anh Copơphin, anh mạnh khỏe chứ! Buổi sáng thật đẹp!"

"Thưa ông buổi sáng trời đẹp thực, ông có cho phép tôi thưa với ông một câu chuyện, trước khi ông đến tòa án không ạ?"

"Rất sẵn sàng!", ông nói. "Anh vào phòng tôi".

Tôi bước theo ông vào phòng, và ông bắt đầu mặc cái áo quan tòa và trang điểm mình một chút trước cái gương nhỏ treo phía trong cánh cửa tủ sát tường.

"Tôi rất tiếc phải báo cho ông biết", tôi nói, "tôi có những tin buồn về cô tôi".

"Thực thế à?" - ông nói, "trời ơi, tôi mong rằng chắc không phải là bệnh tê liệt chứ?"

"Điều này không liên quan đến sức khỏe của cô tôi", tôi đáp. "Cô tôi đã bị những tổn thất nặng nề, thực ra gia sản cô tôi không còn lại bao nhiêu nữa".

“Anh làm tôi hoảng hồn, anh Copơphin ạ”. Ông Xpenlô kêu lên.

Tôi lắc đầu, nói:

“Thưa ông, thực ra, tình hình gia sản của tôi đã thay đổi đến nỗi tôi muốn hỏi ông xem có thể… cố nhiên chúng tôi phải hy sinh một phần về số tiền đặt cọc”, tôi nói thêm câu này vì thấy vẻ mặt ông Xpenlô lúc ấy tỏ ra lúng túng…“hủy bỏ hợp đồng”.

Không ai có thể biết tôi đã phải cố gắng như thế nào để đưa ra đề nghị ấy. Điều ấy đối với tôi chẳng khác gì xin đặc ân kết án đày đi xa, cách xa Đôra.

“Hủy bỏ bản hợp đồng à, anh Copơphin? Hủy bỏ à?”

Với một giọng khá kiên quyết, tôi giải thích cho ông biết rằng hiện nay tôi không biết làm thế nào mà sống ngoài cách tự mình kiếm kế sinh nhai, về tương lai, tôi không sợ gì hết, tôi nói và tôi nhấn mạnh điểm ấy dường như để ông biết rằng một ngày kia tôi vẫn có thể là một anh con rể tàm tạm của ông, nhưng hiện nay, tôi chỉ còn cách lo lấy thân mình mà thôi.

“Tôi rất buồn khi nghe thấy tin ấy, anh Copơphin ạ”, ông Xpenlô nói, “tôi rất buồn. Hủy bỏ một bản hợp đồng tập sự vì những lý do đại loại thế này không phải là việc phù hợp với thủ tục xưa nay. Đó không phải là một tiền lệ tốt. Hoàn toàn không. Đã thế…”

“Ông rất tốt” - tôi nói thầm hy vọng ông sẽ nhượng bộ.

“Không đâu! Anh đừng cảm ơn tôi”, ông Xpenlô nói. “Tôi muốn nói rằng, dẫu sao nếu như tôi không bị ràng buộc, nếu như tôi không có một người cộng tác… Ông Joóckin…”. Những hy vọng của tôi biến thành mây khói. Tuy nhiên, tôi còn thử cố gắng một lần nữa xem sao.

“Thưa ông, nếu tôi nói điều này với ông Joóckin, ông thấy thế nào ạ?”

Ông Xpenlô lắc đầu có vẻ tuyệt vọng.

“Lạy Chúa, anh Copơphin ạ”, ông đáp. “Tôi không bất công với ai!… Nhất là đối với ông Joóckin. Nhưng tôi biết người cộng tác của tôi, anh Copơphin ạ. Ông Joóckin không phải hạng người có thể chấp nhận một đề nghị đặc biệt như vậy. Rất khó lòng kéo ông ta ra khỏi những con đường quen thuộc. Anh biết ông ta là người thế nào rồi chứ?”

Tôi dám chắc tôi không biết gì về ông Joóckin, ngoài việc lúc đầu ông ta làm việc này một mình và bây giờ ông ta sống một mình trong một ngôi nhà gần khu phố Montâygiu - ngôi nhà này tôi sợ cần phải quét vôi lại; ông ta đến sở rất muộn và về rất sớm, người ta dường như không hỏi ông gì hết, ông có một cái phòng làm việc nhỏ như một cái xà lim ở tầng hai, ở đấy người ta không bàn về công việc, và trên bàn giấy của ông có cả một khối giấy vẽ đã cũ, vàng khè, chưa hề bị mực đụng đến và nghe đâu đã được hai mươi năm.

“Nếu tôi nói chuyện này với ông ta, ông thấy có gì trở ngại không ạ?”, tôi hỏi.

“Không, không có gì trở ngại hết” - ông Xpenlô nói, “nhưng tôi đã có kinh nghiệm về ông Joóckin, anh Copơphin ạ. Tôi rất tiếc không thể làm khác được bởi vì tôi sẽ rất sung sướng có thể làm anh vừa lòng về mọi mặt. Tôi không hề phản đối về việc anh nói điều đó với ông Joóckin nếu như anh thấy cần nói”.

Lợi dụng lời cho phép này kèm theo một cái bắt tay nóng hổi, tôi ngồi yên nghĩ đến Đôra, nhìn ánh nắng mặt trời chiều trên những cái bình trên lò sưởi của ngôi nhà trước mặt cho đến khi ông Joóckin đến.

Sau đó, tôi lên phòng ông Joóckin và rõ ràng ông ta rất ngạc nhiên khi thấy tôi xuất hiện.

"Anh Copơphin, mời anh vào", ông Joóckin nói.

Tôi bước vào và ngồi xuống, đoạn trình bày trường hợp của tôi cũng tương tự như tôi đã trình bày với ông Xpenlô. Ông Joóckin hoàn toàn không phải là con người dễ sợ như người ta tưởng, mà là một con người sáu mươi tuổi, cao lớn, hiền từ, không có râu và dùng nhiều thuốc lá để hít đến nỗi trong Pháp-viện người ta kháo nhau rằng ông sống chủ yếu bằng chất kích thích này bởi vì trong cơ thể ông không còn chỗ nào để nhét những thức ăn khác.

"Anh đã nói chuyện với ông Xpenlô rồi chứ?", ông Joóckin hỏi tôi sau khi đã nghe tôi nói đầu đuôi, có vẻ nóng ruột.

"Vâng", tôi đáp, "và ông Xpenlô đã bảo tôi hỏi ông".

"Thế ông ấy có bảo anh rằng tôi phản đối không?"

Tôi đành phải thừa nhận rằng ông Xpenlô cho rằng điều đó có thể xảy ra.

"Anh Copơphin ạ, tôi rất tiếc phải nói với anh rằng tôi không thể nghe theo lời đề nghị của anh được", ông Joóckin nói, hơi cáu kỉnh, "sự thực là… Nhưng tôi có hẹn với người ta ở Ngân hàng. Anh ta cho phép tôi".

Nói đoạn ông ta hối hả đứng dậy định ra khỏi phòng, bỗng tôi đánh bạo nói với ông ta rằng nếu thế thì tôi sợ không có cách nào thu xếp vấn đề này.

"Không!", ông Joóckin nói, dừng lại ở ngưỡng cửa để lắc đầu. "Ồ! Không! Tôi phản đối, anh hiểu không?", ông nói một cách hối hả rồi đi ra. "Anh Copơphin ạ, anh phải biết rằng…" ông ta nói thêm, lại đưa mắt nhìn vào trong nhà có vẻ lo lắng. "Nếu như ông Xpenlô không chịu…"

"Thưa ông, riêng ông ấy thì ông ấy không phản đối gì ạ!".

"Ồ! Riêng ông ấy", ông Joóckin nhắc lại có vẻ nóng ruột.

"Tôi cam đoan với anh rằng ông ta không nghe đâu, anh Copơphin ạ. Không có hy vọng gì hết! Điều anh muốn là không thể được. Tôi… tôi thực có hẹn với người ta ở Ngân hàng".

Nói đoạn, ông ta ba chân bốn cẳng bỏ chạy và theo như tôi biết đích xác, ba ngày sau mới thấy ông ta có mặt ở Pháp-viện.

Vì lo lắng không muốn bỏ lỡ một dịp nào nên tôi chờ đợi, cho đến khi ông Xpenlô trở về, và tôi kể lại những điều đã xảy ra đồng thời nói cho ông biết tôi hy vọng rằng ông vẫn có thể làm cho ông Joóckin trơ trơ như đá kia sẽ cảm động nếu như ông vui lòng làm điều đó.

"Anh Copơphin ạ!", ông Xpenlô nói với tôi, miệng nở một nụ cười khôn khéo - "Anh không biết ông bạn cộng tác của tôi lâu như tôi biết. Tôi hoàn toàn không hề có ý nghĩ cho rằng ông ta mánh khóe. Nhưng ông Joóckin có một lối phản đối thường làm cho người ta hiểu lầm. Không, anh Copơphin ạ (ông nói, lắc đầu) ông Joóckin không để cho người ta lay chuyển đâu. Anh nhớ cho".

Tôi hoàn toàn mất phương hướng giữa ông Xpenlô và ông nào thực sự phản đối. Nhưng tôi hiểu rất rõ rằng ở đâu đây, trong ngôi nhà này, có sự tàn nhẫn, và tôi đừng hòng nói đến chuyện lấy lại một nghìn bảng của cô tôi.

Trong tình trạng tuyệt vọng, (tôi nhớ đến điều đó không vui vẻ chút nào bởi vì tôi biết tâm trạng này hãy còn liên quan quá nhiều đến tôi, mặc dầu đây vẫn là những quan hệ của tôi với Đôra); tôi rời phòng giấy và trở về nhà.

Tôi cố làm cho tâm tư của mình quen với điều rủi ro nhất có thể xảy ra và hình dung những việc chúng tôi phải làm sau này trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, bỗng một chiếc xe ngựa ở đằng sau chạy đến làm cho tôi phải ngước mắt lên và chiếc xe dừng lại ngay cạnh tôi. Một bàn tay xinh xắn giơ qua cánh cửa về phía tôi và một gương mặt đang mỉm cười với tôi, gương mặt tôi chưa bao giờ nhìn mà không cảm thấy trong lòng êm ả và hạnh phúc, ngay từ giây phút đầu tiên khi nó quay về phía tôi trên cái cầu thang cổ kính bằng gỗ sồi với cánh tay vịn to và rộng, và ở đấy, vẻ đẹp dịu hiền ấy đã làm tôi liên tưởng đến cái kính ghép mảnh trong nhà thờ.

"Ácnét!", tôi kêu lên vui sướng. "Ồ! Ácnét yêu quý, được gặp cậu thật là thú quá. Cậu là người mình yêu quý nhất trên đời".

"Thực thế không?", nàng hỏi, giọng thân mật.

"Mình rất cần phải nói với cậu!", tôi nói - "Được nhìn cậu mình nhẹ hẳn cả người! Nếu mình có một chiếc đũa thần thì mình chỉ mong cậu xuất hiện mà thôi!"

"Thế kia à?" Ácnét hỏi.

"A! Có lẽ trước tiên là Đôra". Tôi thú thật mặt đỏ bừng.

"Cố nhiên trước tiên là Đôra, mình nghĩ như vậy", Ácnét vừa nói vừa cười.

"Nhưng sau đó đến cậu đấy! Cậu đi đâu?"

Nàng đến nhà tôi thăm cô tôi. Hôm ấy rất đẹp trời. Nàng sung sướng được ra khỏi cái xe ngựa hôi mùi chuồng ngựa với cái khung xe như quả dưa (trong khi nói chuyện tôi vẫn thò đầu vào trong xe). Tôi bảo anh xà ích đánh xe về, nàng khoát tay tôi và chúng tôi cùng đi. Đối với tôi, nàng là hiện thân của hy vọng. Trong một giây phút ngắn ngủi tôi cảm thấy khác xa lúc trước vì tôi đã có Ácnét bên cạnh.

Cô tôi đã viết cho nàng một bức thư ngắn và kỳ quặc chẳng dài hơn một ngân phiếu là bao. Sự cố gắng về thư từ của cô tôi thường chỉ vẻn vẹn có thế. Trong thư, cô tôi nói đã rơi vào hoàn cảnh không may và cô tôi vĩnh viễn rời Đôvơ, nhưng cô tôi đã hoàn toàn vui vẻ chấp nhận tình cảnh mới và không cần ai phải lo lắng đến mình. Ácnét đã đến Luân-đôn để thăm cô tôi, bởi vì từ mấy năm nay một mối thiện cảm đã nảy sinh giữa hai người (thực vậy, nó bắt đầu từ lúc tôi đến ở nhà ông Uýchcơphin). Ácnét nói nàng không phải đi một mình: cha nàng cùng đi với nàng và cả Uria Híp nữa, nàng bảo tôi thế.

"Thế bây giờ hai người là cộng tác viên của nhau rồi chứ?", tôi nói. "Trời đánh thánh vật cái thằng ấy!"

"Phải đấy!" Ácnét nói. "Hai người có việc phải giải quyết ở đây, và mình nhân dịp ấy cũng đến đây. Cậu đừng nghĩ rằng mình đến thăm hoàn toàn là vì tình bạn và vô tư. Trốtút ạ, bởi vì mình sợ mình có những thành kiến xấu về hắn. Mình không muốn để ba đi một mình với hắn".

"Hắn vẫn có một ảnh hưởng như cũ với ông cụ, phải không Ácnét?"

Ácnét lắc đầu.

"Ngôi nhà chúng mình đã thay đổi nhiều lắm", nàng nói - "Cậu khó lòng nhận ra được ngôi nhà cổ kính thân yêu. Bây giờ họ ở với chúng tôi."

"Ai kia?" Tôi hỏi.

"Híp và mẹ hắn. Hắn ngủ trong căn phòng xưa kia của cậu", Ácnét nói, và ngước mắt nhìn vào mặt

tôi.

"Mình rất tiếc không làm sao bắt hắn nằm mơ như mình muốn. Nếu thế thì hắn sẽ không ngủ ở đấy được lâu!".

"Mình vẫn giữ căn phòng nhỏ của mình, cái phòng xưa kia mình vẫn học. Thời gian trôi nhanh thật! Cậu nhớ chứ? Căn phòng nhỏ bé lát gỗ nhìn ra phòng khách ấy!"

"Cậu bảo mình nhớ à, Ácnét? Mình còn nhớ cả cái ngày mình thấy cậu xuất hiện lần đầu ở cái cửa ấy, tay cầm cái chùm chìa khóa ngộ nghĩnh của cậu đo ở bên người".

"Bây giờ thì cũng thế!" Ácnét nói và mỉm cười - "Mình rất sung sướng thấy cậu vẫn còn giữ một kỷ niệm tốt đẹp như thế về nó. Lúc ấy bọn mình sung sướng quá!"

"Rất sung sướng, đúng thế!", tôi nói.

"Mình vẫn còn giữ căn phòng ấy. Nhưng mình không thể lúc nào cũng bỏ rơi bà Híp, cậu có hiểu không? - Ácnét nhìn tôi và nói với giọng điềm tĩnh, "trong khi có lẽ mình muốn ngồi một mình hơn. Nhưng mình cũng không có lý do gì để than phiền về bà ta. Nếu bà ta đôi khi làm mình chán ngấy vì cứ lải nhải khen ngợi con bà thì điều đó chỉ là tự nhiên đối với một bà mẹ. Uria rất tốt với mẹ".

Tôi nhìn Ácnét khi nàng nói những câu ấy, nhưng không thấy nàng hiểu điều gì về mưu mô của Uria. Đôi mắt dịu hiền nhưng say sưa của nàng nhìn đôi mắt tôi với cái vẻ nghiêm trang xinh đẹp mà chỉ riêng nàng có và trên gương mặt xinh xắn của nàng vẫn không có gì thay đổi.

"Điều bất tiện nhất do chỗ họ có mặt trong nhà", Ácnét nói - "là mình không thể ở gần ba như mình muốn. Uria Híp cứ luôn luôn ở giữa mình và ba mình, và mình không thể chăm sóc ba (nói thế không biết có quá bạo không) chu đáo như mình muốn. Nhưng nếu người ta nghĩ ra một mưu mô gian dối và phản bội để làm hại ba mình thì mình cũng tin rằng cuối cùng tình yêu và sự chân thành cũng sẽ thắng tất cả mọi điều xấu xa hay bất hạnh ở trên đời".

Nụ cười tươi sáng này mà tôi chưa bao giờ thấy trên một gương mặt nào khác biến mất ngay lúc tôi nghĩ rằng nhìn nó thực là thú và từ xưa nó đã là quen thuộc đối với tôi như thế nào. Nàng bỗng thay đổi nét mặt (chúng tôi đến rất gần đường phố của tôi), hỏi tôi có biết tình cảnh sa sút đã xảy ra trong gia tài của cô tôi như thế nào không. Nghe tôi trả lời: "Không! Cô mình chưa nói cho mình biết! Ácnét bỗng trở nên tư lự và tôi cảm thấy cánh tay nàng run lẩy bẩy trong cánh tay tôi.

Chúng tôi thấy cô tôi ngồi một mình có vẻ kích động. Một sự xung đột về ý kiến đã xảy ra giữa bà Crơp và cô tôi về một vấn đề trừu tượng (đó là vấn đề một căn nhà có đồ đạc có nên để cho một người thuộc phái yếu ở không); và phớt lạnh trước những tình cảm đột ngột biểu lộ ở bà Crơp, cô tôi đã cắt đứt cuộc tranh cãi bằng cách nói cho bà ta biết rằng bà ta sặc mùi rượu mạnh của tôi và yêu cầu bà chịu khó bước ra khỏi phòng. Bà Crơp cho cả hai lời nói ấy là trái pháp luật và biểu lộ ý định đem đi kiện ở "tòa án" nước Anh, ý chừng bà ta muốn nói đó là thành trì bảo vệ những quyền tự do của dân tộc.

Nhưng cô tôi đã có thì giờ dịu lại khi chị Pécgôti đi ra để chỉ cho ông Đích xem những người lính trong đội kỵ binh cận vệ; vả lại cô tôi rất sung sướng được thấy Ácnét nên đem khoe câu chuyện ấy và tiếp chúng tôi một cách hoàn toàn vui vẻ. Khi Ácnét đặt chiếc mũ lên bàn và ngồi cạnh cô tôi, tôi ngắm đôi mắt dịu hiền và cái trán tươi sáng của nàng, và không thể không nghĩ rằng nàng ngồi ở đấy thật là một việc dĩ nhiên: cô tôi rất tin cậy nàng mặc dầu nàng ít tuổi và ít kinh nghiệm; và quả thực nàng có sức mạnh to lớn do tình yêu chân thành và lòng thành thực.

Chúng tôi bắt đầu nói về những tổn thất của cô tôi và tôi kể cho hai người nghe điều tôi đã làm

sáng nay. Cô tôi nói:

"Trốt ạ, làm như thế không phải là khôn ngoan lắm, nhưng ý nghĩ của cháu là một ý nghĩ tốt. Cháu là một đứa bé hào hiệp (cô thấy cô phải gọi cháu là một *chàng thanh niên*) và cô tự hào về cháu, cháu ạ. Từ trước đến nay mọi việc đều tốt. Bấy giờ Trốt và Ácnét, chúng ta hãy nhìn thẳng vào trường hợp của Bétxi Trốtút và xem sự thực là như thế nào".

Tôi thấy Ácnét tái mặt đi khi nhìn chăm chú vào cô tôi. Còn cô tôi, tay vuốt ve con mèo cũng nhìn chăm chú vào mặt Ácnét:

"Bétxi Trốtút", cô tôi nói - "là người chưa bao giờ nói cho ai biết về chuyện tiền nong của mình"… Cô không có ý nói đến người chị của cháu đâu Trốt ạ, mà nói đến cô đấy cháu ạ - Bétxi có một ít tài sản. Số tiền này là bao nhiêu, điều ấy không đáng kể…

Nhưng cũng đủ để sống… và còn hơn thế nữa; vì cô đã dành dụm thêm một ít để bỏ thêm vào đấy. Bétxi lúc đầu gửi số tiền của mình vào Ngân hàng nhà nước và sau đó nghe theo lời khuyên của người quản lý tài sản của mình, cô bỏ số tiền vào việc mua giá khoán ruộng đất. Lúc đầu việc này tiến hành rất tốt và thu được nhiều lời cho đến khi Bétxi bị mắc cạn (Cô tôi nói đến Bétxi như nói đến một chiếc chiến hạm), thế rồi sau đó Bétxi phải đi tìm một nơi để đầu tư. Cô ta tưởng mình bây giờ khôn ngoan hơn người quản lý tốt bụng của mình, lúc này ông ta không thạo như trước nữa (tôi nói đến ông cụ của chị, chị Ácnét ạ.) và quyết định tự mình đầu tư. Thế rồi cô ta bỏ tiền vào một thị trường ngoại quốc. Và thị trường này xem ra rất kém. Lúc đầu cô ta mất tiền trong việc đầu tư vào hầm mỏ, rồi lại mất tiền trong việc lặn (đây là việc đi lặn lấy kho tàng hay một vài việc vớ vẩn)". Cô tôi vừa giải thích vừa xoa mũi, "rồi lại mất trong việc hầm mỏ và cuối cùng để cứu vãn tình thế, cô ta lại mất trong việc ngân hàng. Cô không biết những giấy cổ phần ở ngân hàng lên đến bao nhiêu, nhưng theo cô, tiền lãi phần trăm là ít nhất; những ngân hàng này đều ở rất xa, và theo như cô biết nó đã sụp đổ, hay nói cho đúng nó đã tan vụn và không bao giờ trả lại, không bao giờ nó có thể trả lại sáu pen-ni, thế mà tất cả các đồng sáu Penni của cô Bétxi đều ở đấy và bây giờ chẳng còn gì nữa. Càng nói ít về điều đó lại càng tốt".

Cô tôi kết luận bài tổng luận có tính chất triết học ấy của tình hình bằng cách nhìn thẳng vào gương mặt Ácnét đang dần dần đỏ hồng lại như cũ. Ácnét hỏi:

"Thưa cô, câu chuyện chỉ có thế thôi à?"

"Cô nghĩ rằng như thế là đủ cháu ạ. Nếu như còn có tiền nữa để bỏ mất thì cô có thể nói câu chuyện này vẫn chưa hết. Bétxi sẽ còn cố gắng để vứt nốt số tiền còn lại và thêm một chương nữa vào câu chuyện này, cô tin chắc như thế. Nhưng vì hết tiền rồi nên chuyện cũng hết".

Lần đầu Ácnét nghe cô tôi nói và nín thở. Gương mặt của nàng vẫn còn cứ tái đi rồi đỏ lại, nhưng nàng thở một cách thoải mái hơn. Tôi có cảm tưởng tôi biết tại sao lại như vậy. Tôi cho rằng nàng sợ người cha tội nghiệp của nàng đã chịu một phần trách nhiệm trong những việc đã xảy ra. Cô tôi nắm lấy tay nàng và cười:

"Thế là hết à?" Cô tôi nhắc lại. "Thì hết rồi đấy, chỉ còn phải thêm cái công thức: "Và từ đấy cô ta sống sung sướng". Có lẽ cô có thể nói thêm câu ấy một ngày kia khi nói về Bétxi. Nhưng bây giờ Ácnét ạ, cháu là người khôn ngoan, và cháu cũng thế Trốt ạ - về những mặt nhất định, tuy cô không thể bao giờ cũng khen cháu như vậy. Và bây giờ…" Vừa lúc ấy cô tôi hất hàm về phía tôi với cái vẻ hăng hái mà chỉ riêng cô tôi có. "Bây giờ nên làm gì đây? Này nhé, ngôi nhà của cô trung bình mỗi năm có thể thu được trên dưới bảy mươi bảng, cô nghĩ rằng chúng ta có thể yên tâm định một cái giá như vậy. Được, chúng ta chỉ còn có thể". Cô tôi kết luận một cách đặc biệt như một vài con ngựa đột nhiên

dừng lại trong khi người ta tưởng chừng nó còn đi một hồi lâu. Cô tôi nghĩ một lát rồi nói tiếp:

"Rồi lại còn ông Đích nữa, mỗi năm ông thu được một trăm bảng nhưng cố nhiên số tiền ấy phải được dùng vào việc chi tiêu của ông ta. Cô muốn đưa ông đi nơi khác, mặc dầu cô biết cô là con người duy nhất biết đánh giá ông ta, còn hơn là giữ số tiền ấy mà không tiêu vào việc chi dùng của ông. Trốt và cô làm thế nào để có thể thu xếp tốt nhất với những phương tiện của chúng ta? Ácnét, cháu bảo thế nào?"

"Thưa cô", tôi nói, "cháu bảo cháu cần phải làm gì".

"Cháu muốn đi lính chứ gì?" Cô tôi đáp lo lắng - "Hay là đi ra biển? Cô không muốn nghe người ta nói thế. Cháu phải là biện hộ sỹ. Ông ơi, trong gia đình này tôi không muốn ai tự đánh vỡ sọ mình đâu!"

Tôi đang định giải thích cho cô tôi hiểu rằng tôi không có ý muốn đưa ra cái lối giải quyết như vậy vào trong gia đình, bỗng Ácnét hỏi căn nhà của tôi có phải thuê trong một thời gian dài không.

"Cháu nói đúng vấn đề đấy", cô tôi nói. "Chúng tôi không thể bỏ ngôi nhà này ít nhất là trong sáu tháng trừ khi có người thuê lại chúng tôi, nhưng cô nghĩ rằng điều đó không thể xảy ra. Ông chủ trọ vừa rồi đã chết ở đây. Trong số sáu người thì năm người đã chết… cố nhiên con mụ mặc bộ đồ Thượng-hải kia với cái váy bằng dạ đã làm cho họ chết. Cô có một ít tiền mặt và cô cũng đồng ý với cháu là điều tốt nhất mà chúng ta có thể làm được là ở đây cho đến khi hết thời hạn thuê nhà và tìm một căn phòng cho ông Đích ở gần ngay đây.

Tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của tôi là phải gợi ý cho cô tôi biết về điều bất tiện mà cô tôi sẽ phải chịu do chỗ cứ phải sống trong tình trạng chiến tranh du kích thường xuyên với bà Crơp, nhưng cô tôi gạt phắt ngay lời phản đối ấy bằng cách tuyên bố rằng nếu có lời tuyên chiến đầu tiên thì cô tôi sẵn sàng làm cho bà Crơp phải kinh hoàng một mẻ để nhớ suốt đời.

"Trốtút ạ", Ácnét nói một cách ngần ngại. Mình nghĩ rằng nếu như cậu có thì giờ rảnh…

"Mình còn nhiều thì giờ rảnh lắm Ácnét ạ. Bao giờ mình cũng rỗi từ bốn hay năm giờ chiều và buổi sáng sớm mình rảnh - Dù sao", tôi nói, hơi đỏ mặt khi nghĩ đến việc tôi đã dành vô khối thời giờ để thơ thẩn trên con đường Noócút, "Mình có nhiều thì giờ rảnh lắm".

"Mình biết rằng cậu sẽ không bực mình", Ácnét nói, bước đến gần tôi, với một giọng rất trầm, đầy tình thương dịu dàng và khuyến khích mà bây giờ tôi vẫn còn nghe… "nếu cậu muốn làm một người thư ký".

"Cố nhiên là không, Ácnét ạ".

"Bởi vì", Ácnét nói tiếp, "bác sĩ Xtrong đã thực hành ý định, ông đã về hưu và đã đến ở Luân-đôn, mình biết ông có nhờ ba mình tìm giúp cho ông một người thư ký. Chắc hẳn cậu cũng nghĩ rằng ông thích có người học trò yêu quý ngày xưa ở bên cạnh hơn bất kỳ ai".

"Ácnét thân", tôi nói, "không có cậu thì mình sẽ làm gì bây giờ? Bao giờ cậu cũng là nàng tiên của mình, mình đã bảo cậu thế. Trong óc mình, không bao giờ có thể nghĩ rằng cậu giống một hình ảnh nào khác".

Ácnét trả lời, cười đáng yêu rằng chỉ cần một nàng tiên thôi là đủ (nàng muốn nói đến Đôra), đoạn nàng nhắc cho tôi biết rằng bác sỹ có thói quen làm việc trong phòng làm việc của mình vào lúc sáng sớm và lúc chiều tối. Như vậy những giờ rảnh của tôi rất thích hợp với những yêu cầu của ông ta. Tôi không biết mình sung sướng hơn vì có thể tự kiếm sống, hay có hy vọng giúp ích cho ông thầy cũ. Tóm

lại, theo lời khuyên của Ácnét, tôi ngồi viết cho bác sỹ một bức thư trong đó tôi trình bày những ý định của tôi và hẹn tôi sẽ đến thăm ông ngày mai vào lúc 10 giờ. Tôi gửi bức thơ này đến Haigây (bởi vì ông sống ở cái nơi đầy kỷ niệm đáng nhớ đối với tôi) và tôi ra đi bưu điện gửi ngay không bỏ lỡ một phút.

Bất kỳ Ácnét ở đâu, ở đấy dường như đều có một dấu hiệu thú vị nhờ sự có mặt yên lặng của nàng. Khi quay về, tôi thấy lồng chim của cô tôi đã được treo dường như đúng vào chỗ nó đã được treo từ lâu, trước cửa sổ phòng khách ở nhà cô tôi, và cái ghế bành của tôi được đặt trước cái cửa sổ mở rộng bắt chước cái ghế bành êm hơn nhiều của cô tôi; còn bức bình phong tròn mầu xanh mà cô tôi mang theo đã được vặn đinh ốc vào bờ cửa sổ. Tôi biết ai đã làm tất cả những điều đó khi thấy tất cả đều có vẻ như tự sắp xếp một mình một cách yên lặng; và trong nháy mắt tôi biết ngay ai đã làm cho những quyển sách của tôi vứt bừa bãi được xếp theo đúng cái trật tự ngày xưa trong thời học sinh, dù cho tôi tin rằng Ácnét cách đấy hàng nghìn dặm chứ không phải thấy nàng đang loay hoay trước những quyển sách ấy và mỉm cười nhìn tình trạng hỗn độn của chúng.

Cô tôi rất hài lòng về con sông Temxơ (con sông này quả thực rất đẹp dưới ánh mặt trời mặc dầu nó không bằng mặt biển trước ngôi nhà của cô tôi) nhưng cô tôi không thể nào tha thứ cho khói Luân-đôn và cô tôi bảo nó rắc hạt tiêu lên mọi vật.

Một cuộc cách mạng triệt để trong đó chị Pécgôti đóng một vai trò chủ chốt đã được thực hiện trong mọi ngóc ngách của những căn phòng của tôi về vấn đề hạt tiêu ấy và tôi nhìn, tự nhủ rằng ngay chị Pécgôti tuy có vẻ vất vả nhưng vẫn làm rất ít việc so với Ácnét tuy làm rất nhiều việc nhưng vẫn khoan thai nhẹ nhàng… Bỗng có tiếng gõ cửa, Ácnét nói mặt tái nhợt: "Có lẽ đó chắc là ba mình. Ba mình đã hứa với mình là sẽ đến đây."

Tôi mở cửa và không những để đưa ông Uýchcơphin vào mà cả Uria Híp nữa. Đã ít lâu nay tôi không gặp ông. Tôi biết trước ông đã thay đổi rất nhiều theo lời Ácnét nói, nhưng vẻ mặt của ông làm tôi sửng sốt.

Không phải vì ông có vẻ già đi mấy tuổi, mặc dầu ông ăn mặc vẫn sạch sẽ diêm dúa như ngày xưa, hay ở trên gương mặt có cái mầu đỏ bệnh tật, hay đôi mắt sưng húp và đỏ như máu, hay bàn tay run rẩy vì bị xúc động, tôi biết những điều ấy vì tôi hiểu cái nguyên nhân đã tác động đến ông bao nhiêu năm nay. Không phải ông đã mất hẳn dáng điệu xinh đẹp hay cử chỉ lịch sự ngày trước, bởi vì ông không hề bỏ mất. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên nhất là trong khi còn mang trên người những dấu hiệu chứng tỏ ông là con người bản chất cao quý, ông lại phục tùng Uria Híp là hiện thân hèn hạ của sự ty tiện. Tình trạng đảo ngược địa vị giữa hai người này (Uria là người trên và Uýchcơphin là người dưới) đối với tôi là một cảnh tượng đau lòng, không sao tả được. Giá tôi thấy một con người ở dưới quyền một con khỉ, tôi cũng không cho đó là một cảnh tượng nhục nhã hơn.

Ông có vẻ có ý thức quá rõ về điều đó. Khi bước vào phòng, ông đứng yên, cúi đầu xuống dường như cảm thấy điều đó.

Việc này chỉ diễn ra một lát vì Ácnét đã nói với ông dịu dàng:

"Ba ơi, đây là cô Trốtút… và anh Trốtút mà đã lâu ba chưa gặp!"

Thế rồi ông bước lại gần, ngượng ngùng giơ tay bắt tay cô tôi và bắt tay tôi một cách niềm nở hơn. Trong lúc này tôi thấy trên nét mặt của Uria hiện lên cái cười khả ố nhất. Tôi có cảm tưởng rằng Ácnét cũng thấy điều đó bởi vì nàng bước lùi để tránh hắn. Còn về chỗ cô tôi thấy gì và không thấy gì thì tôi có thể thách tất cả khoa học về dáng mặt con người nếu cô tôi không muốn bộc lộ. Tôi nghĩ rằng chưa bao giờ có ai có một khuôn mặt thản nhiên hơn cô tôi khi cô tôi muốn tỏ vẻ như vậy. Trong trường hợp

này gương mặt cô tôi không cho người ta biết một chút gì về những ý nghĩ của mình, chẳng kém gì đó là một bức tường dày, cho đến khi cô tôi phá vỡ sự yên lặng với cái lối nói chuyện đột ngột quen thuộc:

"À này, ông Uýchcơphin" cô tôi nói và ông nhìn cô tôi lần đầu tiên "tôi vừa nói với chị ấy rằng tôi đã cất tiền của tôi một cách tài tình bởi vì tôi không dám giao cho ông vì thấy ông đã bắt đầu thành han gỉ trong việc kinh doanh. Chúng tôi đã bàn với nhau và cuối cùng chúng tôi đã đồng ý với nhau về nhiều điểm theo tôi, riêng cô Ácnét cũng đã giá trị bằng tất cả phòng quản lý của ông Uýchcơphin".

"Nếu tôi được phép nhận xét một cách hèn kém", Uria Híp nói và vặn mình xà một cái, "Tôi hoàn toàn tán thành điều cô Trốtút nói và sẽ rất sung sướng nếu cô Ácnét trở thành người cộng tác".

"Bản thân ông đã là người cộng tác rồi", cô tôi nói, "và theo ý tôi đối với ông như thế cũng đủ. Ông mạnh khỏe chứ?"

Để cảm ơn cô tôi về câu hỏi này nói với hắn cầm ở tay một cách lúng túng, trả lời rằng hắn cũng khá mạnh khỏe, hắn cảm ơn cô tôi và hy vọng cô tôi cũng thế.

"Còn cậu - à quên! Ông Copơphin", Uria nói tiếp, "tôi hy vọng rằng ông mạnh khỏe! tôi sung sướng được gặp ông, ông Copơphin ạ, ngay cả trong hoàn cảnh hiện nay (tôi rất tin như thế bởi vì hắn có vẻ thú điều này lắm). Những hoàn cảnh hiện tại không phải là hoàn cảnh những người bạn của ông chúc ông gặp, ông Copơphin ạ, nhưng không phải tiền bạc làm nên người mà là… tôi thực kém cỏi, năng lực tôi hèn kém không sao nói được điều đó", Uria nói với vẻ đột ngột và hèn hạ, "Nhưng không phải đồng tiền làm được!"

Đến đây hắn bắt tay tôi, không phải như mọi người vẫn làm mà đứng rất xa nắm tay tôi giật từ trên xuống, như đó là chỗ tay cầm của một cái bơm mà hắn hơi sợ hãi.

"Cậu thấy mặt mày chúng tôi thế nào cậu - à quên, ông Copơphin?" Uria nói giọng nịnh nọt. "Cậu thấy ông Uýchcơphin có tươi đẹp không? Năm tháng không để lại nhiều dấu vết trong ngôi nhà của chúng tôi, cậu Copơphin ạ, ngoài việc nó nâng những kẻ hèn kém lên (tức là tôi và mẹ tôi) và làm cho", hắn nói thêm sau khi nghĩ một lát, "sắc đẹp càng đẹp thêm (tức cô Ácnét)".

Sau khi nói lời khen ngợi ấy, hắn bước vung vênh có vẻ khó chịu đến nỗi cô tôi nãy giờ vẫn ngồi nhìn hắn trân trân phải nổi cáu lên.

"Quỷ sứ đánh chết ông đi!", cô tôi nói giọng nghiêm khắc, "Ông làm gì thế? Xin ông đừng làm như con người bị điện giật ấy!"

"Tôi xin lỗi cô, cô Trốtút" -Uria đáp lại -"Tôi biết tính cô nóng nảy?".

"Ông cút đi!", cô tôi nói không dịu đi chút nào. "Tại sao ông dám nói thế? Tôi không cáu kỉnh chút nào hết. Nếu ông là con lươn, thì ông hãy hành động như con lươn; nếu ông là người thì ông phải giữ gìn tay chân của mình. Lạy Chúa!" Cô tôi nói hết sức phẫn nộ. "Tôi không muốn phát điên vì cái thái độ uốn éo như rắn ấy".

Híp phần nào sửng sốt cũng như hầu hết mọi người, trước cơn giận của cô tôi, cơn giận ấy càng được tăng thêm do chỗ cô tôi quay mình trên ghế một cách bực dọc và lúc lắc cái đầu dường như chỉ chực chồm đến đánh hay vồ lấy hắn. Nhưng hắn nói riêng với tôi giọng khúm na khúm núm:

"Cậu Copơphin ạ. Tôi rất biết, mặc dầu cô Trốtút là người rất tốt, nhưng tính tình hay nóng nảy (thực ra tôi nghĩ rằng tôi đã có dịp biết cô ấy trước cậu, cậu Trốtút ạ, khi tôi còn là một nhân viên hèn kém), và dĩ nhiên tính tình của cô càng trở nên cáu kỉnh do tình cảnh hiện nay. Điều đáng ngạc nhiên là

tính tình ấy không tệ hơn thế này! Tôi chỉ đến đây thăm cậu để nói với cậu rằng trong những hoàn cảnh như thế này nếu có việc gì mà chúng tôi, mẹ tôi hay tôi - hay ngôi nhà Uýchcơphin và Híp có thể làm được, thì chúng tôi sẽ rất sung sướng… Tôi có thể nói như thế không?" Uria mỉm cười gượng gạo hỏi người cộng tác của mình.

"Ông Uria Híp", ông Uýchcơphin nói giọng đều đều và ngượng nghịu, "rất tích cực trong công việc của chúng tôi cô Trốtút ạ. Tôi hoàn toàn tán thành điều ông ấy nói. Như cô biết đấy, tôi bao giờ cũng chú ý đến công việc của cô. Ngoài ra, tôi hoàn toàn tán thành điều ông Uria nói".

"Ồ! Thực là một phần thưởng to lớn đối với tôi", Uria nói co một chân lên vì sợ lại bị cô tôi mắng cho một lần nữa, "khi được tin cậy như vậy! Nhưng tôi hy vọng rằng tôi có thể làm một điều gì để cho ông Uýchcơphin đỡ phải chịu nhọc nhằn trong công việc của chúng tôi, cậu Copơphin ạ!"

"Ông Uria Híp giúp đỡ tôi rất nhiều", ông Uýchcơphin nói cũng với cái giọng đều đều hồi nãy, "có được một người cộng tác như ông, óc tôi trút được một gánh nặng".

Con cáo ranh mãnh đã bắt ông ta phải nói như thế, tôi biết thế, để giới thiệu cho tôi biết Uria Híp dưới cái ánh sáng mà hắn đã chỉ cho tôi thấy trong cái đêm hắn đã ám ảnh giấc ngủ của tôi. Tôi lại thấy cái cười dễ ghét hiện trên bộ mặt của hắn và thấy hắn nhìn chằm chặp vào mặt tôi.

"Ba có đi không?", Ácnét hỏi lo lắng.

"Ba có muốn đi bộ về với anh Trốtút và con không?"

Tôi có ý nghĩ rằng ông ta đáng lý phải đưa mắt hỏi ý kiến của Uria trước khi trả lời nhưng nhân vật cao quý kia đã đỡ lời:

"Tôi đã hẹn với người ta". Uria nói. "Vì có công việc, nếu không tôi sẽ rất sung sướng được ở lại với những người bạn. Nhưng tôi để lại ông bạn công tác đại diện cho cửa hàng. Chào cô Ácnét. Chào cậu Copơphin, và kính cẩn chào cô Bétxi Trốtút".

Nói xong hắn rút lui, hôn bàn tay lòng ngòng của hắn và liếc mắt nhìn tôi với bộ mặt dễ sợ.

Chúng tôi ngồi lại nói chuyện trong một hai tiếng đồng hồ về những thú vị ngày xưa ở Cantơbơri. Khi ông Uýchcơphin ngồi một mình với Ácnét, chỉ trong phút chốc ông trở lại như cũ, mặc dầu lâm vào một tình trạng tuyệt vọng thường xuyên mà ông không bao giờ thoát khỏi. Nhưng dù thế nào đi nữa, gương mặt ông cũng sáng lên và ông thích thú khi nghe chúng tôi nhắc lại những chuyện vặt vãnh của cuộc đời chúng tôi ngày trước mà ông còn nhớ rất rõ. Ông nói rằng điều đó làm ông nhớ đến cái thời chỉ có ông với Ácnét và tôi sống bên nhau và ông cầu trời sao cho không có gì thay đổi. Tôi tin chắc rằng gương mặt bình thản của Ácnét và bàn tay của nàng đặt lên cánh tay ông đã gây nên ảnh hưởng ấy..

Cô tôi (lúc này đang bận làm việc trong phòng trong với Pécgôti) không muốn tiễn hai người đến nơi họ ở, nhưng yêu cầu tôi đi và tôi vâng lời. Chúng tôi cùng ăn bữa chiều với nhau. Sau khi ăn chiều, Ácnét ngồi cạnh cha như ngày xưa và rót rượu cho ông uống, ông uống phần rượu nàng đưa cho, và không uống thêm - như một đứa trẻ - và cả ba người chúng tôi ngồi trước cửa sổ khi bóng chiều bắt đầu xuống dần. Khi trời đã gần tối, ông Uýchcơphin nằm dài trên cái xô-pha, còn Ácnét đặt gối dưới đầu ông, và cúi mình trên người ông một lát; và khi nàng quay lại về phía cửa sổ trời vẫn chưa tối nên tôi còn thấy những giọt nước mắt long lanh trong khóe mắt nàng.

Tôi cầu Thượng đế đừng bao giờ khiến tôi quên cô gái thân yêu với tình yêu và lòng chân thành của nàng ở trong giai đoạn này của đời tôi; bởi vì nếu tôi quên thì đó là giờ tận số của tôi đã sắp đến và lúc bấy giờ tôi lại muốn nhớ đến nàng hơn bao giờ hết. Nàng đã làm tim tôi tràn ngập những quyết định

tốt đẹp, nàng làm cho tính khí yếu ớt của tôi trở thành kiên quyết. Bằng tấm gương của nàng, nàng đã hướng dẫn đúng đắn (tôi không hiểu vì sao, nàng rất khiêm tốn và dịu dàng nên không khuyên tôi nhiều lời), cái nhiệt tình lông bông, và cái nghị lực vô mục đích của tôi đến nỗi có thể nói nhờ nàng tôi đã làm được cái phần tốt ít ỏi tôi đã làm, và đã tránh được tất cả những điều xấu xa.

Tôi còn nhớ nàng nói với tôi về Đôra, trong khi nàng ngồi ở cửa sổ, trong bóng tối. Nàng nghe tôi khen ngợi Đôra và cũng khen ngợi và một vài ánh sáng trong trẻo của nàng chiếu sáng chung quanh cái hình dáng thần tiên nhỏ bé làm cho hình dáng ấy lại càng quý báu và ngây thơ đối với tôi. Ôi! Ácnét người em gái tuổi thơ của tôi! Giá mà lúc ấy tôi biết được cái điều mà mãi sau này tôi mới biết!…

Khi tôi ra khỏi nhà, tôi thấy một người ăn mày ở ngoài đường. Và khi tôi quay đầu về phía cửa sổ nghĩ đến đôi mắt lặng lẽ như thiên thần của nàng, người ăn mày làm tôi giật mình bằng những tiếng thì thầm dường như đó là tiếng đồng vọng những lời tôi đã nghe buổi sáng:

"Mù quáng! mù quáng! mù quáng!"

---

[1] Công trình xây dựng từ thời La-mã cai trị nước Anh và còn được giữ lại. Nó ở trung tâm Luân-đôn.

Chương XXXVI
PHẤN KHỞI

Sáng hôm sau, tôi lại bắt đầu bằng việc lao mình xuống bể nước La-mã rồi đi đến Haigây. Lúc này tôi không chán nản nữa. Tôi không còn sợ cái áo bệ rạc và không buồn về chỗ không có những con ngựa xám xinh xắn. Cách tôi nhìn những bất hạnh hiện nay đã thay đổi. Điều tôi phải làm, đó là chứng minh cho cô tôi thấy rằng cô tôi không phải đã ban ơn cho một thằng bội bạc và tàn nhẫn. Điều tôi phải làm, đó là phải trở lại cái kỷ luật vất vả thời thơ ấu và bắt tay vào việc một cách rắn rỏi và kiên quyết. Điều tôi phải làm, đó là nắm chắc lấy cái búa của người đẵn củi và phát một con đường đi cho mình qua cái rừng khó khăn, đẵn tất cả những cây ngăn cách tôi với Đôra. Và tôi bước đi nhanh nhẹn dường như cứ đi như vậy tôi sẽ đạt đến mục đích.

Khi tôi thấy mình trên con đường Haigây quen thuộc, theo đuổi một mục đích khác hẳn những kỷ niệm thú vị ngày xưa vẫn gắn liền với con đường này, tôi cảm thấy dường như trong tất cả cuộc đời của tôi đã xảy ra bước ngoặt. Nhưng tôi không chán nản. Với cuộc đời mới nảy sinh một ý chí mới và những ý nghĩ mới. Sự vất vả sẽ rất lớn nhưng phần thưởng cũng sẽ vô giá. Đôra đó là phần thưởng và tôi sẽ giành được Đôra.

Tôi cảm thấy hăng bốc đến nỗi đâm tiếc tại sao cái áo của tôi không bệ rạc đi một chút. Tôi muốn đẵn cây cối trong khu rừng khó khăn trở ngại nhằm chứng tỏ sức mạnh của mình. Tôi rất muốn bảo cụ già đeo kính gọng sắt đang đập đá ở ngoài đường trao chiếc búa cho tôi một lát để tôi mở một con đường giữa đá hoa cương nhằm đi đến Đôra.

Tôi tự cổ vũ mình đến nỗi người nóng ran và thở hổn hển, tưởng chừng như đã kiếm được không biết bao nhiêu tiền. Với tâm trạng ấy, tôi bước vào một ngôi nhà nhỏ cho thuê và quan sát nó cẩn thận, bởi vì tôi cảm thấy cần có óc thực tiễn. Ngôi nhà ấy sẽ thích hợp tuyệt diệu cho Đôra và tôi với một khu vườn nhỏ ở đằng trước, ở đấy Jip có thể chạy và sủa để dọa những người bán hàng bên kia hàng rào sắt và có một căn phòng rộng rãi ở trên gác cho cô tôi. Tôi bước ra, người càng nóng ran và bước càng vội vã hơn bao giờ hết, và tôi bước về phía Haigây nhanh đến nỗi tôi đến đấy sớm trước một giờ; và dù không đến sớm đi nữa tôi cũng phải đi bách bộ để cho người dịu lại trước khi có thể ra mắt người khác.

Công việc đầu tiên của tôi sau khi đã bắt mình làm công việc chuẩn bị cần thiết là tìm ngôi nhà của bác sỹ. Ngôi nhà không ở cái phần của Haigây ở đấy bà Xtiếcphoóc sống, mà đúng là ở đầu kia của cái thành phố nhỏ bé này. Khi tôi phát hiện được điều đó, tôi quay lại, bị thúc đẩy bởi một sự lôi cuốn không thể kháng cự được đến con đường nhỏ cạnh ngôi nhà bà Xtiếcphoóc và tôi nhìn vào nhà qua góc tường ở vườn. Phòng của Xtiếcphoóc đóng kín. Nhưng cánh cửa ở ngoài hiên đã mở và Roda Đactơn đầu trần đang đi đi lại lại, bước đi nhanh nhẹn và vội vã trên con đường lát sỏi dọc theo bồn cỏ. Cô làm tôi nghĩ đến một con dã thú đi đi lại lại không lúc nào nghỉ trên con đường quen thuộc trong khi vẫn bị xích và trong lòng buồn bã. Tôi rón rén rời khỏi chỗ quan sát và trong khi tránh những nơi lân cận của khu này và tiếc rằng đã đến đây, tôi đi lang thang cho đến mười giờ. Ngôi nhà thờ có cái gác chuông nhọn hoắt hiện nay nhô lên trên đỉnh đồi, nhưng lúc bấy giờ vẫn chưa có ở đấy để cho tôi biết mấy giờ. Thay thế vào đó, là một ngôi nhà cũ dùng làm trường học, và như tôi còn nhớ, đó phải là một ngôi nhà rất cũ và nếu học tập ở đây thì sẽ rất thú vị.

Khi tôi đến gần nhà bác sỹ (một ngôi nhà cổ kính xinh xắn mà ông đã tốn khá nhiều tiền, tôi có thể nói như vậy nếu nhìn những chỗ sửa chữa và tô điểm vừa mới làm xong), tôi thấy ông đang đi dạo trong vườn, mang đôi ghệt và tất cả y phục dường như từ ngày tôi đi học đến nay ông vẫn cứ đi như

thế. Và vẫn có những người bạn cũ chung quanh ông nữa bởi vì có nhiều cây lớn ở quanh đấy và hai ba con quạ đứng trên cỏ đang đưa mắt nhìn ông, dường như những con quạ ở Cantơburi đã viết thư cho chúng về ông nên chúng theo dõi ông như vậy.

Biết không có hy vọng gì làm ông chú ý từ xa, tôi đánh bạo đến mở cổng vườn và bước đằng sau lưng để cho ông có thể bắt gặp tôi khi quay lại. Quả nhiên khi ông quay lại và đi về phía tôi, ông nhìn tôi vài phút có vẻ trầm ngâm, chắc hẳn không nghĩ gì đến tôi, rồi gương mặt hiền hậu của ông lộ vẻ vô cùng thích thú và ông nắm lấy hai tay tôi.

"À! Anh Copơphin", bác sỹ bảo tôi, "anh là người lớn rồi! Sức khỏe thế nào? Tôi rất sung sướng được gặp anh, anh Copơphin ạ! Anh lớn lên rất nhiều! Anh thực hết sức… phải đấy… trời ơi!…"

Tôi đáp lại tôi hy vọng rằng ông mạnh khỏe và bà Xtrong cũng thế.

"Ồ! khỏe chứ! Đúng thế!" Bác sỹ nói, "Anni mạnh khỏe lắm và sẽ rất sung sướng được gặp anh. Anh xưa vẫn được nhà tôi yêu quý. Nhà tôi chiều qua bảo thế đấy khi tôi đưa thư của anh cho nhà tôi. À này, anh Copơphin! Chắc hẳn anh còn nhớ ông Jăc Manđơn chứ?"

"Thưa thầy, nhớ lắm ạ!"

"Cố nhiên", bác sỹ nói, "chắc hẳn thế! Ông ta cũng rất mạnh khỏe".

"Ông ấy đã về nước rồi có phải không ạ?" - tôi nói.

"Ở Ấn-độ về ấy à?" - Bác sỹ nói, "phải, ông Jăc Manđơn không chịu nổi khí hậu ở đấy, anh ạ. Bà Maclơham, anh không quên bà cụ chứ?"

Quên sao được vị cựu chiến binh, lại trong thời gian ngắn như thế!

"Bà Maclơham" - bác sỹ nói, "rất bực bội về chuyện ông ta, rõ tội nghiệp; thế rồi chúng tôi đã thu xếp cho ông ta trở về Anh và mua cho ông ta một chức nhỏ thích hợp với ông ta hơn nhiều".

Tôi đã biết ông Jăc Manđơn khá đầy đủ để có thể căn cứ vào đấy đoán rằng đó là một công việc không phải làm gì nhưng lại kiếm được nhiều tiền. Bác sỹ đi đi lại lại, một tay đặt lên vai tôi và quay về phía tôi gương mặt hiền từ với cái vẻ khuyến khích và nói tiếp:

"Và bây giờ, anh Copơphin, chúng ta bàn đến đề nghị của anh. Đề nghị ấy rất thú vị và rất thích hợp với tôi, tôi cam đoan như thế, nhưng anh không nghĩ riêng anh có thể làm hơn thế hay sao? Anh đã tỏ ra xuất sắc, như anh ta biết, khi anh học với tôi. Anh là người xứng đáng để làm nhiều việc có ích. Anh đã xây dựng được những nền tảng trên đó có thể dựng lên bất kỳ lâu đài nào, anh dành tuổi thanh xuân của anh vào những công việc tầm thường như những công việc tôi có thể giao cho anh chẳng là đáng tiếc lắm sao?"

Tôi lại bốc lên và nói với cái giọng say sưa - tôi e rằng đã bốc lên như thế thực - kiên quyết bênh vực lời yêu cầu và nhắc cho bác sỹ biết rằng tôi đã có một nghề.

"Phải, phải!" - bác sỹ nói, "đúng đấy! cố nhiên, anh đã có một nghề và hiện nay đang học tập cái nghề ấy và điều đó làm cho tình hình sự việc khác hẳn. Nhưng anh bạn trẻ của tôi, số tiền bảy mươi bảng một năm có là bao đâu?"

"Nó làm cho thu hoạch của chúng tôi tăng lên gấp đôi, thưa bác sỹ", tôi nói.

"Trời ơi! Có thể như thế được ư? Không phải tôi muốn nói rằng tiền công hạn chế chặt chẽ vào số bảy mươi bảng một năm, bởi vì bao giờ tôi cũng nghĩ đến việc tặng thêm anh bạn trẻ, dù người ấy là ai, một cái quà, nếu anh ấy có thể giúp tôi việc này. Cố nhiên", bác sỹ nói, và vẫn tiếp tục bắt tôi đi đi

lại lại, bàn tay vẫn đặt lên vai tôi, "bao giờ tôi cũng nghĩ đến món quà hàng năm".

"Thưa thầy", tôi nói và lần này quả thực không kiểu cách chút nào hết, "con đã chịu ơn thầy nhiều quá, không sao có thể cảm ơn hết được".

"Không, không", bác sỹ ngắt lời tôi. "Tôi xin lỗi anh".

"Nếu thầy vui lòng sử dụng thời gian mà con được rảnh, tức là lúc sáng sớm và lúc chiều tối và thầy cho rằng việc đó đáng giá bảy mươi bảng một năm thì thầy đã giúp con một việc mà con không thể nào nói hết".

"Trời ơi!", bác sỹ nói một cách ngây thơ. Một việc vặt ấy mà quan trọng đến thế ư? Trời ơi! khi nào anh khấm khá hơn anh có nhận không? Thôi anh hứa với tôi rồi đấy nhé?", bác sỹ nói… Đó là lời ông vẫn thường dùng khi ông kêu gọi lòng tôn trọng danh dự của chúng tôi lúc còn là những cậu bé.

"Con xin hứa với thầy!", tôi đáp với cái giọng ngày xưa ở trường học.

"Thế thì công việc xong xuôi rồi nhé!", bác sỹ nói, lại vỗ lên vai tôi và ông tiếp tục đặt tay lên vai tôi trong khi chúng tôi vẫn đi bách bộ.

"Và con sẽ sung sướng gấp trăm lần, thầy ạ", tôi nói hơi nịnh một chút (tôi hi vọng đây là một cách nịnh ngây thơ), "nếu như việc làm của con liên quan đến cuốn từ điển".

Bác sỹ dừng lại mỉm cười vỗ vai tôi đánh "đốp" một cái và kêu to với cái vẻ đắc thắng, nhìn thật đáng yêu, dường như tôi đã đạt đến nơi sâu nhất của trí khôn loài người.

"Anh bạn trẻ ơi, anh nói đúng rồi! Đó là quyển từ điển!"

Làm sao có thể là việc khác được? Túi ông cũng như đầu ông đầy cả từ điển. Từ điển tràn ra ngoài người ông về mọi phía. Ông bảo với tôi rằng từ khi ông rút lui khỏi nghề dạy học, ông đã làm cho nó tiến một bước phi thường; và không có gì thích hợp với ông hơn là đề nghị của tôi làm việc buổi sáng và buổi chiều tối bởi vì ban ngày ông có thói đi dạo vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Giấy tờ của ông cũng khá lộn xộn, bởi vì gần đây ông Jăc Manđơn, thỉnh thoảng có làm thư ký cho ông nhưng ông ta không quen làm việc này. Tuy vậy, bác sỹ bảo tôi, chúng ta sẽ sắp xếp đâu vào đấy những cái gì không thích hợp và sau đó công việc sẽ tiến hành êm như ru. Sau đó khi chúng tôi bắt tay vào việc thực sự, tôi mới nhận thấy rằng những cố gắng của ông Jăc Manđơn đã làm cho tôi bị khó nhọc hơn là tôi tưởng, bởi vì không những ông ta phạm vô số sai lầm mà còn vẽ lên bản thảo của bác sỹ nhiều người lính và đầu đàn bà đến nỗi nhiều khi tôi lúng túng như húc vào bụi rậm.

Bác sỹ rất sung sướng khi nghĩ rằng chúng tôi có thể cùng nhau bắt tay vào cái tác phẩm kỳ diệu này và chúng tôi quyết định ngày hôm sau sẽ bắt đầu lúc bảy giờ.

Chúng tôi sẽ phải làm việc buổi sáng hai giờ và buổi chiều hai hay ba giờ tất cả mọi ngày trừ ngày thứ bảy là ngày tôi phải nghỉ. Cố nhiên, ngày chủ nhật tôi cũng được nghỉ và những điều kiện ấy đối với tôi là rất dễ chịu.

Kế hoạch làm việc của chúng tôi như vậy là đã được xếp đặt làm cả hai bên vừa lòng. Sau đó, bác sỹ dẫn tôi vào nhà để giới thiệu tôi với bà Xtrong. Tôi thấy bà ở trong phòng làm việc mới của bác sỹ; đang lo quét bụi ở những quyển sách (đó là một quyền tự do mà không bao giờ bà cho người khác sử dụng đối với những người bạn thiêng liêng và yêu quý của bà). Hai người đã hoãn bữa điểm tâm vì có tôi. Chúng tôi ngồi được một lát bỗng tôi nhìn trên nét mặt của bà Xtrong đoán biết được người nào đang đến, trước khi nghe có tiếng động. Một người cưỡi ngựa đến trước cửa vườn rồi dắt ngựa vào cái sân nhỏ, dây cương vắt vẻo trên cánh tay dường như ông ta cảm thấy người rất thoải mái. Ông ta

buộc dây cương vào một cái vòng đóng ở bức tường của cái chuồng ngựa bỏ trống, đoạn tay cầm roi ngựa, ông bước vào phòng khách nhỏ trong đó chúng tôi đang ăn điểm tâm. Đó là ông Jắc Manđơn. Và theo ý tôi ông ta chẳng khá thêm chút nào trong thời gian ông ta ở Ấn-độ. Dẫu sao, lúc bấy giờ tôi vẫn căm ghét những con người không chịu đẫn những cây cối trong khu rừng của khó khăn trở lực và ấn tượng ấy ảnh hưởng đến cách nhìn của tôi.

"Ông Jắc!" Bác sỹ nói, anh Copơphin.

Ông Jăc Manđơn bắt tay tôi nhưng không niềm nở, với cái vẻ thẩn thờ trịch thượng, làm cho thâm tâm tôi thấy rất tức tối. Nhưng cái vẻ thẫn thờ của ông ta thực là một cảnh tượng rất ngạc nhiên không kể khi ông ta nói với cô em họ Anni.

"Ông đã ăn sáng chưa, ông Jắc" Bác sỹ nói.

"Tôi ít khi ăn sáng lắm!" ông đáp, cái đầu hất về phía sau trong khi ngồi trên ghế dựa. "Ăn như thế chán chết!"

"Hôm nay có tin tức gì không?" Bác sỹ nói.

"Thưa anh, chẳng có tin tức gì ạ", ông Manđơn đáp, "Người ta nói rằng có người đói và có sự bất bình đâu đấy ở phía bắc. Nhưng bao giờ mà chẳng có những người đói và có sự bất bình ở đâu đấy".

Bác sỹ làm ra vẻ nghiêm trang, như muốn chuyển sang chuyện khác:

"Như vậy, là không có tin gì hết, và, như người ta nói, không có tin tức là mọi việc tốt lành".

"Ở trong báo có kể một chuyện dài về một vụ ám sát", ông Manđơn nói, "nhưng bao giờ mà chẳng có người bị ám sát và tôi chẳng đọc câu chuyện ấy".

Cái vẻ thờ ơ đối với tất cả mọi hành động và mọi dục vọng của loài người, theo như tôi biết, lúc bấy giờ không được người ta cho là một đức tính cao quý như bây giờ. Tôi đã thấy đặc điểm này được người ta ham chuộng. Nhiều người đã làm như thế và được tán thưởng đến nỗi tôi đã gặp một vài cô xinh xắn và một vài anh chàng nếu sinh ra để làm sâu bọ thì có lẽ tốt hơn. Có lẽ hôm ấy nó càng gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ bởi vì nó mới mẻ đối với tôi; nhưng chắc chắn nó không làm cho tôi đánh giá ông Jăc Manđơn cao hơn hay tin cậy ông ta nhiều hơn.

"Tôi đến đây hỏi xem tối nay Anni có đi xem nhạc kịch không?" ông Manđơn nói quay mặt về phía bà Xtrong. "Đây là buổi tối hay cuối cùng của mùa kịch và có một nữ danh ca mà cô ấy phải nghe mới được. Cô ta có giọng hát mê ly nhưng xấu cũng phi thường", ông ta nói thêm, trở lại cái thái độ thẫn thờ hồi nãy.

Bác sỹ bao giờ cũng thích những điều có thể làm vừa lòng bà vợ trẻ, quay về phía vợ và nói:

"Em phải đi mới được, Anni ạ, em phải đi!"

"Em không muốn đi", bà nói với bác sỹ, "Em muốn ở nhà hơn, em thích ở nhà hơn nhiều".

Không nhìn về phía người anh họ, bà quay về phía tôi và hỏi tôi về tin tức của Ácnét xem bà có gặp được nàng không, xem có thể nào nàng đến hôm nay không. Bà băn khoăn đến nỗi, tôi rất ngạc nhiên tại sao bác sỹ (đang phết bơ vào khoanh bánh mì) có thể không thấy một điều hiển nhiên như vậy.

Nhưng ông không thấy gì hết. Ông vui vẻ nói với bà vợ rằng bà còn trẻ phải chơi đùa và tiêu khiển, không nên để cho mình trở nên quá bực bội bên cạnh một ông chồng già bực bội. Bác sỹ lại còn muốn bà hát cho nghe tất cả những bài hát của cô danh ca mới, nhưng bà làm sao có thể hát được nếu bà

không đi nghe? Bác sỹ khẩn khoản thay mặt bà nhận lời và bảo ông Jăc Manđơn đến ăn chiều. Công việc này giải quyết xong, ông ta ra đi, có lẽ để trở về công việc của ông, nhưng có một điều chắc chắn là ông lên ngựa đi trông rất uể oải.

Sáng hôm sau tôi tò mò muốn biết bà Xtrong có đi không. Bà không đi, và đã gửi thư đến Luân-đôn để hoãn việc đi với người anh họ; trái lại, buổi chiều bà đi thăm Ácnét và khẩn khoản yêu cầu bác sỹ đi theo. Hai người đi bộ qua cánh đồng, bác sỹ bảo tôi thế bởi vì chiều tối hôm ấy thực tuyệt đẹp. Thế rồi tôi tự hỏi nếu Ácnét không ở Luân-đôn, không biết bà có đi xem nhạc kịch không, không biết Ácnét cũng có ảnh hưởng tốt đối với bà hay không?

Bà không có vẻ sung sướng, theo như tôi nghĩ; nhưng gương mặt bà vẫn hiền hậu nếu như không phải bà giả vờ làm thế. Tôi thường nhìn bà bởi vì bà ngồi trước cửa sổ suốt cả thời gian chúng tôi làm việc, lo chuẩn bị bữa ăn điểm tâm cho chúng tôi, và chúng tôi cứ ăn rồi lại thôi trong khi vẫn làm việc. Khi tôi ra về vào lúc chín giờ, bà quỳ dưới chân bác sỹ để xỏ giày và xỏ ghệt cho ông ta. Bóng mát dịu dàng do những cánh lá xanh rờn đu đưa ngoài cửa sổ tỏa xuống gương mặt của bà và trên con đường đến Pháp-viện, tôi vẫn luôn luôn nghĩ đến cái đêm tôi thấy gương mặt ấy ngước về phía chồng, trong khi ông vẫn đọc sách.

Lúc này tôi khá bận rộn, tôi dậy lúc năm giờ sáng và về nhà lúc chín hay mười giờ đêm. Nhưng tôi cảm thấy hài lòng vô cùng khi thấy mình bận rộn như vậy, và không bao giờ tôi chịu bước một cách chậm chạp, trong lòng phấn khởi say sưa, tôi có cảm tưởng rằng càng cố gắng, tôi càng trở thành xứng đáng với Đôra. Đôra vẫn chưa biết gì về sự thay đổi tôi đã phải chịu, bởi vì vài ngày nữa nàng sẽ đến thăm cô Min và tôi đợi cho đến khi gặp mặt nàng mới cho nàng biết; trong thơ tôi chỉ nói (tất cả thư từ chúng tôi đều chuyển một cách bí mật qua cô Min) rằng tôi định nói với nàng rất nhiều chuyện. Trong khi chờ đợi gặp nàng, tôi giảm bớt phần mỡ gấu, hoàn toàn không dùng xà phòng thơm, nước hoa và tôi bán lại với một sự thiệt thòi to lớn, ba chiếc gilê mà tôi cho là quá sang trọng và đắt tiền đối với cuộc đời khắc khổ của mình.

Nhưng làm tất cả những biện pháp ấy vẫn chưa đủ, tôi còn nóng ruột muốn làm một cái gì hơn nữa, và tôi đến thăm Trátđơn. Lúc này cậu ta ở đằng sau bình phòng của một ngôi nhà ở đường Cátxơn thuộc khu phố Hônboc. Ông Đích đã đến Haigây hai lần với tôi và đã nối lại tình bạn với bác sỹ, lần này cũng đi theo tôi.

Tôi mang ông Đích đi theo, bởi vì ông rất cảm động về những bất hạnh của cô tôi và tin chắc rằng không có một tên nô lệ nào hay một tên tù khổ sai nào lại làm việc nhiều như tôi, cho nên vì cứ băn khoăn lo lắng, ông ăn mất ngon, mất cả vui vẻ, khi nhận thấy rằng mình không được việc gì. Trong tình trạng ấy, ông càng cảm thấy mình bất lực, không bao giờ viết xong được tập hồi ký. Ông càng làm việc nhiều thì cái đầu khốn khổ của Saclơ I lại cứ thò vào. Tôi rất sợ bệnh ông sẽ tăng lên nếu như chúng tôi không nghĩ được một cách đánh lừa ngây thơ để ông tin rằng ông còn có ích, hay nếu chúng tôi không thể làm cho ông thực sự thành con người có ích (điều này sẽ tốt hơn nhiều). Tôi quyết định đến thăm Trátđơn để xem cậu ta có thể giúp chúng tôi không. Trước khi tới nhà, tôi đã viết thư cho Trátđơn biết tất cả tình hình xảy ra và Trátđơn trả lời bằng một bức thư đáng phục, biểu lộ sự thông cảm và tình bạn.

Chúng tôi thấy cậu đang làm việc chăm chỉ với cái bình mực và những tờ giấy, trong lòng sung sướng vì được nhìn cái bình hoa với cái giá của nó và chiếc bàn tròn nhỏ bé đặt ở một góc phòng. Cậu tiếp chúng tôi thân mật và làm quen ngay với ông Đích, ông Đích tuyên bố quả quyết rằng thế nào trước đây ông cũng đã gặp cậu ta và cả hai người chúng tôi tuyên bố: "Rất có thể!"

Vấn đề thứ nhất mà tôi phải hỏi Trátđơn là vấn đề sau đây: Tôi đã nghe nói có nhiều người nổi tiếng trong nhiều nghề khác nhau đã bắt đầu bằng cách viết các bản tường thuật về các cuộc tranh luận ở Nghị viện. Trátđơn đã cho tôi biết rằng báo chí cũng là một trong những ngành cậu hy vọng được làm cho nên tôi mới khớp hai sự kiện này lại và viết thư cho Trátđơn hỏi tôi phải làm gì để có đủ điều kiện bước vào nghề này.

Trátđơn báo cho tôi biết theo kết quả điều tra của cậu rằng muốn nắm được cái kỹ xảo cần thiết, không kể những trường hợp ít có, để đạt đến một trình độ cao trong nghề này (nghĩa là một trình độ hiểu biết thông thạo và hoàn toàn về những bí mật của cách viết và cách đọc tốc ký) là một điều cũng khó khăn như sự khó khăn cần phải khắc phục để học thành thạo sáu ngoại ngữ; và nếu có chí thì người ta có thể thực hiện được sau vài năm. Trátđơn do đó giả thiết, không phải là vô lý, rằng vấn đề này như thế là không đặt ra nữa. Nhưng tôi chỉ thấy đó là một dịp để đẵn một vài cây to, nên tôi liền kiên quyết tay cầm cái búa mở ngay một con đường đi qua khu rừng ấy để đến gặp Đôra.

"Mình rất cảm ơn cậu, Trátđơn ạ! Ngày mai mình sẽ bắt đầu!"

Trátđơn có vẻ sửng sốt, điều đó không phải là vô lý, nhưng cậu vẫn chưa có một khái niệm gì về tâm trạng hăng hái say sưa của tôi. Tôi nói:

"Mình sẽ mua một quyển sách trình bày nghệ thuật này một cách chu đáo, mình sẽ học nghề này ở Pháp-viện vì ở đấy mình rảnh lắm. Mình sẽ ghi những bài diễn văn ở tòa án để tập dượt… Trátđơn ạ, mình nhất định sẽ thành công!"

"Trời ơi!", Trátđơn nói, đôi mắt mở to. "Mình không ngờ cậu có nghị lực đến thế kia đấy, Copơphin ạ!"

Làm sao cậu có thể biết được điều đó, bởi vì đặc điểm này đối với bản thân tôi cũng là mới mẻ. Nhưng tôi không nhấn mạnh vào điểm ấy và bàn đến việc ông Đích.

"Anh xem thử…" ông Đích nói, có vẻ nghiêm trang, "tôi có thể làm được điều gì, anh Trátđơn ạ… xem tôi có thể đánh trống, hay thổi một nhạc cụ nào không…"

Con người tội nghiệp! tôi tin chắc rằng trong thâm tâm ông thích loại công việc này hơn bất kỳ công việc nào khác. Trátđơn không hề mỉm cười, trả lời ông một cách nhiêm trang:

"Nhưng ông viết chữ rất tốt,… Copơphin, có phải cậu bảo mình như thế chứ?"

"Chữ đẹp lắm!", tôi nói.

Và đó là sự thực, ông viết hết sức rõ ràng.

"Ông có nghĩ rằng", Trátđơn nói, "ông có thể sao chép không nếu như tôi đưa những bản cho ông để chép?"

Ông Đích nhìn tôi có vẻ ngờ vực:

"Thế nào, Trốtút?"

Tôi lắc đầu. Ông Đích cũng lắc đầu và thở dài.

"Hãy nói cho anh ấy về tập hồi ký!", ông Đích nói với tôi.

Tôi giải thích cho Trátđơn biết rằng rất khó lòng giữ cho cái đầu vua Saclơ I khỏi chui vào bản thảo của ông Đích. Trong lúc này ông Đích vẫn nhìn Trátđơn một cách kính cẩn, nghiêm trang và mút ngón tay trỏ chùn chụt.

"Nhưng những văn bản mình nói đây cậu hiểu không là đã viết xong đâu đấy rồi", Trátđơn nói sau

khi suy nghĩ một lát. "Ông Đích không phải lo lắng gì về mặt nội dung hết. Thế chẳng phải là một điều khác sao, Copơphin? Dù thế nào đi nữa tại sao lại không để ông ta thử xem sao?"

Những lời ấy làm chúng tôi bắt đầu hy vọng. Trátđơn và tôi bàn riêng với nhau trong khi ông Đích ngồi trên ghế nhìn chúng tôi, vẻ mặt lo lắng. Chúng tôi đã nghĩ ra một kế hoạch theo đó thế nào ông Đích ngày mai làm việc cũng sẽ thành công rực rỡ.

Chúng tôi đặt những giấy tờ Trátđơn đã đem đến cho ông trên một cái bàn cạnh cửa sổ ở đường Bơckinham. Việc này tóm lại là chép, tôi không biết bao nhiêu bản, một văn bản tòa án về một đạo luật đường sá gì đây và trên một cái bàn khác chúng tôi đặt tập hồi ký trứ danh, nguyên bản vẫn chưa viết xong. Chúng tôi ra chỉ thị cho ông Đích phải chép đứng đắn những điều ông thấy trước mắt không rời bỏ nguyên bản một chữ và khi nào ông cảm thấy phải nhắc đến vua Saclơ I thì hãy vớ ngay lấy tập hồi ký. Chúng tôi khuyến khích ông hãy kiên quyết giữ thái độ ấy và chúng tôi giao cho cô kiểm soát ông. Cô tôi kể lại rằng lúc đầu ông ta làm như một người chơi thanh la và sự chú ý của ông luôn bị phân tán giữa hai văn bản, nhưng chẳng bao lâu ông nhận thấy rằng lối làm việc ấy chỉ làm ông mệt nhọc và rối trí, và công việc sao chép vẫn nằm sờ sờ ngay trước mắt nên ông bắt tay ngay vào việc một cách có thứ tự và có phương pháp và hoãn việc viết hồi ký vào một lúc nào thuận tiện hơn. Tóm lại, mặc dầu chúng tôi cố sức làm sao đừng đưa cho ông nhiều việc quá sức ông, và mặc dầu ông không bắt đầu công việc vào lúc đầu tuần, nhưng đến chiều thứ bảy ông đã kiếm được mười si-linh và chín pen-ni. Không bao giờ, hễ tôi còn sống, tôi quên được cách ông đi một vòng tất cả các cửa hiệu gần đấy để đổi cái kho tàng này lấy những đồng sáu pen-ni, cũng như cách ông mang những đồng ấy đến cho cô tôi đặt trên một cái khay, các pen-ni xếp theo hình quả tim với những giọt nước mắt kiêu hãnh và sung sướng trong khóe mắt. Từ khi được dùng vào một việc có ích, ông giống như một con người sống chịu ảnh hưởng một pháp thuật mầu nhiệm và nếu như trên trái đất này có một con người sung sướng vào buổi chiều thứ bảy hôm ấy thì đó là con người đã chịu ơn cô tôi là người đàn bà kỳ diệu nhất và tôi là chàng thanh niên kỳ diệu nhất.

"Bây giờ không sợ chết đói nữa rồi Trốtút ạ!", ông Đích bảo tôi và xiết chặt tay tôi trong góc phòng, "tôi sẽ lo lắng đến việc sinh sống của cô ta anh ạ!". Thế rồi, ông hoa mười ngón tay trong không trung tưởng chừng như đó là mười nhà ngân hàng.

Tôi không biết giữa Trátđơn và tôi, người nào hài lòng hơn.

"Điều này làm cho mình quên mất ông Micôbơ!", Trátđơn đột nhiên nói với tôi và rút trong túi áo ra một bức thư để đưa cho tôi.

Bức thư này (ông Micôbơ không bao giờ bỏ lỡ dịp để viết một bức thư cho tôi: nhờ ông Trátđơn, sinh viên trường luật chuyển giao). Bức thư như sau:

"Anh Copơphin thân mến!

Có lẽ anh không ngạc nhiên khi biết một dịp tốt đã đến. Có thể một lần trước đây tôi đã nói với anh rằng tôi đang chờ đợi một dịp như thế.

Tôi sắp đến ở trong một thị trấn của hòn đảo hạnh phúc của chúng ta (có thể miêu tả nhân dân ở đây là một sự pha trộn thú vị gồm nông dân và người của nhà thờ) để trực tiếp bắt tay vào một nghề thông thái. Bà Micôbơ và các cháu sẽ theo tôi. Một ngày mai đây có lẽ người ta sẽ thấy hài cốt của chúng tôi ở trong cái nghĩa địa gắn liền với ngôi nhà đáng kính đã làm cho thành phố này nổi tiếng, có thể nói từ Pêru đến Trung-hoa.

Trong khi từ biệt thành phố Babilon hiện đại trong đó tôi đã phải chịu bao cảnh khổ cực, bà

Micôbơ và tôi, không thể nào che giấu rằng chúng tôi sẽ rời bỏ, có thể hàng năm, có thể vĩnh viễn, một người đã bao năm trời gắn bó khăng khít với điện thờ của đời sống gia đình chúng tôi. Nếu trước ngày chúng tôi ra đi anh vui lòng đi theo người bạn thân của chúng ta là ông Tômat Trátđơn đến ngôi nhà của chúng tôi hiện nay và chúc mừng nhau nhân dịp này, thì anh sẽ dành một ân huệ đặc biệt cho con người bao giờ cũng tận tụy với anh.

Uynkin Micôbơ.”

Tôi rất sung sướng thấy ông Micôbơ đã thoát khỏi cảnh lầm than và dịp may đã đến. Nghe Trátđơn nói rằng lời mời là nhằm đúng vào dịp tối nay, tôi trả lời sẵn sàng đến và chúng tôi đến nhà trọ ông Micôbơ nay gọi là ông Mooctimơ ở gần cuối đường Grây in.

Căn phòng này chật đến nỗi tôi thấy hai đứa sinh đôi, bây giờ đã tám hay chín tuổi, nằm trên một cái giường xếp trong phòng khách của gia đình, ở đấy ông Micôbơ đang nấu một thứ nước uống thú vị đã làm ông nổi tiếng mà ông gọi là “nước thuốc” trong một bình nước rửa. Nhân dịp này, tôi được làm quen với cậu Micôbơ, tôi thấy cậu là một cậu bé đầy hứa hẹn vào khoảng mười hai hay mười ba tuổi tay chân táy máy, một điều không phải là lạ ở những người vào trạc tuổi cậu. Tôi cũng làm quen với cô em là cô Micôbơ ở đấy như ông Micôbơ nói với chúng tôi: “Mẹ của cô sống lại tuổi trẻ của mình như con phượng hoàng”[1].

“Anh Copơphin ạ”, ông Micôbơ nói với tôi, “anh Trátđơn và anh đều thấy chúng tôi đứng trước một cuộc xuất dương, nên các anh vui lòng tha lỗi cho những điều bất tiện nhỏ nhặt do hoàn cảnh này gây nên”.

Trong khi liếc mắt nhìn quanh và tìm câu trả lời thích hợp, tôi nhận thấy bao nhiêu hành lý của gia đình đều đã gói ghém đâu vào đấy và hành lý không có gì là cồng kềnh. Tôi khen ngợi bà Micôbơ về sự thay đổi trước mắt.

“Anh Copơphin ạ”, bà Micôbơ nói, “tôi bao giờ cũng tin rằng anh ân cần chú ý đến tất cả công việc của chúng tôi. Những người trong gia đình tôi có thể xem cuộc ra đi này là một cuộc đi đày, nếu như họ muốn nghĩ thế, nhưng tôi là mẹ và là vợ, tôi sẽ không bao giờ bỏ anh Micôbơ”.

Bà Micôbơ đưa mắt nhìn Trátđơn có vẻ dò hỏi và cậu ta tán thành một cách cảm động.

“Các anh ạ”, bà Micôbơ nói, “theo ý tôi ít nhất đó là quan điểm của tôi về trách nhiệm của mình khi tôi đã nhắc lại những lời không thể thay đổi được. “Tôi là Emma, tôi lấy anh Uynkin làm chồng”. Đêm qua tôi đọc lại lời thề tại buổi hôn lễ dưới ánh đèn nến và tôi đi đến kết luận rằng tôi không bao giờ có thể rời bỏ anh Micôbơ. Có thể cách nhìn của tôi về lễ này không đúng nhưng không bao giờ tôi bỏ anh ấy”.

“Mình ạ”, ông Micôbơ nói có vẻ hơi nóng ruột, “anh không thấy người ta bắt mình phải làm một việc gì như thế”.

“Anh Copơphin ạ”, bà Micôbơ nói tiếp, “tôi biết tôi sắp ra đi tìm kế sinh nhai giữa những người xa lạ, và tôi cũng biết rằng những người trong gia đình tôi mà anh Micôbơ đã viết thư cho họ với những lời lẽ lịch sự nhất để báo cái tin ấy, đều không chú ý gì đến những bức thư của anh Micôbơ. Có thể tôi cũng hơi mê tín đấy”, bà Micôbơ nói, “nhưng tôi cảm thấy rằng số của anh Micôbơ là không nhận được một bức thư nào trả lời phần lớn những bức thư mà anh đã viết. Nhìn thái độ yên lặng của những người trong gia đình tôi, tôi có thể đoán rằng họ phản đối quyết định của tôi; nhưng tôi không để cho ai làm tôi đi chệch con đường của bổn phận, ngay dù người đó là cha mẹ tôi, nếu cha mẹ tôi còn sống”.

Tôi tuyên bố rằng bà làm như thế là đúng. Bà Micôbơ nói.

"Khi tôi tự giam hãm trong một địa phận. Có lẽ đó là một sự hy sinh, nhưng nếu như đó là một sự hy sinh đối với tôi thì đó là một sự hy sinh còn to lớn hơn nữa đối với một người có nhiều tài năng như Micôbơ".

"Ồ! Thế ông định đi đến một địa phận à?"

Ông Micôbơ nãy giờ vẫn cầm cái bình đựng nước để rót rượu ngũ vị cho chúng tôi, nói:

"Đi Cantơbơri. Đúng thế, anh Copơphin ạ, tôi đã ký tờ giao kèo căn cứ vào đó tôi phải giúp đỡ anh bạn Híp của chúng ta với tư cách là… người thư ký riêng của anh ta".

Tôi trố mắt nhìn ông Micôbơ, ông ta rất thú vị trước vẻ ngạc nhiên của tôi.

"Tôi phải thú thực với các anh", ông nói giọng bệ vệ, "rằng những tập quán về nghề kinh doanh và những lời khuyên khôn ngoan của bà Micôbơ một phần lớn đã đưa tôi đến kết quả này. Lời thách thức mà bà Micôbơ đã nói với anh trong một cuộc gặp mặt trước đây đã được đăng lên dưới hình thức một tin rao vặt và đã được ông bạn Híp của chúng ta nhận, và điều đó đã làm cho chúng tôi hiểu biết nhau. Còn về ông bạn Híp của chúng ta" - ông Micôbơ nói, "vốn là người tinh khôn khác thường, thì tôi muốn nói về anh ta với tất cả sự kính trọng tôi có thể có. Ông bạn Híp đã quy định số tiền lương chính thức bằng một con số không cao lắm, nhưng anh ta đã giúp đỡ nhiều để kéo tôi ra khỏi tình trạng quẫn bách về kinh tế, vì tính vào giá trị những việc làm của tôi và tôi cũng đặt hy vọng vào những việc làm ấy. Phần khôn ngoan và thông minh mà tôi còn có được", ông Micôbơ nói, hạ thấp mình một cách kiêu ngạo, cũng với cái vẻ lịch sự ngày xưa, "sẽ được dành vào việc phục vụ ông bạn Híp của tôi. Tôi có biết đôi chút về luật (với tư cách người bào chữa trước các tòa án dân sự) và tôi sẽ bắt tay nghiên cứu những lời bàn của một trong những luật gia lỗi lạc và nổi tiếng nhất của nước Anh. Tôi cảm thấy nếu nói đó là ông Blăcxtôn[2] thì cũng chỉ thường thôi".

Những nhận xét ấy, cũng như phần lớn những lời nhận xét buổi chiều hôm ấy đều bị gián đoạn do chỗ bà Micôbơ phát hiện ra cậu con trai đang ngồi trên đôi giầy của mình hay ôm lấy đầu như sợ nó rơi mất, hay ngẫu nhiên đá Trátđơn một cái dưới bàn, hay xát hai chân vào nhau hay dang chân ra cách xa thân mình một cách xấu xí, hay nằm nghiêng giữa những cốc rượu hay hoa chân múa tay một cách tự do không chút nào phù hợp với quyền lợi của tất cả mọi người. Vì mỗi sự phát hiện như vậy của bà Micôbơ đều được cậu Micôbơ tiếp nhận với thái độ hằn học. Trong thời gian ấy tôi ngồi yên, ngơ ngác trước điều ông Micôbơ để lộ và tự hỏi không biết nó có ý nghĩa gì cho đến khi bà Micôbơ lại nói tiếp và yêu cầu tôi chú ý:

"Tôi có một điều yêu cầu anh Micôbơ chú ý đặc biệt", bà Micôbơ nói, "đó là anh Copơphin ạ, trong khi làm cái ngành phụ thuộc này của nghề luật pháp, anh Micôbơ đừng tự ngăn cản mình không leo lên đến đỉnh. Tôi tin chắc rằng anh Micôbơ trong khi làm một nghề thích hợp với tài năng và tài ngôn luận của mình, nhất định thế nào cũng nổi tiếng. Chẳng hạn, anh Trátđơn ạ", bà Micôbơ nói có vẻ sâu sắc, "anh ấy có thể làm đến chánh án hay thậm chí làm đến thủ tướng. Các anh có cho rằng khi người ta có từ chối không chịu vươn lên những chức tước cao như thế không?"

"Em ạ", ông Micôbơ nói nhưng không khỏi liếc nhìn Trátđơn có vẻ dò hỏi, "chúng ta còn chán thì giờ trước mắt để nghĩ đến những vấn đề ấy".

"Anh Micôbơ ạ" - bà ta đáp, "như thế không được đâu! Sai lầm của anh trong đời là không bao giờ đưa mắt nhìn xa về phía trước. Nhiệm vụ của anh đối với gia đình, nếu như không phải đối với anh, bắt buộc anh phải nhìn bao quát cho đến cái điểm ở nơi chân trời xa nhất mà năng lực của anh có thể

đưa anh đến".

Ông Micôbơ dặng hắng và uống rượu ngũ vị với cái vẻ vô cùng đắc chí trong lúc vẫn nhìn Trátđơn dường như muốn hỏi ý kiến của cậu ta.

"Hừm, thế này, bà Micôbơ ạ", Trátđơn nói vì muốn cho bà ta biết sự thật một cách tế nhị, "đây là sự thật về vấn đề này… Tôi muốn có sao nói vậy, bà hiểu không?"

"Đúng thế!", bà Micôbơ nói, "trong khi bàn về một vấn đề quan trọng như thế này, anh Trátđơn ạ, tôi muốn có sao nói vậy không che giấu gì hết".

"Sự thực là", Trátđơn nói, "ngành này của nghề luật pháp, dù cho ông Micôbơ là một biện hộ sỹ chính thức…".

"Đúng thế!" - bà Micôbơ nói, "Này Uynkin, mày đang nhìn nghiêng đấy, cứ làm như thế thì mày sẽ không nhìn thẳng được đâu".

"… Ông cũng không thể nào làm những chức vụ ấy". Trátđơn nói tiếp, "Chỉ có một trạng sư mới có thể được bầu vào những chức vụ như thế; và ông Micôbơ không thể trở thành trạng sư, nếu không ghi tên làm sinh viên ở một trường luật trong năm năm".

"Này để xem tôi có nắm được ý của anh không nhé?" Bà Micôbơ nói với cái vẻ quan trọng và rất dễ thương - "Anh Trátđơn, như thế có phải là sau thời gian này, anh Micôbơ có thể được bầu làm chánh án hay làm thủ tướng không?"

"Ông *có thể được bầu*.", Trátđơn đáp, nhấn mạnh vào chỗ này.

"Cảm ơn anh", bà Micôbơ nói. "Như thế là đủ lắm rồi. Nếu vấn đề là như thế, và anh Micôbơ không mất một quyền lợi nào khi làm những chức vụ này, thì tôi không phải lo lắng gì nữa", bà Micôbơ nói. "Tôi nói cố nhiên như một người đàn bà, nhưng xưa nay tôi vẫn nghĩ rằng anh Micôbơ có cái mà tôi vẫn nghe ba tôi nói khi tôi ở với ba mẹ tôi, đó là đầu óc pháp luật, và tôi hy vọng rằng bây giờ anh Micôbơ bước vào một địa hạt ở đấy cái đầu óc ấy sẽ phát triển và đưa anh đến một địa vị cao quý".

Quả thực trong thâm tâm tôi cũng tin rằng ông Micôbơ với đầu óc pháp luật của ông đã thấy mình ngồi trên cái ghế của ông thủ tướng, ông khoan khoái giơ tay vuốt cái trán hói và nói với cái vẻ nhún nhường kiêu hãnh:

"Em ạ, chúng ta hãy khoan nói trước đến những quyết định của số phận. Nếu như số của anh là để mang bộ tóc giả của một ông quan tòa thì ít nhất là về dáng điệu bề ngoài anh đã được chuẩn bị sẵn (ông muốn nói đến cái đầu hói của ông) để nhận cái vinh dự ấy. Anh không tiếc những sợi tóc của anh", ông Micôbơ nói, "và có thể anh bị hói đầu là vì có chủ ý gì đấy. Anh không thể nói trước được. Nhưng anh Copơphin ạ, tôi có ý định cho con tôi vào nhà thờ. Không dấu gì anh, tôi sẽ sung sướng nếu nhờ nó mà tôi có thể lên một địa vị cao".

"Vào nhà thờ à?". Tôi nói, vẫn còn tư lự vì trong lúc này tôi còn nghĩ đến Uria Híp.

"Phải đấy!" ông Micôbơ nói, "nó có giọng hát rất tốt và sẽ bắt đầu bằng cách hát đồng ca. Chúng tôi sẽ ở Cantơbơri và những mối liên hệ địa phương ở đấy chắc chắn sẽ giúp cháu giữ được chỗ trống đầu tiên trong ban đồng ca của nhà thờ".

Khi nhìn lại cậu Micôbơ tôi thấy cậu có một vẻ mặt đặc biệt dường như giọng hát nấp ở đâu đằng sau đôi lông mày, và lát sau giọng hát vang lên từ đấy ra khi cậu hát cho chúng tôi nghe (cậu được lựa chọn giữa việc hát và đi ngủ) bài "Con chim gõ kiến đang mổ"[3]. Sau khi khen ngợi nhiều về thành công này, chúng tôi nói chuyện phiếm; và vì đầu óc tôi đầy những quyết định anh dũng, nên không sao

giữ im lặng về chỗ hoàn cảnh của tôi đã thay đổi và tôi nói cho ông bà Micôbơ biết điều đó. Tôi không thể nói hai người sung sướng như thế nào khi thấy có tôi gặp khó khăn và điều ấy làm cho họ thông cảm và thân mật với tôi như thế nào.

Khi chúng tôi đã gần uống đến tuần rượu ngũ vị cuối cùng, tôi bảo Trátđơn và nhắc cậu ấy rằng chúng ta không nên chia tay nhau mà không chúc cho các bạn sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong nghề nghiệp mới. Tôi yêu cầu ông Micôbơ rót rượu cho chúng tôi và đề nghị chạm cốc theo đúng lễ nghi: tôi bắt tay ông qua bàn và hôn bà Micôbơ để ghi nhớ cái dịp đáng nhớ này. Trátđơn bắt chước tôi về điểm thứ nhất nhưng không tự xem mình là một người bạn khá lâu năm để có thể đánh bạo noi gương tôi về điểm thứ hai.

"Anh Copơphin", ông Micôbơ đứng dậy nói, hai ngón tay cái móc vào hai túi gilê. "Người bạn đường của thời niên thiếu của tôi (nếu tôi được mạn phép dùng danh từ ấy) và anh, anh bạn Trátđơn quý hóa của tôi (nếu anh cho phép tôi gọi như vậy), các anh cho phép tôi nhân danh bà Micôbơ, nhân danh cá nhân tôi và nhân danh các con cảm ơn các anh về những lời chúc mừng nồng hậu và tự nhiên nhất. Một điều rất tự nhiên là trước cuộc phiêu lưu đến một cuộc đời hoàn toàn mới mẻ (ông Micôbơ nói như ông phải đi xa năm mươi vạn dặm, tôi phải nói vài lời từ biệt hai người bạn tôi thấy trước mặt tôi. Dù cho địa vị xã hội mà tôi có thể đạt được bằng cái nghề tự do (mà tôi sẽ chỉ là một thành viên tầm thường) là như thế nào, tôi cũng cố gắng không làm nhục nó và bà Micôbơ chắc chắn sẽ là vinh dự của nó. Những khó khăn kinh tế đã tạm thời bắt buộc tôi phải vay tiền với hy vọng có thể thanh toán ngay. Nhưng nhiều hoàn cảnh không may liên tiếp xảy đến nên tôi vẫn chưa thanh toán được, kết quả, tôi đành phải đeo cái vật mà bản tính tự nhiên của tôi không thích (tôi muốn nói đến cặp kính) và mang cái tên mà tôi không thể mang vì một lý do chính đáng nào. Và vấn đề này tôi chỉ có thể nói là những đám mây trước đây làm cho phong cảnh thành ảm đạm đã tan đi và mặt trời lên cao vòi vọi trên các đỉnh núi. Thứ hai tới, khi đi chiếc xe ngựa đến Cantơbơri vào lúc bốn giờ chiều, tôi sẽ đặt chân lên miếng đất quê hương…[4] và tên của tôi sẽ là Micôbơ.)"

Ông Micôbơ lại ngồi xuống sau khi tuyên bố những nhận xét này và uống liền một lúc hai cốc ngũ vị có vẻ trịnh trọng lắm. Ông nói thêm giọng rất nghiêm trang.

"Tôi còn một việc phải làm trước khi chia tay và đó là làm một việc hợp với công lý. Trong hai trường hợp khác nhau, để giúp tôi anh bạn Tômat Trátđơn của tôi đã ký tên mình - nếu như tôi có thể dùng câu nói thông thường ấy - vào tờ giấy vay nợ. Lần thứ nhất anh Tômat Trátđơn đã bị… tóm lại, tôi xin nói thẳng, vỡ nợ. Thời hạn tờ giấy vay nợ thứ hai vẫn chưa hết. Số tiền của tờ giấy thứ nhất (đến đây ông Micôbơ xem xét kỹ lưỡng giấy tờ) theo như tôi biết là 23 bảng 4 silinh và 9 pen-ni. Hai số tiền này cộng lại, nếu như sự tính toán của tôi là đúng, thành 41 bảng 19 silinh và 11 pen-ni rưỡi. Anh bạn Copơphin làm ơn xem lại số tiền có đúng như thế không?"

Tôi tính lại và thấy đúng như vậy, ông Micôbơ nói.

"Rời khỏi thủ đô này, và rời khỏi anh bạn Tômat Trátđơn của tôi mà không trả được cái món nợ này, tim tôi bị giằn vật không sao chịu nổi. Do đó, tôi đã chuẩn bị cho anh bạn Tômat Trátđơn, và bây giờ tôi đang cầm ở tay một văn kiện thực hiện mục đích mong muốn. Tôi xin phép trao cho anh bạn Tômat Trátđơn một tờ giấy xác nhận rằng tôi đã vay anh 41 bảng, 10 silinh, 11 pen-ni rưỡi và tôi rất sung sướng lấy lại được phẩm giá của mình vì biết rằng tôi lại có thể ngẩng cao đầu đi trước những người đồng loại".

Sau lời mở đầu ấy (nó làm ông ta rất cảm động) ông Micôbơ đặt tờ giấy vay nợ vào tay Trátđơn và nói rằng ông ta chúc Trátđơn hoàn toàn hạnh phúc. Tôi tin chắc rằng đối với ông Micôbơ điều đó cũng

hoàn toàn như ông đã trả tiền rồi, mà ngay cả Trátđơn cũng không thấy có điểm gì khác cho đến khi cậu có thì giờ nghĩ lại.

Tự hào về hành động đạo đức ấy, ông Micôbơ ngẩng cao đầu đi trước mặt đồng loại đến nỗi khi ông cầm nến soi đường cho chúng tôi đi xuống cầu thang, bộ ngực của ông có vẻ phình ra to gấp đôi. Chúng tôi chia tay nhau rất niềm nở, và khi tôi tiễn Trátđơn đến cửa phòng của cậu, tôi nghĩ (ngoài những việc khác kỳ lạ và ngược đời mà tôi suy nghĩ) rằng mặc dầu ông Micôbơ là người không nể nang ai, có lẽ ông ta thương hại tôi thế nào đấy (vì tôi là cậu bé ở trọ nhà ông ngày trước) hay sao, nên không bao giờ ông ta vay tiền tôi. Chắc hẳn tôi sẽ không có đủ cái can đảm để từ chối ông và ông cũng thừa biết như vậy (tôi cần phải nói điều đó vì nó làm vinh dự cho ông).

---

[1] Ở Anh có câu chuyện phượng hoàng khi già nếu đem đốt đi thì lại trở lại đẹp như xưa.

[2] Uyliam Blăcxtôn (1723-1780) tác giả bộ "Những lời bàn về các đạo luật nước Anh", một tác phẩm quan trọng về luật học của Anh.

[3] Bài hát nổi tiếng của Tomat Morơ (1779-1862), nhạc của Maikơn Kenli.

[4] Nhắc đến câu trong Bốp Roi (1818) của Oanxơ Xcốt "Tôi sẽ đặt chân lên miếng đất quê hương và tên tôi sẽ là Grêgo!"

Chương XXXVII
MỘT GÁO NƯỚC LẠNH

Cuộc đời mới của tôi đã kéo dài được hơn một tuần, những quyết định thực tiễn quan trọng mà tình cảnh bắt tôi phải làm lại càng vững chắc hơn bao giờ hết. Tôi vẫn tiếp tục rảo bước rất nhanh và có ấn tượng rằng, nói chung, mọi việc tiến hành tốt đẹp. Tôi đặt cho tôi một kỷ luật là cố hết sức làm tất cả những điều mà tôi dốc sức vào. Tôi hoàn toàn quên mình. Thậm chí tôi còn có ý định chỉ ăn rau, bởi vì tôi có một ý nghĩ mơ hồ rằng trong khi biến thành một con vật ăn rau, tôi sẽ quên mình cho Đôra.

Trong thời gian này nàng Đôra nhỏ bé vẫn không biết chút gì về thái độ kiên quyết tuyệt vọng của tôi ngoài một vài câu nói bóng gió trong những bức thư của tôi. Nhưng lại là một ngày thứ bảy nữa đến, và buổi chiều thứ bảy hôm ấy nàng sẽ ở nhà cô Min; và khi ông Min đến Câu lạc bộ chơi bài "huyt" (biến cố này được đánh điện cho tôi ở ngoài đường bằng một lồng chim treo ở cửa sổ giữa phòng khách), tôi có nhiệm vụ đến đây uống trà.

Lúc này chúng tôi đã ở hẳn đường Bơckinham, ở đấy ông Đích vẫn tiếp tục công việc sao chép với một tâm trạng vô cùng sung sướng. Cô tôi đã thắng bà Crớp một trận quyết định, bằng cách từ chối sự phục vụ của bà, vứt cái lọ đầu tiên mà bà ta để ở cầu thang rồi sai một cô đầy tớ gái mà cô tôi thuê ở ngoài đi lên đi xuống cầu thang dưới sự che chở của mình. Những biện pháp kiên quyết này đã làm bà Crớp hoảng sợ đến nỗi bà ta rút lui vào bếp của bà và cho rằng cô tôi điên. Vì cô tôi phớt lạnh ý kiến của bà Crớp cũng như của những người khác và cứ thiên về mặt ấy chứ không rời bỏ, cho nên bà Crớp xưa kia táo tợn như thế, chỉ trong vài ngày đã trở thành nhút nhát đến nỗi không dám gặp mặt cô tôi ở cầu thang mà phải cố gắng che giấu cái thân hình phục phịch đằng sau cánh cửa (tuy vẫn để lộ một mảnh lớn của cái váy bằng dạ) hay rút lui vào trong những góc tối om. Thái độ này làm cho cô tôi đắc chí vô cùng, đến nỗi có cảm tưởng cô tôi thích lên xuống cầu thang với cái mũ ngất nghểu trên đỉnh đầu vào những giờ có thể gặp bà Crớp ở trên đường đi.

Là người rất khéo léo và trật tự, cô tôi đã đưa đến nhiều thay đổi nhỏ trong việc ăn ở của tôi đến nỗi tôi có cảm tưởng giàu hơn trước chứ không phải nghèo đi. Chẳng hạn, cô tôi đã biến phòng đựng đồ ăn thành một phòng để tôi trang điểm. Cô tôi mua và tô điểm cho tôi một cái giường mà ban ngày thì giống một tủ sách đến mức độ cao nhất của nó. Tôi luôn luôn được cô tôi săn sóc. Ngay cả bà mẹ tội nghiệp của tôi cũng không thể yêu tôi hơn thế và quan tâm lo lắng cho tôi sung sướng hơn thế được.

Chị Pécgôti rất lấy làm vinh dự được tham dự vào công việc này, và tuy phần nào chị vẫn còn sợ hãi cô tôi như trước, nhưng vì được cô tôi rất khuyến khích và tin cậy, nên hai người đã trở thành đôi bạn tốt nhất trên đời. Nhưng cái giờ mà tôi nói, đã đến (tức là ngày thứ bảy mà tôi phải uống trà ở nhà cô Min) và chị cần phải về nhà để làm những việc mà chị làm giúp Ham.

"Chào chị Bácкít!" cô tôi nói. "Chị phải lo giữ sức khỏe đấy! Tôi cam đoan với chị là trước đây tôi không bao giờ ngờ rằng tôi buồn vì xa chị đấy".

Tôi đưa chị Pécgôti đến trạm xe ngựa và tiễn chị lên đường. Khi ra đi chị khóc và dặn tôi săn sóc ông Pécgôti như Ham đã dặn. Chúng tôi không nghe tin tức gì về ông từ ngày ông ra đi vào buổi chiều nắng ráo hôm ấy.

"Bây giờ, em Đêvi yêu quý của chị" - chị Pécgôti nói - "khi em là tập sự, em cần tiêu tiền, hay khi thời gian tập sự đã hết, em cần tiền để sinh sống… và (thế nào em cũng phải cần tiền vì một trong hai lý do ấy, hay vì cả hai… em yêu quý của chị) ai có quyền cho em tiền hơn con mẹ Pécgôti ngốc nghếch ấy, là người giúp việc con bé hiền lành của chị!".

Tôi không phải là người khăng khăng không muốn nhờ cậy ai nên chỉ có thể trả lời chị rằng nếu như tôi có vay mượn tiền của ai, thì người đó sẽ là chị. Tôi tin rằng không kể việc nhận ngay một số tiền lớn của chị, thì câu nói ấy sẽ an ủi chị Pécgôti hơn tất cả những điều tôi có thể làm.

"Này em!" - Chị Pécgôti nói thầm bên tai tôi, "em nhớ nói với cô tiên nhỏ bé xinh đẹp rằng chị rất muốn nhìn cô ấy một chút, dù chỉ một phút mà thôi! Và bảo cô ấy rằng trước khi cô ấy lấy được đứa em trai của chị, chị sẽ đến và làm cho ngôi nhà em xinh ghê lắm, nếu như em cho phép".

Tôi tuyên bố rằng không có ai ngoài chị có thể đụng đến ngôi nhà, và điều đó làm chị sung sướng đến nỗi chị ra đi vẻ mặt hân hoan.

Tôi làm mọi cách để cho mình mệt nhọc suốt cả ngày ở Pháp-viện và đến giờ đã hẹn, tôi đến phố ông Min. Ông Min có thói quen dễ sợ là ngủ sau khi ăn trưa, nên vẫn còn ở nhà và chiếc lồng chim vẫn chưa treo ở cửa sổ giữa nhà.

Ông ta bắt tôi chờ đợi lâu đến nỗi tôi thiết tha mong mỏi rằng Câu lạc bộ sẽ phạt ông ta về tội đến chậm. Cuối cùng ông đi ra, và tôi thấy nàng Đôra của tôi thân hành treo lồng chim và liếc nhìn bao lơn một lượt để tìm tôi, trong khi Jip đứng ở đằng sau đang sủa oăng oẳng điên cuồng để dọa một con chó khổng lồ của nhà hàng thịt ở ngoài đường tuy con chó kia có thể nuốt sống nó như nuốt một viên thuốc.

Đôra bước đến cửa phòng khách để tiếp tôi và Jip chạy ra gầm gừ, vừa gầm gừ vừa lăn mình, dường như tôi là một tên kẻ cướp, và cả ba bước vào hết sức sung sướng và tràn ngập tình yêu. Nhưng lát sau nỗi sung sướng của chúng tôi, tôi đã gây nên sự hoang mang (không phải tôi có ý nhưng đầu óc tôi chỉ nghĩ tới điều đó) bằng cách hỏi Đôra mà không hề chuẩn bị trước xem nàng có thể yêu một người ăn mày không?

Nàng Đôra nhỏ bé xinh xắn của tôi giật nảy mình khi nghe cái chữ này! Nghe chữ này nàng chỉ có thể hình dung một bộ mặt võ vàng dưới một cái mũ trụp, hay một đôi cà kheo, hay một cái chân gỗ, hay một con chó miệng ngậm một cái khay hay một cái gì đại khái như vậy, và nàng trố mắt nhìn tôi với cái vẻ kinh ngạc đáng yêu vô cùng:

"Làm sao anh có thể hỏi em một câu ngớ ngẩn thế?" Đôra nũng nịu, "Yêu một thằng ăn mày ư!"

"Đôra, em yêu quý của anh! Anh là một thằng ăn mày".

"Anh đừng có nói bậy". Đôra nói và lấy tay đập khẽ vào bàn tay tôi. "Anh ngồi đây nói những điều ngớ ngẩn như vậy à? Em bảo Jip nó cắn anh bây giờ".

Những cử chỉ trẻ con của nàng là những cử chỉ đáng yêu nhất trên đời; nhưng tôi vẫn cần nói rõ, nên tôi nhắc lại giọng nghiêm trang:

"Em Đôra yêu quý của anh, anh Đôra của em đã bị phá sản".

"Em đã nói em bảo Jip nó cắn anh đấy". Đôra nói, lúc lắc những món tóc quăn - "Nếu anh còn lố bịch như thế!"

Nhưng tôi có vẻ nghiêm trang đến nỗi Đôra thôi không lúc lắc những món tóc quăn nữa mà đặt bàn tay run run nhỏ bé lên vai tôi và lần đầu tiên tỏ ra sự sợ hãi và lo lắng và khóc òa lên. Thật là khủng khiếp. Tôi quỳ trước cái xô-pha, vuốt ve nàng, van xin nàng đừng làm tim tôi tan nát, nhưng một lúc nàng Đôra nhỏ bé tội nghiệp cứ độc kêu lên. "Ồ! Trời ơi! Anh làm em sợ quá! chị Julia Min đâu rồi? Anh dẫn em đến cạnh chị Julia Min đi! Anh đi đi! cho đến lúc tôi cũng gần như mất trí.

Cuối cùng, sau khi hết hơi van nài và cầu khẩn, tôi mới làm cho Đôra quay cái mặt hoảng sợ về phía tôi và tôi làm cho vẻ mặt nàng dịu dần cho đến khi nó tràn đầy yêu mến và gò má xinh xắn dịu

dàng của nàng áp vào má tôi. Tôi ôm ghì nàng và nói rằng tôi yêu nàng tha thiết, tha thiết đến nỗi nhiệm vụ của tôi là trả lại tự do cho nàng bởi vì bây giờ tôi đã nghèo; rằng tôi không bao giờ có thể chịu đựng được việc mất nàng và không bao giờ có thể cứu vãn được sự tổn thất ấy, rằng tôi không sợ nghèo khổ nếu nàng cũng không sợ nghèo khổ, bởi vì nàng làm cho tay tôi thêm rắn chắc và tim tôi thêm hăng hái, rằng tôi đã làm việc với tinh thần dũng cảm mà chỉ những chàng si mới có thể làm được; rằng tôi đã bắt đầu có đầu óc thực tế và đưa mắt nhìn về tương lai; rằng một mẩu bánh kiếm được một cách lương thiện còn ngon hơn trăm lần một bữa tiệc nhờ có gia tài, và còn nói nhiều điều nữa cũng đại khái như vậy mà tôi nói trong một lúc hùng biện say sưa làm bản thân tôi cũng ngạc nhiên, mặc dầu ngày đêm tôi vẫn nghĩ đến điều đó từ khi cô tôi làm cho tôi hoảng hốt.

"Tim em còn thuộc về anh nữa không, em Đôra yêu quý?" Tôi nói ngây ngất bởi vì thấy nàng bám chặt lấy tôi, tôi biết tim nàng thuộc về tôi.

"Có! Có!" - Đôra kêu lên. "Có! Nó hoàn toàn thuộc về anh. Nhưng anh đừng làm vẻ dễ sợ nữa!"

Tôi dễ sợ ư? Dễ sợ đối với Đôra ư?

"Anh đừng nói đến chuyện nghèo khổ và làm việc cật lực nữa". Đôra nói càng nép chặt vào người tôi. "Ồ! không! không!".

"Em yêu quý của anh!" Tôi nói, "một mẩu bánh kiếm được một cách lương thiện…"

"Ồ! Phải đấy, nhưng em không muốn nghĩ đến những mẩu bánh nữa!" Đôra nói, "Jip phải có một cái sườn cừu ăn mỗi ngày vào buổi trưa, nếu không nó chết mất".

Tôi ngây ngất trước những cử chỉ ngây thơ và hấp dẫn của nàng. Tôi giải thích dịu dàng cho Đôra biết rằng Jip sẽ có miếng sườn cừu của nó đều đặn như mọi ngày. Tôi miêu tả bức tranh của cái gia đình mộc mạc của chúng tôi trong đó chúng tôi sẽ độc lập nhờ sức lao động của tôi và tôi phác họa hình ảnh ngôi nhà nhỏ mà tôi đã thấy ở Haigây với căn phòng dành cho cô tôi ở trên gác.

"Bây giờ anh không dễ sợ nữa chứ Đôra?" tôi nói âu yếm.

"Ồ! Không! Không!" Đôra kêu lên, "Nhưng em hy vọng rằng phần lớn thời gian cô anh sẽ trong căn phòng của mình. Cô anh không phải là một bà già cáu kỉnh chứ?"

Nếu tôi có thể yêu Đôra hơn bao giờ hết, thì chắc rằng tôi đã yêu nàng vào hôm ấy. Nhưng tôi cảm thấy nàng hơi thiếu thực tế. Lòng nhiệt tình mới mẻ của tôi nguội đi một ít khi tôi nhận thấy khó lòng nói cho nàng biết điều đó. Tôi tìm cách khác. Khi nàng đã hoàn hồn và bắt đầu mân mê đôi tai của Jip đang nằm trên đầu gối, tôi trở nên nghiêm trang và nói.

"Em yêu quý, anh có thể nói với em một điều không?" "Ồ! Anh nói đi, nhưng đừng nói chuyện thực tế đây!" Đôra nói giọng đùa bỡn, "bởi vì điều đó làm em sợ lắm cơ!"

"Em yêu quý!" tôi đáp - "Em chẳng có gì phải hoảng sợ hết. Anh muốn em nghĩ đền điều đó một cách hoàn toàn khác. Anh muốn điều đó làm em rắn rỏi và phấn chấn, Đôra ạ!"

"Ồ! Nhưng mà nó dễ sợ lắm!" Đôra nói.

"Không đâu em ạ. Tinh thần kiên nhẫn và nghị lực sẽ giúp chúng ta thắng được những thử thách còn khó khăn hơn".

"Nhưng em không có chút nghị lực nào hết", Đôra lúc lắc đầu tóc quăn. "Có phải thế không Jip? Này anh hãy hôn Jip đi và hãy tỏ ra dễ thương đi".

Tôi không thể nào từ chối không hôn Jip khi nàng đưa Jip về phía tôi cho tôi hôn trong khi đôi môi

đỏ thắm của nàng chụm lại làm thành một cái hôn dường như nàng điều khiển việc này và nàng yêu cầu cái hôn của tôi phải đặt vào đúng giữa cái mũi của Jip. Tôi làm theo lệnh của nàng và sau đó nàng đã thưởng tôi vì biết rằng lời và sắc đẹp hấp dẫn của nàng làm cho vẻ nghiêm nghị của tôi biến mất không biết được bao lâu.

"Nhưng em Đôra yêu quý!" tôi nói, lại trở lại thái độ hồi nãy. "Anh định nói với em một điều."

Ông chánh án Phòng di chúc cũng phải mê nàng khi thấy nàng chắp hai bàn tay nhỏ nhắn giơ lên cầu khẩn tôi đừng tỏ vẻ dễ sợ nữa.

"Anh cam đoan với em là anh sẽ không dễ sợ nữa đâu, em yêu quý", tôi nói với nàng. "Nhưng Đôra ạ, nếu một lần khác em nghĩ (không phải vì tuyệt vọng đâu em biết không, hoàn toàn không phải thế!), nếu đôi khi em muốn nghĩ (chỉ là để em thêm can đảm thôi) rằng em hứa hôn với một người nghèo".

"Ồ! Thôi đi! Đừng nói nữa anh, em xin anh. Làm thế khiếp chết đi được!"

"Không can gì đâu em ạ", tôi nói vui vẻ. "nếu đôi khi em nghĩ đến điều ấy, và thỉnh thoảng coi công việc nhà của ba, cố gắng có một ít kinh nghiệm, chẳng hạn về cách giữ sổ chi tiêu…"

Nàng Đôra nhỏ bé tội nghiệp nghe lời gợi ý này liền kêu lên vừa nức nở vừa hoảng hốt.

"Điều đó sẽ rất có ích cho chúng ta sau này" tôi nói tiếp - "Nếu em hứa với anh sẽ đọc một quyển, một quyển sách nấu ăn nhỏ bé thôi mà anh gửi cho em, thì đó sẽ là tuyệt diệu cho cả đôi ta. Bởi vì bây giờ Đôra ạ" - tôi nói và bốc lên vì đề tài này, "con đường chúng ta đi trên đời gập ghềnh và gai góc và chúng ta có nhiệm vụ san phẳng nó. Chúng ta phải chiến đấu để tiến lên. Chúng ta phải dũng cảm. Chúng ta sẽ gặp nhiều trở lực mà chúng ta phải đương đầu và khắc phục."

Tôi vẫn tiếp tục nói nhanh, tay nắm lại và vẻ mặt vô cùng phấn chấn, nhưng có nói thêm nữa cũng hoàn toàn vô ích. Tôi đã nói đủ lắm rồi. Tôi lại gây nên tình trạng hồi nãy. Nàng lại đâm hoảng lên. "Ồ! chị Julia Min đâu rồi? Ồ, đem em lại với chị Min, anh đi đi cho em nhờ", đến nỗi cuối cùng tôi hoàn toàn ngơ ngác, đi quanh phòng khách và nói nhảm như một thằng mất hồn.

Tôi tưởng chừng rằng lần này tôi đã giết nàng. Tôi lấy nước rảy vào mặt nàng. Tôi quỳ xuống. Tôi bứt tóc bứt tai. Tôi trách mình là con vật tàn nhẫn và không có lương tâm. Tôi cầu xin nàng tha lỗi. Tôi cầu khẩn nàng ngước mắt lên. Tôi làm rối tung hộp đồ may của cô Min để tìm một lọ dầu và trong khi tâm hồn đau đớn, tôi đã lấy nhầm cái ống đựng kim bằng ngà và làm cho kim kiếc rơi vương vãi lên người Đôra. Tôi nắm tay dọa đánh Jip và nó cũng điên cuồng như tôi. Tôi làm mọi hành động điên rồ nhất có thể làm và từ lâu tôi đã lâm vào cảnh vô kế khả thi. Bỗng cô Min bước vào phòng:

"Ai làm thế này thế?" cô Min chạy đến giúp đỡ bạn và hỏi.

"Tôi đây cô Min ạ!" tôi đáp, "tôi đã làm thế đấy! Cô hãy nhìn đứa sát nhân!" Hay những câu khác đại khái như vậy và tôi úp mặt vào cái gối trên xô-pha.

Lúc đầu cô Min tưởng đó là một câu chuyện cãi cọ và chúng tôi chỉ còn cách sa mạc Xahara vài bước. Nhưng lát sau cô đã rõ tình hình vì Đôra nhỏ bé yêu quý của tôi hôn cô và bắt đầu gọi tôi là một "anh thợ nghèo" rồi nàng lại khóc thương số phận của tôi và hôn tôi, hỏi tôi có muốn để nàng giao tất cả số tiền nàng giữ hay không, rồi nàng lại bá lấy cổ cô Min, khóc rưng rức dường như con tim dịu dàng của nàng tan vỡ.

Cô Min chắc hẳn sinh ra để phù hộ chúng tôi. Cô hỏi tôi về tình hình và chỉ sau vài câu cô đã biết sự việc xảy ra như thế nào, cô an ủi Đôra và dần dần cho nàng yên tâm rằng tôi không phải là một

người thợ (theo cách tôi trình bày tình hình, tôi có cảm tưởng Đôra cho tôi là một người thợ làm móng nhà và suốt ngày cứ đẩy chiếc xe cút kít đi lên đi xuống dọc theo một tấm ván) và làm cho chúng tôi lại giảng hòa với nhau. Khi chúng tôi đã hoàn toàn yên tĩnh và Đôra lên phòng của mình để nhỏ một ít nước hoa vào mắt, cô Min rung chuông bảo pha trà. Trong thời gian tiếp theo tôi nói với cô Min rằng cô mãi mãi là người bạn quý của tôi và hễ con tim tôi còn đập thì tôi không thể nào quên lòng tốt của cô.

Sau đó, tôi trình bày cho cô Min biết tôi đã kể lại sự thực cho Đôra nhưng không thành công chút nào. Cô Min đáp lại rằng về nguyên tắc một túp lều tranh hạnh phúc còn hơn một cung điện xa hoa nhưng lạnh lẽo, và ở đâu có tình yêu thì ở đấy có tất cả.

Tôi nói với cô Min rằng điều đó là rất đúng, và tôi hiểu điều đó hơn ai hết, bởi vì tôi yêu Đôra với một mối tình mà không một người trần tục nào có thể có được. Nhưng khi cô Min nói giọng buồn rầu rằng giá lời khẳng định của tôi áp dụng cho một vài người thì sẽ đúng hơn, và tôi liền giải thích rằng tôi chỉ xin phép thu hẹp nhận xét của tôi vào những người trần tục thuộc về nam giới mà thôi.

Sau đó, tôi nhờ cô Min cho tôi biết cô thấy gợi ý của tôi về chuyện sổ sách, nhà cửa hay sách nấu ăn có giá trị thực tế không.

Cô Min nghĩ ngợi một lát rồi đáp:

"Anh Copơphin ạ! Tôi sẽ nói thẳng với anh. Ở một vài người, những nỗi đau khổ và sự thử thách về tinh thần thay thế tuổi tác và tôi sẽ nói thẳng với anh như tôi là một bà xơ cầm đầu một nhà tu kín. Không! Ý kiến ấy không hợp với Đôra. Đôra yêu quý của chúng ta là một đứa con cưng của tự nhiên. Cô sẽ là một cô bé tươi sáng, nhẹ nhàng, vui tươi. Tôi sẵn sàng thừa nhận rằng nếu có thể làm như vậy thì rất tốt. Nhưng…" Và cô Min lắc đầu.

Lời thừa nhận cuối cùng này của cô Min khuyến khích tôi nhờ cô, vì lợi ích của Đôra, nếu có dịp làm Đôra chú ý đến thực tế, không biết cô có làm giúp không? Vì cô Min trả lời sẵn lòng làm thế, nên tôi lại hỏi không biết cô có chịu nhận quyển sách nấu ăn và giúp tôi cái việc khó khăn ấy nếu cô có thể khiến Đôra nhận sách mà không sợ hãi. Cô Min cũng nhận lời giúp nhưng không tỏ vẻ hăng hái.

Thế rồi khi Đôra quay lại, nàng có vẻ là một cô gái đáng yêu đến nỗi tôi tự hỏi không biết có nên để nàng bận tâm vì một chuyện tầm thường đến thế hay không. Nàng yêu tôi tha thiết đến thế, và hấp dẫn đến thế (nhất là khi nàng bắt Jip giơ hai chân trước lên xin bánh mì nướng, và khi nàng giả vờ đặt mũi con chó vào ấm nước trà nóng bỏng để trừng phạt nó về tội không chịu làm.. Thậm chí, tôi có cảm tưởng tôi là một con quỷ sứ đã lọt vào cái động của một nàng tiên, vì tôi thấy đã làm nàng hoảng sợ và khóc.

Sau khi uống trà, nàng chơi ghi-ta và lại hát những bài hát Pháp cổ thân yêu nói rằng vì bất kỳ lý do gì người ta cũng không thể nào thôi không khiêu vũ: "Tra la la, tra la la" và cuối cùng tôi cảm thấy mình là một con quỷ kinh khủng hơn bao giờ hết.

Chỉ có một điều duy nhất cản trở sự vui sướng của chúng tôi, và điều đó xảy ra trước khi tôi chia tay một ít. Vì cô Min ngẫu nhiên nhắc đến sáng mai, tôi không may để lộ rằng vì phải làm việc nhiều tôi dậy lúc năm giờ. Tôi không biết có phải Đôra nghĩ rằng tôi là một người thức đêm để canh cho một tư nhân hay không, nhưng điều đó gây cho nàng một ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi nàng không gảy đàn và không hát nữa.

Ấn tượng ấy vẫn đè nặng trong óc nàng khi tôi từ biệt nàng và nàng bảo tôi với những cử chỉ xinh xắn và nghịch ngợm (dường như tôi là một con búp bê, tôi thường nghĩ thế).

“Anh đừng dậy lúc năm giờ đấy nhé, xấu lắm! ngốc lắm!”

“Em ạ”, tôi nói, “anh phải làm việc!”.

“Nhưng anh đừng làm. Tại sao anh lại làm?”

Không có cách nào nói với cái gương mặt nhỏ bé xinh xắn ngạc nhiên ấy, ngoài cách nói bông đùa và bâng quơ rằng người ta phải làm việc để sống.

“Ồ! Thật là buồn cười!” Đôra kêu lên.

“Nhưng không làm việc thì sao mà sống được?!”

“Sao à? Bất kỳ thế nào?” Đôra nói.

Nàng tưởng rằng đã hoàn toàn giải quyết được vấn đề và hôn tôi nhẹ nhàng một cách đắc thắng, xuất phát từ con tim ngây thơ của nàng đến nỗi tôi sẵn sàng làm nàng vừa lòng dù có mất tất cả vàng ngọc trên đời.

Và cứ thế, tôi yêu nàng, và vẫn cứ yêu nàng say sưa, với tất cả tâm hồn và trí não. Nhưng trong khi vẫn tiếp tục làm việc và hăng hái theo đuổi tất cả những điều tôi dự định, đôi lúc buổi chiều, buổi tối ngồi trước mặt cô tôi, tôi vẫn nghĩ đến cái cách tôi làm nàng hoảng sợ hôm ấy và làm sao tôi có thể cầm hộp đàn ghi ta mở một con đường đi qua khu rừng của khó khăn cho đến khi đầu bạc…

Chương XXXVIII
SỰ CỘNG TÁC CHẤM DỨT

Tôi không cho phép mình từ bỏ quyết định theo dõi những cuộc tranh luận ở Nghị viện. Đó là một trong những việc tôi bắt đầu xúc tiến ngay và là một trong những việc tôi tiến hành kiên quyết với một nghị lực mà tôi có quyền tự hào. Tôi mua một quyển sách có tiếng trình bày cái khoa học về những bí mật cao quí của môn tốc ký (quyển sách ấy giá mười siling sáu pen-ni) và tôi lao đầu vào cả một cái rừng gai góc mà trong vài tuần làm tôi suýt hóa điên. Những sự thay đổi biểu hiện bằng những chấm mà đặt như thế này thì có nghĩa thế này và đặt khác đi lại có nghĩa khác hẳn. Những trò kỳ quặc biểu hiện bằng những vòng tròn, những hậu quả không thể đoán trước được biểu hiện bằng những dấu chỉ nhỏ như chân ruồi, những kết quả đáng sợ gây ra do một cái móc đặt sai, tất cả những điều đó không những làm cho tôi bận tâm trong những đêm khuya mà còn xuất hiện trong óc tôi ngay khi tôi ngủ. Khi tôi đã phá được một đường bằng cách lần mò qua những khó khăn ấy và đã nắm được bảng ký hiệu (chỉ riêng cái này cũng đã bí hiểm như một điện thờ Ai Cập) tôi lại thấy xuất hiện cả một loạt những điều kinh khủng mới mang tên những chữ ước lệ và đó là những chữ độc đoán nhất trên đời. Chẳng hạn ký hiệu giống như cái mấu đầu tiên của một mạng nhện có nghĩa là chờ đợi và hình vẽ giống như hỏa tiễn đang bay biểu hiện chữ "bất lợi".

Khi đã nhồi nhét tất cả những của nợ ấy vào đầu, tôi cảm thấy chúng đã xua đuổi hết những cái khác, nhưng khi lại quay lại từ đầu tôi lại quên mất nó; và khi tôi bắt đầu nắm lại nó thì những phần kia của hệ thống lại rơi đi… Tóm lại tôi gần như tuyệt vọng.

Cố gắng ấy có lẽ đã tuyệt vọng hoàn toàn nếu không có Đôra là chỗ dựa và cái neo của chiếc thuyền của tôi trong sóng vùi gió dập. Mỗi dấu *loằng ngoằng* trong hệ thống ấy là một cây sồi cứng rắn trong khu rừng của khó khăn và tôi tiếp tục đẵn lần lượt với một tinh thần hăng hái đến nỗi sau ba bốn tháng tôi đã có đủ sức để thử tốc ký một trong những nhà hùng biện cự phách của chúng tôi ở Pháp-viện. Tôi không bao giờ quên được cách mà nhà hùng biện xuất phát trước khi tôi bắt đầu và để mặc cây bút chì của tôi bất lực loay hoay trên tờ giấy như nó mắc cơn sốt rét.

Tôi thấy hiển nhiên rằng lối làm ăn thế này không ăn thua. Tôi đã cố gắng bay quá cao, và do đó, không bao giờ có thể tiến bộ được. Tôi nhớ đến những lời khuyên của Trátđơn và cậu ta gợi ý rằng cậu có thể đọc cho tôi nghe những bài diễn văn với một tốc độ vừa phải và chốc chốc lại dừng lại để cho vừa với trình độ non nớt của tôi. Rất cảm ơn về sự giúp đỡ thân mật ấy, tôi nhận lời đề nghị và hết chiều này sang chiều khác, hầu hết mọi chiều trong một thời gian dài chúng tôi gần như tổ chức một thứ nghị viện riêng bé nhỏ ở đường Bớckinham sau khi tôi ở nhà bác sỹ về.

Vả lại, tôi cũng thích thấy một nghị viện như thế ở mọi nơi. Cô tôi và ông Đích làm hành chính phủ hay phái đối lập (tùy trường hợp) còn Trátđơn với quyển "Người hùng biện" của Enphin[1] hay một quyển "những bài diễn văn ở nghị viện" lên tiếng chửi bới họ một cách kinh hồn. "Đứng cạnh bàn, một ngón tay đè lên trang giấy để đánh dấu chỗ đang đọc và cánh tay phải hoa ở trên đầu, Trátđơn đóng vai ông Pit, ông Phôc, ông Seriđan, ông Bơcxơ, hầu tước Catxơnri, nam tước Xitmao hay ông Canninh, dần dần bốc lên một cách dữ dội nhất và đọc những lời tố cáo kịch liệt nhất chống lại tình trạng hủ bại của cô tôi và ông Đích; trong khi tôi ngồi cách đấy một khoảng, với một quyển sổ con trên đùi, làm việc hết sức nhọc mệt để theo dõi cậu. Thái độ không nhất quán và thờ ơ của Trátđơn không kém bất kỳ một chính khách thực tế nào. Trong vòng một tuần lễ, cậu bênh vực mọi chính kiến và treo những lá cờ thuộc tất cả mọi mầu sắc trên những ngọn cờ có tất cả mọi nhãn hiệu. Cô tôi, giống như một bộ trưởng bộ tài chính, cứ phớt tỉnh, chốc chốc lại ngắt lời bằng một hai tiếng như: "hoan hô" hay "không

được!" hay "ồ!" khi văn bản có vẻ yêu cầu điều đó và ông Đích với tính cách một người ở thôn quê bao giờ cũng lập lại tiếng kêu ấy một cách nhiệt tình. Nhưng trong nghề nghị sĩ của mình, ông Đích thấy người ta trách mình đã làm những hành động này và phải chịu trách nhiệm về những hậu quả tai hại đến nỗi đôi khi đầu óc ông đâm choáng váng. Tôi tin rằng ông quả thực đã bắt đầu sợ đã làm một điều gì đưa đến sự thủ tiêu hiến pháp Anh và sự tiêu diệt của tổ quốc.

Nhiều khi chúng tôi tiếp tục những cuộc tranh luận như vậy cho đến khi đồng hồ đánh 12 giờ đêm và những ngọn nến đã cháy gần hết. Nhờ một sự tập dượt tốt như vậy, dần dần tôi đã có thể theo gần kịp Trátđơn và thắng lợi của tôi chắc sẽ hoàn toàn nếu tôi có một khái niệm nhỏ nhất về chỗ tôi đang chép cái gì. Nhưng về khoản đọc lại sau khi đã ghi tốc ký thì tôi thấy nó còn khó hơn cả việc chép những chữ Hán trên vô số các nhãn hiệu ở các hòm trà hay những chữ vàng ở tất cả những chai lọ xanh đỏ trong các hiệu bào chế.

Chỉ còn một cách là quay lại và bắt đầu từ đầu. Điều đó rất gian khổ. Nhưng tôi vẫn quay lại, với tấm lòng nặng trĩu và chăm chỉ và có phương pháp tôi đi lại con đường chán nản trước đây với tốc độ của một con rùa. Trên đường đi, tôi cứ phải dừng lại để khảo sát tỉ mỉ từng chấm nhỏ ở dưới tất cả các góc và làm những cố gắng hết sức anh dũng để nhận ra những chữ không thể nắm được, bất kỳ tôi gặp nó ở đâu. Tôi bao giờ cũng đến đúng giờ ở phòng giấy cũng như ở nhà bác sỹ và như người ta thường nói, tôi làm việc như một con trâu.

Một hôm, theo lệ thường tôi đến Pháp-viện thấy ông Xpenlô ở ngưỡng cửa có vẻ rất tư lự và đang nói một mình. Vì ông có thói quen hay than phiền bị đau đầu (cổ ông ngắn, đã thế theo tôi, ông lại dùng nhiều bồ đề là cổ áo cho nên lúc đầu tôi sợ ông ta có điều gì không hay); nhưng ông liền xua tan nỗi lo ngại của tôi.

Ông không đáp lại lời chào của tôi với cái vẻ niềm nở mọi ngày; trái lại nhìn tôi có vẻ khách khí, kênh kiệu và lãnh đạm, yêu cầu tôi đi theo ông đến một hiệu cà phê nào đấy, hiệu này lúc bấy giờ có một cánh cửa nhìn ra Pháp-viện, đúng ngay vào cái cổng nhỏ của nghĩa địa Xanh Pôn. Tôi làm theo, trong lòng lo lắng, toàn thân nóng ran khó chịu dường như những nỗi lo sợ của tôi biểu hiện ra thành những cái nốt trên lớp da. Khi tôi để ông đi trước vài bước, vì con đường hẹp, tôi nhận thấy ông ngẩng đầu lên với cái vẻ kiêu hãnh chẳng có lợi gì cho tôi, và tôi có linh cảm rằng ông đã khám phá điều gì về nàng Đôra yêu quí của tôi.

Nếu tôi chưa đoán trước được điều đó khi đến hiệu cà phê, thì tôi thế nào cũng phải biết điều xảy ra khi tôi theo ông đến một căn phòng của tầng thứ hai và thấy cô Mơcxtôn, nổi bật lên đằng trước một tủ đồ ăn trên mặt tủ có nhiều cốc úp xuống với những quả chanh đặt ở trên, và có hai hộp kỳ quái toàn là góc cạnh và lồi lõm, để đựng các dao, nĩa và may phúc cho nhân loại, đều thuộc những kiểu đã cũ.

Cô Mơcxtôn giơ đầu ngón tay lạnh buốt cho tôi bắt và ngồi cứng đờ có vẻ nghiêm nghị. Ông Xpenlô đóng cửa lại ra hiệu cho tôi ngồi trên một chiếc ghế và đứng trước cái bếp đối diện với lò sưởi, ông Xpenlô nói:

"Cô Mơcxtôn, làm ơn đưa cho ông Copơphin xem cái cô giữ ở trong xắc".

Tôi tin rằng đó đúng là cái xắc cũ kỹ của thời thơ ấu của tôi ngày xưa có cái khóa bằng thép khi đóng lại nghe "bập" một cái như cắn người ta. Trong khi mím chặt môi vì thương hại cái khóa, cô Mơcxtôn mở nó ra, đồng thời cũng mở miệng ra và rứt ra bức thư tràn ngập tình yêu say đắm tôi vừa gởi cho Đôra. Ông Xpenlô hỏi:

"Chắc đây là chữ của ông chứ, có phải không ông Copơphin?"

Tôi nóng bừng lên và trả lời bằng một cái giọng nghe khác hẳn giọng của tôi: "Thưa ông, vâng ạ".

"Nếu như tôi không lầm" ông Xpenlô nói tiếp, trong khi cô Mơcxtôn rút trong xắc mình ra một gói thư quấn bằng giải lụa xanh cô vô cùng quí báu "tất cả những bức thư này cũng đều do ông viết, có phải không ông Copơphin?"

Tôi cầm những bức thư này ở tay cô, lòng tan nát và liếc mắt nhìn những chữ viết ở trên như "Em Đôra nhỏ bé muôn đời yêu quí của anh", "Nàng tiên yêu quí của anh", "Em yêu quí muôn đời" và những câu khác đại khái như vậy, mặt tôi như gấc và tôi cúi đầu.

"Không, cảm ơn!" ông Xpenlô nói một cách lạnh lùng khi tôi làm một cử chỉ máy móc trao lại những bức thư cho ông. "Tôi không muốn lấy mất những bức thư ấy của ông… Cô Mơcxtôn, cô làm ơn nói tiếp đi".

Con người dịu hiền này tư lự ngắm cái thảm một lát rồi nói một cách khô khan nhưng kiểu cách như sau:

"Tôi phải thú nhận là ít lâu nay tôi ngờ vực về những điều xảy ra giữa cô Xpenlô và Đêvit Copơphin. Tôi đã quan sát cô Xpenlô và Đêvit Copơphin khi hai người gặp nhau lần đầu, và ấn tượng họ để lại cho tôi không phải là thú vị. Lòng người hư hỏng đến nỗi…"

"Xin cô làm ơn" ông Xpenlô ngắt lời "chỉ nói đến sự kiện".

Cô Mơcxtôn cúi mặt xuống lắc đầu như để phản đối lại lời can thiệp không phải chỗ và nói tiếp tựa hồ như thể diện mình bị xúc phạm:

"Vì chỉ được phép nói những sự kiện, tôi sẽ trình bày sự kiện hết sức khô khan. Có lẽ cách này xem ra chấp nhận được. Thưa ông, tôi đã nói rằng ít lâu nay tôi nghi ngờ có điều gì xảy ra giữa cô Xpenlô và Đêvit Copơphin. Tôi vẫn thường cố gắng tìm một bằng chứng quyết định về những điều nghi ngờ ấy, nhưng không có kết quả. Do đó, tôi chỉ còn cách thưa với cụ thân sinh cô Xpenlô (cô nhìn ông ta một cách nghiêm khắc) dù biết rằng trong những trường hợp thế này người ta tỏ ra rất ít khi biết ơn con người đã cần mẫn thi hành nhiệm vụ".

Ông Xpenlô hình như hết sức lo ngại thái độ lịch sự nhưng nghiêm khắc của cô Mơcxtôn và khẽ vẫy tay có vẻ thỏa hiệp để cho cô bớt nghiêm khắc.

"Khi tôi ở Noocút về, sau thời gian vắng mặt vì bận dự đám cưới em tôi" - cô Mơcxtôn nói tiếp, giọng khinh khỉnh - "và khi cô Xpenlô đi thăm nhà cô bạn là cô Min về, tôi có ấn tượng rằng những cử chỉ của cô Xpenlô làm tôi phải ngờ vực hơn trước. Vì vậy, tôi theo dõi cô Xpenlô rất sát".

Tội nghiệp nàng Đôra nhỏ bé yêu quí và dịu hiền không để ý gì đến cặp mắt của con quỉ sứ ấy!

"Tuy vậy" cô Mơcxtôn nói tiếp "mãi đến chiều qua tôi mới nắm được chứng cớ. Tôi cảm thấy cô Xpenlô nhận được quá nhiều thư của cô bạn là cô Min, nhưng vì cô Min là bạn của cô Xpenlô được cụ thân sinh hoàn toàn đồng ý. (Đây lại là một cái tát khác vào mặt ông Xpenlô) cho nên tôi không có quyền can thiệp. Nếu như tôi không được phép nói đến sự thối nát tự nhiên của tôi tâm hồn con người thì ít nhất tôi có thể…, tôi có thể được phép nói đến lòng tin cậy không phải chỗ".

Ông Xpenlô lẩm bẩm tỏ vẻ đồng tình và xin lỗi. Cô Mơcxtôn nói tiếp.

"Chiều qua, sau khi uống trà tôi nhận thấy con chó nhảy nhót cuộn tròn lăn mình và gầm gừ ở khắp phòng khách, nô đùa với một đồ vật. Tôi bảo cô Xpenlô: "Cô Đôra, con chó ngậm cái gì trong miệng thế? Đó là một tờ giấy". Cô Xpenlô liền giơ tay giữ lấy nó, thét lên một tiếng đột ngột và chạy bổ về phía con chó. Tôi cản lại và nói: "Cô Đôra, cô cứ mặc tôi!".

Ồ! Jip đồ chó khốn nạn, chính mày đã gây nên tất cả cơ sự này!

"Cô Xpenlô cố gắng" - Cô Mơcxtôn nói, "lung lạc tôi bằng những cái hôn, những hộp đồ may và những đồ nữ trang xinh xắn… Cố nhiên không có kết quả gì. Con chó thấy tôi đến gần liền rút lui xuống gầm xô-pha. Và tôi phải khó nhọc lắm mới có thể thấy kim và que cời than đuổi nó ra. Ngay khi nó bị đuổi ra miệng nó vẫn còn ngậm tờ giấy, và khi tôi tìm cách giằng lại tờ giấy mặc dù rất có thể bị nó cắn, nó vẫn cắn chặt tờ giấy kiên quyết đến nỗi nó để người treo lủng lẳng trên không với tờ giấy ấy. Cuối cùng, tôi đã cướp được. Sau khi đọc nó, tôi tố cáo cô Xpenlô đã giữ nhiều bức thư như thế và cuối cùng tôi bắt cô ấy đưa cho tôi cái gói hiện nay đang nằm trong tay Đêvit Copơphin".

Nói đoạn, cô im bặt đóng xắc lại nghe "cạch" một cái và ngậm miệng lại có vẻ như một con người thà chịu bẻ gẫy nhưng có lẽ không bao giờ chịu cúi xuống"[2]. Ông Xpenlô quay về phía tôi nói:

"Ông đã nghe cô Mơcxtôn nói. Ông Copơphin, tôi xin phép hỏi ông, ông có cần trả lời gì không ạ?"

Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh nàng tiên nhỏ bé xinh đẹp của con tim tôi nức nở suốt đêm. Tôi nghĩ đến cảnh lúc này Đôra đang ngồi một mình hoảng hốt, khổ sở, nàng đã phải van lơn cầu khẩn cái bà có con tim cứng như đá kia xin bà ta tha thứ, nàng đã hứa cho những hộp đồ may và những đồ trang sức nhưng đều vô ích; nàng lâm vào cảnh tuyệt vọng đau đớn như thế và tất cả những điều đó chỉ vì tôi. Những ý nghĩ ấy đã tác hại rất nhiều đến cái phần thể diện ít ỏi mà tôi còn có thể giữ được. Tôi sợ rằng trong một hai phút người tôi run lẩy bẩy, mặc dầu tôi đã cố hết sức che giấu. Tôi nói:

"Thưa ông tôi không thể nói gì, ngoài việc tôi là người duy nhất chịu trách nhiệm về tất cả. Đôra…"

"Cô Xpenlô, ông làm ơn nói như vậy cho". Ông Xpenlô nói giọng oai vệ.

"…đã bị tôi thúc giục và dặn dò" - tôi nói tiếp đành phải chấp nhận cách gọi lạnh lùng hơn "nên đã phải giấu giếm như vậy và tôi rất lấy làm tiếc".

"Ông thực đáng trách" ông Xpenlô nói, đi đi lại lại trước lò sưởi, nhấn mạnh điều đang nói và nghiêng cả thân hình chứ không phải chỉ cúi đầu vì cà vạt và xương sống của ông rất cứng, "ông Copơphin, ông đã hành động lén lút và không đứng đắn. Khi tôi đưa một người nào vào nhà tôi, bất kỳ người ấy mới 19 tuổi, 29 tuổi hay 90 tuổi tôi cũng đưa vào với lòng tin cậy. Nếu ông ta lợi dụng lòng tin của tôi tức là ông ta đã làm một hành động nhục nhã, ông Copơphin ạ!"

"Thưa ông, tôi rất biết điều đó, tôi cam đoan với ông như vậy" tôi đáp. "Nhưng từ trước đến nay tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó, tôi thú thực, thưa ông, đó là sự thực tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó, tôi yêu cô Xpenlô đến nỗi…".

"Ồ! Vớ vẩn!" Ông Xpenlô nói đỏ bừng mặt "ông Copơphin ơi… tôi xin ông, ở trước mặt tôi ông đừng nói ông yêu con tôi".

"Tôi làm sao có thể bênh vực cho hành động của tôi nếu tôi không yêu cô ấy?" tôi đáp rất khiêm tốn.

"Thế ông có thể bênh vực hành động của ông nếu anh yêu nó hay sao?" ông Xpenlô nhắc lại, dừng phắt lại trước lò sưởi. Ông Copơphin, ông có nghĩ đến tuổi ông, đến tuổi con gái tôi không? Ông có nghĩ rằng phá hoại lòng tin cậy giữa con tôi và tôi là một điều nghiêm trọng như thế nào không? Ông có nghĩ đến địa vị xã hội của con gái tôi, đến những dự định mà tôi có thể tính toán để lo cho tương lai của nó, đến những dự định về di chúc của tôi đối với nó không? Ông Copơphin, ông có nghĩ đến bất kỳ

điều gì không?

"Thưa ông, tôi nghĩ rất ít, tôi thú thực như vậy", tôi đáp lại và nói với ông ta với tất cả sự kính trọng và nỗi đau buồn của tôi. "Khi tôi nói cho ông biết rằng tôi bị phá sản thì chúng tôi đã hứa hôn với nhau".

"Tôi lạy ông" ông Xpenlô nói, hai tay vỗ vào nhau đôm đốp giống như một người nộm hơn bao giờ hết (mặc dầu tâm trạng tôi tuyệt vọng, tôi vẫn không thể nào không nhận thấy điều đó) "ông *đừng có nói* chuyện hứa hôn hứa hiếc gì hết với tôi, ông Copơphin ạ".

Cô Mơcxtôn nãy giờ hoàn toàn thản nhiên buông một tiếng cười ngắn đầy khinh bỉ.

"Khi tôi trình bày cho ông biết sự thay đổi về địa vị xã hội của tôi, thưa ông", tôi nói (dùng một danh từ khác để nói đến điều mà ông rất ghét) "tình trạng giấu giếm, mà tôi không may đã xúi giục cô Xpenlô giữ, đã bắt đầu từ lâu. Từ khi tôi ở trong hoàn cảnh mới, tôi đã cố gắng hết sức, đem tất cả nghị lực để cải thiện hoàn cảnh của mình. Tôi tin chắc rằng với thời gian tôi sẽ cải thiện được, ông có cho phép tôi một thời gian dài bao lâu cũng được. Cả hai chúng tôi đều rất trẻ, thưa ông".

"Ông nói đúng", ông Xpenlô ngắt lời tôi trong khi gật đầu lia lịa cau mày lại, "cả hai anh chị đều rất trẻ. Tất cả những chuyện ấy đều vớ vẩn hết. Chúng ta hãy chấm dứt trò đùa vớ vẩn này. Ông hãy cầm những bức thư này và ném vào ngọn lửa. Ông hãy đưa những bức thư của cô Xpenlô cho tôi để tôi ném nó vào lửa. Và mặc dầu từ nay những quan hệ giữa chúng ta chỉ thu hẹp - như ông đã biết, vào những quan hệ tại đây, tại Pháp-viện, chúng ta sẽ đồng ý với nhau là không nhắc đến quá khứ nữa. Nào, ông Copơphin, ông không phải là người không hiểu lẽ phải và đó là cách làm hợp lý nhất".

Không - tôi nói với ông rằng tôi không thể đồng ý về quyết định này. Tôi rất tiếc phải làm thế nhưng có một điều còn cao quý hơn cả lẽ phải. Tình yêu cao quý hơn tất cả mọi chuyện tính toán khác ở trên đời và tôi yêu Đôra điên cuồng và Đôra cũng yêu tôi. Tôi không nói với ông rõ rệt như vậy; tôi cố gắng nói hết sức dịu dàng. Nhưng tôi để ông ta thấy về vấn đề này tôi rất kiên quyết. Tôi không tin rằng, tôi trở thành lố bịch, nhưng tôi biết rằng tôi rất kiên quyết.

"Được lắm, ông Copơphin ạ, tôi sẽ tìm cách dạy bảo con tôi".

Cô Mơcxtôn buông ra một tiếng thở dài rất gợi cảm, đó không phải là một tiếng thở dài, cũng không phải một tiếng rền rĩ, nhưng ở giữa tiếng thở dài và tiếng rền rĩ. Nó biểu lộ rằng theo ý cô lẽ ra ông Xpenlô trước hết phải làm thế. Được sự ủng hộ như vậy, ông Xpenlô nói:

"Tôi phải tìm cách dạy dỗ con gái tôi. Có phải ông không chịu nhận những bức thư này không, ông Copơphin?" (bởi vì tôi đã để những bức thư ấy trên bàn).

"Vâng", tôi nói với ông rằng tôi mong ông không xem hành động này là không tốt, nhưng quả thực tôi không thể nhận thư từ tay cô Mơcxtôn.

"Thế từ tay tôi thì thế nào?" ông Xpenlô hỏi.

"Không ạ". Tôi trả lời rất kính cẩn. "Tôi cũng không thể nhận từ tay ông.

"Tốt lắm" Ông Xpenlô nói.

Sau những lời ấy là một phút im lặng, và tôi tự hỏi không biết nên ở lại hay nên đi ra. Cuối cùng, tôi đã bắt đầu bước nhẹ nhàng đến cánh cửa định nói thêm rằng tôi xin rút lui để tỏ ra tôn trọng những tình cảm của ông. Bỗng ông nói với tôi, hai tay đút vào túi áo (ông chỉ còn có khả năng làm thế) với cái vẻ mà nói chung tôi có thể gọi là thái độ ngoan đạo vênh váo.

"Ông Copơphin, chắc hẳn ông cũng biết rằng tôi không phải hoàn toàn không có tài sản gì hết và

con gái tôi là người thân nhất và gần nhất của tôi chứ?"

Tôi vội vàng trả lời rằng nói chung tình yêu mãnh liệt của tôi đã lôi cuốn tôi và tôi hy vọng ông không nghĩ rằng tôi là một anh đào mỏ.

"Không phải tôi muốn nói đến vấn đề theo cái nghĩa ấy đâu" - ông Xpenlô nói - "Có lẽ điều đó sẽ càng tốt đối với ông và đối với tất cả chúng tôi, nếu như ông là một anh đào mỏ, ông Copơphin ạ, tôi muốn nói rằng giá ông khôn ngoan hơn và ít bị ảnh hưởng bởi tất cả những trò vớ vẩn của trẻ con. Không! Tôi chỉ muốn nói với ông với một ý định hoàn toàn khác rằng chắc hẳn ông thừa biết tôi có ít tài sản để lại cho con tôi".

Cố nhiên tôi vẫn nghĩ thế.

"Và ông không thể ngờ vực" - ông Xpenlô nói tiếp - "Vì ông có kinh nghiệm về tất cả những việc chúng ta thấy hàng ngày ở đây ở Pháp-viện về những thái độ sơ suất và thờ ơ không thể hiểu được của người ta đối với vấn đề di chúc (và trong mọi vấn đề thì có lẽ vấn đề này biểu lộ một cách lạ lùng nhất thái độ đồng bóng của con người)… cho nên chắc hẳn ông cũng thừa biết rằng những ý định của tôi đã có rồi".

Tôi cúi đầu tỏ vẻ tán thành.

"Tôi không để cho…" ông Xpenlô nói càng tỏ ra vẻ ngoan đạo, lắc lư chậm rãi cái đầu trong khi vẫn lần lượt đu đưa con người trên đầu ngón chân rồi trên gót chân. "Tôi không để cho những điều quyết định về con gái tôi bị hủy bỏ bởi một chuyện ngông cuồng của tuổi trẻ đại khái như cái trò này. Đấy chỉ là chuyện ngông cuồng, chuyện vớ vẩn. Ít lâu nữa nó sẽ không nặng hơn cái bong bóng xà phòng… Nhưng nếu như chuyện vớ vẩn này không được thanh toán hoàn toàn, trong một giây phút lo lắng, tôi có thể bảo vệ con gái tôi và không để cho nó chịu những hậu quả của một hành động liều lĩnh do cuộc hôn nhân dại dột gây nên. Nhưng ông Copơphin ạ, tôi hy vọng rằng ông sẽ không bắt tôi giở lại, dù chỉ trong một khắc trang giấy này của cuộc đời tôi mà tôi đã viết xong, và bắt tôi phải đảo lộn dù chỉ trong khoảnh khắc, trật tự những công việc quan trọng đã giải quyết xong từ lâu.

Ở đây, có cái vẻ im lặng nghiêm trang như một buổi chiều trong cảnh mặt trời lặn êm ả làm tôi rất cảm động, ông rất bình thản, nhẫn nhục… công việc của ông rõ rệt rất trật tự ngăn nắp và được giải quyết đúng phương pháp… đến nỗi chỉ nhìn ông người ta đã mủi lòng. Thậm chí tôi còn có cảm thưởng rằng nước mắt ông rưng rưng vì ông cảm thấy tất cả những điều đó rất sâu sắc.

Nhưng tôi biết làm thế nào? Tôi không thể bỏ Đôra cũng như không thể bỏ con tim tôi. Khi ông tuyên bố tôi nên để một tuần để suy nghĩ về điều ông đã nói, làm sao tôi có thể nói tôi không cần đến một tuần? Tuy vậy, làm sao tôi có thể không biết rằng bao nhiêu tuần cũng không thể thay đổi một mối tình sâu sắc như mối tình của tôi?

"Trong khi chờ đợi, ông hãy hỏi ý kiến cô Trốtút hay của bất kỳ người nào có một ít kinh nghiệm về cuộc đời" - ông Xpenlô nói, lấy hai tay sửa cái cà vạt - "ông Copơphin ạ, ông hãy dành một tuần để suy nghĩ".

Tôi vâng lời và với gương mặt biểu lộ tất cả lòng chung thủy buồn rầu và tuyệt vọng mà tôi có thể biểu lộ, tôi bước ra khỏi phòng. Đôi lông mày rậm của cô Mơcxtôn nhìn theo tôi cho đến cánh cửa (tôi nói đôi lông mày chứ không phải cặp mắt vì đôi lông mày của cô giữ một địa vị quan trọng hơn nhiều ở trên khuôn mặt) và cô có cái vẻ giống hệt như ngày xưa cũng vào giờ ấy trong buổi sáng, trong phòng khách của chúng tôi ở Blơnđơxtôn đến nỗi tôi gần như tưởng rằng tôi vừa thất bại trong khi đọc bài và gánh nặng ám ảnh đầu óc tôi chính là quyển sách vần cũ kỹ đầy những hình khắc gỗ, hình bầu dục mà

trí tưởng tượng non nớt của tôi thấy giống như những mặt kính ở cái kính đeo mắt.

Khi đến phòng làm việc, tôi lấy tay che để khỏi nhìn cụ Típphây và những người khác, và ngồi trong góc nhỏ của mình để nghĩ đến cơn động đất vừa đột ngột xảy đến trong đời, trong lòng đau đớn cứ nguyền rủa Jip, tôi ở trong một tình trạng bị dằn vặt khổ sở đến nỗi tôi ngạc nhiên tại sao lại không đội mũ để chạy đến Noócút như một thằng điên. Ý nghĩ rằng họ sẽ làm nàng sợ hãi, làm nàng khóc trong khi tôi không có mặt ở đấy để an ủi nàng, thực đau đớn đến nỗi nó bắt tôi phải viết một lá thư lạ lùng cho ông Xpenlô để cầu khẩn ông đừng trừng phạt nàng về chỗ số phận của tôi đã gặp những điều bất hạnh. Tôi cầu khẩn ông hãy tha thứ cho bản tính dịu hiền của Đôra… Đừng chà đạp một bông hoa yếu ớt và mỏng manh và nói chung, như tôi có thể nhớ lại, tôi nói với ông như nói với một con ngoáo ộp ăn thịt người, hay một con quỉ, chứ không phải với người cha của nàng. Tôi dán bức thư này lại và đặt lên bàn ông trước khi ông trở về, và khi ông bước vào qua cánh cửa hé mở của phòng giấy ông, tôi thấy ông cầm thư và đọc.

Suốt cả buổi sáng hôm ấy, ông không nói với tôi một lời, nhưng trước khi ra về vào lúc buổi chiều, ông gọi tôi lại mà bảo rằng đó chỉ là vớ vẩn và ông không cần phải nói với Đôra điều gì nữa. Ông tin rằng ông là người cha rộng lượng (và sự thực là thế) và tôi có thể không cần bận tâm về nàng.

"Nếu như ông bướng bỉnh và kỳ quặc, ông Copơphin ạ" ông ta nói - "ông có thể bắt tôi lại phải đưa con gái ra nước ngoài trong ít lâu; nhưng tôi có ý nghĩ rằng ông khá hơn nên tôi không tin cần phải làm thế. Tôi hy vọng rằng sau ít ngày ông sẽ phải chăng hơn. Còn về cô Mơcxtôn (bởi vì trong thư tôi có nhắc tới cô) tôi trọng sự cảnh giác của cô ta và tôi biết ơn cô ấy, nhưng cô ấy đã được lệnh không được nhắc tới điều đó. Tôi chỉ mong một điều, ông Copơphin ạ, rằng điều đó sẽ được quên đi. Ông chỉ phải làm một điều, ông Copơphin ạ, là quên chuyện đó đi".

Quên hết ư! trong bức thư tôi viết cho cô Min, tôi nhắc lại lời ấy một cách cay đắng. Tôi chỉ còn một cách là quên Đôra tôi nói giọng mỉa mai đau đớn. Chỉ có thế, và chỉ có thế mà thôi. Tôi khẩn khoản yêu cầu cô Min tiếp tôi ngay chiều hôm ấy. Nếu như việc này không cho phép thì tôi xin phép cô cho tôi gặp mặt lén lút ở nhà bếp chỗ có cái trục cán giấy. Tôi báo cho cô biết rằng đầu óc tôi choáng váng, và chỉ có cô mới có thể làm cho nó khỏi hóa điên.

Tôi ký: "Con người điên cuồng của cô" và khi đọc lại kiệt tác ấy trước khi giao cho một người đưa thư hộ, tôi không thể nào không nhận thấy rằng bức thư này phần nào viết theo phong cách ông Micôbơ.

Tuy vậy, tôi vẫn gửi bức thư. Bữa chiều, tôi đến nhà cô Min ở và tôi đi bách bộ ngoài đường cho tới khi người đầy tớ quý hóa của cô Min lén lút đến tìm tôi, đưa vào cửa sau đến nhà bếp. Từ lúc đó tôi có lý do để nghĩ rằng không có cái gì ở trên đời ngăn cản không cho phép tôi bước vào cửa chính hay được đưa đến phòng khách ngoài cái tính thích những hành động lãng mạn và bí mật của cô Min.

Ở trong nhà bếp tôi tha hồ ăn nói điên cuồng. Tôi có cảm tưởng rằng tôi đến đấy để đóng vai một chàng lố bịch và tôi hoàn toàn tin chắc rằng tôi đã làm như thế. Cô Min đã nhận được một bức thư của Đôra chữ viết nguệch ngoạc báo tin: "Chị Min ơi, đến thăm em, em van chị, chị đến với em". Nhưng cô Min lo ngại rằng những quyền lực ở trên sẽ không nhìn việc cô đến với cặp mắt thiện chí nên chưa đến và chúng tôi đến bị lạc trong đêm tối giữa sa mạc Xahara.

Cô Min ăn nói rất lưu loát và thích nói nhiều. Tôi không thể không nhận thấy rằng trong khi hòa lẫn những giọt nước mắt của cô với những giọt nước mắt của tôi, cô vẫn thấy trong nỗi đau khổ của chúng tôi một niềm vui sướng dễ sợ. Cô mơn trớn nó, tôi có thể nói như vậy, và tìm hết cách tận dụng nó. Cô nói một vực thẳm đã xuất hiện giữa Đôra và tôi, và chỉ có tình yêu mới có thể bắt cái cầu vồng của nó.

Ở trong cái thế giới khắc khổ này số kiếp của tình yêu là phải chịu khổ sở; xưa nay và sau này số kiếp của tình yêu là phải chịu khổ sở; xưa nay và sau này cũng vẫn thế. Điều đó không có gì quan trọng, cô Min nói. Những con tim bị mạng nhện đóng kín cuối cùng thế nào cũng nổ tung và lúc đó tình yêu sẽ được trả thù.

Đó chỉ là một lời an ủi mong manh. Nhưng cô Min không chịu khuyến khích bằng lời hứa hẹn vô ích. Cô làm cho cô khổ sở hơn trước nhiều và tôi cảm thấy (như tôi nói với cô với lòng cảm kích sâu sắc nhất) rằng cô là người bạn chân thành. Chúng tôi bàn nhau rằng sáng hôm sau cô sẽ đến thăm Đôra vào lúc sáng sớm và sẽ tìm cách làm nàng yên tâm bằng những cái nhìn hay những lời nói về sự tận tụy và nỗi đau khổ của tôi. Chúng tôi chia tay lòng đầy đau khổ; và tôi tin rằng cô Min cảm thấy mình sung sướng hoàn toàn.

Khi về nhà, tôi thổ lộ tâm sự với cô tôi và mặt dầu tất cả những lời khuyên nhủ của cô tôi, khi đi ngủ tôi vẫn tuyệt vọng.

Khi tỉnh dậy tôi tuyệt vọng và lúc ra khỏi nhà tôi cũng tuyệt vọng. Đó là một buổi sáng thứ bảy, và tôi đi thẳng đến Pháp-viện.

Đến gần cửa phòng làm việc của chúng tôi, tôi rất ngạc nhiên khi thấy các người làm môi giới đang đứng trước cửa tán gẫu và sáu bảy người đi lang thang đang ngắm nhìn những cánh cửa đóng kín. Tôi rảo bước đi qua đám người này không hiểu tại sao và tôi vội vàng bước vào.

Các nhân viên đều có mặt nhưng không ai làm gì hết. Theo tôi, cụ Típphây lần đầu tiên trong đời đã ngồi trên cái ghế của một người khác và không treo mũ.

"Ông Copơphin ơi! Tai nạn khủng khiếp quá!". Cụ bảo tôi khi tôi bước vào.

"Có việc gì thế?" - tôi kêu lên.

"Ông không biết à?" Cụ Típphây và những người khác kêu lên và xúm quanh tôi.

"Không!". Tôi nói, đưa mắt nhìn từng người một.

"Ông Xpenlô…" Cụ Típphây nói.

"Ông ta có việc gì thế?"

"Chết rồi!"

Khi một nhân viên ôm choàng lấy tôi, tôi tưởng chừng như cái phòng giấy đang lảo đảo chứ không phải tôi. Người ta đem đặt tôi lên một cái ghế, cởi cà vạt và đem nước đến. Tôi không biết tình hình này kéo dài bao lâu.

"Chết rồi à?" tôi nói.

"Hôm qua ông ta ăn cơm chiều ở Luân-đôn rồi lên xe ngựa đi một mình" - cụ Típphây nói - "bởi vì ông đã cho anh xà ích đi xe trạm về trước như ông thấy đôi khi ông vẫn làm thế…"

"Thế rồi sao?"

"Xe ngựa về không. Ngựa dừng lại trước cửa chuồng ngựa. Người đầy tớ xách đèn đi ra. Trong xe không có ai hết…"

"Thế ngựa bỏ chạy à?"

"Ngựa không bỏ chạy" - cụ Típphây đáp, đeo kính lên mắt - "theo tôi hiểu ngựa không bỏ chạy mà vẫn đi bình thường như mọi ngày. Cương ngựa đã bị đứt nhưng kéo lê trên đất", cả nhà nhốn nháo lên

một lát và ba người đầy tớ chạy dọc đường để tìm. Họ thấy ông nằm cách đấy một dặm.

"Cách đây hơn một dặm, cụ Típphây ạ". Một nhân viên trẻ tuổi nói xen vào.

"Có thực không? tôi cho rằng anh nói có lý". Cụ Típphây nói… "cách đấy hơn một dặm, ở gần nhà thờ, nửa người nằm trên bờ tường, nửa ở trên mặt đường, mặt úp sấp. Ông ta ngã xuống vì bệnh, hay rơi xuống vì cảm thấy ốm trước khi cơn bệnh nổi lên… hay ông ta đã chết hẳn khi người ta tìm được, mặc dầu điều hiển nhiên là ông ta đã hoàn toàn bất tỉnh nhân sự, không ai biết rõ điều đó… Nếu như ông ta còn thở, thì điều chắc chắn là ông ta không nói được nữa. Người ta liền đưa thầy thuốc tới ngay nhưng không làm được gì".

Tôi không sao miêu tả được tâm trạng của mình khi nghe tin ấy. Một biến cố mãnh liệt đến đột ngột như vậy lại xẩy đến với một người vừa có chuyện bất hòa với tôi về một điểm nào đó… cảnh trống trải khủng khiếp của cái gian phòng vừa mới đây ông còn ngồi, ở đấy cái bàn giấy và cái ghế của ông dường như vẫn đợi ông, và tất cả những giấy tờ ông vừa viết hôm qua có vẻ như do một con ma nào viết ra, cái cảm giác khó tả tôi cảm thấy vì không sao tách ông ra khỏi nơi ấy, và cái ấn tượng dường như ông ta có thể bước vào khi cánh cửa mở ra… bầu không khí im lặng và nghỉ ngơi trong phòng giấy và nỗi thích thú không sao tả xiết của các nhân viên khi kể lại tai nạn này cho tất cả những người ở ngoài suốt ngày cứ ra vào để nghe… tất cả những điều ấy đều rất dễ hiểu đối với bất kỳ ai. Nhưng điều tôi không thể tả được đó là một thâm tâm tôi thầm ghen với cả thần chết. Tôi cảm thấy dường như sức mạnh của thần chết sẽ xua đuổi hình ảnh của tôi ra khỏi đầu óc Đôra. Tôi cảm thấy một nỗi ghen tị không lời nào tả được với niềm đau khổ của nàng. Tôi băn khoăn khi nghĩ rằng nàng khóc với những người khác, và những người khác sẽ an ủi nàng. Tôi có cái ham muốn ích kỷ và nhỏ nhen muốn gạt tất cả mọi người - trừ tôi ra - không để cho họ đến gần nàng để tôi thành tất cả vũ trụ đối với nàng trong cái giờ phút bất hạnh nhất này.

Trong tâm trạng bối rối như vậy (tôi hy vọng không phải chỉ riêng tôi cảm thấy mà những người khác cũng đã từng cảm thấy), chiều hôm ấy, tôi đến Noócút. Tôi hỏi thăm ở ngoài cửa thì một người đầy tớ nói rằng cô Min ở nhà. Tôi cầu khẩn cô tôi viết cho cô Min một bức thư và chính tay tôi thảo bức thư ấy. Trong bức thư, tôi than tiếc về cái chết quá sớm của ông Xpenlô và tôi khóc khi viết câu này. Tôi cầu khẩn cô Min nói với Đôra (nếu Đôra còn có thể nghe cô nói) rằng ông Xpenlô đã nói với tôi rất dịu dàng và ân cần và ông không trách con gái một lời mà chỉ tỏ lòng yêu mến. Tôi biết rằng tôi đã làm điều ấy một cách ích kỷ để cho tên tôi được nhắc bên tai nàng, nhưng tôi cố gắng tin rằng đó là một hành động công bình đối với kỷ niệm của ông cụ thân sinh. Có lẽ tôi cũng tin như vậy thực.

Ngày hôm sau, cô tôi nhận được mấy câu trả lời, bên ngoài thì gửi cho cô tôi nhưng bên trong là gửi cho tôi. Đôra rất đau khổ và khi bạn của nàng hỏi nàng có gửi những lời âu yếm cho tôi không thì nàng chỉ nói và khóc: "Ba yêu quý của con! Ba tội nghiệp của con!" mà nàng không nói: "Không!" và và tôi rất chú ý đến điều đó.

"Ông Joóckin là người từ khi xảy ra biến cố này vẫn ở Noócút, mấy hôm sau đến phòng giấy. Cụ Típphây và ông ta bàn với nhau vài phút trong cái phòng đóng kín, rồi cụ Típphây thò đầu ra ngoài cửa ra hiệu cho tôi vào.

"Ồ!" - Ông Joóckin nói "anh Copơphin, tôi và cụ Típphây định xem xét bàn giấy, các ngăn kéo và các hồ sơ của người đã khuất để lấy những giấy tờ riêng của ông ta và tìm tờ di chúc. Không thấy ở đâu có chút dấu vết gì của tờ di chúc hết. Anh vui lòng giúp chúng tôi một tay".

Tôi đang đau khổ muốn biết tin tức về tình trạng nàng Đôra của tôi (chẳng hạn biết ai là người đỡ đầu của nàng và vân vân) và điều này, là một bước đi về hướng ấy. Chúng tôi liền bắt đầu lục lọi. Ông

Joóckin mở các ngăn kéo và các bàn giấy lấy tất cả các giấy tờ ra. Chúng tôi đặt các công văn ra một bên và các giấy tờ riêng ra một bên, (số này không nhiều). Chúng tôi rất trầm ngâm và mỗi khi sờ đến một con dấu, một cái bút chì, cái cắm bút chì hay một cái nhẫn hay bất kỳ cái gì làm chúng tôi nhớ đến ông Xpenlô thì chúng tôi đều nói rất khẽ.

Chúng tôi đã gói lại nhiều gói và chúng tôi tiếp tục công việc trong bầu không khí im lặng và bụi bặm, bỗng ông Joóckin bảo chúng tôi bằng cách dùng những lời mà người cộng tác viên đã quá cố của ông vẫn dùng.

"Ông Xpenlô là người rất khó mà đi chệch ra ngoài những con đường đã vạch sẵn. Anh biết ông ta là người như thế nào chứ? Tôi có cảm tưởng rằng ông không để lại di chúc gì hết".

"Ồ! Tôi biết rằng ông ta đã viết một tờ di chúc" tôi nói.

Hai người dừng lại nhìn tôi.

"Ngay hôm tôi thấy ông lần cuối cùng, ông có tuyên bố với tôi rằng ông đã viết di chúc, và công việc của ông đã giải quyết xong từ lâu".

Ông Joóckin và cụ Típphây đều lắc đầu.

"Một điểm không hay! Cụ Típphây nói.

"Một điểm không hay!" ông Joóckin nói.

"Anh Copơphin ơi!" - cụ Típphây nói, đặt bàn tay lên cánh tay tôi và nhắm nghiền hai mắt lại lắc đầu. "Nếu như anh ở Pháp-viện cũng lâu như tôi thì anh sẽ biết rằng không có việc gì mà người ta tỏ ra bấp bênh và không đáng tin cậy cho bằng việc này".

"Nhưng lạy Chúa, chính ông ta đã nói như thế kia mà!" tôi trả lời kiên quyết.

"Tôi nói rằng vấn đề này đã giải quyết rồi!" Cụ Típphây tuyên bố. "Theo ý tôi thì: "Không có di chúc!"

Điều này theo tôi có vẻ kỳ quặc, nhưng quả thực là không có di chúc di chiếc gì hết. Thậm chí nếu nhìn những giấy tờ của ông thì biết ông không hề nghĩ đến việc viết di chúc bởi vì không hề thấy ở đấy nói gì đến dự định, một bản phác thảo hay một bản ghi chú có ý định nào đó liên quan tới vấn đề di chúc. Và một điều cũng làm tôi ngạc nhiên không kém là công việc của ông hết sức lộn xộn. Người ta bảo tôi rất khó lòng biết ông mắc nợ những gì, đã trả những gì, và có những gì khi ông chết. Người ta đoán rằng đã bao năm ông không thể có một khái niệm gì rõ ràng về những chuyện ấy. Dần dần, người ta thấy rằng vì cứ lo ganh đua để giữ thể diện và lịch sự (ở Pháp-viện lúc này người ta rất chú ý tới việc này) ông đã tiêu quá số tiền kiếm được (số tiền này không nhiều) và do đó, đã làm cho tài sản của ông bớt đi (nếu như số tài sản này lúc trước đã từng khá lớn, nhưng điều đó không có gì chắc chắn cả), kết quả là tài sản của ông còn lại rất ít. Người ta bán các bàn ghế ở Noócút, và cụ Típphây bảo tôi, cụ không biết tôi quan tâm đến vấn đề này như thế nào, rằng sau khi đã trả những món nợ của người đã mất, kể cả những món nợ chưa trả được và không chắc chắn đối với cửa hàng thì số tiền mặt không lên quá một ngàn bảng.

Điều này xảy ra khoảng sáu tuần lễ sau khi ông mất. Trong suốt thời gian ấy tôi đã phải chịu đựng những dằn vặt và đã nhiều lần tưởng phải nghĩ đến việc chấm dứt cuộc đời. Khi cô Min kể lại cho tôi biết rằng nàng Đôra nhỏ bé của tôi tâm hồn tan nát không muốn nói gì khi người ta nhắc đến tên tôi, nàng chỉ nói: "Ba ơi! Ba yêu quý của con!" Cô Min cũng cho tôi biết rằng bà con của nàng chỉ gồm có hai người cô là hai cô gái già, chị của ông Xpenlô, không lấy chồng sống ở Pútnây và trong nhiều năm

trời chỉ có những quan hệ tình cờ với ông em. Không phải vì hai bên xung đột với nhau (cô Min cho tôi biết) nhưng vì được mời dự uống trà vào lễ đặt tên cho Đôra trong khi họ cho rằng họ phải được mời ăn cơm, nên hai người đã viết thư biểu lộ ý nghĩa của mình là: "Vì hạnh phúc của cả hai bên, họ không đến là hơn". Từ đó, họ đi con đường của họ, còn ông em đi con đường của ông em.

Hai bà này lúc này rời khỏi chỗ ẩn dật và đề nghị Đôra về Pútnây. Đôra bám lấy hai người, khóc và nói: "Vâng, các cô hãy mang cháu về Pútnây với Juli Min và Jip" Và thế là ít lâu sau khi chôn cất ông Xpenlô, họ trở về Pútnây.

Không biết làm thế nào tôi đã có thì giờ để đi loanh quanh ở Pútnây, nhưng bằng cách này hay cách khác tôi đã loanh quanh ở Pútnây khá nhiều lần. Cô Min, để làm đúng đắn nhiệm vụ của một người bạn, có viết một quyển nhật ký và thỉnh thoảng đến tìm tôi ở Pháp-viện để đọc quyển ấy hoặc (nếu cô không có thì giờ) để cho tôi mượn. Những lời viết trong nhật ký đối với tôi là một kho tàng vô giá và dưới đây là một vài đoạn:

- *Thứ hai:* Đ. yêu quý của tôi vẫn rất buồn rầu. Đau đầu. Tôi đã nhắc Đ. chú ý đến bộ lông mềm mại của J… Đ. đã vuốt ve nó. Những kỷ niệm sống dậy làm tâm hồn đau khổ, khóc vì buồn (phải chăng nước mắt là hạt sương của con tim?) J.M.

- *Thứ ba:* Đ. mệt và cáu kỉnh. Người xanh và đẹp, (phải chăng mặt trăng cũng thế?) Đ., J. và J. M. đi xe ngựa dạo mát. J. nhìn ra cửa xe sủa người quét đường ầm ĩ làm nở một nụ cười trên đôi môi của Đ. (chuỗi đời gồm những mắt xích mong manh như thế đấy!) J.M.

- *Thứ tư:* Đ. hơi vui. Tôi hát cho cô ta nghe bài "Chuông chiều". Không có tác dụng an ủi, trái lại, Đ. rõ rệt cảm động. Tôi thấy cô ta sau đó khóc rưng rức trong căn phòng của mình. Tôi đọc những câu thơ về con linh dương con[3]. Không có kết quả. Tôi cũng gợi ý về thần kiên nhẫn ở trên đài kỷ niệm[4] (câu hỏi: tại sao lại trên đài kỷ niệm? J.M.)

- *Thứ năm:* Đ… có tiến bộ. Đêm khá hơn. Má hơi ửng đỏ. Tôi quyết định nhắc đến Đ.C. Tôi nói một cách thận trọng trong lúc đi dạo. Đ… liền sửng sốt: "Chị ơi! Chị Min yêu quý của em! Em thật là đứa con gái bất hiếu và không vâng lời". Tôi vuốt ve để an ủi. Sau đó tôi lại miêu tả một bức chân dung tưởng tượng của Đ.C chết vì tuyệt vọng. Đ… lại hoảng hốt lên. "Làm thế nào? Làm thế nào bây giờ? Chị đem em đi nơi nào đi thôi!". Rất lo lắng. Đ… ngất đi và tôi kiếm cho cô một cốc nước trong một hiệu cà phê (một sự giống nhau thi vị. Cái biển ngoài cửa hiệu và cuộc đời con người cũng lắm mầu sặc sỡ. Than ôi!

- *Thứ sáu:* Một ngày lắm việc. Một người xuất hiện ở nhà bếp với một cái túi xanh để khâu đế giầy đàn bà. Chị làm bếp nói không có giầy. Người kia khẩn khoản yêu cầu. Chị ta vào nhà hỏi, để anh ta đứng một mình với J… Khi chị ta quay lại người kia vẫn còn yêu cầu nữa nhưng cuối cùng cũng đi. J… đã biến mất. Đ… lo lắng điên cuồng. Báo với cảnh sát. Hắn có cái mũi to tướng và bộ giò cao như cột cầu. Tìm khắp mọi nơi không có J… Đ… khóc sướt mướt, không sao dỗ được. Lại nhắc đến con linh dương con. Kể cũng giống nhưng tìm không có kết quả. Đến chiều một thằng bé đến mũi to tướng nhưng không có bộ giò cao. Nó được đưa vào phòng khách. Nó đòi một bảng vì nói biết con chó. Không chịu nói thêm gì nữa mặt dầu người ta dồn hỏi. Đ… cho một đồng bảng, nó đưa chị làm bếp đến một ngôi nhà nhỏ. Ở đấy, J… đứng một mình bị buộc dưới chân bàn. Đ… sung sướng nhảy quanh J… trong khi nó ăn tối. Phấn khởi trước sự thay đổi may mắn này tôi nói đến Đ.C… khi bước lên gác Đ… lại khóc van lơn: "Ồ! không! không! Nghĩ đến một điều gì khác ngoài người cha tội nghiệp của em là một điều độc ác" Cô hôn J… và khóc mãi cho đến khi thiếp đi Đ.C… phải chăng chỉ còn nhờ vào đôi cánh rộng lớn của thời gian? J.M.)

Cô Min và quyển nhật ký của cô là những niềm an ủi duy nhất của tôi trong thời gian ấy. Gặp cô, sau khi cô vừa đến thăm Đôra, nhìn thấy cô viết chữ cái đầu của tên Đôra trên tất cả trang giấy thân yêu và càng vì cô mà thêm buồn bã, đó là niềm an ủi duy nhất của tôi. Tôi có cảm tưởng mình sống trong một lâu đài bằng giấy vừa đổ sụp chỉ còn để lại mình cô Min và tôi, giữa cảnh hoang tàn. Hình như một vị phù thủy tàn nhẫn đã vạch chung quanh nàng tiên ngây thơ của con tim tôi một cái vòng huyền bí mà không có cái gì có thể giúp tôi vượt qua được trừ đôi cánh mạnh mẽ đã từng giúp bao nhiêu người vượt bao nỗi khó khăn.

---

[1] Uyliam Enphin (1741-1799) xuất bản nhiều quyển sách về nghệ thuật hùng biện. Rít, Phốc, Sêriđan và Bơcxơ là những chính khách nổi tiếng nhất của Anh ở thế kỷ thứ 18. Catxơnri. Xitma và Canninh là những chính khách Anh ở đầu thế kỷ 19.

[2] Nhắc bóng gió đến bài ngụ ngôn "Cây sồi và cây sậy" của La Phôngten.

[3] Câu thơ của Tômat Morơ.

[4] Câu trong Đêm thứ mười hai của Sêcxpia (Hồi 2 cảnh 4) Viola được miêu tả "ngồi như thần kiên nhẫn ở trên đài kỷ niệm".

Chương XXXIX
UÝCHCƠPHIN VÀ HIP

Tôi cảm thấy cô tôi bắt đầu lo lắng thực sự về chỗ tâm trạng chán nản của tôi kéo dài nên có ý định bảo tôi về Đôvơ xem công việc ở ngôi nhà nhỏ bé ở Đôvơ nay đã cho thuê có chu đáo không và ký hợp đồng thuê nhà trong một thời gian dài hơn nữa cùng với người thuê nhà này. Janét đã làm việc giúp bà Xtrong và ngày nào tôi cũng thấy chị ở đấy. Khi rời khỏi Đôvơ, chị lưỡng lự không biết có nên dứt khoát sống theo cái nguyên tắc từ bỏ đàn ông như chị đã được giáo dục hay lấy một anh thủy thủ, nhưng chị vẫn không dám làm chuyện liều lĩnh như vậy. Sở dĩ như vậy theo tôi không phải vì chị giữ nguyên tắc mà chỉ vì chị không yêu anh thủy thủ.

Mặc dầu phải khó khăn mới có thể rời bỏ cô Min, tôi vẫn vui lòng vâng theo ý kiến của cô tôi, vì thấy đó là một dịp có thể cho tôi sống vài giờ êm ả bên cạnh Ácnét. Tôi hỏi ý kiến bác sỹ quý hóa xem tôi có thể vắng mặt ba ngày không và bác sỹ muốn tôi nghỉ ngơi (ông muốn tôi nghỉ ngơi hơn nữa nhưng nghị lực của tôi không chấp nhận điều đó), và tôi quyết định đến Đôvơ.

Còn đối với Pháp-viện thì tôi không phải lo lắng gì về công việc của tôi ở đấy. Nói thực, chúng tôi bắt đầu không được các biện hộ sỹ có uy tín nhất coi trọng cho lắm và chúng tôi đang xuống rất nhanh đến một địa vị hết sức bấp bênh. Công việc dưới sự lãnh đạo của ông Joóckin tiến hành kém hơn nhiều so với thời gian trước khi ông Xpenlô đến. Và mặc dầu sự có mặt của một người mới và ăn diện như ông Xpenlô đã làm cho nó phấn chấn lên nhưng nó vẫn không được xây dựng trên một cơ sở khá vững chắc để có thể đứng vững không bị lay chuyển trước một đòn nặng là cái chết của người cầm đầu tích cực nhất. Công việc sa sút nhanh chóng. Mặc dầu có uy tín trong sở, ông Joóckin vẫn là người yếu đuối, bất lực và tiếng tăm của ông bên ngoài cũng không đủ để giúp cho công việc tiến hành tốt. Bây giờ tôi bị chuyển sang tay ông, và khi thấy ông cứ hít thuốc lá rền còn để mặc công việc ra sao thì ra, tôi bỗng thấy tiếc một ngàn bảng của cô tôi hơn bao giờ hết.

Nhưng đó không phải là điều tệ nhất, ở Pháp-viện nhan nhản những bọn ăn bám và bọn kiếm chác. Họ không phải là biện hộ sỹ nhưng cũng xen vào những việc thuộc phạm vi dân luật và bắt các biện hộ sỹ thực sự là những người vẫn làm những việc này phải để cho họ mượn tên, rồi sau đó họ trả một phần lợi nhuận, và số biện hộ sỹ này cũng rất đông. Vì cửa hàng này chúng tôi bây giờ phải tìm việc với bất cứ giá nào nên chúng tôi bắt liên hệ với bè lũ này và chấp nhận bọn ăn bám và bọn kiếm chác. Giấy hôn thú và giấy xác nhận di chúc là những việc tất cả chúng tôi đều tìm và kiếm được nhiều tiền nhất nên sự cạnh tranh về những việc này thực là điên cuồng. Bọn bắt cóc và cướp khách được đặt ở các lối ra vào cửa Pháp-viện và được lệnh tóm ngay tất cả những ai mặc đồ tang và tất cả những cậu nào có bộ mặt e lệ để thuyết phục họ và lôi họ vào những cái phòng trong đó các nhân viên hữu quan làm việc. Những mệnh lệnh này được tuân thủ chu đáo đến nỗi chính tôi đã hai lần bị kéo vào phòng người đối thủ chủ yếu của chúng tôi, trước khi người ta nhận ra tôi. Những sự xung đột về quyền lợi của mấy ông cướp khách này khiến cho tính tình họ càng trở nên cáu kỉnh, những cuộc va chạm thật sự đã xảy ra và thậm chí Pháp-viện mang tiếng xấu vì tên cướp khách chủ yếu của chúng tôi (trước đây hắn làm nghề buôn rượu rồi sau đó làm nghề rao hàng) bị đánh tím bầm một bên mắt mấy ngày liền. Những tên rình mò này chẳng nghĩ gì đến phép lịch sự phải giúp đỡ một bà già mặc đồ đen bước xuống xe, mà chỉ lo giết bất kỳ ông biện lý, biện hộ sỹ nào bà ta muốn gặp tôi giới thiệu người của mình là người kể chân hay là người đại diện chính thức của ông ta và kéo bà ta đi (đôi khi rất vất vả) đến phòng giấy của ông này. Nhiều người đã bị tóm lôi đến tôi theo kiểu ấy. Còn về giấy hôn thú thì sự cạnh tranh đã đạt đến trình độ khốc liệt đến nỗi nếu một ông nào bẽn lẽn muốn có một tờ giấy hôn thú, thì ông ta chỉ còn cách vâng theo con người mời mọc đầu tiên nếu không muốn trở thành duyên cớ gây

nên một cuộc ẩu đả và thành cái mồi của kẻ nào khỏe nhất Một nhân viên của chúng tôi là một người ngoài Pháp-viện vẫn cứ đội mũ ngồi yên trong khi cuộc chiến đấu diễn ra khốc liệt nhất để sẵn sàng xông ra và đưa nạn nhân đến tuyên thệ trước một người thay thế. Chế độ tranh giành như vậy, theo tôi biết hiện nay vẫn còn. Thật vậy, lần cuối cùng tôi đến Pháp-viện, một anh chàng lực lưỡng và lịch sự mặc áo choàng trắng ở trong một hành lang kín xông ra nói thầm vào tai tôi "Giấy hôn thú phải không?" và tôi phải khó nhọc lắm mới cản trở không để cho ông ta khoác tay kéo vào phòng một biện hộ sỹ.

Thôi hãy chấm dứt việc nói loanh quanh như vậy để nói đến Đôvơ.

Tôi thấy trong ngôi nhà của cô tôi mọi việc đều rất chu đáo, và tôi hết sức sung sướng được báo cho cô tôi biết, khi trở về, rằng người thê nhà đã kế thừa được lối gây gổ của cô tôi và đã tiến hành một cuộc chiến tranh thường xuyên chống lại những con lừa. Sau khi giải quyết xong vấn đề nhỏ mà tôi phải giải quyết và ngủ ở đấy một tối, tôi đi chân đến Cantơbơri từ sáng sớm. Mùa đông đã trở về, và không khí trong trẻo mát mẻ của buổi sáng lộng gió hôm ấy cũng như khung cảnh đồng ruộng mênh mông làm cho những hy vọng của tôi sáng lên một chút.

Khi đến Cantơbơri tôi đi lang thang giữa những đường phố cũ kỹ, với một niềm vui lặng lẽ làm tâm trạng và tim tôi cũng nhẹ bớt nỗi buồn. Trên các phố vẫn treo những tấm biển như cũ, với những cái tên như cũ, và cũng vẫn những người như trước tiếp khách trong các cửa hàng. Tôi biết một thời gian dài đã trôi qua từ khi tôi là học sinh trong thành phố này cho nên tôi ngạc nhiên thấy tại sao thành phố lại ít thay đổi như vậy, cho đến khi tôi nghĩ lại thấy mình cũng thay đổi rất ít. Kể cũng thực kỳ lạ, ảnh hưởng êm dịu trong óc tôi là gắn liền với Ácnét và đối với tôi ảnh hưởng ấy dường như tràn ngập cả thành phố nàng ở. Những ngọn tháp cổ kính của ngôi nhà thờ, những con cú già và những con quạ kêu trên không làm cho phong cảnh càng tịch mịch hơn là cảnh im lặng hoàn toàn, những cổng đổ nát, trước kia đầy tượng từ lâu đã đổ xuống vỡ tan tành cũng như những khách hành hương kính cẩn đã từng ngắm nhìn nó; những góc yên tĩnh với cây leo già hàng thế kỷ leo lên đến tận chóp nhà và bao phủ những bức tường đổ nát của những ngôi nhà cổ, phong cảnh nên thơ của đồng ruộng, của những vườn trái và những vườn cây. Đâu đâu… trên tất cả mọi vật… tôi cũng đều cảm thấy cái không khí êm ả ấy, cái vẻ im lặng, trầm tư và an ủi ấy.

Đến nhà ông Uýchcơphin, tôi thấy ông Micôbơ đang chăm chú hí hoáy việc trong cái phòng thấp ở tầng thứ nhất trước đây Uria Híp vẫn ngồi, ông mặc đồ đen có vẻ con nhà luật lắm và ở trong cái căn phòng nhỏ bé ấy hình dáng của ông có vẻ to béo và đồ sộ.

Ông Micôbơ rất sung sướng được gặp tôi, nhưng đồng thời cũng hơi ngượng ngùng, ông muốn đưa tôi lên gặp Uria ngay nhưng tôi từ chối, ông nói:

"Anh Copơphin ạ, ông đáp, đối với một con người có một đầu óc tưởng tượng mạnh mẽ thì điều cản trở nghiên cứu pháp luật là nó có quá nhiều chi tiết. Ngay trong việc thư từ về nghề nghiệp", ông Micôbơ nói liếc mắt nhìn mấy bức thư ông đang viết, "đầu óc cũng không được tự to bay bổng đến những cách diễn đạt cao đẹp. Nhưng đó là một nghề rất tốt… một nghề rất tốt…"

Sau đó ông lại bảo tôi rằng ông đã thuê ngôi nhà cũ của Uria Híp và bà Micôbơ sẽ sung sướng được tiếp tôi ở nhà của bà. Ông Micôbơ nói:

"Ngôi nhà ấy hèng kém thôi, để nhắc lại câu ông bạn Híp của tôi hay nói, nhưng rất có thể nó là một bước đưa đến những ngôi nhà nguy nga hơn".

Tôi hỏi ông cho đến nay ông có thấy hài lòng về cách đối xử của ông bạn Híp của ông không, ông đứng dậy để xem thử cửa đóng chưa trước khi trả lời tôi và hạ thấp giọng, nói:

“Anh Copơphin ạ, một con người loay hoay trong cảnh túng bần về tiền tài thì phải ở địa vị bất lợi hơn so với phần lớn những người khác. Điều bất lợi này không giảm bớt đi khi áp lực đòi hỏi phải nhận tiền lương trước khi đã làm hết cái thời gian mà tiền lương đòi hỏi. Tôi chỉ có thể bảo với anh rằng ông bạn Híp của tôi đã đáp lại lời kêu gọi (và tôi không phải nhắc lại điều đó nữa) một cách có thể làm vinh dự cho con tim và khối óc của ông”.

“Tôi không ngờ anh ta lại hào phóng như vậy về mặt tiền tài cơ đấy!” tôi nói.

“Tôi xin lỗi anh”, ông Micôbơ nói có vẻ lúng túng, “tôi nói đến ông bạn Híp theo kinh nghiệm của tôi”.

“Tôi rất sung sướng khi biết rằng kinh nghiệm của ông lại may mắn như thế”. Tôi đáp.

“Anh rất tốt, anh Copơphin ạ”, ông Micôbơ nói, bắt đầu nghêu ngao một điệu hát “Ông có thường thấy ông Uýchcơphin không? Tôi hỏi để chuyển sang chuyện khác.

“Không mấy khi” - ông Micôbơ nói có vẻ khinh bỉ, “ông Uýchcơphin chắc hẳn là người có nhiều ý định tốt, nhưng… tóm lại ông ta cổ lỗ lắm!”.

“Tôi sợ rằng ông bạn cộng tác của ông đã tìm cách làm cho ông ta như vậy!” tôi nói.

“Anh Copơphin ạ, ông Micôbơ nói sau khi có vẻ lúng túng trên ghế đẩu, anh cho phép tôi nói một lời nhận xét nhé! Tôi ở đây được tin cậy. Tôi giữ một trọng trách. Còn như thảo luận về một số vấn đề, ngay cả với bà Micôbơ (con người xưa nay vẫn gắn liền với nhiều bất hạnh trong đời tôi, và là một người đàn bà thông minh sáng suốt) thì tôi đã đi đến kết luận rằng điều này là không phù hợp với nhiệm vụ của tôi hiện nay. Do đó tôi xin phép lưu ý anh rằng trong mối quan hệ bạn bè giữa chúng ta (tôi hy vọng rằng những quan hệ này sẽ không bao giờ bị gián đoạn), chúng ta vạch một đường ranh giới, ở bên con đường này, ông lấy một cái thước vạch biểu hiện một con đường trên bàn giấy “là tất cả những điều trí tuệ con người nghĩ đến chỉ trừ một ngoại lệ không có gì quan trọng, và bên kia chính là cái ngoại lệ ấy. Đó là những công việc của các ông Uýchcơphin và Híp với tất cả những điều gì liên quan đến nó và những hậu quả của nó. Tôi hy vọng không làm anh bạn thời niên thiếu của tôi phật ý khi đưa ra đề nghị ấy để được trí xét đoán minh mẫn của anh bạn chuẩn y”.

Tôi nhận thấy ông Micôbơ có vẻ ngại ngùng. Nó trói chặt ông dường như nhiệm vụ của ông hiện nay là một bộ áo quần chật và tôi cảm thấy tôi không có quyền ra phật ý. Khi tôi nói với ông như thế, ông xem ra nhẹ cả người và bắt tay tôi. Ông nói:

“Tôi rất phục anh, anh Copơphin ạ, và anh cho phép tôi xác nhận điều đó với cô Uýchcơphin. Cô là một cô gái cao thượng, xinh đẹp, duyên dáng và đạo đức. Tôi lấy danh dự cam đoan như vậy. “Ông Micôbơ nói, hôn vào tay không biết bao nhiêu lần và cúi đầu hết sức lịch sự. “Tôi kính phục cô Uýchcơphin! Hèm!”.

“Ít nhất đó cũng là một điều làm tôi vui sướng”, tôi nói.

“Anh Copơphin ạ, nếu như anh không làm chúng tôi biết chắc chắn vào cái buổi chiều thú vị mà chúng tôi đã dịp sống ở nhà anh rằng Đ… hoa là chữ yêu quý nhất của anh thì tôi sẽ quả quyết rằng đó là chữ A”.

Cả hai chúng tôi chốc chốc lại cảm thấy một cảm giác bao trùm chúng tôi; đó là cảm giác thấy chúng tôi đang nói và đang làm những điều trước đây đã nói và đã làm ở một thời kỳ xa xăm chúng tôi cảm thấy rằng chung quanh chúng tôi đã bao thế kỷ nay vẫn có những gương mặt ấy, những vật, những trường hợp ấy và chúng tôi biết rất rõ những điều sắp phải nói dường như đột nhiên chúng tôi sực nhớ đến nó! trong đời tôi chưa bao giờ tôi cảm thấy ấn tượng huyền bí này mãnh liệt như khi nghe ông

Micôbơ nói những lời ấy.

Tôi tạm thời từ giã ông Micôbơ và nhờ ông gửi lời hỏi thăm tất cả gia quyến. Khi chỉ tay ông, trong lúc ông cầm lại quản bút, ngồi xuống ghế đẩu và cái đầu lại loay hoay trong cái cà vạt, kéo nó vào một vị trí thích hợp hơn để viết, tôi nhận thấy rõ ràng rằng có một điều xảy ra đã ngăn cách ông và tôi từ khi ông làm nhiệm vụ mới, một điều gì làm cho chúng tôi không gần gũi nhau như ngày trước và hoàn toàn thay đổi tính chất những quan hệ giữa chúng tôi.

Không có ai ở trong phòng khách quen thuộc và cổ kính mặc dầu căn phòng này biểu lộ rõ những dấu vết có bà Híp ở đâu đây. Tôi liếc mắt nhìn vào căn phòng vẫn còn thuộc về Ácnét và tôi thấy nàng đang ngồi viết bên cạnh ngọn lửa trước bàn giấy xinh xinh của nàng đóng theo kiểu cũ.

Nàng ngước mắt lên bởi vì tôi đã làm ánh sáng bị che đi. Sung sướng làm sao tôi được làm nguyên nhân khiến cho gương mặt chăm chú của nàng bỗng sáng bừng lên và được nàng đón tiếp dịu dàng và niềm nở như vậy.

"Ồ! Ácnét!" Tôi nói, khi chúng tôi ngồi cạnh nhau, "Dạo này mình thực cần cậu quá".

"Thực tế à? Lại thế rồi! Chóng thế?"

Tôi lắc đầu.

"Mình không biết điều đó xảy ra như thế nào Ácnét ạ! Mình có cảm tưởng rằng mình thiếu một năng khiếu mà mình cần phải có. Cậu vẫn thường nghĩ đến mình, nghĩ đến thời thơ ấu sung sướng ngày xưa, ở đây, và mình đến đây một cách tự nhiên để nhờ cậu khuyên bảo và an ủi, đến nỗi quả thật mình nghĩ rằng đã bỏ mất cơ hội ấy".

"Năng khiếu gì thế?" Ácnét hỏi vui vẻ.

"Mình không biết gọi nó là cái gì?" Tôi đáp.

"Mình tin rằng mình là một người đứng đắn và có nghị lực".

"Mình cũng tin như thế!" Ácnét nói?

"Thế có kiên nhẫn không, Ácnét?" tôi hỏi hơi lưỡng lự.

"Có!" Ácnét nói cười khanh khách. "Cũng khá!"

"Ấy thế mà", tôi nói, "mình trở nên rất khổ sở và bị dằn vặt, mình trở nên bấp bênh và lưỡng lự khi cần phải tin ở mình, đến nỗi mình hỏi rằng thế nào mình cũng thiếu… gọi là cái gì nhỉ? gọi là một chỗ dựa có được không?"

"Nếu như cậu muốn thì cậu cứ gọi như thế cũng được" Ácnét nói.

"Này nhé!" Tôi nói. "Cậu đến Luân-đôn, mình tin nghe theo cậu và tìm ngay ra con đường và mục đích của mình. Mình đến đây, và trong giây lát mình cảm thấy mình là một con người khác. Những hoàn cảnh làm mình khổ sở vẫn không thay đổi chút nào từ khi bước vào căn phòng này; nhưng trong giây phút ngắn ngủi ấy một ảnh hưởng đã bao trùm mình và thay đổi. Nó làm cho mình khá hơn nhiều! Ảnh hưởng gì thế? Ácnét, cậu có cái bí quyết gì thế?".

Nàng cúi đầu đăm đăm nhìn ngọn lửa.

"Bao giờ cũng là chuyện ấy thôi" tôi nói, "Cậu đừng cười nếu mình bảo cậu rằng trước đây là chuyện vớ vẩn nhưng nay là chuyện nghiêm túc. Những lo lắng của mình ngày trước là vớ vẩn, nhưng bay giờ là những lo lắng thực sự và mỗi khi mình cách xa cô em nuôi…"

Ácnét ngước mắt lên - một gương mặt của thiên thần. Nàng đưa bàn tay cho tôi bắt và tôi hôn bàn tay.

"Ácnét ạ, mỗi khi cậu không ở đấy để khuyên bảo mình và tán thành ngay từ đầu, thì mình có cảm tưởng rằng mình đi bông lông và lao đầu vào mọi thứ khó khăn. Cuối cùng, khi mình đến gặp cậu (như bao giờ mình cũng làm), thế là mình đạt được yên tĩnh và hạnh phúc. Lần này mình lại trở về nhà như một khách bộ hành mỏi mệt và cảm thấy một cảm giác nghỉ ngơi thực là hạnh phúc".

Tôi cảm thấy rất sâu sắc điều tôi nói với nàng, nó làm tôi cảm động, chân thành đến nỗi cảm giác của tôi nghẹn lại, tôi lấy hai bàn tay che mặt, và khóc òa lên. Điều tôi viết là sự thực. Tôi không biết gì về chỗ tâm hồn tôi có những trái ngược và mâu thuẫn (điều mà nhiều người khác cũng có), về chỗ điều xảy ra lẽ ra có thể khác và tốt hơn nhiều, về chỗ đôi khi tôi bướng bỉnh không chịu nghe theo tiếng nói của con tim. Tôi chỉ biết rằng tôi rất thành thực khi nói rằng bao giờ tôi cũng cảm thấy sự nghỉ ngơi yên tĩnh lúc có Ácnét bên cạnh. Những cử chỉ trìu mến của người em gái, với đôi mắt hớn hở, giọng nói dịu dàng và cái vẻ hiền từ nhẹ nhàng từ lâu đã làm cho ngôi nhà ở biến thành một nơi thiêng liêng đối với tôi. Lát sau, nàng đã kéo tôi ra khỏi tâm trạng yếu ớt này và tôi kể cho nàng nghe tất cả những điều xảy ra thì khi chúng tôi gặp nhau lần cuối.

"Bây giờ không cần phải nói thêm gì nữa, Ácnét ạ". Tôi nói khi đã bộc lộ hết tâm sự. "Bây giờ mình chỉ biết tin cậy vào cậu."

"Nhưng cậu không thể tin cậy vào mình được, Trốtút ạ" Ácnét nói, miệng nở một nụ cười dễ thương.

Phải là một người khác cơ".

"Đôra à?" Tôi nói.

"Đúng thế!"

"Nhưng mình quên không nói với cậu, Ácnét ạ! tôi nói, hơi lúng túng. "Đôra thì rất khó… mình không muốn vì bất kỳ lý do gì nhờ cậy ở cô ấy, bởi vì cô ấy là hiện thân của sự chân thành và trong trắng… Nhưng kể ra cũng rất khó nói… mình không biết nói như thế nào… mình cam đoan với cậu như thế. Cô ấy là người nhỏ bé nhút nhát, dễ hốt hoảng, sợ hãi. Cách đây không lâu, trước khi ông cụ cô mất, mình cho rằng cũng nên cho cô ấy biết về… nhưng mình sẽ kể tất cả cho cậu nghe nếu cậu chịu khó kiên nhẫn nghe mình kể".

"Tôi bèn kể cho Ácnét nghe chuyện tôi nói đến tình cảnh khổ cực của tôi, chuyển quyển sách nấu ăn, chuyện sổ sách gia đình và tất cả những chuyện khác.

"Ồ! Trốtút!" Nàng nói giọng trách móc và miệng mỉm cười. "Lại đúng là cái lối hung hăng của cậu ngày trước rồi! Cậu có thể kiên quyết bước theo con đường của cậu trên đời mà không cần phải sổ sàng như vậy đối với một cô gái nhút nhát, không có kinh nghiệm và yêu cậu. Tội nghiệp cho Đôra!

Tôi chưa bao giờ nghe giọng nói nào biểu lộ tình cảm dịu dàng thân mến và rộng lượng như giọng nói của nàng trong câu trả lời này. Tôi cảm thấy dường như nàng ôm Đôra với một tình thương dịu dàng xen lẫn với sự thán phục và bằng cách săn sóc ân cần, nàng thầm trách tôi đã sổ sàng và vội vã làm cho con tim nhỏ bé kia hoảng hốt. Tôi có cảm tưởng như thấy Đôra với tất cả vẻ ngây thơ kiều diễm vuốt ve Ácnét, cảm ơn nàng và cầu khẩn nàng chống lại tôi theo cái kiểu trẻ con của nàng và yêu tôi với tất cả tình yêu ngây thơ bé dại.

Tôi càng cảm thấy biết ơn Ácnét và phục nàng vô cùng. Tôi thấy hai người bên nhau ở trong một tương lai sáng chói, hai người bạn khéo phù hợp với nhau quá, người này làm tôn giá trị của người

kia.

"Mình biết làm gì bây giờ, Ácnét?" tôi hỏi nàng sau khi ngắm nhìn ngọn lửa một lát. "Bây giờ nên làm thế nào?"

"Theo mình", nàng nói, "thái độ đúng đắn là phải viết thư cho hai người cô. Cậu không thấy mọi chuyện giấu giếm đều không xứng đáng hay sao?"

"Phải… bởi vì cậu bảo thế". Tôi nói.

"Mình không có đủ thẩm quyền để nhận xét về những vấn đề như thế". Ácnét nói với cái vẻ lưỡng lự khiêm tốn. Nhưng mình rõ ràng có cảm tưởng… Tóm lại mình thấy rằng nếu cậu cứ hành động bí mật lén lút thì cậu sẽ không xứng đáng với cậu".

"Không xứng đáng với mình à?" Mình sợ cậu đánh giá mình cao quá đấy, Ácnét ạ" tôi nói.

"Không xứng đáng với bản tính chân thực của cậu, nàng đáp". Vì vậy mình sẽ viết cho hai cô ấy. Mình sẽ kể hết sức đơn giản và rõ ràng tất cả những điều đã xảy ra; và mình xin phép họ thỉnh thoảng đến thăm Đôra ở nhà họ. Vì cậu trẻ tuổi và đang cố gắng kiếm một địa vị ở đời, mình nghĩ rằng cậu nên nói thêm rằng cậu sẵn sàng chấp nhận tất cả những điều kiện mà họ bắt cậu phải theo. Mình sẽ xin họ đừng gạt bỏ yêu cầu của cậu mà không hỏi ý kiến Đôra hay không bàn bạc với cô ấy khi họ cho là có dịp thuận tiện. Mình sẽ không viết ồn ào lắm đâu" Ácnét nói giọng dịu dàng, "và cũng không đòi hỏi họ quá nhiều. Mình sẽ tin vào sự trung thành và lòng kiên nhẫn của mình… và tin vào Đôra".

"Nhưng nếu như khi nói họ lại làm cho Đôra hoảng hốt thì sao?" tôi nói. "Nếu như Đôra chỉ khóc mà không nói gì về mình cả thì sao?"

"Có thể như thế không?" Ácnét hỏi, vẫn với gương mặt dịu dàng.

"Lạy Chúa! Cô ấy dễ bị người ta làm hoảng sợ chẳng khác gì một con chim" tôi nói. "Điều đó có thể xảy ra. Hay nếu như hai cô Xpenlô (các bà đứng tuổi như thế đôi khi tính tình kỳ quặc lắm) không phải là những người chấp nhận những lời yêu cầu như thế?"

"Trốtút ạ" Ácnét đáp và ngước đôi mắt dịu dàng nhìn vào mắt tôi "Mình sẽ nghĩ đến điều đó. Tốt hơn là chỉ nên hỏi xem có nên làm như thế hay không, và nếu nên làm thì cứ làm".

Tôi không còn ngờ vực gì về việc ấy nữa. Trong lòng nhẹ nhõm, mặc dầu có ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của nhiệm vụ của mình, tôi dành cả buổi chiều vào việc viết nháp bức thư này và Ácnét nhường bàn giấy của nàng cho tôi để tôi thực hiện mục đích to lớn ấy. Nhưng trước đấy tôi đi xuống cầu thang để thăm ông Uýchcơphin và Uria Híp.

Tôi thấy Uria làm chủ một phòng giấy mới còn thơm mùi thạch cao dựng lên ngoài vườn. Hắn có vẻ hết sức ti tiện ở giữa sách và giấy tờ. Hắn tiếp tôi với những cử chỉ hèn hạ mọi ngày và nói rằng hắn không nghe ông Micôbơ báo tin tôi đến, nhưng tôi xin phép nghi ngờ về điều đó. Hắn tiễn tôi đến tận phòng giấy ông Uýchcơphin, phòng giấy này chỉ còn là tiếng đồng vọng của phòng giấy ngày xưa (bởi vì nó đã bị tước mất nhiều tiện nghi để dành cho phòng giấy của người cộng tác viên mới) và hắn vẫn đứng trước ngọn lửa để sửa cái lưng và giơ hai bàn tay xương xẩu vuốt ve cái cằm trong khi tôi và ông Uýchcơphin chào nhau.

"Anh Trốtút! anh có thể ở đây với chúng tôi trong khi anh ở Cantơbơri không?" ông Uýchcơphin nói với tôi nhưng không phải không liếc mắt nhìn Uria để chờ hắn đồng ý.

"Có còn chỗ cho tôi không?" tôi hỏi.

"Cậu Copơphin ạ, tôi cam đoan với cậu là có. Đáng lý phải gọi là ông nhưng tôi cứ quen nói như

vậy" - Uria nói, "tôi sẵn sàng nhường lại phòng cũ của cậu cho cậu và sẵn sàng ngủ chỗ khác nếu cậu thích".

"Không! không!" - ông Uýchcơphin nói - "Tại sao ông lại bận tâm làm gì? Có phòng khác, có phòng khác".

"Ồ! Nhưng ông biết", Uria đáp cười nhăn nhở - "tôi sẽ rất sung sướng".

Để chấm dứt câu chuyện tôi tuyên bố tôi sẽ nhận phòng khác hay là không nhận phòng nào cả. Thế là người ta quyết định rằng tôi sẽ lấy một phòng khác, và sau khi chào hai người cộng tác và hẹn sẽ gặp mặt lúc ăn trưa, tôi lại bước lên gác.

Tôi hy vọng chỉ có Ácnét ở bên cạnh. Nhưng bà Híp đã xin phép nàng đến ngồi và mang đồ đan đến phòng nàng cạnh bếp lửa, mượn cớ là trong lúc trời gió như thế này phòng này có lợi cho bệnh đau khớp xương của bà hơn là phòng khách hay phòng ăn. Mặc đầu tôi có thể đặt bà ngồi trên đỉnh cao nhất của nhà thờ mặc cho gió thổi mà không ân hận, nhưng tôi đành phải vui lòng chấp nhận một sự tất yếu và chào bà một cách thân mật.

"Cảm ơn ông, trong tình cảnh hèng kém của tôi" - bà Híp nói để cảm ơn tôi đã hỏi thăm sức khỏe của bà"… nhưng sức khỏe tôi chỉ tàm tạm. Tôi cũng không có gì để khoe khoang cho lắm. Nếu tôi thấy cháu Uria đã có một địa vị khá ở đời thì tôi còn đòi hỏi gì nữa! Ông thấy cháu Uria thế nào?"

Tôi vẫn thấy hắn hèn hạ như xưa và tôi đáp tôi không thấy ông ta thay đổi gì hết.

"Ồ! Ông không thấy cháu thay đổi gì à?" Bà Híp nói. "Thế thì tôi xin phép được nói với ông một cách hèng kém rằng tôi không đồng ý với ông. Ông không thấy cháu nó gầy đi sao?"

"Cũng không gầy hơn mọi ngày!" tôi đáp.

"Ông không thấy thế thật à?" Bà Híp nói. "Nhưng đó là vì ông không nhìn với con mắt của một bà mẹ".

Cái nhìn của một bà mẹ như bà là cái nhìn đặc biệt khó chịu đối với tất cả những người khác, tôi nghĩ như vậy khi tôi gặp cái nhìn của bà, dù cho cái nhìn ấy có trìu mến đến đâu đối với Uria; và tôi tin rằng hai mẹ con họ tận tụy với nhau. Cái nhìn ấy rời khỏi tôi và chuyển sang Ácnét:

"Thế cô, cô Uýchcơphin, cô không thấy rằng cháu nó gầy đi và hom hem hơn trước sao?" Bà Híp hỏi.

"Không!" Ácnét nói trong khi vẫn yên lặng tiếp tục công việc của mình. "Bà lo lắng nhiều quá đến ông ấy đấy thôi, ông ấy khỏe mạnh lắm".

Bà Híp khịt mũi dữ dội một hồi rồi lại tiếp tục đan.

Bà không thôi đan, cũng không buông tha chúng tôi một phút. Tôi đến từ sáng sớm và chúng tôi còn ba hay bốn giờ mới ăn trưa, nhưng bà ta vẫn ngồi đấy và hý hoáy đôi que đan với cái vẻ đều đều của một chiếc đồng hồ đang để cát xuống. Bà ngồi ở một bên bếp; tôi ngồi trước bàn giấy đối diện với bếp lửa. Cách tôi một quãng ngắn, bên kia bàn là Ácnét. Mỗi khi, trong khi trầm ngâm suy nghĩ viết thư, tôi ngước mắt lên, bắt gặp gương mặt tư lự của Ácnét, tôi thấy gương mặt lên một nụ cười khuyến khích, tươi tắn, thần tiên mà riêng nàng có. Nhưng ngay lúc đó tôi có cảm giác rằng cái nhìn khó chịu của bà Híp rời khỏi tôi để hướng về Ácnét rồi lại quay về phía tôi, trước khi lén lút nhìn xuống cái áo đang đan. Tôi không biết bà đan cái gì, bởi vì tôi không thành thạo về nghệ thuật này, nhưng nó trông giống một cái lưới, và trong khi làm việc chăm chú với những que đan giống như những chiếc đũa của một người Trung Quốc, dưới ánh ngọn lửa bà trông giống như một mụ phù thủy độc ác, phải phục tùng nàng

tiên tươi tắn ngồi trước mặt nhưng đang chuẩn bị chốc nữa sẽ tung cái lưới của mình ra.

Vào lúc ăn trưa, bà vẫn tiếp tục theo dõi với cặp mắt luôn luôn cảnh giác như vậy. Sau bữa ăn trưa, con trai bà thay chân bà và khi chỉ còn ông Uýchcơphin, hắn và tôi, hắn liếc nhìn tôi và uốn éo thân hình cho đến khi tôi khó lòng chịu được nữa. Trong phòng khách mẹ hắn lại ngồi đấy để đan và lại theo dõi chúng tôi. Suốt thời gian Ácnét hát và chơi đàn, mẹ hắn ngồi cạnh đàn dương cầm. Có một lần bà yêu cầu chơi một bản dân ca đặc biệt mà bà nói rằng cậu Uri của bà (đang ngáp dài trong một chiếc ghế bành to tướng) rất thích; và chốc chốc bà lại quay về phía hắn và bảo Ácnét rằng hắn đang bị âm nhạc làm ngây ngất. Nhưng hầu như không mấy khi bà nói mà không nhắc đến cậu con (có lẽ không có lần nào không thì phải và tôi cảm thấy hiển nhiên rằng đó chính là nhiệm vụ được giao cho bà).

Tình trạng này kéo dài cho đến giờ ngủ. Thấy hai mẹ con như hai con dơi khổng lồ dương cánh che tất cả ngôi nhà và làm nó tối sầm lại bằng hình dáng xấu xí của chúng, tôi cảm thấy khó chịu đến nỗi muốn ngồi ở phòng khách mặc dầu phải nhìn cái trò đan lát và tất cả những chuyện khác còn hơn là đi ngủ. Tôi gần như không chợp được mắt. Hôm sau việc đan lát và theo dõi lại kéo dài suốt cả ngày.

Tôi không có dịp nói mười phút với Ácnét. Tôi chỉ vừa có đủ thì giờ để đưa cho nàng bức thư của tôi. Tôi đề nghị nàng đi dạo chơi với tôi một vòng nhưng bà Híp cứ rên rỉ lải nhải rằng bà ta khó ở hơn mọi ngày nên Ácnét thương hại ngồi bên cạnh để làm bạn với bà. Vào lúc hoàng hôn tôi đi dạo một mình ngẫm nghĩ xem tôi phải làm gì và tự hỏi không biết có nên giấu Ácnét điều Uria đã bảo với tôi ở Luân-đôn không, bởi vì điều này bắt đầu làm cho tôi hết sức lo lắng.

Tôi chưa đi khỏi thành phố trên con đường Ramxgâytơ, là nơi đi dạo chơi rất thích bỗng có người ở đằng sau gọi tôi trong bóng hoàng hôn. Cái dáng người xương xương và cái áo khoác đã sờn rất dễ nhận. Tôi dừng lại và Uria Híp bước đến. Hắn nói:

"Cậu đi nhanh quá, chân tôi cũng khá dài, nhưng cậu bắt nó làm một việc khá vất vả".

"Anh đi đâu"? tôi hỏi.

"Tôi đến với cậu, cậu Copơphin ạ, nếu như cậu vui lòng cho phép tôi đi dạo với một người quen cũ". Trong khi nói thế, thân hình hắn lại uốn éo, cử chỉ này có thể cho là chế nhạo cũng như thỏa hiệp, và bắt đầu đi cạnh tôi.

"Anh Uria", tôi nói cố hết sức tỏ ra lễ độ, sau khi im lặng một lát.

"Cậu Copơphin!" Uria nói.

"Nói thực với anh (chắc hẳn anh không giận), tôi đi ra để đi dạo một mình bởi vì tôi đã có khá nhiều người bên cạnh tôi rồi!"

Hắn nhìn nghiêng về phía tôi và nhăn mặt khó chịu nhất, nói:

"Cậu muốn nói mẹ tôi phải không?"

"À, phải đấy!" tôi nói.

"À, nhưng mà chúng tôi hèng kém lắm, cậu hiểu không" - hắn đáp - "và vì chúng tôi rất biết sự hèng kém của chính mình nên chúng tôi bắt buộc phải chú ý không để cho những người không hèng kém dồn vào góc tường. Thưa cậu, trong vấn đề ái tình tất cả mọi mưu mô đều tốt".

Hắn giơ hai bàn tay to tướng lên cho đến khi hai bàn tay sờ lên cằm khe khẽ kỳ ở cằm và cười khúc khích và trông hắn giống một con khỉ độc ác hơn bất kỳ một người nào trên đời.

"Cậu ạ", hắn nói, vẫn tiếp tục vuốt ve mình một cách xấu xí như vậy trong khi lắc đầu về phía tôi,

“Cậu là một đối thủ hết sức nguy hiểm, cậu Copơphin ạ! Xưa nay cậu vẫn là con người như thế. Cậu hiểu chứ?”

“Có phải vì tôi mà anh phải theo dõi cô Uýchcơphin và không cho phép cô ta cảm thấy mình tự do ở ngay trong nhà của cô ta có phải không?” tôi hỏi.

“Ồ! Cậu Copơphin, đó là những lời quá nghiêm khắc”, hắn đáp lại.

“Anh muốn diễn đạt ý nghĩ của tôi bằng những chữ nào thì tùy ý anh. Anh Uria, anh biết rõ chẳng kém gì tôi cái điều tôi muốn nói”.

“Ồ, không, cậu phải nói ý kiến của mình chứ!” hắn nói, “ồ! thực đây mà! Tôi không biết được đâu”.

“Anh tưởng rằng…” tôi nói cố gắng tỏ ra rất ôn hòa và bình thản đối với hắn “…tôi không xem cô Uýchcơphin chỉ là một cô em gái rất thân phải không?”

“Cậu Copơphin ạ, cậu biết rằng tôi không bắt buộc phải trả lời câu hỏi ấy. Có thể là không, cậu hiểu chứ. Nhưng cũng có thể là có”.

Tôi không bao giờ thấy một cái gì hèn hạ và tinh ranh như đôi mắt nông choèn choẹt không có lấy một sợi lông mày của hắn.

“Thôi được, tôi nói, nếu như vậy, vì cô Uýchcơphin”.

“Nàng Ácnét của tôi!” Hắn kêu lên, người uốn éo quằn quại như một thằng ốm”. Cậu làm ơn gọi nàng là Ácnét, cậu Copơphin ạ!”

“Vì Ácnét Uýchcơphin, cầu Chúa phù hộ cho cô ấy!” “Cảm ơn cậu về lời chúc ấy, cậu Copơphin ạ!” hắn nói xen vào.

“…Tôi muốn nói với anh một điều mà trong những trường hợp khác tôi muốn nói cho ông Jăc Ketsơ[1] còn hơn”.

“Thưa cậu, ai thế?” Uria vươn dài cổ và lấy bàn tay che lỗ tai.

“Với tên đao phủ”. Tôi đáp, “Với con người mà tôi có thể nghĩ đến”. Tuy vậy bộ mặt của hắn đã khiến cho tôi nghĩ đến điều này một cách tự nhiên. “Tôi đã hứa hôn với một cô gái khác, tôi hy vọng điều đó làm anh bằng lòng”.

“Cậu có thề với tôi không?” Uria hỏi.

Tôi khó chịu sắp sửa khẳng định lời tuyên bố của mình theo như hắn yêu cầu bỗng hắn nắm lấy tay tôi và xiết chặt.

“Ồ! Cậu Copơphin”, hắn nói, “giá cậu cũng hạ cố cho tôi biết tâm sự của cậu khi tôi bộc lộ tất cả tâm sự của tôi với cậu vào tối hôm tôi đã quấy rầy cậu bằng cách ngủ trước lò sưởi phòng khách nhà cậu thì tôi đã chẳng bao giờ nghi ngờ cậu. Trong tình hình hiện tại, tôi cam đoan với cậu rằng tôi sẽ rút ngay mẹ tôi và tôi rất sung sướng được làm thế. Tôi biết rằng cậu tha thứ cho những sự đề phòng của tình yêu chứ? Cậu Copơphin, rất tiếc là cậu không hạ cố bộc lộ tâm sự khi nghe những lời tâm sự của tôi! Tôi cam đoan với cậu rằng tôi đã để cho cậu có tất cả mọi dịp có thể bộc lộ. Nhưng cậu không bao giờ hạ cố đến tôi như tôi có thể mong muốn. Tôi biết rằng cậu không bao giờ yêu tôi như tôi yêu cậu…”

Suốt thời gian ấy, hắn vẫn xiết chặt tay tôi với những ngón tay ướt nhờn nhờn trong khi tôi cố gắng tìm mọi cách rút tay ra một cách lịch sự. Nhưng tôi không đạt được kết quả nào hết. Cuối cùng, hắn

kéo bàn tay tôi xuống dưới ống tay của cái áo khoác mầu tím sẫm và tôi gần như bắt buộc phải khoác tay hắn mà đi.

"Chúng ta quay lại chứ?" Uria nói và bắt tôi quay mặt về phía thành phố lúc này những ánh sáng đầu tiên của mảnh trăng non đang lấp lánh làm những cánh cửa kính ở xa ánh lên như bạc.

"Trước khi chúng ta bàn đến chuyện khác, anh phải biết", tôi nói, phá vỡ sự im lặng khá dài khá lâu - "rằng tôi xem Ácnét Uýchcơphin cao hơn *anh* và cách xa tất cả những khát vọng của *anh* cũng như mặt trăng kia."

"Nàng thật là dịu dàng! Có phải không?" Uria nói: "Đúng thế! Cậu Copơphin, cậu hãy thú nhận rằng cậu không bao giờ yêu tôi như tôi yêu cậu. Ngay từ lúc đầu cậu đã thấy tôi quá hèn hạ, có phải không, chắc hẳn thế?"

"Tôi không thích người ta lải nhải đến chuyện hèn hạ". Tôi đáp lại. "Cũng không thích nghe nói lải nhải đến tất cả những chuyện khác".

"Đúng rồi", Uria nói, dưới ánh trăng mặt hắn trông nhợt nhạt mầu chì. "Tôi cũng biết thế lắm chứ! Nhưng cậu Copơphin, cậu rất ít nghĩ đến tình trạng hèn kém rõ ràng của một người ở địa vị như tôi. Cha con tôi đều được nuôi trong một trường học tế bần, và mẹ tôi cũng được nuôi trong một thứ nhà làm phúc của nhà nước. Từ sáng đến chiều, người ta đã dạy cho chúng tôi nhiều điều và theo tôi biết không điều gì khác quan trọng hơn là chúng tôi phải tỏ ra hèn kém đối với người này, tỏ ra hèn kém đối với người khác, phải cất mũ ở đây, phải cúi chào ở đó… phải luôn luôn nhớ địa vị của mình và phải hạ mình trước những người trên. Và số người trên đông vô kể. Nhờ tỏ ra hèn kém, cha tôi đã được một huy chương giảng tập viên. Tôi cũng thế. Nhờ tỏ ra hèn kém cha tôi đã được làm một người coi sóc trong nhà thờ. Trong cái giới lịch sự cha tôi được tiếng là một người có giáo dục cho nên người ta quyết định cho cha tôi vào giới này. Uria, hãy tỏ ra hèn kém!" cha tôi bảo tôi - "và con sẽ sống được!" Đó là điều người ta luôn nhắc cha con tôi ở trường học, đó là điều thích hợp nhất. Cha tôi bảo tôi "hãy tỏ ra hèn kém và con sẽ thành đạt!" và quả thực kết quả cũng không tồi!"

Lần đầu tiên tôi biết rằng cái lối giả vờ tỏ ra hèn kém rất dễ ghét như thế có lẽ bắt nguồn từ gia đình của Híp. Tôi đã thấy kết quả nhưng chưa bao giờ nghĩ đến nguyên nhân.

"Khi còn là một đứa trẻ nhỏ", Uria nói, "tôi đã được hiểu sự hèn kém là có ích như thế nào và tôi thiên về mặt ấy. Tôi ngậm đắng nuốt cay một cách ngon lành. Về mặt học vấn tôi đã dừng lại ở một trình độ hèn kém và tôi tự nghĩ: "Hãy giữ vững!". Khi cậu đề nghị dạy tiếng La-tinh cho tôi, tôi không nghe theo. Cha tôi bảo tôi: "Người ta rất thích ngồi trên đầu mình, mình chớ có ngoi lên", cậu Copơphin ạ, hiện nay tôi vẫn rất hèn kém, nhưng tôi có được một ít quyền lực".

Và trong khi nói như vậy, nhìn mặt hắn ở dưới ánh trăng, tôi biết hắn kiên quyết sử dụng quyền lực để bù đắp lại sự khó nhọc. Tôi chưa bao giờ ngờ vực về tâm địa thấp hèn, về sự tinh ranh quỷ quyệt của hắn, nhưng lần này là lần đầu tiên tôi hiểu cuộc sống bị đè nén từ nhỏ và trong một thời gian dài đã làm cho hắn có một đầu óc hèn hạ, nghiệt ngã và hằn học như thế nào.

Trong khi bộc lộ lai lịch của hắn, hắn có vẻ thích thú đến nỗi rút bàn tay lên để có thể xoa xoa lên cằm. Một khi cánh tay tôi được thoát nợ, tôi kiên quyết giữ mãi như vậy, và chúng tôi bước về nhà, đi bên cạnh nhau, chỉ nói rất ít.

Không biết có phải tâm trạng hắn phấn chấn lên do chỗ tôi bộc lộ tâm sự với hắn, hay do chỗ hắn vừa nhìn lại quá khứ hay không; nhưng có một điều gì làm cho hắn đắc chí. Vào bữa ăn chiều, hắn nói nhiều hơn mọi ngày, hắn hỏi mẹ hắn (từ khi chúng tôi trở về nhà bà ta không phải lo theo dõi tôi nữa)

xem có phải hắn lớn tuổi rồi nên không thể cứ độc thân mãi hay không và hắn nhìn Ácnét một cái nhìn làm tôi sẵn sàng vất bỏ tất cả để được phép quật ngã hắn.

Khi chỉ còn ba người đàn ông chúng tôi sau bữa ăn chiều, hắn lại càng có vẻ liều lĩnh hơn. Hắn uống rất ít rượu hay không uống gì hết, và tôi cho rằng sở dĩ hắn làm như vậy chỉ vì hắn ngạo nghễ về sự đắc thắng. Tâm trạng này, có lẽ bị kích thích lo chỗ hắn muốn khoe khoang điều đó trước mặt tôi.

Hôm trước tôi đã thấy hắn tìm cách lôi cuốn ông Uýchcơphin uống rượu; và nhìn cái nhìn của Ácnét hướng về phía tôi khi nàng bước ra, tôi chỉ uống một cốc rượu rồi đề nghị chúng tôi đi theo nàng. Tối hôm nay tôi cũng muốn làm như thế, nhưng Uria tinh khôn hơn tôi:

"Thưa ông, chúng tôi chẳng mấy khi gặp vị khách hiện nay", hắn nói với ông Uýchcơphin đang ngồi ở đầu bàn thành một bức tranh đối lập với hắn và tôi đề nghị, "chúng ta hãy chúc mừng ông khách bằng cách uống thêm một hai cốc rượu, nếu như cậu không phản đối. Cậu Copơphin, xin chúc cậu có sức khỏe và hạnh phúc".

Tôi đành phải làm ra vẻ nắm lấy bàn tay hắn chìa qua bàn cho tôi bắt, và với những cảm xúc khác hẳn, tôi nắm bàn tay con người đã gẫy gục, là người cộng tác của hắn.

"Nào ông bạn cộng tác", Uria nói, "nếu như tôi được phép… chắc ông đề nghị uống một cốc rượu khác chúc mừng một điều gì làm cậu Copơphin thích thú".

Tôi không kể chuyện ông Uýchcơphin đề nghị uống rượu chúc sức khỏe của cô tôi, rồi của ông Đích, rồi của Pháp-viện, của Uria, và cứ mỗi lần như vậy ông uống hai cốc. Tôi không muốn nhắc đến việc ông nhận rõ sự bất lực của mình và cố gắng tuyệt vọng chống lại tình trạng này, tôi không nhắc đến cuộc đấu tranh trong người ông giữa tình trạng xấu hổ trước cách ăn nói của Uria với ý muốn làm vừa lòng hắn; đến cái vẻ thích thú lộ liễu của Uria đang hành hạ, dằn vặt ông và đẩy ông ra trước chúng tôi. Nhìn cảnh tượng ấy tôi rất đau lòng và bàn tay của tôi tức tối không muốn viết. Cuối cùng Uria nói:

"Nào ông bạn cộng tác. Tôi xin đề nghị uống chúc mừng sức khỏe một người khác và tôi hèn hạ yêu cầu uống những cốc lớn bởi vì tôi muốn nói đến người đàn bà kỳ diệu nhất trên đời".

Người cha của Ácnét cầm trong tay cái cốc không. Tôi thấy ông ta đặt cốc xuống bàn nhìn bức chân dung giống hệt như nàng, sờ tay lên trán, và ngả người ra phía sau, trên ghế bành. Uria nói tiếp:

"Tôi là một người rất hèn kém, không thể đề nghị chúc sức khỏe của nàng, nhưng tôi cảm phục,… tôi tôn thờ nàng".

Tôi có cảm tưởng rằng mọi đau khổ về thể xác mà người cha của Ácnét đã chịu đựng đều không thể nào kinh khủng cho bằng nỗi đau đớn về tinh thần mà ông đang chịu đựng, trong khi lấy hai tay ôm lấy đầu.

"Ácnét", Uria nói, có lẽ vì hắn không nhìn ông Uýchcơphin, hay vì hắn không hiểu bản chất của cử chỉ của hắn, "tôi dám nói vậy, Ácnét Uýchcơphin là người đàn bà tuyệt diệu nhất. Tôi có được phép nói một cách cởi mở ở giữa những người bạn hay không? Làm cha nàng là một vinh dự lớn. Nhưng làm chồng nàng…"

Ước gì tôi không bao giờ phải nghe lại một tiếng kêu như tiếng người cha Ácnét kêu lên khi ông đứng lên rời khỏi bàn!

"Có việc gì thế?" Uria Híp hỏi, mặt tái như gà cắt tiết - "ông Uýchcơphin, dẫu sao ông cũng không hóa điên chứ? Nếu tôi nói rằng tôi có tham vọng biến cô Ácnét của ông thành nàng Ácnét của tôi thì tôi

cũng có quyền như bất kỳ ai. Tôi lại có quyền hơn bất kỳ ai hết!"

Tôi giơ tay ôm lấy người ông Uýchcơphin, cầu xin ông nhân danh tất cả những cái gì tôi nghĩ đến, nhất là nhân danh tình yêu của ông đối với Ácnét, xin ông hãy bình tâm một ít. Nhưng trong lúc này, ông như hóa điên hóa dại, bứt tóc bứt tai, lấy tay đập vào đầu, tìm cách ẩy tôi ra và vùng ra khỏi cánh tay tôi… không một lời, không nhìn ai, vùng vẫy sờ soạng không biết cái gì, gương mặt nhớn nhác và hoảng hốt… cảnh tượng thực kinh khủng.

Tôi van xin ông một cách lộn xộn nhưng hết sức tha thiết hãy trấn tĩnh lại và nghe tôi. Tôi cầu khẩn xin ông hãy nghĩ đến Ácnét, xin ông nghĩ đến tôi khi nghĩ đến nàng, xin ông nhớ Ácnét và tôi đã lớn lên bên nhau như thế nào, tôi đã tôn kính và yêu quý nàng như thế nào, nàng là niềm tự hào và niềm vui của ông như thế nào. Tôi cố gắng làm ông nhớ Ácnét dưới bất kỳ hình dáng nào. Thậm chí tôi trách ông không có đủ cương quyết để cho con gái khỏi phải nhìn một cảnh tượng như thế.

Có thể tôi đã gây được một ảnh hưởng nào đó hay có lẽ cơn hoảng hốt của ông dịu dần đi nhưng dần dần ông ít dãy dụa hơn và ngẩng đầu nhìn tôi… lúc đầu thì nhớn nhác nhưng sau ông nhận ra tôi. Cuối cùng ông nói:

"Anh Copơphin ơi, tôi biết, tôi biết đứa con yêu quí của tôi và anh… nhưng anh hãy nhìn cái thằng kia!"

Ông chỉ Uria mặt tái nhợt và dễ sợ ở trong một góc. Rõ ràng hắn đã trù tính quá sai và đang ngạc nhiên, ông Uýchcơphin nói:

"Anh hãy nhìn tên đao phủ của tôi. Vì nó, tôi đã dần dần mất hết tên tuổi, danh tiếng, nghỉ ngơi, yên tĩnh, nhà cửa và gia đình".

"Tôi đã giữ cho ông có được danh tiếng, tên tuổi, yên tĩnh và nghỉ ngơi, giữ cả nhà cửa và gia đình cho ông nữa", Uria nói với vẻ mặt cáu kỉnh vội vã, thất bại của một người đang tìm cách dàn xếp. "Ông Uýchcơphin ạ, ông đừng có ngốc nữa. Nếu như tôi đã đi hơi quá xa, vượt quá điều ông có thể đoán trước thì tôi vẫn có thể bước lùi lại chứ sao? Điều đó có hại gì?"

Tôi đã tìm một động cơ duy nhất ở tất cả mọi người" - ông Uýchcơphin nói - "và tưởng rằng tôi đã ràng buộc hắn với tôi vì lý do quyền lợi. Nhưng anh xem, hắn như thế nào… ồ, anh xem hắn như thế nào…

"Anh Copơphin ạ, nếu như anh, có thể làm, anh nên làm cho ông ấy im lặng thì hơn" Uria kêu lên, giơ ngón tay trỏ dài chỉ về phía tôi. "Ông ta sẽ nói một điều… lẩn thẩn đấy! Một điều mà sau đó ông ta sẽ hối tiếc đã nói ra và anh cũng sẽ hối tiếc đã nghe thấy!"

"Tôi sẽ nói bất kỳ điều gì!" ông Uýchcơphin kêu lên tuyệt vọng. "Nếu như tôi bị anh hành hạ tại sao tôi lại không bị mọi người hành hạ?"

"Cẩn thận đấy, tôi nói cho ông biết!"

Uria nói, vẫn tiếp tục đe dọa tôi. "Nếu anh không bịt miệng ông ta lại thì anh không phải là bạn ông ta đâu!… Ông Uýchcơphin, tại sao ông lại không ở dưới quyền mọi người? Bởi vì ông có cô gái… tôi và ông biết một việc có phải không nào? Đừng có quấy rầy con chó đang ngủ! Ai muốn thức nó dậy? Tôi không làm ông không thấy rằng tôi đã tỏ ra hết sức hèn kém hay sao? Tôi đã bảo ông rằng tôi rất lấy làm tiếc nếu tôi ra đi quá xa kia mà! Ông còn đòi gì nữa?"

"Ồ! Anh Trốtút, anh Trốtút ơi!" ông Uýchcơphin kêu lên vừa nói vừa vặn tay. "Từ ngày tôi thấy anh lần đầu tiên trong ngôi nhà này cho đến nay, tôi đã kém đi nhiều lắm! Lúc ấy tôi đang ở trên con

đường dốc, nhưng từ dạo ấy đến nay tôi đã đi qua một con đường kinh khủng quá! Vì yếu đuối và thờ ơ, tôi đã đi đến chỗ chết. Tôi đã quá thờ ơ chỉ nghĩ đến kỷ niệm, muốn quên hết cả. Nỗi đau khổ mà tôi cảm thấy về cái chết của mẹ cháu đã trở thành một căn bệnh; tình yêu tự nhiên của tôi đối với con gái đã trở thành một căn bệnh. Tôi đã khiến cho mọi vật tôi chạm đến đều lây bệnh. Tôi đã gây nên điều bất hạnh cho con người mà tôi yêu tha thiết, tôi biết thế… và anh cũng biết thế! Tôi tưởng đâu rằng tôi có thể yêu chân thành một người duy nhất trên đời và không yêu ai nữa; tôi tưởng đâu rằng tôi có thể khóc than chân thành một người duy nhất trên đời đã quá cố và không đếm xỉa gì đến những nỗi đau buồn của tất cả những ai khóc than. Và thế là bài học của đời tôi đã thành đau đớn. Như vậy, tôi đã phá hoại con tim yếu đuối và hèn nhát của mình, và nó đã phá hoại tôi. Tôi đã hèn hạ trong nỗi đau buồn, hèn hạ trong tình thương, hèn hạ vì một cách khốn nạn để trốn tránh tình trạng đen tối nhất của cả hai tình cảm ấy. Anh hãy nhìn xem tôi bị suy sụp thế nào, và hãy căm ghét tôi đi, trốn tránh tôi đi".

Ông ta buông người rơi phịch xuống ghế và khóc thút thít. Sự kích thích vừa làm ông ta bùng lên nay đã biến mất. Uria bước ra khỏi cái góc của hắn.

"Tôi không biết trong tình trạng đờ đẫn tôi đã làm những gì" ông Uýchcơphin nói giơ hai tay về phía trước dường như muốn cầu khẩn tôi đừng kết án ông. Hắn biết rõ hơn (ông muốn nói "Uria Híp" vì hắn bao giờ cũng ở cạnh tôi, thì thầm bên tai tôi. Anh thấy tôi mang hắn như đeo một tảng đá ở cổ. Anh thấy hắn trong nhà tôi. Anh thấy hắn trong công việc tôi. Anh vừa nghe hắn nói đấy thôi. Tôi còn cần phải nói gì nữa?"

"Ông không cần phải nói nhiều như thế, không cần phải nói một nửa như thế, không cần phải nói gì hết", Uria nói, giọng vừa thách thức vừa xu nịnh. "Giá ông không uống rượu thì ông sẽ không bực bội đến thế. Ngày mai ông sẽ thấy rõ hơn. Nếu tôi đã nói quá nhiều hay đi quá ý nghĩ của ông thì đã can gì chưa? Tôi không nhấn mạnh cơ mà!"

Cánh cửa mở ra và Ácnét lặng lẽ bước vào, gương mặt không có hột máu, giơ hai tay bá lấy cổ cha và nói giọng kiên quyết: "Ba ạ, ba đang mệt. Ba lại đây với con!" Ông ta gục đầu lên vai con gái dường như bị nỗi nhục nhã nặng nề đè lên người và cùng nàng bước ra khỏi phòng. Cái nhìn của Ácnét chỉ gặp cặp mắt tôi trong giây lát nhưng điều đó cũng đủ: Tôi hiểu rằng nàng đã biết chuyện gì xảy ra. Uria nói:

"Cậu Copơphin ạ, tôi không ngờ thấy ông ta tức tối như vậy. Nhưng không can gì hết. Mai tôi sẽ hòa giải với ông ta. Điều này chỉ có lợi cho ông ta. Tôi đang lo lắng một cách hèng kém đến lợi ích của ông ta.

Tôi không đáp lại và lên gác vào cái căn phòng yên lặng ở đấy Ácnét trước kia vẫn thường ngồi cạnh tôi trong khi tôi đọc sách. Cho đến khuya, không ai đến gần tôi. Tôi cầm một quyển sách và thử đọc. Tôi nghe đồng hồ đánh mười giờ và vẫn đọc nhưng không biết mình đọc những gì. Bỗng Ácnét chạm vào vai tôi:

"Trốtút, ngày mai cậu ra đi từ sáng sớm. Thôi, chúng tôi từ biệt nhau bây giờ đi".

Nàng đã khóc nhưng gương mặt lúc bấy giờ thật yên tĩnh và xinh đẹp.

"Cầu chúa phù hộ cậu!" Nàng nói, và giơ tay cho tôi bắt.

"Ácnét yêu quý", tôi đáp, "mình biết cậu bảo mình đừng nói đến điều xảy ra tối nay… nhưng không phải làm gì sao?"

"Phải tin cậy ở Chúa!" Nàng đáp.

"Mình có thể làm được gì không? Mình là người đến đây với cậu với những nỗi đau buồn nhỏ

nhặt.”

“Nhưng cậu đã làm cho những nỗi buồn của mình nhẹ đi nhiều”. Nàng đáp. “Không! Không phải làm gì cả Trốtút ạ”!

“Ácnét!” tôi nói. “Mình là một người thiếu tất cả những đức tính mà cậu có rất dồi dào (lòng tốt, nghị lực và tất cả những đức tính cao quý nhất). Không biết mình có liều lĩnh quá không khi mình ngờ vực về cậu và khuyên cậu, nhưng cậu biết rằng mình yêu cậu như thế nào và chịu ơn cậu như thế nào! Cậu sẽ không hy sinh mình để vâng theo một tình cảm sai lệch về nhiệm vụ chứ, Ácnét”?

Trong một lát nàng có vẻ cảm động hơn bao giờ hết. Nàng rút tay ra khỏi tay tôi và bước lùi một bước.

“Ácnét, cậu hãy nói với mình rằng cậu không nghĩ như thế! Cậu là người thân thiết với mình hơn là chị em ruột. Cậu hãy nghĩ đến một con tim về già như con tim của cậu và một tình yêu như tình yêu của cậu”.

Ôi! Mãi mãi sau này tôi còn thấy gương mặt ấy xuất hiện trước mắt tôi với cái vẻ thoáng qua, không ngạc nhiên, không trách móc cũng không hối tiếc! Ôi! Mãi về sau tôi còn thấy gương mặt ấy dịu lại nở một nụ cười đáng yêu và bảo tôi rằng nàng không lo sợ gì về mình hết và tôi không cần phải lo lắng gì cho nàng, đoạn nàng từ biệt, gọi tôi là “Anh” và biến mất.

Sáng hôm sau, khi tôi ngồi trên xe ngựa trước cửa quán trọ thì trời hãy còn tối. Ánh sáng ban ngày vừa bắt đầu le lói. Khi chúng tôi sắp sửa ra đi và trong khi tôi còn nghĩ đến Ácnét, tôi bỗng nhìn thấy cái đầu của Uria đang hiện ra bên cạnh xe ngựa trong ánh sáng mập mờ giữa ngày và đêm.

“Cậu Copơphin!” Hắn nói giọng thì thầm nghe ồ ồ trong khi bíu lấy thanh sắt ở mái xe, “tôi nghĩ rằng trước lúc ra đi cậu sẽ sung sướng khi biết tin rằng chúng tôi đã hòa giải với nhau. Tôi đã vào buồng ông ta và tất cả đã được thu xếp ổn thỏa. Đó là vì dù hèng kém tôi cũng có ích cho ông ta như cậu thấy đấy. Và khi nào ông ta không quá chén thì ông ta cũng hiểu lợi ích của mình. Cậu Copơphin ạ, dẫu sao đó cũng là một người thực dễ chịu!”

Tôi bắt buộc phải nói với hắn rằng tôi sung sướng biết Uria đã xin lỗi.

“Ồ! Cố nhiên! Uria nói. Khi người ta hèng kém, cậu hiểu không, thì việc xin lỗi có quan trọng gì đâu? Dễ lắm!”

“Này!” Hắn nói thêm với một cử chỉ giần giật, “Cậu Copơphin có khi nào cậu hái một quả lê trước khi nó chín hay không?”

“Tôi cho rằng có lần tôi đã làm như thế”, tôi đáp.

“Thế thì tối hôm qua tôi cũng đã làm như thế”, Uria đáp. “Nhưng quả lê còn có thì giờ chín. Chỉ cần người ta chăm sóc. Tôi có thể chờ”.

Sau khi gửi lời chào rối rít, hắn bước xuống đúng vào lúc anh xà ích leo lên chỗ ngồi. Theo như tôi biết, hắn đang ăn một cái gì để chống lại cái lạnh của buổi sáng; miệng hắn nhai nhóp nhép dường như quả lê đã chín rồi và hắn đang liếm môi chùn chụt.

---

[1] Tên một đao phủ ở thế kỷ XVIII.

Chương XL
CON NGƯỜI LANG THANG

Tối hôm ấy ở đường Bơckinham chúng tôi nói chuyện rất nghiêm túc về những biến cố gia đình mà tôi đã kể chi tiết ở chương trước. Cô tôi rất quan tâm đến điều ấy và sau đó cô tôi khoanh tay đi đi lại lại trong phòng suốt hơn hai tiếng đồng hồ. Mỗi khi đặc biệt xúc động nào cô tôi cũng thực hiện một kỳ công về đi bộ như thế và tình trạng cảm động nhiều hay ít bao giờ cũng có thể đo theo thời gian đi bộ. Lần này cô tôi cảm động đến nỗi cô thấy cần phải mở cửa phòng ngủ đi đi lại lại suốt hai căn phòng từ đầu tường này tới đầu tường kia. Trong khi ông Đích và tôi vẫn ngồi yên lặng bên ngọn lửa, cô cứ đi đi lại lại trên con đường này với một tốc độ không thay đổi như quả lắc của chiếc đồng hồ.

Khi ông Đích đã đi ngủ và chỉ còn lại cô tôi và tôi, tôi ngồi viết bức thư cho hai cô gái già. Lúc ấy cô tôi đi đã mệt, ngồi xuống cạnh ngọn lửa gấu áo vén lên như mọi ngày. Nhưng cô không ngồi theo kiểu mọi ngày tay cầm cái cốc rượu đặt trên đầu gối mà để nó nằm yên trên lò sưởi, chống khuỷu tay trái lên cạnh tay phải và đặt cằm lên bàn tay trái, cô nhìn tôi có vẻ đăm chiêu.

Mỗi lần tôi ngước mắt rời khỏi trang giấy, tôi lại bắt gặp mắt của cô tôi.

"Cô rất thương cháu, cháu ạ". Cô tôi khẽ gật đầu để khẳng định điều đó.

"Nhưng cô lo lắng và buồn".

Tôi bận bịu quá không để ý rằng cô đi ngủ nhưng vẫn để cốc rượu buổi tối - như cô vẫn nói - ở trên lò sưởi không hề đụng đến. Khi tôi gõ cửa phòng để báo cho cô biết điều phát hiện của mình, cô bước đến cửa phòng với cái vẻ còn trìu mến hơn mọi ngày và chỉ nói: "Trốt ạ, tối nay cô không có bụng dạ nào mà uống!" - đoạn lắc đầu quay vào phòng.

Sáng hôm sau, cô tôi đọc bức thư tôi gửi cho hai cô gái già và tán thành. Tôi đem bức thư gửi bưu điện và chỉ còn cách cố hết sức kiên nhẫn đợi thư trả lời. Tôi vẫn ở trong tình trạng chờ đợi như vậy trong gần một tuần lễ, và một buổi chiều tuyết xuống, tôi rời khỏi nhà bác sĩ đi bộ về nhà.

Ngày hôm ấy gió lạnh và ngọn gió Đông Bắc lạnh buốt đã thổi về ít lâu. Khi đêm đến thì gió cũng hết và tuyết rơi. Tôi còn nhớ tuyết rơi dày và liên tiếp, những bông tuyết lớn rơi xuống làm thành một lớp tuyết dày đặc. Tiếng bánh xe và tiếng chân bước nhẹ đi, tựa hồ như đường sá phủ một lớp lông chim cũng dầy như vậy.

Lối đi ngắn nhất về đến nhà (dĩ nhiên trong một buổi chiều như chiều hôm ấy tôi theo lối đi ngắn nhất) chạy qua con đường Xanh Mactanh. Ngôi nhà thờ căn cứ vào đó người ta đặt tên con đường này lúc bấy giờ chật chội hơn bây giờ bởi vì trước mặt nó không có một chỗ trống nào và con đường đi quanh co về phía Xtranđơ.

Trong khi đi qua trước những bậc thềm của ngôi nhà thờ, tôi gặp một gương mặt đàn bà ở góc phố. Bộ mặt ấy nhìn tôi rồi đi qua một con đường hẹp và biến mất. Tôi nhớ mang máng đã thấy nó ở đâu đấy, nhưng không còn nhớ ở nơi nào. Nó gợi cho tôi một kỷ niệm nào đó, đã từng làm tim tôi đau nhói nhưng tôi đang nghĩ đến một điều khác khi nó xuất hiện trước mặt tôi nên không nhớ được.

Trên bậc thềm nhà thờ có một người đang cúi xuống, đặt một vật nặng lên lớp tuyết trơn để sửa nó lại cho ngay ngắn. Ngay cùng một lúc tôi thấy mặt người đàn bà và mặt người ấy. Có lẽ tôi đã không dừng lại mặc dầu tôi ngạc nhiên, nhưng dẫu sao tôi vừa đi thì người ấy đứng dậy quay lại và chạy về phía tôi. Trước mặt tôi là ông Pécgôti.

Thế là tôi nhớ ngay ra người đàn bà kia là ai. Đó là Mácta, người mà Emili đã cho tiền đêm xưa ở

trong nhà bếp… Mácta Enđen, người mà theo lời của Ham, dù có cho ông Pécgôti tất cả các kho tàng chôn vùi dưới đáy biển, ông cũng không muốn cho phép gặp cô cháu gái.

Chúng tôi bắt tay niềm nở. Lúc đầu cả hai đều không nói được một lời. Ông nói, nắm chặt tay tôi:

"Cậu Đêvi, được gặp cậu tim tôi nó phấn chấn nên. May mắn quá! May mắn quá!"

"Thực là may mắn ông bạn yêu quý!" Tôi nói.

"Cậu ạ, hôm nay tôi đã định đến hỏi thăm cậu nhưng biết rằng cô cậu ở với cậu… Bởi vì tôi đã đến đấy… đường Yácmao: Tôi sợ đến quá muộn. Ngày mai tôi sẽ nại đến núc sáng sớm cậu ạ, trước khi ra đi".

"Lại đi nữa à?" Tôi hỏi.

"Phải!" Ông đáp và gật đầu có vẻ kiên nhẫn. "Mai tôi nại đi".

"Bây giờ ông định đi đâu?" Tôi hỏi.

"À!" Ông lúc lắc đầu để cho tuyết bám trên cái đầu tóc dài rơi xuống. "Tôi đi đâu đấy tìm chỗ ngủ".

Lúc bấy giờ, gần như đối diện với chỗ chúng tôi đứng có một cánh cửa bên dẫn đến cái sân chuồng ngựa của quán trọ "Chữ thập vàng" (tôi vẫn còn nhớ quán trọ này vì nó gắn liền với biến cố liên quan tới điều bất hạnh của tôi)[1]. Tôi chỉ cho ông ta thấy cái cửa và chúng tôi khoác tay nhau bước qua đường. Hai hay ba hiệu cà phê nhìn ra cái sân ấy. Tôi nhìn vào một cửa hiệu thấy nó vắng tanh và lửa cháy rừng rực, bèn kéo ông vào.

Nhìn ông dưới ánh lửa, tôi thấy không những tóc ông dài ra và rối bù và mặt cũng bị ánh nắng mặt trời làm đen sạm. Tóc ông bạc hơn, những nếp nhăn trên mặt và trán hằn sâu hơn và người ta thấy rõ ông đã đi vất vả trong tất cả các thời tiết khác nhau. Nhưng trông ông vẫn rất khỏe như một con người được nâng đỡ bởi một ý định kiên quyết không có gì làm mỏi mệt được. Ông rũ tuyết trên mũ và trên quần áo, lau tuyết trên mặt trong khi thâm tâm tôi có những nhận xét như vậy. Ông ngồi bên một cái bàn trước mặt tôi, quay lưng ra cánh cửa chúng tôi vừa bước vào và một lần nữa lại giơ bàn tay sần sùi thân mật xiết chặt tay tôi. Ông nói:

"Cậu Đêvi ạ! Tôi sẽ kể cho cậu nghe tất cả những nơi mà tôi đã đến và tất cả những điều tôi đã nghe. Tôi đã đi xa, và tôi không biết được nhiều, nhưng tôi sẽ kể tất cả cho cậu nghe".

Tôi rung chuông sai mang lên một thức gì nóng để uống, ông không muốn uống thứ gì mạnh hơn bia và trong khi người ta mang bia đến và nấu bia trên ngọn lửa, ông ngồi hút thuốc. Trên gương mặt ông có vẻ trầm tư nghiêm nghị rất đáng yêu nên tôi không dám quấy rầy.

"Khi cháu nó còn nhỏ", ông nói, ngẩng đầu lên ngay sau khi chỉ còn lại hai chúng tôi, "Cháu nó hay nói với tôi về biển cả và về những bờ biển ở đấy mặt biển đen sẫm lại và chạy dài, sáng rực dưới ánh sáng mặt trời. Nhiều khi tôi nghĩ rằng vì cha cháu chết đuối nên cháu nghĩ đến biển như thế. Anh hiểu không, tôi cho nà cháu nó tin… hay có nẽ hy vọng… rằng cha của cháu trôi đến một nơi ở đấy hoa bao giờ cũng nở và cánh đồng bao giờ cũng rực rỡ".

"Có thể đó là một điều tưởng tượng của trẻ con", tôi đáp.

"Ngày cháu nó… bỏ đi", ông Pécgôti nói, "trong thâm tâm tôi biết rằng thằng cha ấy sẽ đưa cháu đến những nước như vậy. Trong thâm tâm tôi cho rằng thằng cha ấy đã kể nại cho nó những chuyện kỳ diệu về những nước ấy và nó sẽ trở thành một bà sang trọng ở đấy và chính bằng những câu chuyện

như vậy mà núc đầu hắn đã khiến cho cháu nó nghe. Khi chúng ta gặp mẹ hắn, tôi đã tin chắc rằng tôi có ný. Tôi đã vượt biển Măng-sơ để sang Pháp và tôi đã đến Pháp như một người trên trời rơi xuống".

Tôi thấy cánh cửa lay động và tuyết bay vào phòng. Tôi thấy nó xê dịch thêm một chút nữa, và một bàn tay nhẹ nhàng lách vào để giữ cho nó vẫn mở.

"Tôi đã tìm được một ông người Anh có quyền thế" ông Pécgôti nói - "và tôi bảo ông ta rằng tôi đi tìm cháu tôi. Ông ta đã giúp cho tôi có đủ giấy tờ cần thiết để tiếp tục cuộc hành trình. Tôi không rõ người ta gọi nà gì - và ông ta muốn cho tôi tiền, nhưng về điểm này tôi cám ơn ông ta, tôi không cần. Tôi cam đoan với cậu rằng tôi đã cám ơn ông ta một cách nhiệt tình về tất cả những điều ông đã nàm. Ông bảo tôi: "Tôi đã viết thư cho những nơi mà ông phải đi qua và tôi sẽ nói về ông cho nhiều người đi về phía ấy và khi ông đến đấy sẽ có nhiều người biết ông mặc dầu ở cách đây rất xa". "Tôi bảo rằng tôi hết sức cám ơn ông và tôi sang Pháp".

"Một mình và đi chân à?" Tôi nói.

"Thường thường thì đi chân", ông đáp. "Đôi khi đi xe bò với những người đi chợ, đôi khi đi trong những chiếc xe ngựa không có khách. Tôi đã đi bộ một ngày không biết bao nhiêu dặm, và nhiều khi cùng đi với một người lính nghèo hay với một người nào đó đi du lịch thăm bè bạn. Tôi không nói chuyện được với họ" - ông Pécgôti nói, "và họ cũng thế, tuy nhiên chúng tôi vẫn đi cạnh nhau trên những con đường đầy bụi".

Nghe giọng nói thân mật của ông, tôi cũng đoán được điều đó. Ông nói tiếp:

"Đến thành phố nào, tôi cũng tìm quán trọ và ngồi đợi ngoài sân cho đến khi có một người nào đó (điều này hay xảy ra) biết tiếng anh. Thế rồi, tôi kể cho người ấy nghe tôi đi tìm con cháu và họ bảo tôi những người trong nhà nà những người như thế nào và tôi đợi xem có người nào giống như cháu nó đi ra hay đi vào không. Khi tôi thấy không có Emili tôi nại nên đường. Dần dần khi tôi đến một nàng mới, tôi nhận thấy rằng những người nghèo ở đây đã nghe nói đến tôi. Họ cho tôi ngồi trước cửa ngôi nhà nhỏ bé của họ và họ cho tôi ăn tất cả những gì họ có thể ăn và uống và họ chỉ cho tôi chỗ ngủ. Có nhiều người đàn bà, cậu Đêvi ạ, có một đứa con gái trạc tuổi Emili và tôi thấy họ chờ tôi ở dưới chân thánh giá của đấng cứu thế ở cổng nàng và đối xử với tôi cũng tốt như vậy. Có những người có con gái chết. Và chỉ có Chúa mới biết các bà mẹ ấy đã tốt với tôi như thế nào".

Người đứng ngoài cửa là Macta. Tôi thấy rõ ràng vẻ mặt chăm chú và ngơ ngác của chị. Tôi sợ rằng ông quay đầu và cũng nhìn thấy, ông Pécgôti nói:

"Những người ấy thường đặt con của họ, đặc biệt những đứa con gái nhỏ, lên đầu gối tôi; và đã nhiều nần cậu có thể thấy tôi ngồi trước cửa khi đêm xuống dần, dường như những đứa trẻ ấy nà con của cháu tôi. Ồ! Con của cháu tôi…"

Bị một nỗi đau đớn đột ngột làm xúc động, ông khóc rưng rức. Tôi để bàn tay run lẩy bẩy của tôi lên bàn tay ông để trước mặt.

"Cảm ơn cậu, cậu đừng để ý tới điều đó".

Sau một lát, ông lại rút tay để lên ngực và tiếp tục câu chuyện.

"Thường thường họ đi với tôi hai ba dặm vào buổi sáng và khi chúng tôi chia tay, tôi bảo họ: "Tôi rất cám ơn các ông, cầu Chúa phù hộ các ông" và bao giờ họ cũng có vẻ hiểu tôi và trả nời một cách dễ thương. Cuối cùng, tôi đã đến bờ biển. Anh thừa hiểu đối với một dân biểu não nuyện như tôi, việc tìm cách sinh sống để sang Ý không phải nà chuyện khó. Khi tôi đến đấy, tôi vẫn tiếp tục đi nang thang như trước. Những người Ý cũng tốt với tôi như vậy và nẽ ra tôi đã đi hết thành phố này đến thành phố

khác, có nẽ tôi đã đi hết cả nước Ý, nếu tôi không nghe tin rằng người ta đã thấy nó ở giữa những ngọn núi ở Thụy-sĩ. Có người biết tên đầy tớ của hắn và đã thấy cả ba, và đã giải thích cho tôi biết bọn này đã du nịch như thế nào và đang ở đâu. Tôi bèn đi về phía những ngọn núi ấy, cậu Đêvi ạ, không kể ngày đêm, nhưng tôi càng tiến bước thì những ngọn núi kia càng có vẻ nùi nại. Cuối cùng tôi đi đến những ngọn núi và tôi vượt qua. Khi tôi đến gần nơi người ta đã bảo cho tôi biết, tôi bắt đầu tự hỏi: "Khi tôi gặp nó tôi sẽ nàm gì bây giờ?"

Gương mặt chăm chú, không kể gì đến đêm tối tàn nhẫn vẫn cúi đầu về phía cánh cửa hé mở và hai bàn tay của chị cầu khẩn tôi… đừng đuổi chị đi. Ông Pécgôti nói:

"Tôi không bao giờ ngờ vực cháu nó cả. Không, không chút nào hết. Tôi chỉ muốn cháu nó nhìn thấy mặt tôi… cháu nó nghe giọng nói của tôi… Tôi chỉ muốn rằng khi xuất hiện trước mặt nó tôi có thể nhắc nó nhớ nại cái tổ ấm mà nó đã bỏ trốn và đứa bé xưa kia nà nó… và dù cho nó có trở thành một cô công chúa thuộc gia đình nhà vua, nó cũng sẽ quỳ dưới chân tôi! Tôi biết điều đó nắm! Đã nhiều nần trong giấc ngủ tôi đã nâng nó dậy và thì thầm vào tai: "Cháu Emini ơi, cậu đến đây để tha nỗi cho cháu và đưa cháu về nhà!"

Ông dừng lại thở dài rồi tiếp tục:

"Đối với tôi, hiện nay *thằng ấy* không có nghĩa ný gì hết. Emini nà tất cả. Tôi đã mua cho cháu nó một cái áo nhà quê để nó mặc và khi tìm được nó, nó sẽ bước cạnh tôi trên những con đường sỏi đá và nó sẽ đi đến bất kỳ nơi nào tôi muốn và không bao giờ, không bao giờ nó sẽ rời bỏ tôi nữa. Mặc cho nó cái áo ấy, vứt bỏ cái áo nó mang trên người… nại khoác tay nó đi về cái ngôi nhà… đôi khi nại dừng nại trên đường để… băng bó đôi chân sưng húp của nó và con tim còn đau xót hơn… Bây giờ tôi chỉ nghĩ đến điều đó mà thôi… Tôi không tin rằng tôi thèm niếc nhìn thằng ấy một nần… Nhưng cậu Đêvi ạ, điều đó vẫn chưa xảy ra! Tôi đến quá chậm, và họ đã đi mất. Đi đâu? Người ta không thể nói cho tôi biết. Người bảo nơi này, người bảo nơi khác. Tôi đã đi đến nơi thứ nhất, tôi đã đi đến nơi thứ hai nhưng tôi không thấy Emini và tôi trở về nhà".

"Được bao lâu?" tôi hỏi.

"Đâu độ bốn ngày nay", ông Pécgôti nói - "tôi đã nhìn thấy chiếc tầu cũ kỹ sau khi trời tối và ánh sáng chiếu ở cửa sổ. Khi tôi đến gần và nhìn qua cửa kính vào trong nhà, tôi thấy bà Gơmmít, con người trung thành kia vẫn ngồi cạnh ngọn nửa như chúng tôi đã bảo bà ngồi đấy, một mình. Tôi kêu: "Đừng sợ, Đanien đây! và tôi bước vào. Tôi không bao giờ nghĩ đến chiếc tàu cũ kỹ nại có thể xa nạ đối với tôi như vậy".

Từ trong túi áo ông rút ra một gói giấy nhỏ gồm hai hay ba bức thư hay những gói nhỏ và ông đặt lên bàn:

"Bức thư này đến đầu tiên - ông nói và chọn ra một bức thư", không đầy một tuần nể sau khi tôi ra đi… Một tờ ngân phiếu 50 bảng gói trong một tờ giấy gửi cho tôi được nuồn vào cửa trong lúc đêm tối. Nó giả vờ dấu chữ viết của nó, nhưng nó không thể giấu tôi được", ông gấp ngân phiếu lại rất cẩn thận cũng theo đúng nếp gấp rồi đặt lên bàn:

"Bức thư này gửi cho bà Gơmmít" - ông nói, mở một bức thư khác cách đây hai ba tháng. Sau khi nhìn bức thư một lát, ông đưa cho tôi và nói thêm, giọng ồ ồ, "Cậu chịu khó đọc xem".

Bức thư ấy như sau:

"Ôi! Không biết bà cảm thấy gì khi bà thấy nét chữ này và nghĩ rằng nó do bàn tay tội lỗi của cháu viết ra. Nhưng không, xin bà, xin bà (không phải vì cháu mà vì lòng tốt của cậu cháu) hãy để cho con

tim của bà cảm động trong giây phút vì cảnh ngộ của cháu, dù chỉ trong giây phút mà thôi. Cháu xin bà thương hại một đứa con gái khốn khổ và viết trên một mảnh giấy cho cháu biết cậu cháu có mạnh khỏe không và cậu cháu nói gì về cháu trước khi trong nhà bà hoàn toàn không nhắc đến tên cháu nữa… và nếu như buổi chiều, đến giờ cháu về nhà, bà có thấy khi nào cậu cháu có vẻ nghĩ đến con bé xưa kia cậu đã yêu quý nâng niu. Tim cháu tan vỡ khi nghĩ đến điều đó! Cháu quỳ dưới chân bà, cháu van lạy bà đừng đối xử với cháu một cách tàn nhẫn như cháu đáng được đối xử… Cháu biết điều đó lắm, cháu biết cháu đáng bị đối xử như thế lắm… Nhưng xin bà hãy rủ lòng thương và lòng nhân từ viết cho cháu ít chữ về cậu cháu và gửi thư cho cháu. Bà không cần phải gọi cháu là con bé, cũng không cần phải gọi cháu bằng cái tên mà cháu đã bôi nhọ, nhưng xin bà nghĩ đến những đau khổ của cháu, xin bà thương hại cháu, ít nhất đủ để viết cho cháu một lời về người cậu mà không bao giờ, không bao giờ nữa cháu còn gặp lại ở trên đời này".

"Thưa bà, nếu con tim của bà đã thành ghẻ lạnh đối với cháu (ghẻ lạnh là phải, cháu biết lắm)… nhưng xin bà nghe lời cháu một chút, nếu bà không thương hại cháu xin bà hỏi con người mà cháu đã làm cho phải thiệt thòi nhiều nhất, con người mà cháu sẽ là vợ… xin bà hỏi anh ấy trước khi gạt bỏ lời cầu khẩn tội nghiệp của cháu". Nếu bà còn có lòng thương hại để nói rằng bà còn có thể viết ít lời cho cháu đọc (và cháu tin rằng anh ấy, vâng cháu tin rằng anh ấy sẽ vui lòng miễn là bà chịu khó nhờ anh ấy, vì xưa nay anh ấy vẫn độ lượng và nhân từ…) thì bà hãy nói (chỉ lúc ấy mà thôi) rằng khi cháu nghe gió thổi ban đêm, cháu có cảm tưởng rằng nó đến giận dữ sau khi đã thăm cậu cháu và anh ấy rồi gió bay lên trời về phía Chúa để tố cáo cháu. Nhờ bà nói với anh ấy rằng nếu ngày mai cháu phải chết (!) (cháu sẵn sàng chết và vui sướng được chết) thì lời nói cuối cùng là cầu Chúa phù hộ cho anh ấy và cậu cháu. Và hơi thở cuối cùng của cháu là để cầu nguyện cho hạnh phúc của gia đình anh ấy".

Trong bức thư này có một số tiền là… 5 bảng. Số tiền vẫn nguyên vẹn như số tiền trước và ông ta gấp lại theo nếp cũ. Trong lá thư có viết thêm lời chỉ dẫn tỉ mỉ về cách đề địa chỉ trả lời, và mặc dầu nó để lộ sự can thiệp của nhiều người và không cho phép kết luận dễ dàng về nơi nàng ở, nhưng những chỉ dẫn này ít nhất cũng làm người ta đoán được có lẽ nàng đã viết bức thư này từ chỗ chúng tôi nói đã gặp mặt nàng.

"Người ta trả lời như thế nào?" tôi hỏi ông Pécgôti.

"Vì bà Gơmmít không có học thức cho lắm", ông đáp. "Ham đã chịu khó viết thư trả nời rồi sau đó bà ta chép nại. Họ nói với nó rằng tôi đã đi tìm nó và nhắc nại nời nói cuối cùng của tôi".

"Có phải ông cầm một bức thư khác trong tay đây không?" tôi nói.

"Đó là tiền cậu ạ", ông Pécgôti nói mở tờ ngân phiếu một nửa. "Cậu thấy đấy, 10 bảng và ở trong có những chữ "của một người bạn chân thành" cũng như nần trước. Nhưng bức thư thứ nhất chuồi dưới cánh cửa còn bức thư này bưu điện đưa đến hôm kia. Tôi sẽ đi tìm cháu nó căn cứ vào dấu bưu điện đóng.

Ông đưa bức thư cho tôi. Đó là một thành phố ở phía thượng lưu sông Ranh, ở Yácmao ông đã gặp người bán hàng ngoại quốc ông quen biết người ấy và họ đã trao cho ông một tờ giấy vẽ một bản đồ sơ lược mà ông có thể xem rất dễ dàng. Ông trải bản đồ trên bàn giữa ông và tôi và một tay chống cằm, ông lấy tay kia vạch con đường sắp đi.

Tôi hỏi ông sức khỏe Ham thế nào, ông lắc đầu nói:

"Nó nàm việc hết sức can đảm. Tên tuổi nó ở vùng này được kính trọng chẳng kém ai ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Mọi người đều sẵn sàng giúp nó, cậu hiểu không, và nó cũng sẵn sàng giúp mọi người. Người ta không bao giờ nghe nó than thở, nhưng điều này nà nói giữa chúng tôi, em gái tôi tin

rằng nó rất đau khổ".

"Con người tội nghiệp, điều đó là chắc chắn".

"Cậu Đêvi ạ, nó không để ý gì", ông Pécgôti nói giọng trầm và trang nghiêm, "như người ta nói, nó không nghĩ gì đến thân mình. Khi người ta cần đến một người nàm một việc nguy hiểm trong cơn bão táp thì bao giờ nó cũng có mặt. Khi có khó khăn nguy hiểm thì bao giờ nó cũng đi đầu tất cả các bạn. Tuy vậy nó vẫn hiền nành như cục đất. Ở Yácmao không có đứa trẻ nào không biết nó".

Ông thu thập tất cả những bức thư với vẻ mặt tư lự, lấy bàn tay vuốt lại cho thẳng, bỏ vào một cái gói nhỏ và âu yếm đặt vào túi áo trong. Gương mặt ở ngoài cửa đã biến mất. Tôi còn thấy tuyết bay vào, nhưng ngoài ra không còn gì nữa.

"Thế này nhé!" ông nói, đưa mắt nhìn cái túi. "Vì tôi đã gặp cậu tối nay, cậu Đêvi ạ (và điều đó nàm tôi sung sướng, nên đến mai tôi sẽ ra đi vào núc sáng sớm. Cậu đã thấy cái tôi mang ở đây (ông đặt bàn tay lên ngực ở đấy có cái gói nhỏ) tôi chỉ no nắng một điều đó nà tôi sẽ gặp phải điều bất hạnh trước khi trả nại số tiền này. Nếu tôi phải chết, hay nếu số tiền này bị mất đi hay bị đánh cắp, hay nó biến mất một cách khác khiến cho hắn không biết rằng tôi đã từ chối số tiền thì tôi tin rằng thế giới bên kia cũng không thể giữ được tôi đâu. Tôi tin rằng thế nào tôi cũng trở về".

Ông đứng dậy và tôi cũng đứng dậy.

Chúng tôi bắt tay một lần nữa trước khi ra đi.

"Tôi sẽ đi hàng ngàn cây số" - ông nói. "Tôi sẽ đi cho đến khi gục xuống chết… để có thể đặt số tiền này trước mặt hắn. Nếu tôi có thể nàm được thế và tìm nại cháu Emini của tôi, thì tôi sẽ hài nòng. Nếu tôi không thấy cháu nó, có nẽ một ngày kia cháu nó sẽ biết rằng người cậu của nó vẫn yêu thương nó vô cùng đã thôi không tìm nó nữa, vì ngày ông ấy không còn sống nữa; và núc đó, như tôi biết tính nó, cái tin ấy cũng đủ nàm cho nó trở về nhà."

Khi chúng tôi đi ra trong đêm tối rét buốt, tôi thấy cái bóng người cô độc, vội vã trốn trước mặt chúng tôi. Tôi vội vàng mượn một cớ gì đó giữ ông lại để chờ cho bóng kia biến mất.

Ông nói đến một cái nhà chứa khách trọ và sực nhớ đến bộ mặt hồi nãy, tôi sợ hãi đưa mắt tìm quanh quất. Nó không ở đấy. Tuyết đã phủ những dấu chân chúng tôi vừa giẫm, chỉ có dấu chân tôi vừa đi là rõ; và ngay cả dấu chân ấy cũng vùi dần (vì tuyết rơi nhiều) khi tôi ngoảnh lại nhìn.

---

[1] Xem chương 19. Đó là quán trọ ở đấy Đêvit Copơphin đã gặp lại Xtiếcphoóc.

Chương XLI
NHỮNG NGƯỜI CÔ CỦA ĐÔRA

Cuối cùng, tôi nhận được thư trả lời của hai cô gái già. Họ gửi lời chào ông Copơphin và báo cho ông ta biết rằng họ đã xem bức thư của tôi - với sự chú ý thích hợp nhất "vì hạnh phúc của cả hai bên". Tôi xem câu này là một cách nói đáng sợ không những vì họ dùng câu ấy để nói đến sự xung đột trong gia đình như tôi đã nói ở trên, mà còn vì tôi nhận thấy, (như suốt đời tôi vẫn nhận thấy) rằng những công thức có sẵn là một thứ pháo hoa, dễ bắn và có thể có vô số hình dáng và mầu sắc không sao đoán trước được nếu căn cứ vào hình dáng đầu tiên của nó. Các cô Xpenlô nói thêm rằng họ cho rằng họ có nhiệm vụ không phát biểu ý kiến "bằng con đường thư từ" về đề nghị của ông Copơphin; nhưng nếu như ông Copơphin vui lòng tới thăm họ một ngày nào đó (có thêm một người bạn thân, nếu ông cảm thấy cần) thì họ sẽ rất sung sướng được trao đổi qua với ông ta về vấn đề này.

Nhận được đặc ân ấy, ông Copơphin liền gửi lời chào kính cẩn và nói rằng ông ta sẽ mạn phép đến thăm các cô Xpenlô vào ngày đã định, và như họ đã nhã ý cho phép, ông ta sẽ cùng đi với người bạn là ông Tômat Trátđơn, sinh viên trường luật. Sau khi đã gửi bức thư này ông Copơphin rơi vào tình trạng bị kích động mãnh liệt và cứ ở mãi trong tình trạng ấy cho đến ngày đã hẹn.

Nỗi lo lắng của tôi lại càng tăng thêm khi nghĩ rằng trong giờ phút quyết định này tôi thiếu sự giúp đỡ vô giá của cô Min. Nhưng ông Min, con người bằng cách này hay cách khác bao giờ cũng làm cho tôi bực bội (hay ít nhất tôi có cảm tưởng như vậy và điều đó cũng chả hơn gì) đã đạt đến điểm cao nhất trong thái độ này, khi tôi nghĩ rằng ông ta sẽ đi Ấn-độ. Ông ta đi Ấn-độ để làm cái quái gì không biết, nếu như không phải để làm tôi khổ cực? Cố nhiên ông không làm việc gì ở bất kỳ nơi nào trên thế giới, và có nhiều việc phải làm ở Ấn-độ… bởi vì ông hoàn toàn lo việc buôn bán với Ấn-độ dù cho tính chất của việc buôn bán này là thế nào (riêng tôi, tôi có những khái niệm rất mơ hồ về những khăn quàng kim tuyến và những ngà voi), bởi vì ông đã tới Cancútta khi còn trẻ và bây giờ có ý định quay trở lại đấy để làm một người cộng tác thường trú. Nhưng điều này đối với tôi có quan trọng gì? Song ông ta cho rằng nhất thiết phải đi Ấn-độ cùng với Julia Min nên Julia về để từ biệt họ hàng và ngôi nhà của họ đầy những giấy báo sẽ bán hay cho thuê và đồ đạc (kể cả cái trục cán giấy) sẽ được bán đi. Thế là tôi trở thành trò chơi của một trận động đất thứ hai trước khi được hoàn hồn sau trận động đất thứ nhất.

Tôi suy nghĩ lại không biết nên ăn mặc như thế nào vào cái ngày quan trọng này, bởi vì một mặt tôi muốn xuất hiện với cái vẻ có lợi cho tôi, nhưng mặt khác, tôi lại sợ mặc một bộ quần áo có thể khiến cho các cô Xpenlô ngờ vực không cho tôi là một người hết sức đứng đắn. Tôi cố gắng đạt đến một thứ trung gian giữa hai thái cực này, cô tôi tán thành kết quả; và ông Đích ném một chiếc giầy của ông sau lưng Trátđơn và tôi sau khi chúng tôi bước xuống cầu thang để chúc chúng tôi may mắn.

Tuy biết rằng Trátđơn là một cậu hết sức tốt và tuy yêu quý cậu tha thiết, tôi vẫn tiếc rằng trong một trường hợp tế nhị như thế này, cậu vẫn không có thói quen chải cái đầu tóc dựng đứng của cậu. Bộ tóc ấy làm cậu có vẻ ngơ ngác (tôi không muốn nói nó có vẻ một cái chổi), và tôi lo sợ cảm thấy rằng bộ tóc có thể nguy hiểm cho chúng tôi.

Tôi đánh bạo bảo Trátđơn biết điều đó trong khi đi bộ đến Putnây và bảo cậu *chịu khó* làm tóc dẹt xuống một chút.

"Copơphin ạ!" - Trátđơn nói, cất mũ lên và vò đầu bằng mọi cách - "không có gì làm mình thích hơn thế, nhưng không làm sao được".

“Nó không chịu nằm dẹp xuống à?” tôi hỏi.

“Không! Không có cách nào hết!” Trátđơn nói - “Nếu mình phải mang trên đầu một nửa tạ trong suốt đoạn đường từ đây đến Putnây thì ngay vào lúc gánh nặng cất đi là tóc lại dựng lên liền. Copơphin ạ, cậu không có một khái niệm nào về tóc mình hết. Mình đúng là một con nhím”.

Tôi hơi thất vọng, phải thú thật như vậy, mặc dầu rất quý cái bản tính dễ thương của cậu. Tôi bảo cậu rằng tôi rất quý cái bản tính dễ thương của cậu và nói rằng chắc là tất cả tính bướng bỉnh của cậu đều dồn lên bộ tóc hết, vì cậu chẳng còn chút bướng bỉnh nào cả.

“Ồ!” Trátđơn đáp cười khanh khách. Mình cam đoan với cậu rằng bộ tóc khổ sở của mình đã gây nhiều chuyện lắm. Bà mợ mình không sao chịu nổi nó. Bà ta bảo nó làm bà ta phát điên. Nó cũng làm mình gặp nhiều khó khăn khi mình bắt đầu mê Xôphi… Nhiều khó khăn lắm…”

“Cô ta không thích à?”

“Không phải cô ta”, Trátđơn đáp, “nhưng mà cô chị cả, Người đẹp. Cô ta chế nhạo bộ tóc của mình, mình thấy thế. Thực ra thì tất cả các chị em đều chế nhạo”.

“Vui nhỉ”, tôi đáp.

“Ừ!” Trátđơn đáp một cách hết sức hồn nhiên. Nó trở thành một đầu đề cho chúng mình bông đùa. Các bà ấy bảo rằng ở bàn của Xôphi có một món tóc của mình và cô ấy phải giữ nó trong một quyển sách buộc chặt để cho nó đừng dựng lên. Chúng mình cười lăn”.

“À này, cậu tôi nói “kinh nghiệm của cậu có thể có ích cho mình. Khi cậu hứa hôn với cái cô mà cậu nói đấy cậu có phải chính thức đề nghị với gia đình không? Có cái gì giống cái câu chuyện chúng mình sắp làm hôm nay không, chẳng hạn?” tôi hỏi, nóng ruột.

“Ồ!” Trátđơn đáp, gương mặt tư lự bỗng sa sầm lại đượm vẻ mơ màng, “trong trường hợp mình thì việc thu xếp kể cũng đến gay, Copơphin ạ, cậu biết Xôphi là người rất có ích trong gia đình nên không ai có thể nghĩ rằng một ngày kia cô ta lại lấy chồng. Thực ra, thì họ đã hoàn toàn quyết định với nhau rằng cô ta sẽ không bao giờ lấy chồng và họ gọi cô ta là cô gái già. Vì vậy cho nên khi mình nói một cách hết sức thận trọng với bà Crulơ…”

“Có phải mẹ cô ấy không?” tôi hỏi.

“Mẹ cô ấy đấy!”. Trátđơn nói. “Cha cô ấy là mục sư Horat Crulơ… Khi mình nói một cách hết sức thận trọng với bà Cruiơ thì điều đó đã gây nên một ảnh hưởng to lớn đến nỗi bà ta thét lên một tiếng và bất tỉnh nhân sự. Mình không thể nhắc lại vấn đề này trong hàng tháng”.

“Nhưng cuối cùng cậu vẫn nói chứ?” tôi nói.

“Ông mục sư nói đấy”, Trátđơn nói, “ông ta là người rất tốt, gương mẫu về mọi mặt. Với tính cách một người thiên chúa giáo, ông ta vạch cho bà vợ thấy là phải chịu sự hy sinh ấy (nhất là chưa chắc đó đã là hy sinh) và không được có một tình cảm nào đối với mình trái lại với lòng nhân từ. Còn về phần mình, Copơphin ạ, thú thực với cậu, đối với gia đình mình cảm thấy mình đúng là một con diều hâu”.

“Trátđơn, mình hy vọng rằng chị em họ bênh vực cậu chứ?”

“Trời ơi, mình không thể nói rằng họ đã làm thế”, cậu ta đáp. “Khi chúng mình đã gần làm cho bà Cruiơ chấp nhận điều đó, chúng mình phải báo tin ấy cho Xara biết. Cậu còn nhớ mình kể cho cậu nghe Xara là một cô bị bệnh ở xương sống”.

“Đúng rồi!”

“Cô ta nắm hai tay lại”, Trátđơn nói, “nhìn mình bực bội, nhắm mắt lại mặt tái không còn hột máu và người cứng đờ. Suốt hai ngày cô ta chỉ ăn bánh mỳ nướng và uống nước mà người ta cho uống bằng cái thìa cà phê”.

“Người đâu mà dễ ghét thế, Trátđơn?” tôi nói.

“Ồ!” Mình xin lỗi cậu Copơphin ạ!” Trátđơn nói. “Đó là một cô gái hết sức đáng yêu nhưng có nhược điểm là rất dễ cảm. Kể ra, tất cả các cô ấy đều như thế cả. Sau đó, Xôphi bảo mình rằng không có lời nói nào tả hết nỗi hối hận mà cô cảm thấy khi săn sóc Xara. Dựa theo tình cảm của mình, mình biết rằng điều hối hận ấy chắc phải là đau đớn, Copơphin ạ, cũng giống như tình cảm một thằng cha phạm tội. Sau khi Xara bình phục, chúng mình lại phải báo tin với đám người khác và cái tin ấy đã gây cho họ những ảnh hưởng khác nhau, nhưng đều hết sức dữ dội. Hai đứa bé mà Xôphi nuôi nấng chỉ vừa mới hết ghét mình đấy thôi”.

“Dầu sao bây giờ mình cũng hy vọng rằng họ đều chấp nhận điều ấy chứ”, tôi nói.

“Ừ… Ừ! Mình có thể nói rằng nói chung họ đành phải chấp nhận”, Trátđơn nói có vẻ ngần ngại. “Sự thực là chúng mình tránh không nói đến chuyện ấy, và tương lai bấp bênh và địa vị thấp kém của mình đối với họ là một điều an ủi rất lớn. Ngày chúng mình lấy nhau thế nào cũng xảy ra một cảnh khổ tâm. Cảnh ấy sẽ giống đám ma hơn là đám cưới. Tất cả sẽ căm ghét mình khi mình cướp cô ta đi”.

Lúc này khi nhớ lại gương mặt trung thực của cậu nhìn tôi lắc đầu nửa nghiêm trang nửa hài hước, tôi có một ấn tượng mạnh mẽ hơn là lúc đó, bởi vì lúc đó tôi đã rơi vào tình trạng hết sợ hãi lại ngơ ngác đến nỗi không thể nào tập trung chú ý vào bất kỳ cái gì. Khi chúng tôi đến gần ngôi nhà các cô Xpenlô ở, mặt này cũng như tinh thần tỉnh táo của tôi đều kém sút đến nỗi Trátđơn đề nghị tôi uống một cốc bia để phấn chấn lên một chút. Sau khi bắt tôi uống bia ở một quán rượu gần đấy, cậu dẫn tôi, người đi lảo đảo đến cửa nhà các cô Xpenlô.

Khi người đầy tớ gái ra mở cửa, tôi nhớ mang máng hình như tôi bị mọi người nhìn, và tôi đang bước thấp bước cao qua một cái phòng khách lớn có một cái phong vũ biểu, đi đến một phòng khách nhỏ tĩnh mịch nhìn ra một căn phòng sạch sẽ gọn gàng. Tôi cảm thấy hình như mình ngồi trên một chiếc xô-pha. Nhìn đầu tóc của Trátđơn bỗng dựng đứng lên khi cậu ta vừa cất mũ trông chẳng khác gì hình ảnh những con quỉ sứ có cái lò xo bật lên ở những hộp thuốc lá giả mỗi khi người ta mở nắp hộp. Tôi nghe tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ kiểu cũ trên lò sưởi và tìm cách bắt tim tôi đập nhịp theo tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ… nhưng chỉ hoài công. Tôi cũng cảm thấy mình đưa mắt nhìn quanh phòng để tìm dấu vết chứng tỏ sự có mặt của Đôra nhưng không thấy gì cả. Thậm chí, tôi có cảm tưởng rằng Jip sủa ở xa, nhưng có người nào liền bịt miệng nó. Cuối cùng, tôi thấy tôi đẩy Trátđơn đi đến lò sưởi, và cúi mình lúng túng chào hai người đàn bà đứng tuổi nhỏ nhắn khô héo mặc đồ đen mà người nào cũng là một bản sao in hệt của mồ ma ông Xpenlô làm bằng sơn hay nhồi đầy cám. Một trong hai bà nhỏ bé ấy nói:

“Mời ông ngồi.”

Sau khi tôi đã vấp vào người Trátđơn và ngồi xuống một cái gì đấy không phải là một con mèo (vì cái ghế đầu tiên của tôi là một con mèo) tôi vừa có đủ sáng suốt để nhận thấy rằng ông Xpenlô rõ ràng là người trẻ nhất trong gia đình, rằng hai bà chỉ cách nhau sáu hay tám tuổi, và bà trẻ hơn có vẻ lãnh đạo cuộc hội đàm, bởi vì cô ta cầm bức thư của tôi (bức thư ấy đối với tôi rất quen thuộc nhưng cũng kỳ quặc làm sao và bà đang nhìn bức thư qua một cái kính tay - Hai người ăn mặc như nhau nhưng người này mặc một cái áo có vẻ trẻ hơn người kia, và có lẽ vì mang thêm một cái lá sen hay một cái khăn trùm hơi rộng hơn một chút hay một cái trâm, một cái nhẫn, hay một vật gì nhỏ bé đại loại như

vậy nên có vẻ nhanh nhẹn hơn. Hai người đều đứng thẳng tắp, đều kiểu cách, cứng đờ và lặng lẽ. Người không cầm bức thư khoanh tay trước ngực, một tay đặt lên tay kia trông như một bức tượng thánh.

"Chắc ông là ông Copơphin?" Người cầm bức thư của tôi nói với Trátđơn.

Đó là một bước mở đầu đáng sợ. Trátđơn phải nói rằng tôi là ông Copơphin và tôi phải xác nhận lời nói của cậu và hai cô phải từ bỏ cái ý nghĩ sẵn rằng Trátđơn là ông Copơphin và chúng tôi ở trong một tình trạng hết sức ngộ nghĩnh. Để cải thiên tình trạng ấy, chúng tôi nghe Jip sủa hai tiếng ngắn rõ ràng rồi lại bị bịt mồm ngay.

"Ông Copơphin!" người cầm bức thư nói.

Tôi làm một cái gì đó (hình như tôi cúi chào thì phải) và lắng tai nghe, bỗng người kia nói xen vào:

"Cô Lavinia", cô ta nói - "vốn thạo về những vấn đề này, sẽ trình bày những biện pháp mà cô ấy cho là thích hợp để đảm bảo hạnh phúc cho cả hai bên".

Về sau tôi biết rằng cô Lavinia đã trở thành một uy tín về vấn đề tình yêu bởi vì ngày xưa có một ông Pitjơ nào đó hay chơi bài "huýt" nghe đâu đã yêu cô ta. Theo ý kiến riêng của tôi thì giả thiết này chẳng có căn cứ gì và ông Pitjơ hoàn toàn không biết đến loại tình cảm ấy… cũng như không bao giờ biểu lộ tình cảm ấy dưới bất kỳ hình thức nào như tôi có thể biết. Tuy vậy, cô Lavinia và cô Claritxa vẫn yên trí rằng ông ta lẽ ra đã tỏ tình rồi nếu như ông ta không chết non vào giữa tuổi xuân (vào độ lục tuần!) vì đã uống quá nhiều rượu làm cho cơ thể không chịu được, và sau đó để chữa bệnh ông đã uống quá nhiều nước suối. Hai người thậm chí còn ngờ ngợ rằng ông ta chết vì không bộc lộ được tình yêu. Tuy vậy tôi phải nói rằng trong nhà có một bức chân dung của ông ta với cái mũi đỏ hỏn chứng tỏ ông ta không phải vì ôm mối tình không bộc lộ được mà chết. Cô Lavinia nói:

"Chúng ta sẽ không nhắc lại quá khứ của câu chuyện này. Cái chết của em Franxit tội nghiệp đã xóa bỏ tất cả".

"Chúng tôi không hay đi lại với em Franxit", cô Claritxa nói, "nhưng giữa chúng tôi không có điều gì bất hòa hay chia rẽ thực sự. Franxit đi con đường của mình, chúng tôi đi con đường của chúng tôi. Chúng tôi cho làm thế là tốt hơn cho hạnh phúc của cả hai bên. Và chúng tôi đã làm thế".

Mỗi người đều cúi người về phía trước một chút và lắc đầu trong khi nói, rồi lại đứng thẳng lại sau khi nói xong. Cô Claritxa không bao giờ cử động cánh tay. Đôi khi cô lấy ngón tay đánh nhịp (những bài hành khúc hay những bài khiêu vũ, tôi nghĩ thế), nhưng không bao giờ cử động đến cánh tay. Cô Lavinia nói:

"Địa vị của cháu nó, hay cái gọi là địa vị, đã thay đổi rất nhiều vì em Franxit đã chết và chúng tôi cho rằng những ý kiến của em tôi về địa vị của cháu cũng thay đổi. Ông Copơphin ạ, chúng tôi không có lý do để không tin ông là một thanh niên có nhiều đức tính và tư cách đúng đắn cũng như không có lý do để nghi ngờ về tình yêu của ông với cháu cũng như hoàn toàn tin chắc rằng ông yêu cháu.

Tôi trả lời, cũng như tôi vẫn thường làm mỗi khi có dịp, rằng chưa có ai đã yêu một người khác như tôi yêu Đôra. Trátđơn khẳng định lời nói của tôi bằng một tiếng thầm thì có vẻ tán thành.

Cô Lavinia đang định trả lời một điều gì đấy bỗng cô Ciaritxa, bao giờ cũng bị ám ảnh bởi cái ý muốn nhắc đến người em là Franxit, lại nói xen vào:

"Giá bà mẹ của Đôra, khi lấy em Franxit nói ngay rằng gia đình không được ngồi vào bàn tiệc, thì điều đó có lẽ sẽ tốt hơn cho hạnh phúc của cả hai bên".

“Chị Claritxa”, cô Lavinia nói, “có lẽ chúng mình không nên nhắc đến điều đó nữa!”

“Lavinia ạ”, cô Claritxa nói, “điều đó liên quan đến vấn đề đấy. Chị không nghĩ đến việc can thiệp vào phần việc của em, vì về mặt này em là người duy nhất có uy tín để nói. Nhưng về điều chị sắp nói đây thì chị có ý kiến và có quyền nói: Giá mẹ của Đôra khi lấy em Franxit tuyên bố rõ ràng những ý nghĩ của mình thì vấn đề sẽ tốt hơn cho hạnh phúc cả hai bên. Trong trường hợp như vậy chúng ta biết chúng ta cần phải chờ đợi trước điều gì. Chúng ta sẽ nói: “Xin đừng bao giờ mời chúng tôi”, và như thế thì không bao giờ xảy ra chuyện hiểu lầm cả”.

Khi cô Claritxa đã lắc đầu xong, cô Lavinia lại nói tiếp, và cầm cái kính tay lên để đọc bức thư của tôi. Nhân tiện, cũng nói thêm, mắt hai người đều ti hí, tròn và lấp lánh như mắt chim. Nhìn chung, họ không phải không giống chim bởi vì cử chỉ của họ cũng nhanh nhẹn đột ngột và vội vã và lại có cách ria lông đỏm dáng như chim bạch yến.

Cô Lavinia, như tôi đã nói, nói tiếp:

“Ông Copơphin, ông xin phép chị Claritxa và tôi đến đây thăm với tư cách người cầu hôn chính thức của cháu…”.

“Nếu em Franxit”, cô Claritxa lại nói xen vào (dùng chữ nói xen thì cũng hơi mạnh đối với một việc làm nhẹ nhàng như vậy)” muốn sống trong cái thế giới của Pháp-viện, và chỉ trong cái thế giới ấy mà thôi thì chúng tôi có quyền gì và có lý gì để phản đối không? Cố nhiên là không. Chúng tôi không bao giờ muốn quấy nhiễu ai.

Nhưng tại sao lại không nói trắng ra? Hãy để em Franxit và bà vợ chơi với bạn bè của họ. Hãy để cho Lavinia và tôi chơi với bạn bè của chúng tôi. Tôi dám chắc rằng chúng tôi có thể có bạn bè riêng của mình”.

Vì lời nói này có vẻ như là nói với cả Trátđơn và tôi nên Trátđơn và tôi đều ầm ừ trả lời. Câu trả lời Trátđơn không ai nghe rõ. Còn tôi, tôi trả lời rằng quyết định này làm vinh dự cho tất cả mọi người hữu quan. Thực ra, tôi hoàn toàn không biết nói gì. Cô Claritxa lúc đã trút được gánh nặng, nói:

“Em Lavinia, em có thể nói tiếp”.

Cô Lavinia bèn nói tiếp.

“Ông Copơphin, chị Claritxa và tôi đã suy nghĩ cẩn thận về bức thư này, và cuối cùng chúng tôi có đưa bức thư cho cháu và bàn bạc với cháu. Chúng tôi thấy hiển nhiên là anh rất yêu cháu!”

“Vâng, tôi *tin* như vậy, thưa cô”, tôi bắt đầu nói say sưa.

Nhưng cô Claritxa đưa mắt nhìn tôi (cái nhìn sắc sảo chẳng kém gì cái nhìn của một con bạch yến) dường như yêu cầu tôi đừng ngắt lời vị tiên tri, tôi bèn xin lỗi. Cô Lavinia nói, đưa mắt nhìn bà chị để yêu cầu xác nhận lời nói của mình và bà chị gật gật đầu sau mỗi câu.

“Tình yêu, tình yêu chín chắn, sự tôn trọng và sự hy sinh không biểu lộ dễ dàng. Tiếng nói của nó âm thầm. Nó khiêm tốn và kín đáo, nó ẩn nấp và chờ đợi mãi, không biết mệt. Một trái cây chín dần như thế. Đôi khi một cuộc đời trôi qua mà tình yêu vẫn đang chín dần trong bóng tối”.

Cố nhiên, lúc bấy giờ tôi không hiểu đó là lời nhắc gợi bóng gió đến câu chuyện tưởng tượng về ông Pitjơ tội nghiệp kia. Nhưng nhìn cô Claritxa cúi đầu trang trọng, tôi đoán biết cô ta cho những lời nói ấy là quan trọng ghê gớm lắm. Cô Lavinia nói tiếp:

“Những ham thích hời hợt (tôi gọi là mong manh bởi vì tôi so sánh với những tình cảm như vậy), những ham thích hời hợt của những người trẻ tuổi, chỉ là bụi bặm so với tảng đá. Khó lòng biết những

ham thích này sẽ kéo dài hay có một cơ sở chắc chắn gì không, nên chị Claritxa và tôi, chúng tôi đã cân nhắc nhiều về hành động của chúng tôi. Ông Copơphin và ông…"

"Trátđơn", bạn tôi nói vì nhận thấy cô ta đang nhìn mình.

"Tôi xin lỗi có phải ông học trường luật không?". Cô Lavinia nói và lại liếc mắt nhìn bức thư:

"Vâng ạ!". Trátđơn nói mặt đỏ như gấc.

Lúc này, mặc dầu tôi không được một sự khuyến khích gì rõ rệt, tôi vẫn có cảm tưởng rằng hai chị em nhỏ bé nhất là cô Lavinia đều rất thú cái trò chơi giải trí gia đình mới mẻ và phong phú này và đều quyết tâm hết sức tận dụng nó nâng niu nó nên trước mắt tôi lóe lên một tia hy vọng. Tôi nghĩ rằng tôi cảm thấy cô Lavinia sẽ rất thích thú được theo dõi một cặp tình nhân trẻ tuổi như Đôra và tôi và cô Claritxa để ý việc cô em theo dõi chúng tôi cũng cao hứng không kém và tham dự vào câu chuyện bằng cách hòa theo, theo cái lối của mình, mỗi khi cô cảm thấy không sao nhịn được. Điều này cho phép tôi có đủ can đảm để bào chữa hết sức hăng hái rằng tôi yêu Đôra không sao nói hết, yêu đến một mức độ không ai tưởng tượng được; rằng các bạn của tôi đều biết tôi yêu nàng như thế nào; tình yêu của tôi đứng đắn như thế nào. Tôi kêu gọi Trátđơn xác nhận điều đó. Và Trátđơn cũng bốc lên dường như đang lao vào cuộc tranh luận nghị trường, cậu ta nói rất hay và xác nhận lời nói của tôi bằng những lời rất thành thực, mộc mạc, thực tiễn và ý vị, và đã gây nên một ấn tượng tốt.

"Tôi nói, nếu như tôi có thể được phép nói, với tư cách một người có ít kinh nghiệm nhỏ về vấn đề này", Trátđơn nói, "bởi vì tôi cũng hứa hôn với một cô gái con một gia đình có mười người con gái ở tận Đêvon và hiện nay tôi vẫn chưa thấy thời gian hứa hôn của chúng tôi sẽ chấm dứt".

"Có lẽ ông có thể xác nhận điều tôi đã nói, ông Trátđơn ạ", cô Lavinia nói biểu lộ một sự chú ý rất mới mẻ đối với Trátđơn, "về mối tình thầm kín và lặng lẽ, biết chờ đợi và chờ đợi mãi?"

"Thưa cô, đúng thế!" Trátđơn nói.

Cô Claritxa nhìn cô Lavinia ra vẻ thâm thúy và khẽ thở dài. Cô Claritxa nói:

"Em Lavinia, em lấy cái lọ dầu hộ chị".

Cô Lavinia tỉnh lại sau khi đã hít vài lần thứ dầu thơm này (trong khi Trátđơn và tôi nhìn cô rất ân cần) rồi nói tiếp giọng hơi yếu đi:

"Chị tôi và tôi đã bàn nhau nhiều, ông Trátđơn ạ; về chỗ chúng tôi nên có thái độ như thế nào đối với những tình cảm hay những tình cảm tưởng tượng của những con người trẻ tuổi như anh bạn Copơphin của ông và cháu nó".

"Con của em Franxit", cô Claritxa nói, "giả bà vợ em Franxit khi còn sống nhận thấy rằng (cố nhiên bà ta có quyền làm theo sở thích của mình), nên mời gia đình ăn cơm thì trong giờ phút này chúng tôi đã có thể biết rõ hơn về người con của em Franxit. Lavinia, em cứ nói đi".

Cô Lavinia lật bức thư của tôi về phía địa chỉ, cầm cái kính tay để nhìn một vài lời chú thích mà cô đã viết lên giấy có vẻ rất rõ ràng.

"Ông Trátđơn ạ, chúng tôi cảm thấy cần phải thân hành quan sát để kiểm tra những tình cảm ấy. Hiện nay chúng tôi chưa biết gì về vấn đề này và chúng tôi không có quyền nhận xét về chỗ tình cảm ấy là sâu sắc như thế nào. Vì vậy chúng tôi có ý định nhận đề nghị của ông Copơphin và cho phép ông đến thăm cháu ở đây".

"Thưa các cô", tôi kêu lên, trút bớt được một gánh nặng to lớn - "tôi sẽ không bao giờ quên lòng tốt của các cô".

"Nhưng", cô Lavinia nói tiếp, "ông Trátđơn ạ, chúng tôi muốn xem những cuộc đi thăm như vậy, hiện nay là đi thăm chúng tôi. Như thế tốt hơn. Chúng tôi phải từ chối không thừa nhận mọi sự hứa hôn chính thức giữa ông Copơphin và cháu, cho đến khi chúng tôi có dịp…"

"Cho đến khi em có dịp, em Lavinia ạ…" cô Claritxa nói.

"Thế cũng được", cô Lavinia tán thành, thở dài - "cho đến khi tôi có dịp quan sát họ".

"Cậu Copơphin" - Trátđơn nói quay mặt về phía tôi - mình tin chắc rằng cậu cũng thấy không có gì hợp lý và tế nhị hơn".

"Đúng lắm!" tôi kêu lên. "Tôi biết điều đó rõ lắm!"

"Trong hoàn cảnh ấy", cô Lavinia nói, lại nhìn những chữ ghi chép, "trong khi chấp nhận những cuộc đi thăm của ông chỉ với điều kiện ấy mà thôi. Chúng tôi phải yêu cầu ông Copơphin lấy danh dự cam đoan với chúng tôi rằng ông sẽ không tìm cách có một quan hệ nào khác với cháu mà không cho chúng tôi biết, và không có một dự định nào về cháu mà không đưa cho chúng tôi thông qua trước".

"Không đưa cho em", Cô Claritxa nói xen vào.

"Thế cũng được, chị Claritxa ạ!" - cô Lavinia đáp lại có vẻ nhẫn nại."… không báo cho tôi biết và không được chúng tôi đồng ý. Chúng tôi cần đặc biệt nhấn mạnh khoản này là khoản nhất thiết không thể vi phạm. Ông Copơphin, chúng tôi muốn hôm nay có một người bạn thân đi theo (trong khi nói như vậy, cô ta nghiêng đầu về phía Trátđơn và cậu ta cũng nghiêng mình) để không thể có một sự nghi ngờ nào, một sự hiểu lầm nào về vấn đề này. Nếu ông Copơphin hay ông Trátđơn cảm thấy có điều ngần ngại nhỏ nhất nên không dám hứa, thì tôi xin các ông cứ thư thả nghĩ xem".

Trong lòng say sưa và bồng bột, tôi kêu lên rằng tôi không cần một phút nào để suy nghĩ nữa. Tôi bèn hứa làm như họ yêu cầu, với những lời hết sức tha thiết; tôi lấy Trátđơn làm người làm chứng và tôi nói rằng nếu như tôi từ bỏ một lời hứa dù chỉ một ly tôi cũng sẽ là đứa hèn hạ nhất trên đời.

"Khoan đã!" cô Lavinia nói, giơ tay lên. "Trước khi chúng tôi được hân hạnh tiếp hai ông, chúng tôi đã quyết định để hai ông ngồi một mình trong mười lăm phút để suy nghĩ về vấn đề này. Chúng tôi xin phép rút lui".

Mặc dầu tôi nói rằng không cần phải suy nghĩ gì nữa, họ vẫn không nghe. Họ vẫn cứ rút lui đúng như thời gian đã qui định. Do đó, hai con chim nhỏ đi ra, nhảy nhót có vẻ rất oai vệ để cho tôi nhận những lời chúc mừng của Trátđơn và cảm thấy mình bay bổng lên chín tầng mây. Đúng mười lăm phút sau, họ lại xuất hiện cũng oai vệ chẳng kém gì lúc họ biến đi.

Họ lại rút lui cũng với cái tiếng sột soạt dường như áo dài nhỏ của họ làm bằng lá thu và họ quay lại cũng với cái tiếng sột soạt như vậy.

Tôi lại cam kết một lần nữa tuân theo những điều kiện đã được nêu lên.

"Chị Claritxa", cô Lavinia nói - "phần còn lại là thuộc về chị đấy!"

Cô Claritxa vẫn khoanh tay từ nãy đến giờ, lần đầu tiên buông thõng tay, xem những chữ ghi chép và nói:

"Chúng tôi sẽ sung sướng được mời ông Copơphin ăn tất cả các chiều chủ nhật nếu như ông thấy tiện. Chúng tôi ăn vào ba giờ chiều".

Tôi nghiêng mình.

"Còn trong tuần lễ", cô Claritxa nói, "chúng tôi sẽ sung sướng được mời ông uống trà. Chúng tôi

uống trà vào sáu giờ rưỡi".

Tôi lại nghiêng mình.

"Một tuần hai lần", cô Claritxa nói, "nhưng về nguyên tắc không nhiều hơn".

Tôi lại nghiêng mình lần nữa. Cô Claritxa nói:

"Cô Trốtut mà ông Copơphin nhắc tới trong thư có lẽ cũng sẽ tới thăm chúng tôi. Khi sự thăm hỏi là cần thiết cho hạnh phúc đôi bên, chúng tôi sẽ sung sướng được tiếp và đi thăm lại. Còn khi nào vì hạnh phúc của hai bên mà không nên có cuộc thăm hỏi gì cả (như trường hợp của em Franxit và gia đình của em nó) thì vấn đề lại khác".

Tôi nói cho họ biết rằng cô tôi sẽ sung sướng và tự hào được làm quen với họ. (Tuy vậy thú thực tôi không tin chắc rằng hai bên sẽ thông cảm với nhau cho lắm!".

Sau khi việc nêu điều kiện đã chấm dứt, tôi cảm ơn bằng những lời hết sức nồng nhiệt, và tôi hôn tay, trước tiên hôn tay cô Claritxa và sau đó hôn tay cô Lavinia.

Cô Lavinia bèn đứng lên yêu cầu Trátđơn tha lỗi cho chúng tôi một phút và bảo tôi đi theo cô. Tôi vâng lời, người run lẩy bẩy và được đưa vào một căn phòng khác. Tôi thấy con người yêu quý của tôi đang uốn tóc ở đằng sau cánh cửa.

Gương mặt nhỏ nhắn thương yêu áp vào tường và Jip ở trong cái lò hơ bát đĩa đầu bị quấn trong cái khăn lau bát.

Ôi! Nàng xinh đẹp quá trong bộ áo đen, và nàng khóc rưng rức, lúc đầu nàng cứ thổn thức không chịu ra khỏi cái góc của mình đằng sau cánh cửa. Chúng tôi yêu nhau biết bao khi cuối cùng nàng bước ra và chúng tôi sung sướng biết bao khi chúng tôi kéo Jip khỏi cái lò hơ bát đĩa để đưa nó ra ánh sáng cứ nháy mũi lia lịa và cả ba lại gặp nhau.

"Em Đôra yêu quý! Lần này em mãi mãi là của anh!"

"Ồ! Không! Em xin anh", Đôra cầu khẩn.

"Đôra, em chẳng phải mãi mãi thuộc về anh hay sao?"

"Ồ! Có chứ!" Đôra kêu lên. "Nhưng em sợ lắm!"

"Sợ gì hả em?"

"Sợ anh bạn của anh!" Đôra nói. "Điều này không liên quan gì đến anh ấy cả. Anh ấy phải rất ngốc".

"Em yêu quí!" (không có gì đáng yêu cho bằng những cử chỉ trẻ con của nàng) "Đó là con người tốt nhất trên đời!"

"Ồ! Nhưng chúng ta không cần đến những người tốt nhất trên đời!" Đôra nói nũng nịu.

"Em ạ", tôi giải thích, "chẳng bao lâu em sẽ biết anh ấy rõ hơn và em sẽ mến anh ấy. Và cô anh cũng sẽ đến; và em cũng sẽ thích cô anh lắm khi em biết".

"Không, anh đừng đưa cô anh đến đây! Em xin anh!" - Đôra nói và hôn tôi một cái hôn hoảng sợ, và chắp hai tay - "Anh đừng làm thế! Em biết rằng đó là một bà già độc ác, khó chịu. Anh đừng để bà ấy đến đây, Đoatđi, Đoátđi (đó là một cách để gọi Đêvit).

Lúc bấy giờ mà phản đối thì chẳng ăn thua, cho nên tôi chỉ cười và ngắm nàng và tôi rất say mê và sung sướng. Đôra chỉ cho tôi thấy tiết mục biểu diễn mới của Jip. Nó đã học được cách đứng hai chân

sau trong một góc như thế, trong một nháy mắt trước khi rơi xuống, và tôi không biết tôi sẽ ở đấy bao lâu quên cả Trátđơn nếu cô Lavinia không đến đưa tôi đi. Cô Lavinia rất yêu Đôra (cô bảo tôi rằng Đôra giống hệt cô khi cô vào tuổi nàng… Thế thì cô đã thay đổi nhiều thực!). Và cô xem Đôra hoàn toàn như một đồ chơi. Tôi muốn thuyết phục Đôra đi ra hỏi thăm Trátđơn, nhưng khi tôi bảo nàng như vậy thì nàng chạy vào phòng và khóa trái cửa lại. Tôi bèn ra gặp Trátđơn mà không có nàng và tôi ra về với Trátđơn, người sung sướng như đi trên mây.

"Không có gì tốt đẹp hơn", Trátđơn nói, "mấy cô gái già ấy rất dễ thương, mình cam đoan với cậu đấy! Mình sẽ không ngạc nhiên chút nào nếu cậu lấy vợ trước mình nhiều năm, Copơphin ạ!"

"Trátđơn, Xôphi của cậu có chơi đàn không?" tôi hỏi, trong lòng tự hào.

"Có, biết chơi dương cầm đủ để dạy cho các cô em" Trátđơn nói.

"Thế cô ấy có hát không?" tôi hỏi.

"Có chứ! Cô đôi khi hát dân ca để cho những người khác vui vẻ một chút hay khi họ chán nản", Trátđơn nói. "Nhưng… không có gì là thông thái".

"Thế cô ấy có vừa hát vừa đệm ghi ta không?"

"Ồ! Không!" Trátđơn nói.

"Thế không vẽ à?"

"Không!" Trátđơn nói.

Tôi hứa với Trátđơn rằng cậu ta sẽ nghe Đôra hát và sẽ thấy những bông hoa nàng vẽ. Cậu ta bảo tôi rằng điều đó sẽ làm cậu rất thích, và chúng tôi khoác tay nhau hân hoan vui sướng trở về nhà. Trên đường đi, tôi khuyến khích cậu nói về Xôphi, và cậu bộc lộ lòng tin cậy và quý mến nàng và tôi rất phục nàng. Trong thâm tâm tôi so sánh nàng với Đôra và thấy mình rất đắc chí, nhưng tôi cũng thừa nhận rằng Xôphi là một con người hết sức phù hợp với Trátđơn.

Cố nhiên cô tôi liền được báo tin về kết quả may mắn của cuộc hội đàm cũng như về tất cả những điều đã nói và đã làm trong thời gian ấy. Cô tôi sung sướng vì thấy tôi sung sướng như vậy và hứa sẽ tới thăm các cô của Đôra không chậm trễ. Nhưng tối hôm ấy trong khi tôi viết thư cho Ácnét cô tôi đi đi lại lại trong căn phòng rất lâu đến nỗi tôi bắt đầu nghĩ rằng cô có ý định đi mãi cho đến sáng.

Bức thư của tôi viết cho Ácnét rất say sưa và đầy sự biết ơn, kể lại tất cả những kết quả may mắn mà tôi có được nhờ theo lời khuyên của nàng. Nàng trả lời tôi ngay khi có chuyến thư về Luân-đôn. Bức thư của nàng đầy hy vọng, nhiệt tình và vui vẻ. Từ lúc đó, bao giờ nàng cũng vui vẻ.

Lúc này tôi bận bịu hơn bao giờ hết. Ngày ngày tôi phải đến Haigây; Pútnây lại ở khá xa, và cố nhiên tôi muốn đến đấy càng nhiều lần càng tốt. Việc dự những buổi uống trà theo dự định hoàn toàn không thực hiện được. Tôi đề nghị cô Lavinia cho phép thay thế bằng cách đi thăm vào mỗi chiều thứ bẩy mà không phương hại gì đến ngày chủ nhật hạnh phúc của tôi. Như vậy, thời gian cuối tuần là thời gian tuyệt diệu đối với tôi và trong suốt phần còn lại của tuần, tôi cứ chờ đợi.

Tôi cảm thấy nhẹ cả người khi thấy xét cho cùng, cô tôi và những người cô của Đôra đối xử với nhau thân mật hơn nhiều lúc tôi có thể tưởng tượng. Vài ngày sau cuộc hội đàm cô tôi đến thăm họ như đã hẹn, và sau đó vài ngày nữa, những người cô của Đôra lại đến thăm cô tôi với tất cả những thủ tục và nghi lễ cần thiết. Sau đó, những cuộc thăm hỏi tương tự nhưng thân mật lại diễn ra, cách nhau khoảng ba bốn tuần. Tôi biết rằng cô tôi làm cho những người cô của Đôra rất khó chịu vì cô tôi rất khinh cái thói đi xe ngựa cho oai vệ và đi bộ đến Pútnây vào những giờ kỳ quặc (chẳng hạn ngay sau

bữa ăn sáng hay ngay trước lúc uống trà) cũng như bằng cách đội mũ tự do không mảy may để ý đến những thành kiến của thế giới văn minh về vấn đề này. Nhưng chẳng bao lâu những người cô của Đôra cũng đều nhận thấy rằng tuy cô tôi là một bà ngược đời và hơi có vẻ đàn ông một chút, nhưng rất thông minh, còn cô tôi tuy đôi lúc làm cho bộ lông của hai con chim kia sù lên bằng cách phát biểu những ý kiến ngược đời của mình về vấn đề nghi lễ nhưng vì rất yêu tôi nên cô tôi không muốn phá hoại không khí hòa hợp chung bằng những sở thích kỳ quặc của mình.

Thành viên duy nhất trong cái nhóm nhỏ bé nhất định không chịu thích nghi với hoàn cảnh mới là Jip, (gặp cơ hội, nó liền nhe hai hàm răng, rút xuống gần ghế, gầm gừ không dứt, chốc chốc lại buông một tiếng sủa buồn rầu, như để tỏ ra rằng nó không thể nào chịu nổi cô tôi. Ngoài ra đã tìm mọi cách đối xử, nào vuốt ve, nạt nộ, trừng phạt, đem nó đến đường Buckinham (ở đấy nó liền xông vào hai con mèo làm mọi người hoảng hốt). Nhưng hễ thấy cô tôi là không bao giờ nó có thể chịu yên.

Đôi khi nó có vẻ thắng được ác cảm và trong vài phút tỏ ra dễ thương nhưng rồi lại giơ cái mũi tẹt lên mà sủa đến nỗi chỉ còn cách bịt mắt nó lại rồi vứt nó vào trong lò hơ bát đĩa. Cuối cùng, Đôra phải quấn khăn giam nó vào đấy, mỗi khi nghe báo cô tôi ở ngoài cửa.

Một điều làm tôi băn khoăn khi cuộc sống êm ả này đã trở thành quen thuộc. Hình như tất cả mọi người đều đồng ý xem Đôra là một đồ chơi xinh xắn hay một con búp bê. Nàng dần dần trở thành gần gũi với tôi và cô tôi gọi nàng là "Bông hoa nhỏ", còn điều vui sướng nhất của cô Lavinia là săn sóc nàng, uốn tóc nàng, làm cho nàng những đồ trang sức và xem nàng là đứa con cưng, cố nhiên cô Lavinia làm gì thì cô Claritxa cũng làm theo. Tôi thấy thật là kỳ quặc, nhưng ở một mặt nào đó, mọi người có vẻ đối xử với Đôra cũng như Đôra đối xử với Jip.

Tôi quyết định nói điều đó với Đôra; và một hôm chúng tôi đi dạo chơi (bởi vì sau một thời gian cô Lavinia cho phép chúng tôi được tự do đi dạo) tôi bảo nàng rằng tôi muốn nàng phải làm sao cho những người khác đối xử với mình khác đi.

"Bởi vì em ạ; em không phải là trẻ con".

"Kìa!" Đôra nói, "anh lại nổi giận rồi đấy!"

"Nổi giận à?"

"Em cam đoan với anh rằng mọi người đều rất tốt với em và em rất sung sướng".

"Đúng rồi! Nhưng em ạ", tôi nói, "em vẫn có thể rất sung sướng nhưng được đối xử hợp lý".

Đôra nhìn tôi hờn dỗi (cái nhìn xinh đẹp nhất đời!) bắt đầu khóc rưng rức hỏi tại sao tôi lại cứ muốn hứa hôn với nàng nếu như tôi không thích nàng và tại sao lại không bỏ đi ngay bây giờ nếu như không chịu nổi nàng?

Sau đó, tôi còn biết làm gì ngoài cách hôn nàng để nàng đừng khóc và nói rằng tôi say mê nàng đến điên cuồng.

"Anh Đoátđi ạ, em cam đoan với anh là em dễ cảm" - Đôra nói với tôi, "anh không được tàn nhẫn với em!"

"Tàn nhẫn ư - hòn ngọc của anh! Làm sao anh có thể tàn nhẫn với em được!"

"Thế thì anh đừng có chê trách em nữa", Đôra nói, nhô môi làm thành một nụ hoa, "và em sẽ ngoan".

Ngay sau đó tôi ngây ngất khi nàng tự ý bảo tôi cho nàng quyển sách nấu ăn mà một hôm nào đó tôi đã nói và bày cho nàng cách giữ sổ sách như một hôm nào đó tôi đã hứa. Lần sau đến thăm tôi mang

theo quyển sách (tôi đã đem đóng lại rất xinh cho nó bớt khô khan và có vẻ hấp dẫn hơn) và khi chúng tôi đi chơi trên đồng cỏ tôi đưa cho nàng xem một quyển sổ chi tiêu đã cũ của cô tôi và cho nàng một hộp bút chì để nàng tập tính sổ.

Nhưng quyển sách nấu ăn làm Đôra nhức đầu và những con số làm nàng khóc. Nàng nói: "Nó không chịu để người ta cộng". Cho nên nàng xóa hết và vẽ những bó hoa nhỏ, những hình ảnh Jip và của tôi lên tất cả các trang giấy.

Sau đó khi chúng tôi dạo chiều thứ bảy, tôi dùng hình thức bông đùa dạy cho nàng về nghề nội trợ. Chẳng hạn đôi khi chúng tôi đi trước một cửa hàng thịt, tôi nói: "Này em, giả thử bây giờ chúng mình lấy nhau và em phải đi mua một vai cừu để dọn ăn, em có biết mua như thế nào không?

Gương mặt của nàng Đôra nhỏ bé xinh xắn của tôi sa sầm lại và đôi môi lại nhô thành hình một nụ hoa, dường như nàng muốn khóa miệng tôi bằng một cái hôn:

"Em có biết mua như thế nào không, em yêu quí?" tôi nhắc lại, ra vẻ rất kiên quyết.

"Ô kìa! Em cần gì phải biết, anh hàng thịt sẽ biết bán cho em chứ! Ngốc ơi là ngốc!"

Cũng vậy, một hôm tôi hỏi Đôra (liếc nhìn quyển sách nấu ăn) nàng sẽ làm gì nếu chúng tôi lấy nhau và tôi nói tôi rất thích ăn thịt cừu với đậu! Nàng trả lời sẽ bảo người đầy tớ gái làm, rồi hai bàn tay nhỏ xíu của nàng bám lấy tay tôi và cười đáng yêu đến nỗi nàng xinh đẹp hơn bao giờ hết.

Do đó, công dụng chủ yếu của quyển sách nấu ăn là nằm dưới đất ở một góc nhà để cho Jip thượng lên trên. Nhưng Đôra rất vui sướng khi nàng đã dạy cho nó đứng lỳ trên quyển sách, đồng thời miệng ngậm cái hộp bút chì đến nỗi tôi rất sung sướng vì đã mua nó.

Thế rồi chúng tôi lại quay về cái hộp đàn ghi ta, về chuyện vẽ hoa, về những bài hát nói rằng không bao giờ nên ngừng khiêu vũ: "Tra la la" và chúng tôi sống sung sướng cả tuần. Đôi khi tôi cũng muốn đánh bạo gợi ý cho cô Lavinia thấy cô đối xử với người yêu của tôi hơi giống một đồ chơi và đôi khi - nhưng chỉ họa hoằn thôi, tỉnh dậy, tôi ngạc nhiên thấy mình cũng phạm cái lỗi chung vì tôi cũng xem nàng như một đồ chơi…

Chương XLII
TÀN ÁC

Dù cho bản thảo này chỉ viết cho tôi xem mà thôi, tôi vẫn cảm thấy nhiệm vụ của tôi không phải là kể lại tôi đã kiên quyết học cái nghề tốc ký đáng sợ kia như thế nào và đã tiến bộ rất nhiều về mặt này vì nhận thức được trách nhiệm của mình đối với Đôra và đối với những bà cô của nàng. Ngoài những điều tôi đã viết, tôi chỉ nói thêm về tinh thần kiên nhẫn của tôi ở giai đoạn này của cuộc đời cũng như về nghị lực kiên trì và liên tục lúc bấy giờ đã bắt đầu hình thành ở tôi làm thành chỗ mạnh của tính cách tôi (nếu như tính cách tôi có một chỗ mạnh). Nhìn về quá khứ, tôi thấy nguyên nhân thành công của tôi là ở đấy. Tôi gặp may trong đời (nhiều người đã làm việc vất vả hơn nhiều nhưng không thu được kết quả như vậy). Nhưng tôi sẽ không bao giờ có thể làm những điều đã làm nếu không có tập quán làm việc chính xác, trật tự và chăm chỉ, nếu không có quyết tâm mỗi lần chỉ tập trung vào một đối tượng duy nhất (dù đối tượng sau sẽ đến ngay sau đấy). Đó là những đức tính mà lúc bấy giờ tôi đã có được. Xin hiểu cho tôi viết điều này không phải để khoe mình - như tôi đang làm hiện nay, khi viết hết trang này sang trang khác. Phải là một con người hết sức tốt, nếu không anh ta sẽ băn khoăn hối tiếc rằng mình đã lãng phí bao nhiêu năng khiếu, đã bỏ lỡ bao thời cơ và bao nhiêu tình cảm lầm lạc và xấu xa đã luôn luôn đấu tranh trong tim mình và đã thắng mình. Tôi không thể nói tôi không dùng bậy bạ một năng khiếu tự nhiên nào mà tôi đã có. Tôi chỉ muốn nói một điều: tất cả những "điều trong đời tôi định làm tôi đều đem hết tâm trí để làm cho tốt, hễ làm việc gì bao giờ tôi cũng để hết tâm trí vào việc tôi làm, trong việc lớn cũng như việc nhỏ, bao giờ tôi cũng hết sức nghiêm chỉnh. Không bao giờ tôi tin rằng một người có bất kỳ năng khiếu gì dù tự nhiên hay học được lại có thể có hy vọng đạt đến mục đích mà không cần đến những đức tính như kiên nhẫn, giản dị và tinh thần hăng hái lao động. Trên đời này không làm gì có chuyện đó. Năng khiếu tốt và dịp may có thể làm nên hai thanh dọc của cái thang mà một vài người đã dùng để leo lên, nhưng những thanh ngang của nó cần phải làm bằng một chất liệu không mòn và không hỏng; và không có gì có thể thay thế nhiệt tình, lòng hăng say, sẵn sàng làm tất cả. Bây giờ tôi nhận thấy rằng quy tắc thiêng liêng của tôi là không bao giờ chỉ để một phần tâm trí vào cái việc khi mình có thể dốc tất cả tâm hồn, và không bao giờ coi thường bất cứ công việc gì.

Ở đây, tôi sẽ không nhắc lại thực thế tôi nhờ Ácnét như thế nào nên đã có được cái nguyên tắc trên. Câu chuyện của tôi hướng về Ácnét với lòng biết ơn sâu sắc.

Nàng đến ở nhà bác sĩ hai tuần, ông Uýchcơphin là ông bạn già của bác sĩ và bác sĩ muốn nói chuyện với ông và làm cho ông vui sướng. Ý nghĩ này đã làm thành đầu đề câu chuyện giữa bác sĩ với Ácnét khi nàng đến Luân-đôn lần trước, và do đó, lần này đến thăm, cha nàng và nàng cùng đến. Tôi không ngạc nhiên chút nào khi biết rằng nàng đã tìm được một chỗ ở gần đấy cho bà Híp vì bệnh đau khớp xương của bà đòi hỏi phải thay đổi không khí, và bà rất sung sướng được đi theo. Tôi cũng không ngạc nhiên chút nào khi hôm sau tôi thấy Uria với tính cách một người con chí hiếu đưa bà mẹ đáng quý đến ở căn phòng này.

"Cậu Copơphin, cậu thấy đấy" - hắn nói và bắt tôi phải đi với hắn một vòng trong khu vườn của bác sĩ, "khi người ta si tình, thì người ta hơi ghen một chút… hay ít nhất người ta mong muốn cứ luôn luôn nhìn thấy người yêu".

"Bây giờ anh còn ghen với ai nữa?" Tôi nói.

"Nhờ cậu, cậu Copơphin", hắn đáp, "trong giờ phút hiện tại ít nhất tôi không ghen với người đàn ông nào".

“Thế có phải anh muốn nói rằng anh ghen với một người đàn bà?”

Hắn liếc mắt, nhìn tôi với cặp mắt đỏ ngầu dễ sợ và cười khanh khách.

“Cậu Copơphin ạ”, hắn nói, “kể ra tôi phải gọi là ông mới đúng, nhưng chắc cậu cũng tha lỗi cho thói quen của tôi… Cậu khéo léo đến nỗi cuối cùng cậu lôi tất cả ý nghĩ của tôi ra như người ta vặn nút chai. Tôi chẳng che giấu gì cậu”, hắn đặt bàn tay lạnh toát như con cá lên tay tôi, “nói chung tôi không phải là con người được đàn bà thích, và không bao giờ được bà Xtrong thích”.

Lúc này mắt hắn trông xanh lè trong khi hắn nhìn mắt tôi với cái vẻ tinh ranh hèn mạt.

“Ý anh muốn nói gì?” tôi nói.

“Cậu Copơphin, tôi là con nhà luật” - hắn đáp, mỉm một nụ cười lạnh lùng, “lúc này ý tôi chỉ muốn nói điều mà tôi nói đó thôi”.

“Thế còn cái nhìn của anh muốn nói điều gì thế?”. Tôi đáp lại, thản nhiên.

“Cái nhìn của tôi ư? Trời ơi! Cậu Copơphin, cậu tinh ranh quá chừng! Cái nhìn của tôi muốn nói gì ư?”

“Vâng”, tôi nói, “cái nhìn của anh”.

Hắn có vẻ rất khoái trá và cười khanh khách hể hả như hắn có thể cười. Hắn lấy tay gãi gãi ở cằm rồi nói tiếp, cặp mắt nhìn xuống, và cứ gãi cằm như thế, hắn nói giọng rất chậm rãi.

“Khi tôi chỉ là một thằng nhân viên hèn kém, bà ấy bao giờ cũng coi khinh tôi. Bà ấy cứ luôn luôn gọi nàng Ácnét của tôi đến nhà và đối xử với cậu như một người bạn, cậu Copơphin ạ, nhưng tôi thì thua kém bà ta quá nên bà không để ý gì đến tôi”.

“Ừ”, tôi nói, “nếu như quả thực như vậy thì sao?”

“Ông ta cũng thế”, Uria nói tiếp, giọng rõ ràng nhưng có vẻ trầm ngâm trong khi vẫn gãi gãi ở cằm.

“Anh không biết tính bác sỹ sao? Tại sao anh đòi ông ta phải chú ý đến sự tồn tại của anh khi anh không ở trước mặt ông ta?”

Hắn lại liếc nhìn trộm tôi lần nữa và làm cho gò má hóp lại để gãi cho tiện rồi nói tiếp:

“Trời ơi! Tôi không nói đến bác sĩ! Ồ! Tôi không nói đến cái ông tội nghiệp ấy! Tôi muốn nói đến ông Manđơn kia”.

Tim tôi thắt lại. Trong nháy mắt tôi thấy tất cả những nỗi ngờ vực và lo lắng ngày xưa của tôi về vấn đề này, tất cả hạnh phúc và sự yên tĩnh của bác sĩ, tất cả khả năng có thể sống ngây thơ và không bị ngờ vực, những điều tôi không tài nào hiểu được, đều đang bị tên này lợi dụng. Uria nói:

“Trước đây đến phòng giấy thế nào ông ta cũng ra lệnh cho tôi bước ra ngoài, ông ta thuộc loại người xinh trai như cậu. Còn lúc ấy tôi rất hèng kém và rất hiền lành! Và bây giờ cũng thế. Nhưng trước đây tôi vẫn không thích lối đối xử như vậy. Và bây giờ cũng thế!”.

Hắn không gãi cằm nữa và làm hai gò má hóp đến nỗi chúng muốn gặp nhau ở trong miệng trong khi hắn vẫn nhìn trộm tôi.

“Còn bà ta là một người đàn bà xinh đẹp” hắn nói tiếp sau khi dần dần để cho bộ mặt trở lại hình dáng tự nhiên - “Bà ta không bao giờ muốn làm bạn với những người như tôi, tôi biết lắm! Đó chính là hạng người có thể làm cho nàng Ácnét của tôi có những tham vọng cao hơn. Tôi không được một bà nào của cậu chú ý đến, nhưng tôi có mắt và có đã lâu. Bọn hèng kém chúng tôi nói chung đều có mắt,

và chúng tôi dùng mắt để nhìn".

Tôi cố gắng làm ra vẻ thản nhiên và không lo lắng, nhưng nhìn vẻ mặt của hắn tôi biết sự cố gắng của tôi không có hiệu quả. "Cậu Copơphin, cậu biết không, tôi sẽ không để cho người ta chà đạp", hắn nói tiếp và cau cái bộ phận trên mặt ở đấy thoáng thấy cặp lông mày đỏ hoe, và nói với vẻ đắc thắng tàn ác, "và tôi sẽ tìm mọi cách chấm dứt tình bạn này. Tôi không chấp nhận nó. Tôi không giấu gì cậu rằng tính khí của tôi hay ghen bóng ghen gió và tôi muốn cản trở tất cả những ai xen vào công việc của tôi. Nếu tôi biết người ta mưu mô chống lại tôi, tôi sẽ không chịu để yên".

"Theo tôi nghĩ bao giờ anh cũng mưu mô cái gì, thế rồi anh tưởng mọi người đều như anh", tôi nói.

"Cậu Copơphin ạ, có thể là thế", hắn đáp - "nhưng tôi có một động cơ như ông bạn cộng tác của tôi vẫn thường nói, và tôi tiến hành đến cùng. Không phải vì tôi hèng kém nên người ta cứ việc cưỡi đầu cưỡi cổ. Tôi không cho phép ai cản trở tôi, cậu Copơphin ạ, họ phải xéo ngay".

"Tôi không hiểu anh muốn nói cái gì", tôi nói.

"Cậu không hiểu ư?" hắn đáp với một cử chỉ đột ngột - "Tôi thực sửng sốt, cậu Copơphin ạ, vì thường ngày cậu vẫn tỉnh kia mà. Một lần khác, tôi sẽ nói rõ hơn. Có phải ông Manđơn đi ngựa đang rung chuông ngoài cổng đấy không?"

"Hình như ông ta", tôi đáp lại - cố ra vẻ hết sức thản nhiên.

Uria dừng phắt lại đặt hai tay giữa hai cái cục u to tướng làm thành đầu gối rồi cúi mình xuống và cười gằn. Cái cười hoàn toàn im lặng. Hắn không để lộ một tiếng động nào. Cử chỉ đê tiện nhất là cái lối cười này làm cho tôi khó chịu quá phải quay lưng đi không nể nang gì nữa và tôi để mặc hắn cúi gập người ở giữa vườn như một thằng bù nhìn không có chỗ dựa.

Tôi còn nhớ rất rõ không phải chiều hôm ấy mà sau đó hai hôm (vào ngày thứ bảy) tôi đưa Ácnét tới thăm Đôra. Trước đấy tôi đã báo cho cô Lavinia biết việc đi thăm và người ta chờ Ácnét đến vào lúc uống trà.

Tôi cảm thấy rất xúc động vì tự hào và lo lắng. Tự hào vì nghĩ đến người yêu nhỏ bé của tôi, và lo lắng không biết Ácnét có thể yêu nàng không? Trên suốt dọc đường tới Pútnây, trong khi Ácnét ngồi trong xe và tôi ngồi trên nóc xe, tôi đã hình dung Đôra với tất cả những hình ảnh dễ thương của nàng mà tôi biết rất rõ. Đôi khi tôi nghĩ rằng tôi thích nàng xuất hiện hệt như nàng đã xuất hiện một lúc nào đó, rồi sau đó tôi lại phân vân không biết có nên thích nàng xuất hiện như ở một lần khác hay không. Tôi cứ băn khoăn như vậy đến phát sốt.

Dẫu sao tôi cũng chắc chắn nàng cũng sẽ rất xinh. Nhưng kết quả là tôi chưa bao giờ thấy nàng xinh như vậy. Nàng không ở trong phòng khách khi tôi giới thiệu Ácnét với những bà cô nhỏ bé của nàng mà nàng ngồi bẽn lẽn một mình. Bây giờ tôi đã biết tìm nàng ở đâu rồi, và thực tế, tôi tìm được nàng đằng sau cũng cái cánh cửa cũ kỹ lầm lỳ ấy đang bịt hai tai như lần trước.

Lúc đầu nàng không chịu bước ra; rồi nàng cầu khẩn tôi đợi nàng năm phút, cuối cùng nàng để tôi khoác tay đưa ra phòng khách, gương mặt xinh xắn đỏ ửng chưa bao giờ nàng xinh như vậy. Nhưng khi nàng bước vào phòng khách và tái mặt nàng còn xinh hơn gấp ngàn lần.

Đôra sợ Ácnét. Nàng bảo tôi rằng nàng biết Ácnét "thông minh lắm". Nhưng khi thấy Ácnét vui vẻ đồng thời nghiêm trang, tư lự, và tốt như vậy, nàng kêu lên một tiếng khe khẽ tỏ vẻ ngạc nhiên thích thú và lấy hai tay âu yếm ôm choàng lấy cô Ácnét và áp cái má ngây thơ vào mặt Ácnét.

Tôi chưa bao giờ sung sướng như vậy! Tôi chưa bao giờ sung sướng cho bằng khi thấy hai người

ngồi cạnh nhau. Tôi sung sướng hơn bao giờ hết khi thấy người yêu nhỏ bé của tôi ngước đôi mắt ngây thơ nhìn cặp mắt hiền từ của Ácnét và cái nhìn ân cần xinh đẹp của Ácnét nhìn xuống gương mặt nàng.

Cô Lavinia và cô Claritxa cũng tham dự vào niềm vui của tôi theo kiểu của họ.

Chưa bao giờ có một bàn trà thú vị hơn.

Cô Claritxa chủ tọa. Tôi cắt và chuyển những chiếc bánh ngọt có hạnh nhân (các cô thích ăn bánh hạnh nhân và cắn đường như chim). Cô Lavinia ngắm quang cảnh với thái độ che chở nhân từ dường như tất cả tình yêu hạnh phúc của chúng tôi đều do cô tác thành và chúng tôi hoàn toàn hài lòng về mình và về những người khác.

Thái độ vui vẻ dễ thương của Ácnét chinh phục mọi con tim. Vẻ chú ý yên lặng của nàng đến tất cả những gì Đôra thích cách nàng làm quen với Jip (Jip bắt bạn ngay với nàng), cái vẻ dễ thương của nàng khi Đôra ngần ngại, bẽn lẽn không dám đến ngồi chỗ ngồi mọi ngày bên cạnh tôi, vẻ khiêm tốn đáng yêu thoải mái của nàng làm cho Đôra biểu lộ nhiều dấu hiệu nhỏ nhặt tỏ lòng tin cậy, tất cả những điều đó hình như làm cho nhóm chúng tôi sung sướng hoàn toàn. Sau khi uống trà, Đôra bảo Ácnét:

"Chị yêu em, em sung sướng quá. Trước kia em không ngờ như vậy, và em cần được yêu hơn bao giờ hết vì lúc này Jilia Min đã đi".

Nhân tiện, tôi nhắc một điều đã quên khuấy đi. Cô Min đã lên tàu, tôi và Đôra đã lên một chiếc tàu Đông Ấn-độ to lớn đỗ ở Grâyvơxen để tiễn cô, và chúng tôi đã ăn trưa bằng mứt gừng, ổi và những thứ quà khác đại loại như vậy, rồi chúng tôi để cô Min khóc trên một chiếc ghế xếp ở boong tầu tay cầm một quyển nhật ký mới to tướng ghi những cảm nghĩ độc đáo nảy sinh khi ngắm đại dương để rồi bỏ vào tủ khóa lại.

Ácnét nói rằng nàng sợ tôi khen ngợi nàng quá đáng, nhưng Đôra liền cải chính ngay:

"Ồ! Không!" nàng nói, lúc lắc những món tóc quăn về phía tôi - "em chỉ nghe anh ấy khen. Anh coi trọng ý kiến của chị đến nỗi em đâm sợ".

"Lời khen của tôi không thể bắt anh ấy càng yêu thêm người anh ấy quen", Ácnét nói và mỉm cười, "họ cần gì lời khen".

"Nhưng chị cũng cứ khen em đi", Đôra mỉm cười nói - "nếu có thể".

Chúng tôi đùa về chỗ Đôra muốn được người ta yêu, Đôra bảo rằng tôi ngốc, rằng nàng không yêu tôi đâu và buổi chiều ngắn ngủi hôm ấy tôi đi nhẹ nhàng trên cánh chim. Đã gần đến giờ chiếc xe ngựa phải đi qua để mang chúng tôi đi. Tôi đứng một mình trước ngọn lửa bỗng Đôra lẻn vào phòng rồi hôn tôi cái hôn quý báu, thường lệ trước khi tôi ra đi.

"Anh Đoátđi, nếu em quen chị ấy từ lâu anh có cho rằng em đã khôn hơn nhiều không?". Đôra nói, "đôi mắt sáng bừng lên, bàn tay phải nhỏ nhắn đùa giỡn cái cúc áo ở áo tôi".

"Ồ! Em yêu quý, em nói gì vớ vẩn thế!"

"Anh bảo đó là vớ vẩn à?" Đôra đáp không nhìn tôi - "có chắc không?"

"Chắc chứ lị!"

"Em không biết anh độc ác kia - Đôra nói, tay vẫn mân mê cái cúc áo - "Ácnét bà con với anh như thế nào".

"Có bà con gì đâu, nhưng chúng tôi đã sống với nhau như hai anh em".

"Em không hiểu tại sao anh lại yêu em?" Đôra nói mân mê một cái cúc áo khác trên áo tôi.

“Đôra ạ, có thể vì anh không thể nhìn em mà không yêu”.

“Còn nếu như anh không bao giờ nhìn thấy em hết?” Đôra nói, lại sờ một cái cúc khác.

“Nếu như chúng mình chưa bao giờ ra đời…” tôi nói vui vẻ.

Tôi tự hỏi không biết nàng nghĩ ngợi điều gì trong khi tôi yên lặng ngắm nhìn bàn tay dịu dàng đang chạy dọc theo dải cúc trên áo tôi, nhìn những món tóc quăn áp vào ngực tôi và đôi hàng mi của cặp mắt cúi xuống đang khẽ ngước đầu lên chầm chậm theo cử động thờ ơ của những ngón tay. Cuối cùng, nàng ngước mắt lên nhìn mắt tôi, và nàng nhón chân lên để cho tôi (với cái vẻ mơ màng hơn ngày thường) một cái hôn quý báu… một, hai, ba cái… rồi bước ra khỏi phòng.

Không đầy năm phút sau, tất cả mọi người đều quay lại và vẻ tư lự ít thấy ở Đôra đã hoàn toàn biến mất. Nàng vừa cười vừa bắt Jip biểu diễn mọi tiết mục của nó trước khi chiếc xe ngựa đến. Các tiết mục ấy kéo dài một lúc (không phải vì nó khác nhau mà vì Jip bướng bỉnh không chịu làm. Và các tiết mục chưa xong người ta nghe tiếng xe ngựa ngoài cửa. Ácnét và Đôra chia tay nhau vội vàng nhưng thân ái; và Đôra sẽ viết thư cho Ácnét (nhưng Ácnét không được để ý đến chỗ thư nàng có vẻ ngớ ngẩn) và Ácnét sẽ phải viết cho Đôra; rồi hai người lại từ biệt nhau lần nữa ở cửa xe lần thứ ba, và mặc dầu bị cô Lavinia mắng Đôra vẫn cứ chạy theo cửa xe để nhắc Ácnét phải viết thư cho nàng và lúc lắc mớ tóc quăn về phía tôi (tôi ngồi ở chỗ anh xà ích).

Chiếc xe ngựa sẽ đưa chúng tôi đến gần Côvân Gacđân, ở đấy chúng tôi phải đi một chiếc xe ngựa khác đến Haigây. Tôi nóng lòng chờ đợi thời gian đi bộ ngắn ngủi này để biết Ácnét nhận xét gì về Đôra. Nàng khen Đôra lắm! Nàng đã nói âu yếm và say sưa đến người con gái xinh đẹp mà tôi đã chinh phục được, đến con người duyên dáng ngây thơ hết sức đáng yêu mà tôi phải hết sức nâng niu. Nghiêm trang, nàng nhắc tôi nhớ trách nhiệm của mình đối với cô bé mồ côi.

Chưa bao giờ, chưa bao giờ tôi yêu Đôra sâu sắc và chân thành như tôi yêu nàng chiều hôm ấy. Khi chúng tôi lại xuống xe và đi trong ánh sáng sao trên con đường lặng lẽ đến nhà bác sĩ, tôi bảo Ácnét đó là nhờ sự tác thành của nàng.

“Khi cậu ngồi cạnh Đôra”, tôi nói, “mình có cảm tưởng rằng cậu là nàng tiên của Đôra cũng như của mình, và ngay bây giờ mình vẫn có ấn tượng ấy”.

“Một nàng tiên kém cỏi” - nàng đáp, “nhưng trung thành”.

Giọng nói trong trẻo của nàng đi thẳng vào tim tôi làm cho tôi nói với nàng một cách tự nhiên.

“Hôm nay mình nhận thấy cậu trở lại cái vẻ vui tính thường ngày, Ácnét ạ” (thái độ vui vẻ mà tôi chưa bao giờ thấy ở người nào khác) “nên mình bắt đầu hy vọng rằng ở nhà cậu sung sướng hơn trước?”

“Trong lòng mình cảm thấy sung sướng hơn” - nàng nói - “mình thấy hết sức vui vẻ và nhẹ nhõm”.

Tôi nhìn gương mặt tươi sáng đang ngước lên trời và tự nhủ chính các vì sao đã làm cho nàng có vẻ cao quý như vậy.

“Ở nhà không có gì thay đổi”. Ácnét nói với tôi sau ít phút.

“Mình không muốn nhắc đến chuyện đó” tôi nói. “Mình không muốn làm cậu buồn, Ácnét ạ, nhưng mình không thể nào không hỏi cậu về câu chuyện mà chúng ta đã nói lần trước khi từ biệt nhau”.

“Không, không có gì hết!” nàng đáp.

“Mình cứ nghĩ nhiều về chuyện ấy!”

“Cậu nên nghĩ ít về chuyện ấy thì hơn… cậu hãy nhớ rằng mình tin chắc rằng tình yêu và lòng chân thành cuối cùng sẽ thắng. Cậu đừng lo ngại gì cho mình, Trốtút ạ”, nàng nói thêm sau khi im lặng một lát, “không bao giờ mình làm cái điều mà cậu sợ hãi”.

Mặc dầu mỗi khi bình tĩnh tôi cảm thấy không bao giờ sợ hãi điều đó sẽ xảy ra nhưng nó vẫn làm cho tôi trút được nỗi lo lắng khôn tả khi nghe đôi môi thành thực của nàng khẳng định điều đó. Và tôi cũng nói với nàng như vậy.

“Này Ácnét, khi nào cuộc đi thăm này chấm dứt” - tôi nói “bởi vì lần khác có thể chúng ta không gặp nhau thoải mái, bao giờ thì cậu sẽ đến Luân-đôn lần nữa?”

“Có lẽ cũng còn lâu”, nàng đáp, “mình nghĩ rằng mình ở nhà sẽ có ích cho ba mình hơn. Trong thời gian sắp đến, chúng mình có lẽ sẽ không gặp nhau luôn nhưng mình sẽ là một người hăng hái viết thư cho Đôra và chúng mình sẽ biết tin nhau luôn bằng cách ấy”.

Lúc này chúng tôi bước vào cái sân nhỏ của nhà bác sĩ. Đêm đang về khuya.

Có ánh đèn ở cửa sổ phòng bà Xtrong. Ácnét chỉ cho tôi thấy ánh đèn và từ biệt tôi. Nàng giơ tay cho tôi bắt và nói.

“Cậu đừng thắc mắc về những bất hạnh và những lo âu của bọn mình. Không có gì làm mình sung sướng hơn là hạnh phúc của cậu. Nếu mình cần cậu giúp đỡ, cậu hãy tin rằng mình sẽ nhờ cậu. Cầu thượng đế bao giờ cũng phù hộ cậu!”

Nụ cười rạng rỡ và những lời cuối cùng, nói với giọng vui vẻ làm tôi hồi tưởng hình ảnh nàng Đôra bé nhỏ của tôi ngồi nói chuyện cạnh nàng. Tôi đứng yên một lát nhìn những ngôi sao lấp lánh qua cái vòm cổng, lòng tràn ngập tình yêu và biết ơn rồi chậm rãi bước đi. Tôi đã thuê giường ở một cái quán tiềm tiệm gần đấy, nhưng ngẫu nhiên quay đầu lại, tôi thấy có ánh đèn ở phòng bác sĩ. Tôi nẩy ra ý nghĩ phần nào tự trách mình về chỗ bác sĩ đang làm từ điển không có sự giúp đỡ của tôi. Tôi muốn xem có phải thế không và dẫu sao tôi cũng muốn chúc bác sĩ ngủ ngon nếu bác sĩ còn ngồi cạnh những quyển sách của mình. Tôi bèn quay gót lại, rón rén đi qua phòng áo, nhẹ nhàng mở cánh cửa phòng giấy và liếc nhìn vào phòng.

Ngạc nhiên làm sao, người đầu tiên tôi nhìn thấy dưới ánh sáng êm dịu của ngọn đèn và chao đèn lại là Uria. Hắn đang đứng sát ngọn đèn, một bàn tay khẳng khiu đặt lên miệng, bàn tay kia chống lên bàn bác sĩ. Bác sĩ ngồi trong ghế bành của phòng giấy lấy hai tay che mặt. Ông Uýchcơphin rất cảm động và đau khổ lúng túng đang nghiêng mình về phía trước, bàn tay bẽn lẽn sờ cánh tay bác sĩ.

Tôi thoáng có ý nghĩ là bác sĩ đang ốm. Nghĩ như vậy tôi bước lên một bước, bỗng mắt tôi gặp phải cái nhìn của Uria và tôi hiểu điều gì đang xảy ra. Tôi định rút lui, nhưng bác sĩ đã ra hiệu giữ tôi lại và tôi dừng lại.

“Dẫu sao”, Uria nói, uốn éo cái thân hình xấu xí, “chúng ta cũng có thể đóng cửa lại. Làm cho tất cả thành phố biết làm gì?”

Nói đoạn, hắn rón rén bước đến cánh cửa mà tôi đã để mở, và đóng lại cẩn thận. Sau đó, hắn quay lại vị trí hồi nãy. Trong giọng nói và cử chỉ của hắn biểu lộ cái lối thương vay hết sức khó chịu (ít nhất đối với tôi) hơn tất cả mọi cử chỉ hắn có thể có.

“Cậu Copơphin, tôi cảm thấy có nhiệm vụ nhắc bác sĩ Xtrong lưu ý điều mà tôi và cậu đã nói. Lúc đó cậu vẫn chưa hiểu rõ tôi muốn nói gì có phải không ạ?”

Tôi đưa mắt nhìn hắn nhưng không trả lời, và bước đến gần ông thầy học giả quý hóa, tôi nói vài

lời an ủi và khuyến khích. Ông đặt tay lên vai tôi như ông vẫn thường làm khi tôi còn rất bé, nhưng không ngẩng cái đầu bạc phơ lên.

"Cậu Copơphin, vì cậu không hiểu tôi", Uria nói tiếp vẻ săn đón như hồi nãy, "vì chúng ta là bạn nên tôi mạn phép nhắc một cách hèn kém để bác sĩ Xtrong chú ý đến hành động và cử chỉ của bà Xtrong. Cậu Copơphin ạ, tôi cam đoan với cậu, tôi chẳng muốn xen vào câu chuyện không hay hớm này làm gì. Nhưng trong thực tế, đôi khi chúng ta vẫn phải dính líu tới những việc mà chúng ta nên tránh thì hơn. Chính tôi muốn nói thế nhưng lúc đó cậu vẫn chưa hiểu".

Đến bây giờ, khi tôi nhớ đến cách hắn nheo mắt, tôi còn ngạc nhiên tại sao tôi không túm lấy cổ áo hắn mà lay cho đến khi hắn hết hơi. Hắn nói tiếp:

"Có lẽ, tôi chưa nói rõ ràng cho lắm và cậu cũng thế. Cố nhiên cả hai đều không muốn nói nhiều đến vấn đề này. Nhưng, cuối cùng tôi đã quyết định nói rõ và tôi nói với bác sĩ Xtrong rằng… Ông nói gì thế?"

Câu hỏi này là để hỏi bác sĩ vì ông ta rên rỉ. Theo tôi, tiếng rên rỉ này có thể làm mọi con tim cảm động. Nhưng nó không ảnh hưởng gì tới Uria. Hắn nói tiếp:

"… Tôi đã nói với bác sĩ Xtrong rằng mọi người đều có thể thấy ông Manđơn và con người xinh xắn đáng yêu là bà vợ bác sĩ Xtrong rất say mê nhau. Thực tế, đã đôi lúc (bởi vì hiện nay tất cả chúng ta đều liên quan đến câu chuyện đáng lý không nên có) phải nói cho bác sĩ Xtrong biết rằng chuyện này là rõ như ban ngày đối với tất cả mọi người trước khi ông Manđơn đi Ấn-độ. Ông Manđơn đã viện cớ trở về chỉ vì thế. Ông ta cứ luôn luôn ở đây cũng chỉ vì thế. Khi cậu bước vào, chính là lúc tôi đang yêu cầu ông bạn cộng tác của tôi", hắn quay về phía ông Uýchcơphin, "lấy danh dự nói với bác sĩ Xtrong có phải từ lâu ông ta đã nghĩ như vậy không. Nào ông Uýchcơphin! Ông làm ơn cho chúng tôi biết có phải thế không? Nào, ông bạn cộng tác…"

"Lạy chúa, bác sĩ ơi", ông Uýchcơphin nói, lại lưỡng lự đặt tay lên cánh tay bác sĩ, "ông đừng quá bận tâm về những ngờ vực mà tôi có thể có…"

"Kìa!" Uria kêu lên, lắc đầu, "xác định gì mà nhút nhát thế! Bạn cũ với nhau kia mà! Ôi chao, cậu Copơphin, khi tôi chỉ là nhân viên trong phòng giấy của ông ta, tôi đã thấy ông ta hàng chục lần chứ không phải là một, rất băn khoăn… hoảng hốt vì câu chuyện ấy, cậu biết không, (dẫu sao ông cũng là cha, điều đó là tự nhiên, tôi không thể trách ông ta được!) khi nghĩ rằng cô Ácnét lại dính líu vào một câu chuyện nên tránh thì hơn."

"Ông Xtrong yêu quí", ông Uýchcơphin nói giọng run run, "ông bạn thân mến của tôi, tôi không cần nói với ông rằng tôi có thói xấu tìm một động cơ duy nhất chi phối hành động mọi người và xét đoán mọi người theo một tiêu chuẩn duy nhất và chặt chẽ. Có lẽ cái nhìn sai lầm ấy làm cho tôi hay ngờ vực".

"Ông đã ngờ vực, ông Uýchcơphin", bác sĩ hỏi nhưng không ngẩng đầu lên, "ông ngờ vực à?"

"Ông bạn cộng tác, ông cứ nói thẳng", Uria nói.

"Một lúc nào đó tôi đã ngờ vực, thực tế", ông Uýchcơphin nói. "Tôi tưởng… Chúa tha lỗi cho tôi… Tôi tưởng rằng chính ông cũng ngờ vực".

"Không, không, không…" Bác sĩ đáp lại, giọng đau đớn vô cùng.

"Một lần nào đó, tôi đã nghĩ rằng ông muốn đưa ông Manđơn đi nước ngoài để hai bên xa nhau".

"Không, không", bác sĩ đáp lại. "Đó là để làm vừa lòng Anni vì Anni lo lắng đến người bạn thời

thơ ấu. Chỉ có thế!"

"Sau này tôi mới hiểu như vậy", ông Uýchcơphin nói, "khi ông đã bảo tôi thế, tôi không thể nào ngờ vực được. Nhưng tôi cứ tưởng…, tôi xin ông nhớ cho cách nhìn chật hẹp là tật xấu cố hữu của tôi… tôi cho rằng khi tuổi hai bên chênh lệch nhau như thế…"

"Cậu Copơphin, cậu thấy chưa, phải trình bày sự việc như thế mới được". Uria nhận xét với cái vẻ thương hại vừa nịnh nọt, vừa hỗn xược.

"… Một người đàn bà trẻ như thế, xinh đẹp như thế, dù có thực lòng tôn kính ông có thể kết hôn chỉ vì những tính toán thuần túy kinh tế. Tôi vốn không chấp nhận những tình cảm và những hoàn cảnh có thể dẫn tới hành động tốt. Lạy chúa, xin ông hiểu cho!"

"Ông ta nói nhân từ quá!" Uria lắc đầu nói.

"Bao giờ tôi cũng nhìn thấy bà Xtrong theo quan điểm ấy thôi", ông Uýchcơphin nói tiếp": Ông bạn già ơi, nhân danh tất cả những gì yêu quí đối với ông, xin ông nghĩ cho quan điểm ấy là gì. Bây giờ tôi bắt buộc phải thú nhận, bởi vì tôi không thể nào trốn tránh…"

"Không, không có cách nào trốn tránh đâu, ông Uýchcơphin ạ", Uria tuyên bố, "khi tình hình đã như vậy…"

"Tôi thú nhận…", ông Uýchcơphin nói, hoảng hốt và ngơ ngác nhìn người cộng tác… "rằng quả thực tôi đã ngờ vực bà và nghĩ rằng bà không làm tròn bổn phận đối với ông, và đôi khi… nếu như cần phải nói hết, quả thực tôi cảm thấy lo khi nghĩ rằng cháu Ácnét vì quen thân với bà như thế có thể thấy điều tôi thấy, hay điều tôi tưởng là thấy, do cái lý luận sai lệch của tôi. Tôi không bao giờ nói điều này với ai. Tôi không bao giờ muốn ai biết điều này. Và mặc dầu đối với ông, nghe điều này là kinh khủng", ông Uýchcơphin kết luận hoàn toàn tuyệt vọng, "ông sẽ thương hại tôi nếu như ông biết rằng khi nói điều này tôi cảm thấy khổ sở như thế nào…"

Bác sĩ bản chất hết sức tốt, giơ tay ra.

Ông Uýchcơphin nắm tay bác sĩ một lát và cúi đầu xuống. Uria nói xen vào trong cảnh im lặng, người uốn éo như một con lươn: "Cố nhiên, câu chuyện này làm tất cả mọi người khó chịu. Nhưng vì chúng ta đã đi xa như vậy, tôi xin đánh bạo nói thêm rằng cậu Copơphin cũng nhận thấy điều ấy."

Tôi quay mặt về phía hắn và hỏi tại sao hắn lại dám cả gan nói đến tôi.

"Ồ, cậu Copơphin ạ, cậu rất tốt", Uria đáp uốn éo từ đầu đến chân, "và tất cả chúng tôi đều biết cậu là người tính tình dễ thương như thế nào; nhưng ngay khi tôi nói với cậu chiều hôm trước, cậu cũng đã thừa biết tôi muốn nói gì, cậu Copơphin ạ. Cậu đừng có chối. Cậu có những ý nghĩ rất tốt nếu cậu chối, nhưng cậu đừng làm thế".

Tôi thấy đôi mắt hiền từ của vị bác sĩ già quí hóa quay về phía tôi một lát và tôi cảm thấy lời thú nhận những sự ngờ vực và những hình ảnh ngày xưa đã in trên mặt tôi một cách quá rõ không thể nào thoát khỏi mắt ông ta được. Có nổi cáu thì cũng vô ích. Tôi không thể xóa bỏ điều đó. Dù có nói gì, tôi cũng không thể dùng lời bác bỏ điều đó.

Chúng tôi lại im lặng và cứ im lặng như thế cho đến khi bác sĩ đứng dậy đi đi lại lại trong phòng hai ba lần. Lát sau ông lại trở lại ghế bành và lấy tay vịn vào chỗ dựa. Chốc chốc lại lấy khăn tay lau mắt, ông nói với cái vẻ mộc mạc chân thành theo tôi làm ông vinh dự hơn mọi cách che giấu: "Tôi rất đáng trách. Tôi nghĩ rằng tôi rất đáng trách. Tôi đã làm cho con người tôi yêu quí trở thành nạn nhân những điều ngờ vực và tai tiếng, tôi gọi đó là những điều tai tiếng dù cho nó nảy sinh ở nơi sâu thẳm

nhất của tâm trí người ta. Nếu tôi không phạm lỗi thì không bao giờ nhà tôi lại phải chịu những điều như vậy".

Uria Híp khịt khịt, theo tôi chắc hắn đã tỏ đồng tình. Bác sĩ nói:

"Nếu tôi không phạm lỗi, Anni sẽ không bao giờ bị tai tiếng. Các ông ạ, các ông biết bây giờ tôi đã già rồi. Tối nay tôi cảm thấy tôi không còn được sống bao nhiêu nữa. Nhưng tôi lấy cuộc đời… lấy đời tôi đảm bảo lòng trung thành và danh dự của người đàn bà đã làm thành đầu đề câu chuyện của chúng ta".

Theo tôi, không một hiệp sĩ lý tưởng nào, không một nhân vật lãng mạn đẹp đẽ nào do trí tưởng tượng của một nhà họa sĩ xưa nay tạo nên lại có thể nói những lời ấy với cái vẻ cao quý và cảm động hơn vị bác sĩ già mộc mạc kia. Ông nói tiếp:

"Nhưng tôi không muốn phủ nhận, có lẽ tôi đã phủ nhận mà không biết, thậm chí đã chấp nhận ở một điểm nào đó rằng tôi vô tình bắt con người trẻ tuổi ấy phải lâm vào một cuộc hôn nhân bất hạnh. Tôi là người không quen quan sát và tôi chỉ có thể tin rằng sự quan sát của nhiều người địa vị và tuổi tác khác nhau, rõ ràng đi về một hướng là đúng hơn cách quan sát của tôi".

Như tôi đã nói ở chỗ khác, tôi đã nhiều lần thán phục thái độ ân cần của ông đối với bà vợ trẻ tuổi, nhưng cái vẻ âu yếm trân trọng ông biểu lộ mỗi khi nhắc tới vợ trong trường hợp này và thái độ gần như kính cẩn gạt bỏ mọi sự ngờ vực về lòng chung thủy của vợ, làm cho tôi thấy ông cao quý không sao tả xiết. Bác sĩ nói:

"Tôi lấy nhà tôi khi nhà tôi còn rất trẻ. Tôi lấy nhà tôi khi tính cách nhà tôi đang bắt đầu hình thành, hạnh phúc của tôi là tham dự vào việc đào tạo tính cách nhà tôi như hiện nay. Tôi rất biết ông cụ thân sinh. Tôi cũng rất biết nhà tôi. Tôi đã dạy nhà tôi những điều tôi có thể dạy được vì tôi yêu tất cả bản tính quý báu đẹp đẽ và đức hạnh của nhà tôi. Nếu như tôi làm nhà tôi bị thiệt, tôi vẫn sợ điều đó lắm, bằng cách lợi dụng (nhưng tôi không bao giờ có ý nghĩ như vậy) lòng biết ơn và tình thương của nhà tôi, thì tôi xin lỗi nhà tôi với tất cả tấm lòng chân thực".

Ông đi ngang qua căn phòng rồi lại trở về chỗ cũ, bàn tay cũng run run nắm chặt lấy ghế như giọng nói say sưa cảm động của ông.

"Tôi tự xem mình là một chỗ ẩn náu cho nhà tôi chống lại những nguy hiểm và rủi ro của cuộc sống. Tôi tự bảo rằng mặc dầu tuổi chúng tôi khác nhau nhà tôi, sẽ sống với tôi bình yên và thỏa mãn. Tôi cũng không loại bỏ cái ý nghĩ về lúc tôi sẽ để cho nhà tôi tự do, vẫn còn trẻ tuổi và xinh đẹp, nhưng suy nghĩ chín chắn hơn… không, các ông ạ, tôi thề đó là sự thực".

Dáng người mộc mạc của ông dường như được lòng nhân từ và lòng trung thành chiếu sáng. Mỗi lời nói ông thốt ra nhờ vậy có một sức mạnh mà không một vẻ duyên dáng nào có thể đem đến được.

"Cuộc đời của tôi với nhà tôi từ trước đến nay rất là hạnh phúc. Cho đến tối hôm nay, tôi vẫn luôn luôn có dịp cảm ơn cái ngày tôi đã gây cho nhà tôi điều bất công to lớn".

Giọng ông yếu dần đi khi nói những chỗ ấy, ngừng lại vài phút, rồi nói tiếp:

"Bây giờ một khi tỉnh dậy khỏi giấc mơ, (suốt đời bằng cách này hay cách khác tôi chỉ là một người mơ màng tội nghiệp), tôi thấy nếu nhà tôi có phần nào hối tiếc khi nghĩ đến người bạn xưa, bình đẳng với mình thì đó là rất tự nhiên mà thôi, việc nhà tôi nhìn ông Manđơn với một niềm hối tiếc ngây thơ với những ý nghĩ vô tội về chỗ giá không có tôi, sự việc sẽ như thế nào, điều đó tôi sợ là quá thực. Bao nhiêu điều mà tôi đã thấy nhưng không chú ý, lại đến dồn dập trong óc tôi với một ý nghĩa mới trong cái giờ đau đớn vừa trôi qua. Nhưng các ông ạ, ngoài điều đó ra, không bao giờ người đàn bà trẻ

tuổi ấy lại có thể khiến người ta nhắc đến tên mình, kèm với một lời ngờ vực, dù chỉ là tiếng thì thầm".

Trong một lát, mắt ông sáng lên và giọng nói rắn lại, rồi ông lại im lặng một lúc. Sau đó, ông nói tiếp cũng với cái giọng hồi nãy:

"Tôi chỉ còn một cách là cố sức nhẫn nại chịu đựng khi biết về điều bất hạnh mà tôi đã gây nên. Chính nhà tôi cần phải trách móc chứ không phải tôi, là người phải che chở cho nhà tôi khỏi chịu những hiểu lầm tàn nhẫn mà ngay những người bạn của tôi cũng không thể tránh khỏi. Nhiệm vụ của tôi từ nay là thế. Chúng tôi càng sống ẩn dật, tôi càng dễ làm nhiệm vụ ấy. Và khi nào đến cái ngày ấy (ước gì nó đến chong chóng cho, nếu đó là ý muốn từ bi của Người) khi cái chết của tôi sẽ giải phóng nhà tôi khỏi mọi ràng buộc, mắt tôi sẽ quay về khuôn mặt của nhà tôi được tôi kính trọng với một niềm tin tưởng và một tình yêu vô bờ và sẽ nhắm lại; và lúc đó tôi sẽ để nhà tôi sống không chút buồn rầu hưởng những ngày sung sướng hơn, rực rỡ hơn.

Nước mắt tôi trào lên trước, lòng chân thành và hiền từ của ông, càng nổi bật bởi thái độ hết sức mộc mạc của ông làm cho ông hết sức đẹp, đến nỗi tôi không còn nhìn thấy ông nữa. Ông đi đến cửa và nói tiếp.

"Các ông, tôi đã để các ông hiểu lòng tôi. Tôi tin chắc rằng ông sẽ tôn trọng nó. Điều chúng ta nói tối nay không bao giờ nên nhắc lại. Ông Uýchcơphin, xin ông đưa tôi lên gác như một người bạn già".

Ông Uýchcơphin vội vàng đến. Không trao đổi một lời, hai người chậm chạp rời khỏi căn phòng dưới cái nhìn của Uria.

"Thế nào, cậu Copơphin?" Uria nói quay mặt về phía tôi có vẻ khúm núm "sự việc không diễn ra đúng như người ta có thể chờ đợi, bởi vì nhà thông thái già (con người tuyệt diệu!) mù như một bức tường gạch! Nhưng theo tôi gia đình ông ta đã đi rảnh mắt".

Chỉ cần nghe giọng nói của hắn là tôi lồng lên như chưa bao giờ trong đời tôi cảm thấy như vậy. Tôi nói:

"Đồ khốn nạn, mày muốn gì khi kéo tao vào những âm mưu của mày? Đồ hèn mạt, tại sao mày dám hỏi ý kiến tao, như thể tao với mày đã bàn tính với nhau từ trước?"

Chúng tôi đứng giáp mặt, và nhìn cái vẻ đắc thắng kín đáo trên mặt hắn, tôi thấy rõ điều mà tôi đã biết từ trước. Tôi muốn nói hắn bắt tôi nghe những lời tâm sự để làm cho tôi khổ sở và cố tình dựng lên một cái bẫy để lôi tôi vào chuyện này… Tôi không sao chịu nổi. Cái má xương xẩu của hắn hiện ra trước mắt tôi và tôi giơ tay tát một cái mạnh đến nỗi tôi cảm thấy bỏng ở ngón tay như bị đốt.

Hắn nắm lấy bàn tay tôi, và chúng tôi đứng như thế nhìn nhau. Chúng tôi đứng như vậy khá lâu đủ cho tôi thấy những dấu hằn trắng của ngón tay tôi mờ đi trên cái má đỏ bừng và làm cho gò má càng đỏ bừng hơn. Cuối cùng hắn nói giọng hổn hển:

"Copơphin, anh mất trí sao?"

"Tao không quen biết gì với mày", tôi nói kéo dựt phắt bàn tay lại. "Đồ chó, tao không muốn biết gì về mày".

"Thế à?" hắn nói, vì bị tát đau hắn buộc phải giơ tay lên má. "Có lẽ anh không quên tôi được đâu. Thế thì tệ bạc quá!"

"Tao đã nhiều lần cho mày biết rằng tao khinh mày. Tao lại vừa cho mày thấy điều đó rõ rệt hơn. Tao sợ gì mày? Sợ mày đối xử độc ác với tất cả mọi người à? Xưa nay mày có làm điều gì khác đâu?"

Hắn hiểu rất rõ rằng câu nói này ám chỉ những ý nghĩ từ trước đến nay tôi đã phải giữ kín trong

quan hệ với hắn. Tôi nghĩ rằng nếu Ácnét tối hôm ấy không hứa với tôi thì tôi đã không tát cũng không nhắc nhở như thế. Nhưng điều đó không quan trọng.

Một phút im lặng dài lại trôi qua. Hắn nhìn chòng chọc vào mặt tôi với đôi mắt hình như luôn luôn thay đổi mầu, nhưng chỉ càng thêm xấu xí. Hắn rút tay khỏi cái má và nói:

"Copơphin, xưa nay anh vẫn chống lại tôi. Tôi biết ở nhà ông Uýchcơphin xưa nay anh vẫn thế".

"Mày muốn nghĩ gì thì kệ xác mày" tôi nói, lại càng tức lộn ruột - "Nếu như không phải thế thì lại càng đáng kiếp mày".

"Ấy thế mà bao giờ tôi cũng yêu anh, anh Copơphin ạ", hắn nói tiếp.

Tôi không thèm trả lời hắn và cầm mũ sắp sửa đi ra để về nhà trọ ngủ bỗng hắn đứng chắn giữa tôi và cánh cửa:

"Anh Copơphin" hắn nói, "muốn cãi nhau thì phải có hai bên. Nhưng tôi không muốn".

"Mày xéo đi cho rảnh!" Tôi nói.

"Đừng có nói thế!" - hắn đáp "tôi biết sau này anh sẽ hối tiếc. Làm sao anh có thể tỏ ra thấp kém hơn tôi như vậy vì tỏ xấu tính xấu nết thế. Nhưng tôi tha lỗi cho anh".

"Tha với thứ!" tôi đáp lại khinh miệt.

"Đúng thế, anh đành phải chịu thôi!" Uria đáp. "Anh nghĩ xem: anh đã đánh tôi, con người xưa nay vẫn là bạn của anh! Nhưng muốn cãi nhau phải có hai bên, mà tôi lại không muốn. Dù anh không muốn, tôi cũng là một người bạn của anh! Và bây giờ anh biết anh phải chờ đợi điều gì…"

Tôi đành phải tiếp tục cuộc đối thoại ấy (hắn nói rất chậm rãi và tôi nói rất nhanh) và nói thì thầm để đừng quấy rầy cả nhà lúc đêm hôm khuya khoắt như vậy. Nhưng hoàn cảnh này vẫn không hề làm cho tính khí tôi khá hơn mặc dù cơn giận đã dịu đi. Tôi bảo hắn rằng tôi chỉ chờ đợi ở hắn những điều xưa nay tôi vẫn chờ đợi và không bao giờ thất vọng, rồi tôi mở toang cửa trước mắt hắn, đi ra dường như hắn là một hạt dẻ ở khe cửa để bị đập vỡ. Nhưng hắn cũng ngủ ở ngoài, ở chỗ mẹ hắn, nên tôi chưa đi được vài trăm thước thì hắn đã đuổi kịp.

"Anh Copơphin", hắn thì thầm bên tai (tôi không quay đầu lại) "anh lầm to (tôi cảm thấy hắn nói đúng và điều đó càng làm tôi phát cáu). Điều đó không thể làm vinh dự cho anh. Tôi không có ý định nói điều đó với mẹ tôi cũng như với bất cứ ai. Tôi đã quyết định tha thứ cho anh. Nhưng quả thực tôi ngạc nhiên tại sao anh lại giơ tay tát một người hèn kém như tôi?"

Tôi có cảm tưởng mình cũng hèn hạ không kém gì hắn. Hắn biết tôi hơn là tôi tự biết mình. Giá hắn kháng cự hay ra mặt gây gổ thì tôi đã thấy dễ chịu hơn và đã tự bào chữa cho mình; nhưng hắn cứ bắt tôi phải chịu một ngọn lửa âm ỉ và hình phạt cũng kéo dài suốt đêm.

Hôm sau khi tôi ra khỏi quán trọ, hồi chuông nhà thờ đầu tiên rung lên và hắn đã đi bách bộ với mẹ hắn. Hắn nói chuyện với tôi như không có chuyện gì xảy ra và tôi chẳng còn cách nào khác là trả lời hắn. Tôi có cảm tưởng đã tát hắn khá mạnh làm cho hắn đau răng, dẫu sao mặt hắn cũng quấn một khăn quàng lụa đen, khăn quàng này thắt lại ở dưới mũ, và điều đó chẳng làm cho hắn đẹp thêm chút nào. Tôi biết rằng sáng thứ hai hắn đã tới một hiệu trồng răng ở Luân-đôn để nhổ một cái răng. Tôi ước gì đó là cái răng có hai chân.

Bác sĩ bảo rằng mình không được khỏe và ông ngồi một mình gần như suốt ngày cho đến khi những người khách ra đi. Ácnét và cha nàng đã đi được hơn một tuần, nhưng chúng tôi vẫn chưa tiếp tục công việc hằng ngày. Tối hôm trước ngày làm việc lại bác sĩ thân hành trao cho tôi một bức thư không dán.

Bức thư ấy gửi riêng cho tôi lời lẽ ân cần dặn tôi đừng bao giờ nhắc đến câu chuyện buổi tối hôm ấy. Tôi đã tâm sự với cô tôi về việc ấy, nhưng không nói với một ai nữa. Đó không phải là một câu chuyện tôi có thể nói với Ácnét và chắc hẳn Ácnét không ngờ vực gì hết.

Tôi cũng tin chắc rằng bà Xtrong lúc ấy cũng không biết gì. Nhiều tuần lễ trôi qua trước khi tôi nhận thấy có sự thay đổi nhỏ nhặt nhất ở bà. Sự thay đổi này dần dần đã đến như một đám mây khi trời lặng gió. Lúc đầu bà có vẻ ngạc nhiên trước vẻ dịu dàng, trìu mến khi bác sĩ nói với bà, hay tỏ ý muốn mời bà mẹ cũng đến ở với bà để cho cuộc sống của bà đỡ tẻ nhạt. Thường thường, khi chúng tôi làm việc và bà ngồi cạnh chúng tôi, tôi thấy bà dừng lại nhìn bác sĩ với một vẻ mặt không thể quên được, về sau, tôi nhận thấy đôi khi bà đứng lên, nước mắt ràn rụa và rời khỏi căn phòng - Dần dần cái bóng của một điều bất hạnh vướng trên vẻ đẹp của bà và ngày càng rõ dần. Bà Maclơham dạo ấy cũng ở trong nhà, nhưng chỉ biết nói liến thoắng chứ chẳng biết gì.

Trong khi sự thay đổi này hiện lên ở Anni một cách kín đáo, con người trước đây như là ánh nắng trong ngôi nhà bác sĩ, thì bác sĩ ngày càng có vẻ già đi và trầm mặc hơn, nhưng cái vẻ trìu mến ở trong tính tình, những cử chỉ hiền từ cũng như sự săn sóc âu yếm đối với vợ ngày càng tăng… nếu như nó có thể tăng. Một buổi sáng vào ngày sinh nhật của bà, bà đến ngồi trước cửa sổ trong khi chúng tôi làm việc (xưa bà vẫn ngồi như vậy nhưng bây giờ bà bắt đầu ngồi với cái vẻ thẹn thùng, ngần ngại làm cho tôi rất cảm động) và tôi thấy bác sĩ lấy hai tay để trán vợ, hôn lên trán rồi vội vàng bước ra vì cảm động quá không thể nào nén lại được. Tôi thấy bà đứng yên tại chỗ như bức tượng rồi cúi đầu xuống chắp tay mà khóc buồn bã vô cùng.

Sau việc đó đôi khi tôi cảm thấy bà định nói với tôi, trong những lúc chỉ có hai người. Nhưng bà không bao giờ nói một lời. Bác sĩ bao giờ cũng nghĩ ra một kế hoạch mới để giúp bà giải trí ở nhà với mẹ… và bà Maclơham là người thích trò giải trí nhưng lại chán mọi thứ khác, nên vui lòng nhận và ca ngợi ầm ĩ. Nhưng Anni chỉ đi đến nơi mà người ta dẫn bà đến với vẻ buồn rầu thiểu não hình như không để tâm đến điều gì cả.

Tôi không biết nên nghĩ như thế nào.

Cô tôi cũng vậy và nhiều lần cô tôi đã phải đi bộ trong phòng hàng trăm dặm trong lòng băn khoăn. Điều lạ nhất, đó là niềm vui thực sự duy nhất dường như chiếu rọi vào nơi bí ẩn của tình trạng bất hạnh trong gia đình này lại là do bản thân ông Đích mang lại.

Tôi không thể giải thích ông nghĩ gì về vấn đề này, hay ông đã quan sát gì, nếu như ông có thể làm để giúp đỡ tôi trong nhiệm vụ này. Nhưng như tôi đã nói khi kể lại cuộc đời học sinh của tôi, ông sùng bái bác sĩ vô bờ bến, và ông có một tình thương chân thành dù đó là tình thương của những con vật thấp hèn đối với con người, một lòng thông cảm tế nhị còn cao hơn trí thông minh cao nhất. Như tôi có thể nói, ông Đích, nhờ một ánh sáng rạng rỡ của sự thật chiếu vào, đã có sự thông cảm ấy của con tim.

Thường thường, trong nhiều giờ rảnh ông đã kiêu hãnh sử dụng lại cái đặc quyền đi dạo chơi ngoài vườn với bác sĩ, như ông đã từng đi dạo chơi với bác sĩ ở Cantơbơri. Nhưng khi tình hình thay đổi, ông liền dành tất cả giờ rảnh của mình vào những cuộc đi dạo như vậy (ông còn dậy sớm hơn để có nhiều thì giờ hơn). Cũng như trước đây không bao giờ ông sung sướng cho bằng khi nghe bác sĩ đọc tác phẩm tuyệt diệu của mình là quyển từ điển, lúc này cũng vậy ông cảm thấy hết sức khổ sở nếu bác sĩ chưa rút nó trong túi ra và bắt đầu đọc. Ông Đích lại còn có thói quen đi dạo, với bà Xtrong khi bác sĩ bận làm việc với tôi, giúp bà chăm sóc những bông hoa bà yêu quý và nhổ cỏ trên những luống cỏ. Có thể nói một giờ không mấy khi ông nói đến mười hai tiếng. Nhưng thái độ quan tâm yên lặng và gương mặt buồn buồn của ông gợi lên một tiếng đồng vọng trực tiếp ở hai người - cả hai đều biết rằng

người kia yêu ông Đích và ông Đích yêu cả hai. Và ông đã làm được điều mà không người nào khác làm được: ông thành sợi dây liên hệ giữa hai người.

Tôi nghĩ đến ông, với cái vẻ mặt thông thái khó hiểu, đi bách bộ với bác sĩ, sung sướng được những chữ khó hiểu của quyển từ điển hành hạ. Tôi nhớ đến cảnh ông cầm bình tưới nước đồ sộ đi theo sau Anni, quỳ xuống xỏ đôi găng to tướng như chân thú vật làm công việc tỉ mỉ kiên nhẫn giữa những chiếc lá con, biểu lộ trong tất cả những việc ông làm cái thái độ tế nhị muốn làm người bạn của bà, điều mà không một triết gia nào có thể biểu hiện được, và biểu lộ lòng thương cảm, tin cậy và trìu mến ở tất cả những tia nước của cái bình tưới… Tôi nhớ rằng ông không bao giờ để cho lý trí của mình bị hoảng loạn, không bao giờ ông nhắc đến ông vua Saclơ bất hạnh khi làm việc trong vườn, không bao giờ ông tỏ ra yếu đuối trong thái độ tận tụy ân cần, không bao giờ ông quên rằng có một cái gì không hay mà ông rất muốn sửa chữa lại. Mỗi khi nghĩ đến điều đó, quả thực tôi gần như cảm xấu hổ vì biết rằng ông đã làm điều đó tuy chưa có đủ trí khôn, trái cái tôi đã làm với tất cả lý trí nhưng không đạt được mục đích.

"Trốt ạ, ngoài cô ra không ai biết ông Đích giỏi như thế nào!" Cô tôi kiêu hãnh tuyên bố khi chúng tôi nói tới điều đó. "Ông Đích sẽ nổi tiếng cho mà xem".

Trước khi chấm dứt chương này, tôi cần nhắc tới một chuyện khác. Trong thời gian Ácnét còn ở nhà bác sĩ, tôi nhận thấy sáng nào người đưa thư cũng đưa cho Uria Híp hai ba bức thư (hắn vẫn còn ở Haigây nếu những người khác còn ở đấy, bởi vì lúc này là thời gian nghỉ). Địa chỉ bao giờ cũng do ông Micôbơ viết và lúc này ông ta đã có được lối chữ tròn trặn, đúng quy tắc theo lối công văn. Căn cứ vào những tiền đề mong manh ấy, tôi kết luận rằng ông Micôbơ đang làm ăn khá, vì vậy tôi rất ngạc nhiên khi vào khoảng thời gian ấy tôi nhận được bức thư dưới đây của bà vợ yêu quý của ông.

Cantơbơri, chiều thứ hai

Anh Copơphin, chắc chắn anh sẽ ngạc nhiên khi nhận được bức thư này. Nội dung của nó sẽ còn làm anh ngạc nhiên hơn. Và anh càng ngạc nhiên khi tôi yêu cầu anh tuyệt đối giữ bí mật điều tôi tâm sự với anh. Nhưng những tình cảm của người vợ và người mẹ ở tôi đòi hỏi phải được an ủi, và vì tôi không muốn hỏi gia đình tôi (anh Micôbơ rất ghét họ) nên tôi không còn biết hỏi ý kiến ai ngoài bạn và người ở trọ cũ.

Anh Copơphin thân mến, chắc hẳn anh biết rằng anh Micôbơ (mà tôi sẽ không bao giờ rời bỏ) và tôi xưa nay vẫn tin cậy nhau. Có thể anh Micôbơ đôi khi có ký một tờ giấy vay nợ mà không hỏi ý kiến tôi, hay lầm lẫn về thời gian phải trả món nợ ấy. Điều này thực tế đã xảy ra. Nhưng nói chung anh Micôbơ không hề giấu giếm gì người anh yêu quý (tôi nói là vợ anh) và mỗi khi đi ngủ bao giờ anh cũng lần lượt kể tất cả những việc xảy ra ban ngày.

Anh Copơphin ạ, anh có thể tưởng tượng tôi đau khổ như thế nào khi tôi bảo anh biết rằng anh Micôbơ đã hoàn toàn thay đổi. Anh đâm ra dè dặt bí mật. Đời sống của anh là một điều bí ẩn đối với con người đã san sẻ những nỗi vui buồn (tôi muốn nói vợ anh) và nếu như tôi cam đoan với anh rằng ngoài việc tôi thấy anh Micôbơ làm việc ở phòng giấy từ sáng đến chiều, tôi biết về anh còn ít hơn là biết về con người ở phương Nam dễ sợ có cái miệng tham lam[1] như những câu chuyện kể nhảm nhí của trẻ con vẫn thường nhắc đến. Tôi dùng một hình ảnh kỳ quặc của nhân dân để nói về một sự việc có thực.

Nhưng không phải chỉ có thế. Anh Micôbơ ủ dột. Anh Micôbơ nghiêm nghị. Anh không để ý gì đến đứa con trai đầu và đứa con gái đầu, những đứa con sinh đôi không làm cho anh tự hào chút

nào hết, anh nhìn với cặp mắt lạnh lùng ngay cả cháu bé út vô tội nữa mới bước vào gia đình chúng tôi. Những phương tiện tài chính để đối phó với những khó khăn bị thu hẹp hết sức, anh đưa từng đồng một phần tư pen-ni một cách rất khó khăn, lại còn đe dọa dễ sợ, anh nói anh sẽ xéo bước (nguyên văn như thế đấy) và nhất định không chịu đưa ra bất kỳ lời giải thích nào để cắt nghĩa hành vi kỳ quặc của mình.

Điều này thực là không chịu nổi. Thực là đau xót. Nếu anh khuyên tôi một lời về cách sử dụng những khả năng của tôi ở trong một tình cảnh kỳ quặc thế này (anh thừa biết khả năng của tôi không có là bao) anh sẽ làm tôi chịu thêm một ơn huệ ngoài nhiều ơn huệ khác nhau mà tôi đã chịu. Gửi anh Copơphin thân mến tình yêu của những đứa trẻ và nụ cười của đứa bé mới sinh sung sướng vì chưa biết gì.

Người bạn buồn khổ của anh.

Emma Micôbơ

Tôi thấy mình không biết lấy gì khuyên một bà vợ nhiều kinh nghiệm như bà Micôbơ ngoài việc hãy cố gắng tỏ ra kiên nhẫn và dịu dàng với ông (tôi biết thế nào bà cũng làm điều đó). Nhưng bức thư này khiến tôi nghĩ nhiều về ông.

---

[1] Chơi chữ, tạm dịch như vậy để giữ vần, nghĩa đen là những người phương nam miệng đầy cháo có nho khô.

Chương XLIII
LẠI NHÌN VỀ QUÁ KHỨ

Một lần nữa, cho phép tôi dừng lại nói đến một giai đoạn đáng nhớ của đời mình. Cho phép tôi đứng riêng ra để nhìn những hình bóng ngày xưa chập chờn thấp thoáng đi cạnh tôi theo sau cái bóng của tôi.

Bao tuần, bao tháng và bao mùa trôi qua. Chúng dường như không dài hơn một ngày hè hay một buổi tối mùa đông.

Kìa tôi cùng Đôra đi dạo trên bãi cỏ đầy hoa làm thành một cánh đồng vàng rực, chốc chốc cây thanh thảo lại kín đáo nằm dưới lớp tuyết thành từng đống và từng cụm, con sông chúng tôi đi dạo bên bờ những ngày chủ nhật đang hiện lên sáng chói trong ánh mặt trời hè. Bỗng mặt nước bị gió mùa đông làm nhăn lại và những tảng tuyết trôi theo dòng nước. Nhanh hơn cả những con sông chảy ra biển, nó lấp lánh, rồi tối sầm lại và biến mất đi vào nơi xa tít.

Trong ngôi nhà của hai cô gái nhỏ giống như chim vẫn không có gì thay đổi. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn kêu tích tắc trên lò sưởi, cái phong vũ biểu vẫn treo ở phòng khách và chiếc đồng hồ cũng như cái phong vũ biểu chẳng bao giờ đúng cả, nhưng tôi và Đôra đều tin nó một cách thiêng liêng.

Tôi đã đến tuổi trưởng thành. Tôi đã hai mươi mốt tuổi, cái tuổi vinh dự. Nhưng đó là một thứ vinh dự ai cũng có thể có. Hãy xem tôi đã làm những gì.

Tôi đã làm chủ được những bí ẩn khủng khiếp của môn tốc ký. Nó đã đem đến cho tôi một thu hoạch kha khá. Tôi rất nổi tiếng về tài năng của mình trong tất cả những gì liên quan tới nghệ thuật này và cùng với mười một người khác tôi ghi lại những cuộc tranh luận trong quốc hội cho một tờ báo buổi sáng. Chiều nào tôi cũng ghi lại những điều tiên đoán không bao giờ được thực hiện, những lời hứa hẹn không bao giờ được giữ, những lời hứa hẹn chỉ cốt mê hoặc quần chúng. Tôi bơi giữa những chữ và chữ. Nước Anh, cái bà tội nghiệp kia, bao giờ cũng ở trước mặt tôi, như một con gà bị vặt trụi lông, bị những quản bút đâm xuyên qua người và tay chân bị những sợi dây đỏ dùng để buộc giấy tờ trói chặt. Tôi đã khá thông thạo cuộc sống ở hậu trường đủ để hiểu giá trị của đời sống chính trị. Tôi là một anh chàng không tin chính trị và sẽ chẳng bao giờ tin nó được.

Anh bạn cố tri Trátđơn của tôi cũng đã thử học cái nghề ấy nhưng nó không hợp với Trátđơn. Cậu hết sức vui vẻ chấp nhận thất bại của mình và nhắc tôi biết rằng xưa nay cậu vẫn tự cho mình là chậm chạp.

Đôi khi, cậu cũng có công việc làm trong tờ báo ấy, cậu tập hợp sự kiện và đề tài đơn thuần, rồi những đầu óc phong phú hơn sẽ viết và tô điểm thêm. Cậu được làm trạng sư, và nhờ tinh thần chăm chỉ và tận tụy đáng phục, cậu đã tích lũy được 400 bảng để trả tiền tạ lễ cho ông trạng sư ở đấy cậu học việc. Ngày cậu làm trạng sư, người ta uống rất nhiều rượu pooctô nóng và nhìn hóa đơn tôi có cảm tưởng rằng cửa hàng ở trường luật đã thu được một món lời về khoản này.

Tôi đã có tiếng ở một lĩnh vực khác. Sợ hãi và lo lắng, tôi đã bắt tay vào nghề viết văn. Tôi đã bí mật viết một cái gì đó và tôi gửi nó đến một tờ báo, và bài ấy đã được đăng. Từ đó, tôi đánh bạo viết nhiều truyện ngắn không quan trọng. Và lúc này người ta đã trả tiền cho tôi một cách đều đặn. Nói chung tôi sống sung túc. Khi tôi tính thu hoạch trên ngón tay của bàn tay trái, tôi đã vượt qua ngón tay trỏ và được thêm một nửa ngón tay thứ tư[1].

Chúng tôi đã rời khỏi đường Bơckinham để đến ngôi nhà nhỏ xinh xắn rất gần ngôi nhà tôi đã nhìn khi lần đầu tôi ngây ngất. Nhưng cô tôi (sau khi đã bán ngôi nhà ở Đôvơ được giá) sẽ không ở đấy nữa

mà định đến một ngôi nhà còn nhỏ hơn, gần ngay đấy. Điều đó báo trước chuyện gì? Đám cưới của tôi ư? Đúng thế!

Vâng! tôi sẽ lấy Đôra. Cô Lavinia và Claritxa đã bằng lòng; và nếu như có hai con chim yến lăng xăng thì chính là hai cô ấy. Cô Lavinia thân hành lo đến tủ quần áo của người yêu của tôi, suốt ngày cứ lo cắt giấy cứng màu nâu làm mẫu áo chứ không chịu nghe anh chàng trẻ tuổi đáng kính tay cắp một cái gói dài và một cái thước. Một chị thợ may, ngực bao giờ cũng cắm một cái kim đã xâu chỉ, ăn và ở trong nhà, và tôi có cảm tưởng dù ăn, uống hay ngủ, bao giờ chị cũng đeo cái đê ở ngón tay. Người ta biến người yêu của tôi thành người mẫu. Bao giờ người ta cũng tìm nàng để thử một cái gì. Buổi chiều không bao giờ chúng tôi được ở sung sướng bên nhau đến năm phút, thế nào cũng có một bà đường đột, gõ cửa mà nói: "À! Cô Đôra, mời cô lên gác!"

Cô Claritxa và cô tôi lùng khắp Luân-đôn tìm những bàn ghế để cho Đôra và tôi xem lại. Kể ra, hai người cứ mua ngay đừng bầy ra cái chuyện xem lại còn hơn; bởi vì khi chúng tôi xem một cái giá để củi nhà bếp hay một tủ đồ ăn thì Đôra thấy một cái chùa cho Jip ở trên có những cái chuông nhỏ và thích mua vật ấy hơn và phải mất một thời gian dài sau khi mua, chúng tôi mới có thể làm Jip quen với chỗ ở mới của mình, bởi vì mỗi khi vào hay ra nó làm các chuông con rung lên và nó khiếp vía.

Chị Pécgôti đến Luân-đôn để giúp việc và chị liền bắt tay vào việc. Nhiệm vụ của chị hình như là lau chùi tất cả. Chị lau chùi tất cả những vật có thể lau chùi cho đến khi vì lau chùi thường xuyên nó sáng bóng như cái trán trung thực của chị. Và lúc này tôi bắt đầu thấy người anh cô độc của chị chiều chiều đi qua cái phố tối tăm vừa đi vừa nhìn những gương mặt qua lại. Trong những giờ ấy, tôi không bao giờ nói chuyện với ông. Trong khi bóng người nghiêm trang ấy đi qua tôi biết rất rõ ông đang tìm gì và sợ cái gì.

Khi Trátđơn tới thăm tôi buổi chiều hôm nay ở Pháp-viện, ở đây khi rảnh thỉnh thoảng tôi cũng đến để cho có mặt - tại sao cậu lại có vẻ quan trọng như thế? Giấc mơ thời niên thiếu của tôi sắp được thực hiện, tôi sẽ có được giấy hôn thú.

Văn kiện này rất nhỏ nhưng tác dụng thực to lớn, và Trátđơn ngắm nghía nó vừa thán phục, vừa sợ khi nó nằm trên bàn tôi. Ở đấy có chữ Đêvit Copơphin và chữ Đôra Xpenlô vĩnh viễn gắn liền với nhau, theo tập quán cổ xưa quí hóa. Viết trong một góc là cái cơ quan thân thiết, phòng bưu cục, cơ quan quan tâm một cách nhân từ tới mọi giao tiếp trong đời sống con người và đang cúi nhìn cuộc kết hôn; có tổng giám mục Cantơbơri đang đọc lời ban phúc cho chúng tôi bằng chữ in và làm điều đó với một giá hết sức rẻ.

Tuy vậy tôi vẫn sống trong giấc mơ… một giấc mơ xáo động, sung sướng vội vàng. Tôi không thể tin đó là sự thực; nhưng tôi không thể tin rằng mọi người ngoài đường đều cảm thấy mơ hồ rằng hai ngày nữa tôi sẽ thành hôn. Đại biểu của tòa án nhà thờ biết tôi khi tôi tuyên thệ, và đối với tôi rất dễ chịu dường như giữa chúng tôi đã có sự bàn định với nhau theo kiểu hội tam điểm. Người ta không cần đến Trátđơn nhưng cậu đi theo tôi, luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ tôi. Tôi bảo Trátđơn.

"Mình hy vọng rằng lần sau cậu đến đây cũng để làm cái thủ tục như mình về phần của cậu. Mình mong rằng sẽ chẳng bao lâu nữa".

"Copơphin ạ, mình cảm ơn lời chúc quí báu của cậu" - cậu trả lời - "Mình cũng hy vọng như vậy, và rất an tâm khi biết cô ta sẽ đợi mình lâu mấy cũng được, thật đúng là người con gái dễ thương nhất…"

"Bao giờ cậu phải đi đón cô ta? Mấy giờ xe ngựa đến?" tôi hỏi.

"Bảy giờ" Trátđơn đáp, đưa mắt nhìn chiếc đồng hồ bạc cũ kỹ tội nghiệp của cậu, chính cái đồng hồ mà có lần ở trường cậu đã lấy ra một bánh xe để làm cối xay nước. "Đại khái đó cũng là giờ cô Uýchcơphin đến có phải không?"

"Hơi sớm hơn một chút. Cô ấy đến lúc tám giờ rưỡi".

"Mình cam đoan với cậu" Trátđơn nói - "khi nghĩ rằng câu chuyện ấy kết thúc sung sướng như vậy, mình cũng gần sung sướng như chính mình lấy vợ vậy. Mình cảm ơn tình bạn và sự săn sóc của cậu đối với Xôphi vì cậu mời cô ấy dự ngày lễ vui vẻ này và làm phù dâu cùng với cô Uýchcơphin. Mình hết sức cảm động".

Tôi nghe cậu nói, bắt tay cậu, rồi chúng tôi nói chuyện, ra đi, ăn cơm, và v.v… nhưng tôi không tin điều ấy. Không có gì là thực hết.

Xôphi đến nhà các bà cô của Đôra vào giờ đã định. Nàng có khuôn mặt rất dễ thương (nàng không thực đẹp nhưng hết sức đáng yêu) và là một người bình dị, thành thực, cởi mở, hấp dẫn nhất xưa nay. Trátđơn kiêu hãnh giới thiệu nàng với chúng tôi, cậu xoa tay mười phút và tất cả những sợi tóc của cậu đều dựng đứng lên khi tôi kéo cậu vào một góc phòng và ngợi khen sự lựa chọn của cậu.

Tôi đón Ácnét đi xe ngựa từ Cantơbơri đến và lần thứ hai gương mặt xinh xắn và tươi tắn của nàng xuất hiện trước mặt tôi. Ácnét rất có thiện cảm với Trátđơn và nhìn hai người gặp nhau, nhìn vẻ đắc thắng của Trátđơn khi cậu giới thiệu cô con gái dễ thương nhất trên đời với Ácnét thực đến thú vị.

Nhưng tôi vẫn không tin. Chúng tôi sống một buổi chiều tuyệt diệu nhưng tôi cũng vẫn không tin. Tôi vẫn không thể trấn tĩnh lại. Tôi không thể nhận thức được hạnh phúc của mình khi nó đến. Tôi cảm thấy sống trong một trạng thái sương mù mờ mịt: dường như cách đây một hay hai tuần gì đấy tôi dậy rất sớm và từ đấy không ngủ nữa. Tôi không biết hôm qua là ngày nào. Tôi có cảm tưởng mang tờ hôn thú đã mấy tháng nay.

Và hôm sau cũng vậy, khi tất cả chúng tôi kéo đến xem ngôi nhà… ngôi nhà của chúng tôi… của Đôra và tôi. Tôi hoàn toàn không sao có thể xem mình là ông chủ của nó. Tôi có cảm tưởng rằng mình ở đó nhờ một người nào đấy cho phép. Tôi gần như chờ đợi thấy ông chủ chính thức của ngôi nhà trở về bảo rằng ông ta vui lòng được gặp tôi. Đó là một ngôi nhà nhỏ bé xinh xắn, ở đấy vật gì cũng mới mẻ và lấp lánh, những bông hoa trên thảm trông như vừa mới hái, những lá xanh trên giấy dán ở tường trông như vừa mới mọc, những rèm cửa bằng nhiễu trắng muốt, và những đồ đạc mầu hồng như đỏ mặt, cái mũ mùa hạ của Đôra có cái giải xanh (bây giờ tôi còn nhớ rõ tôi yêu nàng như thế nào khi lần đầu tiên tôi thấy nàng đội cái mũ khác theo kiểu như vậy) đã treo vào ngoắc mũ nhỏ nhắn; hộp đàn nằm yên vị trong một góc như ở nhà mình, và mọi người đều vấp phải cái chùa của Jip vì nó to lớn quá đối với ngôi nhà của chúng tôi.

Lại một buổi tối sung sướng, cũng không có thực như mọi việc khác, và tôi len lén bước vào cái phòng quen thuộc trước khi đi ra. Đôra không có ở trong phòng. Có lẽ nàng đang mặc thử áo quần. Cô Lavinia thò đầu ra ngoài cửa bí mật bảo tôi rằng lát nữa nàng sẽ đi ngay. Nhưng nàng vẫn cứ chần chừ; và lát sau tôi nghe có tiếng sột soạt sau cánh cửa và có người gõ cửa. Tôi nói: "Vào đi!". Nhưng người ta vẫn cứ gõ cửa.

Tôi đi ra cửa không biết có việc gì. Đến nơi, tôi gặp đôi mắt lấp lánh và gương mặt đỏ ửng; đó là đôi mắt và gương mặt của Đôra và cô Lavinia đã mặc áo cưới ngày mai và đội mũ cho nàng để cho tôi xem. Tôi ghì người vợ nhỏ bé của tôi sát tim và cô Lavinia khẽ kêu lên một tiếng bởi vì tôi làm cái mũ xộc xệch đi và Đôra vừa cười vừa khóc bởi vì tôi rất vừa lòng. Nhưng hơn bao giờ hết tôi càng ít tin đó là sự thật.

“Anh có thấy em xinh không, Đoátđi?” Đôra hỏi.

“Xinh chứ! Có lẽ nào lại không xinh được?”

“Anh có chắc rằng anh yêu em lắm không?” Đôra hỏi.

Câu hỏi này gây ra nhiều nguy hiểm cho cái mũ đến nỗi cô Lavinia lại khẽ kêu lên và yêu cầu tôi nhớ rằng chỉ nên nhìn Đôra mà thôi chứ nhất thiết không được chạm vào người nàng. Thế rồi Đôra đứng một hay hai phút, lúng túng rất đáng yêu, để cho người ta ngắm nghía rồi nàng cất cái mũ (nàng có vẻ rất tự nhiên khi nàng không đội mũ, rồi tay cầm mũ nàng chạy đi); rồi lại quay lại nhảy nhót trong cái áo hàng ngày và nàng hỏi Jip nàng có phải bà vợ nhỏ bé xinh đẹp của tôi không, nó có để cho nàng lấy chồng không, và lần cuối cùng trong đời con gái của nàng quỳ xuống bắt nó đứng lên quyển sách nấu ăn.

Lòng phân vân hơn bao giờ hết, tôi trở về nhà, một cái nhà ở gần đấy và từ sáng sớm sau tôi dậy để đi ngựa trên đường Haigây tìm cô tôi.

Cô tôi mặc áo lụa mầu hoa huệ, đội mũ trắng và trông lộng lẫy. Janét đã mặc quần áo cho cô tôi và đang đứng đấy ngắm tôi. Chị Pécgôti đã sẵn sàng đi nhà thờ với ý định ngồi ở giảng đàn ngắm nhìn buổi lễ. Ông Đích đã uốn tóc để làm nhiệm vụ đưa người yêu của tôi đến bàn thờ. Trátđơn mà tôi gặp lại ở nơi đã hẹn là chỗ thu thuế mặc bộ y phục rạng rỡ mầu kem và mầu xanh nhạt ông Đích và cậu đều có vẻ như đeo găng từ đầu đến chân.

Cố nhiên là tôi trông thấy tất cả những điều đó bởi vì biết rằng sự việc xảy ra như thế, nhưng tôi ngơ ngác, cảm thấy không thấy gì hết, tôi cũng không tin cái gì hết. Tuy vậy, khi chúng tôi đi trên một chiếc xe ngựa bỏ mui, đám cưới thần tiên này cũng là một thực tế khá rõ để cho tôi tràn ngập tình cảm ngạc nhiên thương hại những kẻ bất hạnh, không tham dự gì vào đấy nhưng đang quét cửa hiệu và làm những công việc hàng ngày.

Suốt đoạn đường đi, cô tôi vẫn nắm tay tôi trong bàn tay mình. Khi chúng tôi dừng lại, cách nhà thờ một quãng ngắn, để cho chị Pécgôti mà chúng tôi để ngồi trên chỗ ngồi của anh xà ích bước xuống, cô tôi xiết chặt tay tôi, hôn tôi mà nói.

“Cầu chúa phù hộ cho cháu, Trốt ạ! Con trai của cô cũng không thể được cô yêu quý hơn. Sáng nay cô nghĩ đến con bé tội nghiệp”.

“Cháu cũng thế, và nghĩ về chỗ cháu đã mang ơn cô, trong tất cả mọi việc”.

“Rõ trẻ con!” Cô tôi nói và giơ tay cho Trátđơn một cách hết sức niềm nở.

Trátđơn giơ tay cho ông Đích nắm, và ông Đích giơ tay cho tôi nắm, tôi lại giơ tay cho Trátđơn nắm, và lúc đó chúng tôi đến trước cửa nhà thờ.

Nhà thờ khá yên tĩnh, tôi tin như thế. Nhưng sự yên tĩnh này cũng làm tôi băn khoăn chẳng kém gì một cái máy hơi nước đang hoạt động. Tôi chẳng còn tài nào yên tĩnh nữa.

Phần còn lại chỉ là một giấc mơ khá lộn xộn.

Tôi mơ thấy người ta cùng bước vào với Đôra, thấy chị xếp ghế như một người cai đặt chúng tôi ngồi trước dãy song sắt ngăn cách điện thờ; trong lúc đó, tôi tự hỏi tại sao những người xếp ghế bao giờ cũng cứ phải là những bà khó chịu nhất trên đời, có phải người ta sợ nếu họ vui vẻ thì sẽ gây nên bệnh truyền nhiễm tai hại, cho nên người ta đặt những con người cau có kia trên con đường tới thiên đình chăng?

Trong giấc mơ tôi thấy ông mục sư và người coi nhà thờ đến gần; một vài thủy thủ hay một vài

người khác bước vào, một thủy thủ già đứng sau tôi làm nhà thờ sặc mùi rượu rum và lễ cầu nguyện bắt đầu bằng một giọng trầm giữa sự chú ý của mọi người.

Trong giấc mơ tôi thấy cô Lavinia đóng vai phù dâu phụ là người đầu tiên khóc nức nở tưởng nhớ đến ông Pitơ. (Tôi kết luận như vậy), cô Claritxa lấy lọ dầu. Ácnét săn sóc Đôra, cô tôi hết sức nghiêm nghị nhưng nước mắt vẫn chảy ròng ròng, và nàng Đôra nhỏ bé run lẩy bẩy trả lời thì thào khe khẽ.

Tôi mơ thấy hai chúng tôi quỳ xuống bên nhau. Đôra dần dần bớt run hơn nhưng vẫn nắm chặt bàn tay Ácnét; buổi lễ diễn ra trang trọng và yên lặng, chúng tôi nhìn nhau nụ cười lẫn lộn với nước mắt như trong một ngày xuân, bà vợ trẻ tuổi của tôi khóc rưng rức ở trong phòng áo thánh nhắc đến người cha tội nghiệp, người cha yêu quý.

Tôi mơ thấy lát sau nàng lại vui vẻ và chúng tôi lần lượt ký vào sổ. Tôi lên giảng đàn tìm chị Pécgôti, đưa chị xuống ký; chị Pécgôti xiết chặt tay tôi bảo tôi rằng chị đã dự đám cưới bà mẹ thân yêu của tôi, thế rồi buổi lễ kết thúc và chúng tôi ra về.

Tôi mơ thấy mình kiêu hãnh và ngây ngất vì tình yêu, khoác tay người vợ dịu hiền đi qua hành lang trong một đám mây mù thấp thoáng nào người, nào giảng tòa, nào đài kỷ niệm, nào ghế, những chậu nước thánh, những đàn oócgơ và những cửa sổ trong đó xuất hiện chập chờn những kỷ niệm nhắc đến ngôi nhà thờ thời thơ ấu ở quê tôi ngày xửa ngày xưa.

Tôi mơ thấy người ta thì thào khi chúng tôi đi qua: "Đôi vợ chồng trẻ quá!" "Cô dâu xinh quá!" Tôi mơ thấy chiếc xe trở về nhà và mọi người vui vẻ rộn rã, Xôphi bảo chúng tôi rằng khi người ta hỏi Trátđơn tờ giấy hôn thú (tôi đã giao cho cậu ta tờ giấy này), suýt nữa cô ta ngất đi vì cô ta yên trí cậu ta đã bỏ mất hay bị móc túi, Ácnét cười vui vẻ và Đôra yêu quý Ácnét đến nỗi không muốn rời khỏi nàng mà cứ nắm chặt lấy tay nàng.

Tôi mơ thấy một bữa ăn sáng với vô số thức ăn xinh xắn, ngon lành. Tôi ăn như trong giấc mơ không cảm thấy mùi vị gì; có thể nói tôi tràn ngập tình yêu và hôn lễ nên không tin vào những thức ăn, cũng như không tin vào bất kỳ cái gì.

Tôi mơ thấy mình đọc một bài diễn văn với cái vẻ mơ màng như vậy, không có khái niệm gì về những điều mình muốn nói; thậm chí chắc rằng tôi không thể nói. Mặc dầu như trong một giấc mơ, chúng tôi vẫn thấy mình sung sướng mộc mạc và vui vẻ, và dịp ăn bánh ngọt đám cưới nhưng nuốt không được.

Tôi mơ thấy hai con người mà chúng tôi đã thuê đều sẵn sàng và Đôra đi thay áo. Cô tôi và cô Claritxa ở lại với chúng tôi; chúng tôi đi dạo chơi trong vườn và trong bữa ăn trưa cô tôi đã học một bài diễn văn dài về những cô của Đôra, bài này làm cô tôi khoái trá và hơi kiêu hãnh nữa.

Tôi mơ thấy Đôra đã sẵn sàng và cô Lavinia lăng xăng quanh nàng, rất tiếc phải từ giã cái đồ chơi xinh xắn đã đem đến cho cô nhiều quan tâm thú vị, Đôra đã phát hiện ra cả một loạt sáng kiến và ngạc nhiên vì nhận thấy rằng nàng đã bỏ quên tất cả mọi thứ lặt vặt, và mọi người chạy tứ tung tìm cho nàng.

Tôi mơ thấy những người đàn bà xúm xít quanh Đôra khi nàng bắt đầu chia tay họ và họ mặc áo màu sặc sỡ và mang đăng ten, trông giống như một bồn hoa. Người yêu của tôi gần như chết ngạt ở giữa những bồn hoa ấy và nàng vùng ra vừa cười vừa khóc để nấp vào trong đôi cánh tay ích kỷ của tôi.

Tôi mơ thấy tôi muốn mang Jip (nó phải đi với chúng tôi) và Đôra nói: "Không!" nàng phải mang nó nếu không nó sẽ tưởng nàng không yêu nó vì bây giờ nàng đã có chồng và nó "sẽ buồn chết". Chúng

tôi khoác tay nhau đi, nhưng Đôra dừng lại, ngoái cổ lại nói: "Nếu em có khó chịu và tệ bạc với ai, thì xin anh đừng để ý nhé!" và òa lên khóc.

Tôi mơ thấy nàng vẫy vẫy bàn tay nhỏ nhắn và chúng tôi lại ra đi lần nữa. Nàng dừng lại ngoái cổ lại và chạy xổ về phía Ácnét, và dành riêng cho Ácnét những cái hôn và những lời từ biệt cuối cùng.

Chúng tôi leo lên xe ra đi và tôi tỉnh dậy khỏi giấc mơ. Cuối cùng tôi đã tin? Người vợ nhỏ bé đang ở cạnh tôi, người mà tôi yêu tha thiết!

"Bây giờ anh có sung sướng không, anh ngốc" - Đôra nói - "Anh có chắc là anh không hối tiếc không?"

Tôi đã đứng tách riêng để nhìn những hình bóng chập chờn của tôi thời xưa ấy qua trước mặt tôi. Nó đã qua rồi. Và tôi trở lại câu chuyện của mình.

---

[1] Mỗi ngón tay là 100 bản một năm.

Chương XLIV
CHÚNG TÔI LO VIỆC NỘI TRỢ

Một việc thực lạ: tuần trăng mật đã qua, các cô phù dâu trở về nhà trọ, và tôi ngồi một mình trong ngôi nhà nhỏ của mình với Đôra, hoàn toàn không có công việc gì, bởi vì có thể nói công việc ve vãn thú vị ngày xưa đã chấm dứt.

Tôi ngạc nhiên sao Đôra cứ luôn luôn ở bên cạnh. Không bắt buộc phải rời khỏi nhà để thăm nàng, không phải băn khoăn lo lắng về nàng, không phải viết thư cho nàng, đó đều là những chuyện có vẻ phi thường quá! Buổi tối, khi rời bỏ công việc, ngước mắt lên thấy nàng ngồi trước mắt, đôi khi tôi ngả người ra trên lưng ghế không hiểu sao chúng tôi giờ đây lại sống bên nhau, như một truyện dĩ nhiên… không liên quan đến ai… còn cái thời hứa hôn lãng mạn của chúng tôi đang nằm mốc meo ở trên giá và bây giờ chúng tôi chỉ còn phải làm cho người mình yêu hài lòng đến hết đời, ngoài ra chẳng phải làm ai vui lòng nữa.

Khi có cuộc tranh luận ở Quốc hội và tôi trở về muộn, tôi cuốc bộ về nhà, cảm thấy lạ lùng nghĩ rằng Đôra đợi tôi ở nhà. Lúc đầu, thấy nàng nhẹ nhàng xuống thang gác đến nói chuyện với tôi khi tôi ăn tối, thực là một điều kỳ diệu! Tôi không ngờ rằng nàng quấn tóc vào giấy để cho nó quăn và tôi rất ngạc nhiên khi nhìn nàng làm thế.

Tôi không tin rằng có đôi chim non nào biết ít việc nhà như tôi và Đôra. Cố nhiên tôi có một người đầy tớ gái. Chị ấy coi nhà cửa cho chúng tôi. Ngay đến nay tôi vẫn còn ngờ ngợ rằng chị ấy phải là con gái bà Crơp trá hình, vì chị Mari Annơ này đã làm chúng tôi đến khổ sở.

Chị ta tên là Parangôn. Khi chúng tôi thuê, người ta nói rằng tên của chị không biểu lộ đầy đủ những đức tính của chị[1].

Chị có một tờ giấy giới thiệu như một bản tuyên ngôn và theo văn kiện này, chị biết làm mọi việc nội trợ xưa nay tôi nghe nói đến và nhiều điều khác nữa mà tôi chưa hề nghe nói đến bao giờ. Chị ta vào tuổi thanh xuân, nét mặt nghiêm khắc và có những nốt đỏ nhỏ mọc trên da (nhất là ở cánh tay). Chị có một ông anh họ trong đội kỵ binh cận vệ, anh này chân dài đến nỗi giống như cái bóng lêu nghêu vào buổi chiều. Áo chẽn tỏ ra quá chật đối với anh cũng như ngôi nhà nhỏ của chúng tôi cũng tỏ ra quá chật với anh. Anh ta làm cho ngôi nhà nhỏ hơn nhiều so với thực tế, vì ngôi nhà không cân xứng chút nào so với anh. Hơn nữa, buổi tối khi anh vào nhà chúng tôi thì những bức tường không được dầy vì bao giờ chúng tôi cũng nghe thấy tiếng gầm gừ không dứt ở dưới bếp.

Người ta bảo con người quý hóa của chúng tôi là thực thà chất phác. Tôi sẵn sàng tin rằng cái lần chúng tôi thấy chị bò dưới cái nồi nấu nước là vì chị ốm và chiếc thìa trà mất đi hẳn là do người quét nhà.

Nhưng chị làm cho chúng tôi hoảng hồn. Chúng tôi cảm thấy mình thiếu kinh nghiệm và không làm được gì cả. Chúng tôi sẽ bị chị ta bóp mũi nếu như chị ta muốn. Nhưng chị lại là người đàn bà tàn nhẫn và không có chút tình thương nào. Chị là nguyên nhân cuộc cãi cọ đầu tiên của chúng tôi. Một hôm tôi nói với Đôra:

"Này em yêu quý, em có nghĩ rằng Mari Annơ không biết gì về giờ giấc không?"

"Sao thế, anh Đoátđi?" Đôra hỏi tôi, đôi mắt ngây thơ rời khỏi bức tranh nàng đang vẽ.

"Em ạ! Bởi vì năm giờ rồi mà lẽ ra chúng ta phải ăn chiều lúc bốn giờ!"

Đôra liếc mắt nhìn chiếc đồng hồ quả lắc có vẻ buồn rầu và cho rằng có lẽ đồng hồ đi nhanh.

"Trái lại, em ạ" tôi nói nhìn đồng hồ của tôi, "nó chậm mất mấy phút".

Bà vợ nhỏ bé của tôi ngồi lên đầu gối tôi, đùa giỡn để làm tôi dịu lại, và vẽ một nét bút chì ở giữa sống mũi tôi, nhưng mặc dầu cảm giác ấy rất thú vị tôi vẫn không thể lấy nó làm bữa ăn chiều được.

"Em ạ, tôi nói em không thấy rằng phải bảo Mari Annơ sao?"

"Ồ, anh Đoátđi ạ, em xin anh, em không làm được đâu".

"Tại sao lại không hở em?" tôi nói dịu dàng.

"Bởi vì em ngốc lắm" Đôra nói "và chị ấy biết thế".

"Ồ, nhưng cái nét nhăn xấu xí trên cái trán của anh chàng độc ác này!" Đôra nói và vẫn cứ ngồi trên đầu gối tôi, nàng cầm bút chì vẽ những nét nhăn ấy, đưa bút chì lên đôi môi nhỏ để làm cho những nét của nó càng đen và làm việc với cái vẻ bận rộn buồn cười đến nỗi tôi cũng phải sướng mê mặc dù không muốn.

"Bây giờ anh là một cậu bé ngoan rồi đấy!" Đôra nói "nhưng nếu cười thì xinh hơn nhiều".

"Nhưng em ạ!" tôi nói.

"Không, không, em xin anh!" Đôra kêu lên và hôn tôi, "anh đừng làm một ông râu xanh độc ác nữa, đừng làm vẻ nghiêm trang nữa".

"Em yêu quý, chúng mình đôi khi cũng phải nghiêm. Này nhé! Em ngồi trên cái ghế này, bên cạnh anh! Em cho anh cái bút chì ấy! Tốt, tốt lắm. Bây giờ chúng ta hãy bàn một cách nghiêm túc nhé! "Em ạ" (bàn tay của nàng thật là nhỏ bé và cái nhẫn cưới trên tay nhỏ xíu) khi hiểu rằng phải đi làm việc không ăn chiều thì không tốt cho lắm. Thế nào! Em nó nói thế nào?"

"Kh…ông" Đôra khẽ đáp.

"Em ơi, em run gì dữ thế?"

"Bởi vì em biết rằng anh sắp mắng em!" Đôra kêu lên giọng thiểu não.

"Em ạ, anh chỉ muốn bàn với em…"

"Ồ, nhưng mà bàn còn tệ hơn là mắng nữa!" Đôra kêu lên tuyệt vọng. "Em không lấy chồng để nghe chuyện bàn bạc. Nếu anh muốn lý sự với một người tội nghiệp nhỏ bé như em thì anh phải nói với em trước. Anh độc ác lắm!"

Tôi tìm cách xoa dịu Đôra nhưng nàng quay mặt đi và vùng vằng cái đầu tóc quăn mấy lần rồi bảo tôi…: "Anh là người độc ác, độc ác lắm!" và nói nhiều lần như thế đến nỗi tôi không còn biết nên làm thế nào. Trong lúc lưỡng lự, tôi đi đi lại lại trong phòng một lát rồi đến gần nàng.

"Đôra, em yêu quý của anh!"

"Không, em không phải là em yêu quý của anh. Vì rõ ràng anh hối tiếc đã lấy em, nếu không anh đã chẳng lý sự với em!" Đôra nói.

Tôi cảm thấy uất ức bởi sự buộc tội phi lý ấy cho nên điều đó khiến tôi đủ can đảm để tỏ ra nghiêm nghị.

"Thế này, em Đôra. Em trẻ con lắm, em toàn nói chuyện vớ vẩn cả. Chắc hẳn em còn nhớ, hôm qua giữa bữa ăn chiều, anh bắt buộc phải đi và hôm kia anh thực thà là ốm bởi vì bắt buộc phải ăn vội thịt bê không nấu chín. Hôm nay anh không ăn gì hết, đó là anh không muốn nói rằng chúng mình phải đợi bữa ăn điểm tâm lâu như thế nào và khi bữa ăn dọn lên thì nước không sôi. Anh không có ý trách em,

em ạ, nhưng như thế này là không ổn".

"Anh tàn nhẫn lắm, anh tàn nhẫn lắm, khi bảo em là người vợ đáng ghét", Đôra kêu lên.

"Nào, em yêu quý, em phải biết rằng anh không bao giờ nói thế!"

"Anh bảo rằng em không ổn" Đôra nói.

"Anh bảo rằng việc nội trợ không ổn".

"Thế thì cũng là một!" Đôra kêu lên và rõ ràng nàng nghĩ như vậy vì nàng khóc hết sức dữ dội.

Tôi lại đi quanh phòng một lượt lòng tràn ngập tình yêu đối với người vợ xinh đẹp và hối hận đến nỗi muốn húc đầu vào cánh cửa. Tôi lại ngồi xuống và bảo nàng.

"Anh không trách em đâu, Đôra ạ! cả hai chúng ta đều có nhiều điều phải học. Anh chỉ muốn chỉ cho em thấy rằng cần phải… cần phải…" tôi kiên quyết không nhượng bộ điểm này "theo dõi Mari Annơ, và phải làm một ít vì lợi ích của em cũng như của anh".

"Tại sao anh có thể nói với em những lời nói tệ bạc như vậy" - Đôra nói và khóc rưng rức "khi hôm trước anh nói rằng vì anh thích ăn cá nên em đã đi hàng cây số để mua cá, để làm cho anh ngạc nhiên."

"Em làm như thế là rất ngoan em ạ," tôi nói. "Anh rất cảm động về việc đó nên dù thế nào đi nữa anh cũng không nói với em rằng em đã mua một con cá hồi hai vợ chồng không thể ăn hết và giá 1 bảng 6 xiling, vượt quá khả năng chúng ta".

"Anh thích nó lắm cơ mà?" Đôra nói khóc rưng rức - "Rồi anh bảo là em là con chuột con".

"Và anh sẽ còn nói như thế em ạ", tôi đáp, "sẽ còn nói hàng ngàn lần".

Nhưng tôi đã làm cho con tim dịu dàng của Đôra bị thương tổn và không có cách nào dỗ nàng được nữa. Nàng khóc nức nở và rền rĩ thảm thiết đến nỗi tôi thấy mình đã lỡ nói một lời xúc phạm. Tôi phải ra đi vội vàng. Tôi trở về nhà muộn và buổi tối tôi bị những nỗi hối hận dày vò khổ sở. Lương tâm tôi như lương tâm một đứa giết người, và cái cảm giác mơ hồ đã làm một điều gì độc ác kinh khủng cứ ám ảnh tôi.

Khi tôi về đến nhà, đã hai ba giờ sáng. Tôi thấy cô tôi ngồi trong nhà đang thức đợi tôi.

"Cô ơi, có việc gì không?" tôi hỏi lo lắng.

"Không có gì, Trốt ạ" cô tôi đáp "cháu ngồi xuống. Bông hoa nhỏ hơi buồn và cô ngồi nói chuyện với nó… có thế thôi".

Tôi ngồi, lấy tay đỡ lấy đầu, mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa, không ngờ không mấy chốc sau khi những hy vọng tươi đẹp nhất của mình đã được thực hiện, mình đã cảm thấy buồn bã và chán nản. Trong khi trầm ngâm, thỉnh thoảng tôi bắt gặp cặp mắt của cô tôi đang dán chặt vào mặt tôi, nhưng ngay sau đó nó lại tươi ngay, tôi nói:

"Cô ạ, cháu cam đoan với cô suốt cả buổi tối cháu rất khổ sở khi nghĩ rằng Đôra khổ sở. Nhưng thực cháu chỉ muốn nói với Đôra một câu âu yếm và dịu dàng về việc nhà của bọn cháu".

Cô tôi khẽ gật đầu có vẻ khuyến khích.

"Trốt ạ, cháu phải kiên nhẫn."

"Cố nhiên cô ạ, rõ ràng cháu không muốn tỏ ra vô lý".

"Không, không", cô tôi nói, "nhưng Bông hoa nhỏ là một bông hoa nhỏ rất mong manh và gió phải

dịu dàng với nó".

Trong thâm tâm, tôi cảm ơn cô tôi đã tỏ ra dịu dàng đối với vợ tôi và tôi tin chắc rằng cô hiểu bụng tôi. Tôi ngắm nhìn ngọn lửa một lát rồi nói:

"Cô có thể thỉnh thoảng khuyên nhủ và bày vẽ cho Đôra một chút, vì lợi ích chung của chúng cháu được không?"

Cô tôi nói giọng tha thiết đến nỗi tôi ngước mắt lên nhìn kinh ngạc. Cô tôi nói: "Con ạ, cô hồi tưởng lại cuộc đời của mình, và cô nghĩ tới một vài người hiện nay nằm dưới mộ mà lẽ ra cô phải tỏ ra thân mật hơn. Cô đã nhận xét nghiêm khắc về những sai lầm của người khác trong hôn nhân, nhưng có thể đó là vì cô có những lý do đau xót để nhận xét nghiêm khắc về cuộc hôn nhân của mình. Thôi đừng nhắc điều đó nữa. Đã bao năm nay cô là một bà cáu kỉnh và đồng bóng. Hiện nay cô vẫn thế và bao giờ cũng thế. Nhưng Trốt ạ, dẫu sao cô cháu ta cũng đã làm cho nhau được sung sướng đôi phần và lúc này ở cô cháu mình không nên có sự chia rẽ".

"Sự chia rẽ giữa cô cháu ta ư?" tôi kêu lên.

"Con ạ,", cô tôi nói, vuốt lại cổ áo cho thẳng "không nhà tiên tri nào có thể nói sự chia rẽ sẽ xảy ra giữa chúng ta như thế nào hay cô có thể làm cho Bông hoa nhỏ của chúng ta khổ sở như thế nào nếu như cô can thiệp vào, dù là ít nhất… Cô muốn rằng con bé yêu quý thương cô và nó vui như một con bướm. Con hãy nhớ lại gia đình mình ngày mẹ con tái giá và đừng bắt Đôra và cô phải chịu cái điều thương tổn mà con vừa nói đến".

Tôi hiểu ngay cô tôi đã có lý, và tôi hiểu tất cả tình cảm nhân hậu của cô tôi đối với người vợ yêu quý của tôi. Cô tôi nói:

"Trốt ạ, bây giờ còn sớm và thành La-mã không phải xây xong trong một ngày, ngay trong một năm. Cháu đã tự do lựa chọn". Tôi cảm thấy một đám mây hiện lên trên gương mặt cô tôi trong một lát.

"Và cháu đã chọn một người rất xinh và rất dễ thương, nhiệm vụ của cháu và niềm vui của cháu nữa (cô thừa biết cô không dạy cháu một bài học) là yêu quý vợ (như cháu đã chọn) vì những đức tính mà vợ cháu đã có, chứ không phải vì những đức tính mà vợ cháu có thể không có. Cháu cần phát triển ở vợ những đức tính này nếu cháu có thể làm được. Nhưng nếu cháu không làm được, cháu ạ" đến đây cô tôi gãi mũi, "thì cháu phải tập chịu đựng cho quen, và cháu nên nhớ rằng tương lai của cháu lệ thuộc vào cả hai vợ chồng. Không ai có thể giúp cháu được. Vợ chồng cháu phải tự tay làm ra tương lai. Hôn nhân là thế đấy, Trốt ạ. Và cầu Chúa phù hộ cho vợ chồng cháu trong cuộc hôn nhân này, một đôi vợ chồng trẻ con như hai đứa bé lạc vào rừng như trong chuyện cổ."

Cô tôi nói giọng rôm rả và hôn tôi một cái để xác nhận lời ban phúc của mình. Cô tôi nói:

"Còn bây giờ, cháu hãy thắp chiếc đèn nhỏ của cô và đưa cô về ngôi nhà tí xíu qua lối đi trong vườn (bởi vì có lối đi giữa hai nhà về phía này). Khi vào nhà, cháu hãy bảo Bông hoa nhỏ rằng cô Bétxi Trốtut gửi lời thăm và nhất thiết chớ nghĩ đến chuyện biến Bétxi thành một con ngáo ộp, bởi vì nếu như cô có dịp thấy mình ở trong gương thì chỉ riêng mặt mày cô cũng đã dễ sợ và khủng khiếp lắm rồi".

Nói đoạn, cô tôi lấy khăn tay buộc lên đầu, như cô tôi vẫn làm trong những trường hợp tương tự, và tôi đưa cô tôi về nhà. Khi cô tôi đứng ngoài vườn, giơ cao ngọn đèn nhỏ để chiếu sáng cho tôi trở về, tôi cảm thấy cô tôi nhìn tôi có vẻ lo lắng. Nhưng tôi đang mải nghĩ đến lời cô tôi nói và lần đầu tiên tôi nhận thấy rõ là Đôra và tôi phải tự tay xây dựng lấy tương lai mình, cho nên tôi không để ý đến vẻ mặt của cô tôi.

Đôra lặng lẽ bước xuống cầu thang, chân mang giầy ngủ để đón tôi khi tôi đứng một mình; nàng gục lên vai tôi mà khóc và bảo tôi rằng tôi tàn nhẫn còn nàng thì dễ ghét và hình như tôi cũng nói với nàng đại khái như vậy. Thế rồi chúng tôi giải hòa và hứa với nhau rằng cuộc cãi cọ nhỏ đầu tiên này sẽ là cuộc cãi cọ cuối cùng và dù có sống đến trăm tuổi, chúng tôi cũng sẽ không bao giờ cãi nhau nữa.

Điều thử thách tiếp theo trong gia đình là do những người đầy tớ gây nên. Ông anh họ của Mari Annơ đào ngũ và trốn vào hầm than của chúng tôi. Anh ta bị một tiểu đội những người bạn đồng ngũ lôi ra khỏi hầm than, trước sự ngơ ngác của chúng tôi. Họ trói tay anh ta lại, rồi dẫn đi diễu hành làm cho cái vườn của chúng tôi đến nhục. Tình trạng này khiến cho tôi có đủ dũng khí đuổi Mari Annơ. Chị ra đi rất dễ dàng sau khi đã nhận tiền lương làm tôi rất đỗi ngạc nhiên, cho đến khi tôi phát hiện chị bán các thìa cà phê và những món tiền nhỏ mà chị đã tự ý mượn tên tôi vay những người bán hàng tuy không được tôi đồng ý. Sau khi thuê bà Kitjơbơri (theo ý tôi đó là người đàn bà già nhất của thành phố Kentit) lo việc bếp núc, (bà này yếu quá nên không thể thực hiện được những điều bà nói về nghệ thuật này), chúng tôi tìm được một viên ngọc khác. Đó là một người đàn bà hết sức dễ thương nhưng lại đặc biệt thích ngã lăn ở cầu thang nhà bếp khi mang khay đi lên hay đi xuống và mang cả bộ đồ trà lao vào phòng khách như người ta lao vào bể tắm. Những sự phá hoại của con người tội nghiệp này bắt chúng tôi phải cho bà ta về. Rồi sau đó là một loạt người bất lực kế tiếp theo (trong những thời gian này có nhiều lúc bà Kitjơbơri làm.. Cuối cùng là một chị trẻ tuổi có vẻ lịch sự đội mũ của Đôra đi dự phiên chợ Grinnich. Sau đó, tôi chỉ còn nhớ đến một loạt thất bại kế tiếp nhau.

Tất cả những người chúng tôi phải nhờ cậy đến hình như đều lừa chúng tôi.

Chúng tôi vừa bước vào một cửa hàng thế là người bán hàng đưa ngay ra những hàng đã hỏng. Nếu chúng tôi mua một con tôm hùm thì nó sũng nước. Thịt chúng tôi mua bao giờ cũng dai, bánh không có vỏ viếc gì cả. Để biết cần phải nướng thịt bao lâu thì vừa mà không chín quá, tôi giở sách nấu ăn ra, sách nói mỗi pao-đơ thịt nướng mất 15 phút, rồi thêm 15 phút nữa. Nhưng do một thứ định mệnh kỳ quặc nguyên tắc ấy bao giờ cũng thất bại và không bao giờ chúng tôi đạt được một kết quả trung gian giữa thứ thịt đỏ hỏn và thứ thịt cháy thành than.

Tôi có đủ lý do để tin rằng những thất bại ấy đã làm chúng tôi tốn nhiều tiền hơn nhiều so với số tiền cần thiết để thành công rực rỡ. Khi liếc nhìn sổ hiệu buôn ghi những hàng chúng tôi đã mua, tôi có tưởng chừng mình đã lấy bơ lát tất cả nền nhà vì chúng tôi dùng bơ nhiều khủng khiếp. Tôi không biết trong thời gian ấy sở thuế vụ có thu thêm thuế về khoản bán bơ hay không, nhưng nếu như những thành tích của chúng tôi không ảnh hưởng gì đến thị trường thì theo ý tôi nhiều gia đình đã phải thôi không được ăn bơ nữa, và chuyện kỳ diệu nhất đời là trong nhà chúng tôi không bao giờ có một thứ gì hết.

Còn chuyện chị thợ giặt đem áo quần chúng tôi đi cầm rồi đến xin lỗi có vẻ ăn năn hối hận lắm thì theo tôi điều này có thể xảy ra nhiều lần đối với bất kỳ ai. Còn về chuyện lò sưởi bốc cháy, cái bơm chữa cháy của địa phận và lời làm chứng giả của ông coi địa phận thì cũng đều thế cả. Nhưng tôi tin rằng chúng tôi đặc biệt khổ vì thuê phải một chị đày tớ thích uống rượu. Chị làm cho số tiền bia ở cửa hàng ăn tăng lên bằng cách thêm vào những khoản chi tiêu không thể cắt nghĩa được, chẳng hạn: "Một cốc rượu trái cây có rum (Bà C), một phần tám lít rượu có hương liệu (bà C), một cốc rượu rum có bạc hà (bà C)…" những chữ trong ngoặc đơn là ám chỉ Đôra và theo những lời giải thích thì Đôra đã ngốn hết tất cả những thứ giải khát ấy.

Một thành tích đầu tiên của chúng tôi trong việc nội trợ là mời Trátđơn tới dự một bữa ăn nhỏ. Tôi gặp cậu ở ngoài phố và mời cậu về nhà cùng với tôi chiều hôm ấy. Cậu vui vẻ nhận lời và tôi viết cho Đôra để nói tôi sẽ dẫn Trátđơn về nhà. Hôm ấy đẹp trời và trong khi đi, chúng tôi nói chuyện về hạnh phúc gia đình của tôi.

Trátđơn rất thích nói về đề tài này, và bảo tôi rằng nếu cậu có một ngôi nhà như ngôi nhà của tôi ở đấy Xôphi sẽ chờ đợi cậu và dọn cơm cho cậu ăn thì cậu sẽ cho rằng hạnh phúc của mình là hoàn toàn trọn vẹn.

Tôi không thể ước mong có được một bà vợ nhỏ nhắn xinh đẹp hơn con người ngồi đầu kia bàn đối diện với tôi. Nhưng khi ngồi xuống, thú thực tôi mong rằng chỗ ngồi rộng hơn một chút nữa. Tôi không hiểu tại sao lại như vậy, nhưng mặc dầu chỉ có hai người, chúng tôi vẫn cảm thấy chật chội. Nhưng trong lúc đó chúng tôi vẫn có nhiều chỗ vì đồ đạc biến đâu hết. Tôi ngờ ngợ rằng có thể vì không có cái gì đặt đúng chỗ, trừ ngôi chùa của Jip cứ luôn luôn chặn mất lối ra vào. Hôm ấy rõ rệt Trátđơn bị ngôi chùa, hộp đàn, những bông hoa Đôra vẽ và cái bàn làm việc của tôi dồn ép đến nỗi tôi tự hỏi không biết cậu có thể dùng được bộ dao nĩa hay không, nhưng cậu phản đối với cái vẻ vui tính hàng ngày.

"Ồ! Copơphin ạ, mình còn khối chỗ, mình cam đoan với cậu, mình còn khối chỗ".

Tôi muốn một điều khác: người ta đừng khuyến khích Jip đi dạo trên khăn bàn trong bữa ăn. Tôi bắt đầu tự nhủ nó đứng đấy xem ra không ổn, dù nó không có thói thọc chân vào liễn muối hay bơ nước.

Hôm ấy, hình như nó nghĩ rằng người ta đưa nó đến đây là để bắt Trátđơn phải dồn vào một góc và nó sủa oăng oẳng vào mặt ông bạn cũ của tôi, rồi nhảy vào đĩa ăn của cậu đến nỗi có thể nói nó thu hút tất cả câu chuyện.

Song tôi biết Đôra yêu quý dễ bị xúc phạm và dễ bực mình nếu người ta động đến bé cưng của nàng, nên tôi không nói gì. Cũng vì thế tôi không nói gì đến những cái đĩa cứ va vào nhau ở trên sàn, hay những bình dấm chạy lộn xộn như say rượu, cũng như việc Trátđơn còn bị phong tỏa thêm bởi những đĩa rau và những cái bình đặt lung tung. Nhìn cái chân cừu luộc trước mặt tôi trước khi cắt, tôi bất giác nghĩ thầm tại sao thịt chúng tôi mua lại có hình thù kỳ quái thế này, hay là anh hàng thịt của chúng tôi đã ký giao kèo mua tất cả những con cừu xấu xí ở trên đời, nhưng tôi vẫn không nói gì. Tôi bảo Đôra.

"Này em, trong đĩa này có gì thế?".

Tôi không tài nào hiểu tại sao Đôra lại cau mày với tôi đáng yêu như vậy, như nàng muốn hôn tôi.

"Sò huyết đấy, anh ạ!" Đôra nói bẽn lẽn.

"Có phải sáng kiến của em đấy không?" tôi hỏi sung sướng.

"Đúng đấy anh Đoátđi ạ!" Đôra nói.

"Sáng kiến tuyệt nhất đời!" tôi kêu lên, đặt dao nĩa xuống bàn "Trátđơn thích nhất thứ này".

"Ph…ải đây anh Đoátđi ạ" - Đôra nói - "vì vậy cho nên em mới mua một thùng con xinh xắn, và ông bán hàng bảo sò huyết rất ngon. Nhưng em… sợ có cái gì không ổn. Nó không chịu mở". Đôra lắc đầu và những hạt kim cương long lanh nơi khóe mắt.

"Nó chỉ mở một phần thôi", tôi nói. "Em đưa anh những con sò ở trên cùng".

"Nhưng nó không chịu tách ra" Đôra nói, nàng cố hết sức mở và có vẻ rất khổ sở.

"Copơphin ạ, cậu biết không" Trátđơn nói, xem kỹ đĩa sò một lượt - "theo ý mình đây là loại sò ngon tuyệt, nhưng người ta chưa bao giờ tách nó ra".

Sò huyết vẫn chưa được nậy ra; chúng tôi lại không có dao nậy sò (mà dù có chúng tôi cũng không

biết sử dụng), nên đành nhìn sò huyết và ăn thịt cừu. Dầu sao chúng tôi ăn cái phần thịt đã chín vàng và để bù vào đây, chúng tôi ăn các thức gia vị. Nếu tôi không phản đối, tôi tin chắc cậu sẽ sẵn sàng biến thành người mọi rợ và sẽ ăn cả một đĩa thịt sống để tỏ ý thích bữa ăn. Nhưng tôi không muốn chấp nhận một sự hy sinh như vậy trước điện thờ của tình bằng hữu và để thay thế thịt cừu, chúng tôi ăn dăm bông (bởi vì may sao trong tủ đồ ăn có dăm bông nguội).

Bà vợ nhỏ bé tội nghiệp của tôi rất khổ tâm khi nàng nghĩ rằng tôi sẽ bực mình, và rất mừng rỡ thấy tôi không giận, nên vẻ lúng túng trong nháy mắt biến mất, và chúng tôi sống một buổi chiều hạnh phúc… Đôra ngồi một tay vịn lên ghế tôi ngồi trong khi tôi cùng Trátđơn uống rượu, nói chuyện, và Đôra tranh thủ mọi dịp để nói thầm bên tai tôi rằng tôi rất ngoan vì không phải là một anh chàng tàn ác, cáu kỉnh. Lát sau, nàng pha trà cho chúng tôi: nhìn nàng loay hoay với những đồ trà của búp bê, trông thật xinh và tôi không khắt khe về chất lượng của thức uống. Sau đó, tôi đánh một vài ván bài với Trátđơn; và trong khi Đôra hát và đệm đàn tôi có cảm tưởng rằng chuyện ve vãn và hôn lễ của tôi chỉ là một giấc mơ thú vị, trái lại buổi tối tôi nghe giọng nói của nàng lần đầu tiên vẫn còn chưa chấm dứt.

Khi Trátđơn ra về và sau khi tiễn cậu về tôi lại bước vào phòng khách - Đôra đặt ghế của mình cạnh ghế tôi và ngồi cạnh tôi. Nàng nói:

"Em rất buồn anh Đoátđi ạ! Anh có chịu khó dạy em một chút không?"

"Trước tiên anh phải dạy anh đã, Đôra ạ" - tôi nói "Anh cũng tồi như em thôi, em ạ!"

"Nhưng mà… ồ! Nhưng mà anh có thể học được", nàng đáp - "vì anh rất thông minh".

"Rõ vớ vẩn, con chim của anh!" tôi nói.

"Em rất tiếc" - vợ tôi nói sau khi im lặng một lát, "em không ở nhà quê suốt một năm và không sống với chị Ácnét."

Nàng chắp hai tay đặt lên vai tôi, chống cằm lên vai tôi và cặp mắt biếc của nàng lặng lẽ nhìn vào mắt tôi.

"Tại sao thế?" tôi hỏi.

"Em nghĩ rằng chị Ácnét sẽ dạy cho em, và em nghĩ rằng em sẽ học được" - Đôra nói.

"Cứ dần dần rồi biết cả thôi, em ạ. Em phải nhớ rằng Ácnét phải săn sóc ông cụ thân sinh bao năm trời. Ngay từ lúc còn nhỏ xíu cô ấy vẫn là cô Ácnét như chúng ta đã biết", tôi nói.

"Anh có gọi em bằng cái tên em muốn anh gọi em không?" Đôra nói, không cử động.

Tên gì thế? tôi mỉm cười hỏi.

"Một cái tên vớ vẩn lắm" - Nàng nói, lúc lắc những món tóc quăn một lát: - "Bà vợ trẻ con."

Tôi cười hỏi bà vợ trẻ con tại sao nàng lại muốn tôi gọi nàng như vậy. Nàng đáp không cử động (chỉ trừ đôi mắt xanh biếc gần tôi hơn trước, có lẽ vì tôi đã đưa tay ra ôm lấy người nàng).

"Anh ngốc lắm! Em không muốn nói anh phải gọi em chết thay cho tên Đôra. Em chỉ muốn nói anh phải xem em là một người như thế. Khi sắp giận em, anh hãy tự nhủ: "Đó chỉ là bà vợ trẻ con của tôi".

Khi em làm anh bực mình, anh hãy nói:

"Từ lâu mình đã biết Đôra chỉ có thể là một bà vợ trẻ con mà thôi!", và khi anh tiếc rằng em không là con người như anh muốn và em nghĩ không bao giờ em lại như thế, anh hãy tự nhủ: "Tuy vậy bà vợ trẻ con ngốc nghếch vẫn yêu mình!" vì quả thực em rất yêu anh".

Tôi chưa bao giờ nói chuyện nghiêm trang với nàng bởi vì từ trước đến nay tôi không hề nghĩ rằng nàng nói năng nghiêm trang. Nhưng vì bản tính dịu hiền, nàng rất sung sướng khi nghe tôi nói với nàng những lời thốt từ đáy lòng, đến nỗi gương mặt nàng trở thành tươi tỉnh, trước khi đôi mắt long lanh đã khô ráo. Chẳng bao lâu nàng quả thực là bà vợ trẻ con của tôi.

… Nàng ngồi trên sàn bên cái chùa Trung quốc lần lượt rung tất cả những chiếc chuông nhỏ xíu để trừng phạt Jip về hành động hỗn xược của nó trong khi nó vẫn nằm ở trước ngưỡng cửa nheo mắt, thò đầu ra ngoài, lười biếng quá nên không để ý đến sự đùa cợt.

Yêu cầu này của Đôra đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc. Tôi hồi tưởng lại cái thời mà tôi đang kể lại; tôi cầu khẩn cái hình dáng ngây thơ mà tôi đã yêu tha thiết hãy bước ra khỏi lớp sương mù và bóng tối thời xưa và quay gương mặt hiền từ về phía tôi lần nữa; và tôi có thể khẳng định rằng lời yêu cầu ngắn ngủi đó đến nay vẫn luôn luôn ở trong trí nhớ của tôi. Có thể tôi không biết sử dụng nó một cách thích hợp, vì tôi còn trẻ và ít kinh nghiệm, nhưng không bao giờ tôi thờ ơ không nghe lời cầu khẩn mộc mạc này.

Sau đó ít lâu, Đôra báo cho tôi biết nàng sẽ trở thành một người nội trợ tuyệt diệu, nàng lau các bảng gỗ, gọt bút chì mua một quyển sổ to tướng lấy kim chỉ khâu lại cẩn thận tất cả các trang của quyển sách nấu ăn mà Jip đã làm tung ra và quả thực đã cố gắng tuyệt vọng để làm một người vợ "ngoan" như nàng nói. Nhưng những con số vẫn giữ cái thói bướng bỉnh như xưa, chúng không chịu để người ta cộng. Sau khi đã viết cẩn thận hai hay ba khoản trong cuốn sổ. Jip lại đi lên trang giấy ve vẩy đuôi làm nhòe tất cả. Ngón tay giữa nhỏ bé của bàn tay phải của Đôra thấm mực đến tận xương và theo tôi đó là kết quả duy nhất đạt được.

Đôi khi buổi chiều, khi tôi ở nhà và làm việc (bởi vì lúc này tôi viết nhiều và tôi bắt đầu được xem là một nhà văn cỡ nhỏ), tôi đặt bút xuống nhìn bà vợ trẻ con của tôi cố gắng tỏ ra ngoan. Trước hết, nàng mang đến cuốn sổ dày cồm cộp, đặt nó lên bàn rồi thở dài não nuột. Đoạn nàng giở cái trang tối qua Jip đã làm thành không đọc được, và gọi Jip đến để nhìn hành động bậy bạ của nó. Đó là một dịp để cho Jip nô đùa và nàng có thể bôi mực lên mõm nó để trừng phạt. Sau đó, nàng bảo Jip nằm lên bàn "như con sư tử" (đó là một trò chơi của nó, mặc dầu tôi không thể nói là không giống sư tử cho lắm) và nếu như Jip thích vâng lời thì nó sẽ vâng lời. Rồi nàng cầm một cái bút bắt đầu viết và nhận thấy cái bút này vướng một sợi tóc. Rồi nàng cầm một cái bút khác, bắt đầu viết rồi nói: "Ồ! Bút này kêu dữ lắm, nó sẽ làm cho anh Đoátđi khó chịu". Rồi nàng vứt bỏ công việc như đó là một trò không hay và cất sổ đi sau khi giả vờ dùng nó để đè bẹp con sư tử.

Hay là, nếu như nàng nghiêm chỉnh và rất bình tĩnh, nàng thường ngồi với quyển sổ và một cái giỏ con đầy những giấy đòi tiền và những tờ giấy giống giấy quấn tóc hơn bất kỳ cái gì khác và cố gắng đi đến một kết quả nào đó. Sau khi đã so sánh các tờ giấy này với vẻ mặt nghiêm nghị và ghi vào sổ, nàng xóa tất cả, tính tất cả các ngón tay của bàn tay trái bằng cả hai chiều nhiều lượt và tỏ ra khổ sở đến nỗi tôi cảm thấy khó chịu vì thấy khuôn mặt tươi tắn sầm lại (vì tôi) và tôi dịu dàng bước tới gần nàng bảo:

"Có việc gì thế Đôra?"

Đôra ngước mắt, tuyệt vọng và nói: "Không sao cộng được. Nó làm em nhức đầu lắm! Nó không chịu nghe theo lời em".

Lúc đó tôi thường nói:

"Nào, chúng ta hãy cùng làm thử xem, Đôra, để anh bày cho em nhé!"

Và tôi thường bắt đầu chứng minh thực tế nên làm như thế nào, Đôra theo dõi chăm chú có lẽ trong năm phút; rồi nàng lại bắt đầu chán ngấy và tìm cách làm cho vấn đề này bớt khô khan bằng cách uốn tóc tôi hay tìm cách xem nếu kéo cổ áo tôi xuống thì mặt mày tôi sẽ ra sao. Nếu tôi im lặng phản đối cách chơi của nàng và tiếp tục giải thích thì nàng có vẻ sợ hãi và buồn rầu, và ngày càng hoảng hốt. Tôi nhớ nàng vui vẻ tự nhiên như thế nào khi lần đầu tiên tôi bước vào cuộc đời của nàng và nàng là một bà vợ trẻ con đến ý nghĩ ấy làm tôi ray rứt. Tôi đặt bút chì xuống, bảo nàng cầm cây đàn Ghi-ta.

Tôi có nhiều việc phải làm và có nhiều điều phải suy nghĩ, nhưng những nhận xét trên đây bắt tôi phải giữ kín những ý nghĩ của mình. Ngày nay, tôi không tin chắc tôi làm thế có đúng không, nhưng tôi làm thế là vì bà vợ trẻ con của tôi. Tôi phanh phui con tim mình, ký thác tất cả những bí ẩn của nó lên những trang giấy này không giấu diếm gì hết nếu như tôi nhớ được. Tôi nhận thức thấy, ở một chỗ nào đó trong thâm tâm, tôi vẫn thiếu thốn và thèm khát một cái gì đó, nhưng cảm giác này không làm đời tôi cay đắng. Khi đi dạo chơi một mình lúc đẹp trời, lòng bâng khuâng nghĩ đến những ngày hè trong đó không khí tràn đầy nỗi ngây ngất trẻ con của tôi, tôi thấy rằng mơ ước của tôi còn thiếu một cái gì mới thực hiện được. Nhưng tôi lại cho rằng những mơ ước kia chỉ là hình bóng rạng rỡ của thời quá khứ nay đã dịu đi, nhưng ở thời hiện tại không thể nào có được. Đôi khi trong giây lát tôi ước giá vợ tôi là người cố vấn, giá nàng có nghị lực hơn, có ý chí hơn để nâng đỡ tôi và lấp nỗi trống trải đôi khi tôi cảm thấy lởn vởn trong tôi, thì tốt biết chừng nào.

Nhưng tôi cảm thấy đó là một hạnh phúc siêu phàm, không bao giờ có được và không bao giờ có thể có được.

Tôi là một người chồng còn trẻ con về mặt tuổi tác. Tôi chỉ mới nhận thức được cái tác dụng quý báu của những nỗi đau buồn hay những kinh nghiệm tôi đã ghi trên những trang giấy này. Nếu như tôi đã làm điều gì không phải, và điều đó thường xảy ra, thì đó là vì tôi thiếu sáng suốt trong tình yêu và thiếu kinh nghiệm. Tôi viết ở đây sự thật trần truồng. Bây giờ có nói nhẹ bớt cũng không có lợi gì cho tôi.

Như vậy, tôi phải tự mình gánh lấy những nhọc nhằn và lo lắng của đời chúng tôi, không biết san sẻ cùng ai. Việc nhà cửa của chúng tôi cũng vẫn lộn xộn chẳng khác trước nhưng tôi sung sướng nhận thấy rằng Đôra bây giờ ít bực mình. Nàng tươi vui hớn hở cũng với cái trẻ con như xưa, nàng yêu tôi tha thiết và cảm thấy sung sướng với những chuyện vớ vẩn ngày xưa.

Khi những cuộc tranh luận ở quốc hội rất căng thẳng (tôi muốn nói rằng nó rất dài chứ không phải nói về chất lượng của nó bởi vì mặt chất lượng ít khi nó có thể khác) và tôi trở về muộn, Đôra không bao giờ ngủ khi nàng nghe tiếng bước chân của tôi. Bao giờ nàng cũng xuống cầu thang đón tôi. Nhưng buổi chiều tôi không bận vào cái nghề mà tôi đã nổi tiếng sao bao cố gắng vất vả, và tôi ngồi nhà để viết, nàng thường ngồi yên lặng cạnh tôi, dù khuya đến mấy cũng vậy, và nàng yên lặng đến nỗi nhiều khi tôi tưởng nàng đã ngủ rồi. Nhưng nói chung, khi tôi ngẩng đầu lên, tôi thường thấy đôi mắt biếc của nàng nhìn tôi với vẻ chăm chú yên lặng mà tôi đã nói.

"Ồ! cậu bé mệt mỏi lắm!" Một buổi tối Đôra bảo tôi, khi tôi đóng bàn viết lại và bắt gặp đôi mắt nàng.

"Cô bé mệt mỏi lắm" - tôi nói - "điều đó còn quan trọng hơn. Em đi ngủ đi, em ạ. Em ngồi như thế này là muộn lắm rồi!

"Không! Anh đừng bắt em đi ngủ! Đôra cầu khẩn bước tới cạnh tôi - "Em xin anh đừng làm thế!

"Em Đôra!"

Ngạc nhiên làm sao, nàng khóc rưng rức trên vai tôi.

"Em mệt hay sao? Em không sung sướng hay sao?"

"Không! Em mạnh khỏe lắm, và sung sướng lắm! Nhưng anh hãy bảo em rằng anh cho phép em ngồi nhìn anh viết" "Nhưng cặp mắt sáng như thế này thức đến nửa đêm thì có tốt hay không!" tôi đáp.

"Có thật là sáng không?" Đôra hỏi vặn, cười khanh khách - "Em rất sung sướng rằng nó sáng". "Cô bé kiêu hãnh quá!" tôi nói.

Nhưng đó không phải là lòng kiêu hãnh. Đó chỉ là niềm vui ngây thơ khi nàng thấy tôi ngây ngất. Tôi biết điều đó rất rõ trước khi nàng nói với tôi.

"Nếu anh thấy nó xinh thì anh hãy bảo em rằng em bao giờ cũng có thể ngồi nhìn anh viết!". Đôra nói - "nhưng anh quả thực có thấy nó xinh không đã?"

"Rất xinh!" - tôi nói.

"Vậy anh cứ cho phép em ngồi đây để nhìn anh viết".

"Đôra ạ! Anh sợ rằng điều đó không làm nó sáng hơn".

"Có chứ, bởi vì ông mãnh ạ, anh sẽ không quên em khi óc anh đầy những hình ảnh yên lặng. Nếu em nói một điều rất ngớ ngẩn… ngớ ngẩn hơn ngày thường thì anh có bực mình không?" Đôra hỏi và cúi đầu qua vai tôi để liếc nhìn mặt tôi.

"Cái gì kỳ diệu thế? tôi nói.

"Cho em cầm cây bút của anh", - Đôra nói - "Em muốn có việc gì làm trong tất cả những giờ anh làm việc chăm chỉ như thế này."

Nhớ lại nàng vui sướng đáng yêu khi tôi chấp nhận điều đó, tôi rưng rưng nước mắt: Lần sau khi tôi ngồi viết nàng vẫn ngồi ở chỗ ngồi hàng ngày cầm một gói lông ngỗng để thay ngòi bút. Nàng đắc chí được tham dự vào công việc của tôi và ngây ngất khi tôi cầm một ngòi bút mới (tôi thường thường giả vờ làm như vậy) và nghĩ rằng đó là một cách mới mẻ để làm bà vợ trẻ con của tôi vui lòng. Thỉnh thoảng tôi làm ra vẻ cần chép lại một hai trang bản thảo, lúc bấy giờ Đôra thực hân hoan. Những điều chuẩn bị của nàng trước khi bắt tay vào công việc to lớn ấy, những cái tạp dề mà nàng mang, những cái yếm nàng lấy ở bếp lên để khỏi bị mực làm bẩn. Thời gian viết kéo dài và nhiều lần gián đoạn để đùa với Jip tưởng chừng như nó hiểu tất cả, cái vẻ tin tưởng chắc chắn rằng công việc của nàng chưa xong nếu nàng không ký tên mình dưới trang và mang tờ giấy đen cho tôi như một tờ sao chép của học sinh hay bá lấy cổ tôi khi tôi khen nàng; đó là những kỷ niệm rất cảm động đối với tôi mặc dầu nó có vẻ tầm thường đối với những người khác.

Sau đó, nàng giữ những chìa khóa và đi dạo chơi trong nhà với tất cả cái chùm chìa khóa kêu lanh tanh trong một cái giỏ con buộc vào thân hình mảnh dẻ. Ít khi tôi thấy ổ khóa của những chìa khóa này được đóng lại và tôi không biết những chìa khóa này dùng vào việc gì ngoài việc làm đồ chơi cho Jip. Nhưng Đôra thích thú và điều đó làm tôi thích thú. Nàng hoàn toàn yên trí rằng trò chơi nội trợ tích cực như vậy khiến nàng đã làm được nhiều việc nội trợ và nàng cũng sung sướng tựa hồ như chúng tôi chăm nom một ngôi nhà của búp bê để đùa chơi.

Cuộc sống của chúng tôi trôi đi như vậy. Đối với cô tôi Đôra cũng dịu dàng như với tôi, và thường nói với cô tôi về cái thời nàng sợ cô tôi "là một bà già độc ác". Tôi không bao giờ thấy cô tôi có ý tỏ ra ân cần với ai hơn đối với Đôra.

Cô tôi nô đùa với Jip mặc dầu Jip không bao giờ đáp lại sự chăm sóc của cô tôi; ngày nào cô tôi

cũng nghe đàn, tuy tôi biết rất rõ cô tôi không thích âm nhạc; không bao giờ cô tôi phê phán những người bất lực mặc dầu cô tôi rất muốn nói. Cô tôi đi bộ những đoạn đường dài kinh khủng để mua tất cả những đồ vặt vãnh mà cô thấy Đôra thích. Và mỗi khi đi qua vườn nếu không thấy Đôra ở phòng khách cô tôi đều đứng dưới chân cầu thang kêu với cái giọng vui vẻ âm vang cả ngôi nhà:

"Bông hoa nhỏ đâu rồi?"

---

[1] Parangôn tiếng Anh có nghĩa là tuyệt hảo hạng.

Chương XLV
ÔNG ĐÍCH THỰC HIỆN LỜI TIÊN ĐOÁN CỦA CÔ TÔI

Tôi đã thôi không làm việc ở nhà Bác sĩ được ít lâu. Nhưng vì ở gần nhà nên tôi hay gặp ông. Tất cả chúng tôi đã hai ba lần đến ăn cơm ở nhà ông hay uống trà ở đấy. Vị cựu chiến binh đã đóng hành dinh mình vĩnh viễn tại nhà bác sĩ. Bà ta không mảy may thay đổi và những con bướm bất trị kia vẫn phấp phới trên mũ.

Cũng như vài bà mẹ khác trong đời tôi tôi đã biết, bà Maclơham thích những trò giải trí hơn con gái nhiều. Đối với bà cần phải có nhiều trò giải trí, và với tư cách một cựu chiến binh ranh mãnh, bà giả vờ hỏi sở thích của con nhưng kỳ thực bà chỉ làm theo sở thích của mình. Bác sĩ muốn Anni tiêu khiển và bà mẹ quý hóa kia rất thú điều đó nên bà không tiếc lời tán thành khen ngợi sự thông minh của ông.

Nhưng rõ ràng tôi thấy chính bà đã vô tình khơi lại vết thương của bác sĩ. Vì chỉ nghĩ đến việc ăn chơi và ích kỷ (những đặc điểm nhiều khi gắn liền với tuổi già), bà ra sức khen ngợi ông muốn cuộc đời của bà vợ trẻ bớt nặng nề. Nhưng điều đó càng làm cho ông lo sợ mình là một ràng buộc đối với vợ và giữa hai người không thể có tình yêu thực sự.

Một hôm, bà nói với bác sĩ trước mặt tôi:

"Này ông, chắc hẳn ông cũng thấy nếu Anni bị cấm cung ở đây mãi thì cực khổ lắm"…

Bác sĩ gật đầu một cách nhân từ. Bà Maclơham ve vẩy cái quạt nói: "Khi nó đến tuổi mẹ nó thì lại khác, ông có thể bỏ tôi vào ngục với vài người bạn dễ chịu và một cỗ bài và không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện bước ra. Nhưng ông biết chứ, tôi không phải là Anni, và Anni không phải là mẹ nó".

"Cố nhiên!" Bác sĩ nói.

"Ông là người tốt nhất đời… nhưng tôi xin lỗi ông (bởi vì bác sĩ làm một cử chỉ tỏ ý phản đối) tôi phải nói trước mặt ông điều mà tôi bao giờ cũng nói sau lưng ông, ông là con người tốt nhất đời nhưng cố nhiên ông không… chắc hẳn thế chứ gì nữa… Ông không thể chú ý đến những điều làm Anni thích thú ham mê".

"Không!" Bác sĩ nói giọng buồn buồn.

"Không, cố nhiên là không", vị cựu chiến binh nói.

"Hãy xem quyển từ điển của ông. Quyển từ điển là công trình thực có ích! Còn gì cần thiết hơn. Ý nghĩ của những chữ: không có bác sĩ Jônxơn[1] hay những người như ông ta lúc này chúng ta có thể gọi "cái bàn" là "cái giường". Nhưng ta không thể hy vọng rằng Anni thích một quyển từ điển (nhất là một quyển từ điển chưa làm xong), có phải không nào?"

Bác sĩ gật đầu. Bà Maclơham, lấy cái quạt đã gấp lại gõ gõ vào vai bác sĩ:

"Chính vì vậy tôi rất tán thành sự săn sóc ân cần của ông. Điều đó chứng tỏ ông không giống như nhiều ông già cứ muốn tìm thấy những cái đầu già trên đôi vai trẻ. Ông đã nghiên cứu tính tình của Anni và ông hiểu rõ. Tôi thấy điều đó thực đáng yêu".

Theo tôi, gương mặt bình tĩnh và nhẫn nại của bác sĩ Xtrong phảng phất một cảm giác đau khổ, khi bà hạ những lời khen như vậy. Vị cựu chiến binh nói, điểm thêm vài cái gõ nhẹ thân mật:

"Vì vậy, bác sĩ có thể ra lệnh cho tôi trong bất kỳ ngày nào và lúc nào. Ông nên nhớ rằng tôi hoàn toàn phục vụ ông. Tôi sẵn sàng cùng Anni đi xem nhạc kịch, đi nghe hòa nhạc, xem triển lãm, đi tất cả

mọi nơi. Và ông sẽ không bao giờ thấy tôi mỏi mệt. Bác sĩ ạ, trên đời này nhiệm vụ là quan trọng hơn hết".

Bà giữ lời hứa. Bà thuộc hạng người có thể chịu đựng mọi trò giải trí và thái độ kiên nhẫn của bà trong nhiệm vụ này không bao giờ bị lay chuyển. Không mấy khi bà cầm tờ báo (ngày nào bà cũng đọc trong khi ngồi trong cái ghế bành êm nhất trong nhà, cầm cái kính tay đọc báo suốt hai tiếng đồng hồ) mà không phát hiện ra một điều mà ba ta tin chắc là Anni sẽ thích xem. Dù Anni có phản đối, nói rằng đã chán những trò này rồi, cũng vô hiệu. Bà mẹ bao giờ cũng trách con như sau:

"Anni ạ, mẹ biết chắc con hiểu lẽ phải hơn. Vì vậy con ạ, mẹ phải nói với con rằng con không đền đáp lại lòng tốt của bác sĩ Xtrong".

Những lời nói này thường nói trước mặt bác sĩ và theo tôi đó là lý do chính khiến Anni dù có muốn phản đối cũng thôi không phản đối nữa. Nhưng nói chung bà Xtrong bao giờ cũng vâng lời mẹ và vị cựu chiến binh muốn dẫn bà đi đâu cũng được.

Bây giờ ít khi ông Manđơn đi theo họ. Đôi khi cô tôi và Đôra được mời và hai người nhận lời. Đôi khi họ chỉ mời Đôra.

Có lúc tôi băn khoăn không muốn cho Đôra đi; nhưng nghĩ đến những điều đã xảy ra cái đêm đáng nhớ trong phòng giấy bác sĩ, nỗi ngờ vực của tôi liền bị xua tan. Tôi tin rằng bác sĩ có lý và tôi không ngờ vực gì nữa.

Khi ngồi một mình với tôi, đôi khi cô tôi gãi mũi và bảo tôi rằng cô tôi không hiểu gì hết; cô chỉ mong họ sung sướng hơn. Cô tôi không thể tin rằng bà bạn võ biền của chúng ta (như cô vẫn gọi vị cựu chiến binh) lại cứu vãn được tình hình. Cô tôi kết luận rằng nếu như "bà bạn võ biền của chúng ta chịu khó cắt những con bướm kia đi rồi đem biếu những người nạo ống lò sưởi vào ngày mồng một tháng năm, thì có lẽ đó sẽ là hành động hợp lý đầu tiên của bà ta".

Cô tôi đặt tin tưởng vào ông Đích. Con người này rõ ràng có một ý định gì trong óc, cô tôi nói; và nếu như ông có thể giam hãm nó trong một góc (đó là điều khó khăn nhất đối với ông) thì ông sẽ làm cho mình nổi tiếng phi thường.

Không biết lời tiên đoán ấy, ông Đích vẫn tiếp tục giữ đúng quan hệ của mình với bác sĩ và bà Xtrong. Bên ngoài ông không tiến cũng không lùi. Ông có vẻ như là một ngôi nhà xây dựng trên nền móng cũ, và tôi phải thú thực rằng tôi không tin vào sự thành công của ông cũng như tôi không tin ngôi nhà có thể vận động.

Vài tháng sau khi tôi lấy vợ, một buổi tối ông Đích thò đầu vào cái phòng khách nhỏ, ở đây tôi đang viết một mình (Đôra cùng cô tôi đến uống trà ở nhà hai con chim nhỏ) dăng hắng đầy ý nghĩa và bảo tôi:

"Anh Trôtút, tôi nói chuyện với anh có làm phiền anh không?"

"Không đâu, chú ạ" - tôi nói - "chú cứ vào".

"Anh Trôtút" - ông Đích bảo tôi, giơ một ngón tay đặt lên mũi sau khi bắt tay tôi - "Trước khi ngồi xuống tôi muốn nhận xét một điều. Anh hiểu cô anh chứ?"

"Hiểu đôi chút", tôi đáp.

"Đó là người đàn bà tuyệt diệu nhất đời!"

Sau lời tuyên bố này mà ông ta tung ra như một viên đạn đại bác chứa chất ở trong lòng, ông Đích ngồi xuống nghiêm trang hơn ngày thường và nhìn tôi.

“Và bây giờ anh ạ, tôi muốn hỏi anh một câu”.

“Chú muốn hỏi bao nhiêu câu cũng được” - tôi nói.

“Anh cho tôi là người như thế nào? Ông Đích khoanh tay lại hỏi tôi.

“Là một người bạn cũ rất thân”, tôi nói.

“Trôtút, cảm ơn anh!” - ông Đích đáp lại cười khanh khách và giơ tay qua bàn xiết chặt tay tôi một cách hân hoan đắc chí.“Nhưng này anh, tôi muốn nói một điều, ông trở lại vẻ nghiêm trang hồi nãy - Anh nghĩ như thế nào về tôi, về cái này cơ?” (ông ta chỉ tay lên trán).

Tôi lúng túng không biết trả lời sao nhưng ông ta gợi ý: “Kém phải không?” - Ông Đích nói.

“Theo tôi” - tôi nói lưỡng lự - “hơi kém”.

“Đúng thế!”, ông Đích kêu lên tỏ vẻ hân hoan trước câu trả lời của tôi. “Anh Trôtút ạ, thế nghĩa là khi người ta lấy một phần những điều lo lắng trong đầu óc của… anh biết tôi muốn nói ai, để bỏ vào… anh biết tôi muốn nói nơi nào, thì xảy ra một… (ông Đích đến đây quay hai bàn tay nhiều lần rất nhanh rồi lấy hai tay chạm vào nhau và lại quay hai bàn tay mấy lần nữa để biểu lộ sự lúng túng). Người ta đã làm cho tôi thành như thế. Có phải không nào?”

Tôi gật đầu tán thành, và ông cũng gật đầu.

“Tóm lại, anh ạ” - ông Đích bảo tôi hạ thấp giọng - “tôi là người đầu óc nghểnh ngãng”.

Tôi định nói để làm cái kết luận này nhẹ bớt nhưng ông ta ngắt lời.

“Đúng thế. Cô anh bảo là không. Cô anh không chịu nghe nói đến điều đó. Nhưng sự thực là thế, tôi biết điều đó lắm. Nếu cô anh không bênh vực tôi thì anh ạ, người ta đã giam giữ tôi lại và tôi đã phải sống một cuộc sống kinh khủng trong bao năm trời. Nhưng tôi sẽ đảm bảo tương lai của cô ta. Tôi không bao giờ tiêu số tiền tôi kiếm được bằng việc sao chép. Tôi bỏ số tiền này vào một cái hộp. Tôi sẽ để lại cho cô ta tất cả. Cô ta sẽ giầu có… cao quý.

Ông Đích rút khăn tay ra và lau mắt. Đoạn ông gấp khăn lại cẩn thận lấy hai bàn tay ép và vuốt phẳng lại, bỏ vào túi và đồng thời dường như gạt cô tôi ra ngoài cùng với cái khăn tay. Ông Đích bảo tôi:

“Anh Trôtút, anh là một học giả. Anh là một học giả nổi tiếng. Anh biết bác sĩ là một nhà thông thái và một con người vĩ đại như thế nào. Anh biết bao giờ ông cũng tôn quý tôi như thế nào. Ông thông thái nhưng không kiêu hãnh, ông khiêm tốn… ngay đối với anh chàng Đích tội nghiệp, một con người đầu óc nghễnh ngãng và không biết gì hết. Tôi đã làm cho tên của ông bay lên trên một tờ giấy, dọc theo sợi chỉ cho đến cái diều, khi nó ở trên bầu trời giữa những con chim sơn ca. Và, anh ạ, cái diều vui lòng tiếp nhận nó, và bầu trời càng thêm rạng rỡ”.

Tôi làm ông hết sức hài lòng khi nói rằng bác sĩ xứng đáng được mọi người tôn trọng hết sức và yêu quý hết sức. Ông Đích nói tiếp:

“Còn bà vợ xinh đẹp của ông là một ngôi sao, là một ngôi sao sáng chói. Anh ạ, tôi đã thấy nó chiếu sáng…” - ông kéo ghế lại gần đặt một bàn tay lên đầu gối tôi,… “có những đám mây anh ạ, có những đám mây…”

Tôi đáp lại thái độ ân cần biểu lộ trên nét mặt ông bằng cách cũng biểu lộ thái độ như vậy, và gật đầu.

“Những đám mây gì thế?” ông Đích nói.

Ông chăm chú nhìn vào mặt tôi và tỏ ra lo lắng rất muốn hiểu tôi đến nỗi tôi phải vắt vả trả lời ông chậm chạp và rõ ràng như phải giải thích cho một đứa trẻ. Tôi đáp:

"Không may, giữa hai người có một điều chia cách. Nguyên nhân không may của sự chia cách này là một điều bí mật. Có thể do chỗ tuổi họ chênh lệch nhau nhiều quá. Cũng có thể không do cái gì hết".

Ông Đích sau mỗi lời lại gật gật cái đầu có vẻ tư lự và khi dừng lại thì ông cũng thôi gật đầu và ngồi suy nghĩ, đôi mắt dán vào mặt tôi và bàn tay đặt lên đầu gối tôi.

"Anh Trôtút, bác sĩ không giận bà vợ chứ?" Lát sau ông ta hỏi tôi.

"Không, ông ta tận tụy với vợ".

"Như thế thì tôi biết rồi, cậu bé ạ" ông Đích nói.

Nhìn ông đột nhiên hân hoan, vỗ đánh đét vào đầu gối tôi và ngửa người ra phía sau trên lưng ghế, dướn đôi lông mày lên hết sức cao, tôi có ấn tượng rằng ông ta điên hơn bao giờ hết. Rồi cũng đột ngột như vậy, ông bỗng trở lại nghiêm nghị và lại cúi mình về phía trước như hồi nãy, ông nói với tôi, sau khi đã kính cẩn rút chiếc khăn tay ra tựa hồ như chiếc khăn ấy thực tế biểu hiện cô tôi.

"Anh Trôtút, thế còn người đàn bà tuyệt diệu nhất trên đời? Tại sao bà ấy không làm gì để giải quyết việc này?"

"Đó là một việc khó khăn quá và tế nhị quá nên bà ấy không thể can thiệp được". Tôi đáp.

"Thế còn vị học giả trứ danh" - ông Đích nói lấy ngón tay sờ vào tôi - "Tại sao ông ta không làm gì hết thế?"

"Cũng vì lý do ấy". Tôi đáp.

"Thế thì tôi hiểu rồi, cậu bé ạ", ông Đích nói, và ông đứng lên trước mặt tôi với cái vẻ sung sướng hân hoan còn hơn hồi nãy, ông cứ gật gật cái đầu và vỗ ngực nhiều lần đến nỗi người ta có thể tưởng rằng ông sẽ hết hơi vì cứ lo gật đầu và vỗ vào ngực như vậy. Ông Đích nói:

"Một thằng tội nghiệp, đờ đẫn anh ạ… Một thằng nghễnh ngãng, một thằng ngốc ở trong những người này, anh hiểu không (ông lại vỗ ngực lần nữa), có thể làm điều mà những con người tuyệt diệu không thể làm được. Tôi sẽ đoàn kết họ lại, cậu bé ạ. Tôi sẽ làm thử xem. Họ sẽ không trách tôi đâu. Họ sẽ không bực mình vì điều tôi làm, nếu tôi sai lầm. Tôi chỉ là ông Đích. Mà còn ai để ý đến ông Đích? Đích chả là cái thá gì hết. Hừm!" (ông tuôn ra cả một hơi thở khinh bỉ và ngắn ngủi dường như muốn thổi tan mình đi!)

Ông rất sung sướng đã bộc lộ được điều bí ẩn nhiều như vậy, bởi vì lúc ấy chúng tôi nghe tiếng xe ngựa đưa cô tôi và Đôra về nhà dừng lại ở trước cổng của cái vườn nhỏ. Ông nói tiếp giọng thì thào:

"Không được nói một chữ đấy, cậu bé! Cứ để mặc cho Đích này chịu trách nhiệm… Đích nghễnh ngãng… Đích điên rồ… Ít lâu nay tôi có cảm tưởng rằng tôi hiểu và bây giờ tôi đã hiểu! Sau khi đã nghe tất cả những điều anh bảo tôi, tôi tin chắc tôi đã hiểu. Tốt lắm!"

Và ông Đích không nói một lời nào nữa về câu chuyện ấy; nhưng nửa giờ sau, ông ta biến thành một người lấy tay ra hiệu (điều đó làm cho cô tôi rất lo ngại) để bắt tôi phải tuyệt đối giữ bí mật.

Tôi ngạc nhiên không nghe nói đến chuyện ấy trong độ hai hay ba tuần sau đó, mặc dầu tôi chú ý đến những kết quả của sự cố gắng ông vẫn làm, bởi vì tôi nhận thấy trong kết luận của ông, rõ ràng có ánh sáng kỳ lạ của tương lai (tôi không nói đến những tình cảm tốt bởi vì bao giờ ông cũng biểu lộ điều đó). Cuối cùng, tôi bắt đầu tin rằng vì tâm trạng nghễnh ngãng và thay đổi luôn, nên ông đã quên

hay đã bỏ ý định của mình.

Một buổi chiều đẹp trời, Đôra không muốn đi chơi, tôi cùng cô tôi đi dạo đến ngôi nhà nhỏ của Bác sĩ. Bấy giờ là vào thu và không có những cuộc tranh luận ở Quốc hội làm vẩn đục bầu không khí của buổi chiều; và tôi nhớ rằng mùi lá mà chúng tôi dẫm dưới chân nhắc cho tôi nhớ đến khu vườn của chúng tôi ở Blơnđơxtôn, và những cảm nghĩ đau xót về nỗi bất hạnh ngày xưa hình như bay qua trong gió chiều xào xạc.

Chúng tôi đến ngôi nhà vào khoảng hoàng hôn. Cũng vào lúc ấy, bà Xtrong ở trong vườn còn ông Đích vẫn la cà ở đấy tay cầm cái dao loay hoay giúp người làm vườn tỉa cây thành những hình nhọn. Bác sĩ đang tiếp người nào đó trong phòng giấy nhưng theo lời bà Xtrong nói, ông khách sẽ đi ngay và bà yêu cầu chúng tôi nán lại để đợi bác sĩ. Chúng tôi cùng bà bước vào phòng khách và ngồi bên cạnh cửa sổ trong khi trời càng tối dần. Bà bao giờ cũng tiếp những người bạn cũ và láng giềng như chúng tôi một cách đơn giản và không có nghi thức gì.

Chúng tôi vừa mới ngồi được vài phút thì bà Maclơham là người bao giờ cũng tìm được cách gây sự từ một chuyện không đâu, đột nhiên bước vào phòng, tay cầm tờ báo, nói giọng hổn hển:

"Trời ơi, Anni, tại sao con không bảo mẹ rằng trong phòng khách có người?"

"Mẹ ạ", bà Xtrong điềm nhiên đáp - "con làm sao biết được rằng mẹ muốn biết điều ấy!"

"Muốn biết điều ấy à?" Bà Maclơham nói, buông người rơi phịch xuống ghế xô-pha. "Trong đời tôi chưa bao giờ bị xúc động thế này".

"Thế mẹ đã bước vào phòng làm việc à?" Anni hỏi.

"Con ạ. Mẹ đã bước vào phòng làm việc", bà ta đáp nhấn mạnh từng chữ.

"Phải, đúng thế! Tôi vừa bắt gặp con người đáng yêu ấy (Cô Trôtút và ông Đêvit hãy tưởng tượng những cảm xúc của tôi) đang viết di chúc".

Người con gái nãy giờ nhìn ra cửa sổ đột nhiên quay lại. "Anni ạ, đang viết di chúc!" - Bà Maclơham nhắc lại, trải tờ báo trên đầu gối như người ta trải khăn bàn và lấy hai tay vỗ nó khe khẽ, "Ông đang viết di chúc về những ý muốn cuối cùng của mình. Thực là con người biết lo xa và đáng yêu! Tôi phải kể cho các vị biết việc này đã xảy ra như thế nào? Tôi phải tỏ ra công bình đối với con người vàng ngọc ấy (bởi vì ông ta thực là con người vàng ngọc). Tôi phải kể cho các vị biết việc này xảy ra như thế nào? Trôtút, có lẽ cô cũng biết rằng ở nhà này người ta không bao giờ thắp nến trước khi đôi mắt rời ra khỏi đầu theo nghĩa đen của nó vì cứ phải trương mắt ra mà đọc báo, và trong nhà này không có chiếc ghế bành nào để làm cái việc mà tôi gọi là đọc báo trừ chiếc ghế ở trong phòng làm việc. Vì vậy tôi đến phòng làm việc và tôi thấy ở đây có ánh đèn. Tôi mở cửa. Cùng với bác sĩ thân mến có hai ông, rõ rệt đó là hai ông thuộc ngành luật pháp, và cả ba đều đứng trước bàn… Bác sĩ yêu quý tay cầm bút nói: "Thế là văn bản này!" (Này Anni, con hãy lắng nghe từng chữ của bác sĩ)… "Các ông ạ, thế là văn bản này nói lên một cách đơn giản lòng tin cậy của tôi đối với bà Xtrong, và tôi cho bà ấy tất cả, không đòi hỏi điều kiện gì hết!" Nghe vậy, do tình cảm tự nhiên của người mẹ, tôi nói: "Lạy Chúa, tôi xin lỗi". Một người trong hai người kia nhắc lại: "Cho bà ấy tất cả, không đòi hỏi điều kiện gì hết". Tôi vấp ở ngưỡng cửa và tôi đi theo đường hành lang nhỏ phía sau ở nhà bếp".

Bà Xtrong mở cửa sổ đi ra ngoài hiên và đứng ở đấy người dựa vào cây cột. Bà Maclơham nói, đôi mắt vẫn đăm đăm theo dõi bà Xtrong.

"Cô Trôtút và anh Đêvit, các vị hãy nói cho tôi biết, Thấy một người vào tuổi bác sĩ Xtrong lại có đủ nghị lực làm một hành động như thế có phải là đáng phấn khởi không?" Điều đó chỉ chứng tỏ tôi đã

có lý như thế nào. Khi bác sĩ đến gặp tôi làm vinh dự cho tôi và ngỏ ý muốn lấy Anni. tôi đã bảo cháu: "Con ạ, mẹ không nghi ngờ chút nào rằng trong việc đảm bảo tương lai của con, bác sĩ Xtrong sẽ làm nhiều hơn điều ông có thể hứa".

Đến đây có tiếng chuông rung và chúng tôi nghe tiếng bước chân những người khách ra về. Vị cựu chiến binh nghe ngóng một lát rồi nói:

"Rõ ràng là mọi việc đều xong, con người yêu quý đã ký, đã đóng dấu và trao di chúc cho người quản lý văn khế và tâm hồn ông yên tĩnh. Và như thế thật là đúng. Một tâm hồn cao thượng! Anni ạ! Mẹ cầm tờ báo bước vào phòng làm việc vì mẹ rất khổ sở khi không có tin tức. Cô Trôtút, anh Đêvit, mời các vị vào thăm bác sĩ!"

Tôi nhận thấy ông Đích đang đứng trong bóng tối của căn phòng và đang gập con dao lại khi chúng tôi đi theo bà Xtrong vào phòng làm việc. Tôi nhận thấy cô tôi vừa đi vừa gãi mũi dữ dội (đó là một cử chỉ ôn hòa biểu lộ cô tôi không chịu nổi bà bạn võ biền). Nhưng tôi đã không nhớ ai là người đầu tiên bước vào phòng và bà Maclơham đã làm cách nào để chiếm lấy cái ghế dựa của mình, hay tại sao tôi với cô tôi lại đứng cạnh cửa (có lẽ đó là vì mắt cô tôi nhanh hơn mắt tôi và cô tôi giữ tôi lại). Nhưng tôi biết một điều: chúng tôi nhìn thấy bác sĩ trước khi bác sĩ biết chúng tôi. Ông đang ngồi ở bàn làm việc giữa những tờ giấy khổ rộng mà ông yêu thích, đầu áp vào lòng bàn tay một cách hồn nhiên. Ngay lúc ấy tôi thấy bà Xtrong lẻn vào xanh xao và run run. Ông Đích khoác tay để bà khỏi ngã. Ông đặt bàn tay kia của bà lên cánh tay bác sĩ và điều đó làm bác sĩ ngước mắt lên có vẻ lơ đãng. Khi bác sĩ quay đầu lại thì bà vợ phủ phục xuống dưới chân, một đầu gối quỳ xuống đất giơ hai bàn tay lên có vẻ cầu khẩn, nhìn đăm đăm vào gương mặt chồng với cái nhìn cảm động mà tôi không bao giờ quên được. Nhìn cảnh tượng ấy, bà Maclơham buông rơi tờ báo, trợn mắt nhìn trông giống như cái hình ảnh ở đầu mũi của chiếc tầu tên là "Hoảng hốt" hơn là bất kỳ vật nào khác mà người ta có thể nghĩ đến.

Khi viết những dòng này, không phải tôi hồi tưởng lại mà nhìn thấy rõ ràng vẻ ngạc nhiên và ân cần của bác sĩ, vẻ trang trọng hòa lẫn với thái độ van lơn của bà vợ, sự săn sóc tận tụy của ông Đích và tôi nghe cô tôi nói thầm với mình một cách nghiêm trang: "Người thế mà điên à!" (biểu lộ thái độ hân hoan về chỗ cô tôi đã cứu ông ta ra khỏi cảnh khổ cực).

"Bác sĩ!" Ông Đích nói, "Có việc gì không ổn thế? Ông xem kìa!"

"Anni!" - Bác sĩ kêu lên - "Em đừng quỳ dưới chân anh!"

"Không!" - bà nói - "tôi cầu khẩn và van xin tất cả mọi người đừng rời bỏ căn phòng này. Ôi! Người chồng và người cha của tôi, hãy vứt bỏ sự yên lặng kéo dài ấy đi. Chúng ta cần phải biết nguyên nhân gì đã chia cách chúng ta".

Bà Maclơham lúc này đã lấy lại được khiếu nói năng, có vẻ kiêu hãnh về gia đình và đầy sự phẫn nộ của người mẹ, thốt lên:

"Anni, con đứng ngay lên, đừng làm xấu hổ tất cả họ hàng của mình bằng cách hạ thấp mình như thế nếu như con không muốn thấy mẹ phát điên ngay bây giờ!"

"Mẹ ơi!" Anni đáp, "mẹ đừng mất thì giờ nói với con nữa bởi vì con nói với chồng con. Còn ngay cả mẹ nữa ở đây mẹ không là cái gì hết".

"Không là cái gì hết ư!" Bà Maclơham kêu lên - "Tôi không là cái gì hết ư? Con bé này mất trí rồi, làm ơn cho tôi một cốc nước".

Tôi chú ý đến bác sĩ và bà vợ nên không để ý đến lời yêu cầu ấy và lời yêu cầu ấy cũng không có ảnh hưởng gì đến ai. Kết quả bà Maclơham chỉ còn cách thở hổn hển, giương mắt tròn xoe và quạt

phành phạch.

"Em Anni", bác sĩ nói, âu yếm nắm lấy tay vợ - "nếu như với thời gian có một sự thay đổi không tránh được đã xảy đến trong cuộc sống của vợ chồng ta, thì em không phải là người đáng trách. Đó là lỗi của anh, của anh thôi. Trong tình cảm, anh vẫn yêu quý, tôn kính em chút gì thay đổi. Anh muốn làm em sung sướng, anh thực sự yêu em và quí trọng em. Em đứng lên Anni ạ, anh xin em".

Nhưng bà không đứng lên. Sau khi nhìn chồng một lát bà lại cúi sát chồng hơn, đặt một cánh tay lên đầu gối chồng và để đầu gục lên đầu gối, bà nói:

"Nếu ở đây tôi có một người bạn có thể nói hộ tôi hay nói hộ chồng tôi một lời trong công việc này; nếu ở đây có một người bạn có thể bộc lộ những điều lo lắng mà tim tôi đôi khi nhắc nhủ thầm cho tôi biết, nếu ở đây có một người bạn quí trọng chồng tôi hay có thiện cảm với tôi và biết điều gì (bất cứ điều gì) có thể giúp cho vợ chồng tôi hiểu nhau… thì tôi cầu khẩn người bạn ấy hãy nói giúp…"

Mọi người im phăng phắc. Sau vài phút lưỡng lự đau xót, tôi phá vỡ sự yên lặng:

"Bà Xtrong ạ", tôi nói, "tôi có biết một điều mà bác sĩ Xtrong đã khẩn khoản yêu cầu tôi giữ kín và tôi vẫn giữ kín mãi cho tới hôm nay. Nhưng tôi tin rằng đã đến lúc phải nói. Nếu còn giữ nó lâu hơn nữa tôi sẽ tỏ ra không trung thành và tế nhị không phải chỗ và lời kêu gọi của bà đã cho phép tôi khỏi phải giữ lời hứa".

Bà quay mặt về phía tôi một lát và tôi hiểu ngay rằng tôi đã làm đúng. Tôi không thể nào chống lại cái vẻ van lơn của bà, ngay dù cho lời cam kết tôi nhìn thấy trên vẻ mặt không có sức thuyết phục như vậy. Bà Xtrong nói:

"Sự yên tĩnh sau này của chúng tôi có lẽ đang ở trong tay anh. Tôi tin rằng anh không giấu tôi gì hết. Tôi biết trước rằng tất cả những điều anh hay bất kỳ ai có thể nói với tôi chỉ có thể nêu rõ con tim cao quí của chồng tôi mà thôi. Dù những lời nói của anh có thể động chạm đến tôi như thế nào, anh cũng đừng bận tâm đến điều đó. Tôi sẽ trả lời trước mặt chồng tôi và sau này trước mặt Chúa".

Vì được cầu khẩn thiết tha như thế, tôi không xin phép bác sĩ, và trong khi không nhân nhượng về sự thực (ngoài chỗ tôi đã nói nhẹ hơn một ít về thái độ lỗ mãng của Uria Híp) tôi kể lại đơn giản những điều đã xảy ra vào buổi tối đáng nhớ hôm ấy cũng ở trong căn phòng này. Vẻ mặt hoảng hốt của bà Maclơham trong khi tôi kể và những tiếng kêu đột ngột và lanh lảnh của bà ta chốc chốc lại làm gián đoạn câu chuyện thực không sao tả xiết.

Khi tôi nói xong, Anni im lặng một lát, đầu vẫn cúi xuống như tôi đã tả. Đoạn bà nắm tay bác sĩ (bác sĩ vẫn giữ nguyên tư thế như khi chúng tôi bước vào phòng) và áp bàn tay ấy vào ngực mình và hôn nó. Ông Đích dịu dàng nâng bà dậy và bắt đầu nói, người dựa vào chồng, cúi đầu nhìn chồng và không một lúc nào mắt rời khỏi chồng:

"Tôi sẽ trình bày" bà nói giọng trầm, dịu dàng và nhẫn nhục, "để mọi người biết tất cả những ý nghĩ trong óc tôi từ khi chúng tôi lấy nhau. Tôi không thể sống nếu còn giữ kín một điều gì về phần mình, khi đã biết điều tôi biết hiện nay".

"Không Anni ạ" - bác sĩ nói dịu dàng, "anh không bao giờ ngờ vực em. Em ạ! Cái đó không cần thiết, quả thực không cần thiết, em ạ".

"Rất cần", bà đáp lại cũng với cái giọng hồi nãy - "em phải bộc lộ tất cả tâm can trước con người là hiện thân của lòng nhân từ và thành thực, trước con người mà mỗi năm và mỗi ngày em càng yêu và càng quí trọng, Thượng đế làm chứng cho tôi về điều đó".

"Ôi chao" - bà Maclơham nói, ngắt lời con gái - "nếu như tôi có chút lý trí…" (Bà không có đâu, mụ lải nhải! Cô tôi nói thầm, phẫn nộ).

"… cho phép tôi nói rằng không cần phải đi vào chi tiết."

"Không ai ngoài người chồng của con có thể xét đoán về việc ấy, mẹ ạ" Anni nói, mắt không rời khỏi gương mặt chồng "và chồng con sẽ nghe con nói. Nếu con nói điều gì làm mẹ khó chịu, thì thưa mẹ, mẹ hãy tha thứ cho con. Con là người đầu tiên phải chịu đựng những sự khó chịu như vậy nhiều lần và kéo dài…"

"Trời ơi…" Bà Maclơham nói, hổn hển.

"Khi tôi còn rất trẻ" Anni nói "còn là một đứa trẻ con mọi hiểu biết đầu tiên mà tôi có được ở trong óc tôi đều gắn liền với người bạn và người thầy kiên nhẫn… người bạn của cha tôi đã quá cố… và hình ảnh ấy bao giờ cũng thân thiết đối với tôi. Tôi không thể nhớ điều gì tôi có thể biết được mà không nhớ đến người ấy. Người ấy đã làm cho trí thông minh của tôi có được những tài sản đầu tiên và ghi dấu ấn về tính cách của mình vào tất cả. Và tôi nghĩ rằng những tài sản ấy đối với tôi sẽ không bao giờ quí báu như vậy, nếu tôi nhận nó từ tay của bất kỳ người nào khác".

"Nó không kể gì đến mẹ nó cả!" Bà Maclơham kêu lên. "Không phải như thế đâu mẹ ạ", Anni nói, "Nhưng tôi nói về người ấy đúng như sự thật. Đó là bổn phận của tôi. Khi tôi lớn lên, người ấy vẫn giữ địa vị ấy. Tôi tự hào được người ấy chú ý đến, tôi gắn bó sâu sắc, chân thành, đầy lòng biết ơn với người ấy. Tôi tôn kính người ấy, tôi biết nói sao bây giờ… như một người cha, như một người dẫn đường như một người mà lời khen khác tất cả mọi lời khen khác, như một người mà tôi có thể tin cậy hoàn toàn dù cho tôi có ngờ vực tất cả thế giới. Mẹ ơi, mẹ biết con trẻ trung và thiếu kinh nghiệm thế nào khi đột nhiên mẹ giới thiệu người đó với con rằng người đó yêu con…"

"Tôi đã nói chuyện ấy ít nhất năm chục lần với bất kỳ ai ở đây!" Bà Maclơham nói.

("Vậy thì hãy câm mồm lại cho người ta nhờ và đừng nói nữa", cô tôi càu nhàu).

"Lúc đầu tiên, tôi có cảm tưởng rằng đó là sự thay đổi to lớn, một tổn thất to lớn", Anni nói cũng với cái giọng ấy và cái nhìn ấy, - "đến nỗi tôi băn khoăn và lo lắng. Tôi chỉ là một cô gái và khi sự thay đổi to lớn này xảy đến đối với con người mà xưa nay tôi vẫn kính trọng như vậy, tôi nghĩ rằng tôi đã hối tiếc. Nhưng không có cái gì làm người ấy trở thành con người như trước kia và tôi tự hào được người ấy coi tôi là xứng đáng với ông ta và chúng tôi lấy nhau".

"Ở nhà thờ thánh Anphê ở Cantơbơri". Bà Maclơham nhận xét.

("Cái bà trời đánh", cô tôi nói, "bà ta không chịu ngồi yên!")

"Tôi không hề lúc nào nghĩ đến" - Anni nói, gương mặt đỏ ửng lên "những món lợi vật chất mà người chồng của tôi sẽ đưa tới cho tôi. Con tim non trẻ của tôi không có chỗ nào để chứa cho những ý nghĩ tầm thường như thế! Mẹ ơi! Xin mẹ tha lỗi cho con, nếu con nói rằng chính mẹ là người đầu tiên đã đưa vào đầu óc con ý nghĩ rằng bất kỳ người nào cũng có thể nghi ngờ tàn nhẫn như vậy và do đó làm hại đến con và đến người ấy".

"Tôi ư" - Bà Maclơham kêu lên.

(À! Đúng là bà rồi! cô tôi nói, "Và bà có quạt mấy đi nữa cũng không ăn thua gì! Bà bạn võ biền ơi!")

Đó là nỗi bất hạnh đầu tiên của cuộc đời mới". - Anni nói "đó là nguồn gốc đầu tiên của tất cả những giờ phút bất hạnh mà tôi đã phải chịu. Gần đây, những giờ phút ấy quá nhiều tôi không thể đếm

được nữa. Nhưng không phải. Ồ! Ông chồng nhân từ của tôi… không phải vì những lý do mà mình tưởng bởi vì trong tim tôi không có ý nghĩ nào, không có một hy vọng nào, một kỷ niệm nào mà bất kỳ quyền lực nào có thể tách ra khỏi mình".

Bà ngước mắt lên chắp tay lại và có vẻ đẹp trong trắng như bất kỳ một thiên thần nào. Từ giây phút ấy bác sĩ nhìn vợ cũng chăm chú như bà vợ nhìn chồng.

"Người ta không thể trách mẹ tôi đã xin xỏ và tôi tin rằng những ý định của mẹ tôi là không đáng trách. Nhưng tôi thấy người ta quấy quả mình và đua đòi hỏi nhiều điều vô lý và người ta nhân danh tôi lợi dụng lòng tốt của mình vì mình rất rộng rãi và điều đó làm ông Uýchơphin, con người lo lắng đến quyền lợi của mình rất khó chịu. Lúc đó lần đầu tiên tôi cảm thấy tôi là đối tượng của một sự ngờ vực hèn hạ và tình yêu của tôi đã bị người ta mua (rồi đem bán cho mình). Và cái cảm giác ấy đè lên người tôi thành một nỗi nhục nhã vô lý mà tôi đã bắt mình cũng phải chia sẻ. Tôi không thể nói với mình và mẹ tôi không thể hình dung tôi đã đau đớn như thế nào và cứ luôn luôn sợ hãi băn khoăn như thế, mặc dầu từ đáy lòng tôi vẫn biết rằng ngày tôi lấy mình tôi đã lấy với tất cả tình yêu và vinh dự đời tôi".

"Đấy khi người ta lo lắng đến gia đình thì người ta được đền ơn như thế đấy" bà Maclơham kêu lên, nước mắt ràn rụa. Tôi muốn là người Thổ-nhĩ-kỳ cho rồi!"

("Thật tiếc bà không phải là người Thổ-nhĩ-kỳ… và ở cái đất Thổ-nhĩ-kỳ của bà cho được việc!" cô tôi nói).

Chính vào lúc ấy mẹ tôi xin xỏ rất nhiều cho ông anh họ Manđơn của tôi. Tôi đã yêu anh ta (bà nói giọng dịu dàng nhưng không chút lưỡng lự), yêu lắm. Khi còn nhỏ chúng tôi đã yêu nhau. Nếu hoàn cảnh không khác đi, tôi có thể đi đến kết luận rằng tôi đã yêu anh ta thực sự, đã lấy anh ta và đã hết sức khốn khổ. Trong hôn nhân không có cái gì chênh lệch cho bằng tính tình và ý nghĩ không phù hợp nhau".

Tôi đã nghĩ nhiều đến những chữ ấy ngay trong khi chú ý lắng nghe những lời nói tiếp theo tựa hồ như những lời này có một tầm quan trọng đặc biệt hay có một ý nghĩa kỳ lạ mà tôi không thể thấy được: "Trong hôn nhân không có sự chênh lệch nào bằng tính tình và ý nghĩ không phù hợp nhau", "không có sự chênh lệch nào bằng tính tình và ý nghĩ không phù hợp nhau". Bà Xtrong nói tiếp:

"Giữa anh ta và tôi không có gì giống nhau hết. Từ lâu, tôi đã phát hiện ra điều đó. Nếu như tôi không có lý do nào khác để biết ơn chồng tôi (trong khi tôi có rất nhiều lý do) thì ít nhất tôi cũng biết ơn chồng tôi đã cứu tôi khỏi chạy theo cảm giác đầu tiên của con tim bồng bột".

Bà đứng im phăng phắc trước mặt bác sĩ và nói với giọng tha thiết làm tôi rất cảm động. Nhưng giọng nói của bà vẫn bình thản như trước:

"Khi anh ta chờ đợi được mình đối xử hào hiệp và mình đã tỏ ra hết sức rộng rãi vì mình yêu tôi, khi dù tôi không muốn, tôi vẫn phải xin xỏ, tôi nghĩ rằng để cho anh ta một mình lo lấy thân thì hơn. Nếu tôi ở trường hợp anh ta, tôi nghĩ rằng tôi đã cố gắng làm thế, dù có phải chịu khổ cực đến đâu. Nhưng chưa bao giờ tôi khinh anh ta cho bằng cái tối anh ta từ giã đi Ấn-độ. Tối hôm ấy tôi hiểu rằng anh ta là người giả dối và vô ơn. Và tôi thấy trong cách ông Uýchơphin quan sát tôi có ẩn một ý nghĩ bóng gió gì đấy. Lần đầu tiên tôi nhận thấy sự ngờ vực đen tối đã tỏa xuống đời tôi".

"Ngờ vực ư, Anni?". Bác sĩ nói "Không, không!"

"Mình không hề ngờ vực, không đâu" - bà đáp "Và tối hôm ấy tôi đến tìm mình bộc lộ nỗi nhục nhã và đau xót đè nặng lên người, tôi thấy rằng tôi phải thú nhận với mình ở dưới mái nhà của mình, rằng

một người trong họ của tôi được mình đối xử nhân đức vì mình yêu tôi, đã dám nói với tôi những lời mà lẽ ra không bao giờ hắn có thể nói dù cho hắn tưởng tôi là người khốn nạn, yếu đuối và hám lợi. Nhưng tim tôi chống lại không cho tôi nói những lời làm tôi xấu hổ. Những lời nói đã tắt trên môi tôi và từ hôm ấy đến nay không bao giờ được thổ lộ".

Bà Maclơham ngửa người ra lưng ghế bành, khẽ rên rỉ và thu hình đằng sau cái quạt tựa hồ như không bao giờ muốn ló mình ra khỏi cái quạt nữa.

"Từ hôm ấy trở đi, tôi không bao giờ trao đổi với anh ta một lời trừ khi ở trước mặt mình, và ngay cả lúc ấy tôi chỉ nói khi tôi thấy cần thiết để khỏi phải giải thích. Bao năm đã trôi qua từ khi tôi nói cho anh ta biết địa vị của anh ta ở đây là như thế nào. Những ân huệ mà mình đã làm một cách kín đáo để cho anh ta được thăng chức và sau đó mình đã bộc lộ để cho tôi ngạc nhiên và sung sướng, xin mình biết cho, chỉ làm tăng nỗi bất hạnh và làm cho điều bí ẩn của tôi càng thêm ray rứt".

Bà ta dịu dàng phục xuống chân bác sĩ mặc dầu ông tìm mọi cách ngăn cản, và bà ngước mắt nhìn gương mặt của chồng và nói, nước mắt ràn rụa:

"Mình khoan nói đã! Cho tôi nói vài lời nữa! Dù đúng hay sai, nếu cần phải làm lại tôi vẫn nghĩ rằng tôi sẽ làm như thế. Mình không bao giờ có thể hiểu tôi gắn bó với mình, với những kỷ niệm cũ kia như thế nào. Mình không thể hiểu rằng bất cứ ai cũng có thể nhẫn tâm đến nỗi cho sự thành thực của con tim tôi là vật đem ra mua bán và những hoàn cảnh bên ngoài đều xác nhận điều đó. Lúc bấy giờ tôi rất trẻ và tôi không có ai để khuyên nhủ. Giữa mẹ tôi và tôi, về tất cả những gì liên quan đến mình, có một hố sâu ngăn cách. Nếu tôi thu mình lại che giấu sự nhục nhã mà tôi đã phải chịu thì đó chỉ vì tôi yêu kính mình và muốn mình cũng yêu kính tôi".

"Anni, con người trong trắng, đứa con gái yêu quí của tôi!" Bác sĩ nói.

"Hãy đợi một lát nữa, một vài lời nữa thôi. Tôi thường nghĩ rằng mình có thể lấy một người đàn bà khác và người ấy sẽ không làm mình chịu đựng một gánh nặng và những lo lắng như vậy, và có lẽ đã làm cho gia đình mình xứng đáng với mình hơn. Tôi thường băn khoăn tự hỏi nếu tôi cứ làm cô học trò và gần như đứa con của mình có phải hơn không? Tôi vẫn sợ không xứng với học vấn và sự thông thái của mình. Nếu như tất cả những ý nghĩ ấy đã bắt tôi thu mình lại (và sự thực là như vậy), khi tôi cần nói với mình điều đó thì đó cũng là vì quí trọng mình lắm và hy vọng rằng một ngày kia mình sẽ quí trọng tôi".

"Ngày ấy đã đến từ lâu, Anni ạ", - Bác sĩ nói, "và chỉ có cái đêm dài vĩnh viễn mới chấm dứt được nó mà thôi".

"Một câu nữa. Sau đó tôi có ý định (một ý định kiên quyết và dứt khoát) cứ chịu đựng một mình tất cả gánh nặng về chỗ tôi thấy tôi không xứng với con người đã đối xử với tôi tốt như vậy. Và bây giờ lời nói cuối cùng với người bạn thân nhất và tốt nhất trên đời. Tối nay tôi vừa hiểu rõ nguyên nhân sự thay đổi gần đây ở mình mà tôi đã gần đây nhận thấy. Nó đã làm tôi đau xót buồn rầu và đôi khi tôi tự giải thích rằng đó là do nỗi lo ngại ngày xưa của tôi (Có lúc tôi đi đến những giả thiết mơ hồ gần sự thực hơn). Tối nay ngẫu nhiên tôi đã thấy rõ; và cũng tối nay tôi đã có dịp ngẫu nhiên biết được tất cả lòng tin cao thượng của mình vào tôi ngay dù có bị ảnh hưởng bởi sự sai lầm ấy. Tôi không hy vọng rằng tình yêu và bổn phận mà tôi phải đáp lại mình sẽ làm cho tôi xứng với lòng tin vô giá của mình; nhưng khi đã biết được cái điều mới mẻ này, tôi có thể ngước mắt nhìn gương mặt thân yêu này, được tôn kính như một người cha, được yêu như một người chồng, thiêng liêng đối với tôi trong thời thơ ấu như một người bạn và trịnh trọng tuyên bố với mình rằng tôi không có lỗi đối với mình dù trong ý nghĩ mong manh nhất, rằng không bao giờ tôi bấp bênh trong tình yêu và trong sự chung thủy đối với mình".

Bà lấy tay ôm choàng lấy cổ bác sĩ và ông ta cúi đầu dựa vào người bà, mái tóc bạc của ông hòa lẫn với mớ tóc nâu sẫm của vợ.

"Ồ! Mình hãy ghì tôi vào sát tim đi! Đừng bao giờ vứt bỏ tôi. Đừng bao giờ nói đến một sự chênh lệch giữa chúng ta bởi vì không có sự chênh lệch nào ngoài sự chênh lệch cho tất cả những khuyết điểm của tôi. Cứ mỗi năm qua tôi càng hiểu rõ mình hơn, càng quý mến mình hơn. Mình hãy ghì tôi vào sát tim mình bởi vì tình yêu tôi xây trên đá và vô cùng bền vững".

Trong giờ phút im lặng tiếp theo, cô tôi nghiêm nghị bước về phía ông Đích, không chút vội vàng và ôm ông hôn chụt một cái rõ kêu. Và phải là một trường hợp rất hiếm có, làm tăng danh tiếng của ông Đích, cô tôi mới làm thế; vì tôi tin chắc ông lúc ấy đang chuẩn bị nhảy lò cò để biểu lộ nỗi vui sướng của mình một cách thích hợp.

"Ông thực là con người tuyệt diệu, ông Đích ạ!" Cô tôi nói với cái vẻ tán thành khâm phục hoàn toàn "và đừng bao giờ giả vờ làm khác đấy nhé! Bởi vì tôi biết ông lắm rồi!"

Nói đoạn, cô tôi túm lấy áo tôi, gật đầu ra hiệu và cả ba người lặng lẽ bước ra khỏi phòng và chúng tôi ra về. Trên đường về, cô tôi nói:

"Thế là bà bạn võ biền của chúng ta dẫu sao cũng bị đóng đinh vào cột. Chỉ riêng điều đó cũng đủ làm cô ngủ ngon hơn, dù cho không có lý do nào khác để vui mừng".

"Tôi ngại bà ta ốm mất" ông Đích nói có vẻ thương hại lắm.

"Thế nào, ông có bao giờ thấy cá sấu ốm không?" cô tôi hỏi ông:

"Tôi tin rằng tôi chưa bao giờ thấy cá sấu cả", ông Đích trả lời khiêm tốn.

"Nếu không có con khỉ già ấy thì đã chẳng có gì xảy ra" cô tôi nói rất bốc. "Rất tiếc là có những bà mẹ không để cho con gái được yên thân sau khi nó lấy chồng mà cứ yêu mến con một cách sỗ sàng như vậy. Các bà ấy tưởng đâu rằng sau khi đã sinh ra một người đàn bà trẻ tuổi tội nghiệp (Lạy chúa, bà ta tưởng đâu rằng con bà yêu cầu và muốn được bà sinh!) họ có quyền giết con bằng cách dằn vặt con. Trốt, cháu nghĩ gì thế?"

Tôi đang nghĩ đến tất cả những điều đã nói. Những ý nghĩ của tôi vẫn còn luẩn quẩn đến một vài câu đã được dùng "Trong hôn nhân không có sự chênh lệch nào lớn hơn tính tình và ý nghĩ không phù hợp nhau", "cảm xúc sai lầm đầu tiên của con tim bồng bột", "tình yêu của tôi xây trên đá".

Nhưng chúng tôi đã về đến nhà, lá bị đẫm nát đang nằm dưới chân và gió mùa thu hiu hắt.

---

[1] Từ điển tiếng Anh của bác sỹ Xamuen Jonson bắt đầu năm 1747 và xuất bản năm 1755 là quyển từ điển đầu tiên của tiếng Anh.

Chương XLVI
TIN TỨC

Tôi đã lấy vợ được gần một năm (nếu như tôi có thể tin cậy vào trí nhớ kém cỏi của mình về năm tháng) bỗng một buổi chiều, trong khi đi dạo một mình, ngẫm nghĩ đến quyển sách mà tôi đang viết (bởi vì cách làm việc cần cù của tôi đã đem đến một thành công ngày càng lớn và lúc này tôi đang lo viết quyển tiểu thuyết đầu tiên), tôi đi qua ngôi nhà của bà Xtiếcphoóc. Từ khi tôi ở gần đây tôi đã nhiều lần đi qua ngôi nhà nhưng không bao giờ tôi đi qua nếu tôi có thể chọn con đường khác. Dù sao, muốn chọn lối khác mà không phải đi quanh một đoạn đường dài cũng thực là khó, cho nên nói chung tôi thường đi qua đây.

Xưa nay tôi chỉ liếc mắt nhìn qua ngôi nhà trong khi rảo bước. Tôi thấy nó vẫn cứ âm u buồn bã như xưa. Các gian phòng chính đều không nhìn ra đường và các cửa sổ kiểu cũ chật hẹp với những khung cửa nặng nề, vốn không bao giờ vui vẻ trong bất cứ trường hợp nào đều có vẻ rất ảm đạm vì bị đóng kín mít và những bức sáo bao giờ cũng kéo xuống. Có một con đường có mái đi qua một cái sân nhỏ lát gạch đến một cái cổng không ai vào ra; và có một cửa sổ tròn ở cầu thang nổi bật lên trong số tất cả cửa sổ khác đó là cái cửa duy nhất không bị bức sáo che nhưng vẫn có cái vẻ trống trải ảm đạm chung. Tôi không nhớ có lần nào thấy ánh sáng đèn trong nhà. Nếu như tôi chỉ là một khách qua đường ngẫu nhiên, có lẽ tôi sẽ nghĩ rằng có một người nào không có con đang nằm trên giường chờ chết. Giá tôi được cái may mắn là không biết gì về ngôi nhà ấy, nhưng đã thấy nó nhiều lần trong trạng thái bất di bất dịch này, thì chắc hẳn trí tưởng tượng của tôi sẽ nghĩ ra nhiều giả thiết kỳ quặc.

Trong thực tế, tôi nghĩ đến nó hết sức ít. Nhưng mỗi khi chân tôi bước qua trước ngôi nhà, óc tôi không thể không nghĩ tới nó và thường thường nó gợi lên trong óc tôi bao nhiêu suy nghĩ. Chiều hôm ấy, những suy nghĩ còn rõ rệt hơn ngày thường và hòa lẫn với những kỷ niệm thời thơ ấu và những hình ảnh gần đây hơn, với những hy vọng mập mờ như những bóng ma, với những thất vọng hiện lên mơ hồ, thấp thoáng như những bóng đen, trong đó thực tế xen lẫn với tưởng tượng ngẫu nhiên thích hợp với các tác phẩm đang thu hút tâm trí tôi. Tôi đang bước lòng trầm ngâm nghĩ ngợi bỗng có tiếng gọi làm tôi giật mình.

Đó cũng là một giọng đàn bà. Chỉ trong một lát tôi nhớ ra chị hầu phòng nhỏ bé của bà Xtiếcphoóc ngày xưa vẫn mang những giải lụa xanh trên mũ. Bây giờ theo như tôi nghĩ chị đã cất nó đi để thích hợp với không khí mới của ngôi nhà, và chị chỉ đeo một vài cái nơ ủ dột mầu nâu trông rất nhã.

"Xin lỗi ông, mời vào nhà nói chuyện với cô Đáctơn".

"Cô Đáctơn sai chị tìm tôi phải không? tôi hỏi.

"Không phải chiều nay đâu ông ạ! Nhưng điều đó không quan trọng. Cách đây một hai ngày cô Đáctơn thấy ông đi qua thì mời ông vào nói chuyện".

Tôi quay lại và hỏi người dẫn đường xem bà Xtiếcphoóc có mạnh khỏe không. Chị đáp lại: "Sức khỏe của bà chủ kém và phần lớn thời gian ở trong phòng".

Khi tôi tới ngôi nhà, người ta bảo cô Đáctơn đang ở ngoài vườn và về để tôi gặp cô một mình. Cô ngồi trên chiếc ghế dài ở cuối một thứ sân thượng đứng nhìn xuống toàn bộ thành phố to lớn. Chiều hôm ấy u ám. Bầu trời mầu chì, xa xa hiện lên một phong cảnh ảm đạm thấp thoáng đây đó một ngôi nhà lớn hơn nổi bật lên trong ánh sáng ủ dột. Tôi có cảm tưởng rằng phong cảnh này là một người bạn thích hợp với những kỷ niệm của người đàn bà hung dữ kia.

Khi tôi bước đến, cô thấy tôi và đứng dậy một lát để tiếp tôi. Cô còn mảnh dẻ và xanh xao hơn lần

tôi gặp trước đây, đôi mắt sáng quắc, lấp lánh hơn và vết sẹo còn rõ rệt hơn.

Chúng tôi chào nhau lạnh nhạt. Lần trước chúng tôi chia tay nhau trong tình trạng giận dữ và gương mặt cô biểu lộ cái vẻ khinh bỉ mà cô không thèm che giấu.

"Cô Đáctơn ạ, người ta bảo tôi rằng cô muốn nói chuyện với tôi" - tôi nói khi đứng bên cạnh, đặt bàn tay lên lưng cái ghế cô ngồi nhưng vẫn không chịu ngồi tuy cô ra hiệu cho tôi ngồi xuống.

"Anh làm ơn cho biết người ta đã tìm ra con bé ấy chưa?" cô nói.

"Chưa".

"Ấy thế mà nó đã bỏ trốn!"

Tôi thấy đôi môi mỏng mím lại trong khi cô nhìn tôi như đang háo hức muốn mắng nhiếc Emili.

"Bỏ trốn à?" tôi nhắc lại.

"Phải, nó đã bỏ trốn rồi!" Cô nói, cười gằn. "Nếu người ta không tìm ra nó có lẽ người ta sẽ không bao giờ tìm được nó. Có thể nó chết rồi!"

Chưa bao giờ tôi thấy gương mặt ai lại biểu lộ sự kiêu ngạo tàn ác và đắc chí như tôi thấy trên mặt cô. Tôi nói:

"Lời cầu mong nhân từ nhất mà một người đàn bà như cô có thể chúc cô ấy là mong cô ấy chết đi. Cô Đáctơn ạ, tôi rất sung sướng rằng thời gian đã làm cho cô dịu dàng như thế!"

Cô không thèm trả lời mà quay mặt về phía tôi cười gằn một lần nữa có vẻ khinh miệt và bảo:

"Những người bạn của con bé tuyệt diệu bị lăng nhục kia là những người bạn của anh. Anh là người bênh vực họ và bảo vệ quyền lợi của họ. Anh có muốn biết những chuyện gì về con ấy không?"

"Có!" tôi nói.

Cô đứng dậy, mỉm một nụ cười xấu xí, bước vài bước về phía hàng rào cẩu cốt gần ngay đây ngăn cách bồn hoa với vườn rau và gọi dõng dạc với cái giọng người ta vẫn dùng để gọi một con vật bẩn thỉu: "Lại đây!"

"Anh Copơphin, chắc là ở chỗ này anh sẽ không ầm ĩ bênh vực bạn bè và không trả thù chứ?" cô ngoái cổ nhìn tôi cũng với vẻ mặt như trước.

Tôi gật đầu nhưng không hiểu cô muốn nói gì; và cô nhắc lại: "Lại đây!" rồi trở lại cái ghế theo sau là gã Litimơ trang trọng, hắn cúi chào tôi vẫn trang trọng như xưa và đứng sau lưng cô. Kỳ lạ làm sao ở đây cái vẻ duyên dáng tàn ác và đắc thắng của cô khi cô lại ngồi xuống chiếc ghế dài ở giữa chúng tôi tuy vậy lại có cái gì hấp dẫn rất đàn bà, xứng với một cô công chúa tàn ác trong truyện cổ tích. Cô nói giọng hách dịch, không thèm nhìn hắn, bàn tay đặt lên vết sẹo cũ đang run giần giật (có lẽ lần này vì sung sướng chứ không phải vì đau đớn).

"Bây giờ anh hãy kể cho ông Copơphin biết về chuyện bỏ trốn".

"Thưa cô, ông Jêm và tôi…"

"Anh đừng nói với tôi!" Cô cau mày ngắt lời.

"Thưa ông, ông Jêm và tôi…"

"Xin anh cũng đừng nói với tôi", tôi nói.

Gã Litimơ không hề lúng túng, khẽ cúi đầu chào biểu lộ rằng bất kỳ cái gì chúng tôi thích thì hắn

cũng ưng và hắn nói tiếp:

"Ông Jêm và tôi đã ở nước ngoài với người đàn bà trẻ tuổi từ khi cô ấy rời khỏi Yácmao dưới sự che chở của ông Jêm. Chúng tôi đã đến nhiều nơi và thấy nhiều nước. Chúng tôi đã đi Pháp, Ý, Thụy sĩ… nói chung đi gần khắp".

Hắn nhìn chỗ tựa của cái ghế dài như đang nói với nó và lấy tay vỗ nhè nhẹ như hắn đang chơi một cây đàn dương cầm câm lặng.

"Ông Jêm gắn bó với người đàn bà trẻ tuổi ấy lạ thường và từ khi tôi theo ông chưa bao giờ tôi thấy ông không thay đổi trong một thời gian dài như vậy. Người đàn bà trẻ tuổi rất thông minh, nói được tiếng của những nước này và người ta không thể nhận ra cô ấy là cô gái quê ngày trước. Tôi nhận thấy rằng bất kỳ nơi nào chúng tôi đến người ta cũng đều rất phục cô ấy".

Cô Đáctơn đưa tay lên ngực. Tôi thấy gã Litimơ liếc trộm cô và có vẻ cười thầm.

"Thực vậy, người ta rất phục người đàn bà trẻ tuổi ấy. Vì cách ăn mặc, không khí và mặt trời, vì cái này, cái nọ… nói chung những giá trị của cô ấy làm mọi người chú ý".

Hắn dừng lại một phút. Cái nhìn của cô Đáctơn đang lang thang theo dõi phong cảnh xa xôi và cô mím miệng, cắn môi dưới cho cái miệng khỏi run lẩy bẩy."

Gã Litimơ cất tay khỏi chỗ dựa ở ghế, hắn đứng một chân, đặt bàn tay vào bàn tay kia và nói tiếp cặp mắt cúi xuống và cái đầu trang trọng của hắn khẽ nhô về phía trước và nghiêng về một bên.

"Người đàn bà trẻ tuổi vẫn sống như vậy trong một thời gian và đôi khi buồn bã cho đến ngày tôi nghĩ rằng cô ấy bắt đầu làm cho Ông Jêm chán vì tính tình ủ dột. Và thế là tình hình trở nên xấu đi. Ông Jêm lại bắt đầu loay hoay, ông càng loay hoay, người đàn bà trẻ tuổi càng ủ dột và riêng về phần tôi, phải nói rằng tôi đã trải qua những ngày rất gian khổ ở giữa hai người. Tuy vậy thỉnh thoảng vẫn có sự chắp vá ở chỗ này, sự bù đắp ở chỗ khác, và nói chung tình hình này kéo dài hơn điều người ta thể chờ đợi.

Cô Đáctơn không nhìn phong cảnh ở xa như trước, mà lại nhìn vào mặt tôi, với cái vẻ đắc chí trước đây. Gã Litimơ sau khi dặng hắng một cách trang trọng đằng sau bàn tay để lấy giọng, đổi chân và nói tiếp: "Cuối cùng sau nhiều cuộc cãi cọ và trách móc, một buổi sáng ông Jêm rời khỏi biệt thự mà chúng tôi ở, ở gần thành Náp (bởi vì người đàn bà trẻ rất thích biển) và mượn cớ đi một hay hai ngày, ông giao cho tôi nhiệm vụ báo cho cô ấy biết rằng vì hạnh phúc của tất cả những người hữu quan ông đã quyết định (đến đây hắn lại khẽ dặng hắng)… ra đi. Nhưng tôi phải nói rằng ông Jêm đã cư xử hết sức lịch sử, bởi vì ông đã đề nghị người đàn bà trẻ tuổi lấy một người rất đáng kính, sẵn sàng quên quá khứ và ít nhất cũng bằng tất cả những người mà người đàn bà trẻ tuổi ấy nói chung có thể mơ ước bởi vì gia thế cô ta hết sức tầm thường.

Hắn lại đổi chân một lần nữa và liếm mép, Tôi biết rằng tên khốn nạn kia nói về chính hắn và nhìn mặt cô Đáctơn tôi thấy cô ta cũng nghĩ thế.

"Tôi cũng có nhiệm vụ báo cho cô ấy biết điều ấy. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để ông Jêm thoát khỏi những khó khăn và để lập lại sự hòa hợp giữa ông với bà cụ thân sinh yêu quý đã đau khổ nhiều về ông. Tôi bèn nhận trách nhiệm giao phó. Khi tôi báo cho cô ta biết tin ông Jêm đã bỏ đi cô ấy đã nổi giận điên cuồng vượt quá sức tưởng tượng. Cô ấy đã hoàn toàn hóa điên và người ta phải dùng sức mạnh giữ cô ta lại, bởi vì nếu không cô ta đã đâm đầu vào cái nền cẩm thạch, nếu không vớ lấy một con dao hay lao mình xuống biển".

Cô Đáctơn ngả người ra lưng ghế, mặt tươi roi rói vì thích thú, dường như muốn vuốt ve những chữ

mà tên kia đã nói ra:

"Nhưng khi tôi nói đến phần thứ hai của nhiệm vụ được giao phó cho tôi" - gã Litimơ nói, xoa xoa hai tay có vẻ lúng túng", (và bất cứ ai cũng có thể tin rằng dù thế nào đi nữa, đó cũng là một ý định đầy ân đức) lúc bấy giờ người đàn bà trẻ tuổi mới để lộ tất cả bản tính của mình. Tôi chưa bao giờ thấy một người hung tợn hơn. Hành động của cô ta xấu xa lạ kỳ. Cô ta chẳng hơn gì gỗ đá, không hề tỏ ra biết ơn, mất hết kiên nhẫn, lý trí. Tôi tin chắc rằng cô ta đã giết tôi nếu tôi không đề phòng".

"Tôi chỉ càng đánh giá cô ấy cao hơn". Tôi nói giọng phẫn nộ.

"À!" Gã Litimơ cúi đầu như muốn nói: "Thế à? Thưa ông? Nhưng ông còn non nớt lắm". Rồi hắn kể tiếp:

"Tóm lại, trong một thời gian cần phải để cô ấy cách xa tất cả những vật có thể dùng để làm mình bị thương và làm người khác bị thương và phải giam kín cô ta lại. Mặc dầu thế, đang đêm cô ta vẫn trốn được bằng cách bẻ gãy những mắt cáo của một cửa sổ mà chính tay tôi đã đóng đinh, rồi buông mình rơi xuống một cây nho dưới cửa sổ. Và từ đó, theo tôi biết người ta không biết tin tức gì về cô ta cả".

"Chắc hẳn chết rồi!" - Cô Đáctơn nói mỉm cười, - dường như cô đã lấy chân giẫm lên xác của người con gái tội nghiệp.

"Cô ta có thể trầm mình rồi cô ạ" - gã Litimơ đáp, nhân dịp này để nói với một người nào đó. "Có thể như thế lắm! Hay là có lẽ cô ta đã được những người đánh cá và vợ con họ giúp đỡ. Cô ta thuộc gia đình thấp hèn cô Đáctơn ạ, và thường hay nói chuyện với những người đánh cá trên bờ biển và ngồi cạnh tàu của họ. Tôi đã thấy cô làm như thế suốt cả ngày những lúc vắng ông Jêm. Một hôm ông Jêm rất bực mình khi biết rằng cô ấy đã nói với những đứa trẻ rằng cô cũng là con nhà đánh cá và ở quê của cô trước đây cô cũng chạy trên bờ biển như chúng vậy".

Ôi! Emili! Con người bất hạnh! Một hình ảnh hiện lên trước mặt tôi: Emili ngồi trên bờ biển xa xôi giữa những đứa trẻ như nàng khi nàng còn ngây thơ lắng nghe những tiếng của bọn trẻ nhỏ có thể gọi nàng là "mẹ" nếu nàng là vợ một người đánh cá nghèo và nghe tiếng nói vĩ đại của mặt biển vẫn vang lên câu điệp khúc muôn đời:"không bao giờ nữa"[1].

"Thưa cô, khi tôi thấy rõ rệt rằng không có cách gì nữa…" Litimơ nói.

"Tôi chẳng bảo anh rằng anh không được nói với tôi hay sao?" Cô ta đáp lại giọng khinh bỉ ra mặt.

"Vì cô nói với tôi", hắn đáp, "tôi xin lỗi cô. Nhưng nhiệm vụ của tôi là phải vâng lời".

- Anh cứ làm nhiệm vụ của anh đi, cô Đáctơn nói. "Nói cho xong câu chuyện của anh, rồi cút đi!"

"Khi tôi thấy rõ ràng" - hắn nói với cái vẻ hết sức trang trọng và cúi đầu vâng lệnh, "rằng không thể nào tìm thấy cô ta, tôi đến gặp ông Jêm ở nơi ông ta hẹn tôi phải viết thư và báo cho ông biết sự việc xảy ra. Một cuộc cãi lộn đã xảy ra giữa chúng tôi về việc này và tôi nhận thấy danh dự của tôi bắt tôi phải rời bỏ ông. Tôi có thể chịu đựng và tôi đã chịu đựng nhiều điều của ông Jêm, nhưng ông mắng nhiếc tôi quá. Ông đã làm tôi bị thương tôi biết về sự xung đột đáng tiếc, xảy ra giữa bà cụ thân sinh và ông. Tôi biết tâm trạng của bà cụ ở nhà lo lắng như thế nào nên tôi đánh bạo trở về Anh và kể lại…"

"Với số tiền tôi đã trả…" Cô Đáctan nói.

"Đúng thế, thưa cô, và kể lại điều tôi biết. Tôi có cảm tưởng", gã Litimơ nói sau khi nghĩ ngợi một lát - không còn phải nói gì thêm nữa. "Bây giờ tôi không có công ăn việc làm và tôi sẽ sung sướng nếu

tìm được một chỗ kha khá".

Cô Đáctơn liếc nhìn tôi như muốn hỏi xem tôi có muốn hỏi gì nữa không. Vì một ý nghĩ nảy ra trong óc tôi và tôi nói:

"Tôi muốn nói thà…ăng (đó là danh từ hiền lành nhất mà tôi có thể tìm được) này cho tôi biết hắn có nhận được bức thư nào do gia đình gửi hay không hay hắn cho là cô ấy đã nhận được".

Hắn đứng im lặng không nói gì, đôi mắt dán chặt xuống đất, từng đầu ngón tay của bàn tay phải nhẹ nhàng đặt lên từng đầu ngón tay của bàn tay trái.

Cô Đáctơn khinh bỉ quay đầu về phía hắn.

"Tôi xin lỗi cô" hắn nói như vừa tỉnh giấc mơ - "Nhưng trong khi phục tùng cô tôi vẫn có danh giá của tôi, mặc dầu tôi là hạng đầy tớ. Ông Copơphin và cô là những người khác nhau. Nếu ông Copơphin muốn tôi nói cho ông biết điều gì, thì tôi xin phép nhắc cho ông Copơphin biết rằng ông có thể hỏi thẳng tôi. Tôi phải giữ danh giá của tôi".

Sau một phút đấu tranh, tôi đưa mắt nhìn hắn và nói:

"Anh đã nghe câu hỏi của tôi rồi đấy, anh hãy cho câu đó là để hỏi anh nếu anh muốn. Anh trả lời thế nào?

"Thưa ông" hắn đáp; lần lượt kéo những đầu ngón tay mảnh khảnh ra rồi lại khép lại, "tôi không thể trả lời dứt khoát bởi vì để lộ những lời tâm sự của ông Jêm cho bà cụ biết, và bộc lộ những tâm sự ấy với ông là hai việc rất khác nhau. Theo ý tôi ông Jêm không thể nào khuyến khích việc nhận những bức thư làm cho người đàn bà trẻ tuổi ấy càng thêm bực bội và khó chịu, nhưng tôi không muốn đi xa hơn nữa".

"Có thế thôi à?", cô Đáctơn hỏi tôi.

Tôi trả lời rằng tôi không có gì nói nữa.

"Nhưng còn một điều" - tôi nói thêm khi thấy hắn định bước đi - "tôi thừa hiểu vai trò hắn đã đóng trong câu chuyện buồn bã này, và vì tôi sẽ báo chuyện này cho con người trung thực đã từng là cha đối với cô ấy từ khi cô ấy còn nhỏ, nên tôi khuyên hắn đừng có vác mặt ra trước đông người".

Hắn dừng lại ngay lúc tôi bắt đầu nói và lắng nghe vẫn bình thản như mọi ngày.

"Cám ơn ông! Nhưng xin ông cho phép tôi nói rằng ở xứ sở này không còn có nô lệ và chủ nô và không ai có quyền tự tay mình thi hành pháp luật. Nếu họ làm thì theo tôi hiểu điều đó chỉ nguy hiểm cho họ chứ không nguy hiểm cho những người khác. Vì vậy cho nên ông ạ, tôi không sợ đi bất cứ nơi nào tôi muốn đi".

Nói đoạn hắn kính cẩn chào và sau khi chào cô Đáctơn hắn biến mất sau cái hàng rào mà từ đó hắn đã xuất hiện Cô Đáctơn và tôi nhìn nhau im lặng một lát, cử chỉ của cô cũng hệt như khi cô gọi gã kia đến. Cô nói thêm, cắn môi khinh bỉ:

"Hắn còn nói, theo hắn, ông chủ đang đi men theo bờ biển Tây-ban-nha và sau đó ông ta còn đi chơi cho thỏa thích cái thú đi biển cho đến khi chán. Nhưng điều đó không làm ông quan tâm. Cái hố sâu ngăn cách hai con người kiêu ngạo là bà mẹ và người con trai lại càng sâu hơn trước và họ không có cách gì lấp nó được, bởi vì tính cách họ như nhau và thời gian chỉ làm cho họ càng thêm bướng bỉnh và khó chịu. Điều này cũng không làm ông quan tâm, nhưng nó cắt nghĩa điều tôi sẽ nói với ông. Con quỉ sứ kia mà ông cho là một thiên thần, tôi muốn nói cái con hèn hạ mà cậu ta đã lượm ở trong vũng bùn của thủy triều (khi nói thế đôi mắt đen của cô chăm chú nhìn tôi và ngón tay giơ lên giận dữ)

có lẽ vẫn còn sống, bởi vì tôi tin rằng những con vật hèn hạ rất khó chết. Nếu hắn còn sống thế nào anh cũng muốn tìm lại viên ngọc quý hóa để chăm chút nó. Đó cũng là ý muốn của tôi, để cho cậu ta không thể trở thành cái mồi của con ấy. Về điểm này quyền lợi của chúng ta là nhất trí. Vì vậy tuy tôi là người sẵn sàng làm tất cả những điều tàn ác mà một kẻ thô lỗ như vậy có thể chịu đựng, tôi đã cho người mời anh đến đây để anh nghe những điều anh đã nghe".

Nhìn vẻ mặt cô thay đổi, tôi hiểu rằng có người xuất hiện đằng sau. Đó là bà Xtiếcphoóc. Bà ta bắt tay tôi còn lạnh lùng hơn trước và càng làm ra vẻ bệ vệ hơn trước, nhưng tôi vẫn cảm động vì nhận thấy ở bà bóng dáng của mối tình bạn ngày xưa không thể xóa mờ của tôi đối với người con. Bà đã thay đổi rất nhiều. Dáng người xinh đẹp của bà không đứng thẳng như trước, khuôn mặt thanh tú đã đầy những nếp nhăn và mái tóc đã lốm đốm bạc. Nhưng khi ngồi trên chiếc ghế dài, bà vẫn còn là một người đàn bà đẹp và tôi nhận ra rõ ràng đôi mắt sáng với cái nhìn kiêu hãnh đã từng chiếu sáng những giấc mơ của tôi lúc còn là học sinh.

"Anh Copơphin biết tất cả rồi chứ chị Rôda?"

"Đã!"

"Thế anh đã nghe chính Litimơ nói chứ?"

"Đã, cháu đã nói với anh ấy tại sao bác muốn thế!"

"Anh là người tốt! Tôi có thư từ qua loa với người bạn trước kia của anh" bà bảo tôi "nhưng việc thư từ vẫn không làm cho anh ta nhớ lại bổn phận nhiệm vụ của mình theo đạo hiếu. Vì vậy ở trong việc này tôi không có mục đích nào khác ngoài điều Rôda đã nói với anh. Nếu có cách nào làm dịu lòng con người đáng quý mà anh đã đưa đến đây (và tôi cũng lấy làm buồn cho ông ta… tôi không thể nói hơn được) để con trai tôi khỏi rơi vào những cạm bẫy của những kẻ thù lắm mưu mô, và như thế là tốt".

Tôi nói giọng kính cẩn:

"Thưa bà, tôi hiểu ý bà. Tôi có thể cam đoan với bà tôi không hề muốn giải thích sai những động cơ của bà. Nhưng vì từ thời thơ ấu tôi đã quen biết cái gia đình bất hạnh ấy, nên tôi phải thưa với bà, ngay với bà rằng bà sẽ sai lầm khủng khiếp nếu bà cho rằng, cô gái ấy, con người đã bị đối xử tàn tệ, không phải là bị lừa dối tàn nhẫn và thà chịu chết một trăm lần còn hơn là bây giờ nhận một cốc nước từ tay cậu con trai của bà".

"Không cần, Rôda, không cần" - bà Xtiếcphoóc cản lại vì Rôda định nói xen vào - "Cái đó không có gì quan trọng. Thế cũng được… Tôi nghe nói anh đã lấy vợ có phải không?"

Tôi trả lời rằng tôi đã lấy vợ được ít lâu.

"Và anh đã thành đạt có phải không? Trong cuộc sống yên lặng của tôi, tôi không biết được nhiều nhưng tôi nghe nói rằng ông đã bắt đầu nổi tiếng".

"Tôi rất gặp may và tôi thấy tên tôi cũng được khen".

"Anh không còn mẹ nữa à?" bà hỏi giọng dịu dàng hơn.

"Không ạ".

"Tiếc nhỉ" - bà nói "nếu không bà sẽ có thể tự hào về anh. Chào anh!"

Tôi bắt bàn tay mà bà giơ cho tôi với cái vẻ trang trọng và kiên quyết và cảm thấy bàn tay ấy nằm yên lặng trong bàn tay của tôi dường như trong lòng bà sự yên tĩnh đã đến. Thái độ kiêu ngạo của bà

tựa hồ chi phối đến cả nhịp đập của con tim và phủ lên mặt bà một tấm màn bình thản qua đó bà nhìn thẳng về phía trước về chốn xa xăm.

Khi rời khỏi hai người và đi dọc theo sân thượng tôi không thể không nhìn hai người đang ngồi chăm chú nhìn cái phong cảnh đang tối dần và bao quanh lấy họ. Đây đó, lấp lánh những ngọn đèn đầu tiên trong cái đô thị xa xăm. Một ánh sáng nhợt nhạt lớn vởn ở chân trời phương đông. Nhưng dưới chân họ, từ cái thung lũng rộng lớn ngăn cách họ với thành phố, sương mù đã dâng lên như biển hòa lẫn với bóng tối như muốn tràn ngập cả họ nữa. Tôi có lý do để nhớ đến cảnh tượng ấy và nghĩ đến nó mà rùng mình; bởi vì trước khi tôi nhìn lại hai người lần nữa thì biển cả bão bùng đã nổi dậy dưới chân họ.

Ngẫm nghĩ về những điều tôi đã được nghe, tôi thấy cần phải nói cho ông Pécgôti biết. Chiều hôm sau tôi đi Luân-đôn tìm ông. Ông vẫn lang thang hết nơi này sang nơi khác đeo đuổi mục đích duy nhất là tìm con cháu, nhưng ông ở Luân-đôn nhiều hơn ở nơi khác. Bao lần tôi đã thấy ông giữa đêm trường lang thang các phố để tìm con người mà ông phải gặp trong số một vài người vẫn còn thơ thẩn ngoài đường trong những giờ khuya khoắt như vậy.

Ông ở một căn phòng trên cửa hàng xén ở chợ Hăngơphooc mà tôi đã nhiều lần nhắc đến, và từ đó ông đã bắt đầu cuộc hành hương vô vọng của mình. Tôi đến đây. Khi tôi hỏi ông ở đâu, những người trong nhà bảo tôi ông chưa ra khỏi nhà và tôi có thể gặp ông trên gác, trong căn phòng của mình.

Ông đang ngồi đọc trước cửa sổ, ở đấy ông trồng vài cây hoa. Căn phòng sạch sẽ và ngăn nắp. Mới thoạt nhìn tôi đã biết rằng phòng này bao giờ cũng sẵn sàng để tiếp đứa cháu gái và không bao giờ ông ra khỏi phòng mà không nghĩ rằng ông có thể đưa nó về nhà. Ông không nghe tôi gõ cửa và chỉ ngước mắt lên khi tôi đặt tay lên vai.

"Cậu Đêvi, cảm ơn cậu, cảm ơn cậu đã tới thăm! Cậu ngồi xuống, tôi rất sung sướng được gặp cậu".

"Ông Pécgôti ạ" tôi ngồi lên cái ghế ông mời tôi ngồi "Tôi đã có tin, nhưng không phấn khởi cho lắm!"

"Của Emini?"

Ông giơ tay lên miệng, run lẩy bẩy, mặt tái đi, đôi mắt dán chặt vào mắt tôi.

"Những tin tức này không cho chúng ta biết cô ta ở đâu, nhưng cô ta không ở với anh ta nữa".

Ông nhìn tôi chăm chú và yên lặng, lắng nghe tất cả những điều tôi phải nói cho ông biết. Tôi nhớ rõ tôi thấy gương mặt trang trọng, kiên nhẫn của ông rất cao quý, thậm chí đẹp đẽ khi ông dần dần nhìn sang nơi khác, ngồi nhìn xuống đất lấy tay đỡ lấy trán, ông không ngắt lời tôi lần nào, chỉ ngồi im như phỗng suốt thời gian tôi kể chuyện dường như ông đang mãi theo dõi hình ảnh của Emili qua câu chuyện kể và không để ý gì đến tất cả mọi hình ảnh lướt qua cạnh ông.

Khi tôi nói xong, ông lấy tay che mặt và vẫn ngồi im lặng. Tôi nhìn ra cửa sổ một lát ngắm cây cối. Cuối cùng ông hỏi:

"Cậu Đê-vi, cậu thấy thế nào?"

"Tôi nghĩ rằng cô ấy còn sống". Tôi đáp.

"Tôi không biết, có thể cái đòn đầu tiên quá mạnh và ai biết được khi tâm hồn hoảng nạn… ở đây là biển xanh, như ngày xưa cháu nó vẫn thường nói. Biết đâu trong bao năm trời nó cứ nghĩ đến mặt biển vì biển cả sẽ nà mồ của nó?"

Ông nói thế rồi trầm ngâm hạ thấp giọng như sợ hãi đoạn bước ngang qua căn phòng nhỏ.

"Tuy vậy cậu Đê-vi ạ, tôi vẫn cảm thấy chắc chắn rằng cháu nó vẫn còn sống… trong khi tỉnh cũng như trong giấc mơ tôi vẫn tin chắc thế nào tôi cũng tìm được nó. Ý nghĩ đó nâu nay đã nâng đỡ tôi và giúp đỡ tôi đến nỗi tôi không thể tin rằng có thể nầm. Không! Emini vẫn còn sống".

Ông đặt bàn tay lên bàn có vẻ rắn rỏi và gương mặt rám nắng biểu lộ một ý định kiên quyết.

"Cháu Emini của tôi vẫn còn sống cậu ạ!" Ông nói kiên quyết - "Tôi không biết ý nghĩ ấy từ đâu đến và bằng cách nào nhưng có một cái gì đó, cho tôi biết rằng nó vẫn còn sống".

Khi nói thế, trông ông gần như một người lên đồng. Tôi chờ đợi vài phút để ông có thể tập trung tất cả sự chú ý vào tôi; rồi tôi bắt đầu giải thích cho ông nghe những điều nên làm mà tối qua tôi nghĩ ra.

"Và bây giờ, ông bạn…" tôi nói.

"Cảm ơn, cậu quí hóa nắm!" ông nói lấy hai tay nắm chặt tay tôi.

"Nếu cô ấy đến Luân-đôn, và điều đó có thể xảy ra bởi vì cô ấy có thể trốn ở đâu dễ dàng hơn là ở cái đô thị mênh mông này? Và cô ấy còn mong muốn gì nữa nếu không phải là lẫn trốn và ẩn nấp, trừ khi cô ấy muốn về nhà?"

"Nó không về nhà đâu - ông nói xen lắc đầu buồn bã - Nếu cháu nó tự ý bỏ hắn thì cháu nó có thể về, nhưng căn cứ vào tình hình xảy ra thì nó sẽ không về".

"Nếu cô ấy trở về Luân-đôn - tôi nói tiếp - tôi tin rằng ở đây có một người có nhiều hy vọng gặp cô ấy nhất, ông có nhớ… xin ông nghe tôi nói một cách can đảm… điều mà tôi sắp nói với ông. Xin ông nghĩ đến mục đích to lớn của mình… Ông còn nhớ Mácta chứ?"

"Con Mácta ở thành phố chúng ta ấy mà?" Chỉ nhìn nét mặt của ông cũng biết câu trả lời.

"Ông biết rằng chị ta ở Luân-đôn à?"

"Tôi đã thấy nó ở ngoài phố" ông đáp, rùng mình.

"Nhưng ông không biết rằng Emili đã giúp đỡ chị ta với sự giúp sức của Ham trước khi cô ấy bỏ trốn không lâu và buổi chiều mà chúng ta gặp nhau và nói chuyện trong quán càfê ở bên kia đường, Mácta đã đứng ngoài cửa nghe trộm".

"Cậu Đêvi!" Ông trả lời hoảng hốt - "Có phải cái buổi tuyết xuống rất nhiều đấy không?"

"Đúng thế! Từ hôm ấy tôi không bao giờ thấy lại chị ta nữa. Tôi đã quay lại để nói chuyện với chị ta sau khi chia tay với ông, nhưng chị đã đi mất. Tôi không muốn nói tên chị trước mặt ông vào lúc ấy và bây giờ tôi cũng vẫn ngần ngại. Nhưng chị chính là con người tôi muốn nói đến và tôi thấy rằng chúng ta phải bắt liên lạc với chị ta. Ông hiểu tôi chứ?"

"Hiểu rõ nắm cậu ạ!" ông trả lời. Chúng tôi đã hạ thấp giọng nói thì thầm và chúng tôi vẫn tiếp tục nói như vậy.

"Ông bảo tôi rằng ông đã thấy chị à? Thế ông có tin rằng có thể gặp lại chị ta không? về phần tôi chỉ có thể hy vọng gặp chị ta một cách ngẫu nhiên mà thôi?"

"Cậu Đêvi, tôi nghĩ rằng tôi sẽ biết tìm nó ở đâu!"

"Trời tối, vì chúng mình cùng ở đây, chúng ta có nên đi thử tìm chị ta tối nay hay không?"

Ông bằng lòng và chuẩn bị để đi theo tôi. Không làm ra vẻ chú ý tới điều ông làm, tôi thấy ông dọn dẹp chu đáo cái căn phòng nhỏ, chuẩn bị một cây nến và những đồ phụ tùng để thắp nến lên, dọn

giường và cuối cùng lấy trong ngăn kéo ra một cái áo của Emili (tôi nhớ rằng tôi đã thấy nàng mặt áo này) xếp cẩn thận với những quần áo khác và lấy một chiếc mũ mà ông đặt lên ghế. Ông không nhắc gì đến những quần áo ấy và tôi cũng thế. Rõ ràng là đã bao buổi tối ở đây ông vẫn phải chờ đợi Emili như vậy. Ông bảo tôi khi bước xuống cầu thang:

"Cậu Đêvi ạ, đã có một thời tôi xem con Mácta kia chẳng khác gì đống bùn dưới chân cháu Emini của tôi. Nạy chúa tha nỗi cho tôi, bây giờ thì khác rồi. Trong khi đi, một phần để nói chuyện một phần để thỏa trí tò mò, tôi hỏi ông về những tin tức của Ham. Ông bảo tôi cũng với những lời như xưa rằng Ham vẫn không thay đổi:

"Nó vẫn nàm việc tận tụy như không hề nghĩ tới mình nhưng nó không bao giờ than thở, và mọi người yêu nó".

Tôi hỏi ông, theo ông Ham nghĩ gì về con người đã gây nên điều bất hạnh cho tất cả mọi người? Ông có cho rằng anh ta có những ý nghĩ dễ sợ hay không, và theo ông nếu Ham và Xtiếcphoóc gặp nhau chẳng hạn, Ham sẽ làm gì?

"Cậu ạ, tôi không biết - ông nói - nhiều nần tôi đã nghĩ đến điều đó nhưng tôi không thể nào đoán được".

Tôi nhắc lại cho ông nhớ buổi đi dạo vào buổi sáng của ba người trên bờ biển sau khi Emili đã ra đi. Tôi nói:

"Hẳn ông còn nhớ, vẻ mặt ngơ ngác của anh ấy khi anh ấy nhìn ra ngoài khơi và cái cách anh ấy nói về "sự kết thúc của tất cả".

"Ồ! Tôi nhớ nắm chứ!" ông nói.

"Theo ý ông anh định nói gì thế?"

"Cậu Đêvi ạ" - ông trả lời - "tôi đã tự đặt cho mình câu hỏi ấy hàng chục lần nhưng tôi không bao giờ trả lời được. Và có một điều nạ nà… mặc dầu nó rất nành, tôi không bao giờ dám đánh bạo hỏi nó muốn nói gì bằng câu nói ấy. Nó bao giờ cũng nói với tôi hết sức kính cẩn và tôi không tin rằng bây giờ nó sẽ nói khác. Duy có một điều những ý nghĩ ấy của nó không phải xuất phát từ một nơi nông cạn mà từ nơi sâu nhất trong tâm trí nó. Nó ở nơi rất sâu, cậu ạ, và tôi không thể nào nhìn thấy được".

"Ông nói đúng" - tôi nói - và "đôi khi điều đó làm cho tôi lo lắng".

"Cậu Đêvi ạ, tôi cũng thế" - ông đáp. "Hơn nữa, tôi cam đoan với cậu tôi còn no cho cái tinh thần dũng cảm niều mạng của nó, mặc dầu cả hai việc này đều do sự thay đổi kia đưa đến. Tôi không biết trong những trường hợp nào đó nó có hành hung hay không, nhưng dẫu sao tôi cũng mong rằng hai người này không bao giờ gặp nhau".

Chúng tôi đã bước vào đô thị, trong khi đi qua Tempơn Ba. Ông không nói nữa và đi bên cạnh tôi, lòng bâng khuâng nghĩ đến mục đích duy nhất của cuộc đời tận tụy của ông. Ông bước đi với vẻ tập trung lặng lẽ của tất cả các năng khiếu làm cho ông thành một con người cô độc ở giữa đám đông. Chúng tôi không cách xa cầu Blắcfrai, bỗng ông quay đầu lại, chỉ hình dáng một người đàn bà cô độc đang đi rất nhanh, ở bên kia đường. Tôi nhận ngay ra đó là con người mà chúng tôi đang tìm.

Chúng tôi đi qua đường và rảo bước để theo cho kịp, bỗng tôi nẩy ra ý nghĩ rằng chị có lẽ sẽ quan tâm hơn tới cô gái đã bỏ trốn nếu chúng tôi nói với chị ở một nơi vắng vẻ ở đây ít người chú ý đến chúng tôi. Tôi bèn khuyên ông bạn khoan hỏi chị ngay mà đi theo chị, đồng thời tôi bất giác có ý nghĩ muốn biết chị đi đâu.

Ông bằng lòng và chúng tôi đi theo cách chị một quãng, không bao giờ bỏ mất hút, cũng không bao giờ đến quá gần, bởi vì chị luôn luôn nhìn quanh. Có một lần chị dừng lại để nghe một dàn nhạc và chúng tôi cũng dừng lại.

Chị đi một đoạn đường dài. Chúng tôi vẫn đi theo. Nhìn cách chị bước, chúng tôi biết chị đến một nơi nào đó nhất định; và điều đó cùng với việc chị đi trong những đường phố đông người, cùng với sức hấp dẫn kỳ lạ của việc lén lút đi theo trong những điều kiện như vậy, đã khiến tôi giữ vững ý nghĩ đầu tiên. Cuối cùng, chị đi vào một con đường buồn bã, tối om ở đây tiếng động cũng như người qua lại đều hết và tôi nói: "Bây giờ chúng ta có thể nói với chị" và chúng tôi rảo bước theo sau.

---

[1] Không dịch được: Never more (ne-vơ morơ): "Không bao giờ nữa" nghe như tiếng sóng biển.

Chương XLVII
MÁCTA

Lúc này chúng tôi đã đến khu phố Oetminxtơ là nơi chị bắt đầu rời khỏi ánh sáng và tiếng động của những con đường chính. Thoát khỏi dòng người đi về phía cầu và từ bên kia cầu tới chị đi rất nhanh đến nỗi khi chị bẻ ngoặt sang đường khác, chúng tôi đều ở trong đường phố chật hẹp bên bờ sông cạnh nhà tù Minbenco[1] trước khi đuổi kịp chị. Đến lúc đó, chị qua bên kia đường như muốn lẫn trốn những bước chân mà chị nghe rất gần ở đằng sau và không quay lại nhìn chị vẫn tiếp tục đi còn nhanh hơn nữa.

Cảnh tượng của con sông nhìn qua cái cổng âm u ở đây người ta để những chiếc xe đò ban đêm hình như giữ chân tôi lại. Tôi im lặng lấy tay chạm vào cánh tay ông bạn, và cả hai đều không theo chị sang bên kia đường mà vẫn đi bên này đường, hết sức im lặng, dưới bóng những ngôi nhà nhưng vẫn rất gần chị.

Khi tôi viết những dòng này, cuối con đường thấp ấy vẫn còn một ngôi nhà gỗ đã hư hỏng và có lẽ là một ngôi nhà cũ để chở phà. Nó nằm đúng vào nơi con đường chấm dứt và đường đi bắt đầu chạy giữa một dãy nhà và con sông. Đến đây, khi đã thấy mặt nước, Mácta dừng lại như đã đến nơi. Lát sau, chị chậm rãi đi men theo con sông mắt đăm nhìn mặt nước.

Trong khi đi theo, tôi vẫn tưởng rằng chị sẽ vào một ngôi nhà nào đây. Thậm chí, tôi còn hy vọng mơ hồ rằng ngôi nhà này có thể liên quan phần nào tới người con gái đã bỏ trốn. Nhưng khi tôi thấy con sông hiện lên âm u qua cái cổng, tôi bất giác hiểu rằng chị sẽ không đi nữa.

Nơi ấy lúc bấy giờ rất ảm đạm; ban đêm nó cũng nặng nề, buồn thảm và cô độc như bất kỳ khu phố nào khác ở ngoại ô Luân-đôn. Không có cầu tầu, không có nhà trên con đường trống trải ảm đạm chạy dọc theo bức tường của cái nhà tù to lớn. Một cái rãnh đặc kịt những bùn đưa bùn đến chân tường nhà tù. Cỏ mọc lơ thơ và xấu xí trên miếng đất lầy lội gần đây. Một bên là những xác nhà được xây dựng lên vào một ngày rủi ro và không bao giờ làm xong, đang thối rữa dần. Bên kia mặt đất lổn nhổn những đồ sắt gỉ nằm lù lù như những con quái vật, những nồi súp-de, những bánh xe, những maniven, những ống, những lò, những bánh xe của tàu thủy, những neo, những áo thợ lặn, những cánh quạt của những cối xay gió, và còn không biết bao nhiêu vật kỳ lạ khác nữa chồng chất ở đây trong bụi bặm bởi một anh chàng đầu cơ nào đó, và ngập xuống đất do sức nặng của nó trong những ngày mưa. Tất cả có vẻ muốn lẫn trốn nhưng không làm sao được. Ban đêm tiếng ầm ỹ và ánh lửa của nhiều nhà máy sáng rực từ bờ sông bên kia nổi lên hình như làm cho mọi vật náo động, trừ đám khói dày đặc đen kịt do những ống khói nhả ra. Những chỗ trũng to tướng và những rãnh bùn lầy lội quanh co giữa những đống gỗ đã cũ toát ra một mùi hôi thối như mùi rong và những tờ giấy dán năm ngoái đã rách nát đề nghị cấp tiền thưởng cho những người vớt người chết đuối đang phấp phới trên mặt nước khi thủy triều lên. Người ta kể lại rằng có một cái hố chôn người chết vào dịp dịch hạch lớn[2] cũng ở quanh đây và một ảnh hưởng tai hại hình như xuất phát từ đấy lan ra cả vùng. Người ta cảm thấy hình như nơi này đã thối rữa dần đến mức độ ghê rợn vì dòng nước bẩn thỉu ngập tràn tất cả.

Như là một bộ phận của rác rưởi bị con sông vứt lên bờ, và sau đó thối rữa và mục nát dần, người con gái mà chúng tôi đi theo đã xuống tận bờ sông và đứng một mình im lìm trong đêm tối, lặng nhìn mặt nước.

Có vài chiếc thuyền và một vài chiếc xà lan nằm trên bùn và những vật này cho phép chúng tôi có thể đến cách đây vài thước nhưng chị vẫn không thấy chúng tôi. Tôi ra hiệu cho ông Pécgôti đứng yên

ở chỗ cũ và tôi ra khỏi bóng tối của những chiếc thuyền để nói với Mácta. Tôi đến gần cái hình dáng cô độc không khỏi run run bởi vì tôi cũng cảm thấy rờn rợn khi nhìn cách chị bước kiên quyết rồi dừng lại trong đêm tối, nhìn cách chị đứng trong bóng tối âm u của cái cầu sắt mắt ngắm những ánh đèn phản ánh lại một cách méo mó trên dòng nước cuồn cuộn.

Tôi có cảm tưởng chị đang nói một mình. Tôi nhớ lại rằng trong khi say sưa ngắm nhìn mặt nước, chị đã tháo khăn quàng ra khỏi vai và quấn nó vào hai tay với một cử chỉ hốt hoảng và máy móc giống như một con người vừa ngủ vừa đi hơn là thức tỉnh. Tôi biết, và không bao giờ có thể quên rằng những cử chỉ hốt hoảng của chị đã khiến tôi ngờ ngợ rằng chị sẽ biến mất ở dưới nước trước mắt tôi trước khi tôi nắm được tay chị.

Ngay lúc đó tôi kêu lên "Mácta!"

Chị ta rú lên một tiếng kinh khủng và dãy dụa trong tay tôi đến nỗi tôi không biết một mình tôi có thể giữ được chị không. Nhưng một bàn tay khác mạnh hơn tay tôi đã đặt lên vai chị. Chị ngước đôi mắt hốt hoảng lên nhìn và biết bàn tay ấy là của ai, chị chỉ cố gắng một lần cuối cùng rồi gục xuống chân chúng tôi. Chúng tôi đưa chị khỏi mặt nước đến một nơi có những tảng đá khô và chúng tôi đặt chị ở đấy vẫn khóc than thảm thiết. Một lát sau, chị ngồi ở giữa những tảng đá, hai tay ôm lấy cái đầu tội nghiệp.

"Con sông! - Chị kêu lên tha thiết - con sông!"

"Suỵt! Suỵt!" tôi kêu lên "Chị hãy yên tĩnh".

Nhưng chị vẫn nhắc lại những lời ấy, chốc chốc lại kêu: "Con sông" mấy lần như vậy..

"Tôi biết rằng nó giống như tôi" - Chị kêu lên "Tôi biết tôi thuộc về nó. Tôi biết nó là những người bạn tự nhiên của những người như tôi. Nó từ đồng quê đến ở đấy, nó trong trẻo, nó lặng lẽ chảy qua những đường phố nhơ bẩn, khốn khổ ảm đạm, và nó trôi đi cũng như cuộc đời tôi, ra đến mặt biển rộng bao giờ cũng xáo động và tôi cảm thấy rằng tôi phải cùng đi với nó".

Tôi chưa bao giờ biết thất vọng là gì nếu không phải ở trong giọng nói của chị khi nói những chữ ấy.

"Tôi không thể xa nó! Tôi không thể quên nó! Nó ám ảnh tôi suốt ngày đêm. Đó là vật duy nhất trên đời hợp với tôi và tôi cũng hợp với nó! Ôi! Con sông kinh khủng!

Trong óc tôi nảy ra ý nghĩ rằng nhìn gương mặt ông trong khi ông đang chăm chú và yên lặng nhìn Mácta, tôi có thể biết được cuộc đời của cô cháu gái của ông dù cho tôi chưa hề biết cô ta. Chưa một bức tranh nào, cũng như chưa một cảnh thực nào đã làm tôi thấy sự khủng khiếp và lòng thương hại xen lẫn nhau mãnh liệt như thế. Ông run lẩy bẩy như muốn ngã và bàn tay ông (tôi nắm lấy bàn tay bởi vì dáng điệu của ông làm tôi hoảng sợ) lạnh như băng.

"Chị ta đang mê sảng", tôi nói thầm với ông - "lát nữa chị sẽ nói khác".

Tôi không biết ông có định trả lời tôi không. Môi ông mấp máy như muốn nói, nhưng ông chỉ giơ tay chỉ chị mà thôi.

Bấy giờ chị lại khóc rưng rức và một lần nữa chị che mặt ở giữa những tảng đá và nằm trước mặt chúng tôi trông như là hiện thân của sự nhục nhã và suy sụp. Biết rằng phải đợi cho đến khi tình trạng này chấm dứt chúng tôi muốn có thể nói cho chị nghe, tôi chỉ giữ tay ông Pécgôti lại khi ông muốn nâng chị dậy và chúng tôi đứng yên lặng cho đến khi chị trấn tỉnh lại.

"Chị Mácta!" tôi nói và cuối xuống đỡ chị dậy (chị có vẻ muốn đứng dậy, như muốn đi, nhưng vì

yếu nên dựa vào chiếc tàu)

"Chị đã nhận ra người đi theo tôi là ai chứ?" "Có!" Chị khẽ đáp.

"Chị có biết rằng tối nay chúng tôi đi theo chị từ lâu không?"

Chị lắc đầu. Chị không nhìn ông Pécgôti cũng không nhìn tôi mà đứng im có vẻ khúm núm, một tay dường như vô tình cầm mũ và khăn quàng và tay kia nắm lại, đặt lên trán.

Tôi hỏi:

"Chị có đủ bình tĩnh để nói về câu chuyện mà chị rất chú ý (tôi hy vọng rằng thượng đế sẽ nhớ đến điều đó) buổi chiều tuyết rơi ấy mà?"

Chị lại khóc rưng rức, cảm ơn tôi bằng những lời ấp úng rằng tôi đã không đuổi chị ra khỏi cửa. Sau khi im lặng một lát, chị nói:

"Tôi không muốn nói gì để bênh vực tôi. Tôi xấu xa hư hỏng! Tôi hoàn toàn không còn hy vọng gì nữa nhưng (chị ta tách rời khỏi ông Pécgôti) ông ơi! Nếu ông không khinh bỉ tôi quá thì xin ông nói với ông ấy rằng tuyệt nhiên tôi không hề là nguyên nhân làm cho ông ấy đau khổ."

"Không ai ngờ chị đã làm việc ấy hết."

Tôi trả lời nhiệt tình, đáp lại lòng nhiệt tình của chị.

"Nếu như tôi không lầm" chị nói giọng ngập ngừng - "buổi tối khi chị ấy thương hại tôi, đối xử tử tế với tôi, không lẫn tránh tôi như tất cả những người khác mà đã giúp đỡ tôi một cách nhân từ, có phải ông đã vào bếp không?"

"Phải đấy!" tôi đáp.

"Lẽ ra tôi đã gieo mình xuống sông từ lâu rồi" - chị ta nói đưa mắt nhìn về phía dòng sông với vẻ mặt ghê rợn, "nếu như tôi cảm thấy mình để một điều gì thiệt hại cho chị ấy. Nếu như tôi không hoàn toàn vô tội trong biến cố ấy thì buổi tối mùa đông đầu tiên, thế nào tôi cũng ở dưới sông rồi".

"Nguyên nhân khiến cô bỏ trốn đã rõ ràng lắm rồi" - tôi nói - "chị không liên quan gì đến đấy cả, chúng tôi biết chắc như vậy…chúng tôi biết rõ lắm!"

"Ồ! Được chị ấy giúp lẽ ra tôi đã khá hơn nếu như con tim tôi khá hơn!" người con gái kêu lên giọng hối tiếc và tuyệt vọng - "bởi vì xưa nay chị ấy vẫn tốt với tôi. Bao giờ chị ấy cũng chỉ nói với tôi những lời dịu dàng và đáng yêu. Lẽ nào tôi lại tìm cách làm cho chị ấy giống như tôi hiện nay khi tôi biết rõ rằng tôi là người như thế nào? Tôi đã mất mọi cái làm thành giá trị của cuộc sống. Và điều đau xót nhất đối với tôi là ý nghĩ rằng tôi đã vĩnh viễn từ biệt chị ấy".

Ông Pécgôti nãy giờ vẫn đứng, một tay đặt lên cái thanh gỗ ở mũi tàu, đôi mắt nhìn xuống đất, giơ bàn tay kia lên che mặt. Mácta kêu lên:

"Trước buổi tối tuyết rơi ít lâu một người ở thành phố chúng tôi đã kể lại cho tôi biết những chuyện xảy ra. Ý nghĩ làm tôi đau xót nhất đó là người ta sẽ nhớ lại rằng trước kia tôi quen biết chị ấy và sẽ nói rằng tôi đã làm chị ấy hư hỏng! Ấy thế mà Thượng đế biết rằng tôi sẵn sàng chết để cứu vãn danh giá của chị ấy".

Từ lâu chị ấy đã mất thói quen tự chủ mình và trông chị buồn bã và hối hận thật là đau lòng.

"Chết chẳng phải khó gì… Tôi biết nói thế nào bây giờ?… Nhưng tôi muốn sống!" Chị kêu lên - "tôi muốn sống để đợi tuổi già đến trong những con đường khốn khổ này… để lang thang trong bóng tối, bị mọi người căm ghét khinh bỉ, để nhìn thấy ánh mặt trời xuất hiện trên những ngôi nhà rùng rợn

và để nhớ tới cái ngày xưa cũng ánh mặt trời ấy đã chiếu vào căn phòng của tôi làm tôi thức dậy… Để cứu chị ấy tôi sẵn sàng chịu đựng cả điều đó nữa!"

Chị gục xuống sỏi đá, mỗi tay nắm lấy một nắm sỏi, chị giơ tay lên, xiết chặt như muốn bóp vụn. Chị quằn quại luôn luôn thay đổi tư thế; hai cánh tay cứng lại, quấn vào nhau che mặt như không muốn cho ánh sáng yếu ớt ở trước mặt lọt vào mắt mình rồi lại để cái đầu gục xuống như nặng trĩu những kỷ niệm đau xót. Cuối cùng chị nói, đấu tranh chống lại tâm trạng tuyệt vọng:

"Tôi phải làm gì đây? Làm sao tôi có thể tiếp tục sống như hiện nay khi tôi thấy tôi là một điều nguyền rủa đối với bản thân và làm nhục tất cả những người tôi đến gần. (Đột nhiên chị quay về phía ông bạn của tôi). Ông giẫm chết tôi đi! Ông giết tôi đi! Khi chị ấy là niềm kiêu ngạo của ông, ông cho rằng tôi đã làm nhục chị ấy chỉ vì tôi gặp chị ấy ở ngoài đường, ông không thể nào tin (vì tại sao ông lại tin cơ chứ?) một lời nói nào do miệng tôi nói ra. Ông sẽ thấy xấu hổ vô cùng, ngay cả bây giờ nữa, nếu ông ấy thấy tôi và chị ấy trao đổi với nhau một lời. Tôi không than phiền về điều đó. Tôi không dám nói rằng chị ấy cũng như tôi. Tôi biết rằng giữa chúng tôi có một sự khác nhau lớn, rất lớn. Tôi chỉ nói rằng mặc dù tất cả những tội lỗi và những điều cực khổ chồng chất lên đầu tôi, tôi vẫn hàm ơn chị ấy từ đáy lòng, và yêu chị ấy. Ồ! Đừng có tưởng rằng tất cả tình yêu ở tôi đã cạn! Ông hãy vứt bỏ tôi như mọi người khác đã làm… Hãy giết tôi đi vì tôi đã biết chị ấy khi tôi là con người như thế này, nhưng đừng có nghĩ như vậy về tôi".

Ông nhìn chị, khi chị cầu khuẩn như vậy, và mặt ông hoảng hốt lúng túng và khi chị im bặt, ông đỡ chị dậy một cách ân cần:

"Mácta" - ông Pécgôti nói. "Cầu Thượng đế ngăn cản nếu như tôi xét đoán về chị! Cần người ngăn cản tôi hơn bất cứ người nào khác không cho tôi nàm điều ấy, con ạ! Chị không thể nào hiểu được với thời gian trong tôi đã xảy ra những sự thay đổi như thế nào nếu chị cho rằng điều đó có thể xảy ra. Này nhé…" ông ngừng lại một lát rồi nói tiếp, "Chị không hiểu tại sao ông này và tôi, chúng tôi muốn nói với chị. Chị không hiểu chúng tôi cần nói với chị điều gì. Bây giờ chị hãy nghe nhé!"

Ảnh hưởng của ông đối với chị thật là tuyệt đối. Chị đứng trước mặt ông bẽn lẽn thẹn thùng như sợ cái nhìn của ông. Nhưng nỗi đau buồn mãnh liệt của ông lúc này đã dịu đi và câm lặng. Ông Pécgôti nói:

"Nếu chị đã nghe những nời trao đổi giữa tôi và cậu Đêvi buổi chiều tuyết xuống rất nhiều hôm ấy thì chị biết rằng tôi đã đi… gần như khắp mọi nơi… để tìm nại đứa cháu gái thân yêu. Đứa cháu gái thân yêu", ông nhắc lại giọng rắn rỏi, "bởi vì chị Mácta ạ, đối với tôi nó còn thân yêu hơn trước nữa".

Chị lấy bàn tay che mặt nhưng vẫn đứng yên lặng. Ông Pécgôti nói tiếp:

"Tôi nghe cháu nó nói, từ thuở nhỏ chị không cha không mẹ, không người thân để thay thế cha mẹ dù thay thế một cách thô nỗ theo kiểu chài nưới. Biết đâu nếu chị có một người thân như thế thì chị sẽ gắn bó với người ấy cũng hệt con cháu của tôi nà đứa con gái của tôi".

Vì chị im lặng run lẩy bẩy, ông nhặt cái khăn quàng rơi xuống đất, quấn cẩn thận quanh cổ chị và nói:

"Do đó, tôi biết chỉ cần cháu nó nhìn thấy tôi một nần nà nó sẽ đi với tôi đến nơi góc biển chân trời; nhưng tôi cũng biết rằng nó sẽ trốn tôi tới nơi góc biển chân trời để đừng nhìn thấy tôi, mặc dù… nó không có ný do gì để ngờ vực tình yêu của tôi… nó không ngờ vực đâu", ông lặp lại với sự chắc chắn bình thản rằng đã nói sự thực. "Nhưng nó xấu hổ và điều đó nàm chúng tôi xa cách nhau".

Nghe từng chữ và nhìn cách nói đơn giản và cảm động của ông, tôi lại thấy một chứng cớ mới

chứng tỏ ông đã nghĩ đến vấn đề này với tất cả mọi chi tiết, ông nói tiếp:

"Theo như chúng tôi dự đoán (theo dự đoán của cậu Đêvi và tôi) có nẽ một ngày kia con bé tội nghiệp sẽ đến Nuân-đôn một mình. Chúng tôi - cậu Đêvi và tôi - tin rằng chị vô tội trong câu chuyện này như đứa trẻ chưa ra đời. Chị đã nói rằng cháu nó dễ thương, nhân từ và dịu dàng với chị. Tôi biết rằng xưa nay con bé vẫn như thế đối với tất cả mọi người. Chị biết ơn nó và yêu nó. Chị hãy nàm hết sức mình để giúp chúng tôi tìm được nó và cầu Thượng đế khen thưởng cho chị".

Chị ta vội vã nhìn ông, và lần đầu tiên chị có vẻ ngờ vực điều ông nói.

"Ông có tin tôi không?" - Chị hỏi hoảng hốt giọng trầm trầm.

"Tin hoàn toàn và tuyệt đối", ông Pécgôti nói.

"Ông có cho phép tôi có thể nói chuyện với chị ấy không nếu như tôi gặp; cho chị ấy ở nếu như tôi có chỗ cùng ở với chị ấy và trong khi chị ấy không biết, tôi sẽ tới tìm ông để đưa chị ấy về nhà?" Chị ta hỏi dồn dập.

"Có!" Cả hai chúng tôi đều đáp.

Chị ngước mắt lên và trịnh trọng tuyên bố chị sẽ dồn hết tâm trí vào nhiệm vụ ấy một cách say sưa trung thành, chị sẽ không bao giờ từ bỏ nhiệm vụ, sẽ không bao giờ sao nhãng, không bao giờ đầu hàng nếu còn một tia hy vọng và nếu chị không trung thành với lời hứa và từ bỏ nhiệm vụ thì cái mục đích mà bây giờ chị đã có ở trong đời và ràng buộc chị với một công việc hoàn toàn không có chút gì xấu xa sẽ làm chị còn khổ sở và tuyệt vọng hơn từ trước đến giờ, hơn cả buổi tối nay trên bờ của con sông này; và chị sẽ mãi mãi không được thần linh hay người đời giúp đỡ.

Giọng chị nghe không to hơn tiếng thì thầm và chị không nói với chúng tôi mà nói với bầu trời trong đêm tối. Đoạn chị im bặt nhìn dòng nước âm u.

Bây giờ chúng tôi nhận thấy nên nói cho chị biết tất cả những điều gì chúng tôi biết và tôi kể đầu đuôi câu chuyện một cách tường tận. Chị lắng nghe rất chú ý, vẻ mặt thay đổi luôn, nhưng bao giờ cũng vẫn biểu hiện thái độ kiên quyết. Chốc chốc mắt chị lại rưng rưng nhưng chị lại tự nhủ được. Hình như tinh thần chị đã hoàn toàn thay đổi và chị lắng nghe với vẻ bình thản tuyệt vời.

Khi tôi nói xong tất cả, chị hỏi chị có thể liên lạc với chúng tôi ở đâu nếu như có dịp. Dưới ánh đèn mờ mờ tôi viết địa chỉ của tôi, của Ông Pécgôti, của Ham trên một tờ giấy trong sổ tay, tôi đưa tờ giấy cho chị và chị nhét tờ giấy vào trong cái ngực tội nghiệp. Tôi hỏi chị ở đâu. Sau khi yên lặng chị đáp rằng chị không ở nơi nào lâu vả lại không cần biết làm gì.

Ông Pécgôti nói thầm với tôi một điều và điều này đã nảy ra trong óc tôi. Tôi rút ví tiền ra nhưng tôi không thể nào khiến chị nhận số tiền cũng không thể nào khiến chị hứa sẽ nhận tiền vào dịp khác. Tôi bảo chị rằng không thể xem ông Pécgôti là một người nghèo trong hoàn cảnh của ông và chúng tôi khổ tâm khi nghĩ rằng chị lao vào những cuộc tìm kiếm này chỉ dựa vào tiền của mình. Nhưng chị vẫn khăng khăng một mực. Về điểm này ảnh hưởng của ông Pécgôti cũng bất lực như ảnh hưởng của tôi. Chị thành thực cảm ơn chúng tôi nhưng vẫn kiên quyết. Chị đáp:

"Có lẽ tôi sẽ tìm được công việc. Tôi sẽ thử xem".

"Ít nhất trong khi chờ đợi chị hãy nhận một ít tiền".

"Tôi không thể nhận điều tôi đã hứa vì tiền" - chị đáp - "Dù có phải chết đói, tôi cũng không thể nào nhận, ông đưa tiền cho tôi là ông không thể tin tôi, ông cướp mất cái mục đích mà ông đưa đến cho cuộc đời tôi, ông vứt bỏ điều duy nhất ngăn cản tôi không lao mình xuống sông".

“Nhân danh vị quan tòa vĩnh viễn mà tất cả chúng ta sẽ phải trình diện đến cái giờ đang sợ mà Người đã chọn xin, chị hãy gạt bỏ cái ý nghĩ kinh khủng ấy đi!” tôi nói. - “Tất cả chúng ta đều có thể làm điều tốt nếu như chúng ta muốn.”

Chị rùng mình môi lắp bắp và mặt tái đi khi chị trả lời:

“Có lẽ các ông đã nảy ra ý nghĩ cứu vớt một sinh mạng hèn mạt bằng cách làm cho nó hối hận, Tôi không dám tin như vậy; điều đó có vẻ táo bạo quá. Nếu như tôi có thể làm một điều gì tốt, tôi có thể hy vọng, bởi vì từ trước tới giờ tôi chỉ làm những điều xấu. Các ông đã giao cho tôi thực hiện một nhiệm vụ nên từ lâu lắm lần đầu tiên tôi không cảm thấy đời tôi là một gánh nặng. Tôi chỉ biết có thể và không thể nói hơn”.

Chị lại kìm hãm những giọt nước mắt đã bắt đầu chảy và giơ bàn tay run rẩy chạm vào ông Pécgôti như ông có một cách chữa bệnh nào đó và ra đi trên con đường vắng vẻ. Chị ốm có lẽ đã lâu. Khi tôi có dịp nhìn gần hơn tôi nhận thấy chị tiều tụy và yếu đuối và đôi mắt hõm sâu biểu lộ những thiếu thốn và khổ sở.

Chúng tôi đi theo cách chị không xa mấy bởi vì đường của chúng tôi cũng đi về phía hướng ấy cho đến khi chúng tôi lại trở lại con đường sáng trưng và đông đúc. Tôi tin những lời tuyên bố của chị đến nỗi tôi hỏi ông Pécgôti nếu cứ đi theo như vậy không biết có phải chúng tôi có tỏ ý ngờ vực chị không, ông cũng nghĩ như vậy và cũng tin chị. Chúng tôi bèn đi theo đường của mình về Haigây và để đi một mình.

Ông tiễn tôi một đoạn đường khá xa và chúng tôi chia tay, hy vọng sự cố gắng này thành công. Tôi thấy trên gương mặt ông có sự thương xót mới mẻ và một nỗi buồn mà tôi hiểu ngay nguyên nhân là ở đâu.

Khi tôi về đến nhà, trời đã nửa đêm. Tôi đã đến cửa vườn và dừng lại nghe tiếng chuông nhà thờ Xanh Pôn mà dường như có thể nhận ra trong vô số tiếng chuông đang vang lên cùng một nhịp. Bỗng tôi ngạc nhiên nhìn thấy cánh cửa nhà cô tôi mở rộng và có ánh sáng leo lét ở trong phòng áo dọi ra đường.

Nghĩ rằng cô tôi có thể lo lắng như ngày xưa và có lẽ đang ngắm một đám cháy tưởng tượng nào đó hiện ra ở xa đang lớn dần, tôi định đến nói với cô tôi. Bỗng ngạc nhiên làm sao tôi nhìn thấy một người đàn ông đứng trong cái vườn nhỏ.

Tay hắn cầm chai và cốc và hắn đang uống. Tôi dừng phắt lại ở giữa cành lá um tùm ở bên ngoài bởi vì vầng trăng lúc này tuy bị che khuất vẫn ở trên trời, và tôi nhận ra con người trước kia tôi tưởng là do trí tưởng tượng của ông Đích tạo ra, mà tôi đã gặp một lần khi đi với cô tôi ở ngoài phố của Đô thị.

Hắn không những uống mà còn ăn và hắn có vẻ ăn ngấu nghiến. Hắn đồng thời có vẻ nhìn ngôi nhà một cách tò mò như hắn nhìn thấy nó lần đầu sau khi cúi xuống đặt cái chai xuống đất, hắn lại ngước mắt về những cửa sổ và nhìn quanh nhưng trông lén lút và nóng ruột như hắn vội vã muốn đi ngay.

Ánh sáng ở phòng áo đột nhiên bị che khuất trong chốc lát và cô tôi bước ra. Cô tôi xem ra vội vã và nhét tiền vào tay hắn, tính từng đồng một. Tôi nghe tiếng tiền kêu lẻng xẻng. Người đàn ông nói:

“Bà muốn tôi làm gì với số tiền này?” “Tôi chỉ còn từng ấy mà thôi!” cô tôi đáp “Thế thì tôi không đi đâu! Này bà cứ cầm lấy!”

“Đồ độc ác!” cô tôi bảo hắn giọng cảm động. “Tại sao ông có thể đối xử với tôi như thế? Nhưng hỏi như thế cũng thừa vì ông biết rằng tôi yếu đuối, tôi biết làm sao bây giờ nếu như không phải để

mặc ông theo số phận ông phải chịu để cho ông vĩnh viễn khỏi trở lại."

"Thế tại sao bà không làm thế đi?"

"*Ông* lại hỏi tôi tại sao à?" cô tôi đáp. "Người đâu tàn nhẫn thế!"

Hắn đứng đấy rung số tiền kêu lẻng xẻng có vẻ cáu kỉnh và lắc đầu, cuối cùng hắn nói:

"Thế bà định chỉ cho tôi chừng này thôi à?"

"Tôi chỉ *có thể* cho ông từng ấy" cô tôi nói - "Ông biết rằng tôi đã phá sản, và bây giờ tôi nghèo hơn trước. Tôi đã bảo ông điều đó. Và bây giờ ông đã lấy tiền. Tại sao ông còn bắt tôi chịu nỗi khổ là nhìn ông lâu hơn nữa để xem ông trở nên con người như thế nào?"

"Tôi đã trở nên khá bệ rạc, bà muốn nói như thế chứ gì" hắn đáp - "tôi sống như một con cú".

"Ông đã cướp mất phần lớn tài sản của tôi. Ông đã khóa chặt tim tôi đối với đồng loại trong bao năm trời, ông đã đối xử với tôi hèn mạt, vô ơn và tàn nhẫn, ông đi đi và hãy hối hận đi! Đừng thêm một điều đau khổ mới vào cái chuỗi đau khổ mà ông đã gây cho tôi".

"Ừ", hắn nói - "Hay hớm lắm! Nhưng trong khi chờ đợi tôi thấy phải bằng lòng với số tiền này".

Mặc dầu hắn không muốn, hắn vẫn có vẻ lúng túng trước những giọt nước mắt của cô tôi và hắn lén lút ra khỏi vườn. Tôi liền bước hai ba bước như tôi vừa mới đến và tôi bước vào đúng lúc hắn bước ra. Chúng tôi gặp nhau ở trước cửa. Chúng tôi nhìn nhau khi đi qua trước mặt nhau với cặp mắt khó chịu. Tôi kêu lên.

"Cô ơi! Con người này lại đến làm cô sợ hãi. Để cháu nói với hắn cho. Hắn là ai thế?"

"Con ơi!" - cô tôi đáp nắm lấy tay tôi - "đừng nói gì cả trong mười phút".

Chúng tôi ngồi trong phòng khách nhỏ. Cô tôi ngồi sau bức bình phong tròn mầu xanh ngày xưa vặn vào lưng một chiếc ghế trong gần mười lăm phút, chốc chốc lại lau nước mắt. Sau đó cô tôi lại xuất hiện và kéo ghế ngồi cạnh tôi.

"Trốt ạ" - cô tôi đáp giọng bình thản - "chồng cô đấy".

"Chồng cô à? Cô ơi, cháu tưởng ông ta chết rồi?"

"Chết đối với cô" - cô tôi đáp, "nhưng còn sống."

Tôi lúng túng sửng sốt:

"Bétxi Trốtút có vẻ không phải là con người sinh ra để có những tình cảm yêu đương - cô tôi nói giọng bình thản - nhưng có một thời, Trốt ạ, cô ta tin tưởng mù quáng vào con người ấy. Cô ta yêu hắn thành thực và Trốt ạ, sẵn sàng làm mọi việc để tỏ tình yêu và lòng chung thủy của mình. Người ấy đã trả ơn bằng cách phung phí tài sản và gần như bóp nát con tim của cô ta. Vì vậy, cô ta đã vĩnh viễn chôn tất cả những tình cảm theo kiểu ấy vào nấm mộ, rồi đắp đất lên và lấy chân giẫm lên cho bằng như mặt đất".

"Cô thân mến và yêu quý của cháu!"

"Cô đã bỏ hắn" - cô tôi nói tiếp đặt bàn tay như mọi ngày lên bàn tay tôi một cách độ lượng "Hắn tàn nhẫn đối với cô đến nỗi đáng lý cô có thể có được một tờ giấy ly hôn có lợi cho cô; nhưng cô đã không làm. Không mấy chốc hắn tiêu phí hết tất cả số tiền cô cho hắn, hắn càng ngày càng sa sút. Hắn lấy một bà vợ khác và theo như cô biết hắn trở thành một tên lưu manh, bợm bãi và ăn cắp. Cháu vừa thấy hắn ta bây giờ như thế nào rồi. Nhưng khi cô lấy thì ông ta là người đẹp trai - cô tôi nói trong

giọng nói vang lên vẻ kêu hãnh và sự thán phục ngày xưa - và cô cứ tưởng (rõ thực là ngốc!) rằng ông ta là con người biết giữ danh giá của mình hơn ai hết!"

Cô xiết chặt tay tôi và lắc đầu.

"Bây giờ đối với cô, ông ta không là gì hết, Trốt ạ, còn kém hơn cả con số không. Nhưng để khỏi thấy ông ta bị trừng phạt vì tội lỗi của mình (nếu như ông ta đi loanh quanh ở đây thì thế nào cũng bị phạt), cô cho ông ta tiền nhiều hơn số tiền cô có thể cho mỗi khi ông ta xuất hiện để cho ông ta đi cho rảnh. Khi cô lấy ông ta, cô là một con ngốc và về mặt này cô vẫn là một con ngốc không sao chữa nỗi, đến nỗi vì nể con người xưa kia cô vẫn tưởng là tử tế, cô không muốn cái bóng ma xưa kia cô đã hoài công yêu quí lại bị đối xử tàn tệ. Bởi vì Trốt ạ, cô đã yêu chân thành nếu như có một người đàn bà yêu chân thành".

Cô tôi thở dài để gạt bỏ câu chuyện ấy và vuốt áo.

"Câu chuyện như thế đấy cháu ạ!" cô nói - "bây giờ cháu đã biết đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Chúng ta sẽ không bao giờ nhắc cho nhau biết về chuyện này nữa và dĩ nhiên cháu sẽ không nói với người nào khác. Đó là câu chuyện của người đàn bà cáu kỉnh gắt gỏng là cô và chúng ta sẽ giữ kín cho chúng ta, Trốt ạ".

---

[1] Nhà tù dựng lên năm 1732.

[2] Nạn dịch lớn năm 1665 ở Luân-đôn giết 10 vạn người.

Chương XLVIII
VIỆC GIA ĐÌNH

Tôi chăm chỉ viết quyển tiểu thuyết của mình nhưng đồng thời không để nó cản trở thực hiện đều đặn nhiệm vụ viết báo. Quyển tiểu thuyết đã xuất bản và được nhiều người khen. Nhưng tôi không bị những lời khen bên tai tôi làm quáng mắt mặc dầu, tôi có những ý nghĩ tốt về tác phẩm của mình (cố nhiên tôi đánh giá cao tác phẩm của mình hơn bất kỳ người nào khác). Những nhận xét của tôi về bản chất con người luôn luôn chỉ cho tôi thấy rằng một người có những lý do chính đáng để tin ở mình thì không khoe khoang cá nhân mình trước mặt người khác để họ tin mình. Vì vậy cho nên tôi vẫn khiêm tốn như trước chỉ vì tự trọng; và càng được khen, tôi càng cố gắng tỏ ra xứng đáng với lời khen.

Trong câu chuyện này tôi không có ý định (mặc dầu về tất cả mọi mặt chủ yếu khác nó ghi lại những kỷ niệm của tôi) kể lại lịch sử những quyển tiểu thuyết của tôi. Những quyển ấy tự nó nói lên và tôi để nó nằm yên. Nếu ở đây tôi có ngẫu nhiên nhắc đến thì chẳng qua vì nó là một bộ phận trên bước đường đi của tôi.

Lúc này tôi đã có một vài cơ sở để cho rằng bản tính và hoàn cảnh đã làm cho tôi thành nhà văn và tôi theo đuổi sở nguyện của mình lòng đầy tin tưởng. Nếu không có niềm tin tưởng ấy, chắc hẳn tôi đã bỏ nó và giành nghị lực của mình vào một công việc khác. Tôi phải tìm hiểu xem bản tính và những hoàn cảnh đã làm cho tôi thực sự thành một người như thế nào và là con người ấy chứ không là cái gì khác.

Những bài của tôi trong các báo và tạp chí đã được nhiều người khen đến nỗi sau thành công mới này, tôi nghĩ rằng tôi có đủ lý do để thoát khỏi những cuộc tranh luận khủng khiếp. Vì vậy một buổi tối vui vẻ tôi ghi lại lần cuối cùng điệu nhạc của những cái kèn của Quốc hội; và từ đấy tôi không bao giờ nghe đến nó nữa, mặc dù tôi vẫn nhận ra tiếng ù ù quen thuộc của nó trên các tờ báo, nhưng vẫn không có điều thay đổi nào quan trọng, (có lẽ chỉ trừ một điều là tiếng ù ù này nhiều hơn trước) từ đầu đến cuối kỳ họp.

Tôi viết điều này vào thời gian tôi đã lấy vợ được một năm rưỡi. Sau nhiều thí nghiệm khác nhau chúng tôi đã từ bỏ không coi sóc việc nhà bởi vì đó là một công việc không nên công chuyện gì. Cái mà tự nó được coi sóc và tôi thuê một người đầy tớ. Nhiệm vụ chính của người này là cãi cọ với chị làm bếp, và về mặt này quả thật anh ta là một Huyttintôn thực sự[1] nhưng không có con mèo của ông ta và không có hy vọng gì trở nên thị trưởng thành phố.

Tôi có cảm tưởng rằng anh đã sống dưới một trận mưa những nắp xoong. Cuộc đời của anh là một cuộc đánh lộn không ngừng. Anh kêu rú lên đòi cầu cứu vào những lúc bất tiện nhất, (chẳng hạn khi chúng tôi tổ chức một bữa tiệc nhỏ hay tiếp một vài người bạn vào buổi chiều) và chạy từ trong bếp ra, theo sau là những đồ bằng kim khí ném theo. Chúng tôi muốn anh đi nhưng anh gắn bó với chúng tôi quá và không chịu đi. Anh là một cậu bé mau nước mắt và hay than thở tội nghiệp khi chúng tôi nói đến việc cắt đứt quan hệ giữa chúng tôi với anh đến nỗi chúng tôi đành giữ anh lại. Anh không có mẹ… tôi không thể tìm thấy bất kỳ người nào có thể gọi là bà con của anh, ngoài người chị đã sang Mỹ đúng vào lúc chúng tôi kéo anh ra khỏi bàn tay của bà chị và kết quả là anh rơi vào tay chúng tôi như một đứa trẻ kinh khủng trong chuyện thần tiên. Anh rất cảm động vì những nỗi bất hạnh của mình và thường lấy ống tay áo chẽn lau mắt hay cúi xuống hỉ mũi vào cái góc xa nhất của một cái khăn tay (không bao giờ anh ta chịu kéo khăn ra túi áo và bao giờ cũng giấu diếm và nâng niu nó).

Người đầy tớ bất hạnh này mà tôi đã thuê vào một giờ không may với số tiền 6 bảng 10 silinh một năm đã trở thành nguyên nhân làm tôi luôn luôn bị bực bội. Tôi thấy anh ta lớn lên (anh ta lớn nhanh

như đậu Tây-ban-nha) và tôi lo lắng chờ đợi đến ngày anh ta bắt đầu cạo râu hay thậm chí đến ngày anh ta bạc đầu hay hói đầu. Tôi không có hy vọng nào thoát khỏi anh ta và khi nghĩ đến tương lai, tôi cũng nghĩ đến những điều rắc rối mà anh ta sẽ gây cho tôi khi anh ta già.

Cách con người khổ sở này giúp tôi thoát khỏi khó khăn ấy đến với tôi thực hết sức bất ngờ. Anh ta đánh cắp chiếc đồng hồ của Đôra, vật này cũng như tất cả những vật khác của chúng tôi đều không có chỗ để riêng của nó; và sau khi đã bán lấy tiền, anh ta dùng số tiền này (anh chàng không bao giờ thông minh cho lắm) để thường xuyên đi du lịch trên nóc xe ngựa từ Luân-đôn đến Ubơrích và từ Ubơrích đến Luân-đôn. Anh bị bắt và bị đưa đến tòa án của sở cảnh sát ở Baoxtrit, nếu như tôi còn nhớ rõ, khi đi cuộc du lịch thứ mười lăm; và lúc đó người ta thấy trên người anh ta có 4 silinh và 6 pen-ni và cái sáo mua lại mà anh ta không biết chơi.

Điều ngạc nhiên này và những hậu quả của nó lẽ ra sẽ làm tôi ít bực mình hơn, nếu anh không tỏ ra hối hận. Nhưng anh lại tỏ ra hối hận thực sự; và hối hận một cách đặc biệt không phải ồ ạt mà dần dần. Chẳng hạn, một ngày sau khi bị đưa ra tòa, anh khai về một cái thùng đựng rượu ở hầm rượu mà chúng tôi tưởng là đầy rượu nhưng thực ra chỉ có chai và nút. Chúng tôi cho rằng lúc này anh đã cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm và đã nói những điều tệ nhất mà anh ta biết về chị nấu bếp; nhưng một hay hai ngày sau, lương tâm anh ta lại bị cắn rứt và anh ta tiết lộ rằng anh đã thấy đứa con gái nhỏ sáng nào cũng đến lấy bánh mỳ của chúng tôi từ sáng sớm, và bản thân anh cũng bị anh bán sữa mua chuộc nên đã cung cấp than cho người ấy. Sau hai hay ba ngày nữa các nhà đương cục cho tôi biết rằng những lời thú tội của anh đã khiến người ta tìm thấy những miếng thịt bò ở trong rác rưởi nhà bếp và những tấm dạ trong cái túi đựng giẻ rách cũ. Ít lâu sau, anh lại tiết lộ về một hướng hoàn toàn mới mẻ và thú thực rằng anh biết anh hầu sáng đã trù tính ăn trộm nhà tôi. Anh này liền bị bắt. Cuối cùng tôi xấu hổ về chỗ mình là nạn nhân của bao nhiêu việc lừa dối đến nỗi tôi sẵn sàng cho anh một số tiền lớn đến đâu cũng được để anh câm miệng lại, hay cho tiền chuộc để người ta cho phép anh ra khỏi tù. Nhưng điều tệ hơn cả đó là anh không có khái niệm gì tâm trạng của tôi, trái lại anh cho rằng với những điều phát giác của anh ta, anh ta đã bù đắp lại những lỗi lầm đối với tôi… đó là không nói anh ta đã làm ơn cho tôi.

Cuối cùng, tôi phải bỏ trốn mỗi khi thấy người của sở cảnh sát mang tin đến và phải sống lén lút cho đến khi anh bị xử và bị đày. Ngay cả lúc đó, anh cũng không chịu ngồi yên mà cứ luôn luôn viết thư cho chúng tôi và đòi gặp mặt Đôra trước khi ra đi đến nỗi Đôra đến thăm anh và ngất đi khi nàng đứng bên song sắt. Tóm lại, tôi không tài nào sống yên ổn cho đến khi anh bị đưa ra nước ngoài và trở thành (như sau này tôi biết) người chăn cừu nơi núi non nào đó… nhưng tôi không có một khái niệm địa lý nào về nơi ấy.

Tất cả những điều này khiến tôi suy nghĩ băn khoăn và nhìn những sai lầm của chúng tôi dưới một ánh sáng mới; và một buổi chiều tôi không thể nào không nói điều đó với Đôra mặc dầu tôi rất yêu nàng:

"Em ạ, anh rất bực mình khi nghĩ rằng vì thiếu phương pháp và không biết sắp xếp nên không những chúng mình làm thiệt hại đến chúng mình (vì mặt này chúng mình đã quen rồi) mà còn làm cả người khác cũng thiệt hại lây".

"Đã lâu anh không nói gì nhưng bây giờ anh lại bắt đầu nổi giận rồi đây" - Đôra nói.

"Không em ạ, không phải thế đâu! Hãy để anh nói cho em biết anh muốn nói gì?"

"Nhưng em không muốn nghe điều đó".

"Nhưng anh muốn em biết điều đó, em ạ, em hãy đặt Jip xuống đất".

Đôra đặt mũi Jip vào mũi tôi và kêu "phù" một tiếng để tôi không giữ vẻ nghiêm trang được. Nhưng thấy làm thế vẫn không ăn thua, nàng ra lệnh cho Jip vào trong ngôi chùa và khoanh tay nhìn tôi với vẻ mặt nhẫn nại.

"Em ạ, sự thực là" - tôi bắt đầu nói "trong chúng mình có bệnh truyền nhiễm. Chúng mình làm mọi người xung quanh bị nhiễm độc".

Tôi sẽ tiếp tục bóng gió như thế nếu như gương mặt Đôra không làm cho tôi thấy nàng đang hết sức ngạc nhiên không biết tôi sẽ đề nghị nàng tiêm thứ thuốc gì mới hay dùng thứ thuốc gì để chống lại một thứ bệnh như vậy. Tôi liền dừng lại và nói rõ hơn:

"Em yêu quý, chúng mình mất tiền mà đôi khi mất cả tiện nghi và thậm chí mất cả bình tĩnh vì chúng mình không học cách sống ngăn nắp hơn. Đã thế, chúng mình còn phạm một trách nhiệm dễ sợ là làm tất cả những người giúp việc chúng mình, hay có liên quan đến chúng mình thành hư hỏng. Anh bắt đầu lo ngại rằng lỗi lầm không phải chỉ do một bên gây ra và họ làm bậy bởi vì chúng mình cũng kém".

"Ồ! Sao anh lại tố cáo như vậy!" Đôra kêu lên mở to đôi mắt. "Anh có bao giờ thấy em ăn cắp đồng hồ vàng không?"

"Ồ! Em ạ" - tôi nói - "em đừng nói những chuyện ngớ ngẩn kinh khủng như thế. Có ai nói đến chiếc đồng hồ vàng đâu?"

"Anh chứ ai!" Đôra đáp "anh biết điều đó lắm, anh nói rằng em không ra gì, rồi anh so sánh em với nó…"

"Với ai?" Tôi hỏi.

"Với thằng nhỏ!" Đôra nói khóc rưng rức - "Ôi!" Người đâu độc ác đem so sánh người vợ yêu quý của mình với thằng đầy tớ bị đưa ra nước ngoài. Tại sao anh không cho em biết những ý nghĩ của anh về em trước khi chúng ta lấy nhau? Tại sao anh không bảo em - người đâu tàn nhẫn thế - rằng em còn tệ hơn một thằng đầy tớ bị đày? Ồ! Anh có những ý nghĩ thật kinh khủng về em! Trời ơi!"

"Này, Đôra em ạ!" Tôi đáp, khe khẽ rút cái khăn tay nàng đang ấp vào mắt. "Nói như thế không những là buồn cười mà còn rất sai lầm. Trước hết, điều đó không phải là sự thực".

"Anh bao giờ cũng bảo nó là người nói dối", Đôra nói khóc rưng rức "và bây giờ anh lại nói như thế về em. Ồ! Em biết, làm gì bây giờ? Em biết làm gì?"

"Cô bé yêu quý!" tôi đáp lại - "Quả thực tôi phải van lạy cô ăn nói cho có lý lẽ, nghe điều tôi nói và chỉ những điều tôi thực tế đã nói mà thôi. Đôra ạ, nếu như chúng ta không học làm nhiệm vụ của mình đối với những người chúng ta dùng, thì họ sẽ không bao giờ chịu làm nhiệm vụ của họ đối với chúng ta. Anh sợ chúng mình cấp cho họ những dịp để làm bậy mà lẽ ra không bao giờ họ làm. Dù cho chúng mình tự ý bỏ bê tất cả mọi việc (vấn đề không phải là như vậy) dù cho chúng mình thích thế và cho là thú vị (vấn đề cũng không phải thế) anh vẫn tin rằng chúng mình không có quyền tiếp tục làm thế mãi. Rõ ràng chúng mình đang làm người khác thành hư hỏng. Chúng mình có nhiệm vụ và phải nghĩ đến điều đó. Anh không thể nào không nghĩ đến điều đó, Đôra ạ. Đó là một ý nghĩ mà anh không tài nào xua đuổi được và đôi khi làm anh rất khổ tâm. Em ạ, chỉ có thế thôi! Thôi bây giờ đừng làm ra vẻ ngốc nữa!"

Đôra trong một lúc lâu không để tôi rút chiếc khăn tay. Nàng cứ khóc rưng rức và thì thầm đằng sau khăn tay nói rằng nếu tôi băn khoăn, tại sao tôi lại lấy nàng. Tại sao ngay đêm trước khi tôi đến nhà thờ tôi lại không nói với nàng rằng tôi biết tôi sẽ băng khoăn. Tôi đừng lấy vợ có hơn không nếu tôi

không chịu được nàng? Tại sao tôi không trả nàng về Putnây với cô nàng hay gửi nàng sang Ấn-độ, ở nhà Julia Min? Julia Min sẽ vui lòng tiếp nàng và sẽ không xem nàng là tên đầy tớ bị đày; chưa bao giờ Julia Min gọi nàng bằng cái tên như vậy. Tóm lại Đôra hết sức bực bội và làm tôi cũng bực bội vì thấy nàng như thế đến nỗi tôi cảm thấy có làm lại một cố gắng như vậy một cách êm dịu đến đâu cũng vô ích, và chúng tôi phải thi hành biện pháp khác.

Tôi phải thi hành biện pháp gì đây?

Phải "rèn luyện tư tưởng của nàng" chăng? Đó là một công thức thông thường có cái vẻ hay ho và đầy hứa hẹn và tôi quyết rèn luyện tư tưởng của Đôra. Tôi bắt tay ngay vào công việc. Khi Đôra đang có vẻ trẻ con và tôi rất muốn làm cho nàng vui thích tôi cố làm ra vẻ nghiêm trang… điều này làm nàng sửng sốt và tôi cũng sửng sốt. Tôi nói với nàng những đầu đề làm tôi suy nghĩ, tôi đọc Sêcxpia cho nàng nghe… và điều đó làm nàng mệt lử. Tôi tập dạy cho nàng một cách có vẻ ngẫu nhiên những mẩu hiểu biết cần thiết và những ý kiến nghiêm chỉnh… và điều này làm cho nàng giật bắn cả người chẳng khác gì đó là những cái pháo tôi tung ra, tôi đã cố hết sức đào luyện trí não người vợ nhỏ bé một cách tự nhiên và ngẫu nhiên, nhưng tôi không thể nào không nhận thấy rằng nàng hiểu ngay một cách trực giác về ý nghĩ của tôi và ngay lúc đó nàng lo sợ cuống cuồng. Đặc biệt, tôi thấy rõ ràng nàng xem Sêcxpia là một anh chàng đáng sợ. Sự phát triển của nàng tiến hành rất chậm.

Tôi kéo Trátđơn vào công việc này, trong khi cậu không biết, và mỗi khi cậu đến thăm chúng tôi, tôi để cho những quả mìn nổ dưới chân cậu để gián tiếp giáo dục Đôra. Tổng số những hiểu biết thực tiễn mà tôi dạy cho Trátđơn theo lối này thực mênh mông (chất lượng lại rất tốt) nhưng nó chẳng có ảnh hưởng gì tới Đôra ngoài việc làm thái độ của nàng bớt đi và trở nên cáu kỉnh vì sợ sắp tới lượt mình. Tôi thấy mình lâm vào tình trạng một ông thầy, một người chăng bẫy, chăng dây thòng lọng. Tôi thấy tôi đóng vai trò con nhện đối với con ruồi Đôra và cứ luôn luôn nhảy ra khỏi chỗ ẩn nấp của mình. Điều đó nàng rất bực mình.

Vì mong chờ sau giai đoạn trung gian này sẽ đến lý có sự thông cảm hoàn toàn giữa Đôra và tôi, tôi sẽ "xây dựng tư tưởng của nàng" theo ý muốn của tôi, tôi vẫn kiên nhẫn làm như vậy hàng tháng. Tuy nhiên, cuối cùng tôi nhận thấy rằng trong thời gian này dù tôi có như một con nhím thực sự, tôi cũng vẫn không đạt được điều gì, và tôi bắt đầu nghĩ rằng đầu óc Đôra đã được đào luyện xong xuôi rồi.

Sau khi suy đi tính lại, tôi thấy điều này rất hiển nhiên đến nỗi tôi từ bỏ quyết định của mình chỉ hấp dẫn khi nói đến nhưng không thi hành được trong thực tiễn; tôi quyết định từ nay tự vừa lòng về người vợ trẻ con của mình và không tìm bất kỳ biện pháp gì để thay đổi nàng nữa. Quả thực, tôi đã chán ngấy chuyện làm khôn và biết lo xa một mình và thấy người yêu của tôi lúng túng. Tôi bèn mua một đôi hoa tai cho nàng, một cái vòng cổ cho Jip, và một ngày nào đó tôi chạy về nhà để tỏ ra dễ thương.

Đôra sung sướng trước món quà nhỏ và hôn tôi vui vẻ. Nhưng ở giữa chúng tôi vẫn có một cái bóng dù mong manh đến đâu và tôi xóa bỏ nó cho kỳ được. Nếu như cần một bóng ở đâu đấy thì tôi sẽ giữ nó sau này ở trong tim tôi.

Tôi ngồi trên xô-pha cạnh vợ, tôi đeo hoa tai cho nàng đoạn tôi bảo nàng rằng tôi sợ dạo gần đây chúng tôi không gắn bó với nhau như mọi ngày và đó là lỗi của tôi. Tôi cảm thấy điều đó một cách thành thực, và sự thực là như thế.

"Thực ra Đôra em ạ, anh đã tìm cách tỏ ra khôn ngoan".

"Và cũng muốn làm em trở nên khôn ngoan" - Đôra nói bẽn lẽn. "Có phải thế không anh Đoatđi!"

Tôi trả lời gật đầu đáp lại câu hỏi dễ thương của đôi lông mày uốn cong và tôi đặt một chiếc hôn lên đôi môi hé mở:

"Điều đó không ích lợi gì hết" - Đôra nói lắc đầu làm đôi hoa tai kêu lanh tanh. "Anh biết rằng em trẻ con như thế nào và em muốn anh gọi em như thế nào ngay từ đầu. Anh có tin chắc rằng đôi khi anh nghĩ rằng lẽ ra thì nên…"

"Nên cái gì, em yêu quý?" tôi nói, bởi vì nàng cố gắng không nói thêm nữa.

"Không có gì hết!" Đôra nói.

"Không có gì hết à!" tôi hỏi.

Nàng giơ hai tay bá lấy cổ tôi, cười khanh khách gọi mình bằng cái tên mình vẫn thích là "con mèo con" và che mặt sau vai tôi với vô số những mớ tóc quăn đến nỗi muốn gạt những ước mơ tóc quăn để nhìn nàng không phải dễ.

"Đừng làm gì còn hơn là tìm cách giáo dục bà vợ trẻ con của anh sao?" tôi nói, tự chế diễu mình. "Có phải vấn đề là thế không? Đúng là như thế đấy! Anh nghĩ thế!"

"Có phải anh định làm thế không? Đôra kêu lên. Ồ! Cậu bé tệ lắm!"

"Nhưng anh sẽ không cố gắng nữa bởi vì anh yêu em như em bây giờ".

"Không phải là nói dối… đây chứ?" Đôra hỏi ngồi sát lại gần tôi.

"Tại sao anh lại tìm cách thay đổi cái điều mà đã bao lâu nay anh cho là quý báu? Không bao giờ em tỏ ra đáng yêu hơn là cứ theo bản tính tự nhiên của mình, em Đôra yêu quý. Chúng ta sẽ không làm những thí nghiệm điên rồ mà sẽ trở lại những thói quen ngày xưa và chúng ta sẽ sung sướng".

"Chúng ta sẽ sung sướng!" Đôra lặp lại. "Ồ! Phải đấy! suốt cả ngày! Và anh sẽ không bực mình nếu như đôi khi việc nhà lung tung hết cả?"

"Không, không" tôi nói. "Chúng ta sẽ cố gắng hết sức của mình".

"Thế anh sẽ không bao giờ nói rằng chúng ta làm người khác thành hư hỏng chứ?" Đôra van lơn giọng bông đùa "bởi vì như anh biết, điều đó dễ ghét lắm!"

"Không! Không!" Tôi nói.

"Thà rằng em ngốc còn hơn là em khổ sở có phải không?" Đôra nói.

"Thà là Đôra còn hơn là bất kỳ người nào khác trên đời".

"Trên đời à? Anh Đoatđi, đời rộng lắm phải không anh?"

Nàng lắc đầu ngước đôi mắt lấp lánh và sung sướng về phía tôi, hôn tôi cười vui vẻ và nhảy một nhảy để chạy đến ngoắc cho Jip chiếc vòng mới.

Và thế là chấm dứt sự cố gắng cuối cùng của tôi để làm Đôra thay đổi. Khi cố gắng như vậy, tôi cũng đau khổ. Tôi không thể nào chịu đựng sự khôn ngoan cô độc của riêng tôi, tôi không thể nào kết hợp ý định ấy với ý muốn của Đôra là làm bà vợ trẻ con của tôi, tôi quyết định cố gắng làm một mình, một cách kín đáo để cải thiện tình trạng của chúng tôi. Nhưng tôi thấy rằng những cố gắng của tôi sẽ không đạt được gì nếu như tôi không muốn lại đóng vai trò con nhện cứ luôn luôn ẩn nấp rình mồi.

Nhưng còn cái bóng đen mà tôi đã nói, cái bóng đen không thể có giữa chúng tôi mà phải bị chôn sâu ở đáy tim tôi thì sao? Điều đó đã xảy ra như thế nào?

Cảm giác bất hạnh ngày xưa vẫn thấm vào tất cả cuộc đời tôi. Nếu nó thay đổi chút gì, thì nó chỉ

sâu thêm. Nhưng bao giờ nó cũng vẫn mơ hồ như vậy và văng vẳng bên tai tôi chẳng khác một điệu nhạc buồn khe khẽ vang lên trong đêm tối. Tôi yêu vợ tôi tha thiết và tôi sung sướng; nhưng niềm hạnh phúc mà xưa kia tôi mơ ước một cách mơ hồ vẫn không phải niềm hạnh phúc ngày nay tôi đang hưởng và bao giờ cũng còn thiếu một cái gì.

Để trung thành với lời hứa đối với bản thân tôi là chân thành ghi lại những cảm xúc trên trang giấy này, tôi lại nhìn sâu vào tim tôi, và tôi đưa những điều bí ẩn của nó ra ánh sáng. Tôi nhìn… và nhìn kỹ… bao giờ cũng thấy… tôi thiếu một cái gì… như một giấc mơ của trí tưởng tượng của tôi thời niên thiếu, và cái đó vẫn không thể nào thực hiện được. Còn bây giờ khi tôi đã thấy như vậy, tôi đau khổ một cách dĩ nhiên cũng như mọi người khác. Nhưng tôi nhận thấy rằng giá vợ tôi giúp đỡ tôi một chút và có thể chia sẻ bao nhiêu ý nghĩ mà tôi giữ trong lòng thì sẽ tốt hơn nhiều… và điều đó có thể xảy ra, tôi biết thế.

Giữa hai kết luận không thể phù hợp nhau như vậy (một là, điều tôi nhận thấy là chung cho mọi người và không thể tránh được, và hai là, hoàn cảnh này là riêng cho một mình tôi và sự việc có thể khác đi) tôi vẫn băn khoăn một cách kỳ quái không nhận thức rõ rằng chúng tôi đối lập nhau. Khi tôi nghĩ đến những giấc mơ lông bông của thời tuổi trẻ, những giấc mơ không thể nào thực hiện được, tôi nghĩ đến cái tuổi sung sướng của thời niên thiếu mà tôi đã vượt qua. Rồi những ngày sung sướng với Ácnét trong ngôi nhà cổ kính thân yêu của nàng bỗng hiện lên trước mắt tôi như những bóng ma của những người đã khuất một ngày kia có thể sống lại ở một thế giới khác nhưng không bao giờ, không bao giờ nữa có thể sống lại trên thế giới này.

Đôi khi óc tôi nảy ra ý nghĩ này: Nếu Đôra và tôi không bao giờ gặp nhau thì tình hình có thể như thế nào hay lẽ ra phải thế nào? Nhưng Đôra đã gắn chặt vào cuộc sống của tôi đến nỗi một giả thiết như vậy là ảo tưởng bâng quơ nhất và chỉ trong chốc lát nó bay ra khỏi tầm tay và tầm mắt của tôi chẳng khác gì những sợi tơ trời bay lửng lơ theo ngọn gió.

Bao giờ tôi cũng yêu nàng. Những cảm xúc tôi vừa nói đây chập chờn hay chỉ tỉnh dậy nửa chừng để ngủ lại ở nơi sâu thẳm nhất của tâm hồn tôi. Ở tôi không có dấu hiệu nào tỏ ra nó tồn tại, tôi không biết nó có ảnh hưởng gì đến một lời nói nào hay một hành động nào của tôi. Tôi chịu đựng gánh nặng của những ưu tư nhỏ nhất và của tất cả mọi dự định của mình. Đôra cầm ngòi bút của tôi và chúng tôi có cảm tưởng phần việc của chúng tôi thích hợp theo tỷ lệ những sức lực của chúng tôi. Nàng thực sự yêu tôi và tự hào về tôi, và khi Ácnét viết vài câu nhiệt tình trong những bức thư của nàng gửi cho Đôra, nói rằng các bạn cũ của tôi tự hào và quan tâm đến danh tiếng của tôi ngày càng lớn và đọc sách của tôi như ngay chính tôi đọc cho họ, Đôra đọc cho tôi nghe với những hạt nước mắt sướng vui rưng rưng ở đôi mắt sáng và nàng nói thêm rằng tôi là một cậu bé thân yêu, tài giỏi và cự phách.

"Cảm xúc lần đầu tiên của con tim bồng bột". Những lời ấy của bà Xtrong lúc bấy giờ hầu như vẫn luôn luôn văng vẳng bên tai tôi… và luôn luôn có mặt trong óc tôi.

Tôi thường thức dậy nửa đêm với những ý nghĩ ấy. Tôi thấy rằng đã đọc nó trong giấc mơ và nó được viết trên tường. Bởi vì bây giờ tôi biết rằng con tim tôi thật vội vã khi tôi bắt đầu yêu Đôra. Và nếu như nó không vội vã như vậy thì không bao giờ nó cảm thấy điều đó đã cảm thấy một cách thầm kín sau khi kết hôn.

"Trong hôn nhân không có điều chênh lệch nào lớn hơn tính tình và ý nghĩ không phù hợp nhau". Những lời nói ấy cũng gắn vào ký ức tôi, tôi đã tìm cách làm cho tính cách Đôra khớp với tính cách tôi và tôi đã nhận thấy không sao thực hiện được điều đó. Tôi chỉ còn cách làm cho tính cách tôi phù hợp với Đôra; và chia sẻ với nàng những điều có thể chia sẻ và sung sướng; còn một mình phải gánh

lấy tất cả gánh nặng trên đôi vai của mình, nếu như cần phải làm và vẫn cứ sung sướng. Đó là kỷ luật mà tôi bắt con tim tôi phải tuân theo khi tôi bắt đầu suy nghĩ lại… Nhờ kỷ luật ấy, năm thứ hai của chúng tôi sung sướng hơn năm thứ nhất nhiều và kết quả của nó còn tốt hơn, nó làm cho cuộc đời của Đôra tràn đầy ánh sáng.

Nhưng khi năm này chấm dứt, Đôra yếu đi. Tôi đã hy vọng rằng những bàn tay êm dịu hơn bàn tay tôi sẽ giúp tôi rèn luyện tính cách của nàng và một nụ cười của đứa con trên ngực nàng sẽ có thể biến đổi bà vợ trẻ con của tôi thành người vợ thực sự. Nhưng điều đó không xảy ra, tinh thần bay phấp phới một lát trên ngưỡng cửa của cái ngục của nó và nhận thấy mình không bị giam hãm, nó vỗ cánh bay đi.

"Khi nào cháu có thể chạy như trước, cô ạ" - một hôm Đôra nói - "cháu sẽ chạy thi với Jip. Nó quả thực đã trở nên chậm chạp và lười biếng".

"Cô sợ, cháu ạ!" Cô tôi nói trong khi đang làm việc bình thản cạnh nàng, "nó mắc một bệnh khác nặng hơn bệnh lười, đó là bệnh già, Đôra ạ."

"Cô bảo nó già à?" Đôra hơi sửng sốt.

Ồ! Jip mà già thì buồn cười lắm nhỉ!"

"Đó là một cái bệnh mà tất cả chúng ta đều mắc, cô bé ạ, trong khi chúng ta bước trên đường đời". Cô tôi nói vui vẻ - "Cô cam đoan với cháu rằng cô cũng không cảm thấy mình tránh khỏi bệnh ấy".

"Nhưng mà Jip", Đôra nói, "nhìn nó có vẻ thương hại Jip nhỏ bé! ồ, tội nghiệp quá!"

"Cô tin rằng nó còn sống lâu nữa, Bông hoa nhỏ ạ! Cô tôi nói, vuốt má Đôra đang cúi xuống nhìn Jip và lúc này nó liền đứng nhổm lên trên hai chân sau và thất bại, sau nhiều lần cố gắng dùng đầu và vai vươn lên xô-pha một cách tuyệt vọng "Mùa đông này phải bó một miếng dạ vào cổ của nó và cô sẽ không ngạc nhiên khi nó sẽ tươi trẻ như cũ lúc những bông hoa mùa xuân bắt đầu nở. Tội nghiệp con chó bé nhỏ!". Cô tôi kêu lên; "Nếu nó sống được mấy đời và sau khi quên mất tất cả, cô vẫn nghĩ rằng nó còn sẽ tìm được cách sủa cô cho tới hơi thở cuối cùng".

Đôra đã giúp Jip trèo lên xô-pha, nó đứng đây nhìn cô tôi một cách hung tợn đến nỗi nó không đứng được thẳng mà cứ lết người và sủa ăng ẳng. Cô tôi càng nhìn nó càng sủa cô tôi, bởi vì gần đây cô bắt đầu đeo kính và vì một lý do không thể cắt nghĩa được nó cho cặp kính là một điều lăng nhục đối với bản thân nó.

Đôra khó nhọc lắm mới bắt đầu được, nó nằm cạnh nàng. Khi nó yên lặng, nàng bắt đầu mân mê một cái tai dài của nó giữa những ngón tay và nhắc lại với vẻ tư lự: "Đến cả chú Jip nhỏ bé này ư? Ồ, tội nghiệp quá!"

"Phổi của nó dẫu sao cũng còn tốt" - cô tôi nói vui vẻ, "và những ác cảm của nó vẫn không giảm đi chút nào. Nó sẽ còn sống được lâu, điều đó là dĩ nhiên. Nhưng nếu như cháu muốn có một con chó chạy đua với cháu, Bông hoa nhỏ ạ, vì Jip sung sướng quá nên không làm điều đó được thì cô sẽ cho cháu một con khác".

"Cảm ơn cô," Đôra nói khẽ, "nhưng cô đừng làm thế cô ạ!"

"Tại sao?" cô tôi nói cất kính xuống.

"Cháu không thể có con chó nào khác ngoài Jip", Đôra nói, "làm thế sẽ là không tốt đối với Jip. Vả lại, cháu không thể thân với con chó nào khác ngoài Jip bởi vì nó sẽ không biết cháu trước khi cháu lấy chồng và cũng sẽ không sủa anh Đoátđi ngày đầu tiên anh đến nhà cháu. Cháu không thể yêu con chó nào khác ngoài Jip, cháu sợ thế cô ạ".

“Cố nhiên”, cô tôi nói, lại vuốt ve má nàng, “Cháu nói đúng đấy!”

“Thế cô không giận cháu chứ?”

“Giận à? Con búp bê bé nhỏ dễ cảm quá!” cô tôi kêu lên dịu dàng cúi mình lên người nàng, “cháu nghĩ rằng cô có thể giận à?”

“Không, cháu không thực sự nghĩ thế đâu!” Đôra đáp “cháu hơi mệt và điều đó đã làm cháu ngốc trong một lát vì nói đến Jip (bao giờ cháu cũng là một con bé ngốc nghếch, cô thừa hiểu thế, nhưng điều đó càng làm cháu ngốc hơn). Nó đã biết cháu trong tất cả các việc xảy ra trong đời cháu. Có phải không Jip?… và cháu không thể nào khinh nó bởi vì nó đã hơi thay đổi, có phải thế không Jip?”

Jip nép mình gần bà chủ nó hơn và liếm tay nàng một cách uể oải.

“Jip, mày chưa đến nỗi già lắm đến nỗi muốn bỏ bà chủ của mày chứ? Chúng ta có thể làm bạn với nhau ít lâu nữa”.

Nàng Đôra xinh đẹp của tôi! Ngày chủ nhật sau đó khi xuống gác ăn chiều nàng sung sướng được gặp Trátđơn anh bạn cố tri (chủ nhật nào cậu cũng ăn ở nhà chúng tôi) đến nỗi chúng tôi tưởng sau vài ngày nàng sẽ chạy “như ngày trước”. Nhưng người ta bảo chúng tôi rằng: Hãy đợi vài ngày nữa; và nàng vẫn không chạy, cũng không đi. Nàng có vẻ rất xinh và rất vui, nhưng cặp chân nhỏ bé xưa nhanh nhẹn khiêu vũ xung quanh Jip bây giờ đã im lìm bất động.

Sáng nào tôi cũng phải bế nàng xuống và chiều nào cũng phải bế nàng lên. Trong lúc đó nàng ghì lấy cổ tôi mà cười dường như tôi làm thế để thắng một người nào đó trong việc đánh cuộc. Jip nhảy nhót kêu oăng oẳng quanh chúng tôi, rồi đi trước chúng tôi và đến chân cầu thang thì thở phì phì để xem chúng tôi có đến không. Cô tôi, người y tá tốt nhất và vui vẻ nhất bước chậm chạp theo sau chúng tôi giống như một bó khăn quàng và gối đang cử động. Ông Đích không muốn nhường cho ai vai trò cầm nến. Trátđơn thường đứng dưới chân cầu thang và nhìn chúng tôi, luôn luôn có những lời chúc mừng rôm rả đối với Đôra, xem nàng là người con gái dễ thương nhất. Chúng tôi làm thành một du hành rất vui bà người vợ trẻ con của tôi lại vui hơn cả.

Nhưng đôi lúc khi tôi bế nàng lên tay tôi thấy nàng nhẹ hơn trước, một cảm giác khó tả và buồn bã bao trùm lấy tôi dường như tôi bước đến gần một miền băng giá nào đấy, tuy chưa hiện rõ nhưng đã làm cuộc đời của tôi bị tê liệt. Tôi tránh không thừa nhận cảm xúc ấy bằng cách đặt cho nó một cái tên bâng quơ hay hay trầm ngâm nghĩ ngợi cho đến một buổi chiều cảm giác ấy bao trùm lấy tôi mạnh hơn bao giờ hết lúc cô tôi đã biến mất sau khi gửi lời chào chúc “Bông hoa nhỏ ngủ ngon”, tôi ngồi một mình ở bàn giấy và khóc khi nghĩ đến cái tên gọi có tính chất định mệnh kia và thấy nàng như một bông hoa tàn trên cành cây trong khi đang tưng bừng nở rộ.

---

[1] Một nhà buôn ở Luân-đôn chết vào năm 1423. Khi còn nhỏ Huyttintôn học nghề thủ công với một ông chủ khắc nghiệt và bỏ trốn. Nhưng trong tiếng chuông nhà thờ anh ta nghe có tiếng nói: “Huyttintôn hãy quay về, anh sẽ ba lần làm thị trưởng Luân-đôn” và quay về. Sau anh ta giàu có nhờ bán con mèo cho một vị vua phương đông ở trong nước ông ta có nhiều chuột và được ba lần bầu làm thị trưởng Luân-đôn.

Chương XLIX
TÔI BỊ LÔI CUỐN VÀO MỘT ĐIỀU BÍ MẬT

Một buổi sáng tôi nhận được bức thư dưới đây gửi bằng bưu điện từ Cantơbori đến Pháp-viện và tôi rất ngạc nhiên khi đọc nó.

Ông bạn thân mến!

Trong một thời gian dài những hoàn cảnh ở ngoài ý muốn của cá nhân tôi đã gây nên sự đoạn tuyệt về tình thân mật.

Mặc dầu ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của mình, tôi có rất ít thời giờ rảnh để ngắm những ảnh và những biến cố của quá khứ được soi sáng bởi những màu sắc rực rỡ do ký ức đưa đến, nhưng tình thân ấy xưa nay và mãi sau này vẫn gây cho tôi những cảm xúc êm dịu lạ lùng. Thưa ông, việc đó cộng với địa vị lỗi lạc mà tài năng của ông đã đưa đến cho ông đã ngăn cản tôi không cho phép tôi dám liều lĩnh dùng tên gọi thân mật Copơphin để nói với người bạn thời thanh niên. Chỉ cần biết rằng cái tên mà tôi có danh dự được nhắc đến bao giờ cũng được giữ gìn quý báu trong những tài liệu lưu trữ của gia đình tôi (tôi muốn nói đến những tài liệu về người ở trọ cũ mà bà Micôbơ còn giữ) với những tình cảm thân mến được nâng lên đến tận tình yêu.

Con người hiện nay viết thư cho ông không phải là con người vì những sai lầm cũ của mình và vì những hoàn cảnh không may dồn dập xảy đến đã lâm vào tình trạng một chiếc tàu bị đắm, (nếu như anh ta được phép dùng một câu ví von có vẻ thủy quân như vậy)… tôi xin nhắc lại. Một con người ở trong hoàn cảnh như hoàn cảnh của tôi không thể dùng ngôn ngữ của những lời khen ngợi và chúc tụng. Anh ta sẽ nhường nhiệm vụ ấy cho những người có năng lực hơn và trong sạch hơn.

Nếu như những công việc quan trọng hơn vẫn cho phép ông tìm hiểu những câu nói như mơ hồ này (điều đó sẽ xảy ra, có lẽ cũng sẽ không xảy ra tùy theo trường hợp) dĩ nhiên ông sẽ tự hỏi tôi viết bức thư này với chủ ý gì. Ông cho phép tôi nói rằng tôi hoàn toàn thừa nhận tính chất hợp lý của câu hỏi như vậy và tôi muốn chuyển sang việc trình bày cái ý định ấy… sau khi đã khẳng định rằng đây không phải là vấn đề tài chính.

Không cần nói rõ hơn đến những khả năng bí ẩn có thể có ở tôi để gây nên sấm sét hay hướng ngọn lửa căm thù ngùn ngụt về một phía nào đó, có lẽ, tôi xin phép nói với ông biết rằng, những giấc mơ đẹp nhất của tôi từ nay vĩnh viễn tan vỡ…, sự yên tĩnh của tôi đã biến mất… con tim tôi không còn ở chỗ bình thường của nó và tôi không còn ngẩng cao đầu trước đồng loại. Con sâu đã nằm trong quả. Cốc rượu tràn ngập đắng cay. Những con dòi đang hoạt động và chẳng bao lâu nữa sẽ ăn hết con vật hy sinh. Càng sớm càng hay. Nhưng thôi đừng con cà con kê nữa.

Bị lâm vào một tình trạng đặc biệt đau xót, thậm chí không được hưởng cái ảnh hưởng êm dịu của bà Micôbơ, mặc dầu ảnh hưởng này thể hiện ở ba mặt người vợ, người yêu và người mẹ, tôi có ý định lẩn trốn bản thân tôi trong một giai đoạn ngắn và dành cho tôi một thời gian nghỉ ngơi là bốn mươi tám tiếng đồng hồ để xem lại một vài nơi ở thủ đô mà xưa kia tôi đã vui thích. Trong số những nơi tôi đã sống yên tĩnh trong gia đình với tâm hồn bình thản, cặp chân tôi tự nhiên bước đến cửa nhà tù của Tối cao Pháp-viện. Khi tôi tuyên bố với ông rằng tôi sẽ D.v đứng trước bức tường phía nam của nơi giam cầm về những vấn đề dân sự, và hai ngày nữa đúng bảy giờ chiều, tôi sẽ thực hiện trọn vẹn mục đích của bức thư này.

Tôi không cảm thấy có quyền mời ông bạn cũ là ông Copơphin cũng như ông bạn cũ của tôi là

Tômát Trátđơn sinh viên trường luật (nếu như ông ta còn sống và sẵn sàng đến) hạ cố đến gặp tôi và nối lại (trong chừng mực có thể được) những mối quan hệ cũ của chúng ta trong thời quá khứ. Tôi chỉ mong rằng, đến giờ ấy ở nơi đã định người ta sẽ thấy một vài dấu vết cuối cùng, vẫn còn lại của một cái tháp cổ.

Uynkin Micôbơ

Tái bút: có lẽ nên nói thêm vào điều đã nói trên đây rằng tôi không cho bà Micôbơ biết về ý định của tôi.

Tôi đọc đi đọc lại bức thư này nhiều lần.

Mặc dầu qua cái lối viết văn cầu kỳ của ông Micôbơ và điều thích thú đặc biệt của ông khi được viết những bức thư dài trong mọi trường hợp được viết và không được viết, tôi vẫn cảm thấy có một điều quan trọng ẩn nấp dưới đáy bức thư đầy những lời lẽ quanh co. Tôi đặt bức thư xuống để suy nghĩ; rồi lại cầm lên để đọc một lần nữa; và tôi vẫn đang tiếp tục đọc và đang hết sức phân vân thì Trátđơn đến. Tôi nói: "Này cậu, mình chưa bao giờ sung sướng hơn là được gặp cậu lúc này. Cậu đến đúng vào lúc cần thiết để giúp mình vì trí xét đoán của cậu rất sáng suốt. Trátđơn ạ, mình vừa nhận một bức thư rất kỳ quặc của ông Micôbơ".

"Thế à? Trátđơn kêu lên - Có thể thế ư? Mình cũng vừa nhận được thư của bà Micôbơ!"

Nói đoạn. Trátđơn người phấn chấn vì đi bộ, đầu tóc dựng đứng lên vì cảm xúc và cử động dường như cậu vừa thấy một con ma vui vẻ. Cậu đưa bức thư ra và đổi lấy bức thư của tôi.

Tôi nhìn cậu ta cố gắng tìm hiểu thực sâu bức thư của ông Micôbơ và cũng như cậu ta, tôi dướn lông mày lên khi cậu ta đọc: "gây lên sấm sét hay hướng ngọn lửa căm thù về một phía nào đó". "Lạy Chúa! Copơphin ạ!" Rồi tôi bắt đầu đọc bức thư của bà Micôbơ.

Bức thư như sau:

"Kính gửi ông Tômát Trátđơn, nếu như ông còn nhớ một người trước đây đã hân hạnh được quen biết ông, không biết tôi có được phép xin ông dành cho tôi vài phút hay không? Tôi xin cam đoan với ông T. T rằng tôi không muốn lạm dụng lòng tốt của ông nếu như tôi không cảm thấy mình chỉ cách tâm trạng điên rồ có nửa bước.

Mặc dầu nhắc lại câu chuyện này là một điều đau khổ cho tôi nhưng chính thái độ thờ ơ của ông Micôbơ (trước đây ông rất gắn bó với gia đình) là nguyên nhân khiến tôi gửi bức thư đau khổ này kêu gọi ông Trátđơn và yêu cầu ông tỏ ra hết sức rộng lượng với mình, ông T. không thể nào có một ý niệm đúng đắn về sự thay đổi đã xảy đến trong cử chỉ của ông Micôbơ, về thái độ phũ phàng và dữ tợn của ông ấy. Thái độ dữ tợn này dần dần cứ tăng lên đến nỗi nó có vẻ của một người mất trí. Tôi cam đoan với ông T. rằng không có ngày nào mà cơn giận này không lên tới cực điểm. Ông T. không cần tôi kể lại những tình cảm của tôi khi tôi bảo ông ấy rằng tôi vẫn thường nghe ông Micôbơ xác nhận rằng ông ta đã bán linh hồn cho quỷ.

Thái độ giữ bí mật và giấu diếm mấy lâu nay đã trở thành những đặc điểm chủ yếu của ông từ lâu đã thay thế lòng tin cậy không bờ bến của ông đối với tôi. Chỉ cần nói với ông một lời (thậm chí cứ hỏi ông thích ăn món gì vào buổi chiều) là ông tuyên bố muốn ly dị. Tối qua các cháu chỉ mới xin ông 4 pen-ni để mua "thứ bánh kẹo chanh" (một sản phẩm của những người làm kẹo của địa phương thế mà ông đã giơ con dao nậy sò huyết lên dọa hai đứa sinh đôi!

Tôi xin ông Trátđơn đừng bực mình khi nghe tôi kể những chi tiết như vậy. Nếu không nói như

thế, ông T. sẽ không thể nào có được một khái niệm nhỏ nhất về tình hình đau xót của tôi.

Ô. T. có cho phép tôi bộc lộ với ông mục đích của bức thư này không? Ông có cho phép tôi kêu gọi sự ân cần săn sóc của ông không? Ồ, có chứ, bởi vì tôi biết ông tốt như thế nào!

Con mắt sắc sảo của tình thương không bị mờ đi dễ dàng khi con mắt ấy là của một người đàn bà. Ông Micôbơ sắp đi Luân-đôn. Mặc dầu ông cẩn thận che giấu, sáng nay trước lúc ăn điểm tâm trong khi viết cái nhãn dán vào chiếc vali nhỏ mầu nâu của những ngày hạnh phúc, cái nhìn sắc sảo của một người vợ lo âu đã phát hiện ra những chữ L.u.â.n viết rất rõ ràng. Xe ngựa sẽ đến khu phía tây ở quán "Chữ thập vàng".

Không biết tôi có được phép cầu khẩn ông T. đến thăm người chồng lạc đường của tôi và tìm cách giải thích cho ông ta hay không? Không biết tôi có được phép nhờ ông T. can thiệp giữa ông Micôbơ và gia đình đang đau khổ hay không? Ô, không! Như thế sẽ là yêu cầu nhiều quá: Nếu ông Copơphin nhớ lại một người đàn bà không ai biết đến, không biết ông T. có nói cho ông ấy biết tình bạn không hề thay đổi của tôi và cũng ngỏ lời cầu khẩn tương tự hay không? Dầu sao, cũng xin ông làm ơn xem bức thư này như là một bức thư hoàn toàn bí mật và ông không được nhắc đến trước mặt ông Micôbơ bất kỳ với lý do gì dù một cách xa xôi nhất.

Nếu ông T. trả lời tôi (nhưng tôi không thể không có cảm tưởng rằng điều đó khó xảy ra) thì một bức thư gửi cho M.E hòm thư Cantơbơri sẽ có những hậu quả ít khó chịu hơn là bức thư gửi trực tiếp cho con người ký tên dưới đây trong cảnh tuyệt vọng cùng cực.

Người bạn kính cẩn và cầu khẩn của ông Tômát Trátđơn.

Emma Micôbơ"

"Cậu nghĩ gì về bức thư này? Trátđơn hỏi tôi và liếc mắt nhìn tôi khi tôi đã đọc xong lần thứ hai.

"Còn cậu nghĩ gì về bức thư kia!" Tôi nói, bởi vì cậu ta vẫn đọc và đang cau mày.

"Copơphin ạ", Trátđơn đáp, "mình nghĩ rằng hai bức thư này gộp lại có một ý nghĩa sâu sắc hơn là thư từ thông thường của hai ông bà Micôbơ, nhưng mình không hiểu nó có ý nghĩa gì. Cả hai đều viết một cách thành thực, mình tin như vậy, và không hề bàn trước với nhau. Tội nghiệp! (Cậu đang nói về bức thư của bà Micôbơ và chúng tôi đang đứng cạnh nhau để so sánh hai bức thư). Lòng nhân từ dẫu sao cũng bắt chúng mình thế nào cũng đến thăm ông Micôbơ".

Tôi tán thành cậu, nhất là vì bây giờ tôi tự trách mình đã coi thường bức thư đầu tiên của bà Micôbơ. Bức thư này lúc bấy giờ đã làm cho tôi suy nghĩ nhiều, nhưng vì công việc bận rộn vì tôi có kinh nghiệm về gia đình ông Micôbơ, và vì từ lúc ấy đến giờ tôi không biết tin tức gì về gia đình ông, nên điều băn khoăn ấy dần dần đã bị gạt ra khỏi trí óc của tôi. Tôi vẫn thường nghĩ đến gia đình ông Micôbơ, nhưng chủ yếu là để tự hỏi hiện nay ở Cantơbơri ông đang mắc vào "những khó khăn kinh tế" gì, và để nhớ lại thái độ dè dặt của ông Micôbơ đối với tôi từ khi ông trở thành thư ký của Uria Híp:

Tuy vậy, lúc này tôi viết cho bà Micôbơ một bức thư an ủi nhân danh hai chúng tôi cùng ký tên. Khi đi đến bưu điện để bỏ thư, chúng tôi bàn bạc với nhau và đưa ra mọi giả thuyết không cần nhắc lại ở đây. Chiều hôm ấy chúng tôi hỏi ý kiến của cô tôi nhưng chúng tôi chỉ đi đến kết luận dứt khoát rằng phải đến đúng hẹn, ở chỗ ông Micôbơ đã định.

Mặc dầu chúng tôi đến nơi ấy mười lăm phút trước giờ hẹn, chúng tôi đã thấy ông Micôbơ ở đấy rồi. Ông ta đứng khoanh tay trước chân tường, ngắm nhìn những mũi nhọn nhô lên trên nóc tường một cách mơ mộng dường như đấy là những cành cây giao nhau đã tỏa bóng xuống cuộc đời thanh niên của

ông.

Khi chúng tôi đến gần, cử chỉ của ông không thoải mái và lịch sự như ngày trước. Để đi du ngoạn ông đã bỏ bộ y phục màu đen của con nhà luật, mặc cái áo khoác ngày xưa và cái quần chẽn ống nhưng hoàn toàn không có cái phong thái ngày xưa. Dần dần cái vẻ lịch sự của ông trở lại trong khi nói chuyện, nhưng cái kính tay vẫn treo lủng lẳng một cách không thoải mái như trước và cái cổ giả tuy vẫn đồ sộ như trước nhưng đã nhũn đi nhiều:

"Các ông! Ông Micôbơ nói sau những lời chào hỏi đầu tiên - Các ông là những người bạn thực sự. Cho phép tôi hỏi thăm sức khỏe của bà Copơphin hiện nay và của bà Trátđơn tương lai (tức là giả dụ ông bạn Trátđơn của tôi vẫn còn chưa gắn liền với đối tượng của tình yêu của ông trong vui sướng cũng như trong lo buồn")[1].

Chúng tôi cảm ơn trước thái độ lịch sự của ông và trả lời một cách thích hợp. Rồi ông bảo chúng tôi chú ý đến bức tường và ông đã bắt đầu bảo chúng tôi "Tôi cam đoan với các ông…" bỗng tôi đánh bạo ngỏ lời phản đối vì ông nói chuyện với ông… tôi một cách khích khí và yêu cầu ông cứ nói chuyện với chúng tôi như ngày xưa.

"Anh Copơphin thân mến", ông đáp lại siết chặt tay tôi, "thái độ ân cần của anh làm tôi cảm động vô cùng. Cách anh tiếp cận một mảnh vụn của cái Điện thờ đã có lần được mang tên con người (nếu như tôi được phép nói như vậy) biểu lộ một trái tim làm vinh dự cho bản chất chung của chúng ta. Tôi đang định nói rằng tôi ngắm lại một lần nữa cái nơi yên tĩnh ở đấy tôi đã sống một vài giờ trong những giờ hạnh phúc nhất của đời tôi".

"Cám ơn", ông Micôbơ nói, nét mặt sa sầm lại khi nghe tôi nhắc đến vợ, "sức khỏe nhà tôi cũng tàm tạm. Và đây", ông Micôbơ nói, gật đầu buồn bã, "đây là nhà tù Tối cao Pháp-viện, ở đây, lần đầu tiên sau bao năm trời, tôi không phải nghe những anh đòi nợ, giục giã réo lên hết ngày nay hay ngày khác với giọng nói chướng tai và không chịu rời khỏi hành lang. Ở đây trên cánh cửa không có cái búa gõ cửa để anh chủ nợ dùng đến. Ở đây bọn lục sự không dùng được vào việc gì và bọn đòi tiền đừng hòng bước vào cổng! Các anh ạ", ông Micôbơ nói, "khi bóng hàng rào sắt trên nóc tường đổ xuống sỏi đá trên sân, tôi đã thấy các con tôi đi theo những nét vẽ phức tạp của nó và tìm cách tránh những nơi nào có bóng. Mỗi tảng đá của ngôi nhà này đều quen thuộc với tôi. Nếu như tôi để lộ tình cảm của mình thì xin các anh hiểu và tha lỗi cho".

"Từ dạo ấy đến giờ chúng ta đã bước đi khá xa, ông Micôbơ nhỉ", tôi nói.

"Anh Copơphin", ông Micôbơ trả lời tôi, giọng chua chát. "Khi tôi là người khách ở nơi trú ẩn này tôi có thể nhìn thẳng vào mặt đồng loại và có thể đánh vỡ mặt đứa nào làm nhục tôi. Tôi không còn có thể có những quan hệ vinh dự như thế với đồng loại nữa".

Ông Micôbơ quay lưng lại ngôi nhà, vẻ mặt thiểu não, để tôi và Trátđơn khoác tay ông ở hai bên, ông bước đi giữa hai chúng tôi, đoạn quay nhìn về phía ngôi nhà tuyên bố:

"Trên con đường đến nấm mộ của mình vẫn có những cái mốc mà người ta mong đừng bao giờ vượt qua nếu như mong ước ấy không phải là liều lĩnh. Cuộc đời sóng gió của tôi ở nhà tù Tối cao Pháp-viện là một cái mốc như vậy".

"Ồ! Ông có vẻ chán nản quá đấy, ông Micôbơ ạ", Trátđơn nói.

"Đúng thế, anh ạ!" ông Micôbơ liền đáp "Tôi hy vọng ông không căm thù pháp luật bởi vì, tôi cũng là một luật gia, như ông biết", Trátđơn nói.

Ông Micôbơ, anh bạn Híp của chúng ta mạnh khỏe chứ?", tôi hỏi sau khi im lặng một lát.

"Anh Copơphin yêu quí", ông Micôbơ đáp, đột nhiên bị xúc động mãnh liệt, mặt tái đi, "nếu anh xem ông chủ của tôi là bạn *của anh*, thì tôi lấy rất làm tiếc; còn nếu anh xem hắn bằng danh từ gì khi hỏi thăm ông chủ của tôi, tôi cũng xin anh cho phép tôi được trả lời bằng mấy chữ vắn tắt sau đây: Dù hắn khỏe mạnh hay đau ốm hắn vẫn là con cáo tinh ranh, đó là tôi không muốn dùng danh từ con quỉ sứ. Anh cho phép tôi với tính cách cá nhân từ chối không nói thêm về một vấn đề đã làm tôi tuyệt vọng cùng cực trong khi thi hành nghề nghiệp của mình".

Tôi tiếc đã vô tình đề cập đến một vấn đề làm ông cáu kỉnh như vậy.

"Xin ông cho biết" tôi nói nhưng không để phạm sai lầm hồi nãy "các bạn cũ của tôi là ông Uýchcơphin và cô Uýchcơphin có mạnh khỏe không ạ?"

"Cô Uýchcơphin" ông Micôbơ nói, đỏ mặt, "bao giờ cũng là một con người mẫu mực, một tấm gương sáng. Anh Copơphin ạ! Cô là nơi duy nhất lấp lánh ánh sao tỏa xuống một cuộc đời khốn nạn. Tôi tôn trọng người con gái trẻ tuổi ấy, tôi thán phục tính dịu dàng, lòng chân thật và lòng tốt của cô!… Các anh hãy đưa tôi vào một đường rẽ vì trong tình trạng hiện nay tôi khôn thể nào tự chủ được mình".

Chúng tôi kéo ông vào một con đường hẹp ở đấy ông rút khăn tay ra và dựa lưng vào một bức tường. Nếu tôi cũng nhìn ông với vẻ ủ dột như Trátđơn thì ông sẽ chẳng thấy phấn chấn gì khi ở cạnh chúng tôi.

"Số tôi là thế", ông Micôbơ vừa nói vừa khóc rưng rức, không chút giả tạo, mặc dầu ngay trong thái độ ấy vẫn có cái vẻ lịch sự. "Các anh ạ, số của tôi là thế. Những tình cảm cao thượng nhất của bản tính con người đã trở thành những lời trách móc đối với tôi. Lời ca ngợi của tôi đối với cô Uýchcơphin là một mũi tên đâm vào tim tôi. Các anh cứ để tôi đi lang thang trên trái đất còn hơn. Sâu bọ sẽ thanh toán tôi trong nháy mắt".

Không để ý đến lời yêu cầu này, chúng tôi vẫn đứng bên cạnh cho đến khi ông nhét khăn tay vào túi, xốc lại cái cổ giả và để đánh lừa những người quanh đây có thể quan sát ông, ông đội mũ lệch hẳn về một bên, nghêu ngao một điệu hát. Vì chúng tôi chưa biết gì về ông cả, chúng tôi không muốn để ông đi và tôi nói tôi rất sung sướng được giới thiệu ông với cô tôi, nếu tôi vui lòng đến Haigây, ở đấy có một chiếc giường dành sẵn cho ông. Tôi nói: "Ông Micôbơ ạ, ông sẽ làm cho chúng tôi một cốc rượu ngũ vĩ theo cách pha chế của ông. Ông sẽ quên tất cả những điều u uất trong lòng khi nghĩ đến những kỷ niệm thú vị hơn".

"Ông Micôbơ ạ, hay là nếu việc bộc lộ tâm sự với những người bạn có thể làm ông nhẹ bớt nỗi buồn thì ông sẽ san sẻ những băn khoăn với chúng tôi", Trátđơn nói dè dặt.

"Các anh", ông Micôbơ đáp, "các anh muốn làm gì tôi thì làm. Tôi là một cọng rơm trên mặt biển và tôi bị xô đẩy tứ phía bởi những con voi - tôi xin lỗi, lẽ ra phải nói bởi tạo hóa mới đúng".

Chúng tôi lại tiếp tục khoát tay nhau đi. Gặp một chiếc xe ngựa sắp chạy, chúng tôi lên xe và dừng lại ở Haigây không gặp gì cản trở. Tôi rất băn khoăn lo lắng không biết nên nói gì và nên làm gì cho thích hợp và Trátđơn rõ ràng cũng thế. Ông Micôbơ thì phần lớn thời gian ấy ở trong tình trạng rất ủ dột. Thỉnh thoảng ông cố tươi lên một chút và nghêu ngao một mẩu bài hát nhưng làm thế chỉ càng bộc lộ vẻ u uất, và nhất là vì cái mũ đội lệch hẳn sang một bên và một cái cổ áo xốc lên tới tận tai trông rất buồn cười.

Chúng tôi đến nhà cô tôi chứ không đến nhà tôi, bởi vì Đôra đang ốm. Cô tôi liền đến khi tôi cho người gọi và cô tôi tiếp ông Micôbơ hết sức niềm nở. Ông Micôbơ hôn tay cô tôi, đến gần cửa sổ rút

khăn tay cố hết sức tự chủ mình.

Ông Đích cũng ở đấy. Bản tính ông rất dễ thông cảm với ai có vẻ ốm đau và đoán rất nhạy những người trong tình trạng lúng túng đến nỗi ông bắt tay ông Micôbơ ít nhất là mười lăm lần trong năm phút, cảm tình nồng nhiệt của một người lạ mặt làm ông Micôbơ hết sức cảm động đến nỗi ông chỉ còn biết lặp lại mỗi khi bắt tay. "ông quý hóa quá, ông tốt với tôi quá". Và điều đó làm ông Đích sung sướng đến nỗi lại càng bắt tay nhiệt tình hơn.

"Thưa cô", ông Micôbơ nói với cô tôi, "tôi xin phép cô dùng một thuật ngữ lấy của những môn thể thao dân tộc thô lỗ nhất của chúng tôi, thái độ ân cần của ông này làm tôi bị đo ván. Đối với một người đang loay hoay dưới một gánh nặng phức tạp những lo âu phiền muộn thì một sự đón tiếp như vậy là một thử thách, tôi cam đoan với cô như vậy".

"Ông bạn Đích của tôi", cô tôi đáp kiêu hãnh, "không phải là người tầm thường".

"Tôi cũng tin như vậy", ông Micôbơ nói, "Thưa ông" (vì ông Đích lại bắt tay ông ta lần nữa) "Tôi rất cảm động về thái độ niềm nở của ông".

"Ông mạnh khỏe chứ?" ông Đích nói, lo lắng nhìn ông Micôbơ.

"Ông phải vui vẻ lên, phải tỏ ra hết sức thoải mái", ông Đích nói. Những lời nói ân cần ấy và bàn tay ông Đích lại nằm trong tay ông ta lần nữa làm cho ông Micôbơ bị chinh phục hoàn toàn, ông nói:

"Số tôi là thỉnh thoảng được gặp một ốc đảo trong cái quang cảnh thay đổi của đời người, nhưng không bao giờ tôi được gặp một ốc đảo tươi xanh đầy nước như hôm nay".

Vào lúc khác, những lời ấy sẽ làm tôi buồn cười, nhưng tôi cảm thấy tất cả chúng tôi đều lúng túng, ngượng nghịu, và tôi băn khoăn theo dõi ông Micôbơ đang phân vân giữa cái xu hướng tự nhiên là muốn bộc lộ một điều gì và một xu hướng ngược lại là đừng bộc lộ gì hết, đến nỗi tôi phát sốt. Trátđơn ngồi một bên ghế, mắt mở to, tóc dựng đứng hơn bao giờ hết, hết nhìn xuống đất lại nhìn ông Micôbơ nhưng không cố gắng nói dù chỉ một lời. Cô tôi chăm chú quan sát ông khách mới một cách hết sức ranh mãnh và là con người duy nhất trong chúng tôi làm chủ được mình hơn cả, vì cô nói chuyện với ông Micôbơ và bắt ông dù muốn hay không cũng phải nói chuyện.

"Ông Micôbơ ạ, ông là người bạn cố tri của cháu tôi, tôi rất tiếc không có dịp biết ông sớm hơn".

"Thưa cô", ông Micôbơ đáp, "tôi rất tiếc không được quen cô sớm hơn. Trước đây tôi không phải là con người thảm hại như cô thấy bây giờ đâu".

"Tôi hy vọng rằng bà Micôbơ và các anh chị đều khỏe mạnh", cô tôi nói.

Ông Micôbơ cúi đầu, rồi với cái vẻ tuyệt vọng sau khi ngần ngại một phút, ông nói:

"Thưa bà, gia đình tôi vẫn khỏe như những người ngụ cư và những kẻ bị ruồng bỏ có thể hy vọng".

"Trời ơi!" cô tôi kêu lên theo lối đột ngột quen thuộc, "ông nói chuyện gì thế?"

"Thưa cô việc sinh sống của gia đình tôi", ông Micôbơ đáp, "đang ở trong tình trạng bấp bênh, ông chủ của tôi…".

Đến đây ông Micôbơ dừng lại một cách khiêu khích và bắt đầu gọt những quả chanh người ta đặt trước mặt theo chỉ dẫn của tôi, cùng với những gia vị khác mà ông dùng để điều chế rượu ngũ vị.

"Ông bảo ông chủ ông thế nào", ông Đích vừa nói vừa lắc lắc cánh tay ông Micôbơ như để gợi ý nhẹ nhàng.

"Thưa ông", ông Micôbơ đáp, "ông nhắc tôi, tôi rất cám ơn" (hai người lại bắt tay) "Thưa cô, ông

chủ của tôi… Ông Híp một hôm đã hạ cố bảo tôi biết rằng nếu không có số tiền lương tôi nhận được vì làm việc ở nhà ông ta thì có lẽ tôi đã là một anh làm xiếc đi hết nơi này sang nơi khác nuốt kiếm hay nhai lửa. Theo như tôi biết, rất có thể các con của tôi đành phải kiếm ăn bằng cách uốn dẻo trong khi bà Micôbơ thì chơi phong cầm để khuyến khích những hành động kỳ quặc của chúng".

Ông Micôbơ ngẫu nhiên hoa con dao nhíp một cách đầy ý nghĩa, có ý muốn nói rằng sau khi ông chết đi chúng sẽ phải làm như vậy, rồi lại tiếp tục gọt chanh với vẻ tuyệt vọng.

Cô tôi chống cùi tay lên chiếc bàn tròn nhỏ bé vẫn thường để bên cạnh, chăm chú nhìn ông. Mặc dầu ngần ngại không muốn dùng mánh khóe bắt ông bộc lộ điều tâm sự mà ông giấu giếm, lẽ ra tôi đã bắt ông phải nói vào lúc ấy nếu tôi không thấy những cử chỉ kỳ quặc của ông. Đáng chú ý nhất là ông bỏ vỏ chanh vào nồi nước, bỏ đường vào cái đĩa đựng bấc, rót rượu vào cái bình không và yên trí cắm một cây đèn sáp để rót nước ôi. Tôi nhận thấy cơn khủng hoảng đang đến gần và sẽ nổ ra. Ông để tất cả các dụng cụ và bát đĩa va chạm nhau loảng xoảng, rời khỏi ghế, rút khăn tay ra và òa lên khóc, ông lấy khăn tay che mặt, và nói:

"Anh Copơphin ạ, hơn tất cả mọi công việc khác, việc này đòi hỏi một đầu óc bình thản và lòng tự trọng. Tôi không thể làm. Rõ ràng là thế".

"Ông Micôbơ có việc gì thế?" tôi nói. "Tôi xin ông, ông cứ nói đi. Ở đây là bạn bè cả mà!".

"Anh ơi, giữa những người bạn", ông Micôbơ nhắc lại và những điều ông cố ghìm giữ lại bỗng tuột ra cả. "Trời ơi! Chính vì đây là bạn bè cả nên tâm trạng tôi mới thế này. Các anh hỏi có việc gì ư? Việc xảy ra đó là sự hèn hạ, việc xảy ra đó là sự bẩn thỉu, lừa dối, gian xảo, mưu mô; và tên gọi tất cả cái mớ khủng khiếp này là Híp".

Cô tôi vỗ tay và tất cả chúng tôi đều chồm dậy như bị ma ám.

"Cuộc đấu tranh đã chấm dứt!" ông Micôbơ nói, khoát tay dữ dội trong khi vẫn cầm chiếc khăn tay và thỉnh thoảng dang cả hai tay ra như đang vật lộn với những khó khăn mà con người không thể vượt nổi. "Tôi sẽ không sống cuộc sống này nữa. Tôi là một thằng khốn nạn, bị gạt ra ngoài tất cả những cái gì làm cho cuộc sống trở thành có thể chịu đựng được. Tôi sẽ bị nguyền rủa nếu còn phục vụ tên hèn mạt khủng khiếp kia. Hãy trả vợ tôi cho tôi, trả con tôi cho tôi, hãy thay thế ông Micôbơ vào chỗ cái thằng khốn nạn tội nghiệp này hiện đang bước đi với đôi giày của ông ấy, và nếu các anh bảo tôi ngày mai phải nuốt một thanh kiếm thì tôi cũng sẽ nuốt và nuốt ngon lành!".

Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ thấy một con người bị xúc động đến thế. Tôi cố gắng làm ông dịu đi để nói một điều gì có nghĩa lý, nhưng ông lại càng bốc và không chịu nghe tôi nói năng gì hết.

"Tôi sẽ không nắm lấy tay ai", ông Micôbơ nói thở hổn hển, khóc nức nở, miệng phì phì đến nỗi người ta có cảm tưởng ông đang giãy giụa ở trong nước lạnh, "trước khi tôi đánh tan xác… cái… con… rắn… đáng ghét… là thằng *Híp* kia! Tôi sẽ không chịu… để bất kỳ người nào tiếp đón… hễ tôi chưa chôn vùi được thằng khốn nạn kia… là thằng *Híp* vào ngọn núi lửa Vêduvơ đang nổ tung! uống rượu dưới mái nhà này nhất là uống rượu ngũ vị, sẽ làm tôi nghẹn cổ… nếu tôi chưa bóp chết… được cái thằng… dối trá bán trời không văn tự… là thằng *Híp*! Tôi không muốn biết ai hết… không muốn nói một lời… không muốn sống ở đâu hết… trước khi nghiền nát… thằng *Híp*, thằng dối trá cực kỳ và phản bội khét tiếng., thành tro bụi!".

Quả thực tôi sợ ông Micôbơ chết ngay lúc đó. Những cố gắng của ông để nói những câu ấp úng ấy và cách ông nói mỗi khi ông sắp nói đến chữ Híp, cách ông vất vả loay hoay mãi mới đi đến cái chữ Híp để cố gắng nói ra trong khi đã gần kiệt sức và nói nó ra với một sức mạnh không phải là không

kinh khủng, tất cả những điều đó thực là dễ sợ. Nhưng bây giờ khi ông buông người rơi phịch xuống ghế, toát mồ hôi, trố mắt nhìn chúng tôi; gương mặt mang đủ mọi màu sắc có thể tưởng tượng, mà đáng lý không nên có và sau khi cổ họng nghẹn ngào với những thớ thịt, hiện lên chặn lấy cổ họng và dường như muốn dồn lên trán, tôi có cảm tưởng rằng ông đã kiệt sức. Tôi muốn đến giúp, nhưng ông đã ra hiệu gạt tôi ra và không chịu nghe tôi nói gì hết.

"Anh Copơphin, không! không nói năng gì hết trước khi cô Uýchơphin… bù đáp lại những thiệt hại do tên hèn mạt kia gây nên… Híp!" Tôi hoàn toàn tin chắc ông ta không thể nói liền ba chữ nếu cái chữ Híp ở cuối câu không đưa đến cho ông một nghị lực lạ lùng). "Một bí mật không thể vi phạm được… đối với tất cả mọi người… không trừ ai… cho đến ngày… này, tuần sau vào lúc… ăn sáng… với tất cả mọi người có mặt… kể cả… cô… và ông này… hết sức thân mật… sẽ đến khách sạn Cantơbơri… ở đấy… bà Micôbơ và tôi… đồng ca bài hát Từ biệt… và… sẽ tố cáo tên ăn cướp khốn kiếp… Híp! không nói thêm gì nữa… không nghe những lời thuyết phục… đi ngay… không thể chịu đựng được bạn bè… phải đuổi theo tên khốn kiếp đáng chém và đáng giết… là Híp".

Sau khi lập lại lần cuối cùng một cách kiên quyết hơn bao giờ hết cái danh từ huyền bí kia đã khiến cho ông đủ sức nói, ông Micôbơ nhảy xổ ra khỏi nhà để mặc chúng tôi trong tình trạng kích động và ngơ ngác, làm cho chúng tôi cũng ở trong hoàn cảnh không hơn gì hoàn cảnh ông. Nhưng ngay cả lúc ấy, cái bệnh viết thư ở ông vẫn quá mạnh, ông không sao kháng cự nổi; vì trong khi chúng tôi đang bị kích động, đang hy vọng và ngạc nhiên nhất thì một người đưa đến cho tôi bức thư sau từ cái quán trọ bên cạnh ở đây ông dừng lại để viết.

Hết sức bí mật,

Thưa ông,

Xin ông cho phép tôi nhờ ông xin lỗi hộ người cô quý hóa của ông về tâm trạng kích động của tôi hồi nãy. Ngọn lửa mấy lần bị kìm hãm ở trong núi lửa đã nổ tung sau một cuộc vật lộn bên trong, điều đó có thể hiểu được, nhưng khó lòng miêu tả được.

Tôi nghĩ rằng đã nói khá rõ ràng rằng tôi hẹn gặp các vị vào buổi sáng cũng ngày như thế này vào tuần tới ở nhà khách sạn ở Cantơbơri là nơi bà Micôbơ và tôi trước đây đã được hân hạnh cùng ông hát bài hát nổi tiếng của người công chức bất tử sở thuế quan mà danh tiếng đã vượt ra ngoài xứ Xcotlân[2].

Khi đã làm xong nhiệm vụ và thực hiện hành động bồi thường, điều duy nhất cho phép tôi nhìn thẳng mặt đồng loại, tôi sẽ biến mất. Tôi chỉ yêu cầu được đặt vào cái nơi mọi người yên nghỉ, ở đấy.

Nơi đây, mộ nhỏ im lìm
Tổ tiên thôn xóm ngủ yên ngàn đời[3]
Với cái mộ chí mộc mạc dưới đây:

"Uynkin Micôbơ"

---

[1] Ông Micôbơ dùng chính những lời của người tu sĩ nói với cô dâu và chú rể ngay vào giờ hôn lễ.

[2] Đây là nói đến Bơnz (Burns) là một công chức thuế quan, tác giả bài từ biệt rất nổi tiếng trước đây ở hướng đạo Việt Nam hay hát.

[3] Trích ở bài "Oán thi viết ở một nghĩa địa nông thôn" của Tômát Grây (1716-1771).

Chương L
GIẤC MƠ CỦA ÔNG PÉCGÔTI ĐƯỢC THỰC HIỆN

Vài tháng đã trôi qua từ ngày chúng tôi gặp Mácta trên bờ sông. Từ hôm ấy tôi không bao giờ gặp lại chị, nhưng chị đã liên lạc nhiều lần với ông Pécgôti. Sự giúp đỡ tận tình của Mácta không đưa đến kết quả gì; và theo lời ông nói với tôi, tôi không thể kết luận rằng chúng tôi đã nhận được một dấu hiệu nào giúp chúng tôi biết về số phận Emili. Thú thực, tôi đã bắt đầu không còn hy vọng tìm thấy nàng và ngày càng tin rằng nàng đã chết.

Nhưng lòng tin của ông Pécgôti vẫn không hề thay đổi. Theo như tôi biết (tôi tin rằng con tim trung thực của ông không có điều gì bí mật đối với tôi) bao giờ ông cũng tin chắc sẽ gặp lại nàng. Thái độ kiên nhẫn của ông không bao giờ mệt mỏi. Tôi run sợ nghĩ rằng một ngày kia lòng tin tưởng sắt đá này bỗng chốc bị sụp đổ thì ông sẽ tuyệt vọng vô cùng. Tuy vậy, tôi vẫn thấy lòng tin ấy có một cái gì thiêng liêng, hết sức cảm động khắc sâu vào nơi sâu thẳm nhất và trong sáng nhất trong tâm hồn cao thượng của ông nên càng ngày tôi càng cảm phục ông.

Ông không phải hạng người chỉ tin một cách thụ động, chỉ biết hy vọng chứ không làm gì hết. Suốt đời, ông là con người hành động kiên quyết và ông thừa biết trong mọi việc muốn người ta giúp đỡ mình thì mình phải làm bổn phận mình đến nơi đến chốn và tự giúp lấy mình. Tôi đã thấy ông đang đêm ra đi, sợ rằng vì một điều rủi ro nào đó ngọn nến không được thắp ở cửa sổ của chiếc tàu cũ kỹ, và ông đi chân đến Yácmao. Tôi đã thấy sau khi đọc trên tờ báo một tin gì đó có thể liên quan tới Emili ông liền cầm ngay gậy và đi du lịch sáu mươi hay tám mươi dặm. Ông đến náp rồi trở về theo đường biển sau khi nghe câu chuyện cô Đácton đã sai Litimơ nói cho tôi nghe. Tất cả những cuộc du lịch của ông được thực hiện trong những điều kiện gian khổ, bởi vì bao giờ ông cũng kiên quyết muốn tiết kiệm để dành tiền cho Emili khi ông gặp lại nàng. Trong suốt thời gian tìm kiếm lâu dài này, không bao giờ tôi nghe ông than phiền, không bao giờ tôi nghe ông nói rằng ông mệt mỏi hay chán nản.

Đôra đã nhiều lần thấy ông từ dạo đám cưới của chúng tôi, và nàng rất quý mến ông. Ngay lúc này tôi còn hình dung dáng người của ông đứng cạnh cái xô-pha, tay cầm chiếc mũ sần sùi và đôi mắt xanh biếc của người vợ bé bỏng của tôi thẹn thùng, kính phục ngước lên nhìn gương mặt ông. Nhiều buổi chiều vào lúc hoàng hôn ông đến nói chuyện với tôi, tôi bảo ông cứ hút tẩu và chúng tôi đi bách bộ ngoài vườn, lúc đó trước mắt tôi hiện lên rất sinh động bức tranh gia đình ông bị tan nát và cái vẻ ấm cúng của nó mà khi còn trẻ vào lúc chập tối tôi vẫn thường thấy với ngọn lửa cháy rần rật và tiếng gió rền rĩ bốn bề. Một buổi chiều vào giờ ấy, ông bảo tôi rằng ông đã thấy Mácta ngồi đợi gần nhà ông hôm qua khi ông đi ra và chị yêu cầu ông nhất thiết đừng rời khỏi Luân-đôn trước khi gặp lại chị. Tôi hỏi:

"Chị có nói tại sao không?"

"Cậu Đêvi ạ, tôi đã hỏi chị", ông đáp "nhưng bao giờ chị ta cũng chỉ nói với tôi vài lời và ngay sau khi tôi đã hứa, chị liền đi ngay".

"Chị có bảo ông khi nào ông có thể gặp lại chị không?" tôi hỏi.

"Không? Cậu Đêvi ạ" ông đáp giơ tay lên mặt có vẻ tư lự. "Tôi cũng có hỏi thế; nhưng chị bảo chị cũng không biết gì hơn".

Vì từ lâu tôi đã tránh không khuyến khích ông bằng cách đưa ra những hy vọng chỉ treo trên sợi tóc, nên nghe tin ấy, tôi chỉ có thể bàn với ông rằng tôi cho chẳng bao lâu nữa ông sẽ gặp Mácta. Về phần tôi, tôi giữ kín những suy nghĩ chị làm nảy sinh trong óc tôi và những suy nghĩ ấy cũng khá mơ hồ.

Khoảng hai tuần sau, vào một buổi chiều tôi thơ thẩn một mình trong vườn. Tôi còn nhớ rõ chiều hôm ấy. Đó là buổi chiều thứ hai trong cái tuần lễ chờ đợi như ông Micôbơ đã hẹn. Suốt ngày hôm ấy trời mưa và không khí ẩm ướt. Trên cây, lá um tùm và sũng nước; nhưng mưa đã ngớt và mặc dầu bầu trời còn tối, những con chim vui vẻ đang hót líu lo. Trong khi đi bách bộ ngoài vườn và hoàng hôn bắt đầu bao quanh tôi, những tiếng thỏ thẻ của chim bỗng im bặt và một cảnh im lặng đặc biệt bắt đầu, cảnh im lặng dành riêng cho những buổi chiều như thế này ở thôn quê, trong đó những cây mảnh dẻ nhất cũng im phăng phắc thỉnh thoảng chỉ còn những giọt mưa lách tách từ trên cành cây rơi xuống đất.

Cạnh nhà chúng tôi có một con đường nhỏ xanh rờn giữa những hàng rào đan mắt cáo và có dây leo. Nhờ con đường ấy tôi có thể đứng trong vườn nơi tôi đang đi dạo để nhìn con đường lớn chạy trước nhà. Tôi đang đưa mắt nhìn về phía đó bâng khuâng nghĩ đến nhiều việc. Bỗng tôi thấy một bóng người từ đầu kia lại mặc áo khoác giản dị. Người ấy đang vội vã cúi đầu đi về phía tôi và vẫy tay gọi tôi.

"Chị Mácta", tôi nói và đi về phía chị.

"Ông đi với tôi có được không?" Chị hỏi tôi giọng thì thào và cảm động. "Tôi đến nhà ông Pécgôti nhưng ông ta không ở nhà. Tôi đã viết trên một tờ giấy dặn ông phải đến đâu và tự tay tôi đã để trên bàn. Người ta bảo tôi rằng có lẽ ông sẽ về ngay, tôi đã có tin tức cho ông ấy rồi. Ông có thể đến ngay không?".

Cách trả lời của tôi là bước ngay ra khỏi cổng vườn. Chị giơ tay ra hiệu nhanh nhẹn như muốn bảo tôi hãy kiên nhẫn và im lặng quay về phía Luân-đôn; áo quần chị chứng tỏ chị vội vã đi chân từ đó đến.

Tôi hỏi chị có phải đến đó không. Chị gật đầu cũng với cái cử chỉ vội vàng như hồi nãy và tôi liền gọi một chiếc xe ngựa vắng khách đi qua đây, rồi chúng tôi lên xe. Khi tôi bảo chị xem anh xà ích phải đánh xe đến đâu, chị đáp: "Đi đến chỗ nào gần quảng trường Gôndơn cũng được nhanh lên". Rồi chị thu mình vào một góc, đặt một bàn tay run rẩy lên mặt, trong khi bàn tay kia vẫn lặp lại cử chỉ ấy như muốn nói chị không thể nghe một lời nói nào.

Lúc này tôi phân vân và hoang mang bởi những luồng ánh sáng trái ngược vừa hy vọng vừa lo sợ nên tôi nhìn chị chờ đợi một lời giải thích. Nhưng thấy chị rất muốn ngồi yên và hiểu rằng lúc này xu hướng tự nhiên của tôi cũng thế nên tôi không tìm cách phá vỡ sự im lặng. Chúng tôi tiếp tục đi, không nói một lời. Đôi khi chỉ liếc mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, như cho rằng xe chúng tôi đi quá chậm, tuy thực ra xe chúng tôi đi nhanh; nhưng ngoài điều đó ra, chị vẫn ngồi im lặng như trước.

Chúng tôi dừng xe ở một lối vào quảng trường như chị dặn, và tôi bảo người đánh xe đợi chúng tôi ở đây bởi vì tôi không biết có cần anh ta không. Chị giơ tay nắm lấy cánh tay tôi và vội vã kéo tôi đến một trong nhiều con đường tối tăm ở đấy. Các ngôi nhà ở đấy trước đây là những ngôi nhà xinh đẹp chỉ có một gia đình ở nhưng từ lâu đã sa sút và biến thành những chỗ ở tồi tàn cho thuê từng phòng một. Bước vào một cửa mở rộng của một ngôi nhà này, chị buông tay tôi, ra hiệu cho tôi đi theo lên một cầu thang chung trông như một con đường phụ dẫn ra đường phố.

Ngôi nhà nhan nhản những người. Khi chúng tôi bước lên, các cửa phòng mở ra, người ta thò đầu ra ngoài và trên cầu thang gác chúng tôi gặp những người khác đang bước xuống. Đứng ngoài ngước mắt nhìn lên trước khi bước vào, tôi đã thấy đàn bà và con trẻ thò đầu ra ngoài cửa sổ qua những chậu hoa. Cầu thang rộng bằng gỗ ghép và có những tay vịn to tướng làm bằng gỗ màu đen với cái hiên bụng rắn trên những cánh cửa chạm hình hoa và quả; và những chỗ ngồi rộng rãi ở cửa sổ. Nhưng tất cả những dấu hiệu này của một thời oanh liệt đã qua đều trở thành nhơ bẩn và tả tơi; tình trạng ẩm ướt,

thối rữa và già nua đã làm cho cái sàn yếu đi và nhiều nơi đã hư hỏng và thậm chí nguy hiểm. Tôi nhận thấy người ta cố gắng tiêm một giòng máu mới vào cái xác đang tàn lụi bằng cách lấy gỗ tạp vá lại nham nhở những chỗ chạm trổ đắt tiền ngày trước nhưng cảnh tượng này cũng giống như một người quý tộc già sa sút lấy cô gái nghèo bình dân, và trong cuộc hôn nhân không cân đối này người nào cũng lẩn tránh người kia. Nhiều cửa sổ cầu thang nhìn ra sân đã bị đóng hay bị bịt. Những cửa sổ còn lại hầu như không còn mặt kính; và qua khung cửa bệ rạc không khí độc cứ lùa vào không ngớt chứ không bao giờ ra ngoài. Những cửa sổ khác không có kính để lộ những ngôi nhà khác cũng ở trong tình trạng như thế và cái nhìn của tôi rọi sâu xuống một cái sân khốn khổ vẫn làm nơi chứa rác chung cho ngôi nhà.

Chúng tôi lên tận tầng cuối. Đã hai ba lần, dưới ánh sáng mập mờ tôi có cảm tưởng nhìn thấy váy của một người đàn bà đang đi lên trước mặt chúng tôi. Khi chúng tôi quay lại để đi đoạn cầu thang cuối cùng chia cách chúng tôi với mái nhà, chúng tôi thấy rõ ràng người lạ mặt kia dừng một lát trước cánh cửa. Rồi người ấy quay quả đấm cửa và bước vào.

"Ai nhỉ?" Mácta thì thầm. "Cô ta vào phòng tôi, tôi không biết cô ta là ai".

Nhưng tôi biết. Tôi hoảng hốt nhận ra đó là cô Đáctơn.

Tôi nói vài lời với người dẫn đường rằng đó là một người đàn bà tôi đã gặp; và vừa nói xong thì chúng tôi nghe tiếng nói của cô ta trong phòng nhưng ở chỗ chúng tôi đứng chúng tôi không biết cô ta nói gì. Mácta vẻ mặt ngạc nhiên, lặp lại cái cử chỉ hồi hãy và dẫn tôi rón rén đi lên đến đầu cầu thang đoạn đi qua một cửa nhỏ ở phía sau hình như không có ổ khóa và chị ta chỉ đẩy là mở ra. Chúng tôi đi vào một cái gác nhỏ trống không ở phía trên, có mái thấp và nghiêng nghiêng chỉ lớn hơn cái tủ đồ ăn một chút. Giữa phòng nhỏ này với phòng chị bảo là của chị có một cái cửa hé mở ăn thông vào. Chúng tôi dừng lại ở đây thở hổn hển vì cứ bước lên mãi, và chị khẽ giơ tay lên môi tôi. Từ cửa căn phòng này tôi chỉ có thể thấy rằng căn phòng kia khá rộng, trong phòng có một cái giường và ở trên tường có vài bức tranh tầm thường miêu tả những chiếc tàu. Tôi không thấy cô Đáctơn, cũng không thấy con người mà chúng tôi đã nghe cô ta hỏi. Người đứng bên cạnh tôi chắc hẳn cũng không thấy họ, bởi vì tôi đứng vào vị trí thuận tiện nhất.

Một sự im lặng nặng nề kéo dài trong vài phút, Mácta một tay để lên môi tôi và giơ tay kia lên có vẻ lắng nghe.

"Tôi không cần biết chị ấy có ở nhà không" Rôda Đactơn nói giọng khinh khỉnh. "Tôi hoàn toàn không biết chị ấy là ai. Tôi đến để gặp cô đây".

"Tôi à?" một giọng nói êm dịu đáp lại. Nghe giọng nói, người tôi run lên. Đó là giọng của Emili. Cô Đactơn đáp:

"Phải đấy! Tôi đến đây để nhìn cô. Thế nào? Cô không xấu hổ về cái mặt đã làm bao nhiêu việc xấu xa như thế sao?"

Thái độ tàn nhẫn và căm thù vô tận trong giọng nói, cái giọng nghiêm khắc lạnh lùng và nỗi giận dữ vẫn kìm hãm đã làm cho cô hiện ra trước mắt tôi cũng rõ ràng như tôi thấy cô đứng giữa ánh sáng. Tôi thấy đôi mắt đen sáng quắc và cái vóc người bị dục vọng tàn phá; tôi thấy vết sẹo với cái vệt trắng chạy ngang qua môi đang run giần giật khi cô nói. Cô Đactơn nói:

"Tôi đến đây xem sở thích đồng bóng của Jêm Xtiếcphoóc, người con gái đã trốn theo anh ta, con người làm thành đầu đề câu chuyện của những người bình thường nhất ở nơi quê hương cô ta, cô bạn táo bạo, ngỗ ngược và sành sỏi của loại hư hỏng nhất đời như Jêm Xtiếcphoóc. Tôi muốn biết cái của nợ như thế giống cái gì".

Có tiếng sột soạt. Hình như người con gái bất hạnh bị cô Đactơn trút tất cả những lời chế giễu đang lao về phía cửa và nhưng cô Đactơn vội vàng cản đường. Sau tiếng sột soạt ấy lại đến một phút im lặng. Cô Đactơn lại nói. Cô nói qua kẽ răng và giẫm chân xuống đất.

"Đứng đây! Không tao sẽ tố cáo mày với tất cả mọi người trong nhà và tất cả hang phố! Nếu mày tìm cách chạy trốn khỏi tay tao thì tao giữ mày lại, nếu không túm lấy tóc thì sẽ vác cả đá choảng mày."

Tiếng thì thầm sợ hãi là câu trả lời duy nhất vẳng tới tai tôi. Một phút im lặng tiếp theo. Tôi không biết nên làm gì. Trong khi rất muốn chấm dứt cuộc gặp gỡ này, tôi vẫn cảm thấy mình không có quyền xuất hiện. Chỉ có một mình ông Pécgôti là có quyền thấy nàng và tìm lại nàng, ông có đến không? Tôi suy nghĩ băn khoăn. Cô Rôda Đactơn cười khinh miệt:

"À ra thế! Bây giờ tao thấy nó rồi đấy. Ồ! hắn phải là một thằng khốn nạn mới có thể mê mẩn cái lối khiêm tốn giả hiệu ấy và cái đầu nghiêng nghiêng ấy!"

"Ôi! Vì tình yêu của Chúa xin bà tha cho tôi!" Emili kêu lên. "Dù bà ta là ai, bà cũng biết câu chuyện tội nghiệp của tôi; vì tình yêu của Chúa hãy tha cho tôi nếu bà cũng muốn rằng người ta cũng tha cho bà".

"Nếu *tao* muốn người ta tha cho tao à!" Người kia trả lời hùng hổ. "Thử hỏi giữa *tao với mày* có cái gì giống nhau nào?".

"Chỉ có một điều chúng ta đều là đàn bà," Emili nói và òa lên khóc.

"Đồ hèn hạ như mày mà dám mở mồm nói như vậy, nếu lòng tao không khinh bỉ và ghê tởm mày thì riêng những lời ấy cũng đủ làm cho tê lạnh. Cũng là đàn bà cả, hừ! Mày làm vinh dự cho đàn bà lắm!".

"Tôi xứng đáng phải nghe những lời như vậy!". Emili nói. "Nhưng nó kinh khủng quá! Thưa bà, xin bà nghĩ đến những điều tôi đã chịu đựng và cảnh ngộ thấp hèn tôi đã rơi xuống. Chị Mácta ơi về đây, ôi quê hương đâu rồi? Quê hương của tôi!"

Từ cánh cửa nhìn vào có thể thấy cô Đactơn ngồi trên ghế đang cúi xuống nhìn, hình như Emili đang nằm dưới đất trước mặt cô. Vì cô ở giữa ánh đèn và tôi nên tôi có thể thấy môi cô nhếch lên và đôi mắt tàn nhẫn nhìn vào một chỗ duy nhất với cái vẻ đắc thắng tàn nhẫn. Cô Đactơn nói:

"Mày hãy nghe tao nói đây!, và hãy dành những mánh khóe lừa dối của mày cho những đứa bị mày lừa dối. Mày tưởng có thể dùng nước mắt làm tao cảm động sao? Không ăn thua đâu, mà mày cũng không thể dùng nụ cười của mày làm tao mê mẩn, đồ đĩ!"

"Ôi chao! Hãy thương tôi một chút với!" Emili kêu lên, "Hãy thương hại tôi một chút nếu không tôi sẽ phát điên lên mà chết".

"Nếu thế thì sẽ không phải là một sự trừng phạt to lớn cho lắm đối với tội lỗi của mày" Rôda Đactơn nói. "Mày có biết mày đã làm gì không, mày có nghĩ đến cái gia đình mà mày đã phá hoại không?".

"Ôi! Có đêm nào, có ngày nào mà tôi không nghĩ đến điều đó đâu?" Emili kêu lên. Và đúng ngay lúc đó tôi thấy nàng. Nàng quỳ xuống, đầu ngửa về phía sau gương mặt tái nhợt ngước lên, hai tay chắp lại và giơ ra, tóc rũ rượi. "Không giây phút nào khi thức cũng như khi ngủ mà gia đình ấy không hiện ra trước mắt tôi, cũng rõ ràng như cái ngày xa xưa kia tôi đã vĩnh viễn rời bỏ nó! Trời ơi! Gia đình tôi, gia đình tôi! Người cậu thân yêu của tôi! Nếu cậu biết cháu bị dằn vặt thế nào vì nghĩ đến tình yêu của cậu, khi cháu rời khỏi con đường ngay thẳng; thì cậu đừng luôn luôn quan tâm đến cháu làm gì! ít

nhất cậu cũng giận cháu một lần trong đời để cháu bớt hối hận! Trên đời này, giá không ai yêu quý tôi, mà chỉ trách móc tôi thì tôi còn cảm thấy niềm an ủi.

Nàng gục đầu xuống trước con người hách dịch đang ngồi trên ghế và cố gắng tội nghiệp nắm lấy gấu áo của con người ấy.

Rôaa Đactơn cúi nhìn nàng trơ trơ như một bức tượng bằng đồng. Môi cô mím lại kiên quyết dường như cô biết rằng phải hết sức cố gắng làm chủ mình (tôi viết điều mà tôi tin thành thực) vì nếu không cô sẽ đi đến chỗ giẫm lên cái thân hình xinh đẹp.

Tôi thấy cô rất tốt. Tôi thấy muốn làm thế cô phải tập trung tất cả sức mạnh của nét mặt và của tính cách mình. Khi nào ông Pécgôti đến?

"Đồ giòi bọ vênh váo thảm hại!" cô Đactơn nói sau khi đã tự chủ được những tiếng đập mãnh liệt ở ngực để có thể nói "Gia đình mày à! Mày tưởng rằng tao thèm để ý đến nó, hay tưởng rằng mày có thể gây cho cái nơi thấp hèn ấy một điều thiệt hại mà tiền, bạc không bù đắp được, và không bù đắp được thừa thãi sao? Gia đình mày à! Mày chỉ là một món hàng của gia đình mày và người ta đem mày ra bán như mọi món hàng khác mà những người nhà mày vẫn bán.

"Ôi! Đừng nói thế!" Emili kêu lên. "Bà muốn nói gì về tôi cũng được nhưng đừng lấy điều nhục nhã và xấu hổ của tôi để bôi nhọ những người trung thực chẳng kém gì bà. Bởi vì bà là một người sang trọng, bà hãy nể họ một chút dù bà không thương xót gì tôi".

"Tao nói", cô ta nói, không hề chú ý đến lời kêu gọi này và kéo gấu áo lên để khỏi bị Emili sờ vào làm nhơ bẩn, "tao nói đến gia đình anh ta, nơi tao ở. Đây là", cô Đactơn cười khinh miệt đảo mắt nhìn và chỉ người con gái nằm ở dưới chân, "đây là nguyên nhân làm cho một bà mẹ cao quý và một người con trai con nhà gia thế phải xa cách nhau, gây nên nỗi buồn phiền trong một gia đình ở đây nó không đáng được nhận làm con ở; đây là nguyên nhân đã gây nên giận dữ, bất hòa, để nâng niu trong một giờ rồi vứt trở lại về nơi đã sinh ra nó".

"Không! không" - Emili kêu lên chắp hai tay lại "Khi lần đầu tiên anh ta xuất hiện trên đường đời của tôi (trời ơi! Ước gì trước kia ngày ấy không bao giờ xảy đến, ước gì tôi được chôn xuống mộ khi anh ta gặp tôi!), tôi vẫn được giáo dục và cũng có đầy đủ đức hạnh như bà, hay như bất cứ một bà sang trọng nào khác, và tôi sắp làm vợ một người cũng tốt như người mà bà và bất cứ bà sang trọng nào khác trên đời có thể lấy. Nếu bà ở nhà anh ta, và nếu bà biết anh ta, chắc hẳn bà biết sức quyến rũ của anh ta đối với một cô con gái yếu đuối và nhẹ dạ. Tôi không tự bào chữa đâu, nhưng tôi biết lắm và anh ta cũng thế, hay ít nhất anh ta cũng sẽ biết khi anh ta chết và đầu óc anh ta cảm thấy băn khoăn về việc đó… rằng anh ta đã dùng tất cả sức hấp dẫn của mình để lừa dối tôi; và tôi đã tin anh ta, đã nghe theo anh ta và đã yêu anh ta!"

Rôda Đactơn nhảy chồm dậy, bước lùi một bước, và trong khi bước lùi, cô ta giơ tay đấm vào người Emili với cái vẻ tàn ác đến nỗi bộ mặt sa sầm lại và méo xệch đi vì dục vọng làm tôi suýt phải nhảy bổ ra giữa hai người. Nhưng cái đòn ấy, đánh không đúng đích, rơi vào không khí. Bây giờ cô Đactơn đứng thẳng thở hổn hển, nhìn Emili với lòng căm thù mãnh liệt nhất mà cô có thể biểu hiện, người run lẩy bẩy từ đầu đến chân vì căm giận và khinh bỉ, và tôi chưa bao giờ thấy cũng như chưa bao giờ có thể thấy một cảnh tượng như vậy.

"*Mày* yêu anh ta à? *Cái thứ nhà mày* à?". Cô ta thét lên, hai nắm tay siết chặt lại như nắm lấy một thứ võ khí để đâm chết con người cô căm ghét.

Emili đã biến khỏi tầm mắt tôi. Không có tiếng trả lời.

"Mày lại mở cái miệng nhơ bẩn của mày ra nói điều đó với tao à?" cô ta nói thầm. "Tại sao người ta không nọc ra đánh những quân như mày? Tao mà ra lệnh thì tao sẽ sai đánh chết con này".

Và cô ta có thể làm thế, tôi tin như vậy.

Thậm chí nhìn vẻ mặt hung dữ kia tôi không dám trao cho cô một dụng cụ tra tấn.

Sau đó, cô cười gằn chậm rãi, rất chậm rãi và giơ tay chỉ Emili dường như đó là một cảnh tượng xấu hổ nhục nhã đối với thần linh và loài người. Cô Đactơn nói:

"Đồ ấy mà yêu à! Đồ thịt thối kia! Thế mà nó muốn bảo mình rằng anh ta đã săn sóc đến nó, Ha! ha! ha! Bọn buôn bán này nói dối không biết thẹn".

Lời chế nhạo của cô còn tệ hơn cơn giận bùng nổ. Trong hai cái, tôi sẵn sàng chịu đựng cái thứ hai. Nhưng nếu cô để nó bộc lộ một cách tự do thì chỉ là trong một chốc mà thôi. Cô lại xích nó lại và dù đau xót đến đâu cũng làm chủ được cơn giận. Cô Đactơn nói:

"Ôi chao! Nguồn yêu đương trong trắng! Tao đến đây (như tao đã nói với mày từ đầu) để xem những của nợ như mày giống cái gì. Tao tò mò. Tao đã thỏa mãn. Và cũng nói để cho mày biết rằng mày khôn hồn thì mau mau xéo ngay về cái gia đình nổi tiếng của mày mà giấu mặt giữa những con người quý hóa kia đang chờ đợi mày, cái bọn mà tiền của mày có thể an ủi. Khi đã hết tất cả rồi mày lại có thể bắt đầu tin tưởng, mong mỏi và yêu lần nữa chứ gì? Mày biết không! Tao xem mày như một trò chơi đã hỏng, đã quá cái thời của nó, như một vật trang sức không có giá trị gì đã lem luốc và đã bị người ta vứt bỏ. Nhưng nhận thấy rằng mày là vàng ròng, rằng mày quả là một bà cao quý thực sự, một người ngây thơ với con tim đầy tin tưởng ở tình yêu đang bị đối xử tàn tệ (mày có vẻ như vậy và câu chuyện của mày làm người ta nghĩ như vậy) tao còn một điều phải nói nữa. Mày liệu hồn đấy bởi vì tao sẽ làm điều tao sắp nói với mày. Mày nghe không, đồ yêu tinh! Tao có ý định sẽ thực hiện điều tao sắp nói với mày".

Cơn giận làm chủ cô trong một lúc nhưng nó chỉ lướt qua và cô lại cười mỉm. Cô nói tiếp:

"Mày phải giấu mình đi, nếu không ở nhà mình thì ở nơi nào khác. Mày phải ở ngoài tầm tay của tao; trong một cuộc sống tối tăm hay tốt hơn nữa trong một cái chết tối tăm. Nếu con tim dịu dàng của mày không tan vỡ đi thì thử hỏi sao mày không tìm cách làm nó đừng đập đi? Tao nghe nói rằng có cách làm như thế. Tao cho rằng những cách ấy dễ tìm lắm".

Một tiếng rền rĩ nghẹn ngào của Emili ngắt lời cô ta. Cô ta im bặt, lắng nghe như đó là một điệu nhạc. Cô Đactơn nối tiếp.

"Có lẽ tính tình tao kỳ quặc thật đấy, nhưng tao không thể nào thở tự do trong bầu không khí mà mày thở. Nó làm tao nôn mửa. Vì vậy tao muốn nó phải trong sạch… và thoát khỏi sự có mặt của mày. Nếu mày còn ở đây đến mai, thì tao sẽ công bố chuyện của mày và điều xấu hổ nhục nhã của mày ở cầu thang chung. Người ta bảo tao rằng ở đây có những người đàn bà lương thiện, và rất tiếc rằng một ánh sáng như ánh sáng của mày lại ở giữa họ và họ không biết. Nếu như, sau khi rời khỏi nơi này, mày lại tìm thấy một chỗ khác ở thành phố này trong khi đóng một vai trò khác vai trò thực của mày (mày tha hồ đóng vai trò này, tao không can thiệp) thì tao sẽ vẫn làm như vậy nếu như tao còn nghe nói đến chỗ ẩn nấp của mày. Được sự giúp đỡ của cái ông khi trước hy vọng được hân hạnh lấy mày tao rất yên tâm về khoản này".

Ông Pécgôti có đến không? Tôi còn phải chịu đựng cảnh này bao lâu nữa? Tôi còn có thể chịu đựng nó bao lâu nữa?

"Ôi! Trời ơi!" Nàng Emili bất hạnh kêu lên, với cái giọng theo ý tôi có thể làm xúc động một con

tim bằng đá; nhưng nụ cười của Rôda Đactơn vẫn không biểu lộ mảy may cảm động. "Tôi sẽ làm gì bây giờ?".

"Làm gì à? "người kia trả lời "Hãy sống sung sướng với những ý nghĩ của mày. Hãy dành tất cả đời mình để nhớ lại sự săn sóc âu yếm của Xtiếcphoóc (anh ta muốn gả mày cho thằng đầy tớ của anh ta, có phải không?). Hoặc mày hãy nhớ ơn con người trung thực và đức hạnh có thể nhận mày từ tay ông chủ của hắn như một món quà. Hay nếu như những kỷ niệm kiêu hãnh kia và ý thức về đức hạnh của mày cũng như về cái địa vị đáng kính mà người ta đã nâng mày lên trước mặt tất cả những cái gì mang hình dáng người vẫn không an ủi được mày thì mày hãy lấy con người trung thực kia và hưởng hạnh phúc được hắn ta chiếu cố. Nếu ngay cả điều này cũng không làm mày vừa lòng thì hãy chết quách đi! Có những cái cửa và những đống rác dành cho những cái chết và những sự thất vọng như thế. Hãy kiếm cách mà bay lên trời!"

Tôi nghe có bước chân xa xa ở cầu thang. Tôi nhận ra rồi. Tôi biết chắc rồi.

Trời ơi may quá, chính ông ta đây rồi!

Rôda Đactơn chậm rãi rời khỏi cánh cửa sau khi nói những lời này và biến mất khỏi tầm mắt tôi.

"Nhưng hãy liệu hồn" cô ta nói thêm, giọng chậm rãi và nghiêm khắc, khi mở cửa kia để đi ra. "Tao kiên quyết vì những lý do nhất định của tao và vì mối thù ở trong tao, tao sẵn sàng tống mày ra ngoài trừ phi mày chạy xa ra ngoài tầm tay của tao hay đã vứt bỏ cái mặt nạ xinh xắn của mình. Đó là điều tao phải nói cho mày biết; và tao nhất định sẽ làm điều tao nói".

Bước chân bước lên cầu thang ngày càng gần… Ông đi qua bên cạnh cô ta trong khi cô ta xuống cầu thang và xông vào phòng.

"Cậu ơi!"

Một tiếng kêu sợ hãi tiếp theo những lời ấy. Tôi đợi một lát và liếc mắt nhìn vào phòng, tôi thấy tay ông đang ôm cái thân hình mê man bất tỉnh, ông ngắm gương mặt nàng một vài giây, đoạn cúi xuống hôn nàng (ôi! âu yếm biết bao) và lấy một khăn tay che mặt nàng.

"Cậu Đêvi ạ" ông nói với tôi, giọng trầm và run run, khi gương mặt nàng đã bị che khuất", "tôi cảm ơn Người Cha của tôi ở trên trời về chỗ giấc mơ của tôi đã được thực hiện; tôi cảm ơn Người từ đáy lòng đã dắt dẫn tôi theo cách của người đến con người tôi yêu quý".

Nói đoạn, ông bế nàng lên tay và trong khi mặt nàng bị che khuất vẫn ở sát ngực ông và quay về phía ông, ông mang nàng xuống chân cầu thang, im lìm và bất tỉnh.

Chương LI
MỘT CUỘC DU LỊCH DÀI HƠN BẮT ĐẦU

Sáng hôm sau, lúc còn sáng sớm tôi đang đi dạo ngoài vườn với cô tôi (lúc này cô tôi ít làm việc khác vì lo săn sóc nàng Đôra yêu quý của tôi), bỗng có người bảo tôi rằng ông Pécgôti muốn nói chuyện với tôi. Ông bước vào vườn để gặp tôi còn đang trên đường đi ra cổng vườn và cất mũ như ông vẫn làm khi thấy cô tôi, người mà ông rất kính trọng. Tôi vừa kể cho cô tôi nghe tất cả những điều đã xảy ra hôm qua. Không nói một lời, cô tôi đến gần bắt tay ông và vỗ nhẹ lên cánh tay. Cô làm một cách rất gợi cảm và có ý nghĩa đến nỗi cô không cần nói một lời, ông Pécgôti đã hiểu cô như cô đã nói đến ngàn lời. Cô tôi nói: "Cô phải vào nhà, Trốt ạ, để săn sóc Bông-hoa-nhỏ vì Bông-hoa-nhỏ sắp dậy".

"Chắc không phải vì sự có mặt của tôi chứ? Thưa cô, tôi hy vọng như vậy", ông Pécgôti nói. "Nếu như đầu óc của tôi sáng nay không rối noạn (ông muốn nói rối loạn) thì chính vì tôi mà cô sắp rút nui".

"Ông bạn ạ, ông có việc phải nói", cô tôi đáp "và nếu không có tôi thì tiện hơn".

"Thưa bà, nếu như bà vui nòng", ông Pécgôti đáp, "tôi sẽ rất sung sướng thấy bà ở nại đây miễn nà nời nói nhảm nhí của tôi không nàm bà bực mình".

"Thế à?" cô tôi nói ngắn gọn, giọng vui vẻ, "thế thì tôi sẽ ở lại".

Cô tôi khoác tay ông Pécgôti và đưa đến một cái phòng nhỏ có cây che ở cuối vườn, rồi cô ngồi trên một cái ghế, và tôi ngồi bên cạnh, ở đây, có chỗ cho ông Pécgôti ngồi nhưng ông ta thích đứng hơn, một tay chống lên chiếc bàn nhỏ mộc mạc. Trong khi ông đứng nhìn mũ của mình một lát trước khi nói, tôi không thể không nhận thấy sức mạnh và nghị lực biểu lộ ở bàn tay lực lưỡng và đó là một người bạn tốt và trung thành của cái trán trung thực và mái đầu hoa râm của ông. Ông Pécgôti bắt đầu nói, ngước mắt nhìn chúng tôi:

"Tối qua, tôi đã đem đứa con yêu quý về chỗ ở của tôi, nà nơi tôi đã chờ đợi nó từ bao nâu và đã chuẩn bị tất cả cho nó. Phải mất mấy giờ đồng hồ nó mới thực sự nhận ra tôi; và núc đó nó quỳ xuống chân tôi và kể cho tôi nghe tất cả sự việc xảy ra giống như nó đọc kinh.

"Anh và bà có thể tin rằng khi tôi nghe cái giọng nói của nó ngày xưa vẫn vang nên vui vẻ ở nhà, và khi tôi thấy nó bị nhục nhã như nó đã bò trong đám bụi bặm mà Đức Chúa chúng ta đã viết với bàn tay thiêng liêng của người…[1]; tôi cảm thấy trong nòng như bị dao đâm mặc dầu tôi rất biết ơn Người".

Ông giơ ống tay áo lên che mặt, chẳng cần nghĩ rằng có người để ý đến cử chỉ ấy, rồi dặng hắng:

"Những điều đó kéo dài không nâu, vì tôi đã thấy nại cháu. Tôi chỉ cần nghĩ rằng cháu nó sẽ về và điều đó sẽ qua đi. Thực thế, tôi không biết tại sao bây giờ tôi nại nhắc đến điều đó, cách đây một phút tôi không hề có ý định muốn nói một nời về bản thân tôi; điều đó đã xảy ra một cách tự nhiên đến nỗi tôi buột miệng nói ra trước khi nhận thấy mình nói".

"Ông là người giàu lòng hy sinh", cô tôi nói, "và một ngày kia, ông sẽ được đền đáp".

Ông Pécgôti dưới bóng những cành lá đang đu đưa trên gương mặt khẽ nghiêng đầu về phía cô tôi để cảm ơn lời khen ngợi, đoạn nói tiếp câu chuyện đang bỏ dở.

"Khi cháu Emini", ông nói với cái giọng căm giận dữ dội trong giây lát, "bỏ trốn khỏi cái nhà mà nó bị giam giữ bởi con rắn nốm đốm kia mà cậu Đêvít đã thấy (quả thực cháu nó nói như thế và cầu

Chúa giết chết thằng ấy đi!), nó trốn trong đêm tối. Đêm ấy tối đen như mực và có nhiều ngôi sao nấp nánh. Nó như điên cuồng. Nó chạy men theo bờ biển vì tin rằng chiếc tàu cũ kỹ của chúng tôi ở đấy và bảo chúng tôi quay mặt vào đừng nhìn bởi vì có nó đang chạy qua. Nó nghe tiếng nói của mình như nghe một người khác nói. Sỏi đá nhọn hoắt làm nó bị thương nhưng nó không cảm thấy gì hết chẳng khác gì nó nà đá rồi. Nó cố sức chạy ra xa và trước mắt nó có những ngọn nửa trong tai nó có tiếng gào thét (ít nhất nà nó tưởng như vậy, cậu và bà hiểu chứ). Trời sáng ra; trời mưa và gió. Nó nằm dưới chân một đống sỏi trên bờ biển và một người đàn bà nói với nó và hỏi tới cái tiếng của xứ ấy xem nó gặp phải tai nạn gì".

Ông nhìn thấy tất cả những điều ông đang kể. Trong khi nói, các cảnh tượng diễn ra trước mắt ông rõ rệt đến nỗi trong đà hăng hái say sưa ông đã hình dung những điều ông miêu tả rõ ràng hơn những điều tôi có thể viết. Lúc này viết lại, sau một thời gian dài, tôi hầu như khó lòng tin rằng mình không nhìn tận mắt những cảnh tượng ấy vì nó khắc sâu vào trí não tôi rõ rệt lạ thường, ông Pécgôti nói tiếp:

"Khi cặp mắt Emini, núc này đã mệt mỏi… thấy rõ người đàn bà ấy hơn, cháu nó nhận ra nà người thường nói chuyện với cháu trên bờ biển. Bởi vì mặc dầu (như tôi nói) đêm ấy cháu đã chạy nhiều đường đất nhưng vì khi trước cháu vẫn thường đi chơi rất xa, phần thì đi bộ, phần thì đi xe hay đi tàu cách đây hàng dặm. Người đàn bà ấy chưa có con vì mới nấy chồng nhưng đang chờ đợi có con. Và cầu xin trời chấp nhận nời cầu nguyện của tôi khiến cho đứa con ấy sẽ nà niềm hạnh phúc, nguồn an ủi và vinh dự của tất cả cuộc đời của chị! Mong rằng nó sẽ yêu kính chị trong lúc già, sẽ giúp đỡ chị trong giờ phút cuối cùng, sẽ nà một vị thiên thần của chị trên đời này và một vị thiên thần ở thế giới bên kia".

"Cầu sao được vậy" cô tôi nói.

"Chị ấy núc đầu hơi rút rát và bẽn nẽn" ông Pécgôti nói, "khi Emini nói chuyện với những đứa trẻ và chị đứng cách xa một khoảng no quay sợi hay nàm công việc của chị. Nhưng Emini đã nhận ra chị và đến nói với chị và vì người đàn bà trẻ tuổi này rất yêu trẻ nên hai người chẳng mấy núc đã nàm quen với nhau, thân đến nỗi khi Emini đi chơi về phía ấy bao giờ chị cũng đưa hoa cho cháu. Chính chị ấy hôm ấy hỏi cháu xem nó bị tai nạn gì. Emini nói cho chị biết và chị đã… đưa cháu về nhà. Thực đấy, chị đã đưa cháu về nhà", ông Pécgôti nói, lấy tay che mặt.

Ông cảm động trước hành động nhân từ ấy hơn bởi bất kỳ điều nào khác kể từ buổi tối khi Emili bỏ đi. Cô tôi và tôi không nói xen vào. Lát sau ông nói tiếp:

"Đó nà một ngôi nhà nhỏ bé, như anh và bà có thể đoán được, nhưng chị thu xếp đủ chỗ cho Emini (chồng chị ở ngoài khơi), giữ kín cháu nó ở đấy, và yêu cầu những người náng giềng (quanh đấy không có nhiều) cũng giữ kín và họ đã nàm như vậy. Emini nên cơn sốt kịch niệt. Và một điều tôi thấy rất nạ (có nẽ nó không nạ nắm đối với những người thông thái), tiếng nói của xứ sở ấy bay đi đâu mất khỏi đầu óc và cháu chỉ còn biết nói tiếng mẹ đẻ nhưng không ai hiểu. Nó hồi tưởng nại dường như nó đã nằm mơ, rằng nó đã nằm ở đấy và bao giờ cũng nói tiếng của mình, bao giờ cũng tin rằng chiếc tàu cũ kỹ còn ở cái mũi gần nhất của vịnh, van nơn cầu khẩn người ta cử một người đến để nói rằng nó đang hấp hối và để đem về cho nó một nời tha nỗi, dù chỉ một nời thôi. Suốt thời gian ấy khi thì nó nghĩ rằng cái thằng mà tôi vừa nói đang nấp dưới cửa sổ rình rập nó khi thì con người đã đưa nó đến tình trạng này đang ở trong phòng và nó kêu người đàn bà trẻ tuổi này quý hóa đừng giao nó cho người ấy, nhưng đồng thời nó vẫn biết rằng chị ấy không thể hiểu nó và nó sợ bị bắt đem đi. Trước mắt nó cũng thấy có những ngọn nửa; trong tai có tiếng kêu vù vù và không có hôm nay, ngày mai, hôm qua gì hết mà tất cả những điều gì đã xảy ra trong đời nó, tất cả những gì xảy ra, tất cả những gì không bao giờ xảy ra, đến cùng một núc dồn vào óc nẫn nộn thành một mớ bòng bong không có chút gì rõ ràng và dễ

chịu; tuy vậy cái đó nàm cho nó cười và hát. Điều đó kéo dài bao nâu, tôi không biết; nhưng sau đó nó ngủ thiếp đi và trong khi ngủ, từ chỗ vóc người nhỏ bé mà khỏe như vâm, nó đã trở nên yếu đuối hơn đứa trẻ nhỏ nhất".

Đến đây, ông dừng lại như muốn nghỉ một lát để thoát khỏi những cảnh khủng khiếp mà ông vừa tả. Ông yên lặng vài phút rồi tiếp tục câu chuyện:

"Khi nó tỉnh dậy, đó nà một buổi chiều đẹp và nặng đến nỗi chỉ nghe tiếng rì rào của biển biếc mà không có thủy triều đập vào bờ. Núc đầu nó tưởng nó ở nhà vào một sáng chủ nhật, nhưng những ná nho mà nó thấy ở cửa sổ, những ngọn đồi ở xa xa không phải nà những vật ở nhà đã nàm cho nó biết rằng nó nằm. Rồi người bạn của nó đã vào săn sóc ở đầu giường! Và núc bấy giờ nó mới hiểu rằng chiếc tàu cũ kỹ không còn ở cái mũi gần nhất của vịnh mà ở chốn xa xôi: nó đã hiểu nó ở đâu và tại sao nại như vậy. Rồi nó òa nên khóc, gục đầu vào nòng người đàn bà trẻ tuổi quý hóa kia ở nơi mà hiện nay đứa con của chị ta đang nằm, tôi hy vọng như vậy, để làm chị ta vui sướng với đôi mắt xinh xinh của nó".

Ông không thể nói đến người bạn thân này của Emili mà nước mắt không ràn rụa. Ông cố gắng tự chủ nhưng không được. Ông lại khóc òa lên trong khi cầu Chúa. Ông nói tiếp sau khi đã biểu lộ một nỗi xúc động mà tôi không thể không thông cảm (về phần cô tôi thì cô tôi khóc rưng rức).

"Điều đó nà tốt cho cháu Emini, điều có nợi cho Emini và dần dần nó khỏe nại. Nhưng nó hoàn toàn quên hẳn tiếng nói của xứ sở ấy và bắt buộc phải dùng dấu hiệu. Thế rồi càng ngày nó càng đỡ hơn một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, và nó học nói tên những đồ vật thông thường nhất (những tên mà nó tưởng nà trong đời chưa bao giờ nghe) cho tới một chiều khi ngồi bên cửa sổ nhìn một em gái nhỏ đang chơi trên bờ biển. Bỗng đột nhiên đứa bé giơ tay nói với nó một câu mà tiếng ở ta có nghĩa là "Cô con gái người đánh cá ơi, đây nà một cái vỏ sò!". Bởi vì anh và bà phải biết rằng núc đầu người ta gọi nó là "bà công nương xinh đẹp" theo tập quán chung xứ ấy và nó đã bầy cho người ta gọi nà "cô con gái người đánh cá" để thay thế vào đấy. Đột nhiên đứa bé nói với nó "cô con gái người đánh cá ơi đây nà một vỏ sò". Thế nà Emini hiểu nó, trả nời và òa nên khóc và tất cả trí nhớ trở nại!".

"Khi Emini mạnh khỏe nại" ông Pécgôti nói sau khi dừng lại một lát ngắn ngủi "nó nghĩ đến việc từ biệt người đàn bà trẻ tuổi quý hóa này để về nước. Người chồng núc này đã trở về và cả hai người đã đưa nó đến một chiếc tầu buôn nhỏ đi Necboocnơ[2] rồi từ đấy sang Pháp. Nó có một ít tiền, hết sức ít không đủ để giả công tất cả những việc họ đã nàm. Họ rất nghèo nhưng tôi vui nòng vì họ đã nàm như vậy. Điều họ nàm sẽ để vào nơi sâu bọ và gỉ sắt không bao giờ phá hủy và kẻ cắp sẽ không bao giờ trộm được[3]. Cậu Đêvít ạ, điều đó có giá trị hơn tất cả mọi kho tàng trên đời".

"Emini sang Pháp và nàm việc ở một quán hàng ở cửa biển để phục vụ các bà đi du nịch. Một hôm, con rắn ấy đến đây… nó đừng bao giờ đến gần tôi vì không biết gặp nó tôi sẽ nàm gì! Khi nó thấy hắn nhưng hắn không thấy nó, sự hốt hoảng và kinh khủng nại nôi cuốn nó và nó bỏ trốn đến cả cái không khí mà hắn thở. Nó đến Anh và được người ta cho xuống Đôvơ".

"Tôi không chắc" ông Pécgôti nói "núc nào thì nó bắt đầu mất hết can đảm, nhưng trên suốt đoạn đường đến Nuân-đôn nó vẫn có ý định trở về ngôi nhà thân yêu. Nó vừa về đến Anh nà nó đi về phía ấy. Nhưng vì sợ không được tha thứ, sợ bị chỉ trỏ, sợ một vài người trong chúng ta đã vì nó mà chết, sợ nhiều điều khác nữa, nên nó không dám về nhà, và như người ta nói, nó nại đi nơi khác. "Cậu ơi, cậu ơi, cháu nó nói với tôi, cháu sợ không xứng để nàm cái điều mà con tim tan nát và đẫm máu của cháu thiết tha mong muốn nàm, đó là điều cháu sợ khủng khiếp nhất. Cho nên cháu quay nại trong khi nòng cháu chỉ muốn được phép bò đến cái cánh cửa thân yêu trong đêm tối, hôm nó đặt cái đầu xấu xa

nên ngưỡng cửa và đến sáng sớm người ta thấy cháu chết ở đấy!"

"Nó đã đến" ông Pécgôti nói, hạ thấp giọng cho đến khi tiếng nói chỉ là tiếng thì thầm sợ hãi,"… Nuân-đôn. Nó nà người trong đời chưa bao giờ thấy thành phố… một mình… không một đồng pen-ni dính túi, trẻ và đẹp như vậy… nó đã đến Nuân-đôn. Ngay núc đặt chân đến Nuân-đôn, trong tình trạng tuyệt vọng cùng cực, nó đã thấy ở đấy một người… mà nó tưởng nà một người bạn… một người đàn bà đứng đắn nói với nó về chuyện may vá mà nó vẫn quen nàm, và bảo rằng sẽ tìm cho nó công việc và chỗ ở để ngủ ban đêm rồi ngày hôm sau sẽ đi hỏi tin tức tôi và gia đình một cách kín đáo. Khi đứa con của tôi", ông nói với giọng mạnh mẽ và đầy sự biết ơn làm toàn thân ông run lẩy bẩy, "chỉ còn cách vực thẳm mà tôi không dám nghĩ đến hay nói đến, không đầy một sợi tóc, Mácta trung thành với lời hứa của chị và đã đến cứu nó".

Tôi không thể không thốt lên một tiếng kêu vui sướng.

"Cậu Đêvi ạ!" ông nói, xiết chặt tay tôi trong bàn tay lực lưỡng của ông, "chính cậu nà người đầu tiên nhắc tôi nhớ đến chị ta. Tôi cảm ơn cậu. Chị ta rất trung thực. Do kinh nghiệm đau khổ của mình chị biết cần nhìn ở đâu và cần phải nàm gì. Và chị đã nàm và Chúa đã đưa chị đến. Chị đã đến, mặt tái mét và no sợ khi Emini đang ngủ. Chị bảo nó: "Dậy ngay đi! Hãy trốn một điều nguy hiểm còn đáng sợ hơn cái chết và đi theo tôi!. Những người trong nhà muốn giữ chị ta nại nhưng nàm sao họ có thể giữ được biển cả! Chị bảo "Rút nui ngay. Tôi nà một con ma và tôi đến kéo chị ta ra khỏi nấm mồ của chị ta đang mở rộng!" Chị bảo với Emini rằng chị đã thấy tôi và biết rằng tôi yêu cháu và tha thứ cho cháu. Chị vội vã mặc quần áo cho nó rồi khoác tay kéo đi trong khi nó còn yếu đuối và run nẩy bẩy. Chị không thèm để ý đến tất cả những điều người khác nói, như chị không có tai vậy. Chị đã đi giữa bọn họ với đứa con tôi. Chị săn sóc đến nó, và nàm cho nó được an toàn thoát khỏi hang hùm nọc rắn, ngay giữa núc đêm khuya."

"Chị đã săn sóc đến cháu Emini", ông Pécgôti nói, buông tay tôi và đặt bàn tay của mình lên con tim đang đập thình thịch "chị đã săn sóc đến Emini trong núc nó nàm, kiệt sức và chốc chốc nại mê sảng cho đến ngày hôm sau khi đã gần trưa. Rồi chị đi tìm tôi, rồi đi tìm cậu, cậu Đêvi ạ! chị không cho Emini biết chị đi đâu vì sợ Emini sợ hãi và sẽ nghĩ cách nẩn trốn. Tôi không thể nào nói cho cậu biết nàm thế nào mà cái bà tàn nhẫn kia nại biết rằng nó ở đấy. Phải chăng con người mà tôi hay nói đến ngẫu nhiên đã thấy họ đi vào ngôi nhà? Hay nà (theo ý tôi điều này có ný hơn) con mụ kia đã cho chị ta biết? Tôi không cần để ý cho nắm. Tôi đã tìm được cháu".

"Suốt cả đêm", ông Pécgôti nói, "Emini và tôi ở cạnh nhau. Những điều cháu nó nói với tôi, trong khi khóc ràn rụa vì đau khổ thì rất ít (vì thời gian không bao nhiêu) và tôi còn có ít dịp hơn để nhìn gương mặt nó từ nay sẽ trở thành một người đàn bà ở gia đình tôi. Nhưng suốt đêm hai tay nó cứ bá nấy cổ tôi và đầu nó cứ áp vào đấy. Và chúng tôi biết chắc rằng từ đây chúng tôi sẽ mãi mãi tin cậy nhau."

Ông im bặt và bàn tay chống vào bàn vẫn im phăng phắc biểu lộ một thái độ kiên quyết có thể đánh ngã sư tử.

"Cô đã có được một luồng ánh sáng vui sướng chiếu xuống đời, Trốt ạ!" cô tôi lau nước mắt nói với tôi. "Khi cô quyết định làm người mẹ đỡ đầu của chị Bétxi Trốtut của cháu, nhưng chị cháu đã làm cô thất vọng. Nhưng ngoài việc đó không có việc gì làm cô sung sướng bằng được làm người mẹ đỡ đầu của đứa con người đàn bà trẻ tuổi tốt bụng kia."

Ông Pécgôti cúi đầu biểu lộ thái độ thông cảm với những cảm nghĩ của cô tôi, nhưng không dám nói một lời về đối tượng mà cô tôi ca ngợi. Chúng tôi im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ của

mình (cô tôi lau mắt, khi thì khóc rưng rức, khi thì cười và bảo mình là điên). Cuối cùng tôi nói với ông Pécgôti.

"Ông bạn, chắc hẳn tôi không cần hỏi, ông đã có những dự định về tương lai rồi chứ?"

"Có đủ hết, cậu Đêvi ạ", ông đáp, "và tôi đã nói điều đó với Emini. Ở cách xa chúng ta có vô khối nước. Cuộc đời sau này của chúng tôi ở bên kia đại dương".

"Họ sẽ xuất dương cô ạ", tôi nói.

"Đúng thế!" ông Pécgôti nói, cười đầy hy vọng. "Không ai có thể trách móc đứa con yêu quý của tôi ở Úc. Chúng tôi sẽ bắt đầu một cuộc đời mới."

Tôi hỏi xem ông đã định đến lúc nào sẽ ra đi chưa.

"Sáng nay từ sáng sớm tôi đã đến cảng, cậu ạ, ông đáp, để xem tin tức về những chiếc tàu. Trong sáu tuần hay hai tháng nữa sẽ có một chuyến tàu nên đường (tôi đã thấy chiếc tàu ấy, sáng nay tôi đã bước nên tàu) và chúng tôi sẽ đi chiếc tàu ấy".

"Đi một mình à?" tôi hỏi.

"Chứ gì nữa, cậu Đêvi" ông đáp lại. "Cô em tôi như cậu biết đấy, gắn bó với cậu và gia đình cậu nắm và vẫn quen nghĩ đến xứ sở của mình, cho nên nếu để cô đi thì thực nà không phải, vả lại, còn một người mà cô ấy phải săn sóc, và chúng ta không nên quên".

"Tội nghiệp Ham!" tôi nói.

"Em tôi coi sóc nhà cửa của cháu Ham, cô ạ, Ham rất yêu quý cô nó" ông Pécgôti giải thích cho cô tôi hiểu rõ hơn "cháu nó quen nói chuyện với cô nó một cách thoải mái trong khi đối với mọi người khác có nẽ cậu ta sẽ câm như hến. Thằng bé tội nghiệp". Ông Pécgôti lắc đầu, "nó chẳng còn nại gì để có thể bỏ mất, thực nà tội nghiệp".

"Thế còn bà Gơmmít?" tôi hỏi.

"À! Tôi đã nghĩ noay hoay mãi về bà ấy đấy, tôi thú thực với cậu" ông Pécgôti trả lời với cái vẻ lúng túng đang bớt dần, trong khi ông nói "Như cậu biết đấy, khi bà Gơmmít bắt đầu sụt sịt (ở miền tôi người ta nói sụt sịt nà khóc) thì đối với những người không quen biết ông già, phải nói bà hơi cau có đấy. Về phần tôi, ông Pécgôti nói "tôi đã biết ông già, tôi biết tính tình ông già, cho nên tôi hiểu bà ta nắm, nhưng đối với người khác… thì dĩ nhiên vấn đề không phải như vậy."

Cô tôi và tôi đều gật đầu tán thành.

"Vì vậy cho nên", ông Pécgôti nói, "em tôi có thể thấy (tôi không nói rằng cho em tôi thấy nhưng nó có thể thấy) rằng bà Gơmmít đôi khi cũng nàm nó bực mình. Vì vậy cho nên tôi không có ý định để cho bà một "chỗ nghỉ chân" ở đấy bà ta có thể mần ăn một mình (theo tiếng địa phương của bà ta thì "chỗ nghỉ chân" nghĩa nà một cái nhà và "mần ăn" nghĩa nà sinh sống).

Vì vậy cho nên", ông Pécgôti nói, "tôi sẽ dành cho bà ta một số tiền trợ cấp nhỏ trước khi ra đi để cho bà ấy được thoải mái một chút. Đó nà người đàn bà trung thành nhất, nhưng người ta không thể yêu cầu với cái tuổi ấy, góa bụa và cô độc trên đời, bà cụ chúng ta sẽ ra đi nắc nư trên một chiếc tàu hay vào những khu rừng và những sa mạc của một nước mới nạ và xa xôi. Cho nên tôi định đối xử với *bà* như thế đấy."

Ông không quên ai hết. Ông nghĩ đến nhu cầu và hạnh phúc của mọi người, trừ nhu cầu và hạnh phúc của mình.

“Còn Emini sẽ ở với tôi (con bé tội nghiệp! nó cần phải nghỉ ngơi và yên tĩnh!) cho đến khi chúng tôi nên tàu. Nó sẽ mang những quần áo cần thiết; và tôi hy vọng rằng những bất hạnh của nó sẽ bắt đầu có vẻ xa xôi hơn khi nó nại thấy mình được người cậu tuy thô nỗ đấy nhưng yêu quý săn sóc đến nó”.

Cô tôi gật đầu khẳng định điều hy vọng ấy khiến ông Pécgôti rất đắc chí.

“Còn có một điều nữa, cậu Đêvi ạ” - ông vừa nói vừa thọc tay vào túi áo trong lấy ra một cách trang trọng một cuộn giấy mà tôi đã thấy và vuốt thẳng thắn lại ở trên bàn.

“Nại còn những tờ giấy này… 50 bảng và 10 si-linh. Tôi muốn thêm vào đấy số tiền mà nó mang theo khi bỏ trốn. Tôi đi hỏi nó về số tiền ấy (nhưng không nói với nó vì sao tôi hỏi) và tôi đã cộng nại. Tôi không thông thái cho nắm; cậu chịu khó xem nại xem có đáng không?”, ông đưa cho tôi một mảnh giấy ra vẻ xin lỗi vì mình ngu dốt và nhìn tôi trong khi tôi tính lại. Bài tính hết sức đúng.

“Cảm ơn cậu”, ông nói và cắm lại tờ giấy. “Nếu như cậu không phản đối, cậu Đêvi ạ, tôi sẽ bỏ số tiền này vào một chiếc phong bì gửi cho hắn và tôi sẽ bỏ phong bì ấy vào trong một chiếc phong bì khác gửi cho mẹ hắn. Bức thư này sẽ được gửi đúng vào núc trước khi chúng tôi ra đi. Tôi sẽ nói tóm tắt như tôi đã nói với cậu rằng số tiền này ở đâu đến; và tôi đã nên đường nên dù họ có gửi nó nại cho tôi cũng đã muộn quá rồi”.

Tôi bảo ông rằng tôi thấy nên làm như thế… rằng thậm chí tôi cũng hết sức tán thành bởi vì ông cảm thấy làm như thế là phải.

“Tôi nói rằng chỉ còn mỗi một việc”, ông mỉm cười nói tiếp, vẻ tư lự, khi đã nhét gói tiền vào túi, “nhưng mà thực ra thì còn những hai việc cơ. Bản thân tôi sáng nay khi bước ra khỏi nhà vẫn không chắc có thể thân hành đến báo cho Ham biết điều may mắn đã xảy ra. Cho nên tôi đã viết một bức thư khi tôi ra khỏi nhà và đã bỏ nó vào hòm thư. Tôi đã báo cho anh ta biết sự việc đã xảy ra thế nào và ngày mai tôi sẽ đến đấy thu xếp tất cả những việc vặt vãnh của tôi, và cố nhiên để vĩnh biệt Yácmao.”

“Thế ông có muốn tôi đi với ông không?”. Tôi nói, nhận thấy rằng ông còn để điều gì chưa nói hết.

“Nếu cậu có thể giúp tôi điều đó cậu Đêvi ạ”, ông đáp, “tôi biết rằng nhìn thấy cậu họ sẽ phấn khởi lên một chút.”

Vì nàng Đôra nhỏ bé của tôi cao hứng rất muốn tôi đi đến đây (tôi thấy điều đó khi nói với nàng), tôi hứa sẵn sàng đi với ông Pécgôti như ông muốn. Vì vậy cho nên sáng hôm sau chúng tôi đi xe ngựa đến Yácmao và chúng tôi lại đi con đường ngày xưa.

Buổi chiều, khi đi qua con đường quen thuộc (mặc dầu tôi phản đối, ông Pécgôti vẫn xách va li hộ tôi) tôi liếc mắt nhìn vào cửa hiệu của Âumơ và Jôram và tôi thấy ông bạn cũ là ông Âumơ đang hút phì phèo cái tẩu thuốc. Vì cảm thấy ngần ngại không muốn có mặt khi ông Pécgôti gặp con gái và Ham lần đầu tiên, nên tôi mượn cớ nói chuyện với ông Âumơ để ở lại sau. Tôi bước vào hiệu và hỏi.

“Từ dạo ấy đến nay đã lâu lắm rồi, cụ Âumơ có mạnh khỏe không?”

Ông ta lấy tay xua làn khói trước mặt để nhìn cho rõ hơn và khi nhận ra tôi, ông rất sung sướng.

“Ông ạ, lẽ ra tôi phải đứng dậy để tỏ rằng tôi cám ơn ông đến thăm. Nhưng đôi chân tôi không cử động được và tôi đi trên bánh xe. Tuy vậy trừ cặp chân và hơi thở ra, tôi vẫn là một người hết sức tráng kiện, lạy Chúa”.

Tôi ngợi khen ông về thái độ tươi tắn và vui vẻ ấy và tôi nhận thấy ghế bành ông ta có bánh xe.

“Cái này có tài không?” ông hỏi tôi và nhìn theo hướng cặp mắt của tôi nhìn, rồi lấy cùi tay vuốt ve thành ghế.

"Nó chạy nhẹ như ru và đi nhanh chẳng kém xe ngựa. Nếu như tôi nói với ông rằng cháu Minni của tôi (cháu ngoại tôi, ông biết chứ, con gái của Minni ấy mà) dựa vào lưng ghế đẩy nhẹ một cái thế là chúng tôi ra đi sung sướng và tự hào như những ông vua! Và tôi còn phải nói với ông một điều nữa, ngồi trên cái ghế này mà hút tẩu thì tuyệt trần.

Tôi không thấy ai biết nhìn sự vật ở cạnh khía đẹp nhất và thấy mặt tốt của nó như ông già Âumơ quý hóa. Ông ta tươi roi rói dường như cái ghế bành, bệnh suyển và đôi chân bại liệt là những vật khác nhau có mục đích làm cho mùi khói ở cái tẩu càng thêm ngon, ông bảo:

"Tôi cam đoan với ông rằng ngồi trên cái ghế bành này tôi thấy thế giới rõ hơn khi tôi không ngồi ở đây. Ông sẽ ngạc nhiên khi biết số người vào đây mỗi ngày để nói chuyện đông như thế nào. Thật đấy. nhất định ông phải ngạc nhiên! Từ khi tôi ngồi trên ghế bành này, các tờ báo phong phú lên gấp đôi. Còn về các sách vở nói chung, thì thú thực tôi đọc không biết bao nhiêu mà kể! Chính điều đó làm cho tôi cũng ngạc nhiên cơ, ông hiểu không. Nếu như mất hai tai thì tôi biết làm gì? Còn cặp chân thì ăn thua cóc gì? Này! Cặp chân chỉ làm hơi thở tôi ngắn đi khi tôi bước. Và lúc này nếu như tôi muốn ra đường hay ra bờ biển, thì tôi chỉ cần gọi Đích, người giúp việc trẻ nhất của Jôram thế là tôi ngồi trên chiếc xe ngựa riêng của mình đi nghênh ngang chẳng kém ông thị trưởng thành Luân-đôn".

Đến đây ông cười ngặt nghẽo gần như hết cả hơi.

"Lạy Chúa!" ông Âumơ nói, lại cầm lấy cái tẩu "cần phải chấp nhận sự việc may cũng như rủi. Người ta sinh ở trên đời chỉ là để làm quen với điều đó. Công việc của Jôram khá lắm… rất khá!"

"Tôi rất sung sướng được nghe tin ấy", tôi nói.

"Tôi cũng biết rằng điều đó làm ông vui lòng" ông Âumơ nói "và Jôram và Mini như đôi bồ câu, tôi còn đòi hỏi gì thêm nữa! So với *điều đó* thì đôi chân của tôi có nghĩa lý gì".

Sự khinh bỉ hoàn toàn của ông đối với đôi chân trong khi vẫn điềm nhiên hút thuốc, là một điều ngộ nghĩnh thú vị nhất xưa nay tôi thấy.

"Và từ khi tôi bắt đầu đọc thì, ông cũng bắt đầu viết, có phải không ạ?" ông Âumơ nói, nhìn tôi với vẻ thán phục, "Ông đã viết quyển sách hay quá! Lời văn thú lắm! Tôi không bỏ sót một chữ. Còn về chuyện cảm thấy buồn ngủ… thì hoàn toàn không có đâu."

Tôi cũng cười khanh khách thích thú nhưng tôi phải thú nhận rằng cách liên tưởng ấy đầy ý nghĩa, ông Âumơ nói:

"Tôi nói thực với ông đấy, khi tôi đặt quyển sách ấy lên bàn và tôi nhìn các bìa bên ngoài… gồm ba tập phân mảnh, một, hai, ba… tôi tự hào như một ông vua khi nghĩ rằng xưa kia mình có quen gia đình ông. Trời ơi! câu chuyện ấy lâu lắm rồi, có phải không? Ở đấy, ở Blơnđơxtôn, một đứa bé xinh xắn nhỏ bé nằm cạnh mẹ. Và, ông lúc đó rất nhỏ. Trời ơi!".

Để chuyển sang chuyện khác, tôi nói về Emili. Sau khi nói để ông yên lòng rằng bao giờ tôi cũng vẫn nhớ là ông luôn tỏ ra ân cần đối với nàng và bao giờ cũng đối xử với nàng rất tử tế, tôi kể qua cho ông nghe chuyện cậu nàng đi tìm được nàng nhờ sự giúp đỡ của Mácta. Tôi biết rằng điều đó sẽ làm ông già vui sướng, ông ta lại nghe tôi hết sức cảm động và nghe nói xong ông bảo tôi:

"Thực mừng quá ông ạ! Từ lâu tôi không được tin tức nào may mắn như vậy. Trời ơi! Trời ơi! Bây giờ người ta định làm gì cô Mácta tội nghiệp kia".

"Ông nói đến một vấn đề mà từ hôm qua tôi nghĩ rất nhiều nhưng không thể nói cho ông biết một tí gì hết, ông Âumơ ạ! Ông Pécgôti không nhắc tới chị và có lẽ tôi hỏi tới chị thì cũng khá tế nhị. Tôi tin

chắc ông không quên chị, ông không quên bất kỳ người nào tốt và vô tư."

"Bởi vì, ông thấy đấy", ông Âumơ nói tiếp câu nói ở chỗ ông vừa ngừng lại "dù thế nào đi nữa, tôi cũng muốn tham dự vào đấy. Ông hãy viết tên tôi vào số tiền mà ông cho là tiền cho và hãy nói cho tôi biết, không bao giờ tôi tin con ấy hoàn toàn xấu và tôi sung sướng rằng nó không phải như vậy. Cháu Minni của tôi cũng sẽ sung sướng. Các cô gái là những người tính khí có đôi chỗ trái ngược (mẹ nó cũng giống hệt thế), nhưng họ đều dịu dàng và có lòng tốt. Thái độ của Minni đối với Mácta chỉ là bề ngoài mà thôi. Tôi không dám nói liều với ông tại sao nó thấy nên giữ một cái vẻ bề ngoài. Nhưng đó chỉ là cái vẻ bề ngoài mà thôi, thực đấy, còn khi đối xử riêng với nhau, Minni rất tử tế. Vậy ông hãy vui lòng viết tên tôi kèm với số tiền mà ông cho là thích hợp và hãy gửi cho tôi vài lời bảo phải gửi số tiền ấy đi đâu. Trời ơi! Khi đã gần đất xa trời, khi dù quắc thước đến đâu người ta vẫn bị đẩy ở trong chiếc xe nhỏ lần thứ hai, người ta phải sung sướng khi có thể làm được điều đó. Chúng tôi phải làm nhiều. Tôi nói điều này không phải riêng cho tôi đâu", ông Âumơ nói, "bởi vì, theo cách tôi nhìn sự việc, ông ạ, chúng tôi đang tiến gần đến chân dốc dù tuổi tác như thế nào, vì thời gian không dừng lại một phút. Vì vậy cho nên chúng ta hãy làm những điều tốt và hãy vui vẻ lên. Chắc chắn là thế!"

Ông dốc tàn thuốc trong cái tẩu ra và đổ nó vào một cái khe ở lưng ghế lắp chủ yếu nhằm mục đích ấy. Ông Âumơ nói, khẽ xoa tay:

"Lại có người anh họ của Emili, con người mà lẽ ra cô ấy đã lấy" - ông vừa nói vừa khe khẽ xoa tay - "thằng bé xinh đẹp nhất Yácmao. Cậu ta hay đến nói chuyện và đọc chuyện với tôi, đôi khi suốt cả giờ. Đó là hành động tốt! Trong đời cậu ta toàn là hành động tốt! tôi phải nói như vậy."

"Tôi sắp đến thăm anh đấy", tôi nói.

"Thế à?" ông Âumơ nói. "Nói với cậu ấy rằng tôi mạnh khỏe và gửi lời thăm Minni và Jôram đi dự khiêu vũ. Chúng nó cũng sẽ kiêu hãnh như tôi khi được gặp ông nếu chúng nó ở nhà. Minni không mấy khi chịu ra khỏi nhà, ông hiểu không "vì ba" như nó nói, cho nên vì vậy tôi đã thề nếu nó không đi dự thì tôi sẽ ngủ lúc 6 giờ. Kết quả là… (ông Âumơ cười khanh khách về kết quả của mưu mô của mình đến nỗi cả cái ghế và con người ông cũng rung chuyển) Jôram và nó đi khiêu vũ".

Tôi bắt tay ông và chào ông. Ông Âu mơ bảo tôi:

"Hãy đợi một phút đã. Nếu ông ra đi mà chưa thấy con voi con của tôi thì thế là ông bỏ mất một cảnh thú vị nhất trên đời. Ông không bao giờ thấy một cái gì như thế đâu… Minni ơi".

Một giọng nói nhỏ êm dịu đáp lại ở một phòng trên gác:

"Cháu đến đây ông ạ!"

Và một cô bé xinh xắn tóc hung dài và quăn lon ton chạy vào cửa hiệu.

"Đây là con voi của tôi đây, ông ạ!" ông Âumơ vuốt ve đứa bé. Nó là giống xiêm đấy, ông ạ. Nào, voi con!"

Con voi nhỏ mở cánh cửa sau của phòng khách làm cho tôi thấy người ta gần đây đã biến nó thành phòng ngủ cho ông Âumơ bởi vì không dễ dàng gì có thể khiêng ông lên gác, rồi cô bé che giấu cái trán xinh xắn và làm mớ tóc dài xù lên trong khi úp mặt vào ghế ông Âumơ.

"Con voi đang húc đấy, ông hiểu không" ông Âumơ nheo mắt bảo tôi, "khi nó lao vào một vật gì… Nào! voi! một, hai, ba".

Nghe hiệu lệnh, voi con với một sự nhanh nhẹn phi thường đối với một vật tí xíu như vậy, quay ngay cái ghế với ông Âumơ ở trong và nhanh nhẹn đẩy nó thật nhanh vào phòng khách mà không chạm

đến cánh cửa. Ông Âumơ tán thưởng kỳ công ấy không thể nói hết, dường như đó là kết quả thành công vẻ vang nhất của ông sau khi đã cố gắng suốt đời.

Sau khi đi dạo ở ngoài phố một vòng tôi tới nhà Ham. Lúc này chị Pécgôti đã ở hẳn đây và chị đã cho người kế nghiệp anh Bácкít thuê ngôi nhà của chị, anh này đã mua cỗ xe và con ngựa với một giá rất hời. Tôi có cảm tưởng rằng con ngựa chậm chạp đã kéo xe cho anh Bácкít nay cũng vẫn còn chạy.

Tôi thấy hai người trong cái nhà bếp sạch sẽ, cùng với bà Gơmmít mà ông Pécgôti đã thân hành đến tìm ở chiếc tàu cũ kỹ. Tôi cho rằng không có người nào khác có thể thuyết phục bà rời khỏi vị trí của mình. Rõ ràng là họ đã nói với nhau hết cả. Pécgôti và bà Gơmmít đều lấy tạp dề che mặt và Ham vừa đi ra "để đi một vòng trên bờ biển". Lát sau, anh bước vào, rất sung sướng được gặp tôi và tôi hy vọng sự có mặt của tôi làm tất cả mọi người vui lòng. Chúng tôi nói chuyện tỏ ra vui vẻ về cái số hoạnh tài mà ông Pécgôti sẽ có ở một nước mới mẻ và những điều kỳ lạ mà ông sẽ miêu tả trong những bức thư của mình, chúng tôi không nhắc một lần nào đến cái tên Emili nhưng cái tên ấy là đầu đề của nhiều lời nói bóng gió xa xôi. Ham là người bình thản nhất trong chúng tôi.

Nhưng khi chị Pécgôti đưa tôi vào cái phòng con ở đây quyển sách về những con cá sấu vẫn chờ đợi tôi, (sách nằm trên bàn), chị Pécgôti bảo tôi rằng anh ta vẫn thế. Chị tin rằng (chị vừa nói với tôi vừa khóc) tim anh ta tan nát, mặc dầu bao giờ anh cũng dũng cảm và dịu dàng và anh làm việc nặng nhọc và giỏi hơn bất kỳ người thợ đóng canô nào ở bất kỳ công trường đóng canô nào trong vùng. Chị bảo tôi, có những lúc vào buổi chiều anh nói đến cuộc đời của hai người ngày xưa khi Emili còn bé. Nhưng không bao giờ anh nhắc đến thời Emili là con gái.

Tôi có cảm tưởng đoán được trên gương mặt anh ý muốn nói riêng với tôi. Tôi bèn quyết định chiều hôm sau sẽ đứng trên đường anh về nhà sau buổi làm việc.

Sau khi quyết định như vậy, tôi nằm ngủ. Đêm hôm ấy lần đầu tiên trong tất cả bao đêm, ngọn nến được cất khỏi cánh cửa và ông Pécgôti đu đưa trong cái võng ngày xưa trong chiếc tàu cũ kỹ và tiếng gió vẫn thì thào chung quanh đầu ông bài hát ngày xưa.

Suốt ngày hôm sau, ông Pécgôti lo bán chiếc tàu và những đồ đánh cá. Ông lo gói lại cho xe bò chở lên Luân-đôn tất cả những hành lý mà ông thấy cần thiết; và bỏ những thứ khác hay chở bà Gơmmít. Bà cũng làm việc suốt ngày với ông. Vì tôi cảm thấy bâng khuâng muốn nhìn lại ngôi nhà quen thuộc một lần nữa trước khi nó đóng hẳn, tôi hẹn với họ sẽ đến đây vào buổi chiều. Nhưng trước hết tôi phải thu xếp để gặp Ham.

Tôi gặp anh trên đường về rất dễ dàng, bởi vì tôi biết anh làm việc ở đâu. Tôi bắt gặp anh ở nơi vắng vẻ trên bờ biển mà anh phải đi qua như tôi vẫn biết và tôi quay lại đi với anh để anh có dịp đi với tôi nếu như anh cần.

Tôi không đoán sai về vẻ mặt của anh. Chúng tôi chỉ bước vài bước bên nhau bỗng anh nói với tôi nhưng không nhìn tôi: "Cậu Đêvi, cậu có thấy cô ấy không?"

"Chỉ thấy một phút thôi, khi cô ấy ngất đi", tôi trả lời dịu dàng.

Chúng tôi lại bước vài bước nữa và anh hỏi tôi:

"Cậu Đêvi, cậu có tin rằng cậu sẽ gặp lại cô ấy không?"

"Điều đó có lẽ quá khổ tâm đối với cô ấy", tôi đáp.

"Tôi cũng nghĩ như vậy", anh đáp. "Thực thế đấy… thực đúng thế".

"Nhưng", tôi nói giọng dịu dàng, "anh Ham ạ nếu anh cần tôi viết cho cô ấy điều gì, trong trường

hợp tôi không thể gặp cô ấy… nếu anh muốn nhờ tôi nói điều gì với cô ấy thì tôi sẽ xem điều đó là một trách nhiệm thiêng liêng".

"Tôi cũng tin chắc như vậy. Tôi cảm ơn cậu. Thế là hết sức tốt. Tôi tin rằng có một điều mà tôi mong người ta nói với cô ấy hay viết cho cô ấy".

"Điều gì thế?" chúng tôi im lặng bước vài bước nữa, rồi anh nói.

"Không phải tôi tha thứ cho cô ấy đâu. Không, nói như thế là quá đáng. Tôi cầu khẩn cô ấy tha thứ cho tôi đã yêu cô ấy. Một cách say đắm. Đôi khi tôi tự nhủ rằng nếu cô ấy không hứa sẽ lấy tôi thì cô ấy đã có thể tin cậy tôi như một người anh và có lẽ có thể kể cho tôi nghe điều làm cô ấy băn khoăn và hỏi ý kiến tôi và tôi đã có thể cứu cô ấy".

Tôi nắm chặt tay anh:

"Có thế thôi à?"

"Còn một điều nữa", anh đáp, "nếu như cậu có thể nói cho cô ấy biết, cậu Đêvi ạ".

Chúng tôi lại bước vài bước lâu hơn hồi nãy rồi anh mới bắt đầu nói. Anh không khóc nữa khi dừng lại (ở đây tôi ghi lại bằng dấu chấm lửng). Anh chỉ trầm ngâm suy nghĩ để diễn đạt rõ ràng hơn.

"Tôi đã yêu cô ấy… và yêu hình ảnh cô ấy… sâu sắc quá, đến nỗi không thể làm cô ấy tin rằng tôi sung sướng. Tôi chỉ sung sướng… khi quên cô ấy đi. Nhưng tôi tin không có đủ can đảm để có thể giả thiết rằng người ta nói với cô ấy như vậy. Cậu là người thông thái cậu Đêvi ạ, nếu cậu có cách gì nói với cô ấy để cô ấy tin rằng tôi không đau khổ quá… mặc dầu bao giờ tôi cũng yêu cô ấy và vẫn còn buồn vì cô ấy… để cho cô ấy đừng tin tôi đã chán nản cuộc sống… mặc dầu tôi hy vọng sẽ tìm thấy cô ấy, không có gì đáng trách ở nơi mà những kẻ ác thôi không rền rĩ nữa[4] và những người mệt mỏi được nghỉ ngơi… để cho những điều hối hận của cô ấy nhẹ đi, mặc dầu cô ấy biết rằng tôi sẽ không bao giờ có thể lấy vợ và đối với tôi không người nào có thể thay thế… Cậu Đêvi ạ, cậu hãy nói với cô ấy… và tôi sẽ cầu nguyện cho cô ấy… mà tôi yêu tha thiết".

Tôi lại nắm chặt bàn tay lực lưỡng của anh và hứa cố hết sức làm điều anh dặn. Ham nói:

"Cảm ơn cậu lắm. Cậu đến tìm tôi thực quý hóa quá. Cậu cùng chú tôi đến đấy thực quý hóa quá cậu Đêvi ạ. Cô tôi sẽ đến Luân-đôn trước khi chú tôi ra đi, và hai người sẽ còn gặp nhau một lần nữa nhưng có lẽ tôi không gặp chú tôi nữa. Tôi tin chắc như vậy. Chúng tôi không nói điều đó ra, nhưng nó sẽ như vậy và như thế còn hơn. Lần cuối cùng cậu gặp chú tôi, lần cuối cùng nhé… nhờ cậu chuyển lại chú tôi lời chào và lòng biết ơn quý mến nhất của đứa trẻ mồ côi mà chú đã thương yêu hơn con đẻ".

"Tôi cũng thành thực hứa làm điều đó.

"Tôi lại cảm ơn cậu lần nữa", anh nói với tôi và bắt tay thực chặt. "Tôi biết cậu đi đâu rồi. Chào nhé".

Anh ta khẽ khoát tay như để cắt nghĩa cho tôi biết anh không thể bước vào ngôi nhà ngày xưa và anh bước đi. Trong khi nhìn anh đi qua bãi biển dưới ánh trăng, tôi thấy anh quay mặt nhìn dải ánh sáng trắng như bạc trên mặt biển và tiếp tục đi, mắt đăm đăm nhìn giải ánh sáng ấy cho đến khi anh chỉ còn là một bóng thấp thoáng ở phía xa.

Cánh cửa chiếc tàu mở rộng và khi bước vào, tôi thấy nó trống không, chẳng còn bàn ghế gì nữa chỉ trừ một cái hòm cũ kỹ trên đó bà Gơmmít vẫn ngồi, trên đầu gối đặt một cái giỏ, mắt đăm đăm nhìn ông Pécgôti. Ông đang chống cùi tay lên cái lò sưởi xấu xí ngắm nghía những thanh củi đỏ đang tàn dần trong bếp, nhưng thấy tôi, ông vui vẻ ngẩng đầu lên nói giọng phấn chấn.

“Cậu Đêvi, cậu đến từ biệt chiếc tàu như cậu đã hứa có phải không?”, ông bảo tôi, tay cầm nến. “Cái nhà bây giờ trống trải nắm nhỉ”.

“Quả thực ông không bỏ phí thời gian”, tôi nói.

“Ồ! chúng tôi có ngồi không đâu, bà Gơmmít đã làm việc như… tôi không biết có người nào nàm nhiều hơn bà”, ông nói và nhìn bà vì không tìm thấy câu so sánh nào đủ để ca ngợi.

Bà Gơmmít cúi mình trên cái giỏ, không trả lời.

“Đây nà cái hòm trên đấy cậu vẫn ngồi với Emili”, ông nói hạ thấp giọng! “Tôi sẽ mang nó theo, sau tất cả những vật khác. Và đấy nà cái phòng cũ của cậu, cậu Đêvi, cậu thấy không. Tối nay có thể nói nó sẽ hết sức trơ trọi không còn thể nào trơ trọi hơn”.

Thực vậy, mặc dầu gió đã nhẹ đi nhưng âm thanh trang nghiêm vẫn vang lên chung quanh ngôi nhà hiu quạnh, thì thào buồn bã nghe rất ảo não. Tất cả đều biến mất, đến cả cái gương nhỏ bé xung quanh là vỏ sò. Tôi nhớ mình đã từng nằm trong căn phòng này đúng vào lúc sự thay đổi to lớn đầu tiên xảy đến trong đời. Tôi nghĩ đến cô bé có đôi mắt biếc đã làm tôi mê mẩn. Tôi nghĩ đến Xtiếcphoóc và ý nghĩ dại dột, sợ hãi rằng cậu ở gần đây đã ám ảnh tôi đến nỗi tôi có cảm tưởng gặp cậu ở bất kỳ ngõ quanh nào.

“Có thể phải còn nâu”, ông Pécgôti nói, giọng thâm trầm “cái tàu này mới có chủ mới. Bây giờ người ta cho rằng nó hãm tài lắm!”

“Nó có phải là của một người nào đó ở gần đây không?” tôi hỏi.

“Của một người làm cột buồm ở thành phố”, ông Pécgôti nói. “Tối nay tôi sẽ đến trao chìa khóa cho ông ta”.

Chúng tôi liếc nhìn căn phòng kia rồi trở lại với bà Gơmmít vẫn ngồi trên hòm. Sau khi đặt ngọn nến lên lò sưởi, ông Pécgôti yêu cầu bà đứng lên để đem hòm ra ngoài trước khi tắt nến.

“Anh Đanien”, bà Gơmmít nói, buông cái giỏ níu lấy tay ông Pécgôti. “Anh Đanien thân mến, những lời nói cuối cùng của tôi trong ngôi nhà này là anh đừng bỏ tôi lại. Anh đừng nghĩ đến việc bỏ tôi lại, anh Đanien ạ! ôi! đừng bao giờ làm thế”.

Ông Pécgôti sửng sốt nhìn tôi lại nhìn bà Gơmmít, dường như vừa tỉnh dậy khỏi một giấc mơ.

“Không, không, anh Đanien, anh đừng làm thế!” bà Gơmmít kêu lên, ân cần tha thiết, “anh hãy đem tôi đi, anh Đanien ạ. Hãy đem tôi đi với anh và Emili! Tôi sẽ là người đầy tớ của anh trung thành và tận tụy. Nếu như có những người nô lệ ở nơi anh đến, thì tôi sẽ gắn bó với anh với tính cách như vậy, và tôi sẽ thấy mình sung sướng; nhưng anh đừng bỏ tôi lại anh Đanien ạ, anh là người hết sức dễ thương”.

“Bà bạn ơi”, ông Pécgôti nói lắc đầu, “bà không biết đi đến đấy xa như thế nào ư? Và cuộc sống của chúng tôi sẽ vất vả như thế nào ư?”.

“Có, anh Đanien ạ tôi biết lắm! Tôi có thể đoán trước điều đó!” bà Gơmmít kêu lên. “Nhưng lời nói cuối cùng của tôi dưới mái nhà này là nếu anh không đem tôi đi thì tôi sẽ chết ở nhà tế bần, anh Đanien ạ. Tôi có thể làm việc khó nhọc. Tôi có thể sống vất vả. Lúc này tôi có thể dịu dàng và kiên nhẫn hơn là anh tưởng, anh Đanien ạ, miễn là anh thử thách tôi. Tôi không muốn nhận tiền trợ cấp dù có phải chết trong cảnh thiếu thốn, anh Đanien ạ; mà chỉ cần anh và Emili cho tôi đi và tôi sẽ tới tận nơi góc biển chân trời. Tôi biết ở đấy có gì; tôi biết anh cho tôi tứ cố vô thân; nhưng anh bạn quý hóa ạ, tôi không như thế nữa đâu. Nếu như tôi đã ngồi ở đây lâu như vậy để thức và nghĩ đến những thử

thách của anh thì điều đó không phải làm tôi tốt hơn đôi chút. Cậu Đêvi, cậu nói với anh ấy hộ tôi một lời! Tôi biết những thói quen của anh ấy và của Emili, tôi biết những nỗi buồn của họ. Thỉnh thoảng tôi có thể an ủi họ, và dù sao cũng có thể làm việc cho họ Đanien, anh Đanien yêu quý, anh hãy để tôi đi với anh".

Và bà Gơmmít nắm tay ông, hôn tay ông với một tình cảm mộc mạc và cảm động biểu lộ lòng hy sinh tận tụy và lòng biết ơn không bờ bến mà ông xứng đáng được hưởng.

Chúng tôi mang hòm ra ngoài, tắt nến, khóa trái cửa lại và rời chiếc tàu cũ kỹ kín như bưng làm thành một chấm đen trong bóng đêm dày đặc. Hôm sau, khi trở về Luân-đôn bằng xe ngựa, bà Gơmmít ngồi ở ghế sau với cái giỏ, lòng vui sướng.

---

[1] Kinh thánh: Tân ước, Jăng VIII, 6.

[2] Nguyên văn Legborn (Lecboocnơ).

[3] Trích trong Tân ước: Mathiơ, VI,20.

[4] Kinh thánh, Jôn, III, 17.

Chương LII
TÔI DỰ VÀO MỘT CUỘC BÙNG NỔ

Khi chúng tôi cách giờ ông Micôbơ đã hẹn một cách bí mật là hai mươi bốn tiếng, cô tôi và tôi bàn nhau nên làm gì bởi vì cô tôi rất ngần ngại không muốn rời Đôra. Ôi! lúc này tôi bế Đôra lên xuống cầu thang, buổi sáng buổi chiều quá dễ dàng!

Mặc dầu ông Micôbơ khẩn khoản yêu cầu cô tôi phải có mặt, chúng tôi vẫn bàn nên để cô tôi ở nhà và sẽ được đại diện bởi ông Đích và tôi. Tóm lại, chúng tôi đã đi đến kết luận ấy. Bỗng Đôra lại xáo trộn những dự định của chúng tôi, tuyên bố nếu cô tôi ở nhà vì một lý do nào đó thì nàng sẽ không bao giờ tha thứ cho cậu bé độc ác của nàng.

"Cháu sẽ không nói với cô nữa" Đôra vừa nói vừa lúc lắc những mớ tóc quăn về phía cô tôi. "Cháu sẽ khó chịu cho mà xem! Cháu sẽ bảo Jip của cô ăng ẳng suốt ngày. Nếu cô không đi, nhất định cháu sẽ cho cô là một bà già cáu kỉnh?"

"Ồ kia! Bông hoa nhỏ" cô tôi nói cười khanh khách. "Cháu thừa biết nếu không có cô ở nhà thì không được".

"Ồ! được lắm chứ", Đôra nói, "cô cố giúp ích gì cháu đâu. Cô có chạy lên xuống cầu thang suốt ngày vì cháu đâu. Cô có bao giờ ngồi kể cho cháu nghe những câu chuyện về anh Đoátđi khi giầy anh rách tả tơi và người đầy bụi bặm đâu… Ôi, thằng quỷ sống tí hon tội nghiệp! Cô có bao giờ làm điều gì để vui lòng cháu đâu, có phải không, cô yêu quý của cháu?"

Và Đôra vội vàng hôn cô tôi và nói: "Cháu đùa thôi, cô làm tất cả những điều đó", vì sợ cô tôi lại nghĩ như thế thật cũng nên.

"Nhưng, bây giờ cô phải nghe cháu nhé", Đôra nói giọng mơn trớn, "cô phải đi đến đây mới được. Cháu sẽ trêu cô cho tới khi cháu hoàn toàn thỏa mãn về điểm ấy. Và cháu sẽ hành hạ cậu bé độc ác của cháu được khổ sở nếu cậu bé ấy không để cô đi! Cháu sẽ tỏ ra hết sức khó chịu… và Jip cũng thế! Nếu như cô không đến đây thì trong một thời gian dài vô tận cô sẽ tiếc rằng đã không đến đấy. Vả lại", Đôra nói, hất mớ tóc về phía sau, nhìn cô tôi và tôi có vẻ dò hỏi "tại sao hai người lại không đi cơ chứ? Cháu có đau ốm lắm đâu?"

"Ồ, nói gì thế!" cô tôi nói.

"Rõ vớ vẩn!" tôi nói.

"Phải đấy! em biết em là một đứa bé ngớ ngẩn!" nàng nói, lần lượt nhìn chăm chú hết nhìn cô tôi lại nhìn tôi và đôi môi xinh đẹp hôn chúng tôi, trong khi vẫn nằm trên cái xô-pha. "Thôi được, anh và cô đi đi, nếu không tôi không tin anh và cô nữa đâu và tôi sẽ khóc cho mà xem".

Nhìn gương mặt cô tôi, tôi thấy cô bắt đầu tỏ ý nhượng bộ và gương mặt Đôra lại sáng bừng lên vì nàng cũng thấy thế.

"Cô sẽ có nhiều điều kể cho cháu nghe khi trở về đến nỗi ít nhất phải mất một tuần cháu mới hiểu được!" Đôra nói "Bởi vì cháu *tin chắc* cháu sẽ không hiểu được ngay đâu nếu như đó là chuyện công việc! Mà chắc chắn chỉ là câu chuyện công việc mà thôi. Vả lại, nếu còn phải thêm công chuyện gì nữa thì không biết đến lúc nào cháu mới hiểu được, và trong lúc ấy cậu bé độc ác sẽ có vẻ khổ sở! Thế nào, cô đi chứ? cô chỉ vắng mặt một đêm và Jip sẽ săn sóc cháu trong thời gian cô vắng. Anh Đoátđi sẽ mang cháu lên gác trước khi cô ra đi và cô trở về cháu mới xuống và cô sẽ mang đến cho Ácnét bức thư của cháu đầy những lời trách móc kinh khủng bởi vì chị ấy không bao giờ đến thăm chúng ta

Chúng tôi không bàn bạc gì nữa mà đồng ý rằng cả hai sẽ đi và nhất trí rằng Đôra là một người đóng kịch giỏi, nàng giả vờ làm ra vẻ đau ốm một chút để được nâng niu. Đôra nghe vậy rất thích và trở nên rất vui. Thế là bốn người chúng tôi tức là cô tôi, ông Đích, Trátđơn và tôi, chiều hôm ấy đi xe trạm đến Đôvơ để tới Cantơbơri.

Đến khách sạn ở đấy ông Micôbơ đã bảo chúng tôi đợi (chúng tôi bước vào khách sạn vào lúc đang đêm không phải không gặp khó khăn), tôi đã nhận được bức thư ông Micôbơ bảo ngày mai ông sẽ xuất hiện đúng lúc chín rưỡi sáng. Sau đó, mỗi người chúng tôi lên giường ngủ sau khi bước run rẩy qua những hành lang dài ngột ngạt với cái mùi thum thủm làm cho người ta tưởng rằng nơi này hàng thế kỷ đã ngập vào một thứ nước xúp trộn lẫn với phân ngựa.

Sáng sớm hôm sau, tôi đi lang thang trên những đường phố cũ kỹ và yên tĩnh dưới bóng những cái cổng và những ngôi nhà thờ đóng kín. Quạ bay lượn gần những ngọn tháp của ngôi nhà thờ; và những ngọn tháp này nổi lên chót vót trên tất cả cánh đồng phì nhiêu không thay đổi với những con sông trong vắt chạy dài hàng dặm nổi bật trong bầu trời trong sáng của buổi mai dường như trên quả đất này không có một sự thay đổi nào hết. Tuy nhiên, tiếng chuông vang lên vẫn buồn bã báo cho tôi biết sự thay đổi của vạn vật: nó nói cho tôi biết tuổi già của nó và tuổi trẻ của nàng Đôra nhỏ bé của tôi và bao nhiêu người đã sống, đã yêu và đã chết mà không hề biết đến tuổi già. Và những tiếng ngân cuối cùng của những cái chuông làm lay động bộ áo giáp đã gỉ của Hoàng tử Đen[1] treo ở dưới những vòm nhà; và nó là những hạt bụi trên đại dương. Thời gian biến mất trong không trung như những vòng tròn tan đi trên mặt nước.

Đứng ở góc phố, tôi nhìn ngôi nhà quen thuộc, nhưng không dám đến gần vì sợ người ta nhìn thấy và vô tình làm trở ngại đến cái kế hoạch mà tôi phục vụ. Mặt trời buổi sáng chiếu xiên vào những nóc nhà và những cửa sổ đan mắt cáo làm cho những mảnh kính thành vàng chói và tôi có cảm tưởng rằng một phần cái vẻ yên tĩnh ngày xưa đã lọt vào tim tôi.

Tôi đi dạo chơi một hai giờ ở thôn quê, rồi tôi trở về theo đường cái lớn. Trong lúc này đường cái đã thoát khỏi giấc ngủ đêm qua. Trong số những người đang bận rộn trong các cửa hiệu, tôi thấy kẻ thù của tôi là anh hàng thịt lúc này đã leo lên chức chủ hiệu với một đôi giày ủng và một đứa con. Anh ta đang ru thằng bé mới sinh và có vẻ là một thành viên hiền lành của xã hội này.

Tất cả chúng tôi đều trở nên rất băn khoăn, lo lắng khi ngồi trước bữa ăn điểm tâm. Gần chín giờ rưỡi sáng chúng tôi càng nóng ruột chờ đợi ông Micôbơ. Cuối cùng chúng tôi làm ra vẻ không chú ý đến bữa ăn và ngay từ đầu chúng tôi, trừ ông Đích, chỉ xem đó là một vấn đề hình thức. Cô tôi bắt đầu đi bách bộ trong phòng. Trátđơn ngồi trên xô-pha và đọc báo, mắt dán lên trần nhà và tôi nhìn ra ngoài cửa canh gác lâu bởi hồi chuông rung chín giờ rưỡi đầu tiên vừa vang lên ông đã xuất hiện ở đầu phố.

"Ông ta kia rồi", tôi nói "không mặc bộ đồ con nhà luật".

Cô tôi thắt dây dây mũ lại (cô tôi đội mũ để đi xuống ăn sáng) và quấn khăn quàng như để tỏ vẻ sẵn sàng làm bất kỳ hành động kiên quyết và dứt khoát nào. Trátđơn cài lại cái áo có vẻ kiên quyết, ông Đích ngơ ngác trước cái vẻ bên ngoài dễ sợ kia, nhưng cảm thấy cần phải bắt chước họ, nên lấy hai tay kéo mũ xuống tai có vẻ hết sức kiên quyết và lập tức cất ngay mũ để đón chào ông Micôbơ.

"Chào các ông và chào bà", ông Micôbơ nói, "chào tất cả! Ông bạn thân mến (ông nói với ông Đích đang bắt tay ông nồng nhiệt), ông thực là tốt".

"Ông đã ăn sáng chưa?" ông Đích hỏi. "Ăn một sườn cừu đi".

"Không đâu, tôi không ăn đâu ông ạ!" ông Micôbơ kêu lên và ngăn ông Đích khi ông ta sắp rung

chuông. "Đã lâu lắm, ông Đícxơn ạ! Tôi không còn nghĩ đến chuyện ăn uống".

Ông Đícxơn rất sung sướng về cái tên mới và cảm thấy ông Micôbơ đã tỏ ra rất ân cần khi đặt cho ông cái tên ấy đến nỗi lại bắt tay ông Micôbơ và phá lên cười như một đứa trẻ.

"Ông Đích", cô tôi nói "cẩn thận đấy!"

Ông Đích ngồi lại nghiêm chỉnh, mặt đỏ bừng.

"Và bây giờ, ông ạ!" cô tôi nói với ông Micôbơ, trong khi đeo găng, "chúng tôi sẵn sàng nhìn núi Vêduvơ hay bất kỳ cái gì ông muốn khi nào ông thích".

"Thưa bà", ông Micôbơ đáp "lát nữa bà sẽ thấy núi lửa bùng nổ. Ông Trátđơn, ông cho phép tôi tuyên bố ở đây rằng tôi đã liên lạc với ông chứ?"

"Hoàn toàn đúng như vậy, Copơphin ạ", Trátđơn nói (tôi nhìn cậu hoàn toàn sửng sốt) "ông Micôbơ đã hỏi ý kiến tôi về việc ông ta định làm và tôi đã cố gắng khuyên ông với tất cả khả năng của tôi".

"Nếu tôi không lầm, ông Trátđơn ạ" ông Micôbơ nói tiếp, "điều tôi nói đây sẽ là một sự tố cáo rất quan trọng".

"Đúng thế" Trátđơn nói.

"Có lẽ trong những hoàn cảnh như vậy", ông Micôbơ nói, "bà và các ông cho phép tôi được vinh dự, bắt tất cả phải phục tùng những lời chỉ dẫn của một người, tuy chỉ đáng được xem là một thứ rác rưởi bị vứt bỏ trên bờ biển của nhân loại, nhưng vẫn là đồng loại của các vị, mặc dầu những sai lầm của cá nhân đó và những hoàn cảnh chồng chất lên nhau đã làm cho anh ta mất hẳn cái hình dáng ngày xưa".

"Chúng tôi hoàn toàn tin ông, ông Micôbơ ạ", tôi nói, "và tôi sẽ làm mọi điều ông muốn".

"Ông Copơphin ạ", ông Micôbơ đáp, "trong tình hình hiện nay, lòng tin cậy của ông không phải là sai lầm. Tôi xin các vị cho tôi vắng mặt năm phút rồi sẽ tiếp các vị ở phòng giấy ông Uýchơphin và *Híp* mà tôi là nhân viên ở đấy khi các vị hỏi thăm cô Uýchơphin.

Cô tôi và tôi nhìn Trátđơn, cậu ta gật đầu tán thành.

"Trong lúc này tôi không có gì phải nói", ông Micôbơ tuyên bố.

Tôi rất ngạc nhiên thấy ông nói xong kính cẩn cúi chào mọi người rồi biến mất; cử chỉ của ông hết sức khách khí và mặt ông tái nhợt.

Trátđơn chỉ mỉm cười và lắc đầu (tóc dựng đứng lên. Khi tôi đưa mắt nhìn cậu có ý dò hỏi. Tôi cầm đồng hồ và chỉ còn một cách là bắt đầu đếm từng phút một cho đến hết năm phút. Cô tôi cũng làm như vậy, cầm chiếc đồng hồ trên tay. Khi thời hạn ấy đã hết. Trátđơn khoác tay cô tôi và chúng tôi cùng nhau đến ngôi nhà cổ kính; trên đường đi không nói một lời.

Chúng tôi thấy ông Micôbơ tại bàn giấy của ông ta trong phòng giấy ở tầng cuối cùng của cái tháp nhỏ. Ông đang viết hay giả vờ hí hoáy viết. Cái thước lớn của phòng giấy đã cắm vào áo gi-lê nhưng vẫn không được dấu cho kỹ lắm nên vẫn lòi ra ngoài lồng ngực ít nhất là ba tấc như một thứ cổ giả mới. Vì mọi người có vẻ chờ đợi tôi nói, nên tôi nói to:

"Ông Micôbơ, ông mạnh khỏe chứ?" "Ông Copơphin ạ", ông Micôbơ bảo tôi, giọng trang nghiêm "Tôi hy vọng ông vẫn mạnh chứ?"

"Cô Uýchơphin có nhà không?" tôi hỏi. "Ông Uýchơphin vẫn nằm trên giường, ông ta lên cơn sốt

vì đau khớp xương", ông đáp "nhưng cô Uýchơphin chắc hẳn sẽ sung sướng được gặp ông bạn cũ. Ông có đi theo tôi không?"

Ông dẫn chúng tôi vào phòng ăn (căn phòng đầu tiên tôi bước vào và đột nhiên mở cánh cửa phòng giấy ngày xưa của ông Uýchơphin) rồi nói giọng dõng dạc: "Có cô Trốtut, ông Đêvít Copơphin, ông Tômát Trátđơn và ông Đícxơn".

Tôi chưa thấy lại Uria *Híp* từ khi tôi tát hắn. Việc chúng tôi đi thăm rõ rệt làm hắn ngạc nhiên, việc này có thể nói cũng làm cho chúng tôi ngạc nhiên không kém. Hắn không cau mày bởi vì có thể hắn không có lông mày nhưng hắn nhăn trán đến nỗi nhắm tít cả đôi mắt ti hí, trong khi bàn tay xương xẩu vội vàng đưa lên cằm biểu lộ vẻ kích động và ngơ ngác. Điều này chỉ xảy ra đúng vào lúc chúng tôi bước vào phòng giấy của hắn và tôi thấy hắn qua vai cô tôi. Nhưng một giây sau đó hắn lại khúm na khúm núm và khiêm tốn hơn bao giờ hết.

"À!" hắn nói "tôi cam đoan với các vị, đây quả thực là một điều sung sướng bất ngờ! Có thể nói được tiếp tất cả những người bạn ở Luân-đôn là một điều vui sướng tôi không ngờ đến! Ông Copơphin, tôi hy vọng thấy ông mạnh khỏe (nếu tôi có thể nói hèng kém như vậy) và dù thế nào đi nữa ông cũng có những ý nghĩ tốt đẹp về bạn bè ông chứ? Và tôi hy vọng bà Copơphin vẫn mạnh khỏe. Những tin tức không may gần đây, chúng tôi nhận được về bà làm tôi lo lắng nhiều, tôi cam đoan như vậy".

Tôi thấy xấu hổ khi để hắn bắt tay tôi, nhưng không có cách nào khác.

"Tình hình ở đây đã thay đổi, cô Trốtut ạ, từ khi tôi chỉ là một nhân viên hèng kém và giữ ngựa cho bà có phải không ạ!" Uria nói, mỉm một nụ cười khó chịu nhất. "Nhưng tôi, tôi không thay đổi, cô Trốtut ạ".

"Đúng thế ông ạ", cô tôi đáp, "nói thực tôi thấy ông đã giữ đúng lời hứa của thời niên thiếu, nếu như điều đó làm ông vui lòng".

"Cám ơn, cô Trốtut", Uria vừa nói vừa vặn mình xà một cách xấu xí "cảm ơn ý kiến quý báu của cô! Ông Micôbơ báo cho cô Ácnét… và mẹ tôi, mẹ tôi sẽ sung sướng được thấy các vị khách đến thăm", Uria nói và kéo ghế mời ngồi.

"Ông có bận không ông Híp", Trátđơn nói, mắt cậu ta đột nhiên bắt gặp đôi mắt đỏ ngầu và tinh quái đang dò la chúng tôi và đồng thời lại đang lẩn tránh chúng tôi.

"Không, ông Trátđơn ạ", Uria, lại ngồi trên chiếc ghế bành chính thức của mình, áp hai bàn tay xương xẩu vào nhau giữa hai đầu gối xương xẩu, "không được rảnh như tôi muốn. Như ông vẫn biết, con nhà luật cũng như cá mập và đỉa thì có dễ gì mà biết thỏa mãn đâu! Không kể ông Micôbơ và tôi, nói chung chúng tôi bận việc bởi vì ông Uýchơphin đã gần như không làm việc được, ông ạ. Nhưng tôi dám nói rằng được giúp *ông ta* đối với chúng tôi vừa là một điều vui thú vừa là một bổn phận, ông Trátđơn, chắc ông không quen thân ông Uýchơphin, có phải không ạ? Hình như tôi chỉ mới được hân hạnh gặp ông có một lần?"

"Không, tôi không quen thân ông Uýchơphin", Trátđơn nói. "Nếu không, có lẽ tôi đã đến thăm ông ta từ lâu ông *Híp* ạ", ở trong giọng của câu trả lời này có một cái gì khiến Uria lại nhìn người nói với mình với vẻ mặt sa sầm và nghi hoặc. Nhưng vì hắn chỉ thấy Trátđơn với gương mặt hiền lành, những cử chỉ mộc mạc và đầu tóc dựng lên, cho nên cái vấn đề mặt ấy biến đi trong khi hắn trả lời với một cử chỉ vội vã biểu lộ tất cả ở thân hình nhưng nhất là ở cổ họng.

"Ông Trátđơn ạ, tôi rất tiếc, bởi vì nếu quen thân ông ấy ông sẽ kính phục ông ấy như tất cả chúng

tôi kính phục. Những khuyết điểm nhỏ của ông chỉ làm cho người ta càng yêu quý ông. Nhưng nếu ông muốn nghe nói một cách hùng hồn đến người cộng tác của tôi, thì tôi khuyên ông hãy hỏi ông Copơphin. Gia đình ông Uýchơphin là một đầu đề mà ông ta rất thích nói đến, nếu như ông nghe ông ta nói…"

Tôi không phải từ chối lời khen ấy (dù có muốn làm đi nữa) vì ngay lúc ấy Ácnét bước vào theo sau là ông Micôbơ. Nàng không hoàn toàn tự chủ được mình như mọi ngày, tôi có cảm tưởng như vậy, và rõ ràng đã phải chịu những nỗi lo lắng nhọc nhằn. Nhưng thái độ ân cần niềm nở và vẻ đẹp dịu dàng của nàng chỉ càng sáng lên một ánh sáng hiền dịu.

Tôi thấy Uria theo dõi nàng khi nàng tiếp chúng tôi; và điều đó làm tôi nhớ đến hình ảnh một con quỷ sứ kinh khủng đang theo dõi một thiên thần. Tuy nhiên một dấu hiệu kín đáo đã được trao đổi giữa ông Micôbơ và Trátđơn. Và Trátđơn bước ra trong lúc ngoài tôi ra không ai để ý đến.

"Ông rút lui đi, Micôbơ", Uria nói.

Ông Micôbơ một tay đặt lên cái thước giấu trước ngực đứng sừng sững trước cửa. Rõ ràng ông đang nhìn ông chủ của mình với tính cách một người đồng loại.

"Ông đợi cái gì thế? Ông Micôbơ", Uria nói. "Ông không nghe tôi bảo ông rút lui sao?"

"Có", Micôbơ đáp, vẫn đứng im lìm bất động.

"Thế tại sao ông không rút lui ngay?" Uria nói.

"Bởi vì tôi… Tóm lại, tôi không thích rút lui", ông Micôbơ đáp một cách đột ngột.

Hai gò má của Uria trắng bệch ra và cái vẻ tái nhợt bệnh hoạn phơn phớt nhuộm màu đỏ bao trùm lên tất cả. Hắn nhìn chằm chặp vào mặt ông Micôbơ và những nét mặt trên mặt hắn run lên giần giật vì bị ảnh hưởng bởi hơi thở ngắn và nhanh.

"Ông là một đồ vô kỷ luật, như ai cũng biết", hắn nói và gắng gượng cười "và tôi e rằng ông bắt tôi phải thải ông! Ra ngay! Chốc nữa tôi sẽ nói chuyện với ông!"

"Nếu như trên trái đất", ông Micôbơ nói đột nhiên vùng lên hết sức hăng hái, "có một thằng khốn kiếp mà tôi đã nói đến quá nhiều, thì thằng khốn kiếp ấy tên là *Híp*".

Uria lùi lại một bước như hắn vừa bị đánh hay bị cắn. Hắn đưa mắt chậm rãi nhìn chúng tôi với nét mặt sa sầm lại và độc ác nhất mà người ta có thể thấy và nói giọng trầm hơn:

"Hừ! Đây là một cuộc âm mưu! Các ngài hẹn nhau đến đây phải không? Anh mưu mô với thằng thư ký của tôi có phải không, Copơphin? này! liệu hồn đấy, làm trò ấy không ăn thua gì đâu. Anh và tôi chúng ta hiểu nhau lắm. Giữa chúng ta không có tình yêu gì hết. Từ khi anh đến đây lần đầu anh vẫn là một thằng ngạo nghễ, và anh ghen ghét tôi vì tôi đã vươn lên có phải không? Đừng có mưu mô với tôi, tôi đánh bại các anh ngay. Còn mày, Micôbơ, cút ngay lát nữa tao sẽ nói chuyện với mày".

"Ông Micôbơ", tôi nói, "thằng này đột nhiên thay đổi (đó là tôi không nói về sự thay đổi khác thường đã bắt nó nói sự thật ở một điểm), làm tôi tin chắc rằng hắn đã lâm vào nước bí rồi đấy. Ông cứ đối xử với hắn đúng như hắn đáng được đối xử".

"Chúng mày là một đoàn hay hớm lắm đấy nhỉ?" Uria nói cũng với giọng trầm hồi nãy. Bỗng đột nhiên hắn ướt đẫm mồ hôi, và hắn lau trán với bàn tay dài xương xẩu. "Mày đã mua tên thư ký của tao, thằng này đúng là rác rưởi của xã hội (và chính mày, Copơphin, mày biết rõ trước kia mày cũng thuộc loại ấy khi không ai thương xót mày) để nó dùng lời dối trá thỏa mạ tao chứ gì? Cô Trốtut, nếu cô biết điều thì hãy chấm dứt việc này đi, nếu không tôi sẽ bắt chồng cô còn sớm hơn là cô có thể nghĩ đến.

Nếu như cái nghề của tôi cho tôi biết câu chuyện của cô thì không phải là để đùa đâu cô ạ! Cô Uýchơphin nếu cô còn một chút tình yêu đối với cha thì tốt nhất là chớ có nhập bọn với lũ này. Nếu không tôi sẽ làm ông ta phá sản. Thế nào? Biết chưa, tao đã nắm được bọn chúng mày trong tay. Hãy nghĩ lại lần nữa khi còn có thì giờ. Còn mày, mày hãy nghĩ lại đi, Micôbơ, nếu mày không muốn bị tiêu diệt, tao ra lệnh cho mày phải cút ngay và lát nữa hãy nghe tao trong khi còn thì giờ tháo lui. Mẹ tôi đâu rồi", hắn nói, khi đột nhiên lo lắng nhận ra sự vắng mặt của Trátđơn và hắn rung chuông. "Tao nhìn thấy tất cả cái trò này. Thực là ngộ nghĩnh, nó diễn ra ngay trong nhà tao".

"Bà *Híp* đây rồi, thưa ông". Trátđơn bước vào với bà mẹ xứng đáng với một đứa con như vậy. "Tôi đã mạn phép lên gặp bà ta".

"Anh lấy quyền gì mà lên gặp?" Uria hỏi. "Và anh đến đây làm gì?"

"Thưa ông tôi là người đại biểu và người bạn của ông Uýchơphin", Trátđơn nói ôn tồn và đĩnh đạc. "Và trong túi tôi có tờ giấy ủy quyền của ông ta cho phép tôi thay mặt ông ta làm mọi việc".

"Thằng điên ấy nốc nhiều rượu quá nên mất hết trí khôn rồi", Uria nói, mặt mày xấu xí hơn bao giờ hết, "và tờ giấy ủy quyền ấy là do dụ dỗ lừa dối mà có được".

"Có một cái do dụ dỗ mà có được, tôi biết cái đó lắm", Trátđơn trả lời điềm nhiên, "và ông cũng biết nữa ông *Híp* ạ. Nếu ông muốn, chúng ta sẽ giao phó việc này cho ông Micôbơ".

"Uria…" bà *Híp* bắt đầu với một cử chỉ lo lắng.

"Mẹ ngậm miệng ngay" Uria nói "nói càng ít càng tốt".

"Nhưng mà Uri, con…"

"Mẹ có muốn ngậm miệng lại để tôi giải quyết vấn đề này không?"

Mặc dầu từ lâu tôi vẫn biết rằng vẻ khúm núm của hắn là giả dối và mọi cử chỉ của hắn đều gian xảo và lừa lọc nhưng tôi vẫn chưa có một khái niệm chính xác về tất cả cái mánh khóe đạo đức giả của hắn cho đến hôm ấy khi tôi thấy hắn vứt mặt nạ.

Cái vẻ đột ngột khi hắn vứt mặt nạ vì nhận thấy chiếc mặt nạ này không dùng được việc gì nữa; cái vẻ độc ác, láo xược và căm thù mà hắn biểu lộ; cái nhìn nghiêng biểu lộ sự thích thú của hắn, ngay cả lúc này, khi nghĩ đến điều ác hắn đã làm… ngay trong lúc này là lúc hắn đang lâm vào thế bí và đang tìm cách giành ưu thế đối với chúng tôi một cách tuyệt vọng… tất cả điều này mặc dầu phù hợp với kinh nghiệm tôi biết về hắn vẫn làm tôi rất ngạc nhiên, tuy tôi là người biết hắn từ lâu và thực sự căm ghét hắn.

Tôi sẽ không nói gì về cái nhìn hắn ném về phía tôi khi hắn lần lượt nhìn chúng tôi hết người này đến người khác; bởi vì bao giờ tôi cũng biết rằng hắn căm ghét tôi, và tôi nhớ đến dấu vết của bàn tay tôi để trên má hắn. Nhưng khi cặp mắt hướng về phía Ácnét tôi thấy hắn nổi xung vì biết uy lực của hắn đối với nàng đã mất và những dục vọng xấu xa đã xô đẩy hắn tìm lấy một người mà hắn không thể hiểu và yêu những đức hạnh. Chỉ cần nghĩ rằng nàng đã phải sống, dù chỉ một giờ thôi, gần một con người như hắn là tôi đã tức uất người lên.

Sau khi gãi cái cằm và nhìn chúng tôi với cặp mắt độc ác trong một lát hắn nói với tôi một lần nữa với cái giọng nửa van lơn nửa mắng nhiếc:

"Nào! Copơphin, mày hãy nói đi, mày là người rất tự hào về tinh thần danh dự và trăm thứ linh tinh, mày có thấy việc lén lút vào nhà tao và nghe trộm ngoài cửa với viên thư ký của tao là một việc hay ho hay không? Nếu như đó là *tao*, thì điều đó không có gì ngạc nhiên bởi vì tao không làm ra vẻ

một *anh chàng lịch sự* (mặc dầu tao chưa bao giờ la cà ngoài đường như mày, như thằng Micôbơ nói) nhưng đó là mày và *mày* không sợ làm thế à? Mày không nghĩ đến tất cả những điều tao sẽ chơi lại; cũng như những điều phiền toái tao có thể gây cho mày vì đã thông đồng và âm mưu vân vân. Tốt lắm! Hãy để xem! Đồ cha căng chú kiết này, mày định giao một nhiệm vụ cho thằng Micôbơ à! Đấy, thằng trọng tài của mày đấy. Tại sao mày không làm hắn nói đi. Hắn đã học thuộc bài học của hắn rồi. Tao thấy rõ lắm".

Thấy những điều đã nói chẳng có ảnh hưởng gì đến tôi cũng như đến bất kỳ người nào khác, hắn ngồi lên mép bàn hai tay thõng xuống và một cái chân quấn quanh chân kia và bướng bình chờ đợi sự việc xảy ra.

Từ nãy đến giờ tôi đã phải vất vả lắm mới kìm hãm được sự bồng bột của ông Micôbơ và nhiều lần ông hỏi xen vào bằng cách nhắc đến chữ đồ - chữ đầu tiên của ba chữ đồ *khốn kiếp*. Không chờ đợi những người khác, đột nhiên ông Micôbơ tiến lên rút cái thước ra khỏi ngực (rõ ràng là một vũ khí tự vệ) và lấy trong túi áo ra một văn kiện kích thước rộng lớn gấp thành hình một bức thư dài. Ông mở gói ấy với cái cử chỉ cao thượng xưa kia liếc mắt nhìn nội dung và dường như đắc chí về phong cách và văn vẻ của bài viết, ông bắt đầu đọc như sau.

"Thưa cô Trốtut và các vị".

"Trời đánh thánh vật cái ông này!" cô tôi kêu lên khe khẽ "ông ta viết thư dài hàng ram giấy như bị ai lăng nhục đến mình".

Ông Micôbơ không nghe cô tôi nói, vẫn tiếp tục.

"Trong khi xuất hiện trước mắt các vị để tố cáo tên hèn mạt có lẽ gian xảo nhất trên đời (ông Micôbơ mắt không rời khỏi bức thư, tay hoa cái thước về phía Uria như một cái gậy ma quái), tôi không muốn tự đề cao. Ngay từ khi ra đời tôi đã phải chịu những khó khăn về kinh tế mà tôi không sao đương đầu nổi, tôi đã luôn luôn là cái mồi và trò chơi của những hoàn cảnh hèn hạ. Nhục nhã, Thất vọng và Điên cuồng đó là những người theo sau bước đường của tôi, khi thì một mình khi thì cả lũ".

Cái vẻ đắc chí của ông Micôbơ khi tự miêu tả mình là cái mồi của những sự bất hạnh khủng khiếp kia chỉ có thể sánh ngang với cái giọng say sưa của ông khi đọc thư và cái lối cúi đầu chào của ông trong khi lắc lư cái đầu mỗi khi ông ta cho rằng đã tìm được một câu hết sức đắc thế.

"Vì bị nhục nhã, Nghèo nàn, Tuyệt vọng và Điên cuồng chồng chất thúc giục, tôi đã bước vào làm việc (hay như người bạn vui vẻ của chúng ta là người Pháp nói, vào phòng giấy) của cái nhà về danh nghĩa được điều khiển dưới nhãn hiệu Uýchơphin và *Híp* nhưng trong thực tế chỉ do *Híp* điều khiển một mình. *Híp* và chỉ *Híp* mà thôi, là cái lò xo chính của bộ máy này. *Híp* và chỉ *Híp* mà thôi là thằng giả mạo giấy tờ và thằng lừa đảo".

Uria nghe những lời ấy mặt xanh như chàm chứ không phải tái đi, đột nhiên sống về phía bức thư như muốn xé nó ra trăm mảnh, ông Micôbơ nhờ một kỳ công của sự nhanh nhẹn hay sự may mắn đã cầm cái thước giáng xuống những ngón tay mà hắn đưa ra và thanh toán bàn tay phải của hắn. Hắn bị nện vào cổ tay và dường như bị gãy. Cái đòn nghe đốp một cái như nện xuống gỗ.

"Quỷ sứ bắt mày đi!" Uria nói quằn quại một cách mới, lần này vì đau đớn "tao sẽ chơi thẳng thừng với mày".

"Cứ lại đây một lần nữa, đồ *Híp* mắt theo lợi[2], ông Micôbơ nói, thở hổn hển. Nếu sọ mày là sọ người tao cũng sẽ đập vỡ. Đến đây, cứ đến đây".

Tôi có cảm tưởng rằng tôi chưa bao giờ thấy cái gì buồn cười hơn (ngay lúc ấy tôi đã nhận thấy) cái cảnh ông Micôbơ trổ tài múa kiếm với cái thước và kêu lên "lại đây" trong khi nói với Trátđơn tôi đẩy ông ta về một góc nhưng ông ta lại muốn xông ra ngay mỗi khi chúng tôi đẩy vào.

Kẻ đối thủ của ông miệng càu nhàu sau khi đã nắm cái bàn tay bị thương một lát, cuối cùng chậm rãi tháo khăn quàng cổ làm thành một cái băng cuốn vết thương rồi đặt nó trong bàn tay kia và ngồi lên bàn vẻ mặt sa sầm, cúi đầu xuống.

Khi ông Micôbơ đã khá bình tĩnh lại, ông tiếp tục đọc bức thư.

"Số tiền công mà tôi được nhận vì giúp việc cho… *Híp* (bao giờ ông cũng dừng lại trước cái chữ này mà ông nói với một sức mạnh đặc biệt) không được quy định rõ rệt, trừ một số tiền thảm hại là 22 si-linh và 6 pen-ni mỗi tuần, số tiền còn lại trả tùy theo giá trị của công việc của tôi; nhưng nói cho rõ hơn, tùy theo trình độ thấp hèn của tính cách tôi, tùy theo trình độ tham lam của những động cơ của tôi, cảnh nghèo nàn của gia đình tôi, và nói một cách chung, tùy theo chỗ giống nhau về mặt luân lý (hay đúng hơn vô luân lý) của tôi với… Híp. Phải chăng tôi cần phải nói rằng chẳng bao lâu tôi bắt buộc phải cầu khẩn… *Híp* để có được số tiền ứng trước đặng chi tiêu cho những nhu cầu của bà Micôbơ và của những đứa con của chúng tôi đang chết đói nhưng càng ngày càng lớn. Phải chăng tôi cần phải nói rằng sự cần thiết này đã được - đoán trước bởi… *Híp* rằng những số tiền ứng trước này đã được đảm bảo bởi những số tiền vay nợ và những tờ giấy cam kết tương tự được luật pháp nước ta thừa nhận? Và thế là tôi rơi vào cái lưới mà hắn đã chăng ra để bắt tôi".

Thái độ đắc chí của ông Micôbơ trước cái tài viết thư của mình khi miêu tả tình cảnh thảm hại này có vẻ bù đắp một cách đầy đủ tất cả nỗi buồn phiền và lo lắng mà thực tế có thể gây cho ông. Ông đọc tiếp: "Chính lúc đó… *Híp* bắt đầu ngỏ ý cho tôi biết hắn tin cậy tôi đủ để giao phó cho tôi làm những hành động đen tối. Lúc bấy giờ tôi mới bắt đầu nếu tôi không được phép nói theo lối Sếchxpia… sa sút tàn lụi, héo hắt và chết khô[3]. Tôi nhận thấy hắn luôn luôn cần đến tôi để giả mạo những giấy tờ và lừa một con người mà tôi sẽ gọi là ông u… Ông Uych này đã bị lừa dối, che giấu và mê hoặc bằng đủ mọi cách có thể tưởng tượng; và trong suốt thời gian ấy, tên ăn cướp… là *Híp* vẫn cứ làm ra cái vẻ chịu ơn huệ và hết sức thương yêu con người đã bị đối xử tàn tệ như vậy. Việc này cũng đã khá xấu xa rồi, như chàng Đan mạch triết gia[4] nói. Ở những lời nói ấy vẫn thích hợp với mọi thời đại và đó là điều tiêu biểu cho cái vinh dự nhất của thời đại Elidabét! "điều tệ nhất còn chưa nói đến!"

Ông Micôbơ hết sức tự hào về câu trích dẫn đắc thế này đến nỗi ông ta sẵn sàng cho chúng tôi được hưởng cái thú vị nghe đọc lần thứ hai (và ông ta đã làm, giả vờ quên không biết đọc đến đâu).

"Tôi không có ý định", ông ta đọc tiếp "kể lại ở đây chi tiết một danh sách những hành động giả dối có tầm quan trọng thứ yếu (mặc dầu danh sách có ở chỗ khác) liên quan đến con người mà tôi gọi là ông Uych và tôi đã tham dự vào đấy vì tôi im lặng. Mục đích của tôi, khi cuộc vật lộn bên trong giữa việc trả lương và không có lương, giữa việc có anh bán bánh mì và việc không có anh bán bánh mì, giữa cái sống và cái chết, đã chấm dứt, là phơi bày ra trước ánh sáng và tố cáo những hành động gian dối quan trọng nhất đã phạm phải, đã làm ông này thiệt hại nặng nề do *Híp* gây ra".

"Được khuyến khích bởi người cố vấn lặng lẽ bên trong[5] và một người cố vấn bên ngoài không kém cảm động và không kém hấp dẫn (mà tôi sẽ gọi tắt là cô Uych) tôi đã bắt tay vào việc khám phá những bí mật không phải không khó khăn. Những công việc này đến nay vẫn tiếp tục, và theo như tôi biết, tôi tin và có thể khẳng định đã kéo dài hơn mười hai tháng trời".

Ông đọc đoạn này như một đoạn trích trong một đạo luật của nghị viện và ông có vẻ được âm thanh

của những chữ này cổ vũ khuyến khích.

"Những lời tố cáo của tôi về… *Híp* ông lại đọc, đưa mắt nhìn hắn và đặt kéo cái thước để vào một vị trí thuận tiện ở dưới cánh tay trái khi cần đến, là như sau".

Tôi nghĩ rằng tất cả chúng tôi đến nín thở. Tôi tin chắc Uria cũng nín thở.

"Thứ nhất", ông Micôbơ nói, "khi những năng khiếu và ký ức trí nhớ nghề nghiệp của ông Uych đã trở nên yếu đuối và lẫn lộn, vì những lý do mà tôi thấy không cần, cũng không nên trình bày ở đây… *Híp* đã cố ý làm rối tung lên và làm tất cả công việc thành rắc rối. Khi ông Uych không sẵn sàng nhất để lo đến công việc thì… *Híp* vẫn đứng đấy bắt ông ta làm. Trong những hoàn cảnh như vậy, hắn đã khiến ông Uych ký tên mình vào những giấy tờ quan trọng mà hắn trình bày như là không quan trọng. Hắn đã xui giục ông Uych trao cho hắn một tờ giấy ủy quyền để lấy một số tiền là mười hai ngàn sáu trăm mười bốn bảng, hai si-linh, chín pen-ni mà người ta gửi cho ông và dùng nó để đương đầu với những món nợ và những sổ tiền lỗ của nhà này mà hắn đã bịa đặt ra, nhưng sự thực là hoặc đã được trang trải xong, hoặc không bao giờ có. Ngay từ đầu, hắn đã làm cho việc ấy có vẻ dường như là do những ý định bất lương của ông mà ra và đã được thực hiện do hành động bất lương của bản thân ông Uych; và từ đấy hắn luôn luôn lấy cái đó để hành hạ ông, và thúc bánh ông".

"Mày phải chứng minh điều đó, Copơphin!" Uria nói có vẻ đe dọa. "Phải nói cho đúng, việc nào ra việc ấy".

"Ông Trátđơn ông có hỏi… *Híp* xem người nào đã ở trong nhà của hắn sau khi hắn dời chỗ", ông Micôbơ nói, ngắt lời trong lúc đang đọc bức thư, "ông thử hỏi xem".

"Vẫn cái thằng ngốc ấy, và hắn còn ở đấy" Uria nói khinh miệt.

"Ông phải hỏi… Híp, xem nó có bao giờ giữ một quyển sổ tay trong cái nhà ấy không, ông thử hỏi xem".

Tôi thấy bàn tay xương xẩu của Uria đang gãi cằm bất giác dừng phắt lại.

"Hay là ông phải hỏi hắn", ông Micôbơ nói "xem hắn có đốt một quyển sổ nào không. Nếu hắn trả lời "có" thì ông hãy hỏi hắn tro của nó ở đâu rồi, hãy bảo hắn hỏi Uynkin Micôbơ và hắn sẽ nghe một điều không có ích lợi cho hắn chút nào!"

Cử chỉ đắc thắng của ông Micôbơ khi nói những câu ấy làm cho mẹ hắn hốt hoảng, bà ta cảm động kêu lên.

"Uria! Phải hèng kém và đầu hàng thôi, con ơi".

"Ồ kìa mẹ" hắn đáp lại, "Mẹ có câm miệng không? Mẹ lo sợ và hoảng hốt không biết mình nói gì và nghĩ gì nữa. Hèng kém!" Hắn lặp lại nhìn tôi mặt nhăn nhở vì căm giận. "Dù sao hèng kém tao cũng làm cho khối đứa ở đây phải chịu hèng kém không phải một hai ngày!"

Ông Micôbơ sau khi đã kéo cái cằm về phía sau cái cà vạt một cách lịch sự, tiếp tục đọc tác phẩm của mình:

"Thứ hai: "Híp đã nhiều lần, theo như tôi biết, tôi tin và tôi nghe nói".

"Những cái đó không ăn thua", Uria nói càu nhàu, nhẹ cả người,"… mẹ cứ ngồi yên".

"Chúng tôi sẽ cung cấp cho ông một điều ăn thua sẽ thanh toán vĩnh viễn câu chuyện của ông, thưa ông có ngay thôi ạ", ông Micôbơ đáp.

"Thứ hai, *Híp* đã nhiều lần như tôi biết, tôi tin và tôi nghe nói đã cố ý giả mạo chữ ký của ông

Uych trong nhiều quyển sổ và văn kiện và đã làm điều đó trong nhiều trường hợp tôi có thể chứng minh được. Tức là trong trường hợp dưới đây".

Một lần nữa ông Micôbơ tỏ vẻ khoái trá khi chồng chất được nhiều chữ một cách trang trọng như vậy; tôi phải nói rằng sự biểu hiện vẻ khoái trí này trong trường hợp ông tuy là rất lố bịch, nhưng không phải chỉ riêng ông ta mới làm thế. Trong đời tôi, tôi đã nhiều lần quan sát điều đó ở một số lớn người. Thậm chí tôi có cảm giác đó là một quy luật chung. Khi tuyên thệ trước pháp luật chẳng hạn những người tuyên thệ có vẻ khoái trá khi người tuyên thệ đi đến một lô danh từ, to tát để chỉ một khái niệm duy nhất (chẳng hạn trong khi họ tuyên bố căm ghét, nguyền rủa và từ bỏ v.v…) và cũng vì nguyên tắc ấy những lời nguyền rủa ngày xưa thành thú vị. Chúng ta hay nói đến chế độ chuyên chính của những danh từ, nhưng chúng ta cũng thích dùng danh từ một cách tàn bạo. Chúng ta thích có một loạt đầy tớ đông đúc những danh từ thừa thãi để đi theo chúng ta trong trường hợp quan trọng: chúng ta thấy sự chồng chất danh từ này có vẻ oai vệ và có vẻ kêu. Cũng như trong những trường hợp nghi lễ, chúng ta không nhìn đến ý nghĩa của sự phục sức miễn là nó đẹp và đầy đủ, ý nghĩa và sự cần thiết của những danh từ chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, miễn là chúng được trình bày một cách oai vệ, cũng như có nhiều người gặp phải khó khăn vì chưng diện quá nhiều áo quần; cũng vậy khi nô lệ quá đáng thì nô lệ nổi lên chống lại chủ, và tôi cũng tin rằng tôi có thể kể vài dân tộc đã vấp phải nhiều khó khăn to lớn và sẽ còn phải vấp phải nhiều khó khăn to lớn vì đã giữ một lô danh từ quá nhiều đi kế tiếp nhau.

Ông Micôbơ nói tiếp gần như liếm môi trước khi đọc.

"Thế nghĩa là, có thể nói sự việc như sau: Ông Uych ốm yếu tàn tật và người ta có thể dự đoán rằng cái chết của ông ta sẽ đưa đến một sự phát giác nào đó và sự sụp đổ của quyền lực của… *Híp* đối với gia đình ông Uych (đó là ý kiến của người ký tên dưới đây, Uynkin Micôbơ) trừ khi vì một ảnh hưởng bí mật lòng thương cha của con gái ông có thể đi đến chỗ phản đối không cho người ta điều tra công việc của những người cộng tác, cho nên tên… *Híp* thấy tốt nhất là phải nắm một tờ giấy vay nợ, bên ngoài thì do Uych vay với số tiền trên đây là Một vạn hai ngàn sáu trăm mười bốn bảng 2 si-linh 9 pen-ni với tiền lời, trong tờ giấy này xác nhận rằng số tiền này là do… *Híp* cho ông Uych vay để cứu ông ra khỏi cảnh nhục nhã, mặc dầu trong thực tế hắn không bao giờ cho vay số tiền này và số tiền ấy từ lâu đã bị thay thế. Những chữ ký của tờ giấy giả thiết là do ông Uych làm và được Uynkin Micôbơ chứng nhận, là những chữ ký giả mạo của… Híp. Hiện nay tôi còn giữ trong sổ tay hắn do chính tay hắn giữ nhiều chữ ký bắt chước chữ ký ông Uych đây đó bị ngọn lửa làm mờ đi nhưng rõ rệt đối với bất kỳ người nào. Tôi chưa bao giờ ký với tính cách nhân chứng tờ giấy mà tôi nói đến. Và tôi đã nắm được cả tờ giấy ấy".

Uria *Híp* giật nẩy mình rút trong túi ra một chùm chìa khóa và mở một ngăn kéo nào đó. Nhưng bỗng nhận rõ điều hắn đang làm hắn quay mặt về phía chúng tôi không nhìn ngăn kéo nữa.

"Và tôi đã nắm được cả tờ giấy ấy" ông Micôbơ lặp lại, đưa mắt nhìn quanh như ông đang đọc văn bản của bài truyền giáo… "nghĩa là sáng nay, từ sáng sớm khi bức thư này đã viết xong tôi đã nắm được nó, nhưng sau đó tôi đã trao lại cho ông Trátđơn".

"Đúng thế" Trátđơn xác nhận.

"Uri! Uri! Con hãy tỏ ra hèng kém và đầu hàng đi thôi. Các vị ạ tôi biết rằng con tôi sẽ chịu hèng kém nếu như các vị cho phép nó suy nghĩ, ông Copơphin, tôi chắc rằng ông biết bao giờ nó cũng hèng kém, có phải không ông?"

Nhìn thấy bà mẹ tỏ ra trung thành với cái mánh khóe cũ mà người con đã vứt bỏ cho là vô ích thực là một điều kỳ quặc.

“Này mẹ”, hắn nói, cắn chiếc khăn tay đang quấn quanh bàn tay hắn, một cách giận dữ, “tốt hơn là mẹ hãy cầm lấy súng bắn con đi”.

“Nhưng mẹ yêu con, Uri ạ! bà *Híp* kêu lên (và quả thực đúng như vậy; cũng như hắn yêu mẹ hắn, mặc dầu điều đó có vẻ kỳ quặc, hai người làm thành một cặp mẹ con thực cân xứng) và mẹ không thể nhìn con trêu tức các ông ấy để tăng thêm điều nguy hiểm mà con đang mắc phải. Mẹ đã nói ngay với ông ấy khi ông ấy bảo với mẹ ở trên gác rằng sự thực đã bị phát giác.

Mẹ bảo rằng con sẽ tỏ ra hèng kém và chịu nhận lỗi của mình. Các vị xem tôi hèng kém thế nào và đừng chú ý đến nó nữa”.

“Kìa mẹ, hãy nhìn Copơphin”, hắn đáp lại giọng giận dữ trỏ ngón tay xương xẩu về phía tôi vì hắn cho tôi là người chủ mưu việc phát giác và tôi không cãi lại. “Hãy nhìn Copơphin hắn sẵn sàng cho mẹ một trăm bảng để mẹ nói ít hơn điều mẹ vừa nói”.

“Mẹ không thể không làm thế Uri ạ”, mẹ hắn kêu lên. “Mẹ không thể nhìn con lao đầu vào nguy hiểm vì không chịu cúi đầu. Con hãy tỏ ra hèng kém thì hơn, như xưa nay con vẫn thế”.

Hắn cắn cái khăn tay một lát rồi nói với tôi mặt hầm hầm.

“Mày còn có gì đưa ra nữa? Nếu còn có gì thì nói đi. Tại sao mày lại nhìn tao?”

Ông Micôbơ liền tiếp tục đọc thư, sung sướng được quay trở lại một tác phẩm đã làm ông vô cùng đắc chí.

“Thứ ba và cuối cùng. Hiện nay tôi có thể chứng minh nhờ những quyển sổ của *Híp* và nhờ những giác thư thực sự của *Híp* bắt đầu bằng cuốn sổ tay bị phá hủy một phần (mà tôi không thể nào hiểu được khi bà Micôbơ ngẫu nhiên phát hiện ra lúc chúng tôi đều ở chỗ hiện nay của chúng tôi, trong cái thùng để tro của bếp lửa gia đình chúng tôi) rằng bao năm qua… *Híp* đã lợi dụng sự yếu đuối, những khuyết điểm ngay cả các đức tính, tình yêu của người cha và lòng trọng danh dự của ông Uych tội nghiệp để nhằm phục vụ những mục đích hèn hạ. Rằng trong bao năm trời ông Uych đã bị lừa dối và bị cướp giật bằng đủ mọi cách có thể tưởng tượng để cho tên… *Híp* tham lam hèn mạt và không biết chán, làm giàu. Mục đích chủ yếu của… *Híp* sau khi kiếm tiền là bắt ông Uych và cô Uych hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của hắn (về cô Uych hắn đang còn những tham vọng khác mà tôi sẽ không nói ở đây). Rằng việc làm cuối cùng của hắn, vừa làm ông xãng cách đây chỉ vài tháng là bắt ông Uych phải từ bỏ cái phần của mình trong việc cộng tác và thậm chí phải ký một tờ giấy bán đồ đạc và cả ngôi nhà để nhận một số tiền bồi thường sẽ được… *Híp* đưa cho cứ ngày đầu mỗi quý trong năm. Rằng tất cả cái âm mưu này (những báo cáo sai lạc và đáng lo ngại về những tài sản mà ông Uych là người quản lý ở một thời kỳ mà ông Uych đã lao vào những cuộc đầu tư liều lĩnh và bấp bênh và có lẽ trong tay ông ra không có những số tiền mà ông ta chịu trách nhiệm về mặt tinh thần và pháp luật; tiếp theo đó là những tờ giấy cho mượn giả hiệu với một suất lời kinh khủng, nhưng trong thực tế là do tay của *Híp* làm ra và *Híp* đã bắt tay ông Uych làm một cách gian dối hay ông Uych cũng không hề biết nữa, mượn cớ đó là những số tiền đầu tư nào đó hay những lý do khác; rồi tiếp sau đó là một danh sách những việc kiện cáo không chút nể nang không bao giờ hết) những mạng lưới ấy đã dần dần thắt chặt đến nỗi tội nghiệp không còn có thể thấy gì nữa. Tin rằng tất cả tài sản của mình, tất cả hy vọng và danh giá đều đã phá sản, ông đặt tất cả tin tưởng của mình vào tay con quỷ sứ hiện hình người kia (ông Micôbơ dùng công thức này ở đấy rất chính đáng, ông thấy đó là một cách diễn đạt mới mẻ) và con quỷ sứ này trong khi tỏ ra cần thiết đã làm cho ông bị tiêu diệt. Tôi cam đoan chứng minh được điều này… và có lẽ còn chứng minh được nhiều điều khác nữa”.

Tôi thì thầm vài lời bên tai Ácnét, nàng khóc bên cạnh tôi nửa vì vui, nửa vì buồn, và ở trong chúng tôi có những cử chỉ tỏ ra dường như ông Micôbơ đã nói xong. Nhưng ông nói một cách hết sức trang trọng: "Xin các vị tha lỗi!" và tiếp tục đọc với một nỗi buồn bã vô cùng, đồng thời lại thích thú say sưa nhất cho đến phần kết thúc của bức thư.

"Tôi đã nói hết. Bây giờ tôi chỉ cần chứng minh rằng những lời tố cáo này là xác thực. Và sau đó cùng với cái gia đình bất hạnh của tôi, tôi sẽ biến mất ra khỏi cái sân khấu ở đấy chúng tôi có vẻ là một sự cồng kềnh vướng mắc. Việc đó chẳng bao lâu nữa sẽ xảy ra. Người ta có thể giả thiết một cách hợp lý rằng đứa con mới sinh của tôi sẽ là người chết đói đầu tiên bởi vì nó là thành viên yếu ớt nhất trong gia đình chúng tôi; rồi đến lượt hai đứa con sinh đôi của tôi. Thôi thế cũng được! Đối với tôi, việc tôi đi hành hương đến Cantơbơri đã giúp tôi rất nhiều trên con đường đến nấm mộ là cái nhà tù tố tụng dân sự và sự khổ cực sẽ làm phần còn lại. Tôi hy vọng rằng lao động khó nhọc và những nguy hiểm do một cuộc điều tra gây nên (và những kết quả nhỏ nhất đã được tập hợp lại một cách chậm chạp dưới áp lực của những công việc nhọc mệt, luôn luôn sợ vì nghèo đói, từ khi mặt trời mọc, đến buổi chiều đẫm sương, trong đêm trường tăm tối, dưới con mắt cảnh giác của một người mà có gọi là con quỷ thì cũng là thừa, kết hợp với những cố gắng của một người cha nghèo túng để làm cho cuộc điều tra này được hoàn thành tốt đẹp, có thể gọi là vẩy một vài giọt nước hoa trên cái hỏa đàn đốt xác của tôi. Tôi không yêu cầu gì nữa. Chỉ mong người ta nói về tôi, một cách công bình, như người ta đã nói về vị anh hùng dũng cảm lỗi lạc của thủy quân mà tôi không hề dám so sánh, rằng tôi đã làm việc này bất chấp những tính toán ích kỷ và tiền nong.

Vì nước Anh, vì tổ quốc và cái đẹp[6]
Vẫn luôn luôn là người của các vị và v.v..

Uynkin Micôbơ"

Rất cảm động, nhưng bao giờ cũng rất đắc chí, ông Micôbơ gấp bức thư lại, đoạn trao nó cho cô tôi và cúi đầu chào như đó là một văn kiện mà cô tôi sẽ sung sướng được gìn giữ.

Ở trong căn phòng, như tôi đã thấy từ lâu trong thời gian đi thăm lần đầu, có một tủ sắt. Trên tủ sắt có chìa khóa. Một điều nghi ngờ hình như nảy sinh ra trong óc Uria. Hắn liếc nhìn ông Micôbơ, đi đến tủ sắt, vội vàng mở cả hai cánh tủ nghe đánh sầm một cái. Tủ sắt trống không!

"Sổ sách đâu rồi!" hắn kêu lên với vẻ mặt kinh khủng "Đồ ăn trộm sổ sách!". Ông Micôbơ lấy cái thước vỗ vào ngực. "Chính tôi. Khi ông đã trao cái chìa khóa cho tôi như mọi ngày (nhưng sớm hơn một chút), vào lúc sáng nay để mở".

"Xin ông an tâm". Trátđơn nói, "tôi đã giữ những quyển sổ này rồi, tôi sẽ giữ cẩn thận căn cứ vào tờ giấy ủy quyền mà tôi đã nói với ông".

"Thế ra mày nhận những hàng hóa ăn cắp à?" Uria kêu lên.

"Trong những trường hợp như thế này", Trátđơn đáp, "có đấy".

Tôi ngơ ngác làm sao khi thấy cô tôi nãy giờ vẫn im và chú ý, bỗng nhảy xổ đến gần Uria *Híp* và giơ tay ra túm lấy cổ áo hắn.

"Mày biết tao cần đòi cái gì không?" cô tôi nói. "Một áo tù" hắn nói.

"Không? Gia sản của tao" cô tôi đáp. "Ácnét ạ! Khi tôi tưởng rằng gia sản của tôi mất vì cha cô, tôi đã không hề hé miệng nói một lời về chỗ nó đã được gửi ở đây để sinh lợi (tôi không nói gì về việc ấy, ngay cả với Trốt, như Trốt đã biết). Nhưng bây giờ khi tôi biết rằng tên này phải chịu trách nhiệm thì tôi phải đòi lại… Trốt cháu moi nó ra cho cô".

Tôi không biết có phải trong lúc ấy cô tôi tưởng đâu rằng hắn đã giữ gia tài cô tôi ở trong cà vạt của hắn hay sao, nhưng rõ rệt là cô tôi nắm lấy hắn mà kéo như cô tôi tưởng như vậy thực. Tôi vội vàng tách hai người ra và cam đoan với cô tôi rằng chúng tôi sẽ cố gắng làm sao bắt hắn trả lại tất cả những số tiền mà hắn đã ăn cắp một cách gian dối. Những lời ấy, cộng thêm vào phút suy nghĩ làm cô tôi an tâm; nhưng cô tôi không chút nào ngạc nhiên về hành động của mình (mặc dầu tôi không thể nghĩ như vậy về cái mũ của cô tôi) và lại điềm nhiêm ngồi xuống ghế như cũ.

Trong mấy phút cuối cùng, bà *Híp* cứ kêu gọi cậu con hãy tỏ ra "hèng kém" và bà ta cứ lần lượt quỳ trước mắt mỗi người chúng tôi và hứa hẹn những lời điên cuồng nhất. Người con của bà bắt bà ngồi xuống ghế, và đứng cạnh bà nét mặt sa sầm. Hắn giữ tay bà lại nhưng không có vẻ dữ dội, và nói với tôi với cái nhìn hung dữ.

"Các ông định làm gì?"

"Tôi sẽ nói cho ông biết phải làm gì", Trátđơn đáp.

"Thằng Copơphin không mở được miệng sao?" hắn càu nhàu. "Tao sẽ làm cho chúng mày bị nhiều việc nếu chúng mày có thể nói cho tao biết, không dối trá rằng người ta đã bịt miệng hắn".

"Cháu Uria của tôi quả thực muốn tỏ ra hèng kém. Xin các vị quý hóa đừng để ý đến những điều nó nói!"

"Điều phải làm", Trátđơn nói, "là thế này đây. Trước hết cần nộp ngay lập tức tờ giấy từ bỏ mà chúng tôi đã nghe nói".

"Nếu như không có thì sao", hắn nói ngắt lời.

"Nhưng mà ông có", Trátđơn nói, "và vì vậy ông biết không, chúng tôi sẽ không giả thiết như vậy". (Và quả thực tôi phải thú nhận rằng đây là lần đầu tiên tôi biết giá trị của đầu óc sáng suốt và lương tri đơn giản, kiên nhẫn và tinh thần thực tiễn của ông bạn học cũ quý hóa). "Sau đó", Trátđơn nói tiếp, "ông phải chuẩn bị khai ra tất cả những gì mà tính tham lam của ông nuốt vào và ông phải trả lại cho đến đồng pen-ni cuối cùng. Tất cả sổ sách và giấy tờ ở nhà này đều thuộc về chúng tôi cũng như tất cả sổ sách và giấy tờ riêng của ông; tóm lại tất cả tiền nong và tài sản thuộc cả động sản cũng như bất động sản, tất cả những cái gì ở đây".

"Thế à? Tôi không biết điều đó đấy", Uria nói. "Tôi còn phải suy nghĩ đã".

"Cố nhiên", Trátđơn đáp, "nhưng trong khi chờ đợi và cho đến khi tất cả đã được giải quyết làm chúng tôi vừa lòng, chúng tôi sẽ giữ những giấy tờ này và yêu cầu ông ở phòng ông (thực ra là chúng tôi bắt buộc) và không được liên lạc với bất kỳ ai."

"Tôi không chịu!" Uria nói với một lời chửi rủa.

"Nhà tù Métxtơn là một nơi giam giữ chắc hơn", Trátđơn tuyên bố, "và mặc dầu luật pháp có thể làm chúng tôi vừa lòng một cách chậm hơn, và có lẽ không làm chúng tôi vừa lòng hoàn toàn, nhưng hiển nhiên là nó sẽ trừng trị ông. Tôi nói thực, ông hiểu rõ điều đó chẳng kém gì tôi… Copơphin, cậu chịu khó đi một vòng đến tòa thị chính và đem hai người cảnh sát."

Nghe vậy, bà *Híp* cuống cuồng lên, quỳ dưới chân Ácnét mà khóc nhờ can thiệp giúp hộ, bà kêu lên rằng cháu nó rất hèng kém, vì tất cả những điều này đều là sự thực, rằng nếu hắn không làm điều chúng tôi muốn hắn làm thì bà ta sẽ làm và nhiều điều đại khái như thế bởi vì bà ta gần phát điên vì lo sợ cho cậu con trai yêu quý. Yêu cầu những điều hắn có thể làm nếu hắn có chút ít can đảm cũng vô ích như là yêu cầu của một con chó phải làm điều mà nó sẽ làm nếu nó có đủ dũng khí của một con chó. Từ đầu

đến chân, hắn là một thằng hèn nhát và bản tính sợ hãi nhút nhát của hắn biểu lộ ở vẻ mặt u ám và ủ dột lúc này hơn ở bất kỳ lúc nào khác trong cuộc đời hèn hạ của hắn.

"Im đi!" hắn càu nhàu với tôi, lấy tay sờ lên cái trán ướt đẫm. "Mẹ im đi. Được! Chúng ta sẽ cho họ tờ giấy ấy. Mẹ đi lấy đi".

"Ông Đích chịu khó giúp bà ta một tay", Trátđơn nói.

Tự hào về sứ mạng của mình mà ông ta hiểu rất rõ, ông Đích đi theo bà *Híp* như con chó của một người chăn cừu có thể đi theo một con cừu. Nhưng bà ta không làm cho ông ta thiệt hại gì vì bà ta quay lại không những với tờ giấy mà cả cái hộp đựng tờ giấy ấy, trong hộp có một tập ngân phiếu và một loạt giấy tờ khác sau này tỏ ra có ích.

"Tốt lắm" Trátđơn nói, khi tờ giấy này đã được đem đến. Ông Híp, bây giờ ông có thể rút lui để suy nghĩ, và tôi yêu cầu ông phải tuân thủ đặc biệt điều này; tôi tuyên bố nhân danh tất cả những người có mặt, ông chỉ có một việc phải làm, đó là làm điều tôi đã nói với ông và phải làm ngay lập tức.

Uria, mắt không rời khỏi sàn uể oải đi đến cánh cửa, một tay gãi gãi cái cằm và đến cửa, hắn dừng lại nói với tôi.

"Copơphin, xưa nay tao vẫn căm ghét mày. Mày bao giờ cũng là một thằng láo xược và bao giờ mày cũng chống lại tao."

"Như tôi đã có lần nói với ông, chính vì tính tình ông tham lam và lắm mưu mô cho nên bao giờ ông cũng chống lại mọi người. Có lẽ ông nên nghĩ rằng không có một sự tham lam và một mưu mô nào trên đời này lại không đi quá xa và vượt quá mục đích của nó, nghĩ đến điều đó có lẽ sẽ có ích cho ông sau này. Điều đó cũng chắc chắn như là cái chết vậy".

"Hay cũng chắc chắn như điều người ta dạy cho tao ở nhà trường (ở cái trường ở đây tao học được bao nhiêu cách tỏ ra hèng kém), khi người ta dạy từ chín giờ đến mười một giờ rằng lao động là một điều đáng nguyền rủa nhưng từ mười một giờ đến một giờ thì lại dạy rằng nó là một hạnh phúc, một niềm vui, một vinh dự và không còn biết cái gì nữa, có phải thế không?" Hắn nói nhăn nhở. "Lời thuyết giáo của mày cũng hùng hồn như lời giáo huấn của họ đây. Thái độ hèng kém hỏng rồi à? Tao thấy tao không thể nào chơi ông bạn cộng tác đáng kính của tao nếu không có nó. Còn mày Micôbơ, thằng khoác lác kia, mày sẽ biết tay tao".

Ông Micôbơ tỏ ra hết sức khiêu khích trước Uria và trước những ngón tay hắn chĩa ra, ông ưỡn cao lồng ngực cho đến khi hắn đã lẻn ra khỏi cửa, đoạn quay về phía tôi, ông đề nghị tôi "dự cảnh phục hồi lòng tin cậy lẫn nhau giữa bà Micôbơ và ông". Sau đó, ông mời tất cả những người có mặt đến chứng kiến cảnh tượng cảm động ấy.

"Tấm màn mấy lâu nay chia cách tôi với bà Micôbơ bây giờ đã được cất đi", ông Micôbơ nói, "và những đứa con của tôi và kẻ sinh ra nó lại có thể gặp nhau bình đẳng."

Vì chúng tôi đều chan chứa lòng biết ơn đối với ông và đều muốn tỏ điều ấy với ông trong chừng mực tâm trạng nóng ruột và rối loạn của chúng tôi cho phép, tôi tin chắc là tất cả chúng tôi sẽ đều đều, nếu như Ácnét không phải quay lại với cha nàng vì hiện nay ông cụ vẫn chưa có thể chịu đựng một cái gì hơn là bình minh của hy vọng; và cần phải một người nữa để giữ Uria một cách chắc chắn. Vì vậy Trátđơn ở lại, làm việc này, trong khi chờ đợi ông Đích đến thay thế, còn ông Đích cô tôi và tôi đi theo ông Micôbơ tới nhà ông ta. Khi tôi vội vàng từ biệt người con gái thân yêu mà tôi chịu ơn rất nhiều, khi tôi nghĩ đến sự nguy hiểm nàng đã thoát khỏi sáng hôm ấy (mặc dầu nàng có những quyết định tốt đẹp) tôi cảm thấy hết sức biết ơn những bất hạnh của thời thơ ấu đã làm tôi quen biết ông

Micôbơ.

Nhà ông ta ở không xa, vì cánh cửa ra vào nhìn vào phòng khách và ông chạy lao vào nhà với cái vẻ vội vã đặc biệt và chúng tôi liền thấy mình ở giữa gia đình ông. Ông Micôbơ kêu lên. Emma! Cuộc đời của anh!" và đâm vào giữa cánh tay bà vợ. Bà Micôbơ kêu lên một tiếng lanh lảnh ôm chầm lấy ông. Cô Micôbơ đang bế đứa bé xa lạ vô tội được nhắc đến trong bức thư cuối cùng bà Micôbơ gửi cho tôi cũng rất cảm động. Đứa bé xa lạ kia chồm lên, những đứa sinh đôi biểu lộ nỗi vui sướng của chúng bằng những cử chỉ bất tiện nhưng vô hại. Cậu Micôbơ, mà tính tình có vẻ chua chát vì bị những thất vọng quá sớm nên khuôn mặt đã trở nên ủ dột bỗng tỏ ra tươi hẳn lên và khóc thút thít, ông Micôbơ nói:

"Emma! đám mây che mờ đầu óc anh đã tan rồi. Lòng tin cậy được gìn giữ từ lâu giữa chúng ta, đã trở lại và không bao giờ bị cản trở nữa. Bây giờ đói khổ muôn năm!" ông kêu lên, vừa kêu vừa khóc.

"Bất hạnh muôn năm! Đói rét, bão táp và hành khất muôn năm! Lòng tin cậy lẫn nhau sẽ nâng đỡ chúng ta đến cùng."

Trong khi nói như vậy, ông lại đặt bà Micôbơ lên một cái ghế và lần lượt hôn tất cả các con, chờ đợi cái tương lai ảm đạm mà theo tôi thấy không có chút gì là thú vị đối với họ; rồi ông bảo tất cả hãy đi hát đồng ca ở ngoài đường Cantơbơri bởi vì họ không có cách sinh sống nào khác.

Nhưng vì bà Micôbơ đã ngất đi vì bị xúc động mãnh liệt nên điều đầu tiên phải làm trước khi đoàn đồng ca có thể xem là đầy đủ là thức tỉnh bà. Đó là điều cô tôi và ông Micôbơ làm. Rồi người ta giới thiệu cô tôi, và bà Micôbơ nhận ra tôi.

"Tôi xin lỗi, anh Copơphin", bà vợ tội nghiệp giơ tay bắt tay tôi, "nhưng tôi không khỏe mạnh, và tình trạng những chuyện hiểu lầm gần đây giữa anh Micôbơ với tôi biến mất đột ngột là quá sức chịu đựng của tôi".

"Có phải tất cả các cháu đây không?" cô tôi hỏi.

"Hiện nay không có đứa nào khác", bà Micôbơ đáp.

"Trời ơi! không phải tôi muốn nói thế", cô tôi nói. "Tôi muốn nói: những đứa này có phải là con của bà cả không?".

"Thưa bà", ông Micôbơ nói, "lời tố cáo của bà là đúng đấy ạ".

Và cậu cả của tất cả những cậu này", cô tôi nói tư lự "cậu học nghề gì thế".

"Khi đến đây", ông Micôbơ nói, "tôi hy vọng đưa Uynkin vào nhà thờ, có lẽ nói đưa vào ban đồng ca thì đúng hơn. Nhưng ở trong ban đồng ca của ngôi nhà thờ đáng kính làm cho thành phố này nổi tiếng không thiếu người hát giọng trầm, và tóm lại, cháu nó có thói quen hát trong các hiệu cà phê, chứ không phải ở những điện thờ thiêng liêng". "Nhưng nó có những ý định tốt", bà Micôbơ nói rất âu yếm.

"Anh cũng chắc thế em ạ", ông Micôbơ đáp, "những ý định của nó hết sức tốt nhưng anh vẫn chưa thấy nó dùng những ý định ấy theo một hướng nào cả."

Cậu Micôbơ lại trở về ủ dột và hỏi một cách cáu kỉnh cậu ta phải làm gì đây? Có phải cậu sinh ra là thợ mộc, là thợ sơn xe ngựa hay là sinh ra là chim? Cậu có nên mở một hiệu bào chế ở con đường gần nhất không? Cậu có nên chạy đến các tòa hội thẩm và tuyên bố mình là trạng sư không? Cậu có nên liều mạng vào ban Nhạc kịch và dùng võ lực để thành công không? Cậu có thể làm một điều gì mà không cần học hành gì cả không?

Cô tôi suy nghĩ một lát rồi nói:

"Ông Micôbơ, tôi ngạc nhiên tại sao ông không bao giờ nghĩ đến việc xuất dương".

"Thưa bà, đó là giấc mơ thời niên thiếu của tôi và khát vọng ngông cuồng của thời đứng tuổi".

Nhưng tôi tin chắc rằng trong đời ông, ông chưa bao giờ nghĩ đến điều đó.

"Thực thế không?" cô tôi nói liếc mắt nhìn tôi. "Này! Nếu bây giờ ông xuất dương thì sẽ là rất tốt cho các cháu và cho ông bà".

"Thưa bà vốn liếng ở đâu, vốn liếng ở đâu?", ông Micôbơ phản đối, nét mặt ủ dột.

"Đó là khó khăn chính, thậm chí tôi có thể nói khó khăn duy nhất, anh Copơphin ạ" bà vợ tán thành.

"Vốn liếng à?" cô tôi kêu lên, nhưng ông đang giúp chúng tôi một việc rất quan trọng… Ông đã giúp chúng tôi một việc rất quan trọng, tôi có thể nói như vậy, bởi vì thế nào chúng ta cũng cứu được khối tiền khỏi tay thằng cha kinh khủng kia… và chúng tôi có thể làm gì có ích cho ông hơn là tìm vốn liếng cho ông?".

"Tôi không thể nào chấp nhận quà tặng" ông Micôbơ nói đầy nhiệt tình hăng hái, "nhưng nếu người ta cho tôi vay một số tiền kha khá (chẳng hạn một năm lãi năm phân) lấy cá nhân tôi làm bảo lĩnh, chẳng hạn dưới hình thức giấy cho vay sẽ trả khoảng mười hai mười tám và hăm bốn tháng, lần lượt như vậy để chờ đợi thời gian có điều gì may mắn xảy ra".

"Có thể vay à? Không những là có thể vay mà sẽ vay theo những điều kiện do ông quy định", cô tôi đáp, "ông chỉ cần nói một lời thôi. Bây giờ hai ông bà hãy nghĩ đến điều đó đi. Đêvít quen mấy người sắp đi Úc. Nếu ông quyết định ra đi, tại sao ông lại không cùng đi chuyến tàu ấy? Mọi người có thể giúp đỡ nhau, ông bà hãy nghĩ ngay đến việc đó đi. Hãy dành thì giờ suy nghĩ và cân nhắc hơn thiệt".

"Thưa bà, tôi chỉ muốn hỏi một câu", bà Micôbơ nói, "Khí hậu ở đây tốt chứ?"

"Tốt nhất thế giới", cô tôi nói.

"Tuyệt lắm", bà Micôbơ đáp. "Thế thì vấn đề của tôi là thế này: chúng ta thử xem những điều kiện ở xứ sở ấy có thể cho phép một con người có tài như anh Micôbơ có hy vọng leo lên những bực thang của xã hội không? Lúc này tôi không hỏi các vị xem ông ấy có thể vươn lên chức tỉnh trưởng hay một cái gì đại khái như vậy. Nhưng ở đấy, có những việc làm thích hợp để cho tài năng của anh ấy phát triển (và thế là đủ lắm rồi) và thành đạt không?".

"Không ở đâu", cô tôi đáp, "không có một nơi nào tốt hơn đối với một người lương thiện hăng hái làm việc".

"Đối với một người lương thiện", bà Micôbơ nhắc lại với cái vẻ hết sức thực tiễn và sáng suốt của mình, "lại hăng hái làm việc. Đúng thế. Tôi thấy rõ ràng nước Úc là thao trường hoạt động chân chính đối với anh Micôbơ".

"Thưa bà", ông Micôbơ nói, "tôi tin rằng trong những hoàn cảnh hiện nay đó là xứ sở tốt nhất, xứ sở duy nhất đối với gia đình tôi và tôi, và ở trên bờ biển Úc một hoàn cảnh hết sức tốt đẹp sẽ đến. Nó không xa… cho lắm và mặc dầu đề nghị nhân từ của bà đòi hỏi tôi phải suy nghĩ, nhưng tôi can đoan với bà rằng đó chỉ đơn thuần là vấn đề hình thức mà thôi."

Tôi làm sao quên được trong giây lát ông bỗng trở nên con người lạc quan nhất đời, thấy mình đã giàu và bà Micôbơ bỗng nói chuyện thao thao bất tuyệt về những thói quen của giống đại thử? Khi hồi tưởng lại đường phố ở Cantơbơri một ngày phiên chợ làm sao tôi quên được hình ảnh ông Micôbơ

tiễn chúng tôi trên đường về và biểu lộ bằng thái độ táo bạo và ngông nghênh mà ông vừa mới có, những thói quen hay thay đổi của một người khách nhân tiện ghé qua nước Anh, ngắm nhìn những con bò đi qua với cặp mắt của người điền chủ Úc.

---

[1] Etuốtc, con vua nước Anh Etuốtc III thường được gọi là Hoàng tử Đen (1330-1376).

[2] Trong nguyên bản hai chữ Heep có nghĩa là tên của Híp, và lại có nghĩa là một đồng. Nguyên văn là một đồng hèn hạ.

[3] Mácbét hồi 1 cảnh 1.

[4] Chàng Đan mạch triết gia là Hăm-lét. Vinh dự cao quý nhất Sếch-xpia. Điều tệ nhất: Hăm-lét hồi 3 cảnh 4.

[5] Hình ảnh này lấy trong một bài thơ của Uyliam Ướtxuớt.

[6] Bài hát cái chết của Nenxơn.

Chương LIII
LẠI NHÌN LẠI QUÁ KHỨ

Tôi phải dừng lại một lần nữa. Ôi!

Người vợ trẻ con của tôi! Trong số những hình ảnh diễn ra trong ký ức tôi, có một bóng người, im lặng và im lìm nói với tôi với tình yêu ngây thơ và vẻ đẹp trẻ con của nàng. "Anh đừng để nghĩ đến em! Hãy quay lại nhìn bông hoa nhỏ lả tả bay trước gió và rơi xuống đất."

Tôi vâng lời. Những hình ảnh khác mờ đi và biến mất. Tôi ngồi với Đôra trong ngôi nhà của chúng tôi. Tôi không biết nàng ốm đã bao lâu rồi. Tôi đã quen với cảm giác ấy nên không thể tính thời gian nữa. Thời gian không phải dài nên tính tuần tính tháng, nhưng cảm tưởng và kinh nghiệm của tôi cho tôi biết rằng nó lê thê và vô tận.

Người ta đã thôi không bảo tôi "hãy đợi thêm vài ngày nữa". Tôi đã bắt đầu sợ hãi mơ hồ rằng cái ngày tôi có thể thấy bà vợ trẻ con của tôi tung tăng dưới ánh mặt trời với người bạn cũ của nàng là Díp sẽ không còn nữa.

Díp bỗng trở nên già lạ lùng. Có lẽ nó không tìm thấy ở nhà bà chủ của nó một cái gì làm nó phấn chấn lên và trẻ lại. Nó ủ dột, mắt kém đi, chân mềm yếu, và cô tôi tiếc rằng nó không sủa cô tôi nữa mà lê mình đến gần cô tôi khi nó nằm trên giường Đôra (cô tôi ngồi ở đầu giường Đôra) và liếm tay cô tôi một cách hiền lành.

Đôra nằm: nàng cười với chúng tôi, nàng đẹp và không than phiền một lời. Nàng nói rằng chúng tôi rất tốt đối với nàng, rằng cậu bé thân yêu ngày xưa chăm sóc nàng vất vả. Cô tôi không ngủ nhưng vẫn luôn luôn tỉnh táo, hăng hái và dịu dàng. Đôi khi những bà cô nhỏ nhắn giống như chim tới thăm nàng; và lúc bấy giờ chúng tôi nói đến ngày đám cưới của chúng tôi, và tất cả cái thời sung sướng ngày xưa.

Trong đời tôi, tôi cảm thấy êm ả làm sao và êm đềm làm sao trong tất cả cuộc đời, trong nhà cũng như bên ngoài) khi ngồi trong căn phòng ngủ yên tĩnh, ngăn nắp, ánh sáng mờ mờ, với đôi mắt hiếc của bà vợ trẻ con của tôi quay về phía tôi và những ngón tay nhỏ của nàng quấn quanh tay tôi. Tôi ngồi như vậy hết giờ này sang giờ khác. Nhưng trong số những giấy phút ấy có ba việc bao giờ cũng khắc sâu vào ký ức tôi.

*

Hôm ấy sáng sớm; Đôra được tô điểm rất dễ thương do bàn tay của cô tôi, nàng chỉ cho tôi thấy bộ tóc xinh xinh của nàng vẫn cứ quăn tít ở trên gối, tóc dài và lấp lánh làm sao và nàng thích để nó nằm tự nhiên trong lưới tóc.

"Không phải bây giờ em mới kiêu ngạo về nó đâu, cậu bé hay chế giễu của em", nàng nói với tôi khi thấy tôi mỉm cười, "nhưng bởi vì xưa kia anh nói rằng anh thấy nó rất đẹp, và bởi vì khi lần đầu em nghĩ đến anh, em hay nhìn vào gương và tự hỏi anh có thích không khi được một món tóc quăn. Ồ! Anh Đoátđi ạ, ngày em cho anh một món tóc như vậy em thật ngốc tệ."

"Đó là ngày em vẽ những bông hoa mà anh đã cho em, Đôra ạ và anh nói với em anh mê em như thế nào."

"Ồ! Nhưng mà hôm ấy em không nói với anh," Đôra nói, "em đã khóc nên những bông hoa ấy như thế nào, bởi vì em tin rằng anh thực sự yêu em! khi nào em có thể lại chạy tung tăng như ngày xưa, anh Đoátđi ạ, chúng ta phải đi xem những nơi ở đây chúng ta đã là một đôi bạn ngốc nghếch như thế, có phải không anh? Và chúng ta sẽ lại đi dạo ở một vài nơi ngày xưa vẫn đi. Và chúng ta sẽ không quên

ba tội nghiệp của em anh nhỉ?"

"Phải đấy, chúng ta sẽ đi và chúng ta sẽ sống vài ngày hạnh phúc cho nên em ạ em phải chóng khỏe lên."

"Ồ! chỉ chúng thôi. Em đã đỡ lắm rồi, anh không biết đấy thôi."

*

Buổi chiều. Tôi ngồi cũng trên cái ghế ấy, cũng gần cái giường ấy và cũng cái gương mặt ấy quay về phía tôi. Chúng tôi vẫn yên lặng và trên gương mặt nàng nở một nụ cười. Tôi đã không mang con người nhẹ tênh ấy lên xuống cầu thang nữa. Nàng nằm ở đây suốt ngày.

"Anh Đoátđi".

"Đôra!"

"Cách đây không lâu anh bảo ông Uýchơphin ốm. Anh chớ bảo điều em sắp nói đây là ngốc đấy nhé? Nhưng bây giờ em muốn gặp Ácnét. Em muốn gặp chị ấy lắm".

"Anh sẽ viết thư cho chị ấy."

"Thực không?"

"Ngay đây mà!"

"Cậu bé ngoan và dễ thương quá! Anh Đoátđi hãy để em dựa vào cánh tay anh. Thực đấy anh ạ, đấy không phải là sở thích ngốc nghếch đâu. Quả thực em muốn gặp chị ấy".

"Anh cũng tin như vậy, anh chỉ cần nói với chị ấy và thế nào chị ấy cũng đến."

"Khi anh ở dưới nhà anh rất cô độc có phải không?" Đôra hỏi thầm giơ một tay bá lấy cổ tôi.

"Làm sao có thể khác được, em yêu quý của anh, khi anh thấy cái ghế trống của em."

"Cái ghế trống của em!" nàng áp vào người tôi và yên lặng một lát. "Anh Đoátđi có thực anh thiếu em không?" Nàng ngước mắt lên và nở nụ cười rạng rỡ. "Mặc dầu em là con bé ngốc nghếch và dại dột?"

"Em ơi, ở trên trái đất này có thể có một cái gì khiến anh yêu quý như thế đâu?".

"Ồ! Người chồng của em! Em rất bằng lòng nhưng cũng rất buồn!" Nàng lê dần đến gần tôi hơn lấy hai tay ôm ghì lấy tôi. (Nàng cười, nàng khóc rồi dịu lại và nói với tôi rằng nàng rất sung sướng).

"Hết sức sung sướng!" nàng nói. "Anh viết thư cho chị Ácnét bảo em gửi lời thăm và bảo em muốn gặp chị ấy muốn ghê lắm còn ngoài ra, không muốn gì nữa."

"Ngoài việc khỏi bệnh. Đôra ạ".

"Anh Đoátđi, đôi khi em tự nhủ (em biết rằng bao giờ cũng là con bé ngốc nghếch) không bao giờ điều đó xảy ra."

"Đừng nói thế Đôra ạ, em yêu quý của anh, em đừng nghĩ thế."

"Em sẽ không nghĩ thế nếu em có thể làm khác được anh Đoátđi ạ. Nhưng em rất sung sướng mặc dầu cậu bé thân yêu của em rất cô độc trước cái ghế trống không của bà vợ trẻ con của mình."

*

Trời đã tối và tôi vẫn ngồi cạnh nàng.

Ácnét đã đến. Nàng đã sống một ngày và một buổi tối với chúng tôi. Cô tôi, nàng và tôi ngồi cạnh Đôra từ buổi sáng. Chúng tôi không nói nhiều, nhưng Đôra hết sức sung sướng và vui vẻ. Lúc này chỉ có hai chúng tôi.

Tôi có biết chẳng bao lâu nữa bà vợ trẻ con của tôi sẽ rời bỏ tôi không? Người ta đã bảo tôi thế; người ta không nói với tôi điều gì mới mẻ đối với tôi, nhưng tôi không tin sự thực ấy khắc sâu vào tim tôi. Tôi không thể làm chủ được nó. Hôm nay nhiều lần tôi rút lui một mình để khóc. Tôi nhớ đến Con người đã khóc khi nghĩ đến một sự cách biệt giữa người sống và người chết[1] tôi đã ngẫm nghĩ đến tất cả câu chuyện đầy nhân từ và lòng thương kia. Tôi đã cố gắng chịu đựng, an ủi mình và hy vọng rằng đã đạt đến một phần tuy rất nhỏ; nhưng tôi không thể tài nào chấp nhận rằng cái kết thúc nhất định sẽ đến. Tôi cầm tay nàng trong bàn tay mình; tôi kéo tim nàng áp vào tim tôi; tôi thấy tình yêu của nàng đối với tôi vẫn sôi nổi với tất cả sức mạnh của nó. Tôi không thể không có một tia hy vọng mong manh… Có lẽ nàng sẽ tránh khỏi.

"Em sắp nói với anh, anh Đoátđi ạ. Em sắp nói với anh một điều mà gần đây em thường nghĩ đến. Điều ấy không làm anh bực mình chứ?" nàng nói nhìn tôi dịu dàng.

"Không đâu em ạ!"

"Bởi vì em không biết anh sẽ nghĩ gì hay đôi khi anh có thể nghĩ gì. Có lẽ anh vẫn thường có cái ý nghĩ ấy chăng? Anh Đoátđi yêu quý, em sợ em còn trẻ quá".

Tôi áp mặt tôi lên cái gối cạnh nàng và nàng nhìn vào mắt tôi và nói với tôi rất dịu dàng. Dần dần trong khi nghe nàng nói, lòng tôi tan nát, tôi hiểu rằng nàng nói về mình trong quá khứ.

"Anh ạ, em sợ rằng em còn trẻ quá. Em không muốn nói trẻ về tuổi mà thôi mà về cả kinh nghiệm, về suy nghĩ về tất cả mọi mặt. Em là một con bé ngốc nghếch quá! Em nghĩ rằng nếu chúng ta yêu nhau như những đứa trẻ thơ để rồi sau đó quên đi thì tốt hơn nhiều. Em đã bắt đầu nghĩ rằng em không thích hợp để đóng vai bà vợ".

Tôi cố gắng đừng khóc và đáp lại.

"Ồ! Đôra em ơi, em cũng thích hợp như anh trong việc đóng vai ông chồng".

"Em không biết", nàng nói lúc lắc những mớ tóc quăn. "Có lẽ! Nhưng nếu như em thích hợp hơn, em có thể làm cho anh cũng thích hợp. Vả lại anh rất thông minh, còn em không bao giờ thông minh cả."

"Chúng mình đã rất sung sướng, em Đôra dễ thương của anh".

"Em đã rất sung sướng, rất sung sướng. Nhưng năm tháng trôi qua, cậu bé yêu quý của em sẽ chán bà vợ trẻ con của mình. Cô ta sẽ ngày càng không thích hợp với chồng mình. Anh ta sẽ ngày càng thấy rõ gia đình mình thiếu thốn điều gì. Cô ta sẽ không tiến bộ hơn chút nào. Như thế này là tốt hơn."

"Ồ! Đôra, em yêu quý của anh, em yêu quý của anh. Em đừng nói thế. Mỗi lời nói của em làm anh cảm thấy như một lời trách móc".

"Không, không có lời nào trách móc cả anh ạ" nàng đáp và hôn tôi. "Ồ! anh yêu quý, anh không đáng trách chút nào; và em yêu anh quá nên không thể nói với anh một lời trách móc khi em nói một cách nghiêm chỉnh. Đó là ưu điểm duy nhất của em ngoài ưu điểm là xinh… hay được anh cho là xinh. Anh Đoátđi, anh ngồi dưới nhà có cảm thấy cô độc không?

"Rất cô độc, rất cô độc".

“Đừng có khóc, ghế bành của em vẫn ở đấy chứ?”

“Nó vẫn ở chỗ cũ.”

“Ồ! cậu bé tội nghiệp của em khóc nhiều quá. Bây giờ anh phải hứa với em một lời. Em muốn nói chuyện với Ácnét. Khi anh bước xuống anh hãy nói điều đó với Ácnét và bảo chị ấy lên đây, và trong lúc em nói với chị ấy, anh không được để ai đến, cả cô em nữa. Em chỉ muốn nói riêng với Ácnét thôi. Em muốn nói với một mình Ácnét mà thôi.”

Tôi hứa với nàng tôi sẽ làm ngay điều đó, nhưng lòng đau buồn quá tôi không thể rời khỏi nàng.

“Em đã nói rằng như thế là hơn đấy” nàng nói thầm lấy hai tay ôm lấy tôi. “Ồ! anh Đoátđi, năm tháng trôi đi anh không bao giờ có thể yêu người vợ trẻ con của anh hơn anh yêu hiện nay và về sau nữa, cô vợ ấy sẽ làm anh bực mình, thất vọng đến nỗi anh không thể nào yêu cô ta bằng một nửa ngày trước. Em biết em rất trẻ và ngốc. Như thế này mà hơn.”

*

Ácnét ở tầng dưới khi tôi bước vào phòng khách và tôi nói cho nàng biết lời yêu cầu của Đôra. Nàng biến mất và để tôi ngồi với Jíp.

Ngôi chùa của nó cạnh ngọn lửa và nó nằm trong chùa trên cái giường bằng dạ, rên rỉ, cố gắng ngủ. Mặt trăng lên cao trên bầu trời, trong sáng và rực rỡ. Khi tôi nhìn ra ngoài, những giọt nước mắt tuôn trào và con tim bướng bỉnh của tôi bị giằn vặt đau xót… rất đau xót.

Tôi ngồi bên ngọn lửa, hối hận bâng khuâng nghĩ đến tất cả những tình cảm kín đáo ấp ủ trong tôi từ khi tôi lấy vợ. Tôi nghĩ đến tất cả những điều vặt vãnh đã xảy ra giữa Đôra và tôi. Và tôi hiểu sự thật, đó là những điều vặt vãnh làm thành toàn bộ cuộc sống. Tôi còn thấy hình ảnh của cô bé yêu quý như lúc đầu tôi biết nàng, luôn luôn hiện lên trong đại dương của ký ức tôi, đẹp thêm lên bởi tình yêu của tôi, bởi tình yêu của nàng và bởi tất cả sự hấp dẫn của một mối tình chan chứa yêu thương. Phải chăng chúng tôi nên yêu nhau như hai đứa trẻ rồi sau đó quên nhau đi, có hơn không? Hãy trả lời đi, con tim bướng bỉnh!

Tôi không biết thời gian trôi qua như thế nào cho đến khi tôi tỉnh lại. Người bạn cũ của người vợ trẻ con của tôi luôn luôn lăng xăng hơn trước, bò ra khỏi ngôi nhà của nó, nhìn tôi và bước đến cánh cửa và yêu cầu để tôi cho nó lên cầu thang.

“Tối nay không được đâu, Jíp ạ! Tối nay không được đâu!”

Nó lại đến nằm bên dưới chân tôi liếm tay tôi và ngước cặp mắt đục lờ nhìn mặt tôi.

“Ồ Jíp” có lẽ không bao giờ nữa.

Nó nằm dưới chân tôi và duỗi người ra như buồn ngủ; nó kêu lên một tiếng rền rĩ. Nó chết.

“Ồ, Ácnét nhìn kìa, nhìn kìa!”

Cái gương mặt ấy đầy tình thương và buồn bã, cái suối nước mắt ấy, cái tiếng kêu dễ sợ lặng lẽ gọi tôi, bàn tay nghiêm trang giơ lên trời cao!

“Ácnét? Cái gì thế?”

Hết rồi. Mắt tôi tối sầm lại và trong chốc lát mọi vật biến mất khỏi ký ức của tôi.

---

[1] Tân ước: và Giê-xu khóc (giăng XI, 36).

Chương LIV
NHỮNG CÁCH THU XẾP CỦA ÔNG MICÔBƠ

Lúc này không phải là lúc tôi miêu tả lại tâm trạng mình, dưới nỗi u buồn nặng trĩu. Tôi bắt đầu nghĩ rằng Tương lai đối với tôi là bế tắc, rằng nghị lực và mọi hoạt động của tôi từ nay sẽ chấm dứt, rằng tôi không bao giờ tìm được nơi ẩn nấp ở đâu ngoài nấm mộ. Cuối cùng tôi nghĩ như vậy, nhưng không phải dưới cái đòn đau buồn đầu tiên. Những ý nghĩ ấy phát triển dần.

Nếu những biến cố tôi sắp kể lại không dồn dập quanh tôi để làm cho nỗi đau buồn của tôi bị lộn xộn và cuối cùng càng tăng thêm thì có thể (mặc dầu tôi không cho điều đó xảy ra) tôi đã rơi ngay vào tình trạng ấy. Trong thực tế, một thời gian trôi qua trước khi tôi nhận thức đầy đủ nỗi bất hạnh của chính mình…; có một khoảng cách đã xảy ra trong đó thậm chí tôi đi đến chỗ nghĩ rằng những đau khổ sâu sắc nhất của tôi đã qua; và trong thời gian đó, tâm hồn tôi yên tĩnh lại khi nghĩ đến tất cả những gì ngây thơ nhất và đẹp đẽ nhất trong câu chuyện trìu mến từ nay đã vĩnh viễn chấm dứt.

Ngay cả lúc này, tôi cũng không thấy rõ khi nào lần đầu người ta bảo tôi rằng tôi nên đi du lịch nước ngoài và tại sao chúng tôi quyết định rằng tôi cần phải đem lại sự yên tĩnh cho tâm hồn bằng cách thay đổi không khí và đi du lịch. Ảnh hưởng của Ácnét chi phối tất cả ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng tôi trong những ngày tang tóc ấy, nên tôi nghĩ rằng có thể nói dự định ấy là do ảnh hưởng của nàng. Nhưng ảnh hưởng của nàng kín đáo đến nỗi tôi không biết gì hơn.

Và lúc này thực vậy, tôi bắt đầu thấy rằng ngày xưa khi gắn liền hình ảnh nàng với cái hình ghép bằng kính ở nhà thờ, tôi đã tiên đoán vai trò của nàng đối với tôi trong cảnh bất hạnh xảy ra vào giờ của nó. Trong tất cả nỗi đau buồn ấy, từ cái giây phút không bao giờ quên được trong đó nàng đứng trước mặt tôi, bàn tay giơ lên trời, nàng như một thiên thần trong ngôi nhà cô độc của chúng tôi. Khi Thần chết đã đến (người ta kể lại cho tôi khi tôi có thể, nghe chuyện ấy) bà vợ trẻ con của tôi đã ngủ trong lòng nàng trên môi mở một nụ cười. Khi tỉnh dậy khỏi cơn mê tôi thấy những giọt nước mắt xót thương của nàng, và thấy gương mặt dịu hiền của nàng dường như từ một nơi nào trong trẻo hơn và gần thiên đường hơn cúi xuống nhìn con tim bồng bột của tôi để xoa dịu nỗi buồn.

Nhưng tôi phải kế tiếp.

Tôi định đi ra nước ngoài. Điều đó hình như đã được quyết định giữa chúng tôi ngay từ lúc đầu. Khi mặt đất đã che phủ tất cả cái thân hình sẽ thành tro bụi của người vợ đã quá cố, tôi chỉ chờ đợi cái mà ông Micôbơ gọi là: "đánh tan Híp thành tro bụi" và ngày những người xuất dương ra đi Theo đề nghị của Trátđơn, người bạn thân và tận tụy nhất trong những nỗi bất hạnh của tôi, chúng tôi (nghĩa là Ácnét, cô tôi và tôi) trở lại Cantơbơri. Chúng tôi đi ngay đến nhà ông Micôbơ theo lời chỉ dẫn của Trátđơn và ông bạn của tôi vẫn luôn luôn làm việc ở đấy, ở nhà ông Uýchơphin, từ cuộc gặp gỡ quan trọng lần trước. Khi bà Micôbơ tội nghiệp nhìn thấy tôi mặc đồ đen bước vào bà rất cảm động. Trong tim bà Micôbơ có nhiều tình cảm tốt đẹp mà tất cả bao năm cực khổ vẫn không làm tiêu tan.

"Thế nào? Ông bà Micôbơ", cô tôi chào sau khi chúng tôi đã ngồi xuống, "Ông bà có nghĩ đến đề nghị xuất dương mà tôi đã nói không?".

"Thưa cô", ông Micôbơ đáp, "có lẽ tôi có thể có đủ tư cách để biểu lộ cái kết luận mà bà Micôbơ, người tôi tớ thấp hèn của cô và cả các cháu nữa, từng người và tất cả, đã đi đến, và để nói theo lời một nhà thơ trứ danh, chúng tôi xin trả lời cô:

"Chiếc tàu của chúng ta đã cập bến, và lát nữa chúng ta sẽ ra khơi"[1].

"Hay lắm", cô tôi nói, "quyết định sáng suốt của ông làm cho tôi thấy trước mọi điều may mắn".

“Thưa cô, cô làm vinh dự cho tôi”, ông đáp (rồi ông lại xem một quyển sổ ghi chép). “Còn về sự giúp đỡ về kinh tế có thể cho phép chúng tôi ra biển khơi doanh nghiệp trong chiếc thuyền mong manh của chúng tôi, thì tôi đã xem lại vấn đề kinh doanh quan trọng này, và tôi muốn đề nghị với cô rằng những tờ giấy vay nợ của tôi (không cần phải nói là viết trên giấy có dán tem theo đúng những thủ tục của các đạo luật của nghị viện về vấn đề này) sẽ được quy định với thời gian trả là mười tám, hai mươi bốn và ba mươi tháng. Dự án trước đây đã đệ trình cô gồm có những thời hạn là mười hai, mười tám và hai mươi bốn tháng; nhưng tôi nhận thấy cách thu xếp này không thể dành đủ thời gian cho những dịp may mắn xuất hiện để trả số tiền này. Khi thời hạn đầu tiên hết”, ông Micôbơ nói đưa mắt nhìn chung quanh gian phòng như nó đã được biểu hiện bằng mấy trăm sào ruộng trồng trọt cẩn thận, “nhưng tôi có thể không thành công trong vụ thu hoạch đầu hay có thể chưa thu hoạch được. Theo tôi, nhân công ở các thuộc địa của chúng ta đôi khi khó tìm và chúng tôi phải chiến đấu với đất đai phì nhiêu”.

“Ông cứ tha hồ thu xếp như ông muốn”, cô tôi nói.

“Thưa cô”, ông đáp, “bà Micôbơ và tôi, chúng tôi rất cảm động về lòng ân cần quý hóa của người bạn và người che chở chúng tôi. Điều tôi muốn là phải rất thực tiễn và rất đúng thời hạn. Khi mở đầu một trang hoàn toàn mới mẻ, như chúng tôi sắp làm. Và khi bước lùi như chúng tôi hiện nay đang bước để nhảy một bước thực dài; điều quan trọng đối với lòng tự trọng của tôi, ngoài việc điều đó là một cái gương cho con tôi, là những điều khoản này phải được ký kết giữa người với người”.

Tôi không biết ông Micôbơ có cho công thức này là quan trọng hay không, tôi không tin chắc có người nào chú ý đến điều đó không, nhưng ông có vẻ khoái câu ấy lắm và nhắc lại, dặng hắng một cách nghiêm trang, “giữa người với người”.

“Tôi đề nghị”, ông Micôbơ nói, “làm theo lối chứng khoán (một điều thuận tiện của thế giới thương mại mà theo ý tôi là nhờ những người Do Thái bởi vì tôi biết những người này sử dụng hình thức này hết sức nhiều, từ khi nó xuất hiện) bởi vì những tờ giấy này có thể chuyển cho người khác được. Nhưng nếu như cô làm theo lối giấy cho vay hay một đảm bảo nào khác thì tôi cũng sẽ sung sướng làm như vậy giữa người với người”.

Cô tôi tuyên bố rằng trong một việc mà cả hai bên đều sẵn sàng chấp nhận bất kỳ điều kiện gì, thì chắc hẳn việc giải quyết sẽ không khó khăn, ông Micôbơ tán thành ý kiến cô tôi.

“Còn về việc thu xếp trong gia đình chúng tôi, thưa cô” - ông Micôbơ nói có vẻ tự hào, “để đương đầu với cái vận mệnh mà bây giờ rõ ràng là chúng tôi phải lao vào, tôi xin mạn phép báo cáo tất cả cho cô biết. Con gái đầu lòng của tôi mỗi buổi sáng lúc năm giờ sáng đến cái nhà bên cạnh để học những thủ thuật (nếu như có thể gọi đó là những thủ thuật) vắt sữa bò. Hai đứa con trẻ hơn đã được lệnh quan sát hết sức cẩn thận trong chừng mực hoàn cảnh cho phép, thói quen của những con lợn và gà, vịt nuôi trong những khu phố nghèo của thành phố: đó là những việc đã làm cho chúng hai lần suýt bị xe cán, và phải mang về nhà. Bản thân tôi tuần qua đã chú ý đến nghệ thuật làm bánh mì và thằng cháu Uynkin đã đi ra tay cầm cái gậy để coi súc vật mỗi khi những người làm thuê thô lỗ chăn súc vật cho phép nó giúp đỡ không lấy tiền, - đó là một điều rất ít khi xảy ra, tôi rất tiếc là phải nói điều đó vì nó làm tổn hại tới danh dự bản tính con người; bởi vì nói chung chúng thường bị người ta cảnh cáo, chửi bới không cho làm”.

“Mọi việc đều chu đáo lắm”, cô tôi nói giọng khuyến khích, “còn bà Micôbơ chắc hẳn rất bận”.

“Thưa bà”, bà Micôbơ đáp với cái vẻ thực tiễn của mình, “tôi xin thú thực là xưa nay tôi không tích cực lo đến công việc liên quan trực tiếp đến chuyện trồng trọt hay chăn nuôi, mặc dầu tôi nhận

thấy trên bờ biển xa xôi kia cả hai việc này đều đòi hỏi tôi phải chú ý đến. Tôi đã dành những giờ phút không bận vào công việc nội trợ để viết những bức thư khá dài cho gia đình. Bởi vì anh Copơphin ạ, thú thực, tôi cảm thấy," bà Micôbơ nói, (hình như thói quen bắt bà bao giờ cũng kết thúc bằng cách nói với tôi dù cho lúc đầu bà nói chuyện với bất kỳ người nào) "rằng đã đến lúc phải quên quá khứ và gia đình tôi phải giúp anh Micôbơ, và con sư tử phải nằm bên cạnh con cừu[2] và gia đình tôi phải hòa thuận với anh Micôbơ".

Tôi bảo rằng tôi cũng nghĩ như vậy. Bà Micôbơ nói tiếp: "Anh Copơphin ạ, cách nhìn của tôi về vấn đề này, ít nhất là như vậy. Khi tôi còn ở nhà với thầy mẹ tôi, mỗi khi trong gia đình bàn bạc chuyện gì, thầy tôi vẫn thường hỏi: "Về vấn đề này con Emma của ba nghĩ thế nào?". Tôi biết rằng ba tôi quá thiên lệch. Nhưng về một vấn đề như thái độ ghẻ lạnh xưa nay vẫn có giữa ông Micôbơ với gia đình tôi, thì tôi không thể nào không có ý kiến của tôi, dù cho ý kiến ấy sai lầm đến đâu đi nữa".

"Cố nhiên! Điều đó rất dễ hiểu", cô tôi đáp.

"Đúng thế", bà Micôbơ xác nhận. "Có thể những kết luận của tôi là sai lầm… rất có thể như thế. Nhưng theo ấn tượng riêng của tôi thì nguyên nhân gây nên cái hố sâu ngăn cách anh Micôbơ và gia đình tôi là vì gia đình tôi sợ anh Micôbơ nhờ họ giúp đỡ tiền nong. Tôi không thể không nghĩ (bà nói điều này với cái vẻ rất thâm thúy) rằng có những người trong gia đình tôi sợ anh Micôbơ nhờ họ cho mượn tên. Tôi không muốn nói mượn tên để đặt tên cho con chúng tôi ngày làm lễ đặt tên, nhưng để viết vào những tờ giấy vay nợ và để kinh doanh trên thị trường tiền tệ."

Vẻ thâm thúy của bà Micôbơ khi tuyên bố điều phát hiện này, tựa hồ như trước bà không ai nghĩ đến điều đó, hình như làm cho cô tôi ngạc nhiên nên cô tôi trả lời đột ngột.

"Thưa bà, nói chung tôi sẽ ngạc nhiên rằng bà có lý."

"Vì anh Micôbơ lúc này sắp đến ngày vứt bỏ những ràng buộc về kinh tế bấy lâu nay vẫn giam hãm anh", bà Micôbơ nói, "và bắt đầu một cuộc đời mới ở một nước ở đấy những khả năng của anh sẽ có một thao trường hoạt động rộng rãi (điều đó theo tôi là rất quan trọng, bởi vì những khả năng của anh Micôbơ đặc biệt đòi hỏi phải có thao trường hoạt động) tôi cảm thấy gia đình tôi cần đánh dấu trường hợp này bằng cách bước một bước về phía trước. Điều tôi mong muốn đó là thấy cuộc gặp gỡ giữa anh Micôbơ và gia đình trong một cuộc tiếp đón vui vẻ mà gia đình sẽ bỏ tiền ra tổ chức. Lúc đó, khi một người quan trọng trong gia đình tôi đề nghị các tân khách uống rượu chúc mừng sức khỏe và thịnh vượng của anh Micôbơ, anh ấy sẽ có dịp phát biểu những ý kiến của mình".

"Emma", ông Micôbơ nói hơi bốc, "có lẽ anh nên nói trắng ngay rằng nếu anh phải trình bày những ý kiến của anh trước đám người ấy thì, những ý kiến này có lẽ sẽ làm họ khó chịu… Bởi vì, anh có cảm tưởng rằng những người trong gia đình em nhìn chung đều là những anh rởm đời láo xược và xét từng người một là những thằng côn đồ chính cống."

"Anh Micôbơ", bà Micôbơ nói, "không đâu. Anh chưa bao giờ hiểu họ và họ cũng chưa bao giờ hiểu anh", ông Micôbơ dặng hắng.

"Họ không bao giờ hiểu anh hết anh Micôbơ ạ", bà vợ nói. "Có lẽ họ bất lực không làm được điều đó và nếu thế thì họ thực không may. Tôi có thể thương hại sự bất hạnh của họ."

"Anh hết sức buồn, em Emma ạ", ông Micôbơ nói đấu dịu, "rằng anh đã phải nói những lời có thể khiến người ta cho rằng nó có vẻ là những lời quá nặng. Anh chỉ muốn nói rằng anh có thể ra ngoại quốc mà gia đình em không bước một bước nào về phía trước để giúp đỡ anh… tóm lại, họ chỉ nhún vai một cái một cách lạnh lùng để từ biệt, và nói chung, anh muốn rời khỏi nước Anh với cái đà anh

mang trong người còn hơn thấy những con người ấy nhúc nhích. Tuy vậy em ạ, nếu như gia đình em hạ cố trả lời những bức thư của em (nhưng kinh nghiệm chung của chúng ta chẳng phải đã cho biết rằng giả thuyết này rất bấp bênh là gì) thì anh không nghĩ đến việc phản đối điều mong muốn của em đâu".

Vấn đề như vậy là đã được giải quyết ổn thỏa, ông Micôbơ khoác tay bà Micôbơ, và liếc mắt nhìn đống sổ sách giấy tờ đặt trước mặt Trátđơn trên bàn, ông nói với tôi rằng hai người xin phép rút lui và họ rút lui hết sức trịnh trọng.

"Copơphin", Trátđơn bảo tôi, người ngả ra lưng ghế khi ông bà Micôbơ đã đi ra và nhìn tôi trìu mến làm mắt cậu đỏ lên và tóc cậu có đủ mọi hình dáng, "mình cứ đem công việc ra làm phiền cậu bởi vì mình biết rằng cậu rất quan tâm đến những việc này và có thể làm cậu khuây khỏa bớt. Này ông bạn, mình hy vọng ông bạn không kiệt sức chứ!"

"Mình hoàn toàn làm chủ mình", tôi nói sau khi yên lặng một lát, mình có bổn phận phải nghĩ đến cô mình hơn bất kỳ người nào khác. Cậu biết rằng cô mình đã làm cho mình những gì."

"Cố nhiên", Trátđơn nói "ai có thể quên được?"

"Nhưng vẫn chưa hết", tôi nói, "trong hai tuần gần đây, những băn khoăn mới đã làm cho cô mình khổ sở và ngày nào cô mình cũng đến Luân-đôn rồi trở về. Có nhiều lần, cô mình đi từ sáng sớm và vắng mặt cho đến chiều tối. Tối qua, Trátđơn ạ, cô mình đã đi đến đây và mãi gần nửa đêm mới về. Cậu biết cô mình chú ý đến những người khác như thế nào. Cô mình không muốn cho mình biết điều gì đã làm cô mình buồn như vậy."

Cô tôi tái nhợt, mặt đầy những nếp nhăn sâu hoắm, ngồi im cho đến khi tôi nói xong. Lúc bấy giờ một vài giọt nước mắt rời rạc rơi xuống gò má, cô tôi đặt bàn tay lên bàn tay tôi, và nói:

"Không có gì đâu Trốt ạ… không có gì đâu, sẽ không có việc như thế xảy ra nữa đâu. Ít lâu nữa cháu sẽ biết tất cả… Và bây giờ Ácnét, chúng ta hãy bàn đến công việc của chúng ta."

"Tôi phải khen ngợi ông Micôbơ", Trátđơn bắt đầu, "mặc dầu hình như không làm điều gì có ích cho ông, nhưng ông là một người luôn luôn làm việc không biết mệt khi lo cho người khác. Tôi chưa bao giờ thấy ai như thế. Nếu như ông cứ làm việc theo cái nhịp này thì có lẽ ông ta lúc này phải gần hai trăm tuổi. Thái độ hăng hái ông đã biểu lộ và sự hăng hái tích cực của ông ngày đêm vùi đầu vào sổ sách giấy tờ (không kể đến số thơ vô số mà ông đã viết từ nhà này đến nhà ông Uýchcơphin và thậm chí từ bên này qua bên kia cái bàn trên đó chúng tôi làm việc và có thể nói với tôi dễ dàng hơn nhiều) tất cả những điều đó thực là khủng khiếp".

"Thư từ à!", cô tôi kêu lên. "Tôi tưởng rằng khi nằm mơ ông ta cũng chỉ thấy có thư từ và thư từ mà thôi".

"Và cả ông Đích nữa", Trátđơn nói "cũng đã làm những việc phi thường! Khi người ta đến canh gác Uria Híp thay ông (về mặt này theo tôi, tôi chưa thấy ai tận tụy hơn) ông bắt đầu săn sóc ông Uýchcơphin. Và lòng hăng hái muốn tỏ ra có ích trong những công việc tìm kiếm mà chúng tôi đã làm, cũng như sự giúp đỡ thực sự của ông khi chép lại những bản sao, khi tìm kiếm và mang xách, thực đã khuyến khích chúng tôi rất nhiều.

"Ông Đích là người rất đặc biệt", cô tôi nói. "Bao giờ tôi chẳng nói thế. Trốt, cháu hiểu rõ điều đó lắm."

"Tôi rất sung sướng nói với cô, cô Uýchcơphin ạ," Trátđơn nói tiếp với vẻ rất tế nhị và rất nhiệt thành "rằng trong khi vắng cô, sức khỏe của cụ thân sinh đã khá hơn nhiều. Thoát khỏi cơn ác mộng bấy lâu vẫn đè nặng lên mình và những lo ngại khủng khiếp trong đó cụ đã sống, cụ gần như không còn

là con người ngày trước. Đôi khi năng lực tập trung trí nhớ và sự suy nghĩ về những công việc cụ thể gần như trở lại bình thường và cụ đã giúp chúng tôi soi sáng những điểm mà nếu như không có cụ thì sẽ rất khó khăn, thậm chí không thể nào hiểu được. Nhưng điều tôi cần nói là phải trình bày những kết quả (những kết quả này khá vắn tắt) chứ không nên nói dông dài về tất cả những sự khuyến khích mà tôi đã nhận được bởi vì nếu cứ làm thế tôi sẽ không bao giờ nói hết."

Thái độ tự nhiên và vẻ mộc mạc dễ thương của cậu làm chúng tôi thấy rõ rằng cậu nói thế là để cho chúng tôi phấn khởi và để Ácnét nghe đến tên cha mình một cách tin cậy hơn, nhưng điều đó vẫn không vì thế mà kém thú vị.

"Và bây giờ chúng ta hãy xem", Trátđơn nói đưa mắt nhìn những giấy tờ trải trên bàn. "Sau khi đã tính vốn liếng của chúng ta và sắp xếp lại thứ tự trong một mớ bòng bong, thứ nhất là do vô tình lẫn lộn, thứ hai là do cố ý tạo ra, chúng tôi nhận thấy một điều rõ ràng rằng cụ Uýchcơphin bây giờ có thể thanh toán công việc của mình và đóng cửa phòng làm việc mình không bị hao hụt cũng không bị mất mát gì cả."

"Ồ! May phúc quá!" Ácnét kêu lên giọng tha thiết.

"Nhưng, Trátđơn nói, phần thừa ra giành cho cụ sinh sống và (tôi giả thiết rằng dù cụ có bán ngôi nhà đi) cũng sẽ rất ít, nhiều lắm là chỉ vài trăm bảng; cho nên có lẽ cô Uýchcơphin nên xem thử trước khi quyết định cụ có nên thôi quản lý những tài sản mà bấy lâu vẫn giao cho cụ quản lý hay không. Như cô vẫn biết, những người bạn của cụ có thể khuyên cụ vì lúc này cụ đã tự do. Cô Uýchcơphin, Copơphin và tôi."

"Anh Trốt ạ, tôi đã nghĩ đến điều đó", Ácnét nói quay về phía tôi, "và tôi thấy rằng không nên quản lý và không thể làm dù cho một người bạn mà tôi rất hàm ơn và rất tốt đối với tôi đã khuyên ba tôi."

"Tôi không có ý khuyên cụ làm", Trátđơn nói, "tôi nghĩ rằng nếu gợi ý… có thế thôi."

"Nghe anh nói thế tôi rất sung sướng", Ácnét đáp lại giọng bình tĩnh, "bởi vì điều đó làm cho tôi có hy vọng và gần như tin chắc rằng chúng ta sẽ đồng ý với nhau. Anh Trátđơn và anh Trốtút ạ, tôi còn đòi hỏi gì nữa khi ba tôi đã được tự do với tất cả danh dự? Bao giờ tôi cũng mong mỏi có thể kéo ba tôi ra khỏi những cạm bẫy đã giam giữ ba tôi và đền đáp lại một phần nhỏ tình yêu và sự săn sóc của ba tôi đối với tôi và giành cuộc đời cho ba tôi. Trong bao năm đó là điều mong ước lớn nhất của tôi. Tự mình lo lắng đến tương lai của chúng tôi đó sẽ là hạnh phúc lớn nhất tôi có thể có được từ nay sau khi thấy ba tôi thoát khỏi mọi lo buồn và mọi trách nhiệm."

"Nhưng cô Ácnét, cô có nghĩ đến biện pháp nào không?", tôi hỏi.

"Đã nghĩ đến nhiều lần: Tôi không sợ anh Trốtút ạ, tôi tin chắc thế nào cũng thành công, ở đây nhiều người biết tôi, có cảm tình với tôi và tôi tin chắc thành công. Anh không phải lo ngại về tôi. Chúng tôi không đòi hỏi gì nếu tôi thuê ngôi nhà cũ thân yêu và mở một trường học thì tôi sẽ có ích và sung sướng."

Vẻ nhiệt tình bình thản trong giọng nói vui vẻ của nàng làm tôi nhớ sâu sắc trước hết đến ngôi nhà cô độc của tôi đến nỗi tim tôi tràn đầy xúc cảm không sao nói được. Trátđơn giả vờ bận rộn xem xét giấy tờ một lát.

"Thứ hai, cô Trốtút ạ, Trátđơn nói "gia sản của cô…"

"Trời ơi, anh ơi", cô tôi thở dài, "tôi chỉ có thể nói nếu như gia sản mất đi, tôi sẽ chịu đựng được; và nếu như nó không mất, tôi sẽ sung sướng được lấy lại."

“Lúc đầu nó là tám nghìn bảng làm thành một khoản duy nhất có phải không ạ?”, Trátđơn nói.

“Đúng thế!” cô tôi đáp.

“Tôi chỉ có thể tìm lại được trên năm…”, Trátđơn nói có vẻ băn khoăn.

“Anh muốn nói năm nghìn có phải không?”, cô tôi hỏi vẻ thản nhiên khác thường, “hay năm bảng?”

“Năm nghìn bảng”, Trátđơn nói.

“Chỉ có thế thôi”, cô tôi đáp. “Tôi đã bán đi ba nghìn bảng. Một nghìn để trả giao kèo về việc thực tập của cháu Trốtút yêu quý và hai nghìn tôi còn giữ ở nhà. Khi tôi đã mất phần kia, tôi nghĩ rằng khôn nhất là đừng nói gì về số tiền còn lại mà hãy giữ nó để đề phòng một ngày không may. Cô muốn xem cháu thoát khỏi cơn thử thách này như thế nào, Trốt ạ và cháu đã thoát khỏi một cách oanh liệt, nhờ tinh thần kiên nhẫn, tự tin và hy sinh, ông Đích cũng vậy, đừng nói với tôi nữa, bởi vì thần kinh tôi bị xúc động.”

Không ai có thể tin điều đó khi thấy cô tôi vòng tay ngồi thẳng tắp vì cô tôi vẫn hết sức tự chủ.

“Thế thì tôi rất sung sướng được báo cho cô biết”, Trátđơn nói mặt tươi hẳn lên, “rằng chúng tôi đã tìm lại được tất cả số gia sản của cô.”

“Đừng ai khen tôi”, cô tôi kêu lên. “Này anh, làm sao lại như vậy nhỉ?”

“Thế cô tưởng số tiền ấy đã bị ông Uýchcơphin phá hết rồi à?”, Trátđơn nói.

“Cố nhiên”, cô tôi nói, “và vì vậy cho nên tôi mới dễ dàng chịu im… Ácnét không được nói gì đấy”.

“Thực ra”, Trátđơn nói, “số tiền của cô đã bị đem tiêu theo tờ giấy ủy quyền mà cô đã giao cho ông Uýchcơphin nhưng tôi không cần nói ai tiêu nó cũng như ai ký vào tờ giấy. Cái tên ăn cắp ấy sau đó nói với ông Uýchcơphin (và hắn còn chứng minh bằng những con số cơ chứ!) rằng hắn đã lấy số tiền (theo những yêu cầu chung như hắn nói) để bù đắp lại những thiếu hụt và những khó khăn khác. Trong tay hắn, ông Uýchcơphin quá bất lực và quá yếu đuối nên đành phải trả cho cô nhiều lần số tiền lời của một cái vốn trong thực tế không còn nữa và do đó thành tên tòng phạm tội nghiệp của hành động gian dối này.”

“Và cuối cùng, để chịu tất cả trách nhiệm”, cô tôi nói thêm, “ông ta đã viết một bức thư tuyệt vọng tố cáo mình ăn cắp và làm những điều sai lầm không thể tưởng được. Tôi đến thăm ông ta từ sáng sớm, tôi bảo ông ta đưa tôi một cây nến và tôi đã đốt bức thư; rồi tôi bảo ông rằng nếu khi nào ông có thể phục hồi lại danh dự cho ông và cho tôi thì ông hãy làm. Còn nếu không thì hãy im lặng vì cô con gái… Nếu có người nào nói với tôi, tôi sẽ ra khỏi nhà này.”

Chúng tôi đều im lặng. Ácnét lấy tay che mặt.

“Thế thì anh bạn”, cô tôi nói sau khi im lặng “anh đã moi được số tiền ấy của hắn à?”

“Sự thực là”, Trátđơn đáp, “ông Micôbơ đã vây chặt lấy hắn, và bao giờ cũng sẵn sàng đưa ra những lời tố cáo mới khi một lời tố cáo cũ tỏ ra bất lực, cho nên hắn không tài nào thoát khỏi tay chúng tôi được. Một trường hợp đáng chú ý là tôi không tin rằng hắn đã chiếm số tiền ấy dù là để thỏa mãn lòng tham của hắn (mặc dầu lòng tham của hắn không đáy) mà vì hắn căm ghét Copơphin. Hắn đã nói với tôi rõ ràng như vậy. Hắn đã nói rằng thậm chí hắn có thể vứt ra một số tiền như vậy để gây khó khăn cho Copơphin.”

“A!” cô tôi nói cau mày có vẻ tư lự, đưa mắt nhìn Ácnét. “Và bây giờ hắn như thế nào rồi?”.

“Tôi không biết, hắn đã rời khỏi Cantơbơri với mẹ hắn”, Trátđơn nói. “Mẹ hắn cứ luôn cầu khẩn van lạy và bộc lộ những điều bí mật. Hai người đã đi Luân-dôn trên chiếc xe ngựa ban đêm và tôi không biết gì ngoài việc trước khi ra đi hắn vô cùng căm tức tôi. Hắn cho rằng hắn mắc tôi một món nợ rất lớn không kém gì món nợ đối với ông Micôbơ. Tôi đã xem điều đó (và tôi đã bảo hắn) rằng đó là một lời khen ngợi.”

“Trátđơn cậu có cho rằng hắn có tiền không?”, tôi nói.

“Ồ! Trời ơi! Có chứ!”. Cậu đáp lắc đầu nghiêm trang. “Mình chắc bằng cách này hay cách khác hắn đã thủ vào túi không phải ít tiền. Nhưng Copơphin ạ mình tin nếu như cậu có dịp nghiên cứu hành động của hắn, cậu sẽ thấy tiền bạc không bao giờ ngăn cấm hắn làm bậy. Đó là thằng giả dối đến tận xương tủy đến nỗi dù mục đích hắn là gì bao giờ hắn cũng phải đi một cách quanh co. Đó là điều an ủi duy nhất của hắn để bù lại tất cả những ràng buộc bên ngoài mà hắn phải chịu. Trong khi cứ bò dưới đất để đạt đến một mục đích nhỏ bé hèn hạ, bao giờ hắn cũng sẽ làm cho những trở lực hắn gặp trên đường lớn lên, và do đó hắn căm ghét và nghi ngờ tất cả những người đứng giữa mục đích ấy và hắn dù là vô tình nhất. Do đó, hắn càng lại trở nên quanh co và tìm những con đường quanh co trong bất cứ lúc nào vì một lý do nhỏ nhất, hay không vì lý do gì hết. Chỉ cần nhìn câu chuyện của hắn đây”, Trátđơn nói, “là đủ thấy”.

“Thật là hèn hạ như một con quỷ!”, cô tôi nói.

“Quả thực tôi không biết có như thế không?”, Trátđơn nói vẻ tư lự. “Nhiều người có thể rất hèn hạ khi họ cố tình”.

“Và bây giờ về ông Micôbơ thì thế nào”, cô tôi nói:

“Đúng thế”, Trátđơn nói vui vẻ, “một lần nữa tôi phải hết lời ca ngợi ông Micôbơ. Nếu như ông không kiên nhẫn và cần cù trong một thời gian dài như vậy, thì chúng ta chỉ có thể đạt đến những kết quả không ăn thua gì. Và tôi tin rằng chúng ta phải thấy ông Micôbơ đã làm việc tốt vì việc tốt, nếu như chúng ta nghĩ đến những điều kiện ông ta có thể bắt Uria Híp phải theo để đổi lấy sự yên lặng của ông ta.”

“Chính tôi nghĩ như thế đấy. Thế thì người ta sẽ cho ông ta gì?”, cô tôi hỏi.

“Trước khi nói đến chuyện ấy”, Trátđơn nói hơi lúng túng, “tôi phải nói rằng vì không thể nào thu được thắng lợi hoàn toàn tôi sợ tôi đã bỏ qua hai vấn đề tế nhị. Việc này phức tạp quá mà pháp luật lại không cho phép can thiệp (bởi vì can thiệp là hoàn toàn trái pháp luật). Thứ nhất, những tờ giấy vay nợ, và những tờ giấy khác mà ông Micôbơ đã trao cho hắn để lấy những số tiền ứng trước…”

“Ồ! Phải trả chứ…”, cô tôi nói.

“Phải đấy, nhưng tôi không biết lúc nào thì những tờ giấy này sẽ gây ra chuyện bắt bớ và gây ra ở đâu”, Trátđơn nói mở to mắt, “bởi vì tôi thấy trước từ lúc này cho đến khi ra đi, ông Micôbơ sẽ luôn luôn có thể bị bắt hay bị tịch ký.”

“Thế thì chúng ta sẽ phải luôn luôn lo sao cho ông ta được thả và không bị tịch ký”, cô tôi nói. “Tổng số bao nhiêu?”

“Đấy!” ông Micôbơ đã viết tất cả những sự thu xếp ấy (đó là danh từ ông ta dùng) trên một quyển sổ rất trang trọng, Trátđơn đáp mỉm cười “và ông ta đi đến tổng số là 103 bảng 5 si-linh”.

“Thế thì chúng ta sẽ cho ông ta gì, kể cả số tiền ấy chứ?” cô tôi nói “cháu Ácnét yêu quý, sau này chúng ta sẽ bàn về việc chia nhau số tiền ấy giữa tôi và cô. Nên cho bao nhiêu, Năm trăm bảng nhé?”

Nghe nói thế, tôi và Trátđơn liền tán thành. Chúng tôi đề nghị đưa ra một ít tiền mặt và trả tất cả những số tiền Uria yêu cầu hễ hắn đòi (nhưng không chính thức báo trước cho ông Micôbơ biết). Chúng tôi đề nghị trả cho gia đình số tiền đi Úc và sắm sửa đồ đạc, ngoài ra còn thêm 100 bảng và nghiêm túc chấp nhận những đề nghị của ông Micôbơ để trả lại những số tiền ứng trước, bởi vì việc ông cảm thấy mình bị ràng buộc bởi trách nhiệm có thể là có ích cho ông. Ngoài ra, tôi nói thêm rằng tôi sẽ nói qua về tính tình và về quá khứ ông Micôbơ với ông Pécgôti cứ tự do ứng trước cho ông Micôbơ 100 bảng nữa.

Tôi còn đề nghị ông Micôbơ chú ý đến ông Pécgôti và kể cho ông Micôbơ biết câu chuyện ông Pécgôti mà tôi nhận thấy ông Micôbơ nên biết và cố gắng làm cho hai bên dựa vào nhau vì quyền lợi chung. Tất cả chúng tôi đều nhiệt liệt tán thành những ý kiến ấy, và ngay lúc này tôi có thể nói rằng sau đó ít lâu các đương sự cũng đã làm như vậy, một cách hết sức vui lòng và hòa hợp.

Thấy Trátđơn lúc bấy giờ lại băn khoăn nhìn cô tôi, tôi hỏi cậu cho biết vấn đề thứ hai và là vấn đề cuối cùng mà cậu đã nhắc đến.

"Xin cô và Copơphin tha lỗi cho tôi nếu như tôi nói đến một vấn đề khó nói, tôi rất ngại", Trátđơn nói tiếp giọng ngập ngừng "nhưng tôi nhận thấy cần phải nhắc cho cô và Copơphin biết. Ngày xảy ra việc ông Micôbơ tố cáo, Uria Híp đã nói bóng gió đến một điều dễ sợ về… người chồng của cô".

Cô tôi vẫn không bỏ cái cử chỉ rắn chắc và thái độ bình tĩnh bên ngoài, gật đầu tán thành.

"Biết đâu", Trátđơn nói, "biết đâu đó chỉ là một lời xấc xược mà thôi".

"Không, không phải thế", cô tôi đáp.

"Tôi xin lỗi… không biết quả thực có một người như vậy mà người đó hoàn toàn bị hắn thao túng hay không?" Trátđơn gợi ý.

"Phải đấy anh bạn ạ", cô tôi nói.

Gương mặt Trátđơn dài ra rõ rệt. Cậu nói rằng cậu không thể đề cập đến vấn đề này, và nó cũng chịu một số phận với những món nợ của ông Micôbơ vì nó không nằm trong những điều kiện cậu ta bắt Uria Híp phải chịu. Hiện nay chúng ta không còn quyền lực gì đối với hắn nữa, còn hắn nếu có thể gây thiệt hại hay khó khăn cho một người trong chúng ta thì thế nào hắn cũng làm.

Cô tôi vẫn im lặng cho đến khi vài giọt nước mắt chảy trên gò má.

"Anh nói rất đúng", cô tôi nói, "anh nói như vậy là rất tử tế".

"Tôi… hay Copơphin có thể làm gì không?", Trátđơn ân cần hỏi.

"Không phải làm gì hết", cô tôi đáp, "Tôi cảm ơn anh. Trốt ạ, hắn dọa dẫm thôi! Chúng ta hãy gọi ông bà Micôbơ lại. Và đừng nói gì với tôi về chuyện đó nữa."

Nói đoạn cô tôi vuốt cái áo dài, nhìn ra cửa người vẫn ngồi thẳng tắp.

"À, ông bà Micôbơ", cô tôi nói khi họ bước vào "Chúng tôi vừa bàn về việc xuất dương của ông bà và chúng tôi xin lỗi đã để ông bà ở ngoài gian phòng này lâu như vậy. Chúng tôi sẽ nói cho ông bà biết chúng tôi đề nghị thu xếp như thế nào về việc của ông bà."

Và cô tôi trình bày việc xếp đặt cho hai người nghe, điều đó làm tất cả gia đình thích mê (tất cả mọi người kể cả những đứa con cũng đều có mặt ở đấy). Cô tôi kích thích tính chính xác của ông Micôbơ ở giai đoạn đầu của mọi chuyện vay mượn tiền nong đến nỗi chúng tôi không thể ngăn cản ông háo hức lao ra ngoài mua thứ giấy có dán tem cần thiết để viết giấy vay nợ. Nhưng nỗi sung sướng của

ông bỗng dừng lại, bởi vì không đầy năm phút sau ông quay lại dưới sự canh phòng của một ông lục sự, và ông báo cho chúng tôi biết, nước mắt ròng ròng rằng hỏng bét cả rồi. Chúng tôi vốn đã chờ đợi từ trước biến cố này (mà nguyên nhân dĩ nhiên là do Uria Híp) và chúng tôi trả ngay số tiền nên sau năm phút ông Micôbơ lại ngồi ở bàn mình viết giấy vay nợ trên tờ giấy có dán tem với vẻ mặt sung sướng hoàn toàn mà chỉ có công việc thú vị này hay việc điều chế rượu ngũ vị mới có thể làm cho gương mặt tươi tắn của ông biểu hiện tất cả vẻ hân hoan của nó. Thực là một cảnh tượng thú vị khi nhìn ông viết những tờ giấy này với cái phong thái của một nghệ sĩ, sửa đi sửa lại như đó là những bức tranh, liếc mắt nhìn nó, ghi ngày tháng và những con số trong quyển sổ tay của mình và ngắm nghía nó sau khi đã làm xong.

"Và bây giờ, nếu như ông cho phép tôi khuyên ông một lời", cô tôi nói sau khi ngắm ông, "đó là từ nay xin ông vĩnh viễn từ bỏ cái việc này cho".

"Thưa cô", ông Micôbơ đáp, "Tôi đã có định viết lời chúc tụng ấy trên trang giấy trinh bạch của tương lai. Bà Micôbơ sẽ làm chứng cho tôi về điều đó. Tôi tin chắc" ông Micôbơ nói một cách nghiêm trang, "rằng cháu Uynkin của tôi sẽ luôn luôn nhớ rằng thà đặt tay vào lửa còn hơn là dùng nó để sờ những con rắn đã làm cho máu của người cha bất hạnh của cháu bị nhiễm độc".

Hết sức cảm động và trong phút chốc biểu lộ vẻ tuyệt vọng đau đớn, ông Micôbơ nhìn những con rắn kia với cái nhìn buồn bã, khủng khiếp (tuy vẫn còn dấu vết của sự thán phục vừa qua) đoạn gấp nó lại và bỏ vào túi.

Công việc vào buổi chiều hôm đó đến đây chấm dứt. Chúng tôi kiệt sức vì lo lắng và mỏi mệt và hôm sau tôi cùng cô tôi phải về Luân-đôn. Và người ta quyết định rằng ông Micôbơ sẽ theo chúng tôi lên Luân-đôn sau khi đã bán tài sản cho một người buôn đồ cũ; rằng phải giải quyết công việc của ông Uýchcơphin thật nhanh chóng, dưới sự điều khiển của Trátđơn. Còn Ácnét sẽ đến Luân-đôn sau khi những sự thu xếp này kết thúc. Đêm ấy chúng tôi ở trong ngôi nhà cổ kính. Nhà này nhờ thoát khỏi sự có mặt của mẹ con Híp, dường như đã khỏi bệnh. Và tôi nằm ngủ trong căn phòng của tôi như một người du lịch bị đắm tàu đã trở về được nhà.

Hôm sau chúng tôi trở về nhà cô tôi (chứ không phải về nhà tôi) và khi hai cô cháu ngồi cạnh nhau như ngày xưa trước khi đi ngủ. Cô tôi bảo tôi.

"Trốt, cháu có muốn biết việc gì gần đây đã làm cô bận tâm không?"

"Có cô ạ, cháu muốn biết lắm. Nếu như có một lúc nào đó cháu cảm thấy không muốn cô có những nỗi buồn bực lo âu mà cháu không san sẻ với cô thì đó là lúc này".

"Cháu đã buồn khổ nhiều, cháu ạ", cô tôi bảo tôi, âu yếm, "không cần cô phải thêm vào đấy những nỗi buồn khổ nhỏ nhặt của cô nữa. Trốt ạ đó là lý do duy nhất, khiến cô giấu cháu một điều gì".

"Cháu hiểu điều đó lắm", tôi nói, "nhưng bây giờ cô cứ nói đi".

"Cháu có muốn đi xe một vòng chơi với cô sáng mai không?" cô tôi bảo tôi.

"Có chứ".

"Chín giờ", cô tôi nói. "Lúc đó, cô sẽ bảo cháu".

Đến chín giờ, chúng tôi đi một chiếc xe ngựa nhỏ đến Luân-đôn. Chúng tôi đi một đoạn đường dài ở ngoài phố. Và cuối cùng chúng tôi đến một nhà thương lớn. Một chiếc xe tang bình thường dừng lại trước ngôi nhà. Người đánh xe nhận ra cô tôi và vâng theo dấu hiệu cô tôi vẫy tay từ cửa xe, anh ta lặng lẽ đi và chúng tôi đi theo.

“Trốt bây giờ cháu hiểu rồi chứ, ông ta mất rồi”.

“Ông ta chết ở nhà thương à?”

“Phải”.

Cô tôi im lìm ngồi cạnh tôi, nhưng tôi lại thấy một vài giọt nước mắt chảy trên gò má. Cô tôi nói:

“Ông ta đã đến đây một lần. Ông ta đau đã lâu. Con người ấy đã ngã gục và sức khỏe đã suy sụp từ bao năm rồi, trong lần đau cuối cùng là lần này, khi hiểu tình trạng của mình ông ta có yêu cầu người ta gọi cô đến. Và lúc đó ông rất buồn… rất buồn”.

“Chắc cô đã đến đây”, tôi nói.

“Phải đấy, sau đấy cô đã ngồi bên cạnh ông ta hàng giờ”.

“Có phải ông ta chết buổi chiều trước hôm chúng ta đi Cantabơri không?” tôi hỏi.

Cô tôi gật đầu.

“Bấy giờ không ai có thể làm hại ông ta được nữa” cô tôi nói. “Hắn chỉ dọa dẫm thôi”.

Chúng tôi ra khỏi Luân-dôn đến nghĩa địa Hoocxây. Cô tôi nói:

“Chôn ở đây hơn là ngoài phố. Ông ta sinh ở đây”.

Chúng tôi xuống xe và đi theo cái quan tài mộc mạc đến một nơi mà tôi nhớ rất rõ ở đấy người ta đọc những lời cầu nguyện và chôn ông.

“Cô lấy chồng cách đây đã ba mươi sáu năm vào đúng hôm nay cháu ạ”, cô tôi nói khi chúng tôi quay trở lại chiếc xe. “Cầu Chúa tha thứ cho tất cả chúng ta”.

Chúng tôi yên lặng bước lên xe. Và cô tôi vẫn ngồi yên như thế rất lâu cạnh tôi nắm lấy bàn tay tôi. Cuối cùng cô tôi khóc òa lên và bảo tôi.

“Khi ông ta lấy cô, ông ta rất đẹp trai. Trốt ạ… Ông ta đã thay đổi nhiều quá!”

Nhưng xúc cảm không kéo dài. Sau khi được những giọt nước mắt làm cho nhẹ người, cô tôi liền trở lại bình tĩnh và thậm chí vui vui. Thần kinh cô tôi hơi bị hoảng loạn, cô tôi nói bởi vì nếu không thế cô đã không khóc như vậy. Cầu Chúa tha thứ cho tất cả chúng ta!.

Thế là, chúng tôi bèn lên xe trở về ngôi nhà nhỏ bé của cô tôi ở Haigây ở đấy chúng tôi bắt được bức thư ngắn ngủi dưới đây của ông Micôbơ do chuyến thư buổi sáng đưa đến.

Cantơbơri, ngày thứ sáu.

Thưa bà và anh Copơphin.

Miếng đất cao quý đầy hứa hẹn vừa mới hiện lên ở chân trời thì đã bị che phủ bởi sương mù dày đặc và vĩnh viễn bị che khuất trước mắt cái thằng khốn nạn bị trôi dạt lênh đênh mà số phận đã được quyết định.

Một việc tịch ký mới đã được nêu lên (do tòa án Tối cao Pháp-viện Oétminxtơ) trong một vụ mới của Híp kiện Micôbơ và người bị cáo tin hiện nay đang là cái mồi của người lục sự có toàn quyền xét xử vụ án.

Đã đến ngày, đã đến giờ.
Mặt trận tiến đến gần,
Kìa Etuốc dũng cảm tiến lên, kiêu hãnh

Đây là những xiềng xích và thời nô lệ![3]

Bị lâm vào những nỗi dằn vặt này và một cái chết nhanh chóng (bởi vì sự dằn vặt về tinh thần khi người ta vượt một giới hạn nào đó thì không tài nào chịu đựng được và tôi cảm thấy cái giới hạn ấy đã đến rồi) cuộc đời tôi thế là xong, cầu Chúa phù hộ cho cô và anh. Một khách du lịch nào đó một ngày kia đến thăm vì tò mò và một phần nào vì thương hại cái nhà tù trong thành phố này dành cho những người mắc nợ không trả được có thể ngẫm nghĩ và chắc hẳn sẽ ngẫm nghĩ khi anh ta đọc những chữ đầu mờ mờ viết dưới đây trên tường bằng một cái đinh đã gỉ.

U.M.

Tái bút: Tôi lại mở bức thư này để nói rằng người bạn chung của chúng ta là ông Tômát Trátđơn (ông vẫn chưa rời khỏi chúng tôi và có vẻ rất mạnh khỏe), đã trả xong món nợ và tiền giấy tờ, nhân danh cô Trốtút cao quí, và gia đình tôi cũng như tôi đều sung sướng như bay lên chín tầng mây.

---

[1] Câu thơ của Rairơn, nhà thơ Anh thế kỷ XIX.

[2] Bà Micôbơ nhắc đến Kinh thánh một cách không đúng lắm. Nguyên văn là như sau: Và con chó sói sẽ sống với con cừu và con báo nằm cạnh con dê.

[3] Quốc ca của Xcôtlan tác giả là Bơnx.

Chương LV
CƠN BÃO

Bây giờ tôi đến gần một biến cố của đời tôi không sao quên được, dễ sợ và kinh khủng, gắn liền bởi vô số mối liên quan khác nhau, với tất cả những gì đã xảy ra trong những trang trước đây, đến nỗi ngay từ những trang đầu của câu chuyện này tôi đã thấy nó ngày càng lớn lên khi tôi tiến đến gần như một ngọn tháp cao ở ngoài cánh đồng và hắt bóng của nó ra xa đến cả những việc xảy ra trong cuộc đời của tôi khi còn bé dại.

Bao năm trời sau biến cố này, tôi vẫn thường nằm mơ đến nó. Tôi đã từng giật mình nhổm dậy vì ấn tượng của nó quá mạnh và cơn bão dữ dội hình như vẫn còn gào thét trong căn phòng lạnh lẽo của tôi, trong đêm trường im lặng. Ngay đến cả bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn còn mơ đến nó, nhưng với những khoảng cách xa hơn và không đều đặn bằng. Chỉ cần nghe nhắc tới một cơn gió mạnh hay một lời nói bóng gió nhất về bờ biển là tôi liên tưởng ngay tới biến cố này, mối liên tưởng này cũng mãnh liệt như bất kỳ sự liên tưởng nào mà tâm hồn tôi có thể có được. Tôi sẽ cố gắng miêu tả sự việc xảy ra cũng rõ ràng như tôi thấy nó. Không phải tôi nhớ đến nó, mà đúng là nhìn thấy nó diễn ra; bởi vì biến cố lại diễn ra trước mắt tôi.

Vì ngày chiếc tàu của những người xuất dương ra đi đã đến gần, chị bảo mẫu già thân yêu của tôi (chị cảm động hết sức vì buồn thương cho tôi khi chúng tôi gặp nhau lại lần đầu) đã đến Luân-đôn. Tôi luôn luôn sống với chị, với ông Pécgôti và với gia đình ông Micôbơ (bởi vì họ thường sống cạnh nhau), nhưng không bao giờ tôi thấy Emili.

Một buổi chiều, khi ngày ra đi đã đến gần, tôi ngồi một mình với chị Pécgôti và ông Pécgôti. Câu chuyện của chúng tôi nói về Ham. Chị kể cho chúng tôi nghe vẻ âu yếm của Ham khi anh chia tay chị, và thái độ dũng cảm và bình tĩnh của anh… Nhất là gần đây, là lúc theo như chị nghĩ, Ham đau khổ nhất. Đó là một câu chuyện mà người đàn bà quí hóa này nói không bao giờ biết mỏi; và thái độ chăm chú của chúng tôi khi nghe những chuyện chị kể (chị vẫn thường sống với Ham) cũng ngang với cái vẻ thích thú của chị khi kể chuyện cho chúng tôi.

Lúc bấy giờ cô tôi và tôi đã rời bỏ hai ngôi nhà nhỏ bé của chúng tôi ở Haigây, bởi vì tôi có ý định đi nước ngoài còn cô tôi định trở về ngôi nhà của mình ở Đôvơ. Chúng tôi ở một chỗ ở tạm thời ở Côvân Gácđân. Chiều hôm ấy, khi tôi về nhà sau cuộc nói chuyện buổi chiều, lòng bâng khuâng nghĩ đến những điều xảy ra giữa Ham và tôi lần cuối cùng khi tôi ở Yácmao, tôi băn khoăn không biết có nên theo cái ý định trước kia của tôi là viết một bức thư cho Emili đưa cho ông cậu của nàng khi tôi tiễn ông ở trên tàu, và tôi tự nhủ có lẽ bây giờ nên viết thẳng cho Emili thì hơn.

Tôi nghĩ sau khi nhận bức thư của tôi, nàng có thể mong muốn nhờ tôi gởi lời từ biệt người yêu bất hạnh của nàng. Tôi có nhiệm vụ phải giúp cho nàng có cái dịp ấy.

Tôi bèn ngồi trong phòng trước khi đi ngủ, và tôi viết thư cho nàng. Tôi bảo nàng rằng tôi đã thấy Ham, rằng anh ta đã nhờ tôi nói với nàng những lời mà tôi đã viết trên những trang giấy này. Tôi nhắc lại trung thành. Tôi không cần gì phải phát triển nó, dù tôi có quyền làm như vậy. Sự thành thực và lòng tốt sâu sắc của những lời ấy không cần tôi cũng như bất kỳ người khác tô điểm thêm.

Tôi để bức thư trên bàn để ngày mai đưa cho ông Pécgôti kèm theo một vài dòng nhờ ông trao lại cho Emili và tôi đi ngủ khi mặt trời mọc.

Tôi đã yếu đi hơn là tôi tưởng, và khi mặt trời lên cao tôi mới ngủ được cho nên tôi dậy muộn và ngày hôm sau vẫn mệt mỏi. Tôi thức dậy thấy cô tôi vẫn ngồi yên lặng ở đầu giường. Trong giấc ngủ

tôi vẫn cảm thấy có ai vào phòng, và theo như tôi nghĩ, mọi người đều cảm thấy những việc như vậy.

"Này Trốt" cô tôi nói, khi tôi mở to đôi mắt, "cô không dám thức cháu dậy. Ông Pécgôti ở dưới, có nên cho ông ta lên không?".

Tôi trả lời "có" và lát sau ông ta xuất hiện.

"Cậu Đêvi, ông bảo tôi khi tôi đã bắt tay ông. Tôi đã trao thư cậu cho Emili và cháu đã viết bức thư này; cháu yêu cầu tôi nhờ cậu đọc thư của cháu và nếu như cậu không thấy có gì trở ngại thì cậu đưa hộ cho".

"Ông đã đọc thư chưa?" tôi hỏi.

Ông ta buồn bã gật đầu. Tôi mở tờ giấy ra và đọc. Bức thư như sau:

Em đã nhận được những lời của anh.

Em biết viết gì để cảm ơn lòng tốt của anh và thái độ nhân từ của anh đối với em! Em đã áp những lời nói của anh vào tim em. Em sẽ giữ nó cho đến lúc chết. Đó là những cái gai bằng sắt nhưng nó làm cho em được an ủi vô cùng. Em đã cầu nguyện khi đọc nó, ồ! Con đã cầu nguyện nhiều! Khi em biết anh là người thế nào và cậu em là người thế nào, em nghĩ rằng Thượng đế phải là như vậy và em có thể cất tiếng khóc cầu khẩn Người.

Vĩnh biệt anh. Bây giờ xin vĩnh biệt anh, người bạn của em trên cõi đời này. Trong một thế giới khác nếu em được tha thứ, em có thể tỉnh dậy thành đứa trẻ và đến với anh. Cảm ơn anh, cầu Chúa phù hộ cho anh. Vĩnh biệt.

Bức thư này nhòa những nước mắt.

"Tôi có thể nói với cháu rằng, vì cậu không thấy có gì trở ngại nên cậu sẽ vui lòng trao hộ có phải không cậu Đêvi?" ông Pécgôti hỏi tôi khi tôi đã đọc xong.

"Cố nhiên", tôi nói "nhưng mà tôi nghĩ rằng…"

"Việc gì thế cậu Đêvi?"

"Tôi nghĩ rằng tôi sẽ trở lại Yácmao. Tôi còn chán thì giờ đi và về trước khi chiếc tàu ra đi. Tôi luôn luôn nghĩ đến anh ấy trong cảnh cô độc. Lúc này trao cho Ham bức thư này do tự tay cô ta viết để cho ông có thể nói với Emili khi ra đi rằng anh ta đã nhận bức thư sẽ là một việc tốt đối với cả hai người. Tôi đã trịnh trọng hứa giúp con người thân yêu và dũng cảm ấy, tôi không thể không làm điều đó một cách đầy đủ. Việc đi lại không hại gì cho tôi hết. Đầu óc tôi bị xáo động, và cứ đi lại như thế này thì đỡ hơn. Chiều nay tôi sẽ đi, mặc dù ông lo lắng tìm mọi cách khuyên tôi đừng đi, tôi thấy ông cũng tán thành ý kiến của tôi và nếu như ý định của tôi cần được người ta khuyến khích thì riêng điều đó cũng đủ lắm rồi. Ông đến sở xe trạm theo yêu cầu của tôi và giữ cho tôi một chỗ ngồi trong chiếc xe thư bên cạnh chỗ ngồi anh xà ích. Buổi chiều, tôi đi chiếc xe ấy trên con đường tôi đã đi trong bao cảnh thăng trầm. Tôi hỏi anh xà ích.

"Anh có thấy trong đoạn đầu của chặng đường trời hôm nay có kỳ quặc không? Tôi nhớ chưa bao giờ thấy bầu trời như thế này".

"Tôi cũng thế… không bao giờ tôi thấy bầu trời như thế này", anh ta đáp. "Đó là dấu hiệu sắp có gió đấy ông ạ". Tôi chắc lát nữa biển sẽ động to cho mà xem.

Bầu trời rải rác những đám mây giống như màu khói của củi ướt, chỉ là một mớ lộn xộn u ám những đám mây bay nhanh, chồng chất thành những đống cao chót vót, cao đến nỗi những hố sâu thăm thẳm

ngăn cách bầu trời với đáy những vực thẳm sâu nhất của quả đất cũng không thể sánh với nó. Mặt trăng cuống cuồng dường như lao mình liều lĩnh vào cái cảnh đảo lộn kinh khủng những quy luật của tự nhiên nên đã lạc đường và sợ hãi. Suốt hôm ấy gió thổi, và đến lúc ấy gió tăng mạnh lên với một tiếng động dữ dội vô cùng. Một giờ sau, gió càng tăng lên mãnh liệt, bầu trời đen kịt hơn, và gió thổi càng mạnh.

Nhưng đêm càng khuya thì những đám mây kia càng dồn lại và phủ kín cả bầu trời lúc này đã đen kịt. Gió thổi ù ù ngày càng mạnh. Gió càng tăng lên cho đến khi những con ngựa của chúng tôi phải vất vả mới đương đầu được với gió. Đã nhiều lần trong cái phần tối tăm nhất của ban đêm (đó là vào cuối tháng chín và đêm không ngắn) những con ngựa đi đầu quay đầu hay dừng phắt lại và nhiều lần chúng tôi quả thực sợ chiếc xe bị gió lật đổ. Mưa ào ào tạt vào mặt bị cơn bão này đẩy tới, giống như một trận mưa thép và trong những lúc ấy, khi có thể náu mình dưới gốc cây hay những mái trường để tránh gió là chúng tôi buộc phải dừng lại vì không sao chiến đấu được nữa.

Khi ngày đến, gió thổi ngày càng mạnh. Tôi ở Yácmao vào một ngày mà những người thủy thủ nói rằng gió thổi đổ cửa đổ nhà như tôi chưa bao giờ thấy một cảnh tượng nào như vậy, thậm chí gần giống như vậy. Chúng tôi đến ipxơuých (rất muộn bởi vì chúng tôi phải vật lộn từng tấc đất từ khi đi khỏi Luân-đôn mười dặm) và tôi thấy người ta tụ tập ở ngoài chợ. Họ dậy từ đang đêm vì sợ ống khói đổ. Một vài người tụ tập ngoài sân quán trọ trong khi chúng tôi đổi ngựa, đã kể cho chúng tôi nghe rằng có những tấm chì to tướng đã bị bóc ra khỏi ngọn tháp cao của một ngôi nhà thờ và bị hất xuống con đường ngang và đang làm nghẽn cả đường. Những người khác kể lại rằng những người ở nông thôn từ các làng lân cận đến đã thấy những cây lớn bật gốc lăn kềnh dưới đất và cả những đụn rơm là rơm bay tứ tung trên các con đường và khắp các cánh đồng. Tuy vậy bão vẫn không dịu đi trái lại gió thổi ngày càng mạnh.

Trong khi chúng tôi phải vật lộn vất vả mới tiến dần được về phía bờ biển, thì gió từ bờ biển thổi đến ào ào và sức mạnh của gió ngày càng khủng khiếp. Trước khi chúng tôi đến bờ biển, từ xa chúng tôi đã cảm thấy bụi nước ướt đẫm trên môi và một trận nước mưa mằn mặn đổ vào người chúng tôi. Thủy triều xuống, mặt biển rút lui hàng dặm cách mặt đất phẳng gần Yácmao và tất cả các ao và các vũng nước đều đầy ngập nước, cái nào cũng có những đợt sóng nhỏ đập vào bờ và chạy về phía chúng tôi. Khi mắt chúng tôi nhìn thấy mặt biển, những đợt sóng mà chúng tôi chốc chốc lại thấy nổi lên ở chân trời trên những vực thẳm di động trông giống như một bờ biển khác với những ngọn tháp và những ngôi nhà. Cuối cùng, khi chúng tôi đến thành phố thì những người trong thành phố đều bước ra cửa, tất cả đều đi nghiêng người và đầu tóc bơ phờ, sửng sốt không hiểu sao thấy chiếc xe trạm lại có thể xông pha đến đây sau một đêm như thế.

Tôi đến cái quán trọ ngày xưa, rồi ra xem biển, vừa đi vừa vấp trên đường phố đầy những cát, rong biển và bọt biển do gió thổi đến. Tôi sợ ngói và đá bảng ở trên các mái nhà rơi xuống và tôi bám vào những người mà tôi gặp ở những ngã tư lộng gió nhất. Khi đến gần bờ biển, không những tôi thấy những người chài lưới mà đến nửa số dân trong thành phố đang lấp ló đằng sau những ngôi nhà. Một vài người chốc chốc lại xông pha bão táp để ra nhìn ngoài khơi, nhưng bị gió đẩy lùi đi nên cứ phải trở về theo một con đường ngoằn ngoèo.

Tôi nhập vào đám này. Những người đàn bà kêu khóc: chồng của họ đi đánh cá mòi hay sò huyết ngoài khơi và họ có thể chìm trước khi kịp tìm nơi ẩn nấp. Những người đánh cá già đầu tóc bạc phơ cũng ở trong đám đông này: họ lắc đầu nhìn trời nhìn nước và lẩm bẩm với nhau mắt hết nhìn mặt nước lại nhìn bầu trời. Những người chủ tàu lo lắng băn khoăn; bọn trẻ con, tất cả tập hợp lại theo dõi nét mặt của những người đứng tuổi hơn; và ngay cả những người thủy thủ lực lưỡng lo lắng và băn khoăn

đứng ở nơi ẩn nấp của họ cũng chĩa ống nhòm về phía mặt biển như đang theo dõi một kẻ thù nào đó.

Bản thân mặt biển khủng khiếp làm tôi sửng sốt khi tôi có đủ bình tĩnh để nhìn nó trong cái cảnh gió giật điên cuồng, sỏi cát bay tứ tung và sóng biển réo ầm ầm. Khi những bức thành cao bằng nước cuồn cuộn đến gần và đến nơi cao nhất, đổ lên bờ người ta có cảm tưởng rằng đợt sóng nhỏ nhất cũng đủ chôn vùi cả thành phố. Mỗi khi đợt sóng rút lui với tiếng kêu gào khản đặc, nó xói thành những hang sâu thẳm trên bờ biển dường như mục đích của nó là đào mặt đất. Khi một vài đợt sóng đỉnh trắng xóa tiến lên, với tiếng động ầm ầm như sấm và bỗng chốc tản ra trước khi đến mặt đất, mỗi bộ phận của cái khối này có vẻ mang tất cả cơn thịnh nộ của nó và lao về phía trước để hợp nhất với những đợt sóng khác tạo thành một con quỷ mới. Những trái núi cuồn cuộn (đôi khi có một con chim bão táp cô độc lướt qua) nổi lên và biến thành những trái núi; những khối nước to tướng run rẩy và làm bờ biển lay động vì tiếng gào thét của nó; tất cả những hình dáng này tiến lên lộn xộn khi vừa mới thành hình để thay hình đổi chỗ, và xô đẩy nhau thành một hình thù khác ở một chỗ khác; bờ biển tưởng tượng ở chân trời với những ngọn tháp và những ngôi nhà của nó nhô lên hạ xuống; những đám mây bỏ chạy, dày đặc và đen kịt. Tôi có cảm tưởng đứng trước cái cảnh toàn bộ thiên nhiên bị đảo lộn và bị xé rách.

Trong số những người mà cơn bão đáng nhớ ấy tập hợp lại (bởi vì bây giờ ở Yácmao người ta vẫn còn nói đó là cơn bão mạnh nhất từ xưa đến nay ở trên bãi biển này) tôi không thấy có Ham nên tôi đi đến nhà anh. Cửa nhà đóng kín; và vì không người nào đáp lại khi tôi gõ cửa, nên tôi đi theo những con đường hẻm và những con đường quanh đến công trường nơi anh làm việc. Người ta bảo tôi rằng anh đã đến Laoxtốp để lo việc sửa chữa ca-nô vì những sửa chữa cấp bách đòi hỏi tài khéo léo của anh, nhưng sáng sớm mai anh sẽ trở về.

Tôi ở lại quán trọ và rửa mặt, mặc áo và cố gắng ngủ nhưng không sao ngủ được. Lúc này đã năm giờ chiều. Tôi ngồi cạnh ngọn lửa của hiệu cà phê không đầy năm phút thì người hầu phòng bước vào mượn cớ đến nhen lửa để có dịp nói chuyện với tôi. Anh nói rằng hai chiếc tàu chở than đã chìm với tất cả thủy thủ cách đây vài dặm; và người ta đã thấy những chiếc tàu khác nằm nguy ngập ở ngoài bến, cố hết sức để đừng bị hắt lên bờ. "Cầu Chúa thương hại họ cũng như thương đến tất cả những người đánh cá khốn khổ, anh nói, nếu như chúng ta còn phải trải qua một đêm như đêm qua!".

Tôi rất ủ dột và cô độc, và thấy Ham vắng mặt tôi cảm thấy một điều lo sợ, không phù hợp với hoàn cảnh này. Những biến cố trong thời gian gần đây đã làm tôi mỏi mệt không biết đến trình độ nào; và sức mạnh của gió mà tôi phải chịu một thời gian dài đã làm cho đầu óc tôi mụ đi.

Ý nghĩ và kỷ niệm của tôi lộn xộn, hỗn độn đến nỗi tôi đã bỏ mất mọi khái niệm rõ ràng về không gian và thời gian. Chẳng hạn, nếu tôi đi ra phố có lẽ tôi sẽ không ngạc nhiên khi gặp một người mà tôi biết chắc là ở Luân-đôn. Về mặt này, có một điều khá kỳ quặc. Đầu óc tôi đãng trí một cách kỳ lạ nhưng đồng thời lại chú ý đến những kỷ niệm mà những nơi này gợi cho tôi một cách tự nhiên và những kỷ niệm ấy vẫn đặc biệt sâu sắc và rõ rệt.

Ở trong tình trạng ấy, những tin tức khủng khiếp mà người hầu bàn cho tôi biết về những chiếc tàu khiến tôi lo ngại cho Ham dù tôi không muốn nghĩ đến. Không hiểu sao tôi sợ anh ta từ Laoxtốp trở về theo đường biển và bị đắm tàu. Điều lo lắng này trở thành mãnh liệt đến nỗi tôi quyết định trở lại công trường trước bữa ăn chiều để hỏi người chủ công trường xem ông ta có cho rằng có thể nào Ham tìm cách trở về bằng đường biển hay không. Nếu ông ta có một lý do nhỏ nhặt nhất để nghĩ như vậy thì tôi sẽ đến Laoxtốp để ngăn cản điều đó và đưa anh ta về với tôi.

Tôi sai dọn ngay bữa ăn chiều và tôi quay lại công trường. Tôi đến vừa đúng lúc bởi vì người chủ tay cầm chiếc đèn đang khóa cửa công trường, ông ta cười khanh khách khi tôi hỏi ông câu hỏi ấy và

trả lời rằng không kể người khôn hay người dại không có ai lại đi biển trong một cơn bão như thế này và Ham Pécgôti lại càng khôn hơn ai hết vì cậu ta từ nhỏ đã quen đi biển.

Ngay từ trước tôi đã nhận thấy điều đó đến nỗi tôi gần như hổ thẹn đã làm điều mà tôi bắt buộc phải làm, và tôi quay lại quán trọ. Nếu như một cơn gió kinh khủng có thể nổi lên thì tôi tin nó đang nổi lên. Nó gào thét, quát tháo, tiếng cửa sổ và cửa kính rung lách cách, những ống khói kêu ầm ầm, ngôi nhà che chở tôi cũng có vẻ như đảo qua đảo lại và tiếng động ầm ĩ khủng khiếp của mặt biển còn dễ sợ hơn buổi sáng. Nhưng lúc này còn thêm bóng tối dày đặc và bóng tối làm cho bão biển có thêm những điều kinh khủng mới, thực tế và tưởng tượng.

Tôi không thể ăn, không thể ngồi yên, cũng không thể làm việc gì liên tục. Có một điều gì trong lòng tôi đáp lại một cách yếu ớt cơn bão bên ngoài đang làm xáo động những nơi sâu thẳm nhất trong ký ức tôi làm nó hỗn loạn. Tuy vậy, mặc dầu tư tưởng bị đảo lộn, chạy điên cuồng như mặt biển gặp phong ba, cơn bão và nỗi lo sợ của tôi về Ham vẫn quan trọng hơn cả.

Tôi sai dọn bữa ăn đi gần như không đụng đến và tôi cố gắng uống vài cốc rượu nho để cho khỏe. Nhưng cũng không ăn thua, tôi rơi vào một tâm trạng tê mê trước ngọn lửa, không còn nhận thức được cảnh xáo động bên ngoài cũng như tôi đang sống ở đâu. Một nỗi kinh khủng mới, mơ hồ dường như bao trùm lấy tôi và khi tôi tỉnh dậy (hay đúng hơn khi tôi chống lại được tình trạng tê mê đáng đóng đinh tôi vào chiếc ghế), toàn thân tôi run lẩy bẩy vì một nỗi lo sợ không thể hiểu được và không có lý do.

Tôi đi đi lại lại trong phòng, cố gắng đọc một tờ báo cũ, lắng nghe những tiếng động kinh khủng bên ngoài và nhìn những khuôn mặt, những cảnh tượng và những bóng người trong ngọn lửa. Cuối cùng, tiếng tích tắc đều đặn của chiếc đồng hồ quả lắc bình thản treo trên tường làm cho tôi bực mình đến nỗi tôi quyết định đi ngủ.

Trong một đêm như vậy, tôi được an tâm khi nghe nhiều người đầy tớ ở quán trọ nói rằng họ quyết định cùng nhau thức cho đến sáng. Tôi nằm ngủ hết sức mệt mỏi và đờ đẫn, những khi tôi nằm xuống tất cả mọi cảm giác như thế bỗng biến đi như bị một phép thuật gì và cảm thấy mình rất tỉnh và mọi giác quan đều rất tế nhị.

Trong hàng giờ tôi nằm trên chiếc giường ấy. Lắng nghe tiếng gió và tiếng sóng, khi thì tưởng tượng nghe có tiếng kêu ở ngoài khơi khi thì nghe rõ ràng những tiếng súng lớn bắn báo hiệu đắm tàu; khi thì nghe tiếng những ngôi nhà ở trong phố đổ sụp. Nhiều lần tôi thức dậy để nhìn ra ngoài. Nhưng tôi không thấy gì hết, ngoài ánh nến leo lét mà tôi vẫn để thắp đang chiếu vào những tấm kính và bộ mặt phờ phạc của tôi đang nhìn tôi từ cái vực thẳm đen ngòm.

Cuối cùng, nỗi xúc động của tôi lên đến cực điểm đến nỗi tôi vội vàng mặc áo và bước xuống cầu thang, ở trong cái nhà bếp rộng rãi ở đấy tôi thấy thấp thoáng có thịt mỡ và những chùm hành treo trên các xà nhà trên trần, những người thức đêm đều ngồi với nhau với những cử chỉ khác nhau chung quanh một cái bàn mà họ đã cố ý kéo ra xa khỏi cái ống khói to tướng và đặt gần cánh cửa. Một cô gái xinh đẹp đã lấy tạp dề nhét vào lỗ tai và đôi mắt dán vào cánh cửa kêu rú lên khi tôi xuất hiện, tưởng đâu rằng tôi là một con ma; nhưng những người khác tỉnh táo hơn vui sướng vì thấy có thêm một người làm bạn với họ. Một người nói đến vấn đề họ vừa thảo luận hỏi tôi có tin rằng linh hồn của người thủy thủ trên chiếc tàu chở than bị chìm có đi lang thang ở trong cơn bão hay không.

Tôi ngồi ở đấy đâu độ hai giờ. Một lúc nào đó, tôi mở cửa nhìn ra sân và liếc mắt nhìn đường phố vắng tanh. Rong biển và bọt biển bị gió thổi chạy trước mặt tôi, và tôi bắt buộc phải nhờ người ta giúp đỡ trước khi có thể đóng cửa lại và đóng thật chặt cho gió khỏi vào.

Bóng tối ở trong phòng tôi dày đặc khi tôi lại quay lại; nhưng lúc này tôi đã mệt và vừa đặt mình xuống giường là tôi rơi tõm (từ đỉnh tháp xuống vực thẳm) vào một giấc ngủ li bì. Tôi có cảm tưởng rằng trong một thời gian dài mặc dầu tôi mơ thấy tôi ở chỗ khác, ở những nơi khác nhau, trong giấc mơ của tôi bao giờ cũng có gió thổi. Cuối cùng, tôi mất mối liên hệ này với sự thực và tôi cảm thấy mình tham dự cùng hai bạn thân (nhưng tôi không biết là ai) vào việc tấn công đánh lấy một thành phố trong khi tiếng súng nổ ầm ầm.

Tiếng súng nổ ầm ầm đinh tai nhức óc và không ngớt đến nỗi tôi không thể nào nghe một điều gì mà tôi rất muốn nghe, cho đến khi tôi hết sức cố gắng và tỉnh dậy. Trời đã sáng bạch (tám hay chín giờ), và đó là cơn bão đang gào thét chứ không phải những cỗ trọng pháo; và có người nào gõ cửa và kêu lên ở ngoài cửa.

"Có việc gì thế?", Tôi hỏi.

"Đắm tàu! ở gần ngay đây".

Tôi nhảy ra khỏi giường và hỏi tàu nào.

"Một chiếc tàu buồm từ Tây-ban-nha hay Bồ-đào-nha đến chở đầy quả và rượu. Ông dậy mau đi nếu như ông muốn xem. Người ta cho rằng nó có thể đập vào bờ biển và vỡ tan ra từng mảnh bất kỳ lúc nào".

Tiếng nói kích thích chạy dọc cầu thang và đi xa. Tôi hối hả mặc quần áo rồi lao ra ngoài phố.

Một đám đông đang chạy trước mắt tôi tất cả theo một hướng duy nhất, về phía bờ biển. Tôi cũng chạy như họ, vượt qua nhiều người và lát sau tôi đứng đối diện với mặt biển nổi giông.

Có lẽ gió lúc này đã dịu đi một ít, nhưng cũng theo cái tỷ lệ như nửa tá súng lớn đã im lặng trong lúc mấy trăm khẩu súng mà tôi đã thấy trong giấc mơ vẫn cứ nổ vang. Và mặt biển, mang dấu vết cái cảnh xáo động của một đêm dài dằng dặc trông còn kinh khủng hơn nhiều so với khi tôi thấy nó lần cuối. Tất cả những cảnh tượng lúc bấy giờ nó để lộ đều dường như được thổi phồng lên và những ngọn sóng nổi lên, vượt nhau và lôi kéo nhau để rồi đổ xuống và chạy dài thành những đám sóng nhấp nhô không bao giờ hết trông thực là khủng khiếp.

Vì khó lòng nghe được gì ngoài tiếng gió và tiếng sóng vì đám đông nhốn nháo vô kể, và vì tôi phải cố gắng đến đứt hơi mới chống lại được gió bão, tôi ngơ ngác đến nỗi đưa mắt tìm con tàu bị đắm ngoài biển cả và không thấy gì hết ngoài những đỉnh trắng xóa của những ngọn sóng khổng lồ. Một thủy thủ cởi trần giơ cánh tay chỉ cho tôi (trên cánh tay có chạm một mũi tên cũng chỉ về hướng đó) một điểm ở bên trái tôi và lúc đó, trời ơi, tôi thấy nó sát bên cạnh tôi.

Một cột buồm đã gãy hẳn cách boong tàu hai hay ba thước và treo lơ lửng ở trong một tình trạng rối loạn những buồm và những dây buồm; và tất cả những mảnh vụn ấy khi chiếc tàu luôn luôn đảo qua đảo lại (nó làm như thế không chút nào ngớt và với một sức mạnh thực không thể nào tưởng tượng được) đập vào thành tầu dường như muốn đánh vỡ chiếc tầu ra. Người ta còn cố gắng cứu cái phần ấy ra khỏi cảnh đắm tầu, bởi vì khi chiếc tầu nằm ngang trước mặt chúng tôi quay mặt về phía chúng tôi vì bị sóng đánh ở bên hông, tôi nhận thấy rõ ràng toàn bộ thủy thủ đang làm việc, tay cầm rìu, và trong số này đặc biệt nổi bật có một bóng người hăng hái tóc quăn. Ngay lúc ấy một tiếng kêu khủng khiếp vang lên từ bờ biển bất chấp sóng gió: một đợt sóng bao trùm cả chiếc tầu bị đắm ầm ầm cuốn sạch tất cả nào người, nào cột buồm, nào thùng, nào ván, nào bao lan và tất cả mớ trò chơi tội nghiệp này quay tít ở trong làn nước sôi sùng sục.

Chiếc cột buồm thứ hai vẫn còn đứng thẳng với những mảnh buồm rách nát và một mớ dây cột

buồm lộn xộn đu đưa. Chiếc tàu đã có một lần chạm vào đáy, một tiếng nói khản đặc nói bên tai tôi và cũng giọng nói ấy và cũng người thủy thủ ấy nói rằng chiếc tàu đã nhô lên mặt nước, và sẽ còn chạm vào đáy lần thứ hai. Tôi hiểu anh ta nói thêm rằng chiếc tàu sẽ vỡ ở giữa thân; và tôi tin điều đó không khó khăn gì bởi vì sóng đánh từ phía trước ra phía sau và quay cuồng dữ dội quá nên một công trình do bàn tay con người làm ra không thể nào chịu đựng nổi. Trong khi anh ta nói với tôi thì một tiếng kêu thảm thiết vang lên ở bờ biển; bốn người nhô lên khỏi vực thẳm với mảnh tàu bị đắm, bám lấy những dây thừng của chiếc cột buồm cuối cùng… trong số này có con người nhanh nhẹn tóc quăn.

Ở trên tàu có một cái chuông và trong khi chiếc tàu quay tít như một con người tuyệt vọng và hóa điên, khi thì để lộ tất cả boong tàu, lúc nó quay về phía bờ biển, khi thì chỉ để lộ đuôi tàu khi nó đu đưa theo một cái đà dữ tợn và quay ra khơi; tiếng chuông đánh, và tiếng chuông tuyệt mệnh của những người khốn nạn này, đến với chúng tôi theo ngọn gió. Chúng tôi lại mất hút nó, rồi nó lại hiện lên. Hai người đã biến mất. Nỗi lo sợ trên bờ tăng lên. Đàn ông rền rĩ và chắp tay; đàn bà gào thét và quay mặt. Một vài người chạy đi chạy lại trên bờ kêu cầu cứu trong lúc không thể nào quan niệm đến việc cầu cứu. Tôi cũng ở trong số này, cầu khẩn điên cuồng một nhóm thủy thủ mà chúng tôi biết đừng để những người tội nghiệp kia chết trước mắt chúng tôi.

Vẻ mặt xúc động (tôi không hiểu tại sao, bởi vì lúc bấy giờ tôi cũng rất cảm động nên khó mà hiểu được những điều tôi có thể hiểu) họ nói với tôi rằng chiếc ca-nô cứu người chết đuối đã được anh dũng hạ thủy cách đây một giờ nhưng không làm gì được và vì không có người nào lại điên rồ dám mang thừng lội ra thiết lập mối liên lạc giữa chiếc tàu với bờ biển. Bây giờ thực không còn cách gì nữa. Bỗng đột nhiên một cảm xúc mạnh lôi cuốn tất cả những người tập hợp trên bờ biển. Tôi thấy đám người rẽ ra và Ham rẽ hàng người tiến lên hàng đầu.

Tôi chạy về phía anh như tôi còn nhớ để nhắc lại lời kêu cầu cứu. Nhưng mặc dầu tôi hoảng hốt trước một cảnh tượng mới mẻ và kinh khủng đối với tôi như vậy, vẻ kiên quyết trên gương mặt anh và cái nhìn xa xăm của anh về phía mặt biển (tôi nhớ rõ đó chính là cái nhìn sau hôm Emili bỏ trốn) làm tôi bỗng nhiên hiểu ra nỗi hiểm nghèo anh đang đương đầu. Tôi lấy hai tay ôm ghì lấy anh và tôi cầu khẩn những người mà tôi vừa yêu cầu đừng nghe anh đừng để anh tự sát, đừng để anh rời khỏi bờ biển này! Một tiếng kêu khác vang lên trên bờ biển và đưa mắt nhìn chiếc tàu bị đắm chúng tôi thấy cái cột buồm thảm hại đang đập mạnh liên tiếp vào con người đứng ở dưới trong số hai người, nó quật anh ta ngã xuống rồi nổi lên một cách đắc thắng xung quanh con người nhanh nhẹn lúc này một mình bám lấy cột buồm.

Trước một cảnh tượng như vậy và trước nghị lực của con người kiên quyết bình tĩnh lãnh đạo một nửa số người có mặt, những lời cầu khẩn của tôi cũng vô ích như nói với ngọn gió.

“Cậu Đêvi”, anh nói vui vẻ lấy hai tay ôm ghì lấy tôi, “nếu giờ chết của tôi đã đến thì nó cứ đến. Nếu nó chưa đến thì tôi sẽ chờ đợi nó. Cầu Thượng đế phù hộ cậu và phù hộ tất cả! Các bạn, hãy chuẩn bị sẵn sàng cho tôi đi, tôi đi đây!”.

Tôi bị đẩy lùi lại, nhưng đẩy một cách dịu dàng cách đấy vài thước, ở đấy những người bao quanh lấy tôi giữ tôi lại, (tôi nghe mang máng họ nói rằng anh ta đã kiên quyết ra cứu, dù có người giúp hay không, và tôi chỉ làm trở ngại việc người ta chuẩn bị cho anh, nên sẽ làm cho anh ta thêm nguy hiểm). Tôi không biết đã trả lời thế nào, cũng không biết người ta đã trả lời tôi thế nào, nhưng tôi thấy trên bờ biển có những người chạy đi chạy lại, có người chạy với sợi dây thừng của một cái trục cuốn dây đặt ở đấy và nhập vào một đám người che Ham thoát khỏi tầm mắt tôi. Rồi tôi thấy anh ta đứng tách riêng ra mặc quần áo thủy thủ, tay cầm sợi thừng, hay sợi thừng quấn xung quanh cổ tay, và một sợi thừng khác quấn quanh người, và nhiều người trong số những người nhanh nhẹn nhất bám lấy đầu mút dây

thừng cách đấy một khoảng ngắn, trong khi anh để nó rơi xuống dưới chân, trên bờ biển.

Ngay cả đối với đôi mắt thiếu kinh nghiệm của tôi, tôi cũng thấy rõ ràng chiếc tàu sắp vỡ tan. Tôi thấy rằng nó sẽ vỡ ở giữa và đời sống của con người cô độc bám vào cột buồm chỉ treo trên sợi tóc. Nhưng anh ta vẫn bám lấy cột buồm. Trên đầu anh ta có một cái mũ cát két đỏ ngộ nghĩnh, màu rất nhã, không giống mũ người thủy thủ và trong khi một vài tấm ván sắp gãy, chia cách anh ta với cái chết đang kêu răng rắc dưới chân và tiếng chuông báo tử rung lên hối hả, tất cả chúng tôi đều thấy anh ta cầm cái mũ cát két ấy mà vẫy lia lịa. Nhìn vậy tôi suýt hóa điên vì cử chỉ của anh làm tôi nhớ đến một người bạn xưa kia rất thân.

Ham một mình đứng nhìn mặt biển và sau lưng anh là cả đám đông im lặng, nín thở và trước mắt anh là cơn bão, cho đến khi một đợt sóng to rút lui. Anh liếc mắt nhìn những người đang cầm sợi dây thừng quấn quanh người anh đoạn lao mình theo ngọn sóng và trong nháy mắt anh vật lộn với những ngọn sóng nổi lên như núi rồi lại rơi xuống vực thẳm, biến mất trong bọt biển rồi lại bị đẩy về phía bờ. Các bạn vội kéo anh vào bờ.

Anh bị thương. Từ chỗ tôi đứng tôi thấy máu chảy trên mặt anh: nhưng anh không mảy may để ý đến điều đó. Anh dường như muốn vội vàng ra lệnh cho người ta để cho anh rảnh tay hơn (ít nhất là tôi kết luận căn cứ vào cử chỉ của cánh tay anh) rồi lại xông ra như lần trước.

Và lần này anh tiến về phía chiếc tàu bị đắm, khi thì anh nổi lên với những đợt sóng dâng cao như núi, khi thì anh rơi tõm xuống vực sâu, biến mất trong đám bọt trắng xóa bị đánh bạt về bờ biển, bị đẩy về chiếc tàu, luôn luôn chiến đấu kiên cường và dũng cảm. Khoảng cách thật vô nghĩa nhưng sức mạnh của biển cả và sóng gió làm cho trận chiến đấu càng khốc liệt. Và cuối cùng anh đến gần chiếc tàu gần đến nỗi chỉ cách một sải tay là anh có thể bám lấy nó… bỗng một bức tường thành khổng lồ xanh rì những nước vượt qua chiếc tàu tiến về phía bờ, người ta cảm thấy anh như nhảy một nhảy một cách thực mạnh vào đấy và chiếc tàu biến mất.

Khi chạy đến nơi người ta kéo sợi dây thừng lên đất, tôi thấy vài mảnh nhỏ quay cuồng trên biển (dường như đó chỉ là một cái thùng rượu vừa vỡ), vẻ khủng khiếp sửng sốt hiện lên trên mọi nét mặt: Người ta kéo anh đến đúng ở dưới chân tôi… bất tỉnh… chết. Người ta mang anh đến ngôi nhà gần nhất, và lúc này vì không ai ngăn tôi nữa, tôi loay hoay cạnh anh trong khi người ta tìm mọi cách cứu anh sống; nhưng anh đã bị đợt sóng kinh khủng quật chết. Và con tim cao thượng của anh đã vĩnh viễn ngừng đập.

Khi không còn hy vọng gì nữa và tất cả đã kết thúc, tôi ngồi cạnh giường anh. Một người đánh cá quen biết tôi khi tôi và Emili còn nhỏ đến thì thầm gọi tôi ở ngoài cửa.

"Thưa ông", ông ta nói nước mắt chảy dòng dòng trên gương mặt rám nắng, đôi môi xanh như chàm đổ "ông có muốn ra ngoài không?".

Cái nhìn của ông nhắc tôi nhớ đến cái kỷ niệm ngày xưa tôi vừa nhớ lại. Tôi hỏi ông, vẻ hoảng hốt, vịn vào cánh tay ông giơ ra để đỡ tôi.

"Có một xác chết bị vứt vào bờ phải không?"

"Có", ông ta nói.

"Tôi có biết người ấy không?"

Ông ta không đáp.

Nhưng ông đưa tôi ra bờ biển và ở ngay nơi tôi và Emili vẫn lượm những con sò từ khi chúng tôi

còn là những đứa trẻ, ở nơi một vài mảnh vụn của chiếc tàu cũ kỹ đêm qua lật đổ bị đánh tạt vào… ở giữa những cảnh hoang tàn của cái gia đình mà anh ta đã tàn phá… tôi thấy Xtiếcphoóc, nằm gối đầu lên cánh tay như bao lần tôi đã thấy anh ngủ trong trường.

Chương LVI
VẾT THƯƠNG MỚI VÀ VẾT THƯƠNG CŨ

Xtiếcphoóc, cậu không cần phải nói với mình, lần cuối cùng chúng ta gặp nhau trong cái giờ mà mình không hề nghĩ rằng đó là giờ vĩnh biệt, cậu không cần phải nói: "Cậu hãy nghĩ đến những mặt tốt của mình!" Từ xưa đến nay mình vẫn làm thế; và lẽ nào lúc này mình có thể thay đổi thái độ khi nhìn cảnh tượng này.

Người ta đưa đến một cái cáng, bế cậu lên cáng, lấy một lá cờ phủ lên người rồi khiêng cậu về phía những ngôi nhà. Tất cả những người khiêng cậu đều quen biết cậu và đã thấy cậu đầy vui vẻ và táo bạo. Người ta mang cậu giữa lúc bão biển gào thét (một cảnh tượng im lặng ở giữa tất cả sự náo động) và đưa cậu đến ngôi nhà ở đấy cái chết đã bước vào.

Nhưng khi họ đặt cáng lên ngưỡng cửa, họ đưa mắt nhìn nhau và nhìn tôi nói thì thầm. Tôi hiểu tại sao. Họ cảm thấy không nên đặt cậu nằm trong cái phòng vắng vẻ này.

Chúng tôi ra phố và mang gánh nặng này đến. Khi tôi vừa có đủ tỉnh táo để suy nghĩ, tôi liền cho người đến tìm Jôram và yêu cầu anh Jôram cho tôi một chiếc xe để tôi có thể đưa thi hài về Luân-đôn trong buổi tối. Tôi biết rằng việc chăm sóc thi hài của anh và nhiệm vụ đau xót là chuẩn bị cho mẹ anh đón tin ấy chỉ có thể giao phó cho tôi và tôi rất muốn làm nhiệm vụ ấy hết sức trung thành.

Tôi đã chọn đêm tối lên đường để người ta bớt tò mò khi tôi rời khỏi thành phố. Nhưng mặc dầu khi tôi rời khỏi sân quán trọ lên xe trạm cùng với cái vật mà tôi phải chăm sóc thì đã gần nửa đêm, vẫn có nhiều người chờ tôi. Đây đó, trong khắp thành phố tôi còn gặp những người khác nữa. Nhưng cuối cùng đêm tối giá lạnh và cánh đồng mênh mông bao bọc lấy tôi cùng với mớ tro tàn của người bạn của tôi thời thơ ấu.

Một ngày thu dịu dàng, vào quãng giữa trưa khi mặt trời còn thơm phức mùi lá rụng và những lá khác còn ở trên cành màu vàng, đỏ và nâu xinh xắn, qua đấy lấp lánh ánh sáng mặt trời, tôi đến Haigây. Tôi đi bộ dặm cuối cùng, trên đường đi nghĩ đến điều phải làm và tôi để chiếc xe đã theo tôi suốt đêm đợi tôi bảo hãy đến.

Khi tôi đến, ngôi nhà vẫn không thay đổi gì hết. Không bức sáo nào được kéo lên; không có dấu hiệu gì của sự sống trong cái sân lát gạch âm u với con đường có mái đưa đến cái cổng không ai bước vào. Gió đã tạnh hẳn và không có gì cử động.

Lúc đầu, tôi không đủ can đảm rung chuông ngoài hàng rào sắt và khi tôi quyết định rung thì dường như nhiệm vụ của tôi biểu hiện ngay trong tiếng chuông rung. Chị hầu phòng nhỏ nhắn bước ra khỏi nhà tay cầm chìa khóa nói với tôi và nhìn tôi có vẻ lo lắng trong khi mở cánh cổng.

"Xin lỗi ông, có phải ông ốm không ạ?"

"Tôi rất lo lắng và rất mệt".

"Có điều gì không hay phải không ạ? Ông Jêm".

"Suỵt!" tôi nói.

"Phải đấy ông ta có gặp một điều và tôi phải báo cho bà Xtiếcphoóc. Bà có nhà không?".

Người con gái đã trả lời có vẻ lo lắng rằng bà chủ bây giờ ít khi ra khỏi nhà dù là đi xe; bà ở trong phòng không tiếp khách nhưng sẽ tiếp tôi. Chị bảo tôi bà chủ đang ở trên gác và cô Đáctơn cũng ở trên ấy với bà. Chị hỏi tôi phải báo lại cho bà chủ thế nào.

Tôi căn dặn hãy để ý đến cử chỉ của mình và chị đưa danh thiếp của tôi cho bà và nói tôi đang đợi rồi tôi ngồi trong phòng khách (lúc này chúng tôi đã bước vào phòng khách) cho đến khi chị ta trở lại. Cái vẻ bận rộn thú vị ngày xưa của gian phòng này đã biến mất và những cánh cửa lá sách đã đóng kín một nửa. Chiếc đàn thụ cầm từ lâu không đụng đến. Bức tranh người bạn tôi lúc còn nhỏ vẫn treo ở đấy. Cái bàn viết trên đấy mẹ cậu giữ những bức thư của cậu vẫn ở đấy; tôi tự hỏi không biết bà ta đôi lúc có đọc nó không và sẽ có bao giờ đọc nó nữa không.

Ngôi nhà lặng lẽ đến nỗi tôi nghe tiếng bước chân nhè nhẹ của người con gái ở tầng trên. Khi chị quay lại, chị nói rằng bà chủ mệt nên không rời khỏi căn phòng; nhưng nếu tôi vui lòng để bà vẫn ở trong phòng mình thì bà sẽ vui lòng tiếp tôi. Một lát sau tôi đứng trước mặt bà.

Bà ở trong phòng con trai chứ không phải trong phòng mình, cố nhiên, tôi cảm thấy bà săn sóc căn phòng này là vì nhớ đến con mình, và những dấu vết về các tài năng và những trò chơi thể thao ngày xưa vẫn để nguyên chung quanh bà theo cái trật tự anh ta vẫn để cũng vì lý do ấy. Tuy nhiên, khi bà ta tiếp tôi, bà nói lẩm bẩm rằng bà đã rời căn phòng của mình vì căn phòng này lộng gió không hợp tình trạng bệnh hoạn của bà và cái vẻ oai vệ của bà làm người ta không thể có chút nào ngờ vực rằng đó không phải là sự thực.

Cũng như mọi ngày, Rôda Đáctơn ngồi cạnh cái ghế của bà. Ngay từ lúc đôi mắt đen của cô nhìn thấy tôi, tôi thấy cô ta hiểu ngay tôi đem đến những tin tức chẳng lành. Vết sẹo lộ rõ ngay lập tức. Cô bước một bước ra phía sau cái ghế dựa để cho bà Xtiếcphoóc không để ý đến nét mặt của mình và nhìn chằm chặp vào mặt tôi một cách chăm chú, không chút nào yếu đi hay quay đi nơi khác.

"Tôi rất tiếc rằng thấy ông mặc tang phục", bà Xtiếcphoóc nói.

"Tôi không may góa vợ", tôi nói.

"Ông còn trẻ lắm mà lại bị một tổn thất đau xót như vậy", bà nói. "Tôi rất buồn khi nghe tin ấy. Tôi hy vọng thời gian sẽ làm ông dịu bớt nỗi buồn".

"Tôi hy vọng", tôi nói và nhìn bà, "Thời gian sẽ xoa dịu nỗi buồn của tất cả. Thưa bà, chúng ta phải nhờ cậy vào nó mà thôi trong những nỗi bất hạnh đau đớn nhất của mình".

Thái độ thiết tha của tôi và những giọt nước mắt trong khóe mắt tôi làm bà hốt hoảng. Những ý nghĩ miên man của bà bỗng có vẻ dừng lại và thay đổi hoàn toàn. Tôi cố gắng làm chủ giọng nói của mình để nhắc đến tên cậu con trai bà một cách hết sức dịu dàng nhưng giọng tôi vẫn run. Bà nhắc lại cái tên ấy, thì thầm hai hay ba lần cho mình nghe đoạn quay về phía tôi nói với giọng bình thản gắng gượng.

"Con tôi ốm à?"

"Ốm nặng lắm."

"Anh đã thấy nó à?"

"Vâng ạ!"

"Hai người đã thôi không giận nhau nữa à?"

Tôi không thể nói "có" cũng không thể nói "không". Bà quay đầu nhẹ nhàng về phía Rôda Đáctơn đứng ở bên cạnh và tôi nhân dịp ấy nói với Rôda bằng cách mấp máy đôi môi: "Chết rồi!".

Để cho bà Xtiếcphoóc đừng nhìn về phía sau và đọc một cách rõ ràng trên gương mặt Rôda điều bà ta vẫn chưa chuẩn bị để chịu đựng, tôi liền đưa mắt về phía bà; nhưng tôi đã thấy Rôda giơ hai tay lên trời với vẻ tuyệt vọng khủng khiếp rồi lấy hai tay che mặt.

Người đàn bà xinh đẹp (giống con trai của bà quá! giống quá!) nhìn chăm chú vào mặt tôi và giơ tay lên trán. Tôi cầu khẩn và bình tĩnh chuẩn bị chịu đựng điều tôi sắp nói nhưng đáng lý tôi nên cầu khẩn bà khóc thì hơn bởi vì bà trơ trơ như tượng đá.

"Lần cuối cùng tôi đến đây, tôi nói ấp úng", cô Đáctơn bảo tôi, "anh ấy đi ngao du trên biển hết nơi này đến nơi khác. Tối hôm kia biển động rất dữ. Nếu anh ấy ở ngoài biển đêm hôm ấy và gần một cửa biển nguy hiểm, như người ta nói, và nếu như chiếc tàu mà người ta thấy là chiếc tàu…!".

"Rôda", bà Xtiếcphoóc nói "chị lại gần đây".

Cô ta lại không chút thương xót cũng không chút dịu dàng. Đôi mắt sáng như lửa khi cô đối diện với bà mẹ của anh bạn tôi và cười lên khủng khiếp, cô ta nói.

"Hừ! Thế thái độ kiêu ngạo của bà đã thỏa mãn chưa… đồ điên rồ? Bây giờ anh ấy đã chuộc lại lỗi lầm với bà rồi đấy… bằng cách vứt bỏ cuộc sống, bà nghe chưa?… Vứt bỏ cuộc sống".

Bà Xtiếcphoóc sau khi buông người rơi phịch xuống phía sau thẳng đờ trên chiếc ghế bành, không để lộ một tiếng nào ngoài một tiếng rên rỉ và ngơ ngác trố mắt nhìn cô.

"Đúng thế!". Rôda kêu lên giơ tay đấm thình thịch vào ngực một cách giận dữ, "bà hãy nhìn tôi đây! "Hãy kêu van đi, rền rĩ đi và nhìn tôi đây! Hãy nhìn cái này" - cô chỉ cái sẹo - "đây là tác phẩm của đứa con đã chết của bà!"

Tiếng rền rĩ của bà chốc chốc lại thốt ra làm tim tôi như xé. Bao giờ cũng vẫn là cái tiếng ấy: bao giờ nó cũng vẫn ấp úng và nghẹn ngào. Bao giờ tiếp theo đó cũng là một cử động khe khẽ của cái đầu nhưng không có một chút thay đổi nhỏ trên nét mặt. Bao giờ nó cũng toát ra từ một cái miệng cứng đờ với hai hàm răng nghiến lại dường như cái hàm của bà bất động và gương mặt đóng băng vì đau khổ.

"Bà có nhớ cái ngày mà anh ta đã gây nên cái này không?" cô ta nói tiếp "Bà có nhớ cái ngày bởi vì anh ta thừa hưởng cái bản tính của bà, và bởi vì bà nâng niu chiều chuộng tính kiêu ngạo và những dục vọng của anh ta, nên anh ta đã làm điều này và làm cho mặt mày tôi xấu xí suốt đời không? Hãy nhìn tôi bị đánh dấu cho đến khi chết bởi cơn giận của anh ta và hãy rền rĩ, hãy khóc than về điều bà đã làm anh ta thành con người như thế".

"Cô Đáctơn", tôi nói cầu khẩn, "nhân danh tình yêu của Chúa…"

"Tôi muốn nói!" cô ta nói quay về phía tôi đôi mắt sáng quắc. "Còn anh hãy im đi… Bà hãy nhìn đây, bà mẹ kiêu ngạo của một đứa con kiêu ngạo và đểu cáng! Hãy than thở về cách bà đã giáo dục anh ta, về cách bà làm anh ta hư hỏng, về sự tổn thất của bà và về sự tổn thất của tôi".

Cô nắm chặt tay, tất cả thân hình mảnh dẻ gầy gò run lẩy bẩy như cơn giận đang giết dần cô. Cô thét lên.

"Còn bà, bà cứ trừng phạt thái độ bướng bỉnh của anh ta nữa đi! Bà cảm thấy ức về thái độ kiêu ngạo của anh ta chứ gì? Bà đầu tóc đã bạc nhưng lại chống lại những tính nết kia mặc dầu chính bà đã làm anh ta quen với những tính nết ấy từ khi còn bé. Từ khi bà sinh anh ta ra bà vẫn giáo dục anh ta để thành con người như thế và đã làm cho anh ta không thành con người lẽ ra anh ta có thể thành được. *Bây giờ* sau bao năm chăm sóc, bà đã được đền bù rồi đấy!"

"Ồ! Cô Đáctơn, thật là xấu hổ và nhục nhã! Ồ! thật là tàn nhẫn".

"Tôi nói cho anh biết", cô ta đáp, "rằng tôi muốn nói với bà. Không có một sức mạnh nào trên đời có thể bắt tôi im hễ tôi còn ở đây. Sau khi đã giữ im lặng trong bao năm trời, chẳng lẽ bây giờ tôi lại im sao? Tôi đã yêu anh ta hơn bà yêu nhiều!" Cô ta kêu lên và lồng lộn quay về phía bà Xtiếcphoóc.

“Tôi có thể yêu anh ta không đòi hỏi anh ta yêu lại. Nếu tôi là vợ anh ta, tôi có thể là người nô lệ của những sở thích đồng bóng của anh ta, chỉ cần một năm được một lời ân ái. Tôi có thể làm thế. Ai biết rõ anh ta hơn tôi? Bà khắt khe, kiêu ngạo, hình thức và ích kỷ. Còn tình yêu của tôi sẽ là sự tận tụy… nó chà tất cả những tiếng khóc thút thít thảm hại của bà dưới gót chân”.

Mắt nẩy lửa, cô ta giẫm chân xuống đất thình thịch như đang làm điều cô ta nói.

“Hãy nhìn đây!” Cô ta nói lấy tay đập không thương xót vào vết sẹo. “khi anh ta đủ lớn không để hiểu điều anh ta làm, anh ta đã hối hận về điều đó! Tôi đã có thể tha thứ cho anh ta, nói với anh ta và chỉ cho anh ta thấy lòng quan tâm nồng nhiệt của tôi đối với tất cả những điều anh ta làm và hết sức học tập để có những kiến thức mà anh ta chú ý nhất; và tôi đã thu hút anh ta. Khi anh ta trong trắng và thành thực nhất, anh ta đã yêu tôi. Đúng thế. Anh ta đã yêu tôi! Đã bao lần khi anh ta gạt bà ra với một lời ngắn ngủi thì anh ta đã siết chặt tôi vào con tim của mình”.

Cô nói điều đó với vẻ kiêu ngạo thách thức giữa cơn điên loạn (bởi vì đó đúng là cơn điên loạn) nhưng đồng thời với một kỷ niệm say sưa trong đó những tro nóng của tình cảm dịu dàng ngày xưa bỗng bùng lên trong chốc lát.

“Tôi đã rơi xuống (lẽ ra tôi đã biết điều đó, nếu như anh ta không quyến rũ tôi bằng lối ve vãn của trẻ con) hạng một con búp bê, một trò tiêu khiển để giải trí trong một giờ rỗi rãi, để vứt vào một xó, rồi để lấy lại, đối xử một cách khinh bạc đúng theo sở thích bấp bênh của anh ta. Khi anh ta chán, tôi cũng thấy chán. Khi sở thích đồng bóng của anh ta đã hết, tôi không còn muốn củng cố quyền lực mà tôi đã có, đến nỗi tôi không muốn làm vợ anh ta dù anh ta có bị bắt buộc phải lấy tôi làm vợ. Chúng tôi đã xa rời nhau không nói một lời. Có lẽ bà đã thấy điều đó và không hề hối tiếc. Từ đó ở giữa mẹ con bà tôi chỉ là một đồ chơi đã hỏng, không mắt, không tai, không tình cảm, không trí nhớ. Bà còn than thở à? Hãy than thở về chỗ bà đã làm cho anh ta thành con người như thế nào, chứ không phải về tình yêu của mình. Tôi nói cho bà biết rằng đã có một thời tôi yêu anh ấy hơn bà nhiều.”

Cô đứng yên lặng và đôi mắt sáng quắc và căm giận bắt gặp cái nhìn chăm chú và đờ đẫn của gương mặt cứng đờ và cô không chút mủi lòng khi tiếng rền rĩ vang lên dường như khuôn mặt ấy chỉ là một bức tranh vô tri vô giác.

“Cô Đáctơn”, tôi nói, “nếu như cô vô tình đến nỗi không thương xót nỗi bất hạnh của bà mẹ này đang đau buồn…”

“Thế ai thương xót tôi?” Cô ta đốp lại ngay. “Bà ta đã gieo ra điều này. Bà ta hãy than khóc về mùa gặt mà hôm nay bà ta gặt được.”

“Nếu như những lỗi lầm của anh ấy”, tôi bắt đầu.

“Lỗi lầm của anh ta à!” Cô ta kêu lên tha thiết, òa lên khóc. “Ai dám nói xấu anh ta? Tâm hồn anh ta gấp triệu lần những người bạn mà anh ta hạ cố để chơi bời với họ.”

“Chưa ai có thể yêu anh ấy hơn tôi, chưa ai có thể giữ về anh ấy một kỷ niệm êm đềm hơn tôi”, tôi đáp… “Tôi muốn nói: Nếu cô không xót thương người mẹ; hay nếu những lỗi lầm của người con… những lỗi lầm mà cô đã nói một cách nghiêm khắc”.

“Không đúng!” Cô ta kêu lên, bứt tóc, “tôi yêu anh ta.”

“… Nếu như những lỗi lầm của người con vẫn còn in sâu trong trí óc cô trong một giờ phút như thế này, xin cô hãy nhìn người đàn bà này như cô đã thấy lần đầu và hãy giúp bà ta một chút.”

Trong suốt thời gian ấy bà Xtiếcphoóc vẫn không hề cử động, bà vẫn cứng đờ, im lìm rắn chắc với

cái nhìn chăm chú, chốc chốc lại rền rĩ rất khẽ và đều đều như nhau cũng với cái đầu vẫn lắc lư bất lực; nhưng không tỏ ra dấu hiệu nào để lộ bà ta còn sống. Cô Đáctơn bỗng quỳ xuống trước mặt bà và bắt đầu cởi áo."

"Đồ trời đánh!" cô ta nói với tôi quay mắt nhìn tôi với vẻ mặt giận dữ, đau đớn. Ngày ông đến đây lần đầu là một giờ xúi quẩy! Đồ trời đánh! Đi đi."

Sau khi rời khỏi căn phòng, tôi vội vàng quay lại để rung chuông và báo ngay cho những người đầy tớ. Cô Đáctơn bế cái xác cứng đờ và trong khi quỳ xuống cô ta khóc thảm thiết trên cái xác ấy, hôn nó, kêu gọi và ru trong lòng như ru một đứa con và tìm mọi cách âu yếm để thức tỉnh những giác quan đã tê liệt. Không sợ để cô ta một mình nữa, tôi lặng lẽ ra đi và trước khi đi tôi báo cho những người trong nhà biết.

Vào buổi chiều hôm ấy tôi trở lại và chúng tôi đặt người bạn của tôi trong căn phòng bà mẹ. Người ta bảo tôi bà vẫn ở trong trạng thái như cũ. Cô Đáctơn không rời bà ta nửa bước. Thày thuốc săn sóc bà. Người ta đã thử nhiều cách nhưng bà vẫn nằm yên như bức tượng chỉ chốc chốc buông ra tiếng rền rĩ nhỏ yếu.

Tôi chạy khắp ngôi nhà thê lương ảm đạm và đóng tất cả cửa sổ. Cuối cùng, tôi đóng những cửa sổ của gian phòng trong đó cậu ta nằm và tôi có cảm tưởng thế giới chỉ là cõi chết và sự im lặng, chỉ thỉnh thoảng bị gián đoạn vì lời rền rĩ của bà mẹ cậu ta.

Chương LVII
NHỮNG NGƯỜI XUẤT DƯƠNG

Tôi còn phải nói một điều trước khi bộc lộ tất cả những xúc cảm này. Đó là giấu những việc xảy ra để cho những người ra đi không biết gì và lên đường sung sướng vì không biết gì cả. Muốn làm thế không thể bỏ phí thời gian.

Chiều hôm ấy, tôi nói riêng với ông Micôbơ và dặn ông ta tìm cách ngăn cản không cho ông Pécgôti biết tin về tai nạn vừa qua. Ông nhận nhiệm vụ ấy một cách nhiệt tình và giữ tất cả những tờ báo vì nếu không làm cẩn thận như vậy thì những tin tức này có thể đến ông Pécgôti.

"Nếu tin tức này đến ông ta, anh ạ", ông Micôbơ nói và vỗ ngực, "thì người ta trước tiên phải giẫm lên xác tôi đã."

Tôi phải nói rằng để thích nghi hơn với cuộc sống mới của mình ông Micôbơ đã có cái vẻ bề ngoài của một gã giặc biển, tuy không phải hoàn toàn của một kẻ ngoài pháp luật, nhưng là thái độ tự vệ và rất nhạy cảm. Người ta có thể tưởng rằng ông ta là một đứa con của sa mạc từ lâu vẫn quen sống ở ngoài biên giới của văn minh và sắp trả lại với cảnh hoang vu của quê cha đất tổ.

Trong những vật khác ông đã tậu được, có một bộ đồ bằng vải sơn dầu và một cái mũ rơm có đáy rất thấp, bên ngoài sơn hắc ín hay là phết dầu. Mặc bộ quần áo thô kệch ấy, dưới tay là một cái ống nhòm của người đi biển và cái lối tinh ranh luôn luôn ngước mắt nhìn lên trời như để rình xem thời tiết xấu xảy ra, ông ta có vẻ là một dân đi biển hơn cả ông Pécgôti nữa. Tất cả gia đình ông, nếu có thể nói như vậy, đều sẵn sàng bắt tay vào việc. Tôi thấy bà Micôbơ đội cái mũ chặt nhất và đơn giản nhất buộc chặt dưới cằm, khoác một cái khăn quàng làm cho bà ta giống một cái gói bị buộc chặt lại (chẳng khác gì tôi buổi tối khi cô tôi tiếp tôi lần đầu tiên) vào phía sau lưng gần thắt lưng. Tôi thấy cô Micôbơ cũng được che chở một cách như vậy chống lại bão táp và trên người cô không có chút gì thừa. Cậu Micôbơ thì biến mất đằng sau cái áo sơ-mi Gécxây và cái áo cài quần dạ lông sù sì như tôi chưa bao giờ thấy. Còn mấy đứa trẻ đều được gói ghém lại như những hộp thịt trong những hộp không thấm nước, ông Micôbơ và người con đầu của ông xống tay áo vắt lên và lùng thùng ở phía cổ tay như là sẵn sàng giơ tay về bất kỳ phía nào và nhảy lên boong hay hò dô ta khi có dấu hiệu đầu tiên.

Tôi và Trátđơn thấy họ trong tình trạng như vậy vào lúc chạng vạng tối, tập họp trên những bậc tam cấp bằng gỗ lúc bấy giờ gọi là cầu thang Hăngơphoóc đang đợi chiếc ca-nô ra đi mang theo một phần tài sản của họ. Tôi đã nói với Trátđơn về biến cố khủng khiếp và biến cố này đã làm cậu choáng váng, nhưng dĩ nhiên là cậu phải giữ bí mật vì tình nhân đạo và cậu đến giúp tôi làm nhiệm vụ này. Tôi kéo riêng ông Micôbơ đến đấy và ông đã hứa làm theo lời tôi dặn.

Gia đình ông Micôbơ ở trong một hiệu cà phê nhỏ bẩn thỉu và bệ rạc ở sát cầu thang có những căn phòng bằng gỗ nhô ra về phía sông… Gia đình ông Micôbơ, với tư cách những người xuất dương (những người xuất dương được khu phố này và miền chung quanh Hăngơphoóc chú ý) làm cho nhiều người tò mò muốn xem đến nỗi chúng tôi cảm thấy sung sướng được ẩn náu trong phòng của họ. Đó là một căn phòng ở tầng trên, làm bằng gỗ và ở dưới là dòng sông. Cô tôi và Ácnét ở đấy, đang lo may một vài thứ áo quần để cho những đứa trẻ có quần áo thay thế. Chị Pécgôti im lặng giúp đỡ họ và trước mắt chị vẫn là cái hộp đồ may cũ kỹ cái thước cũ và mẫu nến cũ đã trải qua bao nhiêu biến cố.

Trả lời những câu hỏi của chị Pécgôti không phải là chuyện dễ dàng, và càng khó hơn khi phải nói thầm, với ông Pécgôti khi ông Micôbơ đưa ông Pécgôti vào và tôi trao lại bức thư cho ông bảo rằng mọi việc đều chu đáo. Nhưng tôi đã làm được cả hai việc và làm cho họ sung sướng. Nếu tôi để lộ một dấu vết gì bộc lộ cảm xúc của tôi thì những nỗi đau buồn của riêng tôi cũng đủ để giải thích điều

đó. Cô tôi hỏi:

"Ông Micôbơ, thế khi nào chiếc tàu ra đi?"

Ông Micôbơ cho rằng cần phải chuẩn bị dần dần cho hoặc cô tôi, hoặc cho bà Micôbơ để đón cái tin ấy, nên đáp:

"Sớm hơn là hôm qua tôi tưởng."

"Chiếc ca-nô có cho ông biết khi nào đi không?" cô tôi hỏi.

"Thưa cô có ạ", ông đáp.

"Thế khi nào nó đi?" cô tôi hỏi.

"Thưa cô", ông nói, "tôi vừa được tin rằng sáng mai nhất thiết chúng ta phải lên tàu trước bảy giờ".

"Hèm!", cô tôi nói, "Thế thì cũng sớm lắm nhỉ? Có chắc chắn không?, ông Pécgôti?"

"Thưa cô đúng thế ạ. Chiếc tàu sẽ xuôi theo dòng sông cùng với nước thủy triều xuống. Nếu cậu Đêvi và cô em tôi lên tàu ngày mai vào buổi chiều ở Grâyvơxen thì họ sẽ thấy chúng tôi lần cuối."

"Và chúng tôi sẽ làm thế", tôi nói, "ông cứ yên trí".

"Cho đến lúc ấy, và cho đến khi chúng tôi đã ở ngoài khơi" - ông Micôbơ tuyên bố ngước mắt nhìn tôi có vẻ hiểu biết, "ông Pécgôti và tôi hai người sẽ luôn luôn để ý tới tài sản và hành lý của mình. Emma, em ạ", ông nói tiếp dặng hắng để lấy giọng và nói với cái giọng cao thượng nhất, ông bạn Tômát Trátđơn của tôi đã có nhã ý nói thầm bên tai tôi cho phép ông ta chuẩn bị những thức gia vị cần thiết để điều chế một khối lượng trung bình của thứ nước uống làm tôi luôn luôn liên tưởng đặc biệt đến thịt bò rán của nước Anh cổ kính[1]. Tóm lại… tôi muốn nói đến rượu ngũ vị. Trong những hoàn cảnh bình thường tôi sẽ ngần ngại không dám mời cô Trôtút và cô Uýchcơphin chiếu cố, nhưng mà…"

"Về phần tôi, tôi chỉ có thể nói, tôi sẽ uống hết sức vui lòng để chúc mừng hạnh phúc và sự thành công của ông, ông Micôbơ ạ!" cô tôi nói.

"Và tôi cũng thế", Ácnét nói mỉm cười.

Ông Micôbơ liền xuống ngay quầy rượu, ở đấy ông có vẻ thoải mái hết sức và trong thời gian cần thiết ông quay lại với một bình rượu bốc hơi nghi ngút. Tôi không thể không nhận thấy ông đã gọt chanh với cái dao nhíp cá nhân dài gần ba tấc có mấu giữ cho dao khỏi gập lại trông chẳng kém một người thực dân đầy kinh nghiệm thường dùng và sau đó ông lau trên ống áo với một cử chỉ không phải huênh hoang. Lúc bấy giờ tôi mới nhận thấy bà Micôbơ và hai đứa con đầu cũng đều được võ trang bằng những dụng cụ kinh khủng tương tự, và mỗi đứa nhỏ hơn đều có cái thìa bằng gỗ của nó buộc vào người bằng một sợi dây chắc chắn. Cùng với cái tinh thần lo xa luôn luôn chuẩn bị đón cuộc sống trên biển, hay ở trong rừng sâu, ông Micôbơ không rót rượu cho vợ và hai con đầu vào một cái cốc (ông ta có thể làm điều đó dễ dàng bởi vì trong phòng có cả một ngăn đầy những cốc) nhưng lại rót vào những cái ca cà khổ bằng thiếc và tôi không bao giờ thấy ông thích gì cho bằng uống rượu trong cái ca riêng của mình, rồi nhét nó vào túi vào cuối buổi chiều.

"Chúng tôi đã từ bỏ" - ông Micôbơ bảo với cái vẻ rất đắc chí - "tất cả mọi tiện nghi của quê hương cũ. Những dân ở trong rừng cố nhiên không thể hy vọng tham dự vào những trò tế nhị của xứ sở của tự do."

Vừa lúc ấy một đứa trẻ đến nói với ông Micôbơ rằng có người đợi ông ở tầng dưới.

“Tôi có linh cảm”, bà Micôbơ nói, đặt cái cốc bằng thiếc xuống, “rằng đây là một người trong gia đình tôi.”

“Trong trường hợp như vậy em ạ”, ông Micôbơ nói với cái vẻ hăng bốc đột ngột mà đầu đề này thường gây cho ông, “vì những người trong gia đình em (dù họ là ai, ông nào hay bà nào) cũng đã bắt chúng ta phải chờ đợi một thời gian quá dài cho nên có lẽ con người ấy bây giờ có thể chờ đợi theo sở thích của tôi.”

“Anh Micôbơ ạ”, bà vợ nói, “trong một giờ phút như thế này.”

“Không nên”, ông Micôbơ nói đứng dậy, “hãy để cho những lỗi lầm nhỏ nhất đều có hậu quả của nó. Emma ạ, anh thực đáng trách đấy.”

“Anh Micôbơ ạ”, bà vợ nói, “lỗi là lỗi của gia đình em chứ có phải lỗi của anh đâu. Nếu như gia đình em cuối cùng đã nhận rõ hành động xưa kia của họ đã làm họ thiệt hại như thế nào và muốn giơ cho anh bàn tay hữu ái thì xin anh đừng gạt nó.”

“Em ạ”, ông đáp, “cầu sao được như vậy.”

“Nếu như anh làm điều đó không phải vì gia đình em, thì ít nhất là vì em, anh Micôbơ ạ!” bà vợ nói.

“Emma ạ”, ông đáp, “cách trình bày vấn đề như vậy trong một phút như thế này là rất hùng hồn. Ngay cả lúc này anh cũng không thể nào ôm chầm lấy cổ gia đình em; nhưng người nào hiện nay chờ đợi thì sẽ không thấy thái độ niềm nở của họ bị anh đối xử lạnh nhạt.”

Ông Micôbơ đi ra và vắng mặt trong vài phút, trong lúc đó bà Micôbơ có vẻ lo sợ sẽ có một cuộc cãi lộn giữa ông và “người bà con”. Cuối cùng cũng đứa trẻ ấy xuất hiện đưa cho tôi một tờ giấy viết bằng bút chì theo văn pháp luật:

“Híp kiện Micôbơ”. Xem tờ giấy này tôi biết ông Micôbơ lại bị giữ và đang ở trong tình trạng tuyệt vọng cùng cực nên yêu cầu tôi cho ông con dao và cái ca bằng thiếc là những vật có thể có ích cho ông trong cuộc đời ngắn ngủi còn lại ở trong tù. Ông cũng yêu cầu tôi làm hành động hữu ái cuối cùng là đưa gia đình ông đến nhà tế bần của địa phận và quên rằng có một người như ông đã sống ở trên đời.

Cố nhiên, tôi trả lời bức thư này bằng cách bước xuống với đứa trẻ để trả tiền và tôi thấy ông Micôbơ ngồi trong một góc nhà mặt sa sầm đang nhìn ông lục sự chịu trách nhiệm bắt ông. Khi được tha, ông ôm ghì lấy tôi một cách hết sức nồng nhiệt rồi ghi số tiền vào sổ tay (tôi còn nhớ ông tỏ ra rất chu đáo về một nửa pen-ni mà tôi đã vô tình bỏ quên khi nói lại tổng số).

Cuốn sổ tay quan trọng này nhắc ông ta một cách kịp thời đến một việc thu xếp khác. Khi chúng tôi quay lại căn phòng ở trên gác (ông cắt nghĩa sự vắng mặt bằng cách nói rằng đó là do những hoàn cảnh ở ngoài ý muốn), ông rút ra một tờ giấy rộng, gấp nhỏ lại và đầy chi chít những bài toán cộng tính rất cẩn thận. Liếc mắt nhìn những bài toán ấy, tôi phải nói là tôi chưa bao giờ thấy những bài toán cộng như vậy trên một quyển sách toán của học sinh. Những con số ấy hình như là tiền lãi kép của cái mà ông gọi là “Bốn mươi mốt bảng mười si-linh và mười một pen-ni rưỡi” trong những thời kỳ khác nhau. Sau khi xét cẩn thận những con số này và ước lượng tỉ mỉ tài sản của mình, ông đã đi đến kết luận phải chọn số tiền biểu hiện cái vốn ấy cộng với lãi kép trong hai năm, mười lăm tháng và mười bốn ngày kể từ ngày hôm nay. Ông đã viết hết sức cẩn thận một tờ giấy vay nợ vay số tiền ấy và ông trao nó ngay cho Trátđơn để thanh toán tiền nợ của ông (giữa người với người) và cám ơn rối rít.

“Tôi vẫn còn có linh cảm”, bà Micôbơ nói lắc đầu tư lực, “rằng gia đình tôi sẽ ra tàu trước khi

chúng tôi ra đi".

Ông Micôbơ rõ rệt cũng có những linh cảm về vấn đề ấy, nhưng ông ta chôn nó vào trong cái cốc thiếc và uống một hơi.

Cô tôi mói:

"Trên đường đi nếu bà có dịp viết thư về Anh bà nhớ cho tôi biết về tin tức của bà đấy."

"Thưa cô Trốtút thân mến", bà đáp, "tôi sẽ rất sung sướng được biết rằng có người chờ đợi tin tức chúng tôi. Thế nào tôi cũng sẽ thư từ với cô. Chắc anh Copơphin với tư cách chỗ quen biết cũ sẽ không từ chối thỉnh thoảng nhận những tin tức của một người đã biết anh từ khi những đứa sinh đôi vẫn còn chưa biết gì".

Tôi đáp rằng tôi hy vọng sẽ nhận được thư của bà mỗi khi bà có dịp viết thư.

"Nhờ trời, những dịp như vậy thì nhiều lắm", ông Micôbơ nói. "Đại dương những ngày nay đầy nhan nhản những tàu và trên đường đi thế nào chúng ta cũng gặp một số lớn. Đi ngắn thôi mà", ông Micôbơ nói mân mê cái kính tay, "khoảng cách chỉ hoàn toàn tưởng tượng mà thôi."

Lúc này khi nghĩ lại, tôi thấy ông Micôbơ thực là đến kỳ quặc và ngộ nghĩnh: Khi đi từ Luân-đôn đến Cantơbơri ông đã bảo với tôi như là đến nơi góc biển chân trời; thế nhưng khi đi từ Anh sang Úc thì ông lại xem như là một cuộc du lịch ngang qua biển Măngsơ.

"Trong thời gian du lịch", ông nói tiếp, "tôi sẽ cố gắng kể lại những chuyện linh tinh; và bài hát của cháu Uynkin sẽ được người ta đón tiếp niềm nở ở chung quanh bếp lửa, tôi tin chắc như vậy. Khi bà Micôbơ đi biển quen (tôi hy vọng dùng danh từ này không có gì bất tiện) tôi tin chắc bà sẽ lại hát bài "Cô bé Tápphin". Chắc hẳn chúng tôi sẽ thấy cá heo ở mũi tàu và người ta sẽ luôn luôn thấy những điều thú vị ở hai bên mạn tàu, tóm lại", ông Micôbơ kết luận với cái vẻ lịch sự ngày xưa, "chắc hẳn cuộc du lịch sẽ thú vị từ đầu đến cuối về mọi mặt đến nỗi khi người hoa tiêu đứng trên cột buồm chính kêu lên. "Đến đất rồi!" thì chúng tôi sẽ rất ngạc nhiên!"

Nói đoạn, ông uống cạn cốc thiếc nhỏ với một cử chỉ hào hoa như ông vừa đi du lịch xong và đỗ một kỳ thi khó nhất trước những uy tín cao nhất của thủy quân.

"Anh Copơphin ạ riêng về phần tôi, điều tôi hy vọng nhất", bà Micôbơ nói, "đó là một vài chi nhánh trong gia đình chúng tôi sẽ tiếp tục sống ở xứ sở quê hương. Anh Micôbơ, anh đừng cau mày! không phải em muốn nói gia đình em đâu, mà muốn nói đến những đứa con của những đứa con chúng ta kia. Dù cho cái cây non mạnh khỏe đến đâu", bà Micôbơ nói lắc đầu, "tôi vẫn không thể quên cái gốc, và khi giòng giống chúng tôi đã đạt đến một địa vị cao và giàu có, thú thực tôi mong muốn tài sản này chạy vào những két sắt của nước Anh".

"Em ạ", ông Micôbơ nói, "nước Anh phải chịu trách nhiệm. Anh bắt buộc phải nói rằng xưa nay nó chưa hề làm gì cho anh hết, và anh không mong muốn đặc biệt gì về vấn đề này.

"Anh Micôbơ", bà Micôbơ nói, "về điểm này anh lầm rồi. Anh Micôbơ, anh đi đến nơi xứ sở xa xôi kia là để thắt chặt chứ không phải để làm giảm mối liên hệ ràng buộc anh với nước Anh".

"Em ạ mối liên hệ mà em nói đến", ông Micôbơ nói, "Không làm anh chú ý lắm, anh nhắc lại, đến nỗi trở thành một gánh nặng khiến anh ngần ngại không bước vào một liên hệ mới".

"Anh Micôbơ", bà Micôbơ nói, "về điểm này, em nhắc lại về điểm này anh lầm rồi. Anh Micôbơ ạ. Anh không biết sức mạnh của anh. Mối liên hệ ràng buộc anh với nước Anh sẽ được củng cố ngay cả trong cái bước anh sắp bước".

Ông Micôbơ ngồi trong chiếc ghế bành, lông mày rướn lên, một nửa để chấp nhận, một nửa để phủ nhận những quan điểm bà Micôbơ vừa nói, nhưng vẫn tỏ ra rất thông cảm với thái độ nhìn xa của bà Micôbơ.

"Anh Copơphin ạ", bà Micôbơ nói, "tôi muốn rằng anh Micôbơ nhận thức rõ địa vị của mình. Đối với tôi anh Micôbơ ngay từ lúc xuống tàu phải nhận thức được địa vị của mình là điều rất quan trọng anh Copơphin ạ, anh là chỗ thân thiết, nên anh biết rằng tôi không có thái độ lạc quan của anh Micôbơ. tính của tôi nếu như tôi có thể nói, là hết sức thực tiễn. Tôi biết cuộc du lịch này sẽ rất dài. Tôi biết sẽ có nhiều thiếu thốn và nhiều điều bất tiện. Tôi không thể nhắm mắt trước những sự việc ấy. Nhưng tôi biết anh Micôbơ là người thế nào. Tôi hiểu sức mạnh ẩn náu trong người anh Micôbơ và vì vậy tôi cho rằng việc anh Micôbơ nhận thức rõ địa vị của mình là rất quan trọng".

"Em ạ, có lẽ em cho phép anh nói rằng trong giờ phút này anh khó lòng có thể nhận thức được địa vị của mình".

"Em không tin như vậy", anh Micôbơ ạ, bà ta đáp lại. "Không hoàn toàn như vậy… Anh Copơphin ạ, trường hợp anh Micôbơ không phải là trường hợp tầm thường.

Anh Micôbơ đi đến một xứ sở xa xôi chủ yếu để người ta hiểu mình hoàn toàn và được đánh giá lần đầu tiên. Tôi muốn anh Micôbơ đứng lên trên mũi tàu và nói giọng kiên quết: "Ta đến để chinh phục nước này! ngươi có vinh dự không? ngươi có tài sản của cải không? Ngươi có chức vụ nào lương cao không? Hãy đem cho ta, nó thuộc về ta!".

Ông Micôbơ nhìn tất cả chúng tôi có vẻ tán thành ý kiến ấy. Bà Micôbơ nói giọng phân trần:

"Nếu như tôi có thể làm người ta hiểu tôi. Tôi muốn rằng anh Micôbơ phải là Xêda của số phận mình[2]. Anh Copơphin ạ, địa vị thực sự của anh đối với tôi có lẽ là thế. Ngay từ giờ phút đầu của cuộc du lịch này, tôi muốn anh Micôbơ đứng trên mũi tàu của chúng ta mà nói: "Trì hoãn nhiều quá rồi! Thất vọng nhiều quá rồi! Nghèo túng nhiều quá rồi! Tất cả những điều đó đều thuộc về xứ sở cũ, còn đây, là xứ sở mới! Hãy bù lại những thiệt hại cho ta; hãy đem đến những điều bù đắp cho ta. Hãy đưa ngay đây!"

Ông Micôbơ khoanh tay kiên quyết như ông ta đã chót vót đứng trên mũi tàu. Bà Micôbơ nói:

"Chẳng phải tôi có lý sao khi tôi khẳng định rằng trong khi làm như thế trong khi nhận thức được địa vị của mình anh Micôbơ sẽ không làm yếu những mối liên hệ của anh với nước Anh mà sẽ thắt nó thêm chặt? Khi bên kia anh ấy nổi lên ở bán cầu với tư cách một nhận vật trọng yếu lẽ nào ảnh hưởng của anh ấy chẳng vang dội đến quê hương hay sao? Lẽ nào tôi có thể dại dột nghĩ rằng nếu anh Micôbơ nắm được địa vị làm chủ tài năng và quyền lực ở Úc thì ở Anh anh ấy sẽ chẳng là cái thá gì hay sao? Tôi chỉ là một người đàn bà nhưng tôi sẽ không xứng đáng và với ba tôi và với bản thân tôi, nếu tôi phạm phải một điều yếu đuối ngu xuẩn như vậy".

Lòng tin tưởng của bà Micôbơ cho rằng những lý luận của mình là không thể bác bỏ được làm cho giọng nói của bà có cái vẻ đạo đức cao thượng mà tôi chưa bao giờ được nghe. Bà Micôbơ nói.

"Và vì vậy cho nên tôi càng mong muốn một ngày kia thấy chúng tôi sống lại trên miếng đất quê hương. Có thể ông Micôbơ… tôi không muốn dấu tôi rằng thậm chí rất có thể… anh Micôbơ bước vào lịch sử; và lúc bấy giờ anh phải được giới thiệu ở cái nước đã sinh ra anh nhưng *không* cho anh công ăn việc làm".

"Em ạ", ông Micôbơ nói, "anh không thể không cảm động trước sự ân cần của em. Cái gì phải đến sẽ đến. Cầu trời khiến cho anh đừng từ chối không cho Tổ quốc của mình một phần tài sản có thể được

tích lũy bởi con cháu chúng ta!"

"Hay lắm", cô tôi nói, gật đầu về phía ông Pécgôti, "tôi xin nâng cốc chúc mừng sức khỏe của ông và của mọi người, chúc cho mọi người thành công và hạnh phúc".

Ông Pécgôti đặt hai đứa trẻ đang ngồi trên đầu gối, mỗi bên một đứa, xuống đất để tham dự với ông bà Micôbơ khi hai người nâng cốc chúc mừng sức khỏe của chúng tôi và khi gia đình ông Micôbơ và ông Pécgôti bắt tay nhau thân mật như những người bạn và gương mặt rám nắng của ông bừng lên một nụ cười, tôi cảm thấy ông sẽ tiến bước trên con đường của mình, sẽ được kính trọng và sẽ được yêu quý ở bất kỳ nơi nào ông đến.

Ông Micôbơ còn ra lệnh cho những đứa trẻ mỗi đứa nhúng cái thìa gỗ của mình vào cốc của ông và uống chúc mừng sức khỏe chúng tôi. Khi việc này đã xong, cô tôi và Ácnét đứng dậy từ biệt những người xuất dương. Đó là một cuộc từ biệt não lòng. Tất cả mọi người đều khóc; những đứa trẻ xúm quanh Ácnét cho đến phút cuối cùng; và chúng tôi để bà Micôbơ ngồi trong tình trạng rất thiểu não khóc rưng rức ở dưới ánh đèn nến leo lét, và khi đứng ở dưới sông Temxơ nhìn lên thì ngọn nến này giống như một ngọn đèn hải đăng thảm hại.

Hôm sau, tôi quay lại xem họ đã đi chưa. Họ đã ra đi bằng ca-nô từ lúc 5 giờ sáng. Tôi nhận thấy một nỗi trống trải đặc biệt do những cuộc ly biệt như thế này gây nên khi thấy rằng mặc dầu tôi chỉ bắt đầu nghĩ đến cái cửa hiệu cà-phê ọp ẹp kia và cái cầu thang bằng gỗ từ tối hôm qua thôi, nhưng vì nó gắn liền với những kỷ niệm của họ nên hiệu cà-phê và cái cầu thang này sau khi họ đã đi đối với tôi đã trở nên ảm đạm và trống trải.

Chiều hôm sau, tôi đến Grâyvơxen với chị Pécgôti. Chúng tôi thấy chiếc tàu giữa con sông, chung quanh tíu tít những ca-nô; một cơn gió thuận thổi, dấu hiệu ra đi đã phấp phới trên đỉnh cột buồm. Tôi liền thuê một chiếc ca-nô, chúng tôi đến chiếc tàu và sau khi đã lách qua cái mớ hỗn độn mà nó là trung tâm, chúng tôi bước lên tàu.

Ông Pécgôti đợi chúng tôi trên boong. Ông bảo tôi rằng ông Micôbơ vừa bị giữ lần nữa (và là lần cuối cùng) theo yêu cầu của Híp; và theo một yêu cầu mà tôi đã nói với ông, ông đã trả số tiền ấy, và tôi trả lại tiền cho ông. Ông bèn đưa chúng tôi xuống sân giữa, và ở đấy những điều lo ngại cuối cùng còn vương vất trong trí óc tôi về chỗ tiếng đồn về những điều xảy ra có thể đến tai ông Pécgôti đều tan hết vì ông Micôbơ ở trong bóng tối bước ra, khoác tay ông Pécgôti với vẻ che chở thân mật và nói với tôi rằng từ tối hôm qua hai người vẫn chưa rời nhau nửa bước.

Cảnh tượng ấy thực là hết sức mới mẻ với tôi, nó tối và kín đến nỗi lúc đầu tôi không thể nhận ra được gì hết; nhưng dần dần nó sáng ra trong khi mắt tôi quen dần với bóng tối và tôi có cảm tưởng đứng trước bức tranh của Van Otxtat[3] ở giữa những cột gỗ lớn, những hàng hóa, và những giường ngủ của những người xuất dương, những hòm xiềng, ba lô, thùng phi và mọi đống hành lý chồng chất lên nhau, đây đó soi sáng bởi những chiếc đèn đu đưa, và ở nơi khác bởi ánh sáng ban ngày vàng vàng lọt qua cái ống thông hơi hay của quầy tàu, có những toán người đứng sát nhau, làm bạn với nhau từ biệt nhau, nói nói cười cười, khóc khóc, ăn ăn, uống uống. Có người đã làm chủ mấy thước vuông về không gian dành cho họ và đã có vẻ thoải mái như ở nhà với đống hành lý xếp đặt trật tự và những đứa con ngồi trong những chiếc ghế đẩu hay những ghế dựa tí xíu. Những người khác chạy lại thất vọng không tìm được nơi nghỉ ngơi nên đi lang thang có vẻ bực dọc. Từ những đứa mới sinh chỉ mới ra đời được vài tuần đến những cụ già lưng còng, những ông già bà lão dường như chỉ còn sống một hai tuần lễ, từ những người dân còn mang đất của nước Anh theo nghĩa đen ở trên giày cho đến những bác thợ rèn mang theo những mẩu vật về bồ hóng và khói của nước Anh trên lớp da của mình… mọi tuổi tác và

nghề nghiệp dường như chen chúc nhau trong khung cảnh chật hẹp của cái sân giữa. Khi mắt tôi nhìn quanh một lượt, tôi có cảm tưởng thấy một người đàn bà giống như Emili ngồi bên cạnh một cửa sổ mở rộng với một đứa con của ông Micôbơ ở bên hông. Điều làm tôi chú ý đó là một bóng khác rời khỏi nàng sau khi hôn nàng và rút lui lặng lẽ qua tất cả cảnh hỗn độn làm tôi nhớ đến… Ácnét. Nhưng trong cảnh nhốn nháo đi đi lại lại và trong lúc đầu óc tôi lộn xộn, tôi lại không thấy nàng nữa mà chỉ thấy rằng đã đến giờ tất cả những người đi tiễn phải rời khỏi tàu và chị bảo mẫu của tôi đang khóc ngồi trên cái hòm cạnh tôi; và bà Gơmmít được giúp đỡ bởi một người đàn bà mặc đồ đen đang cúi xuống loay hoay xếp đặt hành lý của ông Pécgôti.

"Còn có điều gì nữa không, cậu Đêvi?" Ông nói "Còn có điều gì bỏ quên trước khi chúng ta chia tay nhau không?"

"Chỉ có một điều! Mácta", tôi nói.

Ông ta sờ lên vai người đàn bà trẻ tuổi mà tôi vừa nói và Mácra nhổm dậy trước mặt tôi.

"Cầu chúa phù hộ cho ông, con người quý hóa!" Tôi kêu lên. "ông mang chị ta theo à?".

Chị ta trả lời hộ ông bằng cách khóc òa. Lúc này tôi không thể nói nhiều hơn, tôi xiết chặt tay ông Pécgôti, và nếu như tôi có yêu và kính trọng một người nào thì ông là người tôi yêu và kính trọng từ đáy lòng.

Chiếc tàu nhanh chóng vắng hết những người đi thăm. Tôi phải chịu đựng thử thách to lớn nhất. Tôi nói với ông những lời mà cái tâm hồn cao thượng kia bây giờ đã mất đã giao cho tôi nói lại khi từ biệt. Ông hết sức cảm động nhưng khi ông dặn tôi nói lại những lời âu yếm và thương yêu với những lỗ tai nay đã thành vô tri vô giác thì ông càng làm tôi cảm động hơn.

Giờ từ biệt đã đến. Tôi hôn ông, khoác tay chị bảo mẫu của tôi đang đầm đìa nước mắt và vội vàng rời khỏi tàu. Ở trên boong tàu tôi từ biệt bà Micôbơ tội nghiệp. Ngay đến cả lúc này bà vẫn còn nhớn nhác tìm gia đình mình và những lời nói cuối cùng của bà với tôi là bà sẽ không rời bỏ ông Micôbơ.

Chúng tôi lại xuống chiếc ca-nô đỗ bên sườn tàu và chúng tôi đứng im lặng cách đấy một khoảng ngắn nhìn chiếc tàu ra đi. Mặt trời lúc này lặn trong bầu trời rạng rỡ và yên lặng. Chiếc tàu lúc này ở giữa ánh sáng đỏ và chúng tôi, và từng đường nét thanh tú của nó cũng như từng thanh gỗ dài nổi bật trên nền trời sáng rực. Tôi chưa bao giờ thấy cảnh tượng nào vừa đẹp im lìm trên mặt nước đỏ rực với mọi người trên tàu chen chúc trên bao lơn, và chúng tôi đứng ở đây cất mũ, im lặng một lúc.

Họ lẳng lặng như chỉ trong một lát mà thôi. Khi những chiếc buồm được kéo lên đón gió và chiếc tàu bắt đầu cử động, thì từ tất cả những chiếc ca-nô nhỏ vang lên ba tiếng reo hò ầm ĩ được lặp lại bởi những người trên tàu và làm thành những tiếng động vọng của nhau. tim tôi tan vỡ và tràn ngập cảm xúc khi nghe những tiếng ấy và trong khi nhìn những chiếc mũ và khăn tay vẫy tíu tít… tôi thấy nàng.

Tôi thấy nàng cạnh ông cậu, người cúi xuống run rẩy dựa vào vai vậu. Người ta cuống quýt giơ tay chỉ chúng tôi; và nàng thấy chúng tôi, nàng vẫy tay, chào tôi lời chào từ biệt.

Ôi! Emili con người đẹp và ủ dột nàng hãy gắn bó với cậu nàng với tất cả niềm tin của con tim tan vỡ bởi vì ông đã gắn bó với nàng với tất cả sức mạnh của tình yêu to lớn của mình.

Chung quanh là ánh sáng hồng, và đứng yên, cao vòi vọi trên boong, cách xa mọi người, hai người đứng bên nhau, nàng dựa vào cậu nàng và cậu nàng nâng đỡ nàng. Bóng hai người cứ xa dần một cách trang nghiêm. Màn đêm đã buông xuống những ngọn đồi ở Kentơ khi chúng tôi chèo vào bờ và bóng đêm đổ ụp xuống tâm hồn.

[1] “Thịt bò rán của nước Anh cổ kính” là một bài hát dân gian của Rítsa Levêvit.

[2] Tên vị tướng lĩnh xuất sắc của La mã đã chinh phục Pháp, Anh rồi làm Hoàng đế La mã.

[3] Ađrien Van Otxtát (1610-1685). Một họa sĩ mà Đíchken thích.

Chương LVIII
VẮNG MẶT

Một đêm dài dằng dặc u ám bao phủ lấy tôi với những bóng ma của bao kỷ niệm thân yêu, của bao lỗi lầm, bao buồn phiền vô ích và bao hối tiếc không nguôi.

Tôi rời khỏi nước Anh nhưng ngay lúc ra đi tôi vẫn chưa biết cái đòn phải chịu là đau đớn như thế nào. Tôi đã rời bỏ tất cả những người thân, và ra đi; tôi cứ tưởng đâu tôi đã chịu đựng được nỗi đau đớn và bây giờ nó đã qua. Cũng như con người bị một vết thương chí mạng trên chiến trường hầu như vẫn chưa biết rằng mình bị thương, cũng vậy khi còn lại một mình với con tim bồng bột tôi vẫn chưa có một ý niệm gì về vết thương mà tôi phải chịu đựng.

Sự hiểu biết đến với tôi không phải nhanh chóng mà dần dần từng bước một. Cái cảm giác não lòng tôi mang theo khi ra đi ngày càng sâu thêm và rộng lớn thêm từng giờ một. Lúc đầu, tôi cảm thấy một sự mất mát và một nỗi buồn nặng trĩu nhưng vẫn chưa phân biệt được nội dung của nó. Dần dần nó biến thành một nhận thức tuyệt vọng về tất cả những gì tôi đã mất: Tình yêu, tình bạn, sự ham thích; về tất cả cái gì đã tan nát: Lòng tin đầu tiên, tình yêu đầu tiên và tất cả cái lâu đài bằng giấy của đời tôi; về tất cả những gì còn lại: Một sa mạc thê lương trống rỗng bao quanh tôi mênh mông vô tận tới chân trời xa tít.

Nỗi đau khổ của tôi phải chăng là ích kỷ, tôi cũng không biết nữa. Tôi khóc thương người vợ trẻ con của tôi, còn non trẻ đã bị cướp đi khỏi cuộc đời nở hoa. Tôi khóc thương người bạn lẽ ra có thể chinh phục được tình yêu và sự thán phục của hàng ngàn người, như cách đây đã lâu cậu đã làm tôi yêu quý và thán phục. Tôi khóc thương con tim tan vỡ đã tìm thấy nghỉ ngơi yên tĩnh trong biển cả bão bùng; tôi khóc thương những mảnh vụn tan nát của ngôi nhà một mạc ở đấy khi là một đứa trẻ tôi đã nghe gió đêm ù ù thổi.

Tôi không còn hy vọng nào thoát khỏi những nỗi buồn bã chồng chất bao trùm lấy tôi. Tôi đi lang thang hết nơi này đến nơi khác, đâu đâu cũng mang theo cái gánh nặng canh cánh bên mình. Bây giờ tôi mới cảm thấy nó nặng trĩu như thế nào và tôi gục xuống dưới sức nặng ấy, trong lòng tự nhủ gánh nặng sẽ không bao giờ vơi đi được.

Khi nỗi thất vọng lên đến cực điểm, tôi tưởng tôi sẽ chết. Đôi khi tôi tự nghĩ tôi sẽ chết ở nước Anh thì hơn; và tôi tất cả lên đường về để có thể về nước nhanh chóng Nhưng lúc khác tôi lại đi xa hơn, đi từ thành phố này đến thành phố khác, tìm kiếm, tôi không biết tìm kiếm cái gì và cố gắng để lại phía sau tôi cũng không hiểu để lại cái gì nữa.

Tôi không lần lượt vạch lại tất cả các giai đoạn khủng hoảng tâm hồn mà tôi đã trải qua. Có những giấc mơ mà người ta chỉ có thể kể lại một cách mơ hồ thấp thoáng; và khi tôi bắt buộc phải ngoái lại phía sau nhìn cái thời gian ấy của cuộc đời, tôi có cảm tưởng nhắc lại một giấc mơ như vậy. Tôi thấy mình đi giữa những cảnh mới mẻ của những thành phố xa lạ, những cung điện, những nhà thờ, những bức tranh, những lâu đài, những phần mộ, những con đường kỳ lạ (tất cả đều là những di tích xưa của lịch sử và văn học) như một người đang mơ ngủ; tuy vậy vẫn mang theo cái gánh nặng nhọc nhằn qua tất cả các nơi này và hầu như không có ý thức gì về cảnh vật khi chúng tan biến trước mắt tôi. Cái đêm trường đổ xuống con tim bồng bột của tôi làm tôi dửng dưng đối với tất cả mọi việc trừ đối với nỗi u buồn vẫn ám ảnh tâm hồn tôi. Tôi phải quay mặt đừng nhìn con tim ấy (như cuối cùng tôi đã làm, thực may mắn quá!) và đừng nhìn giấc mơ dài buồn bã thảm hại ấy để ngước mắt ngắm bình minh.

Hàng tháng trời, tôi cứ đi du lịch với đám mây kia ngày càng đen tối bao phủ đầu óc tôi. Một vài lý do mơ hồ ở trong tôi (những lý do này vẫn còn vật lộn ở trong tôi một cách tuyệt vọng để được bộc

lộ rõ rệt) đã khiến tôi vẫn tiếp tục cuộc hành hương chứ không trở về nước Anh. Đôi khi tôi đi du lịch hết nơi này đến nơi khác có vẻ hối hả nhưng không dừng lại ở đâu hết, đôi khi tôi nán lại lâu ở một nơi duy nhất, ở bất kỳ nơi nào tôi cũng theo đuổi một mục đích gì, không có chút nhiệt tình gì nâng đỡ tôi ở trong lòng.

Tôi ở Thụy-sĩ. Tôi rời nước Ý theo một ngọn đèo cao của núi Anpơ và từ đấy cùng với một người dẫn đường tôi đi những đường hẻm trên núi. Những nỗi hiu quạnh khủng khiếp kia đã nói gì với con tim tôi, tôi cũng không hề biết nữa. Tôi chỉ biết ngây ngất và thán phục trước những ngọn núi cao ngút ngàn và những vực thẳm khủng khiếp, trước những dòng suối thét gào, trước băng tuyết mênh mông, ngoài ra cho đến lúc ấy chúng vẫn chưa dạy cho tôi một điều gì khác.

Một buổi chiều, trước khi mặt trời lặn, tôi xuống một thung lũng ở đấy tôi phải nghỉ đêm. Trong khi đi xuống theo con đường quanh co uốn khúc trên sườn núi, từ đấy tôi thấy con đường núi thấp thoáng xa xa dưới chân tôi, tôi cảm thấy cái đẹp và sự yên tĩnh từ lâu bị bỏ quên và một ảnh hưởng dịu dàng do sự yên lặng gợi nên, bỗng tỉnh dậy yếu ớt trong trái tim tôi. Tôi nhớ chỉ dừng lại một lần với một nỗi buồn không cực nhọc lắm, không hoàn toàn tuyệt vọng. Tôi nhớ rằng tôi hy vọng ngõ hầu có một sự thay đổi thuận lợi có thể xảy ra ở trong tôi.

Tôi đi xuống thung lũng trong lúc mặt trời buổi chiều lấp lánh trên những đỉnh núi xa đầy tuyết phủ bao quanh nó như những đám mây bất tuyệt. Chân những ngọn núi làm thành cái hẻm núi, ở đây có cái làng nhỏ con con, xanh rờn những cây và ở trên đám cây dày đặc này là cánh rừng tùng đen sẫm nổi bật như những cái mốc giữa những cánh đồng tuyết phủ và cản trở không cho tuyết đổ ụp xuống. Cao hơn nữa, nổi lên trên những cánh rừng là những sườn núi dốc, đá xám từng từng lớp lớp chồng lên nhau cùng với băng giá sáng ngời và những góc chăn nuôi súc vật xanh rờn dần dần biến mất vào trong tuyết. Đây đó, trên sườn núi, người ta thấy những điểm nhỏ xíu (mỗi điểm là một gia đình), có những cái nhà con con bằng gỗ nhỏ xíu trước những núi cao bao quanh dường như quá nhỏ nên không thể là những đồ chơi. Ngay cả cái làng nằm trong thung lũng cũng nhỏ như vậy với chiếc cầu gỗ bắc qua dòng suối ở đấy dòng nước chảy từ tảng đá này qua tảng đá khác rồi gầm gừ biến mất vào giữa các lùm cây. Trong không khí yên lặng nổi lên một tiếng hát xa xa… giọng hát của những người chăn cừu; và khi một đám mây chiếu lấp lánh trôi một mình giữa không khí buổi chiều, dọc theo sườn núi, tôi gần như có thể tưởng tượng tiếng hát là từ đám mây ấy bay ra và giọng hát không phải là giọng trần gian. Đột nhiên, trong cảnh yên tĩnh này thiên nhiên vĩ đại nói với tôi cả vẻ dịu hiền của nó giục tôi gục đầu mệt mỏi lên đám lá mà khóc như tôi chưa bao giờ khóc từ khi Đôra mất đi!

Trước đây vài phút thôi tôi đã thấy một bức thư chờ đợi tôi và tôi bước ra khỏi làng để đọc nó trong khi người ta chuẩn bị bữa ăn chiều. Những bức thư khác chưa gửi đến và từ lâu tôi chưa nhận được bức thư nào. Trừ một vài giòng nói rằng tôi khỏe mạnh và tôi đã đến nơi này nơi nọ, tôi không có đủ can đảm và nghị lực viết một bức thư nào từ khi tôi rời khỏi Anh.

Tôi cầm bức thư trong tay và mở xem, và tôi đọc những lời Ácnét viết cho tôi. Nàng sung sướng và đang làm việc có ích. Nàng đã thành công như nàng mong mỏi.

Nàng chỉ nói về mình có thế. Phần còn lại của bức thư là nói về tôi. Nàng không khuyên tôi. Nàng không bắt tôi phải theo một bổn phận nào. Nàng chỉ nói một cách tha thiết, như lời nói của nàng xưa nay vẫn thế rằng nàng rất tin tưởng ở tôi. Nàng nói, nàng biết rằng một bản tính như bản tính của tôi sẽ biến đổi đau buồn thành may mắn. Nàng biết rằng thử thách và cảm xúc sẽ nâng tôi lên và làm tâm hồn tôi thêm mạnh. Nàng tin chắc rằng trong công việc của tôi, tôi sẽ đi đến những mục đích vững chắc hơn và cao quí hơn sau những nỗi đau buồn mà tôi đã phải chịu đựng.

Nàng rất tự hào về danh tiếng của tôi, và lòng đầy hy vọng nàng chờ đợi danh tiếng ấy sẽ tăng lên vì nàng biết rằng nỗi đau buồn ở tôi không thể là sự yếu đuối mà phải là sức mạnh. Cũng như bước thử thách trong thời thơ ấu của tôi đã giúp cho tôi thành con người hiện tại; cũng vậy, những bất hạnh to lớn nhất sẽ cấp cho tôi cái can đảm càng trở nên ưu tú hơn hiện nay và như vậy tôi sẽ dạy cho người khác những điều mà đã gọi người yêu bé ngây thơ của tôi về nơi an nghỉ, xin Chúa ban ân huệ cho tôi, và với tấm lòng trìu mến của người em gái, nàng vẫn yêu quí tôi, vẫn luôn luôn ở bên cạnh tôi, dù tôi đi đâu, nàng tự hào về những điều tôi đã làm nhưng còn vô cùng tự hào hơn nữa về những điều tôi sẽ phải làm.

Tôi áp bức thư vào tim và nghĩ đến những cảm xúc của mình vừa cách đây một giờ. Khi tôi nghe những tiếng nói tan đi ở xa và thấy đám mây êm ả buổi chiều mờ đi tất cả những màu sắc của thung lũng tối dần và tuyết vàng rực trên đỉnh non cao trở thành một bộ phận xa xăm của bầu trời đêm nhợt nhạt. Tôi cảm thấy những bóng đêm ở trong tôi tan dần, và tình yêu của tôi đối với nàng, đối với con người từ nay thân yêu nhất đối với tôi hơn bất kỳ giây phút nào thời quá khứ, tràn ngập tim tôi không lời nào tả được.

Tôi đọc đi đọc lại bức thư. Tôi viết thư cho nàng trước khi đi ngủ. Tôi viết cho nàng rằng tôi cảm thấy rất cần được nàng giúp đỡ, rằng nếu không có nàng tôi đã không được như ngày nay, và sẽ không bao giờ là con người mà nàng tin tưởng, nhưng nàng làm cho tôi cố gắng vươn lên và tôi sẽ cố gắng.

Và tôi đã thực sự cố gắng. Ba tháng nữa, nỗi đau buồn của tôi sẽ được một năm. Tôi quyết định không làm điều gì trước khi ba tháng này chấm dứt mà chỉ thử làm thôi. Trong suốt thời gian ấy tôi sống trong thung lũng này và trong những miền lân cận.

Khi hết ba tháng ấy, tôi quyết định ở thêm ít lâu xa nước Anh, tạm thời ở lại Thụy-sĩ, xứ sở đã trở nên thân yêu với tôi vì kỷ niệm buổi chiều hôm nọ, và tôi lại cầm bút, lại viết.

Tôi khiêm tốn đi theo con đường Ácnét đã khuyên tôi. Tôi tìm hiểu thiên nhiên là cái không bao giờ người ta tìm hiểu mà hoài công vô ích, và tôi để những tình cảm nhân đạo mà gần đây tôi lẩn tránh tràn ngập tim tôi. Chẳng bao lâu trong cái thung lũng này tôi cũng có nhiều người bạn như ở Yácmao; và khi tôi rời nó, trước khi mùa đông đến để đi Jơnevơ rồi lại quay lại lúc xuân sang, những lời chào đón ân cần của họ vang lên nghe quen thuộc đối với tôi, mặc dầu không nói bằng tiếng Anh.

Tôi làm việc từ sáng sớm đến chiều tối, kiên nhẫn và chăm chỉ. Tôi viết một câu chuyện lấy đề tài ở những cuộc phiêu lưu gần đây của tôi rồi tôi gửi nó cho Tratđơn, và Tratđơn thu xếp việc xuất bản nó với những điều kiện rất có lợi cho tôi. Và danh tiếng ngày càng tăng của tôi bắt đầu đến tai tôi qua những khách du lịch mà ngẫu nhiên tôi bắt gặp. Sau khi nghỉ ngơi và thay đổi một ít, tôi lại bắt tay vào việc, lại thấy lại lòng hăng say thuở trước khi viết về câu chuyện tưởng tượng mới đã lôi cuốn trí tưởng tượng của tôi mãnh liệt. Trong khi xúc tiến công việc này tôi càng đi sâu, càng phát huy nghị lực to lớn nhất của tôi để làm thật tốt. Đó là quyển tiểu thuyết thứ ba của tôi. Đang viết nửa chừng thì tôi có ý muốn bỏ về Anh sau một thời gian nghỉ ngơi.

Đã từ lâu, trong khi đọc và viết cật lực, tôi đã quen với việc tập thể dục nhiều. Sức khỏe tôi rất kém khi tôi rời khỏi mãi đến nay tôi không nói đến nó, thì đó không phải là vì để che giấu một ý nghĩ nào của tôi; bởi vì như tôi nói ở chỗ khác, câu chuyện này làm thành tất cả kỷ niệm của tôi. Đó là vì tôi muốn dành cho nỗi niềm thầm kín nhất của con tim tôi một chỗ riêng và kể nó cuối cùng. Bây giờ tôi xin nói đến nó.

Tôi không thể đi sâu hoàn toàn vào điều bí ẩn của con tim tôi để có thể biết lúc nào tôi bắt đầu nghĩ rằng tôi có thể đặt ở Ácnét những hy vọng đầu tiên và tươi sáng nhất. Tôi không thể nói trong giai

đoạn nào của nỗi đau buồn của tôi, lần đầu tiên tôi có cái ý nghĩ rằng trong tuổi thiếu niên bồng bột tôi đã phung phí kho tàng tình yêu của nàng. Tôi có cảm tưởng nghe tiếng đồng vọng yếu ớt của cái ý nghĩ xa xôi kia, trong khi từ lâu tôi đã cảm thấy khó chịu vì thiếu thốn một cái gì và cảm thấy một nỗi trống trải không thể nào che lấp được. Nhưng ý nghĩ ấy lại đến với tôi như một lời trách móc mới, như một nỗi tiếc thương mới trong lúc này là lúc tôi cô độc và buồn bã nhất ở trên đời.

Giá lúc bấy giờ tôi thường ở cạnh nàng, tôi đã không thể nào không bộc lộ điều đó trong một giờ phút yếu đuối. Chính nỗi lo sợ mơ hồ ấy lúc đầu đã giữ tôi ở xa nước Anh vì tôi không thể nào chịu đựng được tình trạng bỏ mất phần nhỏ nhất của tình yêu một người em gái; tuy nhiên nếu tôi bộc lộ tình yêu của mình thì tôi sẽ làm nảy sinh giữa chúng tôi một sự lúng túng trước kia không hề có.

Tôi không thể nào quên rằng rõ ràng chính tôi đã làm cho nàng có cái tình cảm đối với tôi như hiện nay; rằng nếu như nàng đã yêu tôi với một tình yêu khác (và đôi khi dường như tôi cảm thấy có lúc nàng có thể làm thế) thì tôi đã từ chối tình yêu ấy. Từ lúc chúng tôi còn nhỏ, tôi vẫn quen xem nàng là một người hoàn toàn ở ngoài những giấc mơ cuồng dại của tôi.

Tôi đã dành tình yêu say đắm của tôi cho một người khác và đã không làm điều lẽ ra tôi thì đó là vì tôi và con tim cao thượng của nàng đã làm cho nàng thành như thế.

Khi sự thay đổi đã bắt đầu hiện ra dần ở tôi, khi tôi cố gắng hiểu mình đúng hơn và làm một người khá hơn, tôi đưa mắt nhìn đến một thời kỳ thử thách mập mờ, đến một thời mà tôi có thể hy vọng xóa bỏ những sai lầm của quá khứ và được hạnh phúc to lớn là lấy nàng, nhưng với thời gian, cái triển vọng mơ hồ ấy lại mờ đi và lùi ra xa. Nếu như nàng đã có lần nào đó yêu tôi, thì tôi càng phải xem nàng là thiêng liêng khi nhớ lại bao nhiêu tâm sự mà tôi đã bộc lộ với nàng, việc nàng biết đến con tim lầm lạc của tôi, sự hy sinh mà nàng phải chịu đựng để làm người bạn và người em gái của tôi và sự chiến thắng nàng đã giành được đối với mình. Nếu như nàng chưa bao giờ yêu tôi hết, tôi có thể tin rằng bây giờ nàng sẽ yêu tôi không?

Bao giờ tôi cũng thấy mình yếu đuối so với thái độ kiên nghị và dũng cảm của nàng; và bây giờ tôi càng cảm thấy điều đó hơn bao giờ hết. Dù cho xưa kia tôi là con người thân thiết như thế nào đối với nàng, hay nàng là con người thân thiết như thế nào đối với tôi; nếu như trước đây tôi xứng đáng với nàng hơn thì bây giờ tôi không còn như thế nữa và nàng cũng vậy. Giờ phút ấy đã qua. Tôi đã để giờ phút ấy trôi qua và tôi mất Ácnét là đáng kiếp lắm.

Những dằn vặt ấy làm tôi rất khổ sở, nó làm tôi tràn đầy buồn bã và hối hận, nhưng tôi vẫn có một ý nghĩ nâng đỡ tôi: nhiệm vụ và vinh dự của tôi là phải tránh không được hướng những hy vọng tàn héo về người bạn gái thân yêu mà tôi đã bỏ rơi trong khi những hy vọng ấy vẫn còn tươi mát và rực rỡ (đó là ý nghĩ làm cơ sở cho tất cả những ý nghĩ của tôi về nàng): tất cả những điều đó là sự thực. Bây giờ tôi không cố gắng che giấu rằng tôi yêu nàng… rằng tôi tận tụy với nàng, nhưng tôi trở về nước đinh ninh rằng bây giờ đã muộn lắm rồi và không nên thay đổi cái quan hệ giữa chúng tôi từ lâu đã được xác lập.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần về những lời nàng Đôra của tôi đã nói về cuộc hôn nhân đã xảy ra mấy năm trước đây, về cuộc thử thách lẽ ra không nên có. Tôi đã nghĩ đến vấn đề là những sự việc rất ít khi xảy ra nhiều khi lại dẫn tới những hậu quả thực tế chẳng kém gì những sự việc đã xảy ra. Những năm mà Đôra đã nói bây giờ đã là sự thực, đó là một trừng phạt đối với tôi hay một ngày kia nó sẽ là sự trừng phạt (có lẽ hơi chậm hơn một chút) nếu như chúng tôi đã xa lìa nhau từ những ngày đầu của cái tình cảm ngông cuồng đầu tiên. Tôi cố gắng biến những điều có thể xảy ra giữa Ácnét và tôi thành một biện pháp để làm cho tôi thêm giàu lòng hy sinh, thêm kiên quyết và nhận thức rõ hơn về con

người của tôi, về những sai lầm và khuyết điểm của tôi. Vì vậy cho nên trong khi nghĩ rằng điều đó đáng lẽ đã xảy ra, tôi lại đi đến kết luận rằng điều đó sẽ không bao giờ có thể thực hiện.

Đó là những băn khoăn ray rứt luôn luôn xáo động trong tâm tư tôi với tất cả những điều phức tạp và rắc rối oái oăm của nó… từ ngày tôi ra đi cho đến ngày tôi trở về Anh ba năm sau. Ba năm đã trôi qua từ ngày chiếc tàu của những người xuất dương ra đi, và cũng vào giờ ấy lúc chiều tà, cũng ở nơi ấy, tôi đứng trên boong của chiếc tàu đưa tôi về xứ sở, ngắm mặt nước đỏ hồng trong đó trước kia tôi đã thấy hình bóng chiếc tàu soi mình dưới nước.

Ba năm. Thời gian tuy dài nhưng trôi qua rất ngắn ngủi. Và tôi trở về với tổ quốc thân yêu đối với tôi và tôi về với Ácnét. Nhưng nàng không phải là tôi… nàng không bao giờ là của tôi. Lẽ ra nàng đã là của tôi nhưng điều đó đã qua rồi.

Chương LIX
TRỞ VỀ

Tôi đổ bộ lên Luân-đôn một buổi chiều thu gió lạnh. Trời tối và mưa, và trong một phút tôi thấy nhiều bùn và sương mù hơn là tôi đã thấy trong suốt một năm. Tôi cuốc bộ từ nhà thuế quan đến Đài kỷ niệm trước khi tìm được một chiếc xe ngựa và mặc dầu trước các ngôi nhà nhìn xuống những cái rãnh đầy nước đối với tôi là những anh bạn cũ, tôi cũng phải thừa nhận rằng đó là những anh bạn rất bẩn thỉu.

Tôi đã nhiều lần nhận thấy (tôi nghĩ rằng bất kỳ người nào cũng nhận thấy) khi rời khỏi một nơi quen thuộc người ta có cảm tưởng cuộc ra đi báo hiệu ở đây sẽ có một sự thay đổi. Khi nhìn qua cửa xe ngựa và nhận thấy một ngôi nhà cổ kính ở đường Flitsơ xtrit Hin đã một thế kỷ nay chưa có một họa sĩ, một anh thợ mộc, một anh thợ nề nào đụng đến, nhưng đã bị phá hủy trong khi tôi vắng mặt và người ta đang mở rộng và tháo nước ở một con đường gần đấy xưa nay nổi tiếng chật hẹp và không hợp vệ sinh, tôi gần như chờ đợi thấy nhà thờ Xanh Pôn có vẻ già hơn trước.

Tôi sẵn sàng chờ đợi những thay đổi trong cuộc đời các bạn tôi. Cô tôi từ lâu đã về lại Đôvơ và Trátđơn đã bắt đầu biện hộ một vài vụ kiện ngay trong phiên thứ nhất sau khi tôi ra đi. Cậu giờ đã có một căn nhà ở đường Grâyin và trong những bức thư gần đây nhất cậu bảo tôi rằng cậu hy vọng ít lâu sẽ lấy được người con gái thân yêu nhất trên đời.

Người ta chờ đợi tôi sẽ trở về trước lễ Giáng sinh, nhưng không ngờ rằng tôi về sớm như vậy. Tôi cố ý làm cho các bạn tôi đoán lầm để hưởng niềm vui sướng đã làm họ ngạc nhiên. Tuy vậy, tôi vẫn vô lý vì thấy mình hơi thất vọng và tôi phải đi xe một mình lặng lẽ qua những đường phố đầy sương mù.

Tuy nhiên những cửa hiệu quen thuộc với những ánh sáng niềm nở cũng làm tôi phấn chấn và khi bước xuống cửa hiệu cà phê Grây in, tôi đã tươi lại như cũ. Trước hết, nó làm tôi nhớ đến cái ngày khác hẳn bây giờ khi tôi đến quán cà phê "Chữ thập vàng" và hồi tưởng lại những điều thay đổi xảy ra từ dạo ấy. Nhưng đó là dĩ nhiên mà thôi.

"Anh có biết ông Trátđơn ở nơi nào không?" Tôi hỏi anh hầu bàn trong khi ngồi sưởi trước ngọn lửa của hiệu cà phê.

"Thưa ông", người hầu bàn nói, "có lẽ như vậy nhưng riêng tôi, tôi không biết".

Và anh hầu bàn gầy gò và đứng tuổi này quay về phía một người hầu bàn khác có uy tín hơn (một ông già phục phịch có cái cằm béo phị, mặc quần soóc đen và đi tất đen) ông này bước ra khỏi một nơi ở cuối phòng giống như cái ghế của một người coi nhà thờ bên cạnh hòm tiễn một quyển sổ ghi danh sách những người trong tòa án và những giấy tờ khác.

"Ông hỏi ông Trátđơn", người hầu bàn gầy nói "ở số 2 ở tòa án Hônboóc".

Anh hầu sáng có uy thế ra hiệu cho anh ta đi nơi khác và quay về phía tôi có vẻ trang trọng. Tôi hỏi:

"Tôi muốn hỏi ông Trátđơn ở số 2 tòa án Hônboóc có phải là một trạng sư có tiếng không?"

"Tôi chưa bao giờ nghe tên ông ta", người hầu sáng nói giọng ồ ồ khản đặc.

Tôi liền cảm thấy xấu hổ hộ Trátđơn. "Chắc hẳn ông ấy trẻ tuổi?" Anh hầu sáng bệ vệ nhìn tôi đăm đăm có vẻ nghiêm nghị. "Ông ta ở Grây in bao lâu?"

"Không đến ba năm", tôi nói.

Anh hầu sáng chắc hẳn đã sống trên cái ghế nhà thờ của mình bốn mươi năm nay, không thể tiếp tục nói một câu chuyện vô nghĩa như vậy. Anh ta hỏi tôi ăn gì vào bữa ăn chiều.

Tôi cảm thấy rằng tôi lại ở Anh và quả thực, tôi hết sức buồn cho Trátđơn. Tôi có cảm tưởng không có thể hy vọng gì về cậu nữa. Tôi khiêm tốn sai dọn một khúc cá và bít tết rồi ngồi trước ngọn lửa suy nghĩ về cuộc sống không tiếng tăm của cậu.

Trong khi đưa mắt nhìn theo người hầu bàn thứ nhất, tôi không thể không nghĩ rằng cái vườn ở đấy Trátđơn đã lớn lên quả là một nơi hết sức khắc nghiệt. Nó có vẻ rất cổ lỗ khắt khe, hủ lậu, trang trọng và già cỗi. Tôi đưa mắt nhìn quanh căn phòng ở đấy nền nhà chắc hẳn đã rải cát cũng hệt như khi anh hầu bàn thứ nhất là đứa trẻ (nếu như có lúc nào anh ta là đứa trẻ, điều này cũng không lấy gì làm chắc), tôi nhìn những cái bàn bóng loáng ở đấy tôi thấy gương mặt tôi phản ảnh ở trong gỗ đào hoa tâm cũ trơn láng và sâu thẳm; tôi nhìn những ngọn đèn được giữ gìn cẩn thận và lau chùi bóng loáng không một vết nhơ và những cái rèm cửa màu lục với những cái mấu bằng đồng ngăn các căn phòng một cách ấm cúng, hai đống lửa lớn đốt bằng than củi cháy rừng rực; tôi nhìn những dãy cốc to lớn dường như chúng có ý thức về sự tồn tại của những phi rượu poóctô cũ đắt tiền dưới hầm rượu; và nước Anh cũng như cái nghề luật pháp đối với tôi là hai cái rất khó lòng chiếm lĩnh và căn phòng cũ kỹ rộng rãi này làm bằng gỗ ghép (tôi còn nhớ nó nằm trên con đường có vòm đưa đến Grây in) và cái giường yên tĩnh mênh mông, với cái vẻ trang trọng vô địch của các tủ áo, tất cả đối với tôi dường như đều phối hợp lại để đe dọa số phận của Trátđơn hay của tất cả mọi chàng thanh niên táo bạo theo kiểu của cậu. Tôi lại bước xuống để ăn chiều và cách dọn ăn chậm chạp và cái vẻ yên lặng trật tự của nơi ấy (trong phòng không có khách bởi vì thời gian nghỉ hè chưa hẳn chấm dứt) tự bản thân nó cũng nói lên hùng hồn rằng sự táo bạo của Trátđơn và những hy vọng của cậu để kiếm sống trong hai mươi năm sắp đến thực là mong manh.

Tôi chưa bao giờ thấy điều gì tương tự từ khi ra đi, và những hy vọng của tôi về người bạn đều bị tiêu tan. Người hầu bàn chính đã đâm chán về tôi. Anh ta không đến gần tôi nữa, nhưng lo phục vụ một ông già đi đôi ghệt cao cổ vừa thấy ông ta là một nửa lít rượu poóctô đặc biệt dường như tự nó ở dưới hầm rượu lên đây bởi vì ông ta không sai bảo gì hết. Người hầu bàn thứ hai nói thầm, thì thào với tôi rằng con người già cả này là một trạng sư về hưu ở Xquerơ và giàu nứt đố đổ vách. Người ta nói rằng ông ta sẽ để lại tất cả gia tài cho cô con gái của chị hầu phòng của ông ta, lại có tin đồn đại rằng trong tủ ông ta có một bộ dao nĩa bằng bạc, đầy đủ bị mờ đi vì không bao giờ dùng đến, nhưng không có một người nào có thể thấy trong căn nhà ông ta có đến hai bộ dao nĩa. Đến lúc đó, tôi hoàn toàn tuyệt vọng về Trátđơn và trong thâm tâm tôi nghĩ cậu ta không còn tia hy vọng nào nữa.

Tuy vậy, tôi rất nóng ruột muốn gặp lại ông bạn cũ thân mến ấy, nên tôi vội vã ăn qua quýt một cách không làm cho người hầu bàn thứ nhất trọng nể và vội vàng đi ra theo lối cửa sau. Chỉ trong một chốc là tôi đến ngay ngôi nhà số 2 của tòa án Hônbooc. Một cái biển treo trước cửa báo cho tôi biết rằng ông Trátđơn ở một căn nhà trên tầng thứ nhất và tôi bước lên cầu thang. Tôi nhận thấy rằng đó là một cầu thang cũ ọp ẹp được chiếu sáng yếu ớt ở mỗi chân cầu thang bởi một ngọn đèn dầu leo lét và cái bấc đèn phồng lên đang hấp hối giữa một cái ngục nhỏ bằng kính bẩn thỉu.

Trong khi bước lên chần chừ tôi có cảm tưởng nghe tiếng cười ròn rã, không phải tiếng cười của một biện hộ sỹ hay một trạng sư, cũng không phải tiếng cười của nhân viên một biện hộ sỹ, một trạng sư mà là tiếng cười của hai ba cô gái vui vẻ. Tuy vậy, trong khi dừng lại lắng nghe, tôi ngẫu nhiên đặt chân vào một lỗ hổng ở đây cái Hội Grây in cao quý đã quên không điền một tấm gỗ vào: tôi ngã đánh sầm một cái và khi tôi đứng lên được thì xung quanh im phăng phắc.

Tôi lần mò cẩn thận hơn trong quãng hành trình còn lại và tim tôi đập thình thịch khi thấy cái cửa

đầu tiên trên đề chữ "Ông Trátđơn" vẫn mở rộng. Tôi gõ cửa. Ở phía trong xô đẩy nhau rất dữ, nhưng vẫn không có gì khác. Tôi lại gõ cửa.

Một con người nhỏ nhắn, có vẻ tinh ranh, nửa là thằng nhỏ, nửa là nhân viên, miệng thở hổn hển xuất hiện nhưng vẫn nhìn tôi dường như muốn thử thách tôi chứng minh điều đó một cách đúng pháp luật.

"Ông Trátđơn có nhà không?" tôi nói.

"Thưa ông có, nhưng ông ta bận".

"Tôi muốn gặp ông ta".

Sau khi nhìn tôi một lát, con người trẻ tuổi mặt mày nhanh nhẩu quyết định cho tôi vào, và mở rộng cánh cửa hơn, anh đưa tôi qua một cái phòng dùng làm phòng áo, rồi một phòng khách nhỏ, ở đấy tôi thấy tôi đứng trước ông bạn cũ (cũng đang thở hổn hển) ngồi trước một cái bàn và cúi đầu trên những giấy tờ.

"Trời ơi!" Trátđơn kêu và ngước mắt nhìn lên. "Copơphin cậu đấy à?" Và cậu nhẩy chồm lên ôm lấy tôi và tôi ôm ghì lấy cậu.

"Mọi việc tốt đẹp cả chứ, Trátđơn?"

"Mọi việc tốt đẹp cả, Copơphin ạ mình chỉ nhận được những tin vui mà thôi."

Cả hai chúng tôi đều khóc vì sung sướng.

"Này cậu", Trátđơn nói làm đầu tóc xù lên trong khi xúc động, một cử chỉ hoàn toàn không cần thiết, "Copơphin ạ, lâu lắm được gặp lại cậu mình thật sướng quá. Da cậu đã rám nắng nhiều đấy. Mình sung sướng quá! Thú thật, chưa bao giờ mình sung sướng như hôm nay Copơphin ạ, chưa bao giờ!".

Tôi cũng không biết nói gì để biểu lộ cảm xúc của mình. Lúc đầu tôi hoàn toàn không nói được một lời.

"Ông bạn!" Trátđơn nói với tôi. "Bây giờ cậu nổi tiếng rồi đấy! Ông bạn Copơphin vinh quang của tôi! Rõ khỉ, *khi nào* cậu về đấy? Cậu ở đâu đến đây? Cậu đã làm những gì?"

Cậu không đợi tôi có thì giờ trả lời một câu hỏi nào.

Sau khi bắt tôi ngồi xuống một cái ghế bành gần ngọn lửa, Trátđơn một tay lên hồi khơi ngọn lửa suốt trong thời gian ấy và tay kia kéo khăn quàng cổ của tôi bởi vì cậu tưởng lầm đó là cái áo khoác. Không đặt cái que cời than xuống, cậu lại ôm lấy tôi và tôi cũng ôm ghì lấy cậu; cả hai người cười khanh khách, và chúng tôi đều lau nước mắt rồi ngồi xuống bắt tay nhau qua ngọn lửa. Trátđơn nói.

"Mình không ngờ cậu về sớm thế, ông bạn ạ, nên mình rất tiếc rằng cậu không có mặt buổi lễ".

"Lễ gì thế? Trátđơn?"

"Trời ơi!" Trátđơn kêu lên mở to đôi mắt như xưa, "thế cậu không nhận được bức thư vừa rồi của mình sao?"

"Nếu như bức thư ấy nhắc đến một buổi lễ".

"À! Thế này Copơphin ạ", Trátđơn nói, lấy hai tay làm đầu tóc dựng lên, đoạn đặt hai tay lên đầu gối tôi: "Mình lấy vợ rồi!"

"Lấy vợ à!" tôi kêu lên vui sướng.

"Trời ơi! có chứ", Trátđơn kêu lên, "Mục sư Cruiơ đã gả con gái là Xôphi… ở nơi xa xôi kia, ở xứ Đêvôn cho mình. Nhưng này cậu, cô ta ở đây, đằng sau cái rèm. Cậu xem đấy!"

Tôi ngơ ngác làm sao khi ngay lúc đó cô con gái cười khanh khách và mặt đỏ bừng. Và tôi nghĩ rằng thế giới chưa bao giờ thấy một người vợ mới cưới vui vẻ hơn, dễ thương hơn, thành thực hơn, sung sướng hơn, tươi tắn hơi nàng và tôi không thể nào không nói ngay với cậu ta điều đó. Tôi hôn nàng với tư cách một người bạn cũ và tôi khen ngợi hai người với tất cả nhiệt tình.

"Trời ơi", Trátđơn nói, "cuộc gặp gỡ thú vị quá. Cậu đã rám nắng nhiều lắm, Copơphin ạ, trời ơi mình sung sướng quá!"

"Mình rất tiếc", tôi nói càng cười ròn rã hơn, "đã là nguyên nhân gây nên sự trốn chạy như vậy".

"Mình thú thực", Trátđơn nói sung sướng say sưa "nếu cậu thấy họ bỏ chạy rồi lại chạy đến sau khi cậu đã gõ cửa, để lượm những cái lược, mà họ đã để rơi khỏi tóc và quay cuồng như những người điên thì cậu sẽ không nói thế đâu… Này em, em đi tìm các cô ấy đi".

Xôphi chạy đi ngay và chúng tôi nghe nàng được đón tiếp trong phòng bên bởi những tiếng cười ròn rã.

"Này Copơphin, đó là một âm thanh đầy nhạc điệu có phải không nào", Trátđơn nói, "Nghe nó rất thú vị. Nó làm cho căn phòng cũ kỹ này tươi hẳn lên. Đối với một anh chàng độc thân tội nghiệp suốt đời sống một mình, cậu hiểu rằng điều đó là hết sức thú. Thật là tuyệt. Các cô gái tội nghiệp, đã chịu một tổn thất lớn vì không có Xôphi bên cạnh. Thú thực với cậu, Copơphin ạ, Xôphi từ trước đến nay vẫn là người dễ thương nhất trong tất cả chị em, và mình cảm thấy một nỗi vui sướng không thể tả xiết khi thấy họ vui vẻ như vậy. Sống bên cạnh các cô ấy là hết sức thú vị, Copơphin ạ. Nó không đúng với nghề nghiệp nhưng rất thú vị".

Tôi nhận thấy cậu hơi ngần ngại và hiểu rằng vì lòng tốt cậu sợ điều cậu nói sẽ làm tôi khổ tâm. Tôi trả lời tán thành nhiệt tình, điều đó rõ rệt làm cậu nhẹ hẳn người và rất khoái trá, Trátđơn nói:

"Nhưng Copơphin ạ, tất cả việc thu xếp trong gia đình chúng mình thực ra cũng chẳng có gì là hợp với quy tắc cả. Nhưng chúng mình không có chỗ nào hơn. Chúng mình đã ra khơi trên một chiếc lá nhưng chúng mình sẵn sàng sống cuộc sống gay go. Và Xôphi thu xếp rất giỏi. Cậu sẽ ngạc nhiên khi biết chúng mình để các cô ấy ở đâu. Quả thực ngay cả mình cũng không biết làm sao có thể thu xếp như vậy".

"Cậu có nhiều chị em của Xôphi ở đây không?" Tôi nói.

"Cô chị cả Carôlin ở đây, con người mà mình bảo với cậu rằng trong xương sống cô ta có cái gì không ổn, như cậu biết. Cô ta đã đỡ nhiều rồi. Còn hai cô trẻ hơn mà Xôphi đã nuôi nấng cũng ở đây. Và cuối cùng Luida cũng ở đây".

"Thế à?" Tôi nói.

"Đúng thế", Trátđơn nói. "Toàn bộ (mình nói đến căn nhà), chỉ gồm có ba phòng. Nhưng Xôphi đã thu xếp một cách tuyệt diệu cho các cô ấy và họ nằm ngủ hết sức thoải mái. Ba người ở trong này", Trátđơn nói, chỉ tay trỏ căn phòng. "Và hai người nữa ở trong phòng này".

Tôi không thể không đưa mắt nhìn quanh, tôi tìm chỗ còn lại cho ông bà Trátđơn. Trátđơn hiểu tôi.

"Này!" Trátđơn bảo tôi, "Chúng mình sẵn sàng sống cuộc sống gay go, như hồi nãy mình nói với cậu, và chúng mình đã thu xếp một cái giường tuần trước ở trên sàn của căn phòng này. Nhưng lại có một căn phòng nhỏ xíu ở trên mái (một phòng rất đẹp rất xinh nếu ở trên ấy) và Xôphi đã tự tay lót

thảm làm mình ngạc nhiên và hiện nay đó là phòng của chúng mình. Và đó là một nơi tuyệt diệu có vẻ lãng tử lắm. Đứng đó nhìn ra, phong cảnh rất đẹp."

"Thế là cuối cùng cậu đã may mắn lấy được vợ, Trátđơn ạ! Tôi nói. "Mình sung sướng quá".

"Cám ơn cậu Copơphin ạ", Trátđơn bảo tôi, trong khi chúng tôi bắt tay nhau lần nữa. "Phải đấy mình hết sức sung sướng". Này cậu", Trátđơn bảo tôi, hất hàm chỉ cho tôi với vẻ đắc thắng, "cậu nhìn xem mấy ông bạn cũ (cậu chỉ cái bình cắm hoa và cái giá của nó) và đây là cái bàn có mặt cẩm thạch. Còn các đồ đạc khác đều mộc mạc và tiềm tiệm như cậu đã thấy. Còn những đồ dao nĩa bằng bạc thì thú thật mình chẳng có lấy một cái thìa cà phê".

"Thế thì phải sắm lấy tất cả!" Tôi nói vui vẻ.

"Đúng thế", Trátđơn đáp, "phải sắm lấy tất cả. Cố nhiên chúng mình có một cái gì có hình dáng những thìa uống trả bởi vì chúng mình phải quấy trà. Nhưng đó là kim khí của nước Anh".

"Khi đồ đạc đến nó sẽ càng sáng hơn", tôi nói.

"Chính chúng mình vẫn thường nói như thế!" Trátđơn kêu lên. "Copơphin, cậu hiểu (cậu lại trở lại giọng thì thầm tâm sự) rằng sau khi đã đọc lời biện hộ của mình trong vụ kiện *Bênh vực Kèo trong việc anh ta kiện Cột*, mình đã được để ý, và đến Đêvôn nói chuyện nghiêm chỉnh với mục sư Horat. Mình đã nhấn mạnh về chỗ Xôphi… Copơphin ạ, mình cam đoan với cậu Xôphi là người con gái thân yêu nhất đời…"

"Chuyện!" Tôi nói.

"Cô ta đúng là như thế đấy!" Trátđơn đáp, "nhưng hình như mình đã đi xa vấn đề. Mình đã nói đến mục sư Horat chưa?".

"Đúng thế! Về chỗ Xôphi và mình đã hứa hôn với nhau trong một thời gian dài và Xôphi rất vui lòng lấy mình với sự cho phép của cha mẹ. Tóm lại", Trátđơn nở nụ cười chân thực ngày xưa, "trên cơ sở kim khí Anh hiện đại của chúng mình. Sau đó mình đề nghị với mục sư Horát (ông cụ là nhà tu hành rất tốt, Copơphin ạ và lẽ ra là giám mục hay ít nhất phải là có đủ phương tiện sinh sống để không đến nỗi túng thiếu) nếu như mình vượt qua được cái mức, chẳng hạn 250 bảng một năm, và mình có thể thấy rõ ràng năm sau ít nhất cũng có thể kiếm được số tiền như vậy. Ngoài ra, nếu như mình có thể sắp đặt đồ đạc trong một căn nhà nhỏ bé như căn nhà này… thì trong trường hợp ấy, mình đề nghị với ông rằng Xôphi và mình lấy nhau. Mình đánh bạo nhắc ông cụ biết rằng chúng mình đã kiên nhẫn chờ đợi bao nhiêu năm trời, và dù cho Xôphi hết sức có ích ở nhà nàng thì trường hợp này cũng không thể thúc đẩy cha mẹ nàng không cho nàng lập gia đình, cậu hiểu chứ?".

"Cố nhiên là cậu có lý", tôi nói.

"Mình rất sung sướng rằng cậu tán thành ý kiến ấy, Copơphin ạ", Trátđơn đáp, "bởi vì mình không muốn nói xấu mục sư Horát, nhưng mình thấy cha mẹ anh em và vân vân đôi khi cũng khá ích kỷ trong những trường hợp như vậy. Được! Mình đã nhấn mạnh rằng ý muốn tha thiết nhất là tỏ ra có ích cho gia đình và nếu như mình thành đạt trên đời và nếu như ông cụ có xảy ra việc gì… mình muốn nói đến mục sư Horát".

"Mình hiểu", tôi nói.

"Nếu như ông cụ hay bà Horát có gặp điều gì thì điều thỏa mãn cao quý nhất trong những mong muốn của mình là đóng vai trò người cha của những cô gái. Ông cụ đã trả lời một cách hết sức đáng phục, hết sức khen ngợi những cảm tình của mình và nhận lời cố thuyết phục cho bà Horát nghe theo sự

thu xếp ấy. Ông đã khiến cho bà phải trải qua một giờ phút kinh khủng. Cái ấy lên từ chân đến ngực rồi đến đầu".

"Cái gì lên?" Tôi hỏi.

"Nỗi buồn bực của bà cụ", Trátđơn đáp có vẻ nghiêm nghị. "Những tình cảm của bà cụ nói chung. Như mình đã có lần nói với cậu, đó là một người đàn bà cao quý, nhưng tay chân bại liệt. Tất cả những cái gì làm bà bực bội thường thường thể hiện ở cặp chân; nhưng lần này nó lại lên thần kinh một cách hết sức đáng lo sợ. Tuy nhiên, người ta đã cứu được bà ra khỏi tình trạng ấy bằng cách luôn luôn săn sóc ân cần; và đến hôm qua là chúng mình lấy nhau được sáu tuần Copơphin ạ. Cậu không thể hình dung rằng mình cảm thấy mình là con quỷ sứ như thế nào khi mình thấy tất cả gia đình kêu khóc và ngất đi ở tứ phía. Bà Horat không thể nào nhìn mình trước khi chúng mình từ biệt bởi vì bà không thể tha thứ mình đã cướp mất cô con gái của bà. Nhưng bà là một người tốt và sau đó bà đã tha thứ cho mình. Mãi đến sáng nay, mình mới nhận được một bức thư thú vị của bà".

"Tóm lại ông bạn", tôi nói, "cậu thật sung sướng như cậu xứng đáng được".

"Ồ! Đó là vì cậu thiên lệch về mình", Trátđơn nói, cười khanh khách. "Nhưng quả thực mình ở trong tình trạng đáng được thèm muốn. Mình làm việc dữ lắm, mình học luật không biết chán nản chút nào. Ban ngày mình giấu các cô ấy và buổi tối mình chơi với các cô ấy. Và mình cam đoan với cậu, quả thực mình rất buồn khi họ trở về nhà ngày thứ ba trước ngày khai giảng. Nhưng kìa", Trátđơn nói dừng lại trong khi tâm sự và nói to, "đây là các cô ấy! Cậu Copơphin, đây là cơ Cruiơ… cô Luida Mácgarét và Luxi!"

Tất cả đều có vẻ là những bó hoa hồng vì họ đều tươi tắn và xinh đẹp. Tất cả đều xinh đẹp và cô Carôlina lại rất đẹp, nhưng ở trên gương mặt tươi sáng của Xôphi vẫn có cái gì trìu mến, vui vẻ, ấm cúng làm cho cô còn giá trị hơn nhiều và làm cho tôi tin chắc rằng ông bạn của tôi đã lựa chọn đúng đắn. Tất cả chúng tôi ngồi chung quanh ngọn lửa. trong khi con người trẻ tuổi nhanh nhẩu (bây giờ tôi đã đoán được anh ta) sau khi đã hết cả hơi để mang giấy tờ ra lần này lại dọn bàn và đặt bộ đồ trà.

Sau đó anh ta vào phòng ngủ và đóng cái cửa ngoài lại nghe sầm một cái. Sau khi pha trà với một niềm vui và một vẻ yên tĩnh tuyệt đối toát ra từ đôi mắt lấp lánh sáng, bà Trátđơn lặng lẽ nướng bánh mì trong khi ngồi trong một góc gần ngọn lửa.

Theo như nàng nói với tôi khi ăn bánh, nàng đã gặp Ácnét. "Tôm" đã đưa nàng đến Kentơ trong cuộc du lịch vào tuần trăng mật và nàng đã thấy cô tôi, Ácnét, và cô tôi đều khỏe mạnh và tất cả mọi người chỉ nói đến tôi. Quả thực, nàng nghĩ rằng trong suốt thời gian tôi vắng mặt không có giờ phút nào "Tôm" không nghĩ đến tôi.

"Tôm" rõ rệt là vị thần tượng của cuộc đời nàng, mà không có một sự va chạm nào có thể làm cho cái thần tượng ấy rơi từ trên bệ xuống; dù có việc nào xảy đến, bao giờ nàng cũng sẽ tin ở chàng và bao giờ cũng sẽ ca ngợi chàng với tất cả lòng thành thực.

Thái độ quý trọng của Trátđơn và của nàng đối với Người đẹp làm tôi rất vui lòng. Theo tôi, tôi không cho rằng điều đó là hợp lý cho lắm; nhưng tôi thấy nó rất thú vị và thấy đấy là một yếu tố chủ yếu của tính cách họ. Nếu như Trátđơn có một phút duy nhất tiếc không có những thìa trà bằng bạc mà cậu ta còn phải kiếm thì hiển nhiên đó là khi cậu ta đưa chén trà cho Người đẹp. Nếu như bà vợ dịu hiền và dễ thương của cậu có thể cảm thấy một sự kiêu hãnh nào đó thì đó là vì nàng là em gái của Người đẹp. Tôi thấy ở Người đẹp những dấu hiệu nhỏ chứng tỏ một bản tính đồng bóng và phần nào quá được nuông chiều; nhưng vợ chồng Trátđơn xem đó là tự nhiên, là cái quyền mà từ khi sinh ra cô đã có và là một điều tự nhiên trời phú cho cô. Nếu như cô sinh ra là con ong chúa và họ là những con

ong thợ thì họ cũng không thể nào tự hài lòng về mình hơn.

Những thái độ quên mình của hai vợ chồng làm cho tôi say sưa. Lòng tự hào của họ ở các cô và việc họ phục tùng tất cả những sở thích của các cô đó là biểu hiện thú vị nhất của giá trị của họ mà tôi có thể thấy. Trong buổi chiều hôm ấy, ít nhất mười hai lần trong một giờ các cô chị em vợ lần lượt gọi Trátđơn là "thân yêu" và yêu cầu mang vật này đến hay vật kia, lấy cái này, đặt cái nọ hay đi tìm một cái gì. Và họ cũng không thể làm gì nếu không có Xôphi. Tóc một người nào đó rũ xuống và chỉ có Xôphi mới vuốt lên được. Một người nào đó quên mất điệu của một bài hát đặc biệt và chỉ có Xôphi mới có thể hát đúng điệu hát này. Một người thứ ba muốn nhắc đến tên một nơi nào đó ở Đêvôn và chỉ có Xôphi mới biết. Phải viết vài lời cho ông bà cụ và chỉ có thể nhờ Xôphi sáng mai viết trước khi ăn sáng. Con người nào có đan lầm tứ tung và chỉ có Xôphi mới có thể giúp cho người ấy tìm ra được cách đan cho đúng. Họ là những bà chủ tuyệt đối ở nơi này và Xôphi và Trátđơn phục vụ họ. Tôi không thể biết khi còn nhỏ Xôphi đã phải săn sóc bao nhiêu đứa trẻ nhưng nàng có vẻ rất thạo mọi bài hát về đủ mọi loại xưa nay đã được viết cho trẻ con bằng tiếng Anh và theo lời yêu cầu nàng hát hàng chục bài với cái giọng trong trẻo nhỏ nhẹ nhất, hết bài này đến bài khác (bởi vì mỗi cô lại ra lệnh muốn nghe một điệu khác và thường thường Người đẹp là người can thiệp cuối cùng) đến nỗi tôi hoàn toàn say mê. Điều tốt nhất là trong khi yêu cầu như vậy, tất cả các cô đều kính trọng và âu yếm Xôphi cũng như Trátđơn. Khi tôi từ biệt, và Trátđơn đi ra để tiễn tôi, tôi có cảm tưởng chưa bao giờ thấy một bộ tóc rối tung như vậy (hay có một đầu nào của người hay súc vật rối bù như vậy) quay về mọi phía để đón một trận mưa hôn.

Nói chung, đó là một cảnh tượng mà tôi không thể nào không ngẫm nghĩ một cách thú vị một hồi lâu sau khi trở về chào Trátđơn. Nếu tôi thấy một ngàn bông hoa hồng nở trong cái căn phòng dưới mái của cái nhà khô héo đường Grây in thì nó cũng không có thể làm cho căn phòng tươi sáng như vậy. Khi nghĩ đến những cô gái của xứ Đêvôn giữa những con người cạo giấy lầm lì của các tòa án và các phòng trạng sư; khi nghĩ đến những bữa uống trà, những cốc rượu chúc mừng, những bài hát trẻ con trong cái cảnh tượng ủ dột đầy những mực, những giấy tờ, những giải đỏ và những gói hồ đầy bụi, những giấy để làm hồ sơ và những giấy nháp, giấy báo cáo về luật, những giấy lĩnh tiền, những gì công bố và những tờ giấy trả tiền kiện tụng, những ý nghĩ ấy đối với tôi ngộ nghĩnh đến thú vị chẳng kém một giấc mơ trong đó cái gia đình nổi tiếng của một Xuntan[1] nhờ viết tên mình vào danh sách của các biện hộ sỹ và đã đem con chim biết nói tiếng người, cái câu biết hát và nước vàng đến Grây in. Dù sao tôi vẫn nhận thấy rằng tôi đã từ biệt Trátđơn cho đến ngày mai và tôi đã trở về cửa hiệu cà-phê trong khi những ý nghĩ tuyệt vọng về phần cậu ta đã có sự thay đổi to lớn. Thậm chí, tôi bắt đầu tin rằng cậu sẽ tiến bước bất chấp tất cả mọi loại hầu bàn ở các cửa hiệu cà-phê ở Anh. Tôi kéo một cái ghế đến ngồi trước ngọn lửa cửa hiệu để nghĩ đến cậu một cách thỏa thích và dần dần tôi thôi không ngẫm nghĩ đến hạnh phúc của cậu mà tìm hiểu tương lai trong những hòn than rực cháy trong khi hình ảnh của chúng thay đổi và biến đi, tôi nghĩ đến những điều bất hạnh chính và những sự chia ly đã đánh dấu cuộc đời tôi.

Từ khi tôi rời bỏ nước Anh ba năm trước đây, tôi vẫn chưa có dịp nhìn lửa than, nhưng tôi đã nhiều lần nhìn lửa củi trong khi củi vụn dần dần biến thành lớp tro bạc trộn lẫn với khối tro chồng chất trên bếp và trong tâm trạng tuyệt vọng tôi đã thấy ở đấy hình ảnh những niềm hy vọng đã tàn lụi của tôi. Bây giờ tôi có thể nghĩ đến quá khứ một cách nghiêm trang nhưng không phải lòng đầy chua xót mà nghĩ đến tương lai một cách dũng cảm.

Đối với tôi, không còn có gia đình với ý nghĩa tốt đẹp nhất của chữ này. Tôi đã làm cho con người có thể yêu tôi tha thiết thành cô em gái của tôi. Nàng sẽ lấy chồng và những người khác sẽ có quyền

đòi hỏi nàng yêu quý, và trong khi làm như vậy nàng sẽ không bao giờ biết mối tình của tôi đối với nàng. Tôi phải đền bù cái tội do tình yêu bồng bột cuồng dại của mình gây nên là đáng lắm. Tôi đã gặt được cái mà tôi đã gieo.

Tôi tự hỏi: phải chăng tôi đã thực sự làm chủ con tim mình đến độ ấy? Phải chăng tôi có thể kiên quyết chịu đựng cái thử thách ấy và giữ địa vị ở gia đình của nàng như địa vị mà nàng đã giữ một cách lặng lẽ trong gia đình tôi? Bỗng tôi nhận thấy rằng mắt tôi hướng về một khuôn mặt dường như có thể xuất hiện từ ngọn lửa lên, bởi vì nó gắn liền với những kỷ niệm đầu tiên của tôi.

Ông Silíp nhỏ bé, ông thầy thuốc mà tôi đã được hưởng sự chăm sóc ngay từ chương đầu của quyển chuyện này đang ngồi trong bóng tối ở góc đối diện, đọc một tờ báo. Lúc này, ông đã là một ông già nhưng vốn là một con người nhỏ bé, hiền lành, khiêm tốn và bình tĩnh, ông đã chịu đựng dễ dàng sự tấn công của thời gian, đến nỗi lúc này ông vẫn giữ hệt cái vẻ như khi ông ngồi trong phòng khách của chúng tôi chờ đợi tôi ra đời.

Năm, sáu năm trước đây, ông Silíp đã rời khỏi Blơnđơxtôn và từ dạo ấy tôi không gặp lại ông nữa. Ông đọc báo một cách bình thản, cái đầu nhỏ bé nghiêng nghiêng về một bên với một cốc rượu anh đào nóng hổi ở trong tầm tay. Cử chỉ của ông hết sức trìu mến đến nỗi ông có vẻ xin lỗi cả tờ báo vì ông đã mạn phép cầm nó đọc.

Tôi đến gần ông và nói:

"Ông Silíp, ông mạnh khỏe chứ?"

Ông rất lúng túng khi thấy một người lạ mặt đột nhiên hỏi mình và trả lời giọng chậm rãi:

"Cám ơn ông. Ông rất quý hóa. Cám ơn ông chắc ông cũng mạnh khỏe chứ?".

"Ông không nhớ tôi hay sao?" Tôi hỏi.

"Trời ơi, thưa ông", ông Silíp đáp, mỉm cười khiêm tốn, nhìn tôi mà lắc đầu, "tôi nhớ mang máng rằng trong vẻ mặt của ông có một cái gì quen thuộc nhưng tôi không thể nói tên ông là ai".

"Ấy thế mà ông đã quen tôi từ lâu trước khi tôi quen ông ấy" tôi nói.

"Thực thế à? thưa ông có thể là tôi đã được hân hạnh giúp việc lúc…"

"Đúng thế", tôi nói.

"Trời ơi!" Ông Silíp nói, "tôi mong rằng ông tha lỗi cho tôi nếu tôi mạn phép hỏi tên ông".

Khi tôi nói tên, ông thực rất cảm động. Ông nắm chặt tay tôi, điều đó đối với ông là một hành động dữ dội, bởi vì ông có cái thói quen rón rén giơ một bàn tay ấm áp và mềm yếu cách hông một vài phân và tỏ vẻ rất lúng túng khi một người nào nắm lấy nó. Ngay cả lần này, ông cũng đút tay vào túi khi có thể rút tay ra và có vẻ nhẹ cả người khi thấy bàn tay vẫn nguyên vẹn.

"Trời ơi!" Ông Silíp nói nghiêng đầu nhìn tôi, "ông là ông Copơphin đấy à. Phải rồi. Tôi nghĩ là tôi có thể nhận ra ông nếu nhìn một cách chăm chú. Cụ thân sinh và ông rất giống nhau".

"Tôi chưa bao giờ được diễm phúc nhìn thấy cha tôi" tôi nói.

"Đúng thế ông ạ", ông Silíp nói giọng dễ thương. "Đó là điều dẫu sao cũng hết sức đáng tiếc. Trong miền chúng tôi chúng tôi đều biết danh tiếng ông", ông Silíp bảo tôi và lại lắc đầu chậm rãi. "Chắc là đầu ông phải nhọc mệt lắm", ông nói lấy ngón tay trỏ vỗ về lên trán. "Chắc hẳn ông thấy cái nghề của ông vất vả lắm nhỉ?"

"Ông bây giờ ở đâu?" Tôi hỏi ngồi xuống cạnh ông.

"Tôi ở cách Buri Xanh Etmun ít dặm, ông ạ. Bà Silíp được ông cụ để lại một ít gia sản ở gần đấy nên tôi đã làm ăn và có khách hàng ở đấy và chắc ông sẽ vui sướng khi biết rằng công việc của tôi phát đạt. Cháu gái tôi bây giờ đã là một cô gái lớn ra phết rồi", ông Silíp nói, cái đầu nhỏ lại khẽ gật một cái. "Mẹ cháu tuần trước đã phải tháo hai gấu ở áo. Ông thấy không, thời gian đi nhanh thật!".

Thấy con người nhỏ bé ấy giơ cái cốc đã cạn lên môi trong khi nói lên ý nghĩ ấy, tôi đề nghị ông uống một cốc nữa và người ngồi cạnh ông cũng uống một cốc: "Trời ơi", ông đáp lời tôi giọng chậm rãi. "Như thế này là quá thói quen của tôi, nhưng tôi không thể nào từ chối điều sung sướng được nói chuyện với ông. Tôi có cảm tưởng chỉ vừa hôm qua thôi tôi đã được vinh dự chăm sóc ông vì ông bị sởi. Ông đã thoát khỏi bệnh ấy rất cừ!"

Tôi cảm ơn ông về lời khen ấy rồi sai dọn rượu nho nóng hổi và chỉ lát sau là người ta mang cho chúng tôi.

"Đó là những sự thái quá hết sức ngoại lệ". Ông Silíp nói trong khi quấy đường trong rượu. "Nhưng tôi không thể nào từ chối vào một dịp hiếm có như thế này. Ông có con không?".

Tôi lắc đầu.

"Cách đây ít lâu tôi biết rằng ông có tang", ông Silíp nói. "Tôi biết điều đó qua bà chị của ông dượng của ông. Bà ta tính khí kiên quyết lắm có phải không?"

"Đúng thế", tôi nói giọng kiên quyết. "Ông Silíp ông thấy cô ấy ở đâu?"

"Thế ông không biết", ông Silíp lại nở một nụ cười hiền lành, "rằng ông dượng của ông lại là láng giềng của tôi sao?".

"Không", tôi nói.

"Ông ta là láng giềng đấy ông ạ!" ông Silíp nói, "ông ta đã lấy một cô gái trong vùng có một gia sản kha khá, rõ tội nghiệp… Thế còn cái trò công việc trí óc của ông thì thế nào? Ông không cảm thấy nó làm ông kiệt sức hay sao?", ông Silíp hỏi đưa mắt nhìn tôi với dáng điệu con chim cổ đỏ có vẻ thán phục.

Tôi không trả lời ông đã tục huyền, ông có phải là thày thuốc của gia đình họ không?" Tôi hỏi.

"Không hoàn toàn như thế. Thỉnh thoảng người ta gọi tôi" ông Silíp đáp. "Cái đầu của ông Mócxtôn và của bà chị ông ta có một cái bướu rất to để chứa sự kiên quyết, chắc ông cũng biết".

Tôi trả lời với một cái nhìn gợi cảm đến nỗi ông Silíp thấy bạo dạn hẳn lên vì ảnh hưởng của cái nhìn cũng như của rượu nho, dám gật gật mấy cái và kêu lên vẻ tư lự.

"Trời ơi, chúng ta vẫn không quên quá khứ có phải không, ông Copơphin!"

"Thế hai chị em vẫn tiếp tục lối sống ngày xưa của họ sao?" Tôi hỏi.

"Thưa ông", ông Silíp đáp, "một ông thầy thuốc thân mật của các gia đình không nên nhìn và nghe cái gì ngoài nghề nghiệp của mình. Tuy vậy tôi phải nói họ rất nghiêm khắc, ông ạ., về cuộc sống dưới trần này cũng như về cuộc sống mai sau".

"Cuộc sống mai sau chắc hẳn sẽ được giải quyết không cần đến họ", tôi đáp. "Còn cuộc sống dưới trần thì họ đang làm gì thế".

Ông Silíp lắc đầu, quấy rượu nho và uống từng ngụm nhỏ.

"Bà ta rất xinh ông ạ", ông nói giọng thương hại.

"Bà Mớcxtôn hiện nay ấy à?"

"Một người đàn bà rất xinh ông ạ!" ông nói. "Hết sức dễ thương, tôi cam đoan với ông như vậy! Theo ý bà Silíp thì con tim bà Mớcxtôn hoàn toàn bị tan vỡ từ khi lấy chồng, và bà ấy gần như hóa điên vì phiền muộn. Cái trò đàn bà thì quan sát tinh lắm ông ạ", ông nói thêm giọng bẽn lẽn.

"Chắc hẳn bà ấy đã bị hai chị em ông bắt phục tùng và phải rập theo cái khuôn đáng nghét của họ, lạy chúa" tôi nói. "Và bà ấy đã phải phục tùng họ".

"Ồ, lúc đầu thì cãi cọ xung đột dữ lắm, tôi cam đoan như vậy", ông Silíp nói, "nhưng bây giờ bà chỉ còn là cái bóng của bà ngày xưa. Ông có cho tôi là người bép xép không khi tôi tâm sự với ông rằng từ khi bà chị giúp ông em thì hai người gần như biến người đàn bà trẻ tuổi thành một người ngốc nghếch".

Tôi nói với ông rằng tôi tin điều đó.

"Tôi có thể không ngần ngại nói", ông Silíp phấn chấn uống thêm một ngụm rượu nho nói tiếp, "ông ạ, mẹ bà ta đã chết về việc đó vì cứ phải chịu cảnh đàn áp, buồn bã và bị dằn vặt nên bà Mớcxtôn đã trở nên một người gần như dở hơi. Trước khi lấy chồng bà là một cô gái trẻ, nhí nhảnh ông ạ; nhưng vẻ lầm lì, khắc khổ của họ đã giết chết bà ta. Lúc này hai người đã trở thành những người gác ngục chứ không còn là chồng và chị dâu. Đó là nhận xét bà Silíp đã nói với tôi sớm nhất là tuần trước, cái trò đàn bà thì quan sát tinh lắm. Nhất là nhà tôi".

"Có phải ông ta bao giờ cũng làm ra bộ… (tôi rất xấu hổ khi dùng danh từ này vào một việc như thế)… mộ đạo có phải không?" Tôi hỏi.

"Ông đã nói đúng", ông Silíp nói, đôi lông mày đỏ bừng vì ảnh hưởng của chất kích thích không quen thuộc mà ông đang uống, "đó là một trong những nhận xét nổi bật nhất của bà Silíp. Bà Silíp đã làm tôi sửng sốt". Ông nói tiếp giọng hết sức bình thản và chậm rãi, "khi tuyên bố rằng ông Mơcxtôn đã đề cao hình ảnh của chính mình và gọi đó là bản chất thần linh. Khi bà Silíp nói với tôi điều đó, tôi phục sát đất đi được, tôi cam đoan với ông như vậy. Cái trò đàn bà thì quan sát tinh lắm! Ông ạ".

"Bằng trực giác", tôi nói làm ông rất khoái trá.

"Tôi rất sung sướng thấy ý nghĩ của mình được xác nhận như vậy ông ạ", ông đáp. "Tôi rất ít khi đánh bạo biểu lộ một ý kiến về những vấn đề không có tính chất y học, tôi thú thực với ông. Ông Mớcxtôn thỉnh thoảng vẫn đọc những bài diễn văn trước quần chúng, như người ta nói… thực ra bà Silíp nói rằng ông ta càng tỏ ra là một bạo chúa kinh khủng, thì học thuyết của ông ta càng tàn bạo".

"Tôi tin rằng bà Silíp nói đúng", tôi nói.

"Thậm chí bà Silíp còn bảo", con người nhỏ bé hiền lành nhất hết sức phấn chấn nói tiếp, "rằng những người như vậy cho tôn giáo là một cách họ dùng để biểu hiện sự xấc xược và tính khí khó chịu của họ. Ông có biết tôi phải nói với ông thế nào không", ông Silíp nói tiếp, nghiêng đầu về một bên một cách hiền lành, "quả thực tôi không thấy *cái gì* trong Tân ước có thể bênh vực cho ông Mơcxtôn và cô Mớcxtôn cả".

"Tôi cũng không thấy một cái gì như vậy", tôi nói.

"Thưa ông", ông Silíp bảo tôi, "hiện nay người ta rất ghét chị em ông ta. Và vì họ sẵn sàng khép những người họ không yêu vào tội bị chúa trừng phạt cho nên ở trong vùng chúng tôi hiện nay cũng có nhiều người bị cái tội như vậy. Tuy nhiên, như bà Silíp bảo, ngày nào họ cũng bị chúa trừng phạt bởi vì họ đành phải cấu xé tim gan họ để ăn tim gan họ không phải ngon lành gì cho cam. Nhưng còn cái

đầu óc của ông thì thế nào nếu ông cho phép tôi trở lại câu chuyện, ông có làm cho nó bị xúc động nhiều quá không?"

Trí não ông Silíp do ảnh hưởng rượu nho nóng hổi đã bị kích thích dữ dội cho nên tôi dễ dàng hướng sự chú ý của ông sang những câu chuyện riêng của ông và về vấn đề này ông thao thao bất tuyệt suốt trong nửa giờ sau và ngoài những tin tức khác, ông bảo tôi rằng hôm ấy ông đến hiệu cà-phê Grây in để làm chứng với tính cách một thầy thuốc trước một Tiểu ban nghiên cứu bệnh điên về một người bệnh hóa điên vì uống quá nhiều rượu, ông nói:

"Tôi cam đoan với ông rằng trong những trường hợp như vậy, tôi hết sức cáu kỉnh. Tôi không thể nào chịu làm cái mà người ta gọi là bị giày vò. Nó làm cho tôi mất hồn ông Copơphin ạ. Ông có biết tôi phải mất một thời gian mới có thể trấn tĩnh lại sau khi chịu đựng những cử chỉ của cái bà đáng sợ vào đêm ông ra đời không?"

Tôi nói với ông rằng sáng mai tôi sẽ đến nhà cô tôi, con rồng mà vừa nói đấy; và đó là một người đàn bà dịu dàng và quí hóa nhất đời, nếu như ông biết bà ấy hơn. Chỉ riêng ý nghĩ ông có thể gặp cô tôi dường như đã làm ông sửng sốt. Ông trả lời tôi với nụ cười yếu ớt. "Thực thế à? Quả thực thế à?" Và liền ngay lúc đó ông ta xin một cây nến và đi ngủ, dường như ông ta chỉ cảm thấy yên ổn hoàn toàn khi nằm trên giường.

Thực ra ông không bước loạng choạng vì uống rượu nhưng tôi tin những mạch máu hiền lành của ông mỗi phút phải đập thêm hai hay ba cái kể từ cái đêm đáng nhớ trong đó cô tôi vì thất vọng đã lấy chiếc mũ đánh ông. Mệt mỏi rã rời, tôi cũng đi ngủ vào lúc nửa đêm; ngày hôm sau suốt ngày tôi ở trên xe ngựa đến Đôvơ và bình yên mạnh khỏe, tôi bước vào cái phòng cũ kỹ của cô tôi trong khi cô tôi pha trà (cô tôi lúc này đeo kính) và tôi được đón tiếp niềm nở với những giọt nước mắt vui mừng bởi cô tôi, ông Đích và chị Pécgôti già thân yêu (lúc này chị làm người coi sóc cửa nhà). Cô tôi rất vui vẻ khi chúng tôi bắt đầu điềm tĩnh kể lại câu chuyện tôi gặp ông Silíp và cái kỷ niệm ông ta còn giữ về cô tôi. Chị Pécgôti và cô tôi có nhiều chuyện để nói với tôi về ông chồng thứ hai của bà mẹ tội nghiệp của tôi. Còn về cái thứ "bà cô giết người" kia thì dù có bị trừng phạt hay bị cực hình, nhất định cô tôi cũng không gọi cô ta bằng họ, bằng tên hay bằng bất kỳ cách gọi nào khác.

---

[1] Nhắc đến một câu chuyện ở trong "Một nghìn lẻ một đêm", trong đó hai người chị ghen với số phận người em gái.

Chương LX
ÁCNÉT

Khi chỉ còn lại cô tôi và tôi, chúng tôi nói chuyện đến khuya. Chúng tôi bàn với nhau về nhiều chuyện: những người xuất dương mấy lâu nay chỉ gửi về nhà những bức thư đầy hy vọng và vui vẻ; ông Micôbơ lúc này đã gửi về nhiều số tiền nhỏ để trang trải cái ông gọi là "những khó khăn về kinh tế" và ông đã giải quyết điều này một cách nghiêm túc giữa người với người; chị Janét sau khi quay lại phục vụ cô tôi khi cô tôi trở về Đôvơ, cuối cùng đã thôi không từ bỏ nhân loại và lấy một ông chủ quán buôn bán phát tài; và cuối cùng cô tôi đã chuẩn y nguyên tắc ấy bằng cách đến giúp đỡ và đến dự lễ cưới. Đó là một vài đầu đề về những câu chuyện của chúng tôi, những chuyện này ít nhiều cũng quen thuộc đối với tôi do những bức thư tôi đã nhận. Cũng như thường lệ, ông Đích không bị bỏ quên. Cô tôi báo cho tôi biết ông luôn luôn sao chép tất cả những gì ông bắt gặp và bằng lối làm việc giả vờ như vậy ông đã khiến cho vua Sáclơ đệ nhất đứng cách xa một khoảng cách đáng kính và một niềm vui chủ yếu và một phần thưởng chủ yếu nhất trong đời của cô tôi là thấy ông sống tự do và sung sướng chứ không phải chết mòn chết héo trong tình trạng bị giam giữ ảm đạm; và cô tôi kết luận với một câu dường như đột ngột rằng ngoài cô ra không ai biết giá trị của ông.

"Thế nào Trốt", cô tôi nói, vuốt ve sống bàn tay tôi trong khi chúng tôi vẫn ngồi trước ngọn lửa như xưa, "khi nào cháu định đến Cantơbơri đấy?"

"Cô ạ, cháu sẽ kiếm một con ngựa và ngày mai sẽ đến đấy. Nhưng cô phải đi với cháu cơ".

"Không", cô tôi nói với cái lối ngắn gọn và đột ngột của mình. "Cô không muốn đi đâu cả".

"Thế thì cháu sẽ đi ngựa", tôi nói. Tôi nói thêm tôi không thể nào đi qua Cantơbơri hôm ấy mà không dừng lại nếu như vấn đề chỉ là đến thăm Ácnét mà thôi.

Cô tôi hài lòng đáp:

"Hèm! Trốt ạ, xương của cô già rồi nhưng cô còn có thể sống đến mai!"

Và cô tôi lại vuốt bàn tay tôi dịu dàng trong khi tôi trầm ngâm nhìn ngọn lửa.

Tôi trầm ngâm bởi vì một lần nữa ở gần Ácnét thế nào tôi cũng cảm thấy những nỗi thương tiếc bấy lâu vẫn làm tôi băn khoăn bỗng sống lại trong lòng. Có thể đó là những hối tiếc đã dịu đi vì nó dạy tôi thấy tôi đã quên không biết rút bài học, khi tất cả cuộc đời trẻ trung đang hiện ra trước mắt tôi, nhưng dẫu sao đó cũng vẫn là những hối tiếc. "Ồ! Trốt", tôi dường như nghe cô tôi nói lại lần nữa (và bây giờ tôi hiểu cô tôi hơn) mấy chữ "mù quáng, mù quáng!".

Tôi và cô tôi im lặng mấy phút. Khi ngước mắt lên tôi nhận thấy cô tôi đang nhìn tôi chăm chú. Có lẽ cô tôi đã theo dõi ý nghĩ của tôi, bởi vì tôi cảm thấy theo dõi nó cũng dễ thôi mặc dầu trước kia nó rất tự do phóng túng.

Cô tôi nói:

"Cháu sẽ thấy rằng ông Uýchcơphin tuy là một cụ già tóc bạc nhưng về tất cả những mặt khác thì lại là một người khá hơn và khác trước nhiều. Và cháu sẽ không thấy ông ấy đo tất cả những dục vọng, những niềm vui và những nỗi đau khổ của con người bằng cái thước nhỏ tội nghiệp của ông ấy chỉ dài một gang. Khi lấy cái thước như vậy mà đo thì những tình cảm ấy trở thành nhỏ bé đi rất nhiều".

"Đúng thế cô ạ", tôi nói.

"Cháu cũng sẽ thấy", cô tôi nói tiếp, "rằng cô ấy vẫn tốt, vẫn đẹp vẫn hăng hái vẫn vị tha như xưa.

Ô! Trốt ạ. Nếu cô biết một lời khen ngợi cao quý hơn thì cô sẽ dành cho cô ấy".

Không lời khen nào cao quý hơn đối với nàng; không lời trách móc nào nặng nề hơn đối với tôi. Tôi đã đi lạc quá xa mất rồi!

"Nếu như cô ấy giáo dục cho những cô gái chung quanh giống như cô", cô tôi nói một cách nhiệt tình đến nỗi những giọt lệ rưng rưng ở khóe mắt, "thì quả cuộc đời của cô ấy đã được dùng đúng chỗ. Có ích và sung sướng, như cô ấy nói hôm ấy! Làm sao cô ấy lại không có ích và không sung sướng kia chứ?"

"Ácnét đã có…?" Tôi nghĩ rất rõ nhưng không nói nên lời.

"Cái gì?" Thế nào, có cái gì?" Cô tôi hỏi tôi giọng sốt sắng.

"Có người yêu?" Tôi nói.

"Có hàng chục!" Cô tôi kêu lên với vẻ tự hào phẫn nộ. "Con ạ cô ta có thể lấy chồng hai mươi lần rồi kể từ ngày con ra đi".

"Đúng thế", tôi nói. "Đúng thế nhưng có người nào xứng với cô ấy không? Ácnét không thể nào yêu người nào khác".

Cô tôi ngồi trầm ngâm một lát tay chống cằm, đoạn chậm rãi ngước mắt nhìn vào mắt tôi, nói:

"Trốt ạ, cô có cảm tưởng rằng cô ấy có thiện cảm đối với một người".

"Thiện cảm ấy có lớn không?" tôi nói.

"Trốt", cô tôi đáp lời tôi giọng nghiêm nghị, "cô không thể nói điều đó được. Cô không có quyền nói với cháu như vậy. Ácnét không bao giờ tâm sự với cô nhưng cô cảm thấy thế".

Cô tôi nhìn tôi chăm chú và băn khoăn (thậm chí tôi thấy cô tôi run lên. đến nỗi hơn bao giờ hết tôi thấy cô tôi đã đoán được những ý nghĩ gần đây của tôi. Vì vậy cho nên tôi ôn lại tất cả những quyết định mà tôi đã có trong bao ngày bao đêm và tất cả những cuộc vật lộn trong tim tôi.

"Nếu như thế", tôi nói, "thì cháu hy vọng".

"Cô không biết chắc", cô tôi nói nhát gừng. "Cháu không được để những ngờ vực của cô dẫn dắt. Cháu nên giữ kín điều này. Có lẽ nó rất mong manh. Cô không có quyền nói điều đó".

"Nếu như thế" tôi nói, "Ácnét sẽ nói với cháu khi nào cô ấy muốn. Một người em gái mà cháu đã tâm sự nhiều như vậy, cô ạ chắc cháu sẽ không ngần ngại tâm sự với cô ấy.

Cô tôi chậm rãi quay mặt đi như đã chậm rãi nhìn tôi và lấy tay che mặt có vẻ trầm ngâm. Lát sau, cô tôi đặt bàn tay kia lên vai tôi và hai người ngồi yên nhìn quá khứ không nói thêm một lời, cho đến khi chúng tôi chia tay đi ngủ.

Sáng hôm sau, tôi lên ngựa ra đi từ sáng sớm, đến nơi ngày xưa tôi vẫn học. Tôi không thể nói rằng tôi hoàn toàn sung sướng hy vọng thắng được mình, ngay khi nghĩ rằng lát nữa tôi sẽ được gặp lại nàng.

Chỉ lát sau là tôi đi qua con đường quen thuộc và bước vào con đường lặng lẽ mà đối với tôi mỗi phiến đá là một quyển sách vỡ lòng. Tôi đi chậm đến ngôi nhà thờ cổ kính nhưng khi tôi đi qua thì tim tôi tràn đầy cảm xúc nên không thể bước vào. Tôi quay lại và lúc đi qua nhìn cái cửa thấp ở đấy trước kia là Uria Híp và sau là ông Micôbơ vẫn thường làm việc, tôi thấy căn phòng lúc này là một phòng khách nhỏ và không có bàn giấy ở đấy. Ngoài điều đó ra, ngôi nhà cổ kính lặng lẽ, vẫn sạch sẽ và ngăn nắp hệt như khi tôi thấy nó lần đầu. Chị đầy tớ gái là một người mới. Tôi nhờ chị nói với cô

Uýchcơphin rằng có một người đến thăm cô thay mặt cho một người bạn hiện nay ở nước ngoài và chị đưa tôi lên cái cầu thang trang nghiêm cổ kính ngày xưa (chị bảo tôi đề phòng cẩn thận những bậc thang mà tôi biết rất rõ) vào cái phòng khách không hề mảy may thay đổi. Những quyển sách mà Ácnét và tôi cùng nhau đọc vẫn ở trên giá và cái bàn viết ở đấy tôi đã làm việc trong bao buổi chiều trong khi làm những bài tập vẫn đứng đấy, cạnh cái góc bàn quen thuộc. Tất cả những thay đổi nhỏ đã được lén lút đưa vào trong khi mẹ con Híp ở đấy đều được thay đổi lại. Tất cả đều được sắp đặt lại hệt như thời xưa hạnh phúc.

Tôi đứng trước một cửa sổ và nhìn qua đường phố cổ kính ngắm những ngôi nhà bên kia đường, hồi tưởng lại tôi đã ngắm chúng như thế nào trong bao buổi chiều mưa rơi tầm tã, trong những ngày đầu tiên tôi ở đấy. Tôi nhớ lại tôi vẫn thường dự đoán về những người xuất hiện ở mỗi cửa sổ vào theo dõi họ khi họ lên xuống các cầu thang, khi những người đàn bà bước đi lóc cóc trên nền đường và mưa rơi đổ xuống thành những đường xiên, nước mưa chạy dọc theo các máng và xối xuống nền đường. Tôi nhớ lúc bấy giờ tôi thường ngắm những người đi lang thang lúc họ bước vào thành phố trong những buổi hoàng hôn ẩm ướt, thất thểu đi qua đầu gậy treo cái ba lô lủng lẳng sau lưng, ấn tượng ấy lại xuất hiện với tất cả vẻ tươi mát của nó, đượm mùi đất ướt, mùi lá dã tường vi ẩm ướt và tôi cảm thấy dường như những ngọn gió ngày xưa trong cuộc hành trình vất vả nay lại thổi vào người tôi.

Cánh cửa nhỏ ở trong cái tường bằng gỗ ghép mở ra làm tôi giật mình quay lại. Đôi mắt trong trẻo xinh đẹp của nàng gặp đôi mắt của tôi khi nàng đến với tôi. Nàng dừng lại giơ một bàn tay lên ngực và tôi ôm lấy nàng.

"Ácnét, cô bé! anh đến đột ngột".

"Không không, anh Trốtút, em rất vui sướng được gặp anh".

"Ácnét thân mến, Anh thật sung sướng được gặp lại em".

Tôi ôm ghì nàng vào tim và hai người im lặng. Lát sau, chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau và gương mặt thiên thần của nàng quay về phía tôi với vẻ niềm nở như tôi đã hằng mơ ước bao năm trời khi mơ cũng như khi tỉnh.

Nàng chân thành quá, xinh đẹp quá và tốt quá, tôi cảm thấy hàm ơn nàng nhiều quá, nàng thân mật với tôi đến nỗi tôi không có cách nào biểu lộ đến điều tôi cảm thấy. Tôi cầu nguyện Chúa phù hộ nàng, tìm cách cảm ơn nàng, nói với nàng (như tôi đã nhiều lần nói trong thư) rằng nàng có ảnh hưởng tốt đối với tôi như thế nào nhưng tất cả những cố gắng của tôi đều vô ích. Tình yêu và niềm vui của tôi trở thành câm lặng.

Với cái vẻ dịu dàng êm ả đặc biệt của nàng, làm cho những nỗi xúc động của tôi lắng xuống, nàng kéo tôi về thời gian chúng tôi chia tay. Nàng nói với tôi về Emili mà nàng đã nhiều lần đến thăm một cách bí mật; nàng nói với tôi một cách âu yếm về ngôi mộ của Đôra. Với cái bản năng không chút sai lầm của con tim cao quý của nàng, nàng làm những sợi dây của ký ức tôi rung lên nhẹ nhàng và nhịp nhàng đến nỗi không một sợi dây nào ở trong tôi bị rè đi. Tôi có thể nghe điệu nhạc buồn bã và xa xôi ấy và không muốn rời khỏi bất kỳ kỷ niệm nào nó đã gợi nên. Làm sao tôi lại có thể lẩn trốn khi tôi thấy hình bóng của vị thiên thần của đời tôi xen lẫn vào tất cả?

"Còn em, Ácnét", cuối cùng tôi nói, "Em hãy nói với anh về em, em hầu như không nói cho anh biết chút gì về em trong thời gian ấy cả".

"Em biết nói gì với anh?" Nàng đáp lại với nụ cười rạng rỡ. "Ba khỏe mạnh. Anh sẽ thấy ba ở đây trong nhà; những lo lắng của chúng em đã hết, và em đã thấy hạnh phúc gia đình: Và khi biết điều đó

anh Trốtút ạ, anh biết tất cả rồi đấy!"

"Có thế thôi Ácnét", tôi hỏi.

Nàng nhìn tôi trên gương mặt lộ vẻ ngạc nhiên và xúc động.

"Thế không còn gì nữa à, cô em?"

Đôi má nàng lúc này tái đi lại ửng hồng rồi lại tái đi. Nàng mỉm cười buồn bã và lặng lẽ (tôi có cảm tưởng như vậy) rồi lại lắc đầu. Tôi cố gắng kéo nàng về câu chuyện mà cô tôi đã nói bóng gió; bởi vì dù cho tôi sẽ rất khổ tâm khi nghe lời tâm sự này, tôi vẫn phải làm chủ con tim tôi, làm tròn bổn phận của tôi đối với nàng. Nhưng tôi thấy nàng lúng túng và tôi không nhấn mạnh. Tôi hỏi.

"Ácnét, em có phải làm nhiều không?"

"Ở trường học của em ấy à?" Nàng nói lại ngước mắt nhìn với vẻ bình thản rạng rỡ.

"Đúng thế, công việc chắc vất vả lắm nhỉ".

"Công việc thú vị lắm", nàng đáp, "nếu như em có thể nói đó là công việc thì cũng hơi tệ bạc đấy".

"Không có việc gì tốt đẹp mà lại khó khăn đối với cô em cả", tôi nói.

Đôi má nàng lại ửng đỏ rồi màu đỏ lại tan đi lần nữa, và một lần nữa khi nàng cúi đầu xuống tôi lại thấy nụ cười buồn buồn ngày xưa.

"Anh sẽ đợi và gặp ba", nàng nói với tôi vui vẻ và sẽ ở đây suốt ngày với chúng em nhé. Anh sẽ ngủ trong phòng của anh chứ? Chúng em vẫn gọi đó là căn phòng của anh".

Tôi nói với nàng, tôi không thể làm điều đó được, bởi vì tôi đã hứa trở về nhà cô tôi lúc buổi tối; nhưng tôi vui sướng nhận lời ở lại đấy trong lúc ban ngày.

"Em phải bị cầm tù một lát", Ácnét nói, "nhưng đây là những quyển sách ngày xưa anh Trốtút, và những bản nhạc ngày xưa".

"Cả những bông hoa ngày xưa cũng ở đây nữa", tôi nói đưa mắt nhìn quanh "hay là những bông hoa cùng loại với những bông hoa ngày xưa".

"Em cảm thấy thích", Ácnét nói mỉm cười, "rằng trong khi anh vắng mặt, em giữ mọi vật như khi chúng ta còn nhỏ. Bởi vì lúc bấy giờ chúng ta rất sung sướng, em nghĩ như vậy".

"Phải đấy, quả thực chúng mình rất sung sướng!" Tôi nói.

"Và tất cả những vật nhỏ bé nào nhắc em nhớ đến người anh của em", Ácnét nói đưa mắt nhìn tôi với cặp mắt vui vẻ thân mật, "đều là những người bạn thú vị. Ngay cả cái này nữa, nàng nói và chỉ cái túi bằng trúc đựng chìa khóa vẫn buộc vào thắt lưng với tiếng kêu lanh tanh của nó, đối với em vẫn có vẻ như là một điệu nhạc ngày xưa".

Nàng lại mỉm cười và bước qua cái cửa mà nàng đã mở để bước vào.

Tôi thấy mình cần bảo vệ chăm chút thiêng liêng tình yêu của người em gái. Đó là tất cả cái gì còn lại đối với tôi, và đó là một kho tàng. Nếu tôi làm lung lay những nền móng của lòng tin cậy thiêng liêng đã khiến cho tôi có được tình yêu ấy thì tình yêu sẽ mất đi và không bao giờ lấy lại được. Tôi cho ý nghĩ ấy là quan trọng hơn hết. Càng yêu Ácnét, tôi càng phải lo sao đừng quên điều đó.

Tôi đi dạo ngoài phố và sau khi một lần nữa nhìn lại anh hàng thịt địch thủ ngày xưa (bây giờ anh ta là một cảnh sát tự nguyện với cái dùi cui treo lủng lẳng trong cửa hiệu), tôi đến nơi tôi đã đánh nhau với anh ta và ở đấy tôi nghĩ đến cô Sephớt và cô chị cả của các cô Lackin, nghĩ đến tất cả những tình

yêu những ham thích bông lông và những ác cảm ngày xưa. Chỉ có một mình Ácnét đối với tôi dường như là còn sống sót qua thời gian ấy, và bao giờ nàng cũng giống hệt như một ngôi sao trên đầu tôi, ngày càng cao, ngày càng sáng.

Khi tôi quay lại, ông Uýchcơphin đã đi thăm vườn về, vườn này cách thành phố độ hai dặm. Ngày nào ông cũng chăm sóc nó. Tôi thấy ông đúng như cô tôi miêu tả. Chúng tôi ngồi quanh bàn ăn trong bữa ăn chiều cùng với sáu cô gái nhỏ và ông có vẻ chỉ là cái bóng của bức chân dung xinh đẹp của ông treo tường.

Cảnh yên tĩnh và lặng lẽ xưa kia mà trong ký ức tôi bao giờ cũng gắn liền với ngôi nhà êm ả này bây giờ lại hiện ra. Ăn xong, vì ông Uýchcơphin không uống rượu, và chúng tôi cũng không muốn uống, tất cả chúng tôi lên gác ở đấy Ácnét và mấy cô học trò nhỏ hát và làm việc. Sau khi uống trà, những đứa trẻ từ giã chúng tôi và ba chúng tôi nói chuyện về những ngày qua.

"Vai trò của tôi lúc bấy giờ", ông Uýchcơphin nói lúc lắc cái đầu bạc phơ, "đã để lại cho tôi nhiều hối tiếc sâu sắc… những hối tiếc sâu sắc và một niềm ăn năn đau đớn. Nhưng tôi không muốn xóa bỏ cái quá khứ ấy nếu như tôi có thể làm được".

Tôi không ngờ vực điều đó khi nhìn thấy gương mặt của cô gái thân yêu ở bên cạnh ông, ông nói thêm: "Vì nếu làm như thế, tôi cũng sẽ xóa bỏ bao nhiêu kiên nhẫn hy sinh tận tụy và lòng hiếu thảo mà tôi không có quyền quên, không!… Dù tôi muốn quên quá khứ của tôi".

"Cháu hiểu bác lắm", tôi nói giọng dịu dàng trìu mến. "Từ trước đến nay… bao giờ cháu cũng nhìn những tình cảm ấy với tấm lòng kính trọng".

"Nhưng không biết ai, ngay cả anh nữa", ông đáp, "tất cả những điều cháu nó đã làm, tất cả những điều cháu nó đã chịu đựng, tất cả cuộc đấu tranh gian khổ cháu nó đã phải tiến hành, cháu Ácnét của tôi."

Nàng đã đặt bàn tay lên cánh tay ông có vẻ van lơn để ông đừng nói nữa và mặt nàng tái hẳn đi.

"Thôi, thôi!" Ông nói, thở dài. Và tôi hiểu ông giữ kín một thử thách nào đó mà nàng đã chịu đựng và còn phải chịu đựng, và thử thách ấy liên quan đến những điều ngờ vực của cô tôi. "Tôi chưa bao giờ nói cho anh biết về mẹ cháu, anh Trốt ạ. Có người nào đã nói cho anh biết không?"

"Thưa bác không ạ."

"Ồ! không có gì đâu… mặc dầu tôi đã đau khổ nhiều về điều đó. Nhà tôi đã lấy tôi trái với ý muốn của ông cụ thân sinh và ông cụ thân sinh đã từ bỏ nhà tôi. Nhà tôi đã cầu khẩn ông cụ tha lỗi cho nhà tôi trước khi sinh cháu Ácnét. Nhưng ông cụ là người rất cứng rắn và mẹ cháu đã chết từ lâu. Ông cụ đã ruồng bỏ mẹ cháu, ông cụ đã làm cho tim mẹ cháu tan nát".

Ácnét dựa lên vai ông và đưa một cánh tay ôm lấy cổ ông.

"Nhà tôi là người có con tim dịu hiền và yêu chồng", ông nói, "và con tim ấy đã tan vỡ. Tôi biết rất rõ bản chất yếu đuối của nhà tôi. Còn ai biết rõ nhà tôi hơn tôi nữa? Nhà tôi yêu tôi lắm, nhưng không bao giờ sung sướng. Nhà tôi vẫn đau khổ thầm kín về nỗi bất hạnh này; và vì nhà tôi yếu và tuyệt vọng khi bị ruồng bỏ lần cuối cùng (bởi vì lần này hoàn toàn không phải lần đầu) nên nhà tôi đã héo hắt đi và chết. Nhà tôi để lại cho tôi cháu Ácnét mười hai tuần lễ và mớ tóc bạc mà anh còn nhớ đã thấy lần đầu tiên khi anh đến đây".

Ông hôn lên má Ácnét.

"Tình yêu của tôi đối với đứa con yêu quý của tôi là một tình yêu ốm yếu, nhưng tất cả trí óc tôi

lúc bấy giờ cũng ốm yếu. Thôi đừng nhắc đến chuyện ấy nữa. Tôi không muốn nói với anh về tôi, anh Trốtút ạ, mà nói về mẹ nó và cháu nó. Nếu tôi cho anh cái chìa khóa để mở điều bí ẩn của tôi ngày trước cũng như bây giờ thì tôi biết rằng tất cả đối với anh sẽ rất rõ ràng. Tôi không cần nói với anh rằng cháu Ácnét là người thế nào. Bao giờ tôi cũng thấy trong tính cách của nó một phần câu chuyện của người mẹ tội nghiệp của nó và vì vậy cho nên tôi kể lại chuyện ấy cho anh nghe trong khi ba chúng ta lại gặp nhau sau những thay đổi to lớn như vậy. Tôi đã nói với anh tất cả rồi đấy".

Cái đầu người cha cúi xuống, gương mặt thiên thần và lòng tận tụy hiếu thảo của người con gái làm cho câu chuyện càng thêm xúc động hơn. Nếu như tôi cần có một kỷ niệm gì để đánh dấu buổi tối hôm nay chúng tôi gặp nhau thì tôi đã tìm thấy nó ở việc này.

Ácnét lát sau đứng dậy rời khỏi người cha đoạn lặng lẽ đến cạnh chiếc đàn dương cầm chơi vài điệu nhạc quen thuộc chúng tôi vẫn thường nghe ở nơi này.

"Anh có ý định lại đi nữa không?" Ácnét hỏi tôi trong khi tôi đứng bên cạnh nàng.

"Cô em của anh bảo thế nào?"

"Em hy vọng anh không đi".

"Thế thì anh sẽ không đi, Ácnét ạ".

"Anh Trốtút ạ, bởi vì anh hỏi em, em nghĩ rằng anh không nên đi nữa", nàng bảo tôi với giọng ôn tồn. Danh tiếng và sự thành công ngày càng tăng của anh làm tăng thêm khả năng làm việc tốt của anh, nếu như em có thể không cần đến người anh của em", nàng kết luận, mắt đăm đăm nhìn tôi, "thì có lẽ thời đại chúng ta không thể không cần đến anh".

"Chính em đã làm cho anh được như thế này, Ácnét ạ. Em phải biết điều đó hơn ai hết".

"Em đã làm anh thành như thế này à, anh Trốtút?"

"Đúng thế, Ácnét cô bạn nhỏ bé của anh!" Tôi nói cúi đầu về phía nàng. "Sáng nay khi chúng mình gặp lại nhau anh đã định nói với em điều đó một điều đã làm trí óc em suy nghĩ từ khi Đôra chết đi. Chắc hẳn em còn nhớ lúc em bước xuống cạnh anh ở trong cái phòng khách nhỏ bé của chúng ta… ngón tay chỉ lên trời, Ácnét?"

"Ồ! Anh Trốtút", nàng đáp và đôi mắt nàng giàn giụa. "Chị ấy thực dễ thương, ân cần và trẻ như thế! Em làm sao có thể quên được?"

"Từ đây anh vẫn thương nhớ, đối với anh, trước sau bao giờ em cũng là con người như thế. Bao giờ em cũng chỉ cho anh thấy bầu trời, Ácnét ạ bao giờ em cũng đưa anh đến những điều tốt đẹp hơn, luôn luôn thúc đẩy anh làm những việc cao quý hơn."

Nàng chỉ lắc đầu. Qua những giọt nước mắt tôi lại thấy lại nụ cười êm ả và buồn buồn của nàng.

"Anh rất cảm ơn em, Ácnét ạ, anh yêu quý em đến nỗi anh không biết lấy chữ gì để nói mối tình của anh đối với em. Anh muốn rằng em biết nhưng anh không biết làm sao nói với em được rằng suốt đời anh sẽ ngước mắt nhìn em để em dẫn dắt anh như anh đã làm qua bóng tối của thời quá khứ. Dù có việc gì xảy ra đi nữa, dù em có thể có những mối liên hệ nào nữa, dù có thể xảy ra những sự thay đổi gì giữa chúng ta, bao giờ anh cũng nhớ quay mặt về em và sẽ yêu em như anh yêu bao giờ và như xưa nay anh vẫn yêu. Bao giờ em sẽ là nơi an ủi và ẩn náu của tâm hồn anh như xưa nay vẫn thấy cho đến khi chết, người em gái thân yêu nhất của anh, bao giờ anh cũng sẽ thấy em đứng trước mặt anh, ngón tay giơ lên trời!"

Nàng đặt bàn tay trong bàn tay tôi và bảo tôi rằng rất tự hào về tôi, về điều tôi đã nói mặc dàu nàng

không xứng đáng chút nào với lời ca ngợi. Đoạn nàng tiếp tục chơi đàn nhưng mắt vẫn không rời tôi.

"Ácnét, em có biết rằng điều anh biết được chiều nay dường như là một phần của cái cảm giác mà anh đã có khi anh thấy em lần đầu và anh luôn cảm thấy điều đó khi anh ở bên cạnh em trong cuộc đời học sinh dại dột".

"Anh biết rằng em không có mẹ", nàng bảo tôi miệng nở một nụ cười, "và anh dịu dàng đối với em".

"Không phải chỉ có thế đâu Ácnét ạ! Anh đã hiểu cũng gần đầy đủ như anh đã hiểu câu chuyện này rằng ở em có cái gì dịu dàng và hết sức trìu mến, một cái gì có thể là hơi buồn ở một người nào khác" (và bây giờ tôi hiểu tại sao lại thế) "nhưng ở em thì không phải".

Nàng vẫn tiếp tục chơi đàn khe khẽ và vẫn ngước mắt nhìn tôi.

"Em có cười những ý nghĩ ngông cuồng ấy của anh không?"

"Không."

"Em có cười nếu anh bảo em rằng ngay cả lúc ấy anh đã thành thực cảm thấy em đã trung thành trong tình cảm của mình bất chấp mọi thất vọng, và không bao giờ thôi mãi cho đến khi chết… Em có cười rằng anh đã nghĩ vớ vẩn như thế không?"

"Ồ, không! Ồ, không!"

Trong giây lát một áng mây buồn dường như lướt qua gương mặt nàng, nhưng trước khi áng mây ấy làm tôi giật mình thì nó đã biến mất. Và nàng lại chơi dương cầm và nhìn tôi với nụ cười bình thản đặc biệt của nàng. Khi đi ngựa trở về trong đêm tối cô độc, nghe tiếng gió thổi bên cạnh tôi như một kỷ niệm bị xáo động, tôi nghĩ đến điều ấy và tôi sợ nàng không sung sướng. Tôi cũng không sung sướng; nhưng cho đến giờ tôi đã kiên quyết đoạn tuyệt với quá khứ và trong khi nhớ hình ảnh nàng giơ ngón tay lên trời, tôi nghĩ rằng nàng đã chỉ cho tôi thấy bầu trời ở trên đầu tôi, ở đây trong cái bí ẩn của cuộc đời sẽ đến, tôi vẫn còn có thể yêu nàng với một tình yêu trên trái đất này không ai biết đến, và nói cho nàng biết tôi đã phải đấu tranh như thế nào khi tôi yêu nàng ở trên trái đất này.

Chương LXI
NGƯỜI TA CHỈ CHO TÔI THẤY HAI TÊN TÙ ĐÁNG CHÚ Ý

Trong một thời gian - ít nhất cho đến khi tôi viết xong quyển sách, và việc này kéo dài nhiều tháng - tôi quyết định ở lại ngôi nhà của cô tôi ở Đôvơ; và ngồi trước cửa sổ. Ở đấy, tôi đã từng nhìn ánh trăng lấp lánh trên mặt biển khi lần đầu tiên tôi ấn náu dưới mái nhà này và tôi lặng lẽ tiếp tục công việc của mình.

Vì theo đuổi ý định chỉ nói đến những quyển tiểu thuyết của tôi nếu như số phận của nó gắn liền ngẫu nhiên với sự diễn biến của đời tôi, cho nên tôi sẽ không nói chi tiết đến những khát vọng, những vui sướng, lo âu và những thành công trong nghệ thuật của mình. Tôi đã nói rằng tôi đã say sưa để tất cả tâm trí và đã dành cho nó tất cả nghị lực của tâm hồn. Nếu như những quyển tiểu thuyết tôi viết ra có một giá trị nào đó thì chúng sẽ bổ sung phần còn lại. Nếu không, tôi sẽ đạt đến một kết quả tồi và cái phần còn lại này sẽ chẳng làm ai chú ý.

Thỉnh thoảng tôi đến Luân-đôn để ngập mình vào cuộc sống nhốn nháo ở thủ đô hay để hỏi thăm Trátđơn về một công việc nào đó. Trong khi tôi vắng mặt, cậu lo lắng đến công việc của tôi một cách rất khôn ngoan và kinh tế của tôi phát đạt. Vì danh tiếng tôi bắt đầu khiến tôi nhận nhiều bức thư của những người không bao giờ quen biết (thường thường những bức thư này không nói đến việc gì cả và rất khó trả lời) nên tôi đồng ý với Trátđơn về việc viết tên tôi ngoài cửa phòng cậu. Người đưa thư tận tụy của khu phố để ở đây những gói thư gửi cho tôi và thỉnh thoảng tôi đến giở thư xem như một ông Bộ trưởng Nội vụ… nhưng không có lương.

Trong những thư từ này thỉnh thoảng thấy lọt vào một đề nghị lễ phép của một trong số những người ăn bám luôn luôn rình mò ở Pháp-viện; họ muốn mượn cái tên tôi (nếu như tôi làm những thủ tục cuối cùng để trở thành một biện hộ sỹ) để làm việc, rồi trả cho tôi một tỷ lệ nhất định về số tiền lời. Nhưng bao giờ tôi cũng không chấp nhận đề nghị ấy bởi vì tôi đã biết ở Pháp-viện có quá nhiều những luật sư mạo tên như vậy và đã có quá nhiều sự hủ bại không cần tôi phải làm cho nó thêm xấu xa.

Các cô chị em gái của Trátđơn đã trở về nhà khi tên tôi bỗng nhiên hiện lên trên cánh cửa Trátđơn, và người ta cảm thấy rằng anh hầu phòng ranh mãnh dường như suốt ngày chưa bao giờ nghe nói đến Xôphi, trong khi Xôphi bị giam hãm ở trong một căn phòng ở sau nhà đang làm công việc của mình, đôi mắt cúi xuống nhìn ra một mẩu vườn đen mùi bồ hóng với một cái bơm. Nhưng bao giờ tôi cũng thấy nàng ngồi đấy; nàng vẫn là bà nội trợ tươi tắn và thường nghêu ngao một bài dân ca của xứ Đêvon khi không nghe tiếng chân người bước lên cầu thang; và điệu hát làm anh chàng tinh ranh ngồi trong phòng làm việc của mình ngẩn cả người.

Lúc đầu tôi tự hỏi tại sao tôi hay thấy Xôphi loay hoay viết trên một quyển vở, tại sao bao giờ nàng cũng gấp vở lại khi tôi xuất hiện và vội vã nhét nó vào ngăn kéo bàn. Nhưng điều bí mật này chẳng bao lâu được phát hiện. Một buổi chiều, Trátđơn vừa ở tòa án về dưới trời mưa nhỏ lẫn lộn với tuyết, cậu rút từ bàn giấy ra một tờ giấy và hỏi tôi xem chữ viết như thế nào.

"Ồ! Anh Tôm đừng làm thế!" Xôphi kêu lên trong khi hơ đôi giầy của chồng trước ngọn lửa.

"Tại sao lại không hở em", Trátđơn nói có vẻ say sưa. "Copơphin cậu xem chữ viết này như thế nào?"

"Nó rất hợp với phong cách tòa án và đúng quy tắc lắm", tôi nói, "mình có cảm tưởng chưa bao giờ thấy chữ ai viết rắn rỏi như thế đấy".

"Nó không giống chữ viết của đàn bà chứ?" Trátđơn nói:

“Chữ đàn bà à!” Tôi nói, “Thà cậu nói gạch và vôi vữa giống chữ đàn bà còn dễ nghe hơn!”

Trátđơn phá lên cười đắc chí, và bảo tôi rằng đó là chữ của Xôphi. Xôphi đã tuyên bố nhiều lần rằng chẳng bao lâu nữa Trátđơn cần một nhân viên sao chép và nàng sẽ là nhân viên ấy. Nàng đã học lối viết này theo một cái mẫu và có thể viết nó dễ dàng… không biết mấy trang khổ rộng trong một giờ. Xôphi bẽn lẽn khi cậu kể cho tôi tất cả chuyện ấy và nói rằng khi “Tôm” được bổ nhiệm quan tòa, thì cậu sẽ không vội vã kể lại chuyện này như thế. Nhưng Tôm bác bỏ điều đó, nói rằng trong bất cứ trường hợp nào cậu cũng tự hào như vậy về điều đó.

“Cậu có một bà vợ xinh và tốt quá, Trátđơn ạ!” Tôi nói khi nàng đã đi khỏi cười khanh khách.

“Copơphin ạ”, Trátđơn đáp, “cố nhiên đó là cô gái dễ thương nhất đời. Cô coi việc nhà giỏi lắm! Đúng đắn, khoa học, tiết kiệm, vui vẻ, Copơphin ạ”.

“Cậu có đủ lý do để ca ngợi cô ấy”, tôi đáp. “Cậu là một anh chàng sung sướng. Mình nghĩ rằng hai người làm cho nhau sung sướng nhất đời”.

“Mình cũng tin chắc rằng chúng mình là hai đứa sung sướng nhất”, Trátđơn đáp. “Bất kỳ thế giới nào đi nữa, mình cũng tin như vậy. Trời ơi, khi mình thấy vợ mình thức dậy lúc còn đỏ đèn những buổi sáng mùa đông âm u, lo chăm sóc cửa nhà, đi chợ trước khi các nhân viên đến Grây in, không bao giờ để ý đến thời tiết, dọn những bữa ăn tuyệt trần với những thức ăn đơn giản nhất, làm bánh pút-đinh và bánh ngọt, sắp đặt mọi việc ngăn nắp, bao giờ cũng tỏ ra xinh đẹp, gọn gàng, buổi tối ngồi thức với mình dù đến khuya, bao giờ cũng sẵn sàng vui vẻ khuyến khích mình và làm những điều đó vì mình, Copơphin ạ, quả thực có lúc mình không thể tin được”.

Cậu ta biểu lộ cả vẻ ân cần với chiếc giầy mà nàng vừa hơ lên ngọn lửa và trong khi xỏ giầy, cậu khoái trá duỗi chân trên cái giá để củi.

“Có lúc quả thực mình không sao tin được”, Trátđơn nói. “Lại còn những điều giải trí của chúng mình nữa! Mình nói thực đấy, nó chẳng tốn kém gì nhưng tuyệt diệu vô cùng. Khi chúng mình ở nhà buổi chiều và đóng cửa lại kéo cái rèm xuống (rèm do cô ấy làm). Chúng mình có thể tìm thấy nơi nào ấm cúng hơn nữa? Khi đẹp trời và chúng mình đi dạo chơi ở ngoài vào buổi chiều thì đường sá đầy những trò tiêu khiển. Chúng mình đưa mắt nhìn các tủ kính lấp lánh đồ vàng bạc và mình chỉ cho Xôphi thấy những con rắn có cặp mắt bằng kim cương quấn tròn trên những cái giường bằng sa tanh trắng muốt mà mình sẵn sàng mua cho cô ấy nếu như mình có tiền; còn Xôphi chỉ cho mình thấy những chiếc đồng hồ vàng có vỏ lại có những viên ngọc đỏ nạm vào, có hoa văn có mấy công tự và mọi thứ tiện lợi mà cô ấy sẽ mua cho mình nếu cô ấy có tiền. Chúng mình chọn những thìa, những nĩa, những con dao cắt cá, những con dao cắt bơ và những cái cặp để gắp đường mà cả hai người đều thích nếu chúng mình có cách gì mua được; và chúng mình ra đi cũng vui vẻ như đã mua rồi. Thế rồi, khi chúng mình đi dạo trên các quảng trường và các đường phố lớn và chúng mình thấy một ngôi nhà cho thuê, đôi khi chúng mình ngước mắt nhìn và cứ hỏi xem nó có thích hợp không khi mình được làm quan tòa. Thế rồi chúng mình xếp đặt: phòng này của chúng mình, phòng kia của các cô ấy và cứ thế cho đến khi chúng mình kết luận ngôi nhà này không thích hợp tùy theo trường hợp. Đôi khi chúng mình đi xem kịch mua vé rẻ ở dưới đất mà chỉ mùi thơm của nó cũng đáng giá số tiền của chúng mình rồi, và chúng mình đi ra bao giờ cũng thích thú về vở kịch, bởi vì Xôphi tin vào từng chữ từng lời cũng như mình vậy. Khi chúng mình đi bộ về, chúng mình có thể mua một khoanh nhỏ gì đó trong cửa hiệu đồ ăn, một con tôm hùm con con ở hàng cá và chúng mình đem về đây làm thành bữa ăn tối thịnh soạn vừa ăn vừa bàn về những điều chúng mình đã thấy. Này Copơphin cậu hiểu không, dù mình là thủ tướng đi nữa mình cũng không thể làm điều đó”.

“Dù cậu là một người nào đi nữa, Trátđơn ạ, bao giờ cậu cũng làm một điều gì dễ thương, đáng yêu. À! nhân tiện”, tôi nói to, “cậu không bao giờ vẽ những bộ xương người nữa chứ?”

“Thực ra”, Trátđơn nói mỉm cười và đỏ mặt, “mình không thể nào chối hoàn toàn rằng điều đó không bao giờ xảy ra với mình, Copơphin ạ, bởi vì hôm nọ tôi ngồi ở những hàng cuối cùng ở tòa án tối cao, tay cầm một cái bút mình bỗng nảy ra ý nghĩ xem mình còn giữ cái tài ấy nữa không. Và mình rất ngại mình còn giữ bộ xương mang tóc giả ở trên bàn này”.

Sau khi hai chúng tôi cười khoái trá, Trátđơn kết luận, mắt nhìn ngọn lửa, miệng mỉm cười, và nói với cái vẻ bao dung của mình đến cụ Críchcơn.

“Mình có một bức thư của thằng cha khốn kiếp kia”, tôi nói, bởi vì đối với tôi không bao giờ có thể tha thứ cho cái lối hắn đánh đập Trátđơn khi thấy cậu ta dễ dàng tha thứ cho hắn như vậy.

“Một bức thư của Críchcơn, ông thày học ấy à?” Trátđơn kêu lên. “Không có lẽ”.

“Trong số những người mà danh tiếng và tài sản của mình mỗi ngày một tăng thu hút họ, và bỗng nhiên vỡ nhẽ thấy rằng xưa nay họ rất gắn bó với mình, mình thấy có cái lão Críchcơn ấy”, tôi nói, mắt nhìn những bức thư. “Trátđơn ạ bây giờ lão không làm thày giáo nữa. Lão đã về hưu. Lão làm trưởng quan ở Mitđơnxếch”.

Tôi nghĩ rằng Trátđơn có lẽ sẽ ngạc nhiên khi nghe tin ấy, nhưng cậu ta lại không ngạc nhiên chút nào.

“Cậu làm sao có thể tin rằng lão làm trưởng quan ở Mitđơnxếch?” Tôi nói.

“Trời ơi!” Trátđơn đáp, “trả lời câu hỏi ấy thì khó lắm. Có lẽ hắn lão bỏ phiếu cho người nào đó hay cho một người nào đó vay tiền, hay mua một cái gì của một người nào đó, hay giúp một người nào bằng cách nào đó và người này quen biết một anh chàng nào đó đã làm cho người cầm đầu quận cho lão làm trưởng quan”.

“Dù thế nào đi nữa thì bây giờ lão cũng đã làm trưởng quan rồi và lão viết thư cho mình nói rằng lão rất sung sướng được chỉ cho mình thấy bằng hành động chế độ kỷ luật duy nhất đúng đắn ở trong các nhà tù; cách duy nhất làm cho những người tù thành thực hối hận và hối hận được lâu… như cậu biết, đó là cách nhốt vào xà lim. Cậu bảo thế nào?”

“Cậu hỏi mình về chế độ ấy à?” Trátđơn hỏi tôi giọng nghiêm nghị.

“Không, mình hỏi cậu về việc nhận lời mời và hỏi cậu có định đến đấy với mình không?”

“Mình thấy không có gì trở ngại cả”. Trátđơn nói.

“Thế thì mình sẽ viết thư trả lời cho lão. Chắc hẳn cậu còn nhớ (không nói đến việc lão đối xử với chúng mình) cách lão Críchcơn này đuổi con trai lão ra khỏi nhà và cậu còn nhớ lão bắt vợ và con gái sống như thế nào chứ?”

“Nhớ lắm”, Trátđơn nói.

“Ấy thế mà nếu cậu đọc bức thư của lão thì cậu sẽ thấy lão là con người dịu dàng nhất đối với các tù nhân bị giam vì mọi tội lỗi trên đời”, tôi nói; “nhưng mình không có cảm tưởng rằng lòng nhân từ của lão lại chiếu cố đến bất kỳ một hạng người nào”.

Trátđơn nhún vai không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào. Tôi cũng không chờ đợi cậu ta ngạc nhiên vì bản thân tôi cũng không ngạc nhiên chút nào; bởi vì nếu không, tôi sẽ là một người ít thấy những thực tế mỉa mai trong xã hội. Chúng tôi hẹn ngày đến thăm và tối hôm ấy tôi viết thư cho ông Críchcơn.

Đến ngày đã hẹn (tôi nhớ đâu vào ngày hôm sau nhưng điều đó không quan trọng), tôi và Trátđơn đến cái nhà tù ở đấy ông Críchcơn là ông chủ tuyệt đối. Đó là một ngôi nhà mênh mông và chắc chắn; xây dựng rất tốn kém. Khi tôi đến gần cửa, tôi không thể không nghĩ đến những tiếng hò hét ồn ào sẽ vang lên ở cái xứ sở này nếu có một người nào lại điên rồ đến nỗi đề nghị dùng nửa số tiền xây cái nhà tù này để dựng lên một cái trường học nghề cho những người trẻ tuổi hay một ngôi nhà dưỡng lão cho những ông già có công lao.

Trong một phòng giấy có thể đặt ở tầng cuối cùng của cái tháp Baben (bởi vì nó được xây dựng rất dầy) người ta giới thiệu chúng tôi với ông thầy học cũ. Ông ở vào một nhóm gồm có hai hay ba trưởng quan thuộc hạng bận rộn nhất và hai hay ba người khách mà họ đã đem đến. Ông đón tiếp tôi với tư cách người những năm xưa đã đào luyện tư tưởng cho tôi và vẫn yêu tôi tha thiết. Khi tôi giới thiệu Trátđơn, ông cũng nói năng theo lối ấy nhưng ít nhiệt tình hơn, tự cho xưa nay ông vẫn là người hướng dẫn, nhà triết gia và người bạn của Trátđơn. Ông thày đáng kính của chúng tôi già đi rất nhiều nhưng chẳng xinh đẹp hơn chút nào. Bộ mặt ông vẫn hung tợn như trước; đôi mắt ông vẫn ti hí nhưng lại còn sâu hoắm thêm. Mái tóc hoa râm lơ thơ và có vẻ ẩm ướt mà tôi còn nhớ đã biến đi gần hết và những gân to nổi lên trên cái trán hói cũng không vì thế mà dễ coi hơn. Tôi nghe thấy ông trao đổi với nhau một câu chuyện có thể khiến tôi tưởng rằng trên đời này không có gì quan trọng bằng đời sống đầy đủ tiện nghi nhất của các tù nhân, đã được thực hiện với bất cứ giá nào và ở ngoài các nhà tù thì trên quả đất này không còn gì nữa, sau đó, chúng tôi bắt đầu đi thăm. Vì lúc bấy giờ đúng là giờ ăn chiều, chúng tôi trước hết vào cái bếp rộng lớn ở đấy người ta đang chuẩn bị bữa ăn của mỗi người tù, dọn riêng từng người (để sau đó đưa cho người ấy trong xà lim) đều đặn và chính xác như một chiếc đồng hồ. Tôi nói riêng với Trátđơn rằng chắc hẳn không ai nhận thấy sự đối lập rõ rệt giữa những bữa ăn thịnh soạn hết sức ngon lành, với bữa ăn, tôi không nói tới những người nghèo, mà của những người lính, những thủy thủ, những người thợ thuộc quảng đại quần chúng, của những người lao động trung thực, trong đó trong số năm trăm người không có một người được ăn uống no đủ như vậy. Nhưng tôi nghe nói rằng "chế độ" này đòi hỏi mức sống cao; và để chấm dứt một lần tất cả cái trò chế độ này, tôi xin nói ngay rằng về mặt này cũng như về tất cả mọi mặt khác "cái chế độ" này làm người ta không còn ngờ vực nữa và giải quyết mọi điều trái ngược. Không có ai có vẻ ngờ vực chút nào rằng có thể có một chế độ nào khác ngoài chế độ nói đây.

Trong khi chúng tôi đi qua một vài hành lang đẹp đẽ, tôi hỏi ông Críchcơn và những người bạn của ông "cái chế độ" thi hành tuyệt đối ở đây và đang phổ biến khắp nơi có những thuận lợi gì chủ yếu. Tôi nhận thấy rằng những thuận lợi này là các tù nhân bị ngăn cách hoàn toàn đến nỗi không có người nào biết được bất cứ điều gì về một người khác và làm cho các tù nhân đi đến một trạng thái tinh thần lành mạnh giúp cho họ sẽ ăn năn hối cải thành thực.

Tuy vậy, khi chúng tôi bắt đầu đi thăm các tù nhân trong các xà lim của họ và đi qua các hành lang đưa vào các xà lim, người ta giải thích cho chúng tôi rằng những người bị giam giữ đi nhà thờ như thế nào và vân vân, và tôi nhận thấy có lẽ các tù nhân biết về nhau rất nhiều việc và có cả một hệ thống trao đổi tin tức với nhau rất tinh vi. Trong lúc tôi đang viết đây, tôi nghĩ rằng sự kiện này đã được chứng minh; nhưng lúc bấy giờ nếu ngờ vực như vậy thì quả là một sự phỉ báng nên tôi cố ý hết sức để tìm xem những dấu hiệu chứng tỏ một sự hối hận thành thực.

Và ở đây, một lần nữa tôi lại gặp những băn khoăn quan trọng. Tôi nhận thấy rằng ở đây có một cái mốt chi phối cách hối hận, cũng nghiệt ngã như cái mốt bên ngoài về hình dáng các áo gi-lê và các áo vét-tông trước cửa kính các hiệu thợ may. Tôi nghe cả một lô những lời thú tội về thực chất chẳng khác nhau bao nhiêu, và hình thức cũng thay đổi rất ít (đó là một điều làm tôi ngờ vực rất nhiều). Tôi thấy nhiều con cáo rêu rao cho rằng toàn bộ cánh đồng nho là vật nó không thể với tới; nhưng tôi thấy rất ít

con mà tôi có thể yên tâm để nó đứng gần một chùm nho. Nhất là tôi nhận thấy những anh chàng làm ra vẻ hối hận nhiều nhất, chắc chắn thế nào cũng được người ta chú ý. Lòng tự ái, tính kiêu ngạo vì thiếu trò giải trí và thích nói dối (đặc điểm mà nhiều người có đến một trình độ gần như không tưởng tượng được như quá khứ của họ đã chứng tỏ) tất cả đều thúc đẩy họ nói những lời thành khẩn như thế và họ thấy khoái trá về việc đó.

Tuy nhiên, như tôi đã nghe nói đến nhiều lần trong khi đi đi lại lại đến một tên nào đó số 27 là tên được yêu quý nhất và dường như là một tù nhân gương mẫu, nên tôi quyết định hãy khoan nhận xét cho đến khi tôi thấy số 27. Số 28 như tôi biết, cũng là một ngôi sao sáng đặc biệt; nhưng anh ta không may thấy vinh quang của mình bị giảm đi một phần bởi ánh sáng đặc biệt của 27. Tôi hay nghe nói đến số 27, đến những lời răn dậy đầy đạo lý đối với tất cả những người chung quanh, đến những bức thư hay ho anh ta luôn luôn viết cho mẹ (anh ta có vẻ cho rằng mẹ mình đang ở trên con đường sa ngã) nên tôi quả thực nóng ruột muốn gặp anh ta.

Tôi đành phải kiên nhẫn chịu đựng ít lâu bởi vì người ta dành số 27 lại để gây một ấn tượng tốt. Nhưng cuối cùng chúng tôi đi đến cửa xà lim anh ta, và ông Críchcơn trong khi nhìn qua một lỗ hổng nhỏ đục vào cánh cửa này, báo với chúng tôi một cách hết sức thán phục rằng anh ta đang đọc một quyển "Thánh thi".

Ngay lúc ấy nhiều cái đầu chen nhau để nhìn số 27 đọc quyển "Thánh thi" đến nỗi cái lỗ hổng nhỏ bị bịt bởi sáu hay bảy người quan sát, người này đứng sau người kia. Muốn bổ cứu tình trạng bất tiện này và để chúng tôi có dịp nói chuyện với số 27 và nhìn tất cả tâm hồn trong trắng của anh ta, ông Críchcơn ra lệnh mở xà lim và mời 27 ra khỏi hàng lang. Lệnh này được thi hành ngay và Trátđơn và tôi sửng sốt làm sao khi nhận thấy số 27 hối hận kia chính là… Uria Híp.

Hắn cũng nhận ngay ra chúng tôi và khi bước ra hắn cũng với cái lối uốn éo thân hình như ngày xưa.

"Chào ông Copơphin! Chào ông Trátđơn".

Cách hắn nhận ra chúng tôi như thể làm mọi người trong nhóm đều thán phục. Tôi có ấn tượng rằng tất cả mọi người đều ngạc nhiên tại sao hắn không hề tỏ ra tự hào và tại sao hắn biết chúng tôi.

"Thế nào, 27", ông Críchcơn nói với sự thán phục có vẻ buồn buồn, "hôm nay sức khỏe anh thế nào?"

"Thưa ông tôi rất hèng kém!" Uria Híp nói.

"27, anh bao giờ cũng thế", ông Críchcơn nói.

Đến đây một người khác có vẻ lo lắng.

"Anh không thiếu thốn gì chứ!"

"Ồ! vâng, thưa ông", Uria Híp nói, nhìn về phía ấy, "ở đây đầy đủ hơn ở ngoài nhiều. Bây giờ tôi đã thấy rõ những điều điên dại của tôi rồi. Điều đó làm cho tôi sung sướng".

Nhiều ông rất cảm động, và một người thứ ba lách ra trước hỏi giọng rất ái ngại.

"Anh thấy thịt bò thế nào?"

"Cảm ơn ông", Uria đáp liếc mắt nhìn về phía người này, "hôm qua thì nó có hơi cứng đối với sở thích của tôi; nhưng bổn phận của tôi là phải chịu đựng. Thưa các vị, tôi đã phạm những sai lầm" Uria nói đưa mắt nhìn quanh với một nụ cười khiên tốn, "và tôi phải chịu đựng những hậu quả mà không được rên la".

Khi đứng thì thầm một phần vì thích thú trước thái độ cao cả của 27, một phần vì bực mình với người quản lý đã làm cho hắn phải than phiền (ông Críchcơn liền ghi ngay điều đó) đã dịu lại, 27 đứng im lặng giữa chúng tôi như hắn cảm thấy hắn là đồ vật quý giá nhất của một viện bảo tàng rất nổi tiếng. Để cho chúng tôi, những người mới nhập đạo có thực nhiều ánh sáng chiếu vào cùng một lúc, người ta ra lệnh cho 28 bước ra.

Tôi ngạc nhiên đến nỗi tôi chỉ cảm thấy một sự sửng sốt nhẫn nhục Litimơ bước ra tay cầm một quyển sách đạo.

"28" con người đeo kính nãy giờ chưa nói bảo hắn, "anh tuần trước than phiền về ca-cao. Từ hôm ấy đến nay anh cảm thấy thế nào?"

"Cám ơn", ông Litimơ nói, "bây giờ đã khá hơn. Nếu tôi được phép nói, thưa ông tôi không tin rằng thứ sữa người ta dùng để nấu với nó hoàn toàn là sữa. Nhưng thưa ông tôi biết rằng ở Luân-đôn người ta cũng hay pha nước vào sữa và cái món này khó lòng có được ở trạng thái tự nhiên".

Tôi cảm thấy rằng cái ông đeo kính bên vực số 28 của ông ta để chống lại số 27 của ông Críchcơn, bởi vì mỗi người đều có con người mình thích.

"Tinh thần anh như thế nào 28?" Người đeo kính hỏi.

"Cám ơn ông", Litimơ đáp, "thưa ông bây giờ tôi đã thấy những sai lầm của tôi rồi. Tôi rất buồn khi nghĩ đến những tội lỗi của những người bạn cũ của tôi. Nhưng tôi tin chắc rằng họ sẽ được tha thứ".

"Anh thật sung sướng chứ?" Người đeo kính hỏi gật đầu tỏ vẻ khuyến khích.

"Thưa ông tôi rất đội ơn ông", Litimơ đáp. "Tôi rất sung sướng".

"Anh có băn khoăn về việc gì không? Nếu như có điều gì cần nói anh cứ nói đi, 28".

"Thưa ông", Litimơ nói không ngước mắt lên, "nếu như tôi không lầm thì ở đây có một người đã biết tôi ngày trước. Thưa ông, có lẽ ông ấy nên biết rằng tôi cho những sai lầm xưa của tôi hoàn toàn do chỗ tôi đã sống một cuộc sống vô tư để phục vụ những ông chủ trẻ tuổi, để rồi bị họ lôi cuốn đến những sai lầm mà tôi không tài nào kháng cự lại được. Tôi hy vọng ông ấy sẽ hiểu lời cảnh cáo này và không giận tôi đã nói liều lĩnh như vậy. Điều đó là có ích cho ông ấy. Tôi nhận thức được những sai lầm ngày xưa. Tôi hy vọng rằng ông ấy sẽ hối hận về tất cả những sai lầm và những tội lỗi mà ông ta đã nhúng vào".

Tôi nhận thấy rằng có nhiều người giơ tay che mắt như họ vừa bước vào nhà thờ.

"Những lời nói này làm vinh dự cho anh, 28", người hỏi nói. "Tôi không chờ đợi gì khác ở anh. Có việc gì nữa không?"

"Thưa ông", Litimơ đáp khẽ dướn lông mày lên nhưng không ngước mắt, "có một người đàn bà trẻ tuổi đã rơi vào một cuộc đời sa đọa, và tôi đã tìm cách cứu vớt chị ta nhưng không có kết quả. Tôi yêu cầu ông ấy, nếu như có thể, hãy nói với người đàn bà ấy rằng tôi đã tha thứ cho hành động xấu xa của chị ta đối với tôi và tôi kêu gọi chị ta hãy hối hận… Nếu như ông này có lòng tốt nói giúp…"

"28!" Ông đeo kính nói, "tôi tin chắc rằng cái ông mà anh nói đến nhất định sẽ cảm thấy (cũng như tất cả chúng tôi) điều anh vừa nói một cách hợp lý như vậy là đúng đắn. Chúng tôi không giữ anh nữa".

"Thưa ông, xin cảm ơn ông", Litimơ nói, "Xin chào các vị và hy vọng rằng các vị cũng như gia đình sẽ hiểu những lỗi lầm của mình và các vị sẽ hối hận".

Nói đoạn, số 28 rút lui sau khi hắn cùng Uria đưa mắt nhìn nhau như hai người không phải hoàn toàn không biết nhau nhờ một cách trao đổi nào đó; và tôi nghe ở trong tất cả nhóm chúng tôi có tiếng xì xào rằng đó là một con người đáng kính, và một trường hợp thú vị.

"Và bây giờ 27", ông Críchcơn nói, sau khi bước lên cái sân khấu trống không với con người của mình, "tôi có thể làm gì giúp anh không? Nếu có việc gì thì anh cứ nói đi".

"Tôi muốn xin phép ông một cách hèn kém, thưa ông", Uria nói cái đầu dễ ghét của hắn giật một cái, "được viết thư cho mẹ tôi lần nữa".

"Cố nhiên anh sẽ được phép", ông Críchcơn nói.

"Cám ơn ông. Tôi lo lắng về mẹ tôi. Tôi sợ rằng mẹ tôi gặp điều nguy hiểm".

Có người nào đó đánh bạo hỏi:

"Nguy hiểm gì thế?". Nhưng người ta nghe có tiếng xì xào bực bội "suỵt".

"Luôn luôn bị nguy hiểm, thưa ông", Uria nói uốn éo thân hình quay về phía con người đã nói. "Tôi muốn rằng mẹ tôi cũng được ở trong tình trạng như tôi. Tâm hồn tôi sẽ không bao giờ được sung sướng như thế này nếu không được hân hạnh đến đây. Tôi rất tiếc mẹ tôi không đến đây. Nếu như tất cả mọi người đều bị bắt và đưa đến đây thì sẽ tốt hơn nhiều".

Cảm nghĩ ấy làm mọi người đắc chí vô cùng… Theo ý tôi, họ đắc chí hơn nghe bất kỳ cái gì từ nãy đến giờ.

"Trước khi đến đây", Uria nói, liếc mắt nhìn trộm chúng tôi, dường như để nói rằng hắn sẽ thủ tiêu cái thế giới bên ngoài mà chúng tôi thuộc vào nếu như hắn có thể làm được, "tôi đã mắc phải sai lầm. nhưng bây giờ tôi đã nhận thức được những sai lầm của mình, ở bên ngoài có nhiều tội lỗi. Mẹ tôi cũng có nhiều tội lỗi. Ở đâu cũng chỉ có tội lỗi trừ… ở đây".

"Anh đã thay đổi hoàn toàn chưa?" ông Críchcơn hỏi.

"Ồ! lạy Chúa thưa ông, có ạ", người phạm tội hứa, đầy hứa hẹn.

"Nếu anh ra khỏi đây, anh có phạm tội nữa không?" Một người khác hỏi.

"Ồ! lạy Chúa, thưa ông, không ạ!"

"À!" Ông Críchcơn nói "như thế thì đáng khen lắm. 27, anh vừa nói với ông Copơphin. Anh có muốn nói gì với ông ấy nữa không?"

"Ông Copơphin! Ông đã biết tôi từ lâu trước khi tôi đến đây và được cứu vớt", Uria nói, đưa mắt nhìn tôi và chưa bao giờ tôi thấy ngay cả trên bộ mặt hắn có một cái nhìn hèn hạ hơn. "Ông đã biết tôi ngay từ lúc, mặc dầu những sai lầm của tôi, tôi vẫn tỏ ra hèn kém đối với những người kiêu ngạo và hiền lành đối với người hung hăng. Chính ông, ông Copơphin ạ, ông đã đối xử với tôi rất hung hăng. Có hôm ông đã tát vào giữa mặt tôi, như ông vẫn nhớ".

Mọi người thương xót, nhiều cái nhìn phẫn nộ hướng về phía tôi.

"Nhưng tôi tha lỗi cho ông, ông Copơphin ạ", Uria nói, lấy cái lòng rộng lượng tha lỗi cho người khác của hắn làm đầu đề của một sự so sánh hết sức báng bổ và kinh khủng[1] mà tôi không nhắc lại ở đây. "Tôi tha thứ cho mọi người. Giữ những điều hằn học là không hợp với tôi. Tôi hoàn toàn tha lỗi cho ông và hy vọng rằng trong tương lai ông sẽ làm chủ được những cảm xúc của mình. Tôi hy vọng rằng ông Uych cũng như cô u và tất cả cái lũ phạm tội kia cũng sẽ hối hận. Ông đã gặp phải nỗi bất hạnh và tôi hy vọng điều đó sẽ có ích cho ông, nhưng nếu ông được ở đây thì sẽ tốt hơn nhiều. Nếu ông

Uych và cô Uych cũng đến ở đây thì cũng tốt cho họ hơn nhiều. Ông Copơphin ạ, lời chúc tốt đẹp nhất mà tôi có thể chúc ông và chút tất cả các vị là các vị đều sẽ bị bắt và bị đưa đến đây. Khi tôi nghĩ đến những sai lầm đã qua và hạnh phúc hiện nay của tôi, tôi tin chắc rằng điều đó sẽ là tốt nhất cho ông. Tôi thương hại tất cả những người không được đưa đến đây".

Nói đoạn, hắn rút vào xà lim một cách ranh mãnh ở giữa tiếng xì xào tán tụng còn tôi và Trátđơn cảm thấy nhẹ cả người khi hắn đã được khóa chặt trong phòng.

Vì thấy lối hối hận như vậy của hai người này có những điểm đặc biệt, tôi bắt buộc phải hỏi hai tên kia đã làm gì nên bị giữ ở đây. Hình như đó là vấn đề cuối cùng người ta phải nói đến. Tôi hỏi một trong số hai người gác ngục mà theo tôi có vẻ biết khá rõ tất cả cái chuyện bắt bớ này là do đâu mà có (tôi có cảm giác như vậy căn cứ vào vài dấu hiệu kín đáo trên nét mặt ông ta).

"Ông có biết", tôi hỏi trong khi đi dọc theo hành lang, "điều "lỗi lầm" cuối cùng của 27 là cái gì không?" Ông ta trả lời rằng đó là một việc liên quan đến ngân hàng. Tôi hỏi:

"Có phải là ăn cắp tiền Ngân hàng Anh quốc không?"

"Thưa ông đúng như thế: giả mạo giấy tờ, mưu mô và gian dối. Hắn cùng làm với nhiều người khác nữa. Chính hắn thúc đẩy những người khác. Đó là vụ âm mưu to lớn để thủ một số tiền kếch xù. Bị kết án chung thân. 27 là tên ranh ma nhất bọn và suýt nữa hắn đã thoát lưới, nhưng không thoát được. Ngân hàng kịp thời tóm lấy nó… khi suýt nữa nó bay mất".

"Ông có biết 28 phạm tội gì không?"

"28" người gác ngục nói, vẫn luôn luôn nói rất khẽ và ngoảnh lại liếc nhìn phía sau trong hành lang để ông Críchcơn và những người khác đừng nghe trộm thấy anh ta cho tôi biết những tin tức kín đáo như vậy về những con người… hoàn toàn vô tội.

"28 cũng bị kết án chung thân. Hắn làm đầy tớ nhà một ông chủ trẻ và đã ăn cắp một số tiền ít ỏi là 250 bảng bằng tiền mặt và những vật đáng giá đêm trước khi hai người đi ngoại quốc. Tôi còn đặc biệt nhớ rõ trường hợp của hắn bởi vì hắn bị một cô lùn tóm được".

"Cô nào?"

"Một người đàn bà nhỏ xíu. Tôi không nhớ cô ta tên là gì".

"Có phải cô Maosơ không?"

"Đúng thế! Hắn đã trốn thoát mọi cuộc truy nã và sắp sang Mỹ với một đầu tóc giả và những ria mép hung với cách ngụy trang tài tình nhất mà người ta có thể biết được, bỗng người đàn bà nhỏ bé lúc này ở Saothămtôn bắt gặp hắn đang đi ở ngoài đường. Con mắt sắc sảo của chị ta nhận ngay ra hắn và… chị ta lao vào giữa đôi chân của hắn làm hắn ngã gục… và đã cố hết sức bám lấy hắn".

"Cô Maosơ cừ quá!" Tôi nói.

"Ông cũng phải nói như vậy nếu như ông thầy cô ta như tôi thấy ở phiên tòa, đứng trên ghế cáo nhân". Người bạn mới của tôi nói. "Khi cô ta túm lấy hắn, hắn đánh vỡ mặt cô ta và nện hết sức tàn nhẫn; nhưng cô không buông tha hắn phút nào trước khi hắn bị giam giữ. Cô bám chắc lấy hắn, đến nỗi cảnh sát phải túm cả hai người. Cô tỏ ra rất cừ đã được Tòa án hoan nghênh nhiệt liệt và được người ta hoan hô mãi khi tiễn cô về nhà. Ở tòa án cô nói dù chỉ một tay cô cũng bắt được hắn (căn cứ vào những những điều cô ta biết về hắn) dù hắn có khỏe như Xăm-xôn[2] và riêng tôi, tôi cũng nghĩ như vậy".

Đó cũng là ý nghĩ của tôi và tôi càng tôn trọng cô Maosơ về việc đó.

Lúc này, chúng tôi đã thấy tất cả những gì cần phải thấy. Bây giờ chúng tôi thấy không công hơi đâu nói với con người như ông Críchcơn đáng kính rằng 27 và 28 vẫn hoàn toàn như trước, không thay đổi chút nào và ngày xưa thế nào thì giờ họ vẫn thế; rằng những tên khốn nạn đạo đức giả lại chính là những tên dễ làm cái lối hối hận ở một nơi như thế này; rằng họ biết giá trị trên thị trường của cái trò ăn năn này ít nhất cũng như chúng ta, và biết cái trò này sẽ giúp cho họ những gì khi họ được ra nước ngoài. Tóm lại tất cả trò này chỉ làm cho chúng tôi cảm thấy chán ngấy vì nó vô nghĩa và hủ lậu nhưng làm thế chỉ vô ích mà thôi. Chúng tôi để mặc họ với chế độ của họ và bước về ngẫm nghĩ. Tôi nói:

"Trátđơn ạ, có lẽ khi đã cưỡi lên một con ngựa nguy hiểm thì phải quất thật mạnh vì càng quất nó càng mau chết".

"Mình cũng hy vọng như vậy". Trátđơn đáp.

---

[1] Đây là so sánh với Giê-xu: "Ai tát vào má bên phải của ngươi thì ngươi giơ má kia cho họ tát". (Mathiơ, V, 39).

[2] Nhân vật trong kinh thánh, rất khỏe.

Chương LXII
MỘT ÁNH SÁNG CHIẾU TRÊN ĐƯỜNG ĐI CỦA TÔI

Năm ấy, khi đến ngày lễ giáng sinh thì tôi đã về Anh được hơn hai tháng. Tôi đã gặp Ácnét nhiều lần. Mặc dầu được công chúng khuyến khích và mặc dầu những lời khen ấy làm nảy sinh ở tôi những cảm xúc thành thực và khiến tôi hăng hái làm việc tôi vẫn xem lời khen tầm thường nhất của nàng là quí giá nhất.

Ít nhất mỗi tuần một lần, và đôi khi nhiều hơn, tôi đi ngựa đến Cantơbơri và ở đấy buổi chiều. Tôi thường về nhà lúc ban đêm bởi vì cái cảm nghĩ đau khổ ngày xưa lúc này vẫn đè nặng lên tôi (buồn nhất là khi tôi chia tay nàng) và tôi sung sướng được đi ở ngoài trời hơn là đi thơ thẩn qua quá khứ trong những đêm mất ngủ rã rời hay trong những giấc mơ khổ sở. Bao đêm buồn bã và xáo động phần lớn thời gian tôi vẫn thường đi như vậy, và trong khi đi, tôi hồi tưởng lại những ý nghĩ vẫn làm tôi băn khoăn trong thời gian vắng mặt lâu dài.

Hay là, nếu như tôi nói rằng tôi lắng nghe tiếng đồng vọng của những ý nghĩ này thì tôi sẽ nói lên sự thực một cách đúng đắn hơn. Những tiếng nói ấy văng vẳng từ xa. Tôi đã gạt nó ra xa và đã chấp nhận cái hoàn cảnh không thể nào tránh khỏi. Khi tôi đọc cho Ácnét nghe những điều tôi viết, khi tôi thấy trên gương mặt chăm chú của nàng hiện lên một nụ cười hay một giọt nước mắt, khi tôi nghe giọng nói thân yêu của nàng nói với tôi đầy nhiệt tình về những biến cố chập chờn của cái thế giới tưởng tượng trong đó tôi sống, tôi nghĩ đến cái số phận có thể là số phận của tôi, nhưng tôi chỉ dám nghĩ lướt qua mà thôi như tôi đã nghĩ sau khi lấy Đôra, rằng nếu người vợ của tôi như nàng thì tốt cho tôi biết mấy.

Tôi nghĩ đến bổn phận của tôi đối với Ácnét: nàng đã yêu tôi với một tình yêu cao thượng đến nỗi nếu tôi xúc phạm với tình yêu ấy thì tôi đã hành động ích kỷ và xấu xa. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng tôi đã là người làm nên số phận của chính mình và đã chinh phục được con người mà con tim tôi yêu quí thiết tha cho nên bây giờ tôi đành phải chịu đựng tất cả mà không có quyền than thở: những ý nghĩ ấy là những điều tôi đã cảm thấy và hiểu được. Nhưng tôi yêu nàng. Và lúc này tôi cảm thấy một niềm an ủi khi bâng khuâng nghĩ đến một ngày xa xôi kia có lẽ tôi sẽ có quyền thú thực với nàng mà không phạm lỗi; khi tất cả cái này sẽ qua đi và tôi có thể nói: "Ácnét khi anh vội vàng trở về nước anh như thế đấy; và bây giờ anh đã già rồi và từ đó đến nay, anh không bao giờ yêu nữa!" Không có lần nào nàng để lộ cho tôi thấy sự thay đổi ở nàng. Nàng vẫn như xưa đối với tôi, hoàn toàn như vậy… không mảy may thay đổi. Về vấn đề này giữa cô tôi và tôi từ buổi chiều tôi trở về vẫn có một cái gì tôi không thể gọi đó là sự lúng túng, cũng không phải là muốn lảng tránh câu chuyện này, nhưng đúng hơn cả hai đều đồng ý thầm rằng sẽ cùng nghĩ đến nó nhưng đều không nói ra. Theo thói quen cũ của chúng tôi, buổi tối khi chúng tôi ngồi trước ngọn lửa, thường thường chúng tôi vẫn giữ thái độ ấy một cách tự nhiên và với sự hiểu biết đối với nhau chẳng khác gì chúng tôi đã nói hết. Nhưng chúng tôi vẫn một mực im lặng. Tôi nghĩ rằng chiều hôm ấy ít nhất cô tôi đã đọc được một phần ý nghĩ của tôi và cô tôi hiểu rõ tại sao tôi không bộc lộ những ý nghĩ hiện tại của tôi một cách rõ ràng hơn.

Vì lễ giáng sinh đã đến và Ácnét vẫn chưa bộc lộ một lời tâm sự mới nào cho tôi biết, một nỗi ngờ vực đã nhiều lần thoáng đến trong đầu óc tôi, bắt đầu dằn vặt tôi. Phải chăng nàng đã cảm thấy tâm trạng thực sự của tôi và điều đó khiến nàng phải dè dặt vì sợ làm tôi phải phiền lòng? Nếu thế thì sự hy sinh của tôi là vô ích; nhiệm vụ đơn giản nhất của tôi đối với nàng vẫn chưa làm tròn và giờ nào tôi cũng phạm tất cả những hành động xấu xa mà tôi muốn tránh. Tôi muốn giải quyết vấn đề này không để lại một bóng nghi ngờ nào hết; và nếu như ở giữa chúng tôi có một sự ngăn cách như vậy thì tôi phải kiên quyết phá vỡ.

Như tôi có nhiều lý do để nhớ lại hôm ấy là một ngày đông lạnh buốt. Tuyết rơi trước đấy mấy giờ và mặt đất phủ một lớp tuyết mỏng nhưng bị giá làm cứng lại. Ở ngoài khơi trước cửa sổ của tôi, gió bấc thổi ù ù. Tôi đã nghĩ đến ngọn gió lướt trên những ánh đồng tuyết phủ ở những miền núi non bao la ở Thụy-sĩ lúc này bước chân người không lên được và tôi tự hỏi không biết những ngọn núi cô đơn kia hay đại dương vắng ngắt cái nào cô độc hơn.

"Trốt, hôm nay cháu có đi ngựa không?" Cô tôi thò đầu vào cửa nói với tôi.

"Có, cô ạ cháu đi Cantơbơri. Trời như thế này đi dạo thích lắm", tôi nói.

"Cô hy vọng con ngựa của cháu cũng nghĩ như vậy" cô tôi nói, "nhưng lúc này hắn cúi đầu cụp tai trong khi đợi cháu trước cửa vườn, hình như hắn thích chuồng ngựa hơn".

"Chỉ lát nữa là hắn tỉnh thôi mà", tôi nói.

"Tại sao đi chơi cũng tốt cho ông chủ nó", cô tôi đưa mắt nhìn những tờ giấy để trên bàn. "Con ơi, con ngồi ở đây nhiều quá. Ngày xưa khi đọc sách, cô không bao giờ nghĩ rằng sức lao động phải làm để viết nó lại to lớn đến thế".

"Đôi khi riêng việc đọc cũng đã nhọc mệt lắm. Còn việc viết thì cũng có những điều thú vị của nó cô ạ".

"À, cô biết. Tham vọng, thích được người ta khen, và còn nhiều thứ khác nữa, có phải thế không? Thôi cháu đi đi".

"Cô còn biết điều gì nữa", tôi nói vẫn ngồi điềm nhiên trước mặt cô tôi. (Sau khi vuốt ve vai tôi, cô tôi đã ngồi trên ghế tôi, "về tình cảm của Ácnét không?" Cô tôi ngước mắt về phía tôi và nhìn tôi một lát trước khi nói:

"Cô nghĩ là có, Trốt ạ!"

"Cảm tưởng của cô đã được xác nhận chưa?", tôi hỏi.

"Cô nghĩ là đã được xác nhận rồi Trốt ạ".

Cô tôi nhìn tôi đăm đăm với vẻ ngờ vực hay thương hại hay băn khoăn, rất trìu mến khiến tôi phải vận dụng tất cả nghị lực của mình để tỏ ra hết sức vui vẻ.

"Và không những thế, Trốt ạ", cô tôi nói. "Không những thế ư?"

"Cô nghĩ rằng Ácnét sắp lấy chồng". "Cầu chúa phù hộ cho cô ấy!" Tôi nói vui vẻ.

"Cầu chú phù hộ cô ấy", cô tôi nói, "và cả cho người chồng cô ấy nữa!"

Tôi nhắc lại lời chúc tụng ấy, từ giã cô tôi, nhanh nhẹn bước xuống cầu thang, lên ngựa và đi. Tôi có những lý do còn vững chắc hơn trước để quyết định làm điều tôi đã quyết định.

Tôi nhớ rất rõ buổi đi ngựa mùa đông ấy! Những mẩu băng cứng bị gió thổi bay khỏi những ngọn cỏ hắt vào mặt tôi; tiếng vó ngựa lóc cóc đập mạnh đều đều xuống đất; đất đã cày bị băng làm cứng lại; gió thổi làm tuyết chồng chất thành từng đống; những con ngựa thở phì phì thắng vào một chiếc xe chở rạ cũ kỹ dừng lại để thở ở trên đỉnh đồi lúc lắc chiếc lục lạc kêu lanh canh; sườn đồi lên rồi lại xuống, trắng xóa nổi bật trên nền trời đen sẫm như viết lên một bảng đá mênh mông.

Tôi thấy Ácnét ngồi một mình. Lúc này các cô bé đều đã về nhà và nàng đang ngồi một mình đọc sách bên ngọn lửa. Thấy tôi bước vào nàng đặt sách xuống chào tôi như mọi ngày đoạn lấy hộp đồ may và ngồi trước một cửa sổ cổ kính.

Tôi ngồi cạnh nàng trên cái ghế bên cửa sổ và chúng tôi nói về những điều tôi đang viết, khi nào thì xong và từ khi thăm nàng lần trước đến nay tôi đã viết thêm được những gì. Ácnét rất vui vẻ, nàng cười ròn rã báo trước rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ quá nổi tiếng nên nàng sẽ không dám nói với tôi về những đề tài này. Ácnét nói.

"Anh thấy không, em phải tận dụng thời hiện tại, để nói với anh trong khi em còn dám nói".

Trong khi tôi nhìn gương mặt xinh đẹp của nàng đang chăm chú làm việc, nàng ngước đôi mắt dịu dàng trong trẻo lên và thấy tôi đang nhìn nàng.

"Hôm nay anh có vẻ tư lự anh Trốtút ạ".

"Ácnét ạ, anh có được phép nói cho em biết anh đang nghĩ đến gì không; anh đến đây để nói cho em biết đấy".

Nàng đặt hộp đồ may sang một bên như nàng vẫn làm mỗi khi chúng tôi thảo luận nghiêm túc một vấn đề gì và nàng chăm chú nghe tôi.

"Ácnét ạ! Em có ngờ vực về lòng chân thành của anh không?"

"Không!" Nàng đáp có vẻ sửng sốt.

"Em có ngờ vực về tình cảm của anh xưa nay đối với em không?"

"Không", nàng đáp với vẻ mặt như trước.

"Ácnét yêu quý, em có nhớ khi anh trở về anh có nói rằng anh biết ơn em như thế nào không và có những tình cảm tha thiết đối với em như thế nào không?"

"Em nhớ lắm", nàng nói dịu dàng.

"Em có một điều bí mật", tôi nói, "em cho anh chia sẻ với em, Ácnét ạ".

Nàng cúi mặt xuống và bắt đầu run.

"Dù em không bao giờ nói, mà những người khác nói - một điều kể cũng lạ - nhưng anh không thể nào không biết rằng em có dành cái tình yêu vô giá của em cho một người… Em đừng giấu anh cái điều liên quan mật thiết đến hạnh phúc của em như vậy. Nếu em có thể tin anh như em vẫn nói, và như anh biết, em có thể tin anh thì em hãy cho anh làm người bạn, người anh của em trong lĩnh vực này hơn bất kỳ lĩnh vực nào khác!"

Nàng nhìn tôi với cái nhìn van lơn gần như trách móc. Nàng rời khỏi ghế vội vã bước khỏi phòng dường như không biết đi đâu. Nàng lấy hai tay che mặt khóc rưng rức làm tôi cảm động.

Tuy vậy nàng vẫn gợi cho tôi những ý nghĩ đưa đến cho tim tôi một niềm hứa hẹn. Không biết tại sao tôi thấy những giọt nước mắt kia gắn liền với nụ cười êm ả buồn buồn đã khắc rất sâu vào ký ức tôi làm tôi run run vì hy vọng chứ không phải vì lo sợ đau buồn.

"Ácnét! Em của anh! Con người thân yêu nhất, anh đã làm gì em thế?"

"Anh Trốtút ạ anh để em đi, em mệt, em không là em nữa. Em sẽ trả lời anh… vào một dịp khác. Em sẽ viết thư cho anh. Nhưng bây giờ anh đừng nói. Đừng!"

Tôi cố gắng hồi tưởng lại sau khi tôi trở về cái đêm hôm ấy xem nàng đã nói gì với tôi khi tôi nói với nàng về mối tình cao thượng của nàng. Tôi có cảm tưởng đó là cả một thế giới mà tôi phải khám phá trong giây lát.

"Ácnét, anh không chịu nổi khi thấy em ở trong tình trạng này do chính anh gây nên. Cô em thân yêu

của anh, con người thân nhất của anh trên đời, nếu như em đau khổ, em hãy cho anh chia sẻ nỗi đau khổ của mình. Nếu em cần giúp đỡ hay lời khuyên em hãy cho phép anh thử giúp em. Nếu tim em quả thực có một gánh nặng, em hãy cho phép anh làm nó nhẹ bớt. Bởi vì nếu anh không sống cho em, Ácnét ạ thì anh biết sống cho ai bây giờ?"

"Ồ! Anh buông em ra, em không còn là em nữa! Một lần khác". Tôi chỉ nghe nàng nói thế.

Phải một sai lầm ích kỷ đã làm tôi lầm lạc? Hay lúc này tôi đã thoáng thấy một tia hy vọng mà tôi không dám mơ ước.

"Anh phải nói nữa. Anh không thể để em đi như thế! Vì tình yêu của chúa Ácnét ạ sau bao năm, sau tất cả những cái gì đã xuất hiện và cũng biến mất với nó, chúng ta đừng hiểu lầm nhau nữa. Anh phải nói rõ ràng. Nếu em còn ngại anh ghen với hạnh phúc của người mà em yêu, nếu em ngại anh không thể để em đi theo người mà em chọn; rằng anh không thể làm người sung sướng chứng kiến hạnh phúc của em… thì em hãy xua đuổi những ý nghĩ ấy đi vì anh không đến nỗi thế! Những nỗi đau khổ anh đã chịu không phải là vô ích. Những lời khuyên của em không phải không có ích cho anh. Không có chút ích kỷ nào trong tình cảm của anh đối với em".

Lúc này nàng yên tĩnh. Vài phút sau nàng quay về phía tôi gương mặt tái nhợt và nói với tôi với một giọng trầm, thỉnh thoảng bị ngắt quãng, nhưng rất rõ ràng…

"Em hiểu tình bạn trong trắng của anh đối với em, anh Trốtút ạ, em không ngờ vực điều đó đâu, và em nói với anh rằng anh đã lầm. Em không thể nói hơn nữa. Nếu đôi khi em cần giúp đỡ và khuyên nhủ trong những năm đã qua thì em đã được giúp đỡ và khuyên nhủ. Nếu như trước kia đôi khi em khổ sở thì nỗi buồn đã vĩnh viễn qua rồi. Nếu như em có một gánh nặng trong tim thì gánh nặng ấy đã nhẹ bớt, nếu như tôi có một điều bí ẩn… thì đó không phải là một bí ẩn mới mẻ… nó không phải là điều anh nói đâu… em không thể nói nó ra, cũng không thể chia sẻ với ai. Từ lâu nó đã là của em và sẽ vẫn là của em".

"Ácnét! Khoan đã! Một phút đã."

Nàng ra khỏi phòng nhưng tôi giữ lại. Tôi giơ tay ôm quàng lấy nàng: "Trong bao năm", "không phải là điều bí ẩn mới mẻ! Những ý nghĩ và những hy vọng mới mẻ quay lộn điên cuồng trong đầu óc và tất cả đời tôi, thay đổi.

"Ácnét thân yêu! Người anh kính mến và tôn trọng… người anh yêu tha thiết… khi anh bước chân đến đây hôm nay anh nghĩ rằng không có gì có thể khiến anh bộc lộ điều này. Anh nghĩ rằng anh có thể giữ nó dưới đáy lòng đến hết đời chúng ta cho đến khi già. Nhưng Ácnét ạ, anh nảy ra một hy vọng mới mẻ một ngày kia có thể gọi em bằng cái tên khác hẳn tên người em gái, một cái tên khác hẳn…"

Nước mắt nàng giàn giụa nhưng không giống như giọt nước mắt hồi nãy và tôi thấy niềm hy vọng của tôi càng sáng bừng lên.

"Ácnét, bao giờ em cũng là người hướng dẫn và người nâng đỡ quý báu nhất của anh! Nếu như em nghĩ đến em một chút nữa và bớt nghĩ đến anh một chút khi chúng ta cùng lớn lên ở đây thì anh tin rằng không bao giờ ý nghĩ đồng bóng dại dột của anh lại có thể đi xa em. Nhưng em cao hơn anh nhiều quá. Em quá cần thiết đối với anh trong tất cả những hy vọng và thất vọng trẻ thơ cho nên thói quen xem em là người bạn tâm sự và người nâng đỡ trong tất cả mọi việc đối với anh đã trở thành bản tính thứ hai, thay thế trong một thời gian cái bản tính thứ nhất quan trọng hơn đó là yêu em như anh yêu hiện nay".

Nàng vẫn khóc nhưng không phải vì buồn mà vì vui và tôi ghì nàng trong cánh tay như tôi chưa bao giờ làm, và như tôi vẫn tưởng không bao giờ tôi sẽ làm.

“Khi anh yêu Đôra… tha thiết, Ácnét ạ, như em biết đấy”.

“Phải, phải đấy”, nàng nói say sưa. “Em sung sướng khi biết tin ấy”.

“Ngay cả khi anh yêu Đôra, tình yêu của anh cũng sẽ không trọn vẹn nếu không có sự đồng ý của em. Em đã đồng ý và nó đã trọn vẹn. Khi anh mất nàng, Ácnét ạ, anh sẽ ra sao nếu anh không có em”.

Tôi ghì nàng chặt hơn trong cánh tay mình, kéo sát con tim hơn, bàn tay nàng run run đặt lên vai tôi. Đôi mắt lấp lánh dịu hiền qua những giọt nước mắt đăm đăm nhìn vào tôi.

“Ácnét ạ, anh ra đi, anh yêu em, anh ở xa em, vẫn yêu em và trở về đây càng yêu. Rồi tôi cô gắng kể cho nàng nghe những cuộc vật lộn của tôi và cái kết luận tôi đã đi đến. Tôi cố gắng bộc lộ tất cả tâm hồn của mình, chân thành và toàn vẹn. Tôi cố gắng nói cho nàng biết tôi đã hy vọng hiểu biết nàng và hiểu biết tôi hơn nữa như thế nào. Tôi đã chịu đựng những hậu quả của ý nghĩ này như thế nào và hôm nay tôi đã đến đây để làm theo ý nghĩ ấy. Nếu nàng yêu tôi, tôi nói nếu nàng nhận tôi là chồng thì tôi được yêu không phải vì một giá trị gì ngoài tình yêu thành thực của tôi với nàng và nỗi đau khổ đã làm cho tình yêu ấy chín muồi như thế này và đã khiến tôi bộc lộ tất cả điều đó. Ôi! Ácnét, tôi cảm thấy qua đôi mắt chân thành của nàng, đó là linh hồn của người vợ trẻ con của tôi đang nhìn tôi, và bảo tôi rằng nàng tán thành và nàng đã nhờ Ácnét kéo tôi đến những kỷ niệm êm đềm của Bông hoa đã tàn lụi trong lúc nở tưng bừng.

“Em sung sướng lắm anh Trốtút ạ, tim em tràn ngập hạnh phúc… Nhưng có điều em phải nói với anh”.

“Có điều gì thế em?”

“Bây giờ anh biết rồi chứ?”

“Anh không dám hỏi, em nói đi”.

“Em đã yêu anh suốt đời”.

Ôi! chúng tôi sung sướng quá. Chúng tôi hạnh phúc quá. Chúng tôi khóc không phải vì nghĩ đến những thử thách đã qua (những thử thách của nàng còn to lớn hơn), đã khiến cho chúng tôi được đoàn tụ như thế này, chúng tôi khóc vì vui sướng được đoàn tụ như thế này để không bao giờ rời nhau nữa!

Chúng tôi cùng nhau đi dạo buổi chiều đông hôm ấy trên những cánh đồng và không khí giá lạnh dường như chia sẻ sự im lặng thân yêu của hai tâm hồn. Những ngôi sao đầu tiên bắt đầu lấp lánh trong khi chúng tôi tiếp tục đi và ngước mắt nhìn ngàn sao. Chúng tôi cảm ơn thượng đế đã đưa chúng tôi đến sự yên tĩnh như thế này.

Buổi chiều chúng tôi ngồi sát cạnh nhau cũng bên cái cửa sổ cổ kính trong khi vầng trăng chiếu sáng. Ácnét ngước đôi mắt êm ả nhìn ánh trăng và tôi, nhìn theo cặp mắt nàng. Tôi có cảm tưởng nhìn thấy trước mắt con đường dài trên ấy một đứa trẻ áo quần rách rưới, mệt mỏi và bị vứt bỏ đang thất thểu bước đi, và một ngày kia nó sẽ giành được con tim lúc này đang thổn thức cạnh tim tôi.

Ngày hôm sau trước buổi ăn chiều một lúc, chúng tôi đến trước mặt cô tôi. Chị Pécgôti bảo tôi rằng cô tôi đang ở trên gác trong phòng làm việc của tôi; bởi vì cô tôi tự hào giữ nó luôn luôn ngăn nắp sẵn sàng đón tiếp tôi. Chúng tôi thấy cô tôi đeo kính ngồi cạnh ngọn lửa.

“Trời ơi!” Cô tôi kêu lên trố mắt nhìn vào bóng tối của hoàng hôn, cháu đem ai về đấy?

“Ácnét đấy”, tôi nói.

Vì chúng tôi đã hẹn nhau không nói ngay nên cô tôi không khỏi hơi sửng sốt.

Cô tôi liếc nhìn tôi với cái nhìn hy vọng khi tôi nói "Ácnét". Nhưng thấy vẻ mặt tôi như thường cô tôi cất kính thất vọng và lấy kính gãi mũi.

Cô tôi đón tiếp Ácnét thân mật và lát sau chúng tôi ngồi trên bàn trong phòng khách nhỏ sáng sủa được chiếu sáng của phòng dưới. Hai ba lần cô tôi lại đeo kính để nhìn tôi nhưng mỗi lần như thế cô lại cất đi, thất vọng và gãi gãi ở mũi (điều đó làm ông Đích sửng sốt vì ông biết đó là một dấu hiệu không hay).

"À này, cô ạ", tôi nói sau bữa ăn, "cháu đã nói với Ácnét điều cô nói với cháu".

"Nếu thế, Trốt ạ", cô tôi đỏ bừng mặt nói, "cháu đã làm sai và cháu đã không giữ lời hứa".

"Chắc cô không giận chứ. Cháu tin chắc rằng cô sẽ không giận khi cô biết Ácnét không bị một mối tình nào làm đau khổ".

"Rõ vớ vẩn!" Cô tôi nói.

Vì cô tôi có vẻ cáu kỉnh, tôi tự nhủ cách tốt nhất là chấm dứt tình trạng cáu kỉnh ấy. Tôi khoác tay Ácnét, đến sau cái ghế của cô tôi và cả hai cúi xuống bên người cô tôi. Cô tôi chỉ vỗ tay một cái, chỉ nhìn chúng tôi một lần qua cặp kính và lập tức vì thần kinh xúc động và lần cuối cùng trong đời, cô tôi ngất đi, như tôi biết.

Việc này làm chị Pécgôti chạy lên. Ngay lúc cô tôi tỉnh lại, cô tôi ôm chầm lấy chị Pécgôti và bảo chị ta là "con vật già ngốc nghếch" và cứ ra sức ghì lấy chị. Sau đó cô tôi ôm lấy ông Đích (ông này cảm thấy rất vinh dự nhưng khá ngạc nhiên); rồi sau đó cô tôi giải thích tại sao. Và tất cả chúng tôi đều sung sướng. Tôi không thể biết cô tôi trong câu chuyện ngắn ngủi vừa qua có phải đã dùng đến một mánh khóe đáng yêu nào đấy hay không, hay cô tôi quả thực hiểu lầm về tâm trạng của tôi. Cô tôi tuyên bố tôi đã nói là "Ácnét sẽ lấy chồng" và lúc này tôi biết rõ hơn ai hết rằng đó là sự thực.

Không đầy hai tuần sau chúng tôi lấy nhau. Trátđơn và Xôphi, bà Xtrong và bác sỹ là những người duy nhất được mời đến dự cuộc hôn lễ yên tĩnh của chúng tôi, chúng tôi chia tay họ trong khi họ vui sướng và cùng nhau lên xe. Tôi ôm ghì chặt nguồn gốc của tất cả những nỗi khát vọng cao thượng của tôi… con tim của tôi chân trời của cuộc đời tôi cái kho vàng của tôi người vợ… người mà tôi yêu với một mối tình xây trên tảng đá.

"Người chồng yêu quí của em!" Ácnét bảo tôi… "Lúc này khi em có thể gọi anh bằng cái tên ấy… Em còn một điều phải nói với anh."

"Điều gì thế hở em?"

"Việc xảy ra hôm Đôra mất. Chị ấy gọi em đến."

"Phải đấy".

"Chị ấy bảo em rằng chị ấy để lại một cái gì cho em. Anh có biết đó là cái gì không?"

Tôi cảm thấy có thể đoán được. Tôi kéo con người đã yêu tôi từ bao lâu lại gần tôi hơn.

"Chị ấy bảo chị yêu cầu em một điều cuối cùng, và trao em nhiệm vụ cuối cùng".

"Đó là…"

"Không có người nào khác ngoài em ra được chiếm chỗ trống ấy".

Và Ácnét gục đầu lên ngực tôi và khóc và tôi cũng khóc mặc dầu chúng tôi rất sung sướng.

Chương LXIII
MỘT NGƯỜI KHÁCH

Câu chuyện tôi có ý định kể đã gần xong nhưng còn một kỷ niệm giữ một địa vị quan trọng trong ký ức tôi mà tôi thường nghĩ tới một cách vui sướng và nếu bỏ qua thì một trong những sợi dây chính trong cái lưới tôi đã dệt sẽ bị rối loạn.

Danh tiếng và gia sản của tôi đã tăng lên. Hạnh phúc gia đình tuyệt mỹ. Tôi đã lấy vợ được mười năm sung sướng. Tôi ngồi cạnh lửa bên cạnh Ácnét ở ngôi nhà chúng tôi một buổi chiều xuân và ba đứa con tôi đang chơi trong phòng.

Bỗng người ta báo cáo có người lạ mặt muốn gặp tôi. Người ta hỏi ông đến có phải vì việc kinh doanh hay không nhưng ông ta trả lời "không", nói rằng ông đến vì thích thăm tôi và ông từ xa đến. Người nhũ mẫu bảo tôi đó là một cụ già có vẻ nông dân.

Vì tin ấy có vẻ huyền bí lắm đối với bọn trẻ và bởi vì nó giống đoạn đầu một câu chuyện dân gian yêu thích Ácnét thường kể cho chúng nghe (đó là để mở mào cho một bà tiên độc ác mặc áo choàng và ghét tất cả mọi người) cho nên nó gây nên một cảm xúc đặc biệt. Một đứa con trai của chúng tôi đặt đầu lên đầu gối mẹ nó để tránh nguy hiểm và cô bé Ácnét (đứa con đầu) buông con búp bê của nó để trên ghế để làm bà tiên và đút đầu với những mớ tóc quăn vàng óng vào giữa những cái rèm ở cửa sổ để theo dõi xem có việc gì xảy ra. Tôi nói:

"Mời ông vào".

Lát sau một ông già quắc thước đầu bạc phơ xuất hiện và dừng lại trước ngưỡng cửa mờ mờ. Cô bé Ácnét bị dáng điệu của ông thu hút vội chạy lại mời ông vào và tôi vẫn chưa thấy rõ mặt ông, bỗng vợ tôi nhổm dậy gọi tôi giọng vui vẻ và cảm động rằng đó là ông Pécgôti!

Thực vậy, đúng là ông Pécgôti! Lúc này ông đã là một cụ già nhưng vẫn hồng hào, hồn hậu và tráng kiện. Khi cảm xúc đầu tiên của tôi đã qua và ông đã ngồi trước ngọn lửa với những đứa con của chúng tôi trên đầu gối dưới ánh lửa đỏ rực chiếu sáng trên gương mặt, tôi có cảm thưởng ông là ông già quắc thước nhất, tráng kiện nhất cũng đồng thời đẹp nhất xưa nay.

"Cậu Đêvi", ông bảo tôi (tiếng gọi ngày xưa cũng nói với giọng ngày xưa vang lên thân mật bên tai tôi!) "cậu Đêvi, đối với tôi thật nà một giờ sung sướng khi tôi gặp cậu nần nữa bên cạnh bà vợ trung thành và thân mến".

"Quả thực là một giờ sung sướng, ông bạn già ạ!" Tôi kêu lên.

"Nại còn những cô và cậu tí xíu này", ông Pécgôti nói, "nhìn những bông hoa này thật nà thú! Này cậu Đêvi, cậu cũng chả cao gì hơn đứa bé nhất nần đầu tiên tôi gặp cậu và Emini cũng chả nớn hơn. Còn thằng cháu tội nghiệp của chúng tôi mới chỉ nà một đứa trẻ".

"Từ dạo ấy, tôi đã thay đổi nhiều hơn ông", tôi nói. "Nhưng thôi cho các cô chú này đi ngủ đi thôi! và bởi vì đây là cái nhà duy nhất ở nước Anh được quyền giữ ông, vậy ông cho tôi biết hành lý của ông đâu rồi (tôi tự hỏi không biết cái xắc cũ màu đen đã đi xa như thế có còn không) để tôi sai người đi lấy về, rồi sau đó chúng ta uống rượu Yácmao để nói chuyện với nhau về những tin tức trong mười năm qua".

"Ông về một mình à?" Ácnét hỏi.

"Vâng! Thưa bà!", ông nói hôn tay Ácnét, "tôi về một mình".

Chúng tôi mời ông ngồi giữa chúng tôi vì không biết làm cách nào tỏ lòng ân cần mến khách và khi bắt đầu nghe giọng nói quen thuộc ngày xưa tôi còn ngờ ngợ ông vẫn đang đeo đuổi cuộc hành trình dài dằng dặc của mình để tìm cô cháu.

"Đi xa không phải nà ít", ông nói, "đâu đến gần bốn tuần nễ. Nhưng nước (đặc biệt khi nó mặn) nà cái chất niệu tự nhiên của tôi và bạn bè thân thiết nâu ngày, nên tôi nại trở về đây để tìm… ồ kìa! tôi nàm thơ mất", ông Pécgôti nói, ngạc nhiên nhận thấy điều đó, "tuy tôi không hề có ý định nàm thơ".

"Ông lại định quay lại ngay dù là đi hàng ngàn dặm có phải không"; Ácnét hỏi.

"Thưa bà vâng ạ, tôi đã hứa với Emini trước khi ra đi. Ông bà cũng biết năm tháng qua tôi không trẻ ra và nếu như nần này tôi không về thì chắc hẳn tôi sẽ không bao giờ trở về nữa. Và bao giờ tôi cũng có ý định đến thăm cậu Đêvi và bà, con người dịu hiền dễ thương và nhìn hạnh phúc gia đình của ông bà trước khi quá già".

Ông nhìn chúng tôi như muốn nhìn cho no nê. Ácnét cười vén một vài món tóc bạc quăn quăn ở trên trán ông để ông thấy chúng tôi rõ ràng hơn. Tôi nói:

"Nào bây giờ, ông hãy kể cho tôi nghe tất cả những gì liên quan đến những cuộc phiêu lưu của ông".

"Những cuộc phiêu lưu của chúng tôi, cậu Đêvi ạ", ông đáp, "kể nại thì rất chóng. Nói cho cùng thì chúng tôi chỉ gặp một điều nà công việc đều tốt đẹp. Chúng tôi nuôn nuôn phát đạt. Chúng tôi đã hết sức nàm việc, và có nễ núc đầu chúng tôi sống hơi gay go một chút, nhưng chúng tôi vẫn nuôn nuôn phát đạt. Về việc nuôi cừu cũng như nuôi bò, về việc này và về việc khác, bao giờ chúng tôi cũng hết sức sung túc. Hình như chúng tôi được trời phù hộ thì phải", ông Pécgôti nói cúi đầu có vẻ kính cẩn, "và chúng tôi chỉ có phát đạt mà thôi. Cố nhiên phải nâu dài mới thành công được. Nếu như hôm qua không phát đạt thì hôm nay. Nếu như hôm nay vẫn chưa phát đạt thì ngày mai".

"Còn Emili thế nào? Ácnét và tôi cùng hỏi một lúc".

"Thưa bà sau khi bà đã chia tay nó, (nghe cháu nó đọc những lời cầu nguyện buổi chiều bên kia cái vách bằng vải khi chúng tôi ở trong rừng rậm bao giờ cũng nghe nó nhắc đến tên bà)… và khi hai cậu cháu chúng tôi không còn thấy cậu Đêvi trong cái buổi mặt trời nặn đẹp đẽ hôm ấy, cháu nó núc đầu buồn rầu đến nỗi, nếu cháu nó biết được điều mà cậu Đêvi đã che giấu chúng tôi một cách tế nhị và nhân từ như vậy, thì tôi nghĩ rằng cháu nó sẽ khô héo mất. Nhưng trên tàu có những người nghèo mắc bệnh và nó săn sóc những người ấy; nại có những đứa trẻ trong nhóm chúng tôi và nó cũng săn sóc chúng; và cứ thế nó bận bịu, nó nàm việc thiện và điều đó đã giúp đỡ nó".

"Khi nào cô ấy biết biến cố ấy lần đầu tiên?" Tôi hỏi.

"Tôi đã giấu cháu mãi sau khi nghe tin", ông Pécgôti nói, "và điều đó đã kéo dài trong một năm. Lúc bấy giờ chúng tôi sống trong một nơi cô quạnh, nhưng ở giữa những cái cây đẹp nhất trên đời với những bông hồng che phủ nhà của chúng tôi đến tận mái. Một hôm tôi đang nàm việc ở ngoài đồng thì có một khách du nịch từ miền của chúng tôi đến, từ Noócphôc hay xắpphôc gì đó của nước Anh (tôi cũng không nhớ rõ nữa) và cố nhiên chúng tôi mời ông ta vào, cho ăn uống và tiếp đãi ân cần. Đó nà điều tất cả chúng tôi đều nàm trong tất cả xứ thuộc địa. Ông ta có một tờ báo cũ có một câu chuyện kể về trận bão đã được in. Nhờ vậy cho nên cháu nó biết, khi tôi trở về chiều hôm ấy, tôi nhận thấy cháu nó biết".

Ông hạ thấp giọng khi nói những chữ này và tôi tìm thấy trên gương mặt ông vẻ nghiêm nghị mà tôi còn nhớ rất rõ.

“Điều đó có làm cho cô ấy buồn lắm không?” Chúng tôi hỏi.

“Ồ! Cũng một thời gian khá nâu đấy”, ông nói và lắc đầu, “nếu như không phải đến cả núc này. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng cảnh tịch mịch có ích cho cháu. Và cháu phải no nắng đến bao nhiêu việc về đàn gà vịt và những việc khác; công việc bận rộn đã giúp cháu thắng cơn thử thách. Tôi tự hỏi”, cậu Đêvi ạ, ông nói vẻ trầm ngâm, “không biết bây giờ cậu có nhận ra cháu Emini của tôi không?”

“Cô ấy thay đổi nhiều lắm rồi à?” Tôi hỏi.

“Tôi không biết. Ngày nào tôi cũng thấy cháu nên tôi không biết; nhưng có núc tôi có cảm tưởng như vậy. Vóc người mảnh dẻ”, ông Pécgôti nói mắt nhìn ngọn lửa, “hơi mệt mỏi, đôi mắt biếc dịu dàng và buồn buồn; gương mặt thanh tú, cái đầu xinh xắn hơi nghiêng về phía trước, giọng nói và cử chỉ chậm rãi gần như bẽn nẽn, Emini bây giờ như thế đấy!”

Chúng tôi lặng lẽ nhìn ông trong khi ông vẫn nhìn ngọn lửa.

“Có những người”, ông nói, “nói rằng cháu nó thật tình, có người khác bảo đám cưới của cháu đã bị cái chết cản trở. Không ai biết sự thật thế nào. Cháu nó có thể nấy chồng bao nhiêu nần. “Nhưng cậu ạ, cháu nó sung sướng với tôi, dè dặt khi có những người khác, thích đi rất xa đi đến đâu cũng được để dạy cho một đứa trẻ học hay săn sóc một người ốm hay giúp đám cưới một cô gái (cháu nó đã giúp đỡ rất nhiều nhưng không bao giờ đi dự đám cưới); âu yếm, dịu dàng với cậu, được mọi người yêu mến không kể già trẻ, được mọi người phiền muộn tìm đến… Emini nó như thế đấy”.

Ông giơ tay lên mặt và thở dài nhưng cố nén lại, ngước mắt và không nhìn ngọn lửa nữa.

“Thế Mácta vẫn ở với ông chứ?” Tôi hỏi.

“Mácta đã nấy chồng”, ông đáp, “vào năm thứ hai cậu Đêvi ạ. Một người trẻ tuổi làm công nhật ở trại thường ghé qua nhà chúng tôi khi mang những sản vật của ông chủ ra chợ (mỗi nần đi hơn năm trăm dặm khứ hồi) đã đề nghị nấy chị làm vợ (ở đấy đàn bà rất hiếm) và sau đấy hai người ở trong rừng. Chị có bảo tôi kể nại đời chị cho người trẻ tuổi kia. Tôi đã làm. Hai người nấy nhau và ở cách 400 dặm cách xa tất cả những tiếng nói khác ngoài tiếng nói của họ và tiếng chim hót níu no”.

“Thế còn bà Gơmmít?” Tôi hỏi.

Tôi đã đụng đến một nốt nhạc thú vị vì ông Pécgôti phá lên cười ròn rã, lấy tay xoa chân từ trên xuống dưới như ông thường làm khi đắc chí ở trong chiếc tàu từ lâu đã kéo lên cạn, ông nói:

“Cậu có tin không? Đến cả bà ấy nữa cũng có một người muốn nấy bà ta! Nếu như một anh nấu bếp của tàu thủy đã trở thành thực dân, cậu Đêvi ạ, không đề nghị nấy bà Gơmmít thì cứ treo cổ tôi đi… tôi không nói khác được”.

Tôi chưa bao giờ thấy Ácnét cười sảng khoái như vậy. Vẻ đắc chí đột ngột này của ông Pécgôti đối với nàng thú vị đến nỗi nàng không thể nhịn cười và nàng cười càng làm tôi cười và vẻ đắc chí của ông Pécgôti lại càng tăng và ông càng xoa đôi chân thật mạnh.

“Thế ý bà Gơmmít trả lời thế nào?” Tôi hỏi sau khi trở lại nghiêm trang.

“Cậu muốn tin tôi hay không tùy cậu”, ông Pécgôti nói, “nhưng bà Gơmmít đáng ný nói: “Cảm ơn ông, tôi rất cảm kích nhưng ở vào tuổi tôi người ta không thay đổi hoàn cảnh của mình” thì bà ta bỗng túm nấy một thùng nước ở bên cạnh và đổ nên đầu anh nấu bếp kia đến nỗi anh ta kêu cứu cho đến khi tôi đến để cứu anh ta”.

Ông Pécgôti buông những tiếng cười ròn rã và tôi và Ácnét cũng cười theo.

"Nhưng tôi phải nói một điều để bảo vệ danh dự người đàn bà dũng cảm ấy", ông nói tiếp, lau mặt khi chúng tôi đã kiệt sức, "đó nà bà ta đã giúp đỡ chúng tôi như bà đã hứa và thậm chí còn hơn thế nữa. Đó nà người đàn bà hay giúp đỡ nhất, trung thành nhất và có ích nhất trên đời, cậu Đêvi ạ. Tôi không khi nào thấy bà than phiền mình nghèo khổ và cô độc một phút nào, ngay cả khi chúng tôi đến nước thuộc địa và tất cả đều mới mẻ đối với chúng tôi. Còn cái việc nhớ đến ông già thì không bao giờ bà ta nàm, tôi cam đoan như vậy từ khi bà rời khỏi nước Anh!"

"Và bây giờ đến ông Micôbơ, người cuối cùng nhưng không phải người kém quan trọng trong danh sách", tôi nói. "ông ta đã trả tất cả các món nợ mà ông mắc ở đây ngay cả món nợ đối với Trátđơn. Ácnét em còn nhớ chứ… và chúng tôi có thể cho là ông đã phát đạt. Nhưng những tin tức cuối cùng của ông ta thế nào?"

Ông Pécgôti mỉm cười, thò tay vào túi áo trong rút ra một gói nhỏ những tờ giấy sấp lại và giở ra cẩn thận một tờ báo nhỏ có vẻ ngộ nghĩnh.

"Cậu phải hiểu, cậu Đêvi ạ", ông nói, "rằng lúc này chúng tôi đã giàu rồi, đã rời khỏi rừng và đến ở tận hải cảng Mítđơn Bây ở đấy có cái mà người ta gọi là một thành phố".

"Thế ông Micôbơ có ở cạnh ông trong rừng không?"

"Có chứ", ông Pécgôti nói, "và ông ta đã hăng hái bắt tay vào việc. Tôi chưa bao giờ thấy một người nào sẵn sàng nàm việc nhiệt tình hơn. Tôi đã thấy cái trán hói của ông chảy mồ hôi dưới ánh mặt trời, cậu Đêvi ạ đến nỗi tôi tưởng nó sắp chảy ra và bây giờ ông nà trưởng quan rồi đấy".

"Trưởng quan à! Thật không?" Tôi hỏi. Ông trỏ cho tôi một bài trong tờ báo, đó là tờ thời báo của hải cảng Mitđơn Bây và tôi đọc đoạn dưới:

"Bữa tiệc mừng người bạn cao quí và công dân thuộc địa Uynkin Micôbơ, trưởng quan của tỉnh Mitđơn Bây hôm qua đã diễn ra trong phòng lớn của khách sạn và đông nghịt. Người ta tính có đến bốn mươi bảy người cùng ăn một lúc không kể những người ăn trong hành lang và trên cầu thang. Tất cả những người tiêu biểu cho lịch sự thời thượng, và quý tộc Mitđơn Bây đều chen nhau đến chúc tụng một người được yêu quí, nhiều tài năng và được mọi người biết đến như vậy. Bác sỹ Men của trường trung học Xalem, hải cảng Mitđơn Bây chủ tọa và vị khách cao quí ngồi bên phải ông ta. Khi khăn bàn được cất đi và sau khi hát bài Non Nobis (bài hát được biểu diễn rất hay trong đó chúng ta dễ dàng nhận thấy giọng hát trong trẻo của ông Uynkin Micôbơ; cậu con cả ông Micôbơ, một danh ca có tài) mọi người phấn khởi nâng cốc tỏ lòng trung thành với tổ quốc theo như thường lệ. Bác sỹ Men trong bài diễn văn cảm động chúc như sau: "Chúc vị khách cao quí, tinh hoa của thành phố chúng ta. Chúc ông đừng bao giờ rời bỏ chúng ta, nếu không phải để làm cho địa vị của mình tốt đẹp hơn và chúc rằng sự thành công của ông giữa chúng ta đạt đến một trình độ làm địa vị ông không thể nào tốt hơn được nữa!". Những tiếng hoan hô tiếp theo sau câu chúc tụng này không thể tả xiết. Nhiều lần nó vang lên rồi dịu xuống như những đợt sóng ngoài khơi. Cuối cùng mọi người im lặng và ông Uynkin Micôbơ đứng lên cám ơn. Trong tình hình hiện nay của những điều kiện của tờ báo chúng tôi, chúng tôi không dám nghĩ đến việc theo dõi người công dân cao quí của chúng ta qua tất cả những lời trơn tru và đẹp đẽ của lời đáp từ văn hoa và phong nhã của ông. Chúng tôi chỉ cần nói rằng đó là một kiệt tác về nghệ thuật hùng biện, rằng những đoạn trong đó ông nhắc đến cái nguồn gốc của con đường thành đạt của ông, và bảo những người trẻ nhất trong chủ tọa phải đề phòng những nguy hiểm của các món nợ tiền tài mà họ không trả được làm cho những người can đảm nhất trong chủ tọa cũng chảy nước mắt. Người ta lại đề nghị uống rượu chúc bác sỹ Men, bà Micôbơ (để cảm ơn, bà Micôbơ đứng ở cửa chào một cách lịch sự, ở đây cả một quần tiên xinh đẹp, đứng trên các ghế để ngắm và đồng thời làm bức tranh này thêm

phần vui vẻ); bà Ritđe Béc (nguyên là cô Micôbơ); bà Men, ông Uynkin Micôbơ (ông làm chủ tọa cười rộ bằng cách tuyên bố hóm hỉnh rằng cảm thấy mình không đủ năng lực cảm ơn bằng một bài diễn văn, nên cử tọa cho phép ông xin cảm ơn bằng cách hát một bài hát); gia đình bà Micôbơ (mà ở trong chính quốc mọi người đều biết. Không cần nói vân vân và vân vân…) khi buổi lễ kết thúc các bàn biến mất như có phép tiên. Trong số các đệ tử của Tecxikho[1] khiêu vũ cho đến khi thần mặt trời ra lệnh ra về, người ta đặc biệt nhận thấy cậu Uynkin Micôbơ và cô Hêlen xinh đẹp rực rỡ, người con gái thứ tư của bác sỹ Men".

Tôi nhìn lại tên của bác sỹ Men trong lòng sung sướng thấy lại ông Men xưa kia là thầy giáo nghèo khổ vất vả của ông trưởng quan ở Mitđơnxéc của tôi nay đã thành đạt như vậy, bỗng ông Pécgôti chỉ cho tôi thấy một đoạn khác của tờ báo. Tôi nhìn thấy tên tôi và tôi đọc đoạn dưới đây.

Kính gửi ông Đêvit Copơphin

Văn sĩ trứ danh

Thưa ông,

Đã bao năm trời tôi không có dịp nhìn tận mắt những nét mặt ông lúc này đã quen thuộc với óc tưởng tượng của những cư dân của một phần quan trọng của thế giới.

"Nhưng thưa ông, mặc dầu bị xa cách (bởi những trường hợp ra ngoài ý muốn của tôi) không được ở cạnh con người thân thiết và bạn đường thời niên thiếu, tôi vẫn không phải không theo dõi ông trong lúc ông tiến lên vùn vụt.

"Mặc dầu "biển cả mênh mông gào thét giữa chúng ta"[2] (Bơnxơ) tôi vẫn không từ chối những món ăn tinh thần mà ông đã cho chúng tôi".

"Tôi không thể nào để một con người mà chúng tôi yêu quý và kính trọng rời khỏi nơi này mà không nhân dịp cảm ơn ông một cách công khai, nhân danh tôi và tôi có thể nói thêm nhân danh tất cả những người dân ở hải cảng Mitđơn Bây về niềm vui sướng mà ông đã đem đến cho họ.

"Ông hãy tiếp tục đi! Ông không phải là người xa lạ ở đây, ông không phải không được tán thưởng. Mặc dầu xa xôi chúng tôi không phải bị bỏ rơi, buồn bã hay tôi có thể nói thêm chậm chạp[3]. Ông hãy tiếp tục đi, tiếp tục bay vút lên như đại bàng! Những người dân ở hải cảng Mitđơn Bây ít nhất cũng có thể hy vọng theo dõi con đại bàng bay với niềm vui, sự hứng thú và lợi ích của mình! Trong số những cặp mắt từ phần này của quả đất ngước về ông, bao giờ ông sẽ có, hễ còn ánh sáng và sự sống, con mắt của Uynkin Micôbơ.

Trưởng quan.

Khi nhìn vào nội dung của các trang khác trên tờ báo, tôi nhận thấy ông Micôbơ là một người thông tín viên chăm chỉ và được kính nể của tờ báo này. Trong số này lại có một bức thư khác của ông về một cái cầu. Ở đây có quảng cáo một *Tuyển tập thư* tương tự, sẽ được tái bản thành một tập xinh xắn với nhiều chỗ bổ sung và cuối cùng, bài xã luận trong tờ báo cũng là của ông.

Chúng tôi còn nói nhiều về ông Micôbơ trong nhiều buổi chiều khác ông Pécgôti sống với chúng tôi. Ông ở nhà chúng tôi trong suốt thời gian ở Luân-đôn (kéo dài đâu độ gần một tháng) và cô em đến Luân-đôn cùng với cô tôi để thăm ông. Khi ông từ giã chúng tôi, Ácnét và tôi lên tàu tiễn ông khi ông ra đi và trên mặt đất này đó là lần chúng tôi từ biệt nhau cuối cùng.

Nhưng trước khi ra đi ông cùng tôi đến Yácmao để nhìn cái mộ chí nhỏ ở đấy tôi đã sai đặt ở trong

nghĩa địa để tưởng nhớ đến Ham. Trong khi tôi chép lại những chữ ghi trên mộ chí, theo lời yêu cầu của ông, ông cúi xuống lượm một nắm cỏ và ít đất trên mộ.

"Cái này là để cho Emini", ông bảo tôi, và nhét nó vào túi áo trong. "Tôi đã hứa với cháu nó, Đêvi ạ".

---

[1] Nữ thần khiêu vũ.

[2] Câu thơ của Bơnxơ.

[3] Bốn tính từ này lấy trong bài thơ "Người du lịch" của Olivơ Gônxmit. "Người du lịch" của Olivơ Gônxmit.

Chương LXIV
NHÌN LẠI QUÁ KHỨ LẦN CUỐI CÙNG

Và bây giờ câu chuyện của tôi đã hết. Tôi nhìn lại phía sau một lần nữa…, lần cuối cùng trước khi chấm dứt những trang này.

Tôi thấy tôi đi cạnh Ácnét trên đường đời. Tôi thấy con cái và bạn bè chung quanh chúng tôi; và trong khi bước đi tôi nghe tiếng nói ầm ĩ không phải thờ ơ với chúng tôi.

Trong đám đông thoáng qua kia có những gương mặt nào nổi bật nhất kìa?

Họ đều quay về phía tôi khi tôi nêu lên câu hỏi này:

Đây là cô tôi, đeo kính dày hơn, lúc này cô tôi đã là một bà già hơn tám mươi tuổi nhưng đi vẫn còn thẳng và có thể đi hàng sáu dặm một mạch giữa mùa đông.

Pécgôti chị nhũ mẫu già của tôi bao giờ cũng ở cạnh cô tôi, cũng mang kính như vậy, vẫn quen may vá đầu chị sát ngọn đèn nhưng không bao giờ làm việc mà không có mẩu nến nhỏ, cái thước cuốn trong một cái nhà nhỏ và cái hộp đồ may trên nắp hộp vẽ nhà thờ Xanh Pôn.

Gò má và cánh tay của chị Pécgôti mà trong thời niên thiếu tôi thấy cứng và đỏ đến nỗi tôi tự hỏi tại sao chim chóc không mổ vào đấy chẳng hơn mổ vào táo hay sao, thì nay đã nhăn nheo và đôi mắt trước kia làm xung quanh gương mặt tối lại, lúc này đã mờ đi (mặc dầu còn lấp lánh), nhưng ngón tay trỏ sần sùi trước kia làm tôi nghĩ đến cái chà nhục đậu khấu lúc này vẫn thế. Và khi tôi thấy đứa con nhỏ nhất của tôi túm lấy nó để chập chững bước từ cô tôi đến chị, tôi nghĩ đến cái phòng khách của tôi ngày trước khi tôi mới bước chập chững. Sự thất vọng ngày xưa của cô tôi giờ đã hết. Cô tôi là mẹ đỡ đầu của một Bétxi Trốtút bằng xương thịt và Đôra (đứa sau) nói rằng bà nó cưng chị nó.

Trong túi Pécgôti có một cái gì cồm cộm. Có gì đâu, đó là quyển sách cá sấu lúc này rách tả tơi với một vài trang bị xé và được may lại, nhưng chị vẫn đưa cho bọn trẻ xem như một bảo vật thiêng liêng. Tôi cảm thấy ngộ nghĩnh khi thấy gương mặt trẻ con của chính tôi từ những câu chuyện về cá sấu ngước lên nhìn tôi và tôi nhớ lại ông bạn cũ của tôi là Bơrúc ở Sépphin. Giữa những đứa con trai của tôi, trong những ngày nghỉ hè tôi thấy một ông già làm những cái diều to tướng và ngắm chúng tôi với niềm vui khôn xiết, ông tiếp tôi niềm nở và bảo thầm tôi, gật đầu lia lịa nheo mắt luôn luôn:

"Anh Trốtút ạ, anh sẽ bằng lòng khi biết tôi sẽ viết xong quyển *Hồi ký* khi tôi không có việc gì khác phải làm và cô anh là người đàn bà tuyệt diệu nhất trên đời!"

Bà cụ lưng còng chống gậy với gương mặt còn phảng phất vẻ đẹp và kiêu ngạo ngày xưa, đang sống vật vờ giữa cảnh mê sảng đờ đẫn và tâm trí cáu gắt buồn bực là ai thế? Bà ở trong vườn và cạnh bà là người đàn bà sôi nổi ủ dột tàn héo với vết sẹo trắng trên môi. Hãy lắng nghe họ nói gì với nhau.

"Rôda, tôi không nhớ ông ấy tên gì?"

Rôda cúi đầu về phía bà nói: "Ông Copơphin".

"Tôi rất sung sướng được thấy anh. Tôi rất buồn khi anh có tang. Tôi hy vọng thời gian sẽ làm anh dịu bớt nỗi buồn".

Người đứng bên cạnh sốt ruột trách bà, bảo bà rằng tôi không có tang nữa và ra lệnh cho bà nhìn tôi lần nữa tìm cách thức tỉnh bà.

"Anh đã thấy con tôi, có phải không?" Bà hỏi tôi. "Hai người đã hòa giải với nhau rồi chứ?". Đoạn trố mắt nhìn tôi, giơ tay lên trán rền rĩ. Bỗng bà kêu lên giọng kinh khủng.

"Rôda đến đây, nó chết rồi!"

Rôda quỳ dưới chân bà khi thì vuốt ve khi thì cãi cọ với bà khi thì nói tàn nhẫn:

"Tôi yêu anh ấy còn hơn bà nữa."

Khi tìm cách làm bà dịu đi và ru bà trong lòng như ru đứa con đang ốm. Trong tình cảnh ấy, tôi từ biệt họ và lần nào gặp họ tôi cũng thấy như vậy. Thời gian của họ trôi qua như vậy, hết năm này sang năm khác.

Chiếc tàu nào ở Ấn-độ về đấy và cái bà người Anh lấy một ông Thạch sùng Xcôtlân tai to luôn càu nhàu là ai thế? Có phải đó là Julia Min ư?

Phải, đúng là Julia Min một bà cáu kỉnh và xinh đẹp theo sau là một người da đen để mang danh thiếp và thư cho bà trên một cái khay bằng vàng và một người đàn bà da ngăm đen mặt đồ vải, quấn khăn quàng sặc sỡ, đang phục vụ bà trong phòng trang điểm. Nhưng bây giờ Julia không viết nhật ký nữa. Cô ta không bao giờ hát "Bài hát đưa ma của tình yêu"; cô ta luôn luôn cãi cọ với cái ông Thạch sùng người Xcôtlân là một thứ gấu màu vàng có lớp da rám nắng. Julia đã ngập vào tiền bạc đến tận cổ và không nói không nghĩ đến việc gì khác. Thà tôi thấy cô ta giữa sa mạc Xahara còn hơn.

Hay có lẽ *bây giờ* cô ta đang ở giữa sa mạc! Bởi vì mặc dầu Julia có một ngôi nhà đồ sộ nhiều khách khứa và ngày nào cũng mở tiệc nhưng cạnh cô tôi không thấy có một mầm xanh nào không có cái gì có thể đâm hoa kết quả. Tôi rất biết các tân khách của Julia trong số này tôi biết ông Jăc Manđơn lúc này chễm chệ ở địa vị sang trọng của mình, chế nhạo bàn tay đã cho ông ta cái chức vị ấy và nói với tôi về bác sỹ như một con người "đã cổ lỗ một cách đáng yêu" Nhưng cô Julia ơi, nếu như danh từ "tân khách" dùng để chỉ những ông và những bà cũng giả dối như thế và nếu như giáo dục quý báu của cô là ở chỗ tỏ vẻ thờ ơ đối với tất cả những cái gì có thể xúc tiến hay kìm hãm sự tiến bộ của nhân loại thì tôi nghĩ rằng chúng ta đã lạc vào cái sa mạc Xahara trứ danh và phải tìm cách thoát ra mới được.

Và đây là bác sỹ bao giờ cũng là người bạn tốt của chúng tôi đang làm quyển tự điển (đến đâu chữ Đ) sống sung sướng với bà vợ trong ngôi nhà của mình. Và cả vị cựu chiến binh lúc này giữ một địa vị kém đi nhiều và hoàn toàn không có nhiều ảnh hưởng như trước.

Làm việc trong phòng giấy của mình ở in Tempơn, có vẻ bận rộn và với cái đầu tóc (ở chỗ nào cậu ta không hói), còn rối tung hơn bao giờ hết vì luôn luôn bị cọ xát dưới mớ tóc giả của vị luật gia đó là ông bạn cũ Trátđơn của tôi trong thời gian sau này. Bàn cậu đầy những chồng sách dầy cộp và tôi đưa mắt nhìn quanh, bảo:

"Trátđơn ạ nếu Xôphi bây giờ làm nhân viên cho cậu thì cô sẽ chẳng thiếu việc làm".

"Cậu có thể nói như vậy, Copơphin ạ! nhưng dẫu sao những ngày sống ở tòa án Hônbooc cũng là thời tuyệt diệu có phải không nào?"

"Cái ngày mà cô ấy bảo cậu sẽ thành quan tòa chứ gì? Nhưng trong tất cả thành phố lúc bấy giờ người ta chưa nói đến chuyện đó.

"Dẫu sao", Trát đơn nói, "Nếu như mình trở thành…"

"Ồ kìa! Cậu thừa biết cậu sẽ thành".

"Này Copơphin khi mình thành quan tòa mình sẽ kể câu chuyện như mình đã nói."

Chúng tôi khoác tay nhau đi. Tôi đến ăn chiều ở nhà Trátđơn. Hôm ấy là ngày sinh nhật Xôphi. Và trong khi đi Trátđơn nói cho tôi nghe về hạnh phúc của cậu.

“Copơphin ạ, mình đã làm được tất cả những điều mình quan tâm đến nhất Mục sư Hôrát bây giờ được số tiền lương nỗi năm 450 bảng. Hai đứa con trai mình được hưởng sự giáo dục tốt đẹp nhất và tỏ ra là những đứa học trò chăm chỉ và những người tốt. Ba cô chị em vợ đã lấy chồng sung túc lắm còn ba người nữa thì còn sống ở nhà mình. Lại còn ba người nữa coi việc gia đình của mục sư Hôrát từ khi bà Crulơ mất đi và họ đều sung sướng.”

“Không kể…”, tôi nói.

“Không kể Người đẹp, phải đấy”, Trátđơn nói. “Rất tiếc rằng cô ấy đã lấy một thằng cha không ra gì nhưng nó cũng có mã và có thớ người nên làm cô ấy mê tít. Dẫu sao bây giờ cô ấy đã ở yên ổn ở nhà mình và đã thoát khỏi thằng chồng, bây giờ chúng mình chỉ cần an ủi cô ta nữa mà thôi”.

Ngôi nhà Trátđơn chính là (hay có thể là) một trong những ngôi nhà mà Xôphi và cậu xưa kia buổi chiều thường đi xem. Đó là một ngôi nhà lớn nhưng Trátđơn cất giấy tờ của mình trong phòng rửa mặt, ở đấy chúng nằm cạnh những đôi giày của cậu, còn hai vợ chồng chen nhau ở căn phòng gần mái bởi vì họ giành những căn phòng đẹp nhất tốt nhất cho Người đẹp và các cô gái. Trong nhà không bao giờ có một phòng để trống, bởi vì các cô ở đấy (và xưa nay bao giờ cũng thế vì một lý do này hay lý do khác và số các cô này đông đến nỗi tôi không tính xuể). Đây là cả một nhóm chen nhau chạy xuống cầu thang đến cánh cửa và chuyền Trátđơn cho nhau để mọi người hôn cho đến khi cậu hết cả hơi. Và đây là Người đẹp tội nghiệp đã góa bụa với con bé ở đấy vĩnh viễn. Đây là ba cô gái đã lấy chồng với chồng của họ được mời đến dự lễ sinh nhật Xôphi cùng với những người anh của một người chồng và người anh họ của một người khác và người chị của người thứ ba, người này theo tôi là hứa hôn với người anh họ này. Trátđơn trước sau vẫn là con người giản dị, không thay đổi, như xưa nay cậu vẫn thế, đang ngồi ở cuối cái bàn rộng như một vị gia trưởng; và Xôphi đôi mắt sáng từ đầu kia bàn nhìn cậu, trên bàn lấp lánh những dao nĩa không còn làm bằng kim khí nước Anh.

Và bây giờ tôi chấm dứt. Tôi phải vất vả mới khắc phục được ý muốn nói nữa và những gương mặt kia mờ đi. Nhưng một gương mặt phản chiếu xuống tôi như một ánh sáng trên trời làm tôi thấy tất cả mọi sự vật khác, nhưng lại vượt lên trên tất cả các vật ấy. Gương mặt ấy không biến mất.

Tôi quay đầu, nhìn thấy nó bên cạnh tôi với vẻ đẹp trong sáng. Ngọn đèn đã cạn bấc, tôi đã viết rất khuya; nhưng con người thân yêu mà không có nàng tôi sẽ không là cái gì hết, vẫn ở cạnh tôi.

Ôi Ácnét! Ôi tâm hồn anh, mong sao gương mặt em sẽ ở bên anh khi anh nhắm mắt. Lúc đó khi những điều thực tế biến đi như những bóng hình đang mờ đi trong ký ức anh, anh sẽ còn thấy em cạnh anh, ngón tay chỉ lên trời!

———HẾT———

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Mục lục

LỜI GIỚI THIÊU

LỜI TƯA

Chương I TÔI RA ĐỜI

Chương II TÔI QUAN SÁT

Chương III MÔT SƯ THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TÔI

Chương IV TÔI BI GHÉT BỎ

Chương V TÔI BI TỐNG KHỎI NHÀ

Chương VI TÔI MỞ RÔNG PHAM VI GIAO THIÊP

Chương VII HOC KỲ THỨ NHẤT CỦA TÔI Ở XALEM HOC HIÊU

Chương VIII NHỮNG NGÀY NGHỈ HÈ CỦA TÔI, MÔT BUỔI CHIỀU HANH PHÚC

Chương IX TÔI CÓ MÔT NGÀY SINH NHÂT ĐÁNG GHI NHỚ

Chương X NGƯỜI TA BỎ RƠI TÔI VÀ TÔI KIẾM KẾ SINH NHAI

Chương XI TÔI BẮT ĐẦU KIẾM KẾ SINH NHAI: TÔI KHÔNG THẤY THÍCH THÚ GÌ CẢ

Chương XII SỞ THÍCH KIẾM KẾ SINH NHAI CỦA TÔI CŨNG KHÔNG TĂNG THÊM VÀ TÔI QUYẾT ĐINH MÔT VIÊC QUAN TRONG

Chương XIII HÂU QUẢ CỦA QUYẾT ĐINH CỦA TÔI

Chương XIV CÔ TÔI QUYẾT ĐINH VỀ SỐ PHẬN TÔI

Chương XV TÔI LAI BẮT ĐẦU

Chương XVI TÔI LÀ MÔT ĐỨA TRẺ MỚI MẺ VỀ NHIỀU MĂT

Chương XVII MÔT NGƯỜI NÀO ĐÓ XUẤT HIÊN

Chương XVIII NHÌN LAI QUÁ KHỨ

Chương XIX TÔI NHÌN XUNG QUANH TÔI VÀ PHÁT HIÊN ĐƯƠC MÔT ĐIỀU

Chương XX Ở NHÀ XTIẾCPHOÓC

Chương XXI BÉ EMILI

Chương XXII MÔT VÀI CẢNH CŨ VÀ MÔT VÀI NGƯỜI MỚI

Chương XXIII NHỮNG LỜI NÓI CỦA ÔNG ĐÍCH ĐƯƠC XÁC NHÂN VÀ TÔI CHON MÔT NGHỀ

Chương XXIV HÀNH ĐÔNG BỪA BÃI ĐẦU TIÊN

Chương XXV TIÊN và QUỶ

Chương XXVI TÔI BI CẦM TÙ

Chương XXVII TOMMI TRATĐƠN

Chương XXVIII LỜI THÁCH THỨC CỦA ÔNG MICÔBƠ

Chương XXIX TÔI LAI ĐẾN NHÀ XTIẾCPHOÓC THĂM CÂU TA

Chương XXX MỘT TỔN THẤT

Chương XXXI MỘT TỔN THẤT LỚN HƠN

Chương XXXII BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT CUỘC DU LỊCH DÀI

Chương XXXIII NGÂY NGẤT

Chương XXXIV CÔ TÔI LÀM TÔI SỬNG SỐT

Chương XXXV CHÁN NẢN

Chương XXXVI PHẤN KHỞI

Chương XXXVII MỘT GÁO NƯỚC LẠNH

Chương XXXVIII SỰ CÔNG TÁC CHẤM DỨT

Chương XXXIX UÝCHCƠPHIN VÀ HIP

Chương XL CON NGƯỜI LANG THANG

Chương XLI NHỮNG NGƯỜI CÔ CỦA ĐÔRA

Chương XLII TÀN ÁC

Chương XLIII LAI NHÌN VỀ QUÁ KHỨ

Chương XLIV CHÚNG TÔI LO VIỆC NỘI TRỢ

Chương XLV ÔNG ĐÍCH THỰC HIỆN LỜI TIÊN ĐOÁN CỦA CÔ TÔI

Chương XLVI TIN TỨC

Chương XLVII MÁCTA

Chương XLVIII VIỆC GIA ĐÌNH

Chương XLIX TÔI BỊ LÔI CUỐN VÀO MỘT ĐIỀU BÍ MẬT

Chương L GIẤC MƠ CỦA ÔNG PÉCGÔTI ĐƯỢC THỰC HIỆN

Chương LI MỘT CUỘC DU LỊCH DÀI HƠN BẮT ĐẦU

Chương LII TÔI DỰ VÀO MỘT CUỘC BÙNG NỔ

Chương LIII LAI NHÌN LAI QUÁ KHỨ

Chương LIV NHỮNG CÁCH THU XẾP CỦA ÔNG MICÔBƠ

Chương LV CƠN BÃO

Chương LVI VẾT THƯƠNG MỚI VÀ VẾT THƯƠNG CŨ

Chương LVII NHỮNG NGƯỜI XUẤT DƯƠNG

Chương LVIII VẮNG MẶT

Chương LIX TRỞ VỀ

Chương LX ÁCNÉT

Chương LXI NGƯỜI TA CHỈ CHO TÔI THẤY HAI TÊN TÙ ĐÁNG CHÚ Ý

Chương LXII MỘT ÁNH SÁNG CHIẾU TRÊN ĐƯỜNG ĐI CỦA TÔI

Chương LXIII MỘT NGƯỜI KHÁCH

Chương LXIV NHÌN LẠI QUÁ KHỨ LẦN CUỐI CÙNG